UBND TỈNH TÂY NINH **SỞ XÂY DỰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 11166 /TB-SXD	*Tây Ninh, ngày 09 tháng 9 năm 2026*

CÔNG BỐ
Giá vật liệu xây dựng tại thị trường tỉnh Tây Ninh
Tháng 8 năm 2026 (từ ngày 01/8/2026 đến ngày 31/8/2026)

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15 ngày 19/6/2023;

Căn cứ Căn cứ Nghị định số 209/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 60/2025/TT-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số nội dung các Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng; Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình và Thông tư số 14/2021/TT-BXD ngày 08/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định chi phí bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 37/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 hướng dẫn phương pháp xác định định mức dự toán và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2026);

Căn cứ Quyết định số 737/QĐ-BXD ngày 05/9/2022 của Bộ Xây dựng ban hành Quy chế quản lý, vận hành, cung cấp thông tin, khai thác, sử dụng hệ thống cơ sở dữ liệu về định mức xây dựng, giá xây dựng công trình và chỉ số giá xây dựng, để phục vụ cập nhật hệ thống cơ sở dữ liệu; Công văn số 7335/BXD-KTQLXD ngày 24/7/2025 của Bộ Xây dựng về việc thực hiện rà soát, công bố giá VLXD, đơn giá nhân công, giá ca máy và thiết bị thi công, chỉ số giá xây dựng tại địa phương;

Căn cứ Quyết định số 43/2026/QĐ-UBND ngày 24/3/2026 của UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quy định về phân cấp, phân công trách nhiệm quản lý và thực hiện dự án đầu tư công, dự án đầu tư xây dựng công trình, quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Sở Xây dựng công bố Bảng giá vật liệu xây dựng (VLXD) tháng 8 năm 2026 trên thị trường tỉnh Tây Ninh:

1. Bảng giá vật liệu kèm theo Công bố này là giá các vật liệu bình quân phổ biến, đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam về sản phẩm, hàng hóa VLXD được xác định trên cơ sở khảo sát mặt bằng giá bán lẻ theo bảng kê khai giá của các đơn vị, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh VLXD trên địa bàn tỉnh; làm cơ sở để các tổ chức, cá nhân **tham khảo** (***không mang tính bắt buộc phải áp dụng***) trong quá trình xác định giá, lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình, không dùng để thanh quyết toán. Việc thanh quyết toán chi phí phải thực hiện phù hợp theo quy định pháp luật hiện hành.

2. Tổ chức, cá nhân liên quan khi sử dụng thông tin về giá vật liệu để lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình:

- Trường hợp giá vật liệu trong công bố giá chưa phù hợp với giá thực tế thì chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức khảo sát, xác định nguồn cung cấp, giá bán buôn, cự ly vận chuyển, loại đường tại thời điểm lập dự toán một cách hợp lý nhất để xác định giá vật liệu đến chân hiện trường theo quy định.

- Chủ đầu tư, đơn vị tư vấn khi sử dụng thông tin về giá vật liệu để lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình cần căn cứ vào địa điểm của công trình, địa điểm cung cấp vật tư, khối lượng vật liệu sử dụng, mục tiêu đầu tư, tính chất của công trình, điều kiện xây dựng, yêu cầu về thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật và quy định về quản lý chất lượng công trình để xem xét, lựa chọn loại vật liệu hợp lý và xác định giá vật liệu phù hợp với yêu cầu đặc thù của công trình, mặt bằng giá thị trường tại thời điểm xác định chi phí và khu vực xây dựng công trình, đáp ứng mục tiêu đầu tư, chống thất thoát, lãng phí.

- Khuyến khích lựa chọn vật liệu tiết kiệm tài nguyên khoáng sản, tiết kiệm năng lượng, thân thiện môi trường khi lập báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế xây dựng và xác định chi phí đầu tư xây dựng cho công trình, dự án nhưng phải đảm bảo hiệu quả đầu tư và đáp ứng yêu cầu của dự án; trường hợp dự án có yêu cầu phải sử dụng vật liệu xây dựng đặc thù, không phổ biến trên thị trường hoặc sử dụng vật liệu nhập khẩu thì phải thuyết minh cụ thể trong Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật và thuyết minh thiết kế theo quy định.

- Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm khi lựa chọn sử dụng thông tin giá vật liệu trong Bảng công bố này, chịu trách nhiệm quản lý chi phí đầu tư xây dựng

theo đúng quy định của Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025 và các quy định hiện hành có liên quan.

3. Đối với giá đất san lấp: Thực hiện tổng hợp công bố giá trên cơ sở đăng ký kê khai giá của các đơn vị gửi tới Sở Xây dựng; Căn cứ vị trí công trình, dự án, chủ đầu tư chịu trách nhiệm lựa chọn vị trí mỏ phù hợp, đảm bảo giá đất tại công trình thấp nhất và hiệu quả nhất cho dự án.

Chủ đầu tư và tư vấn cần kiểm tra, kiểm soát kỹ chất lượng cát đen trước khi sử dụng cho công trình để đảm bảo theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật yêu cầu trong hồ sơ thiết kế của từng công trình. Giá của loại vật liệu này phải phù hợp với biện pháp thi công, độ chặt san lấp và các quy định có liên quan.

4. Đối với các loại vật liệu chống cháy, các đơn vị cần lưu ý xem xét, đánh giá theo các yêu cầu kỹ thuật của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn cháy cho nhà và công trình và các tiêu chuẩn kỹ thuật bắt buộc áp dụng được viện dẫn trong quy chuẩn, theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy.

5. Đề nghị các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh các loại vật liệu được công bố giá:

- Cung cấp đầy đủ thông tin về hoạt động sản xuất, kinh doanh, giá và chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo quy định pháp luật khi cơ quan quan lý nhà nước có yêu cầu và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của thông tin đã cung cấp.

- Thực hiện các nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh theo quy định pháp luật về hoạt động doanh nghiệp, thương mại, giá, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng sản phẩm, hàng hóa và các quy định khác có 1iên quan.

- Không vi phạm các hành vi bị cấm trong hoạt động sản xuất và kinh doanh sản phẩm, hàng hóa theo quy định pháp luật.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc có biến động giá, đề nghị các đơn vị phản ánh về Sở Xây dựng (thông qua phòng Vật liệu xây dựng, môi trường) để được xem xét, hướng dẫn theo quy định.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Cục KT-QLĐTXD - Bộ Xây dựng;
- Cục Quản lý giá - Bộ Tài chính;
- UBND tỉnh (b/c);
- Các sở: CT, TC, NN&MT;
- Ban QLDA ĐTXD chuyên ngành;
- UBND 96 xã, phường tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KT/KT, HT và ĐT 96 xã, phường;
- Trang TTĐT SXD;
- Lưu: VT, VLXDMT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ XÂY DỰNG
TỈNH TÂY NINH

Lưu Văn Khánh

GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG CÔNG BỐ THÁNG 08/2026 - KHU VỰC LONG AN CŨ

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1	Xi măng	Xi măng Supreme Power PCB40	bao	QCVN 16:2019/BXD	Bao 50kg	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	(Báo giá có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	82,100	82,100	82,100	82,100	82,100	82,100	82,100	82,100	82,100	82,100	82,100	82,100	82,100	82,100	82,100
2	Xi măng	Xi măng fico PCB40 - Tây Ninh	bao	QCVN 16:2019/BXD	Bao 50kg	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	(Báo giá có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	91,400	91,400	91,400	91,400	91,400	91,400	91,400	91,400	91,400	91,400	91,400	91,400	91,400	91,400	91,400
3	Xi măng	Xi măng fico PCB40 - Hiệp Phước	bao	QCVN 16:2019/BXD	Bao 50kg	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	(Báo giá có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	91,400	91,400	91,400	91,400	91,400	91,400	91,400	91,400	91,400	91,400	91,400	91,400	91,400	91,400	91,400
4	Xi măng	Xi măng Supreme Standard PCB40 -Tây Ninh	bao	QCVN 16:2019/BXD	Bao 50kg	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	(Báo giá có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	80,300	80,300	80,300	80,300	80,300	80,300	80,300	80,300	80,300	80,300	80,300	80,300	80,300	80,300	80,300
5	Xi măng	Xi măng Supreme Standard PCB40 - Hiệp Phước	bao	QCVN 16:2019/BXD	Bao 50kg	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	(Báo giá có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	80,300	80,300	80,300	80,300	80,300	80,300	80,300	80,300	80,300	80,300	80,300	80,300	80,300	80,300	80,300
6	Xi măng	Xi măng Supreme Standard PCB40 -Binh Dương	bao	QCVN 16:2019/BXD	Bao 50kg	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	(Báo giá có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	80,300	80,300	80,300	80,300	80,300	80,300	80,300	80,300	80,300	80,300	80,300	80,300	80,300	80,300	80,300
7	Xi măng	Xi măng xanh Eco, PCB40	bao	QCVN 16:2019/BXD	Bao 50kg	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	(Báo giá có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	82,100	82,100	82,100	82,100	82,100	82,100	82,100	82,100	82,100	82,100	82,100	82,100	82,100	82,100	82,100
8	Xi măng	Xi măng Hà Tiên Miền Đông PCB40	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	(Báo giá có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	84,000	84,000	84,000	84,000	84,000	84,000	84,000	84,000	84,000	84,000	84,000	84,000	84,000	84,000	84,000
9	Xi măng	Xi măng Phoenix	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	(Báo giá có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	80,300	80,300	80,300	80,300	80,300	80,300	80,300	80,300	80,300	80,300	80,300	80,300	80,300	80,300	80,300
10	Xi măng	Xi măng Premium Phoenix	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	(Báo giá có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	82,100	82,100	82,100	82,100	82,100	82,100	82,100	82,100	82,100	82,100	82,100	82,100	82,100	82,100	82,100
11	Xi măng	Xi măng pooc lăng hỗn hợp bền sun phát PCB 40-MS	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	(Báo giá có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	97,500	97,500	97,500	97,500	97,500	97,500	97,500	97,500	97,500	97,500	97,500	97,500	97,500	97,500	97,500
12	Xi măng	Xi măng pooc lăng hỗn hợp bền sun phát PCB BFS40-HS xá	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	(Báo giá có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	95,000	95,000	95,000	95,000	95,000	95,000	95,000	95,000	95,000	95,000	95,000	95,000	95,000	95,000	95,000
13	Xi măng	Xi măng pooc lăng xi lò cao loại 1 (PCBBFS50)	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	(Báo giá có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	91,545	91,545	91,545	91,545	91,545	91,545	91,545	91,545	91,545	91,545	91,545	91,545	91,545	91,545	91,545
14	Xi măng	Xi măng pooc lăng xi lò cao loại 1 (PCBBFS40)	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	(Báo giá có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	91,545	91,545	91,545	91,545	91,545	91,545	91,545	91,545	91,545	91,545	91,545	91,545	91,545	91,545	91,545
15	Xi măng	Xi măng pooc lăng xi lò cao loại 2 (PCBBFS50)	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	(Báo giá có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	91,545	91,545	91,545	91,545	91,545	91,545	91,545	91,545	91,545	91,545	91,545	91,545	91,545	91,545	91,545
16	Xi măng	Xi măng pooc lăng xi lò cao loại 2 (PCBBFS40)	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	(Báo giá có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	91,545	91,545	91,545	91,545	91,545	91,545	91,545	91,545	91,545	91,545	91,545	91,545	91,545	91,545	91,545
17	Xi măng	Xi măng pooc lăng hỗn hợp PCB 50-MS dạng xá	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	(Báo giá có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	90,045	90,045	90,045	90,045	90,045	90,045	90,045	90,045	90,045	90,045	90,045	90,045	90,045	90,045	90,045
18	Xi măng	Xi măng pooc lăng hỗn hợp PCB 40-MS dạng xá	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	(Báo giá có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	95,045	95,045	95,045	95,045	95,045	95,045	95,045	95,045	95,045	95,045	95,045	95,045	95,045	95,045	95,045
19	Xi măng	Xi măng Fico PCB50 dạng xá	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	(Báo giá có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	94,000	94,000	94,000	94,000	94,000	94,000	94,000	94,000	94,000	94,000	94,000	94,000	94,000	94,000	94,000
20	Xi măng	Xi măng pooc lăng hỗn hợp bền sun phát PCMSR 50	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	(Báo giá có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	96,500	96,500	96,500	96,500	96,500	96,500	96,500	96,500	96,500	96,500	96,500	96,500	96,500	96,500	96,500
21	Xi măng	Xi măng pooc lăng hỗn hợp bền sun phát PCMSR 40	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	(Báo giá có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	96,500	96,500	96,500	96,500	96,500	96,500	96,500	96,500	96,500	96,500	96,500	96,500	96,500	96,500	96,500
22	Xi măng	Xi măng pooc lăng hỗn hợp bền sun phát PCB50-MS	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	(Báo giá có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	94,045	94,045	94,045	94,045	94,045	94,045	94,045	94,045	94,045	94,045	94,045	94,045	94,045	94,045	94,045
23	Xi măng	Xi măng Việt Nhật PCB 40	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty TNHH MTV VLXD Xanh HAMACO	Việt Nam	Giá có thể thay đổi theo điều kiện thanh toán và giao hàng	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000
24	Xi măng	Xi măng Việt Mỹ PCB40	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty TNHH MTV VLXD Xanh HAMACO	Việt Nam	Giá có thể thay đổi theo điều kiện thanh toán và giao hàng	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000
25	Xi măng	Xi măng Tây Nam PCB40	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty TNHH MTV VLXD Xanh HAMACO	Việt Nam	Giá có thể thay đổi theo điều kiện thanh toán và giao hàng	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000
26	Xi măng	Xi măng Việt Nhật cao cấp PCB40	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty TNHH MTV VLXD Xanh HAMACO	Việt Nam	Giá có thể thay đổi theo điều kiện thanh toán và giao hàng	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	125,000	125,000	125,000	125,000	125,000	125,000	125,000	125,000	125,000	125,000	125,000	125,000	125,000	125,000	125,000
27	Xi măng	Xi măng Việt Nhật bền Sunphat PCB40-MS	bao	TCVN 7711:2013	Bao 50kg	Công ty TNHH MTV VLXD Xanh HAMACO	Việt Nam	Giá có thể thay đổi theo điều kiện thanh toán và giao hàng	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	125,000	125,000	125,000	125,000	125,000	125,000	125,000	125,000	125,000	125,000	125,000	125,000	125,000	125,000	125,000
28	Xi măng	Xi măng Hà Tiên Gold PCB40	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty TNHH MTV VLXD Xanh HAMACO	Việt Nam	Giá có thể thay đổi theo điều kiện thanh toán và giao hàng	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000
29	Xi măng	Xi măng Hà Tiên Expo PCB40	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty TNHH MTV VLXD Xanh HAMACO	Việt Nam	Giá có thể thay đổi theo điều kiện thanh toán và giao hàng	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000
30	Xi măng	Xi măng Ngân Sơn PCB40	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty TNHH MTV VLXD Xanh HAMACO	Việt Nam	Giá có thể thay đổi theo điều kiện thanh toán và giao hàng	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000
31	Xi măng	Xi măng bền Sunphat Việt Nhật PCB50 HS	bao	TCVN 7711:2013	Bao 50kg	Công ty TNHH MTV VLXD Xanh HAMACO	Việt Nam	Giá có thể thay đổi theo điều kiện thanh toán và giao hàng	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	130,000	130,000	130,000	130,000	130,000	130,000	130,000	130,000	130,000	130,000	130,000	130,000	130,000	130,000	130,000
32	Xi măng	Xi măng xá Việt Nhật xi lò cao PCB I40	bao	TCVN 4316:2007	Bao 50kg	Công ty TNHH MTV VLXD Xanh HAMACO	Việt Nam	Giá có thể thay đổi theo điều kiện thanh toán và giao hàng	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	107,500	107,500	107,500	107,500	107,500	107,500	107,500	107,500	107,500	107,500	107,500	107,500	107,500	107,500	107,500
33	Xi măng	Xi măng xá Việt Nhật xi lò cao PCB II40	bao	TCVN 4316:2007	Bao 50kg	Công ty TNHH MTV VLXD Xanh HAMACO	Việt Nam	Giá có thể thay đổi theo điều kiện thanh toán và giao hàng	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	105,000	105,000	105,000	105,000	105,000	105,000	105,000	105,000	105,000	105,000	105,000	105,000	105,000	105,000	105,000
34	Xi măng	Xi măng xá Việt Nhật xi lò cao PCB I50	bao	TCVN 4316:2007	Bao 50kg	Công ty TNHH MTV VLXD Xanh HAMACO	Việt Nam	Giá có thể thay đổi theo điều kiện thanh toán và giao hàng	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000
35	Xi măng	Xi măng xá bền Sunphat Việt Nhật PCB40-MS	bao	TCVN 7711:2013	Bao 50kg	Công ty TNHH MTV VLXD Xanh HAMACO	Việt Nam	Giá có thể thay đổi theo điều kiện thanh toán và giao hàng	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	107,500	107,500	107,500	107,500	107,500	107,500	107,500	107,500	107,500	107,500	107,500	107,500	107,500	107,500	107,500
36	Xi măng	Xi măng xá bền Sunphat Việt Nhật PCB40-HS	bao	TCVN 7711:2013	Bao 50kg	Công ty TNHH MTV VLXD Xanh HAMACO	Việt Nam	Giá có thể thay đổi theo điều kiện thanh toán và giao hàng	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000
37	Xi măng	Xi măng xá Việt Nhật PCB40	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty TNHH MTV VLXD Xanh HAMACO	Việt Nam	Giá có thể thay đổi theo điều kiện thanh toán và giao hàng	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	105,000	105,000	105,000	105,000	105,000	105,000	105,000	105,000	105,000	105,000	105,000	105,000	105,000	105,000	105,000
38	Xi măng	Xi măng xá Việt Nhật PCB50	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty TNHH MTV VLXD Xanh HAMACO	Việt Nam	Giá có thể thay đổi theo điều kiện thanh toán và giao hàng	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	107,500	107,500	107,500	107,500	107,500	107,500	107,500	107,500	107,500	107,500	107,500	107,500	107,500	107,500	107,500

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
39	Xi măng	Vicem Hà Tiên Đa dụng - PCB40	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Nhà máy Bình Phước	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 10/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	66,435	66,435	66,435	66,435	66,435	66,435	66,435	66,435	66,435	66,435	66,435	66,435	66,435	66,435	66,435
40	Xi măng	Vicem Hà Tiên PCB40	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Trạm nghiền Hạ Long (xuất thủy/bộ)	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 10/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	68,056	68,056	68,056	68,056	68,056	68,056	68,056	68,056	68,056	68,056	68,056	68,056	68,056	68,056	68,056
41	Xi măng	Vicem Hà Tiên Đa dụng - PCB40	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Trạm nghiền Long An (xuất bộ)	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 10/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	75,463	75,463	75,463	75,463	75,463	75,463	75,463	75,463	75,463	75,463	75,463	75,463	75,463	75,463	75,463
42	Xi măng	Vicem Hà Tiên PCB40	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Trạm nghiền Long An (xuất thủy/bộ)	Mức giá được thực hiện tư ngày 10/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	76,389	76,389	76,389	76,389	76,389	76,389	76,389	76,389	76,389	76,389	76,389	76,389	76,389	76,389	76,389
43	Xi măng	Vicem Hà Tiên Đa dụng - PCB40	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Nhà máy Kiên Lương (xuất thủy)	Mức giá được thực hiện tư ngày 10/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	68,982	68,982	68,982	68,982	68,982	68,982	68,982	68,982	68,982	68,982	68,982	68,982	68,982	68,982	68,982
44	Xi măng	Vicem Hà Tiên PCB40	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Trạm nghiền Long An (xuất thủy)	Mức giá được thực hiện tư ngày 10/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	71,065	71,065	71,065	71,065	71,065	71,065	71,065	71,065	71,065	71,065	71,065	71,065	71,065	71,065	71,065
45	Xi măng	XM Vicem Hà Tiên PCB40 MS Bền Sulfat	bao	TCVN 7711:2013	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Trạm nghiền Long An (xuất thủy)	Mức giá được thực hiện tư ngày 10/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	71,991	71,991	71,991	71,991	71,991	71,991	71,991	71,991	71,991	71,991	71,991	71,991	71,991	71,991	71,991
46	Xi măng	Vicem Hà Tiên Đa dụng - PCB40	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Trạm nghiền Long An (xuất thủy)	Mức giá được thực hiện tư ngày 10/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	73,148	73,148	73,148	73,148	73,148	73,148	73,148	73,148	73,148	73,148	73,148	73,148	73,148	73,148	73,148
47	Xi măng	Vicem Hà Tiên PCB40	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Trạm nghiền Long An (xuất thủy)	Mức giá được thực hiện tư ngày 10/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	74,537	74,537	74,537	74,537	74,537	74,537	74,537	74,537	74,537	74,537	74,537	74,537	74,537	74,537	74,537
48	Xi măng	Vicem Hà Tiên Đa dụng - PCB40	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Trạm nghiền Long An (xuất thủy)	Mức giá được thực hiện tư ngày 10/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	68,982	68,982	68,982	68,982	68,982	68,982	68,982	68,982	68,982	68,982	68,982	68,982	68,982	68,982	68,982
49	Xi măng	Vicem Hà Tiên PCB40	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Trạm nghiền Long An (xuất thủy)	Mức giá được thực hiện tư ngày 10/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	71,991	71,991	71,991	71,991	71,991	71,991	71,991	71,991	71,991	71,991	71,991	71,991	71,991	71,991	71,991
50	Xi măng	Vicem Hà Tiên Green PCB40	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Trạm nghiền Phú Hữu (xuất thủy)	Mức giá được thực hiện tư ngày 10/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	67,593	67,593	67,593	67,593	67,593	67,593	67,593	67,593	67,593	67,593	67,593	67,593	67,593	67,593	67,593
51	Xi măng	Vicem Hà Tiên Xây tô	bao	TCVN 9202:2012	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Trạm nghiền Long An (xuất thủy/bộ)	Mức giá được thực hiện tư ngày 10/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	70,833	70,833	70,833	70,833	70,833	70,833	70,833	70,833	70,833	70,833	70,833	70,833	70,833	70,833	70,833
52	Xi măng	XM Vicem Hà Tiên PCB40 MS Bền Sulfat	bao	TCVN 7711:2013	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Trạm nghiền Phú Hữu, Nhà máy Kiên Lương	Mức giá được thực hiện tư ngày 10/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	77,546	77,546	77,546	77,546	77,546	77,546	77,546	77,546	77,546	77,546	77,546	77,546	77,546	77,546	77,546
53	Xi măng	Hà Tiên 2	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Trạm nghiền Phú Hữu, Nhà máy Kiên Lương	Mức giá được thực hiện tư ngày 10/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	57,407	57,407	57,407	57,407	57,407	57,407	57,407	57,407	57,407	57,407	57,407	57,407	57,407	57,407	57,407
54	Xi măng	Power Cement	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Nhà máy Bình Phước, Trạm nghiền Long An	Mức giá được thực hiện tư ngày 10/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	58,333	58,333	58,333	58,333	58,333	58,333	58,333	58,333	58,333	58,333	58,333	58,333	58,333	58,333	58,333
55	Xi măng	Xi măng bao PCB 40	bao	Phù hợp QCVN 16:2019/BXD; TCVN 6260:2009	bao 50 kg	Chi nhánh CTCP Xi Măng Thăng Long. Đc: Lô A3, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP.HCM - Đt: 0915335821. Công văn đề nghị công bố giá số 17/2026/CV-CNTL-TT ngày 22/06/2026	Việt Nam	Thanh toán theo thoả thuận	Giá bao gồm vận chuyển trong tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	78,000	78,000	78,000	78,000	78,000	78,000	78,000	78,000	78,000	78,000	78,000	78,000	78,000	78,000	78,000
56	Xi măng	Xi măng rời PCB50	tấn	Phù hợp QCVN 16:2019/BXD; TCVN 6260:2009	dạng xá rời	Chi nhánh CTCP Xi Măng Thăng Long. Đc: Lô A3, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP.HCM - Đt: 0915335821. Công văn đề nghị công bố giá số 17/2026/CV-CNTL-TT ngày 22/06/2026	Việt Nam	Thanh toán theo thoả thuận	Giá bao gồm vận chuyển trong tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	1,570,000	1,570,000	1,570,000	1,570,000	1,570,000	1,570,000	1,570,000	1,570,000	1,570,000	1,570,000	1,570,000	1,570,000	1,570,000	1,570,000	1,570,000
57	Xi măng	Xi măng Hà Tiên	bao		50kg	Vật liệu xây dựng Trung Thảo (đc: xã Trường Bình, Cần giuộc). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại cửa hàng	Mức giá ngày 12/08/2026 đến khi có đăng ký mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	97,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-
58	Xi măng	Xi măng Vicem	bao		50kg	Phiếu khảo sát tại cửa hàng khu vực Cần Đước, Tây Ninh: Vật liệu xây dựng Thuận Lợi (đc: xã Tân Trạch, Cần Đước),Cửa hàng VLXD Thành Công (đc: xã Tân Lân, Cần Đước, Long An).	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại cửa hàng	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 18/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	-	-	-	-	-	-	96,000	-	-	-	-	-	-	-	-
59	Xi măng	Xi măng Insee	bao		50kg	Vật liệu xây dựng Văn Phát. ấp 1, Thạnh Hoá, Bến Lức, Long An. (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán chưa bao gồm chi phí vận chuyển	(Mức giá được thực hiện từ 11/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	-	-	-	-	92,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
60	Xi măng	Xi măng Insee	bao		50kg	Phiếu khảo sát tại cửa hàng khu vực Mộc Hoá: Công ty TNHH Nguyễn Thân NTC. Mộc Hoá, Long An,Vật liệu xây dựng Phước Thành	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ 02/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	99,500	-	-
61	Xi măng	Xi măng Hà Tiên	bao		50kg	Công ty TNHH TMDV XD Quỳnh Khôi LA. Huyện Đức Huệ, Long An. (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán chưa bao gồm chi phí vận chuyển	(Mức giá được thực hiện từ 10/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	85,000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)															
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
62	Xi măng	Xi măng Tây Đô	bao		50kg	Công ty TNHH TMDV XD Quỳnh Khôi LA. Huyện Đức Huệ, Long An. (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán chưa bao gồm chi phí vận chuyển	(Mức giá được thực hiện từ 10/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán giảm		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	87,000
63	Xi măng	Xi măng Hà Tiên Kiên Lương	bao		50kg	Doanh nghiệp tư nhân Hoàng Phước Lộc. Huyện Tân Hưng, Long An (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại cửa hàng	Mức giá ngày 11/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	86,000	-	-	-	-	-	-
64	Xi măng	Xi măng Cần Thơ	bao		50kg	Cửa hàng VLXD Hồng Tiến. Đc: ấp 7, xã Vĩnh Công, Châu Thành, Long An. (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	-		-	87,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
65	Xi măng	Xi măng Insee	bao		50kg	Cửa hàng VLXD Tư Nhi. Đc: xã Nhựt Tảo, Tây Ninh. (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 18/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	-	95,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
66	Xi măng	Xi măng Thái PCB40 AdaMax (K)	bao			Công ty TNHH MTV VLXD Cường Tiến. 69 ấp Ông Lễ, xã Bình Hiệp, TX. Kiến Tường (phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán tại cửa hàng	Mức giá áp dụng từ 27/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Giá bán giảm	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	88,000	-	-	-
67	Xi măng	Xi măng Thái PCB40 StarMax (K)	bao			Công ty TNHH MTV VLXD Cường Tiến. 69 ấp Ông Lễ, xã Bình Hiệp, TX. Kiến Tường (phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán tại cửa hàng	Mức giá áp dụng từ 27/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	92,000	-	-	-
68	Xi măng	Xi măng SCG Nano siêu mịn PCB40(K)	bao			Công ty TNHH MTV VLXD Cường Tiến. 69 ấp Ông Lễ, xã Bình Hiệp, TX. Kiến Tường (phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán tại cửa hàng	Mức giá áp dụng từ 27/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	101,000	-	-	-
69	Xi măng	Xi măng Hà Tiên Kiên Lương	bao			Vật liệu xây dựng Nhựt Mỹ. (Đc: Huyện Vĩnh Hưng, Long A). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán tại cửa hàng	Mức giá áp dụng từ 11/08/2026 đến khi có thông báo mới.	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	90,000	-	-	-	-
70	Xi măng	Xi măng Vicem Hạ Long	bao			Phiếu khảo sát tại khu vực Tân An, Long An: VLXD Thanh Bình, Cty TNHH Thanh Nhân	Việt nam	Không có thông tin	giá tại cửa hàng	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có đăng ký mới	Giá bán giảm	85,500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
71	Xi măng	Xi măng Insee	bao			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng Khu vực huyện Đức Hoà: Cty TNHH Tín Phong Construction, VLXD Thanh Xuân	Việt nam	Không có thông tin	giá tại cửa hàng	Mức giá ngày 07/08/2026 đến khi có đăng ký mới	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	101,000	-
72	Xi măng	Xi măng Hà Tiên	bao			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng Khu vực huyện Đức Hoà: Cty TNHH Tín Phong Construction, VLXD Thanh Xuân	Việt nam	Không có thông tin	giá tại cửa hàng	Mức giá ngày 07/08/2026 đến khi có đăng ký mới	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	94,000	-
73	Xi măng	Xi măng Insee	bao			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng Khu vực huyện Đức Hoà: VLXD Trung Thảo, VLXD Út Ba	Việt nam	Không có thông tin	giá tại cửa hàng	Mức giá ngày 12/08/2026 đến khi có đăng ký mới	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	100,500	-	-	-	-	-	-	-	-	-
74	Xi măng	Xi măng Vicem Hạ Long PCB40	tấn	QCVN 16:2023/BXD; TCVN 6260:2020	dạng bao PP (50kg ±0,5kg)	Công ty TNHH MTV xi măng Hạ Long. Đc: Lô C25, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP.HCM - Đt: 0939.639.935. Công văn đề nghị công bố giá số 1609/TB-VCHL-KDTT ngày 13/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Nhận hàng tại nhà máy, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1,259,259	1,259,259	1,259,259	1,259,259	1,259,259	1,259,259	1,259,259	1,259,259	1,259,259	1,259,259	1,259,259	1,259,259	1,259,259	1,259,259	1,259,259
75	Xi măng	Xi măng Vicem Hạ Long PCB40	tấn	QCVN 16:2023/BXD; TCVN 6260:2020	dạng bao KPK (50kg ±0,5kg)	Công ty TNHH MTV xi măng Hạ Long. Đc: Lô C25, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP.HCM - Đt: 0939.639.935. Công văn đề nghị công bố giá số 1609/TB-VCHL-KDTT ngày 13/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Nhận hàng tại nhà máy, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1,277,778	1,277,778	1,277,778	1,277,778	1,277,778	1,277,778	1,277,778	1,277,778	1,277,778	1,277,778	1,277,778	1,277,778	1,277,778	1,277,778	1,277,778
76	Xi măng	Xi măng bền sunphat PCB40-MS (Vicem Hạ Long)	tấn	TCVN 7711:2013	dạng bao (50kg ±0,5kg)	Công ty TNHH MTV xi măng Hạ Long. Đc: Lô C25, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP.HCM - Đt: 0939.639.935. Công văn đề nghị công bố giá số 1609/TB-VCHL-KDTT ngày 13/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Nhận hàng tại nhà máy, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1,259,259	1,259,259	1,259,259	1,259,259	1,259,259	1,259,259	1,259,259	1,259,259	1,259,259	1,259,259	1,259,259	1,259,259	1,259,259	1,259,259	1,259,259
77	Xi măng	Xi măng xây tô PCB40 (Vicem Hạ Long)	tấn	QCVN 16:2023/BXD; TCVN 6260:2020	dạng bao (40kg ±0,4kg)	Công ty TNHH MTV xi măng Hạ Long. Đc: Lô C25, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP.HCM - Đt: 0939.639.935. Công văn đề nghị công bố giá số 1609/TB-VCHL-KDTT ngày 13/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Nhận hàng tại nhà máy, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1,259,259	1,259,259	1,259,259	1,259,259	1,259,259	1,259,259	1,259,259	1,259,259	1,259,259	1,259,259	1,259,259	1,259,259	1,259,259	1,259,259	1,259,259
78	Xi măng	Xi măng Vicem Hạ Long PCB50	tấn	QCVN 16:2023/BXD; TCVN 6260:2020	dạng bao (50kg ±0,5kg)	Công ty TNHH MTV xi măng Hạ Long. Đc: Lô C25, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP.HCM - Đt: 0939.639.935. Công văn đề nghị công bố giá số 1609/TB-VCHL-KDTT ngày 13/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Nhận hàng tại nhà máy, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1,314,815	1,314,815	1,314,815	1,314,815	1,314,815	1,314,815	1,314,815	1,314,815	1,314,815	1,314,815	1,314,815	1,314,815	1,314,815	1,314,815	1,314,815
79	Xi măng	Xi măng PCB40 đa dụng (rời/xá) (Vicem Hạ Long)	tấn	QCVN 16:2023/BXD; TCVN 6260:2020	dạng rời/xá	Công ty TNHH MTV xi măng Hạ Long. Đc: Lô C25, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP.HCM - Đt: 0939.639.935. Công văn đề nghị công bố giá số 1609/TB-VCHL-KDTT ngày 13/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Nhận hàng tại nhà máy, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1,175,926	1,175,926	1,175,926	1,175,926	1,175,926	1,175,926	1,175,926	1,175,926	1,175,926	1,175,926	1,175,926	1,175,926	1,175,926	1,175,926	1,175,926
80	Xi măng	Xi măng Vicem Hạ Long PCB50 (rời/xá)	tấn	QCVN 16:2023/BXD; TCVN 6260:2020	dạng rời/xá	Công ty TNHH MTV xi măng Hạ Long. Đc: Lô C25, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP.HCM - Đt: 0939.639.935. Công văn đề nghị công bố giá số 1609/TB-VCHL-KDTT ngày 13/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Nhận hàng tại nhà máy, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1,268,519	1,268,519	1,268,519	1,268,519	1,268,519	1,268,519	1,268,519	1,268,519	1,268,519	1,268,519	1,268,519	1,268,519	1,268,519	1,268,519	1,268,519
81	Xi măng	Xi măng bền sunphat PCB40-MS (rời/xá) (Vicem Hạ Long)	tấn	TCVN 7711:2013	dạng rời/xá	Công ty TNHH MTV xi măng Hạ Long. Đc: Lô C25, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP.HCM - Đt: 0939.639.935. Công văn đề nghị công bố giá số 1609/TB-VCHL-KDTT ngày 13/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Nhận hàng tại nhà máy, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1,175,926	1,175,926	1,175,926	1,175,926	1,175,926	1,175,926	1,175,926	1,175,926	1,175,926	1,175,926	1,175,926	1,175,926	1,175,926	1,175,926	1,175,926
82	Xi măng	Xi măng PCB40 công nghiệp (Vicem Hạ Long)	tấn	QCVN 16:2023/BXD; TCVN 6260:2020	dạng bao (50kg ±0,5kg)	Công ty TNHH MTV xi măng Hạ Long. Đc: Lô C25, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP.HCM - Đt: 0939.639.935. Công văn đề nghị công bố giá số 1609/TB-VCHL-KDTT ngày 13/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Nhận hàng tại nhà máy, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1,314,815	1,314,815	1,314,815	1,314,815	1,314,815	1,314,815	1,314,815	1,314,815	1,314,815	1,314,815	1,314,815	1,314,815	1,314,815	1,314,815	1,314,815
83	Xi măng	Xi măng PCB40 công nghiệp (Vicem Hạ Long)	tấn	QCVN 16:2023/BXD; TCVN 6260:2020	dạng rời/xá	Công ty TNHH MTV xi măng Hạ Long. Đc: Lô C25, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP.HCM - Đt: 0939.639.935. Công văn đề nghị công bố giá số 1609/TB-VCHL-KDTT ngày 13/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Nhận hàng tại nhà máy, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1,268,519	1,268,519	1,268,519	1,268,519	1,268,519	1,268,519	1,268,519	1,268,519	1,268,519	1,268,519	1,268,519	1,268,519	1,268,519	1,268,519	1,268,519
84	Cát xây dựng	Cát xây	m3		dạng rời	Phiếu khảo sát tại khu vực Tân An, Long An: cty TNHH DV TM Mai Thành Phát, VLXD Thanh Bình, Cty TNHH Thanh Nhân	Việt nam	Không có thông tin	giá tại cửa hàng	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có đăng ký mới	Giá bán giảm	393,333	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
85	Cát xây dựng	Cát campuchia	m3			Vật liệu xây dựng Lê Hoàng Vũ (đc: xã Tân Lập, Mộc Hoá, Long An). Phiếu khảo sát tại cửa hàng.	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại cửa hàng	Mức giá ngày 11/08/2026 đến khi có đăng ký mới	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	380,000	-	-
86	Cát xây dựng	Cát xây tô	m3			Cửa hàng VLXD Minh Nhật. TT.Tân Thạnh, Long An (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán tại cửa hàng	Mức giá ngày 11/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	-	-	-	-	-	-	-	430,000	-	-	-	-	-	-	-
87	Cát xây dựng	Cát xây tô	m3			Doanh nghiệp tư nhân Hoàng Phước Lộc. Huyện Tân Hưng, Long An (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán tại cửa hàng	Mức giá ngày 11/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	355,000	-	-	-	-	-
88	Cát xây dựng	Cát hồ	m3			Cửa hàng VLXD Hồng Tiến. Đc: ấp 7, xã Vĩnh Công, Châu Thành, Long An. (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	-	-	415,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
89	Cát xây dựng	Cát hồ	m3			Vật liệu xây dựng Văn Phát. ấp 1, Thạnh Hoà, Bến Lức, Long An. (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	(Mức giá được thực hiện từ 11/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	-	-	-	-	400,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)															
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
90	Cát xây dựng	Cát to	m3			Cửa hàng VLXD Tư Nhi. Đc: xã Nhựt Tảo, Tây Ninh. (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 18/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	-	510,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
91	Cát xây dựng	Cát san lấp	m3			Phiếu khảo sát tại khu vực Tân An, Long An: cty TNHH DV TM Mai Thành Phát, VLXD Thanh Bình, Cty TNHH Thanh Nhân	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại kho, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 27/7/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	286,667	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
92	Cát xây dựng	Cát xây tô	m3			Công ty TNHH TMDV XD Quỳnh Khôi LA. Huyện Đức Huệ, Long An. (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	(Mức giá được thực hiện từ 10/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	365,000
93	Cát xây dựng	Cát vàng	m3			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng tại xã Bình Hiệp,Tỉnh Tây Ninh (Khu vực Kiến tường cũ)(Cty TNHH MTV Tân Định Tấn Thành,Cty Tài Phát Đạt, Cty TNHH VLXD Toàn Mai)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	385,000			
94	Cát xây dựng	Cát san lấp	m3			Công ty TNHH Hữu Tài. Đc: 75 Bà Chánh Thâu, KP2, TT.Bến Lức, Tỉnh Long An - Đt: 02723 871 469. Phiếu khảo sát tại đơn vị	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại bãi	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 22/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	310,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
95	Cát xây dựng	Cát san lấp	m3			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng tại xã Bình Hiệp,Tỉnh Tây Ninh (Khu vực Kiến tường cũ)(Cty TNHH MTV Tân Định Tấn Thành,Cty Tài Phát Đạt, Cty TNHH VLXD Toàn Mai)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng. Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	373,333	-	-	-
96	Cát xây dựng	Cát hạt to	m3			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng tại xã Bình Hiệp,Tỉnh Tây Ninh (Khu vực Kiến tường cũ)(Cty TNHH MTV Tân Định Tấn Thành,Cty Tài Phát Đạt, Cty TNHH VLXD Toàn Mai)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng. Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 27/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	435,000	-	-	-
97	Vật liệu san lấp	Sỏi đỏ	m3			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng tại xã Bình Hiệp,Tỉnh Tây Ninh (Khu vực Kiến tường cũ)(Cty TNHH MTV Tân Định Tấn Thành,Cty Tài Phát Đạt, Cty TNHH VLXD Toàn Mai)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng. Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720,000	-	-	-
98	Cát xây dựng	Cát Campuchia	m3			Vật liệu xây dựng Nhựt Mỹ. (Đc: Huyện Vĩnh Hưng, Long A). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán tại cửa hàng	Mức giá áp dụng từ 11/08/2026 đến khi có thông báo mới.	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	350,000	-	-	-	-	-
99	Cát xây dựng	Cát mi	m3			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng khu vực huyện Cần Giuộc: VLXD Trung Thảo, VLXD Út Ba	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá áp dụng từ 12/8/2026 đến khi có thông báo mới.	Giá bán tăng	-	-	-	-	-	484,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
100	Cát xây dựng	Cát to	m3			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng khu vực huyện Cần Giuộc: VLXD Trung Thảo, VLXD Út Ba	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá áp dụng từ 12/8/2026 đến khi có thông báo mới.	Giá bán tăng	-	-	-	-	-	582,500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
101	Cát xây dựng	Cát vàng	m3			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng Khu vực huyện Đức Hoà: Cty TNHH Tin Phong Construction, VLXD Thanh Xuân	Việt Nam	Không có thông tin	giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá áp dụng từ 07/08/2026 đến khi có thông báo mới.	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	536,000	-
102	Cát xây dựng	Cát xây	m3			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng Khu vực huyện Đức Hoà: VLXD Tuấn Phát, VLXD Thuận Lợi	Việt Nam	Không có thông tin	giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá áp dụng từ 12/08/2026 đến khi có thông báo mới.	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	-	522,500	-	-	-	-	-	-	-	-	-
103	Đá xây dựng	Đá mi bụi	m3			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng tại xã Bình Hiệp,Tỉnh Tây Ninh (Khu vực Kiến tường cũ)(Cty TNHH MTV Tân Định Tấn Thành,Cty Tài Phát Đạt, Cty TNHH VLXD Toàn Mai)	Việt Nam	Không có thông tin	giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	768,333	-	-	-
104	Đá xây dựng	Đá 1x2 thanh Phú	m3			Vật liệu xây dựng Lê Hoàng Vũ (đc: xã Tân Lập, Mộc Hoá, Long An). Phiếu khảo sát tại cửa hàng.	Việt nam	Không có thông tin	giá tại cửa hàng	Mức giá ngày 11/08/2026 đến khi có đăng ký mới	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	900,000	-	-
105	Đá xây dựng	Đá 1x2 Vũng Tàu loại 1	m3			Vật liệu xây dựng Phước Thành (xã Kiến Bình, Mộc Hoá, Long An). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt nam	Không có thông tin	giá tại cửa hàng	Mức giá được thực hiện từ 02/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	955,000	-	-
106	Đá xây dựng	Đá 1x2				Phiếu khảo sát tại các cửa hàng Khu vực huyện Đức Hoà: Cty TNHH Tin Phong Construction, VLXD Thanh Xuân	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 07/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	792,000	-
107	Đá xây dựng	Đá 1x2 Bình Dương	m3			Công ty TNHH TMDV XD Quỳnh Khôi LA. Huyện Đức Huệ, Long An. (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng	(Mức giá được thực hiện từ 10/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	877,000
109	Đá xây dựng	Đá 1x2 xám	m3			Vật liệu xây dựng Trung Thảo (đc: xã Trường Bình, Cần giuộc). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 12/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	988,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
110	Đá xây dựng	Đá 1x2 xanh	m3			Vật liệu xây dựng Trung Thảo (đc: xã Trường Bình, Cần giuộc). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 12/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	1,140,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
111	Đá xây dựng	Đá 1x2	m3			Cửa hàng VLXD Tư Nhi. Đc: xã Nhựt Tảo, Tây Ninh. (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 18/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	-	1,050,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
112	Đá xây dựng	Đá 1x2	m3			Vật liệu xây dựng Văn Phát. ấp 1, Thạnh Hoà, Bến Lức, Long An. (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	(Mức giá được thực hiện từ 11/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	-	-	-	-	730,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
113	Đá xây dựng	Đá mi bụi	m3		dạng rời	Công ty TNHH DV TM Mai Thành Phát. 270/2 Nguyễn Thị Hạnh, P6, Tân An, Long An. (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại kho, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 27/7/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	700,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
114	Đá xây dựng	Đá mi sàn	m3		dạng rời	Công ty TNHH DV TM Mai Thành Phát. 270/2 Nguyễn Thị Hạnh, P6, Tân An, Long An. (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại kho, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 27/7/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	880,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
115	Đá xây dựng	Đá 1x2 xanh	m3			Doanh nghiệp tư nhân Hoàng Phước Lộc. Huyện Tân Hưng, Long An (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá ngày 11/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	815,000	-	-	-	-	-	-
116	Đá xây dựng	Đá 1x2 trắng	m3			Doanh nghiệp tư nhân Hoàng Phước Lộc. Huyện Tân Hưng, Long An (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá ngày 11/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	957,000	-	-	-	-	-	-
117	Đá xây dựng	Đá 0x4	m3			Doanh nghiệp tư nhân Hoàng Phước Lộc. Huyện Tân Hưng, Long An (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá ngày 11/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	710,000	-	-	-	-	-	-
118	Đá xây dựng	Đá 1x2 xanh	m3			Phiếu khảo sát tại khu vực Tân An, Long An: cty TNHH DV TM Mai Thành Phát, VLXD Thanh Bình, Cty TNHH Thanh Nhân	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại kho, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	1,056,667	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
119	Đá xây dựng	Đá 1x2 đen	m3			Phiếu khảo sát tại khu vực Tân An, Long An: cty TNHH DV TM Mai Thành Phát, VLXD Thanh Bình, Cty TNHH Thanh Nhân	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại kho, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	830,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
120	Đá xây dựng	Đá 1x2	m3			Cửa hàng VLXD Minh Nhật. TT.Tân Thạnh, Long An (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá ngày 11/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	-	-	-	-	-	-	-	870,000	-	-	-	-	-	-	-	-

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)															
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
121	Đá xây dựng	Đá 1x2	m3		dạng rời	Phiếu khảo sát tại các cửa hàng tại xã Bình Hiệp,Tỉnh Tây Ninh (Khu vực Kiến tường cũ)(Cty TNHH MTV Tân Định Tấn Thành,Cty Tài Phát Đạt, Cty TNHH VLXD Toàn Mai)	Việt Nam	giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	881,667	-	-	-
122	Đá xây dựng	Đá 4x6	m3		dạng rời	Phiếu khảo sát tại các cửa hàng tại xã Bình Hiệp,Tỉnh Tây Ninh (Khu vực Kiến tường cũ)(Cty TNHH MTV Tân Định Tấn Thành,Cty Tài Phát Đạt, Cty TNHH VLXD Toàn Mai)	Việt Nam	giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	848,333	-	-	-
123	Đá xây dựng	Đá 0x4	m3		dạng rời	Phiếu khảo sát tại các cửa hàng tại xã Bình Hiệp,Tỉnh Tây Ninh (Khu vực Kiến tường cũ)(Cty TNHH MTV Tân Định Tấn Thành,Cty Tài Phát Đạt, Cty TNHH VLXD Toàn Mai)	Việt Nam	giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	746,667	-	-	-
124	Đá xây dựng	Đá 1x2 Tân Cang	m3			Công ty TNHH Hữu Tài. Đc: 75 Bà Chánh Thâu, KP2, TT.Bến Lức, Tỉnh Long An - Đt: 02723 871 469. Phiếu khảo sát tại đơn vị	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại bãi	Mức giá ngày 22/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	1,130,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
125	Đá xây dựng	Đá 5x7 đen	m3			Công ty TNHH Hữu Tài. Đc: 75 Bà Chánh Thâu, KP2, TT.Bến Lức, Tỉnh Long An - Đt: 02723 871 469. Phiếu khảo sát tại đơn vị	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại bãi	Mức giá ngày 22/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	542,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
126	Đá xây dựng	Đá 0x4	m3			Công ty TNHH Hữu Tài. Đc: 75 Bà Chánh Thâu, KP2, TT.Bến Lức, Tỉnh Long An - Đt: 02723 871 469. Phiếu khảo sát tại đơn vị	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại bãi	Mức giá ngày 22/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	615,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
127	Đá xây dựng	Đá 4x6	m3			Công ty TNHH Hữu Tài. Đc: 75 Bà Chánh Thâu, KP2, TT.Bến Lức, Tỉnh Long An - Đt: 02723 871 469. Phiếu khảo sát tại đơn vị	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại bãi	Mức giá ngày 22/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	672,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
128	Đá xây dựng	Đá mi sàn	m3			Công ty TNHH Hữu Tài. Đc: 75 Bà Chánh Thâu, KP2, TT.Bến Lức, Tỉnh Long An - Đt: 02723 871 469. Phiếu khảo sát tại đơn vị	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại bãi	Mức giá ngày 22/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	690,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
129	Đá xây dựng	Đá 2x4	m3			Cửa hàng Tấn Trọng. Đc: số 266, QL62, P1. TX.Kiến Tường - Đt: 0916234169. Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá ngày 27/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	840,000	-	-	-
130	Đá xây dựng	Đá 1x2 xanh	m3			Phiếu khảo sát tại các đơn vị khu vực huyện Cần Đước: VLXD Tuấn Phát, VLXD Thuận Lợi	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá ngày 12/8/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	-	1,130,000	-	-	-	-	-	-	-	-
131	Đá xây dựng	Cấp phối đá dăm loại 2	m3	TCVN 8859:2023		Phiếu khảo sát tại các đơn vị khu vực Bến Lức, Thủ Thừa, Tân An: Công ty TNHH TMDV Minh Thiên Thành Group, Cty ĐT và SX Đại Phát Hưng, Cty TNHH MTV XD Bình Trị	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại công trường	Mức giá ngày 01/8/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	798,875	-	-	776,121	740,912	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
132	Đá xây dựng	Cấp phối đá dăm loại 1	m3	TCVN 8859:2023		Phiếu khảo sát tại các đơn vị khu vực Bến Lức, Thủ Thừa, Tân An: Công ty TNHH TMDV Minh Thiên Thành Group, Cty ĐT và SX Đại Phát Hưng, Cty TNHH MTV XD Bình Trị	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại công trường	Mức giá ngày 01/8/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	825,755	-	-	802,246	765,844	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
133	Đá xây dựng	Đá mi sàng	m3	TCVN 7570:2006		Phiếu khảo sát tại các đơn vị khu vực Bến Lức, Thủ Thừa, Tân An: Công ty TNHH TMDV Minh Thiên Thành Group, Cty ĐT và SX Đại Phát Hưng, Cty TNHH MTV XD Bình Trị	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại công trường	Mức giá ngày 01/8/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	886,067	-	-	886,067	886,067	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
134	Đá xây dựng	Đá 1x2	m3	TCVN 7570:2006		Phiếu khảo sát tại các đơn vị khu vực Bến Lức, Thủ Thừa, Tân An: Công ty TNHH TMDV Minh Thiên Thành Group, Cty ĐT và SX Đại Phát Hưng, Cty TNHH MTV XD Bình Trị	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại công trường	Mức giá ngày 01/8/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1,157,433	-	-	956,433	1,137,333	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
135	Đá xây dựng	Đá 0x4	m3	TCVN 8859:2011		Phiếu khảo sát tại các đơn vị khu vực Bến Lức, Thủ Thừa, Tân An: Công ty TNHH TMDV Minh Thiên Thành Group, Cty ĐT và SX Đại Phát Hưng, Cty TNHH MTV XD Bình Trị	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại công trường	Mức giá ngày 01/8/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	726,438	-	-	705,737	705,737	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
136	Đá xây dựng	Đá 2x4	m3	TCVN 7570:2006		Phiếu khảo sát tại các đơn vị khu vực Bến Lức, Thủ Thừa, Tân An: Công ty TNHH TMDV Minh Thiên Thành Group, Cty ĐT và SX Đại Phát Hưng, Cty TNHH MTV XD Bình Trị	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại công trường	Mức giá ngày 01/8/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	963,452	-	-	800,272	906,167	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
137	Đá xây dựng	Đá hộc	m3	TCVN 4085:2011		Phiếu khảo sát tại các đơn vị khu vực Bến Lức, Thủ Thừa, Tân An: Công ty TNHH TMDV Minh Thiên Thành Group, Cty ĐT và SX Đại Phát Hưng, Cty TNHH MTV XD Bình Trị	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại công trường	Mức giá ngày 01/8/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	986,567	-	-	926,267	966,467	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
138	Đá xây dựng	Đá 2x4 (bê tông nhựa)	m3	TCVN 13567-1-2-3:2022 & TCVN 13567-7:2025		Phiếu khảo sát tại các đơn vị khu vực Bến Lức, Thủ Thừa, Tân An: Công ty TNHH TMDV Minh Thiên Thành Group, Cty ĐT và SX Đại Phát Hưng, Cty TNHH MTV XD Bình Trị	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại công trường	Mức giá ngày 01/8/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1,107,733	-	-	920,070	1,041,867	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
139	Đá xây dựng	Đá 1x2 (bê tông nhựa)	m3	TCVN 13567-1-2-3:2022 & TCVN 13567-7:2025		Phiếu khảo sát tại các đơn vị khu vực Bến Lức, Thủ Thừa, Tân An: Công ty TNHH TMDV Minh Thiên Thành Group, Cty ĐT và SX Đại Phát Hưng, Cty TNHH MTV XD Bình Trị	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại công trường	Mức giá ngày 01/8/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1,167,467	-	-	965,967	1,147,367	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
140	Đá xây dựng	Đá 19x25 (bê tông nhựa)	m3	TCVN 13567-1-2-3:2022 & TCVN 13567-7:2025		Phiếu khảo sát tại các đơn vị khu vực Bến Lức, Thủ Thừa, Tân An: Công ty TNHH TMDV Minh Thiên Thành Group, Cty ĐT và SX Đại Phát Hưng, Cty TNHH MTV XD Bình Trị	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại công trường	Mức giá ngày 01/8/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1,129,837	-	-	938,462	1,062,667	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
141	Đá xây dựng	Đá 0,5-1 (bê tông nhựa)	m3	TCVN 13567-1-2-3:2022 & TCVN 13567-7:2025		Phiếu khảo sát tại các đơn vị khu vực Bến Lức, Thủ Thừa, Tân An: Công ty TNHH TMDV Minh Thiên Thành Group, Cty ĐT và SX Đại Phát Hưng, Cty TNHH MTV XD Bình Trị	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại công trường	Mức giá ngày 01/8/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1,190,833	-	-	985,263	1,170,333	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
142	Đá xây dựng	Đá 0,5-1,6 (bê tông nhựa)	m3	TCVN 13567-1-2-3:2022 & TCVN 13567-7:2025		Phiếu khảo sát tại các đơn vị khu vực Bến Lức, Thủ Thừa, Tân An: Công ty TNHH TMDV Minh Thiên Thành Group, Cty ĐT và SX Đại Phát Hưng, Cty TNHH MTV XD Bình Trị	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại công trường	Mức giá ngày 01/8/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1,190,833	-	-	985,263	1,170,333	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
143	Đá xây dựng	Đá mi sàng ly tâm (BT nhựa)	m3	TCVN 13567-1-2-3:2022 & TCVN 13567-7:2025		Phiếu khảo sát tại các đơn vị khu vực Bến Lức, Thủ Thừa, Tân An: Công ty TNHH TMDV Minh Thiên Thành Group, Cty ĐT và SX Đại Phát Hưng, Cty TNHH MTV XD Bình Trị	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại công trường	Mức giá ngày 01/8/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	992,633	-	-	821,358	975,533	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
144	Cát xây dựng	Cát nghiền (bê tông nhựa)	m3	TCVN 13567-1-2-3:2022 & TCVN 13567-7:2025		Phiếu khảo sát tại các đơn vị khu vực Bến Lức, Thủ Thừa, Tân An: Công ty TNHH TMDV Minh Thiên Thành Group, Cty ĐT và SX Đại Phát Hưng, Cty TNHH MTV XD Bình Trị	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại công trường	Mức giá ngày 01/8/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	863,364	-	-	714,432	848,536	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
145	Vật liệu san lấp	Đất đắp nền, lề đường	m3	TCVN 9436:2012, 4447:2012		Phiếu khảo sát tại các đơn vị khu vực Bến Lức, Thủ Thừa, Tân An: Công ty TNHH TMDV Minh Thiên Thành Group, Cty ĐT và SX Đại Phát Hưng, Cty TNHH MTV XD Bình Trị	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại công trường	Mức giá ngày 01/8/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	398,667	-	-	398,667	398,667	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)															
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
146	Vật liệu san lấp	Đất đắp không tiêu chuẩn	m3			Phiếu khảo sát tại các đơn vị khu vực Bến Lức, Thủ Thừa, Tân An: Công ty TNHH TMDV Minh Thiên Thành Group, Cty ĐT và SX Đại Phát Hưng, Cty TNHH MTV XD Bình Trị	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại công trường	Mức giá ngày 01/8/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	348,433	-	-	348,433	348,433	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
147	Vật liệu san lấp	Cát đắp nền đường	m3	TCVN 9436:2012, 4447:2012 & AASHTO M145-91		Phiếu khảo sát tại các đơn vị khu vực Bến Lức, Thủ Thừa, Tân An: Công ty TNHH TMDV Minh Thiên Thành Group, Cty ĐT và SX Đại Phát Hưng, Cty TNHH MTV XD Bình Trị	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại công trường	Mức giá ngày 01/8/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	419,567	-	-	397,417	416,267	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
148	Cát xây dựng	Cát vàng Mô đun ML 1.5-2	m3	QCVN 16:2023/BXD; TCVN 7570:2006		Phiếu khảo sát tại các đơn vị khu vực Bến Lức, Thủ Thừa, Tân An: Công ty TNHH TMDV Minh Thiên Thành Group, Cty ĐT và SX Đại Phát Hưng, Cty TNHH MTV XD Bình Trị	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại công trường	Mức giá ngày 01/8/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	440,867	-	-	428,833	428,833	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
149	Cát xây dựng	Cát vàng Mô đun ML >= 2	m3	QCVN 16:2023/BXD; TCVN 7570:2006		Phiếu khảo sát tại các đơn vị khu vực Bến Lức, Thủ Thừa, Tân An: Công ty TNHH TMDV Minh Thiên Thành Group, Cty ĐT và SX Đại Phát Hưng, Cty TNHH MTV XD Bình Trị	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại công trường	Mức giá ngày 01/8/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	481,067	-	-	469,033	469,033	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
150	Cát xây dựng	Cát vàng đổ bê tông	m3	QCVN 16:2023/BXD; TCVN 7570:2007		Phiếu khảo sát tại các đơn vị khu vực Bến Lức, Thủ Thừa, Tân An: Công ty TNHH TMDV Minh Thiên Thành Group, Cty ĐT và SX Đại Phát Hưng, Cty TNHH MTV XD Bình Trị	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại công trường	Mức giá ngày 01/8/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	501,167	-	-	489,133	489,133	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
151	Vật liệu san lấp	Đất san lấp K90	m3			Công ty TNHH TM DV XNK Nam Hiền (Đc: Xã Mỹ Quý Tây, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An). Phiếu khảo sát tại mỏ	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại mỏ ấp 6, xã Mỹ Quý, Tây Ninh (Trước là Xã Mỹ Quý Tây, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An), chưa bao gồm chi phí vận chuyển và nhân công	Mức giá ngày 11/04/2026 đến khi có đơn giá mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	200,000
152	Vật liệu san lấp	Đất san lấp loại 1	m3			Công ty TNHH Khai thác Tài nguyên Lợi Lộc - Chi nhánh Long An. Đc: xã Đức Huệ, tỉnh Tây Ninh. Phiếu khảo sát tại mỏ	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại mỏ (đơn vị thi công chỉ đưa xe đến để vận chuyển đi)	Mức giá ngày 02/01/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	136,400
153	Vật liệu san lấp	Đất sét	m3			Cty TNHH SX VLXD Sao Mai (Đc:ấp Hiệp Hòa, xã An Ninh Đông, huyện Đức Hòa - Đt: 0937 211 300). Khảo sát tại mỏ	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại mỏ, chưa bao gồm chi phí vận chuyển và nhân công	Mức giá ngày 10/04/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	260,000	-
154	Vật liệu san lấp	Đất san lấp	m3			Cty TNHH SX VLXD Sao Mai (Đc:ấp Hiệp Hòa, xã An Ninh Đông, huyện Đức Hòa - Đt: 0937 211 300). Khảo sát tại mỏ	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại mỏ, chưa bao gồm chi phí vận chuyển và nhân công	Mức giá ngày 10/04/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	250,000	-
155	Gạch xây	Gạch ống Tabico	m3			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng khu vực huyện Cần Đước: VLXD Thuận Lợi, VLXD Tuấn Phát	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng	Mức giá ngày 12/8/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	-	2,090	-	-	-	-	-	-	-	-
156	Gạch xây	Gạch ống Thuận Lợi	viên			Công ty TNHH MTV VLXD Cường Tiến. 69 ấp Ông Lễ, xã Bình Hiệp, TX. Kiến Tường (phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán tại cửa hàng	Mức giá áp dụng từ 27/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,675	-	-	-
157	Gạch xây	Gạch ống Thuận Lợi	viên			Vật liệu xây dựng Phước Thành (xã Kiến Bình, Mộc Hoá, Long An). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại cửa hàng	Mức giá được thực hiện từ 02/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,730	-	-
158	Gạch xây	Gạch thẻ Thuận Lợi	viên			Công ty TNHH MTV VLXD Cường Tiến. 69 ấp Ông Lễ, xã Bình Hiệp, TX. Kiến Tường (phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán tại cửa hàng	Mức giá áp dụng từ 27/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,730	-	-	-
159	Gạch xây	Gạch mi Thuận Lợi	viên			Công ty TNHH MTV VLXD Cường Tiến. 69 ấp Ông Lễ, xã Bình Hiệp, TX. Kiến Tường (phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán tại cửa hàng	Mức giá áp dụng từ 27/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,400	-	-	-
160	Gạch xây	Gạch ống Phước Lập	viên			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng Khu vực huyện Đức Hoà: Cty TNHH Tín Phong Construction, VLXD Thanh Xuân	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 07/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,710	-
161	Gạch xây	Gạch ống	viên			Công ty TNHH Võ Nguyễn Ngọc Phúc (Đc: Phường 6, Tân An, LA). Phiếu khảo sát tại cửa hàng.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 09/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,750	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
162	Gạch xây	Gạch Tabico	viên			Cửa hàng vật liệu xây dựng Thành Công (đc: xã Tân Lân, Cần Đước, Long An). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại cửa hàng	Mức giá áp dụng từ 16/04/2026 đến khi có thông báo mới.	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	2,200	-	-	-	-	-	-	-	-
163	Gạch xây	Gạch 8*18	viên			Công ty TNHH DV TM Mai Thành Phát. 270/2 Nguyễn Thị Hạnh, P6, Tân An, Long An. (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại kho, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,600	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
164	Gạch xây	Gạch ống Sao Mai	viên			Vật liệu xây dựng Văn Phát. ấp 1, Thạnh Hoà, Bến Lức, Long An. (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	giá bán chưa bao gồm vận chuyển	(Mức giá được thực hiện từ 11/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán giảm	-	-	-	-	1,690	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
165	Gạch xây	Gạch ống	viên		8x8x18	Doanh nghiệp tư nhân Hoàng Phước Lộc. Huyện Tân Hưng, Long An (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán tại cửa hàng	Mức giá ngày 11/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,750	-	-	-	-	-
166	Gạch xây	Gạch ống	viên			Cửa hàng VLXD Minh Nhật. TT.Tân Thạnh, Long An (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán tại cửa hàng	Mức giá ngày 11/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	-	-	-	-	-	-	-	1,750	-	-	-	-	-	-	-
167	Gạch xây	Gạch ống Thuận Lợi	viên			Vật liệu xây dựng Nhựt Mỹ. (Đc: Huyện Vĩnh Hưng, Long An). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán tại cửa hàng	Mức giá áp dụng từ 11/08/2026 đến khi có thông báo mới.	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1,600	-	-	-	-
168	Gạch xây	Gạch ống 4 lỗ SUNKO,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	180x80x80 mm - M7,5	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam		- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	2,580	2,580	2,580	2,580	2,580	2,580	2,580	2,580	2,580	2,580	2,580	2,580	2,580	2,580	2,580
169	Gạch xây	Gạch ống 4 lỗ SUNKO,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	180x80x80 mm - M7,5	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam		- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	2,627	2,627	2,627	2,627	2,627	2,627	2,627	2,627	2,627	2,627	2,627	2,627	2,627	2,627	2,627
170	Gạch xây	Gạch đinh SUNKO,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	180x80x40 mm - M10,0	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam		- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	2,325	2,325	2,325	2,325	2,325	2,325	2,325	2,325	2,325	2,325	2,325	2,325	2,325	2,325	2,325
171	Gạch xây	Gạch đinh SUNKO,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	190x80x40 mm - M10,0	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam		- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	2,399	2,399	2,399	2,399	2,399	2,399	2,399	2,399	2,399	2,399	2,399	2,399	2,399	2,399	2,399
172	Gạch xây	Gạch đặc SUNKO-5S2010,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	200x100x50 mm - M10,0	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam		- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	2,231	2,231	2,231	2,231	2,231	2,231	2,231	2,231	2,231	2,231	2,231	2,231	2,231	2,231	2,231
173	Gạch xây	Gạch block ngang 200,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	400x200x200 mm - M7,5	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam		- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	21,974	21,974	21,974	21,974	21,974	21,974	21,974	21,974	21,974	21,974	21,974	21,974	21,974	21,974	21,974

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)															
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
174	Gạch xây	Gạch block ngang 100,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	400x100x200 mm - M7,5	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam		- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	13,186	13,186	13,186	13,186	13,186	13,186	13,186	13,186	13,186	13,186	13,186	13,186	13,186	13,186	13,186
175	Gạch xây	Gạch block ngang 150,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	400x150x200 mm - M7,5	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam		- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	11,450	11,450	11,450	11,450	11,450	11,450	11,450	11,450	11,450	11,450	11,450	11,450	11,450	11,450	11,450
176	Gạch xây	Gạch block ngang 190,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	390x190x190 mm - M7,5	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam		- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	21,512	21,512	21,512	21,512	21,512	21,512	21,512	21,512	21,512	21,512	21,512	21,512	21,512	21,512	21,512
177	Gạch xây	Gạch block ngang 90,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	390x90x190 mm - M7,5	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam		- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	10,408	10,408	10,408	10,408	10,408	10,408	10,408	10,408	10,408	10,408	10,408	10,408	10,408	10,408	10,408
178	Gạch xây	Gạch block ngang 180,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	390x180x150 mm - M7,5	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam		- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	10,525	10,525	10,525	10,525	10,525	10,525	10,525	10,525	10,525	10,525	10,525	10,525	10,525	10,525	10,525
179	Gạch xây	Gạch Demi block ngang 180, đặc,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	195x180x150 mm - M10,0	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam		- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	14,387	14,387	14,387	14,387	14,387	14,387	14,387	14,387	14,387	14,387	14,387	14,387	14,387	14,387	14,387
180	Gạch xây	Gạch block demi bổ trụ ngang 180,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	390x180x150 mm - M7,5	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam		- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	21,367	21,367	21,367	21,367	21,367	21,367	21,367	21,367	21,367	21,367	21,367	21,367	21,367	21,367	21,367
181	Gạch xây	Gạch block ngang 80,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	390x80x150 mm - M7,5	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam		- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	8,021	8,021	8,021	8,021	8,021	8,021	8,021	8,021	8,021	8,021	8,021	8,021	8,021	8,021	8,021
182	Gạch xây	Gạch block ngang 80, đặc,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	390x80x150 mm - M10,0	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam		- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	8,730	8,730	8,730	8,730	8,730	8,730	8,730	8,730	8,730	8,730	8,730	8,730	8,730	8,730	8,730
183	Gạch xây	Gạch block ngang 250,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	390x250x150 mm - M7,5	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam		- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	18,836	18,836	18,836	18,836	18,836	18,836	18,836	18,836	18,836	18,836	18,836	18,836	18,836	18,836	18,836
184	Gạch xây	Gạch block ngang 190,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	390x190x150 mm - M7,5	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam		- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	19,085	19,085	19,085	19,085	19,085	19,085	19,085	19,085	19,085	19,085	19,085	19,085	19,085	19,085	19,085
185	Gạch xây	Gạch block ngang 120,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	390x120x150 mm - M7,5	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam		- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	15,101	15,101	15,101	15,101	15,101	15,101	15,101	15,101	15,101	15,101	15,101	15,101	15,101	15,101	15,101
186	Gạch xây	Gạch block ngang 90,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	390x90x150 mm - M7,5	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam		- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	10,640	10,640	10,640	10,640	10,640	10,640	10,640	10,640	10,640	10,640	10,640	10,640	10,640	10,640	10,640
187	Gạch xây	Gạch block ngang 100, đặc ,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	390x100x180 mm - M10,0	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam		- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	19,119	19,119	19,119	19,119	19,119	19,119	19,119	19,119	19,119	19,119	19,119	19,119	19,119	19,119	19,119
188	Gạch xây	Gạch tự chèn chữ nhật 80,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	200x100x80 mm - M45,0	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam		- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	7,854	7,854	7,854	7,854	7,854	7,854	7,854	7,854	7,854	7,854	7,854	7,854	7,854	7,854	7,854
189	Gạch xây	Gạch tự chèn chữ nhật 80,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	200x100x80 mm - M60,0	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam		- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	8,181	8,181	8,181	8,181	8,181	8,181	8,181	8,181	8,181	8,181	8,181	8,181	8,181	8,181	8,181
190	Gạch xây	Gạch bông gió (trồng cỏ),	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	390x260x80 mm - M20,0	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam		- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	22,015	22,015	22,015	22,015	22,015	22,015	22,015	22,015	22,015	22,015	22,015	22,015	22,015	22,015	22,015
191	Thép xây dựng	Thép hình các loại	kg	TCVN ASTM A36M		Công ty CP XL và TMDV Tân Khang. Công văn số 040826/CBG-TK (Áp dụng từ 04/08/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/08/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	19,700	-	-	19,700	19,700	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
192	Thép xây dựng	Thép hình các loại	kg	CB300-T/SS400		Công ty CP XL và TMDV Tân Khang. Công văn số 040826/CBG-TK (Áp dụng từ 04/08/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/08/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	19,500	-	-	19,500	19,500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
193	Thép xây dựng	Thép tấm các loại	kg	TCVN 2018:6522		Công ty CP XL và TMDV Tân Khang. Công văn số 040826/CBG-TK (Áp dụng từ 04/08/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/08/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	17,300	-	-	17,300	17,300	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
194	Thép xây dựng	Thép tròn trơn D<10	kg	TCVN 1651-2018		Công ty CP XL và TMDV Tân Khang. Công văn số 040826/CBG-TK (Áp dụng từ 04/08/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/08/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	16,450	-	-	16,450	16,450	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
195	Thép xây dựng	Thép cây vằn D10 CB400-V; CB500-V	kg	TCVN 1651-2018		Công ty CP XL và TMDV Tân Khang. Công văn số 040826/CBG-TK (Áp dụng từ 04/08/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/08/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	15,800	-	-	15,800	15,800	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
196	Thép xây dựng	Thép cây vằn D10 CB400-V; CB500-V	kg	TCVN 1651-2018		Công ty CP XL và TMDV Tân Khang. Công văn số 040826/CBG-TK (Áp dụng từ 04/08/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/08/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	15,800	-	-	15,800	15,800	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
197	Thép xây dựng	Thép cây vằn D=<18 CB400-V; CB500-V	kg	TCVN 1651-2018		Công ty CP XL và TMDV Tân Khang. Công văn số 040826/CBG-TK (Áp dụng từ 04/08/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/08/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	16,160	-	-	16,160	16,160	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
198	Thép xây dựng	Thép dây mạ kẽm Z08 phủ CR: 0.58mmx 1200mm TCT SGC 340	kg	JIS G3302.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20,500	20,500	20,500	20,500	20,500	20,500	20,500	20,500	20,500	20,500	20,500	20,500	20,500	20,500	20,500
199	Thép xây dựng	Thép dây mạ kẽm Z08 phủ CR: 0.75mmx1200mm TCT SGC 340	kg	JIS G3302.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20,000	20,000	20,000	20,000	20,000	20,000	20,000	20,000	20,000	20,000	20,000	20,000	20,000	20,000	20,000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
200	Thép xây dựng	Thép dây mạ kẽm Z08 phủ CR: 0.95mmx 1200mm TCT SGC 340	kg	JIS G3302.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,550	19,550	19,550	19,550	19,550	19,550	19,550	19,550	19,550	19,550	19,550	19,550	19,550	19,550	19,550
201	Thép xây dựng	Thép dây mạ kẽm Z08 phủ CR: 1 15mmx 1200mm TCT SGC 340	kg	JISG33O2.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200
202	Thép xây dựng	Thép dây mạ kẽm Z08 phủ CR: 0.58mmx 1200mm TCT SGC 340 (mạ không bông)	kg	JISG3302.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21,500	21,500	21,500	21,500	21,500	21,500	21,500	21,500	21,500	21,500	21,500	21,500	21,500	21,500	21,500
203	Thép xây dựng	Thép dây mạ kẽm Z08 phủ CR: 0.75mmx 1200mm TCT SGC 340 (mạ không bông)	kg	JISG3302.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21,000	21,000	21,000	21,000	21,000	21,000	21,000	21,000	21,000	21,000	21,000	21,000	21,000	21,000	21,000
204	Thép xây dựng	Thép dây mạ kẽm Z08 phủ CR: 0.95mmx 1200mm TCT SGC 340 (mạ không bông)	kg	JIS G3302.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20,550	20,550	20,550	20,550	20,550	20,550	20,550	20,550	20,550	20,550	20,550	20,550	20,550	20,550	20,550
205	Thép xây dựng	Thép dây mạ kẽm Z08 phủ CR: 1.15mmx 1200mm TCT SGC 340 (mạ không bông)	kg	JIS G3302.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20,200	20,200	20,200	20,200	20,200	20,200	20,200	20,200	20,200	20,200	20,200	20,200	20,200	20,200	20,200
206	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 21.2mmx 1.90mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	23,810	23,810	23,810	23,810	23,810	23,810	23,810	23,810	23,810	23,810	23,810	23,810	23,810	23,810	23,810
207	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 21.2mmx2.10mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910
208	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 21.2mmx2.30mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910
209	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 21.2mmx2.60mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610
210	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 26.65mmx1.60mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	24,910	24,910	24,910	24,910	24,910	24,910	24,910	24,910	24,910	24,910	24,910	24,910	24,910	24,910	24,910
211	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 26.65mmx1.90mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	23,810	23,810	23,810	23,810	23,810	23,810	23,810	23,810	23,810	23,810	23,810	23,810	23,810	23,810	23,810
212	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 26.65mmx2. 10mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910
213	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 26.65mmx2.30mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910
214	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 26.65mmx2.60mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610
215	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 33.5mmx1.90mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	23,810	23,810	23,810	23,810	23,810	23,810	23,810	23,810	23,810	23,810	23,810	23,810	23,810	23,810	23,810
216	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm. 33.5mmx2. 10mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910
217	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 33.5mmx2.30mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910
218	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 33.5mmx2.60mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610
219	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 33.5mmx3.20mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610
220	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 33.5mmx4.00mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610
221	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 42.2mmx1 .90mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	23,810	23,810	23,810	23,810	23,810	23,810	23,810	23,810	23,810	23,810	23,810	23,810	23,810	23,810	23,810
222	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 42.2mmx2. 10mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910
223	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 42.2mmx2.30mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910
224	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 42.2mmx2.60mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)															
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
225	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 42.2mmx3.20mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610
226	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 42.2mmx3.60mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610
227	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 48.1mmx1.90mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	23,810	23,810	23,810	23,810	23,810	23,810	23,810	23,810	23,810	23,810	23,810	23,810	23,810	23,810	23,810
228	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 48.1mmx2.10mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910
229	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 48. 1mmx2.60mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610
230	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 48.1mmx2.90mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610
231	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 48.1mmx3.20mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610
232	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm. 48.1mmx3.60mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610
233	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 59.9mmx1.90mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	23,810	23,810	23,810	23,810	23,810	23,810	23,810	23,810	23,810	23,810	23,810	23,810	23,810	23,810	23,810
234	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 59.9mmx2. 10mmx6.0m	kg	TCCS HS03.2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910
235	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 59.9mmx2.30mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910
236	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 59.9mmx2.60mmx6.0m	kg	TCCS HS03.2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610
237	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 59.9mmx2.90mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610
238	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 59.9mmx3.20mmx6.0m	kg	TCCS HSO3:2O21		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610
239	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 59.9mmx3.60mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610
240	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 75.6mmx2. 10mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910
241	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 75.6mmx2.60mmx6.0m	kg	TCCS HS03 2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610
242	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 75.6mmx2.90mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610
243	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 75.6mmx3.20mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610
244	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 75.6mmx3.60mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610
245	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 88.3mmx2.10mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910	22,910
246	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 88.3mmx2.60mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610
247	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 88.3mm.x2.90mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610
248	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 88.3mmx3.20mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610
249	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 88.3mmx4.00mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)															
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
250	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 113.5mmx2.60mmx6.0m	kg	TCCS HS03 2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610
251	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 113.5mmx2.90mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610
252	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 113.5mmx3.20mmx6.0m	kg	CCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22,810	22,810	22,810	22,810	22,810	22,810	22,810	22,810	22,810	22,810	22,810	22,810	22,810	22,810	22,810
253	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 113.5mmx3.60mmx6.0m	kg	CCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610
254	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 113.5mmx4.00mmx6.0m	kg	CCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610
255	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 113.5mmx4.50mmx6.0m	kg	CCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610
256	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 113.5mmx4.60mmx6.0m	kg	CCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610	22,610
257	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 141.3mmx3.96mmx6.0m	kg	CCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22,810	22,810	22,810	22,810	22,810	22,810	22,810	22,810	22,810	22,810	22,810	22,810	22,810	22,810	22,810
258	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 141.3mmx4.78mmx6.0m	kg	CCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22,810	22,810	22,810	22,810	22,810	22,810	22,810	22,810	22,810	22,810	22,810	22,810	22,810	22,810	22,810
259	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 168.3mmx3.96mmx6.0m	kg	CCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22,810	22,810	22,810	22,810	22,810	22,810	22,810	22,810	22,810	22,810	22,810	22,810	22,810	22,810	22,810
260	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 168.3mmx4.78mmx6.0m	kg	CCCS HS03:2021		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	22,810	22,810	22,810	22,810	22,810	22,810	22,810	22,810	22,810	22,810	22,810	22,810	22,810	22,810	22,810
261	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080: 13mmx26mmx0.80mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,790	19,790	19,790	19,790	19,790	19,790	19,790	19,790	19,790	19,790	19,790	19,790	19,790	19,790	19,790
262	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080: 13mmx26mmx0.90mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,790	19,790	19,790	19,790	19,790	19,790	19,790	19,790	19,790	19,790	19,790	19,790	19,790	19,790	19,790
263	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080: 13mmx26mmx1.00mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600
264	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 13mmx26mmx1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600
265	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 14mmx14mmx0.80mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,790	19,790	19,790	19,790	19,790	19,790	19,790	19,790	19,790	19,790	19,790	19,790	19,790	19,790	19,790
266	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 14mmx14mmx0.90mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,790	19,790	19,790	19,790	19,790	19,790	19,790	19,790	19,790	19,790	19,790	19,790	19,790	19,790	19,790
267	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 14mmx14mmx1.00mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600
268	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 14mmx14mmx1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600
269	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 20mmx20mmx0.90mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,790	19,790	19,790	19,790	19,790	19,790	19,790	19,790	19,790	19,790	19,790	19,790	19,790	19,790	19,790
270	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 20mmx20mmx1.00mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600
271	Thép xây dựng	Thép hộp mạkẽmZ080: 20mmx20mmx 1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600
272	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 20mmx20mmx1.20mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600
273	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 20mmx20mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600
274	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 25mmx25mmx0.80mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,790	19,790	19,790	19,790	19,790	19,790	19,790	19,790	19,790	19,790	19,790	19,790	19,790	19,790	19,790
275	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080. 25mmx25mmx1.00mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600
276	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 25mmx25mmx1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600
277	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 25mmx25mmx1.20mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600
278	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 25mmx25mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600
279	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 20mmx40mmx0.80mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,390	19,390	19,390	19,390	19,390	19,390	19,390	19,390	19,390	19,390	19,390	19,390	19,390	19,390	19,390
280	Thép xây dựng	Thep hộp mạ kẽm Z080: 20mmx40mmx1.00mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200
281	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 20mmx40mmx 1. 10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200
282	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 20mmx40mmx1 .20mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200
283	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080. 20mmx40mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200
284	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080. 25mmx50mmx0.90mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,390	19,390	19,390	19,390	19,390	19,390	19,390	19,390	19,390	19,390	19,390	19,390	19,390	19,390	19,390
285	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080: 25mmx50mmx1.00mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200
286	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080: 25mmx50mmx1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
287	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 25mmx50mmx1.20mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200
288	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080: 25mmx50mmx1 .40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200
289	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 30mmx30mmx0.90mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,390	19,390	19,390	19,390	19,390	19,390	19,390	19,390	19,390	19,390	19,390	19,390	19,390	19,390	19,390
290	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 30mmx30mmx1 .00mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200
291	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080: 30mmx30mmx1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200
292	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080: 30mmx30mmx1 .20mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200
293	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 30mmx30mmx1 .40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200
294	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080: 30mmx60mmx0.90mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,390	19,390	19,390	19,390	19,390	19,390	19,390	19,390	19,390	19,390	19,390	19,390	19,390	19,390	19,390
295	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080: 30mmx60mmx1.00mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200
296	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080: 30mmx60mmx1. 10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200
297	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 30mmx60mmx1.20mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200
298	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 30mmx60mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200
299	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z120: 30mmx60mmx1.80mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000
300	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 30mmx90mmx 1.1 ommx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200
301	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 30mmx90mmx1.20mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200
302	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 30mmx90mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200
303	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 40mmx40mmx100mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200
304	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 40mmx40mmx1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200
305	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 40mmx40mmx1.20mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200
306	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 40mmx40mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200
307	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 40mmx80mmx1.00mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200
308	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm 7.080: 40mmx80mmx1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200
309	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 40mmx80mmx1.20mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200
310	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 40mmx80mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200
311	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm z 120: 40mmx80mmx1.80mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000
312	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 50mmx50mmx1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200
313	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 50mmx50mmx1.20mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200
314	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 50mmx50mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200
315	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z120: 50mmx50mmx1.80mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000
316	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 50mmx100mmx1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200
317	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080: 50mmx100mmx1.20mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200
318	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm ZC80: 50mmx100mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200
319	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z120: 50mmx100mmx1.80mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000
320	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 60mmx120mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200
321	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z120: 60mmx120mmx1.80mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000
322	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm z 120: 60mmx120mmx2.00mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200
323	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 75mmx75mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
324	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z120: 75mmx75mmx1.80mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000
325	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080: 90mmx90mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200
326	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z120: 90mmx90mmx1.80mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000
327	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080: 100mmx100mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200
328	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z120: 100mmx100mmx1.80mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000
329	Thép xây dựng	thép ống mạ kẽm Z080: 21mmx 1. 10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600
330	Thép xây dựng	thép ống mạ kẽm Z080: 21mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600
331	Thép xây dựng	thép ống mạ kẽm Z080: 27mmx 1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600
332	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm Z080: 27mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600
333	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm Z080: 34mmx1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600
334	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm Z080: 34mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600
335	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm Z080: 42mmx1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600	19,600
336	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm Z080: 42mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200
337	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm Z080: 49mmx1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200
338	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm Z080: 49mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200
339	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm Z080: 60mmx1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200
340	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm Z080: 60mmx1 ,40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200
341	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm Z080: 76mmx1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200
342	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm Z080: 76mmx 1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200
343	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm Z080: 90mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200
344	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm Z120: 90mmx1.80mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000
345	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm Z080: 114mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200	19,200
346	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm z 120: 114mmx1.80mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000
347	Thép xây dựng	thép ống đen: độ dày 1.60mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	18,360	18,360	18,360	18,360	18,360	18,360	18,360	18,360	18,360	18,360	18,360	18,360	18,360	18,360	18,360
348	Thép xây dựng	Thép ống đen: độ dày > 1.80 - < 2.00mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	17,260	17,260	17,260	17,260	17,260	17,260	17,260	17,260	17,260	17,260	17,260	17,260	17,260	17,260	17,260
349	Thép xây dựng	Thép ống đen. độ dày > 2.00mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	16,660	16,660	16,660	16,660	16,660	16,660	16,660	16,660	16,660	16,660	16,660	16,660	16,660	16,660	16,660
350	Thép xây dựng	Thép xây dựng dạng bẻ đai VAS 06 CB240-T	kg	JIS G3112		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	15,440	15,440	15,440	15,440	15,440	15,440	15,440	15,440	15,440	15,440	15,440	15,440	15,440	15,440	15,440
351	Thép xây dựng	Thép xây dựng dạng bẻ đai VAS 08 CB240-T	kg	JIS G3112		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	15,440	15,440	15,440	15,440	15,440	15,440	15,440	15,440	15,440	15,440	15,440	15,440	15,440	15,440	15,440
352	Thép xây dựng	Thép xây dựng dạng cuộn VAS 06 CB240-T	kg	JIS 03112		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	14,440	14,440	14,440	14,440	14,440	14,440	14,440	14,440	14,440	14,440	14,440	14,440	14,440	14,440	14,440
353	Thép xây dựng	Thép xây dựng dạng cuộn VAS 08 CB240-T	kg	JIS 03112		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	14,440	14,440	14,440	14,440	14,440	14,440	14,440	14,440	14,440	14,440	14,440	14,440	14,440	14,440	14,440
354	Thép xây dựng	Thép xây dựng dạng cuộn VAS 08 CB300	kg	JIS 03112		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	14,540	14,540	14,540	14,540	14,540	14,540	14,540	14,540	14,540	14,540	14,540	14,540	14,540	14,540	14,540
355	Thép xây dựng	Thép xây dựng dạng thanh vằn gập VAS D10 CB300, Grade 40	kg	JIS 03112		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	14,660	14,660	14,660	14,660	14,660	14,660	14,660	14,660	14,660	14,660	14,660	14,660	14,660	14,660	14,660
356	Thép xây dựng	Thép xây dựng dạng thanh vằn gập VKS D12 CB300 Grade 40	kg	JIS 03112		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	14,460	14,460	14,460	14,460	14,460	14,460	14,460	14,460	14,460	14,460	14,460	14,460	14,460	14,460	14,460
357	Thép xây dựng	Thép xây dựng dạng thanh vằn THS D14 CB300/Grade 40	kg	IS G3112		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	14,460	14,460	14,460	14,460	14,460	14,460	14,460	14,460	14,460	14,460	14,460	14,460	14,460	14,460	14,460
358	Thép xây dựng	Thép xây dựng dạng thanh vằn VAS D16 CB300/Grade 40	kg	ISG3112		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	14,460	14,460	14,460	14,460	14,460	14,460	14,460	14,460	14,460	14,460	14,460	14,460	14,460	14,460	14,460
359	Thép xây dựng	Thép dây Hoa Sen Mag Shield ZM080 phủ CR: .58mmx 1200mm G350 TC1	kg	TCCS 01:2015/HSG		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21,300	21,300	21,300	21,300	21,300	21,300	21,300	21,300	21,300	21,300	21,300	21,300	21,300	21,300	21,300
360	Thép xây dựng	thép dây Hoa Sen Mag Shield ZM080 phủ CR: 0.75mmx 1200mm G350 TC1	kg	TCCS 01:2015/HSG		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20,700	20,700	20,700	20,700	20,700	20,700	20,700	20,700	20,700	20,700	20,700	20,700	20,700	20,700	20,700
361	Thép xây dựng	Thép dây Hoa Sen Mag Shield ZM080 phủCR: 0.95mmx1200mm G350 TC1	kg	TCCS 01:2015/HSG		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20,200	20,200	20,200	20,200	20,200	20,200	20,200	20,200	20,200	20,200	20,200	20,200	20,200	20,200	20,200
362	Thép xây dựng	thép dây Hoa Sen Mag Shield ZM080 phủ CR: 1.15mmx1200mm G350 TC1	kg	TCCS 01:2015/HSG		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	19,850	19,850	19,850	19,850	19,850	19,850	19,850	19,850	19,850	19,850	19,850	19,850	19,850	19,850	19,850
363	Thép xây dựng	thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 0mmx40mmx1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650
364	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 30mmx60mmx1 .40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650
365	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 0mmx80mmx1 ,40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
366	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 30mmx30mmx1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A5OO/A5OOM		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650
367	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 20mmx20mmx 1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050
368	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 21mmx1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050
369	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 13mmx26mmx 1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050
370	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 14mmx14mmx1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A5OO/A5OOM		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050
371	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 16mmx16mmx1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050
372	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 25mmx25mmx1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050
373	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 25mmx50mmx1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A5OO/A5OOM		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650
374	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 40mmx40mmx1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650
375	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 50mmx50mmx 1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A5OO/A5OOM		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650
376	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 50mmx 100mmx 1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650
377	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 27mmx1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050
378	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 34mmx1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A5OO/A5OOM		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21,020	21,020	21,020	21,020	21,020	21,020	21,020	21,020	21,020	21,020	21,020	21,020	21,020	21,020	21,020
379	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 42mm.x1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650
380	Thép xây dựng	Thép ống hoa sen Mag Shield ZM080: 49mmx 1,40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650
381	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 60mmx1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650
382	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 76mmx 1,40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650
383	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 90mmx 1 40mm.x6.0m TC1	kg	ASTM A5OO/A5OOM		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650
384	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 30mmx30mmx1.10mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650
385	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 30mmx60mmx1.10mmx6.0mT C1	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650
386	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 40mmx80mmx 1.10mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650
387	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 50mmx100mmx 1. 10mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650
388	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 20mmx40mmx 1. 10mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650
389	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 20mmx40mmx 1,20mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650
390	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 30mmx30mmx1.20mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650
391	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080 30mmx60mmx1.20mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650
392	Thép xây dựng	thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 40mm.x80mmx 1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650
393	Thép xây dựng	thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 50mmx 100mmx 1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)															
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
394	Thép xây dựng	thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 60mmx 120mmx 1.40mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650
395	Thép xây dựng	thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 14mmx 14mmx0.80mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21,800	21,800	21,800	21,800	21,800	21,800	21,800	21,800	21,800	21,800	21,800	21,800	21,800	21,800	21,800
396	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 16mmx16mmx0.80mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21,800	21,800	21,800	21,800	21,800	21,800	21,800	21,800	21,800	21,800	21,800	21,800	21,800	21,800	21,800
397	Thép xây dựng	thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 20mmx20mmx0.80mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21,800	21,800	21,800	21,800	21,800	21,800	21,800	21,800	21,800	21,800	21,800	21,800	21,800	21,800	21,800
398	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 25mmx25mmx0.80mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21,800	21,800	21,800	21,800	21,800	21,800	21,800	21,800	21,800	21,800	21,800	21,800	21,800	21,800	21,800
399	Thép xây dựng	thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 30mmx30mmx0.80mmx6.0mi TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400
400	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 40mmx40mmx0.80mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400
401	Thép xây dựng	thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 50mmx50mmx0.80mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400
402	Thép xây dựng	thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 13mmx26mmx0.80mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21,800	21,800	21,800	21,800	21,800	21,800	21,800	21,800	21,800	21,800	21,800	21,800	21,800	21,800	21,800
403	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 20mmx40mmx0.80mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21,800	21,800	21,800	21,800	21,800	21,800	21,800	21,800	21,800	21,800	21,800	21,800	21,800	21,800	21,800
404	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 25mmx50mmx0.80mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400
405	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 30mmx60mmx0.80mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400	21,400
406	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080. 14mmx 14mmx 1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050
407	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 16mmx16mmx1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050
408	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 20mmx20mmx1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050
409	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 25mmx25mmx 1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050
410	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 30mmx30mmx1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650
411	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 40mmx40mmx 1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650
412	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 50mmx50mmx 1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650
413	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 13mmx26mmx 1.00mm.x6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050
414	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 20mmx40mmx 1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650
415	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 25mmx50mmx1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650
416	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 30mmx60mmx 1.00mmmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650
417	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 40mmx80mmx 1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650
418	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 50mmx100mmx1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650
419	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 14mmx14mmx1.10mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050
420	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 16mmx 16mmx 1.10mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050
421	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 20mmx20mmx 1.1 0mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050
422	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 25mmx25mmx1.10mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050
423	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080. 40mmx40mmx 1.10mm.x6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650
424	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 50mmx50mmx1.10mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650
425	Thép xây dựng	thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 13mmx26mmx 1.10mx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050
426	Thép xây dựng	thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 25mmx50mmx1.10mmx6.0m TC1	Kg .	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)															
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
427	Thép xây dựng	thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080. 4mmx14mmx 1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050
428	Thép xây dựng	Thép hộp hoa Sen Mag Shield ZM080: 6mmx 16mmx 1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050
429	Thép xây dựng	thép hộp hoa Sen Mag Shield ZM080: 20mmx20mmx 1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050
430	Thép xây dựng	thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 5mmx25mmx 1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050
431	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 10mmx40mmx 1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650
432	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 50mmx50mmx1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650
433	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 3mmx26mmx 1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050
434	Thép xây dựng	thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 25mmx50mmx1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650
435	Thép xây dựng	thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 21mmx1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050
436	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 27mmx1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050
437	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 34mmx1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050
438	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 42mmx1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650
439	Thép xây dựng	Thép Ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 49mmx1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650
440	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 60mmx1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650
441	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 76mmx1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650
442	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 90mmx1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050
443	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 21 mmx 1.10mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050
444	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 27mmx1.10mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050
445	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 34mmx1.10mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650
446	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 42mmx1.10mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650
447	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080. 49mmx1.10mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650
448	Thép xây dựng	Thép ống hoa Sen Mag Shield ZM080: 60mmx 1.10mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650
449	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 76mmx 1.10mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650
450	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 90mmx1.10mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050
451	Thép xây dựng	Thép ống hoa Sen Mag Shield ZM080: 21mmx 1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050
452	Thép xây dựng	Thép ống hoa Sen Mag Shield ZM080: 27mmx1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A5OO/A5OOM		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050	21,050
453	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 34mmx1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650
454	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080. 42mmx 1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650
455	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 49mmx1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A5OO/A5OOM		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650
456	Thép xây dựng	Thép ống hoa Sen Mag Shield ZM080: 60mmx1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650
457	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 76mmx1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A5OO/A5OOM		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650
458	Thép xây dựng	thép ống hoa Sen Mag Shield ZM080 90mmx 1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại khu vực Long An	(Báo giá ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650	20,650
459	Thép xây dựng	Sắt 6, 8 miền nam	kg			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng Khu vực huyện Đức Hoà: Cty TNHH Tín Phong Construction, VLXD Thanh Xuân	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 07/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	16,750	-
460	Thép xây dựng	Sắt 10 miền nam	kg			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng Khu vực huyện Đức Hoà: Cty TNHH Tín Phong Construction, VLXD Thanh Xuân	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 07/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	105,750	-
461	Thép xây dựng	Sắt 6, 8 miền nam	kg			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng tại Phường Long An ,Tỉnh Tây Ninh (Khu vực Tân An, long AN cũ)(VLXD Thanh Bình,VLXD Tân Thành Quận)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá được thực hiện từ ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	16,750	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
462	Thép xây dựng	Sắt 6, 8 miền nam	kg			Cửa hàng VLXD Minh Nhật. TT.Tân Thạnh, Long An (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán tại cửa hàng	Mức giá ngày 11/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	-	-	17,000	-	-	-	-	-	-	-

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
463	Thép xây dựng	Sắt10 miền nam	kg			Cửa hàng VLXD Minh Nhật. TT.Tân Thanh, Long An (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán tại cửa hàng	Mức giá ngày 11/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	-	-	-	107,000	-	-	-	-	-	-	-
464	Thép xây dựng	Sắt12 miền nam	kg			Cửa hàng VLXD Minh Nhật. TT.Tân Thanh, Long An (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán tại cửa hàng	Mức giá ngày 11/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	-	-	-	170,000	-	-	-	-	-	-	-
465	Thép xây dựng	Sắt 6, 8 miền nam	kg			Vật liệu xây dựng Phước Thành (xã Kiến Bình, Mộc Hoá, Long An). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại cửa hàng	Mức giá được thực hiện từ 02/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	18,500	-	-
466	Thép xây dựng	Sắt10 miền nam	cây			Vật liệu xây dựng Phước Thành (xã Kiến Bình, Mộc Hoá, Long An). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại cửa hàng	Mức giá được thực hiện từ 02/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	114,000	-	-
467	Thép xây dựng	Sắt12 miền nam	cây			Vật liệu xây dựng Phước Thành (xã Kiến Bình, Mộc Hoá, Long An). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại cửa hàng	Mức giá được thực hiện từ 02/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	177,000	-	-
468	Thép xây dựng	Sắt14 miền nam	cây			Vật liệu xây dựng Phước Thành (xã Kiến Bình, Mộc Hoá, Long An). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại cửa hàng	Mức giá được thực hiện từ 02/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	241,000	-	-
469	Thép xây dựng	Sắt 6,8 Miền Nam	kg			Vật liệu xây dựng Trung Thảo (đc: xã Trường Bình, Cần giuộc). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại cửa hàng	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 12/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	17,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-
470	Thép xây dựng	Sắt 10 Miền Nam	cây			Vật liệu xây dựng Trung Thảo (đc: xã Trường Bình, Cần giuộc). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại cửa hàng	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 12/08/2026 đến khi có thônư báo mới	Giá bán tăng	-	-	-	-	-	114,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-
471	Thép xây dựng	Sắt 12 Miền Nam	cây			Vật liệu xây dựng Trung Thảo (đc: xã Trường Bình, Cần giuộc). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại cửa hàng	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 12/08/2026 đến khi có thônư báo mới	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	175,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-
472	Thép xây dựng	Sắt 6 Miền Nam	kg			Công ty TNHH MTV VLXD Cường Tiến. 69 ấp Ông Lễ, xã Bình Hiệp, TX. Kiến Tường (phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán tại cửa hàng	Mức giá áp dụng từ 27/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	17,100	-	-	-
473	Thép xây dựng	Sắt 6 Tay đê	kg			Công ty TNHH MTV VLXD Cường Tiến. 69 ấp Ông Lễ, xã Bình Hiệp, TX. Kiến Tường (phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán tại cửa hàng	Mức giá áp dụng từ 27/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	18,600	-	-	-
474	Thép xây dựng	Sắt 8 Miền Nam	kg			Công ty TNHH MTV VLXD Cường Tiến. 69 ấp Ông Lễ, xã Bình Hiệp, TX. Kiến Tường (phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán tại cửa hàng	Mức giá áp dụng từ 27/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	17,100	-	-	-
475	Thép xây dựng	Sắt 10 Miền Nam	cây			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng tại Phường Long An ,Tỉnh Tây Ninh (Khu vực Tân An, long AN cũ)(VLXD Thanh Bình,VLXD Tân Thành Quân)	Việt Nam	Không có thông tin	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán tại cửa hàng	Mức giá áp dụng từ 27/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Giá bán giảm	106,200	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	108,000	-	-	-
476	Thép xây dựng	Sắt 12 Miền Nam	cây			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng tại Phường Long An ,Tỉnh Tây Ninh (Khu vực Tân An, long AN cũ)(VLXD Thanh Bình,VLXD Tân Thành Quân)	Việt Nam	Không có thông tin	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán tại cửa hàng	Mức giá áp dụng từ 27/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Giá bán giảm	167,750	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	170,000	-	-	-
477	Thép xây dựng	Sắt 14 Miền Nam	cây			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng tại Phường Long An ,Tỉnh Tây Ninh (Khu vực Tân An, long AN cũ)(VLXD Thanh Bình,VLXD Tân Thành Quân)	Việt Nam	Không có thông tin	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán tại cửa hàng	Mức giá áp dụng từ 27/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Giá bán giảm	229,350	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	234,000	-	-	-
478	Thép xây dựng	Sắt 16 Miền Nam	cây			Công ty TNHH MTV VLXD Cường Tiến. 69 ấp Ông Lễ, xã Bình Hiệp, TX. Kiến Tường (phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán tại cửa hàng	Mức giá áp dụng từ 27/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	298,000	-	-	-
479	Thép xây dựng	Sắt 18 Miền Nam	cây			Công ty TNHH MTV VLXD Cường Tiến. 69 ấp Ông Lễ, xã Bình Hiệp, TX. Kiến Tường (phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán tại cửa hàng	Mức giá áp dụng từ 27/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	404,000	-	-	-
480	Thép xây dựng	Kẽm	kg			Công ty TNHH MTV VLXD Cường Tiến. 69 ấp Ông Lễ, xã Bình Hiệp, TX. Kiến Tường (phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán tại cửa hàng	Mức giá áp dụng từ 27/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	20,500	-	-	-
481	Thép xây dựng	Đinh 5 phân	kg			Công ty TNHH MTV VLXD Cường Tiến. 69 ấp Ông Lễ, xã Bình Hiệp, TX. Kiến Tường (phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán tại cửa hàng	Mức giá áp dụng từ 27/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	21,500	-	-	-
482	Thép xây dựng	Kẽm buộc 1 li	kg			Công ty TNHH Thép Trường Thịnh (Đc: 70 Nguyễn Hảo Vinh, P.Phú Thọ Hoà, TP.HCM - 028 5408 6666)	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển, chi phí hạ cẩu hàng xuống tại công trình bên mua	Mức giá ngày 04/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	17,500	17,500	17,500	17,500	17,500	17,500	17,500	17,500	17,500	17,500	17,500	17,500	17,500	17,500	17,500
483	Thép xây dựng	Đinh chỉ 5 phân	kg			Công ty TNHH Thép Trường Thịnh (Đc: 70 Nguyễn Hảo Vinh, P.Phú Thọ Hoà, TP.HCM - 028 5408 6666)	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển, chi phí hạ cẩu hàng xuống tại công trình bên mua	Mức giá ngày 04/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	18,500	18,500	18,500	18,500	18,500	18,500	18,500	18,500	18,500	18,500	18,500	18,500	18,500	18,500	18,500
484	Thép xây dựng	Thép D6 - CB240T	kg			Công ty TNHH Thép Trường Thịnh (Đc: 70 Nguyễn Hảo Vinh, P.Phú Thọ Hoà, TP.HCM - 028 5408 6666)	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển, chi phí hạ cẩu hàng xuống tại công trình bên mua	Mức giá ngày 04/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	16,130	16,130	16,130	16,130	16,130	16,130	16,130	16,130	16,130	16,130	16,130	16,130	16,130	16,130	16,130
485	Thép xây dựng	Thép D8 - CB240T	kg			Công ty TNHH Thép Trường Thịnh (Đc: 70 Nguyễn Hảo Vinh, P.Phú Thọ Hoà, TP.HCM - 028 5408 6666)	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển, chi phí hạ cẩu hàng xuống tại công trình bên mua	Mức giá ngày 04/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	16,130	16,130	16,130	16,130	16,130	16,130	16,130	16,130	16,130	16,130	16,130	16,130	16,130	16,130	16,130
486	Thép xây dựng	Thép D10 - CB400/CB500V	kg			Công ty TNHH Thép Trường Thịnh (Đc: 70 Nguyễn Hảo Vinh, P.Phú Thọ Hoà, TP.HCM - 028 5408 6666)	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển, chi phí hạ cẩu hàng xuống tại công trình bên mua	Mức giá ngày 04/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	15,680	15,680	15,680	15,680	15,680	15,680	15,680	15,680	15,680	15,680	15,680	15,680	15,680	15,680	15,680
487	Thép xây dựng	Thép D12 - CB400/CB500V	kg			Công ty TNHH Thép Trường Thịnh (Đc: 70 Nguyễn Hảo Vinh, P.Phú Thọ Hoà, TP.HCM - 028 5408 6666)	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển, chi phí hạ cẩu hàng xuống tại công trình bên mua	Mức giá ngày 04/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	15,480	15,480	15,480	15,480	15,480	15,480	15,480	15,480	15,480	15,480	15,480	15,480	15,480	15,480	15,480
488	Thép xây dựng	Thép D14 - CB400/CB500V	kg			Công ty TNHH Thép Trường Thịnh (Đc: 70 Nguyễn Hảo Vinh, P.Phú Thọ Hoà, TP.HCM - 028 5408 6666)	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển, chi phí hạ cẩu hàng xuống tại công trình bên mua	Mức giá ngày 04/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	15,480	15,480	15,480	15,480	15,480	15,480	15,480	15,480	15,480	15,480	15,480	15,480	15,480	15,480	15,480
489	Thép xây dựng	Thép D16 - CB400/CB500V	kg			Công ty TNHH Thép Trường Thịnh (Đc: 70 Nguyễn Hảo Vinh, P.Phú Thọ Hoà, TP.HCM - 028 5408 6666)	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển, chi phí hạ cẩu hàng xuống tại công trình bên mua	Mức giá ngày 04/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	15,480	15,480	15,480	15,480	15,480	15,480	15,480	15,480	15,480	15,480	15,480	15,480	15,480	15,480	15,480
490	Thép xây dựng	Thép D18 - CB400/CB500V	kg			Công ty TNHH Thép Trường Thịnh (Đc: 70 Nguyễn Hảo Vinh, P.Phú Thọ Hoà, TP.HCM - 028 5408 6666)	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển, chi phí hạ cẩu hàng xuống tại công trình bên mua	Mức giá ngày 04/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	15,480	15,480	15,480	15,480	15,480	15,480	15,480	15,480	15,480	15,480	15,480	15,480	15,480	15,480	15,480
491	Thép xây dựng	Thép D20 - CB400/CB500V	kg			Công ty TNHH Thép Trường Thịnh (Đc: 70 Nguyễn Hảo Vinh, P.Phú Thọ Hoà, TP.HCM - 028 5408 6666)	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển, chi phí hạ cẩu hàng xuống tại công trình bên mua	Mức giá ngày 04/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	15,480	15,480	15,480	15,480	15,480	15,480	15,480	15,480	15,480	15,480	15,480	15,480	15,480	15,480	15,480
492	Thép xây dựng	Thép D22 - CB400/CB500V	kg			Công ty TNHH Thép Trường Thịnh (Đc: 70 Nguyễn Hảo Vinh, P.Phú Thọ Hoà, TP.HCM - 028 5408 6666)	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển, chi phí hạ cẩu hàng xuống tại công trình bên mua	Mức giá ngày 04/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	15,480	15,480	15,480	15,480	15,480	15,480	15,480	15,480	15,480	15,480	15,480	15,480	15,480	15,480	15,480
493	Thép xây dựng	Thép D25 - CB400/CB500V	kg			Công ty TNHH Thép Trường Thịnh (Đc: 70 Nguyễn Hảo Vinh, P.Phú Thọ Hoà, TP.HCM - 028 5408 6666)	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển, chi phí hạ cẩu hàng xuống tại công trình bên mua	Mức giá ngày 04/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	15,630	15,630	15,630	15,630	15,630	15,630	15,630	15,630	15,630	15,630	15,630	15,630	15,630	15,630	15,630
494	Thép xây dựng	Thép D28 - CB400/CB500V	kg			Công ty TNHH Thép Trường Thịnh (Đc: 70 Nguyễn Hảo Vinh, P.Phú Thọ Hoà, TP.HCM - 028 5408 6666)	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển, chi phí hạ cẩu hàng xuống tại công trình bên mua	Mức giá ngày 04/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	15,630	15,630	15,630	15,630	15,630	15,630	15,630	15,630	15,630	15,630	15,630	15,630	15,630	15,630	15,630
495	Thép xây dựng	Thép D32 - CB400/CB500V	kg			Công ty TNHH Thép Trường Thịnh (Đc: 70 Nguyễn Hảo Vinh, P.Phú Thọ Hoà, TP.HCM - 028 5408 6666)	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển, chi phí hạ cẩu hàng xuống tại công trình bên mua	Mức giá ngày 04/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	15,630	15,630	15,630	15,630	15,630	15,630	15,630	15,630	15,630	15,630	15,630	15,630	15,630	15,630	15,630
496	Thép xây dựng	Sắt 6,8 Miền Nam	kg			Vật liệu xây dựng Nhựt Mỹ. (Đc: Huyện Vĩnh Hưng, Long An). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt nam	Không có thông tin	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán tại cửa hàng	Mức giá áp dụng từ 11/08/2026 đến khi có thông báo mới.	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	18,800	-	-	-	-
497	Thép xây dựng	Sắt 10	cây			Vật liệu xây dựng Nhựt Mỹ. (Đc: Huyện Vĩnh Hưng, Long An). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt nam	Không có thông tin	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán tại cửa hàng	Mức giá áp dụng từ 11/08/2026 đến khi có thông báo mới.	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	114,000	-	-	-	-

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)															
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
498	Thép xây dựng	Sắt 12	cây			Vật liệu xây dựng Nhựt Mỹ. (Đc: Huyện Vĩnh Hưng, Long An). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt nam	Không có thông tin	chưa bao gồm chi phí vận chuyển, giá bán tại cửa hàng	Mức giá áp dụng từ 11/08/2026 đến khi có thông báo mới.	Giảm giá bán	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	183,000	-	-	-	-
499	Thép xây dựng	Thép góc cạnh đều cán nóng logo /V/ mác AGS 400; SS400	kg	TCVN 7571-1:2019; JIS G3101-2015	25x25x(2,5+3)x6m	Công ty CP thép Nhà Bè -VNSTEEL Đc:Lô số 2, đường số 3, KCN Nhơn Trạch 2, Nhơn Phú, Đồng Nai. Công văn đề nghị công bố giá số 35/TNB-KHKD ngày 27/07/2026	Việt Nam	Lô số II-3, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Phường Nhơn Trạch, TP. Đồng Nai (Nhận hàng tại kho nhà máy)	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá áp dụng từ 25/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Bổ sung mới	17,400	17,400	17,400	17,400	17,400	17,400	17,400	17,400	17,400	17,400	17,400	17,400	17,400	17,400	17,400
500	Thép xây dựng	Thép góc cạnh đều cán nóng logo /V/ mác AGS 400; SS400	kg	TCVN 7571-1:2019; JIS G3101-2015	30x30x(2,5+3)x6m	Công ty CP thép Nhà Bè -VNSTEEL Đc:Lô số 2, đường số 3, KCN Nhơn Trạch 2, Nhơn Phú, Đồng Nai. Công văn đề nghị công bố giá số 35/TNB-KHKD ngày 27/07/2026	Việt Nam	Lô số II-3, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Phường Nhơn Trạch, TP. Đồng Nai (Nhận hàng tại kho nhà máy)	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá áp dụng từ 25/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Bổ sung mới	17,400	17,400	17,400	17,400	17,400	17,400	17,400	17,400	17,400	17,400	17,400	17,400	17,400	17,400	17,400
501	Thép xây dựng	Thép góc cạnh đều cán nóng logo /V/ mác AGS 400; SS400	kg	TCVN 7571-1:2019; JIS G3101-2015	40x40x(2,5+5)x6m	Công ty CP thép Nhà Bè -VNSTEEL Đc:Lô số 2, đường số 3, KCN Nhơn Trạch 2, Nhơn Phú, Đồng Nai. Công văn đề nghị công bố giá số 35/TNB-KHKD ngày 27/07/2026	Việt Nam	Lô số II-3, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Phường Nhơn Trạch, TP. Đồng Nai (Nhận hàng tại kho nhà máy)	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá áp dụng từ 25/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Bổ sung mới	17,400	17,400	17,400	17,400	17,400	17,400	17,400	17,400	17,400	17,400	17,400	17,400	17,400	17,400	17,400
502	Thép xây dựng	Thép góc cạnh đều cán nóng logo /V/ mác AGS 400; SS400	kg	TCVN 7571-1:2019; JIS G3101-2015	50x50x(3+6)x6m	Công ty CP thép Nhà Bè -VNSTEEL Đc:Lô số 2, đường số 3, KCN Nhơn Trạch 2, Nhơn Phú, Đồng Nai. Công văn đề nghị công bố giá số 35/TNB-KHKD ngày 27/07/2026	Việt Nam	Lô số II-3, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Phường Nhơn Trạch, TP. Đồng Nai (Nhận hàng tại kho nhà máy)	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá áp dụng từ 25/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Bổ sung mới	17,400	17,400	17,400	17,400	17,400	17,400	17,400	17,400	17,400	17,400	17,400	17,400	17,400	17,400	17,400
503	Thép xây dựng	Thép góc cạnh đều cán nóng logo /V/ mác AGS 400; SS400	kg	TCVN 7571-1:2019; JIS G3101-2015	60x60x(4+6)x6m	Công ty CP thép Nhà Bè -VNSTEEL Đc:Lô số 2, đường số 3, KCN Nhơn Trạch 2, Nhơn Phú, Đồng Nai. Công văn đề nghị công bố giá số 35/TNB-KHKD ngày 27/07/2026	Việt Nam	Lô số II-3, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Phường Nhơn Trạch, TP. Đồng Nai (Nhận hàng tại kho nhà máy)	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá áp dụng từ 25/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Bổ sung mới	16,900	16,900	16,900	16,900	16,900	16,900	16,900	16,900	16,900	16,900	16,900	16,900	16,900	16,900	16,900
504	Thép xây dựng	Thép góc cạnh đều cán nóng logo /V/ mác AGS 400; SS400	kg	TCVN 7571-1:2019; JIS G3101-2015	65x65x(5+6)x6m	Công ty CP thép Nhà Bè -VNSTEEL Đc:Lô số 2, đường số 3, KCN Nhơn Trạch 2, Nhơn Phú, Đồng Nai. Công văn đề nghị công bố giá số 35/TNB-KHKD ngày 27/07/2026	Việt Nam	Lô số II-3, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Phường Nhơn Trạch, TP. Đồng Nai (Nhận hàng tại kho nhà máy)	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá áp dụng từ 25/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Bổ sung mới	16,900	16,900	16,900	16,900	16,900	16,900	16,900	16,900	16,900	16,900	16,900	16,900	16,900	16,900	16,900
505	Thép xây dựng	Thép góc cạnh đều cán nóng logo /V/ mác AGS 400; SS400	kg	TCVN 7571-1:2019; JIS G3101-2015	70x70x(5+7)x6m	Công ty CP thép Nhà Bè -VNSTEEL Đc:Lô số 2, đường số 3, KCN Nhơn Trạch 2, Nhơn Phú, Đồng Nai. Công văn đề nghị công bố giá số 35/TNB-KHKD ngày 27/07/2026	Việt Nam	Lô số II-3, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Phường Nhơn Trạch, TP. Đồng Nai (Nhận hàng tại kho nhà máy)	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá áp dụng từ 25/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Bổ sung mới	16,900	16,900	16,900	16,900	16,900	16,900	16,900	16,900	16,900	16,900	16,900	16,900	16,900	16,900	16,900
506	Thép xây dựng	Thép góc cạnh đều cán nóng logo /V/ mác AGS 400; SS400	kg	TCVN 7571-1:2019; JIS G3101-2015	75x75x(6+9)x6m	Công ty CP thép Nhà Bè -VNSTEEL Đc:Lô số 2, đường số 3, KCN Nhơn Trạch 2, Nhơn Phú, Đồng Nai. Công văn đề nghị công bố giá số 35/TNB-KHKD ngày 27/07/2026	Việt Nam	Lô số II-3, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Phường Nhơn Trạch, TP. Đồng Nai (Nhận hàng tại kho nhà máy)	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá áp dụng từ 25/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Bổ sung mới	16,900	16,900	16,900	16,900	16,900	16,900	16,900	16,900	16,900	16,900	16,900	16,900	16,900	16,900	16,900
507	Thép xây dựng	Thép góc cạnh đều cán nóng logo /V/ mác AGS 400; SS400	kg	TCVN 7571-1:2019; JIS G3101-2015	25x25x(2,5+3)x12m	Công ty CP thép Nhà Bè -VNSTEEL Đc:Lô số 2, đường số 3, KCN Nhơn Trạch 2, Nhơn Phú, Đồng Nai. Công văn đề nghị công bố giá số 35/TNB-KHKD ngày 27/07/2026	Việt Nam	Lô số II-3, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Phường Nhơn Trạch, TP. Đồng Nai (Nhận hàng tại kho nhà máy)	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá áp dụng từ 25/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Bổ sung mới	17,500	17,500	17,500	17,500	17,500	17,500	17,500	17,500	17,500	17,500	17,500	17,500	17,500	17,500	17,500
508	Thép xây dựng	Thép góc cạnh đều cán nóng logo /V/ mác AGS 400; SS400	kg	TCVN 7571-1:2019; JIS G3101-2015	30x30x(2,5+3)x12m	Công ty CP thép Nhà Bè -VNSTEEL Đc:Lô số 2, đường số 3, KCN Nhơn Trạch 2, Nhơn Phú, Đồng Nai. Công văn đề nghị công bố giá số 35/TNB-KHKD ngày 27/07/2026	Việt Nam	Lô số II-3, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Phường Nhơn Trạch, TP. Đồng Nai (Nhận hàng tại kho nhà máy)	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá áp dụng từ 25/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Bổ sung mới	17,500	17,500	17,500	17,500	17,500	17,500	17,500	17,500	17,500	17,500	17,500	17,500	17,500	17,500	17,500
509	Thép xây dựng	Thép góc cạnh đều cán nóng logo /V/ mác AGS 400; SS400	kg	TCVN 7571-1:2019; JIS G3101-2015	40x40x(2,5+5)x12m	Công ty CP thép Nhà Bè -VNSTEEL Đc:Lô số 2, đường số 3, KCN Nhơn Trạch 2, Nhơn Phú, Đồng Nai. Công văn đề nghị công bố giá số 35/TNB-KHKD ngày 27/07/2026	Việt Nam	Lô số II-3, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Phường Nhơn Trạch, TP. Đồng Nai (Nhận hàng tại kho nhà máy)	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá áp dụng từ 25/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Bổ sung mới	17,500	17,500	17,500	17,500	17,500	17,500	17,500	17,500	17,500	17,500	17,500	17,500	17,500	17,500	17,500
510	Thép xây dựng	Thép góc cạnh đều cán nóng logo /V/ mác AGS 400; SS400	kg	TCVN 7571-1:2019; JIS G3101-2015	50x50x(3+6)x12m	Công ty CP thép Nhà Bè -VNSTEEL Đc:Lô số 2, đường số 3, KCN Nhơn Trạch 2, Nhơn Phú, Đồng Nai. Công văn đề nghị công bố giá số 35/TNB-KHKD ngày 27/07/2026	Việt Nam	Lô số II-3, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Phường Nhơn Trạch, TP. Đồng Nai (Nhận hàng tại kho nhà máy)	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá áp dụng từ 25/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Bổ sung mới	17,500	17,500	17,500	17,500	17,500	17,500	17,500	17,500	17,500	17,500	17,500	17,500	17,500	17,500	17,500
511	Thép xây dựng	Thép góc cạnh đều cán nóng logo /V/ mác AGS 400; SS400	kg	TCVN 7571-1:2019; JIS G3101-2015	60x60x(4+6)x12m	Công ty CP thép Nhà Bè -VNSTEEL Đc:Lô số 2, đường số 3, KCN Nhơn Trạch 2, Nhơn Phú, Đồng Nai. Công văn đề nghị công bố giá số 35/TNB-KHKD ngày 27/07/2026	Việt Nam	Lô số II-3, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Phường Nhơn Trạch, TP. Đồng Nai (Nhận hàng tại kho nhà máy)	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá áp dụng từ 25/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Bổ sung mới	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000
512	Thép xây dựng	Thép góc cạnh đều cán nóng logo /V/ mác AGS 400; SS400	kg	TCVN 7571-1:2019; JIS G3101-2015	65x65x(5+6)x12m	Công ty CP thép Nhà Bè -VNSTEEL Đc:Lô số 2, đường số 3, KCN Nhơn Trạch 2, Nhơn Phú, Đồng Nai. Công văn đề nghị công bố giá số 35/TNB-KHKD ngày 27/07/2026	Việt Nam	Lô số II-3, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Phường Nhơn Trạch, TP. Đồng Nai (Nhận hàng tại kho nhà máy)	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá áp dụng từ 25/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Bổ sung mới	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000
513	Thép xây dựng	Thép góc cạnh đều cán nóng logo /V/ mác AGS 400; SS400	kg	TCVN 7571-1:2019; JIS G3101-2015	70x70x(5+7)x12m	Công ty CP thép Nhà Bè -VNSTEEL Đc:Lô số 2, đường số 3, KCN Nhơn Trạch 2, Nhơn Phú, Đồng Nai. Công văn đề nghị công bố giá số 35/TNB-KHKD ngày 27/07/2026	Việt Nam	Lô số II-3, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Phường Nhơn Trạch, TP. Đồng Nai (Nhận hàng tại kho nhà máy)	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá áp dụng từ 25/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Bổ sung mới	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000
514	Thép xây dựng	Thép góc cạnh đều cán nóng logo /V/ mác AGS 400; SS400	kg	TCVN 7571-1:2019; JIS G3101-2015	75x75x(6+9)x12m	Công ty CP thép Nhà Bè -VNSTEEL Đc:Lô số 2, đường số 3, KCN Nhơn Trạch 2, Nhơn Phú, Đồng Nai. Công văn đề nghị công bố giá số 35/TNB-KHKD ngày 27/07/2026	Việt Nam	Lô số II-3, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Phường Nhơn Trạch, TP. Đồng Nai (Nhận hàng tại kho nhà máy)	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá áp dụng từ 25/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Bổ sung mới	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000
515	Gạch ốp lát	Gạch thạch anh (granite nhân tạo) 30x30cm_Màu nhạt	m2	TCVN 7745:2007	30x30	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ.Đc: 51/1A đường 3/2, P.Ninh Kiều, TP. Cần Thơ - Đt: 02923.831.091 -0918304105. Công văn đề nghị công bố giá số 006/2026/CV-TCR ngày 01/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	197,000	197,000	197,000	197,000	197,000	197,000	197,000	197,000	197,000	197,000	197,000	197,000	197,000	197,000	197,000
516	Gạch ốp lát	Gạch thạch anh (granite nhân tạo) 40x40cm màu nhạt	m2	TCVN 7745:2007	40x40	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ.Đc: 51/1A đường 3/2, P.Ninh Kiều, TP. Cần Thơ - Đt: 02923.831.091 -0918304105. Công văn đề nghị công bố giá số 006/2026/CV-TCR ngày 01/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	187,000	187,000	187,000	187,000	187,000	187,000	187,000	187,000	187,000	187,000	187,000	187,000	187,000	187,000	187,000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
517	Gạch ốp lát	Gạch men (ceramic) 30x60cm	m2	TCVN 7745:2007	30x60	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ.Đc: 51/1A đường 3/2, P.Ninh Kiều, TP. Cần Thơ - Đt: 02923.831.091 -0918304105. Công văn đề nghị công bố giá số 006/2026/CV-TCR ngày 01/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	187,000	187,000	187,000	187,000	187,000	187,000	187,000	187,000	187,000	187,000	187,000	187,000	187,000	187,000	187,000
518	Gạch ốp lát	Gạch thạch anh (granite nhân tạo) 60x30cm_Màu nhạt	m2	TCVN 7745:2007	30x60	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ.Đc: 51/1A đường 3/2, P.Ninh Kiều, TP. Cần Thơ - Đt: 02923.831.091 -0918304105. Công văn đề nghị công bố giá số 006/2026/CV-TCR ngày 01/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	257,000	257,000	257,000	257,000	257,000	257,000	257,000	257,000	257,000	257,000	257,000	257,000	257,000	257,000	257,000
519	Gạch ốp lát	Gạch thạch anh (granite nhân tạo) 60x30cm_Màu đậm	m2	TCVN 7745:2007	30x60	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ.Đc: 51/1A đường 3/2, P.Ninh Kiều, TP. Cần Thơ - Đt: 02923.831.091 -0918304105. Công văn đề nghị công bố giá số 006/2026/CV-TCR ngày 01/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	277,000	277,000	277,000	277,000	277,000	277,000	277,000	277,000	277,000	277,000	277,000	277,000	277,000	277,000	277,000
520	Gạch ốp lát	Gạch thạch anh (granite nhân tạo) 60x60cm_Màu nhạt	m2	TCVN 7745:2007	(4 viên /thùng/1,44 m2)	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ.Đc: 51/1A đường 3/2, P.Ninh Kiều, TP. Cần Thơ - Đt: 02923.831.091 -0918304105. Công văn đề nghị công bố giá số 006/2026/CV-TCR ngày 01/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	257,000	257,000	257,000	257,000	257,000	257,000	257,000	257,000	257,000	257,000	257,000	257,000	257,000	257,000	257,000
521	Gạch ốp lát	Gạch thạch anh (granite nhân tạo) 80x80cm_Màu đậm	m2	TCVN 7745:2007	(3 viên /thùng/1,92 m2)	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ.Đc: 51/1A đường 3/2, P.Ninh Kiều, TP. Cần Thơ - Đt: 02923.831.091 -0918304105. Công văn đề nghị công bố giá số 006/2026/CV-TCR ngày 01/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	277,000	277,000	277,000	277,000	277,000	277,000	277,000	277,000	277,000	277,000	277,000	277,000	277,000	277,000	277,000
522	Gạch ốp lát	Gạch thạch anh (granite nhân tạo) 60x60cm_Màu nhạt	m2	TCVN 7745:2007	(4 viên /thùng/1,44 m2)	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ.Đc: 51/1A đường 3/2, P.Ninh Kiều, TP. Cần Thơ - Đt: 02923.831.091 -0918304105. Công văn đề nghị công bố giá số 006/2026/CV-TCR ngày 01/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	257,000	257,000	257,000	257,000	257,000	257,000	257,000	257,000	257,000	257,000	257,000	257,000	257,000	257,000	257,000
523	Gạch ốp lát	Gạch thạch anh (granite nhân tạo) 60x60cm_Màu đậm	m2	TCVN 7745:2007	(4 viên /thùng/1,44 m2)	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ.Đc: 51/1A đường 3/2, P.Ninh Kiều, TP. Cần Thơ - Đt: 02923.831.091 -0918304105. Công văn đề nghị công bố giá số 006/2026/CV-TCR ngày 01/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	277,000	277,000	277,000	277,000	277,000	277,000	277,000	277,000	277,000	277,000	277,000	277,000	277,000	277,000	277,000
524	Gạch ốp lát	Gạch thạch anh (granite nhân tạo) 120x60cm_Màu nhạt	m2	TCVN 7745:2007	(2 viên /thùng/1,44 m2)	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ.Đc: 51/1A đường 3/2, P.Ninh Kiều, TP. Cần Thơ - Đt: 02923.831.091 -0918304105. Công văn đề nghị công bố giá số 006/2026/CV-TCR ngày 01/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	357,000	357,000	357,000	357,000	357,000	357,000	357,000	357,000	357,000	357,000	357,000	357,000	357,000	357,000	357,000
525	Gạch ốp lát	Gạch bóng toàn phần cao cấp 60x30cm màu nhạt	m2	TCVN 7745:2007	(8 viên /thùng/1,44 m^2)	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ.Đc: 51/1A đường 3/2, P.Ninh Kiều, TP. Cần Thơ - Đt: 02923.831.091 -0918304105. Công văn đề nghị công bố giá số 006/2026/CV-TCR ngày 01/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	237,000	237,000	237,000	237,000	237,000	237,000	237,000	237,000	237,000	237,000	237,000	237,000	237,000	237,000	237,000
526	Gạch ốp lát	Gạch bóng toàn phần cao cấp 60x30cm màu đậm	m2	TCVN 7745:2007	(8 viên /thùng/1,44 m^2)	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ.Đc: 51/1A đường 3/2, P.Ninh Kiều, TP. Cần Thơ - Đt: 02923.831.091 -0918304105. Công văn đề nghị công bố giá số 006/2026/CV-TCR ngày 01/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	287,000	287,000	287,000	287,000	287,000	287,000	287,000	287,000	287,000	287,000	287,000	287,000	287,000	287,000	287,000
527	Gạch ốp lát	Gạch bóng toàn phần cao cấp 60x60cm màu nhạt	m2	TCVN 7745:2007	(4 viên/ thùng/1,44 m^2)	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ.Đc: 51/1A đường 3/2, P.Ninh Kiều, TP. Cần Thơ - Đt: 02923.831.091 -0918304105. Công văn đề nghị công bố giá số 006/2026/CV-TCR ngày 01/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	237,000	237,000	237,000	237,000	237,000	237,000	237,000	237,000	237,000	237,000	237,000	237,000	237,000	237,000	237,000
528	Gạch ốp lát	Gạch bóng toàn phần cao cấp 60x60cm màu đậm	m2	TCVN 7745:2007	(4 viên/ thùng/1,44 m^2)	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ.Đc: 51/1A đường 3/2, P.Ninh Kiều, TP. Cần Thơ - Đt: 02923.831.091 -0918304105. Công văn đề nghị công bố giá số 006/2026/CV-TCR ngày 01/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	287,000	287,000	287,000	287,000	287,000	287,000	287,000	287,000	287,000	287,000	287,000	287,000	287,000	287,000	287,000
529	Gạch ốp lát	Gạch bóng toàn phần cao cấp 80x80cm _Màu nhạt	m2	TCVN 7745:2007	(3 viên /thùng/1,92 m2)	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ.Đc: 51/1A đường 3/2, P.Ninh Kiều, TP. Cần Thơ - Đt: 02923.831.091 -0918304105. Công văn đề nghị công bố giá số 006/2026/CV-TCR ngày 01/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	337,000	337,000	337,000	337,000	337,000	337,000	337,000	337,000	337,000	337,000	337,000	337,000	337,000	337,000	337,000
530	Gạch ốp lát	Gạch bóng toàn phần cao cấp 120x60cm _Màu nhạt	m2	TCVN 7745:2007	(2 viên /thùng/1,92 m2)	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ.Đc: 51/1A đường 3/2, P.Ninh Kiều, TP. Cần Thơ - Đt: 02923.831.091 -0918304105. Công văn đề nghị công bố giá số 006/2026/CV-TCR ngày 01/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	387,000	387,000	387,000	387,000	387,000	387,000	387,000	387,000	387,000	387,000	387,000	387,000	387,000	387,000	387,000
531	Gạch ốp lát	Gạch thạch anh bóng kinh P 60x60cm _Màu nhạt	m2	TCVN 7745:2007	60x60	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ.Đc: 51/1A đường 3/2, P.Ninh Kiều, TP. Cần Thơ - Đt: 02923.831.091 -0918304105. Công văn đề nghị công bố giá số 006/2026/CV-TCR ngày 01/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	267,000	267,000	267,000	267,000	267,000	267,000	267,000	267,000	267,000	267,000	267,000	267,000	267,000	267,000	267,000
532	Gạch ốp lát	Gạch thạch anh bóng kinh P 60x60cm _Màu đậm	m2	TCVN 7745:2007	60x60	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ.Đc: 51/1A đường 3/2, P.Ninh Kiều, TP. Cần Thơ - Đt: 02923.831.091 -0918304105. Công văn đề nghị công bố giá số 006/2026/CV-TCR ngày 01/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	297,000	297,000	297,000	297,000	297,000	297,000	297,000	297,000	297,000	297,000	297,000	297,000	297,000	297,000	297,000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
533	Gạch ốp lát	Gạch thạch anh bóng kính P 80x80cm _Màu nhạt	m2	TCVN 7745:2007	80x80	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ.Đc: 51/1A đường 3/2, P.Ninh Kiều, TP. Cần Thơ - Đt: 02923.831.091 -0918304105. Công văn đề nghị công bố giá số 006/2026/CV-TCR ngày 01/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	317,000	317,000	317,000	317,000	317,000	317,000	317,000	317,000	317,000	317,000	317,000	317,000	317,000	317,000	317,000
534	Gạch ốp lát	Gạch thạch anh bóng kính P 80x80cm _Màu đậm	m2	TCVN 7745:2007	80x80	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ.Đc: 51/1A đường 3/2, P.Ninh Kiều, TP. Cần Thơ - Đt: 02923.831.091 -0918304105. Công văn đề nghị công bố giá số 006/2026/CV-TCR ngày 01/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	337,000	337,000	337,000	337,000	337,000	337,000	337,000	337,000	337,000	337,000	337,000	337,000	337,000	337,000	337,000
535	Gạch ốp lát	BIa, Dòng sản phẩm Gạch ốp lát nhóm granite: TS1, TS2, TS3, TS4, TS5, PG1, PG2: 600, 601,..., 12, 15, 17....	m2	TCVN 13113:2020, QCVN 16:2023/BXD	600x600 mm	Công ty CP Viglacera Tiên Sơn. Đc: KCN Tiên Sơn, xã Đại Đồng, tỉnh Bắc Ninh. Công văn số 724.1/VIT-DA ngày 14/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá bao gồm Vận chuyển đến chân Công trình.	Mức giá ngày 01/04/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	375,000	375,000	375,000	375,000	375,000	375,000	375,000	375,000	375,000	375,000	375,000	375,000	375,000	375,000	375,000
536	Gạch ốp lát	BIa, Dòng sản phẩm Gạch ốp lát nhóm granite: TSMT 601,602,... PTSMT 601,062,... PTSMT 601.602....	m2	TCVN 13113:2020, QCVN 16:2023/BXD	600x600 mm	Công ty CP Viglacera Tiên Sơn. Đc: KCN Tiên Sơn, xã Đại Đồng, tỉnh Bắc Ninh. Công văn số 724.1/VIT-DA ngày 14/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá bao gồm Vận chuyển đến chân Công trình.	Mức giá ngày 01/04/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	315,000	315,000	315,000	315,000	315,000	315,000	315,000	315,000	315,000	315,000	315,000	315,000	315,000	315,000	315,000
537	Gạch ốp lát	BIa, Dòng sản phẩm Gạch ốp lát nhóm granite: TS1, TS2, TS3, TS4, TS5, PG1, PG2: 800, 801,..., 12, 15, 17,...	m2	TCVN 13113:2020, QCVN 16:2023/BXD	800x800 mm	Công ty CP Viglacera Tiên Sơn. Đc: KCN Tiên Sơn, xã Đại Đồng, tỉnh Bắc Ninh. Công văn số 724.1/VIT-DA ngày 14/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá bao gồm Vận chuyển đến chân Công trình.	Mức giá ngày 01/04/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	395,000	395,000	395,000	395,000	395,000	395,000	395,000	395,000	395,000	395,000	395,000	395,000	395,000	395,000	395,000
538	Gạch ốp lát	BIII, Gạch ốp tường ceramic KTS: KQ, trơn: UM, KS, SH, F, CL, AZ, SH 3600, KT, UM3601, 3602,.....	m2	TCVN 13113:2020, QCVN 16:2023/BXD	300x600 mm	Công ty CP Viglacera Tiên Sơn. Đc: KCN Tiên Sơn, xã Đại Đồng, tỉnh Bắc Ninh. Công văn số 724.1/VIT-DA ngày 14/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá bao gồm Vận chuyển đến chân Công trình.	Mức giá ngày 01/04/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	165,000	165,000	165,000	165,000	165,000	165,000	165,000	165,000	165,000	165,000	165,000	165,000	165,000	165,000	165,000
539	Gạch ốp lát	BIIa, Gạch lát chống T, PT 360, 367, PF, PCL, PAZ, PSH 3600, 3601, 3602,...	m2	TCVN 13113:2020, QCVN 16:2023/BXD	300x300 mm	Công ty CP Viglacera Tiên Sơn. Đc: KCN Tiên Sơn, xã Đại Đồng, tỉnh Bắc Ninh. Công văn số 724.1/VIT-DA ngày 14/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá bao gồm Vận chuyển đến chân Công trình.	Mức giá ngày 01/04/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	160,000	160,000	160,000	160,000	160,000	160,000	160,000	160,000	160,000	160,000	160,000	160,000	160,000	160,000	160,000
540	Gạch ốp lát	BIIa, Gạch lát nền mài cạnh: GM, KM, CL, NQ301, 04, H.KQ, SH CE, CL CE 501, 502, 503, 505 . 3642, 3648, PUM, PKS, PNO301,04.... 3601, 3602,... 3611...	m2	TCVN 13113:2020, QCVN 16:2023/BXD	500x500 mm	Công ty CP Viglacera Tiên Sơn. Đc: KCN Tiên Sơn, xã Đại Đồng, tỉnh Bắc Ninh. Công văn số 724.1/VIT-DA ngày 14/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá bao gồm Vận chuyển đến chân Công trình.	Mức giá ngày 01/04/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	158,000	158,000	158,000	158,000	158,000	158,000	158,000	158,000	158,000	158,000	158,000	158,000	158,000	158,000	158,000
541	Bê tông đúc sẵn	Cống tròn liền khối **D1000mm**; Thép vòng fi 8, a=10cm; thép dọc fi 10, a=19cm dày 10cm; đá 1*2; M200, Cho phép xe có Tải trọng 8 tấn lưu thông	m	TCVN 9113:2012 ISO 9001:2015	5m-11,5m	HTX XD-TM Đoàn Kết	Việt Nam	Vận chuyển đường thủy	Địa điểm sx: ấp 9 xã Tân Long , tỉnh Tây Ninh. Ngoài phạm vi 40km thương lượng thêm chi phí vận chuyển.	Mức giá được thực hiện từ ngày 03/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3,148,148	3,148,148	3,148,148	3,148,148	3,148,148	3,148,148	3,148,148	3,148,148	3,148,148	3,148,148	3,148,148	3,148,148	3,148,148	3,148,148	3,148,148
542	Bê tông đúc sẵn	Cống tròn liền khối **D1000mm**; Thép vòng fi 8, a=10cm; thép dọc fi 12, a=19cm dày 10cm; đá 1*2; M200, Cho phép xe có tải trọng 8 tấn lưu thông	m	TCVN 9113:2012 ISO 9001:2016	12m-17m	HTX XD-TM Đoàn Kết	Việt Nam	Vận chuyển đường thủy	Địa điểm sx: ấp 9 xã Tân Long , tỉnh Tây Ninh. Ngoài phạm vi 40km thương lượng thêm chi phí vận chuyển.	Mức giá được thực hiện từ ngày 03/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3,240,741	3,240,741	3,240,741	3,240,741	3,240,741	3,240,741	3,240,741	3,240,741	3,240,741	3,240,741	3,240,741	3,240,741	3,240,741	3,240,741	3,240,741
543	Bê tông đúc sẵn	Cống tròn liền khối **D1000mm**; Thép vòng fi 8, a=10cm; thép dọc fi 12, a=19cm; có thép tăng cường chống gãy giữa cống; dày 10cm; đá 1*2; M200, Cho phép xe có tải trọng 8 tấn lưu thông	m	TCVN 9113:2012 ISO 9001:2017	17,5m-19,5m	HTX XD-TM Đoàn Kết	Việt Nam	Vận chuyển đường thủy	Địa điểm sx: ấp 9 xã Tân Long , tỉnh Tây Ninh. Ngoài phạm vi 40km thương lượng thêm chi phí vận chuyển.	Mức giá được thực hiện từ ngày 03/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3,333,333	3,333,333	3,333,333	3,333,333	3,333,333	3,333,333	3,333,333	3,333,333	3,333,333	3,333,333	3,333,333	3,333,333	3,333,333	3,333,333	3,333,333
544	Bê tông đúc sẵn	Cống tròn liền khối **D1500mm**; Thép vòng fi 8, 2 lớp trong và ngoài, mỗi lớp a=20cm; thép dọc fi 12, a=20cm; dày 14cm; đá 1*2; M200, Cho phép xe có tải trống 8 tấn lưu thông	m	TCVN 9113:2012 ISO 9001:2018	10m-16,5m	HTX XD-TM Đoàn Kết	Việt Nam	Vận chuyển đường thủy	Địa điểm sx: ấp 9 xã Tân Long , tỉnh Tây Ninh. Ngoài phạm vi 40km thương lượng thêm chi phí vận chuyển.	Mức giá được thực hiện từ ngày 03/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6,064,815	6,064,815	6,064,815	6,064,815	6,064,815	6,064,815	6,064,815	6,064,815	6,064,815	6,064,815	6,064,815	6,064,815	6,064,815	6,064,815	6,064,815
545	Bê tông đúc sẵn	Cống tròn liền khối **D1500mm**; Thép vòng fi 8, 2 lớp trong và ngoài, mỗi lớp a=20cm; thép dọc fi 14, a=20cm; dày 14cm; đá 1*2; M200, Cho phép xe có tải trọng 8 tấn lưu thông	m	TCVN 9113:2012 ISO 9001:2019	17m-21m	HTX XD-TM Đoàn Kết	Việt Nam	Vận chuyển đường thủy	Địa điểm sx: ấp 9 xã Tân Long , tỉnh Tây Ninh. Ngoài phạm vi 40km thương lượng thêm chi phí vận chuyển.	Mức giá được thực hiện từ ngày 03/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6,203,704	6,203,704	6,203,704	6,203,704	6,203,704	6,203,704	6,203,704	6,203,704	6,203,704	6,203,704	6,203,704	6,203,704	6,203,704	6,203,704	6,203,704
546	Bê tông đúc sẵn	Cống tròn liền khối **D1500mm**; Thép vòng fi 8, 2 lớp trong và ngoài, mỗi lớp a=15cm; thép dọc fi 14, a=20cm; dày 14cm; đá 1*2; M250, Cho phép xe có tải trọng 13 tấn lưu thông	m	TCVN 9113:2012 ISO 9001:2020	10m-16,5m	HTX XD-TM Đoàn Kết	Việt Nam	Vận chuyển đường thủy	Địa điểm sx: ấp 9 xã Tân Long , tỉnh Tây Ninh. Ngoài phạm vi 40km thương lượng thêm chi phí vận chuyển.	Mức giá được thực hiện từ ngày 03/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6,509,259	6,509,259	6,509,259	6,509,259	6,509,259	6,509,259	6,509,259	6,509,259	6,509,259	6,509,259	6,509,259	6,509,259	6,509,259	6,509,259	6,509,259
547	Bê tông đúc sẵn	Cống tròn liền khối **D1500mm**; Thép vòng fi 8, 2 lớp trong và ngoài, mỗi lớp a=15cm; thép dọc fi 16, a=20cm; dày 14cm; đá 1*2; M250, Cho phép xe có tải trọng 13 tấn lưu thông	m	TCVN 9113:2012 ISO 9001:2021	17m-21m	HTX XD-TM Đoàn Kết	Việt Nam	Vận chuyển đường thủy	Địa điểm sx: ấp 9 xã Tân Long , tỉnh Tây Ninh. Ngoài phạm vi 40km thương lượng thêm chi phí vận chuyển.	Mức giá được thực hiện từ ngày 03/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6,694,444	6,694,444	6,694,444	6,694,444	6,694,444	6,694,444	6,694,444	6,694,444	6,694,444	6,694,444	6,694,444	6,694,444	6,694,444	6,694,444	6,694,444
548	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh AZ070 phủ AF: 0.25mmxl200mm G550	m	TCCS 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa.Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	62,500	62,500	62,500	62,500	62,500	62,500	62,500	62,500	62,500	62,500	62,500	62,500	62,500	62,500	62,500
549	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh AZ070 phủ AF: 0.30mmxl200mm G550	m	TCCS 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa.Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	69,000	69,000	69,000	69,000	69,000	69,000	69,000	69,000	69,000	69,000	69,000	69,000	69,000	69,000	69,000
550	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh AZ070 phủ AF: 0.3 5 mm.x 1200mm G550	m	TCCS 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa.Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	77,000	77,000	77,000	77,000	77,000	77,000	77,000	77,000	77,000	77,000	77,000	77,000	77,000	77,000	77,000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)															
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
551	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh AZ070 phủ AF: 0.40mmx1200mm G550	m	TCCS 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	85,500	85,500	85,500	85,500	85,500	85,500	85,500	85,500	85,500	85,500	85,500	85,500	85,500	85,500	85,500
552	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh AZ070 phủ AF: 0.4 5mmx 1200mm G55O	m	TCCS 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	94,500	94,500	94,500	94,500	94,500	94,500	94,500	94,500	94,500	94,500	94,500	94,500	94,500	94,500	94,500
553	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh AZ070 phủ AF: 0.50mmx1200mm G55O	m	TCCS 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	103,500	103,500	103,500	103,500	103,500	103,500	103,500	103,500	103,500	103,500	103,500	103,500	103,500	103,500	103,500
554	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ070 00/05: 0.2 5mmx 1200mm G55O	m	TCCS 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	62,500	62,500	62,500	62,500	62,500	62,500	62,500	62,500	62,500	62,500	62,500	62,500	62,500	62,500	62,500
555	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ070 00/05: 0.30mmx 1200mm G55O	m	TCCS 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	69,000	69,000	69,000	69,000	69,000	69,000	69,000	69,000	69,000	69,000	69,000	69,000	69,000	69,000	69,000
556	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ070 00/05: 0.35mmx1200mm G55O	m	TCCS 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	77,000	77,000	77,000	77,000	77,000	77,000	77,000	77,000	77,000	77,000	77,000	77,000	77,000	77,000	77,000
557	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ070 00/05: 0.40mmx 1200mm G55O	m	TCCS O1:2O15/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	85,500	85,500	85,500	85,500	85,500	85,500	85,500	85,500	85,500	85,500	85,500	85,500	85,500	85,500	85,500
558	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ070 00/05: 0.45mmx1200mm G55O	m	TCCS 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	94,500	94,500	94,500	94,500	94,500	94,500	94,500	94,500	94,500	94,500	94,500	94,500	94,500	94,500	94,500
559	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ070 00/05: 0.50mmx 1200mm G550	m	TCCS 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	103,500	103,500	103,500	103,500	103,500	103,500	103,500	103,500	103,500	103,500	103,500	103,500	103,500	103,500	103,500
560	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh AZ100 phủ AF: 0.30mmx1200mm G55O	m	TCCS 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	73,000	73,000	73,000	73,000	73,000	73,000	73,000	73,000	73,000	73,000	73,000	73,000	73,000	73,000	73,000
561	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh AZ100 phủ AF: 0.35mmx1200mm G55O	m	TCCS 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	80,000	80,000	80,000	80,000	80,000	80,000	80,000	80,000	80,000	80,000	80,000	80,000	80,000	80,000	80,000
562	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh AZ100 phủ AF: 0.40mmx 1200mm G550	m	TCCS0112015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	89,500	89,500	89,500	89,500	89,500	89,500	89,500	89,500	89,500	89,500	89,500	89,500	89,500	89,500	89,500
563	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh AZ100 phủ AF: 0.45mmx1200mm G55O	m	TCCS 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	97,500	97,500	97,500	97,500	97,500	97,500	97,500	97,500	97,500	97,500	97,500	97,500	97,500	97,500	97,500
564	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh AZ100 phủ AF: 0.50mmx1200mm G550	m	TCCS 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	106,500	106,500	106,500	106,500	106,500	106,500	106,500	106,500	106,500	106,500	106,500	106,500	106,500	106,500	106,500
565	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ100 00/05: 0.30mmx 1200mm G550	m	TCCSOL2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	73,000	73,000	73,000	73,000	73,000	73,000	73,000	73,000	73,000	73,000	73,000	73,000	73,000	73,000	73,000
566	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ100 00/05: 0.35mmx1200mm G55O	m	TCCS 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	80,000	80,000	80,000	80,000	80,000	80,000	80,000	80,000	80,000	80,000	80,000	80,000	80,000	80,000	80,000
567	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ100 00/05: 0.40mmx1200mm G55O	m	TCCS 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	89,500	89,500	89,500	89,500	89,500	89,500	89,500	89,500	89,500	89,500	89,500	89,500	89,500	89,500	89,500
568	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ100 00/05: 0.45mmx 1200mm G550	m	TCCS 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	97,500	97,500	97,500	97,500	97,500	97,500	97,500	97,500	97,500	97,500	97,500	97,500	97,500	97,500	97,500
569	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ100 00/05: 0.50mmx 1200mm G550	m	TCCS 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	106,500	106,500	106,500	106,500	106,500	106,500	106,500	106,500	106,500	106,500	106,500	106,500	106,500	106,500	106,500
570	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05: 0.25mmx 1200mm G550	m	TCCS 02:2017/HSG		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	70,000	70,000	70,000	70,000	70,000	70,000	70,000	70,000	70,000	70,000	70,000	70,000	70,000	70,000	70,000
571	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05: 0.30mmx 1200mm G550	m	TCCS 02;2017/HSG		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	79,500	79,500	79,500	79,500	79,500	79,500	79,500	79,500	79,500	79,500	79,500	79,500	79,500	79,500	79,500
572	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05: 0.35mmx 1200mm G550	m	TCCS 02:2017/HSG		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	89,000	89,000	89,000	89,000	89,000	89,000	89,000	89,000	89,000	89,000	89,000	89,000	89,000	89,000	89,000
573	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05: 0.40mmx 1200mm G550	m	TCCS 02.2017/HSG		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	98,500	98,500	98,500	98,500	98,500	98,500	98,500	98,500	98,500	98,500	98,500	98,500	98,500	98,500	98,500
574	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05: 0.45mmx1200mm G550	m	TCCS 02:2017/HSG		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	108,500	108,500	108,500	108,500	108,500	108,500	108,500	108,500	108,500	108,500	108,500	108,500	108,500	108,500	108,500
575	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05: 0.50mmx 1200mm G550	m	TCCS 02:2017/HSG		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	119,500	119,500	119,500	119,500	119,500	119,500	119,500	119,500	119,500	119,500	119,500	119,500	119,500	119,500	119,500
576	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn HOA SEN GOLD màu: 0.50mmx 1200mm	m	ASTM A755M		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	128,000	128,000	128,000	128,000	128,000	128,000	128,000	128,000	128,000	128,000	128,000	128,000	128,000	128,000	128,000
577	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ100 00/05 cách nhiệt PU 16mm: 0.30mmx 1070mm G550	m	TCCS 0L2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	130,000	130,000	130,000	130,000	130,000	130,000	130,000	130,000	130,000	130,000	130,000	130,000	130,000	130,000	130,000
578	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ100 00/05 cách nhiệt PU 16mm: 0.35mmx1070mm G550	m	TCCS 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	140,000	140,000	140,000	140,000	140,000	140,000	140,000	140,000	140,000	140,000	140,000	140,000	140,000	140,000	140,000
579	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ100 00/05 cách nhiệt Pu 16mm: 0.40mmx 1070mm G55O	m	TCCS 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	150,000	150,000	150,000	150,000	150,000	150,000	150,000	150,000	150,000	150,000	150,000	150,000	150,000	150,000	150,000
580	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ100 00/05 cách nhiệt PL' 16mm: 0.45mmx 1070mm G550	m	TCCS 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	160,000	160,000	160,000	160,000	160,000	160,000	160,000	160,000	160,000	160,000	160,000	160,000	160,000	160,000	160,000
581	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ100 00/05 cách nhiệt PL' 16mm: 0.50mmx 1070mm G550	m	TCCS 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	170,000	170,000	170,000	170,000	170,000	170,000	170,000	170,000	170,000	170,000	170,000	170,000	170,000	170,000	170,000
582	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ100 00/05 cách nhiệt PI' ÍSmm. 0.30mmx 1070mm G55O	m	TCCS 01:2OI5/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	132,000	132,000	132,000	132,000	132,000	132,000	132,000	132,000	132,000	132,000	132,000	132,000	132,000	132,000	132,000
583	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ100 00/05 cách nhiệt PU 18mm: .35mmx1070mm G55O	m	rccs 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	142,000	142,000	142,000	142,000	142,000	142,000	142,000	142,000	142,000	142,000	142,000	142,000	142,000	142,000	142,000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)															
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
584	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ100 00/05 cách nhiệt PU 18mm: ,40mmx 1070mm G550 .	m	rccs 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	152,000	152,000	152,000	152,000	152,000	152,000	152,000	152,000	152,000	152,000	152,000	152,000	152,000	152,000	152,000
585	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ100 00/05 cách nhiệt PLĨ 18mm: ,45mmx1070mm G550	m	TCCS01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	162,000	162,000	162,000	162,000	162,000	162,000	162,000	162,000	162,000	162,000	162,000	162,000	162,000	162,000	162,000
586	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ100 00/05 cách nhiệt PU 18mm: ,50mmx1070mm G550	m	rccs 01:2015/HSG.		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	172,000	172,000	172,000	172,000	172,000	172,000	172,000	172,000	172,000	172,000	172,000	172,000	172,000	172,000	172,000
587	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05 cách nhiệt Pư 16mm: ,30mmx1070mm G550	m	rccs 02:2017/HSG		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	137,000	137,000	137,000	137,000	137,000	137,000	137,000	137,000	137,000	137,000	137,000	137,000	137,000	137,000	137,000
588	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05 cách nhiệt Pư l6mm: ,35mmx1070mm G55O	m	rccs 02:2017/HSG		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	147,000	147,000	147,000	147,000	147,000	147,000	147,000	147,000	147,000	147,000	147,000	147,000	147,000	147,000	147,000
589	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05 cách nhiệt PU 16mm: ,40mmx1070mm G550	m	TCCS 02:2017/HSG		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	157,000	157,000	157,000	157,000	157,000	157,000	157,000	157,000	157,000	157,000	157,000	157,000	157,000	157,000	157,000
590	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05 cách nhiệt PU 16mm: ,45mmx 1070mm G550	m	TCCS 02:2017/HSG		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	167,000	167,000	167,000	167,000	167,000	167,000	167,000	167,000	167,000	167,000	167,000	167,000	167,000	167,000	167,000
591	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05 cách nhiệt Pư 16mm: 3.50mmx 1070mm G550	m	TCCS 02:2017/HSG		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	177,000	177,000	177,000	177,000	177,000	177,000	177,000	177,000	177,000	177,000	177,000	177,000	177,000	177,000	177,000
592	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05 cách nhiệt PU 18mm: D.30mmx1070mm G550	m	TCCS 02:2017/HSG		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	139,000	139,000	139,000	139,000	139,000	139,000	139,000	139,000	139,000	139,000	139,000	139,000	139,000	139,000	139,000
593	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05 cách nhiệt Pư 18mm: 0.35mmx 1070mm G550	m	TCCS 02:2017/HSG		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	149,000	149,000	149,000	149,000	149,000	149,000	149,000	149,000	149,000	149,000	149,000	149,000	149,000	149,000	149,000
594	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05 cách nhiệt PU 18mm: 0.40mmx1070mm G550	m	TCCS 02:2017/HSG		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	159,000	159,000	159,000	159,000	159,000	159,000	159,000	159,000	159,000	159,000	159,000	159,000	159,000	159,000	159,000
595	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05 cách nhiệt PU 18mm: 0.45mmx 1070mm G550	m	TCCS 02:2017/HSG		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	169,000	169,000	169,000	169,000	169,000	169,000	169,000	169,000	169,000	169,000	169,000	169,000	169,000	169,000	169,000
596	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05 cách nhiệt Pư 18mm: 0.5(),mmx1070mm G55O	m	TCCS 02:2017/HSG		Công ty Cổ phần tập đoàn Hoa Sen - chi nhánh tỉnh Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	179,000	179,000	179,000	179,000	179,000	179,000	179,000	179,000	179,000	179,000	179,000	179,000	179,000	179,000	179,000
597	Sơn	Sơn giao thông lót	kg	TN các chỉ tiêu kỹ thuật theo công văn số 4718/GTVT-KHCN về tiêu chuẩn vạch kẻ Đường nhiệt dẻo của Bộ GTVT	04kg/lon 18kg/thùng	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	94,100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
598	Sơn	Sơn giao thông trắng 20% hạt phản quang (JFPT25)	kg	TCVN 8791:2011	25kg/bao	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	31,100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
599	Sơn	Sơn giao thông trắng 20% hạt phản quang (JFPV25)	kg	TCVN 8791:2011	25kg/bao	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	33,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
600	Sơn	Sơn giao thông trắng 30% hạt phản quang AASHTO (JAPT25)	kg	AASHTO	25kg/bao	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	44,100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
601	Sơn	Sơn giao thông vàng 30% hạt phản quang AASHTO (JAPV25)	kg	AASHTO	25kg/bao	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	46,500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
602	Sơn	Sơn kẻ vạch đường, sơn lạnh (màu trắng, đen)	kg	TCVN 8787-2011	05kg/lon 25kg/thùng	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	153,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
603	Sơn	Sơn kẻ vạch đường, sơn lạnh (màu vàng, đỏ)	kg	TCVN 8787-2011	05kg/lon 25kg/thùng	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	190,500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
604	Sơn	Sơn clear phản quang (1 bộ gồm Clear: 3.9kg và hạt phản quang: 1.1kg)	kg	TCVN 8791:2011	05kg/bộ	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	212,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
605	Sơn	Hạt phản quang	kg	BS 6088A	25kg/bao	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	25,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
606	Sơn	Jothiner Joway	kg	TCVN 8787-2011	05lít/lon 01lít/lon	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	86,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
607	Sơn	Sơn lót Epoxy gốc dầu	kg	QCVN 16:2019/BXD JIS K 5551:2018	04kg/bộ 20kg/bộ	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	178,500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
608	Sơn	Sơn phủ Epoxy gốc dầu (trong nhà)	kg	QCVN 16:2019/BXD JIS K 5659:2021	04/kg/bộ 20kg/bộ	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	414,100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)															
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
609	Sơn	Sơn lót Expoxy gốc nước	kg	QCVN 16:2019/BXD	04 kg/bộ	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	185,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
610	Sơn	Matis gốc nước	kg	QCVN 16:2019/BXD	20kg/bộ	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	74,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
611	Sơn	Sơn phủ Expoxy gốc nước	kg	QCVN 16:2019/BXD	6,5kg/bộ	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	427,500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
612	Sơn	Sơn phủ (LOTUS)	thùng	QCVN 16:2019/BXD JIS K5663:2003	18 lít/thùng	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5,755,300	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
613	Sơn	Sơn lót (PROS Dự Án)	thùng	TCCS 06:2011/LQJT	18 lít/thùng	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,855,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
614	Sơn	Bột trét Passion Ext	bao	TCVN 7239:2014	40kg/bao	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	597,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
615	Sơn	Sơn phủ Peace	thùng	QCVN 16:2019/BXD	18 lít/thùng	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,792,800	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
616	Sơn	Sơn lót (PROSIN Dự Án)	thùng	TCCS 06:2011/LQJT	18 lít/thùng	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,786,500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
617	Sơn	Bột trét (PASSION INT)	bao	TCVN 7239:2014	40 kg/bao	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	451,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
618	Sơn	Bột trét nội thất SP. FILLER Siêu trắng	bao	TCVN 7239:2014	40 kg/bao	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	331,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
619	Sơn	Bột trét ngoại thất JOTON trắng	bao	TCVN 7239:2014	40 kg/bao	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	414,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
620	Sơn	Bột trét nội và ngoại thất JOTON BEST COAT	bao	TCVN 7239:2014	40 kg/bao	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	494,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
621	Sơn	Keo dán gạch	bao	QCVN 16:2019/BXD J1S K5663:2003	25 kg/bao	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	285,500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
622	Sơn	Bột chà ron	hộp	QCVN 16:2019/BXD J1S K5663:2003	05 kg/hộp	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	75,500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
623	Sơn	Sơn nước nội thất SENIOR	thùng	QCVN 16:2019/BXD J1S K5663:2003	18 lít/thùng	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,782,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
624	Sơn	Sơn nước Nội Thất SENIOR	lon	QCVN 16:2019/BXD J1S K5663:2003	05 lít/lon	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	534,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
625	Sơn	Sơn nước Nội Thất EXFA	lon	QCVN 16:2019/BXD J1S K5663:2003	05 lít/lon	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	973,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
626	Sơn	SƠN nước ngoại thất FA N6	thùng	QCVN 16:2019/BXD J1S K5663:2003	18 lít/thùng	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4,330,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
627	Sơn	SƠN nước ngoại thất FA NGOÀI CT	lon	QCVN 16:2019/BXD J1S K5663:2003	05 lít/lon	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,266,500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
628	Sơn	SƠN nước ngoại thất FA NGOÀI CT	lon	QCVN 16:2019/BXD J1S K5663:2003	01 lít/lon	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	302,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
629	Sơn	Sơn nước ngoại thất JONY	thùng	QCVN 16:2019/BXD J1S K5663:2003	18 lít/thùng	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,590,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
630	Sơn	Sơn nước thoại thất JONY	lon	QCVN 16:2019/BXD J1S K5663:2003	05 lít/lon	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	867,500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
631	Sơn	Sơn chất thẩm gốc dầu	lon	TCVN 7239:2014	06 lít/lon	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,693,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)															
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
632	Sơn	Sơn chất thẩm gốc dầu	thùng	TCVN 7239:2014	18,5 kg/thùng	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,539,500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
633	Sơn	Sơn sắt mạ kẽm	thùng	TCCS SD13-14:2020/LQJT	20 kg/thùng	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4,843,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
634	Sơn	Sơn sắt mạ kẽm	lon	TCCS SD13-14:2020/LQJT	03 lít/lon	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	812,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
635	Sơn	Sơn sắt mạ kẽm	lon	TCCS SD13-14:2020/LQJT	0,8 lít/lon	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	217,500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
636	Sơn	Sơn sắt mạ kẽm	lon	TCCS SD13-14:2020/LQJT	0,45 lít/lon	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	131,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
637	Sơn	Bột trét ngoại thất Nippon WeatherGard Skimcoat	kg	TCVN 7329:2014	40kg	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000
638	Sơn	Bột trét ngoại thất Nippon Exterior Putty	kg	TCVN 7329:2014	40kg	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	12,700	12,700	12,700	12,700	12,700	12,700	12,700	12,700	12,700	12,700	12,700	12,700	12,700	12,700	12,700
639	Sơn	Bột trét ngoại thất Nippon Weatherbond Skimcoat	kg	TCVN 7329:2014	40kg	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	11,000	11,000	11,000	11,000	11,000	11,000	11,000	11,000	11,000	11,000	11,000	11,000	11,000	11,000	11,000
640	Sơn	Bột trét nội thất Nippon Interior Putty	kg	TCVN 7329:2014	40kg	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	9,700	9,700	9,700	9,700	9,700	9,700	9,700	9,700	9,700	9,700	9,700	9,700	9,700	9,700	9,700
641	Sơn	Bột trét nội thất Nippon Interior Skimcoat	kg	TCVN 7329:2014	40kg	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	9,000	9,000	9,000	9,000	9,000	9,000	9,000	9,000	9,000	9,000	9,000	9,000	9,000	9,000	9,000
642	Sơn	Sơn lót nội thất cao cấp Nippon Odour-less Sealer	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L, 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	218,400	218,400	218,400	218,400	218,400	218,400	218,400	218,400	218,400	218,400	218,400	218,400	218,400	218,400	218,400
643	Sơn	Sơn lót nội thất Nippon Easy Wash Sealer	lít	QCVN 16:2023 BXD	15L, 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	205,800	205,800	205,800	205,800	205,800	205,800	205,800	205,800	205,800	205,800	205,800	205,800	205,800	205,800	205,800
644	Sơn	Sơn lót nội thất cao cấp Nippon Interior Sealer	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	162,000	162,000	162,000	162,000	162,000	162,000	162,000	162,000	162,000	162,000	162,000	162,000	162,000	162,000	162,000
645	Sơn	Sơn lót nội thất Nippon Matex Sealer	lít	QCVN 16:2023 BXD	17L. 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	125,800	125,800	125,800	125,800	125,800	125,800	125,800	125,800	125,800	125,800	125,800	125,800	125,800	125,800	125,800
646	Sơn	Sơn lót ngoại thất cao cấp Nippon WeatherGard Sealer	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L, 17L, 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	316,200	316,200	316,200	316,200	316,200	316,200	316,200	316,200	316,200	316,200	316,200	316,200	316,200	316,200	316,200
647	Sơn	Sơn lót ngoại thất chống nứt Nippon Weatherbond Flex Sealer	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	256,000	256,000	256,000	256,000	256,000	256,000	256,000	256,000	256,000	256,000	256,000	256,000	256,000	256,000	256,000
648	Sơn	Sơn lót ngoại thất cao cấp Nippon Weatherbond Sealer	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	220,000	220,000	220,000	220,000	220,000	220,000	220,000	220,000	220,000	220,000	220,000	220,000	220,000	220,000	220,000
649	Sơn	Sơn lót ngoại thất Nippon Super Matex Sealer	lít	QCVN 16:2023 BXD	17L. 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	208,600	208,600	208,600	208,600	208,600	208,600	208,600	208,600	208,600	208,600	208,600	208,600	208,600	208,600	208,600
650	Sơn	Sơn phủ nội thất kinh tế Nippon Vatex	lít	QCVN 16:2023 BXD	17L. 4,8kg	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	74,200	74,200	74,200	74,200	74,200	74,200	74,200	74,200	74,200	74,200	74,200	74,200	74,200	74,200	74,200
651	Sơn	Sơn phủ nội thất Nippon Matex	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L, 5kg	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	122,000	122,000	122,000	122,000	122,000	122,000	122,000	122,000	122,000	122,000	122,000	122,000	122,000	122,000	122,000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
652	Sơn	Sơn phủ nội thất Nippon Matex Sắc Màu Dịu Mát	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L, 5kg	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	112,200	112,200	112,200	112,200	112,200	112,200	112,200	112,200	112,200	112,200	112,200	112,200	112,200	112,200	112,200
653	Sơn	Sơn phủ nội thất Nippon Easy Wash lau chùi dễ dàng	lít	QCVN 16:2023 BXD	15L, 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	217,800	217,800	217,800	217,800	217,800	217,800	217,800	217,800	217,800	217,800	217,800	217,800	217,800	217,800	217,800
654	Sơn	Sơn phủ nội thất chống nấm mốc Nippon Trắng Trần Toàn Diện	lít	QCVN 16:2023 BXD	15L, 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	226,800	226,800	226,800	226,800	226,800	226,800	226,800	226,800	226,800	226,800	226,800	226,800	226,800	226,800	226,800
655	Sơn	Sơn phủ nội thất cao cấp Nippon Odour-less Bóng sang trọng	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L, 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	257,200	257,200	257,200	257,200	257,200	257,200	257,200	257,200	257,200	257,200	257,200	257,200	257,200	257,200	257,200
656	Sơn	Sơn phủ nội thất cao cấp Nippon Odour-less chùi rửa vượt trội & kháng khuẩn	lít	QCVN 16:2023 BXD	15L, 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	262,800	262,800	262,800	262,800	262,800	262,800	262,800	262,800	262,800	262,800	262,800	262,800	262,800	262,800	262,800
657	Sơn	Sơn phủ nội thất cao cấp Nippon Spot-less Plus	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L, 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	399,400	399,400	399,400	399,400	399,400	399,400	399,400	399,400	399,400	399,400	399,400	399,400	399,400	399,400	399,400
658	Sơn	Sơn phủ nội thất cao cấp Nippon Odour-less All in 1 bóng (không mùi)	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L, 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	431,800	431,800	431,800	431,800	431,800	431,800	431,800	431,800	431,800	431,800	431,800	431,800	431,800	431,800	431,800
659	Sơn	Sơn phủ nội thất cao cấp Nippon Odour-less All in 1 bóng Siêu Bóng (không mùi)	lít	QCVN 16:2023 BXD	5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	477,200	477,200	477,200	477,200	477,200	477,200	477,200	477,200	477,200	477,200	477,200	477,200	477,200	477,200	477,200
660	Sơn	Sơn phủ nội thất kinh tế Nippon Litex	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	47,000	47,000	47,000	47,000	47,000	47,000	47,000	47,000	47,000	47,000	47,000	47,000	47,000	47,000	47,000
661	Sơn	Sơn phủ nội thất chống nấm mốc Nippon Matex Light	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	105,000	105,000	105,000	105,000	105,000	105,000	105,000	105,000	105,000	105,000	105,000	105,000	105,000	105,000	105,000
662	Sơn	Sơn phủ nội thất cao cấp chùi rửa vượt trội Nippon Super Easy Wash	lít	QCVN 16:2023 BXD	17L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	164,000	164,000	164,000	164,000	164,000	164,000	164,000	164,000	164,000	164,000	164,000	164,000	164,000	164,000	164,000
663	Sơn	Sơn phủ nội thất cao cấp chống bám bẩn kháng khuẩn Nippon Spot-Less Perfect	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	211,000	211,000	211,000	211,000	211,000	211,000	211,000	211,000	211,000	211,000	211,000	211,000	211,000	211,000	211,000
664	Sơn	Sơn phủ ngoại thất Nippon Super Matex	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L, 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	208,600	208,600	208,600	208,600	208,600	208,600	208,600	208,600	208,600	208,600	208,600	208,600	208,600	208,600	208,600
665	Sơn	Sơn phủ ngoại thất Nippon Super Gard	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L, 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	318,400	318,400	318,400	318,400	318,400	318,400	318,400	318,400	318,400	318,400	318,400	318,400	318,400	318,400	318,400
666	Sơn	Sơn phủ ngoại thất cao cấp Nippon WeatherGard Hitex	lít	QCVN 16:2023 BXD	15L, 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	433,800	433,800	433,800	433,800	433,800	433,800	433,800	433,800	433,800	433,800	433,800	433,800	433,800	433,800	433,800
667	Sơn	Sơn phủ ngoại thất cao cấp Nippon WeatherGard Plux +	lít	QCVN 16:2023 BXD	15L, 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	568,400	568,400	568,400	568,400	568,400	568,400	568,400	568,400	568,400	568,400	568,400	568,400	568,400	568,400	568,400
668	Sơn	Sơn phủ ngoại thất cao cấp Nippon WeatherGard Siêu Bóng	lít	QCVN 16:2023 BXD	5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	655,000	655,000	655,000	655,000	655,000	655,000	655,000	655,000	655,000	655,000	655,000	655,000	655,000	655,000	655,000
669	Sơn	Sơn phủ ngoại thất kinh tế Nippon Super Litex	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	148,000	148,000	148,000	148,000	148,000	148,000	148,000	148,000	148,000	148,000	148,000	148,000	148,000	148,000	148,000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)															
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
670	Sơn	Sơn phủ ngoại thất chống rêu mốc, chống bong tróc Nippon Superbond	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	244,000	244,000	244,000	244,000	244,000	244,000	244,000	244,000	244,000	244,000	244,000	244,000	244,000	244,000	244,000
671	Sơn	Sơn phủ ngoại thất cao cấp màng sơn bóng mờ, bền màu Nippon Weatherbond	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	352,000	352,000	352,000	352,000	352,000	352,000	352,000	352,000	352,000	352,000	352,000	352,000	352,000	352,000	352,000
672	Sơn	Sơn phủ ngoại thất cao cấp, che phủ vết nứt Nippon Weatherbond Flex	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	440,000	440,000	440,000	440,000	440,000	440,000	440,000	440,000	440,000	440,000	440,000	440,000	440,000	440,000	440,000
673	Sơn	Sơn phủ ngoại thất cao cấp kháng kiềm và độ đàn hồi cao Nippon Weatherbond CoastPro	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	528,000	528,000	528,000	528,000	528,000	528,000	528,000	528,000	528,000	528,000	528,000	528,000	528,000	528,000	528,000
674	Sơn	Sơn chống thấm Nippon WP 200 Expert	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	193,000	193,000	193,000	193,000	193,000	193,000	193,000	193,000	193,000	193,000	193,000	193,000	193,000	193,000	193,000
675	Sơn	Sơn chống thấm Nippon WP 200	kg	QCVN 16:2023 BXD	20kg	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	224,600	224,600	224,600	224,600	224,600	224,600	224,600	224,600	224,600	224,600	224,600	224,600	224,600	224,600	224,600
676	Sơn	Sơn chống thấm Nippon WP 200 Plus	kg	QCVN 16:2023 BXD	18kg	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Khối lượng cung cấp theo yêu cầu của bên mua, điều kiện giao hàng: thanh toán trước khi giao hàng	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	250,000	250,000	250,000	250,000	250,000	250,000	250,000	250,000	250,000	250,000	250,000	250,000	250,000	250,000	250,000
677	Sơn	Bột trét ngoại thất cao cấp KOVA CITY	Bao	TCVN 7239:2014	Bao 40kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	671,296	671,296	671,296	671,296	671,296	671,296	671,296	671,296	671,296	671,296	671,296	671,296	671,296	671,296	671,296
678	Sơn	Bột trét nội thất cao cấp KOVA CITY	Bao	TCVN 7239:2014	Bao 40kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	507,407	507,407	507,407	507,407	507,407	507,407	507,407	507,407	507,407	507,407	507,407	507,407	507,407	507,407	507,407
679	Sơn	Bột trét nội thất KOVA DX	Bao	TCVN 7239:2014	Bao 40kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	496,296	496,296	496,296	496,296	496,296	496,296	496,296	496,296	496,296	496,296	496,296	496,296	496,296	496,296	496,296
680	Sơn	Chất chống thấm cao cấp KOVA CT-11A Plus Sàn	Thùng	TCVN 12692:2020	Thùng 22kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3,842,593	3,842,593	3,842,593	3,842,593	3,842,593	3,842,593	3,842,593	3,842,593	3,842,593	3,842,593	3,842,593	3,842,593	3,842,593	3,842,593	3,842,593
681	Sơn	Chất chống thấm cao cấp KOVA CT-11A Plus Tường	Thùng	TCVN 12692:2020	Thùng 22kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3,655,556	3,655,556	3,655,556	3,655,556	3,655,556	3,655,556	3,655,556	3,655,556	3,655,556	3,655,556	3,655,556	3,655,556	3,655,556	3,655,556	3,655,556
682	Sơn	Chất chống thấm KOVA CT-11A PU Sàn mái	Thùng	TCCS262:2024/ KOVANANOPRO	Thùng 22kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4,250,000	4,250,000	4,250,000	4,250,000	4,250,000	4,250,000	4,250,000	4,250,000	4,250,000	4,250,000	4,250,000	4,250,000	4,250,000	4,250,000	4,250,000
683	Sơn	Chất chống thấm màu KOVA CT-11A Color	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 22kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5,185,185	5,185,185	5,185,185	5,185,185	5,185,185	5,185,185	5,185,185	5,185,185	5,185,185	5,185,185	5,185,185	5,185,185	5,185,185	5,185,185	5,185,185
684	Sơn	Chất phụ gia chống thấm KOVA CT11B	Thùng	TCCS 15:2018/ KOVANANOPRO	Thùng 4kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	678,704	678,704	678,704	678,704	678,704	678,704	678,704	678,704	678,704	678,704	678,704	678,704	678,704	678,704	678,704
685	Sơn	Mastic dẻo KOVA Đa năng	Thùng	TCCS204:2023/ KOVANANOPRO	Thùng 25kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,144,444	1,144,444	1,144,444	1,144,444	1,144,444	1,144,444	1,144,444	1,144,444	1,144,444	1,144,444	1,144,444	1,144,444	1,144,444	1,144,444	1,144,444
686	Sơn	Mastic Epoxy KOVA KL-5 sàn	Bộ	TCCS75:2018/ KOVANANOPRO	Bộ 5kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	867,593	867,593	867,593	867,593	867,593	867,593	867,593	867,593	867,593	867,593	867,593	867,593	867,593	867,593	867,593
687	Sơn	Mastic chịu ẩm KOVA SK-6	Bộ	TCCS86:2018/ KOVANANOPRO	Bộ 10kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	990,741	990,741	990,741	990,741	990,741	990,741	990,741	990,741	990,741	990,741	990,741	990,741	990,741	990,741	990,741
688	Sơn	Keo KOVA Clear Nano	Lon	TCCS221:2024/ KOVANANOPRO	Lon 1L	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	350,000	350,000	350,000	350,000	350,000	350,000	350,000	350,000	350,000	350,000	350,000	350,000	350,000	350,000	350,000
689	Sơn	Keo KOVA Clear	Thùng	TCCS203:2023/ KOVANANOPRO	Thùng 5L	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,458,333	1,458,333	1,458,333	1,458,333	1,458,333	1,458,333	1,458,333	1,458,333	1,458,333	1,458,333	1,458,333	1,458,333	1,458,333	1,458,333	1,458,333
690	Sơn	Sơn công nghiệp EPOXY KOVA KL-5Tường	Bộ	QCVN 08:2020/BCT TCCS72:2018/ KOVANANOPRO	Bộ 5kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,085,185	2,085,185	2,085,185	2,085,185	2,085,185	2,085,185	2,085,185	2,085,185	2,085,185	2,085,185	2,085,185	2,085,185	2,085,185	2,085,185	2,085,185
691	Sơn	Sơn công nghiệp EPOXY KOVA KL-5Tường kháng khuẩn	Bộ	QCVN 08:2020/BCT TCCS74:2018/ KOVANANOPRO	Bộ 5kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,375,000	2,375,000	2,375,000	2,375,000	2,375,000	2,375,000	2,375,000	2,375,000	2,375,000	2,375,000	2,375,000	2,375,000	2,375,000	2,375,000	2,375,000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
692	Sơn	Sơn công nghiệp EPOXY KOVA KL-5 sàn	Bộ	QCVN 08:2020/BCT TCCS71:2018/ KOVANANOPRO	Bộ 5kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,085,185	2,085,185	2,085,185	2,085,185	2,085,185	2,085,185	2,085,185	2,085,185	2,085,185	2,085,185	2,085,185	2,085,185	2,085,185	2,085,185
693	Sơn	Sơn công nghiệp EPOXY KOVA KL-5 sàn kháng khuẩn	Bộ	QCVN 08:2020/BCT TCCS73:2018/ KOVANANOPRO	Bộ 5kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,375,000	2,375,000	2,375,000	2,375,000	2,375,000	2,375,000	2,375,000	2,375,000	2,375,000	2,375,000	2,375,000	2,375,000	2,375,000	2,375,000
694	Sơn	Sơn lót epoxy Tự làm phẳng KOVA Self-levelling - Màu nhạt	Bộ	QCVN 08:2020/BCT TCCS106:2018/ KOVANANOPRO	Bộ 5kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,198,148	1,198,148	1,198,148	1,198,148	1,198,148	1,198,148	1,198,148	1,198,148	1,198,148	1,198,148	1,198,148	1,198,148	1,198,148	1,198,148
695	Sơn	Sơn ngoại thất cao cấp KOVA CT-04 Chống Nóng	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 18 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7,770,370	7,770,370	7,770,370	7,770,370	7,770,370	7,770,370	7,770,370	7,770,370	7,770,370	7,770,370	7,770,370	7,770,370	7,770,370	7,770,370
696	Sơn	sơn chống gỉ hệ nước KOVA KG-01	Thùng	QCVN 08:2020/BCT TCCS79:2018/ KOVANANOPRO	Thùng 5kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,770,370	1,770,370	1,770,370	1,770,370	1,770,370	1,770,370	1,770,370	1,770,370	1,770,370	1,770,370	1,770,370	1,770,370	1,770,370	1,770,370
697	Sơn	Sơn Đá Nghệ Thuật KOVA Art stone	Thùng	QCVN 08:2020/BCT TCCS65:2018/ KOVANANOPRO	Thùng 20kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5,018,519	5,018,519	5,018,519	5,018,519	5,018,519	5,018,519	5,018,519	5,018,519	5,018,519	5,018,519	5,018,519	5,018,519	5,018,519	5,018,519
698	Sơn	Sơn lót ngoại thất kháng kiềm KOVA K-207	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3,043,519	3,043,519	3,043,519	3,043,519	3,043,519	3,043,519	3,043,519	3,043,519	3,043,519	3,043,519	3,043,519	3,043,519	3,043,519	3,043,519
699	Sơn	Sơn lót ngoại thất kháng kiềm KOVA K-209	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3,937,963	3,937,963	3,937,963	3,937,963	3,937,963	3,937,963	3,937,963	3,937,963	3,937,963	3,937,963	3,937,963	3,937,963	3,937,963	3,937,963
700	Sơn	Sơn lót nội thất kháng kiềm KOVA K-109	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,110,185	2,110,185	2,110,185	2,110,185	2,110,185	2,110,185	2,110,185	2,110,185	2,110,185	2,110,185	2,110,185	2,110,185	2,110,185	2,110,185
701	Sơn	Sơn ngoại thất cao cấp KOVA CT-04 Bền Màu	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16.-2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 18 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8,724,074	8,724,074	8,724,074	8,724,074	8,724,074	8,724,074	8,724,074	8,724,074	8,724,074	8,724,074	8,724,074	8,724,074	8,724,074	8,724,074
702	Sơn	Sơn ngoại thất cao cấp KOVA CT-04 Chống Thấm	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 18 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7,138,889	7,138,889	7,138,889	7,138,889	7,138,889	7,138,889	7,138,889	7,138,889	7,138,889	7,138,889	7,138,889	7,138,889	7,138,889	7,138,889
703	Sơn	Sơn ngoại thất cao cấp KOVA K-5501 Plus	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5,118,519	5,118,519	5,118,519	5,118,519	5,118,519	5,118,519	5,118,519	5,118,519	5,118,519	5,118,519	5,118,519	5,118,519	5,118,519	5,118,519
704	Sơn	Sơn ngoại thất KOVA K-261 Plus	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3,550,000	3,550,000	3,550,000	3,550,000	3,550,000	3,550,000	3,550,000	3,550,000	3,550,000	3,550,000	3,550,000	3,550,000	3,550,000	3,550,000
705	Sơn	Sơn ngoại thất KOVA K-265 Plus	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3,112,037	3,112,037	3,112,037	3,112,037	3,112,037	3,112,037	3,112,037	3,112,037	3,112,037	3,112,037	3,112,037	3,112,037	3,112,037	3,112,037
706	Sơn	Sơn nghệ thuật KOVA Art Metallic	Lon	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Lon 1kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	600,000	600,000	600,000	600,000	600,000	600,000	600,000	600,000	600,000	600,000	600,000	600,000	600,000	600,000
707	Sơn	Sơn nội thất cao cấp KOVA K-5500 Plus	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4,782,407	4,782,407	4,782,407	4,782,407	4,782,407	4,782,407	4,782,407	4,782,407	4,782,407	4,782,407	4,782,407	4,782,407	4,782,407	4,782,407
708	Sơn	sơn nội thất cao cấp KOVA K-871 Plus	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5,060,185	5,060,185	5,060,185	5,060,185	5,060,185	5,060,185	5,060,185	5,060,185	5,060,185	5,060,185	5,060,185	5,060,185	5,060,185	5,060,185
709	Sơn	Sơn nội thất KOVA FIT	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,171,296	1,171,296	1,171,296	1,171,296	1,171,296	1,171,296	1,171,296	1,171,296	1,171,296	1,171,296	1,171,296	1,171,296	1,171,296	1,171,296
710	Sơn	Sơn nội thất KOVA Fix Up	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08.-2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,001,852	2,001,852	2,001,852	2,001,852	2,001,852	2,001,852	2,001,852	2,001,852	2,001,852	2,001,852	2,001,852	2,001,852	2,001,852	2,001,852
711	Sơn	Sơn nội thất KOVA K-203 Plus	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,981,481	1,981,481	1,981,481	1,981,481	1,981,481	1,981,481	1,981,481	1,981,481	1,981,481	1,981,481	1,981,481	1,981,481	1,981,481	1,981,481
712	Sơn	Sơn nội thất KOVA K-260 Plus	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,821,296	2,821,296	2,821,296	2,821,296	2,821,296	2,821,296	2,821,296	2,821,296	2,821,296	2,821,296	2,821,296	2,821,296	2,821,296	2,821,296
713	Sơn	Sơn nội thất KOVA VISTA++	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,533,333	1,533,333	1,533,333	1,533,333	1,533,333	1,533,333	1,533,333	1,533,333	1,533,333	1,533,333	1,533,333	1,533,333	1,533,333	1,533,333
714	Sơn	Sơn ngoại thất cao cấp KOVA CT-04 Che Lấp vết Nứt	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 4.5 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,387,963	2,387,963	2,387,963	2,387,963	2,387,963	2,387,963	2,387,963	2,387,963	2,387,963	2,387,963	2,387,963	2,387,963	2,387,963	2,387,963

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)															
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
715	Sơn	Sơn ngoại thất cao cấp KOVA CT-04 Tự Làm Sạch	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 4.5 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,819,444	2,819,444	2,819,444	2,819,444	2,819,444	2,819,444	2,819,444	2,819,444	2,819,444	2,819,444	2,819,444	2,819,444	2,819,444	2,819,444	2,819,444
716	Sơn	sơn nội thất cao cấp KOVA Home Love	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5,287,037	5,287,037	5,287,037	5,287,037	5,287,037	5,287,037	5,287,037	5,287,037	5,287,037	5,287,037	5,287,037	5,287,037	5,287,037	5,287,037	5,287,037
717	Sơn	Sơn nội thất KOVA Effective 2inl	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3,273,148	3,273,148	3,273,148	3,273,148	3,273,148	3,273,148	3,273,148	3,273,148	3,273,148	3,273,148	3,273,148	3,273,148	3,273,148	3,273,148	3,273,148
718	Sơn	Sơn nội thất KOVA Effective Siêu Dậm Phủ	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,245,370	2,245,370	2,245,370	2,245,370	2,245,370	2,245,370	2,245,370	2,245,370	2,245,370	2,245,370	2,245,370	2,245,370	2,245,370	2,245,370	2,245,370
719	Sơn	Sơn nội thất KOVA Effective Mịn Màng	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,917,593	1,917,593	1,917,593	1,917,593	1,917,593	1,917,593	1,917,593	1,917,593	1,917,593	1,917,593	1,917,593	1,917,593	1,917,593	1,917,593	1,917,593
720	Sơn	Sơn nội thất KOVA Effective Tiện Lợi	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,459,259	1,459,259	1,459,259	1,459,259	1,459,259	1,459,259	1,459,259	1,459,259	1,459,259	1,459,259	1,459,259	1,459,259	1,459,259	1,459,259	1,459,259
721	Sơn	Sơn lót nội thất kháng kiềm KOVA Effective Ultra	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,800,926	2,800,926	2,800,926	2,800,926	2,800,926	2,800,926	2,800,926	2,800,926	2,800,926	2,800,926	2,800,926	2,800,926	2,800,926	2,800,926	2,800,926
722	Sơn	Sơn ngoại thất cao cấp KOVA Home Safe	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5,211,111	5,211,111	5,211,111	5,211,111	5,211,111	5,211,111	5,211,111	5,211,111	5,211,111	5,211,111	5,211,111	5,211,111	5,211,111	5,211,111	5,211,111
723	Sơn	Sơn ngoại thất KOVA Effective Màu Lâu Phai	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4,182,407	4,182,407	4,182,407	4,182,407	4,182,407	4,182,407	4,182,407	4,182,407	4,182,407	4,182,407	4,182,407	4,182,407	4,182,407	4,182,407	4,182,407
724	Sơn	Sơn ngoại thất KOVA Effective Chuyên dụng	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3,362,037	3,362,037	3,362,037	3,362,037	3,362,037	3,362,037	3,362,037	3,362,037	3,362,037	3,362,037	3,362,037	3,362,037	3,362,037	3,362,037	3,362,037
725	Sơn	Sơn lót ngoại thất kháng kiềm KOVA Effective	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3,339,815	3,339,815	3,339,815	3,339,815	3,339,815	3,339,815	3,339,815	3,339,815	3,339,815	3,339,815	3,339,815	3,339,815	3,339,815	3,339,815	3,339,815
726	Sơn	Sơn lót ngoại thất kháng kiềm KOVA Effective Ultra	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4,498,148	4,498,148	4,498,148	4,498,148	4,498,148	4,498,148	4,498,148	4,498,148	4,498,148	4,498,148	4,498,148	4,498,148	4,498,148	4,498,148	4,498,148
727	Sơn	Sơn công nghiệp đa năng KOVA CT-08 (nhám) - Màu Catalouge	Thùng	QCVN 08:2020/BCT TCCS84:2018/ KOVANANOPRO	Thùng 25kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7,380,556	7,380,556	7,380,556	7,380,556	7,380,556	7,380,556	7,380,556	7,380,556	7,380,556	7,380,556	7,380,556	7,380,556	7,380,556	7,380,556	7,380,556
728	Sơn	Sơn công nghiệp đa năng KOVA CT-08 (nhám) - Màu tùy chỉnh ngoài Catalouge	Thùng	QCVN 08:2020/BCT TCCS84:2018/ KOVANANOPRO	Thùng 25kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8,680,556	8,680,556	8,680,556	8,680,556	8,680,556	8,680,556	8,680,556	8,680,556	8,680,556	8,680,556	8,680,556	8,680,556	8,680,556	8,680,556	8,680,556
729	Sơn	Sơn công nghiệp đa năng KOVA CT-08 (không nhám) - Màu Catalouge	Thùng	QCVN 08:2020/BCT TCCS84:2018/ KOVANANOPRO	Thùng25kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10,340,741	10,340,741	10,340,741	10,340,741	10,340,741	10,340,741	10,340,741	10,340,741	10,340,741	10,340,741	10,340,741	10,340,741	10,340,741	10,340,741	10,340,741
730	Sơn	Sơn công nghiệp đa năng KOVA CT-08 (không nhám) - Màu tùy chỉnh ngoài Catalouge	Thùng	QCVN 08:2020/BCT TCCS84:2018/ KOVANANOPRO	Thùng 25kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	11,415,741	11,415,741	11,415,741	11,415,741	11,415,741	11,415,741	11,415,741	11,415,741	11,415,741	11,415,741	11,415,741	11,415,741	11,415,741	11,415,741	11,415,741
731	Sơn	Sơn giao thông hệ nước KOVA A9 - Trắng	Thùng	QCVN 08:2020/BCT TCCS80:2018/ KOVANANOPRO	Thùng 25kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6,060,185	6,060,185	6,060,185	6,060,185	6,060,185	6,060,185	6,060,185	6,060,185	6,060,185	6,060,185	6,060,185	6,060,185	6,060,185	6,060,185	6,060,185
732	Sơn	Sơn giao thông hệ nước KOVA A9 - Đen/Vàng/Đỏ	Thùng	QCVN 08:2020/BCT TCCS80:2018/ KOVANANOPRO	Thùng25kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7,316,667	7,316,667	7,316,667	7,316,667	7,316,667	7,316,667	7,316,667	7,316,667	7,316,667	7,316,667	7,316,667	7,316,667	7,316,667	7,316,667	7,316,667
733	Sơn	Sơn giao thông hệ nước KOVA A9 (có phản quang) - Trắng/Đen/Vàng/Đỏ	Thùng	QCVN 08:2020/BCT TCCS80:2018/ KOVANANOPRO	Thùng 20kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10,145,370	10,145,370	10,145,370	10,145,370	10,145,370	10,145,370	10,145,370	10,145,370	10,145,370	10,145,370	10,145,370	10,145,370	10,145,370	10,145,370	10,145,370
734	Sơn	Sơn giao thông hệ nước KOVA A10 (màu Đỏ; dùng để sơn bề mặt kết cấu BT, BTCT)	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 08:2020/BCT	Thùng 25 kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3,270,313	3,270,313	3,270,313	3,270,313	3,270,313	3,270,313	3,270,313	3,270,313	3,270,313	3,270,313	3,270,313	3,270,313	3,270,313	3,270,313	3,270,313
735	Sơn	Sơn giao thông hệ nước KOVA A10 (màu Trắng; dùng để sơn bề mặt kết cấu BT, BTCT)	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 08:2020/BCT	Thùng 25 kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,482,813	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
736	Sơn	Sơn lót giao thông KOVA KL-M (dùng làm sơn lót cho sơn sạch kẻ đường)	Can	QCVN 08:2020/BCT TCCS83:2018/KO VANAN OPRO	Can 24 kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,335,500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)															
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
737	Sơn	Hạt phản quang	Bao	TCCS267:2025/KOVANA NOPRO	Bao 25 kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	597,813	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
738	Sơn	Sơn giao thông KOVA Hotmelt Jis (màu Trắng; dùng để sơn vạch kẻ đường)	Bao	QCVN 08:2020/BCT TCCS82:2018/KOVANAN OPRO	Bao 25 kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	607,813	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
739	Sơn	Sơn giao thông KOVA Hotmelt Jis (màu Vàng; dùng để sơn vạch kẻ đường)	Bao	QCVN 08:2020/BCT TCCS82:2018/KOVANAN OPRO	Bao 25 kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	632,813	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
740	Sơn	Sơn giao thông KOVA Hotmelt TCVN (màu Trắng; dùng để sơn vạch kẻ đường)	Bao	QCVN 08:2020/BCT TCCS81:2018/KOVANAN OPRO	Bao 25 kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	917,813	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
741	Sơn	Sơn giao thông KOVA Hotmelt TCVN (màu Vàng; dùng để sơn vạch kẻ đường)	Bao	QCVN 08:2020/BCT TCCS81:2018/KOVANAN OPRO	Bao 25 kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	955,313	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
742	Sơn	Sơn giao thông KOVA Hotmelt AASHTO (màu Trắng; dùng để sơn vạch kẻ đường)	Bao	QCVN 08:2020/BCT TCCS103:2018/KOVANA NOPRO	Bao 25 kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,107,813	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
743	Sơn	Sơn giao thông KOVA Hotmelt AASHTO (màu Vàng; dùng để sơn vạch kẻ đường)	Bao	QCVN 08:2020/BCT TCCS103:2018/KOVANA NOPRO	Bao 25 kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,145,313	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
744	Sơn	Bột trét nội thất cao cấp	kg	QCVN 16:2023/BXD	40kg	Công ty TNHH XD Hợp Vĩnh Phát. Đc: Nguyễn Minh Trường, P3, TP.Tân An, Long An - 0723 663 399. (Công văn đề nghị công bố giá số 02 ngày 11/5/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, bốc xếp đến các công trình xây dựng trong khu vực tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ 11/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8,636	8,636	8,636	8,636	8,636	8,636	8,636	8,636	8,636	8,636	8,636	8,636	8,636	8,636	8,636
745	Sơn	Sơn lót nội thất	lít	QCVN 16:2023/BXD	18L/5L	Công ty TNHH XD Hợp Vĩnh Phát. Đc: Nguyễn Minh Trường, P3, TP.Tân An, Long An - 0723 663 399. (Công văn đề nghị công bố giá số 02 ngày 11/5/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, bốc xếp đến các công trình xây dựng trong khu vực tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ 11/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	65,455	65,455	65,455	65,455	65,455	65,455	65,455	65,455	65,455	65,455	65,455	65,455	65,455	65,455	65,455
746	Sơn	Sơn nội thất kinh tế	lít	QCVN 16:2023/BXD	18L/5L	Công ty TNHH XD Hợp Vĩnh Phát. Đc: Nguyễn Minh Trường, P3, TP.Tân An, Long An - 0723 663 399. (Công văn đề nghị công bố giá số 02 ngày 11/5/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, bốc xếp đến các công trình xây dựng trong khu vực tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ 11/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	68,182	68,182	68,182	68,182	68,182	68,182	68,182	68,182	68,182	68,182	68,182	68,182	68,182	68,182	68,182
747	Sơn	Sơn nội thất dễ lau chùi	lít	QCVN 16:2023/BXD	18L/5L	Công ty TNHH XD Hợp Vĩnh Phát. Đc: Nguyễn Minh Trường, P3, TP.Tân An, Long An - 0723 663 399. (Công văn đề nghị công bố giá số 02 ngày 11/5/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, bốc xếp đến các công trình xây dựng trong khu vực tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ 11/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	166,364	166,364	166,364	166,364	166,364	166,364	166,364	166,364	166,364	166,364	166,364	166,364	166,364	166,364	166,364
748	Sơn	Sơn nội thất dễ lau chùi - màu đặc biệt	lít	QCVN 16:2023/BXD	18L/5L	Công ty TNHH XD Hợp Vĩnh Phát. Đc: Nguyễn Minh Trường, P3, TP.Tân An, Long An - 0723 663 399. (Công văn đề nghị công bố giá số 02 ngày 11/5/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, bốc xếp đến các công trình xây dựng trong khu vực tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ 11/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	181,818	181,818	181,818	181,818	181,818	181,818	181,818	181,818	181,818	181,818	181,818	181,818	181,818	181,818	181,818
749	Sơn	Bột trét ngoại thất cao cấp	kg	QCVN 16:2023/BXD	40kg	Công ty TNHH XD Hợp Vĩnh Phát. Đc: Nguyễn Minh Trường, P3, TP.Tân An, Long An - 0723 663 399. (Công văn đề nghị công bố giá số 02 ngày 11/5/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, bốc xếp đến các công trình xây dựng trong khu vực tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ 11/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10,909	10,909	10,909	10,909	10,909	10,909	10,909	10,909	10,909	10,909	10,909	10,909	10,909	10,909	10,909
750	Sơn	Sơn lót ngoại thất	lít	QCVN 16:2023/BXD	18L/5L	Công ty TNHH XD Hợp Vĩnh Phát. Đc: Nguyễn Minh Trường, P3, TP.Tân An, Long An - 0723 663 399. (Công văn đề nghị công bố giá số 02 ngày 11/5/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, bốc xếp đến các công trình xây dựng trong khu vực tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ 11/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	145,455	145,455	145,455	145,455	145,455	145,455	145,455	145,455	145,455	145,455	145,455	145,455	145,455	145,455	145,455
751	Sơn	Sơn ngoại thất lăng mịn chống thấm nhẹ	lít	QCVN 16:2023/BXD	18L/5L	Công ty TNHH XD Hợp Vĩnh Phát. Đc: Nguyễn Minh Trường, P3, TP.Tân An, Long An - 0723 663 399. (Công văn đề nghị công bố giá số 02 ngày 11/5/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, bốc xếp đến các công trình xây dựng trong khu vực tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ 11/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	181,818	181,818	181,818	181,818	181,818	181,818	181,818	181,818	181,818	181,818	181,818	181,818	181,818	181,818	181,818
752	Sơn	Sơn ngoại thất lăng mịn chống thấm nhẹ - màu đặc biệt	lít	QCVN 16:2023/BXD	18L/5L	Công ty TNHH XD Hợp Vĩnh Phát. Đc: Nguyễn Minh Trường, P3, TP.Tân An, Long An - 0723 663 399. (Công văn đề nghị công bố giá số 02 ngày 11/5/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, bốc xếp đến các công trình xây dựng trong khu vực tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ 11/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	209,091	209,091	209,091	209,091	209,091	209,091	209,091	209,091	209,091	209,091	209,091	209,091	209,091	209,091	209,091
753	Sơn	Sơn ngoại thất bóng loáng chống thấm, chùi rửa cao	lít	QCVN 16:2023/BXD	18L/5L	Công ty TNHH XD Hợp Vĩnh Phát. Đc: Nguyễn Minh Trường, P3, TP.Tân An, Long An - 0723 663 399. (Công văn đề nghị công bố giá số 02 ngày 11/5/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, bốc xếp đến các công trình xây dựng trong khu vực tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ 11/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	348,182	348,182	348,182	348,182	348,182	348,182	348,182	348,182	348,182	348,182	348,182	348,182	348,182	348,182	348,182
754	Sơn	Sơn ngoại thất bóng loáng chống thấm, chùi rửa cao - màu đặc biệt	lít	QCVN 16:2023/BXD	18L/5L	Công ty TNHH XD Hợp Vĩnh Phát. Đc: Nguyễn Minh Trường, P3, TP.Tân An, Long An - 0723 663 399. (Công văn đề nghị công bố giá số 02 ngày 11/5/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, bốc xếp đến các công trình xây dựng trong khu vực tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ 11/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	376,364	376,364	376,364	376,364	376,364	376,364	376,364	376,364	376,364	376,364	376,364	376,364	376,364	376,364	376,364
755	Sơn	Sơn nước cao cấp ngoài trời Goldsun (nhóm màu chuẩn)	Lít		Lon 1 lít	Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	257,000	257,000	257,000	257,000	257,000	257,000	257,000	257,000	257,000	257,000	257,000	257,000	257,000	257,000	257,000
756	Sơn	Sơn nước cao cấp ngoài trời Goldsun (nhóm màu chuẩn)	Lít		Lon 5 lít	Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,257,000	1,257,000	1,257,000	1,257,000	1,257,000	1,257,000	1,257,000	1,257,000	1,257,000	1,257,000	1,257,000	1,257,000	1,257,000	1,257,000	1,257,000
757	Sơn	Sơn nước cao cấp ngoài trời Goldsun (nhóm màu chuẩn)	Lít		Thùng 18 lít	Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4,406,000	4,406,000	4,406,000	4,406,000	4,406,000	4,406,000	4,406,000	4,406,000	4,406,000	4,406,000	4,406,000	4,406,000	4,406,000	4,406,000	4,406,000
758	Sơn	Sơn nước cao cấp ngoài trời (màu đặc biệt : H1308, H1614, H1981)	Lít		Lon 1 lít	Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	268,000	268,000	268,000	268,000	268,000	268,000	268,000	268,000	268,000	268,000	268,000	268,000	268,000	268,000	268,000
759	Sơn	Sơn nước cao cấp ngoài trời (màu đặc biệt : H1308, H1614, H1981)	Lít		Lon 5 lít	Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,316,000	1,316,000	1,316,000	1,316,000	1,316,000	1,316,000	1,316,000	1,316,000	1,316,000	1,316,000	1,316,000	1,316,000	1,316,000	1,316,000	1,316,000
760	Sơn	Sơn nước cao cấp ngoài trời (màu đặc biệt : H1308, H1614, H1981)	Lít		Thùng 18 lít	Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4,619,000	4,619,000	4,619,000	4,619,000	4,619,000	4,619,000	4,619,000	4,619,000	4,619,000	4,619,000	4,619,000	4,619,000	4,619,000	4,619,000	4,619,000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
761	Sơn	Sơn nước cao cấp ngoài trời Goldsun (màu đặc biệt : H1801)	Lít		Lon 1 lít	Công ty TNHH MTV Son Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	397,000	397,000	397,000	397,000	397,000	397,000	397,000	397,000	397,000	397,000	397,000	397,000	397,000	397,000	397,000
762	Sơn	Sơn nước cao cấp ngoài trời Goldsun (màu đặc biệt : H1801)	Lít		Lon 5 lít	Công ty TNHH MTV Son Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,955,000	1,955,000	1,955,000	1,955,000	1,955,000	1,955,000	1,955,000	1,955,000	1,955,000	1,955,000	1,955,000	1,955,000	1,955,000	1,955,000	1,955,000
763	Sơn	Sơn nước cao cấp ngoài trời Goldsun (màu đặc biệt : H1801)	Lít		Thùng 18 lít	Công ty TNHH MTV Son Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6,917,000	6,917,000	6,917,000	6,917,000	6,917,000	6,917,000	6,917,000	6,917,000	6,917,000	6,917,000	6,917,000	6,917,000	6,917,000	6,917,000	6,917,000
764	Sơn	Sơn nước cao cấp trong nhà Goldsun (nhóm màu chuẩn)	Lít		Lon 1 lít	Công ty TNHH MTV Son Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	210,000	210,000	210,000	210,000	210,000	210,000	210,000	210,000	210,000	210,000	210,000	210,000	210,000	210,000	210,000
765	Sơn	Sơn nước cao cấp trong nhà Goldsun (nhóm màu chuẩn)	Lít		Lon 5 lít	Công ty TNHH MTV Son Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,037,000	1,037,000	1,037,000	1,037,000	1,037,000	1,037,000	1,037,000	1,037,000	1,037,000	1,037,000	1,037,000	1,037,000	1,037,000	1,037,000	1,037,000
766	Sơn	Sơn nước cao cấp trong nhà Goldsun (nhóm màu chuẩn)	Lít		Thùng 18 lít	Công ty TNHH MTV Son Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3,619,000	3,619,000	3,619,000	3,619,000	3,619,000	3,619,000	3,619,000	3,619,000	3,619,000	3,619,000	3,619,000	3,619,000	3,619,000	3,619,000	3,619,000
767	Sơn	Sơn lót chống kiềm cao cấp Goldsun	Lít		Lon 5 lít	Công ty TNHH MTV Son Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	775,000	775,000	775,000	775,000	775,000	775,000	775,000	775,000	775,000	775,000	775,000	775,000	775,000	775,000	775,000
768	Sơn	Sơn lót chống kiềm cao cấp Goldsun	Lít		Thùng 18 lít	Công ty TNHH MTV Son Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,660,000	2,660,000	2,660,000	2,660,000	2,660,000	2,660,000	2,660,000	2,660,000	2,660,000	2,660,000	2,660,000	2,660,000	2,660,000	2,660,000	2,660,000
769	Sơn	Bột trét cao cấp Goldsun 2 in 1	kg		Bao 40kg	Công ty TNHH MTV Son Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	453,000	453,000	453,000	453,000	453,000	453,000	453,000	453,000	453,000	453,000	453,000	453,000	453,000	453,000	453,000
770	Sơn	Sơn nước chất lượng cao ngoài trời Goldtex (nhóm màu chuẩn)	Lít		Lon 5 lít	Công ty TNHH MTV Son Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	471,000	471,000	471,000	471,000	471,000	471,000	471,000	471,000	471,000	471,000	471,000	471,000	471,000	471,000	471,000
771	Sơn	Sơn nước chất lượng cao ngoài trời Goldtex (nhóm màu chuẩn)	Lít		Thùng 18 lít	Công ty TNHH MTV Son Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,486,000	1,486,000	1,486,000	1,486,000	1,486,000	1,486,000	1,486,000	1,486,000	1,486,000	1,486,000	1,486,000	1,486,000	1,486,000	1,486,000	1,486,000
772	Sơn	Sơn nước chất lượng cao ngoài trời Goldtex (nhóm màu đặc biệt: G1100, G1407, G1408, G1704, G1705, G1803)	Lít		Lon 5 lít	Công ty TNHH MTV Son Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	519,000	519,000	519,000	519,000	519,000	519,000	519,000	519,000	519,000	519,000	519,000	519,000	519,000	519,000	519,000
773	Sơn	Sơn nước chất lượng cao ngoài trời Goldtex (nhóm màu đặc biệt: G1100, G1407, G1408, G1704, G1705, G1803)	Lít		Thùng 18 lít	Công ty TNHH MTV Son Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,636,000	1,636,000	1,636,000	1,636,000	1,636,000	1,636,000	1,636,000	1,636,000	1,636,000	1,636,000	1,636,000	1,636,000	1,636,000	1,636,000	1,636,000
774	Sơn	Sơn nước chất lượng cao trong nhà Goldtex (nhóm màu chuẩn)	Lít		Lon 5 lít	Công ty TNHH MTV Son Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	394,000	394,000	394,000	394,000	394,000	394,000	394,000	394,000	394,000	394,000	394,000	394,000	394,000	394,000	394,000
775	Sơn	Sơn nước chất lượng cao trong nhà Goldtex (nhóm màu chuẩn)	Lít		Thùng 18 lít	Công ty TNHH MTV Son Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,190,000	1,190,000	1,190,000	1,190,000	1,190,000	1,190,000	1,190,000	1,190,000	1,190,000	1,190,000	1,190,000	1,190,000	1,190,000	1,190,000	1,190,000
776	Sơn	Sơn lót chống kiềm chất lượng cao cấp Goldtex	Lít		Lon 5 lít	Công ty TNHH MTV Son Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	574,000	574,000	574,000	574,000	574,000	574,000	574,000	574,000	574,000	574,000	574,000	574,000	574,000	574,000	574,000
777	Sơn	Sơn lót chống kiềm chất lượng cao cấp Goldtex	Lít		Thùng 18 lít	Công ty TNHH MTV Son Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,889,000	1,889,000	1,889,000	1,889,000	1,889,000	1,889,000	1,889,000	1,889,000	1,889,000	1,889,000	1,889,000	1,889,000	1,889,000	1,889,000	1,889,000
778	Sơn	Bột trét chất lượng cao Goldtex 2 in 1	Bao		Bao 40kg	Công ty TNHH MTV Son Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	364,000	364,000	364,000	364,000	364,000	364,000	364,000	364,000	364,000	364,000	364,000	364,000	364,000	364,000	364,000
779	Sơn	Sơn nước kinh tế ngoài trời Goldluck	Lít		Lon 5 lít	Công ty TNHH MTV Son Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	357,000	357,000	357,000	357,000	357,000	357,000	357,000	357,000	357,000	357,000	357,000	357,000	357,000	357,000	357,000
780	Sơn	Sơn nước kinh tế ngoài trời Goldluck	Lít		Thùng 18 lít	Công ty TNHH MTV Son Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,087,000	1,087,000	1,087,000	1,087,000	1,087,000	1,087,000	1,087,000	1,087,000	1,087,000	1,087,000	1,087,000	1,087,000	1,087,000	1,087,000	1,087,000
781	Sơn	Sơn nước kinh tế trong nhà Goldluck	Lít		Lon 5 lít	Công ty TNHH MTV Son Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	287,000	287,000	287,000	287,000	287,000	287,000	287,000	287,000	287,000	287,000	287,000	287,000	287,000	287,000	287,000
782	Sơn	Sơn nước kinh tế trong nhà Goldluck	Lít		Thùng 18 lít	Công ty TNHH MTV Son Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	832,000	832,000	832,000	832,000	832,000	832,000	832,000	832,000	832,000	832,000	832,000	832,000	832,000	832,000	832,000
783	Sơn	Sơn lót chống kiềm kinh tế Goldluck	Lít		Thùng 18 lít	Công ty TNHH MTV Son Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,015,000	1,015,000	1,015,000	1,015,000	1,015,000	1,015,000	1,015,000	1,015,000	1,015,000	1,015,000	1,015,000	1,015,000	1,015,000	1,015,000	1,015,000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)															
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
784	Sơn	Bột trét goldluck 2 in 1	Bao		Bao 40kg	Công ty TNHH MTV Son Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	297,000	297,000	297,000	297,000	297,000	297,000	297,000	297,000	297,000	297,000	297,000	297,000	297,000	297,000	297,000	297,000
785	Sơn	Sơn dầu Goldpop(nhóm màu chuẩn)	Lít		03 lít	Công ty TNHH MTV Son Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	350,000	350,000	350,000	350,000	350,000	350,000	350,000	350,000	350,000	350,000	350,000	350,000	350,000	350,000	350,000	350,000
786	Sơn	Sơn dầu Goldpop(nhóm màu chuẩn)	Lít		18 lít	Công ty TNHH MTV Son Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,971,000	1,971,000	1,971,000	1,971,000	1,971,000	1,971,000	1,971,000	1,971,000	1,971,000	1,971,000	1,971,000	1,971,000	1,971,000	1,971,000	1,971,000	1,971,000
787	Sơn	Sơn dầu Goldpop(nhóm màu đặc biệt: V0100, V0681, V0711, V0821, V0911)	Lít		03 lít	Công ty TNHH MTV Son Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	361,000	361,000	361,000	361,000	361,000	361,000	361,000	361,000	361,000	361,000	361,000	361,000	361,000	361,000	361,000	361,000
788	Sơn	Sơn dầu Goldpop(nhóm màu đặc biệt: V0100, V0681, V0711, V0821, V0911)	Lít		18 lít	Công ty TNHH MTV Son Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,043,000	2,043,000	2,043,000	2,043,000	2,043,000	2,043,000	2,043,000	2,043,000	2,043,000	2,043,000	2,043,000	2,043,000	2,043,000	2,043,000	2,043,000	2,043,000
789	Sơn	Sơn lót chống gỉ Goldpop (màu đỏ)	Lít		03 lít	Công ty TNHH MTV Son Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	258,000	258,000	258,000	258,000	258,000	258,000	258,000	258,000	258,000	258,000	258,000	258,000	258,000	258,000	258,000	258,000
790	Sơn	Sơn lót chống gỉ Goldpop (màu đỏ)	Lít		18 lít	Công ty TNHH MTV Son Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,430,000	1,430,000	1,430,000	1,430,000	1,430,000	1,430,000	1,430,000	1,430,000	1,430,000	1,430,000	1,430,000	1,430,000	1,430,000	1,430,000	1,430,000	1,430,000
791	Sơn	Sơn lót chống gỉ Goldpop (màu xám)	Lít		03 lít	Công ty TNHH MTV Son Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	290,000	290,000	290,000	290,000	290,000	290,000	290,000	290,000	290,000	290,000	290,000	290,000	290,000	290,000	290,000	290,000
792	Sơn	Sơn lót chống gỉ Goldpop (màu xám)	Lít		18 lít	Công ty TNHH MTV Son Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,610,000	1,610,000	1,610,000	1,610,000	1,610,000	1,610,000	1,610,000	1,610,000	1,610,000	1,610,000	1,610,000	1,610,000	1,610,000	1,610,000	1,610,000	1,610,000
793	Sơn	Chống thấm CT-PRO	kg		20kg	Công ty TNHH MTV Son Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,775,000	2,775,000	2,775,000	2,775,000	2,775,000	2,775,000	2,775,000	2,775,000	2,775,000	2,775,000	2,775,000	2,775,000	2,775,000	2,775,000	2,775,000	2,775,000
794	Sơn	Chống thấm CT-PRO	kg		4kg	Công ty TNHH MTV Son Petrolimex (Kèm theo công văn số02/PLS-KD ngày 13 tháng 03 năm 2026 của Công ty TNHH TMDV Số Lộc Việt)	Việt Nam	Không có thông tin	Không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 13/03/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	580,000	580,000	580,000	580,000	580,000	580,000	580,000	580,000	580,000	580,000	580,000	580,000	580,000	580,000	580,000	580,000
795	Sơn	SOGUN: Sơn nội thất cao cấp	thùng	QCVN 16:2023	đóng thùng	Công ty TNHH SX & TM Son Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Đt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	972,981	972,981	972,981	972,981	972,981	972,981	972,981	972,981	972,981	972,981	972,981	972,981	972,981	972,981	972,981	972,981
796	Sơn	SOGUN: Sơn mịn nội thất cao cấp	thùng	QCVN 16:2023	đóng thùng	Công ty TNHH SX & TM Son Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Đt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1,648,933	1,648,933	1,648,933	1,648,933	1,648,933	1,648,933	1,648,933	1,648,933	1,648,933	1,648,933	1,648,933	1,648,933	1,648,933	1,648,933	1,648,933	1,648,933
797	Sơn	SOGUN: Sơn nội thất lau chùi hiệu quả	thùng	QCVN 16:2023	đóng thùng	Công ty TNHH SX & TM Son Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Đt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2,764,511	2,764,511	2,764,511	2,764,511	2,764,511	2,764,511	2,764,511	2,764,511	2,764,511	2,764,511	2,764,511	2,764,511	2,764,511	2,764,511	2,764,511	2,764,511
798	Sơn	SOGUN: Sơn siêu trắng trần	thùng	QCVN 16:2023	đóng thùng	Công ty TNHH SX & TM Son Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Đt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1,805,398	1,805,398	1,805,398	1,805,398	1,805,398	1,805,398	1,805,398	1,805,398	1,805,398	1,805,398	1,805,398	1,805,398	1,805,398	1,805,398	1,805,398	1,805,398
799	Sơn	SOGUN: Sơn bóng nội thất cao cấp	thùng	QCVN 16:2023	đóng thùng	Công ty TNHH SX & TM Son Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Đt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3,950,511	3,950,511	3,950,511	3,950,511	3,950,511	3,950,511	3,950,511	3,950,511	3,950,511	3,950,511	3,950,511	3,950,511	3,950,511	3,950,511	3,950,511	3,950,511
800	Sơn	SOGUN: Sơn lót kháng kiềm nội thất	thùng	QCVN 16:2023	đóng thùng	Công ty TNHH SX & TM Son Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Đt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2,272,456	2,272,456	2,272,456	2,272,456	2,272,456	2,272,456	2,272,456	2,272,456	2,272,456	2,272,456	2,272,456	2,272,456	2,272,456	2,272,456	2,272,456	2,272,456
801	Sơn	SOGUN: Sơn mịn ngoại thất cao cấp	thùng	QCVN 16:2023	đóng thùng	Công ty TNHH SX & TM Son Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Đt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2,497,056	2,497,056	2,497,056	2,497,056	2,497,056	2,497,056	2,497,056	2,497,056	2,497,056	2,497,056	2,497,056	2,497,056	2,497,056	2,497,056	2,497,056	2,497,056
802	Sơn	SOGUN: Sơn bóng mờ ngoại thất cao cấp	thùng	QCVN 16:2023	đóng thùng	Công ty TNHH SX & TM Son Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Đt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3,068,000	3,068,000	3,068,000	3,068,000	3,068,000	3,068,000	3,068,000	3,068,000	3,068,000	3,068,000	3,068,000	3,068,000	3,068,000	3,068,000	3,068,000	3,068,000
803	Sơn	SOGUN: Sơn bóng ngoại thất cao cấp	thùng	QCVN 16:2023	đóng thùng	Công ty TNHH SX & TM Son Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Đt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	4,365,667	4,365,667	4,365,667	4,365,667	4,365,667	4,365,667	4,365,667	4,365,667	4,365,667	4,365,667	4,365,667	4,365,667	4,365,667	4,365,667	4,365,667	4,365,667

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
804	Sơn	SOGUN: Sơn chống thấm trong suốt	thùng	QCVN 16:2023	đóng thùng	Công ty TNHH SX & TM Sơn Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Đt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	5,833,533	5,833,533	5,833,533	5,833,533	5,833,533	5,833,533	5,833,533	5,833,533	5,833,533	5,833,533	5,833,533	5,833,533	5,833,533	5,833,533	5,833,533
805	Sơn	SOGUN: Sơn chống thấm hệ xi măng đa năng	thùng	QCVN 16:2023	đóng thùng	Công ty TNHH SX & TM Sơn Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Đt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3,465,482	3,465,482	3,465,482	3,465,482	3,465,482	3,465,482	3,465,482	3,465,482	3,465,482	3,465,482	3,465,482	3,465,482	3,465,482	3,465,482	3,465,482
806	Sơn	SOGUN: Sơn chống thấm màu hiệu quả	thùng	QCVN 16:2023	đóng thùng	Công ty TNHH SX & TM Sơn Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Đt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	4,865,511	4,865,511	4,865,511	4,865,511	4,865,511	4,865,511	4,865,511	4,865,511	4,865,511	4,865,511	4,865,511	4,865,511	4,865,511	4,865,511	4,865,511
807	Sơn	SOGUN: Sơn lót kháng kiềm ngoại thất	thùng	QCVN 16:2023	đóng thùng	Công ty TNHH SX & TM Sơn Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Đt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2,511,778	2,511,778	2,511,778	2,511,778	2,511,778	2,511,778	2,511,778	2,511,778	2,511,778	2,511,778	2,511,778	2,511,778	2,511,778	2,511,778	2,511,778
808	Sơn	SOGUN: Sơn lót kháng kiềm ngoại thất nano	thùng	QCVN 16:2023	đóng thùng	Công ty TNHH SX & TM Sơn Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Đt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3,455,222	3,455,222	3,455,222	3,455,222	3,455,222	3,455,222	3,455,222	3,455,222	3,455,222	3,455,222	3,455,222	3,455,222	3,455,222	3,455,222	3,455,222
809	Sơn	Bột bả nội thất	bao	TCVN 7239:2014	đóng bao	Công ty TNHH SX & TM Sơn Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Đt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	538,867	538,867	538,867	538,867	538,867	538,867	538,867	538,867	538,867	538,867	538,867	538,867	538,867	538,867	538,867
810	Sơn	Bột bả ngoại thất	bao	TCVN 7239:2014	đóng bao	Công ty TNHH SX & TM Sơn Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Đt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	646,378	646,378	646,378	646,378	646,378	646,378	646,378	646,378	646,378	646,378	646,378	646,378	646,378	646,378	646,378
811	Sơn	Sơn phủ Nano đa năng bóng cao cấp KN S8-99A	thùng		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	6,362,000	6,362,000	6,362,000	6,362,000	6,362,000	6,362,000	6,362,000	6,362,000	6,362,000	6,362,000	6,362,000	6,362,000	6,362,000	6,362,000	6,362,000
812	Sơn	Sơn phủ Nano đa năng Bóng KN S8-68B	thùng		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	5,738,000	5,738,000	5,738,000	5,738,000	5,738,000	5,738,000	5,738,000	5,738,000	5,738,000	5,738,000	5,738,000	5,738,000	5,738,000	5,738,000	5,738,000
813	Sơn	tương Sơn phủ Nano đa năng Bóng mờ KN S8-68M	thùng		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	4,897,000	4,897,000	4,897,000	4,897,000	4,897,000	4,897,000	4,897,000	4,897,000	4,897,000	4,897,000	4,897,000	4,897,000	4,897,000	4,897,000	4,897,000
814	Sơn	Sơn phủ Nano chống thấm pha màu KN S8-88N	thùng		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	4,145,000	4,145,000	4,145,000	4,145,000	4,145,000	4,145,000	4,145,000	4,145,000	4,145,000	4,145,000	4,145,000	4,145,000	4,145,000	4,145,000	4,145,000
815	Sơn	Sơn phủ Nano kháng khuẩn Bóng mờ KN S8-26BM	thùng		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1,791,000	1,791,000	1,791,000	1,791,000	1,791,000	1,791,000	1,791,000	1,791,000	1,791,000	1,791,000	1,791,000	1,791,000	1,791,000	1,791,000	1,791,000
816	Sơn	Sơn phủ nano đa năng Bóng Nội thất KN S8-99B	thùng		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	5,421,000	5,421,000	5,421,000	5,421,000	5,421,000	5,421,000	5,421,000	5,421,000	5,421,000	5,421,000	5,421,000	5,421,000	5,421,000	5,421,000	5,421,000
817	Sơn	Sơn phủ Nano lau chùi Nội thất KN S8-66E	thùng		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2,474,000	2,474,000	2,474,000	2,474,000	2,474,000	2,474,000	2,474,000	2,474,000	2,474,000	2,474,000	2,474,000	2,474,000	2,474,000	2,474,000	2,474,000
818	Sơn	Sơn phủ Nano Nội & Ngoại thất Tiêu chuẩn KN S8-22M	thùng		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1,217,000	1,217,000	1,217,000	1,217,000	1,217,000	1,217,000	1,217,000	1,217,000	1,217,000	1,217,000	1,217,000	1,217,000	1,217,000	1,217,000	1,217,000
819	Sơn	Bột bả tường gốc xi măng pooc lăng - Matit Nano Cao cấp Ngoại thất KN MT-01	bao		25kg/bao	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	446,000	446,000	446,000	446,000	446,000	446,000	446,000	446,000	446,000	446,000	446,000	446,000	446,000	446,000	446,000
820	Sơn	Matit Nano Cao cấp Nội thất KN MT-02	bao		25kg/bao	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	406,000	406,000	406,000	406,000	406,000	406,000	406,000	406,000	406,000	406,000	406,000	406,000	406,000	406,000	406,000
821	Sơn	Mastic dẻo Kova Nano Đa năng KN-D3	thùng		thùng 25 kg	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	840,000	840,000	840,000	840,000	840,000	840,000	840,000	840,000	840,000	840,000	840,000	840,000	840,000	840,000	840,000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
822	Sơn	Chống thấm Nano pha xi măng KN CT-16AXM-S				Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3,116,000	3,116,000	3,116,000	3,116,000	3,116,000	3,116,000	3,116,000	3,116,000	3,116,000	3,116,000	3,116,000	3,116,000	3,116,000	3,116,000	3,116,000
823	Sơn	Chống thấm Nano pha xi măng KN CT-16AXM-T	thùng		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3,393,000	3,393,000	3,393,000	3,393,000	3,393,000	3,393,000	3,393,000	3,393,000	3,393,000	3,393,000	3,393,000	3,393,000	3,393,000	3,393,000	3,393,000
824	Sơn	Chống thấm Nano trong suốt KN CT-16A CLEAR	thùng		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3,275,000	3,275,000	3,275,000	3,275,000	3,275,000	3,275,000	3,275,000	3,275,000	3,275,000	3,275,000	3,275,000	3,275,000	3,275,000	3,275,000	3,275,000
825	Sơn	Chống thấm Nano trong suốt Đặc biệt KN CT-16A CLEAR-DB	thùng		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3,775,000	3,775,000	3,775,000	3,775,000	3,775,000	3,775,000	3,775,000	3,775,000	3,775,000	3,775,000	3,775,000	3,775,000	3,775,000	3,775,000	3,775,000
826	Sơn	Sơn lót Nano đa năng KN-SIDN	thùng		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	5,896,000	5,896,000	5,896,000	5,896,000	5,896,000	5,896,000	5,896,000	5,896,000	5,896,000	5,896,000	5,896,000	5,896,000	5,896,000	5,896,000	5,896,000
827	Sơn	Sơn lót Nano chống kiềm đa năng KN S1-LCK	thùng		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2,750,000	2,750,000	2,750,000	2,750,000	2,750,000	2,750,000	2,750,000	2,750,000	2,750,000	2,750,000	2,750,000	2,750,000	2,750,000	2,750,000	2,750,000
828	Sơn	Sơn lót Nano Nội & Ngoại thất Tiêu chuẩn KN SI-TC	thùng		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1,950,000	1,950,000	1,950,000	1,950,000	1,950,000	1,950,000	1,950,000	1,950,000	1,950,000	1,950,000	1,950,000	1,950,000	1,950,000	1,950,000	1,950,000
829	Sơn	Sơn phủ Nano chống nóng-Hệ nước 1 thành phần dùng cho mái tole & tường nhà xưởng KN S6	kg		bộ 5kg	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	5,692,000	5,692,000	5,692,000	5,692,000	5,692,000	5,692,000	5,692,000	5,692,000	5,692,000	5,692,000	5,692,000	5,692,000	5,692,000	5,692,000	5,692,000
830	Sơn	Keo epoxy nano Mastic KL5-01	lít		bộ 5lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	653,000	653,000	653,000	653,000	653,000	653,000	653,000	653,000	653,000	653,000	653,000	653,000	653,000	653,000	653,000
831	Sơn	Sơn lót Nano Epoxy tự dàn trải KL5-02	lít		bộ 5lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	653,000	653,000	653,000	653,000	653,000	653,000	653,000	653,000	653,000	653,000	653,000	653,000	653,000	653,000	653,000
832	Sơn	Sơn lót Nano chống gỉ Epoxy dành cho bề mặt Sắt, Thép Kim loại KL5-04	lít		bộ 5lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1,639,000	1,639,000	1,639,000	1,639,000	1,639,000	1,639,000	1,639,000	1,639,000	1,639,000	1,639,000	1,639,000	1,639,000	1,639,000	1,639,000	1,639,000
833	Sơn	Sơn phủ Nano Epoxy kim loại & tàu biển KL5-05	lít		bộ 5lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1,787,000	1,787,000	1,787,000	1,787,000	1,787,000	1,787,000	1,787,000	1,787,000	1,787,000	1,787,000	1,787,000	1,787,000	1,787,000	1,787,000	1,787,000
834	Sơn	Sơn Nano giao thông không phản quang KN-GT02 (vàng, đỏ)	lít		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	5,380,000	5,380,000	5,380,000	5,380,000	5,380,000	5,380,000	5,380,000	5,380,000	5,380,000	5,380,000	5,380,000	5,380,000	5,380,000	5,380,000	5,380,000
835	Sơn	Sơn Nano viết bảng KN-WB	kg		Thùng 5kg	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2,572,000	2,572,000	2,572,000	2,572,000	2,572,000	2,572,000	2,572,000	2,572,000	2,572,000	2,572,000	2,572,000	2,572,000	2,572,000	2,572,000	2,572,000
836	Sơn	Sơn Phủ nano Kháng khuẩn KN DB-KK	lít		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	6,173,000	6,173,000	6,173,000	6,173,000	6,173,000	6,173,000	6,173,000	6,173,000	6,173,000	6,173,000	6,173,000	6,173,000	6,173,000	6,173,000	6,173,000
837	Sơn	Sơn phủ Nano Tự làm sạch KN DB-TLS	lít		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	6,173,000	6,173,000	6,173,000	6,173,000	6,173,000	6,173,000	6,173,000	6,173,000	6,173,000	6,173,000	6,173,000	6,173,000	6,173,000	6,173,000	6,173,000
838	Sơn	Sơn giao thông phản quang nhiệt dẻo (nhãn hiệu SIC)-Màu trắng	kg	TCVN 8791:2011	bao 25kg	Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giá bán tại nhà máy, địa chỉ: 1488 Đồng Khởi, P.Trảng Dài, TP.Đồng Nai	Mức giá có hiệu lực từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	25,500	25,500	25,500	25,500	25,500	25,500	25,500	25,500	25,500	25,500	25,500	25,500	25,500	25,500	25,500
839	Sơn	Sơn giao thông phản quang nhiệt dẻo (nhãn hiệu SIC)-Màu vàng	kg	TCVN 8791:2011	bao 25kg	Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giá bán tại nhà máy, địa chỉ: 1488 Đồng Khởi, P.Trảng Dài, TP.Đồng Nai	Mức giá có hiệu lực từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	26,000	26,000	26,000	26,000	26,000	26,000	26,000	26,000	26,000	26,000	26,000	26,000	26,000	26,000	26,000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)															
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
840	Sơn	Sơn giao thông phản quang nhiệt dẻo làm gờ giảm tốc /sơn gỗ (nhãn hiệu SIC)- Màu trắng	kg	TCVN 8791:2011	bao 25kg	Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giá bán tại nhà máy, địa chỉ: 1488 Đồng Khởi, P.Trảng Dài, TP.Đồng Nai	Mức giá có hiệu lực từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	25,500	25,500	25,500	25,500	25,500	25,500	25,500	25,500	25,500	25,500	25,500	25,500	25,500	25,500	25,500
841	Sơn	Sơn giao thông phản quang nhiệt dẻo làm gờ giảm tốc /sơn gỗ (nhãn hiệu SIC)- Màu vàng	kg	TCVN 8791:2011	bao 25kg	Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giá bán tại nhà máy, địa chỉ: 1488 Đồng Khởi, P.Trảng Dài, TP.Đồng Nai	Mức giá có hiệu lực từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	26,000	26,000	26,000	26,000	26,000	26,000	26,000	26,000	26,000	26,000	26,000	26,000	26,000	26,000	26,000
842	Sơn	Sơn giao thông hệ nước W02 (thần hiệu SIC)	kg	TCVN 8786:2011	thùng 5kg, 20kg	Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giá bán tại nhà máy, địa chỉ: 1488 Đồng Khởi, P.Trảng Dài, TP.Đồng Nai	Mức giá có hiệu lực từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	85,000	85,000	85,000	85,000	85,000	85,000	85,000	85,000	85,000	85,000	85,000	85,000	85,000	85,000	85,000
843	Sơn	Keo lót cho sơn kẻ đường (nhãn hiệu SIC)	kg	TCVN 8787:2011	thùng 16 kg	Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giá bán tại nhà máy, địa chỉ: 1488 Đồng Khởi, P.Trảng Dài, TP.Đồng Nai	Mức giá có hiệu lực từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	80,000	80,000	80,000	80,000	80,000	80,000	80,000	80,000	80,000	80,000	80,000	80,000	80,000	80,000	80,000
844	Sơn	Bột trét tường nội thất cao cấp	kg	TCVN 7239:2014	bao 40kg	Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giá bán tại nhà máy, địa chỉ: 1488 Đồng Khởi, P.Trảng Dài, TP.Đồng Nai	Mức giá có hiệu lực từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	4,700	4,700	4,700	4,700	4,700	4,700	4,700	4,700	4,700	4,700	4,700	4,700	4,700	4,700	4,700
845	Sơn	Bột trét tường ngoại thất cao cấp	kg	TCVN 7239:2014	bao 40kg	Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giá bán tại nhà máy, địa chỉ: 1488 Đồng Khởi, P.Trảng Dài, TP.Đồng Nai	Mức giá có hiệu lực từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	5,000	5,000	5,000	5,000	5,000	5,000	5,000	5,000	5,000	5,000	5,000	5,000	5,000	5,000	5,000
846	Sơn	Sơn lót chống kiềm nội thất	lít	QCVN 16:2019/BXD	thùng 5L, 18L	Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giá bán tại nhà máy, địa chỉ: 1488 Đồng Khởi, P.Trảng Dài, TP.Đồng Nai	Mức giá có hiệu lực từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	44,000	44,000	44,000	44,000	44,000	44,000	44,000	44,000	44,000	44,000	44,000	44,000	44,000	44,000	44,000
847	Sơn	Sơn lót chống kiềm ngoại thất	lít	QCVN 16:2019/BXD	thùng 5L, 18L	Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giá bán tại nhà máy, địa chỉ: 1488 Đồng Khởi, P.Trảng Dài, TP.Đồng Nai	Mức giá có hiệu lực từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	50,000	50,000	50,000	50,000	50,000	50,000	50,000	50,000	50,000	50,000	50,000	50,000	50,000	50,000	50,000
848	Sơn	Sơn nước nội thất S-Light chống nấm mốc	lít	QCVN 16:2019/BXD	thùng 5L, 18L	Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giá bán tại nhà máy, địa chỉ: 1488 Đồng Khởi, P.Trảng Dài, TP.Đồng Nai	Mức giá có hiệu lực từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	40,000	40,000	40,000	40,000	40,000	40,000	40,000	40,000	40,000	40,000	40,000	40,000	40,000	40,000	40,000
849	Sơn	Sơn nước nội thất cao cấp SIC INTERIOR dễ lau chùi	lít	QCVN 16:2019/BXD	thùng 5L, 18L	Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giá bán tại nhà máy, địa chỉ: 1488 Đồng Khởi, P.Trảng Dài, TP.Đồng Nai	Mức giá có hiệu lực từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	70,000	70,000	70,000	70,000	70,000	70,000	70,000	70,000	70,000	70,000	70,000	70,000	70,000	70,000	70,000
850	Sơn	Sơn nước ngoại thất cao cấp SIC EXTERIOR che phủ vết nứt	lít	QCVN 16:2019/BXD	thùng 5L, 18L	Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giá bán tại nhà máy, địa chỉ: 1488 Đồng Khởi, P.Trảng Dài, TP.Đồng Nai	Mức giá có hiệu lực từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	117,000	117,000	117,000	117,000	117,000	117,000	117,000	117,000	117,000	117,000	117,000	117,000	117,000	117,000	117,000
851	Sơn	Sơn nước ngoại thất cao cấp SIC SUPER EXTERIOR sạch vượt trội	lít	QCVN 16:2019/BXD	thùng 5L, 18L	Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giá bán tại nhà máy, địa chỉ: 1488 Đồng Khởi, P.Trảng Dài, TP.Đồng Nai	Mức giá có hiệu lực từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	80,000	80,000	80,000	80,000	80,000	80,000	80,000	80,000	80,000	80,000	80,000	80,000	80,000	80,000	80,000
852	Sơn	Sơn nước ngoại thất cao cấp SIC WEATHER SHIELD bền màu tối ưu	lít	QCVN 16:2019/BXD	thùng 5L, 18L	Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giá bán tại nhà máy, địa chỉ: 1488 Đồng Khởi, P.Trảng Dài, TP.Đồng Nai	Mức giá có hiệu lực từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	129,000	129,000	129,000	129,000	129,000	129,000	129,000	129,000	129,000	129,000	129,000	129,000	129,000	129,000	129,000
853	Sơn	Bột bả nội thất cao cấp J01	kg	TCVN 7239:2019	bao 40kg	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiên 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	8,300	8,300	8,300	8,300	8,300	8,300	8,300	8,300	8,300	8,300	8,300	8,300	8,300	8,300	8,300
854	Sơn	Bột bả ngoại thất cao cấp J02	kg	TCVN 7239:2019	bao 40kg	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiên 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	10,900	10,900	10,900	10,900	10,900	10,900	10,900	10,900	10,900	10,900	10,900	10,900	10,900	10,900	10,900
855	Sơn	Sơn siêu mịn nội thất cao cấp N800	lít	QCVN 16:2023/BXD	thùng 18 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiên 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	55,400	55,400	55,400	55,400	55,400	55,400	55,400	55,400	55,400	55,400	55,400	55,400	55,400	55,400	55,400
856	Sơn	Sơn siêu mịn nội thất lau chùi cao cấp J67	lít	QCVN 16:2023/BXD	thùng 18 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiên 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	138,500	138,500	138,500	138,500	138,500	138,500	138,500	138,500	138,500	138,500	138,500	138,500	138,500	138,500	138,500
857	Sơn	Sơn bóng semi nội thất cao cấp J68	lít	QCVN 16:2023/BXD	thùng 18 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiên 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	199,200	199,200	199,200	199,200	199,200	199,200	199,200	199,200	199,200	199,200	199,200	199,200	199,200	199,200	199,200

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
858	Sơn	Sơn siêu bóng nội thất cao cấp 7 in 1 men sứ J69	lít	QCVN 16:2023/BXD	thùng 18 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiên 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	265,000	265,000	265,000	265,000	265,000	265,000	265,000	265,000	265,000	265,000	265,000	265,000	265,000	265,000	265,000
859	Sơn	Sơn siêu trắng trần nội thất cao cấp J66	lít	QCVN 16:2023/BXD	thùng 18 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiên 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	106,100	106,100	106,100	106,100	106,100	106,100	106,100	106,100	106,100	106,100	106,100	106,100	106,100	106,100	106,100
860	Sơn	Sơn siêu mịn ngoại thất cao cấp N810	lít	QCVN 16:2023/BXD	thùng 18 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiên 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	123,800	123,800	123,800	123,800	123,800	123,800	123,800	123,800	123,800	123,800	123,800	123,800	123,800	123,800	123,800
861	Sơn	Sơn bóng ngoại thất cao cấp J35	lít	QCVN 16:2023/BXD	thùng 18 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiên 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	258,900	258,900	258,900	258,900	258,900	258,900	258,900	258,900	258,900	258,900	258,900	258,900	258,900	258,900	258,900
862	Sơn	Sơn siêu bóng ngoại thất cao cấp 8 in 1 men sứ J86	lít	QCVN 16:2023/BXD	thùng 18 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiên 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	304,800	304,800	304,800	304,800	304,800	304,800	304,800	304,800	304,800	304,800	304,800	304,800	304,800	304,800	304,800
863	Sơn	Sơn lau chùi hiệu quả ngoại thất cao cấp J87	lít	QCVN 16:2023/BXD	thùng 15 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiên 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	206,200	206,200	206,200	206,200	206,200	206,200	206,200	206,200	206,200	206,200	206,200	206,200	206,200	206,200	206,200
864	Sơn	Sơn chống thấm đa năng pha xi măng J11A	lít	QCVN 16:2023/BXD	thùng 18 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiên 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	174,700	174,700	174,700	174,700	174,700	174,700	174,700	174,700	174,700	174,700	174,700	174,700	174,700	174,700	174,700
865	Sơn	Sơn chống thấm pha màu cao cấp J11M	lít	QCVN 16:2023/BXD	thùng 18 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiên 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	219,100	219,100	219,100	219,100	219,100	219,100	219,100	219,100	219,100	219,100	219,100	219,100	219,100	219,100	219,100
866	Sơn	Sơn lót nội thất siêu mịn cao cấp N500	lít	TCVN 8652:2020	thùng 18 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiên 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	55,200	55,200	55,200	55,200	55,200	55,200	55,200	55,200	55,200	55,200	55,200	55,200	55,200	55,200	55,200
867	Sơn	Sơn lót ngoại thất siêu mịn cao cấp N805	lít	TCVN 8652:2020	thùng 18 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiên 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	94,000	94,000	94,000	94,000	94,000	94,000	94,000	94,000	94,000	94,000	94,000	94,000	94,000	94,000	94,000
868	Sơn	Sơn lót kháng kiềm nội thất cao cấp J65	lít	TCVN 8652:2020	thùng 18 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiên 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	113,700	113,700	113,700	113,700	113,700	113,700	113,700	113,700	113,700	113,700	113,700	113,700	113,700	113,700	113,700
869	Sơn	Sơn lót kháng kiềm ngoại thất cao cấp J85	lít	TCVN 8652:2020	thùng 18 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiên 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	189,400	189,400	189,400	189,400	189,400	189,400	189,400	189,400	189,400	189,400	189,400	189,400	189,400	189,400	189,400
870	Sơn	Bột trét ngoại thất cao cấp TAKA	bao	TCVN 7239:2014, ISO 9001:2015	40 kg	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bảy Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	458,333	458,333	458,333	458,333	458,333	458,333	458,333	458,333	458,333	458,333	458,333	458,333	458,333	458,333	458,333
871	Sơn	Bột trét nội thất cao cấp TAKA	bao	TCVN 7239:2014, ISO 9001:2015	40 kg	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bảy Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	398,148	398,148	398,148	398,148	398,148	398,148	398,148	398,148	398,148	398,148	398,148	398,148	398,148	398,148	398,148
872	Sơn	Bột trét ngoại thất cao cấp HIGO	bao	TCVN 7239:2014, ISO 9001:2015	40 kg	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bảy Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	407,407	407,407	407,407	407,407	407,407	407,407	407,407	407,407	407,407	407,407	407,407	407,407	407,407	407,407	407,407
873	Sơn	Bột trét nội thất cao cấp HIGO	bao	TCVN 7239:2014, ISO 9001:2015	40 kg	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bảy Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	351,852	351,852	351,852	351,852	351,852	351,852	351,852	351,852	351,852	351,852	351,852	351,852	351,852	351,852	351,852
874	Sơn	Bột trét ngoại thất KIYO	bao	TCVN 7239:2014, ISO 9001:2015	40 kg	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bảy Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	305,556	305,556	305,556	305,556	305,556	305,556	305,556	305,556	305,556	305,556	305,556	305,556	305,556	305,556	305,556
875	Sơn	Bột trét nội thất KIYO	bao	TCVN 7239:2014, ISO 9001:2015	40 kg	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bảy Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	268,519	268,519	268,519	268,519	268,519	268,519	268,519	268,519	268,519	268,519	268,519	268,519	268,519	268,519	268,519

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)															
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
876	Sơn	Ngoại thất NAGA Chống thấm tối ưu (Bóng sáng)	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	01 lit	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bảy Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	398,148	398,148	398,148	398,148	398,148	398,148	398,148	398,148	398,148	398,148	398,148	398,148	398,148	398,148	398,148
877	Sơn	Ngoại thất NAGA Chống thấm tối ưu (Bóng sáng)	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	05 lit	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bảy Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1,800,000	1,800,000	1,800,000	1,800,000	1,800,000	1,800,000	1,800,000	1,800,000	1,800,000	1,800,000	1,800,000	1,800,000	1,800,000	1,800,000	1,800,000
878	Sơn	Ngoại thất NAGA chống nấm mốc, rong rêu (Bóng mờ)	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	01 lit	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bảy Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	328,704	328,704	328,704	328,704	328,704	328,704	328,704	328,704	328,704	328,704	328,704	328,704	328,704	328,704	328,704
879	Sơn	Ngoại thất NAGA chống nấm mốc, rong rêu (Bóng mờ)	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	05 lit	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bảy Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1,431,481	1,431,481	1,431,481	1,431,481	1,431,481	1,431,481	1,431,481	1,431,481	1,431,481	1,431,481	1,431,481	1,431,481	1,431,481	1,431,481	1,431,481
880	Sơn	Ngoại thất LANITI _ Siêu Đàn Hồi 5in1 SON CO DẦN 300%	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	01 lit	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bảy Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	387,963	387,963	387,963	387,963	387,963	387,963	387,963	387,963	387,963	387,963	387,963	387,963	387,963	387,963	387,963
881	Sơn	Ngoại thất LANITI _ Siêu Đàn Hồi 5in1 SON CO DẦN 300%	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	05 lit	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bảy Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1,750,000	1,750,000	1,750,000	1,750,000	1,750,000	1,750,000	1,750,000	1,750,000	1,750,000	1,750,000	1,750,000	1,750,000	1,750,000	1,750,000	1,750,000
882	Sơn	Ngoại thất LANITI _ Siêu Đàn Hồi 5in1 SON CO DẦN 300%	thùng	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	18 lit	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bảy Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	6,021,296	6,021,296	6,021,296	6,021,296	6,021,296	6,021,296	6,021,296	6,021,296	6,021,296	6,021,296	6,021,296	6,021,296	6,021,296	6,021,296	6,021,296
883	Sơn	Ngoại thất NAGA Che Lấp Khe Nứt Hoàn Hảo NEW	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	01 lit	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bảy Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	314,815	314,815	314,815	314,815	314,815	314,815	314,815	314,815	314,815	314,815	314,815	314,815	314,815	314,815	314,815
884	Sơn	Ngoại thất NAGA Che Lấp Khe Nứt Hoàn Hảo NEW	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	05 lit	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bảy Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1,385,185	1,385,185	1,385,185	1,385,185	1,385,185	1,385,185	1,385,185	1,385,185	1,385,185	1,385,185	1,385,185	1,385,185	1,385,185	1,385,185	1,385,185
885	Sơn	Ngoại thất NAGA Che Lấp Khe Nứt Hoàn Hảo NEW	thùng	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	18 lit	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bảy Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	4,683,333	4,683,333	4,683,333	4,683,333	4,683,333	4,683,333	4,683,333	4,683,333	4,683,333	4,683,333	4,683,333	4,683,333	4,683,333	4,683,333	4,683,333
886	Sơn	Ngoại thất KAREN _ Màng sơn Bóng mờ	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	05 lit	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bảy Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	803,704	803,704	803,704	803,704	803,704	803,704	803,704	803,704	803,704	803,704	803,704	803,704	803,704	803,704	803,704
887	Sơn	Ngoại thất KAREN _ Màng sơn Bóng mờ	thùng	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	18 lit	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bảy Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2,602,778	2,602,778	2,602,778	2,602,778	2,602,778	2,602,778	2,602,778	2,602,778	2,602,778	2,602,778	2,602,778	2,602,778	2,602,778	2,602,778	2,602,778
888	Sơn	Nội thất KONGO ngọc trai (Bóng sáng)	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	01 lit	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bảy Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	319,444	319,444	319,444	319,444	319,444	319,444	319,444	319,444	319,444	319,444	319,444	319,444	319,444	319,444	319,444
889	Sơn	Nội thất KONGO ngọc trai (Bóng sáng)	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	05 lit	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bảy Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1,385,185	1,385,185	1,385,185	1,385,185	1,385,185	1,385,185	1,385,185	1,385,185	1,385,185	1,385,185	1,385,185	1,385,185	1,385,185	1,385,185	1,385,185
890	Sơn	Nội thất KONGO Chống Bám Bẩn (Bóng mờ)	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	01 lit	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bảy Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	291,667	291,667	291,667	291,667	291,667	291,667	291,667	291,667	291,667	291,667	291,667	291,667	291,667	291,667	291,667
891	Sơn	Nội thất KONGO Chống Bám Bẩn (Bóng mờ)	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	05 lit	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bảy Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1,246,296	1,246,296	1,246,296	1,246,296	1,246,296	1,246,296	1,246,296	1,246,296	1,246,296	1,246,296	1,246,296	1,246,296	1,246,296	1,246,296	1,246,296
892	Sơn	Nội thất TAGO _ Không Cần Sơn Lót	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	01 lit	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bảy Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	204,630	204,630	204,630	204,630	204,630	204,630	204,630	204,630	204,630	204,630	204,630	204,630	204,630	204,630	204,630
893	Sơn	Nội thất TAGO _ Không Cần Sơn Lót	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	05 lit	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bảy Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	845,370	845,370	845,370	845,370	845,370	845,370	845,370	845,370	845,370	845,370	845,370	845,370	845,370	845,370	845,370

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
894	Sơn	Nội thất TAGO _ Không Cần Sơn Lót	thùng	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	18 lít	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bảy Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2,764,815	2,764,815	2,764,815	2,764,815	2,764,815	2,764,815	2,764,815	2,764,815	2,764,815	2,764,815	2,764,815	2,764,815	2,764,815	2,764,815	2,764,815
895	Sơn	Nội thất FLORA (Màng sơn mờ)	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	01 lít	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bảy Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	171,296	171,296	171,296	171,296	171,296	171,296	171,296	171,296	171,296	171,296	171,296	171,296	171,296	171,296	171,296
896	Sơn	Nội thất FLORA (Màng sơn mờ)	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	05 lít	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bảy Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	646,296	646,296	646,296	646,296	646,296	646,296	646,296	646,296	646,296	646,296	646,296	646,296	646,296	646,296	646,296
897	Sơn	Nội thất FLORA (Màng sơn mờ)	thùng	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	18 lít	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bảy Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2,062,963	2,062,963	2,062,963	2,062,963	2,062,963	2,062,963	2,062,963	2,062,963	2,062,963	2,062,963	2,062,963	2,062,963	2,062,963	2,062,963	2,062,963
898	Sơn	Nội thất KONGO Bám Dính Tuyệt Hảo	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	05 lít	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bảy Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	406,481	406,481	406,481	406,481	406,481	406,481	406,481	406,481	406,481	406,481	406,481	406,481	406,481	406,481	406,481
899	Sơn	Nội thất KONGO Bám Dính Tuyệt Hảo	thùng	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	18 lít	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bảy Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1,223,148	1,223,148	1,223,148	1,223,148	1,223,148	1,223,148	1,223,148	1,223,148	1,223,148	1,223,148	1,223,148	1,223,148	1,223,148	1,223,148	1,223,148
900	Sơn	Sơn Lót kiềm ngoại thất cao cấp SANDY	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	05 lít	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bảy Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	816,667	816,667	816,667	816,667	816,667	816,667	816,667	816,667	816,667	816,667	816,667	816,667	816,667	816,667	816,667
901	Sơn	Sơn Lót kiềm ngoại thất cao cấp SANDY	thùng	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	18 lít	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bảy Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2,700,000	2,700,000	2,700,000	2,700,000	2,700,000	2,700,000	2,700,000	2,700,000	2,700,000	2,700,000	2,700,000	2,700,000	2,700,000	2,700,000	2,700,000
902	Sơn	Sơn Lót kiềm ngoại thất NAGA Nano Sealer	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	05 lít	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bảy Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	762,963	762,963	762,963	762,963	762,963	762,963	762,963	762,963	762,963	762,963	762,963	762,963	762,963	762,963	762,963
903	Sơn	Sơn Lót kiềm ngoại thất NAGA Nano Sealer	thùng	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	18 lít	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bảy Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2,483,333	2,483,333	2,483,333	2,483,333	2,483,333	2,483,333	2,483,333	2,483,333	2,483,333	2,483,333	2,483,333	2,483,333	2,483,333	2,483,333	2,483,333
904	Sơn	Sơn Lót kiềm nội thất cao cấp NOLAN	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	05 lít	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bảy Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	600,000	600,000	600,000	600,000	600,000	600,000	600,000	600,000	600,000	600,000	600,000	600,000	600,000	600,000	600,000
905	Sơn	Sơn Lót kiềm nội thất cao cấp NOLAN	thùng	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	18 lít	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bảy Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1,878,704	1,878,704	1,878,704	1,878,704	1,878,704	1,878,704	1,878,704	1,878,704	1,878,704	1,878,704	1,878,704	1,878,704	1,878,704	1,878,704	1,878,704
906	Sơn	Sơn Lót kiềm nội thất KONGO Nano Sealer	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	05 lít	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bảy Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	568,519	568,519	568,519	568,519	568,519	568,519	568,519	568,519	568,519	568,519	568,519	568,519	568,519	568,519	568,519
907	Sơn	Sơn Lót kiềm nội thất KONGO Nano Sealer	thùng	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	18 lít	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bảy Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1,754,630	1,754,630	1,754,630	1,754,630	1,754,630	1,754,630	1,754,630	1,754,630	1,754,630	1,754,630	1,754,630	1,754,630	1,754,630	1,754,630	1,754,630
908	Sơn	Chống thấm đa năng siêu đàn hồi	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	05 kg	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bảy Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	946,296	946,296	946,296	946,296	946,296	946,296	946,296	946,296	946,296	946,296	946,296	946,296	946,296	946,296	946,296
909	Sơn	Chống thấm đa năng siêu đàn hồi	thùng	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	18 kg	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bảy Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3,137,963	3,137,963	3,137,963	3,137,963	3,137,963	3,137,963	3,137,963	3,137,963	3,137,963	3,137,963	3,137,963	3,137,963	3,137,963	3,137,963	3,137,963
910	Sơn	Chống thấm màu RINGO	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	05 lít	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bảy Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	969,444	969,444	969,444	969,444	969,444	969,444	969,444	969,444	969,444	969,444	969,444	969,444	969,444	969,444	969,444
911	Sơn	Chống thấm màu RINGO	thùng	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	18 lít	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bảy Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3,206,481	3,206,481	3,206,481	3,206,481	3,206,481	3,206,481	3,206,481	3,206,481	3,206,481	3,206,481	3,206,481	3,206,481	3,206,481	3,206,481	3,206,481
912	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm bọc hạ thế AV 35mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	23,410	23,410	23,410	23,410	23,410	23,410	23,410	23,410	23,410	23,410	23,410	23,410	23,410	23,410	23,410

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)															
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
913	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm bọc hạ thế AV 50mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	32,750	32,750	32,750	32,750	32,750	32,750	32,750	32,750	32,750	32,750	32,750	32,750	32,750	32,750	32,750
914	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm bọc hạ thế AV 70mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	44,220	44,220	44,220	44,220	44,220	44,220	44,220	44,220	44,220	44,220	44,220	44,220	44,220	44,220	44,220
915	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm bọc hạ thế AV 95mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	60,110	60,110	60,110	60,110	60,110	60,110	60,110	60,110	60,110	60,110	60,110	60,110	60,110	60,110	60,110
916	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm bọc hạ thế AV 120mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	73,070	73,070	73,070	73,070	73,070	73,070	73,070	73,070	73,070	73,070	73,070	73,070	73,070	73,070	73,070
917	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm bọc hạ thế AV 240mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	145,560	145,560	145,560	145,560	145,560	145,560	145,560	145,560	145,560	145,560	145,560	145,560	145,560	145,560	145,560
918	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm trần lõi thép AC 35mm2 (35/6,2) (149kg/km)	kg			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	146,415	146,415	146,415	146,415	146,415	146,415	146,415	146,415	146,415	146,415	146,415	146,415	146,415	146,415	146,415
919	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm trần lõi thép AC 50mm2 (50/8) (195kg/km)	kg			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	151,168	151,168	151,168	151,168	151,168	151,168	151,168	151,168	151,168	151,168	151,168	151,168	151,168	151,168	151,168
920	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm trần lõi thép ACSR 70/11mm2 (274kg/km)	kg			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	149,926	149,926	149,926	149,926	149,926	149,926	149,926	149,926	149,926	149,926	149,926	149,926	149,926	149,926	149,926
921	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm trần lõi thép ACSR 95/16mm2 (384kg/km)	kg			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	148,165	148,165	148,165	148,165	148,165	148,165	148,165	148,165	148,165	148,165	148,165	148,165	148,165	148,165	148,165
922	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm trần lõi thép AC 120mm2 (120/19) (471kg/km)	kg			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	159,343	159,343	159,343	159,343	159,343	159,343	159,343	159,343	159,343	159,343	159,343	159,343	159,343	159,343	159,343
923	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm trần lõi thép ACSR 150/19 (554kg/km)	kg			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	159,300	159,300	159,300	159,300	159,300	159,300	159,300	159,300	159,300	159,300	159,300	159,300	159,300	159,300	159,300
924	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm trần lõi thép AC 185mm2 (185/24) (705kg/km)	kg			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	153,846	153,846	153,846	153,846	153,846	153,846	153,846	153,846	153,846	153,846	153,846	153,846	153,846	153,846	153,846
925	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm trần lõi thép AC 185mm2 (185/29)	kg			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	149,764	149,764	149,764	149,764	149,764	149,764	149,764	149,764	149,764	149,764	149,764	149,764	149,764	149,764	149,764
926	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm trần lõi thép AC 240mm2 (240/32) (920kg/km)	kg			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	154,008	154,008	154,008	154,008	154,008	154,008	154,008	154,008	154,008	154,008	154,008	154,008	154,008	154,008	154,008
927	Vật tư ngành điện	Dây đồng đơn 600V 30/10	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	23,220	23,220	23,220	23,220	23,220	23,220	23,220	23,220	23,220	23,220	23,220	23,220	23,220	23,220	23,220
928	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc hạ thế CV 16mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	94,930	94,930	94,930	94,930	94,930	94,930	94,930	94,930	94,930	94,930	94,930	94,930	94,930	94,930	94,930
929	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc hạ thế CV 25mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	143,990	143,990	143,990	143,990	143,990	143,990	143,990	143,990	143,990	143,990	143,990	143,990	143,990	143,990	143,990
930	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc hạ thế CV 35mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	199,220	199,220	199,220	199,220	199,220	199,220	199,220	199,220	199,220	199,220	199,220	199,220	199,220	199,220	199,220
931	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc hạ thế CV 50mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	272,570	272,570	272,570	272,570	272,570	272,570	272,570	272,570	272,570	272,570	272,570	272,570	272,570	272,570	272,570
932	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc hạ thế CV 70mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	388,850	388,850	388,850	388,850	388,850	388,850	388,850	388,850	388,850	388,850	388,850	388,850	388,850	388,850	388,850
933	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc hạ thế CV 95mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	537,710	537,710	537,710	537,710	537,710	537,710	537,710	537,710	537,710	537,710	537,710	537,710	537,710	537,710	537,710
934	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc hạ thế CV 120mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	700,360	700,360	700,360	700,360	700,360	700,360	700,360	700,360	700,360	700,360	700,360	700,360	700,360	700,360	700,360
935	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc hạ thế CV 150mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	837,100	837,100	837,100	837,100	837,100	837,100	837,100	837,100	837,100	837,100	837,100	837,100	837,100	837,100	837,100
936	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc hạ thế CV 185mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	1,045,200	1,045,200	1,045,200	1,045,200	1,045,200	1,045,200	1,045,200	1,045,200	1,045,200	1,045,200	1,045,200	1,045,200	1,045,200	1,045,200	1,045,200
937	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc hạ thế CV 240mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	1,369,560	1,369,560	1,369,560	1,369,560	1,369,560	1,369,560	1,369,560	1,369,560	1,369,560	1,369,560	1,369,560	1,369,560	1,369,560	1,369,560	1,369,560
938	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc hạ thế CV 300 mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	1,752,200	1,752,200	1,752,200	1,752,200	1,752,200	1,752,200	1,752,200	1,752,200	1,752,200	1,752,200	1,752,200	1,752,200	1,752,200	1,752,200	1,752,200
939	Vật tư ngành điện	Cáp đồng trần xoắn C25mm2 (224kg/km)	kg			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	651,186	651,186	651,186	651,186	651,186	651,186	651,186	651,186	651,186	651,186	651,186	651,186	651,186	651,186	651,186
940	Vật tư ngành điện	Cáp đồng trần xoắn C50mm2 (444kg/km)	kg			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	644,976	644,976	644,976	644,976	644,976	644,976	644,976	644,976	644,976	644,976	644,976	644,976	644,976	644,976	644,976
941	Vật tư ngành điện	Cáp đồng trần xoắn C70mm2 (612kg/km)	kg			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	646,726	646,726	646,726	646,726	646,726	646,726	646,726	646,726	646,726	646,726	646,726	646,726	646,726	646,726	646,726

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
942	Vật tư ngành điện	Cáp đồng trần xoắn C95mm2 (850kg/km)	kg			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	650,473	650,473	650,473	650,473	650,473	650,473	650,473	650,473	650,473	650,473	650,473	650,473	650,473	650,473	650,473
943	Vật tư ngành điện	Cáp đồng trần xoắn C120mm2 (1.066kg/km)	kg			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	667,678	667,678	667,678	667,678	667,678	667,678	667,678	667,678	667,678	667,678	667,678	667,678	667,678	667,678	667,678
944	Vật tư ngành điện	Cáp duplex DuCV 2x6mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	69,760	69,760	69,760	69,760	69,760	69,760	69,760	69,760	69,760	69,760	69,760	69,760	69,760	69,760	69,760
945	Vật tư ngành điện	Cáp duplex DuCV 2x10mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	113,520	113,520	113,520	113,520	113,520	113,520	113,520	113,520	113,520	113,520	113,520	113,520	113,520	113,520	113,520
946	Vật tư ngành điện	Cáp duplex DuCV 2x16mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	174,410	174,410	174,410	174,410	174,410	174,410	174,410	174,410	174,410	174,410	174,410	174,410	174,410	174,410	174,410
947	Vật tư ngành điện	Cáp duplex DuCV 2x25mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	272,170	272,170	272,170	272,170	272,170	272,170	272,170	272,170	272,170	272,170	272,170	272,170	272,170	272,170	272,170
948	Vật tư ngành điện	Cáp Cu/PVC/PVC S 2x4mm2 0.6/1kV	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	67,820	67,820	67,820	67,820	67,820	67,820	67,820	67,820	67,820	67,820	67,820	67,820	67,820	67,820	67,820
949	Vật tư ngành điện	Cáp Cu/PVC/PVC 2x4mm2-0.6/1kV	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	63,830	63,830	63,830	63,830	63,830	63,830	63,830	63,830	63,830	63,830	63,830	63,830	63,830	63,830	63,830
950	Vật tư ngành điện	Cáp điều khiển ruột đồng, màng chắn đồng (CVV-Sc) 4x4mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	142,950	142,950	142,950	142,950	142,950	142,950	142,950	142,950	142,950	142,950	142,950	142,950	142,950	142,950	142,950
951	Vật tư ngành điện	Cáp tín hiệu 02 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC màn chắn đồng 0,6/1kV [CVV-Sc] - 2x4,0 mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	88,440	88,440	88,440	88,440	88,440	88,440	88,440	88,440	88,440	88,440	88,440	88,440	88,440	88,440	88,440
952	Vật tư ngành điện	Cáp tín hiệu 04 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC màn chắn đồng 0,6/1kV [CVV-Sc] - 4x4,0 mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	142,950	142,950	142,950	142,950	142,950	142,950	142,950	142,950	142,950	142,950	142,950	142,950	142,950	142,950	142,950
953	Vật tư ngành điện	Cáp tín hiệu 02 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC màn chắn nhôm 0,6/1kV [CVV-Sa] - 2x4,0 mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	81,250	81,250	81,250	81,250	81,250	81,250	81,250	81,250	81,250	81,250	81,250	81,250	81,250	81,250	81,250
954	Vật tư ngành điện	Cáp tín hiệu 04 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC màn chắn nhôm 0,6/1kV [CVV-Sa] - 4x4 mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	140,670	140,670	140,670	140,670	140,670	140,670	140,670	140,670	140,670	140,670	140,670	140,670	140,670	140,670	140,670
955	Vật tư ngành điện	Cáp tín hiệu TU&TI 4 ruột đồng cách điện PVC TH-CVV 3x4+1x2,5mm²	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	114,825	114,825	114,825	114,825	114,825	114,825	114,825	114,825	114,825	114,825	114,825	114,825	114,825	114,825	114,825
956	Vật tư ngành điện	Cáp điện kế - Muller (CVV) 2x6mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	124,830	124,830	124,830	124,830	124,830	124,830	124,830	124,830	124,830	124,830	124,830	124,830	124,830	124,830	124,830
957	Vật tư ngành điện	Cáp điện kế - Muller (CVV) 2x10mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	179,870	179,870	179,870	179,870	179,870	179,870	179,870	179,870	179,870	179,870	179,870	179,870	179,870	179,870	179,870
958	Vật tư ngành điện	Cáp điện kế - Muller (CVV) 2x16mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	233,150	233,150	233,150	233,150	233,150	233,150	233,150	233,150	233,150	233,150	233,150	233,150	233,150	233,150	233,150
959	Vật tư ngành điện	Cáp điện kế - Muller (CVV) 2x25mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	365,560	365,560	365,560	365,560	365,560	365,560	365,560	365,560	365,560	365,560	365,560	365,560	365,560	365,560	365,560
960	Vật tư ngành điện	Cáp điện kế - Muller (CVV) 2x35mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	484,070	484,070	484,070	484,070	484,070	484,070	484,070	484,070	484,070	484,070	484,070	484,070	484,070	484,070	484,070
961	Vật tư ngành điện	Cáp điện kế - Muller (CVV) 3x10+1x6 mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	270,430	270,430	270,430	270,430	270,430	270,430	270,430	270,430	270,430	270,430	270,430	270,430	270,430	270,430	270,430
962	Vật tư ngành điện	Cáp điện kế - Muller (CVV) 3x16+1x10 mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	389,300	389,300	389,300	389,300	389,300	389,300	389,300	389,300	389,300	389,300	389,300	389,300	389,300	389,300	389,300
963	Vật tư ngành điện	Cáp điện kế - Muller (CVV) 3x25+1x16 mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	610,680	610,680	610,680	610,680	610,680	610,680	610,680	610,680	610,680	610,680	610,680	610,680	610,680	610,680	610,680
964	Vật tư ngành điện	Cáp điện kế - Muller (CVV) 3x35+1x16 mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	783,170	783,170	783,170	783,170	783,170	783,170	783,170	783,170	783,170	783,170	783,170	783,170	783,170	783,170	783,170
965	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc trung thế CX/HDPE-W 25 mm2 - 12,7/22(24)kV	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	210,720	210,720	210,720	210,720	210,720	210,720	210,720	210,720	210,720	210,720	210,720	210,720	210,720	210,720	210,720
966	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc trung thế CX/HDPE-W 35 mm2 - 12,7/22(24)kV	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	247,590	247,590	247,590	247,590	247,590	247,590	247,590	247,590	247,590	247,590	247,590	247,590	247,590	247,590	247,590
967	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc trung thế CX/HDPE-W 50 mm2 - 12,7/22(24)kV	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	353,700	353,700	353,700	353,700	353,700	353,700	353,700	353,700	353,700	353,700	353,700	353,700	353,700	353,700	353,700
968	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc trung thế CX/HDPE-W 70 mm2 - 12,7/22(24)kV	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	471,020	471,020	471,020	471,020	471,020	471,020	471,020	471,020	471,020	471,020	471,020	471,020	471,020	471,020	471,020
969	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc trung thế CX/HDPE-W 95 mm2 - 12,7/22(24)kV	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	624,270	624,270	624,270	624,270	624,270	624,270	624,270	624,270	624,270	624,270	624,270	624,270	624,270	624,270	624,270
970	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc trung thế CX/HDPE-W 120 mm2 - 12,7/22(24)kV	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	808,470	808,470	808,470	808,470	808,470	808,470	808,470	808,470	808,470	808,470	808,470	808,470	808,470	808,470	808,470
971	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc trung thế CX/HDPE-W 150 mm2 - 12,7/22(24)kV	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	992,670	992,670	992,670	992,670	992,670	992,670	992,670	992,670	992,670	992,670	992,670	992,670	992,670	992,670	992,670

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)															
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
972	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc trung thế CX/HDPE-W 185 mm2 - 12,7/22(24)kV	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	1,174,650	1,174,650	1,174,650	1,174,650	1,174,650	1,174,650	1,174,650	1,174,650	1,174,650	1,174,650	1,174,650	1,174,650	1,174,650	1,174,650	1,174,650
973	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc trung thế CX/HDPE-W 240 mm2 - 12,7/22(24)kV	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	1,515,360	1,515,360	1,515,360	1,515,360	1,515,360	1,515,360	1,515,360	1,515,360	1,515,360	1,515,360	1,515,360	1,515,360	1,515,360	1,515,360	1,515,360
974	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc trung thế CX/HDPE-W 300 mm2 - 12,7/22(24)kV	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	1,879,830	1,879,830	1,879,830	1,879,830	1,879,830	1,879,830	1,879,830	1,879,830	1,879,830	1,879,830	1,879,830	1,879,830	1,879,830	1,879,830	1,879,830
975	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm bọc lõi thép 24kV ACX/HDPE 50mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	107,719	107,719	107,719	107,719	107,719	107,719	107,719	107,719	107,719	107,719	107,719	107,719	107,719	107,719	107,719
976	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm bọc lõi thép 24kV ACX/HDPE 70mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	124,016	124,016	124,016	124,016	124,016	124,016	124,016	124,016	124,016	124,016	124,016	124,016	124,016	124,016	124,016
977	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm bọc lõi thép 24kV ACX/HDPE 95mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	154,732	154,732	154,732	154,732	154,732	154,732	154,732	154,732	154,732	154,732	154,732	154,732	154,732	154,732	154,732
978	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm bọc lõi thép 24kV ACX/HDPE 120mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	183,427	183,427	183,427	183,427	183,427	183,427	183,427	183,427	183,427	183,427	183,427	183,427	183,427	183,427	183,427
979	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm bọc lõi thép 24kV ACX/HDPE 150mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	204,336	204,336	204,336	204,336	204,336	204,336	204,336	204,336	204,336	204,336	204,336	204,336	204,336	204,336	204,336
980	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm bọc lõi thép 24kV ACX/HDPE 185mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	238,583	238,583	238,583	238,583	238,583	238,583	238,583	238,583	238,583	238,583	238,583	238,583	238,583	238,583	238,583
981	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm bọc lõi thép 24kV ACX/HDPE 240mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	289,289	289,289	289,289	289,289	289,289	289,289	289,289	289,289	289,289	289,289	289,289	289,289	289,289	289,289	289,289
982	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm bọc vặn xoắn LV-ABC 0.6/1kV 2x50mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	65,686	65,686	65,686	65,686	65,686	65,686	65,686	65,686	65,686	65,686	65,686	65,686	65,686	65,686	65,686
983	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm bọc vặn xoắn LV-ABC 0.6/1kV 2x70mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	86,422	86,422	86,422	86,422	86,422	86,422	86,422	86,422	86,422	86,422	86,422	86,422	86,422	86,422	86,422
984	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm bọc vặn xoắn LV-ABC 0.6/1kV 2x95mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	114,404	114,404	114,404	114,404	114,404	114,404	114,404	114,404	114,404	114,404	114,404	114,404	114,404	114,404	114,404
985	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm bọc vặn xoắn LV-ABC 0.6/1kV 2x120mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	144,796	144,796	144,796	144,796	144,796	144,796	144,796	144,796	144,796	144,796	144,796	144,796	144,796	144,796	144,796
986	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm bọc vặn xoắn LV-ABC 0.6/1kV 4x50mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	117,731	117,731	117,731	117,731	117,731	117,731	117,731	117,731	117,731	117,731	117,731	117,731	117,731	117,731	117,731
987	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm bọc vặn xoắn LV-ABC 0.6/1kV 4x70mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	164,527	164,527	164,527	164,527	164,527	164,527	164,527	164,527	164,527	164,527	164,527	164,527	164,527	164,527	164,527
988	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm bọc vặn xoắn LV-ABC 0.6/1kV 4x95mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	223,636	223,636	223,636	223,636	223,636	223,636	223,636	223,636	223,636	223,636	223,636	223,636	223,636	223,636	223,636
989	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm bọc vặn xoắn LV-ABC 0.6/1kV 4x120mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	283,154	283,154	283,154	283,154	283,154	283,154	283,154	283,154	283,154	283,154	283,154	283,154	283,154	283,154	283,154
990	Vật tư ngành điện	Cáp nhôm bọc vặn xoắn LV-ABC 0.6/1kV 4x150mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	341,604	341,604	341,604	341,604	341,604	341,604	341,604	341,604	341,604	341,604	341,604	341,604	341,604	341,604	341,604
991	Vật tư ngành điện	Cáp thép TK 35 (~3,4m/kg)	kg			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	105,883	105,883	105,883	105,883	105,883	105,883	105,883	105,883	105,883	105,883	105,883	105,883	105,883	105,883	105,883
992	Vật tư ngành điện	Cáp thép TK 50 (~2,6m/kg)	kg			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	127,408	127,408	127,408	127,408	127,408	127,408	127,408	127,408	127,408	127,408	127,408	127,408	127,408	127,408	127,408
993	Vật tư ngành điện	Cáp thép TK 35mm2 bọc HDPE	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	33,070	33,070	33,070	33,070	33,070	33,070	33,070	33,070	33,070	33,070	33,070	33,070	33,070	33,070	33,070
994	Vật tư ngành điện	Cáp thép TK 50mm2 bọc HDPE	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	58,925	58,925	58,925	58,925	58,925	58,925	58,925	58,925	58,925	58,925	58,925	58,925	58,925	58,925	58,925
995	Vật tư ngành điện	Dây thép trần xoắn mạ kẽm dùng làm dây chằng DC-TK 35	kg			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	105,883	105,883	105,883	105,883	105,883	105,883	105,883	105,883	105,883	105,883	105,883	105,883	105,883	105,883	105,883
996	Vật tư ngành điện	Dây thép xoắn mạ kẽm bọc cách điện dùng làm dây tiếp địa DTD-TK 35	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	33,070	33,070	33,070	33,070	33,070	33,070	33,070	33,070	33,070	33,070	33,070	33,070	33,070	33,070	33,070
997	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc 24kV CX(CR) 25mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	196,517	196,517	196,517	196,517	196,517	196,517	196,517	196,517	196,517	196,517	196,517	196,517	196,517	196,517	196,517
998	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc 24kV CX(CR) 35mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	235,850	235,850	235,850	235,850	235,850	235,850	235,850	235,850	235,850	235,850	235,850	235,850	235,850	235,850	235,850
999	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc 24kV CX(CR) 50mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	310,586	310,586	310,586	310,586	310,586	310,586	310,586	310,586	310,586	310,586	310,586	310,586	310,586	310,586	310,586
1000	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc 24KV CX(CR) 95mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	602,720	602,720	602,720	602,720	602,720	602,720	602,720	602,720	602,720	602,720	602,720	602,720	602,720	602,720	602,720
1001	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc 24KV CX(CR) 150mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	951,815	951,815	951,815	951,815	951,815	951,815	951,815	951,815	951,815	951,815	951,815	951,815	951,815	951,815	951,815
1002	Vật tư ngành điện	Cáp đồng bọc 24KV CX(CR) 240mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	1,448,237	1,448,237	1,448,237	1,448,237	1,448,237	1,448,237	1,448,237	1,448,237	1,448,237	1,448,237	1,448,237	1,448,237	1,448,237	1,448,237	1,448,237
1003	Vật tư ngành điện	Cáp Cu/PVC/PVC S 4x4mm2 0.6/1kV	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	140,832	140,832	140,832	140,832	140,832	140,832	140,832	140,832	140,832	140,832	140,832	140,832	140,832	140,832	140,832
1004	Vật tư ngành điện	Cáp ngầm ba pha 24kV ruột đồng, cách điện XLPE, màn chắn kim loại đồng, bọc giáp thép [CXV/DSTA]- 3x50 mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	1,563,743	1,563,743	1,563,743	1,563,743	1,563,743	1,563,743	1,563,743	1,563,743	1,563,743	1,563,743	1,563,743	1,563,743	1,563,743	1,563,743	1,563,743

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)															
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1005	Vật tư ngành điện	Cáp ngầm ba pha 24kV ruột đồng, cách điện XLPE, màn chắn kim loại đồng, bọc giáp thép [CXV/DSTA]-3x240 mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	5,563,739	5,563,739	5,563,739	5,563,739	5,563,739	5,563,739	5,563,739	5,563,739	5,563,739	5,563,739	5,563,739	5,563,739	5,563,739	5,563,739	5,563,739
1006	Vật tư ngành điện	Cáp ngầm ba pha 24kV ruột đồng, cách điện XLPE, màn chắn kim loại đồng, bọc giáp thép [CXV/DSTA]-3x300 mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	6,605,917	6,605,917	6,605,917	6,605,917	6,605,917	6,605,917	6,605,917	6,605,917	6,605,917	6,605,917	6,605,917	6,605,917	6,605,917	6,605,917	6,605,917
1007	Vật tư ngành điện	Cáp ngầm 3 pha 24kV ruột đồng, cách điện XLPE, sử dụng màn chắn kim loại đồng làm dây trung tính, bọc giáp thép [CXV/SEhh/DSTA]-3x50mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	1,823,364	1,823,364	1,823,364	1,823,364	1,823,364	1,823,364	1,823,364	1,823,364	1,823,364	1,823,364	1,823,364	1,823,364	1,823,364	1,823,364	1,823,364
1008	Vật tư ngành điện	Cáp ngầm 3 pha 24kV ruột đồng, cách điện XLPE, sử dụng màn chắn kim loại đồng làm dây trung tính, bọc giáp thép [CXV/SEhh/DSTA]-3x95 mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	3,265,510	3,265,510	3,265,510	3,265,510	3,265,510	3,265,510	3,265,510	3,265,510	3,265,510	3,265,510	3,265,510	3,265,510	3,265,510	3,265,510	3,265,510
1009	Vật tư ngành điện	Cáp ngầm 3P 24kV ruột đồng, cách điện XLPE, sử dụng màn chắn kim loại đồng làm dây trung tính, bọc giáp thép [CXV/SEhh/DSTA]- 3x240 mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	6,364,397	6,364,397	6,364,397	6,364,397	6,364,397	6,364,397	6,364,397	6,364,397	6,364,397	6,364,397	6,364,397	6,364,397	6,364,397	6,364,397	6,364,397
1010	Vật tư ngành điện	Cáp ngầm 3 pha 24kV ruột đồng, cách điện XLPE, sử dụng màn chắn kim loại đồng làm dây trung tính, bọc giáp thép [CXV/SEhh/DSTA]-3x300 mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	7,491,852	7,491,852	7,491,852	7,491,852	7,491,852	7,491,852	7,491,852	7,491,852	7,491,852	7,491,852	7,491,852	7,491,852	7,491,852	7,491,852	7,491,852
1011	Vật tư ngành điện	Cáp ngầm trung thế 1P CXV 1x150mm2	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	1,066,130	1,066,130	1,066,130	1,066,130	1,066,130	1,066,130	1,066,130	1,066,130	1,066,130	1,066,130	1,066,130	1,066,130	1,066,130	1,066,130	1,066,130
1012	Vật tư ngành điện	Cáp ngầm 1 pha Cu/XLPE/PVC/DATA/PVC-W 1x300mm2 12,7/22(24)kV	m			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	2,298,900	2,298,900	2,298,900	2,298,900	2,298,900	2,298,900	2,298,900	2,298,900	2,298,900	2,298,900	2,298,900	2,298,900	2,298,900	2,298,900	2,298,900
1013	Vật tư ngành điện	Dây chống sét GW 3/8	kg			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	105,880	105,880	105,880	105,880	105,880	105,880	105,880	105,880	105,880	105,880	105,880	105,880	105,880	105,880	105,880
1014	Vật tư ngành điện	Dây chống sét TK 50	kg			Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam. Công văn số 4203/BG/ĐT ngày 04/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	hàng giao tại kho người mua	Mức giá được thực hiện từ ngày 04/04/2026 đến khi có thông báo mới hoặc đến 31/12/2026	Giá bán tăng	127,408	127,408	127,408	127,408	127,408	127,408	127,408	127,408	127,408	127,408	127,408	127,408	127,408	127,408	127,408
1015	Vật tư ngành điện	Trụ đèn cao 6m dày 3mm Đường kính đáy: D150, đường kính đỉnh: D60	cột	BS5649:1995/BS EN 40-5:2002		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	4,950,000	4,950,000	4,950,000	4,950,000	4,950,000	4,950,000	4,950,000	4,950,000	4,950,000	4,950,000	4,950,000	4,950,000	4,950,000	4,950,000	4,950,000
1016	Vật tư ngành điện	Trụ đèn cao 7m dày 3mm Đường kính đáy: D160, đường kính đỉnh: D60	cột	BS5649:1995/BS EN 40-5:2002		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	5,450,000	5,450,000	5,450,000	5,450,000	5,450,000	5,450,000	5,450,000	5,450,000	5,450,000	5,450,000	5,450,000	5,450,000	5,450,000	5,450,000	5,450,000
1017	Vật tư ngành điện	Trụ đèn cao 8m dày 4mm Đường kính đáy: D170, đường kính đỉnh: D60	cột	BS5649:1995/BS EN 40-5:2002		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	5,590,000	5,590,000	5,590,000	5,590,000	5,590,000	5,590,000	5,590,000	5,590,000	5,590,000	5,590,000	5,590,000	5,590,000	5,590,000	5,590,000	5,590,000
1018	Vật tư ngành điện	Trụ đèn cao 9m dày 4mm Đường kính đáy: D180, đường kính đỉnh: D60	cột	BS5649:1995/BS EN 40-5:2002		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	6,750,000	6,750,000	6,750,000	6,750,000	6,750,000	6,750,000	6,750,000	6,750,000	6,750,000	6,750,000	6,750,000	6,750,000	6,750,000	6,750,000	6,750,000
1019	Vật tư ngành điện	Trụ đèn cao 10m dày 4mmĐường kính đáy: D190, đường kính đỉnh: D60	cột	BS5649:1995/BS EN 40-5:2002		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	8,350,000	8,350,000	8,350,000	8,350,000	8,350,000	8,350,000	8,350,000	8,350,000	8,350,000	8,350,000	8,350,000	8,350,000	8,350,000	8,350,000	8,350,000
1020	Vật tư ngành điện	Cần đèn đơn cao 2m vươn xa 1.5mx3mm	cái	BS5649:1995/BS EN 40-5:2002		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	1,750,000	1,750,000	1,750,000	1,750,000	1,750,000	1,750,000	1,750,000	1,750,000	1,750,000	1,750,000	1,750,000	1,750,000	1,750,000	1,750,000	1,750,000
1021	Vật tư ngành điện	Cần đèn đôi cao 2m vươn xa 1.5mx3mm	cái	BS5649:1995/BS EN 40-5:2002		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	2,550,000	2,550,000	2,550,000	2,550,000	2,550,000	2,550,000	2,550,000	2,550,000	2,550,000	2,550,000	2,550,000	2,550,000	2,550,000	2,550,000	2,550,000
1022	Vật tư ngành điện	Cần đèn ba cao 2m vươn xa 1.5mx3mm	cái	BS5649:1995/BS EN 40-5:2002		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	3,250,000	3,250,000	3,250,000	3,250,000	3,250,000	3,250,000	3,250,000	3,250,000	3,250,000	3,250,000	3,250,000	3,250,000	3,250,000	3,250,000	3,250,000
1023	Vật tư ngành điện	Cột 14m: Cột đa giác xà bắt đèn pha	cột	BS5649:1995/BS EN 40-5:2002		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	22,500,000	22,500,000	22,500,000	22,500,000	22,500,000	22,500,000	22,500,000	22,500,000	22,500,000	22,500,000	22,500,000	22,500,000	22,500,000	22,500,000	22,500,000
1024	Vật tư ngành điện	Cột 17m: Cột đa giác + gián di động nâng hạ	cột	BS5649:1995/BS EN 40-5:2002		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	115,000,000	115,000,000	115,000,000	115,000,000	115,000,000	115,000,000	115,000,000	115,000,000	115,000,000	115,000,000	115,000,000	115,000,000	115,000,000	115,000,000	115,000,000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1025	Vật tư ngành điện	Cột 20m: Cột đa giác động nâng hạ (20m dày 5mm + gián di động nâng hạ)	cột	BS5649:1995/BS EN 40-5:2003		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	160,000,000	160,000,000	160,000,000	160,000,000	160,000,000	160,000,000	160,000,000	160,000,000	160,000,000	160,000,000	160,000,000	160,000,000	160,000,000	160,000,000	160,000,000
1026	Vật tư ngành điện	Cột 30m: Cột đa giác động nâng hạ (30m dày 5mm + gián di động nâng hạ)	cột	BS5649:1995/BS EN 40-5:2004		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	225,050,000	225,050,000	225,050,000	225,050,000	225,050,000	225,050,000	225,050,000	225,050,000	225,050,000	225,050,000	225,050,000	225,050,000	225,050,000	225,050,000	225,050,000
1027	Vật tư ngành điện	ĐÈN LED MDC LACHONG 80W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 667x290x128mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	9,330,000	9,330,000	9,330,000	9,330,000	9,330,000	9,330,000	9,330,000	9,330,000	9,330,000	9,330,000	9,330,000	9,330,000	9,330,000	9,330,000	9,330,000
1028	Vật tư ngành điện	Đèn MDC LACHONG 100W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 667x290x128mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	10,150,000	10,150,000	10,150,000	10,150,000	10,150,000	10,150,000	10,150,000	10,150,000	10,150,000	10,150,000	10,150,000	10,150,000	10,150,000	10,150,000	10,150,000
1029	Vật tư ngành điện	Đèn MDC LACHONG 120W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 667x290x128mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	11,268,000	11,268,000	11,268,000	11,268,000	11,268,000	11,268,000	11,268,000	11,268,000	11,268,000	11,268,000	11,268,000	11,268,000	11,268,000	11,268,000	11,268,000
1030	Vật tư ngành điện	Đèn MDC LACHONG 150W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 667x290x128mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	12,465,000	12,465,000	12,465,000	12,465,000	12,465,000	12,465,000	12,465,000	12,465,000	12,465,000	12,465,000	12,465,000	12,465,000	12,465,000	12,465,000	12,465,000
1031	Vật tư ngành điện	Đèn MDC THANGLONG 80W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 591x222x92mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	8,150,000	8,150,000	8,150,000	8,150,000	8,150,000	8,150,000	8,150,000	8,150,000	8,150,000	8,150,000	8,150,000	8,150,000	8,150,000	8,150,000	8,150,000
1032	Vật tư ngành điện	Đèn MDC THANGLONG 100W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 591x222x92mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	8,200,000	8,200,000	8,200,000	8,200,000	8,200,000	8,200,000	8,200,000	8,200,000	8,200,000	8,200,000	8,200,000	8,200,000	8,200,000	8,200,000	8,200,000
1033	Vật tư ngành điện	Đèn MDC THANGLONG 120W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 712x300x97mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	9,150,000	9,150,000	9,150,000	9,150,000	9,150,000	9,150,000	9,150,000	9,150,000	9,150,000	9,150,000	9,150,000	9,150,000	9,150,000	9,150,000	9,150,000
1034	Vật tư ngành điện	Đèn MDC THANGLONG 150W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 712x300x97mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	10,550,000	10,550,000	10,550,000	10,550,000	10,550,000	10,550,000	10,550,000	10,550,000	10,550,000	10,550,000	10,550,000	10,550,000	10,550,000	10,550,000	10,550,000
1035	Vật tư ngành điện	Đèn MDC SAIGON 80W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 594x260x93mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	7,550,000	7,550,000	7,550,000	7,550,000	7,550,000	7,550,000	7,550,000	7,550,000	7,550,000	7,550,000	7,550,000	7,550,000	7,550,000	7,550,000	7,550,000
1036	Vật tư ngành điện	Đèn MDC SAIGON 100W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 594x260x93mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	7,630,000	7,630,000	7,630,000	7,630,000	7,630,000	7,630,000	7,630,000	7,630,000	7,630,000	7,630,000	7,630,000	7,630,000	7,630,000	7,630,000	7,630,000
1037	Vật tư ngành điện	Đèn MDC SAIGON 120W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 594x260x93mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	8,050,000	8,050,000	8,050,000	8,050,000	8,050,000	8,050,000	8,050,000	8,050,000	8,050,000	8,050,000	8,050,000	8,050,000	8,050,000	8,050,000	8,050,000
1038	Vật tư ngành điện	Đèn MDC SAIGON 150W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 806x320x106mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	8,560,000	8,560,000	8,560,000	8,560,000	8,560,000	8,560,000	8,560,000	8,560,000	8,560,000	8,560,000	8,560,000	8,560,000	8,560,000	8,560,000	8,560,000
1039	Vật tư ngành điện	Đèn MDC DRACO 80W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 616x259x186mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	6,250,000	6,250,000	6,250,000	6,250,000	6,250,000	6,250,000	6,250,000	6,250,000	6,250,000	6,250,000	6,250,000	6,250,000	6,250,000	6,250,000	6,250,000
1040	Vật tư ngành điện	Đèn MDC DRACO 100W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 616x259x186mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	6,350,000	6,350,000	6,350,000	6,350,000	6,350,000	6,350,000	6,350,000	6,350,000	6,350,000	6,350,000	6,350,000	6,350,000	6,350,000	6,350,000	6,350,000
1041	Vật tư ngành điện	Đèn MDC DRACO 120W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 676x305x187mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	6,500,000	6,500,000	6,500,000	6,500,000	6,500,000	6,500,000	6,500,000	6,500,000	6,500,000	6,500,000	6,500,000	6,500,000	6,500,000	6,500,000	6,500,000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)															
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1042	Vật tư ngành điện	Đèn MDC DRACO 150W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 676x305x187mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	7,550,000	7,550,000	7,550,000	7,550,000	7,550,000	7,550,000	7,550,000	7,550,000	7,550,000	7,550,000	7,550,000	7,550,000	7,550,000	7,550,000	7,550,000
1043	Vật tư ngành điện	Đèn MDC TITAN công suất 80W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 422x320x140mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	5,250,000	5,250,000	5,250,000	5,250,000	5,250,000	5,250,000	5,250,000	5,250,000	5,250,000	5,250,000	5,250,000	5,250,000	5,250,000	5,250,000	5,250,000
1044	Vật tư ngành điện	Đèn MDC TITAN công suất 100W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 422x320x140mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	5,370,000	5,370,000	5,370,000	5,370,000	5,370,000	5,370,000	5,370,000	5,370,000	5,370,000	5,370,000	5,370,000	5,370,000	5,370,000	5,370,000	5,370,000
1045	Vật tư ngành điện	Đèn MDC TITAN công suất 120W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 422x320x140mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	5,860,000	5,860,000	5,860,000	5,860,000	5,860,000	5,860,000	5,860,000	5,860,000	5,860,000	5,860,000	5,860,000	5,860,000	5,860,000	5,860,000	5,860,000
1046	Vật tư ngành điện	Đèn MDC TITAN công suất 150W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 422x320x140mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	6,550,000	6,550,000	6,550,000	6,550,000	6,550,000	6,550,000	6,550,000	6,550,000	6,550,000	6,550,000	6,550,000	6,550,000	6,550,000	6,550,000	6,550,000
1047	Vật tư ngành điện	Đèn MDC - S01	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	10,500,000	10,500,000	10,500,000	10,500,000	10,500,000	10,500,000	10,500,000	10,500,000	10,500,000	10,500,000	10,500,000	10,500,000	10,500,000	10,500,000	10,500,000
1048	Vật tư ngành điện	Đèn MDC - S03	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	9,300,000	9,300,000	9,300,000	9,300,000	9,300,000	9,300,000	9,300,000	9,300,000	9,300,000	9,300,000	9,300,000	9,300,000	9,300,000	9,300,000	9,300,000
1049	Vật tư ngành điện	Đèn MDC NLMT - 80W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	11,500,000	11,500,000	11,500,000	11,500,000	11,500,000	11,500,000	11,500,000	11,500,000	11,500,000	11,500,000	11,500,000	11,500,000	11,500,000	11,500,000	11,500,000
1050	Vật tư ngành điện	Đèn MDC NLMT liền thể 60W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	11,650,000	11,650,000	11,650,000	11,650,000	11,650,000	11,650,000	11,650,000	11,650,000	11,650,000	11,650,000	11,650,000	11,650,000	11,650,000	11,650,000	11,650,000
1051	Vật tư ngành điện	Đèn MDC NLMT liền thể 80W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	12,050,000	12,050,000	12,050,000	12,050,000	12,050,000	12,050,000	12,050,000	12,050,000	12,050,000	12,050,000	12,050,000	12,050,000	12,050,000	12,050,000	12,050,000
1052	Vật tư ngành điện	Đèn MDC NLMT liền thể 120W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	15,150,000	15,150,000	15,150,000	15,150,000	15,150,000	15,150,000	15,150,000	15,150,000	15,150,000	15,150,000	15,150,000	15,150,000	15,150,000	15,150,000	15,150,000
1053	Vật tư ngành điện	Đèn MDC BLUECACBON 2.0 NLMT 36W-70AH	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	6,000,000	6,000,000	6,000,000	6,000,000	6,000,000	6,000,000	6,000,000	6,000,000	6,000,000	6,000,000	6,000,000	6,000,000	6,000,000	6,000,000	6,000,000
1054	Vật tư ngành điện	Đèn MDC BLUECACBON 2.0 NLMT 50W-70AH	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	7,150,000	7,150,000	7,150,000	7,150,000	7,150,000	7,150,000	7,150,000	7,150,000	7,150,000	7,150,000	7,150,000	7,150,000	7,150,000	7,150,000	7,150,000
1055	Vật tư ngành điện	Đèn MDC BLUECACBON 2.0 NLMT 56W-90AH	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	7,200,000	7,200,000	7,200,000	7,200,000	7,200,000	7,200,000	7,200,000	7,200,000	7,200,000	7,200,000	7,200,000	7,200,000	7,200,000	7,200,000	7,200,000
1056	Vật tư ngành điện	Đèn MDC BLUECACBON 2.0 NLMT 70W-140AH	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	9,150,000	9,150,000	9,150,000	9,150,000	9,150,000	9,150,000	9,150,000	9,150,000	9,150,000	9,150,000	9,150,000	9,150,000	9,150,000	9,150,000	9,150,000
1057	Vật tư ngành điện	Đèn MDC BLUECACBON 3.0 NLMT 80W-160AH	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	11,700,000	11,700,000	11,700,000	11,700,000	11,700,000	11,700,000	11,700,000	11,700,000	11,700,000	11,700,000	11,700,000	11,700,000	11,700,000	11,700,000	11,700,000
1058	Vật tư ngành điện	Đèn MDC BLUECACBON 2.0 NLMT 100W-200AH	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	10,950,000	10,950,000	10,950,000	10,950,000	10,950,000	10,950,000	10,950,000	10,950,000	10,950,000	10,950,000	10,950,000	10,950,000	10,950,000	10,950,000	10,950,000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)															
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1059	Vật tư ngành điện	Đèn MDC BLUECACBON 3.0 NLMT 120W-200AH	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	13,000,000	13,000,000	13,000,000	13,000,000	13,000,000	13,000,000	13,000,000	13,000,000	13,000,000	13,000,000	13,000,000	13,000,000	13,000,000	13,000,000	13,000,000
1060	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led Nikkon Mura (M) 80W dimming 5 cấp, điều khiển chiếu sáng thông minh không dây ILCS - Malaysia	bộ	*TCVN 7722-1:2009 (IEC 60598-1:2008) TCVN7722-2:2009 (IEC 60598-2- 3:2002)*	*IP 66, Chống sét 20KA 10KV, Chip LED 5050 chuẩn LM80, bộ đèn chuẩn LM79*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	8,100,000	8,100,000	8,100,000	8,100,000	8,100,000	8,100,000	8,100,000	8,100,000	8,100,000	8,100,000	8,100,000	8,100,000	8,100,000	8,100,000	8,100,000
1061	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led Nikkon Mura (M) 85W - IO5W dimming 5 cấp, điều khiển chiếu sáng thông minh không dây ILCS - Malaysia	bộ	*TCVN7722-1:2009 (IEC 60598-1:2008) TCVN7722-2:2009 (IEC 60598-2-3:2002)*	*IP 66, Chống sét 20KA 10KV, Chip LED 5050 chuẩn LM80, bộ đèn chuẩn LM79*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	8,625,000	8,625,000	8,625,000	8,625,000	8,625,000	8,625,000	8,625,000	8,625,000	8,625,000	8,625,000	8,625,000	8,625,000	8,625,000	8,625,000	8,625,000
1062	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led Nikkon Mura (L) HOW - 125W dimming 5 cấp, điều khiển chiếu sáng thông minh không dây ILCS - Malaysia	bộ	*TCVN7722-1:2009 (IEC 60598-1:2008) TCVN 7722-2:2009 (IEC 60598-2-3:2002)*	*IP 66, Chống sét 20KA 10KV, Chip LED 5050 chuẩn LM80, bộ đèn chuẩn LM79*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	10,350,000	10,350,000	10,350,000	10,350,000	10,350,000	10,350,000	10,350,000	10,350,000	10,350,000	10,350,000	10,350,000	10,350,000	10,350,000	10,350,000	10,350,000
1063	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led Nikkon Mura (L) 130W-155W dimming 5 cấp, điều khiển chiếu sáng thông minh không dây ILCS - Malaysia	bộ	*TCVN7722-1:2009 (IEC 60598-1:2008)TCVN 7722-2:2009 (IEC 60598-2- 3:2002)*	*IP 66, Chống sét 20KA 10KV, Chip LED 5050chuẩn LM80, bộ đèn chuẩn LM79*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	11,850,000	11,850,000	11,850,000	11,850,000	11,850,000	11,850,000	11,850,000	11,850,000	11,850,000	11,850,000	11,850,000	11,850,000	11,850,000	11,850,000	11,850,000
1064	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led Nikkon Mura (L) 160W-185W dimming 5 cấp, điều khiển chiếu sáng thông minh không dây ILCS - Malaysia	bộ	*TCVN7722-1:2009 (IEC 60598-1:2008) TCVN7722-2:2009 (IEC 60598-2-3:2002)*	*IP 66, Chống sét 20KA 10KV Chip LED 5050 chuẩn LM80, bộ đèn chuẩn LM79*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	14,250,000	14,250,000	14,250,000	14,250,000	14,250,000	14,250,000	14,250,000	14,250,000	14,250,000	14,250,000	14,250,000	14,250,000	14,250,000	14,250,000	14,250,000
1065	Vật tư ngành điện	Đèn pha Led Nikkon Cervelli 100W-250W dimming 5 cấp, điều khiển chiếu sáng thông minh không dây ILCS - Malaysia	bộ	*Độ kín IP 66*	*IP 66, Chống sét 20KA 10KV, Chip LED 5050 chuẩn LM80, bộ đèn chuẩn LM79*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	20,250,000	20,250,000	20,250,000	20,250,000	20,250,000	20,250,000	20,250,000	20,250,000	20,250,000	20,250,000	20,250,000	20,250,000	20,250,000	20,250,000	20,250,000
1066	Vật tư ngành điện	Đèn pha Led Nikkon Cervelli 300W -350W dimming 5 cấp, điều khiển chiếu sáng thông minh không dây ILCS - Malaysia	bộ	*Độ kín IP 66*	*IP 66, Chống sét 20KA 10KV Chip LED 5050 chuẩn LM80, bộ đèn chuẩn LM79*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	25,575,000	25,575,000	25,575,000	25,575,000	25,575,000	25,575,000	25,575,000	25,575,000	25,575,000	25,575,000	25,575,000	25,575,000	25,575,000	25,575,000	25,575,000
1067	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led năng lượng mặt trời Nikkon RA365 30W - Malaysia	bộ	*Độ kín IP 66*	*TÍCH HỢP PIN LiFeP 04 SẠC ĐẦY VỚI 6H NẮNG/ NLMT*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	14,625,000	14,625,000	14,625,000	14,625,000	14,625,000	14,625,000	14,625,000	14,625,000	14,625,000	14,625,000	14,625,000	14,625,000	14,625,000	14,625,000	14,625,000
1068	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led năng lượng mặt trời Nikkon RA365 60W - Malaysia	bộ	*Độ kín IP 66*	*TÍCH HỢP PIN LiFePO4 SẠC ĐẦY VỚI 6 H NẮNG/ NLMT*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	23,250,000	23,250,000	23,250,000	23,250,000	23,250,000	23,250,000	23,250,000	23,250,000	23,250,000	23,250,000	23,250,000	23,250,000	23,250,000	23,250,000	23,250,000
1069	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led năng lượng mặt trời Nikkon RA365 80 w - Malaysia	bộ	*Độ kín IP 66*	*TÍCH HỢP PIN LiFePO4 SẠC ĐẦY VỚI 6 H NẮNG/ NLMT*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	28,425,000	28,425,000	28,425,000	28,425,000	28,425,000	28,425,000	28,425,000	28,425,000	28,425,000	28,425,000	28,425,000	28,425,000	28,425,000	28,425,000	28,425,000
1070	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led năng lượng mặt trời Nikkon RA365 120W - Malaysia	bộ	*Độ kín IP 66*	*TÍCH HỢP PIN LiFePO4 SẠC ĐẦY VỚI 6 H NẮNG/ NLMT*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	59,250,000	59,250,000	59,250,000	59,250,000	59,250,000	59,250,000	59,250,000	59,250,000	59,250,000	59,250,000	59,250,000	59,250,000	59,250,000	59,250,000	59,250,000
1071	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led Nikkon Sigma (M) 60W dimming 5 cấp, điều khiển chiếu sáng thông minh không dây ILCS - Malaysia	bộ	*Độ kín IP 66*	*IP 66. Chống sét 20KA 10KV Chip LED 5050 chuẩn LM80, bộ đèn chuẩn LM79*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	7,575,000	7,575,000	7,575,000	7,575,000	7,575,000	7,575,000	7,575,000	7,575,000	7,575,000	7,575,000	7,575,000	7,575,000	7,575,000	7,575,000	7,575,000
1072	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led Nikkon Sigma (M) 90W dimming 5 cấp, điều khiển chiếu sáng thông minh không dây ILCS - Malaysia	bộ	*Độ kín IP 66*	*IP 66, Chống sét 20KA 10KV, Chip LED 5050 chuẩn LM80, bộ đèn chuẩn LM79*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	8,400,000	8,400,000	8,400,000	8,400,000	8,400,000	8,400,000	8,400,000	8,400,000	8,400,000	8,400,000	8,400,000	8,400,000	8,400,000	8,400,000	8,400,000
1073	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led Nikkon Sigma (M) 120W dimming 5 cấp, điều khiển chiếu sáng thông minh không dây ILCS - Malaysia	bộ	*Độ kín IP 66*	*IP 66, Chống sét 20KA I0KV, Chip LED 5050 chuẩn LM80, bộ đèn chuẩn LM79*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	9,825,000	9,825,000	9,825,000	9,825,000	9,825,000	9,825,000	9,825,000	9,825,000	9,825,000	9,825,000	9,825,000	9,825,000	9,825,000	9,825,000	9,825,000
1074	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led Nikkon Sigma (M) 150W dimming 5 cấp, điều khiển chiếu sáng thông minh không dây ILCS - Malaysia	bộ	*Độ kín IP 66*	*IP 66, Chống sét 20KA I0KV, Chip LED 5050 chuẩn LM80, bộ đèn chuẩn LM79*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	11,475,000	11,475,000	11,475,000	11,475,000	11,475,000	11,475,000	11,475,000	11,475,000	11,475,000	11,475,000	11,475,000	11,475,000	11,475,000	11,475,000	11,475,000
1075	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led Nikkon Sigma (L) 180W dimming 5 cấp, điều khiển chiếu sáng thông minh không dây ILCS - Malaysia	bộ	*Độ kín IP 66*	*IP 66, Chống sét 20KA 10KV Chip LED 5050 chuẩn LM80, bộ đèn chuẩn LM79*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	13,125,000	13,125,000	13,125,000	13,125,000	13,125,000	13,125,000	13,125,000	13,125,000	13,125,000	13,125,000	13,125,000	13,125,000	13,125,000	13,125,000	13,125,000
1076	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led Nikkon Sigma (L)200W dimming 5 cấp, điều khiển chiếu sáng thông minh không dây ILCS - Malaysia	bộ	*Độ kín IP 66*	*IP 66, Chống sét 20KA 10KV, Chip LED 5050 chuẩn LM80, bộ đèn chuẩn LM79*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	13,875,000	13,875,000	13,875,000	13,875,000	13,875,000	13,875,000	13,875,000	13,875,000	13,875,000	13,875,000	13,875,000	13,875,000	13,875,000	13,875,000	13,875,000
1077	Vật tư ngành điện	Bộ điều khiển chiếu sáng LCU	*cái*	*EN55015, EN60598-1, EN61000-3-2, EN61000-3-3, EN61547, EN61347-1, EN61347-2-11, MCMC MTSFB TC T007:2014, ETSI EN300328, ETSI EN303413, ETSI EN301489-1*	*Bảo vệ sự xâm nhập IP66 Bảo vệ tác động IK09*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	9,204,000	9,204,000	9,204,000	9,204,000	9,204,000	9,204,000	9,204,000	9,204,000	9,204,000	9,204,000	9,204,000	9,204,000	9,204,000	9,204,000	9,204,000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1078	Vật tư ngành điện	Tủ điều khiển chiếu sáng thông minh DCU	*tủ*	*EN55022, EN55024, EN61326-1, EN61000-3-2, EN61000-3-3, MCMC MTSFB TC T007:2014, ETSI 300328*	*Bảo vệ sự xâm nhập IP66 Bảo vệ tác động IK08 Lắp đặt tùy chọn Tủ điều khiển IP54*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	165,600,000	165,600,000	165,600,000	165,600,000	165,600,000	165,600,000	165,600,000	165,600,000	165,600,000	165,600,000	165,600,000	165,600,000	165,600,000	165,600,000	165,600,000
1079	Vật tư ngành điện	Bộ cảm biến thời tiết	*bộ*	*ETS1 EN 303413 V1. 1.1 ETSÍ EN 300328 V2.1.1 ETSI EN 301489-1 V2.1.1*	*Bảo vệ sự xâm nhập IP65 Bảo vệ tác động IK08*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	226,200,000	226,200,000	226,200,000	226,200,000	226,200,000	226,200,000	226,200,000	226,200,000	226,200,000	226,200,000	226,200,000	226,200,000	226,200,000	226,200,000	226,200,000
1080	Vật tư ngành điện	Bộ cảm biến phân tích giao thông	*bộ*	*UNI11248*	#NAME?	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	49,920,000	49,920,000	49,920,000	49,920,000	49,920,000	49,920,000	49,920,000	49,920,000	49,920,000	49,920,000	49,920,000	49,920,000	49,920,000	49,920,000	49,920,000
1081	Vật tư ngành điện	Tủ điều khiển chiếu sáng thông minh 3 pha	*tủ*	*EN55022, EN55024,EN61326-1. EN61000-3-2, EN61000-3-3, MCMC MTSFB TC T007- 2014, ETSI 300328*	*Nguồn điện 100-305 VAC50760Hz Dòng cắt ngắn mạch 6kA -50 kA Dòng điện tối đa 10A - 630 A , Cấp bảo vệ IP43 - IP55 Độ tăng nhiệt tối đa: 50 độ c. Công suất tiêu thụ < 12W*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	174,000,000	174,000,000	174,000,000	174,000,000	174,000,000	174,000,000	174,000,000	174,000,000	174,000,000	174,000,000	174,000,000	174,000,000	174,000,000	174,000,000	174,000,000
1082	Vật tư ngành điện	Bộ đèn THGT Xanh Đỏ Vàng D200 - Taiwan	bộ	*Độ kín IP55*	*Độ kín IP55*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	12,225,000	12,225,000	12,225,000	12,225,000	12,225,000	12,225,000	12,225,000	12,225,000	12,225,000	12,225,000	12,225,000	12,225,000	12,225,000	12,225,000	12,225,000
1083	Vật tư ngành điện	Bộ đèn THGT Xanh Đỏ Vàng D300 -Taiwan	bộ	*Độ kín IP55*	*Độ kín IP55*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	14,850,000	14,850,000	14,850,000	14,850,000	14,850,000	14,850,000	14,850,000	14,850,000	14,850,000	14,850,000	14,850,000	14,850,000	14,850,000	14,850,000	14,850,000
1084	Vật tư ngành điện	Bộ đèn THGT chữ thập Đỏ D200 -Taiwan	bộ	*Độ kín IP 55*	*Độ kín IP55*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	4,125,000	4,125,000	4,125,000	4,125,000	4,125,000	4,125,000	4,125,000	4,125,000	4,125,000	4,125,000	4,125,000	4,125,000	4,125,000	4,125,000	4,125,000
1085	Vật tư ngành điện	Bộ đèn THGT chữ thập Đỏ D300 -Taiwan	bộ	*Độ kín IP55*	*Độ kín IP55*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	4,425,000	4,425,000	4,425,000	4,425,000	4,425,000	4,425,000	4,425,000	4,425,000	4,425,000	4,425,000	4,425,000	4,425,000	4,425,000	4,425,000	4,425,000
1086	Vật tư ngành điện	Bộ đèn THGT nhắc lại DI00 - Taiwan	bộ	*Độ kín IP55*	*Độ kín IP55*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	6,975,000	6,975,000	6,975,000	6,975,000	6,975,000	6,975,000	6,975,000	6,975,000	6,975,000	6,975,000	6,975,000	6,975,000	6,975,000	6,975,000	6,975,000
1087	Vật tư ngành điện	Bộ đèn THGT đi bộ Xanh Đỏ D200 - Taiwan	bộ	*Độ kín IP55*	*Độ kín IP55*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	9,000,000	9,000,000	9,000,000	9,000,000	9,000,000	9,000,000	9,000,000	9,000,000	9,000,000	9,000,000	9,000,000	9,000,000	9,000,000	9,000,000	9,000,000
1088	Vật tư ngành điện	Bộ đèn THGT đếm lùi Xanh Đỏ Vàng D300 - Taiwan	bộ	*Độ kín IP55*	*Độ kín IP55*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	14,025,000	14,025,000	14,025,000	14,025,000	14,025,000	14,025,000	14,025,000	14,025,000	14,025,000	14,025,000	14,025,000	14,025,000	14,025,000	14,025,000	14,025,000
1089	Vật tư ngành điện	Bộ đèn THGT đếm lùi vuông 500x600 -Taiwan	bộ	*Độ kín IP55*	*Độ kín IP55*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	14,700,000	14,700,000	14,700,000	14,700,000	14,700,000	14,700,000	14,700,000	14,700,000	14,700,000	14,700,000	14,700,000	14,700,000	14,700,000	14,700,000	14,700,000
1090	Vật tư ngành điện	Tủ điều khiển THGT 2pha	*tủ*	*Độ kín IP55*	*Độ kín IP55*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	33,825,000	33,825,000	33,825,000	33,825,000	33,825,000	33,825,000	33,825,000	33,825,000	33,825,000	33,825,000	33,825,000	33,825,000	33,825,000	33,825,000	33,825,000
1091	Vật tư ngành điện	Tủ điều khiển THGT Thông minh	*tủ*	*Độ kín IP55*	*Độ kín IP55*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	142,500,000	142,500,000	142,500,000	142,500,000	142,500,000	142,500,000	142,500,000	142,500,000	142,500,000	142,500,000	142,500,000	142,500,000	142,500,000	142,500,000	142,500,000
1092	Vật tư ngành điện	Dù che tủ điều khiển	*bộ*	*Độ kín IP55*	*Độ kín IP55*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	9,675,000	9,675,000	9,675,000	9,675,000	9,675,000	9,675,000	9,675,000	9,675,000	9,675,000	9,675,000	9,675,000	9,675,000	9,675,000	9,675,000	9,675,000
1093	Vật tư ngành điện	Trụ đỡ tủ điều khiển + cần dù	*bộ*	*Độ kín IP55*	*Độ kín IP55*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	4,050,000	4,050,000	4,050,000	4,050,000	4,050,000	4,050,000	4,050,000	4,050,000	4,050,000	4,050,000	4,050,000	4,050,000	4,050,000	4,050,000	4,050,000
1094	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường phố MFUHAI LIGHT KMC 30W	*bộ*	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 50001:2018.	- vỏ đèn hợp kim nhôm đúc ADC1 áp lực cao; - vỏ đèn được đúc nguyên khối; - Vỏ đèn đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - Vỏ đèn có chức năng chính gọc; - Vỏ đèn đúc nổi vị trí đế khoan gắn Nema 7 Bin; - Đó kín ngăn quang học : >= IP67; - Đó kín ngăn linh kiện : >= IP67; - Bảo vệ chống va đập kính đèn: >= IK09; - Bảo vệ chống va đập thân đèn: >= IK09; - Tuổi thọ bó đèn: >= 100.000 giờ; - Hệ số duy trì quang thông bó đèn: >= 0.95; - Hiệu suất phát quang của đèn: > =160 lm/W; - Nhiệt độ màu: 3000K - 6000K; - Chỉ số hoàn màu CRI: > 70; - Chip LED: SMD - LM80, tuổi thọ > 100.000 giờ; - Chống xung: >= 20kV thương hiệu EU; - Bộ nguồn: Thương hiệu EU; - Điện áp định danh: 220VAC, 50/60 Hz; - Hệ số công suất > 0.95; - An toàn điện: Cách điện cấp 1; - Bộ Đèn tích hợp Dali/1-10V/0-10V; - Đèn được đăng ký nhãn hiệu; - Chế độ bảo hành: 5 năm	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 17/08/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	iá không đ	4,600,000	4,600,000	4,600,000	4,600,000	4,600,000	4,600,000	4,600,000	4,600,000	4,600,000	4,600,000	4,600,000	4,600,000	4,600,000	4,600,000	4,600,000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1095	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường phố MFUHAIL1GHT KMC 40W	bộ	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 50001:2018.	- vỏ đèn hợp kim nhôm đúc ADC1 áp lực cao; - vỏ đèn được đúc nguyên khối; - Vỏ đèn đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - Vỏ đèn có chức năng chính gộc; - Vỏ đèn đúc nối vị trí để khoan gắn Nema 7 Bin; - Độ kín ngăn quang học : >= IP67; - Độ kín ngăn linh kiện : > =IP67; - Bảo vệ chống va đập kinh đèn: >= IK09; - Bảo vệ chống va đập thân đèn: >= IK09; - Tuổi thọ bộ đèn: >= 100.000 giờ; - Hệ số duy trì quang thông bộ đèn >= 0.95; - Hiệu suất phát quang của đèn: >=160 lm/W; - Nhiệt độ màu: 3000K - 6000K; - Chỉ số hoàn màu CR1: > 70; - Chip LED: SMD - LM80, tuổi thọ > 100.000 giờ; - Chống xung: >= 20kV thương hiệu EU; - Bộ nguồn: Thương hiệu EU; - Điện áp định danh: 220VAC, 50/60 Hz; - Hệ số công suất > 0.95; - An toàn điện: Cách điện cấp 1; - Bộ Đèn tích hợp Dali/1-10V/0-10V; - Đèn được đăng ký nhãn hiệu; - Chế độ bảo hành: 5 năm	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 17/08/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	iá không đ	4,800,000	4,800,000	4,800,000	4,800,000	4,800,000	4,800,000	4,800,000	4,800,000	4,800,000	4,800,000	4,800,000	4,800,000	4,800,000	4,800,000	4,800,000
1096	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường phố MFUHAIL1GHT KMC 50W	bộ	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 50001:2018.	- vỏ đèn hợp kim nhôm đúc ADC1 áp lực cao; - vỏ đèn được đúc nguyên khối; - Vỏ đèn đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - Vỏ đèn có chức năng chính gộc; - Vỏ đèn đúc nối vị trí để khoan gắn Nema 7 Bin; - Độ kín ngăn quang học : >= IP67; - Độ kín ngăn linh kiện : > =IP67; - Bảo vệ chống va đập kinh đèn: >= IK09; - Bảo vệ chống va đập thân đèn: >= IK09; - Tuổi thọ bộ đèn: >= 100.000 giờ; - Hệ số duy trì quang thông bộ đèn >= 0.95; - Hiệu suất phát quang của đèn: >=160 lm/W; - Nhiệt độ màu: 3000K - 6000K; - Chỉ số hoàn màu CR1: > 70; - Chip LED: SMD - LM80, tuổi thọ > 100.000 giờ; - Chống xung: >= 20kV thương hiệu EU; - Bộ nguồn: Thương hiệu EU; - Điện áp định danh: 220VAC, 50/60 Hz; - Hệ số công suất > 0.95; - An toàn điện: Cách điện cấp 1; - Bộ Đèn tích hợp Dali/1-10V/0-10V; - Đèn được đăng ký nhãn hiệu; - Chế độ bảo hành: 5 năm	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 17/08/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	iá không đ	4,909,091	4,909,091	4,909,091	4,909,091	4,909,091	4,909,091	4,909,091	4,909,091	4,909,091	4,909,091	4,909,091	4,909,091	4,909,091	4,909,091	4,909,091
1097	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường phố MFUHAIL1GHT KMC 60W	bộ	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 50001:2018.	- vỏ đèn hợp kim nhôm đúc ADC1 áp lực cao; - vỏ đèn được đúc nguyên khối; - Vỏ đèn đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - Vỏ đèn có chức năng chính gộc; - Vỏ đèn đúc nối vị trí để khoan gắn Nema 7 Bin; - Độ kín ngăn quang học : >= IP67; - Độ kín ngăn linh kiện : > =IP67; - Bảo vệ chống va đập kinh đèn: >= IK09; - Bảo vệ chống va đập thân đèn: >= IK09; - Tuổi thọ bộ đèn: >= 100.000 giờ; - Hệ số duy trì quang thông bộ đèn >= 0.95; - Hiệu suất phát quang của đèn: >=160 lm/W; - Nhiệt độ màu: 3000K - 6000K; - Chỉ số hoàn màu CR1: > 70; - Chip LED: SMD - LM80, tuổi thọ > 100.000 giờ; - Chống xung: >= 20kV thương hiệu EU; - Bộ nguồn: Thương hiệu EU; - Điện áp định danh: 220VAC, 50/60 Hz; - Hệ số công suất > 0.95; - An toàn điện: Cách điện cấp 1; - Bộ Đèn tích hợp Dali/1-10V/0-10V; - Đèn được đăng ký nhãn hiệu; - Chế độ bảo hành: 5 năm	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 17/08/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	iá không đ	5,600,000	5,600,000	5,600,000	5,600,000	5,600,000	5,600,000	5,600,000	5,600,000	5,600,000	5,600,000	5,600,000	5,600,000	5,600,000	5,600,000	5,600,000
1098	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường phố MFUHAIL1GHT KMC 70W	bộ	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 50001:2018.	- vỏ đèn hợp kim nhôm đúc ADC1 áp lực cao; - vỏ đèn được đúc nguyên khối; - Vỏ đèn đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - Vỏ đèn có chức năng chính gộc; - Vỏ đèn đúc nối vị trí để khoan gắn Nema 7 Bin; - Độ kín ngăn quang học : >= IP67; - Độ kín ngăn linh kiện : > =IP67; - Bảo vệ chống va đập kinh đèn: >= IK09; - Bảo vệ chống va đập thân đèn: >= IK09; - Tuổi thọ bộ đèn: >= 100.000 giờ; - Hệ số duy trì quang thông bộ đèn >= 0.95; - Hiệu suất phát quang của đèn: >=160 lm/W; - Nhiệt độ màu: 3000K - 6000K; - Chỉ số hoàn màu CR1: > 70; - Chip LED: SMD - LM80, tuổi thọ > 100.000 giờ; - Chống xung: >= 20kV thương hiệu EU; - Bộ nguồn: Thương hiệu EU; - Điện áp định danh: 220VAC, 50/60 Hz; - Hệ số công suất > 0.95; - An toàn điện: Cách điện cấp 1; - Bộ Đèn tích hợp Dali/1-10V/0-10V; - Đèn được đăng ký nhãn hiệu; - Chế độ bảo hành: 5 năm	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 17/08/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	iá không đ	5,909,091	5,909,091	5,909,091	5,909,091	5,909,091	5,909,091	5,909,091	5,909,091	5,909,091	5,909,091	5,909,091	5,909,091	5,909,091	5,909,091	5,909,091
1099	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường phố MFUHA1LIGHT KMC 80W	bộ	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 50001:2018.	- vỏ đèn hợp kim nhôm đúc ADC1 áp lực cao; - vỏ đèn được đúc nguyên khối; - Vỏ đèn đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - Vỏ đèn có chức năng chính gộc; - Vỏ đèn đúc nối vị trí để khoan gắn Nema 7 Bin; - Độ kín ngăn quang học : >= IP67; - Độ kín ngăn linh kiện : > =IP67; - Bảo vệ chống va đập kinh đèn: >= IK09; - Bảo vệ chống va đập thân đèn: >= IK09; - Tuổi thọ bộ đèn: >= 100.000 giờ; - Hệ số duy trì quang thông bộ đèn >= 0.95; - Hiệu suất phát quang của đèn: >=160 lm/W; - Nhiệt độ màu: 3000K - 6000K; - Chỉ số hoàn màu CR1: > 70; - Chip LED: SMD - LM80, tuổi thọ > 100.000 giờ; - Chống xung: >= 20kV thương hiệu EU; - Bộ nguồn: Thương hiệu EU; - Điện áp định danh: 220VAC, 50/60 Hz; - Hệ số công suất > 0.95; - An toàn điện: Cách điện cấp 1; - Bộ Đèn tích hợp Dali/1-10V/0-10V; - Đèn được đăng ký nhãn hiệu; - Chế độ bảo hành: 5 năm	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 17/08/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	iá không đ	6,200,000	6,200,000	6,200,000	6,200,000	6,200,000	6,200,000	6,200,000	6,200,000	6,200,000	6,200,000	6,200,000	6,200,000	6,200,000	6,200,000	6,200,000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1100	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường phố MFUHAILIGHT KMC 90W	bộ	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 50001:2018.	- vỏ đèn hợp kim nhôm đúc ADC1 áp lực cao; - vỏ đèn được đúc nguyên khối; - Vỏ đèn đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - Vỏ đèn có chức năng chỉnh góc; - Vỏ đèn đúc nối vị trí để khoan gắn Nema 7 Bin; - Độ kín ngăn quang học : >= IP67; - Độ kín ngăn linh kiện : > =IP67; - Bảo vệ chống va đập kinh điển: >= IK09; - Bảo vệ chống va đập thân đèn: >= IK09; - Tuổi thọ bộ đèn: >= 100.000 giờ; - Hệ số duy trì quang thông bộ đèn: >= 0.95; - Hiệu suất phát quang của đèn: >=160 lm/W; - Nhiệt độ màu: 3000K - 6000K; - Chỉ số hoàn màu CR1: > 70; - Chip LED: SMD - LM80, tuổi thọ > 100.000 giờ; - Chống xung: >= 20kV thương hiệu EU; - Bộ nguồn: Thương hiệu EU; - Điện áp định danh: 220VAC, 50/60 Hz; - Hệ số công suất > 0.95; - An toàn điện: Cách điện cấp 1; - Bộ Đèn tích hợp Dali/1-10V/0-10V; - Đèn được đăng ký nhãn hiệu; - Chế độ bảo hành: 5 năm	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 17/08/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	iá không đ	6,300,000	6,300,000	6,300,000	6,300,000	6,300,000	6,300,000	6,300,000	6,300,000	6,300,000	6,300,000	6,300,000	6,300,000	6,300,000	6,300,000	6,300,000
1101	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường phố MFUHAILIGHT KMC 100W	bộ	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 50001:2018.	- vỏ đèn hợp kim nhôm đúc ADC1 áp lực cao; - vỏ đèn được đúc nguyên khối; - Vỏ đèn đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - Vỏ đèn có chức năng chỉnh góc; - Vỏ đèn đúc nối vị trí để khoan gắn Nema 7 Bin; - Độ kín ngăn quang học : >= IP67; - Độ kín ngăn linh kiện : > =IP67; - Bảo vệ chống va đập kinh điển: >= IK09; - Bảo vệ chống va đập thân đèn: >= IK09; - Tuổi thọ bộ đèn: >= 100.000 giờ; - Hệ số duy trì quang thông bộ đèn: >= 0.95; - Hiệu suất phát quang của đèn: >=160 lm/W; - Nhiệt độ màu: 3000K - 6000K; - Chỉ số hoàn màu CR1: > 70; - Chip LED: SMD - LM80, tuổi thọ > 100.000 giờ; - Chống xung: >= 20kV thương hiệu EU; - Bộ nguồn: Thương hiệu EU; - Điện áp định danh: 220VAC, 50/60 Hz; - Hệ số công suất > 0.95; - An toàn điện: Cách điện cấp 1; - Bộ Đèn tích hợp Dali/1-10V/0-10V; - Đèn được đăng ký nhãn hiệu; - Chế độ bảo hành: 5 năm	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 17/08/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	iá không đ	7,000,000	7,000,000	7,000,000	7,000,000	7,000,000	7,000,000	7,000,000	7,000,000	7,000,000	7,000,000	7,000,000	7,000,000	7,000,000	7,000,000	7,000,000
1102	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường phố MFUHAI1LIGHT KMC 120W	bộ	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 50001:2018.	- vỏ đèn hợp kim nhôm đúc ADC1 áp lực cao; - vỏ đèn được đúc nguyên khối; - Vỏ đèn đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - Vỏ đèn có chức năng chỉnh góc; - Vỏ đèn đúc nối vị trí để khoan gắn Nema 7 Bin; - Độ kín ngăn quang học : >= IP67; - Độ kín ngăn linh kiện : > =IP67; - Bảo vệ chống va đập kinh điển: >= IK09; - Bảo vệ chống va đập thân đèn: >= IK09; - Tuổi thọ bộ đèn: >= 100.000 giờ; - Hệ số duy trì quang thông bộ đèn: >= 0.95; - Hiệu suất phát quang của đèn: >=160 lm/W; - Nhiệt độ màu: 3000K - 6000K; - Chỉ số hoàn màu CR1: > 70; - Chip LED: SMD - LM80, tuổi thọ > 100.000 giờ; - Chống xung: >= 20kV thương hiệu EU; - Bộ nguồn: Thương hiệu EU; - Điện áp định danh: 220VAC, 50/60 Hz; - Hệ số công suất > 0.95; - An toàn điện: Cách điện cấp 1; - Bộ Đèn tích hợp Dali/1-10V/0-10V; - Đèn được đăng ký nhãn hiệu; - Chế độ bảo hành: 5 năm	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 17/08/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	iá không đ	7,500,000	7,500,000	7,500,000	7,500,000	7,500,000	7,500,000	7,500,000	7,500,000	7,500,000	7,500,000	7,500,000	7,500,000	7,500,000	7,500,000	7,500,000
1103	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường phố MFUHA1LIGHT KMC 140W	bộ	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 50001:2018.	- vỏ đèn hợp kim nhôm đúc ADC1 áp lực cao; - vỏ đèn được đúc nguyên khối; - Vỏ đèn đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - Vỏ đèn có chức năng chỉnh góc; - Vỏ đèn đúc nối vị trí để khoan gắn Nema 7 Bin; - Độ kín ngăn quang học : >= IP67; - Độ kín ngăn linh kiện : > =IP67; - Bảo vệ chống va đập kinh điển: >= IK09; - Bảo vệ chống va đập thân đèn: >= IK09; - Tuổi thọ bộ đèn: >= 100.000 giờ; - Hệ số duy trì quang thông bộ đèn: >= 0.95; - Hiệu suất phát quang của đèn: >=160 lm/W; - Nhiệt độ màu: 3000K - 6000K; - Chỉ số hoàn màu CR1: > 70; - Chip LED: SMD - LM80, tuổi thọ > 100.000 giờ; - Chống xung: >= 20kV thương hiệu EU; - Bộ nguồn: Thương hiệu EU; - Điện áp định danh: 220VAC, 50/60 Hz; - Hệ số công suất > 0.95; - An toàn điện: Cách điện cấp 1; - Bộ Đèn tích hợp Dali/1-10V/0-10V; - Đèn được đăng ký nhãn hiệu; - Chế độ bảo hành: 5 năm	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 17/08/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	iá không đ	9,000,000	9,000,000	9,000,000	9,000,000	9,000,000	9,000,000	9,000,000	9,000,000	9,000,000	9,000,000	9,000,000	9,000,000	9,000,000	9,000,000	9,000,000
1104	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường phố MFUH AI LIGHT KMC 150W	bộ	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 50001:2018.	- vỏ đèn hợp kim nhôm đúc ADC1 áp lực cao; - vỏ đèn được đúc nguyên khối; - Vỏ đèn đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - Vỏ đèn có chức năng chỉnh góc; - Vỏ đèn đúc nối vị trí để khoan gắn Nema 7 Bin; - Độ kín ngăn quang học : >= IP67; - Độ kín ngăn linh kiện : > =IP67; - Bảo vệ chống va đập kinh điển: >= IK09; - Bảo vệ chống va đập thân đèn: >= IK09; - Tuổi thọ bộ đèn: >= 100.000 giờ; - Hệ số duy trì quang thông bộ đèn: >= 0.95; - Hiệu suất phát quang của đèn: >=160 lm/W; - Nhiệt độ màu: 3000K - 6000K; - Chỉ số hoàn màu CR1: > 70; - Chip LED: SMD - LM80, tuổi thọ > 100.000 giờ; - Chống xung: >= 20kV thương hiệu EU; - Bộ nguồn: Thương hiệu EU; - Điện áp định danh: 220VAC, 50/60 Hz; - Hệ số công suất > 0.95; - An toàn điện: Cách điện cấp 1; - Bộ Đèn tích hợp Dali/1-10V/0-10V; - Đèn được đăng ký nhãn hiệu; - Chế độ bảo hành: 5 năm	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 17/08/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	iá không đ	9,090,909	9,090,909	9,090,909	9,090,909	9,090,909	9,090,909	9,090,909	9,090,909	9,090,909	9,090,909	9,090,909	9,090,909	9,090,909	9,090,909	9,090,909
1105	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường phố MFUHAILIGHT KMC 180W	bộ	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 50001:2018.	- vỏ đèn hợp kim nhôm đúc ADC1 áp lực cao; - vỏ đèn được đúc nguyên khối; - Vỏ đèn đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - Vỏ đèn có chức năng chỉnh góc; - Vỏ đèn đúc nối vị trí để khoan gắn Nema 7 Bin; - Độ kín ngăn quang học : >= IP67; - Độ kín ngăn linh kiện : > =IP67; - Bảo vệ chống va đập kinh điển: >= IK09; - Bảo vệ chống va đập thân đèn: >= IK09; - Tuổi thọ bộ đèn: >= 100.000 giờ; - Hệ số duy trì quang thông bộ đèn: >= 0.95; - Hiệu suất phát quang của đèn: >=160 lm/W; - Nhiệt độ màu: 3000K - 6000K; - Chỉ số hoàn màu CR1: > 70; - Chip LED: SMD - LM80, tuổi thọ > 100.000 giờ; - Chống xung: >= 20kV thương hiệu EU; - Bộ nguồn: Thương hiệu EU; - Điện áp định danh: 220VAC, 50/60 Hz; - Hệ số công suất > 0.95; - An toàn điện: Cách điện cấp 1; - Bộ Đèn tích hợp Dali/1-10V/0-10V; - Đèn được đăng ký nhãn hiệu; - Chế độ bảo hành: 5 năm	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 17/08/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	iá không đ	10,000,000	10,000,000	10,000,000	10,000,000	10,000,000	10,000,000	10,000,000	10,000,000	10,000,000	10,000,000	10,000,000	10,000,000	10,000,000	10,000,000	10,000,000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)															
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1106	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường phố MFUHAILIGHT KMC 200VV	bộ	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 50001:2018.	- vỏ đèn hợp kim nhôm đúc ADC1 áp lực cao; - vỏ đèn được đúc nguyên khối; - Vỏ đèn đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - Vỏ đèn có chức năng chính gộc; - Vỏ đèn đúc nối vị trí để khoan gắn Nema 7 Bin; - Độ kín ngăn quang học : >= IP67; - Độ kín ngăn linh kiện : > =IP67; - Bảo vệ chống va đập kính đèn: >= IK09; - Bảo vệ chống va đập thân đèn: >= IK09; - Tuổi thọ bộ đèn: >= 100.000 giờ; - Hệ số duy trì quang thông bộ đèn: >= 0.95; - Hiệu suất phát quang của đèn: >=160 lm/W; - Nhiệt độ màu: 3000K - 6000K; - Chỉ số hoàn màu CRI : > 70; - Chip LED: SMD -LM80, tuổi thọ > 100.000 giờ; - Chống xung: >= 20kV thương hiệu EU; - Bộ nguồn: Thương hiệu EU; - Điện áp định danh: 220VAC, 50/60 Hz; - Hệ số công suất > 0.95; - An toàn điện: Cách điện cấp 1; - Bộ Đèn tích hợp Dali/1-10V/0-10V; - Đèn được đăng ký nhãn hiệu; - Chế độ bảo hành: 5 năm	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 17/08/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	iá không đ	10,909,091	10,909,091	10,909,091	10,909,091	10,909,091	10,909,091	10,909,091	10,909,091	10,909,091	10,909,091	10,909,091	10,909,091	10,909,091	10,909,091	10,909,091
1107	Vật tư ngành điện	MFUHAILIGHT SOLAR E-KMC 40W; MPPT charge controllers 12V, 80W 18V solar panel, 45AH 12,8V Pin Lithium	bộ	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO	- Bộ đèn kết cấu rời, có chính gốc lắp đặt ; - Vỏ đèn bằng hợp kim nhôm ADC1 đúc áp lực cao, đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - IP67 bộ đèn, IK09 bộ đèn; - Tuổi thọ bộ đèn >=100.000 giờ - Hệ số duy trì quang thông >=0,95; - Bộ điều khiển sạc MPPT 1P67; - Hiệu suất phát quang: >= 150 lm/W; - CRI >=70, CCT: 3000K-5000K; - Hệ số xả sâu DOD: >=95% tại điện áp 10.8V(40W-80Wy 21.6V (100W-150W), dòng 10A; - Tính năng bảo vệ: quá áp, quá nhiệt, ngắn mạch…	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 17/08/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	iá không đ	11,200,000	11,200,000	11,200,000	11,200,000	11,200,000	11,200,000	11,200,000	11,200,000	11,200,000	11,200,000	11,200,000	11,200,000	11,200,000	11,200,000	11,200,000
1108	Vật tư ngành điện	MFUHA1L1GHT SOLAR E-KMC 60W; MPPT charge controllers 12V, 120W 18V solar panel, 75AH 12.8 V Pin Lithium	bộ	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO	- Bộ đèn kết cấu rời, có chính gốc lắp đặt ; - Vỏ đèn bằng hợp kim nhôm ADC1 đúc áp lực cao, đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - IP67 bộ đèn, IK09 bộ đèn; - Tuổi thọ bộ đèn >=100.000 giờ - Hệ số duy trì quang thông >=0,95; - Bộ điều khiển sạc MPPT 1P67; - Hiệu suất phát quang: >= 150 lm/W; - CRI >=70, CCT: 3000K-5000K; - Hệ số xả sâu DOD: >=95% tại điện áp 10.8V(40W-80Wy 21.6V (100W-150W), dòng 10A; - Tính năng bảo vệ: quá áp, quá nhiệt, ngắn mạch…	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 17/08/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	iá không đ	14,200,000	14,200,000	14,200,000	14,200,000	14,200,000	14,200,000	14,200,000	14,200,000	14,200,000	14,200,000	14,200,000	14,200,000	14,200,000	14,200,000	14,200,000
1109	Vật tư ngành điện	MFUHAILIGHT SOLAR E-KMC 5OW; MPPT charge controllers 12V, 160W 18V solar panel, 90AH 12.8V Pin Lithium	bộ	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO	- Bộ đèn kết cấu rời, có chính gốc lắp đặt ; - Vỏ đèn bằng hợp kim nhôm ADC1 đúc áp lực cao, đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - IP67 bộ đèn, IK09 bộ đèn; - Tuổi thọ bộ đèn >=100.000 giờ - Hệ số duy trì quang thông >=0,95; - Bộ điều khiển sạc MPPT 1P67; - Hiệu suất phát quang: >= 150 lm/W; - CRI >=70, CCT: 3000K-5000K; - Hệ số xả sâu DOD: >=95% tại điện áp 10.8V(40W-80Wy 21.6V (100W-150W), dòng 10A; - Tính năng bảo vệ: quá áp, quá nhiệt, ngắn mạch…	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 17/08/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	iá không đ	18,600,000	18,600,000	18,600,000	18,600,000	18,600,000	18,600,000	18,600,000	18,600,000	18,600,000	18,600,000	18,600,000	18,600,000	18,600,000	18,600,000	18,600,000
1110	Vật tư ngành điện	MFUHAILIGHT SOLAR E-KMC IOOW, MPPT charge controllers 24V, 200W 36V solar panel, 60AH 25.6V Pin Lithium	bộ	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO	- Bộ đèn kết cấu rời, có chính gốc lắp đặt ; - Vỏ đèn bằng hợp kim nhôm ADC1 đúc áp lực cao, đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - IP67 bộ đèn, IK09 bộ đèn; - Tuổi thọ bộ đèn >=100.000 giờ - Hệ số duy trì quang thông >=0,95; - Bộ điều khiển sạc MPPT 1P67; - Hiệu suất phát quang: >= 150 lm/W; - CRI >=70, CCT: 3000K-5000K; - Hệ số xả sâu DOD: >=95% tại điện áp 10.8V(40W-80Wy 21.6V (100W-150W), dòng 10A; - Tính năng bảo vệ: quá áp, quá nhiệt, ngắn mạch…	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 17/08/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	20,500,000	20,500,000	20,500,000	20,500,000	20,500,000	20,500,000	20,500,000	20,500,000	20,500,000	20,500,000	20,500,000	20,500,000	20,500,000	20,500,000	20,500,000
1111	Vật tư ngành điện	Led Panel Âm trần- Tròn 7W ánh sáng trắng (T)/ trung tính (N)/ vàng (V) RPL3-7T/N/V	cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 60 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	99,630	99,630	99,630	99,630	99,630	99,630	99,630	99,630	99,630	99,630	99,630	99,630	99,630	99,630	99,630
1112	Vật tư ngành điện	Led Panel Âm trần- Tròn 12W ánh sáng trắng (T)/ trung tính (N)/ vàng (V) RPL3-12T/N/V	cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 40 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	142,870	142,870	142,870	142,870	142,870	142,870	142,870	142,870	142,870	142,870	142,870	142,870	142,870	142,870	142,870
1113	Vật tư ngành điện	Led Panel ốp trần- Tròn (DOB) 12W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) SRPL2-12T/V	cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 30 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	112,963	112,963	112,963	112,963	112,963	112,963	112,963	112,963	112,963	112,963	112,963	112,963	112,963	112,963	112,963
1114	Vật tư ngành điện	Led Panel ốp trần- Tròn (DOB) 18W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) SRPL2-18T/V	cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 20 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	154,722	154,722	154,722	154,722	154,722	154,722	154,722	154,722	154,722	154,722	154,722	154,722	154,722	154,722	154,722
1115	Vật tư ngành điện	Đèn led tube thủy tinh 1x28W 1m2,ánh sáng trắng (T) GT3-120T	cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	12 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	90,741	90,741	90,741	90,741	90,741	90,741	90,741	90,741	90,741	90,741	90,741	90,741	90,741	90,741	90,741
1116	Vật tư ngành điện	Led Panel Âm trần- Vuông 6W ánh sáng trắng (T)/ trung tính (N)/ vàng (V) SPL-6T/V	cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 60 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	117,222	117,222	117,222	117,222	117,222	117,222	117,222	117,222	117,222	117,222	117,222	117,222	117,222	117,222	117,222
1117	Vật tư ngành điện	Led Panel Âm trần- Vuông 9W ánh sáng trắng (T)/ trung tính (N)/ vàng (V) SPL-9T/V	cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 40 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	151,852	151,852	151,852	151,852	151,852	151,852	151,852	151,852	151,852	151,852	151,852	151,852	151,852	151,852	151,852
1118	Vật tư ngành điện	Led tấm 36W 600x600x35mm ánh sáng trắng (T)/ trung tính (N) FPD3-6060T/N	cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 5 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	744,630	744,630	744,630	744,630	744,630	744,630	744,630	744,630	744,630	744,630	744,630	744,630	744,630	744,630	744,630
1119	Vật tư ngành điện	Led tấm 36W 120x300x35mm ánh sáng trắng (T)/ trung tính (N) FPD3-12030T/N	cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 5 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	864,352	864,352	864,352	864,352	864,352	864,352	864,352	864,352	864,352	864,352	864,352	864,352	864,352	864,352	864,352

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)															
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1120	Vật tư ngành điện	Led chiếu sáng đường phố 100W ánh sáng trung tính (N)/ vàng (V) LST2-100N/V	cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 50.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,154,630	2,154,630	2,154,630	2,154,630	2,154,630	2,154,630	2,154,630	2,154,630	2,154,630	2,154,630	2,154,630	2,154,630	2,154,630	2,154,630	2,154,630
1121	Vật tư ngành điện	Led chiếu sáng đường phố 150W ánh sáng trung tính (N)/ vàng (V) LST2-150N/V	cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 50.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,766,019	2,766,019	2,766,019	2,766,019	2,766,019	2,766,019	2,766,019	2,766,019	2,766,019	2,766,019	2,766,019	2,766,019	2,766,019	2,766,019	2,766,019
1122	Vật tư ngành điện	Led chiếu sáng đường phố 200W ánh sáng trung tính (N)/ vàng (V) LST2-200N/V	cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 50.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3,688,148	3,688,148	3,688,148	3,688,148	3,688,148	3,688,148	3,688,148	3,688,148	3,688,148	3,688,148	3,688,148	3,688,148	3,688,148	3,688,148	3,688,148
1123	Vật tư ngành điện	Led Downlight âm trần 18W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) DLE-18T/V	cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 10 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	190,926	190,926	190,926	190,926	190,926	190,926	190,926	190,926	190,926	190,926	190,926	190,926	190,926	190,926	190,926
1124	Vật tư ngành điện	Đèn led tube thủy tinh 1x18W 1m2,ánh sáng trắng (T)/ánh sáng vàng (V),ánh sáng trung tính (N) GT8-120T/V/N	cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 25 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	67,685	67,685	67,685	67,685	67,685	67,685	67,685	67,685	67,685	67,685	67,685	67,685	67,685	67,685	67,685
1125	Vật tư ngành điện	Đèn led tube thủy tinh 1x9W 1m2,ánh sáng trắng (T)/ánh sáng vàng (V),ánh sáng trung tính (N) GT8-60T/V/N	cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 25 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	57,037	57,037	57,037	57,037	57,037	57,037	57,037	57,037	57,037	57,037	57,037	57,037	57,037	57,037	57,037
1126	Vật tư ngành điện	Đèn downlight ốp trần 1x16W Ø120 x 38, ánh sáng trắng (T)/ánh sáng vàng (V),ánh sáng trung tính (N) SRDL-16T/V/N	cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 40 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	219,259	219,259	219,259	219,259	219,259	219,259	219,259	219,259	219,259	219,259	219,259	219,259	219,259	219,259	219,259
1127	Vật tư ngành điện	Đèn downlight ốp trần 1x24W Ø173x38, ánh sáng trắng (T)/ánh sáng vàng (V),ánh sáng trung tính (N) SRDL-24T/V/N	cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 20 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	305,093	305,093	305,093	305,093	305,093	305,093	305,093	305,093	305,093	305,093	305,093	305,093	305,093	305,093	305,093
1128	Vật tư ngành điện	Led Panel ốp trần- Vuông (DOB) 12W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) SSPL2-12T/V	cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 30 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	126,019	126,019	126,019	126,019	126,019	126,019	126,019	126,019	126,019	126,019	126,019	126,019	126,019	126,019	126,019
1129	Vật tư ngành điện	Led Panel ốp trần- Vuông (DOB) 18W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) SSPL2-18T/V	cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 20 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	168,426	168,426	168,426	168,426	168,426	168,426	168,426	168,426	168,426	168,426	168,426	168,426	168,426	168,426	168,426
1130	Vật tư ngành điện	Led bán nguyệt 48W thân nhựa BN2-48T	cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 12 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	268,148	268,148	268,148	268,148	268,148	268,148	268,148	268,148	268,148	268,148	268,148	268,148	268,148	268,148	268,148
1131	Vật tư ngành điện	Led chiếu điểm (Gắn ray) 8W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) / trung tính (N) TSL2-8T/V/N	cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: COB	1 cái/hộp 10 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	254,167	254,167	254,167	254,167	254,167	254,167	254,167	254,167	254,167	254,167	254,167	254,167	254,167	254,167	254,167
1132	Vật tư ngành điện	Led chiếu điểm (Gắn ray) 12W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) / trung tính (N) TSL2-12T/V/N	cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: COB	1 cái/hộp 10 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	303,519	303,519	303,519	303,519	303,519	303,519	303,519	303,519	303,519	303,519	303,519	303,519	303,519	303,519	303,519
1133	Vật tư ngành điện	Led ống bơ 18W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) SDL-18T/V	cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: COB	1 cái/hộp 12 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	804,907	804,907	804,907	804,907	804,907	804,907	804,907	804,907	804,907	804,907	804,907	804,907	804,907	804,907	804,907
1134	Vật tư ngành điện	Led Downlight âm trần (Dạng hộp, vuông) 2x7W ánh sáng trắng (T)/ trung tính (N)/ vàng (V) DLS-207T/N/V	cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: COB	1 cái/hộp 12 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	714,630	714,630	714,630	714,630	714,630	714,630	714,630	714,630	714,630	714,630	714,630	714,630	714,630	714,630	714,630
1135	Vật tư ngành điện	Led pha 100W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) FLD5-100T/V	cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 4 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,207,222	1,207,222	1,207,222	1,207,222	1,207,222	1,207,222	1,207,222	1,207,222	1,207,222	1,207,222	1,207,222	1,207,222	1,207,222	1,207,222	1,207,222
1136	Vật tư ngành điện	Led pha 150W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) FLD5-150T/V	cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 4 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,245,370	2,245,370	2,245,370	2,245,370	2,245,370	2,245,370	2,245,370	2,245,370	2,245,370	2,245,370	2,245,370	2,245,370	2,245,370	2,245,370	2,245,370
1137	Vật tư ngành điện	Led pha 200W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) FLD5-200T/V	cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 3 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,639,630	2,639,630	2,639,630	2,639,630	2,639,630	2,639,630	2,639,630	2,639,630	2,639,630	2,639,630	2,639,630	2,639,630	2,639,630	2,639,630	2,639,630

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1138	Vật tư ngành điện	Led highbay Nhà xưởng 100W HBE2-100T	cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 50.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,860,833	1,860,833	1,860,833	1,860,833	1,860,833	1,860,833	1,860,833	1,860,833	1,860,833	1,860,833	1,860,833	1,860,833	1,860,833	1,860,833	1,860,833
1139	Vật tư ngành điện	Led highbay Nhà xưởng 150W HBE2-150T	cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 50.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3,007,870	3,007,870	3,007,870	3,007,870	3,007,870	3,007,870	3,007,870	3,007,870	3,007,870	3,007,870	3,007,870	3,007,870	3,007,870	3,007,870	3,007,870
1140	Vật tư ngành điện	Led highbay Nhà xưởng 200W HBE2-200T	cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 50.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4,009,907	4,009,907	4,009,907	4,009,907	4,009,907	4,009,907	4,009,907	4,009,907	4,009,907	4,009,907	4,009,907	4,009,907	4,009,907	4,009,907	4,009,907
1141	Vật tư ngành điện	Led chiếu điểm (Gắn nổi) 12W SSL-12V	cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: COB	1 cái/hộp 40 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	413,333	413,333	413,333	413,333	413,333	413,333	413,333	413,333	413,333	413,333	413,333	413,333	413,333	413,333	413,333
1142	Vật tư ngành điện	Led ống bơ 12W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) SDL-12T/V	cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: COB	1 cái/hộp 40 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	478,148	478,148	478,148	478,148	478,148	478,148	478,148	478,148	478,148	478,148	478,148	478,148	478,148	478,148	478,148
1143	Vật tư ngành điện	Led ống bơ 25W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) SDL-25T/V	cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: COB	1 cái/hộp 12 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	895,278	895,278	895,278	895,278	895,278	895,278	895,278	895,278	895,278	895,278	895,278	895,278	895,278	895,278	895,278
1144	Vật tư ngành điện	Led tấm 40W 600x600x35mm ánh sáng trắng (T)/ trung tính (N) FPD-6060T/N	cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 5 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	744,630	744,630	744,630	744,630	744,630	744,630	744,630	744,630	744,630	744,630	744,630	744,630	744,630	744,630	744,630
1145	Vật tư ngành điện	Led bán nguyệt 18W thân nhựa ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) BN2-18T/V	cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 12 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	116,111	116,111	116,111	116,111	116,111	116,111	116,111	116,111	116,111	116,111	116,111	116,111	116,111	116,111	116,111
1146	Vật tư ngành điện	Led bán nguyệt 36W thân nhựa ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) BN2-36T/V	cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 12 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	182,130	182,130	182,130	182,130	182,130	182,130	182,130	182,130	182,130	182,130	182,130	182,130	182,130	182,130	182,130
1147	Vật tư ngành điện	Led hightbay Nhà xưởng 100W HBV2-100T	cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/ Hộp 2 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,618,056	1,618,056	1,618,056	1,618,056	1,618,056	1,618,056	1,618,056	1,618,056	1,618,056	1,618,056	1,618,056	1,618,056	1,618,056	1,618,056	1,618,056
1148	Vật tư ngành điện	Led highbay Nhà xưởng 150W HBV2-150T	cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/ Hộp 2 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,971,574	1,971,574	1,971,574	1,971,574	1,971,574	1,971,574	1,971,574	1,971,574	1,971,574	1,971,574	1,971,574	1,971,574	1,971,574	1,971,574	1,971,574
1149	Vật tư ngành điện	Ống PVC D16 320N A9016L	Ống	QCVN 16:2023/BXD Đường kính 16mm Lực nén 320N	2.92m/ống	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	16,574	16,574	16,574	16,574	16,574	16,574	16,574	16,574	16,574	16,574	16,574	16,574	16,574	16,574	16,574
1150	Vật tư ngành điện	Ống PVC D20 320N A9020L	Ống	QCVN 16:2023/BXD Đường kính 20mm Lực nén 320N	2.92m/ống	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	21,296	21,296	21,296	21,296	21,296	21,296	21,296	21,296	21,296	21,296	21,296	21,296	21,296	21,296	21,296
1151	Vật tư ngành điện	Ống PVC D25 320N A9025L	Ống	QCVN 16:2023/BXD Đường kính 25mm Lực nén 320N	2.92m/ống	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	35,185	35,185	35,185	35,185	35,185	35,185	35,185	35,185	35,185	35,185	35,185	35,185	35,185	35,185	35,185
1152	Vật tư ngành điện	Ống PVC D32 320N A9032L	Ống	QCVN 16:2023/BXD Đường kính 32mm Lực nén 320N	2.92m/ống	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	56,481	56,481	56,481	56,481	56,481	56,481	56,481	56,481	56,481	56,481	56,481	56,481	56,481	56,481	56,481
1153	Vật tư ngành điện	Ống PVC D16 750N A9016	Ống	QCVN 16:2023/BXD Đường kính 16mm Lực nén 750N	2.92m/ống	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	19,815	19,815	19,815	19,815	19,815	19,815	19,815	19,815	19,815	19,815	19,815	19,815	19,815	19,815	19,815
1154	Vật tư ngành điện	Ống PVC D20 750N A9020	Ống	QCVN 16:2023/BXD Đường kính 20mm Lực nén 750N	2.92m/ống	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	28,148	28,148	28,148	28,148	28,148	28,148	28,148	28,148	28,148	28,148	28,148	28,148	28,148	28,148	28,148
1155	Vật tư ngành điện	Ống PVC D25 750N A9025	Ống	QCVN 16:2023/BXD Đường kính 25mm Lực nén 750N	2.92m/ống	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	40,556	40,556	40,556	40,556	40,556	40,556	40,556	40,556	40,556	40,556	40,556	40,556	40,556	40,556	40,556

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)															
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1156	Vật tư ngành điện	Ống PVC D32 750N A9032	Ống	QCVN 16:2023/BXD Đường kính 32mm Lực nén 750N	2.92m/ống	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	71,204	71,204	71,204	71,204	71,204	71,204	71,204	71,204	71,204	71,204	71,204	71,204	71,204	71,204	71,204
1157	Vật tư ngành điện	Ống ruột gà D16 màu trắng A9016CT	Cuộn	QCVN 16:2023/BXD Ống luồn đàn hồi màu trắng Ø16	50m/cuộn	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	138,056	138,056	138,056	138,056	138,056	138,056	138,056	138,056	138,056	138,056	138,056	138,056	138,056	138,056	138,056
1158	Vật tư ngành điện	Ống ruột gà D20 màu trắng A9020CT	Cuộn	QCVN 16:2023/BXD Ống luồn đàn hồi màu trắng Ø20	50m/cuộn	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	178,241	178,241	178,241	178,241	178,241	178,241	178,241	178,241	178,241	178,241	178,241	178,241	178,241	178,241	178,241
1159	Vật tư ngành điện	Ống ruột gà D25 màu trắng A9025CT	Cuộn	QCVN 16:2023/BXD Ống luồn đàn hồi màu trắng Ø25	40m/cuộn	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	191,944	191,944	191,944	191,944	191,944	191,944	191,944	191,944	191,944	191,944	191,944	191,944	191,944	191,944	191,944
1160	Vật tư ngành điện	Ống ruột gà D32 màu trắng A9032CT	Cuộn	QCVN 16:2023/BXD Ống luồn đàn hồi màu trắng Ø32	25m/cuộn	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	239,444	239,444	239,444	239,444	239,444	239,444	239,444	239,444	239,444	239,444	239,444	239,444	239,444	239,444	239,444
1161	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố EPSILON-100W	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4,929,000	4,929,000	4,929,000	4,929,000	4,929,000	4,929,000	4,929,000	4,929,000	4,929,000	4,929,000	4,929,000	4,929,000	4,929,000	4,929,000	4,929,000
1162	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố NUY-100W DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4,650,000	4,650,000	4,650,000	4,650,000	4,650,000	4,650,000	4,650,000	4,650,000	4,650,000	4,650,000	4,650,000	4,650,000	4,650,000	4,650,000	4,650,000
1163	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố NUY-150W DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6,480,000	6,480,000	6,480,000	6,480,000	6,480,000	6,480,000	6,480,000	6,480,000	6,480,000	6,480,000	6,480,000	6,480,000	6,480,000	6,480,000	6,480,000
1164	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố UPSILON-150W, DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8,985,000	8,985,000	8,985,000	8,985,000	8,985,000	8,985,000	8,985,000	8,985,000	8,985,000	8,985,000	8,985,000	8,985,000	8,985,000	8,985,000	8,985,000
1165	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố IOTA-100W, DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5,412,000	5,412,000	5,412,000	5,412,000	5,412,000	5,412,000	5,412,000	5,412,000	5,412,000	5,412,000	5,412,000	5,412,000	5,412,000	5,412,000	5,412,000
1166	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố IOTA-120W, DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5,661,000	5,661,000	5,661,000	5,661,000	5,661,000	5,661,000	5,661,000	5,661,000	5,661,000	5,661,000	5,661,000	5,661,000	5,661,000	5,661,000	5,661,000
1167	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố IOTA-150W	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6,202,500	6,202,500	6,202,500	6,202,500	6,202,500	6,202,500	6,202,500	6,202,500	6,202,500	6,202,500	6,202,500	6,202,500	6,202,500	6,202,500	6,202,500
1168	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố IOTA-150W, DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7,081,500	7,081,500	7,081,500	7,081,500	7,081,500	7,081,500	7,081,500	7,081,500	7,081,500	7,081,500	7,081,500	7,081,500	7,081,500	7,081,500	7,081,500
1169	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố IOTA-180W, DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7,473,000	7,473,000	7,473,000	7,473,000	7,473,000	7,473,000	7,473,000	7,473,000	7,473,000	7,473,000	7,473,000	7,473,000	7,473,000	7,473,000	7,473,000
1170	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố A-WIN MINI-50W	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6,375,000	6,375,000	6,375,000	6,375,000	6,375,000	6,375,000	6,375,000	6,375,000	6,375,000	6,375,000	6,375,000	6,375,000	6,375,000	6,375,000	6,375,000
1171	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố A-WIN MINI-60W DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8,970,000	8,970,000	8,970,000	8,970,000	8,970,000	8,970,000	8,970,000	8,970,000	8,970,000	8,970,000	8,970,000	8,970,000	8,970,000	8,970,000	8,970,000
1172	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố A-WIN MINI-80W DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	9,726,000	9,726,000	9,726,000	9,726,000	9,726,000	9,726,000	9,726,000	9,726,000	9,726,000	9,726,000	9,726,000	9,726,000	9,726,000	9,726,000	9,726,000
1173	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố A-WIN MINI-100W DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	11,065,500	11,065,500	11,065,500	11,065,500	11,065,500	11,065,500	11,065,500	11,065,500	11,065,500	11,065,500	11,065,500	11,065,500	11,065,500	11,065,500	11,065,500

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1174	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố A-WIN MAX -100W DIM DALI	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	12,577,500	12,577,500	12,577,500	12,577,500	12,577,500	12,577,500	12,577,500	12,577,500	12,577,500	12,577,500	12,577,500	12,577,500	12,577,500	12,577,500	12,577,500
1175	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố A-WIN MAX-120W DIM DALI	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	13,428,000	13,428,000	13,428,000	13,428,000	13,428,000	13,428,000	13,428,000	13,428,000	13,428,000	13,428,000	13,428,000	13,428,000	13,428,000	13,428,000	13,428,000
1176	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố A-WIN MAX-150W DIM DALI	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	14,077,500	14,077,500	14,077,500	14,077,500	14,077,500	14,077,500	14,077,500	14,077,500	14,077,500	14,077,500	14,077,500	14,077,500	14,077,500	14,077,500	14,077,500
1177	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố A-WIN MAX-160W DIM DALI	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	16,195,500	16,195,500	16,195,500	16,195,500	16,195,500	16,195,500	16,195,500	16,195,500	16,195,500	16,195,500	16,195,500	16,195,500	16,195,500	16,195,500	16,195,500
1178	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố B-WIN-100W DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10,065,000	10,065,000	10,065,000	10,065,000	10,065,000	10,065,000	10,065,000	10,065,000	10,065,000	10,065,000	10,065,000	10,065,000	10,065,000	10,065,000	10,065,000
1179	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố B-WIN-120W DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10,740,000	10,740,000	10,740,000	10,740,000	10,740,000	10,740,000	10,740,000	10,740,000	10,740,000	10,740,000	10,740,000	10,740,000	10,740,000	10,740,000	10,740,000
1180	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố C-WIN - 150W DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	11,265,000	11,265,000	11,265,000	11,265,000	11,265,000	11,265,000	11,265,000	11,265,000	11,265,000	11,265,000	11,265,000	11,265,000	11,265,000	11,265,000	11,265,000
1181	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố D-WIN - 150W DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	9,015,000	9,015,000	9,015,000	9,015,000	9,015,000	9,015,000	9,015,000	9,015,000	9,015,000	9,015,000	9,015,000	9,015,000	9,015,000	9,015,000	9,015,000
1182	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố KAPPA-50W	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,522,500	1,522,500	1,522,500	1,522,500	1,522,500	1,522,500	1,522,500	1,522,500	1,522,500	1,522,500	1,522,500	1,522,500	1,522,500	1,522,500	1,522,500
1183	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố KAPPA-80W DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5,932,500	5,932,500	5,932,500	5,932,500	5,932,500	5,932,500	5,932,500	5,932,500	5,932,500	5,932,500	5,932,500	5,932,500	5,932,500	5,932,500	5,932,500
1184	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố KAPPA-100W	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,461,500	2,461,500	2,461,500	2,461,500	2,461,500	2,461,500	2,461,500	2,461,500	2,461,500	2,461,500	2,461,500	2,461,500	2,461,500	2,461,500	2,461,500
1185	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố KAPPA-100W, DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6,517,500	6,517,500	6,517,500	6,517,500	6,517,500	6,517,500	6,517,500	6,517,500	6,517,500	6,517,500	6,517,500	6,517,500	6,517,500	6,517,500	6,517,500
1186	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố KAPPA-120W	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,904,000	2,904,000	2,904,000	2,904,000	2,904,000	2,904,000	2,904,000	2,904,000	2,904,000	2,904,000	2,904,000	2,904,000	2,904,000	2,904,000	2,904,000
1187	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố KAPPA-120W, DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6,765,000	6,765,000	6,765,000	6,765,000	6,765,000	6,765,000	6,765,000	6,765,000	6,765,000	6,765,000	6,765,000	6,765,000	6,765,000	6,765,000	6,765,000
1188	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố KAPPA-150W, DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7,858,500	7,858,500	7,858,500	7,858,500	7,858,500	7,858,500	7,858,500	7,858,500	7,858,500	7,858,500	7,858,500	7,858,500	7,858,500	7,858,500	7,858,500
1189	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố PI-50W	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,725,800	2,725,800	2,725,800	2,725,800	2,725,800	2,725,800	2,725,800	2,725,800	2,725,800	2,725,800	2,725,800	2,725,800	2,725,800	2,725,800	2,725,800
1190	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố PI-70W	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,970,000	2,970,000	2,970,000	2,970,000	2,970,000	2,970,000	2,970,000	2,970,000	2,970,000	2,970,000	2,970,000	2,970,000	2,970,000	2,970,000	2,970,000
1191	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố PI-75W, DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3,585,000	3,585,000	3,585,000	3,585,000	3,585,000	3,585,000	3,585,000	3,585,000	3,585,000	3,585,000	3,585,000	3,585,000	3,585,000	3,585,000	3,585,000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1192	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố PI-90W	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3,181,500	3,181,500	3,181,500	3,181,500	3,181,500	3,181,500	3,181,500	3,181,500	3,181,500	3,181,500	3,181,500	3,181,500	3,181,500	3,181,500	3,181,500
1193	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố PI-100W	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3,265,500	3,265,500	3,265,500	3,265,500	3,265,500	3,265,500	3,265,500	3,265,500	3,265,500	3,265,500	3,265,500	3,265,500	3,265,500	3,265,500	3,265,500
1194	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố PI-100W, DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3,877,500	3,877,500	3,877,500	3,877,500	3,877,500	3,877,500	3,877,500	3,877,500	3,877,500	3,877,500	3,877,500	3,877,500	3,877,500	3,877,500	3,877,500
1195	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố PI-120W	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4,161,000	4,161,000	4,161,000	4,161,000	4,161,000	4,161,000	4,161,000	4,161,000	4,161,000	4,161,000	4,161,000	4,161,000	4,161,000	4,161,000	4,161,000
1196	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố PI-120W, DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015) (QCVN		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4,887,000	4,887,000	4,887,000	4,887,000	4,887,000	4,887,000	4,887,000	4,887,000	4,887,000	4,887,000	4,887,000	4,887,000	4,887,000	4,887,000	4,887,000
1197	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố PI-150W	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4,852,500	4,852,500	4,852,500	4,852,500	4,852,500	4,852,500	4,852,500	4,852,500	4,852,500	4,852,500	4,852,500	4,852,500	4,852,500	4,852,500	4,852,500
1198	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố PI-150W, DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015) (QCVN		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5,581,500	5,581,500	5,581,500	5,581,500	5,581,500	5,581,500	5,581,500	5,581,500	5,581,500	5,581,500	5,581,500	5,581,500	5,581,500	5,581,500	5,581,500
1199	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố PI-160W, DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5,695,500	5,695,500	5,695,500	5,695,500	5,695,500	5,695,500	5,695,500	5,695,500	5,695,500	5,695,500	5,695,500	5,695,500	5,695,500	5,695,500	5,695,500
1200	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố PHI-100W DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6,492,000	6,492,000	6,492,000	6,492,000	6,492,000	6,492,000	6,492,000	6,492,000	6,492,000	6,492,000	6,492,000	6,492,000	6,492,000	6,492,000	6,492,000
1201	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố PHI-120W DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7,275,000	7,275,000	7,275,000	7,275,000	7,275,000	7,275,000	7,275,000	7,275,000	7,275,000	7,275,000	7,275,000	7,275,000	7,275,000	7,275,000	7,275,000
1202	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố PHI-150W, DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7,527,000	7,527,000	7,527,000	7,527,000	7,527,000	7,527,000	7,527,000	7,527,000	7,527,000	7,527,000	7,527,000	7,527,000	7,527,000	7,527,000	7,527,000
1203	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố CHI-80W, DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6,105,000	6,105,000	6,105,000	6,105,000	6,105,000	6,105,000	6,105,000	6,105,000	6,105,000	6,105,000	6,105,000	6,105,000	6,105,000	6,105,000	6,105,000
1204	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố CHI-100W, DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	9,804,000	9,804,000	9,804,000	9,804,000	9,804,000	9,804,000	9,804,000	9,804,000	9,804,000	9,804,000	9,804,000	9,804,000	9,804,000	9,804,000	9,804,000
1205	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố CHI-120W, DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10,575,000	10,575,000	10,575,000	10,575,000	10,575,000	10,575,000	10,575,000	10,575,000	10,575,000	10,575,000	10,575,000	10,575,000	10,575,000	10,575,000	10,575,000
1206	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố CHI-150W, DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	11,821,500	11,821,500	11,821,500	11,821,500	11,821,500	11,821,500	11,821,500	11,821,500	11,821,500	11,821,500	11,821,500	11,821,500	11,821,500	11,821,500	11,821,500
1207	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố CHI-180W, DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	12,420,000	12,420,000	12,420,000	12,420,000	12,420,000	12,420,000	12,420,000	12,420,000	12,420,000	12,420,000	12,420,000	12,420,000	12,420,000	12,420,000	12,420,000
1208	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố CHI-200W, DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	12,720,000	12,720,000	12,720,000	12,720,000	12,720,000	12,720,000	12,720,000	12,720,000	12,720,000	12,720,000	12,720,000	12,720,000	12,720,000	12,720,000	12,720,000
1209	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố ALUMOS-150W DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	9,285,000	9,285,000	9,285,000	9,285,000	9,285,000	9,285,000	9,285,000	9,285,000	9,285,000	9,285,000	9,285,000	9,285,000	9,285,000	9,285,000	9,285,000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)															
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1210	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố, năng lượng mặt trời ALPHA-100W NLMT	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	12,810,000	12,810,000	12,810,000	12,810,000	12,810,000	12,810,000	12,810,000	12,810,000	12,810,000	12,810,000	12,810,000	12,810,000	12,810,000	12,810,000	12,810,000
1211	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố, năng lượng mặt trời BETA-50W NLMT	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8,790,000	8,790,000	8,790,000	8,790,000	8,790,000	8,790,000	8,790,000	8,790,000	8,790,000	8,790,000	8,790,000	8,790,000	8,790,000	8,790,000	8,790,000
1212	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố, năng lượng mặt trời BETA-60W NLMT	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	9,225,000	9,225,000	9,225,000	9,225,000	9,225,000	9,225,000	9,225,000	9,225,000	9,225,000	9,225,000	9,225,000	9,225,000	9,225,000	9,225,000	9,225,000
1213	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố, năng lượng mặt trời GAMMA-75W NLMT	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	9,660,000	9,660,000	9,660,000	9,660,000	9,660,000	9,660,000	9,660,000	9,660,000	9,660,000	9,660,000	9,660,000	9,660,000	9,660,000	9,660,000	9,660,000
1214	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố, năng lượng mặt trời SIGMA-80W NLMT	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	11,820,000	11,820,000	11,820,000	11,820,000	11,820,000	11,820,000	11,820,000	11,820,000	11,820,000	11,820,000	11,820,000	11,820,000	11,820,000	11,820,000	11,820,000
1215	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố, năng lượng mặt trời DELTA-160W NLMT	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	18,645,000	18,645,000	18,645,000	18,645,000	18,645,000	18,645,000	18,645,000	18,645,000	18,645,000	18,645,000	18,645,000	18,645,000	18,645,000	18,645,000	18,645,000
1216	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố, năng lượng mặt trời DELTA-180W NLMT	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	21,975,000	21,975,000	21,975,000	21,975,000	21,975,000	21,975,000	21,975,000	21,975,000	21,975,000	21,975,000	21,975,000	21,975,000	21,975,000	21,975,000	21,975,000
1217	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố, năng lượng mặt trời MOMO-120W NLMT	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	13,680,000	13,680,000	13,680,000	13,680,000	13,680,000	13,680,000	13,680,000	13,680,000	13,680,000	13,680,000	13,680,000	13,680,000	13,680,000	13,680,000	13,680,000
1218	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố, năng lượng mặt trời NANO-150W NLMT	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	15,345,000	15,345,000	15,345,000	15,345,000	15,345,000	15,345,000	15,345,000	15,345,000	15,345,000	15,345,000	15,345,000	15,345,000	15,345,000	15,345,000	15,345,000
1219	Vật tư ngành điện	Đèn pha LED MB05-200w	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5,168,250	5,168,250	5,168,250	5,168,250	5,168,250	5,168,250	5,168,250	5,168,250	5,168,250	5,168,250	5,168,250	5,168,250	5,168,250	5,168,250	5,168,250
1220	Vật tư ngành điện	Đèn pha LED MB02-250w	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6,516,000	6,516,000	6,516,000	6,516,000	6,516,000	6,516,000	6,516,000	6,516,000	6,516,000	6,516,000	6,516,000	6,516,000	6,516,000	6,516,000	6,516,000
1221	Vật tư ngành điện	Đèn pha LED MB02-300w	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8,539,200	8,539,200	8,539,200	8,539,200	8,539,200	8,539,200	8,539,200	8,539,200	8,539,200	8,539,200	8,539,200	8,539,200	8,539,200	8,539,200	8,539,200
1222	Vật tư ngành điện	Đèn pha LED MB02- 400w	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	9,349,650	9,349,650	9,349,650	9,349,650	9,349,650	9,349,650	9,349,650	9,349,650	9,349,650	9,349,650	9,349,650	9,349,650	9,349,650	9,349,650	9,349,650
1223	Vật tư ngành điện	Đèn pha LED MB02-500w	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	13,489,650	13,489,650	13,489,650	13,489,650	13,489,650	13,489,650	13,489,650	13,489,650	13,489,650	13,489,650	13,489,650	13,489,650	13,489,650	13,489,650	13,489,650
1224	Vật tư ngành điện	Đèn pha LED MB03-600w	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	17,892,000	17,892,000	17,892,000	17,892,000	17,892,000	17,892,000	17,892,000	17,892,000	17,892,000	17,892,000	17,892,000	17,892,000	17,892,000	17,892,000	17,892,000
1225	Vật tư ngành điện	Đèn pha LED MB04-800w	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	31,877,550	31,877,550	31,877,550	31,877,550	31,877,550	31,877,550	31,877,550	31,877,550	31,877,550	31,877,550	31,877,550	31,877,550	31,877,550	31,877,550	31,877,550
1226	Vật tư ngành điện	Đèn pha LED MB07-1000w	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	37,277,550	37,277,550	37,277,550	37,277,550	37,277,550	37,277,550	37,277,550	37,277,550	37,277,550	37,277,550	37,277,550	37,277,550	37,277,550	37,277,550	37,277,550
1227	Vật tư ngành điện	Khung móng cột thép CT3, 4 Bulông M16, KT: (240x240x500)mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001:2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	570,000	570,000	570,000	570,000	570,000	570,000	570,000	570,000	570,000	570,000	570,000	570,000	570,000	570,000	570,000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1228	Vật tư ngành điện	Khung móng cột thép CT3, 4 Bulông M16, KT: (260x260x500)mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	617,500	617,500	617,500	617,500	617,500	617,500	617,500	617,500	617,500	617,500	617,500	617,500	617,500	617,500	617,500
1229	Vật tư ngành điện	Khung móng cột thép CT3, 4 Bulông M16, KT: (340x340x500)mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	651,700	651,700	651,700	651,700	651,700	651,700	651,700	651,700	651,700	651,700	651,700	651,700	651,700	651,700	651,700
1230	Vật tư ngành điện	Khung móng cột thép CT3, 4 Bulông M24, KT: (300x300x675)mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	950,000	950,000	950,000	950,000	950,000	950,000	950,000	950,000	950,000	950,000	950,000	950,000	950,000	950,000	950,000
1231	Vật tư ngành điện	Khung móng cột thép C45, 8 Bulông M24, KT: Ø400mm, cao 1350mm (Lắp cho cột cao 13-16m)	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3,771,500	3,771,500	3,771,500	3,771,500	3,771,500	3,771,500	3,771,500	3,771,500	3,771,500	3,771,500	3,771,500	3,771,500	3,771,500	3,771,500	3,771,500
1232	Vật tư ngành điện	Khung móng cột thép C45, 8 Bulông M24, KT: Ø450mm, cao 1500mm (Lắp cho cột cao 17-18m không nâng hạ)	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4,712,000	4,712,000	4,712,000	4,712,000	4,712,000	4,712,000	4,712,000	4,712,000	4,712,000	4,712,000	4,712,000	4,712,000	4,712,000	4,712,000	4,712,000
1233	Vật tư ngành điện	Khung móng cột thép C45, 18 Bulông M30, KT: Ø800mm, cao 1750mm (2 tầng đĩa định vị, lắp cho cột nâng hạ 17-25m)	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	18,734,000	18,734,000	18,734,000	18,734,000	18,734,000	18,734,000	18,734,000	18,734,000	18,734,000	18,734,000	18,734,000	18,734,000	18,734,000	18,734,000	18,734,000
1234	Vật tư ngành điện	Khung móng cột thép C45, 20 Bulông M30, KT: Ø900mm, cao 2000mm (2 tầng đĩa định vị, lắp cho cột nâng hạ 30-35m)	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	24,415,000	24,415,000	24,415,000	24,415,000	24,415,000	24,415,000	24,415,000	24,415,000	24,415,000	24,415,000	24,415,000	24,415,000	24,415,000	24,415,000	24,415,000
1235	Vật tư ngành điện	Cột trang trí SV35, thân thép D141, đèn LED 40W-50W-100W, cao 3,5m	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7,161,000	7,161,000	7,161,000	7,161,000	7,161,000	7,161,000	7,161,000	7,161,000	7,161,000	7,161,000	7,161,000	7,161,000	7,161,000	7,161,000	7,161,000
1236	Vật tư ngành điện	Cột trang trí SV35, thân thép D114, đèn LED 40W-50W-100W, cao 3,5m	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5,159,000	5,159,000	5,159,000	5,159,000	5,159,000	5,159,000	5,159,000	5,159,000	5,159,000	5,159,000	5,159,000	5,159,000	5,159,000	5,159,000	5,159,000
1237	Vật tư ngành điện	Cột trang trí SV35, thân thép D168, đèn LED 40W-50W-100W, cao 3,5m	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8,568,000	8,568,000	8,568,000	8,568,000	8,568,000	8,568,000	8,568,000	8,568,000	8,568,000	8,568,000	8,568,000	8,568,000	8,568,000	8,568,000	8,568,000
1238	Vật tư ngành điện	Đế gang DP03 cho cột thép	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8,562,400	8,562,400	8,562,400	8,562,400	8,562,400	8,562,400	8,562,400	8,562,400	8,562,400	8,562,400	8,562,400	8,562,400	8,562,400	8,562,400	8,562,400
1239	Vật tư ngành điện	Đế DP01 (lắp cho cột sân vườn ống nhôm D108, cao 2,3m	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5,805,800	5,805,800	5,805,800	5,805,800	5,805,800	5,805,800	5,805,800	5,805,800	5,805,800	5,805,800	5,805,800	5,805,800	5,805,800	5,805,800	5,805,800
1240	Vật tư ngành điện	Đế trang trí gang cù tòi DP04 cho cột thép	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5,467,000	5,467,000	5,467,000	5,467,000	5,467,000	5,467,000	5,467,000	5,467,000	5,467,000	5,467,000	5,467,000	5,467,000	5,467,000	5,467,000	5,467,000
1241	Vật tư ngành điện	Đế trang trí gang DP02 cho cột thép	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10,778,600	10,778,600	10,778,600	10,778,600	10,778,600	10,778,600	10,778,600	10,778,600	10,778,600	10,778,600	10,778,600	10,778,600	10,778,600	10,778,600	10,778,600
1242	Vật tư ngành điện	Đế trang trí gang PINE cho cột sân vườn ống nhôm D108, cao 2,3m	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5,460,000	5,460,000	5,460,000	5,460,000	5,460,000	5,460,000	5,460,000	5,460,000	5,460,000	5,460,000	5,460,000	5,460,000	5,460,000	5,460,000	5,460,000
1243	Vật tư ngành điện	Đế trang trí gang DC06 cho cột sân vườn ống nhôm D76, cao 2,3m	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5,532,800	5,532,800	5,532,800	5,532,800	5,532,800	5,532,800	5,532,800	5,532,800	5,532,800	5,532,800	5,532,800	5,532,800	5,532,800	5,532,800	5,532,800
1244	Vật tư ngành điện	Đế trang trí gang DC05 cho cột sân vườn ống nhôm D108, cao 2,3m	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10,911,600	10,911,600	10,911,600	10,911,600	10,911,600	10,911,600	10,911,600	10,911,600	10,911,600	10,911,600	10,911,600	10,911,600	10,911,600	10,911,600	10,911,600
1245	Vật tư ngành điện	Đế trang trí gang DC01 cho cột thép	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6,503,000	6,503,000	6,503,000	6,503,000	6,503,000	6,503,000	6,503,000	6,503,000	6,503,000	6,503,000	6,503,000	6,503,000	6,503,000	6,503,000	6,503,000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1246	Vật tư ngành điện	Đế trang trí gang BANIAN cho cột sân vườn ống nhôm D108, cao 2,3m	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6,347,600	6,347,600	6,347,600	6,347,600	6,347,600	6,347,600	6,347,600	6,347,600	6,347,600	6,347,600	6,347,600	6,347,600	6,347,600	6,347,600	6,347,600
1247	Vật tư ngành điện	Đế trang trí gang NOUVO cho cột sân vườn ống nhôm D108, cao 2,3m	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7,964,600	7,964,600	7,964,600	7,964,600	7,964,600	7,964,600	7,964,600	7,964,600	7,964,600	7,964,600	7,964,600	7,964,600	7,964,600	7,964,600	7,964,600
1248	Vật tư ngành điện	Đế trang trí gang DC02 cho cột sân vườn ống nhôm D76, cao 2,3m	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4,918,200	4,918,200	4,918,200	4,918,200	4,918,200	4,918,200	4,918,200	4,918,200	4,918,200	4,918,200	4,918,200	4,918,200	4,918,200	4,918,200	4,918,200
1249	Vật tư ngành điện	Chùm trang trí CH02 (4+1) cho cột sân vườn.	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,649,200	1,649,200	1,649,200	1,649,200	1,649,200	1,649,200	1,649,200	1,649,200	1,649,200	1,649,200	1,649,200	1,649,200	1,649,200	1,649,200	1,649,200
1250	Vật tư ngành điện	Chùm trang trí CH02 (3+1) cho cột sân vườn.	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,436,400	1,436,400	1,436,400	1,436,400	1,436,400	1,436,400	1,436,400	1,436,400	1,436,400	1,436,400	1,436,400	1,436,400	1,436,400	1,436,400	1,436,400
1251	Vật tư ngành điện	Chùm trang trí CH04 (4+1) cho cột sân vườn.	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,461,200	2,461,200	2,461,200	2,461,200	2,461,200	2,461,200	2,461,200	2,461,200	2,461,200	2,461,200	2,461,200	2,461,200	2,461,200	2,461,200	2,461,200
1252	Vật tư ngành điện	Chùm trang trí CH04 (3+1) cho cột sân vườn.	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,133,600	2,133,600	2,133,600	2,133,600	2,133,600	2,133,600	2,133,600	2,133,600	2,133,600	2,133,600	2,133,600	2,133,600	2,133,600	2,133,600	2,133,600
1253	Vật tư ngành điện	Chùm trang trí CH06 (4+1) cho cột sân vườn.	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,360,800	1,360,800	1,360,800	1,360,800	1,360,800	1,360,800	1,360,800	1,360,800	1,360,800	1,360,800	1,360,800	1,360,800	1,360,800	1,360,800	1,360,800
1254	Vật tư ngành điện	Chùm trang trí CH06 (3+1) cho cột sân vườn.	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,167,600	1,167,600	1,167,600	1,167,600	1,167,600	1,167,600	1,167,600	1,167,600	1,167,600	1,167,600	1,167,600	1,167,600	1,167,600	1,167,600	1,167,600
1255	Vật tư ngành điện	Chùm trang trí CH07 (4+1) cho cột sân vườn.	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,403,800	2,403,800	2,403,800	2,403,800	2,403,800	2,403,800	2,403,800	2,403,800	2,403,800	2,403,800	2,403,800	2,403,800	2,403,800	2,403,800	2,403,800
1256	Vật tư ngành điện	Chùm trang trí CH07 (3+1) cho cột sân vườn.	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,940,400	1,940,400	1,940,400	1,940,400	1,940,400	1,940,400	1,940,400	1,940,400	1,940,400	1,940,400	1,940,400	1,940,400	1,940,400	1,940,400	1,940,400
1257	Vật tư ngành điện	Chùm trang trí CH08 (3+1) cho cột sân vườn.	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,901,200	1,901,200	1,901,200	1,901,200	1,901,200	1,901,200	1,901,200	1,901,200	1,901,200	1,901,200	1,901,200	1,901,200	1,901,200	1,901,200	1,901,200
1258	Vật tư ngành điện	Chùm trang trí CH11 (3+1) cho cột sân vườn.	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,403,800	2,403,800	2,403,800	2,403,800	2,403,800	2,403,800	2,403,800	2,403,800	2,403,800	2,403,800	2,403,800	2,403,800	2,403,800	2,403,800	2,403,800
1259	Vật tư ngành điện	Chùm trang trí CH11 (4+1) cho cột sân vườn.	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,790,200	2,790,200	2,790,200	2,790,200	2,790,200	2,790,200	2,790,200	2,790,200	2,790,200	2,790,200	2,790,200	2,790,200	2,790,200	2,790,200	2,790,200
1260	Vật tư ngành điện	Chùm trang trí CH12 cho cột sân vườn.	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,231,460	2,231,460	2,231,460	2,231,460	2,231,460	2,231,460	2,231,460	2,231,460	2,231,460	2,231,460	2,231,460	2,231,460	2,231,460	2,231,460	2,231,460
1261	Vật tư ngành điện	Đèn Jupiter	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,423,400	2,423,400	2,423,400	2,423,400	2,423,400	2,423,400	2,423,400	2,423,400	2,423,400	2,423,400	2,423,400	2,423,400	2,423,400	2,423,400	2,423,400
1262	Vật tư ngành điện	Cột Alequyn+Chùm Alequyn (3+1)	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5,272,400	5,272,400	5,272,400	5,272,400	5,272,400	5,272,400	5,272,400	5,272,400	5,272,400	5,272,400	5,272,400	5,272,400	5,272,400	5,272,400	5,272,400
1263	Vật tư ngành điện	Cần đơn MB01-D (lắp vào thân cột thép)	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01-2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,619,800	1,619,800	1,619,800	1,619,800	1,619,800	1,619,800	1,619,800	1,619,800	1,619,800	1,619,800	1,619,800	1,619,800	1,619,800	1,619,800	1,619,800

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1264	Vật tư ngành điện	Cần kép MB01-K (lắp vào thân cột thép)	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001:2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,233,000	2,233,000	2,233,000	2,233,000	2,233,000	2,233,000	2,233,000	2,233,000	2,233,000	2,233,000	2,233,000	2,233,000	2,233,000	2,233,000	2,233,000
1265	Vật tư ngành điện	Cần đơn MB02-D (lắp vào thân cột thép)	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001:2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,345,400	1,345,400	1,345,400	1,345,400	1,345,400	1,345,400	1,345,400	1,345,400	1,345,400	1,345,400	1,345,400	1,345,400	1,345,400	1,345,400	1,345,400
1266	Vật tư ngành điện	Cần kép MB02-K (lắp vào thân cột thép)	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001:2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,876,000	1,876,000	1,876,000	1,876,000	1,876,000	1,876,000	1,876,000	1,876,000	1,876,000	1,876,000	1,876,000	1,876,000	1,876,000	1,876,000	1,876,000
1267	Vật tư ngành điện	Cần đơn MB06-D (lắp vào thân cột thép)	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001:2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	960,400	960,400	960,400	960,400	960,400	960,400	960,400	960,400	960,400	960,400	960,400	960,400	960,400	960,400	960,400
1268	Vật tư ngành điện	Cần kép MB06-K (lắp vào thân cột thép)	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001:2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,418,200	1,418,200	1,418,200	1,418,200	1,418,200	1,418,200	1,418,200	1,418,200	1,418,200	1,418,200	1,418,200	1,418,200	1,418,200	1,418,200	1,418,200
1269	Vật tư ngành điện	Cần đơn MB03-D (lắp vào thân cột thép)	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001:2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,510,600	1,510,600	1,510,600	1,510,600	1,510,600	1,510,600	1,510,600	1,510,600	1,510,600	1,510,600	1,510,600	1,510,600	1,510,600	1,510,600	1,510,600
1270	Vật tư ngành điện	Cần kép MB03-K (lắp vào thân cột thép)	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001:2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,378,600	2,378,600	2,378,600	2,378,600	2,378,600	2,378,600	2,378,600	2,378,600	2,378,600	2,378,600	2,378,600	2,378,600	2,378,600	2,378,600	2,378,600
1271	Vật tư ngành điện	Cần đơn MB04-D (lắp vào thân cột thép)	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001:2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,929,200	1,929,200	1,929,200	1,929,200	1,929,200	1,929,200	1,929,200	1,929,200	1,929,200	1,929,200	1,929,200	1,929,200	1,929,200	1,929,200	1,929,200
1272	Vật tư ngành điện	Cần kép MB04-K (lắp vào thân cột thép)	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001:2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,263,800	2,263,800	2,263,800	2,263,800	2,263,800	2,263,800	2,263,800	2,263,800	2,263,800	2,263,800	2,263,800	2,263,800	2,263,800	2,263,800	2,263,800
1273	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, bát giác, tròn côn cao 3m, ngọn D78-D86, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, bích 300x300mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001:2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,170,000	2,170,000	2,170,000	2,170,000	2,170,000	2,170,000	2,170,000	2,170,000	2,170,000	2,170,000	2,170,000	2,170,000	2,170,000	2,170,000	2,170,000
1274	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, bát giác, tròn côn cao 4m, ngọn D78-D86, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, bích 300x300mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001:2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,380,000	2,380,000	2,380,000	2,380,000	2,380,000	2,380,000	2,380,000	2,380,000	2,380,000	2,380,000	2,380,000	2,380,000	2,380,000	2,380,000	2,380,000
1275	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, bát giác, tròn côn cao 5m, ngọn D78-D86, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, bích 300x300mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001:2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3,175,200	3,175,200	3,175,200	3,175,200	3,175,200	3,175,200	3,175,200	3,175,200	3,175,200	3,175,200	3,175,200	3,175,200	3,175,200	3,175,200	3,175,200
1276	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, bát giác, tròn côn cao 6m, ngọn D78-D86, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, bích 400x400mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001:2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4,264,400	4,264,400	4,264,400	4,264,400	4,264,400	4,264,400	4,264,400	4,264,400	4,264,400	4,264,400	4,264,400	4,264,400	4,264,400	4,264,400	4,264,400
1277	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, bát giác, tròn côn cao 7m, ngọn D78-D86, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, bích 400x400	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001:2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4,960,200	4,960,200	4,960,200	4,960,200	4,960,200	4,960,200	4,960,200	4,960,200	4,960,200	4,960,200	4,960,200	4,960,200	4,960,200	4,960,200	4,960,200
1278	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, bát giác, tròn côn cao 7m, ngọn D78-D86, thép SS400 dày 3.5mm, mạ kẽm, bích 400x400	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001:2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6,427,400	6,427,400	6,427,400	6,427,400	6,427,400	6,427,400	6,427,400	6,427,400	6,427,400	6,427,400	6,427,400	6,427,400	6,427,400	6,427,400	6,427,400
1279	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, bát giác, tròn côn cao 8m, ngọn D78-D86, thép SS400 dày 3.5mm, mạ kẽm, bích 400x400	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001:2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6,514,200	6,514,200	6,514,200	6,514,200	6,514,200	6,514,200	6,514,200	6,514,200	6,514,200	6,514,200	6,514,200	6,514,200	6,514,200	6,514,200	6,514,200
1280	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, bát giác, tròn côn cao 8m, ngọn D78-D86, thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, bích 400x400	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001:2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7,278,600	7,278,600	7,278,600	7,278,600	7,278,600	7,278,600	7,278,600	7,278,600	7,278,600	7,278,600	7,278,600	7,278,600	7,278,600	7,278,600	7,278,600
1281	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, bát giác, tròn côn cao 9m, ngọn D78-D86, thép SS400 dày 3.5mm, mạ kẽm, bích 400x400mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001:2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8,400,000	8,400,000	8,400,000	8,400,000	8,400,000	8,400,000	8,400,000	8,400,000	8,400,000	8,400,000	8,400,000	8,400,000	8,400,000	8,400,000	8,400,000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1282	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, bát giác, tròn côn cao 9m, ngọn D78-D86, thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, bích 400x400mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	9,237,200	9,237,200	9,237,200	9,237,200	9,237,200	9,237,200	9,237,200	9,237,200	9,237,200	9,237,200	9,237,200	9,237,200	9,237,200	9,237,200	9,237,200
1283	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, bát giác, tròn côn cao 10m, ngọn D78-D86, thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, bích 400x400mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	9,480,800	9,480,800	9,480,800	9,480,800	9,480,800	9,480,800	9,480,800	9,480,800	9,480,800	9,480,800	9,480,800	9,480,800	9,480,800	9,480,800	9,480,800
1284	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, bát giác, tròn côn cao 11m, ngọn D78-D86, thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, bích 400x400mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10,663,800	10,663,800	10,663,800	10,663,800	10,663,800	10,663,800	10,663,800	10,663,800	10,663,800	10,663,800	10,663,800	10,663,800	10,663,800	10,663,800	10,663,800
1285	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, bát giác, tròn côn cao 12m, ngọn D78-D86, thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, bích 400x400mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	12,850,600	12,850,600	12,850,600	12,850,600	12,850,600	12,850,600	12,850,600	12,850,600	12,850,600	12,850,600	12,850,600	12,850,600	12,850,600	12,850,600	12,850,600
1286	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn liền cần đơn cao 4m, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, bích 300x300mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,310,000	2,310,000	2,310,000	2,310,000	2,310,000	2,310,000	2,310,000	2,310,000	2,310,000	2,310,000	2,310,000	2,310,000	2,310,000	2,310,000	2,310,000
1287	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn liền cần đơn cao 5, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, bích 300x300mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,730,000	2,730,000	2,730,000	2,730,000	2,730,000	2,730,000	2,730,000	2,730,000	2,730,000	2,730,000	2,730,000	2,730,000	2,730,000	2,730,000	2,730,000
1288	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn liền cần đơn cao 6m, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, bích 300x300mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3,500,000	3,500,000	3,500,000	3,500,000	3,500,000	3,500,000	3,500,000	3,500,000	3,500,000	3,500,000	3,500,000	3,500,000	3,500,000	3,500,000	3,500,000
1289	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn liền cần đơn cao 7m, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, bích 300x300mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4,055,800	4,055,800	4,055,800	4,055,800	4,055,800	4,055,800	4,055,800	4,055,800	4,055,800	4,055,800	4,055,800	4,055,800	4,055,800	4,055,800	4,055,800
1290	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn liền cần đơn cao 7m, thép SS400 dày 3.5mm, mạ kẽm, bích 300x300mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4,566,800	4,566,800	4,566,800	4,566,800	4,566,800	4,566,800	4,566,800	4,566,800	4,566,800	4,566,800	4,566,800	4,566,800	4,566,800	4,566,800	4,566,800
1291	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn liền cần đơn cao 8m, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, bích 300x300mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4,659,200	4,659,200	4,659,200	4,659,200	4,659,200	4,659,200	4,659,200	4,659,200	4,659,200	4,659,200	4,659,200	4,659,200	4,659,200	4,659,200	4,659,200
1292	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn liền cần đơn cao 8m, thép SS400 dày 3.5mm, mạ kẽm, bích 400x400mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5,818,400	5,818,400	5,818,400	5,818,400	5,818,400	5,818,400	5,818,400	5,818,400	5,818,400	5,818,400	5,818,400	5,818,400	5,818,400	5,818,400	5,818,400
1293	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn liền cần đơn cao 9m, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, bích 300x300mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5,401,200	5,401,200	5,401,200	5,401,200	5,401,200	5,401,200	5,401,200	5,401,200	5,401,200	5,401,200	5,401,200	5,401,200	5,401,200	5,401,200	5,401,200
1294	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn liền cần đơn cao 9m, thép SS400 dày 3.5mm, mạ kẽm, bích 400x400mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6,629,000	6,629,000	6,629,000	6,629,000	6,629,000	6,629,000	6,629,000	6,629,000	6,629,000	6,629,000	6,629,000	6,629,000	6,629,000	6,629,000	6,629,000
1295	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn liền cần đơn cao 10m, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, bích 400x400mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6,165,600	6,165,600	6,165,600	6,165,600	6,165,600	6,165,600	6,165,600	6,165,600	6,165,600	6,165,600	6,165,600	6,165,600	6,165,600	6,165,600	6,165,600
1296	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn liền cần đơn cao 10m, thép SS400 dày 3.5mm, mạ kẽm, bích 400x400mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7,046,200	7,046,200	7,046,200	7,046,200	7,046,200	7,046,200	7,046,200	7,046,200	7,046,200	7,046,200	7,046,200	7,046,200	7,046,200	7,046,200	7,046,200
1297	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn liền cần đơn cao11m, thép SS400 dày 3.5mm, mạ kẽm, bích 400x400mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7,511,000	7,511,000	7,511,000	7,511,000	7,511,000	7,511,000	7,511,000	7,511,000	7,511,000	7,511,000	7,511,000	7,511,000	7,511,000	7,511,000	7,511,000
1298	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn liền cần đơn cao 11m, thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, bích 400x400mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8,460,200	8,460,200	8,460,200	8,460,200	8,460,200	8,460,200	8,460,200	8,460,200	8,460,200	8,460,200	8,460,200	8,460,200	8,460,200	8,460,200	8,460,200
1299	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn liền cần đơn cao 12m, thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, bích 400x400mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10,157,000	10,157,000	10,157,000	10,157,000	10,157,000	10,157,000	10,157,000	10,157,000	10,157,000	10,157,000	10,157,000	10,157,000	10,157,000	10,157,000	10,157,000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1300	Vật tư ngành điện	Cột đèn nâng hạ 17m, thép SS400, dày 4mm, mạ kẽm (có bộ điện nâng hạ, long bất 8-12 đèn)	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	136,360,000	136,360,000	136,360,000	136,360,000	136,360,000	136,360,000	136,360,000	136,360,000	136,360,000	136,360,000	136,360,000	136,360,000	136,360,000	136,360,000	136,360,000
1301	Vật tư ngành điện	Cột đèn nâng hạ 20m, thép SS400, dày 4mm, mạ kẽm (có bộ điện nâng hạ, long bất 8-12 đèn)	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	153,160,000	153,160,000	153,160,000	153,160,000	153,160,000	153,160,000	153,160,000	153,160,000	153,160,000	153,160,000	153,160,000	153,160,000	153,160,000	153,160,000	153,160,000
1302	Vật tư ngành điện	Cột đèn nâng hạ 25m, thép SS400, dày 4mm, mạ kẽm (có bộ điện nâng hạ, long bất 8-12 đèn)	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	167,160,000	167,160,000	167,160,000	167,160,000	167,160,000	167,160,000	167,160,000	167,160,000	167,160,000	167,160,000	167,160,000	167,160,000	167,160,000	167,160,000	167,160,000
1303	Vật tư ngành điện	Cột đèn nâng hạ 30m, thép SS400, dày 4mm, mạ kẽm (có bộ điện nâng hạ, long bất 8-12 đèn)	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	187,600,000	187,600,000	187,600,000	187,600,000	187,600,000	187,600,000	187,600,000	187,600,000	187,600,000	187,600,000	187,600,000	187,600,000	187,600,000	187,600,000	187,600,000
1304	Vật tư ngành điện	Cột đèn nâng hạ 35m, thép SS400, dày 4mm, mạ kẽm (có bộ điện nâng hạ, long bất 8-12 đèn)	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	221,200,000	221,200,000	221,200,000	221,200,000	221,200,000	221,200,000	221,200,000	221,200,000	221,200,000	221,200,000	221,200,000	221,200,000	221,200,000	221,200,000	221,200,000
1305	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, bát giác, tròn côn cao 13m, thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, bắt 2-8 đèn pha.	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	23,100,000	23,100,000	23,100,000	23,100,000	23,100,000	23,100,000	23,100,000	23,100,000	23,100,000	23,100,000	23,100,000	23,100,000	23,100,000	23,100,000	23,100,000
1306	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, bát giác, tròn côn cao 14m, thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, bắt 2-8 đèn pha.	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	25,928,000	25,928,000	25,928,000	25,928,000	25,928,000	25,928,000	25,928,000	25,928,000	25,928,000	25,928,000	25,928,000	25,928,000	25,928,000	25,928,000	25,928,000
1307	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, bát giác, tròn côn cao 15m, thép SS400 dày 4/5mm, mạ kẽm, bắt 2-8 đèn pha.	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	32,942,000	32,942,000	32,942,000	32,942,000	32,942,000	32,942,000	32,942,000	32,942,000	32,942,000	32,942,000	32,942,000	32,942,000	32,942,000	32,942,000	32,942,000
1308	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, bát giác, tròn côn 16m thép SS400 dày 4/5mm, mạ kẽm, bắt 2-8 đèn pha.	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	34,329,400	34,329,400	34,329,400	34,329,400	34,329,400	34,329,400	34,329,400	34,329,400	34,329,400	34,329,400	34,329,400	34,329,400	34,329,400	34,329,400	34,329,400
1309	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, bát giác, tròn côn 17m thép SS400 dày 5/6mm, mạ kẽm, bắt 2-8 đèn pha.	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	38,528,000	38,528,000	38,528,000	38,528,000	38,528,000	38,528,000	38,528,000	38,528,000	38,528,000	38,528,000	38,528,000	38,528,000	38,528,000	38,528,000	38,528,000
1310	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, bát giác, tròn côn cao 18m, thép SS400 dày 5/6mm, mạ kẽm, bắt 2-8 đèn pha.	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	41,538,000	41,538,000	41,538,000	41,538,000	41,538,000	41,538,000	41,538,000	41,538,000	41,538,000	41,538,000	41,538,000	41,538,000	41,538,000	41,538,000	41,538,000
1311	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, bát giác, tròn côn cao 19m, thép SS400 dày 5/6mm, mạ kẽm, bắt 2-8 đèn pha.	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	46,900,000	46,900,000	46,900,000	46,900,000	46,900,000	46,900,000	46,900,000	46,900,000	46,900,000	46,900,000	46,900,000	46,900,000	46,900,000	46,900,000	46,900,000
1312	Vật tư ngành điện	Song chắn rác Composite, Gang, KT (860x430)mm, Khung KT: (960x530)mm, tải trọng 12.5 tấn	cái	BS EN 124-2:2015 ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,800,000	2,800,000	2,800,000	2,800,000	2,800,000	2,800,000	2,800,000	2,800,000	2,800,000	2,800,000	2,800,000	2,800,000	2,800,000	2,800,000	2,800,000
1313	Vật tư ngành điện	Song chắn rác Composite, Gang, KT: (860x430)mm, Khung KT: (960x530)mm, tải trọng 25 tấn	cái	BS EN 124-2:2015 ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4,550,000	4,550,000	4,550,000	4,550,000	4,550,000	4,550,000	4,550,000	4,550,000	4,550,000	4,550,000	4,550,000	4,550,000	4,550,000	4,550,000	4,550,000
1314	Vật tư ngành điện	Song chắn rác Composite, Gang, KT: (860x430)mm, Khung KT: (960x530)mm, tải trọng 40 tấn	cái	BS EN 124-2:2015 ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5,572,000	5,572,000	5,572,000	5,572,000	5,572,000	5,572,000	5,572,000	5,572,000	5,572,000	5,572,000	5,572,000	5,572,000	5,572,000	5,572,000	5,572,000
1315	Vật tư ngành điện	Song chắn rác Composite, Gang, KT: (860x430)mm, tải trọng 12.5 tấn	cái	BS EN 124-2:2015 ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,960,000	1,960,000	1,960,000	1,960,000	1,960,000	1,960,000	1,960,000	1,960,000	1,960,000	1,960,000	1,960,000	1,960,000	1,960,000	1,960,000	1,960,000
1316	Vật tư ngành điện	Song chắn rác Composite, Gang, KT: (860x430)mm, tải trọng 25 tấn	cái	BS EN 124-2:2015 ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,870,000	2,870,000	2,870,000	2,870,000	2,870,000	2,870,000	2,870,000	2,870,000	2,870,000	2,870,000	2,870,000	2,870,000	2,870,000	2,870,000	2,870,000
1317	Vật tư ngành điện	Song chắn rác Composite, Gang, KT: (860x430)mm, tải trọng 40 tấn	cái	BS EN 124-2:2015 ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3,430,000	3,430,000	3,430,000	3,430,000	3,430,000	3,430,000	3,430,000	3,430,000	3,430,000	3,430,000	3,430,000	3,430,000	3,430,000	3,430,000	3,430,000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1318	Vật tư ngành điện	Song chắn rác Composite, Gang, KT: (960x530)mm, tải trọng 12.5 tấn	cái	BS EN 124-2:2015 ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,352,000	2,352,000	2,352,000	2,352,000	2,352,000	2,352,000	2,352,000	2,352,000	2,352,000	2,352,000	2,352,000	2,352,000	2,352,000	2,352,000	2,352,000
1319	Vật tư ngành điện	Song chắn rác Composite, Gang, KT: (960x530)mm, tải trọng 25 tấn	cái	BS EN 124-2:2015 ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,590,000	2,590,000	2,590,000	2,590,000	2,590,000	2,590,000	2,590,000	2,590,000	2,590,000	2,590,000	2,590,000	2,590,000	2,590,000	2,590,000	2,590,000
1320	Vật tư ngành điện	Song chắn rác Composite, Gang, KT: (960x530)mm, tải trọng 40 tấn	cái	BS EN 124-2:2015 ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3,150,000	3,150,000	3,150,000	3,150,000	3,150,000	3,150,000	3,150,000	3,150,000	3,150,000	3,150,000	3,150,000	3,150,000	3,150,000	3,150,000	3,150,000
1321	Vật tư ngành điện	Nắp hố ga Composite, Gang, KT: (850x850)mm, tải trọng 12.5 tấn	cái	BS EN 124-2:2015 ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,940,000	2,940,000	2,940,000	2,940,000	2,940,000	2,940,000	2,940,000	2,940,000	2,940,000	2,940,000	2,940,000	2,940,000	2,940,000	2,940,000	2,940,000
1322	Vật tư ngành điện	Nắp hố ga Composite, Gang, KT: (850x850)mm, tải trọng 25 tấn	cái	BS EN 124-2:2015 ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4,522,000	4,522,000	4,522,000	4,522,000	4,522,000	4,522,000	4,522,000	4,522,000	4,522,000	4,522,000	4,522,000	4,522,000	4,522,000	4,522,000	4,522,000
1323	Vật tư ngành điện	Nắp hố ga Composite, Gang, KT: (850x850)mm, tải trọng 40 tấn	cái	BS EN 124-2:2015 ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5,572,000	5,572,000	5,572,000	5,572,000	5,572,000	5,572,000	5,572,000	5,572,000	5,572,000	5,572,000	5,572,000	5,572,000	5,572,000	5,572,000	5,572,000
1324	Vật tư ngành điện	Nắp hố ga Composite, Gang, KT: (900x900)mm D700 tải trọng 12.5 tấn	cái	BS EN 124-2:2015 ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3,780,000	3,780,000	3,780,000	3,780,000	3,780,000	3,780,000	3,780,000	3,780,000	3,780,000	3,780,000	3,780,000	3,780,000	3,780,000	3,780,000	3,780,000
1325	Vật tư ngành điện	Nắp hố ga Composite, Gang, KT: (900x900)mm D700 tải trọng 25 tấn	cái	BS EN 124-2:2015 ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5,250,000	5,250,000	5,250,000	5,250,000	5,250,000	5,250,000	5,250,000	5,250,000	5,250,000	5,250,000	5,250,000	5,250,000	5,250,000	5,250,000	5,250,000
1326	Vật tư ngành điện	Nắp hố ga Composite, Gang KT: (900x900)mm, D700 tải trọng 40 tấn	cái	BS EN 124-2:2015 ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5,950,000	5,950,000	5,950,000	5,950,000	5,950,000	5,950,000	5,950,000	5,950,000	5,950,000	5,950,000	5,950,000	5,950,000	5,950,000	5,950,000	5,950,000
1327	Vật tư ngành điện	Nắp thâm thu kết hợp CPS, KT: (1050x745)mm, Tải trọng 12,5 tấn	cái	BS EN 124-2:2015 ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5,040,000	5,040,000	5,040,000	5,040,000	5,040,000	5,040,000	5,040,000	5,040,000	5,040,000	5,040,000	5,040,000	5,040,000	5,040,000	5,040,000	5,040,000
1328	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, bát giác, tròn côn bằng thép SS400, mạ kẽm (Tiêu chuẩn ASTM A123), H= 6,2m dày 6mm, tay vươn đơn 6m, dày 5mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	18,060,000	18,060,000	18,060,000	18,060,000	18,060,000	18,060,000	18,060,000	18,060,000	18,060,000	18,060,000	18,060,000	18,060,000	18,060,000	18,060,000	18,060,000
1329	Vật tư ngành điện	Cột tín hiệu giao thông đa giác, bát giác, tròn côn cao 6.2m, dày 6mm, tay vươn đơn 4m, dày 5mm, thép SS400, mạ kẽm (Tiêu chuẩn ASTM A123).	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	17,220,000	17,220,000	17,220,000	17,220,000	17,220,000	17,220,000	17,220,000	17,220,000	17,220,000	17,220,000	17,220,000	17,220,000	17,220,000	17,220,000	17,220,000
1330	Vật tư ngành điện	Cột tín hiệu giao thông đa giác, bát giác, tròn côn cao 3.3m, dày 4mm, tay vươn đơn 4m, dày 5mm, thép SS400, mạ kẽm (Tiêu chuẩn ASTM A123).	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	14,840,000	14,840,000	14,840,000	14,840,000	14,840,000	14,840,000	14,840,000	14,840,000	14,840,000	14,840,000	14,840,000	14,840,000	14,840,000	14,840,000	14,840,000
1331	Vật tư ngành điện	Cột tín hiệu giao thông đa giác, bát giác, tròn côn cao 6.2m, dày 6mm, tay vươn vuông góc 5m + 2m, dày 4mm, thép SS400, mạ kẽm (Tiêu chuẩn ASTM A123).	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	18,200,000	18,200,000	18,200,000	18,200,000	18,200,000	18,200,000	18,200,000	18,200,000	18,200,000	18,200,000	18,200,000	18,200,000	18,200,000	18,200,000	18,200,000
1332	Vật tư ngành điện	Cột tín hiệu giao thông đa giác, bát giác, tròn côn cao 5.6m, tay vươn đơn 4m, dày 5mm, thép SS400, mạ kẽm (Tiêu chuẩn ASTM A123)	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	14,840,000	14,840,000	14,840,000	14,840,000	14,840,000	14,840,000	14,840,000	14,840,000	14,840,000	14,840,000	14,840,000	14,840,000	14,840,000	14,840,000	14,840,000
1333	Vật tư ngành điện	Cột tín hiệu giao thông đa giác, bát giác, tròn côn cao 4m, tay vươn đơn 4m, dày 5mm, thép SS400, mạ kẽm (Tiêu chuẩn ASTM A123).	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3,738,000	3,738,000	3,738,000	3,738,000	3,738,000	3,738,000	3,738,000	3,738,000	3,738,000	3,738,000	3,738,000	3,738,000	3,738,000	3,738,000	3,738,000
1334	Vật tư ngành điện	Thanh giá treo đèn D60, thép SS400, dày 3mm, mạ kẽm (Tiêu chuẩn ASTM A123)	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	630,000	630,000	630,000	630,000	630,000	630,000	630,000	630,000	630,000	630,000	630,000	630,000	630,000	630,000	630,000
1335	Vật tư ngành điện	Cột tín hiệu giao thông đa giác, bát giác, tròn côn cao 2.5m, dày 3mm, thép SS400, mạ kẽm (Tiêu chuẩn ASTM A123)	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,996,000	2,996,000	2,996,000	2,996,000	2,996,000	2,996,000	2,996,000	2,996,000	2,996,000	2,996,000	2,996,000	2,996,000	2,996,000	2,996,000	2,996,000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1336	Vật tư ngành điện	Đèn LED cảnh báo tín hiệu giao thông màu vàng D300mm sử dụng năng lượng mặt trời (đã bao gồm pin năng lượng mặt trời, tủ điều khiển)	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10,220,000	10,220,000	10,220,000	10,220,000	10,220,000	10,220,000	10,220,000	10,220,000	10,220,000	10,220,000	10,220,000	10,220,000	10,220,000	10,220,000	10,220,000
1337	Vật tư ngành điện	Đèn LED 3 màu xanh, đỏ, vàng (Led), vỏ hộp và tay đỡ bóng nhựa ABS	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	11,278,400	11,278,400	11,278,400	11,278,400	11,278,400	11,278,400	11,278,400	11,278,400	11,278,400	11,278,400	11,278,400	11,278,400	11,278,400	11,278,400	11,278,400
1338	Vật tư ngành điện	Đèn LED THGT 3 x D100, 3 màu xanh, đỏ, vàng D100 (Led), vỏ hộp và tay đỡ bóng nhựa ABS	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7,784,000	7,784,000	7,784,000	7,784,000	7,784,000	7,784,000	7,784,000	7,784,000	7,784,000	7,784,000	7,784,000	7,784,000	7,784,000	7,784,000	7,784,000
1339	Vật tư ngành điện	Đèn LED THGT 3 x D200, 3 màu xanh, đỏ, vàng D200 (Led), vỏ hộp và tay đỡ bóng nhựa ABS	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	9,484,000	9,484,000	9,484,000	9,484,000	9,484,000	9,484,000	9,484,000	9,484,000	9,484,000	9,484,000	9,484,000	9,484,000	9,484,000	9,484,000	9,484,000
1340	Vật tư ngành điện	Đèn LED THGT 3 x D300, 3 màu xanh, đỏ, vàng, D300 (Led), vỏ hộp và tay đỡ bóng nhựa ABS	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	11,158,000	11,158,000	11,158,000	11,158,000	11,158,000	11,158,000	11,158,000	11,158,000	11,158,000	11,158,000	11,158,000	11,158,000	11,158,000	11,158,000	11,158,000
1341	Vật tư ngành điện	Đèn LED mũi tên chỉ hướng D300 (Led)	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4,060,000	4,060,000	4,060,000	4,060,000	4,060,000	4,060,000	4,060,000	4,060,000	4,060,000	4,060,000	4,060,000	4,060,000	4,060,000	4,060,000	4,060,000
1342	Vật tư ngành điện	Đèn LED chữ thập D200 (Led), vỏ hộp và tay đỡ bóng nhựa ABS	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4,452,000	4,452,000	4,452,000	4,452,000	4,452,000	4,452,000	4,452,000	4,452,000	4,452,000	4,452,000	4,452,000	4,452,000	4,452,000	4,452,000	4,452,000
1343	Vật tư ngành điện	Đèn LED Chữ thập D300 (Led), vỏ hộp và tay đỡ bóng nhựa ABS	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5,068,000	5,068,000	5,068,000	5,068,000	5,068,000	5,068,000	5,068,000	5,068,000	5,068,000	5,068,000	5,068,000	5,068,000	5,068,000	5,068,000	5,068,000
1344	Vật tư ngành điện	Đèn LED Đếm ngược D300 (Led) vỏ hộp và tay đỡ bóng nhựa ABS	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4,752,000	4,752,000	4,752,000	4,752,000	4,752,000	4,752,000	4,752,000	4,752,000	4,752,000	4,752,000	4,752,000	4,752,000	4,752,000	4,752,000	4,752,000
1345	Vật tư ngành điện	Đèn LED Đếm ngược D400 (Led) vỏ hộp và tay đỡ bóng nhựa ABS	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6,180,000	6,180,000	6,180,000	6,180,000	6,180,000	6,180,000	6,180,000	6,180,000	6,180,000	6,180,000	6,180,000	6,180,000	6,180,000	6,180,000	6,180,000
1346	Vật tư ngành điện	Đèn LED Đếm ngược D600 (Led) vỏ hộp và tay đỡ thép sơn tĩnh điện	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8,400,000	8,400,000	8,400,000	8,400,000	8,400,000	8,400,000	8,400,000	8,400,000	8,400,000	8,400,000	8,400,000	8,400,000	8,400,000	8,400,000	8,400,000
1347	Vật tư ngành điện	Đèn LED Đi bộ 2 x D200 (Led hình người đỏ, xanh), vỏ hộp và tay nhựa ABS	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6,860,000	6,860,000	6,860,000	6,860,000	6,860,000	6,860,000	6,860,000	6,860,000	6,860,000	6,860,000	6,860,000	6,860,000	6,860,000	6,860,000	6,860,000
1348	Vật tư ngành điện	Đèn LED Đi bộ D300 (Led hình người đỏ, xanh), vỏ hộp và tay nhựa ABS	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4,130,000	4,130,000	4,130,000	4,130,000	4,130,000	4,130,000	4,130,000	4,130,000	4,130,000	4,130,000	4,130,000	4,130,000	4,130,000	4,130,000	4,130,000
1349	Vật tư ngành điện	Trụ tủ điều khiển tín hiệu giao thông 03 pha, ổn áp 2000VA, UPS 1400VA, KT: (1000x800x450)mm	cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	73,500,000	73,500,000	73,500,000	73,500,000	73,500,000	73,500,000	73,500,000	73,500,000	73,500,000	73,500,000	73,500,000	73,500,000	73,500,000	73,500,000	73,500,000
1350	Vật tư ngành điện	Tủ điều khiển tín hiệu giao thông 02 pha, ổn áp 2000VA, KT: (1000x800x450)mm	cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	45,500,000	45,500,000	45,500,000	45,500,000	45,500,000	45,500,000	45,500,000	45,500,000	45,500,000	45,500,000	45,500,000	45,500,000	45,500,000	45,500,000	45,500,000
1351	Vật tư ngành điện	Tủ điện điều khiển chiếu sáng trọn bộ 30A-32A-40A-50A (vỏ tủ tôn dày 1,2-1,5-2mm)	cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	16,590,000	16,590,000	16,590,000	16,590,000	16,590,000	16,590,000	16,590,000	16,590,000	16,590,000	16,590,000	16,590,000	16,590,000	16,590,000	16,590,000	16,590,000
1352	Vật tư ngành điện	Tủ điện điều khiển chiếu sáng trọn bộ có ngăn chống tổn thất 60A-63A-75A-80A (vỏ tủ tôn dày 1,2-1,5-2mm)	cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	17,430,000	17,430,000	17,430,000	17,430,000	17,430,000	17,430,000	17,430,000	17,430,000	17,430,000	17,430,000	17,430,000	17,430,000	17,430,000	17,430,000	17,430,000
1353	Vật tư ngành điện	Tủ điện điều khiển chiếu sáng trọn bộ có ngăn chống tổn thất 100A-150A (vỏ tủ tôn dày 1,2-1,5-2mm)	cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	19,530,000	19,530,000	19,530,000	19,530,000	19,530,000	19,530,000	19,530,000	19,530,000	19,530,000	19,530,000	19,530,000	19,530,000	19,530,000	19,530,000	19,530,000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)															
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1354	Vật tư ngành điện	Tủ điện phân phối 3-12 công tơ trọn bộ 100A-150A-200A (vỏ tủ tôn dày 1,2-1,5mm)	cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	17,990,000	17,990,000	17,990,000	17,990,000	17,990,000	17,990,000	17,990,000	17,990,000	17,990,000	17,990,000	17,990,000	17,990,000	17,990,000	17,990,000	17,990,000
1355	Vật tư ngành điện	Tủ điện phân phối 3-12 công tơ trọn bộ 100A-150A-200A (vỏ tủ tôn dày 2mm)	cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	20,930,000	20,930,000	20,930,000	20,930,000	20,930,000	20,930,000	20,930,000	20,930,000	20,930,000	20,930,000	20,930,000	20,930,000	20,930,000	20,930,000	20,930,000
1356	Vật tư ngành điện	Tủ điện phân phối 3-12 công tơ trọn bộ 250A-300A (vỏ tủ tôn dày 2mm)	cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	26,530,000	26,530,000	26,530,000	26,530,000	26,530,000	26,530,000	26,530,000	26,530,000	26,530,000	26,530,000	26,530,000	26,530,000	26,530,000	26,530,000	26,530,000
1357	Vật tư ngành nước	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 220 x 5.6mm PN6 - 4m	m	AS/NZS 1477:2006/QCVN 16:2019/BXD/BS EN ISO 1452-2:2009	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 220 x 5.6mm PN6 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	388,300	388,300	388,300	388,300	388,300	388,300	388,300	388,300	388,300	388,300	388,300	388,300	388,300	388,300	388,300
1358	Vật tư ngành nước	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 168 x 4.5mm PN6 - 4m	m	AS/NZS 1477:2006/QCVN 16:2019/BXD/BS EN ISO 1452-2:2009	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 168 x 4.5mm PN6 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	243,600	243,600	243,600	243,600	243,600	243,600	243,600	243,600	243,600	243,600	243,600	243,600	243,600	243,600	243,600
1359	Vật tư ngành nước	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 114 x 3.1mm PN6 - 4m	m	AS/NZS 1477:2006/QCVN 16:2019/BXD/BS EN ISO 1452-2:2009	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 114 x 3.1mm PN6 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	114,400	114,400	114,400	114,400	114,400	114,400	114,400	114,400	114,400	114,400	114,400	114,400	114,400	114,400	114,400
1360	Vật tư ngành nước	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 90 x 2.6mm PN6 - 4m	m	AS/NZS 1477:2006/QCVN 16:2019/BXD/BS EN ISO 1452-2:2009	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 90 x 2.6mm PN6 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	76,000	76,000	76,000	76,000	76,000	76,000	76,000	76,000	76,000	76,000	76,000	76,000	76,000	76,000	76,000
1361	Vật tư ngành nước	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 60 x 2.5mm PN9 - 4m	m	AS/NZS 1477:2006/QCVN 16:2019/BXD/BS EN ISO 1452-2:2009	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 60 x 2.5mm PN9 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	48,700	48,700	48,700	48,700	48,700	48,700	48,700	48,700	48,700	48,700	48,700	48,700	48,700	48,700	48,700
1362	Vật tư ngành nước	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 49 x 2.1mm PN9 - 4m	m	AS/NZS 1477:2006/QCVN 16:2019/BXD/BS EN ISO 1452-2:2009	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 49 x 2.1mm PN9 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	32,400	32,400	32,400	32,400	32,400	32,400	32,400	32,400	32,400	32,400	32,400	32,400	32,400	32,400	32,400
1363	Vật tư ngành nước	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 42 x 1.9mm PN9 - 4m	m	AS/NZS 1477:2006/QCVN 16:2019/BXD/BS EN ISO 1452-2:2009	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 42 x 1.9mm PN9 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	25,900	25,900	25,900	25,900	25,900	25,900	25,900	25,900	25,900	25,900	25,900	25,900	25,900	25,900	25,900
1364	Vật tư ngành nước	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 34 x 1.6mm PN10 - 4m	m	AS/NZS 1477:2006/QCVN 16:2019/BXD/BS EN ISO 1452-2:2009	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 34 x 1.6mm PN10 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000
1365	Vật tư ngành nước	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 27 x 1.6mm PN12 - 4m	m	AS/NZS 1477:2006/QCVN 16:2019/BXD/BS EN ISO 1452-2:2009	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 27 x 1.6mm PN12 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	13,700	13,700	13,700	13,700	13,700	13,700	13,700	13,700	13,700	13,700	13,700	13,700	13,700	13,700	13,700
1366	Vật tư ngành nước	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 21 x 1.3mm PN12 - 4m	m	AS/NZS 1477:2006/QCVN 16:2019/BXD/BS EN ISO 1452-2:2009	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 21 x 1.3mm PN12 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	9,500	9,500	9,500	9,500	9,500	9,500	9,500	9,500	9,500	9,500	9,500	9,500	9,500	9,500	9,500
1367	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 25 x 2.8mm PN10 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 25 x 2.8mm PN10 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	29,000	29,000	29,000	29,000	29,000	29,000	29,000	29,000	29,000	29,000	29,000	29,000	29,000	29,000	29,000
1368	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 32 x 2.9mm PN10 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 32 x 2.9mm PN10 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	37,600	37,600	37,600	37,600	37,600	37,600	37,600	37,600	37,600	37,600	37,600	37,600	37,600	37,600	37,600
1369	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 50 x 4.6mm PN10 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 50 x 4.6mm PN10 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	73,900	73,900	73,900	73,900	73,900	73,900	73,900	73,900	73,900	73,900	73,900	73,900	73,900	73,900	73,900

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1370	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 20 x 3.4mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 20 x 3.4mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	20,100	20,100	20,100	20,100	20,100	20,100	20,100	20,100	20,100	20,100	20,100	20,100	20,100	20,100	20,100
1371	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 25 x 4.2mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 25 x 4.2mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	35,200	35,200	35,200	35,200	35,200	35,200	35,200	35,200	35,200	35,200	35,200	35,200	35,200	35,200	35,200
1372	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 40 x 6.7mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 40 x 6.7mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	80,300	80,300	80,300	80,300	80,300	80,300	80,300	80,300	80,300	80,300	80,300	80,300	80,300	80,300	80,300
1373	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 50 x 8.3mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 50 x 8.3mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	124,700	124,700	124,700	124,700	124,700	124,700	124,700	124,700	124,700	124,700	124,700	124,700	124,700	124,700	124,700
1374	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 63 x 10.5mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 63 x 10.5mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	196,600	196,600	196,600	196,600	196,600	196,600	196,600	196,600	196,600	196,600	196,600	196,600	196,600	196,600	196,600
1375	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 75 x 12.5mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 75 x 12.5mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	272,300	272,300	272,300	272,300	272,300	272,300	272,300	272,300	272,300	272,300	272,300	272,300	272,300	272,300	272,300
1376	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 90 x 15mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 90 x 15mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	407,100	407,100	407,100	407,100	407,100	407,100	407,100	407,100	407,100	407,100	407,100	407,100	407,100	407,100	407,100
1377	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 110 x 18.3mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 110 x 18.3mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	573,100	573,100	573,100	573,100	573,100	573,100	573,100	573,100	573,100	573,100	573,100	573,100	573,100	573,100	573,100
1378	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 125 x 20.8mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 125 x 20.8mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	771,200	771,200	771,200	771,200	771,200	771,200	771,200	771,200	771,200	771,200	771,200	771,200	771,200	771,200	771,200
1379	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 140 x 23.3mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 140 x 23.3mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	979,500	979,500	979,500	979,500	979,500	979,500	979,500	979,500	979,500	979,500	979,500	979,500	979,500	979,500	979,500
1380	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 160 x 26.6mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 160 x 26.6mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,302,600	1,302,600	1,302,600	1,302,600	1,302,600	1,302,600	1,302,600	1,302,600	1,302,600	1,302,600	1,302,600	1,302,600	1,302,600	1,302,600	1,302,600
1381	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 180 x 24.6mm PN16 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 180 x 24.6mm PN16 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,742,300	1,742,300	1,742,300	1,742,300	1,742,300	1,742,300	1,742,300	1,742,300	1,742,300	1,742,300	1,742,300	1,742,300	1,742,300	1,742,300	1,742,300

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1382	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 200 x 33.2mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 200 x 33.2mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,521,800	2,521,800	2,521,800	2,521,800	2,521,800	2,521,800	2,521,800	2,521,800	2,521,800	2,521,800	2,521,800	2,521,800	2,521,800	2,521,800	2,521,800
1383	Vật tư ngành nước	Ống PP-R-UV DN 25 x 4.2mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R-UV DN 25 x 4.2mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	42,300	42,300	42,300	42,300	42,300	42,300	42,300	42,300	42,300	42,300	42,300	42,300	42,300	42,300	42,300
1384	Vật tư ngành nước	Ống PP-R-UV DN 32 x 5.4mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R-UV DN 32 x 5.4mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	62,200	62,200	62,200	62,200	62,200	62,200	62,200	62,200	62,200	62,200	62,200	62,200	62,200	62,200	62,200
1385	Vật tư ngành nước	Ống PP-R-UV DN 40 x 6.7mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R-UV DN 40 x 6.7mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	96,300	96,300	96,300	96,300	96,300	96,300	96,300	96,300	96,300	96,300	96,300	96,300	96,300	96,300	96,300
1386	Vật tư ngành nước	Ống PP-R-UV DN 50 x 8.3mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R-UV DN 50 x 8.3mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	149,600	149,600	149,600	149,600	149,600	149,600	149,600	149,600	149,600	149,600	149,600	149,600	149,600	149,600	149,600
1387	Vật tư ngành nước	Ống PP-R-UV DN 63 x 10.5mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R-UV DN 63 x 10.5mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	235,900	235,900	235,900	235,900	235,900	235,900	235,900	235,900	235,900	235,900	235,900	235,900	235,900	235,900	235,900
1388	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 25 x 2.3mm PN16	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 25 x 2.3mm PN16	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	13,200	13,200	13,200	13,200	13,200	13,200	13,200	13,200	13,200	13,200	13,200	13,200	13,200	13,200	13,200
1389	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 50 x 3.0mm PN10	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 50 x 3.0mm PN10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	34,700	34,700	34,700	34,700	34,700	34,700	34,700	34,700	34,700	34,700	34,700	34,700	34,700	34,700	34,700
1390	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 63 x 3.0mm PN8	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 63 x 3.0mm PN8	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	45,100	45,100	45,100	45,100	45,100	45,100	45,100	45,100	45,100	45,100	45,100	45,100	45,100	45,100	45,100
1391	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 90 x 5.4mm PN10	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 90 x 5.4mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	112,200	112,200	112,200	112,200	112,200	112,200	112,200	112,200	112,200	112,200	112,200	112,200	112,200	112,200	112,200
1392	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 110 x 6.6mm PN10	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 110 x 6.6mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	170,000	170,000	170,000	170,000	170,000	170,000	170,000	170,000	170,000	170,000	170,000	170,000	170,000	170,000	170,000
1393	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 125 x 7.4mm PN10	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 125 x 7.4mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	214,600	214,600	214,600	214,600	214,600	214,600	214,600	214,600	214,600	214,600	214,600	214,600	214,600	214,600	214,600

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1394	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 140 x 8.3mm PN10	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 140 x 8.3mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	267,900	267,900	267,900	267,900	267,900	267,900	267,900	267,900	267,900	267,900	267,900	267,900	267,900	267,900	267,900
1395	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 160 x 9.5mm PN10	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 160 x 9.5mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	352,000	352,000	352,000	352,000	352,000	352,000	352,000	352,000	352,000	352,000	352,000	352,000	352,000	352,000	352,000
1396	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 180 x 10.7mm PN10 - 6m	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 180 x 10.7mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	443,100	443,100	443,100	443,100	443,100	443,100	443,100	443,100	443,100	443,100	443,100	443,100	443,100	443,100	443,100
1397	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 200 x 11.9mm PN10	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 200 x 11.9mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	555,300	555,300	555,300	555,300	555,300	555,300	555,300	555,300	555,300	555,300	555,300	555,300	555,300	555,300	555,300
1398	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 225 x 13.4mm PN10	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 225 x 13.4mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	682,600	682,600	682,600	682,600	682,600	682,600	682,600	682,600	682,600	682,600	682,600	682,600	682,600	682,600	682,600
1399	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 250 x 14.8mm PN10	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 250 x 14.8mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	845,700	845,700	845,700	845,700	845,700	845,700	845,700	845,700	845,700	845,700	845,700	845,700	845,700	845,700	845,700
1400	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 280 x 16.6mm PN10 - 6m	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 280 x 16.6mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,053,800	1,053,800	1,053,800	1,053,800	1,053,800	1,053,800	1,053,800	1,053,800	1,053,800	1,053,800	1,053,800	1,053,800	1,053,800	1,053,800	1,053,800
1401	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 315 x 18.7mm PN10	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 315 x 18.7mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,341,800	1,341,800	1,341,800	1,341,800	1,341,800	1,341,800	1,341,800	1,341,800	1,341,800	1,341,800	1,341,800	1,341,800	1,341,800	1,341,800	1,341,800
1402	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 355 x 21.1mm PN10	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 355 x 21.1mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,705,200	1,705,200	1,705,200	1,705,200	1,705,200	1,705,200	1,705,200	1,705,200	1,705,200	1,705,200	1,705,200	1,705,200	1,705,200	1,705,200	1,705,200
1403	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 400 x 23.7mm PN10	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 400 x 23.7mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,166,800	2,166,800	2,166,800	2,166,800	2,166,800	2,166,800	2,166,800	2,166,800	2,166,800	2,166,800	2,166,800	2,166,800	2,166,800	2,166,800	2,166,800
1404	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 450 x 26.7mm PN10 - 6m	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 450 x 26.7mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	2,373,900	2,373,900	2,373,900	2,373,900	2,373,900	2,373,900	2,373,900	2,373,900	2,373,900	2,373,900	2,373,900	2,373,900	2,373,900	2,373,900	2,373,900
1405	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 500 x 29.7mm PN10 - 6m	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 500 x 29.7mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	3,404,800	3,404,800	3,404,800	3,404,800	3,404,800	3,404,800	3,404,800	3,404,800	3,404,800	3,404,800	3,404,800	3,404,800	3,404,800	3,404,800	3,404,800

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)															
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1406	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 1000 x 59.3mm PN10 - 6m	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 1000 x 59.3mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	14,688,400	14,688,400	14,688,400	14,688,400	14,688,400	14,688,400	14,688,400	14,688,400	14,688,400	14,688,400	14,688,400	14,688,400	14,688,400	14,688,400	14,688,400
1407	Vật tư ngành nước	Ống gân sóng HDPE 2 lớp DN 200 SN 4 - 6m	m	QCVN 16:2019/BXD/TCVN 11821-3:2017 / ISO 21138-3:2007	Ống HDPE gân sóng 2 lớp Ø200 SN4	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	511,900	511,900	511,900	511,900	511,900	511,900	511,900	511,900	511,900	511,900	511,900	511,900	511,900	511,900	511,900
1408	Vật tư ngành nước	Ống gân sóng HDPE 2 lớp DN 300 SN 4 - 6m	m	QCVN 16:2019/BXD/TCVN 11821-3:2017 / ISO 21138-3:2007	Ống HDPE gân sóng 2 lớp Ø300 SN4	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	725,700	725,700	725,700	725,700	725,700	725,700	725,700	725,700	725,700	725,700	725,700	725,700	725,700	725,700	725,700
1409	Vật tư ngành nước	Hộp kiểm soát kỹ thuật hai nhánh PVC-U ST 110-160	cái	TCVN 12755:2020	Hộp kiểm soát kỹ thuật hai nhánh PVC-U ST 110-160	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	598,300	598,300	598,300	598,300	598,300	598,300	598,300	598,300	598,300	598,300	598,300	598,300	598,300	598,300	598,300
1410	Vật tư ngành nước	Hộp kiểm soát kỹ thuật hai nhánh PVC-U SE DN 110x110P-225	cái	TCVN 12755:2020	Hộp kiểm soát kỹ thuật hai nhánh PVC-U SE DN 110x110P-225	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	800,900	800,900	800,900	800,900	800,900	800,900	800,900	800,900	800,900	800,900	800,900	800,900	800,900	800,900	800,900
1411	Vật tư ngành nước	Hộp kiểm soát kỹ thuật bốn nhánh PVC-U (ISO-JIS) 90WY 110x160-200	cái	TCVN 12755:2020	Hộp kiểm soát kỹ thuật bốn nhánh PVC-U (ISO-JIS) 90WY 110x160-200	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,307,300	1,307,300	1,307,300	1,307,300	1,307,300	1,307,300	1,307,300	1,307,300	1,307,300	1,307,300	1,307,300	1,307,300	1,307,300	1,307,300	1,307,300
1412	Vật tư ngành nước	Hộp kiểm soát kỹ thuật bốn nhánh PVC-U (ISO-JIS) 90WY 160x160-200	cái	TCVN 12755:2020	Hộp kiểm soát kỹ thuật bốn nhánh PVC-U (ISO-JIS) 90WY 160x160-200	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,617,600	1,617,600	1,617,600	1,617,600	1,617,600	1,617,600	1,617,600	1,617,600	1,617,600	1,617,600	1,617,600	1,617,600	1,617,600	1,617,600	1,617,600
1413	Vật tư ngành nước	Nắp hố ga (hộp kiểm soát) nhựa màu xám AO 200G	cái	TCVN 12755:2020	Nắp hố ga (hộp kiểm soát) nhựa màu xám AO 200G	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	1,026,300	1,026,300	1,026,300	1,026,300	1,026,300	1,026,300	1,026,300	1,026,300	1,026,300	1,026,300	1,026,300	1,026,300	1,026,300	1,026,300	1,026,300
1414	Vật tư ngành nước	Keo dán PVC-U 500gr(có chổi)	cái	QCVN 16:2019/BXD	Keo dán uPVC 500gr(có chổi)	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	86,400	86,400	86,400	86,400	86,400	86,400	86,400	86,400	86,400	86,400	86,400	86,400	86,400	86,400	86,400
1415	Vật tư ngành nước	Keo dán PVC-U 1000gr(có chổi)	cái	QCVN 16:2019/BXD	Keo dán uPVC 1000gr(có chổi)	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	173,000	173,000	173,000	173,000	173,000	173,000	173,000	173,000	173,000	173,000	173,000	173,000	173,000	173,000	173,000
1416	Vật tư ngành nước	Van cầu nhựa PVC-U BS DN 21	cái	QCVN 16:2019/BXD/BS EN ISO 1452-3:2009	Van cầu nhựa uPVC BS DN 21	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	22,500	22,500	22,500	22,500	22,500	22,500	22,500	22,500	22,500	22,500	22,500	22,500	22,500	22,500	22,500
1417	Vật tư ngành nước	Van cầu nhựa PVC-U BS DN 27	cái	QCVN 16:2019/BXD/BS EN ISO 1452-3:2009	Van cầu nhựa uPVC BS DN 27	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	26,200	26,200	26,200	26,200	26,200	26,200	26,200	26,200	26,200	26,200	26,200	26,200	26,200	26,200	26,200
1418	Vật tư ngành nước	Van cầu nhựa PVC-U BS DN 34	cái	QCVN 16:2019/BXD/BS EN ISO 1452-3:2009	Van cầu nhựa uPVC BS DN 34	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	44,700	44,700	44,700	44,700	44,700	44,700	44,700	44,700	44,700	44,700	44,700	44,700	44,700	44,700	44,700
1419	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN10 (Ống hàn nhiệt) Φ20mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 2,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	36,000	36,000	36,000	36,000	36,000	36,000	36,000	36,000	36,000	36,000	36,000	36,000	36,000	36,000	36,000
1420	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN10 (Ống hàn nhiệt) Φ25mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 2,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	64,200	64,200	64,200	64,200	64,200	64,200	64,200	64,200	64,200	64,200	64,200	64,200	64,200	64,200	64,200
1421	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN10 (Ống hàn nhiệt)Φ32mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 2,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	83,500	83,500	83,500	83,500	83,500	83,500	83,500	83,500	83,500	83,500	83,500	83,500	83,500	83,500	83,500
1422	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN10 (Ống hàn nhiệt)Φ40mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 3,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	111,900	111,900	111,900	111,900	111,900	111,900	111,900	111,900	111,900	111,900	111,900	111,900	111,900	111,900	111,900

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1423	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN10 (Ống hàn nhiệt)Ø50mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 4,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	164,200	164,200	164,200	164,200	164,200	164,200	164,200	164,200	164,200	164,200	164,200	164,200	164,200	164,200	164,200
1424	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN10 (Ống hàn nhiệt)Ø63mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 5,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	261,800	261,800	261,800	261,800	261,800	261,800	261,800	261,800	261,800	261,800	261,800	261,800	261,800	261,800	261,800
1425	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN10 (Ống hàn nhiệt)Ø75mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 6,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	365,400	365,400	365,400	365,400	365,400	365,400	365,400	365,400	365,400	365,400	365,400	365,400	365,400	365,400	365,400
1426	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN10 (Ống hàn nhiệt)Ø90mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 8,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	530,000	530,000	530,000	530,000	530,000	530,000	530,000	530,000	530,000	530,000	530,000	530,000	530,000	530,000	530,000
1427	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN10 (Ống hàn nhiệt)Ø110mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 10mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	847,900	847,900	847,900	847,900	847,900	847,900	847,900	847,900	847,900	847,900	847,900	847,900	847,900	847,900	847,900
1428	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN10 (Ống hàn nhiệt)Ø125mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 11,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,049,800	1,049,800	1,049,800	1,049,800	1,049,800	1,049,800	1,049,800	1,049,800	1,049,800	1,049,800	1,049,800	1,049,800	1,049,800	1,049,800	1,049,800
1429	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN10 (Ống hàn nhiệt)Ø140mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 12,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,296,000	1,296,000	1,296,000	1,296,000	1,296,000	1,296,000	1,296,000	1,296,000	1,296,000	1,296,000	1,296,000	1,296,000	1,296,000	1,296,000	1,296,000
1430	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN10 (Ống hàn nhiệt)Ø160mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 14,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,761,400	1,761,400	1,761,400	1,761,400	1,761,400	1,761,400	1,761,400	1,761,400	1,761,400	1,761,400	1,761,400	1,761,400	1,761,400	1,761,400	1,761,400
1431	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN10 (Ống hàn nhiệt)Ø180mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 16,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2,785,000	2,785,000	2,785,000	2,785,000	2,785,000	2,785,000	2,785,000	2,785,000	2,785,000	2,785,000	2,785,000	2,785,000	2,785,000	2,785,000	2,785,000
1432	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN10 (Ống hàn nhiệt)Ø200mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 18,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3,379,200	3,379,200	3,379,200	3,379,200	3,379,200	3,379,200	3,379,200	3,379,200	3,379,200	3,379,200	3,379,200	3,379,200	3,379,200	3,379,200	3,379,200
1433	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN16 (Ống hàn nhiệt)Ø20mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 2,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	40,200	40,200	40,200	40,200	40,200	40,200	40,200	40,200	40,200	40,200	40,200	40,200	40,200	40,200	40,200
1434	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN16 (Ống hàn nhiệt)Ø25mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 4,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	74,100	74,100	74,100	74,100	74,100	74,100	74,100	74,100	74,100	74,100	74,100	74,100	74,100	74,100	74,100
1435	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN16 (Ống hàn nhiệt)Ø32mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 4,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	100,400	100,400	100,400	100,400	100,400	100,400	100,400	100,400	100,400	100,400	100,400	100,400	100,400	100,400	100,400
1436	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN16 (Ống hàn nhiệt)Ø40mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 5,5mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	135,900	135,900	135,900	135,900	135,900	135,900	135,900	135,900	135,900	135,900	135,900	135,900	135,900	135,900	135,900
1437	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN16 (Ống hàn nhiệt)Ø50mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 6,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	216,200	216,200	216,200	216,200	216,200	216,200	216,200	216,200	216,200	216,200	216,200	216,200	216,200	216,200	216,200
1438	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN16 (Ống hàn nhiệt)Ø63mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 8,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	339,700	339,700	339,700	339,700	339,700	339,700	339,700	339,700	339,700	339,700	339,700	339,700	339,700	339,700	339,700
1439	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN16 (Ống hàn nhiệt)Ø75mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 10,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	463,200	463,200	463,200	463,200	463,200	463,200	463,200	463,200	463,200	463,200	463,200	463,200	463,200	463,200	463,200
1440	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN16 (Ống hàn nhiệt)Ø90mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 12,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	648,400	648,400	648,400	648,400	648,400	648,400	648,400	648,400	648,400	648,400	648,400	648,400	648,400	648,400	648,400

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1441	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN16 (Ống hàn nhiệt)Φ110mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 15,1mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	988,000	988,000	988,000	988,000	988,000	988,000	988,000	988,000	988,000	988,000	988,000	988,000	988,000	988,000	988,000
1442	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN16 (Ống hàn nhiệt)Φ125mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 17,1mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,281,400	1,281,400	1,281,400	1,281,400	1,281,400	1,281,400	1,281,400	1,281,400	1,281,400	1,281,400	1,281,400	1,281,400	1,281,400	1,281,400	1,281,400
1443	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN16 (Ống hàn nhiệt)Φ140mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 19,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,559,200	1,559,200	1,559,200	1,559,200	1,559,200	1,559,200	1,559,200	1,559,200	1,559,200	1,559,200	1,559,200	1,559,200	1,559,200	1,559,200	1,559,200
1444	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN16 (Ống hàn nhiệt)Φ160mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 21,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2,161,300	2,161,300	2,161,300	2,161,300	2,161,300	2,161,300	2,161,300	2,161,300	2,161,300	2,161,300	2,161,300	2,161,300	2,161,300	2,161,300	2,161,300
1445	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN16 (Ống hàn nhiệt)Φ180mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 24,5mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3,871,800	3,871,800	3,871,800	3,871,800	3,871,800	3,871,800	3,871,800	3,871,800	3,871,800	3,871,800	3,871,800	3,871,800	3,871,800	3,871,800	3,871,800
1446	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN16 (Ống hàn nhiệt)Φ200mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 27,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4,788,700	4,788,700	4,788,700	4,788,700	4,788,700	4,788,700	4,788,700	4,788,700	4,788,700	4,788,700	4,788,700	4,788,700	4,788,700	4,788,700	4,788,700
1447	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR -PN20(Ống hàn nhiệt)Φ20mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 3,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	44,600	44,600	44,600	44,600	44,600	44,600	44,600	44,600	44,600	44,600	44,600	44,600	44,600	44,600	44,600
1448	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR -PN20(Ống hàn nhiệt)Φ25mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 4,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	78,900	78,900	78,900	78,900	78,900	78,900	78,900	78,900	78,900	78,900	78,900	78,900	78,900	78,900	78,900
1449	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR -PN20(Ống hàn nhiệt)Φ32mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 5,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	115,200	115,200	115,200	115,200	115,200	115,200	115,200	115,200	115,200	115,200	115,200	115,200	115,200	115,200	115,200
1450	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR -PN20(Ống hàn nhiệt)Φ40mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 6,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	178,400	178,400	178,400	178,400	178,400	178,400	178,400	178,400	178,400	178,400	178,400	178,400	178,400	178,400	178,400
1451	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR -PN20(Ống hàn nhiệt)Φ50mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 8,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	277,300	277,300	277,300	277,300	277,300	277,300	277,300	277,300	277,300	277,300	277,300	277,300	277,300	277,300	277,300
1452	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR -PN20(Ống hàn nhiệt)Φ63mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 10,5mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	437,700	437,700	437,700	437,700	437,700	437,700	437,700	437,700	437,700	437,700	437,700	437,700	437,700	437,700	437,700
1453	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR -PN20(Ống hàn nhiệt)Φ75mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 12,5mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	620,600	620,600	620,600	620,600	620,600	620,600	620,600	620,600	620,600	620,600	620,600	620,600	620,600	620,600	620,600
1454	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR -PN20(Ống hàn nhiệt)Φ90mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 15,0mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	904,400	904,400	904,400	904,400	904,400	904,400	904,400	904,400	904,400	904,400	904,400	904,400	904,400	904,400	904,400
1455	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR -PN20(Ống hàn nhiệt)Φ110mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 18,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,338,900	1,338,900	1,338,900	1,338,900	1,338,900	1,338,900	1,338,900	1,338,900	1,338,900	1,338,900	1,338,900	1,338,900	1,338,900	1,338,900	1,338,900
1456	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR -PN20(Ống hàn nhiệt)Φ125mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 20,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,726,500	1,726,500	1,726,500	1,726,500	1,726,500	1,726,500	1,726,500	1,726,500	1,726,500	1,726,500	1,726,500	1,726,500	1,726,500	1,726,500	1,726,500
1457	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR -PN20(Ống hàn nhiệt)Φ140mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 23,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2,177,600	2,177,600	2,177,600	2,177,600	2,177,600	2,177,600	2,177,600	2,177,600	2,177,600	2,177,600	2,177,600	2,177,600	2,177,600	2,177,600	2,177,600
1458	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR -PN20(Ống hàn nhiệt)Φ160mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 26,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2,891,200	2,891,200	2,891,200	2,891,200	2,891,200	2,891,200	2,891,200	2,891,200	2,891,200	2,891,200	2,891,200	2,891,200	2,891,200	2,891,200	2,891,200

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1459	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR -PN20(Ống hàn nhiệt)Φ180mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 29,0mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4,736,600	4,736,600	4,736,600	4,736,600	4,736,600	4,736,600	4,736,600	4,736,600	4,736,600	4,736,600	4,736,600	4,736,600	4,736,600	4,736,600	4,736,600
1460	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR -PN20(Ống hàn nhiệt)Φ200mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 33,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	5,884,200	5,884,200	5,884,200	5,884,200	5,884,200	5,884,200	5,884,200	5,884,200	5,884,200	5,884,200	5,884,200	5,884,200	5,884,200	5,884,200	5,884,200
1461	Vật tư ngành nước	ống tránh Φ20mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	23,100	23,100	23,100	23,100	23,100	23,100	23,100	23,100	23,100	23,100	23,100	23,100	23,100	23,100	23,100
1462	Vật tư ngành nước	ống tránh Φ25mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	38,600	38,600	38,600	38,600	38,600	38,600	38,600	38,600	38,600	38,600	38,600	38,600	38,600	38,600	38,600
1463	Vật tư ngành nước	Cút 90° Φ20mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	9,000	9,000	9,000	9,000	9,000	9,000	9,000	9,000	9,000	9,000	9,000	9,000	9,000	9,000	9,000
1464	Vật tư ngành nước	Cút 90° Φ25mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	12,000	12,000	12,000	12,000	12,000	12,000	12,000	12,000	12,000	12,000	12,000	12,000	12,000	12,000	12,000
1465	Vật tư ngành nước	Cút 90° Φ32mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	20,700	20,700	20,700	20,700	20,700	20,700	20,700	20,700	20,700	20,700	20,700	20,700	20,700	20,700	20,700
1466	Vật tư ngành nước	Cút 90° Φ40mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	34,300	34,300	34,300	34,300	34,300	34,300	34,300	34,300	34,300	34,300	34,300	34,300	34,300	34,300	34,300
1467	Vật tư ngành nước	Cút 90° Φ50mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	59,700	59,700	59,700	59,700	59,700	59,700	59,700	59,700	59,700	59,700	59,700	59,700	59,700	59,700	59,700
1468	Vật tư ngành nước	Cút 90° Φ63mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	182,700	182,700	182,700	182,700	182,700	182,700	182,700	182,700	182,700	182,700	182,700	182,700	182,700	182,700	182,700
1469	Vật tư ngành nước	Cút 90° Φ75mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	237,600	237,600	237,600	237,600	237,600	237,600	237,600	237,600	237,600	237,600	237,600	237,600	237,600	237,600	237,600
1470	Vật tư ngành nước	Cút 90° Φ90mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	373,900	373,900	373,900	373,900	373,900	373,900	373,900	373,900	373,900	373,900	373,900	373,900	373,900	373,900	373,900
1471	Vật tư ngành nước	Cút 90° Φ110mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	675,100	675,100	675,100	675,100	675,100	675,100	675,100	675,100	675,100	675,100	675,100	675,100	675,100	675,100	675,100
1472	Vật tư ngành nước	Măng sông Φ20mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4,700	4,700	4,700	4,700	4,700	4,700	4,700	4,700	4,700	4,700	4,700	4,700	4,700	4,700	4,700
1473	Vật tư ngành nước	Măng sông Φ25mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	7,900	7,900	7,900	7,900	7,900	7,900	7,900	7,900	7,900	7,900	7,900	7,900	7,900	7,900	7,900
1474	Vật tư ngành nước	Măng sông Φ32mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	12,400	12,400	12,400	12,400	12,400	12,400	12,400	12,400	12,400	12,400	12,400	12,400	12,400	12,400	12,400
1475	Vật tư ngành nước	Măng sông Φ40mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	19,800	19,800	19,800	19,800	19,800	19,800	19,800	19,800	19,800	19,800	19,800	19,800	19,800	19,800	19,800
1476	Vật tư ngành nước	Măng sông Φ50mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	35,900	35,900	35,900	35,900	35,900	35,900	35,900	35,900	35,900	35,900	35,900	35,900	35,900	35,900	35,900

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1477	Vật tư ngành nước	Măng sông Φ63mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	75,100	75,100	75,100	75,100	75,100	75,100	75,100	75,100	75,100	75,100	75,100	75,100	75,100	75,100	75,100
1478	Vật tư ngành nước	Măng sông Φ75mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	119,100	119,100	119,100	119,100	119,100	119,100	119,100	119,100	119,100	119,100	119,100	119,100	119,100	119,100	119,100
1479	Vật tư ngành nước	Măng sông Φ90mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	201,500	201,500	201,500	201,500	201,500	201,500	201,500	201,500	201,500	201,500	201,500	201,500	201,500	201,500	201,500
1480	Vật tư ngành nước	Măng sông Φ110mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	326,800	326,800	326,800	326,800	326,800	326,800	326,800	326,800	326,800	326,800	326,800	326,800	326,800	326,800	326,800
1481	Vật tư ngành nước	Chếch 45° Φ20mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	7,400	7,400	7,400	7,400	7,400	7,400	7,400	7,400	7,400	7,400	7,400	7,400	7,400	7,400	7,400
1482	Vật tư ngành nước	Chếch 45° Φ25mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	12,000	12,000	12,000	12,000	12,000	12,000	12,000	12,000	12,000	12,000	12,000	12,000	12,000	12,000	12,000
1483	Vật tư ngành nước	Chếch 45° Φ32mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	18,100	18,100	18,100	18,100	18,100	18,100	18,100	18,100	18,100	18,100	18,100	18,100	18,100	18,100	18,100
1484	Vật tư ngành nước	Chếch 45° Φ40mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	35,600	35,600	35,600	35,600	35,600	35,600	35,600	35,600	35,600	35,600	35,600	35,600	35,600	35,600	35,600
1485	Vật tư ngành nước	Chếch 45° Φ50mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	68,100	68,100	68,100	68,100	68,100	68,100	68,100	68,100	68,100	68,100	68,100	68,100	68,100	68,100	68,100
1486	Vật tư ngành nước	Chếch 45° Φ63mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	158,000	158,000	158,000	158,000	158,000	158,000	158,000	158,000	158,000	158,000	158,000	158,000	158,000	158,000	158,000
1487	Vật tư ngành nước	Chếch 45° Φ750mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	239,700	239,700	239,700	239,700	239,700	239,700	239,700	239,700	239,700	239,700	239,700	239,700	239,700	239,700	239,700
1488	Vật tư ngành nước	Chếch 45° Φ90mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	299,000	299,000	299,000	299,000	299,000	299,000	299,000	299,000	299,000	299,000	299,000	299,000	299,000	299,000	299,000
1489	Vật tư ngành nước	Chếch 45° Φ110mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	497,300	497,300	497,300	497,300	497,300	497,300	497,300	497,300	497,300	497,300	497,300	497,300	497,300	497,300	497,300
1490	Vật tư ngành nước	Tê Φ20mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	10,500	10,500	10,500	10,500	10,500	10,500	10,500	10,500	10,500	10,500	10,500	10,500	10,500	10,500	10,500
1491	Vật tư ngành nước	Tê Φ25mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	16,300	16,300	16,300	16,300	16,300	16,300	16,300	16,300	16,300	16,300	16,300	16,300	16,300	16,300	16,300
1492	Vật tư ngành nước	Tê Φ32mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	26,800	26,800	26,800	26,800	26,800	26,800	26,800	26,800	26,800	26,800	26,800	26,800	26,800	26,800	26,800
1493	Vật tư ngành nước	Tê Φ40mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	42,900	42,900	42,900	42,900	42,900	42,900	42,900	42,900	42,900	42,900	42,900	42,900	42,900	42,900	42,900
1494	Vật tư ngành nước	Tê Φ50mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	85,500	85,500	85,500	85,500	85,500	85,500	85,500	85,500	85,500	85,500	85,500	85,500	85,500	85,500	85,500

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)															
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1495	Vật tư ngành nước	Tê Φ63mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	205,400	205,400	205,400	205,400	205,400	205,400	205,400	205,400	205,400	205,400	205,400	205,400	205,400	205,400	205,400
1496	Vật tư ngành nước	Tê Φ75mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	256,900	256,900	256,900	256,900	256,900	256,900	256,900	256,900	256,900	256,900	256,900	256,900	256,900	256,900	256,900
1497	Vật tư ngành nước	Tê Φ90mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	406,000	406,000	406,000	406,000	406,000	406,000	406,000	406,000	406,000	406,000	406,000	406,000	406,000	406,000	406,000
1498	Vật tư ngành nước	Tê Φ110mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	717,900	717,900	717,900	717,900	717,900	717,900	717,900	717,900	717,900	717,900	717,900	717,900	717,900	717,900	717,900
1499	Vật tư ngành nước	Côn thu Φ25mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	7,400	7,400	7,400	7,400	7,400	7,400	7,400	7,400	7,400	7,400	7,400	7,400	7,400	7,400	7,400
1500	Vật tư ngành nước	Côn thu Φ32mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	10,500	10,500	10,500	10,500	10,500	10,500	10,500	10,500	10,500	10,500	10,500	10,500	10,500	10,500	10,500
1501	Vật tư ngành nước	Côn thu Φ40mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	16,300	16,300	16,300	16,300	16,300	16,300	16,300	16,300	16,300	16,300	16,300	16,300	16,300	16,300	16,300
1502	Vật tư ngành nước	Côn thu Φ50mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	29,300	29,300	29,300	29,300	29,300	29,300	29,300	29,300	29,300	29,300	29,300	29,300	29,300	29,300	29,300
1503	Vật tư ngành nước	Côn thu Φ63mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	56,600	56,600	56,600	56,600	56,600	56,600	56,600	56,600	56,600	56,600	56,600	56,600	56,600	56,600	56,600
1504	Vật tư ngành nước	Côn thu Φ75mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	98,700	98,700	98,700	98,700	98,700	98,700	98,700	98,700	98,700	98,700	98,700	98,700	98,700	98,700	98,700
1505	Vật tư ngành nước	Côn thu Φ90mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	160,200	160,200	160,200	160,200	160,200	160,200	160,200	160,200	160,200	160,200	160,200	160,200	160,200	160,200	160,200
1506	Vật tư ngành nước	Côn thu Φ110mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	283,500	283,500	283,500	283,500	283,500	283,500	283,500	283,500	283,500	283,500	283,500	283,500	283,500	283,500	283,500
1507	Vật tư ngành nước	Tê thu Φ25mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	16,300	16,300	16,300	16,300	16,300	16,300	16,300	16,300	16,300	16,300	16,300	16,300	16,300	16,300	16,300
1508	Vật tư ngành nước	Tê thu Φ32mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	28,600	28,600	28,600	28,600	28,600	28,600	28,600	28,600	28,600	28,600	28,600	28,600	28,600	28,600	28,600
1509	Vật tư ngành nước	Tê thu Φ40mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	62,900	62,900	62,900	62,900	62,900	62,900	62,900	62,900	62,900	62,900	62,900	62,900	62,900	62,900	62,900
1510	Vật tư ngành nước	Tê thu Φ50mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	111,500	111,500	111,500	111,500	111,500	111,500	111,500	111,500	111,500	111,500	111,500	111,500	111,500	111,500	111,500
1511	Vật tư ngành nước	Tê thu Φ63mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	194,100	194,100	194,100	194,100	194,100	194,100	194,100	194,100	194,100	194,100	194,100	194,100	194,100	194,100	194,100
1512	Vật tư ngành nước	Tê thu Φ75mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	265,600	265,600	265,600	265,600	265,600	265,600	265,600	265,600	265,600	265,600	265,600	265,600	265,600	265,600	265,600

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1513	Vật tư ngành nước	Tê thu Φ90mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	414,100	414,100	414,100	414,100	414,100	414,100	414,100	414,100	414,100	414,100	414,100	414,100	414,100	414,100	414,100
1514	Vật tư ngành nước	Tê thu Φ110mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	699,100	699,100	699,100	699,100	699,100	699,100	699,100	699,100	699,100	699,100	699,100	699,100	699,100	699,100	699,100	699,100
1515	Vật tư ngành nước	Bịt Φ20mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4,400	4,400	4,400	4,400	4,400	4,400	4,400	4,400	4,400	4,400	4,400	4,400	4,400	4,400	4,400
1516	Vật tư ngành nước	Bịt Φ25mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	7,700	7,700	7,700	7,700	7,700	7,700	7,700	7,700	7,700	7,700	7,700	7,700	7,700	7,700	7,700
1517	Vật tư ngành nước	Bịt Φ32mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	10,500	10,500	10,500	10,500	10,500	10,500	10,500	10,500	10,500	10,500	10,500	10,500	10,500	10,500	10,500
1518	Vật tư ngành nước	Bịt Φ40mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	15,200	15,200	15,200	15,200	15,200	15,200	15,200	15,200	15,200	15,200	15,200	15,200	15,200	15,200	15,200
1519	Vật tư ngành nước	Bịt Φ50mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	28,600	28,600	28,600	28,600	28,600	28,600	28,600	28,600	28,600	28,600	28,600	28,600	28,600	28,600	28,600
1520	Vật tư ngành nước	Mặt Bích Φ50mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	46,400	46,400	46,400	46,400	46,400	46,400	46,400	46,400	46,400	46,400	46,400	46,400	46,400	46,400	46,400
1521	Vật tư ngành nước	Mặt Bích Φ63mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	59,200	59,200	59,200	59,200	59,200	59,200	59,200	59,200	59,200	59,200	59,200	59,200	59,200	59,200	59,200
1522	Vật tư ngành nước	Mặt Bích Φ75mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	97,500	97,500	97,500	97,500	97,500	97,500	97,500	97,500	97,500	97,500	97,500	97,500	97,500	97,500	97,500
1523	Vật tư ngành nước	Mặt Bích Φ90mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	152,600	152,600	152,600	152,600	152,600	152,600	152,600	152,600	152,600	152,600	152,600	152,600	152,600	152,600	152,600
1524	Vật tư ngành nước	Mặt Bích Φ110mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	226,200	226,200	226,200	226,200	226,200	226,200	226,200	226,200	226,200	226,200	226,200	226,200	226,200	226,200	226,200
1525	Vật tư ngành nước	Cút ren trong 90° Φ20*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	74,600	74,600	74,600	74,600	74,600	74,600	74,600	74,600	74,600	74,600	74,600	74,600	74,600	74,600	74,600
1526	Vật tư ngành nước	Cút ren trong 90° Φ25*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	84,800	84,800	84,800	84,800	84,800	84,800	84,800	84,800	84,800	84,800	84,800	84,800	84,800	84,800	84,800
1527	Vật tư ngành nước	Cút ren trong 90° Φ25*3/4mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	114,100	114,100	114,100	114,100	114,100	114,100	114,100	114,100	114,100	114,100	114,100	114,100	114,100	114,100	114,100
1528	Vật tư ngành nước	Cút ren trong 90° Φ32*1mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	21,900	21,900	21,900	21,900	21,900	21,900	21,900	21,900	21,900	21,900	21,900	21,900	21,900	21,900	21,900
1529	Vật tư ngành nước	Cút ren ngoài 90° Φ20*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	105,000	105,000	105,000	105,000	105,000	105,000	105,000	105,000	105,000	105,000	105,000	105,000	105,000	105,000	105,000
1530	Vật tư ngành nước	Cút ren ngoài 90° Φ25*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	118,700	118,700	118,700	118,700	118,700	118,700	118,700	118,700	118,700	118,700	118,700	118,700	118,700	118,700	118,700

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1531	Vật tư ngành nước	Cút ren ngoài 90° Φ25*3/4mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	140,300	140,300	140,300	140,300	140,300	140,300	140,300	140,300	140,300	140,300	140,300	140,300	140,300	140,300	140,300
1532	Vật tư ngành nước	Cút ren ngoài 90° Φ32*1mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	223,300	223,300	223,300	223,300	223,300	223,300	223,300	223,300	223,300	223,300	223,300	223,300	223,300	223,300	223,300
1533	Vật tư ngành nước	Măng sông ren trong Φ20*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	67,100	67,100	67,100	67,100	67,100	67,100	67,100	67,100	67,100	67,100	67,100	67,100	67,100	67,100	67,100
1534	Vật tư ngành nước	Măng sông ren trong Φ25*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	82,000	82,000	82,000	82,000	82,000	82,000	82,000	82,000	82,000	82,000	82,000	82,000	82,000	82,000	82,000
1535	Vật tư ngành nước	Măng sông ren trong Φ25*3/4mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	91,500	91,500	91,500	91,500	91,500	91,500	91,500	91,500	91,500	91,500	91,500	91,500	91,500	91,500	91,500
1536	Vật tư ngành nước	Măng sông ren trong Φ32*1mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	149,200	149,200	149,200	149,200	149,200	149,200	149,200	149,200	149,200	149,200	149,200	149,200	149,200	149,200	149,200
1537	Vật tư ngành nước	Măng sông ren trong Φ40*11/4mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	369,700	369,700	369,700	369,700	369,700	369,700	369,700	369,700	369,700	369,700	369,700	369,700	369,700	369,700	369,700
1538	Vật tư ngành nước	Măng sông ren trong Φ50*11/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	490,500	490,500	490,500	490,500	490,500	490,500	490,500	490,500	490,500	490,500	490,500	490,500	490,500	490,500	490,500
1539	Vật tư ngành nước	Măng sông ren trong Φ63*2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	992,600	992,600	992,600	992,600	992,600	992,600	992,600	992,600	992,600	992,600	992,600	992,600	992,600	992,600	992,600
1540	Vật tư ngành nước	Măng sông ren ngoài Φ20*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	84,900	84,900	84,900	84,900	84,900	84,900	84,900	84,900	84,900	84,900	84,900	84,900	84,900	84,900	84,900
1541	Vật tư ngành nước	Măng sông ren ngoài Φ20*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	97,900	97,900	97,900	97,900	97,900	97,900	97,900	97,900	97,900	97,900	97,900	97,900	97,900	97,900	97,900
1542	Vật tư ngành nước	Măng sông ren ngoài Φ25*3/4mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	118,200	118,200	118,200	118,200	118,200	118,200	118,200	118,200	118,200	118,200	118,200	118,200	118,200	118,200	118,200
1543	Vật tư ngành nước	Măng sông ren ngoài Φ32*1mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	174,700	174,700	174,700	174,700	174,700	174,700	174,700	174,700	174,700	174,700	174,700	174,700	174,700	174,700	174,700
1544	Vật tư ngành nước	Măng sông re ngoài Φ40*11/4mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	508,200	508,200	508,200	508,200	508,200	508,200	508,200	508,200	508,200	508,200	508,200	508,200	508,200	508,200	508,200
1545	Vật tư ngành nước	Măng sông ren ngoài Φ50*11/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	635,200	635,200	635,200	635,200	635,200	635,200	635,200	635,200	635,200	635,200	635,200	635,200	635,200	635,200	635,200
1546	Vật tư ngành nước	Măng sông ren ngoài Φ63*2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,076,300	1,076,300	1,076,300	1,076,300	1,076,300	1,076,300	1,076,300	1,076,300	1,076,300	1,076,300	1,076,300	1,076,300	1,076,300	1,076,300	1,076,300
1547	Vật tư ngành nước	Tê ren trong Φ20*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	75,300	75,300	75,300	75,300	75,300	75,300	75,300	75,300	75,300	75,300	75,300	75,300	75,300	75,300	75,300
1548	Vật tư ngành nước	Tê ren trong Φ25*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	80,500	80,500	80,500	80,500	80,500	80,500	80,500	80,500	80,500	80,500	80,500	80,500	80,500	80,500	80,500
1549	Vật tư ngành nước	Tê ren trong Φ25*3/4mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	117,400	117,400	117,400	117,400	117,400	117,400	117,400	117,400	117,400	117,400	117,400	117,400	117,400	117,400	117,400
1550	Vật tư ngành nước	Tê ren ngoài Φ20*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	92,700	92,700	92,700	92,700	92,700	92,700	92,700	92,700	92,700	92,700	92,700	92,700	92,700	92,700	92,700

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1551	Vật tư ngành nước	Tê ren ngoài Φ25*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	100,600	100,600	100,600	100,600	100,600	100,600	100,600	100,600	100,600	100,600	100,600	100,600	100,600	100,600	100,600
1552	Vật tư ngành nước	Tê ren ngoài Φ25*3/4mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	121,700	121,700	121,700	121,700	121,700	121,700	121,700	121,700	121,700	121,700	121,700	121,700	121,700	121,700	121,700
1553	Vật tư ngành nước	Rắc co ren ngoài Φ20*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	179,000	179,000	179,000	179,000	179,000	179,000	179,000	179,000	179,000	179,000	179,000	179,000	179,000	179,000	179,000
1554	Vật tư ngành nước	Rắc co ren ngoài Φ25*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	277,900	277,900	277,900	277,900	277,900	277,900	277,900	277,900	277,900	277,900	277,900	277,900	277,900	277,900	277,900
1555	Vật tư ngành nước	Rắc co ren ngoài Φ25*3/4mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	384,200	384,200	384,200	384,200	384,200	384,200	384,200	384,200	384,200	384,200	384,200	384,200	384,200	384,200	384,200
1556	Vật tư ngành nước	Rắc co ren ngoài Φ32*1mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	438,200	438,200	438,200	438,200	438,200	438,200	438,200	438,200	438,200	438,200	438,200	438,200	438,200	438,200	438,200
1557	Vật tư ngành nước	Rắc co ren ngoài Φ40*11/4mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	650,300	650,300	650,300	650,300	650,300	650,300	650,300	650,300	650,300	650,300	650,300	650,300	650,300	650,300	650,300
1558	Vật tư ngành nước	Rắc co ren ngoài Φ50*11/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,147,600	1,147,600	1,147,600	1,147,600	1,147,600	1,147,600	1,147,600	1,147,600	1,147,600	1,147,600	1,147,600	1,147,600	1,147,600	1,147,600	1,147,600
1559	Vật tư ngành nước	Rắc co ren trong Φ20*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	167,800	167,800	167,800	167,800	167,800	167,800	167,800	167,800	167,800	167,800	167,800	167,800	167,800	167,800	167,800
1560	Vật tư ngành nước	Rắc co ren trong Φ25*3/4mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	268,600	268,600	268,600	268,600	268,600	268,600	268,600	268,600	268,600	268,600	268,600	268,600	268,600	268,600	268,600
1561	Vật tư ngành nước	Rắc co ren trong Φ32*1mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	393,800	393,800	393,800	393,800	393,800	393,800	393,800	393,800	393,800	393,800	393,800	393,800	393,800	393,800	393,800
1562	Vật tư ngành nước	Rắc co ren trong Φ40*11/4mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	616,900	616,900	616,900	616,900	616,900	616,900	616,900	616,900	616,900	616,900	616,900	616,900	616,900	616,900	616,900
1563	Vật tư ngành nước	Rắc co ren trong Φ50*11/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,074,500	1,074,500	1,074,500	1,074,500	1,074,500	1,074,500	1,074,500	1,074,500	1,074,500	1,074,500	1,074,500	1,074,500	1,074,500	1,074,500	1,074,500
1564	Vật tư ngành nước	Van cửa hàm ếch tay nhựa Φ20mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	262,900	262,900	262,900	262,900	262,900	262,900	262,900	262,900	262,900	262,900	262,900	262,900	262,900	262,900	262,900
1565	Vật tư ngành nước	Van cửa hàm ếch tay nhựa Φ25mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	356,500	356,500	356,500	356,500	356,500	356,500	356,500	356,500	356,500	356,500	356,500	356,500	356,500	356,500	356,500
1566	Vật tư ngành nước	Van cửa hàm ếch tay nhựa Φ32mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	411,100	411,100	411,100	411,100	411,100	411,100	411,100	411,100	411,100	411,100	411,100	411,100	411,100	411,100	411,100
1567	Vật tư ngành nước	Van cửa hàm ếch tay nhựa Φ40mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	636,900	636,900	636,900	636,900	636,900	636,900	636,900	636,900	636,900	636,900	636,900	636,900	636,900	636,900	636,900
1568	Vật tư ngành nước	Van cửa hàm ếch tay nhựa Φ50mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,085,100	1,085,100	1,085,100	1,085,100	1,085,100	1,085,100	1,085,100	1,085,100	1,085,100	1,085,100	1,085,100	1,085,100	1,085,100	1,085,100	1,085,100
1569	Vật tư ngành nước	Van cửa đồng tay nhựa Φ20mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	352,800	352,800	352,800	352,800	352,800	352,800	352,800	352,800	352,800	352,800	352,800	352,800	352,800	352,800	352,800
1570	Vật tư ngành nước	Van cửa đồng tay nhựa Φ25mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	405,900	405,900	405,900	405,900	405,900	405,900	405,900	405,900	405,900	405,900	405,900	405,900	405,900	405,900	405,900
1571	Vật tư ngành nước	**Van bi tay ba cạnh**		TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1572	Vật tư ngành nước	Ø20 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	701,400	701,400	701,400	701,400	701,400	701,400	701,400	701,400	701,400	701,400	701,400	701,400	701,400	701,400	701,400
1573	Vật tư ngành nước	Ø25 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	740,600	740,600	740,600	740,600	740,600	740,600	740,600	740,600	740,600	740,600	740,600	740,600	740,600	740,600	740,600
1574	Vật tư ngành nước	**Van bi nhựa**		TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1575	Vật tư ngành nước	Ø20 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	329,700	329,700	329,700	329,700	329,700	329,700	329,700	329,700	329,700	329,700	329,700	329,700	329,700	329,700	329,700
1576	Vật tư ngành nước	Ø25 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	405,900	405,900	405,900	405,900	405,900	405,900	405,900	405,900	405,900	405,900	405,900	405,900	405,900	405,900	405,900
1577	Vật tư ngành nước	**Rắc co**		TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1578	Vật tư ngành nước	Ø20 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	58,800	58,800	58,800	58,800	58,800	58,800	58,800	58,800	58,800	58,800	58,800	58,800	58,800	58,800	58,800
1579	Vật tư ngành nước	Ø25 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	86,500	86,500	86,500	86,500	86,500	86,500	86,500	86,500	86,500	86,500	86,500	86,500	86,500	86,500	86,500
1580	Vật tư ngành nước	Ø32 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	124,400	124,400	124,400	124,400	124,400	124,400	124,400	124,400	124,400	124,400	124,400	124,400	124,400	124,400	124,400
1581	Vật tư ngành nước	Ø40 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	142,900	142,900	142,900	142,900	142,900	142,900	142,900	142,900	142,900	142,900	142,900	142,900	142,900	142,900	142,900
1582	Vật tư ngành nước	Ø50 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	214,600	214,600	214,600	214,600	214,600	214,600	214,600	214,600	214,600	214,600	214,600	214,600	214,600	214,600	214,600
1583	Vật tư ngành nước	**Bộ máy hàn**		TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1584	Vật tư ngành nước	Ø20 mm - Ø50 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,200,000	1,200,000	1,200,000	1,200,000	1,200,000	1,200,000	1,200,000	1,200,000	1,200,000	1,200,000	1,200,000	1,200,000	1,200,000	1,200,000	1,200,000
1585	Vật tư ngành nước	Ø63 mm - Ø110 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2,200,000	2,200,000	2,200,000	2,200,000	2,200,000	2,200,000	2,200,000	2,200,000	2,200,000	2,200,000	2,200,000	2,200,000	2,200,000	2,200,000	2,200,000
1586	Vật tư ngành nước	**Dầu hàn**		TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1587	Vật tư ngành nước	Ø20 mm - Ø25 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	26,000	26,000	26,000	26,000	26,000	26,000	26,000	26,000	26,000	26,000	26,000	26,000	26,000	26,000	26,000
1588	Vật tư ngành nước	Ø32 mm - Ø40 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	52,000	52,000	52,000	52,000	52,000	52,000	52,000	52,000	52,000	52,000	52,000	52,000	52,000	52,000	52,000
1589	Vật tư ngành nước	Ø50 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	65,000	65,000	65,000	65,000	65,000	65,000	65,000	65,000	65,000	65,000	65,000	65,000	65,000	65,000	65,000
1590	Vật tư ngành nước	Ø63 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	104,000	104,000	104,000	104,000	104,000	104,000	104,000	104,000	104,000	104,000	104,000	104,000	104,000	104,000	104,000
1591	Vật tư ngành nước	Ø75 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	156,000	156,000	156,000	156,000	156,000	156,000	156,000	156,000	156,000	156,000	156,000	156,000	156,000	156,000	156,000
1592	Vật tư ngành nước	Ø90 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	195,000	195,000	195,000	195,000	195,000	195,000	195,000	195,000	195,000	195,000	195,000	195,000	195,000	195,000	195,000
1593	Vật tư ngành nước	Ø110 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	221,000	221,000	221,000	221,000	221,000	221,000	221,000	221,000	221,000	221,000	221,000	221,000	221,000	221,000	221,000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1594	Vật tư ngành nước	**Ống nhựa HDPE PN8**				Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1595	Vật tư ngành nước	Ø 40	m	T/C DIN 8074-8075	dày 1,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	27,100	27,100	27,100	27,100	27,100	27,100	27,100	27,100	27,100	27,100	27,100	27,100	27,100	27,100	27,100
1596	Vật tư ngành nước	Ø 50	m	T/C DIN 8074-8075	dày 2,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	42,000	42,000	42,000	42,000	42,000	42,000	42,000	42,000	42,000	42,000	42,000	42,000	42,000	42,000	42,000
1597	Vật tư ngành nước	Ø 63	m	T/C DIN 8074-8075	dày 3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	65,100	65,100	65,100	65,100	65,100	65,100	65,100	65,100	65,100	65,100	65,100	65,100	65,100	65,100	65,100
1598	Vật tư ngành nước	Ø 75	m	T/C DIN 8074-8075	dày 3,5mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	92,700	92,700	92,700	92,700	92,700	92,700	92,700	92,700	92,700	92,700	92,700	92,700	92,700	92,700	92,700
1599	Vật tư ngành nước	Ø 90	m	T/C DIN 8074-8075	dày 4,5mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	146,300	146,300	146,300	146,300	146,300	146,300	146,300	146,300	146,300	146,300	146,300	146,300	146,300	146,300	146,300
1600	Vật tư ngành nước	Ø 110	m	T/C DIN 8074-8075	dày 5,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	196,300	196,300	196,300	196,300	196,300	196,300	196,300	196,300	196,300	196,300	196,300	196,300	196,300	196,300	196,300
1601	Vật tư ngành nước	Ø 125	m	T/C DIN 8074-8075	dày 6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	253,500	253,500	253,500	253,500	253,500	253,500	253,500	253,500	253,500	253,500	253,500	253,500	253,500	253,500	253,500
1602	Vật tư ngành nước	Ø 140	m	T/C DIN 8074-8075	dày 6,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	315,700	315,700	315,700	315,700	315,700	315,700	315,700	315,700	315,700	315,700	315,700	315,700	315,700	315,700	315,700
1603	Vật tư ngành nước	Ø 160	m	T/C DIN 8074-8075	dày 7,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	414,600	414,600	414,600	414,600	414,600	414,600	414,600	414,600	414,600	414,600	414,600	414,600	414,600	414,600	414,600
1604	Vật tư ngành nước	Ø 180	m	T/C DIN 8074-8075	dày 8,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	521,900	521,900	521,900	521,900	521,900	521,900	521,900	521,900	521,900	521,900	521,900	521,900	521,900	521,900	521,900
1605	Vật tư ngành nước	Ø 200	m	T/C DIN 8074-8075	dày 9,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	650,100	650,100	650,100	650,100	650,100	650,100	650,100	650,100	650,100	650,100	650,100	650,100	650,100	650,100	650,100
1606	Vật tư ngành nước	Ø 225	m	T/C DIN 8074-8075	dày 10,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	818,800	818,800	818,800	818,800	818,800	818,800	818,800	818,800	818,800	818,800	818,800	818,800	818,800	818,800	818,800
1607	Vật tư ngành nước	Ø 250	m	T/C DIN 8074-8075	dày 11,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	999,100	999,100	999,100	999,100	999,100	999,100	999,100	999,100	999,100	999,100	999,100	999,100	999,100	999,100	999,100
1608	Vật tư ngành nước	Ø 280	m	T/C DIN 8074-8075	dày 13,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,274,500	1,274,500	1,274,500	1,274,500	1,274,500	1,274,500	1,274,500	1,274,500	1,274,500	1,274,500	1,274,500	1,274,500	1,274,500	1,274,500	1,274,500
1609	Vật tư ngành nước	Ø 315	m	T/C DIN 8074-8075	dày 15mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,596,500	1,596,500	1,596,500	1,596,500	1,596,500	1,596,500	1,596,500	1,596,500	1,596,500	1,596,500	1,596,500	1,596,500	1,596,500	1,596,500	1,596,500
1610	Vật tư ngành nước	Ø 355	m	T/C DIN 8074-8075	dày 16,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2,007,700	2,007,700	2,007,700	2,007,700	2,007,700	2,007,700	2,007,700	2,007,700	2,007,700	2,007,700	2,007,700	2,007,700	2,007,700	2,007,700	2,007,700
1611	Vật tư ngành nước	Ø 400	m	T/C DIN 8074-8075	dày 19,1mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2,574,600	2,574,600	2,574,600	2,574,600	2,574,600	2,574,600	2,574,600	2,574,600	2,574,600	2,574,600	2,574,600	2,574,600	2,574,600	2,574,600	2,574,600
1612	Vật tư ngành nước	Ø 450	m	T/C DIN 8074-8075	dày 21,5mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3,231,700	3,231,700	3,231,700	3,231,700	3,231,700	3,231,700	3,231,700	3,231,700	3,231,700	3,231,700	3,231,700	3,231,700	3,231,700	3,231,700	3,231,700
1613	Vật tư ngành nước	Ø 500	m	T/C DIN 8074-8075	dày 23,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4,009,100	4,009,100	4,009,100	4,009,100	4,009,100	4,009,100	4,009,100	4,009,100	4,009,100	4,009,100	4,009,100	4,009,100	4,009,100	4,009,100	4,009,100
1614	Vật tư ngành nước	Ø 560	m	T/C DIN 8074-8075	dày 26,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	5,415,700	5,415,700	5,415,700	5,415,700	5,415,700	5,415,700	5,415,700	5,415,700	5,415,700	5,415,700	5,415,700	5,415,700	5,415,700	5,415,700	5,415,700
1615	Vật tư ngành nước	Ø 630	m	T/C DIN 8074-8075	dày 30,0mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	6,842,700	6,842,700	6,842,700	6,842,700	6,842,700	6,842,700	6,842,700	6,842,700	6,842,700	6,842,700	6,842,700	6,842,700	6,842,700	6,842,700	6,842,700

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)															
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1616	Vật tư ngành nước	Ø 710	m	T/C DIN 8074-8075	dày 33,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	8,724,800	8,724,800	8,724,800	8,724,800	8,724,800	8,724,800	8,724,800	8,724,800	8,724,800	8,724,800	8,724,800	8,724,800	8,724,800	8,724,800	8,724,800
1617	Vật tư ngành nước	Ø 800	m	T/C DIN 8074-8075	dày 38,1mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	11,058,900	11,058,900	11,058,900	11,058,900	11,058,900	11,058,900	11,058,900	11,058,900	11,058,900	11,058,900	11,058,900	11,058,900	11,058,900	11,058,900	11,058,900
1618	Vật tư ngành nước	Ø 900	m	T/C DIN 8074-8075	dày 42,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	13,992,700	13,992,700	13,992,700	13,992,700	13,992,700	13,992,700	13,992,700	13,992,700	13,992,700	13,992,700	13,992,700	13,992,700	13,992,700	13,992,700	13,992,700
1619	Vật tư ngành nước	Ø 1000	m	T/C DIN 8074-8075	dày 47,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	21,216,600	21,216,600	21,216,600	21,216,600	21,216,600	21,216,600	21,216,600	21,216,600	21,216,600	21,216,600	21,216,600	21,216,600	21,216,600	21,216,600	21,216,600
1620	Vật tư ngành nước	Ø 1200	m	T/C DIN 8074-8075	dày 57,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	24,883,200	24,883,200	24,883,200	24,883,200	24,883,200	24,883,200	24,883,200	24,883,200	24,883,200	24,883,200	24,883,200	24,883,200	24,883,200	24,883,200	24,883,200
1621	Vật tư ngành nước	**Ống nhựa HDPE PN10**		T/C DIN 8074-8075		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1622	Vật tư ngành nước	Ø 32	m	T/C DIN 8074-8075	dày 1,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	16,480	16,480	16,480	16,480	16,480	16,480	16,480	16,480	16,480	16,480	16,480	16,480	16,480	16,480	16,480
1623	Vật tư ngành nước	Ø 40	m	T/C DIN 8074-8075	dày 2,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	25,090	25,090	25,090	25,090	25,090	25,090	25,090	25,090	25,090	25,090	25,090	25,090	25,090	25,090	25,090
1624	Vật tư ngành nước	Ø 50	m	T/C DIN 8074-8075	dày 3,0mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	38,520	38,520	38,520	38,520	38,520	38,520	38,520	38,520	38,520	38,520	38,520	38,520	38,520	38,520	38,520
1625	Vật tư ngành nước	Ø 63	m	T/C DIN 8074-8075	dày 3,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	61,570	61,570	61,570	61,570	61,570	61,570	61,570	61,570	61,570	61,570	61,570	61,570	61,570	61,570	61,570
1626	Vật tư ngành nước	Ø 75	m	T/C DIN 8074-8075	dày 4,5mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	87,870	87,870	87,870	87,870	87,870	87,870	87,870	87,870	87,870	87,870	87,870	87,870	87,870	87,870	87,870
1627	Vật tư ngành nước	Ø 90	m	T/C DIN 8074-8075	dày 5,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	124,630	124,630	124,630	124,630	124,630	124,630	124,630	124,630	124,630	124,630	124,630	124,630	124,630	124,630	124,630
1628	Vật tư ngành nước	Ø 110	m	T/C DIN 8074-8075	dày 6,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	188,890	188,890	188,890	188,890	188,890	188,890	188,890	188,890	188,890	188,890	188,890	188,890	188,890	188,890	188,890
1629	Vật tư ngành nước	Ø 125	m	T/C DIN 8074-8075	dày 7,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	238,430	238,430	238,430	238,430	238,430	238,430	238,430	238,430	238,430	238,430	238,430	238,430	238,430	238,430	238,430
1630	Vật tư ngành nước	Ø 140	m	T/C DIN 8074-8075	dày 8,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	297,590	297,590	297,590	297,590	297,590	297,590	297,590	297,590	297,590	297,590	297,590	297,590	297,590	297,590	297,590
1631	Vật tư ngành nước	Ø 160	m	T/C DIN 8074-8075	dày 9,5mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	391,110	391,110	391,110	391,110	391,110	391,110	391,110	391,110	391,110	391,110	391,110	391,110	391,110	391,110	391,110
1632	Vật tư ngành nước	Ø 180	m	T/C DIN 8074-8075	dày 10,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	492,410	492,410	492,410	492,410	492,410	492,410	492,410	492,410	492,410	492,410	492,410	492,410	492,410	492,410	492,410
1633	Vật tư ngành nước	Ø 200	m	T/C DIN 8074-8075	dày 11,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	617,040	617,040	617,040	617,040	617,040	617,040	617,040	617,040	617,040	617,040	617,040	617,040	617,040	617,040	617,040
1634	Vật tư ngành nước	Ø 225	m	T/C DIN 8074-8075	dày 13,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	758,430	758,430	758,430	758,430	758,430	758,430	758,430	758,430	758,430	758,430	758,430	758,430	758,430	758,430	758,430
1635	Vật tư ngành nước	Ø 250	m	T/C DIN 8074-8075	dày 14,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	939,630	939,630	939,630	939,630	939,630	939,630	939,630	939,630	939,630	939,630	939,630	939,630	939,630	939,630	939,630
1636	Vật tư ngành nước	Ø 280	m	T/C DIN 8074-8075	dày 16,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,170,830	1,170,830	1,170,830	1,170,830	1,170,830	1,170,830	1,170,830	1,170,830	1,170,830	1,170,830	1,170,830	1,170,830	1,170,830	1,170,830	1,170,830
1637	Vật tư ngành nước	Ø 315	m	T/C DIN 8074-8075	dày 18,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,490,930	1,490,930	1,490,930	1,490,930	1,490,930	1,490,930	1,490,930	1,490,930	1,490,930	1,490,930	1,490,930	1,490,930	1,490,930	1,490,930	1,490,930

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1638	Vật tư ngành nước	Ø 355	m	T/C DIN 8074-8075	dày 21,1mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,894,630	1,894,630	1,894,630	1,894,630	1,894,630	1,894,630	1,894,630	1,894,630	1,894,630	1,894,630	1,894,630	1,894,630	1,894,630	1,894,630	1,894,630
1639	Vật tư ngành nước	Ø 400	m	T/C DIN 8074-8075	dày 23,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2,407,500	2,407,500	2,407,500	2,407,500	2,407,500	2,407,500	2,407,500	2,407,500	2,407,500	2,407,500	2,407,500	2,407,500	2,407,500	2,407,500	2,407,500
1640	Vật tư ngành nước	Ø 450	m	T/C DIN 8074-8075	dày 26,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3,042,130	3,042,130	3,042,130	3,042,130	3,042,130	3,042,130	3,042,130	3,042,130	3,042,130	3,042,130	3,042,130	3,042,130	3,042,130	3,042,130	3,042,130
1641	Vật tư ngành nước	Ø 500	m	T/C DIN 8074-8075	dày 29,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3,783,060	3,783,060	3,783,060	3,783,060	3,783,060	3,783,060	3,783,060	3,783,060	3,783,060	3,783,060	3,783,060	3,783,060	3,783,060	3,783,060	3,783,060
1642	Vật tư ngành nước	Ø 560	m	T/C DIN 8074-8075	dày 33,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	5,114,820	5,114,820	5,114,820	5,114,820	5,114,820	5,114,820	5,114,820	5,114,820	5,114,820	5,114,820	5,114,820	5,114,820	5,114,820	5,114,820	5,114,820
1643	Vật tư ngành nước	Ø 630	m	T/C DIN 8074-8075	dày 37,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	6,478,430	6,478,430	6,478,430	6,478,430	6,478,430	6,478,430	6,478,430	6,478,430	6,478,430	6,478,430	6,478,430	6,478,430	6,478,430	6,478,430	6,478,430
1644	Vật tư ngành nước	Ø 710	m	T/C DIN 8074-8075	dày 42.1mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	8,232,960	8,232,960	8,232,960	8,232,960	8,232,960	8,232,960	8,232,960	8,232,960	8,232,960	8,232,960	8,232,960	8,232,960	8,232,960	8,232,960	8,232,960
1645	Vật tư ngành nước	Ø 800	m	T/C DIN 8074-8075	dày 47,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	10,439,820	10,439,820	10,439,820	10,439,820	10,439,820	10,439,820	10,439,820	10,439,820	10,439,820	10,439,820	10,439,820	10,439,820	10,439,820	10,439,820	10,439,820
1646	Vật tư ngành nước	Ø 900	m	T/C DIN 8074-8075	dày 53,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	13,205,650	13,205,650	13,205,650	13,205,650	13,205,650	13,205,650	13,205,650	13,205,650	13,205,650	13,205,650	13,205,650	13,205,650	13,205,650	13,205,650	13,205,650
1647	Vật tư ngành nước	Ø 1000	m	T/C DIN 8074-8075	dày 59,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	16,320,460	16,320,460	16,320,460	16,320,460	16,320,460	16,320,460	16,320,460	16,320,460	16,320,460	16,320,460	16,320,460	16,320,460	16,320,460	16,320,460	16,320,460
1648	Vật tư ngành nước	Ø 1200	m	T/C DIN 8074-8075	dày 67,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	22,481,850	22,481,850	22,481,850	22,481,850	22,481,850	22,481,850	22,481,850	22,481,850	22,481,850	22,481,850	22,481,850	22,481,850	22,481,850	22,481,850	22,481,850
1649	Vật tư ngành nước	**Ống nhựa HDPE PN12,5**		T/C DIN 8074-8075		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1650	Vật tư ngành nước	Ø 25	m	T/C DIN 8074-8075	dày 1,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000
1651	Vật tư ngành nước	Ø 32	m	T/C DIN 8074-8075	dày 2,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	26,100	26,100	26,100	26,100	26,100	26,100	26,100	26,100	26,100	26,100	26,100	26,100	26,100	26,100	26,100
1652	Vật tư ngành nước	Ø 40	m	T/C DIN 8074-8075	dày 3,0mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	39,500	39,500	39,500	39,500	39,500	39,500	39,500	39,500	39,500	39,500	39,500	39,500	39,500	39,500	39,500
1653	Vật tư ngành nước	Ø 50	m	T/C DIN 8074-8075	dày 3,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	60,300	60,300	60,300	60,300	60,300	60,300	60,300	60,300	60,300	60,300	60,300	60,300	60,300	60,300	60,300
1654	Vật tư ngành nước	Ø 63	m	T/C DIN 8074-8075	dày 4,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	97,000	97,000	97,000	97,000	97,000	97,000	97,000	97,000	97,000	97,000	97,000	97,000	97,000	97,000	97,000
1655	Vật tư ngành nước	Ø 75	m	T/C DIN 8074-8075	dày 5,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	137,700	137,700	137,700	137,700	137,700	137,700	137,700	137,700	137,700	137,700	137,700	137,700	137,700	137,700	137,700
1656	Vật tư ngành nước	Ø 90	m	T/C DIN 8074-8075	dày 6,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	195,800	195,800	195,800	195,800	195,800	195,800	195,800	195,800	195,800	195,800	195,800	195,800	195,800	195,800	195,800
1657	Vật tư ngành nước	Ø 110	m	T/C DIN 8074-8075	dày 8,1mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	293,300	293,300	293,300	293,300	293,300	293,300	293,300	293,300	293,300	293,300	293,300	293,300	293,300	293,300	293,300
1658	Vật tư ngành nước	Ø 125	m	T/C DIN 8074-8075	dày 9,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	377,700	377,700	377,700	377,700	377,700	377,700	377,700	377,700	377,700	377,700	377,700	377,700	377,700	377,700	377,700
1659	Vật tư ngành nước	Ø 140	m	T/C DIN 8074-8075	dày 10,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	468,600	468,600	468,600	468,600	468,600	468,600	468,600	468,600	468,600	468,600	468,600	468,600	468,600	468,600	468,600

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1660	Vật tư ngành nước	Ø 160	m	T/C DIN 8074-8075	dày 11,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	611,500	611,500	611,500	611,500	611,500	611,500	611,500	611,500	611,500	611,500	611,500	611,500	611,500	611,500	611,500
1661	Vật tư ngành nước	Ø 180	m	T/C DIN 8074-8075	dày 13,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	779,500	779,500	779,500	779,500	779,500	779,500	779,500	779,500	779,500	779,500	779,500	779,500	779,500	779,500	779,500
1662	Vật tư ngành nước	Ø 200	m	T/C DIN 8074-8075	dày 14,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	955,300	955,300	955,300	955,300	955,300	955,300	955,300	955,300	955,300	955,300	955,300	955,300	955,300	955,300	955,300
1663	Vật tư ngành nước	Ø 225	m	T/C DIN 8074-8075	dày 16,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,207,600	1,207,600	1,207,600	1,207,600	1,207,600	1,207,600	1,207,600	1,207,600	1,207,600	1,207,600	1,207,600	1,207,600	1,207,600	1,207,600	1,207,600
1664	Vật tư ngành nước	Ø 250	m	T/C DIN 8074-8075	dày 18,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,501,400	1,501,400	1,501,400	1,501,400	1,501,400	1,501,400	1,501,400	1,501,400	1,501,400	1,501,400	1,501,400	1,501,400	1,501,400	1,501,400	1,501,400
1665	Vật tư ngành nước	Ø 280	m	T/C DIN 8074-8075	dày 20,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,882,300	1,882,300	1,882,300	1,882,300	1,882,300	1,882,300	1,882,300	1,882,300	1,882,300	1,882,300	1,882,300	1,882,300	1,882,300	1,882,300	1,882,300
1666	Vật tư ngành nước	Ø 315	m	T/C DIN 8074-8075	dày 23,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2,354,300	2,354,300	2,354,300	2,354,300	2,354,300	2,354,300	2,354,300	2,354,300	2,354,300	2,354,300	2,354,300	2,354,300	2,354,300	2,354,300	2,354,300
1667	Vật tư ngành nước	Ø 355	m	T/C DIN 8074-8075	dày 26,1mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2,986,000	2,986,000	2,986,000	2,986,000	2,986,000	2,986,000	2,986,000	2,986,000	2,986,000	2,986,000	2,986,000	2,986,000	2,986,000	2,986,000	2,986,000
1668	Vật tư ngành nước	Ø 400	m	T/C DIN 8074-8075	dày 29,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3,780,300	3,780,300	3,780,300	3,780,300	3,780,300	3,780,300	3,780,300	3,780,300	3,780,300	3,780,300	3,780,300	3,780,300	3,780,300	3,780,300	3,780,300
1669	Vật tư ngành nước	Ø 450	m	T/C DIN 8074-8075	dày 33,1mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4,779,700	4,779,700	4,779,700	4,779,700	4,779,700	4,779,700	4,779,700	4,779,700	4,779,700	4,779,700	4,779,700	4,779,700	4,779,700	4,779,700	4,779,700
1670	Vật tư ngành nước	Ø 500	m	T/C DIN 8074-8075	dày 36,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	5,948,300	5,948,300	5,948,300	5,948,300	5,948,300	5,948,300	5,948,300	5,948,300	5,948,300	5,948,300	5,948,300	5,948,300	5,948,300	5,948,300	5,948,300
1671	Vật tư ngành nước	Ø 560	m	T/C DIN 8074-8075	dày 41,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	8,116,100	8,116,100	8,116,100	8,116,100	8,116,100	8,116,100	8,116,100	8,116,100	8,116,100	8,116,100	8,116,100	8,116,100	8,116,100	8,116,100	8,116,100
1672	Vật tư ngành nước	Ø 630	m	T/C DIN 8074-8075	dày 46,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	10,258,200	10,258,200	10,258,200	10,258,200	10,258,200	10,258,200	10,258,200	10,258,200	10,258,200	10,258,200	10,258,200	10,258,200	10,258,200	10,258,200	10,258,200
1673	Vật tư ngành nước	Ø 710	m	T/C DIN 8074-8075	dày 52,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	13,051,800	13,051,800	13,051,800	13,051,800	13,051,800	13,051,800	13,051,800	13,051,800	13,051,800	13,051,800	13,051,800	13,051,800	13,051,800	13,051,800	13,051,800
1674	Vật tư ngành nước	Ø 800	m	T/C DIN 8074-8075	dày 58,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	13,939,500	13,939,500	13,939,500	13,939,500	13,939,500	13,939,500	13,939,500	13,939,500	13,939,500	13,939,500	13,939,500	13,939,500	13,939,500	13,939,500	13,939,500
1675	Vật tư ngành nước	Ø 900	m	T/C DIN 8074-8075	dày 66,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	20,974,300	20,974,300	20,974,300	20,974,300	20,974,300	20,974,300	20,974,300	20,974,300	20,974,300	20,974,300	20,974,300	20,974,300	20,974,300	20,974,300	20,974,300
1676	Vật tư ngành nước	Ø 1000	m	T/C DIN 8074-8075	dày 72,5mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	25,546,400	25,546,400	25,546,400	25,546,400	25,546,400	25,546,400	25,546,400	25,546,400	25,546,400	25,546,400	25,546,400	25,546,400	25,546,400	25,546,400	25,546,400
1677	Vật tư ngành nước	Ø 1200	m	T/C DIN 8074-8075	dày 88,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	37,252,500	37,252,500	37,252,500	37,252,500	37,252,500	37,252,500	37,252,500	37,252,500	37,252,500	37,252,500	37,252,500	37,252,500	37,252,500	37,252,500	37,252,500
1678	Vật tư ngành nước	**Ống nhựa HDPE PN16**		T/C DIN 8074-8075		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1679	Vật tư ngành nước	Ø 20	m	T/C DIN 8074-8075	dày 1,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	12,500	12,500	12,500	12,500	12,500	12,500	12,500	12,500	12,500	12,500	12,500	12,500	12,500	12,500	12,500
1680	Vật tư ngành nước	Ø 25	m	T/C DIN 8074-8075	dày 2,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000	19,000
1681	Vật tư ngành nước	Ø 32	m	T/C DIN 8074-8075	dày 3,0mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	30,600	30,600	30,600	30,600	30,600	30,600	30,600	30,600	30,600	30,600	30,600	30,600	30,600	30,600	30,600

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1682	Vật tư ngành nước	Ø 40	m	T/C DIN 8074-8075	dày 3,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	47,400	47,400	47,400	47,400	47,400	47,400	47,400	47,400	47,400	47,400	47,400	47,400	47,400	47,400	47,400
1683	Vật tư ngành nước	Ø 50	m	T/C DIN 8074-8075	dày 4,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	73,500	73,500	73,500	73,500	73,500	73,500	73,500	73,500	73,500	73,500	73,500	73,500	73,500	73,500	73,500
1684	Vật tư ngành nước	Ø 63	m	T/C DIN 8074-8075	dày 5,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	115,700	115,700	115,700	115,700	115,700	115,700	115,700	115,700	115,700	115,700	115,700	115,700	115,700	115,700	115,700
1685	Vật tư ngành nước	Ø 75	m	T/C DIN 8074-8075	dày 6,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	164,300	164,300	164,300	164,300	164,300	164,300	164,300	164,300	164,300	164,300	164,300	164,300	164,300	164,300	164,300
1686	Vật tư ngành nước	Ø 90	m	T/C DIN 8074-8075	dày 8,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	235,200	235,200	235,200	235,200	235,200	235,200	235,200	235,200	235,200	235,200	235,200	235,200	235,200	235,200	235,200
1687	Vật tư ngành nước	Ø 110	m	T/C DIN 8074-8075	dày 10,0mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	354,300	354,300	354,300	354,300	354,300	354,300	354,300	354,300	354,300	354,300	354,300	354,300	354,300	354,300	354,300
1688	Vật tư ngành nước	Ø 125	m	T/C DIN 8074-8075	dày 11,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	458,300	458,300	458,300	458,300	458,300	458,300	458,300	458,300	458,300	458,300	458,300	458,300	458,300	458,300	458,300
1689	Vật tư ngành nước	Ø 140	m	T/C DIN 8074-8075	dày 12,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	568,200	568,200	568,200	568,200	568,200	568,200	568,200	568,200	568,200	568,200	568,200	568,200	568,200	568,200	568,200
1690	Vật tư ngành nước	Ø 160	m	T/C DIN 8074-8075	dày 14,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	751,300	751,300	751,300	751,300	751,300	751,300	751,300	751,300	751,300	751,300	751,300	751,300	751,300	751,300	751,300
1691	Vật tư ngành nước	Ø 180	m	T/C DIN 8074-8075	dày 16,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	945,200	945,200	945,200	945,200	945,200	945,200	945,200	945,200	945,200	945,200	945,200	945,200	945,200	945,200	945,200
1692	Vật tư ngành nước	Ø 200	m	T/C DIN 8074-8075	dày 18,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,182,500	1,182,500	1,182,500	1,182,500	1,182,500	1,182,500	1,182,500	1,182,500	1,182,500	1,182,500	1,182,500	1,182,500	1,182,500	1,182,500	1,182,500
1693	Vật tư ngành nước	Ø 225	m	T/C DIN 8074-8075	dày 20,5mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,445,800	1,445,800	1,445,800	1,445,800	1,445,800	1,445,800	1,445,800	1,445,800	1,445,800	1,445,800	1,445,800	1,445,800	1,445,800	1,445,800	1,445,800
1694	Vật tư ngành nước	Ø 250	m	T/C DIN 8074-8075	dày 22,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,798,700	1,798,700	1,798,700	1,798,700	1,798,700	1,798,700	1,798,700	1,798,700	1,798,700	1,798,700	1,798,700	1,798,700	1,798,700	1,798,700	1,798,700
1695	Vật tư ngành nước	Ø 280	m	T/C DIN 8074-8075	dày 25,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2,254,300	2,254,300	2,254,300	2,254,300	2,254,300	2,254,300	2,254,300	2,254,300	2,254,300	2,254,300	2,254,300	2,254,300	2,254,300	2,254,300	2,254,300
1696	Vật tư ngành nước	Ø 315	m	T/C DIN 8074-8075	dày 28,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2,853,500	2,853,500	2,853,500	2,853,500	2,853,500	2,853,500	2,853,500	2,853,500	2,853,500	2,853,500	2,853,500	2,853,500	2,853,500	2,853,500	2,853,500
1697	Vật tư ngành nước	Ø 355	m	T/C DIN 8074-8075	dày 32,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3,622,500	3,622,500	3,622,500	3,622,500	3,622,500	3,622,500	3,622,500	3,622,500	3,622,500	3,622,500	3,622,500	3,622,500	3,622,500	3,622,500	3,622,500
1698	Vật tư ngành nước	Ø 400	m	T/C DIN 8074-8075	dày 36,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4,616,700	4,616,700	4,616,700	4,616,700	4,616,700	4,616,700	4,616,700	4,616,700	4,616,700	4,616,700	4,616,700	4,616,700	4,616,700	4,616,700	4,616,700
1699	Vật tư ngành nước	Ø 450	m	T/C DIN 8074-8075	dày 40,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	5,843,400	5,843,400	5,843,400	5,843,400	5,843,400	5,843,400	5,843,400	5,843,400	5,843,400	5,843,400	5,843,400	5,843,400	5,843,400	5,843,400	5,843,400
1700	Vật tư ngành nước	Ø 500	m	T/C DIN 8074-8075	dày 45,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	7,243,500	7,243,500	7,243,500	7,243,500	7,243,500	7,243,500	7,243,500	7,243,500	7,243,500	7,243,500	7,243,500	7,243,500	7,243,500	7,243,500	7,243,500
1701	Vật tư ngành nước	Ø 560	m	T/C DIN 8074-8075	dày 50,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	9,803,200	9,803,200	9,803,200	9,803,200	9,803,200	9,803,200	9,803,200	9,803,200	9,803,200	9,803,200	9,803,200	9,803,200	9,803,200	9,803,200	9,803,200
1702	Vật tư ngành nước	Ø 630	m	T/C DIN 8074-8075	dày 57,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	11,646,800	11,646,800	11,646,800	11,646,800	11,646,800	11,646,800	11,646,800	11,646,800	11,646,800	11,646,800	11,646,800	11,646,800	11,646,800	11,646,800	11,646,800
1703	Vật tư ngành nước	Ø 710	m	T/C DIN 8074-8075	dày 64,5mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	15,800,900	15,800,900	15,800,900	15,800,900	15,800,900	15,800,900	15,800,900	15,800,900	15,800,900	15,800,900	15,800,900	15,800,900	15,800,900	15,800,900	15,800,900

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1704	Vật tư ngành nước	Ø 800	m	T/C DIN 8074-8075	dày 72,0mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	20,161,800	20,161,800	20,161,800	20,161,800	20,161,800	20,161,800	20,161,800	20,161,800	20,161,800	20,161,800	20,161,800	20,161,800	20,161,800	20,161,800	20,161,800
1705	Vật tư ngành nước	**Ống nhựa HDPE PN20**		T/C DIN 8074-8075		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1706	Vật tư ngành nước	Ø 20	m	T/C DIN 8074-8075	dày 2,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	14,800	14,800	14,800	14,800	14,800	14,800	14,800	14,800	14,800	14,800	14,800	14,800	14,800	14,800	14,800
1707	Vật tư ngành nước	Ø 25	m	T/C DIN 8074-8075	dày 2,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	22,300	22,300	22,300	22,300	22,300	22,300	22,300	22,300	22,300	22,300	22,300	22,300	22,300	22,300	22,300
1708	Vật tư ngành nước	Ø 32	m	T/C DIN 8074-8075	dày 3,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	36,800	36,800	36,800	36,800	36,800	36,800	36,800	36,800	36,800	36,800	36,800	36,800	36,800	36,800	36,800
1709	Vật tư ngành nước	Ø 40	m	T/C DIN 8074-8075	dày 4,5mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	56,300	56,300	56,300	56,300	56,300	56,300	56,300	56,300	56,300	56,300	56,300	56,300	56,300	56,300	56,300
1710	Vật tư ngành nước	Ø 50	m	T/C DIN 8074-8075	dày 5,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	87,000	87,000	87,000	87,000	87,000	87,000	87,000	87,000	87,000	87,000	87,000	87,000	87,000	87,000	87,000
1711	Vật tư ngành nước	Ø 63	m	T/C DIN 8074-8075	dày 7,1mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	138,500	138,500	138,500	138,500	138,500	138,500	138,500	138,500	138,500	138,500	138,500	138,500	138,500	138,500	138,500
1712	Vật tư ngành nước	Ø 75	m	T/C DIN 8074-8075	dày 8,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	196,200	196,200	196,200	196,200	196,200	196,200	196,200	196,200	196,200	196,200	196,200	196,200	196,200	196,200	196,200
1713	Vật tư ngành nước	Ø 90	m	T/C DIN 8074-8075	dày 10,1mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	281,500	281,500	281,500	281,500	281,500	281,500	281,500	281,500	281,500	281,500	281,500	281,500	281,500	281,500	281,500
1714	Vật tư ngành nước	Ø 110	m	T/C DIN 8074-8075	dày 12,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	426,300	426,300	426,300	426,300	426,300	426,300	426,300	426,300	426,300	426,300	426,300	426,300	426,300	426,300	426,300
1715	Vật tư ngành nước	Ø 125	m	T/C DIN 8074-8075	dày 14,0mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	546,500	546,500	546,500	546,500	546,500	546,500	546,500	546,500	546,500	546,500	546,500	546,500	546,500	546,500	546,500
1716	Vật tư ngành nước	Ø 140	m	T/C DIN 8074-8075	dày 15,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	683,300	683,300	683,300	683,300	683,300	683,300	683,300	683,300	683,300	683,300	683,300	683,300	683,300	683,300	683,300
1717	Vật tư ngành nước	Ø 160	m	T/C DIN 8074-8075	dày 17,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	896,400	896,400	896,400	896,400	896,400	896,400	896,400	896,400	896,400	896,400	896,400	896,400	896,400	896,400	896,400
1718	Vật tư ngành nước	Ø 180	m	T/C DIN 8074-8075	dày 20,1mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,133,400	1,133,400	1,133,400	1,133,400	1,133,400	1,133,400	1,133,400	1,133,400	1,133,400	1,133,400	1,133,400	1,133,400	1,133,400	1,133,400	1,133,400
1719	Vật tư ngành nước	Ø 200	m	T/C DIN 8074-8075	dày 22,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,410,000	1,410,000	1,410,000	1,410,000	1,410,000	1,410,000	1,410,000	1,410,000	1,410,000	1,410,000	1,410,000	1,410,000	1,410,000	1,410,000	1,410,000
1720	Vật tư ngành nước	Ø 225	m	T/C DIN 8074-8075	dày 25,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,743,900	1,743,900	1,743,900	1,743,900	1,743,900	1,743,900	1,743,900	1,743,900	1,743,900	1,743,900	1,743,900	1,743,900	1,743,900	1,743,900	1,743,900
1721	Vật tư ngành nước	Ø 250	m	T/C DIN 8074-8075	dày 27,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2,152,100	2,152,100	2,152,100	2,152,100	2,152,100	2,152,100	2,152,100	2,152,100	2,152,100	2,152,100	2,152,100	2,152,100	2,152,100	2,152,100	2,152,100
1722	Vật tư ngành nước	Ø 280	m	T/C DIN 8074-8075	dày 31,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2,695,600	2,695,600	2,695,600	2,695,600	2,695,600	2,695,600	2,695,600	2,695,600	2,695,600	2,695,600	2,695,600	2,695,600	2,695,600	2,695,600	2,695,600
1723	Vật tư ngành nước	Ø 315	m	T/C DIN 8074-8075	dày 35,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3,433,900	3,433,900	3,433,900	3,433,900	3,433,900	3,433,900	3,433,900	3,433,900	3,433,900	3,433,900	3,433,900	3,433,900	3,433,900	3,433,900	3,433,900
1724	Vật tư ngành nước	Ø 355	m	T/C DIN 8074-8075	dày 39,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4,356,200	4,356,200	4,356,200	4,356,200	4,356,200	4,356,200	4,356,200	4,356,200	4,356,200	4,356,200	4,356,200	4,356,200	4,356,200	4,356,200	4,356,200
1725	Vật tư ngành nước	Ø 400	m	T/C DIN 8074-8075	dày 44,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	5,545,000	5,545,000	5,545,000	5,545,000	5,545,000	5,545,000	5,545,000	5,545,000	5,545,000	5,545,000	5,545,000	5,545,000	5,545,000	5,545,000	5,545,000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1726	Vật tư ngành nước	Ø 450	m	T/C DIN 8074-8075	dày 50,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	7,012,600	7,012,600	7,012,600	7,012,600	7,012,600	7,012,600	7,012,600	7,012,600	7,012,600	7,012,600	7,012,600	7,012,600	7,012,600	7,012,600	7,012,600
1727	Vật tư ngành nước	Ø 500	m	T/C DIN 8074-8075	dày 55,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	8,675,100	8,675,100	8,675,100	8,675,100	8,675,100	8,675,100	8,675,100	8,675,100	8,675,100	8,675,100	8,675,100	8,675,100	8,675,100	8,675,100	8,675,100
1728	Vật tư ngành nước	**Ống nhựa PVC dán keo**		TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1729	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 21 dầy 1.0	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	7,900	7,900	7,900	7,900	7,900	7,900	7,900	7,900	7,900	7,900	7,900	7,900	7,900	7,900	7,900
1730	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 21 dầy 1.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	9,600	9,600	9,600	9,600	9,600	9,600	9,600	9,600	9,600	9,600	9,600	9,600	9,600	9,600	9,600
1731	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 21 dầy 1.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	10,500	10,500	10,500	10,500	10,500	10,500	10,500	10,500	10,500	10,500	10,500	10,500	10,500	10,500	10,500
1732	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 21 dầy 1.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	12,600	12,600	12,600	12,600	12,600	12,600	12,600	12,600	12,600	12,600	12,600	12,600	12,600	12,600	12,600
1733	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 21 dầy 2.4	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	14,800	14,800	14,800	14,800	14,800	14,800	14,800	14,800	14,800	14,800	14,800	14,800	14,800	14,800	14,800
1734	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 27 dầy 1.0	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	9,800	9,800	9,800	9,800	9,800	9,800	9,800	9,800	9,800	9,800	9,800	9,800	9,800	9,800	9,800
1735	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 27 dầy 1.3	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	12,300	12,300	12,300	12,300	12,300	12,300	12,300	12,300	12,300	12,300	12,300	12,300	12,300	12,300	12,300
1736	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 27 dầy 1.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	14,400	14,400	14,400	14,400	14,400	14,400	14,400	14,400	14,400	14,400	14,400	14,400	14,400	14,400	14,400
1737	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 27 dầy 2.0	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000
1738	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 27 dầy 3.0	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	22,600	22,600	22,600	22,600	22,600	22,600	22,600	22,600	22,600	22,600	22,600	22,600	22,600	22,600	22,600
1739	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 34 dầy 1.0	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	12,600	12,600	12,600	12,600	12,600	12,600	12,600	12,600	12,600	12,600	12,600	12,600	12,600	12,600	12,600
1740	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 34 dầy 1.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	14,800	14,800	14,800	14,800	14,800	14,800	14,800	14,800	14,800	14,800	14,800	14,800	14,800	14,800	14,800
1741	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 34 dầy 1.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	18,100	18,100	18,100	18,100	18,100	18,100	18,100	18,100	18,100	18,100	18,100	18,100	18,100	18,100	18,100
1742	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 34 dầy 2.0	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	22,100	22,100	22,100	22,100	22,100	22,100	22,100	22,100	22,100	22,100	22,100	22,100	22,100	22,100	22,100
1743	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 34 dầy 2.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	25,100	25,100	25,100	25,100	25,100	25,100	25,100	25,100	25,100	25,100	25,100	25,100	25,100	25,100	25,100
1744	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 34 dầy 3.8	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	37,300	37,300	37,300	37,300	37,300	37,300	37,300	37,300	37,300	37,300	37,300	37,300	37,300	37,300	37,300
1745	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 42 dầy 1.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	18,900	18,900	18,900	18,900	18,900	18,900	18,900	18,900	18,900	18,900	18,900	18,900	18,900	18,900	18,900
1746	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 42 dầy 1.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	21,100	21,100	21,100	21,100	21,100	21,100	21,100	21,100	21,100	21,100	21,100	21,100	21,100	21,100	21,100
1747	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 42 dầy 1.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	24,900	24,900	24,900	24,900	24,900	24,900	24,900	24,900	24,900	24,900	24,900	24,900	24,900	24,900	24,900

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1748	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 42 dầy 2.0	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	28,300	28,300	28,300	28,300	28,300	28,300	28,300	28,300	28,300	28,300	28,300	28,300	28,300	28,300	28,300
1749	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 42 dầy 2.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	33,300	33,300	33,300	33,300	33,300	33,300	33,300	33,300	33,300	33,300	33,300	33,300	33,300	33,300	33,300
1750	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 42 dầy 3.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	41,100	41,100	41,100	41,100	41,100	41,100	41,100	41,100	41,100	41,100	41,100	41,100	41,100	41,100	41,100
1751	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 42 dầy 4.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	55,400	55,400	55,400	55,400	55,400	55,400	55,400	55,400	55,400	55,400	55,400	55,400	55,400	55,400	55,400
1752	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 48 dầy 1.4	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	22,100	22,100	22,100	22,100	22,100	22,100	22,100	22,100	22,100	22,100	22,100	22,100	22,100	22,100	22,100
1753	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 48 dầy 1.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	25,900	25,900	25,900	25,900	25,900	25,900	25,900	25,900	25,900	25,900	25,900	25,900	25,900	25,900	25,900
1754	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 48 dầy 1.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	29,600	29,600	29,600	29,600	29,600	29,600	29,600	29,600	29,600	29,600	29,600	29,600	29,600	29,600	29,600
1755	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 48 dầy 2.3	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	34,100	34,100	34,100	34,100	34,100	34,100	34,100	34,100	34,100	34,100	34,100	34,100	34,100	34,100	34,100
1756	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 48 dầy 2.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	41,300	41,300	41,300	41,300	41,300	41,300	41,300	41,300	41,300	41,300	41,300	41,300	41,300	41,300	41,300
1757	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 48 dầy 3.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	51,800	51,800	51,800	51,800	51,800	51,800	51,800	51,800	51,800	51,800	51,800	51,800	51,800	51,800	51,800
1758	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 48 dầy 5.4	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	74,300	74,300	74,300	74,300	74,300	74,300	74,300	74,300	74,300	74,300	74,300	74,300	74,300	74,300	74,300
1759	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 60 dầy 1.4	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	28,800	28,800	28,800	28,800	28,800	28,800	28,800	28,800	28,800	28,800	28,800	28,800	28,800	28,800	28,800
1760	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 60 dầy 1.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	34,400	34,400	34,400	34,400	34,400	34,400	34,400	34,400	34,400	34,400	34,400	34,400	34,400	34,400	34,400
1761	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 60 dầy 1.8	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	41,900	41,900	41,900	41,900	41,900	41,900	41,900	41,900	41,900	41,900	41,900	41,900	41,900	41,900	41,900
1762	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 60 dầy 2.3	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	48,800	48,800	48,800	48,800	48,800	48,800	48,800	48,800	48,800	48,800	48,800	48,800	48,800	48,800	48,800
1763	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 60 dầy 2.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	59,000	59,000	59,000	59,000	59,000	59,000	59,000	59,000	59,000	59,000	59,000	59,000	59,000	59,000	59,000
1764	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 60 dầy 3.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	74,000	74,000	74,000	74,000	74,000	74,000	74,000	74,000	74,000	74,000	74,000	74,000	74,000	74,000	74,000
1765	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 60 dầy 4.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	88,900	88,900	88,900	88,900	88,900	88,900	88,900	88,900	88,900	88,900	88,900	88,900	88,900	88,900	88,900
1766	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 75 dầy 1.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	40,300	40,300	40,300	40,300	40,300	40,300	40,300	40,300	40,300	40,300	40,300	40,300	40,300	40,300	40,300
1767	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 75 dầy 1.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	47,000	47,000	47,000	47,000	47,000	47,000	47,000	47,000	47,000	47,000	47,000	47,000	47,000	47,000	47,000
1768	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 75 dầy 2.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	53,300	53,300	53,300	53,300	53,300	53,300	53,300	53,300	53,300	53,300	53,300	53,300	53,300	53,300	53,300
1769	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 75 dầy 2.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	69,400	69,400	69,400	69,400	69,400	69,400	69,400	69,400	69,400	69,400	69,400	69,400	69,400	69,400	69,400

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1770	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 75 dầy 3.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	86,000	86,000	86,000	86,000	86,000	86,000	86,000	86,000	86,000	86,000	86,000	86,000	86,000	86,000	86,000
1771	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 75 dầy 4.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	108,100	108,100	108,100	108,100	108,100	108,100	108,100	108,100	108,100	108,100	108,100	108,100	108,100	108,100	108,100
1772	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 75 dầy 5.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	130,500	130,500	130,500	130,500	130,500	130,500	130,500	130,500	130,500	130,500	130,500	130,500	130,500	130,500	130,500
1773	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 90 dầy 1.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	49,100	49,100	49,100	49,100	49,100	49,100	49,100	49,100	49,100	49,100	49,100	49,100	49,100	49,100	49,100
1774	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 90 dầy 1.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	56,100	56,100	56,100	56,100	56,100	56,100	56,100	56,100	56,100	56,100	56,100	56,100	56,100	56,100	56,100
1775	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 90 dầy 2.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	65,800	65,800	65,800	65,800	65,800	65,800	65,800	65,800	65,800	65,800	65,800	65,800	65,800	65,800	65,800
1776	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 90 dầy 2.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	76,000	76,000	76,000	76,000	76,000	76,000	76,000	76,000	76,000	76,000	76,000	76,000	76,000	76,000	76,000
1777	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 90 dầy 3.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	99,600	99,600	99,600	99,600	99,600	99,600	99,600	99,600	99,600	99,600	99,600	99,600	99,600	99,600	99,600
1778	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 90 dầy 4.3	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	123,800	123,800	123,800	123,800	123,800	123,800	123,800	123,800	123,800	123,800	123,800	123,800	123,800	123,800	123,800
1779	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 90 dầy 5.4	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	153,800	153,800	153,800	153,800	153,800	153,800	153,800	153,800	153,800	153,800	153,800	153,800	153,800	153,800	153,800
1780	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 110 dầy 1.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	74,300	74,300	74,300	74,300	74,300	74,300	74,300	74,300	74,300	74,300	74,300	74,300	74,300	74,300	74,300
1781	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 110 dầy 2.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	84,000	84,000	84,000	84,000	84,000	84,000	84,000	84,000	84,000	84,000	84,000	84,000	84,000	84,000	84,000
1782	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 110 dầy 2.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	97,900	97,900	97,900	97,900	97,900	97,900	97,900	97,900	97,900	97,900	97,900	97,900	97,900	97,900	97,900
1783	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 110 dầy 3.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	111,400	111,400	111,400	111,400	111,400	111,400	111,400	111,400	111,400	111,400	111,400	111,400	111,400	111,400	111,400
1784	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 110 dầy 4.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	156,000	156,000	156,000	156,000	156,000	156,000	156,000	156,000	156,000	156,000	156,000	156,000	156,000	156,000	156,000
1785	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 110 dầy 5.3	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	186,800	186,800	186,800	186,800	186,800	186,800	186,800	186,800	186,800	186,800	186,800	186,800	186,800	186,800	186,800
1786	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 110 dầy 6.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	230,500	230,500	230,500	230,500	230,500	230,500	230,500	230,500	230,500	230,500	230,500	230,500	230,500	230,500	230,500
1787	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 125 dầy 2.0	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	82,000	82,000	82,000	82,000	82,000	82,000	82,000	82,000	82,000	82,000	82,000	82,000	82,000	82,000	82,000
1788	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 125 dầy 2.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	103,400	103,400	103,400	103,400	103,400	103,400	103,400	103,400	103,400	103,400	103,400	103,400	103,400	103,400	103,400
1789	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 125 dầy 3.1	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	121,000	121,000	121,000	121,000	121,000	121,000	121,000	121,000	121,000	121,000	121,000	121,000	121,000	121,000	121,000
1790	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 125 dầy 3.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	143,400	143,400	143,400	143,400	143,400	143,400	143,400	143,400	143,400	143,400	143,400	143,400	143,400	143,400	143,400
1791	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 125 dầy 4.8	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	181,900	181,900	181,900	181,900	181,900	181,900	181,900	181,900	181,900	181,900	181,900	181,900	181,900	181,900	181,900

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1792	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 125 dầy 6.0	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	229,100	229,100	229,100	229,100	229,100	229,100	229,100	229,100	229,100	229,100	229,100	229,100	229,100	229,100	229,100
1793	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 125 dầy 7.4	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	280,900	280,900	280,900	280,900	280,900	280,900	280,900	280,900	280,900	280,900	280,900	280,900	280,900	280,900	280,900
1794	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 140 dầy 2.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	101,000	101,000	101,000	101,000	101,000	101,000	101,000	101,000	101,000	101,000	101,000	101,000	101,000	101,000	101,000
1795	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 140 dầy 2.8	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	128,500	128,500	128,500	128,500	128,500	128,500	128,500	128,500	128,500	128,500	128,500	128,500	128,500	128,500	128,500
1796	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 140 dầy 3.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	151,300	151,300	151,300	151,300	151,300	151,300	151,300	151,300	151,300	151,300	151,300	151,300	151,300	151,300	151,300
1797	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 140 dầy 4.1	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	178,300	178,300	178,300	178,300	178,300	178,300	178,300	178,300	178,300	178,300	178,300	178,300	178,300	178,300	178,300
1798	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 140 dầy 5.4	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	238,500	238,500	238,500	238,500	238,500	238,500	238,500	238,500	238,500	238,500	238,500	238,500	238,500	238,500	238,500
1799	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 140 dầy 6.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	291,900	291,900	291,900	291,900	291,900	291,900	291,900	291,900	291,900	291,900	291,900	291,900	291,900	291,900	291,900
1800	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 140 dầy 8.3	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	359,000	359,000	359,000	359,000	359,000	359,000	359,000	359,000	359,000	359,000	359,000	359,000	359,000	359,000	359,000
1801	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 160 dầy 2.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	131,100	131,100	131,100	131,100	131,100	131,100	131,100	131,100	131,100	131,100	131,100	131,100	131,100	131,100	131,100
1802	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 160 dầy 3.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	171,600	171,600	171,600	171,600	171,600	171,600	171,600	171,600	171,600	171,600	171,600	171,600	171,600	171,600	171,600
1803	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 160 dầy 4.0	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	200,000	200,000	200,000	200,000	200,000	200,000	200,000	200,000	200,000	200,000	200,000	200,000	200,000	200,000	200,000
1804	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 160 dầy 4.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	230,900	230,900	230,900	230,900	230,900	230,900	230,900	230,900	230,900	230,900	230,900	230,900	230,900	230,900	230,900
1805	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 160 dầy 6.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	298,600	298,600	298,600	298,600	298,600	298,600	298,600	298,600	298,600	298,600	298,600	298,600	298,600	298,600	298,600
1806	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 160 dầy 7.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	378,900	378,900	378,900	378,900	378,900	378,900	378,900	378,900	378,900	378,900	378,900	378,900	378,900	378,900	378,900
1807	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 160 dầy 9.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	465,100	465,100	465,100	465,100	465,100	465,100	465,100	465,100	465,100	465,100	465,100	465,100	465,100	465,100	465,100
1808	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 200 dầy 3.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	245,900	245,900	245,900	245,900	245,900	245,900	245,900	245,900	245,900	245,900	245,900	245,900	245,900	245,900	245,900
1809	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 200 dầy 3.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	257,800	257,800	257,800	257,800	257,800	257,800	257,800	257,800	257,800	257,800	257,800	257,800	257,800	257,800	257,800
1810	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 200 dầy 4.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	311,500	311,500	311,500	311,500	311,500	311,500	311,500	311,500	311,500	311,500	311,500	311,500	311,500	311,500	311,500
1811	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 200 dầy 5.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	362,300	362,300	362,300	362,300	362,300	362,300	362,300	362,300	362,300	362,300	362,300	362,300	362,300	362,300	362,300
1812	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 200 dầy 7.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	462,300	462,300	462,300	462,300	462,300	462,300	462,300	462,300	462,300	462,300	462,300	462,300	462,300	462,300	462,300
1813	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 200 dầy 9.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	592,400	592,400	592,400	592,400	592,400	592,400	592,400	592,400	592,400	592,400	592,400	592,400	592,400	592,400	592,400

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1814	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 200 dầy 11.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	730,100	730,100	730,100	730,100	730,100	730,100	730,100	730,100	730,100	730,100	730,100	730,100	730,100	730,100	730,100
1815	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 225 dầy 3.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	255,400	255,400	255,400	255,400	255,400	255,400	255,400	255,400	255,400	255,400	255,400	255,400	255,400	255,400	255,400
1816	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 225 dầy 4.4	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	316,000	316,000	316,000	316,000	316,000	316,000	316,000	316,000	316,000	316,000	316,000	316,000	316,000	316,000	316,000
1817	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 225 dầy 5.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	379,800	379,800	379,800	379,800	379,800	379,800	379,800	379,800	379,800	379,800	379,800	379,800	379,800	379,800	379,800
1818	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 225 dầy 6.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	450,100	450,100	450,100	450,100	450,100	450,100	450,100	450,100	450,100	450,100	450,100	450,100	450,100	450,100	450,100
1819	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 225 dầy 8.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	584,600	584,600	584,600	584,600	584,600	584,600	584,600	584,600	584,600	584,600	584,600	584,600	584,600	584,600	584,600
1820	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 225 dầy 10.8	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	749,800	749,800	749,800	749,800	749,800	749,800	749,800	749,800	749,800	749,800	749,800	749,800	749,800	749,800	749,800
1821	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 225 dầy 13.4	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	926,800	926,800	926,800	926,800	926,800	926,800	926,800	926,800	926,800	926,800	926,800	926,800	926,800	926,800	926,800
1822	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 250 dầy 3.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	332,300	332,300	332,300	332,300	332,300	332,300	332,300	332,300	332,300	332,300	332,300	332,300	332,300	332,300	332,300
1823	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 250 dầy 4.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	414,300	414,300	414,300	414,300	414,300	414,300	414,300	414,300	414,300	414,300	414,300	414,300	414,300	414,300	414,300
1824	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 250 dầy 6.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	799,500	799,500	799,500	799,500	799,500	799,500	799,500	799,500	799,500	799,500	799,500	799,500	799,500	799,500	799,500
1825	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 250 dầy 7.3	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	582,900	582,900	582,900	582,900	582,900	582,900	582,900	582,900	582,900	582,900	582,900	582,900	582,900	582,900	582,900
1826	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 250 dầy 9.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	753,400	753,400	753,400	753,400	753,400	753,400	753,400	753,400	753,400	753,400	753,400	753,400	753,400	753,400	753,400
1827	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 250 dầy 11.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	952,400	952,400	952,400	952,400	952,400	952,400	952,400	952,400	952,400	952,400	952,400	952,400	952,400	952,400	952,400
1828	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 250 dầy 14.8	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,179,500	1,179,500	1,179,500	1,179,500	1,179,500	1,179,500	1,179,500	1,179,500	1,179,500	1,179,500	1,179,500	1,179,500	1,179,500	1,179,500	1,179,500
1829	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 315 dầy 5.3	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	541,900	541,900	541,900	541,900	541,900	541,900	541,900	541,900	541,900	541,900	541,900	541,900	541,900	541,900	541,900
1830	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 315 dầy 6.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	627,900	627,900	627,900	627,900	627,900	627,900	627,900	627,900	627,900	627,900	627,900	627,900	627,900	627,900	627,900
1831	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 315 dầy 7.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	745,400	745,400	745,400	745,400	745,400	745,400	745,400	745,400	745,400	745,400	745,400	745,400	745,400	745,400	745,400
1832	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 315 dầy 9.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	894,300	894,300	894,300	894,300	894,300	894,300	894,300	894,300	894,300	894,300	894,300	894,300	894,300	894,300	894,300
1833	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 315 dầy 12.1	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,123,600	1,123,600	1,123,600	1,123,600	1,123,600	1,123,600	1,123,600	1,123,600	1,123,600	1,123,600	1,123,600	1,123,600	1,123,600	1,123,600	1,123,600
1834	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 315 dầy 15.0	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,555,600	1,555,600	1,555,600	1,555,600	1,555,600	1,555,600	1,555,600	1,555,600	1,555,600	1,555,600	1,555,600	1,555,600	1,555,600	1,555,600	1,555,600
1835	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 315 dầy 18.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,792,500	1,792,500	1,792,500	1,792,500	1,792,500	1,792,500	1,792,500	1,792,500	1,792,500	1,792,500	1,792,500	1,792,500	1,792,500	1,792,500	1,792,500

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1836	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 355 dầy 7.0	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	793,100	793,100	793,100	793,100	793,100	793,100	793,100	793,100	793,100	793,100	793,100	793,100	793,100	793,100	793,100
1837	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 355 dầy 8.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	973,900	973,900	973,900	973,900	973,900	973,900	973,900	973,900	973,900	973,900	973,900	973,900	973,900	973,900	973,900
1838	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 355 dầy 10.4	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,158,600	1,158,600	1,158,600	1,158,600	1,158,600	1,158,600	1,158,600	1,158,600	1,158,600	1,158,600	1,158,600	1,158,600	1,158,600	1,158,600	1,158,600
1839	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 355 dầy 13.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,503,500	1,503,500	1,503,500	1,503,500	1,503,500	1,503,500	1,503,500	1,503,500	1,503,500	1,503,500	1,503,500	1,503,500	1,503,500	1,503,500	1,503,500
1840	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 355 dầy 16.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,848,800	1,848,800	1,848,800	1,848,800	1,848,800	1,848,800	1,848,800	1,848,800	1,848,800	1,848,800	1,848,800	1,848,800	1,848,800	1,848,800	1,848,800
1841	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 355 dầy 21.1	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2,281,500	2,281,500	2,281,500	2,281,500	2,281,500	2,281,500	2,281,500	2,281,500	2,281,500	2,281,500	2,281,500	2,281,500	2,281,500	2,281,500	2,281,500
1842	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 400 dầy 7.8	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	995,400	995,400	995,400	995,400	995,400	995,400	995,400	995,400	995,400	995,400	995,400	995,400	995,400	995,400	995,400
1843	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 400 dầy 9.8	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,237,600	1,237,600	1,237,600	1,237,600	1,237,600	1,237,600	1,237,600	1,237,600	1,237,600	1,237,600	1,237,600	1,237,600	1,237,600	1,237,600	1,237,600
1844	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 400 dầy 11.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,471,800	1,471,800	1,471,800	1,471,800	1,471,800	1,471,800	1,471,800	1,471,800	1,471,800	1,471,800	1,471,800	1,471,800	1,471,800	1,471,800	1,471,800
1845	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 400 dầy 15.3	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,905,500	1,905,500	1,905,500	1,905,500	1,905,500	1,905,500	1,905,500	1,905,500	1,905,500	1,905,500	1,905,500	1,905,500	1,905,500	1,905,500	1,905,500
1846	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 400 dầy 19.1	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2,352,900	2,352,900	2,352,900	2,352,900	2,352,900	2,352,900	2,352,900	2,352,900	2,352,900	2,352,900	2,352,900	2,352,900	2,352,900	2,352,900	2,352,900
1847	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 400 dầy 23.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2,886,000	2,886,000	2,886,000	2,886,000	2,886,000	2,886,000	2,886,000	2,886,000	2,886,000	2,886,000	2,886,000	2,886,000	2,886,000	2,886,000	2,886,000
1848	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 450 dầy 8.8	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,263,100	1,263,100	1,263,100	1,263,100	1,263,100	1,263,100	1,263,100	1,263,100	1,263,100	1,263,100	1,263,100	1,263,100	1,263,100	1,263,100	1,263,100
1849	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 450 dầy 11.0	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,565,400	1,565,400	1,565,400	1,565,400	1,565,400	1,565,400	1,565,400	1,565,400	1,565,400	1,565,400	1,565,400	1,565,400	1,565,400	1,565,400	1,565,400
1850	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 450 dầy 13.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,866,400	1,866,400	1,866,400	1,866,400	1,866,400	1,866,400	1,866,400	1,866,400	1,866,400	1,866,400	1,866,400	1,866,400	1,866,400	1,866,400	1,866,400
1851	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 450 dầy 17.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2,410,000	2,410,000	2,410,000	2,410,000	2,410,000	2,410,000	2,410,000	2,410,000	2,410,000	2,410,000	2,410,000	2,410,000	2,410,000	2,410,000	2,410,000
1852	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 450 dầy 21.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2,985,500	2,985,500	2,985,500	2,985,500	2,985,500	2,985,500	2,985,500	2,985,500	2,985,500	2,985,500	2,985,500	2,985,500	2,985,500	2,985,500	2,985,500
1853	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 500 dầy 9.8	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,656,600	1,656,600	1,656,600	1,656,600	1,656,600	1,656,600	1,656,600	1,656,600	1,656,600	1,656,600	1,656,600	1,656,600	1,656,600	1,656,600	1,656,600
1854	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 500 dầy 12.3	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,975,400	1,975,400	1,975,400	1,975,400	1,975,400	1,975,400	1,975,400	1,975,400	1,975,400	1,975,400	1,975,400	1,975,400	1,975,400	1,975,400	1,975,400
1855	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 500 dầy 14.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2,285,800	2,285,800	2,285,800	2,285,800	2,285,800	2,285,800	2,285,800	2,285,800	2,285,800	2,285,800	2,285,800	2,285,800	2,285,800	2,285,800	2,285,800
1856	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 500 dầy 19.1	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2,955,300	2,955,300	2,955,300	2,955,300	2,955,300	2,955,300	2,955,300	2,955,300	2,955,300	2,955,300	2,955,300	2,955,300	2,955,300	2,955,300	2,955,300
1857	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 500 dầy 23.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3,502,800	3,502,800	3,502,800	3,502,800	3,502,800	3,502,800	3,502,800	3,502,800	3,502,800	3,502,800	3,502,800	3,502,800	3,502,800	3,502,800	3,502,800

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1858	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 500 dầy 29.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4,453,500	4,453,500	4,453,500	4,453,500	4,453,500	4,453,500	4,453,500	4,453,500	4,453,500	4,453,500	4,453,500	4,453,500	4,453,500	4,453,500	4,453,500
1859	Vật tư ngành nước	**Phụ kiện nhựa dán keo**		TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1860	Vật tư ngành nước	**Cút nhựa 90^0**		TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1861	Vật tư ngành nước	Ø 21 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,600	1,600	1,600	1,600	1,600	1,600	1,600	1,600	1,600	1,600	1,600	1,600	1,600	1,600	1,600
1862	Vật tư ngành nước	Ø 27 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2,600	2,600	2,600	2,600	2,600	2,600	2,600	2,600	2,600	2,600	2,600	2,600	2,600	2,600	2,600
1863	Vật tư ngành nước	Ø 34 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3,900	3,900	3,900	3,900	3,900	3,900	3,900	3,900	3,900	3,900	3,900	3,900	3,900	3,900	3,900
1864	Vật tư ngành nước	Ø 42 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	6,400	6,400	6,400	6,400	6,400	6,400	6,400	6,400	6,400	6,400	6,400	6,400	6,400	6,400	6,400
1865	Vật tư ngành nước	Ø 48 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	10,000	10,000	10,000	10,000	10,000	10,000	10,000	10,000	10,000	10,000	10,000	10,000	10,000	10,000	10,000
1866	Vật tư ngành nước	Ø 60 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	14,800	14,800	14,800	14,800	14,800	14,800	14,800	14,800	14,800	14,800	14,800	14,800	14,800	14,800	14,800
1867	Vật tư ngành nước	Ø 60 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	20,400	20,400	20,400	20,400	20,400	20,400	20,400	20,400	20,400	20,400	20,400	20,400	20,400	20,400	20,400
1868	Vật tư ngành nước	Ø 75 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	26,500	26,500	26,500	26,500	26,500	26,500	26,500	26,500	26,500	26,500	26,500	26,500	26,500	26,500	26,500
1869	Vật tư ngành nước	Ø 75 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	47,800	47,800	47,800	47,800	47,800	47,800	47,800	47,800	47,800	47,800	47,800	47,800	47,800	47,800	47,800
1870	Vật tư ngành nước	Ø 90 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	34,800	34,800	34,800	34,800	34,800	34,800	34,800	34,800	34,800	34,800	34,800	34,800	34,800	34,800	34,800
1871	Vật tư ngành nước	Ø 90 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	55,900	55,900	55,900	55,900	55,900	55,900	55,900	55,900	55,900	55,900	55,900	55,900	55,900	55,900	55,900
1872	Vật tư ngành nước	Ø 110 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	55,600	55,600	55,600	55,600	55,600	55,600	55,600	55,600	55,600	55,600	55,600	55,600	55,600	55,600	55,600
1873	Vật tư ngành nước	Ø 110 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	86,600	86,600	86,600	86,600	86,600	86,600	86,600	86,600	86,600	86,600	86,600	86,600	86,600	86,600	86,600
1874	Vật tư ngành nước	Ø 125 PN6	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	97,500	97,500	97,500	97,500	97,500	97,500	97,500	97,500	97,500	97,500	97,500	97,500	97,500	97,500	97,500
1875	Vật tư ngành nước	Ø 125 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	147,100	147,100	147,100	147,100	147,100	147,100	147,100	147,100	147,100	147,100	147,100	147,100	147,100	147,100	147,100
1876	Vật tư ngành nước	Ø 140 PN6	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	141,400	141,400	141,400	141,400	141,400	141,400	141,400	141,400	141,400	141,400	141,400	141,400	141,400	141,400	141,400
1877	Vật tư ngành nước	Ø 140 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	182,300	182,300	182,300	182,300	182,300	182,300	182,300	182,300	182,300	182,300	182,300	182,300	182,300	182,300	182,300
1878	Vật tư ngành nước	Ø 160 PN6	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	170,500	170,500	170,500	170,500	170,500	170,500	170,500	170,500	170,500	170,500	170,500	170,500	170,500	170,500	170,500
1879	Vật tư ngành nước	Ø 160 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	342,500	342,500	342,500	342,500	342,500	342,500	342,500	342,500	342,500	342,500	342,500	342,500	342,500	342,500	342,500

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1880	Vật tư ngành nước	Ø 200 PN6	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	349,300	349,300	349,300	349,300	349,300	349,300	349,300	349,300	349,300	349,300	349,300	349,300	349,300	349,300	349,300
1881	Vật tư ngành nước	Ø 200 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	469,000	469,000	469,000	469,000	469,000	469,000	469,000	469,000	469,000	469,000	469,000	469,000	469,000	469,000	469,000
1882	Vật tư ngành nước	Ø 225 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	812,000	812,000	812,000	812,000	812,000	812,000	812,000	812,000	812,000	812,000	812,000	812,000	812,000	812,000	812,000
1883	Vật tư ngành nước	Ø 250 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,307,500	1,307,500	1,307,500	1,307,500	1,307,500	1,307,500	1,307,500	1,307,500	1,307,500	1,307,500	1,307,500	1,307,500	1,307,500	1,307,500	1,307,500
1884	Vật tư ngành nước	Ø 315 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3,644,500	3,644,500	3,644,500	3,644,500	3,644,500	3,644,500	3,644,500	3,644,500	3,644,500	3,644,500	3,644,500	3,644,500	3,644,500	3,644,500	3,644,500
1885	Vật tư ngành nước	**Tê nhựa 90⁰**	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1886	Vật tư ngành nước	Ø 21 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2,600	2,600	2,600	2,600	2,600	2,600	2,600	2,600	2,600	2,600	2,600	2,600	2,600	2,600	2,600
1887	Vật tư ngành nước	Ø 27 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4,400	4,400	4,400	4,400	4,400	4,400	4,400	4,400	4,400	4,400	4,400	4,400	4,400	4,400	4,400
1888	Vật tư ngành nước	Ø 34 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	5,900	5,900	5,900	5,900	5,900	5,900	5,900	5,900	5,900	5,900	5,900	5,900	5,900	5,900	5,900
1889	Vật tư ngành nước	Ø 42 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	8,400	8,400	8,400	8,400	8,400	8,400	8,400	8,400	8,400	8,400	8,400	8,400	8,400	8,400	8,400
1890	Vật tư ngành nước	Ø 48 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	12,500	12,500	12,500	12,500	12,500	12,500	12,500	12,500	12,500	12,500	12,500	12,500	12,500	12,500	12,500
1891	Vật tư ngành nước	Ø 60 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	19,800	19,800	19,800	19,800	19,800	19,800	19,800	19,800	19,800	19,800	19,800	19,800	19,800	19,800	19,800
1892	Vật tư ngành nước	Ø 60 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	29,800	29,800	29,800	29,800	29,800	29,800	29,800	29,800	29,800	29,800	29,800	29,800	29,800	29,800	29,800
1893	Vật tư ngành nước	Ø 75 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	33,600	33,600	33,600	33,600	33,600	33,600	33,600	33,600	33,600	33,600	33,600	33,600	33,600	33,600	33,600
1894	Vật tư ngành nước	Ø 75 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	50,600	50,600	50,600	50,600	50,600	50,600	50,600	50,600	50,600	50,600	50,600	50,600	50,600	50,600	50,600
1895	Vật tư ngành nước	Ø 90 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	46,400	46,400	46,400	46,400	46,400	46,400	46,400	46,400	46,400	46,400	46,400	46,400	46,400	46,400	46,400
1896	Vật tư ngành nước	Ø 90 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	80,000	80,000	80,000	80,000	80,000	80,000	80,000	80,000	80,000	80,000	80,000	80,000	80,000	80,000	80,000
1897	Vật tư ngành nước	Ø 110 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	78,600	78,600	78,600	78,600	78,600	78,600	78,600	78,600	78,600	78,600	78,600	78,600	78,600	78,600	78,600
1898	Vật tư ngành nước	Ø 110 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	109,300	109,300	109,300	109,300	109,300	109,300	109,300	109,300	109,300	109,300	109,300	109,300	109,300	109,300	109,300
1899	Vật tư ngành nước	Ø 125 PN6	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	129,900	129,900	129,900	129,900	129,900	129,900	129,900	129,900	129,900	129,900	129,900	129,900	129,900	129,900	129,900
1900	Vật tư ngành nước	Ø 125 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	163,900	163,900	163,900	163,900	163,900	163,900	163,900	163,900	163,900	163,900	163,900	163,900	163,900	163,900	163,900
1901	Vật tư ngành nước	Ø 140 PN6	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	210,500	210,500	210,500	210,500	210,500	210,500	210,500	210,500	210,500	210,500	210,500	210,500	210,500	210,500	210,500

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1902	Vật tư ngành nước	Ø 140 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	243,800	243,800	243,800	243,800	243,800	243,800	243,800	243,800	243,800	243,800	243,800	243,800	243,800	243,800	243,800
1903	Vật tư ngành nước	Ø 160 PN6	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	223,900	223,900	223,900	223,900	223,900	223,900	223,900	223,900	223,900	223,900	223,900	223,900	223,900	223,900	223,900
1904	Vật tư ngành nước	Ø 160 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	360,100	360,100	360,100	360,100	360,100	360,100	360,100	360,100	360,100	360,100	360,100	360,100	360,100	360,100	360,100
1905	Vật tư ngành nước	Ø 200 PN6	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	526,400	526,400	526,400	526,400	526,400	526,400	526,400	526,400	526,400	526,400	526,400	526,400	526,400	526,400	526,400
1906	Vật tư ngành nước	Ø 200 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	822,100	822,100	822,100	822,100	822,100	822,100	822,100	822,100	822,100	822,100	822,100	822,100	822,100	822,100	822,100
1907	Vật tư ngành nước	Ø 225 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,008,600	1,008,600	1,008,600	1,008,600	1,008,600	1,008,600	1,008,600	1,008,600	1,008,600	1,008,600	1,008,600	1,008,600	1,008,600	1,008,600	1,008,600
1908	Vật tư ngành nước	Ø 250 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,906,800	1,906,800	1,906,800	1,906,800	1,906,800	1,906,800	1,906,800	1,906,800	1,906,800	1,906,800	1,906,800	1,906,800	1,906,800	1,906,800	1,906,800
1909	Vật tư ngành nước	Ø 315 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3,656,400	3,656,400	3,656,400	3,656,400	3,656,400	3,656,400	3,656,400	3,656,400	3,656,400	3,656,400	3,656,400	3,656,400	3,656,400	3,656,400	3,656,400
1910	Vật tư ngành nước	**Măng sông nhựa**		TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1911	Vật tư ngành nước	Ø 21 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,500	1,500	1,500	1,500	1,500	1,500	1,500	1,500	1,500	1,500	1,500	1,500	1,500	1,500	1,500
1912	Vật tư ngành nước	Ø 27 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2,000	2,000	2,000	2,000	2,000	2,000	2,000	2,000	2,000	2,000	2,000	2,000	2,000	2,000	2,000
1913	Vật tư ngành nước	Ø 34 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2,300	2,300	2,300	2,300	2,300	2,300	2,300	2,300	2,300	2,300	2,300	2,300	2,300	2,300	2,300
1914	Vật tư ngành nước	Ø 42 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3,900	3,900	3,900	3,900	3,900	3,900	3,900	3,900	3,900	3,900	3,900	3,900	3,900	3,900	3,900
1915	Vật tư ngành nước	Ø 48 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	5,000	5,000	5,000	5,000	5,000	5,000	5,000	5,000	5,000	5,000	5,000	5,000	5,000	5,000	5,000
1916	Vật tư ngành nước	Ø 60 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	8,600	8,600	8,600	8,600	8,600	8,600	8,600	8,600	8,600	8,600	8,600	8,600	8,600	8,600	8,600
1917	Vật tư ngành nước	Ø 75 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	11,800	11,800	11,800	11,800	11,800	11,800	11,800	11,800	11,800	11,800	11,800	11,800	11,800	11,800	11,800
1918	Vật tư ngành nước	Ø 75 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	12,100	12,100	12,100	12,100	12,100	12,100	12,100	12,100	12,100	12,100	12,100	12,100	12,100	12,100	12,100
1919	Vật tư ngành nước	Ø 90 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	16,400	16,400	16,400	16,400	16,400	16,400	16,400	16,400	16,400	16,400	16,400	16,400	16,400	16,400	16,400
1920	Vật tư ngành nước	Ø 90 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	38,100	38,100	38,100	38,100	38,100	38,100	38,100	38,100	38,100	38,100	38,100	38,100	38,100	38,100	38,100
1921	Vật tư ngành nước	Ø 110 PN6	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	20,300	20,300	20,300	20,300	20,300	20,300	20,300	20,300	20,300	20,300	20,300	20,300	20,300	20,300	20,300
1922	Vật tư ngành nước	Ø 110 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	56,400	56,400	56,400	56,400	56,400	56,400	56,400	56,400	56,400	56,400	56,400	56,400	56,400	56,400	56,400
1923	Vật tư ngành nước	Ø 125 PN6	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	45,500	45,500	45,500	45,500	45,500	45,500	45,500	45,500	45,500	45,500	45,500	45,500	45,500	45,500	45,500

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1924	Vật tư ngành nước	Ø 125 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	80,900	80,900	80,900	80,900	80,900	80,900	80,900	80,900	80,900	80,900	80,900	80,900	80,900	80,900	80,900
1925	Vật tư ngành nước	Ø 140 PN6	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	65,400	65,400	65,400	65,400	65,400	65,400	65,400	65,400	65,400	65,400	65,400	65,400	65,400	65,400	65,400
1926	Vật tư ngành nước	Ø 140 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	93,500	93,500	93,500	93,500	93,500	93,500	93,500	93,500	93,500	93,500	93,500	93,500	93,500	93,500	93,500
1927	Vật tư ngành nước	Ø 160 PN6	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	93,100	93,100	93,100	93,100	93,100	93,100	93,100	93,100	93,100	93,100	93,100	93,100	93,100	93,100	93,100
1928	Vật tư ngành nước	Ø 160 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	147,500	147,500	147,500	147,500	147,500	147,500	147,500	147,500	147,500	147,500	147,500	147,500	147,500	147,500	147,500
1929	Vật tư ngành nước	Ø 200 PN6	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	205,900	205,900	205,900	205,900	205,900	205,900	205,900	205,900	205,900	205,900	205,900	205,900	205,900	205,900	205,900
1930	Vật tư ngành nước	Ø 200 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	247,100	247,100	247,100	247,100	247,100	247,100	247,100	247,100	247,100	247,100	247,100	247,100	247,100	247,100	247,100
1931	Vật tư ngành nước	Ø 225 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	339,400	339,400	339,400	339,400	339,400	339,400	339,400	339,400	339,400	339,400	339,400	339,400	339,400	339,400	339,400
1932	Vật tư ngành nước	Ø 250 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	453,100	453,100	453,100	453,100	453,100	453,100	453,100	453,100	453,100	453,100	453,100	453,100	453,100	453,100	453,100
1933	Vật tư ngành nước	**Cút nhựa 45⁰**		TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1934	Vật tư ngành nước	Ø 21 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,600	1,600	1,600	1,600	1,600	1,600	1,600	1,600	1,600	1,600	1,600	1,600	1,600	1,600	1,600
1935	Vật tư ngành nước	Ø 27 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2,100	2,100	2,100	2,100	2,100	2,100	2,100	2,100	2,100	2,100	2,100	2,100	2,100	2,100	2,100
1936	Vật tư ngành nước	Ø 34 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3,300	3,300	3,300	3,300	3,300	3,300	3,300	3,300	3,300	3,300	3,300	3,300	3,300	3,300	3,300
1937	Vật tư ngành nước	Ø 42 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4,900	4,900	4,900	4,900	4,900	4,900	4,900	4,900	4,900	4,900	4,900	4,900	4,900	4,900	4,900
1938	Vật tư ngành nước	Ø 48 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	7,800	7,800	7,800	7,800	7,800	7,800	7,800	7,800	7,800	7,800	7,800	7,800	7,800	7,800	7,800
1939	Vật tư ngành nước	Ø 60 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	12,600	12,600	12,600	12,600	12,600	12,600	12,600	12,600	12,600	12,600	12,600	12,600	12,600	12,600	12,600
1940	Vật tư ngành nước	Ø 60 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	17,800	17,800	17,800	17,800	17,800	17,800	17,800	17,800	17,800	17,800	17,800	17,800	17,800	17,800	17,800
1941	Vật tư ngành nước	Ø 75 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	21,900	21,900	21,900	21,900	21,900	21,900	21,900	21,900	21,900	21,900	21,900	21,900	21,900	21,900	21,900
1942	Vật tư ngành nước	Ø 75 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	29,000	29,000	29,000	29,000	29,000	29,000	29,000	29,000	29,000	29,000	29,000	29,000	29,000	29,000	29,000
1943	Vật tư ngành nước	Ø 90 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	28,600	28,600	28,600	28,600	28,600	28,600	28,600	28,600	28,600	28,600	28,600	28,600	28,600	28,600	28,600
1944	Vật tư ngành nước	Ø 90 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	39,800	39,800	39,800	39,800	39,800	39,800	39,800	39,800	39,800	39,800	39,800	39,800	39,800	39,800	39,800
1945	Vật tư ngành nước	Ø 110 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	43,800	43,800	43,800	43,800	43,800	43,800	43,800	43,800	43,800	43,800	43,800	43,800	43,800	43,800	43,800

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1946	Vật tư ngành nước	Ø 110 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	74,800	74,800	74,800	74,800	74,800	74,800	74,800	74,800	74,800	74,800	74,800	74,800	74,800	74,800	74,800
1947	Vật tư ngành nước	Ø 125 PN6	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	77,300	77,300	77,300	77,300	77,300	77,300	77,300	77,300	77,300	77,300	77,300	77,300	77,300	77,300	77,300
1948	Vật tư ngành nước	Ø 125 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	98,300	98,300	98,300	98,300	98,300	98,300	98,300	98,300	98,300	98,300	98,300	98,300	98,300	98,300	98,300
1949	Vật tư ngành nước	Ø 140 PN6	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	84,300	84,300	84,300	84,300	84,300	84,300	84,300	84,300	84,300	84,300	84,300	84,300	84,300	84,300	84,300
1950	Vật tư ngành nước	Ø 140 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	119,900	119,900	119,900	119,900	119,900	119,900	119,900	119,900	119,900	119,900	119,900	119,900	119,900	119,900	119,900
1951	Vật tư ngành nước	Ø 160 PN6	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	127,500	127,500	127,500	127,500	127,500	127,500	127,500	127,500	127,500	127,500	127,500	127,500	127,500	127,500	127,500
1952	Vật tư ngành nước	Ø 160 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	186,300	186,300	186,300	186,300	186,300	186,300	186,300	186,300	186,300	186,300	186,300	186,300	186,300	186,300	186,300
1953	Vật tư ngành nước	Ø 200 PN6	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	244,400	244,400	244,400	244,400	244,400	244,400	244,400	244,400	244,400	244,400	244,400	244,400	244,400	244,400	244,400
1954	Vật tư ngành nước	Ø 200 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	353,100	353,100	353,100	353,100	353,100	353,100	353,100	353,100	353,100	353,100	353,100	353,100	353,100	353,100	353,100
1955	Vật tư ngành nước	Ø 225 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	654,500	654,500	654,500	654,500	654,500	654,500	654,500	654,500	654,500	654,500	654,500	654,500	654,500	654,500	654,500
1956	Vật tư ngành nước	Ø 250 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	997,300	997,300	997,300	997,300	997,300	997,300	997,300	997,300	997,300	997,300	997,300	997,300	997,300	997,300	997,300
1957	Vật tư ngành nước	Ø 315 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2,051,600	2,051,600	2,051,600	2,051,600	2,051,600	2,051,600	2,051,600	2,051,600	2,051,600	2,051,600	2,051,600	2,051,600	2,051,600	2,051,600	2,051,600
1958	Vật tư ngành nước	**Tê nhựa 45^0**		TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới															
1959	Vật tư ngành nước	Ø 60 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	24,400	24,400	24,400	24,400	24,400	24,400	24,400	24,400	24,400	24,400	24,400	24,400	24,400	24,400	24,400
1960	Vật tư ngành nước	Ø 60 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	32,300	32,300	32,300	32,300	32,300	32,300	32,300	32,300	32,300	32,300	32,300	32,300	32,300	32,300	32,300
1961	Vật tư ngành nước	Ø 75 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	46,900	46,900	46,900	46,900	46,900	46,900	46,900	46,900	46,900	46,900	46,900	46,900	46,900	46,900	46,900
1962	Vật tư ngành nước	Ø 75 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	58,800	58,800	58,800	58,800	58,800	58,800	58,800	58,800	58,800	58,800	58,800	58,800	58,800	58,800	58,800
1963	Vật tư ngành nước	Ø 90 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	57,400	57,400	57,400	57,400	57,400	57,400	57,400	57,400	57,400	57,400	57,400	57,400	57,400	57,400	57,400
1964	Vật tư ngành nước	Ø 90 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	85,300	85,300	85,300	85,300	85,300	85,300	85,300	85,300	85,300	85,300	85,300	85,300	85,300	85,300	85,300
1965	Vật tư ngành nước	Ø 110 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	86,600	86,600	86,600	86,600	86,600	86,600	86,600	86,600	86,600	86,600	86,600	86,600	86,600	86,600	86,600
1966	Vật tư ngành nước	Ø 110 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	130,500	130,500	130,500	130,500	130,500	130,500	130,500	130,500	130,500	130,500	130,500	130,500	130,500	130,500	130,500
1967	Vật tư ngành nước	Ø 125 PN6	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	170,800	170,800	170,800	170,800	170,800	170,800	170,800	170,800	170,800	170,800	170,800	170,800	170,800	170,800	170,800

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1968	Vật tư ngành nước	Ø 125 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	266,500	266,500	266,500	266,500	266,500	266,500	266,500	266,500	266,500	266,500	266,500	266,500	266,500	266,500	266,500
1969	Vật tư ngành nước	Ø 140 PN6	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	277,100	277,100	277,100	277,100	277,100	277,100	277,100	277,100	277,100	277,100	277,100	277,100	277,100	277,100	277,100
1970	Vật tư ngành nước	Ø 140 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	419,900	419,900	419,900	419,900	419,900	419,900	419,900	419,900	419,900	419,900	419,900	419,900	419,900	419,900	419,900
1971	Vật tư ngành nước	Ø 160 PN6	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	393,100	393,100	393,100	393,100	393,100	393,100	393,100	393,100	393,100	393,100	393,100	393,100	393,100	393,100	393,100
1972	Vật tư ngành nước	Ø 160 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	591,500	591,500	591,500	591,500	591,500	591,500	591,500	591,500	591,500	591,500	591,500	591,500	591,500	591,500	591,500
1973	Vật tư ngành nước	Ø 200 PN6	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	733,000	733,000	733,000	733,000	733,000	733,000	733,000	733,000	733,000	733,000	733,000	733,000	733,000	733,000	733,000
1974	Vật tư ngành nước	Ø 200 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,119,100	1,119,100	1,119,100	1,119,100	1,119,100	1,119,100	1,119,100	1,119,100	1,119,100	1,119,100	1,119,100	1,119,100	1,119,100	1,119,100	1,119,100
1975	Vật tư ngành nước	**Nút bịt nhựa**	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1976	Vật tư ngành nước	Ø 42 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2,600	2,600	2,600	2,600	2,600	2,600	2,600	2,600	2,600	2,600	2,600	2,600	2,600	2,600	2,600
1977	Vật tư ngành nước	Ø 48 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3,900	3,900	3,900	3,900	3,900	3,900	3,900	3,900	3,900	3,900	3,900	3,900	3,900	3,900	3,900
1978	Vật tư ngành nước	Ø 60 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	12,100	12,100	12,100	12,100	12,100	12,100	12,100	12,100	12,100	12,100	12,100	12,100	12,100	12,100	12,100
1979	Vật tư ngành nước	Ø 75 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000	16,000
1980	Vật tư ngành nước	Ø 90 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	26,800	26,800	26,800	26,800	26,800	26,800	26,800	26,800	26,800	26,800	26,800	26,800	26,800	26,800	26,800
1981	Vật tư ngành nước	Ø 110 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	40,000	40,000	40,000	40,000	40,000	40,000	40,000	40,000	40,000	40,000	40,000	40,000	40,000	40,000	40,000
1982	Vật tư ngành nước	Ø 125 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	46,100	46,100	46,100	46,100	46,100	46,100	46,100	46,100	46,100	46,100	46,100	46,100	46,100	46,100	46,100
1983	Vật tư ngành nước	Ø 140 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	74,900	74,900	74,900	74,900	74,900	74,900	74,900	74,900	74,900	74,900	74,900	74,900	74,900	74,900	74,900
1984	Vật tư ngành nước	Ø 160 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	91,500	91,500	91,500	91,500	91,500	91,500	91,500	91,500	91,500	91,500	91,500	91,500	91,500	91,500	91,500
1985	Vật tư ngành nước	Ø 200 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	282,900	282,900	282,900	282,900	282,900	282,900	282,900	282,900	282,900	282,900	282,900	282,900	282,900	282,900	282,900
1986	Vật tư ngành nước	Ø 225 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	379,300	379,300	379,300	379,300	379,300	379,300	379,300	379,300	379,300	379,300	379,300	379,300	379,300	379,300	379,300
1987	Vật tư ngành nước	Ø 250 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	514,300	514,300	514,300	514,300	514,300	514,300	514,300	514,300	514,300	514,300	514,300	514,300	514,300	514,300	514,300
1988	Vật tư ngành nước	Ø 315 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,089,800	1,089,800	1,089,800	1,089,800	1,089,800	1,089,800	1,089,800	1,089,800	1,089,800	1,089,800	1,089,800	1,089,800	1,089,800	1,089,800	1,089,800
1989	Vật tư ngành nước	**Tê cong nhựa**		TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
1990	Vật tư ngành nước	Ø 90 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	88,100	88,100	88,100	88,100	88,100	88,100	88,100	88,100	88,100	88,100	88,100	88,100	88,100	88,100	88,100
1991	Vật tư ngành nước	Ø 110 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	174,100	174,100	174,100	174,100	174,100	174,100	174,100	174,100	174,100	174,100	174,100	174,100	174,100	174,100	174,100
1992	Vật tư ngành nước	**Ren trong nhựa**		TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1993	Vật tư ngành nước	Ø 21 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,500	1,500	1,500	1,500	1,500	1,500	1,500	1,500	1,500	1,500	1,500	1,500	1,500	1,500	1,500
1994	Vật tư ngành nước	Ø 27 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,900	1,900	1,900	1,900	1,900	1,900	1,900	1,900	1,900	1,900	1,900	1,900	1,900	1,900	1,900
1995	Vật tư ngành nước	Ø 34 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3,400	3,400	3,400	3,400	3,400	3,400	3,400	3,400	3,400	3,400	3,400	3,400	3,400	3,400	3,400
1996	Vật tư ngành nước	Ø 42 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4,600	4,600	4,600	4,600	4,600	4,600	4,600	4,600	4,600	4,600	4,600	4,600	4,600	4,600	4,600
1997	Vật tư ngành nước	Ø 48 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	6,800	6,800	6,800	6,800	6,800	6,800	6,800	6,800	6,800	6,800	6,800	6,800	6,800	6,800	6,800
1998	Vật tư ngành nước	Ø 60 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	10,600	10,600	10,600	10,600	10,600	10,600	10,600	10,600	10,600	10,600	10,600	10,600	10,600	10,600	10,600
1999	Vật tư ngành nước	**Ren ngoài nhựa**		TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2000	Vật tư ngành nước	Ø 21 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,500	1,500	1,500	1,500	1,500	1,500	1,500	1,500	1,500	1,500	1,500	1,500	1,500	1,500	1,500
2001	Vật tư ngành nước	Ø 27 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,900	1,900	1,900	1,900	1,900	1,900	1,900	1,900	1,900	1,900	1,900	1,900	1,900	1,900	1,900
2002	Vật tư ngành nước	Ø 34 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3,400	3,400	3,400	3,400	3,400	3,400	3,400	3,400	3,400	3,400	3,400	3,400	3,400	3,400	3,400
2003	Vật tư ngành nước	Ø 42 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4,800	4,800	4,800	4,800	4,800	4,800	4,800	4,800	4,800	4,800	4,800	4,800	4,800	4,800	4,800
2004	Vật tư ngành nước	Ø 48 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	6,800	6,800	6,800	6,800	6,800	6,800	6,800	6,800	6,800	6,800	6,800	6,800	6,800	6,800	6,800
2005	Vật tư ngành nước	Ø 60 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	10,800	10,800	10,800	10,800	10,800	10,800	10,800	10,800	10,800	10,800	10,800	10,800	10,800	10,800	10,800
2006	Vật tư ngành nước	**Tê giảm nhựa**		TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2007	Vật tư ngành nước	Ø 27/21 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3,400	3,400	3,400	3,400	3,400	3,400	3,400	3,400	3,400	3,400	3,400	3,400	3,400	3,400	3,400
2008	Vật tư ngành nước	Ø 34/21 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4,400	4,400	4,400	4,400	4,400	4,400	4,400	4,400	4,400	4,400	4,400	4,400	4,400	4,400	4,400
2009	Vật tư ngành nước	Ø 34/27 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4,600	4,600	4,600	4,600	4,600	4,600	4,600	4,600	4,600	4,600	4,600	4,600	4,600	4,600	4,600
2010	Vật tư ngành nước	Ø 42/21 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	5,800	5,800	5,800	5,800	5,800	5,800	5,800	5,800	5,800	5,800	5,800	5,800	5,800	5,800	5,800
2011	Vật tư ngành nước	Ø 42/27 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	6,400	6,400	6,400	6,400	6,400	6,400	6,400	6,400	6,400	6,400	6,400	6,400	6,400	6,400	6,400

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2012	Vật tư ngành nước	Ø 42/34 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	7,800	7,800	7,800	7,800	7,800	7,800	7,800	7,800	7,800	7,800	7,800	7,800	7,800	7,800	7,800
2013	Vật tư ngành nước	Ø 48/21 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	9,400	9,400	9,400	9,400	9,400	9,400	9,400	9,400	9,400	9,400	9,400	9,400	9,400	9,400	9,400
2014	Vật tư ngành nước	Ø 48/27 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	9,500	9,500	9,500	9,500	9,500	9,500	9,500	9,500	9,500	9,500	9,500	9,500	9,500	9,500	9,500
2015	Vật tư ngành nước	Ø 48/34 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	10,000	10,000	10,000	10,000	10,000	10,000	10,000	10,000	10,000	10,000	10,000	10,000	10,000	10,000	10,000
2016	Vật tư ngành nước	Ø 48/42 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	12,900	12,900	12,900	12,900	12,900	12,900	12,900	12,900	12,900	12,900	12,900	12,900	12,900	12,900	12,900
2017	Vật tư ngành nước	Ø 60/21 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	11,600	11,600	11,600	11,600	11,600	11,600	11,600	11,600	11,600	11,600	11,600	11,600	11,600	11,600	11,600
2018	Vật tư ngành nước	Ø 60/27 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	13,100	13,100	13,100	13,100	13,100	13,100	13,100	13,100	13,100	13,100	13,100	13,100	13,100	13,100	13,100
2019	Vật tư ngành nước	Ø 60/34 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	14,400	14,400	14,400	14,400	14,400	14,400	14,400	14,400	14,400	14,400	14,400	14,400	14,400	14,400	14,400
2020	Vật tư ngành nước	Ø 60/42 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	15,900	15,900	15,900	15,900	15,900	15,900	15,900	15,900	15,900	15,900	15,900	15,900	15,900	15,900	15,900
2021	Vật tư ngành nước	Ø 60/48 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	16,600	16,600	16,600	16,600	16,600	16,600	16,600	16,600	16,600	16,600	16,600	16,600	16,600	16,600	16,600
2022	Vật tư ngành nước	Ø 75/34 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	21,900	21,900	21,900	21,900	21,900	21,900	21,900	21,900	21,900	21,900	21,900	21,900	21,900	21,900	21,900
2023	Vật tư ngành nước	Ø 75/42 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	23,400	23,400	23,400	23,400	23,400	23,400	23,400	23,400	23,400	23,400	23,400	23,400	23,400	23,400	23,400
2024	Vật tư ngành nước	Ø 75/48 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	26,500	26,500	26,500	26,500	26,500	26,500	26,500	26,500	26,500	26,500	26,500	26,500	26,500	26,500	26,500
2025	Vật tư ngành nước	Ø 75/60 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	29,600	29,600	29,600	29,600	29,600	29,600	29,600	29,600	29,600	29,600	29,600	29,600	29,600	29,600	29,600
2026	Vật tư ngành nước	Ø 90/34 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	37,800	37,800	37,800	37,800	37,800	37,800	37,800	37,800	37,800	37,800	37,800	37,800	37,800	37,800	37,800
2027	Vật tư ngành nước	Ø 90/42 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	30,800	30,800	30,800	30,800	30,800	30,800	30,800	30,800	30,800	30,800	30,800	30,800	30,800	30,800	30,800
2028	Vật tư ngành nước	Ø 90/48 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	35,500	35,500	35,500	35,500	35,500	35,500	35,500	35,500	35,500	35,500	35,500	35,500	35,500	35,500	35,500
2029	Vật tư ngành nước	Ø 90/60 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	45,600	45,600	45,600	45,600	45,600	45,600	45,600	45,600	45,600	45,600	45,600	45,600	45,600	45,600	45,600
2030	Vật tư ngành nước	Ø 90/75 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	52,600	52,600	52,600	52,600	52,600	52,600	52,600	52,600	52,600	52,600	52,600	52,600	52,600	52,600	52,600
2031	Vật tư ngành nước	Ø 110/34 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	55,600	55,600	55,600	55,600	55,600	55,600	55,600	55,600	55,600	55,600	55,600	55,600	55,600	55,600	55,600
2032	Vật tư ngành nước	Ø 110/42 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	56,500	56,500	56,500	56,500	56,500	56,500	56,500	56,500	56,500	56,500	56,500	56,500	56,500	56,500	56,500
2033	Vật tư ngành nước	Ø 110/48 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	50,100	50,100	50,100	50,100	50,100	50,100	50,100	50,100	50,100	50,100	50,100	50,100	50,100	50,100	50,100

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2034	Vật tư ngành nước	Ø 110/60 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	52,900	52,900	52,900	52,900	52,900	52,900	52,900	52,900	52,900	52,900	52,900	52,900	52,900	52,900	52,900
2035	Vật tư ngành nước	Ø 110/75 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	58,300	58,300	58,300	58,300	58,300	58,300	58,300	58,300	58,300	58,300	58,300	58,300	58,300	58,300	58,300
2036	Vật tư ngành nước	Ø 110/90 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	67,000	67,000	67,000	67,000	67,000	67,000	67,000	67,000	67,000	67,000	67,000	67,000	67,000	67,000	67,000
2037	Vật tư ngành nước	Ø 125/75 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	205,800	205,800	205,800	205,800	205,800	205,800	205,800	205,800	205,800	205,800	205,800	205,800	205,800	205,800	205,800
2038	Vật tư ngành nước	Ø 125/90 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	205,000	205,000	205,000	205,000	205,000	205,000	205,000	205,000	205,000	205,000	205,000	205,000	205,000	205,000	205,000
2039	Vật tư ngành nước	Ø 125/110 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	234,400	234,400	234,400	234,400	234,400	234,400	234,400	234,400	234,400	234,400	234,400	234,400	234,400	234,400	234,400
2040	Vật tư ngành nước	Ø 140/90 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	249,000	249,000	249,000	249,000	249,000	249,000	249,000	249,000	249,000	249,000	249,000	249,000	249,000	249,000	249,000
2041	Vật tư ngành nước	Ø 140/110 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	293,600	293,600	293,600	293,600	293,600	293,600	293,600	293,600	293,600	293,600	293,600	293,600	293,600	293,600	293,600
2042	Vật tư ngành nước	Ø 160/75 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	418,000	418,000	418,000	418,000	418,000	418,000	418,000	418,000	418,000	418,000	418,000	418,000	418,000	418,000	418,000
2043	Vật tư ngành nước	Ø 160/90 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	418,000	418,000	418,000	418,000	418,000	418,000	418,000	418,000	418,000	418,000	418,000	418,000	418,000	418,000	418,000
2044	Vật tư ngành nước	Ø 160/110 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	418,000	418,000	418,000	418,000	418,000	418,000	418,000	418,000	418,000	418,000	418,000	418,000	418,000	418,000	418,000
2045	Vật tư ngành nước	Ø 160/125 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	428,600	428,600	428,600	428,600	428,600	428,600	428,600	428,600	428,600	428,600	428,600	428,600	428,600	428,600	428,600
2046	Vật tư ngành nước	Ø 160/140 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	447,600	447,600	447,600	447,600	447,600	447,600	447,600	447,600	447,600	447,600	447,600	447,600	447,600	447,600	447,600
2047	Vật tư ngành nước	Ø 200/110 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	580,300	580,300	580,300	580,300	580,300	580,300	580,300	580,300	580,300	580,300	580,300	580,300	580,300	580,300	580,300
2048	Vật tư ngành nước	**Côn giảm nhựa**		TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2049	Vật tư ngành nước	Ø 27/21 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,500	1,500	1,500	1,500	1,500	1,500	1,500	1,500	1,500	1,500	1,500	1,500	1,500	1,500	1,500
2050	Vật tư ngành nước	Ø 34/21 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2,100	2,100	2,100	2,100	2,100	2,100	2,100	2,100	2,100	2,100	2,100	2,100	2,100	2,100	2,100
2051	Vật tư ngành nước	Ø 34/27 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2,800	2,800	2,800	2,800	2,800	2,800	2,800	2,800	2,800	2,800	2,800	2,800	2,800	2,800	2,800
2052	Vật tư ngành nước	Ø 42/21 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3,300	3,300	3,300	3,300	3,300	3,300	3,300	3,300	3,300	3,300	3,300	3,300	3,300	3,300	3,300
2053	Vật tư ngành nước	Ø 42/27 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3,400	3,400	3,400	3,400	3,400	3,400	3,400	3,400	3,400	3,400	3,400	3,400	3,400	3,400	3,400
2054	Vật tư ngành nước	Ø 42/34 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3,600	3,600	3,600	3,600	3,600	3,600	3,600	3,600	3,600	3,600	3,600	3,600	3,600	3,600	3,600
2055	Vật tư ngành nước	Ø 48/21 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4,400	4,400	4,400	4,400	4,400	4,400	4,400	4,400	4,400	4,400	4,400	4,400	4,400	4,400	4,400

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2056	Vật tư ngành nước	Ø 48/27 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4,500	4,500	4,500	4,500	4,500	4,500	4,500	4,500	4,500	4,500	4,500	4,500	4,500	4,500	4,500
2057	Vật tư ngành nước	Ø 48/34 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4,600	4,600	4,600	4,600	4,600	4,600	4,600	4,600	4,600	4,600	4,600	4,600	4,600	4,600	4,600
2058	Vật tư ngành nước	Ø 48/42 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4,800	4,800	4,800	4,800	4,800	4,800	4,800	4,800	4,800	4,800	4,800	4,800	4,800	4,800	4,800
2059	Vật tư ngành nước	Ø 60/21 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	6,000	6,000	6,000	6,000	6,000	6,000	6,000	6,000	6,000	6,000	6,000	6,000	6,000	6,000	6,000
2060	Vật tư ngành nước	Ø 60/27 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	7,300	7,300	7,300	7,300	7,300	7,300	7,300	7,300	7,300	7,300	7,300	7,300	7,300	7,300	7,300
2061	Vật tư ngành nước	Ø 60/34 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	7,300	7,300	7,300	7,300	7,300	7,300	7,300	7,300	7,300	7,300	7,300	7,300	7,300	7,300	7,300
2062	Vật tư ngành nước	Ø 60/42 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	7,300	7,300	7,300	7,300	7,300	7,300	7,300	7,300	7,300	7,300	7,300	7,300	7,300	7,300	7,300
2063	Vật tư ngành nước	Ø 60/48 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	7,600	7,600	7,600	7,600	7,600	7,600	7,600	7,600	7,600	7,600	7,600	7,600	7,600	7,600	7,600
2064	Vật tư ngành nước	Ø 75/34 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	11,500	11,500	11,500	11,500	11,500	11,500	11,500	11,500	11,500	11,500	11,500	11,500	11,500	11,500	11,500
2065	Vật tư ngành nước	Ø 75/42 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	11,500	11,500	11,500	11,500	11,500	11,500	11,500	11,500	11,500	11,500	11,500	11,500	11,500	11,500	11,500
2066	Vật tư ngành nước	Ø 75/48 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	11,500	11,500	11,500	11,500	11,500	11,500	11,500	11,500	11,500	11,500	11,500	11,500	11,500	11,500	11,500
2067	Vật tư ngành nước	Ø 75/60 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	12,000	12,000	12,000	12,000	12,000	12,000	12,000	12,000	12,000	12,000	12,000	12,000	12,000	12,000	12,000
2068	Vật tư ngành nước	Ø 90/34 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	15,400	15,400	15,400	15,400	15,400	15,400	15,400	15,400	15,400	15,400	15,400	15,400	15,400	15,400	15,400
2069	Vật tư ngành nước	Ø 90/42 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	16,600	16,600	16,600	16,600	16,600	16,600	16,600	16,600	16,600	16,600	16,600	16,600	16,600	16,600	16,600
2070	Vật tư ngành nước	Ø 90/48 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	16,800	16,800	16,800	16,800	16,800	16,800	16,800	16,800	16,800	16,800	16,800	16,800	16,800	16,800	16,800
2071	Vật tư ngành nước	Ø 90/60 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	17,900	17,900	17,900	17,900	17,900	17,900	17,900	17,900	17,900	17,900	17,900	17,900	17,900	17,900	17,900
2072	Vật tư ngành nước	Ø 90/75 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	18,600	18,600	18,600	18,600	18,600	18,600	18,600	18,600	18,600	18,600	18,600	18,600	18,600	18,600	18,600
2073	Vật tư ngành nước	Ø 110/34 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	25,100	25,100	25,100	25,100	25,100	25,100	25,100	25,100	25,100	25,100	25,100	25,100	25,100	25,100	25,100
2074	Vật tư ngành nước	Ø 110/42 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	24,100	24,100	24,100	24,100	24,100	24,100	24,100	24,100	24,100	24,100	24,100	24,100	24,100	24,100	24,100
2075	Vật tư ngành nước	Ø 110/48 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	24,100	24,100	24,100	24,100	24,100	24,100	24,100	24,100	24,100	24,100	24,100	24,100	24,100	24,100	24,100
2076	Vật tư ngành nước	Ø 110/60 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	25,300	25,300	25,300	25,300	25,300	25,300	25,300	25,300	25,300	25,300	25,300	25,300	25,300	25,300	25,300
2077	Vật tư ngành nước	Ø 110/75 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	25,500	25,500	25,500	25,500	25,500	25,500	25,500	25,500	25,500	25,500	25,500	25,500	25,500	25,500	25,500

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2078	Vật tư ngành nước	Ø 110/90 PN8	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	26,300	26,300	26,300	26,300	26,300	26,300	26,300	26,300	26,300	26,300	26,300	26,300	26,300	26,300	26,300
2079	Vật tư ngành nước	Ø 125/75 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	74,100	74,100	74,100	74,100	74,100	74,100	74,100	74,100	74,100	74,100	74,100	74,100	74,100	74,100	74,100
2080	Vật tư ngành nước	Ø 125/90 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	82,900	82,900	82,900	82,900	82,900	82,900	82,900	82,900	82,900	82,900	82,900	82,900	82,900	82,900	82,900
2081	Vật tư ngành nước	Ø 125/110 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	116,100	116,100	116,100	116,100	116,100	116,100	116,100	116,100	116,100	116,100	116,100	116,100	116,100	116,100	116,100
2082	Vật tư ngành nước	Ø 140/90 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	123,300	123,300	123,300	123,300	123,300	123,300	123,300	123,300	123,300	123,300	123,300	123,300	123,300	123,300	123,300
2083	Vật tư ngành nước	Ø 140/110 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	126,400	126,400	126,400	126,400	126,400	126,400	126,400	126,400	126,400	126,400	126,400	126,400	126,400	126,400	126,400
2084	Vật tư ngành nước	Ø 160/90 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	133,800	133,800	133,800	133,800	133,800	133,800	133,800	133,800	133,800	133,800	133,800	133,800	133,800	133,800	133,800
2085	Vật tư ngành nước	Ø 160/110 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	151,900	151,900	151,900	151,900	151,900	151,900	151,900	151,900	151,900	151,900	151,900	151,900	151,900	151,900	151,900
2086	Vật tư ngành nước	Ø 160/125 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	184,600	184,600	184,600	184,600	184,600	184,600	184,600	184,600	184,600	184,600	184,600	184,600	184,600	184,600	184,600
2087	Vật tư ngành nước	Ø 160/140 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	228,300	228,300	228,300	228,300	228,300	228,300	228,300	228,300	228,300	228,300	228,300	228,300	228,300	228,300	228,300
2088	Vật tư ngành nước	Ø 200/110 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	286,100	286,100	286,100	286,100	286,100	286,100	286,100	286,100	286,100	286,100	286,100	286,100	286,100	286,100	286,100
2089	Vật tư ngành nước	Ø 200/160 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	324,400	324,400	324,400	324,400	324,400	324,400	324,400	324,400	324,400	324,400	324,400	324,400	324,400	324,400	324,400
2090	Vật tư ngành nước	Ø 225/160 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	445,400	445,400	445,400	445,400	445,400	445,400	445,400	445,400	445,400	445,400	445,400	445,400	445,400	445,400	445,400
2091	Vật tư ngành nước	Ø 225/200 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	385,600	385,600	385,600	385,600	385,600	385,600	385,600	385,600	385,600	385,600	385,600	385,600	385,600	385,600	385,600
2092	Vật tư ngành nước	Ø 250/110 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	444,100	444,100	444,100	444,100	444,100	444,100	444,100	444,100	444,100	444,100	444,100	444,100	444,100	444,100	444,100
2093	Vật tư ngành nước	Ø 250/160 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	468,900	468,900	468,900	468,900	468,900	468,900	468,900	468,900	468,900	468,900	468,900	468,900	468,900	468,900	468,900
2094	Vật tư ngành nước	Ø 250/200 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	541,600	541,600	541,600	541,600	541,600	541,600	541,600	541,600	541,600	541,600	541,600	541,600	541,600	541,600	541,600
2095	Vật tư ngành nước	Ø 315/160 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	990,400	990,400	990,400	990,400	990,400	990,400	990,400	990,400	990,400	990,400	990,400	990,400	990,400	990,400	990,400
2096	Vật tư ngành nước	Ø 315/200 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,027,100	1,027,100	1,027,100	1,027,100	1,027,100	1,027,100	1,027,100	1,027,100	1,027,100	1,027,100	1,027,100	1,027,100	1,027,100	1,027,100	1,027,100
2097	Vật tư ngành nước	Ø 315/250 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,057,600	1,057,600	1,057,600	1,057,600	1,057,600	1,057,600	1,057,600	1,057,600	1,057,600	1,057,600	1,057,600	1,057,600	1,057,600	1,057,600	1,057,600
2098	Vật tư ngành nước	**Bạc chuyển bậc**		TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2099	Vật tư ngành nước	Ø 75/34 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	11,100	11,100	11,100	11,100	11,100	11,100	11,100	11,100	11,100	11,100	11,100	11,100	11,100	11,100	11,100

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2100	Vật tư ngành nước	Ø 75/42 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	11,100	11,100	11,100	11,100	11,100	11,100	11,100	11,100	11,100	11,100	11,100	11,100	11,100	11,100	11,100
2101	Vật tư ngành nước	Ø 75/48 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	11,100	11,100	11,100	11,100	11,100	11,100	11,100	11,100	11,100	11,100	11,100	11,100	11,100	11,100	11,100
2102	Vật tư ngành nước	Ø 75/60 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	11,100	11,100	11,100	11,100	11,100	11,100	11,100	11,100	11,100	11,100	11,100	11,100	11,100	11,100	11,100
2103	Vật tư ngành nước	Ø 90/34 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000	17,000
2104	Vật tư ngành nước	Ø 90/42 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	17,100	17,100	17,100	17,100	17,100	17,100	17,100	17,100	17,100	17,100	17,100	17,100	17,100	17,100	17,100
2105	Vật tư ngành nước	Ø 90/48 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	18,000	18,000	18,000	18,000	18,000	18,000	18,000	18,000	18,000	18,000	18,000	18,000	18,000	18,000	18,000
2106	Vật tư ngành nước	Ø 90/60 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	19,400	19,400	19,400	19,400	19,400	19,400	19,400	19,400	19,400	19,400	19,400	19,400	19,400	19,400	19,400
2107	Vật tư ngành nước	Ø 90/75 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	17,300	17,300	17,300	17,300	17,300	17,300	17,300	17,300	17,300	17,300	17,300	17,300	17,300	17,300	17,300
2108	Vật tư ngành nước	Ø 110/42 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	30,400	30,400	30,400	30,400	30,400	30,400	30,400	30,400	30,400	30,400	30,400	30,400	30,400	30,400	30,400
2109	Vật tư ngành nước	Ø 110/48 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	33,900	33,900	33,900	33,900	33,900	33,900	33,900	33,900	33,900	33,900	33,900	33,900	33,900	33,900	33,900
2110	Vật tư ngành nước	Ø 110/60 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	35,300	35,300	35,300	35,300	35,300	35,300	35,300	35,300	35,300	35,300	35,300	35,300	35,300	35,300	35,300
2111	Vật tư ngành nước	Ø 110/75 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	37,600	37,600	37,600	37,600	37,600	37,600	37,600	37,600	37,600	37,600	37,600	37,600	37,600	37,600	37,600
2112	Vật tư ngành nước	Ø 110/90 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	39,800	39,800	39,800	39,800	39,800	39,800	39,800	39,800	39,800	39,800	39,800	39,800	39,800	39,800	39,800
2113	Vật tư ngành nước	Ø 125/75 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	54,300	54,300	54,300	54,300	54,300	54,300	54,300	54,300	54,300	54,300	54,300	54,300	54,300	54,300	54,300
2114	Vật tư ngành nước	Ø 125/90 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	54,300	54,300	54,300	54,300	54,300	54,300	54,300	54,300	54,300	54,300	54,300	54,300	54,300	54,300	54,300
2115	Vật tư ngành nước	Ø 125/110 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	54,300	54,300	54,300	54,300	54,300	54,300	54,300	54,300	54,300	54,300	54,300	54,300	54,300	54,300	54,300
2116	Vật tư ngành nước	Ø 140/75 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	47,000	47,000	47,000	47,000	47,000	47,000	47,000	47,000	47,000	47,000	47,000	47,000	47,000	47,000	47,000
2117	Vật tư ngành nước	Ø 140/90 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	62,300	62,300	62,300	62,300	62,300	62,300	62,300	62,300	62,300	62,300	62,300	62,300	62,300	62,300	62,300
2118	Vật tư ngành nước	Ø 140/110 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	62,300	62,300	62,300	62,300	62,300	62,300	62,300	62,300	62,300	62,300	62,300	62,300	62,300	62,300	62,300
2119	Vật tư ngành nước	Ø 140/125 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	62,300	62,300	62,300	62,300	62,300	62,300	62,300	62,300	62,300	62,300	62,300	62,300	62,300	62,300	62,300
2120	Vật tư ngành nước	Ø 160/90 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	93,300	93,300	93,300	93,300	93,300	93,300	93,300	93,300	93,300	93,300	93,300	93,300	93,300	93,300	93,300
2121	Vật tư ngành nước	Ø 160/110 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	102,500	102,500	102,500	102,500	102,500	102,500	102,500	102,500	102,500	102,500	102,500	102,500	102,500	102,500	102,500

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2122	Vật tư ngành nước	Ø 160/125 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	102,500	102,500	102,500	102,500	102,500	102,500	102,500	102,500	102,500	102,500	102,500	102,500	102,500	102,500	102,500
2123	Vật tư ngành nước	Ø 160/140 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	102,500	102,500	102,500	102,500	102,500	102,500	102,500	102,500	102,500	102,500	102,500	102,500	102,500	102,500	102,500
2124	Vật tư ngành nước	Ø 200/110 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	182,000	182,000	182,000	182,000	182,000	182,000	182,000	182,000	182,000	182,000	182,000	182,000	182,000	182,000	182,000
2125	Vật tư ngành nước	Ø 200/125 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	182,000	182,000	182,000	182,000	182,000	182,000	182,000	182,000	182,000	182,000	182,000	182,000	182,000	182,000	182,000
2126	Vật tư ngành nước	Ø 200/140 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	182,000	182,000	182,000	182,000	182,000	182,000	182,000	182,000	182,000	182,000	182,000	182,000	182,000	182,000	182,000
2127	Vật tư ngành nước	Ø 200/160 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	182,000	182,000	182,000	182,000	182,000	182,000	182,000	182,000	182,000	182,000	182,000	182,000	182,000	182,000	182,000
2128	Vật tư ngành nước	Ø 225/200 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	688,100	688,100	688,100	688,100	688,100	688,100	688,100	688,100	688,100	688,100	688,100	688,100	688,100	688,100	688,100
2129	Vật tư ngành nước	**Tê giảm nhựa 45°**		TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2130	Vật tư ngành nước	Ø 75/60 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	53,600	53,600	53,600	53,600	53,600	53,600	53,600	53,600	53,600	53,600	53,600	53,600	53,600	53,600	53,600
2131	Vật tư ngành nước	Ø 90/60 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	74,900	74,900	74,900	74,900	74,900	74,900	74,900	74,900	74,900	74,900	74,900	74,900	74,900	74,900	74,900
2132	Vật tư ngành nước	Ø 90/75 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	89,300	89,300	89,300	89,300	89,300	89,300	89,300	89,300	89,300	89,300	89,300	89,300	89,300	89,300	89,300
2133	Vật tư ngành nước	Ø 110/60 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	102,400	102,400	102,400	102,400	102,400	102,400	102,400	102,400	102,400	102,400	102,400	102,400	102,400	102,400	102,400
2134	Vật tư ngành nước	Ø 110/75 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	115,400	115,400	115,400	115,400	115,400	115,400	115,400	115,400	115,400	115,400	115,400	115,400	115,400	115,400	115,400
2135	Vật tư ngành nước	Ø 110/90 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	121,600	121,600	121,600	121,600	121,600	121,600	121,600	121,600	121,600	121,600	121,600	121,600	121,600	121,600	121,600
2136	Vật tư ngành nước	Ø 125/75 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	173,300	173,300	173,300	173,300	173,300	173,300	173,300	173,300	173,300	173,300	173,300	173,300	173,300	173,300	173,300
2137	Vật tư ngành nước	Ø 125/90 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	171,500	171,500	171,500	171,500	171,500	171,500	171,500	171,500	171,500	171,500	171,500	171,500	171,500	171,500	171,500
2138	Vật tư ngành nước	Ø 125/110 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	226,600	226,600	226,600	226,600	226,600	226,600	226,600	226,600	226,600	226,600	226,600	226,600	226,600	226,600	226,600
2139	Vật tư ngành nước	Ø 140/75 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	198,000	198,000	198,000	198,000	198,000	198,000	198,000	198,000	198,000	198,000	198,000	198,000	198,000	198,000	198,000
2140	Vật tư ngành nước	Ø 140/90 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	270,000	270,000	270,000	270,000	270,000	270,000	270,000	270,000	270,000	270,000	270,000	270,000	270,000	270,000	270,000
2141	Vật tư ngành nước	Ø 140/110 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	290,600	290,600	290,600	290,600	290,600	290,600	290,600	290,600	290,600	290,600	290,600	290,600	290,600	290,600	290,600
2142	Vật tư ngành nước	Ø 160/90 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	315,300	315,300	315,300	315,300	315,300	315,300	315,300	315,300	315,300	315,300	315,300	315,300	315,300	315,300	315,300
2143	Vật tư ngành nước	Ø 160/110 PN10	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	352,000	352,000	352,000	352,000	352,000	352,000	352,000	352,000	352,000	352,000	352,000	352,000	352,000	352,000	352,000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2144	Vật tư ngành nước	**Bít xả thông tắc**		TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2145	Vật tư ngành nước	Ø60	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	13,300	13,300	13,300	13,300	13,300	13,300	13,300	13,300	13,300	13,300	13,300	13,300	13,300	13,300	13,300
2146	Vật tư ngành nước	Ø75	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	19,300	19,300	19,300	19,300	19,300	19,300	19,300	19,300	19,300	19,300	19,300	19,300	19,300	19,300	19,300
2147	Vật tư ngành nước	Ø90	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	28,000	28,000	28,000	28,000	28,000	28,000	28,000	28,000	28,000	28,000	28,000	28,000	28,000	28,000	28,000
2148	Vật tư ngành nước	Ø110	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	37,300	37,300	37,300	37,300	37,300	37,300	37,300	37,300	37,300	37,300	37,300	37,300	37,300	37,300	37,300
2149	Vật tư ngành nước	Ø125	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	53,400	53,400	53,400	53,400	53,400	53,400	53,400	53,400	53,400	53,400	53,400	53,400	53,400	53,400	53,400
2150	Vật tư ngành nước	Ø140	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	70,600	70,600	70,600	70,600	70,600	70,600	70,600	70,600	70,600	70,600	70,600	70,600	70,600	70,600	70,600
2151	Vật tư ngành nước	Ø160	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	94,600	94,600	94,600	94,600	94,600	94,600	94,600	94,600	94,600	94,600	94,600	94,600	94,600	94,600	94,600
2152	Vật tư ngành nước	Ø200	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	332,300	332,300	332,300	332,300	332,300	332,300	332,300	332,300	332,300	332,300	332,300	332,300	332,300	332,300	332,300
2153	Vật tư ngành nước	**Xi phông (con thỏ)**	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2154	Vật tư ngành nước	Ø60	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	35,000	35,000	35,000	35,000	35,000	35,000	35,000	35,000	35,000	35,000	35,000	35,000	35,000	35,000	35,000
2155	Vật tư ngành nước	Ø75	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	66,900	66,900	66,900	66,900	66,900	66,900	66,900	66,900	66,900	66,900	66,900	66,900	66,900	66,900	66,900
2156	Vật tư ngành nước	Ø90	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	88,400	88,400	88,400	88,400	88,400	88,400	88,400	88,400	88,400	88,400	88,400	88,400	88,400	88,400	88,400
2157	Vật tư ngành nước	Ø110	cái	TCVN 8491-3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	147,100	147,100	147,100	147,100	147,100	147,100	147,100	147,100	147,100	147,100	147,100	147,100	147,100	147,100	147,100
2158	Vật tư ngành nước	**Keo dán**				Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2159	Vật tư ngành nước	15g	hộp			Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4,000	4,000	4,000	4,000	4,000	4,000	4,000	4,000	4,000	4,000	4,000	4,000	4,000	4,000	4,000
2160	Vật tư ngành nước	30g	hộp			Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	9,600	9,600	9,600	9,600	9,600	9,600	9,600	9,600	9,600	9,600	9,600	9,600	9,600	9,600	9,600
2161	Vật tư ngành nước	50g	hộp			Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	86,400	86,400	86,400	86,400	86,400	86,400	86,400	86,400	86,400	86,400	86,400	86,400	86,400	86,400	86,400
2162	Vật tư ngành nước	1000g	hộp			Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	173,000	173,000	173,000	173,000	173,000	173,000	173,000	173,000	173,000	173,000	173,000	173,000	173,000	173,000	173,000
2163	Vật tư ngành nước	**Hố ga**				Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2164	Vật tư ngành nước	Hố ga 2 đầu ngang thân 225/MS lệch 110	đ/cái	TCVN 12755:2020		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	861,800	861,800	861,800	861,800	861,800	861,800	861,800	861,800	861,800	861,800	861,800	861,800	861,800	861,800	861,800
2165	Vật tư ngành nước	Hố ga 2 đầu ngang thân 225/MS lệch 110	đ/cái	TCVN 12755:2020		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	861,800	861,800	861,800	861,800	861,800	861,800	861,800	861,800	861,800	861,800	861,800	861,800	861,800	861,800	861,800

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2166	Vật tư ngành nước	Hố ga 2 đầu đứng tê cong 160/110	đ/cái	TCVN 12755:2020		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	280,200	280,200	280,200	280,200	280,200	280,200	280,200	280,200	280,200	280,200	280,200	280,200	280,200	280,200	280,200
2167	Vật tư ngành nước	Hố ga 2 đầu ngang thân 200/cút 160	đ/cái	TCVN 12755:2020		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	978,100	978,100	978,100	978,100	978,100	978,100	978,100	978,100	978,100	978,100	978,100	978,100	978,100	978,100	978,100
2168	Vật tư ngành nước	Hố ga 4 đầu thân 200/thập lệch 160/110	đ/cái	TCVN 12755:2020		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,566,900	1,566,900	1,566,900	1,566,900	1,566,900	1,566,900	1,566,900	1,566,900	1,566,900	1,566,900	1,566,900	1,566,900	1,566,900	1,566,900	1,566,900
2169	Vật tư ngành nước	Hố ga 4 đầu thân 200/thập lệch 160/110	đ/cái	TCVN 12755:2020		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2,290,800	2,290,800	2,290,800	2,290,800	2,290,800	2,290,800	2,290,800	2,290,800	2,290,800	2,290,800	2,290,800	2,290,800	2,290,800	2,290,800	2,290,800
2170	Vật tư ngành nước	Nắp đậy hố ga 200 Composite (tải trọng 1.5 tấn)	đ/cái	TCVN 12755:2020		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,346,300	1,346,300	1,346,300	1,346,300	1,346,300	1,346,300	1,346,300	1,346,300	1,346,300	1,346,300	1,346,300	1,346,300	1,346,300	1,346,300	1,346,300
2171	Vật tư ngành nước	Nắp đậy hố ga 225 Composite (tải trọng 1.5 tấn)	đ/cái	TCVN 12755:2020		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1,346,300	1,346,300	1,346,300	1,346,300	1,346,300	1,346,300	1,346,300	1,346,300	1,346,300	1,346,300	1,346,300	1,346,300	1,346,300	1,346,300	1,346,300
2172	Vật tư ngành nước	Nắp đậy hố ga 160 nhựa	đ/cái	TCVN 12755:2020		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	887,300	887,300	887,300	887,300	887,300	887,300	887,300	887,300	887,300	887,300	887,300	887,300	887,300	887,300	887,300
2173	Vật tư ngành nước	Nút bịt hố ga 110 nhựa	đ/cái	TCVN 12755:2020		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	44,500	44,500	44,500	44,500	44,500	44,500	44,500	44,500	44,500	44,500	44,500	44,500	44,500	44,500	44,500
2174	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø21	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	21 x 1.3mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	8,082	8,082	8,082	8,082	8,082	8,082	8,082	8,082	8,082	8,082	8,082	8,082	8,082	8,082	8,082
2175	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø21	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	21 x 1.7mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	9,439	9,439	9,439	9,439	9,439	9,439	9,439	9,439	9,439	9,439	9,439	9,439	9,439	9,439	9,439
2176	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø21	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	21 x 3.0mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	14,763	14,763	14,763	14,763	14,763	14,763	14,763	14,763	14,763	14,763	14,763	14,763	14,763	14,763	14,763
2177	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø27	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	27 x 1.3mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	9,595	9,595	9,595	9,595	9,595	9,595	9,595	9,595	9,595	9,595	9,595	9,595	9,595	9,595	9,595
2178	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø27	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	27 x 1.6mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	11,515	11,515	11,515	11,515	11,515	11,515	11,515	11,515	11,515	11,515	11,515	11,515	11,515	11,515	11,515
2179	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø27	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	27 x 1.9mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	13,286	13,286	13,286	13,286	13,286	13,286	13,286	13,286	13,286	13,286	13,286	13,286	13,286	13,286	13,286
2180	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø27	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	27 x 3.0mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	20,328	20,328	20,328	20,328	20,328	20,328	20,328	20,328	20,328	20,328	20,328	20,328	20,328	20,328	20,328
2181	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø34	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	34 x 1.4mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	13,139	13,139	13,139	13,139	13,139	13,139	13,139	13,139	13,139	13,139	13,139	13,139	13,139	13,139	13,139
2182	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø34	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	34 x 1.9mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	17,425	17,425	17,425	17,425	17,425	17,425	17,425	17,425	17,425	17,425	17,425	17,425	17,425	17,425	17,425
2183	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø34	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	34 x 2.2mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	19,929	19,929	19,929	19,929	19,929	19,929	19,929	19,929	19,929	19,929	19,929	19,929	19,929	19,929	19,929
2184	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø34	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	34 x 3.0mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	25,096	25,096	25,096	25,096	25,096	25,096	25,096	25,096	25,096	25,096	25,096	25,096	25,096	25,096	25,096
2185	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø42	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	42 x 1.4mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	16,829	16,829	16,829	16,829	16,829	16,829	16,829	16,829	16,829	16,829	16,829	16,829	16,829	16,829	16,829
2186	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø42	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	42 x 1.9mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	22,144	22,144	22,144	22,144	22,144	22,144	22,144	22,144	22,144	22,144	22,144	22,144	22,144	22,144	22,144
2187	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø42	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	42 x 2.2mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	25,096	25,096	25,096	25,096	25,096	25,096	25,096	25,096	25,096	25,096	25,096	25,096	25,096	25,096	25,096

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2188	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø42	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	42 x 3.0mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiên 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	32,477	32,477	32,477	32,477	32,477	32,477	32,477	32,477	32,477	32,477	32,477	32,477	32,477	32,477	32,477
2189	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø49	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	49 x 1.5mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiên 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	21,006	21,006	21,006	21,006	21,006	21,006	21,006	21,006	21,006	21,006	21,006	21,006	21,006	21,006	21,006
2190	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø49	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	49 x 1.8mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiên 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	24,607	24,607	24,607	24,607	24,607	24,607	24,607	24,607	24,607	24,607	24,607	24,607	24,607	24,607	24,607
2191	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø49	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	49 x 2.1mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiên 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	28,048	28,048	28,048	28,048	28,048	28,048	28,048	28,048	28,048	28,048	28,048	28,048	28,048	28,048	28,048
2192	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø49	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	49 x 2.5mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiên 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	33,009	33,009	33,009	33,009	33,009	33,009	33,009	33,009	33,009	33,009	33,009	33,009	33,009	33,009	33,009
2193	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø49	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	49 x 3.0mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiên 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	38,561	38,561	38,561	38,561	38,561	38,561	38,561	38,561	38,561	38,561	38,561	38,561	38,561	38,561	38,561
2194	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø60	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	60 x 1.6mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiên 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	28,508	28,508	28,508	28,508	28,508	28,508	28,508	28,508	28,508	28,508	28,508	28,508	28,508	28,508	28,508
2195	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø60	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	60 x 1.8mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiên 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	31,739	31,739	31,739	31,739	31,739	31,739	31,739	31,739	31,739	31,739	31,739	31,739	31,739	31,739	31,739
2196	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø60	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	60 x 2.0mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiên 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	34,510	34,510	34,510	34,510	34,510	34,510	34,510	34,510	34,510	34,510	34,510	34,510	34,510	34,510	34,510
2197	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø60	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	60 x 2.3mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiên 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	39,120	39,120	39,120	39,120	39,120	39,120	39,120	39,120	39,120	39,120	39,120	39,120	39,120	39,120	39,120
2198	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø60	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	60 x 2.5mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiên 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	42,663	42,663	42,663	42,663	42,663	42,663	42,663	42,663	42,663	42,663	42,663	42,663	42,663	42,663	42,663
2199	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø60	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	60 x 3.0mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiên 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	49,369	49,369	49,369	49,369	49,369	49,369	49,369	49,369	49,369	49,369	49,369	49,369	49,369	49,369	49,369
2200	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø76	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	76 x 1.8mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiên 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	39,461	39,461	39,461	39,461	39,461	39,461	39,461	39,461	39,461	39,461	39,461	39,461	39,461	39,461	39,461
2201	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø76	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	76 x 2.2mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiên 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	47,563	47,563	47,563	47,563	47,563	47,563	47,563	47,563	47,563	47,563	47,563	47,563	47,563	47,563	47,563
2202	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø76	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	76 x 3.6mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiên 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	75,022	75,022	75,022	75,022	75,022	75,022	75,022	75,022	75,022	75,022	75,022	75,022	75,022	75,022	75,022
2203	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø90	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	90 x 1.7mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiên 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	42,463	42,463	42,463	42,463	42,463	42,463	42,463	42,463	42,463	42,463	42,463	42,463	42,463	42,463	42,463
2204	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø90	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	90 x 2.0mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiên 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	51,014	51,014	51,014	51,014	51,014	51,014	51,014	51,014	51,014	51,014	51,014	51,014	51,014	51,014	51,014
2205	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø90	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	90 x 2.6mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiên 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	65,269	65,269	65,269	65,269	65,269	65,269	65,269	65,269	65,269	65,269	65,269	65,269	65,269	65,269	65,269
2206	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø90	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	90 x 3.0mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiên 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	75,022	75,022	75,022	75,022	75,022	75,022	75,022	75,022	75,022	75,022	75,022	75,022	75,022	75,022	75,022
2207	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø90	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	90 x 3.5mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiên 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	84,774	84,774	84,774	84,774	84,774	84,774	84,774	84,774	84,774	84,774	84,774	84,774	84,774	84,774	84,774
2208	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø114	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	114 x 2.0mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiên 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	65,871	65,871	65,871	65,871	65,871	65,871	65,871	65,871	65,871	65,871	65,871	65,871	65,871	65,871	65,871
2209	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø114	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	114 x 2.2mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiên 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	74,271	74,271	74,271	74,271	74,271	74,271	74,271	74,271	74,271	74,271	74,271	74,271	74,271	74,271	74,271

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2210	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø114	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	114 x 2.6mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiên 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	86,274	86,274	86,274	86,274	86,274	86,274	86,274	86,274	86,274	86,274	86,274	86,274	86,274	86,274	86,274
2211	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø114	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	114 x 3.1mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiên 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	101,279	101,279	101,279	101,279	101,279	101,279	101,279	101,279	101,279	101,279	101,279	101,279	101,279	101,279	101,279
2212	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø114	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	114 x 3.8mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiên 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	120,485	120,485	120,485	120,485	120,485	120,485	120,485	120,485	120,485	120,485	120,485	120,485	120,485	120,485	120,485
2213	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø114	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	114 x 4.5mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiên 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	141,791	141,791	141,791	141,791	141,791	141,791	141,791	141,791	141,791	141,791	141,791	141,791	141,791	141,791	141,791
2214	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø130	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	130 x 4.0mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiên 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	144,491	144,491	144,491	144,491	144,491	144,491	144,491	144,491	144,491	144,491	144,491	144,491	144,491	144,491	144,491
2215	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø130	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	130 x 5.0mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiên 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	178,551	178,551	178,551	178,551	178,551	178,551	178,551	178,551	178,551	178,551	178,551	178,551	178,551	178,551	178,551
2216	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø130	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	140 x 3.5mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiên 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	141,483	141,483	141,483	141,483	141,483	141,483	141,483	141,483	141,483	141,483	141,483	141,483	141,483	141,483	141,483
2217	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø130	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	140 x 4.1mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiên 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	164,657	164,657	164,657	164,657	164,657	164,657	164,657	164,657	164,657	164,657	164,657	164,657	164,657	164,657	164,657
2218	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø130	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	140 x 5.1mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiên 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	201,248	201,248	201,248	201,248	201,248	201,248	201,248	201,248	201,248	201,248	201,248	201,248	201,248	201,248	201,248
2219	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø130	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	140 x 6.7mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiên 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	263,756	263,756	263,756	263,756	263,756	263,756	263,756	263,756	263,756	263,756	263,756	263,756	263,756	263,756	263,756
2220	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø130	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	168 x 3.2mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiên 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	159,473	159,473	159,473	159,473	159,473	159,473	159,473	159,473	159,473	159,473	159,473	159,473	159,473	159,473	159,473
2221	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø130	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	168 x 4.5mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiên 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	214,359	214,359	214,359	214,359	214,359	214,359	214,359	214,359	214,359	214,359	214,359	214,359	214,359	214,359	214,359
2222	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø130	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	168 x 5.0mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiên 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	239,057	239,057	239,057	239,057	239,057	239,057	239,057	239,057	239,057	239,057	239,057	239,057	239,057	239,057	239,057
2223	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø130	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	168 x 6.6mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiên 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	309,799	309,799	309,799	309,799	309,799	309,799	309,799	309,799	309,799	309,799	309,799	309,799	309,799	309,799	309,799
2224	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø200	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	200 x 5.1mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiên 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	291,351	291,351	291,351	291,351	291,351	291,351	291,351	291,351	291,351	291,351	291,351	291,351	291,351	291,351	291,351
2225	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø200	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	200 x 5.9mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiên 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	334,345	334,345	334,345	334,345	334,345	334,345	334,345	334,345	334,345	334,345	334,345	334,345	334,345	334,345	334,345
2226	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø200	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	200 x 9.6mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiên 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	526,292	526,292	526,292	526,292	526,292	526,292	526,292	526,292	526,292	526,292	526,292	526,292	526,292	526,292	526,292
2227	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U -Ø220	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	220 x 4.2mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiên 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	265,951	265,951	265,951	265,951	265,951	265,951	265,951	265,951	265,951	265,951	265,951	265,951	265,951	265,951	265,951
2228	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U -Ø220	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	220 x 5.6mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiên 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	348,829	348,829	348,829	348,829	348,829	348,829	348,829	348,829	348,829	348,829	348,829	348,829	348,829	348,829	348,829
2229	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø220	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	220 x 6.5mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiên 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	401,732	401,732	401,732	401,732	401,732	401,732	401,732	401,732	401,732	401,732	401,732	401,732	401,732	401,732	401,732
2230	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø220	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	220 x 8.3mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiên 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	503,119	503,119	503,119	503,119	503,119	503,119	503,119	503,119	503,119	503,119	503,119	503,119	503,119	503,119	503,119
2231	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø250	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	250 x 6.5mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiên 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	468,210	468,210	468,210	468,210	468,210	468,210	468,210	468,210	468,210	468,210	468,210	468,210	468,210	468,210	468,210

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2232	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø250	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	250 x 7.3mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiên 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	523,503	523,503	523,503	523,503	523,503	523,503	523,503	523,503	523,503	523,503	523,503	523,503	523,503	523,503	523,503
2233	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø250	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	250 x 9.6mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiên 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	678,076	678,076	678,076	678,076	678,076	678,076	678,076	678,076	678,076	678,076	678,076	678,076	678,076	678,076	678,076
2234	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø250	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	250 x 11.9mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiên 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	828,622	828,622	828,622	828,622	828,622	828,622	828,622	828,622	828,622	828,622	828,622	828,622	828,622	828,622	828,622
2235	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø280	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	280 x 8.2mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiên 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	657,168	657,168	657,168	657,168	657,168	657,168	657,168	657,168	657,168	657,168	657,168	657,168	657,168	657,168	657,168
2236	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø280	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	280 x 13.4mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiên 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1,046,697	1,046,697	1,046,697	1,046,697	1,046,697	1,046,697	1,046,697	1,046,697	1,046,697	1,046,697	1,046,697	1,046,697	1,046,697	1,046,697	1,046,697
2237	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø315	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	315 x 7.7mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiên 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	702,392	702,392	702,392	702,392	702,392	702,392	702,392	702,392	702,392	702,392	702,392	702,392	702,392	702,392	702,392
2238	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø315	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	315 x 9.2mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiên 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	832,495	832,495	832,495	832,495	832,495	832,495	832,495	832,495	832,495	832,495	832,495	832,495	832,495	832,495	832,495
2239	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø315	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	315 x 12.1mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiên 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1,079,532	1,079,532	1,079,532	1,079,532	1,079,532	1,079,532	1,079,532	1,079,532	1,079,532	1,079,532	1,079,532	1,079,532	1,079,532	1,079,532	1,079,532
2240	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø315	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	315 x 15.0mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiên 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1,324,246	1,324,246	1,324,246	1,324,246	1,324,246	1,324,246	1,324,246	1,324,246	1,324,246	1,324,246	1,324,246	1,324,246	1,324,246	1,324,246	1,324,246
2241	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø400	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	400 x 9.8mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiên 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1,130,644	1,130,644	1,130,644	1,130,644	1,130,644	1,130,644	1,130,644	1,130,644	1,130,644	1,130,644	1,130,644	1,130,644	1,130,644	1,130,644	1,130,644
2242	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø400	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	400 x 11.7mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiên 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1,338,186	1,338,186	1,338,186	1,338,186	1,338,186	1,338,186	1,338,186	1,338,186	1,338,186	1,338,186	1,338,186	1,338,186	1,338,186	1,338,186	1,338,186
2243	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø400	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	400 x 15.3mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiên 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1,726,941	1,726,941	1,726,941	1,726,941	1,726,941	1,726,941	1,726,941	1,726,941	1,726,941	1,726,941	1,726,941	1,726,941	1,726,941	1,726,941	1,726,941
2244	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø400	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	400 x 19.1mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiên 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2,129,636	2,129,636	2,129,636	2,129,636	2,129,636	2,129,636	2,129,636	2,129,636	2,129,636	2,129,636	2,129,636	2,129,636	2,129,636	2,129,636	2,129,636
2245	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø500	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	500 x 12.3mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiên 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1,892,522	1,892,522	1,892,522	1,892,522	1,892,522	1,892,522	1,892,522	1,892,522	1,892,522	1,892,522	1,892,522	1,892,522	1,892,522	1,892,522	1,892,522
2246	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø500	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	500 x 15.3mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiên 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2,331,916	2,331,916	2,331,916	2,331,916	2,331,916	2,331,916	2,331,916	2,331,916	2,331,916	2,331,916	2,331,916	2,331,916	2,331,916	2,331,916	2,331,916
2247	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø500	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	500 x 19.1mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiên 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2,879,925	2,879,925	2,879,925	2,879,925	2,879,925	2,879,925	2,879,925	2,879,925	2,879,925	2,879,925	2,879,925	2,879,925	2,879,925	2,879,925	2,879,925
2248	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø630	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	630 x 15.4mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiên 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3,062,970	3,062,970	3,062,970	3,062,970	3,062,970	3,062,970	3,062,970	3,062,970	3,062,970	3,062,970	3,062,970	3,062,970	3,062,970	3,062,970	3,062,970
2249	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø630	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	630 x 19.3mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiên 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3,799,912	3,799,912	3,799,912	3,799,912	3,799,912	3,799,912	3,799,912	3,799,912	3,799,912	3,799,912	3,799,912	3,799,912	3,799,912	3,799,912	3,799,912
2250	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø630	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	630 x 24.1mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiên 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	4,692,713	4,692,713	4,692,713	4,692,713	4,692,713	4,692,713	4,692,713	4,692,713	4,692,713	4,692,713	4,692,713	4,692,713	4,692,713	4,692,713	4,692,713
2251	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D20 PN12.5	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D20 (PN12.5 x 1.7mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đầu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	7,268	7,268	7,268	7,268	7,268	7,268	7,268	7,268	7,268	7,268	7,268	7,268	7,268	7,268	7,268
2252	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D20 PN16	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D20 (PN16 x 2.0mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đầu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	7,920	7,920	7,920	7,920	7,920	7,920	7,920	7,920	7,920	7,920	7,920	7,920	7,920	7,920	7,920
2253	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D20 PN20	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D20 (PN20 x 2.3mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đầu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	9,318	9,318	9,318	9,318	9,318	9,318	9,318	9,318	9,318	9,318	9,318	9,318	9,318	9,318	9,318

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2254	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D25 PN10	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D25 (PN10 x 1.8mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	9,505	9,505	9,505	9,505	9,505	9,505	9,505	9,505	9,505	9,505	9,505	9,505	9,505	9,505	9,505
2255	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D25 PN12.5	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D25 (PN12.5 x 2.0mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	10,063	10,063	10,063	10,063	10,063	10,063	10,063	10,063	10,063	10,063	10,063	10,063	10,063	10,063	10,063
2256	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D25 PN16	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D25 (PN16 x 2.3mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	12,020	12,020	12,020	12,020	12,020	12,020	12,020	12,020	12,020	12,020	12,020	12,020	12,020	12,020	12,020
2257	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D25 PN20	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D25 (PN20 x 3.0mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	14,070	14,070	14,070	14,070	14,070	14,070	14,070	14,070	14,070	14,070	14,070	14,070	14,070	14,070	14,070
2258	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D32 PN8	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D32 (PN8 x 1.9mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	12,020	12,020	12,020	12,020	12,020	12,020	12,020	12,020	12,020	12,020	12,020	12,020	12,020	12,020	12,020
2259	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D32 PN10	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D32 (PN10 x 2.0mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	13,512	13,512	13,512	13,512	13,512	13,512	13,512	13,512	13,512	13,512	13,512	13,512	13,512	13,512	13,512
2260	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D32 PN12.5	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D32 (PN12.5 x 2.4mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	16,493	16,493	16,493	16,493	16,493	16,493	16,493	16,493	16,493	16,493	16,493	16,493	16,493	16,493	16,493
2261	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D32 PN16	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D32 (PN16 x 3.0mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	19,288	19,288	19,288	19,288	19,288	19,288	19,288	19,288	19,288	19,288	19,288	19,288	19,288	19,288	19,288
2262	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D32 PN20	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D32 (PN20 x 3.6mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	23,202	23,202	23,202	23,202	23,202	23,202	23,202	23,202	23,202	23,202	23,202	23,202	23,202	23,202	23,202
2263	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D40 PN6	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D40 (PN6 x 1.7mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	15,748	15,748	15,748	15,748	15,748	15,748	15,748	15,748	15,748	15,748	15,748	15,748	15,748	15,748	15,748
2264	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D40 PN8	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D40 (PN8 x 2.0mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	17,052	17,052	17,052	17,052	17,052	17,052	17,052	17,052	17,052	17,052	17,052	17,052	17,052	17,052	17,052
2265	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D40 PN10	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D40 (PN10 x 2.4mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	20,593	20,593	20,593	20,593	20,593	20,593	20,593	20,593	20,593	20,593	20,593	20,593	20,593	20,593	20,593
2266	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D40 PN12.5	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D40 (PN12.5 x 3.0mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	24,880	24,880	24,880	24,880	24,880	24,880	24,880	24,880	24,880	24,880	24,880	24,880	24,880	24,880	24,880
2267	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D40 PN16	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D40 (PN16 x 3.7mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	29,912	29,912	29,912	29,912	29,912	29,912	29,912	29,912	29,912	29,912	29,912	29,912	29,912	29,912	29,912
2268	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D40 PN20	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D40 (PN20 x 4.5mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	35,502	35,502	35,502	35,502	35,502	35,502	35,502	35,502	35,502	35,502	35,502	35,502	35,502	35,502	35,502
2269	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D50 PN6	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D50 (PN6 x 2.0mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	22,270	22,270	22,270	22,270	22,270	22,270	22,270	22,270	22,270	22,270	22,270	22,270	22,270	22,270	22,270
2270	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D50 PN8	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D50 (PN8 x 2.4mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	26,463	26,463	26,463	26,463	26,463	26,463	26,463	26,463	26,463	26,463	26,463	26,463	26,463	26,463	26,463
2271	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D50 PN10	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D50 (PN10 x 3.0mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	31,588	31,588	31,588	31,588	31,588	31,588	31,588	31,588	31,588	31,588	31,588	31,588	31,588	31,588	31,588
2272	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D50 PN12.5	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D50 (PN12.5 x 3.7mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	38,018	38,018	38,018	38,018	38,018	38,018	38,018	38,018	38,018	38,018	38,018	38,018	38,018	38,018	38,018
2273	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D50 PN16	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D50 (PN16 x 4.6mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	46,405	46,405	46,405	46,405	46,405	46,405	46,405	46,405	46,405	46,405	46,405	46,405	46,405	46,405	46,405
2274	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D50 PN20	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D50 (PN20 x 5.6mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	54,884	54,884	54,884	54,884	54,884	54,884	54,884	54,884	54,884	54,884	54,884	54,884	54,884	54,884	54,884
2275	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D63 PN6	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D63 (PN6 x 2.5mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	34,757	34,757	34,757	34,757	34,757	34,757	34,757	34,757	34,757	34,757	34,757	34,757	34,757	34,757	34,757

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2276	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D63 PN8	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D63 (PN8 x 3.0mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	41,093	41,093	41,093	41,093	41,093	41,093	41,093	41,093	41,093	41,093	41,093	41,093	41,093	41,093	41,093
2277	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D63 PN10	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D63 (PN10 x 3.8mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	50,505	50,505	50,505	50,505	50,505	50,505	50,505	50,505	50,505	50,505	50,505	50,505	50,505	50,505	50,505
2278	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D63 PN12.5	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D63 (PN12.5 x 4.7mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	61,220	61,220	61,220	61,220	61,220	61,220	61,220	61,220	61,220	61,220	61,220	61,220	61,220	61,220	61,220
2279	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D63 PN16	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D63 (PN16 x 5.8mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	72,962	72,962	72,962	72,962	72,962	72,962	72,962	72,962	72,962	72,962	72,962	72,962	72,962	72,962	72,962
2280	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D63 PN20	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D63 (PN20 x 7.1mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	87,405	87,405	87,405	87,405	87,405	87,405	87,405	87,405	87,405	87,405	87,405	87,405	87,405	87,405	87,405
2281	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D75 PN6	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D75 (PN6 x 2.9mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	47,336	47,336	47,336	47,336	47,336	47,336	47,336	47,336	47,336	47,336	47,336	47,336	47,336	47,336	47,336
2282	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D75 PN8	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D75 (PN8 x 3.6mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	58,425	58,425	58,425	58,425	58,425	58,425	58,425	58,425	58,425	58,425	58,425	58,425	58,425	58,425	58,425
2283	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D75 PN10	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D75 (PN10 x 4.5mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	72,030	72,030	72,030	72,030	72,030	72,030	72,030	72,030	72,030	72,030	72,030	72,030	72,030	72,030	72,030
2284	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D75 PN12.5	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D75 (PN12.5 x 5.6mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	86,845	86,845	86,845	86,845	86,845	86,845	86,845	86,845	86,845	86,845	86,845	86,845	86,845	86,845	86,845
2285	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D75 PN16	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D75 (PN16 x 6.8mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	103,618	103,618	103,618	103,618	103,618	103,618	103,618	103,618	103,618	103,618	103,618	103,618	103,618	103,618	103,618
2286	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D75 PN20	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D75 (PN20 x 8.4mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	123,745	123,745	123,745	123,745	123,745	123,745	123,745	123,745	123,745	123,745	123,745	123,745	123,745	123,745	123,745
2287	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D90 PN6	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D90 (PN6 x 3.5mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	77,620	77,620	77,620	77,620	77,620	77,620	77,620	77,620	77,620	77,620	77,620	77,620	77,620	77,620	77,620
2288	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D90 PN8	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D90 (PN8 x 4.3mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	92,250	92,250	92,250	92,250	92,250	92,250	92,250	92,250	92,250	92,250	92,250	92,250	92,250	92,250	92,250
2289	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D90 PN10	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D90 (PN10 x 5.4mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	102,220	102,220	102,220	102,220	102,220	102,220	102,220	102,220	102,220	102,220	102,220	102,220	102,220	102,220	102,220
2290	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D90 PN12.5	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D90 (PN12.5 x 6.7mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	123,559	123,559	123,559	123,559	123,559	123,559	123,559	123,559	123,559	123,559	123,559	123,559	123,559	123,559	123,559
2291	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D90 PN16	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D90 (PN16 x 8.2mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	148,345	148,345	148,345	148,345	148,345	148,345	148,345	148,345	148,345	148,345	148,345	148,345	148,345	148,345	148,345
2292	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D90 PN20	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D90 (PN20 x 10.1mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	177,605	177,605	177,605	177,605	177,605	177,605	177,605	177,605	177,605	177,605	177,605	177,605	177,605	177,605	177,605
2293	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D110 PN6	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D110 (PN6 x 4.2mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	97,273	97,273	97,273	97,273	97,273	97,273	97,273	97,273	97,273	97,273	97,273	97,273	97,273	97,273	97,273
2294	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D110 PN8	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D110 (PN8 x 5.3mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	120,364	120,364	120,364	120,364	120,364	120,364	120,364	120,364	120,364	120,364	120,364	120,364	120,364	120,364	120,364
2295	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D110 PN10	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D110 (PN10 x 6.6mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	148,182	148,182	148,182	148,182	148,182	148,182	148,182	148,182	148,182	148,182	148,182	148,182	148,182	148,182	148,182
2296	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D110 PN12.5	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D110 (PN12.5 x 8.1mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	180,545	180,545	180,545	180,545	180,545	180,545	180,545	180,545	180,545	180,545	180,545	180,545	180,545	180,545	180,545
2297	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D110 PN16	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D110 (PN16 x 10.0mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	216,273	216,273	216,273	216,273	216,273	216,273	216,273	216,273	216,273	216,273	216,273	216,273	216,273	216,273	216,273

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2298	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D110 PN20	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D110 (PN20 x 12.3mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	257,117	257,117	257,117	257,117	257,117	257,117	257,117	257,117	257,117	257,117	257,117	257,117	257,117	257,117	257,117
2299	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D125 PN6	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D125 (PN6 x 4.8mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	123,302	123,302	123,302	123,302	123,302	123,302	123,302	123,302	123,302	123,302	123,302	123,302	123,302	123,302	123,302
2300	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D125 PN8	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D125 (PN8 x 6.0mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	152,880	152,880	152,880	152,880	152,880	152,880	152,880	152,880	152,880	152,880	152,880	152,880	152,880	152,880	152,880
2301	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D125 PN10	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D125 (PN10 x 7.4mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	186,912	186,912	186,912	186,912	186,912	186,912	186,912	186,912	186,912	186,912	186,912	186,912	186,912	186,912	186,912
2302	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D125 PN12.5	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D125 (PN12.5 x 9.2mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	216,981	216,981	216,981	216,981	216,981	216,981	216,981	216,981	216,981	216,981	216,981	216,981	216,981	216,981	216,981
2303	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D125 PN16	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D125 (PN16 x 11.4mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	276,360	276,360	276,360	276,360	276,360	276,360	276,360	276,360	276,360	276,360	276,360	276,360	276,360	276,360	276,360
2304	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D125 PN20	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D125 (PN20 x 14.0mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	329,548	329,548	329,548	329,548	329,548	329,548	329,548	329,548	329,548	329,548	329,548	329,548	329,548	329,548	329,548
2305	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D140 PN6	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D140 (PN6 x 5.4mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	157,909	157,909	157,909	157,909	157,909	157,909	157,909	157,909	157,909	157,909	157,909	157,909	157,909	157,909	157,909
2306	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D140 PN8	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D140 (PN8 x 6.7mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	190,388	190,388	190,388	190,388	190,388	190,388	190,388	190,388	190,388	190,388	190,388	190,388	190,388	190,388	190,388
2307	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D140 PN10	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D140 (PN10 x 8.3mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	233,329	233,329	233,329	233,329	233,329	233,329	233,329	233,329	233,329	233,329	233,329	233,329	233,329	233,329	233,329
2308	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D140 PN12.5	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D140 (PN12.5 x 10.3mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	282,597	282,597	282,597	282,597	282,597	282,597	282,597	282,597	282,597	282,597	282,597	282,597	282,597	282,597	282,597
2309	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D140 PN16	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D140 (PN16 x 12.7mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	342,643	342,643	342,643	342,643	342,643	342,643	342,643	342,643	342,643	342,643	342,643	342,643	342,643	342,643	342,643
2310	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D140 PN20	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D140 (PN20 x 15.7mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	412,134	412,134	412,134	412,134	412,134	412,134	412,134	412,134	412,134	412,134	412,134	412,134	412,134	412,134	412,134
2311	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D160 PN6	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D160 (PN6 x 6.2mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	206,909	206,909	206,909	206,909	206,909	206,909	206,909	206,909	206,909	206,909	206,909	206,909	206,909	206,909	206,909
2312	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D160 PN8	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D160 (PN8 x 7.7mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	249,989	249,989	249,989	249,989	249,989	249,989	249,989	249,989	249,989	249,989	249,989	249,989	249,989	249,989	249,989
2313	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D160 PN10	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D160 (PN10 x 9.5mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	306,651	306,651	306,651	306,651	306,651	306,651	306,651	306,651	306,651	306,651	306,651	306,651	306,651	306,651	306,651
2314	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D160 PN12.5	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D160 (PN12.5 x 11.8mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	368,748	368,748	368,748	368,748	368,748	368,748	368,748	368,748	368,748	368,748	368,748	368,748	368,748	368,748	368,748
2315	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D160 PN16	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D160 (PN16 x 14.6mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	453,117	453,117	453,117	453,117	453,117	453,117	453,117	453,117	453,117	453,117	453,117	453,117	453,117	453,117	453,117
2316	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D160 PN20	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D160 (PN20 x 17.9mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	540,603	540,603	540,603	540,603	540,603	540,603	540,603	540,603	540,603	540,603	540,603	540,603	540,603	540,603	540,603
2317	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D180 PN6	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D180 (PN6 x 6.9mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	258,545	258,545	258,545	258,545	258,545	258,545	258,545	258,545	258,545	258,545	258,545	258,545	258,545	258,545	258,545
2318	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D180 PN8	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D180 (PN8 x 8.6mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	314,758	314,758	314,758	314,758	314,758	314,758	314,758	314,758	314,758	314,758	314,758	314,758	314,758	314,758	314,758
2319	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D180 PN10	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D180 (PN10 x 10.7mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	386,031	386,031	386,031	386,031	386,031	386,031	386,031	386,031	386,031	386,031	386,031	386,031	386,031	386,031	386,031

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2320	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D180 PN12.5	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D180 (PN12.5 x 13.3mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	470,132	470,132	470,132	470,132	470,132	470,132	470,132	470,132	470,132	470,132	470,132	470,132	470,132	470,132	470,132
2321	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D180 PN16	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D180 (PN16 x 16.4mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	570,003	570,003	570,003	570,003	570,003	570,003	570,003	570,003	570,003	570,003	570,003	570,003	570,003	570,003	570,003
2322	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D180 PN20	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D180 (PN20 x 20.1mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	683,506	683,506	683,506	683,506	683,506	683,506	683,506	683,506	683,506	683,506	683,506	683,506	683,506	683,506	683,506
2323	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D200 PN6	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D200 (PN6 x 7.7mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	321,091	321,091	321,091	321,091	321,091	321,091	321,091	321,091	321,091	321,091	321,091	321,091	321,091	321,091	321,091
2324	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D200 PN8	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D200 (PN8 x 9.6mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	392,089	392,089	392,089	392,089	392,089	392,089	392,089	392,089	392,089	392,089	392,089	392,089	392,089	392,089	392,089
2325	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D200 PN10	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D200 (PN10 x 11.9mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	483,763	483,763	483,763	483,763	483,763	483,763	483,763	483,763	483,763	483,763	483,763	483,763	483,763	483,763	483,763
2326	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D200 PN12.5	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D200 (PN12.5 x 14.7mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	576,062	576,062	576,062	576,062	576,062	576,062	576,062	576,062	576,062	576,062	576,062	576,062	576,062	576,062	576,062
2327	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D200 PN16	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D200 (PN16 x 18.2mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	713,172	713,172	713,172	713,172	713,172	713,172	713,172	713,172	713,172	713,172	713,172	713,172	713,172	713,172	713,172
2328	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D200 PN20	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D200 (PN20 x 22.4mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	850,372	850,372	850,372	850,372	850,372	850,372	850,372	850,372	850,372	850,372	850,372	850,372	850,372	850,372	850,372
2329	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D225 PN6	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D225 (PN6 x 8.6mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	394,762	394,762	394,762	394,762	394,762	394,762	394,762	394,762	394,762	394,762	394,762	394,762	394,762	394,762	394,762
2330	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D225 PN8	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D225 (PN8 x 10.8mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	493,742	493,742	493,742	493,742	493,742	493,742	493,742	493,742	493,742	493,742	493,742	493,742	493,742	493,742	493,742
2331	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D225 PN10	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D225 (PN10 x 13.4mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	594,592	594,592	594,592	594,592	594,592	594,592	594,592	594,592	594,592	594,592	594,592	594,592	594,592	594,592	594,592
2332	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D225 PN12.5	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D225 (PN12.5 x 16.6mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	728,229	728,229	728,229	728,229	728,229	728,229	728,229	728,229	728,229	728,229	728,229	728,229	728,229	728,229	728,229
2333	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D225 PN16	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D225 (PN16 x 20.5mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	871,932	871,932	871,932	871,932	871,932	871,932	871,932	871,932	871,932	871,932	871,932	871,932	871,932	871,932	871,932
2334	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D225 PN20	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D225 (PN20 x 25.2mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	1,051,718	1,051,718	1,051,718	1,051,718	1,051,718	1,051,718	1,051,718	1,051,718	1,051,718	1,051,718	1,051,718	1,051,718	1,051,718	1,051,718	1,051,718
2335	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D250 PN6	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D250 (PN6 x 9.6mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	499,000	499,000	499,000	499,000	499,000	499,000	499,000	499,000	499,000	499,000	499,000	499,000	499,000	499,000	499,000
2336	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D250 PN8	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D250 (PN8 x 11.9mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	602,522	602,522	602,522	602,522	602,522	602,522	602,522	602,522	602,522	602,522	602,522	602,522	602,522	602,522	602,522
2337	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D250 PN10	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D250 (PN10 x 14.8mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	736,692	736,692	736,692	736,692	736,692	736,692	736,692	736,692	736,692	736,692	736,692	736,692	736,692	736,692	736,692
2338	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D250 PN12.5	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D250 (PN12.5 x 18.4mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	905,431	905,431	905,431	905,431	905,431	905,431	905,431	905,431	905,431	905,431	905,431	905,431	905,431	905,431	905,431
2339	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D250 PN16	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D250 (PN16 x 22.7mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	1,084,771	1,084,771	1,084,771	1,084,771	1,084,771	1,084,771	1,084,771	1,084,771	1,084,771	1,084,771	1,084,771	1,084,771	1,084,771	1,084,771	1,084,771
2340	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D250 PN20	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D250 (PN20 x 27.9mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	1,297,877	1,297,877	1,297,877	1,297,877	1,297,877	1,297,877	1,297,877	1,297,877	1,297,877	1,297,877	1,297,877	1,297,877	1,297,877	1,297,877	1,297,877
2341	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D280 PN6	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D280 (PN6 x 10.7mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	618,818	618,818	618,818	618,818	618,818	618,818	618,818	618,818	618,818	618,818	618,818	618,818	618,818	618,818	618,818

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2342	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D280 PN8	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D280 (PN8 x 13.4mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đầu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	768,455	768,455	768,455	768,455	768,455	768,455	768,455	768,455	768,455	768,455	768,455	768,455	768,455	768,455	768,455
2343	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D280 PN10	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D280 (PN10 x 16.6mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đầu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	917,903	917,903	917,903	917,903	917,903	917,903	917,903	917,903	917,903	917,903	917,903	917,903	917,903	917,903	917,903
2344	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D280 PN12.5	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D280 (PN12.5 x 20.6mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đầu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	1,135,197	1,135,197	1,135,197	1,135,197	1,135,197	1,135,197	1,135,197	1,135,197	1,135,197	1,135,197	1,135,197	1,135,197	1,135,197	1,135,197	1,135,197
2345	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D280 PN16	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D280 (PN16 x 25.4mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đầu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	1,359,528	1,359,528	1,359,528	1,359,528	1,359,528	1,359,528	1,359,528	1,359,528	1,359,528	1,359,528	1,359,528	1,359,528	1,359,528	1,359,528	1,359,528
2346	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D280 PN20	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D280 (PN20 x 31.3mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đầu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	1,658,818	1,658,818	1,658,818	1,658,818	1,658,818	1,658,818	1,658,818	1,658,818	1,658,818	1,658,818	1,658,818	1,658,818	1,658,818	1,658,818	1,658,818
2347	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D315 PN6	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D315 (PN6 x 12.1mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đầu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	789,091	789,091	789,091	789,091	789,091	789,091	789,091	789,091	789,091	789,091	789,091	789,091	789,091	789,091	789,091
2348	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D315 PN8	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D315 (PN8 x 15.0mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đầu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	962,806	962,806	962,806	962,806	962,806	962,806	962,806	962,806	962,806	962,806	962,806	962,806	962,806	962,806	962,806
2349	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D315 PN10	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D315 (PN10 x 18.7mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đầu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	1,168,872	1,168,872	1,168,872	1,168,872	1,168,872	1,168,872	1,168,872	1,168,872	1,168,872	1,168,872	1,168,872	1,168,872	1,168,872	1,168,872	1,168,872
2350	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D315 PN12.5	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D315 (PN12.5 x 23.2mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đầu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	1,448,818	1,448,818	1,448,818	1,448,818	1,448,818	1,448,818	1,448,818	1,448,818	1,448,818	1,448,818	1,448,818	1,448,818	1,448,818	1,448,818	1,448,818
2351	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D315 PN16	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D315 (PN16 x 28.6mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đầu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	1,749,545	1,749,545	1,749,545	1,749,545	1,749,545	1,749,545	1,749,545	1,749,545	1,749,545	1,749,545	1,749,545	1,749,545	1,749,545	1,749,545	1,749,545
2352	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D315 PN20	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D315 (PN20 x 35.2mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đầu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	2,112,727	2,112,727	2,112,727	2,112,727	2,112,727	2,112,727	2,112,727	2,112,727	2,112,727	2,112,727	2,112,727	2,112,727	2,112,727	2,112,727	2,112,727
2353	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D355 PN6	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D355 (PN6 x 13.6mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đầu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	1,002,273	1,002,273	1,002,273	1,002,273	1,002,273	1,002,273	1,002,273	1,002,273	1,002,273	1,002,273	1,002,273	1,002,273	1,002,273	1,002,273	1,002,273
2354	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D355 PN8	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D355 (PN8 x 16.9mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đầu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	1,235,455	1,235,455	1,235,455	1,235,455	1,235,455	1,235,455	1,235,455	1,235,455	1,235,455	1,235,455	1,235,455	1,235,455	1,235,455	1,235,455	1,235,455
2355	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D355 PN10	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D355 (PN10 x 21.1mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đầu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	1,515,727	1,515,727	1,515,727	1,515,727	1,515,727	1,515,727	1,515,727	1,515,727	1,515,727	1,515,727	1,515,727	1,515,727	1,515,727	1,515,727	1,515,727
2356	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D355 PN12.5	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D355 (PN12.5 x 26.1mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đầu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	1,837,545	1,837,545	1,837,545	1,837,545	1,837,545	1,837,545	1,837,545	1,837,545	1,837,545	1,837,545	1,837,545	1,837,545	1,837,545	1,837,545	1,837,545
2357	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D355 PN16	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D355 (PN16 x 32.2mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đầu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	2,220,000	2,220,000	2,220,000	2,220,000	2,220,000	2,220,000	2,220,000	2,220,000	2,220,000	2,220,000	2,220,000	2,220,000	2,220,000	2,220,000	2,220,000
2358	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D355 PN20	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D355 (PN20 x 39.7mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đầu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	2,680,727	2,680,727	2,680,727	2,680,727	2,680,727	2,680,727	2,680,727	2,680,727	2,680,727	2,680,727	2,680,727	2,680,727	2,680,727	2,680,727	2,680,727
2359	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D400 PN6	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D400 (PN6 x 15.3mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đầu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	1,264,455	1,264,455	1,264,455	1,264,455	1,264,455	1,264,455	1,264,455	1,264,455	1,264,455	1,264,455	1,264,455	1,264,455	1,264,455	1,264,455	1,264,455
2360	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D400 PN8	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D400 (PN8 x 19.1mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đầu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	1,556,909	1,556,909	1,556,909	1,556,909	1,556,909	1,556,909	1,556,909	1,556,909	1,556,909	1,556,909	1,556,909	1,556,909	1,556,909	1,556,909	1,556,909
2361	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D400 PN10	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D400 (PN10 x 23.7mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đầu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	1,926,000	1,926,000	1,926,000	1,926,000	1,926,000	1,926,000	1,926,000	1,926,000	1,926,000	1,926,000	1,926,000	1,926,000	1,926,000	1,926,000	1,926,000
2362	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D400 PN12.5	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D400 (PN12.5 x 29.4mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đầu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	2,326,364	2,326,364	2,326,364	2,326,364	2,326,364	2,326,364	2,326,364	2,326,364	2,326,364	2,326,364	2,326,364	2,326,364	2,326,364	2,326,364	2,326,364
2363	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D400 PN16	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D400 (PN16 x 36.3mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đầu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	2,817,455	2,817,455	2,817,455	2,817,455	2,817,455	2,817,455	2,817,455	2,817,455	2,817,455	2,817,455	2,817,455	2,817,455	2,817,455	2,817,455	2,817,455

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2364	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D400 PN20	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D400 (PN20 x 44.7mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	3,412,000	3,412,000	3,412,000	3,412,000	3,412,000	3,412,000	3,412,000	3,412,000	3,412,000	3,412,000	3,412,000	3,412,000	3,412,000	3,412,000	3,412,000
2365	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D450 PN6	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D450 (PN6 x 17.2mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	1,615,909	1,615,909	1,615,909	1,615,909	1,615,909	1,615,909	1,615,909	1,615,909	1,615,909	1,615,909	1,615,909	1,615,909	1,615,909	1,615,909	1,615,909
2366	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D450 PN8	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D450 (PN8 x 21.5mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	1,987,273	1,987,273	1,987,273	1,987,273	1,987,273	1,987,273	1,987,273	1,987,273	1,987,273	1,987,273	1,987,273	1,987,273	1,987,273	1,987,273	1,987,273
2367	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D450 PN10	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D450 (PN10 x 26.7mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	2,433,727	2,433,727	2,433,727	2,433,727	2,433,727	2,433,727	2,433,727	2,433,727	2,433,727	2,433,727	2,433,727	2,433,727	2,433,727	2,433,727	2,433,727
2368	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D450 PN12.5	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D450 (PN12.5 x 33.1mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	2,941,364	2,941,364	2,941,364	2,941,364	2,941,364	2,941,364	2,941,364	2,941,364	2,941,364	2,941,364	2,941,364	2,941,364	2,941,364	2,941,364	2,941,364
2369	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D450 PN16	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D450 (PN16 x 40.9mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	3,560,909	3,560,909	3,560,909	3,560,909	3,560,909	3,560,909	3,560,909	3,560,909	3,560,909	3,560,909	3,560,909	3,560,909	3,560,909	3,560,909	3,560,909
2370	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D450 PN20	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D450 (PN20 x 50.3mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	4,310,909	4,310,909	4,310,909	4,310,909	4,310,909	4,310,909	4,310,909	4,310,909	4,310,909	4,310,909	4,310,909	4,310,909	4,310,909	4,310,909	4,310,909
2371	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D500 PN6	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D500 (PN6 x 19.1mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	1,967,909	1,967,909	1,967,909	1,967,909	1,967,909	1,967,909	1,967,909	1,967,909	1,967,909	1,967,909	1,967,909	1,967,909	1,967,909	1,967,909	1,967,909
2372	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D500 PN8	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D500 (PN8 x 23.9mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	2,467,091	2,467,091	2,467,091	2,467,091	2,467,091	2,467,091	2,467,091	2,467,091	2,467,091	2,467,091	2,467,091	2,467,091	2,467,091	2,467,091	2,467,091
2373	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D500 PN10	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D500 (PN10 x 29.7mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	3,026,455	3,026,455	3,026,455	3,026,455	3,026,455	3,026,455	3,026,455	3,026,455	3,026,455	3,026,455	3,026,455	3,026,455	3,026,455	3,026,455	3,026,455
2374	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D500 PN12.5	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D500 (PN12.5 x 36.8mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	3,660,545	3,660,545	3,660,545	3,660,545	3,660,545	3,660,545	3,660,545	3,660,545	3,660,545	3,660,545	3,660,545	3,660,545	3,660,545	3,660,545	3,660,545
2375	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D500 PN16	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D500 (PN16 x 45.4mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	4,457,545	4,457,545	4,457,545	4,457,545	4,457,545	4,457,545	4,457,545	4,457,545	4,457,545	4,457,545	4,457,545	4,457,545	4,457,545	4,457,545	4,457,545
2376	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D500 PN20	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D500 (PN20 x 55.8mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	5,338,545	5,338,545	5,338,545	5,338,545	5,338,545	5,338,545	5,338,545	5,338,545	5,338,545	5,338,545	5,338,545	5,338,545	5,338,545	5,338,545	5,338,545
2377	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D560 PN6	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D560 (PN6 x 21.4mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	2,702,727	2,702,727	2,702,727	2,702,727	2,702,727	2,702,727	2,702,727	2,702,727	2,702,727	2,702,727	2,702,727	2,702,727	2,702,727	2,702,727	2,702,727
2378	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D560 PN8	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D560 (PN8 x 26.7mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	3,332,727	3,332,727	3,332,727	3,332,727	3,332,727	3,332,727	3,332,727	3,332,727	3,332,727	3,332,727	3,332,727	3,332,727	3,332,727	3,332,727	3,332,727
2379	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D560 PN10	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D560 (PN10 x 33.2mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	4,091,818	4,091,818	4,091,818	4,091,818	4,091,818	4,091,818	4,091,818	4,091,818	4,091,818	4,091,818	4,091,818	4,091,818	4,091,818	4,091,818	4,091,818
2380	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D560 PN12.5	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D560 (PN12.5 x 41.2mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	4,994,545	4,994,545	4,994,545	4,994,545	4,994,545	4,994,545	4,994,545	4,994,545	4,994,545	4,994,545	4,994,545	4,994,545	4,994,545	4,994,545	4,994,545
2381	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D560 PN16	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D560 (PN16 x 50.8mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	6,032,727	6,032,727	6,032,727	6,032,727	6,032,727	6,032,727	6,032,727	6,032,727	6,032,727	6,032,727	6,032,727	6,032,727	6,032,727	6,032,727	6,032,727
2382	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D630 PN6	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D630 (PN6 x 24.1mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	3,424,545	3,424,545	3,424,545	3,424,545	3,424,545	3,424,545	3,424,545	3,424,545	3,424,545	3,424,545	3,424,545	3,424,545	3,424,545	3,424,545	3,424,545
2383	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D630 PN8	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D630 (PN8 x 30.0mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	4,210,909	4,210,909	4,210,909	4,210,909	4,210,909	4,210,909	4,210,909	4,210,909	4,210,909	4,210,909	4,210,909	4,210,909	4,210,909	4,210,909	4,210,909
2384	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D630 PN10	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D630 (PN10 x 37.4mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	5,182,727	5,182,727	5,182,727	5,182,727	5,182,727	5,182,727	5,182,727	5,182,727	5,182,727	5,182,727	5,182,727	5,182,727	5,182,727	5,182,727	5,182,727
2385	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D630 PN12.5	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D630 (PN12.5 x 46.3mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đấu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	6,312,727	6,312,727	6,312,727	6,312,727	6,312,727	6,312,727	6,312,727	6,312,727	6,312,727	6,312,727	6,312,727	6,312,727	6,312,727	6,312,727	6,312,727

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2386	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D630 PN16	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D630 (PN16 x 57.2mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đầu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	7,167,273	7,167,273	7,167,273	7,167,273	7,167,273	7,167,273	7,167,273	7,167,273	7,167,273	7,167,273	7,167,273	7,167,273	7,167,273	7,167,273	7,167,273
2387	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D710 PN6	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D710 (PN6 x 27.2mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đầu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	4,360,000	4,360,000	4,360,000	4,360,000	4,360,000	4,360,000	4,360,000	4,360,000	4,360,000	4,360,000	4,360,000	4,360,000	4,360,000	4,360,000	4,360,000
2388	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D710 PN8	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D710 (PN8 x 33.9mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đầu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	5,369,091	5,369,091	5,369,091	5,369,091	5,369,091	5,369,091	5,369,091	5,369,091	5,369,091	5,369,091	5,369,091	5,369,091	5,369,091	5,369,091	5,369,091
2389	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D710 PN10	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D710 (PN10 x 42.1mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đầu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	6,586,364	6,586,364	6,586,364	6,586,364	6,586,364	6,586,364	6,586,364	6,586,364	6,586,364	6,586,364	6,586,364	6,586,364	6,586,364	6,586,364	6,586,364
2390	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D710 PN12.5	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D710 (PN12.5 x 52.2mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đầu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	8,031,818	8,031,818	8,031,818	8,031,818	8,031,818	8,031,818	8,031,818	8,031,818	8,031,818	8,031,818	8,031,818	8,031,818	8,031,818	8,031,818	8,031,818
2391	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D710 PN16	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D710 (PN16 x 64.5mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đầu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	9,723,636	9,723,636	9,723,636	9,723,636	9,723,636	9,723,636	9,723,636	9,723,636	9,723,636	9,723,636	9,723,636	9,723,636	9,723,636	9,723,636	9,723,636
2392	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D800 PN6	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D800 (PN6 x 30.6mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đầu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	5,521,818	5,521,818	5,521,818	5,521,818	5,521,818	5,521,818	5,521,818	5,521,818	5,521,818	5,521,818	5,521,818	5,521,818	5,521,818	5,521,818	5,521,818
2393	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D800 PN8	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D800 (PN8 x 38.1mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đầu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	6,805,455	6,805,455	6,805,455	6,805,455	6,805,455	6,805,455	6,805,455	6,805,455	6,805,455	6,805,455	6,805,455	6,805,455	6,805,455	6,805,455	6,805,455
2394	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D800 PN10	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D800 (PN10 x 47.4mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đầu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	8,351,818	8,351,818	8,351,818	8,351,818	8,351,818	8,351,818	8,351,818	8,351,818	8,351,818	8,351,818	8,351,818	8,351,818	8,351,818	8,351,818	8,351,818
2395	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D800 PN12.5	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D800 (PN12.5 x 58.8mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đầu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	8,578,182	8,578,182	8,578,182	8,578,182	8,578,182	8,578,182	8,578,182	8,578,182	8,578,182	8,578,182	8,578,182	8,578,182	8,578,182	8,578,182	8,578,182
2396	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D800 PN16	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D800 (PN16 x 72.6mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đầu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	12,330,909	12,330,909	12,330,909	12,330,909	12,330,909	12,330,909	12,330,909	12,330,909	12,330,909	12,330,909	12,330,909	12,330,909	12,330,909	12,330,909	12,330,909
2397	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D900 PN6	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D900 (PN6 x 34.4mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đầu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	6,983,636	6,983,636	6,983,636	6,983,636	6,983,636	6,983,636	6,983,636	6,983,636	6,983,636	6,983,636	6,983,636	6,983,636	6,983,636	6,983,636	6,983,636
2398	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D900 PN8	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D900 (PN8 x 42.9mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đầu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	8,610,909	8,610,909	8,610,909	8,610,909	8,610,909	8,610,909	8,610,909	8,610,909	8,610,909	8,610,909	8,610,909	8,610,909	8,610,909	8,610,909	8,610,909
2399	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D900 PN10	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D900 (PN10 x 53.3mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đầu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	10,564,545	10,564,545	10,564,545	10,564,545	10,564,545	10,564,545	10,564,545	10,564,545	10,564,545	10,564,545	10,564,545	10,564,545	10,564,545	10,564,545	10,564,545
2400	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D900 PN12.5	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D900 (PN12.5 x 66.2mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đầu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	12,907,273	12,907,273	12,907,273	12,907,273	12,907,273	12,907,273	12,907,273	12,907,273	12,907,273	12,907,273	12,907,273	12,907,273	12,907,273	12,907,273	12,907,273
2401	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D900 PN16	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D900 (PN16 x 81.7mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đầu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	15,609,091	15,609,091	15,609,091	15,609,091	15,609,091	15,609,091	15,609,091	15,609,091	15,609,091	15,609,091	15,609,091	15,609,091	15,609,091	15,609,091	15,609,091
2402	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D1000 PN6	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D1000 (PN6 x 38.2mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đầu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	8,617,273	8,617,273	8,617,273	8,617,273	8,617,273	8,617,273	8,617,273	8,617,273	8,617,273	8,617,273	8,617,273	8,617,273	8,617,273	8,617,273	8,617,273
2403	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D1000 PN8	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D1000 (PN8 x 47.7mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đầu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	10,639,091	10,639,091	10,639,091	10,639,091	10,639,091	10,639,091	10,639,091	10,639,091	10,639,091	10,639,091	10,639,091	10,639,091	10,639,091	10,639,091	10,639,091
2404	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D1000 PN10	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D1000 (PN10 x 59.3mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đầu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	13,056,364	13,056,364	13,056,364	13,056,364	13,056,364	13,056,364	13,056,364	13,056,364	13,056,364	13,056,364	13,056,364	13,056,364	13,056,364	13,056,364	13,056,364
2405	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D1000 PN12.5	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D1000 (PN12.5 x 73.5mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đầu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	15,720,909	15,720,909	15,720,909	15,720,909	15,720,909	15,720,909	15,720,909	15,720,909	15,720,909	15,720,909	15,720,909	15,720,909	15,720,909	15,720,909	15,720,909
2406	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D1000 PN16	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D1000 (PN16 x 90.2mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đầu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	19,163,636	19,163,636	19,163,636	19,163,636	19,163,636	19,163,636	19,163,636	19,163,636	19,163,636	19,163,636	19,163,636	19,163,636	19,163,636	19,163,636	19,163,636
2407	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D1200 PN6	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D1200 (PN6 x 45.9mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đầu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	12,411,818	12,411,818	12,411,818	12,411,818	12,411,818	12,411,818	12,411,818	12,411,818	12,411,818	12,411,818	12,411,818	12,411,818	12,411,818	12,411,818	12,411,818

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)															
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2408	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D1200 PN8	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D1200 (PN8 x 57.2mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đầu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	15,312,727	15,312,727	15,312,727	15,312,727	15,312,727	15,312,727	15,312,727	15,312,727	15,312,727	15,312,727	15,312,727	15,312,727	15,312,727	15,312,727	15,312,727
2409	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D1200 PN10	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D1200 (PN10 x 71.1mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đầu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	17,985,455	17,985,455	17,985,455	17,985,455	17,985,455	17,985,455	17,985,455	17,985,455	17,985,455	17,985,455	17,985,455	17,985,455	17,985,455	17,985,455	17,985,455
2410	Vật tư ngành nước	Ống nhựa HDPE 100 D1200 PN12.5	m	QCVN 16:2023/BXD / QCVN 12-1:2011/BYT	D1200 (PN12.5 x 88.2mm)	Công ty CP Tập đoàn STP. Đc: Số TT10-11, Khu đầu giá, xã Gia Lâm, TP.Hà Nội - Đt: 0985.281.694. Công văn đề nghị công bố giá số 26/STP-CBGVL ngày 20/7/2026	Việt Nam	thoả thuận	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	22,924,545	22,924,545	22,924,545	22,924,545	22,924,545	22,924,545	22,924,545	22,924,545	22,924,545	22,924,545	22,924,545	22,924,545	22,924,545	22,924,545	22,924,545
2411	Bê tông đúc sẵn	Hố thu nước mưa và ngăn mùi hợp khối; Kt 780x380x1000mm(Lắp đặt cho hệ thống thoát nước đường hẻm)	bộ	TCVN 10333-1:2014	- Hệ thống hố ga thu nước mưa và ngăn mùi kiểu mới: (Chưa bao gồm ống PVC và các phụ kiện co, cút kèm theo).	Công ty Cổ phần Khoa học Công nghệ Việt Nam. Đc: số 06, đường 3/2, P.Tam Thắng, TP.HCM Đt: 02543.853.125. (Công văn đề nghị công bố giá số 38/CV-KHCNVN ngày 03/08/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến địa điểm tập trung tại chân công trình theo yêu cầu của bên mua tại thành phố Tân An, tỉnh Long An. Giá bán chưa bao gồm ống PVC và các phụ kiện co, cút kèm	(Báo giá có hiệu lực từ quý III/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	8,561,000	8,561,000	8,561,000	8,561,000	8,561,000	8,561,000	8,561,000	8,561,000	8,561,000	8,561,000	8,561,000	8,561,000	8,561,000	8,561,000	8,561,000
2412	Bê tông đúc sẵn	Hố thu nước mưa và ngăn mùi hợp khối; Kt 780x380x1250mm(Lắp đặt cho hệ thống thoát nước vỉa hè)	bộ	TCVN 10333-1:2014	- Hệ thống hố ga thu nước mưa và ngăn mùi kiểu mới: (Chưa bao gồm ống PVC và các phụ kiện co, cút kèm theo).	Công ty Cổ phần Khoa học Công nghệ Việt Nam. Đc: số 06, đường 3/2, P.Tam Thắng, TP.HCM Đt: 02543.853.125. (Công văn đề nghị công bố giá số 38/CV-KHCNVN ngày 03/08/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến địa điểm tập trung tại chân công trình theo yêu cầu của bên mua tại thành phố Tân An, tỉnh Long An. Giá bán chưa bao gồm ống PVC và các phụ kiện co, cút kèm	(Báo giá có hiệu lực từ quý III/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	8,741,000	8,741,000	8,741,000	8,741,000	8,741,000	8,741,000	8,741,000	8,741,000	8,741,000	8,741,000	8,741,000	8,741,000	8,741,000	8,741,000	8,741,000
2413	Bê tông đúc sẵn	Hố thu nước mưa và ngăn mùi hợp khối; Kt 780x380x1470mm(Lắp đặt cho hệ thống thoát nước lòng đường)	bộ	TCVN 10333-1:2014	- Hệ thống hố ga thu nước mưa và ngăn mùi kiểu mới: (Chưa bao gồm ống PVC và các phụ kiện co, cút kèm theo).	Công ty Cổ phần Khoa học Công nghệ Việt Nam. Đc: số 06, đường 3/2, P.Tam Thắng, TP.HCM Đt: 02543.853.125. (Công văn đề nghị công bố giá số 38/CV-KHCNVN ngày 03/08/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến địa điểm tập trung tại chân công trình theo yêu cầu của bên mua tại thành phố Tân An, tỉnh Long An. Giá bán chưa bao gồm ống PVC và các phụ kiện co, cút kèm	(Báo giá có hiệu lực từ quý III/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	8,921,000	8,921,000	8,921,000	8,921,000	8,921,000	8,921,000	8,921,000	8,921,000	8,921,000	8,921,000	8,921,000	8,921,000	8,921,000	8,921,000	8,921,000
2414	Bê tông đúc sẵn	Hào kỹ thuật BTCS 2 ngăn thành mỏng đúc sẵn - Vỉa hè, KT: B400x400-H500-L1000mm	m	TCVN 10332:2014	- Giá hào kỹ thuật bê tông cốt sợi (BTCS), Bê tông cốt thép (BTCT):	Công ty Cổ phần Khoa học Công nghệ Việt Nam. Đc: số 06, đường 3/2, P.Tam Thắng, TP.HCM Đt: 02543.853.125. (Công văn đề nghị công bố giá số 38/CV-KHCNVN ngày 03/08/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến địa điểm tập trung tại chân công trình theo yêu cầu của bên mua tại thành phố Tân An, tỉnh Long An. Giá bán chưa bao gồm ống PVC và các phụ kiện co, cút kèm	(Báo giá có hiệu lực từ quý III/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	3,335,000	3,087,963	3,087,963	3,087,963	3,087,963	3,087,963	3,087,963	3,087,963	3,087,963	3,087,963	3,087,963	3,087,963	3,087,963	3,087,963	3,087,963
2415	Bê tông đúc sẵn	Hào kỹ thuật BTCT 2 ngăn thành mỏng đúc sẵn - Vỉa hè, KT: B300x300-H500-L1000mm	m	TCVN 10332:2014	- Giá hào kỹ thuật bê tông cốt sợi (BTCS), Bê tông cốt thép (BTCT):	Công ty Cổ phần Khoa học Công nghệ Việt Nam. Đc: số 06, đường 3/2, P.Tam Thắng, TP.HCM Đt: 02543.853.125. (Công văn đề nghị công bố giá số 38/CV-KHCNVN ngày 03/08/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến địa điểm tập trung tại chân công trình theo yêu cầu của bên mua tại thành phố Tân An, tỉnh Long An. Giá bán chưa bao gồm ống PVC và các phụ kiện co, cút kèm	(Báo giá có hiệu lực từ quý III/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	3,126,000	2,894,444	2,894,444	2,894,444	2,894,444	2,894,444	2,894,444	2,894,444	2,894,444	2,894,444	2,894,444	2,894,444	2,894,444	2,894,444	2,894,444
2416	Bê tông đúc sẵn	Hào kỹ thuật BTCT 2 ngăn thành mỏng đúc sẵn - Vỉa hè, KT: B400x300-H500-L1000mm (có gờ đỡ cáp)	m	TCVN 10332:2014	- Giá hào kỹ thuật bê tông cốt sợi (BTCS), Bê tông cốt thép (BTCT):	Công ty Cổ phần Khoa học Công nghệ Việt Nam. Đc: số 06, đường 3/2, P.Tam Thắng, TP.HCM Đt: 02543.853.125. (Công văn đề nghị công bố giá số 38/CV-KHCNVN ngày 03/08/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến địa điểm tập trung tại chân công trình theo yêu cầu của bên mua tại thành phố Tân An, tỉnh Long An. Giá bán chưa bao gồm ống PVC và các phụ kiện co, cút kèm	(Báo giá có hiệu lực từ quý III/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	3,660,000	3,388,889	3,388,889	3,388,889	3,388,889	3,388,889	3,388,889	3,388,889	3,388,889	3,388,889	3,388,889	3,388,889	3,388,889	3,388,889	3,388,889
2417	Bê tông đúc sẵn	Hào kỹ thuật BTCT 3 ngăn thành mỏng đúc sẵn - Vỉa hè, KT: B300x300x300-H500-L1000mm	m	TCVN 10332:2014	- Giá hào kỹ thuật bê tông cốt sợi (BTCS), Bê tông cốt thép (BTCT):	Công ty Cổ phần Khoa học Công nghệ Việt Nam. Đc: số 06, đường 3/2, P.Tam Thắng, TP.HCM Đt: 02543.853.125. (Công văn đề nghị công bố giá số 38/CV-KHCNVN ngày 03/08/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến địa điểm tập trung tại chân công trình theo yêu cầu của bên mua tại thành phố Tân An, tỉnh Long An. Giá bán chưa bao gồm ống PVC và các phụ kiện co, cút kèm	(Báo giá có hiệu lực từ quý III/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	3,901,852	3,901,852	3,901,852	3,901,852	3,901,852	3,901,852	3,901,852	3,901,852	3,901,852	3,901,852	3,901,852	3,901,852	3,901,852	3,901,852	3,901,852
2418	Bê tông đúc sẵn	Cấu kiện kê bê tông cốt sợi (BTCS) H=2,0m - L=2,0m, B=1,4m	cấu kiện	TCVN 11736:2017 & TC.VCA 009-2015	1,4mm	Công ty Cổ phần Khoa học Công nghệ Việt Nam. Đc: số 06, đường 3/2, P.Tam Thắng, TP.HCM Đt: 02543.853.125. (Công văn đề nghị công bố giá số 38/CV-KHCNVN ngày 03/08/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến địa điểm tập trung tại chân công trình theo yêu cầu của bên mua tại thành phố Tân An, tỉnh Long An. Giá bán chưa bao gồm ống PVC và các phụ kiện co, cút kèm	(Báo giá có hiệu lực từ quý III/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	13,254,000	13,254,000	13,254,000	13,254,000	13,254,000	13,254,000	13,254,000	13,254,000	13,254,000	13,254,000	13,254,000	13,254,000	13,254,000	13,254,000	13,254,000
2419	Bê tông đúc sẵn	Cấu kiện kê bê tông cốt sợi (BTCS) H=3,0m - L=2,0m, B=1,92m	cấu kiện	TCVN 11736:2017 & TC.VCA 009-2015	1,92mm	Công ty Cổ phần Khoa học Công nghệ Việt Nam. Đc: số 06, đường 3/2, P.Tam Thắng, TP.HCM Đt: 02543.853.125. (Công văn đề nghị công bố giá số 38/CV-KHCNVN ngày 03/08/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến địa điểm tập trung tại chân công trình theo yêu cầu của bên mua tại thành phố Tân An, tỉnh Long An. Giá bán chưa bao gồm ống PVC và các phụ kiện co, cút kèm	(Báo giá có hiệu lực từ quý III/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	28,716,000	28,716,000	28,716,000	28,716,000	28,716,000	28,716,000	28,716,000	28,716,000	28,716,000	28,716,000	28,716,000	28,716,000	28,716,000	28,716,000	28,716,000
2420	Bê tông đúc sẵn	Hệ thống hố ga của hệ thống thoát nước thải (Hệ thống hố ga thu nước ngăn mùi chong muỗi) -SIGEN-01B (lắp đặt cho hệ thống thoát nước có vỉa hè và không có vỉa hè)	Bộ	- TCVN 10333-1:2014 - TCVN 10333- 2:2014 - TCVN 10333-3:2014 - TCCS cập nhật 01:2025 TCCS.02:2020/Sigen	Hệ thống cấu thành gồm: - Hố ga cho hệ thống thoát nước 01B kích thước ngoài 840x440x670mm, kích thước trong 700x300x600mm; bê tông đá 1 X 2 M300 - Song chắn rác không khung (gang cầu, chống trộm) kích thước 760x360x45mm - Cơ cấu ngăn mùi cho hố ga SG-08 (vật liệu nhựa ABS) kích thước ngoài 330x600x85. Kích thước trong 230x465x80mm - Tấm lọc nước (nhựa PPR) SG-08 kích thước 694x294x1 OOmm, chiều dày 5mm	Công ty TNHH SiGen. Đc: 106 Huyền Trân Công Chúa, P.Tam Thắng, TP.HCM Đt: 0913687227. Công văn đề nghị công bố giá số 84-TN/2026/CBG ngày 19/06/2026	Việt Nam	Cung cấp và giao hàng theo khối lượng yêu cầu	Giao trên phương tiện bên bán, giao tại chân công trình, nếu đảm bảo xe chở hàng có thể vào được	Giá kê khai chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí lắp đặt, ống nhựa các co nối và đã bao gồm phí vận chuyển . Áp dụng từ 01/01/2026 đến 31/12/2026.	Giá không đổi	10,300,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2421	Bê tông đúc sẵn	Hệ thống hố ga của hệ thống thoát nước thải (Hệ thống ho ga thu nước ngăn mùi chông muỗi) SIGEN-02C	Bộ	- TCVN 10333-1:2014 -TCVN 10333-2:2014 - TCVN 10333-3:2014 -TCCS 02:2020/SIGEN (sửa đổi lần 2)	Hệ thống cấu thành gồm: - Hố ga cho hệ thống thoát nước 02C: KT ngoài 840x440x 1200mm, KT trong 700x300x1130mm; (BTCT M300) - Song chắn rác (gang cầu) KT 760x360x45mm - Co cấu ngăn mùi cho hố ga inox sus 316L hoặc nhựa ABS - Tấm lọc nước (nhựa PPR) SG-08 KT 694x294x1 OOmm, chiều dày 5mm	Công ty TNHH SiGen. Đc: 106 Huyền Trân Công Chúa, P.Tam Thắng, TP.HCM Đt: 0913687227. Công văn đề nghị công bố giá số 84-TN/2026/CBG ngày 19/06/2026	Việt Nam	Cung cấp và giao hàng theo khối lượng yêu cầu	Giao trên phương tiện bên bán, giao tại chân công trình, nếu đảm bảo xe chở hàng có thể vào được	Giá kê khai chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí lắp đặt, ống nhựa các co nối và đã bao gồm phí vận chuyển . Áp dụng từ 01/01/2026 đến 31/12/2026.	Giá không đổi	11,100,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2422	Bê tông đúc sẵn	Hệ thống hố ga của hệ thống thoát nước thải (Hệ thống hố ga thu nước ngăn mùi chông muỗi) -SIGEN-03B (lắp đặt cho hệ thống thoát nước có vỉa hè và không có vỉa hè)	Bộ	-TCVN 10333-1:2014 -TCVN 10333- 2:2014 - TCVN 10333-3:2014 - TCCS cập nhật 01:2025 TCCS.02:2020/Sigen	Hệ thống cấu thành gồm: - Hố ga cho hệ thống thoát nước 03B + kích thước ngoài 840x440x540mm; + kích thước trong 700x300x470mm; (bê tông đá 1 X 2 M300) - Song chắn rác không khung (gang cầu, chống trộm), kích thước 760x360x45mm - Co cấu ngăn mùi cho hố ga SG-08 (vật liệu nhựa ABS) kích thước ngoài 330x600x85. Kích thước trong 230x465x80mm	Công ty TNHH SiGen. Đc: 106 Huyền Trân Công Chúa, P.Tam Thắng, TP.HCM Đt: 0913687227. Công văn đề nghị công bố giá số 84-TN/2026/CBG ngày 19/06/2026	Việt Nam	Giao trên phương tiện bên bán, giao tại chân công trình, nếu đảm bảo xe chở hàng có thể vào được	Giá kê khai chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí lắp đặt, ống nhựa các co nối và đã bao gồm phí vận chuyển . Áp dụng từ 01/01/2026 đến 31/12/2026.	Giá kê khai chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí lắp đặt, ống nhựa các co nối và đã bao gồm phí vận chuyển . Áp dụng từ 01/01/2026 đến 31/12/2026.	Giá không đổi	7,800,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2423	Bê tông đúc sẵn	Hệ thống hố ga của hệ thống thoát nước thải (Hệ thống hố ga thu nước ngăn mùi chống muỗi) SIGEN-04A	Bộ	-TCVN 10333-1:2014 - TCVN 10333-2:2014 - TCVN 10333-3:2014 -TCCS 02:2020/SIGEN (sửa đổi lần 2)	Hệ thống cấu thành gồm: - Hố ga cho hệ thống thoát nước 04A: KT ngoài 580x1000x670mm; KT trong 440x860x600mm; (BTCT M300) - Song chắn rác (gang cầu), KT 920x500x45mm - Cơ cấu ngăn mùi cho hố ga SG-09, vật liệu nhựa ABS - Tấm lọc nước (nhựa PPR) SG-09 kích thước 854x432x1 OOmm, chiều dày 5mm - Logo: Đừng bỏ rác nơi đây, rác làm tắc cống gây ngập nước	Công ty TNHH SiGen. Đc: 106 Huyền Trân Công Chúa, P.Tam Thắng, TP.HCM Đt: 0913687227. Công văn đề nghị công bố giá số 84-TN/2026/CBG ngày 19/06/2026	Việt Nam	Cung cấp và giao hàng theo khối lượng yêu cầu	Giao trên phương tiện bên bán, giao tại chân công trình, nếu đảm bảo xe chở hàng có thể vào được	Giá kê khai chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí lắp đặt, ống nhựa các co nối và đã bao gồm phí vận chuyển . Áp dụng từ 01/01/2026 đến 31/12/2026.	Giá không đổi	13,300,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2424	Bê tông đúc sẵn	Hệ thống hố ga của hệ thống thoát nước thải (Hệ thống ho ga thu nước ngăn mùi chong muỗi) SIGEN-04A-BVHD (bỏ vỉa hè đứng)	Bộ	- TCVN 10333-1:2014 -TCVN 10333- 2:2014 - TCVN 10333-3:2014 -TCCS 02:2020/SIGEN (sửa đổi lần 2)	Hệ thống cấu thành gồm: - Hố ga cho hệ thống thoát nước 04A: KT ngoài 580x1000x670mm; KT trong 440x860x600mm; (BTCT M300) - Song chắn rác (gang cầu), KT 920x360x45mm song chắn rác bỏ vỉa hè đứng KT: 1000x200x160mm - Cơ cấu ngăn mùi cho hố ga SG-09, vật liệu nhựa ABS - Tấm lọc nước (nhựa PPR) SG-09 kích thước 854x432x1 OOmm. chiều dày 5mm - Logo: Đừng bỏ rác nơi đây, rác làm tắc cống gây ngập nước	Công ty TNHH SiGen. Đc: 106 Huyền Trân Công Chúa, P.Tam Thắng, TP.HCM Đt: 0913687227. Công văn đề nghị công bố giá số 84-TN/2026/CBG ngày 19/06/2026	Việt Nam	Cung cấp và giao hàng theo khối lượng yêu cầu	Giao trên phương tiện bên bán, giao tại chân công trình, nếu đảm bảo xe chở hàng có thể vào được	Giá kê khai chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí lắp đặt, ống nhựa các co nối và đã bao gồm phí vận chuyển . Áp dụng từ 01/01/2026 đến 31/12/2026.	Giá không đổi	13,300,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2425	Bê tông đúc sẵn	Hệ thống hố ga của hệ thống thoát nước thải (Hệ thống hố ga thu nước ngăn mùi chống muỗi) SIGEN-04A-BVHX (bỏ vỉa hè xiên)	Bộ	- TCVN 10333-1:2014 - TCVN 10333- 2:2014 - TCVN 10333-3:2014 -TCCS 02:2020/SIGEN (sửa đổi lần 2)	Hệ thống cấu thành gồm: - Hố ga cho hệ thống thoát nước 04A: KT ngoài 580x1000x670mm; KT trong 440x860x600mm; (BTCT M300) - Song chắn rác (gang cầu), KT 920x360x45mm song chắn rác bỏ vỉa hè xiên KT: 1000x300x160mm - Cơ cấu ngăn mùi cho hố ga SG-09, vật liệu nhựa ABS - Tấm lọc nước (nhựa PPR) SG-09 kích thước 854x432x1 OOmm, chiều dày 5mm - Logo: Đừng bỏ rác nơi đây, rác làm tắc cống gây ngập nước	Công ty TNHH SiGen. Đc: 106 Huyền Trân Công Chúa, P.Tam Thắng, TP.HCM Đt: 0913687227. Công văn đề nghị công bố giá số 84-TN/2026/CBG ngày 19/06/2026	Việt Nam	Cung cấp và giao hàng theo khối lượng yêu cầu	Giao trên phương tiện bên bán, giao tại chân công trình, nếu đảm bảo xe chở hàng có thể vào được	Giá kê khai chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí lắp đặt, ống nhựa các co nối và đã bao gồm phí vận chuyển . Áp dụng từ 01/01/2026 đến 31/12/2026.	Giá không đổi	13,300,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2426	Bê tông đúc sẵn	Hệ thống hố ga của hệ thống thoát nước thải (Hệ thống hố ga thu nước ngăn mùi chống muỗi) SIGEN-07A	Bộ	-TCVN 10333-1:2014 - TCVN 10333-2:2014 - TCVN 10333-3:2014 -TCCS 02:2020/SIGEN (sửa đổi lần 2)	Hệ thống cấu thành gồm: - Hố ga cho hệ thống thoát nước 07A: KT ngoài 440x1240x600mm, KT trong 300x1100x530mm; (BTCT M300) - Song chắn rác (gang cầu): KT 760x360x45mm - Tấm lọc nước (nhựa PPR) SG-08 kích thước 694x294x1OOmm - Cơ cấu ngăn mùi cho hố ga SG-09, nhựa ABS	Công ty TNHH SiGen. Đc: 106 Huyền Trân Công Chúa, P.Tam Thắng, TP.HCM Đt: 0913687227. Công văn đề nghị công bố giá số 84-TN/2026/CBG ngày 19/06/2026	Việt Nam	Cung cấp và giao hàng theo khối lượng yêu cầu	Giao trên phương tiện bên bán, giao tại chân công trình, nếu đảm bảo xe chở hàng có thể vào được	Giá kê khai chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí lắp đặt, ống nhựa các co nối và đã bao gồm phí vận chuyển . Áp dụng từ 01/01/2026 đến 31/12/2026.	Giá không đổi	9,800,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2427	Bê tông đúc sẵn	Hệ thống hố ga của hệ thống thoát nước thải (Hệ thống hố ga thu nước ngăn mùi chống muỗi) SIGEN-07A (bỏ vỉa hè đứng)	Bộ	-TCVN 10333-1:2014 -TCVN 10333-2:2014 - TCVN 10333-3:2014 -TCCS 02:2020/SIGEN (sửa đổi lần 2)	Hệ thống cấu thành gồm: - Hố ga cho hệ thống thoát nước 07A: KT ngoài 440x1240x600mm, KT trong 300x1100x530mm; (BTCT M300) - Song chắn rác (gang cau): KT 760x360x45mm - Tấm lọc nước (nhựa PPR) SG-08 kích thước 694x294x1 OOmm - Cơ cấu ngăn mùi cho hố ga SG-09, nhựa ABS	Công ty TNHH SiGen. Đc: 106 Huyền Trân Công Chúa, P.Tam Thắng, TP.HCM Đt: 0913687227. Công văn đề nghị công bố giá số 84-TN/2026/CBG ngày 19/06/2026	Việt Nam	Cung cấp và giao hàng theo khối lượng yêu cầu	Giao trên phương tiện bên bán, giao tại chân công trình, nếu đảm bảo xe chở hàng có thể vào được	Giá kê khai chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí lắp đặt, ống nhựa các co nối và đã bao gồm phí vận chuyển . Áp dụng từ 01/01/2026 đến 31/12/2026.	Giá không đổi	11,800,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2428	Bê tông đúc sẵn	Hệ thống hố ga của hệ thống thoát nước thải (Hệ thống hố ga thu nước ngăn mùi chống muỗi) SIGEN-07A (bỏ vỉa hè xiên)	Bộ	-TCVN 10333-1:2014 -TCVN 10333- 2:2014 - TCVN 10333-3:2014 -TCCS 02:2020/SIGEN (sửa đổi lần 2)	Hệ thống cấu thành gồm: - Hố ga cho hệ thống thoát nước 07A: KT ngoài 440x1240x600mm, KT trong 300x1100x530mm; (BTCT M300) - Song chắn rác (gang cầu): KT 760x360x45mm - Tấm lọc nước (nhựa PPR) SG-08 kích thước 694x294x1 OOmm - Cơ cấu ngăn mùi cho hố ga SG-09, nhựa ABS	Công ty TNHH SiGen. Đc: 106 Huyền Trân Công Chúa, P.Tam Thắng, TP.HCM Đt: 0913687227. Công văn đề nghị công bố giá số 84-TN/2026/CBG ngày 19/06/2026	Việt Nam	Cung cấp và giao hàng theo khối lượng yêu cầu	Giao trên phương tiện bên bán, giao tại chân công trình, nếu đảm bảo xe chở hàng có thể vào được	Giá kê khai chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí lắp đặt, ống nhựa các co nối và đã bao gồm phí vận chuyển . Áp dụng từ 01/01/2026 đến 31/12/2026.	Giá không đổi	11,800,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2429	Bê tông đúc sẵn	Nắp hố ga gang cầu thu nước có van ngăn mùi SIGEN-04TNNM (NGT)	Bộ	- TCCS Cập nhật 01:2025 TCCS 01/2023/SIGEN - TC BS EN 124:2016 (sửa đổi lần 1)	- Kích thước: l200x 1200x75mm, nắp gang 0940 (thông thủy 880), tải trọng 40 tấn, chống ồn, chống trộm, chống ngập. - Cơ cấu ngăn mùi cho hố ga inox SUS 316L hoặc nhựa ABS	Công ty TNHH SiGen. Đc: 106 Huyền Trân Công Chúa, P.Tam Thắng, TP.HCM Đt: 0913687227. Công văn đề nghị công bố giá số 84-TN/2026/CBG ngày 19/06/2026	Việt Nam	Cung cấp và giao hàng theo khối lượng yêu cầu	Giao trên phương tiện bên bán, giao tại chân công trình, nếu đảm bảo xe chở hàng có thể vào được	Giá kê khai chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí lắp đặt, ống nhựa các co nối và đã bao gồm phí vận chuyển . Áp dụng từ 01/01/2026 đến 31/12/2026.	Giá không đổi	12,800,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2430	Bê tông đúc sẵn	Nắp hố ga gang cầu thu nước có van ngăn mùi SIGEN-05TNNM (nắp gang vuông)	Bộ	- TCCS Cập nhật 01:2025 TCCS 01/2023/SIGEN - TC BS EN 124:2016 (sửa đổi lần 1)	- Kích thước: l200x 1200x75mm, nắp gang 0940 (thông thủy 880), tải trọng 40 tấn, chống ồn, chống trộm, chống ngập. - Cơ cấu ngăn mùi cho hố ga inox SUS 316L hoặc nhựa ABS	Công ty TNHH SiGen. Đc: 106 Huyền Trân Công Chúa, P.Tam Thắng, TP.HCM Đt: 0913687227. Công văn đề nghị công bố giá số 84-TN/2026/CBG ngày 19/06/2026	Việt Nam	Cung cấp và giao hàng theo khối lượng yêu cầu	Giao trên phương tiện bên bán, giao tại chân công trình, nếu đảm bảo xe chở hàng có thể vào được	Giá kê khai chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí lắp đặt, ống nhựa các co nối và đã bao gồm phí vận chuyển . Áp dụng từ 01/01/2026 đến 31/12/2026.	Giá không đổi	12,800,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2431	Bê tông thương phẩm	Bê tông thương phẩm M100R28	m3	TCVN 9340:2012 độ sụt (10+-2)	100R28mm	Công ty TNHH SX DV Vận tải Tiến Phát. (CCN Quốc Quang, ấp 5A, xã Thạnh Lợi, tỉnh Tây Ninh - 02726276699 - 0975 188 488)	Việt nam	Không có thông tin	giá đã bao gồm phí vận chuyển tới công trình (khối lượng tối thiểu vận chuyển là 1m3/chuyến)	(Mức giá được thực hiện từ ngày 07/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	1,388,889	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2432	Bê tông thương phẩm	Bê tông thương phẩm M150R28	m3	TCVN 9340:2012 độ sụt (10+-2)	150R28mm	Công ty TNHH SX DV Vận tải Tiến Phát. (CCN Quốc Quang, ấp 5A, xã Thạnh Lợi, tỉnh Tây Ninh - 02726276699 - 0975 188 488)	Việt nam	Không có thông tin	giá đã bao gồm phí vận chuyển tới công trình (khối lượng tối thiểu vận chuyển là 1m3/chuyến)	(Mức giá được thực hiện từ ngày 07/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	1,435,185	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2433	Bê tông thương phẩm	Bê tông thương phẩm M200R28	m3	TCVN 9340:2012 độ sụt (10+-2)	200R28mm	Công ty TNHH SX DV Vận tải Tiến Phát. (CCN Quốc Quang, ấp 5A, xã Thạnh Lợi, tỉnh Tây Ninh - 02726276699 - 0975 188 488)	Việt nam	Không có thông tin	giá đã bao gồm phí vận chuyển tới công trình (khối lượng tối thiểu vận chuyển là 1m3/chuyến)	(Mức giá được thực hiện từ ngày 07/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	1,481,481	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2434	Bê tông thương phẩm	Bê tông thương phẩm M250R28	m3	TCVN 9340:2012 độ sụt (10+-2)	250R28mm	Công ty TNHH SX DV Vận tải Tiến Phát. (CCN Quốc Quang, ấp 5A, xã Thạnh Lợi, tỉnh Tây Ninh - 02726276699 - 0975 188 488)	Việt nam	Không có thông tin	giá đã bao gồm phí vận chuyển tới công trình (khối lượng tối thiểu vận chuyển là 1m3/chuyến)	(Mức giá được thực hiện từ ngày 07/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	1,527,778	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2435	Bê tông thương phẩm	Bê tông thương phẩm M300R28	m3	TCVN 9340:2012 độ sụt (10+-2)	300R28mm	Công ty TNHH SX DV Vận tải Tiến Phát. (CCN Quốc Quang, ấp 5A, xã Thạnh Lợi, tỉnh Tây Ninh - 02726276699 - 0975 188 488)	Việt nam	Không có thông tin	giá đã bao gồm phí vận chuyển tới công trình (khối lượng tối thiểu vận chuyển là 1m3/chuyến)	(Mức giá được thực hiện từ ngày 07/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	1,574,074	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2436	Bê tông thương phẩm	Bê tông thương phẩm M350R28	m3	TCVN 9340:2012 độ sụt (10+-2)	350R28mm	Công ty TNHH SX DV Vận tải Tiến Phát. (CCN Quốc Quang, ấp 5A, xã Thạnh Lợi, tỉnh Tây Ninh - 02726276699 - 0975 188 488)	Việt nam	Không có thông tin	giá đã bao gồm phí vận chuyển tới công trình (khối lượng tối thiểu vận chuyển là 1m3/chuyến)	(Mức giá được thực hiện từ ngày 07/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	1,620,370	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2437	Nhựa đường	Nhựa đường 60/70	tấn	TCVN 13567-1:2022	đang xá	Công ty TNHH Cung ứng nhựa đường. Bảng niêm yết giá ngày 01/08/2026	Việt nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm vận chuyển đến chân công trình khu vực Bến Lức, Long An	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	19,700,000	19,700,000	19,700,000	19,700,000	19,700,000	19,700,000	19,700,000	19,700,000	19,700,000	19,700,000	19,700,000	19,700,000	19,700,000	19,700,000	19,700,000
2438	Nhựa đường	Nhựa đường 60/70 PG64	tấn	TCVN 13567-1:2022 TCVN 13049-1:2020	đang xá	Công ty TNHH Cung ứng nhựa đường. Bảng niêm yết giá ngày 01/08/2026	Việt nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm vận chuyển đến chân công trình khu vực Bến Lức, Long An	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	19,900,000	19,900,000	19,900,000	19,900,000	19,900,000	19,900,000	19,900,000	19,900,000	19,900,000	19,900,000	19,900,000	19,900,000	19,900,000	19,900,000	19,900,000
2439	Nhựa đường	Nhựa đường ADCo 60/70 nhiệt 160 độ C (bitum bọt)	tấn	TCVN 13150-2:2020	đang xá	Công ty TNHH Cung ứng nhựa đường. Bảng niêm yết giá ngày 01/08/2026	Việt nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm vận chuyển đến chân công trình khu vực Bến Lức, Long An	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	20,200,000	20,200,000	20,200,000	20,200,000	20,200,000	20,200,000	20,200,000	20,200,000	20,200,000	20,200,000	20,200,000	20,200,000	20,200,000	20,200,000	20,200,000
2440	Nhựa đường	Nhựa đường 40/50	tấn	TCVN 13567-1:2022	đang xá	Công ty TNHH Cung ứng nhựa đường. Bảng niêm yết giá ngày 01/08/2026	Việt nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm vận chuyển đến chân công trình khu vực Bến Lức, Long An	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	21,700,000	21,700,000	21,700,000	21,700,000	21,700,000	21,700,000	21,700,000	21,700,000	21,700,000	21,700,000	21,700,000	21,700,000	21,700,000	21,700,000	21,700,000
2441	Nhựa đường	Nhựa đường 40/50 PG 70	tấn	TCVN 13567-1:2022 TCVN 13049-1:2020	đang xá	Công ty TNHH Cung ứng nhựa đường. Bảng niêm yết giá ngày 01/08/2026	Việt nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm vận chuyển đến chân công trình khu vực Bến Lức, Long An	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	22,700,000	22,700,000	22,700,000	22,700,000	22,700,000	22,700,000	22,700,000	22,700,000	22,700,000	22,700,000	22,700,000	22,700,000	22,700,000	22,700,000	22,700,000
2442	Nhựa đường	Nhựa đường Colflex ®I (PMB-I)	tấn	TCVN 11193:2021	đang xá	Công ty TNHH Cung ứng nhựa đường. Bảng niêm yết giá ngày 01/08/2026	Việt nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm vận chuyển đến chân công trình khu vực Bến Lức, Long An	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	27,300,000	27,300,000	27,300,000	27,300,000	27,300,000	27,300,000	27,300,000	27,300,000	27,300,000	27,300,000	27,300,000	27,300,000	27,300,000	27,300,000	27,300,000
2443	Nhựa đường	Nhựa đường Colflex ®III (PMB-III)	tấn	TCVN 11193:2021	đang xá	Công ty TNHH Cung ứng nhựa đường. Bảng niêm yết giá ngày 01/08/2026	Việt nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm vận chuyển đến chân công trình khu vực Bến Lức, Long An	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	27,600,000	27,600,000	27,600,000	27,600,000	27,600,000	27,600,000	27,600,000	27,600,000	27,600,000	27,600,000	27,600,000	27,600,000	27,600,000	27,600,000	27,600,000
2444	Nhựa đường	Nhựa đường Colflex ®PG76 (PMB-III PG76)	tấn	TCVN 11193-2021 TCVN 13048-2024	đang xá	Công ty TNHH Cung ứng nhựa đường. Bảng niêm yết giá ngày 01/08/2026	Việt nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm vận chuyển đến chân công trình khu vực Bến Lức, Long An	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	27,800,000	27,800,000	27,800,000	27,800,000	27,800,000	27,800,000	27,800,000	27,800,000	27,800,000	27,800,000	27,800,000	27,800,000	27,800,000	27,800,000	27,800,000
2445	Nhựa đường	Nhựa đường Colflex ®PG82 (PMB-III PG82)	tấn	TCVN 11193:2021	đang xá	Công ty TNHH Cung ứng nhựa đường. Bảng niêm yết giá ngày 01/08/2026	Việt nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm vận chuyển đến chân công trình khu vực Bến Lức, Long An	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	28,200,000	28,200,000	28,200,000	28,200,000	28,200,000	28,200,000	28,200,000	28,200,000	28,200,000	28,200,000	28,200,000	28,200,000	28,200,000	28,200,000	28,200,000
2446	Nhựa đường	Nhựa đường Colflex PA (PMB PA)	tấn	TCVN 13048:2024	đang xá	Công ty TNHH Cung ứng nhựa đường. Bảng niêm yết giá ngày 01/08/2026	Việt nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm vận chuyển đến chân công trình khu vực Bến Lức, Long An	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	28,400,000	28,400,000	28,400,000	28,400,000	28,400,000	28,400,000	28,400,000	28,400,000	28,400,000	28,400,000	28,400,000	28,400,000	28,400,000	28,400,000	28,400,000
2447	Nhựa đường	Nhũ tương CRS-1	tấn	TCVN 8817-1:2011	đang xá	Công ty TNHH Cung ứng nhựa đường. Bảng niêm yết giá ngày 01/08/2026	Việt nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm vận chuyển đến chân công trình khu vực Bến Lức, Long An	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	15,600,000	15,600,000	15,600,000	15,600,000	15,600,000	15,600,000	15,600,000	15,600,000	15,600,000	15,600,000	15,600,000	15,600,000	15,600,000	15,600,000	15,600,000
2448	Nhựa đường	Nhũ tương CSS-1	tấn	TCVN 8817-1:2011	đang xá	Công ty TNHH Cung ứng nhựa đường. Bảng niêm yết giá ngày 01/08/2026	Việt nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm vận chuyển đến chân công trình khu vực Bến Lức, Long An	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	15,900,000	15,900,000	15,900,000	15,900,000	15,900,000	15,900,000	15,900,000	15,900,000	15,900,000	15,900,000	15,900,000	15,900,000	15,900,000	15,900,000	15,900,000
2449	Nhựa đường	Nhũ tương CSS-1h	tấn	TCVN 8817-1:2011	đang xá	Công ty TNHH Cung ứng nhựa đường. Bảng niêm yết giá ngày 01/08/2026	Việt nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm vận chuyển đến chân công trình khu vực Bến Lức, Long An	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	17,200,000	17,200,000	17,200,000	17,200,000	17,200,000	17,200,000	17,200,000	17,200,000	17,200,000	17,200,000	17,200,000	17,200,000	17,200,000	17,200,000	17,200,000
2450	Nhựa đường	Nhũ tương CRS-2	tấn	TCVN 8817-1:2011	đang xá	Công ty TNHH Cung ứng nhựa đường. Bảng niêm yết giá ngày 01/08/2026	Việt nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm vận chuyển đến chân công trình khu vực Bến Lức, Long An	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	17,000,000	17,000,000	17,000,000	17,000,000	17,000,000	17,000,000	17,000,000	17,000,000	17,000,000	17,000,000	17,000,000	17,000,000	17,000,000	17,000,000	17,000,000
2451	Nhựa đường	Nhũ tương RapidBond ® (CRS-1P)	tấn	TCVN 8816:2011	đang xá	Công ty TNHH Cung ứng nhựa đường. Bảng niêm yết giá ngày 01/08/2026	Việt nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm vận chuyển đến chân công trình khu vực Bến Lức, Long An	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	22,600,000	22,600,000	22,600,000	22,600,000	22,600,000	22,600,000	22,600,000	22,600,000	22,600,000	22,600,000	22,600,000	22,600,000	22,600,000	22,600,000	22,600,000
2452	Nhựa đường	Nhũ tương RapidBond ® Plus (CRS-2P)	tấn	TCVN 8816:2011	đang xá	Công ty TNHH Cung ứng nhựa đường. Bảng niêm yết giá ngày 01/08/2026	Việt nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm vận chuyển đến chân công trình khu vực Bến Lức, Long An	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	23,500,000	23,500,000	23,500,000	23,500,000	23,500,000	23,500,000	23,500,000	23,500,000	23,500,000	23,500,000	23,500,000	23,500,000	23,500,000	23,500,000	23,500,000
2453	Nhựa đường	Nhũ tương RapidBond ® Ultra (Novaband®)	tấn	TCVN 12759-1:2019	đang xá	Công ty TNHH Cung ứng nhựa đường. Bảng niêm yết giá ngày 01/08/2026	Việt nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm vận chuyển đến chân công trình khu vực Bến Lức, Long An	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	23,000,000	23,000,000	23,000,000	23,000,000	23,000,000	23,000,000	23,000,000	23,000,000	23,000,000	23,000,000	23,000,000	23,000,000	23,000,000	23,000,000	23,000,000
2454	Nhựa đường	Nhựa đường lỏng MC-70	tấn	TCVN 8818-1:2011	đang xá	Công ty TNHH Cung ứng nhựa đường. Bảng niêm yết giá ngày 01/08/2026	Việt nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm vận chuyển đến chân công trình khu vực Bến Lức, Long An	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	31,700,000	31,700,000	31,700,000	31,700,000	31,700,000	31,700,000	31,700,000	31,700,000	31,700,000	31,700,000	31,700,000	31,700,000	31,700,000	31,700,000	31,700,000
2455	Nhựa đường	Nhũ tương thấm bám (EcoPrime®)	tấn	TCCS 27:2019/TCĐBVN	đang xá	Công ty TNHH Cung ứng nhựa đường. Bảng niêm yết giá ngày 01/08/2026	Việt nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm vận chuyển đến chân công trình khu vực Bến Lức, Long An	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	23,000,000	23,000,000	23,000,000	23,000,000	23,000,000	23,000,000	23,000,000	23,000,000	23,000,000	23,000,000	23,000,000	23,000,000	23,000,000	23,000,000	23,000,000
2456	Nhựa đường	Nhũ tương CSS-1h (EcoStab® cho công nghệ tái chế)	tấn	TCVN 13150-2:2020	đang xá	Công ty TNHH Cung ứng nhựa đường. Bảng niêm yết giá ngày 01/08/2026	Việt nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm vận chuyển đến chân công trình khu vực Bến Lức, Long An	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	18,600,000	18,600,000	18,600,000	18,600,000	18,600,000	18,600,000	18,600,000	18,600,000	18,600,000	18,600,000	18,600,000	18,600,000	18,600,000	18,600,000	18,600,000
2457	Nhựa đường	Nhũ tương CQS-1hP (EcoGrip) cho công nghệ Micro Surfacing	tấn	TCVN 12316:2018	đang xá	Công ty TNHH Cung ứng nhựa đường. Bảng niêm yết giá ngày 01/08/2026	Việt nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm vận chuyển đến chân công trình khu vực Bến Lức, Long An	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	30,900,000	30,900,000	30,900,000	30,900,000	30,900,000	30,900,000	30,900,000	30,900,000	30,900,000	30,900,000	30,900,000	30,900,000	30,900,000	30,900,000	30,900,000
2458	Nhựa đường	Phụ gia dùng cho công nghệ Micro Surfacing	tấn	TCVN 12316:2018	đang phuy	Công ty TNHH Cung ứng nhựa đường. Bảng niêm yết giá ngày 01/08/2026	Việt nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm vận chuyển đến chân công trình khu vực Bến Lức, Long An	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	73,400,000	73,400,000	73,400,000	73,400,000	73,400,000	73,400,000	73,400,000	73,400,000	73,400,000	73,400,000	73,400,000	73,400,000	73,400,000	73,400,000	73,400,000
2459	Nhựa đường	CarboncorAsphalt-CA 9.5, CA 12.5	tấn	TCCS 09:2024/CĐBVN	bao 25kg	Công ty Cổ phần Carbon Việt Nam - chi nhánh Đồng Nai. Đc nhà máy sản xuất: số 2, đường số 1 KCN Thanh Phú, P.Tân Triều, tỉnh Đồng Nai. Công văn đề nghị công bố giá số 1702/2026/CV-TGĐ ngày 20/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm vận chuyển đến các khu vực	Mức giá ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Giá không đổi	4,280,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2460	Nhựa đường	CarboncorAsphalt-CA 6.7	tấn	TCCS 09:2024/CĐBVN	bao 25kg	Công ty Cổ phần Carbon Việt Nam - chi nhánh Đồng Nai. Đc nhà máy sản xuất: số 2, đường số 1 KCN Thanh Phú, P.Tân Triều, tỉnh Đồng Nai. Công văn đề nghị công bố giá số 1702/2026/CV-TGĐ ngày 20/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm vận chuyển đến các khu vực	Mức giá ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Giá không đổi	4,320,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2461	Nhựa đường	CarboncorAsphalt-CA 19 (bê tông nhựa rỗng Carbon)	tấn	TCCS 09:2024/CĐBVN	bao 25kg	Công ty Cổ phần Carbon Việt Nam - chi nhánh Đồng Nai. Đc nhà máy sản xuất: số 2, đường số 1 KCN Thanh Phú, P.Tân Triều, tỉnh Đồng Nai. Công văn đề nghị công bố giá số 1702/2026/CV-TGĐ ngày 20/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm vận chuyển đến các khu vực	Mức giá ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Giá không đổi	3,425,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2462	Nhựa đường	Bê tông nhựa nóng C19	tấn			Công ty CP XD CT Giao Thông 674. (216 Quốc lộ 1A, P.2, Tân An, Long An - 0913999557)	Việt nam	Không có thông tin	Giá bán tại trạm chân cầu Bến Lức	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	-	-	-	-	1,870,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2463	Nhựa đường	Bê tông nhựa nóng C16	tấn			Công ty CP XD CT Giao Thông 674. (216 Quốc lộ 1A, P.2, Tân An, Long An - 0913999557)	Việt nam	Không có thông tin	Giá bán tại trạm chân cầu Bến Lức	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	-	-	-	-	1,920,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2464	Nhựa đường	Bê tông nhựa nóng C12,5	tấn			Công ty CP XD CT Giao Thông 674. (216 Quốc lộ 1A, P.2, Tân An, Long An - 0913999557)	Việt nam	Không có thông tin	Giá bán tại trạm chân cầu Bến Lức	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	-	-	-	-	1,970,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2465	Nhựa đường	Bê tông nhựa nóng C9,5	tấn			Công ty CP XD CT Giao Thông 674. (216 Quốc lộ 1A, P.2, Tân An, Long An - 0913999557)	Việt nam	Không có thông tin	Giá bán tại trạm chân cầu Bến Lức	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	-	-	-	-	2,010,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2466	Nhựa đường	Bê tông nhựa nóng C9,5	tấn	TCVN 13567-1:2022		Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giao tại trạm trộn. Tổ 18, Khu phố Tân Lập, P.Phước Tân, TP.Đồng Nai	Mức giá được áp dụng từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1,442,000	1,442,000	1,442,000	1,442,000	1,442,000	1,442,000	1,442,000	1,442,000	1,442,000	1,442,000	1,442,000	1,442,000	1,442,000	1,442,000
2467	Nhựa đường	Bê tông nhựa nóng C12,5	tấn	TCVN 13567-1:2022		Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giao tại trạm trộn. Tổ 18, Khu phố Tân Lập, P.Phước Tân, TP.Đồng Nai	Mức giá được áp dụng từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1,420,000	1,420,000	1,420,000	1,420,000	1,420,000	1,420,000	1,420,000	1,420,000	1,420,000	1,420,000	1,420,000	1,420,000	1,420,000	1,420,000
2468	Nhựa đường	Bê tông nhựa nóng C16	tấn	TCVN 13567-1:2022		Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giao tại trạm trộn. Tổ 18, Khu phố Tân Lập, P.Phước Tân, TP.Đồng Nai	Mức giá được áp dụng từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1,404,000	1,404,000	1,404,000	1,404,000	1,404,000	1,404,000	1,404,000	1,404,000	1,404,000	1,404,000	1,404,000	1,404,000	1,404,000	1,404,000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)															
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2469	Nhựa đường	Bê tông nhựa nóng C19	tấn	TCVN 13567-1:2022		Công ty CP ĐT XD TM SĨC. Đc: Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SĨC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giao tại trạm trộn. Tổ 18, Khu phố Tân Lập, P.Phước Tân, TP.Đồng Nai	Mức giá được áp dụng từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1,387,000	1,387,000	1,387,000	1,387,000	1,387,000	1,387,000	1,387,000	1,387,000	1,387,000	1,387,000	1,387,000	1,387,000	1,387,000	1,387,000	1,387,000
2470	Gỗ xây dựng	Cừ tràm L=3m, d_gốc (8-10)cm, d_ngọn >=3.5cm	cây			Phiếu khảo sát tại đơn vị khu vực Bến Lức, Thủ Thừa, Tân An: Chi nhánh công ty TNHH TMDV Quốc Tế Đại Lâm, Công ty TNHH phát triển TM DV Hoàn Mỹ	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại công trường	Mức giá được áp dụng từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	39,000	-	-	36,300	36,500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2471	Gỗ xây dựng	Cừ tràm L=4m, d_gốc (8-10)cm, d_ngọn >=3.7cm	cây			Phiếu khảo sát tại đơn vị khu vực Bến Lức, Thủ Thừa, Tân An: Chi nhánh công ty TNHH TMDV Quốc Tế Đại Lâm, Công ty TNHH phát triển TM DV Hoàn Mỹ	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại công trường	Mức giá được áp dụng từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	47,600	-	-	47,100	49,100	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2472	Gỗ xây dựng	Cừ tràm L=5m, d_gốc (8-10)cm, d_ngọn >=4.2cm	cây			Phiếu khảo sát tại đơn vị khu vực Bến Lức, Thủ Thừa, Tân An: Chi nhánh công ty TNHH TMDV Quốc Tế Đại Lâm, Công ty TNHH phát triển TM DV Hoàn Mỹ	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại công trường	Mức giá được áp dụng từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	70,000	-	-	66,500	69,300	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2473	Gỗ xây dựng	Cừ tràm D gốc (8-10)cm, D ngọn (4-5)cm; L=5m	cây		5)cm; L=5mm	Công ty TNHH MTV XD TM Kim Hằng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá trên được giao tại bãi vật liệu của cty tại TP. Tân An, Long An		Giá không đổi	58,000	58,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2474	Gỗ xây dựng	Cừ tràm D gốc (8-10)cm, D ngọn (4-5)cm; L=4,5m	cây		4,5mm	Công ty TNHH MTV XD TM Kim Hằng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá trên được giao tại bãi vật liệu của cty tại TP. Tân An, Long An		Giá không đổi	54,000	54,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2475	Gỗ xây dựng	Cừ tràm D gốc (7-8)cm, D ngọn (4-5)cm; L=4m	cây		5)cm; L=4mm	Công ty TNHH MTV XD TM Kim Hằng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá trên được giao tại bãi vật liệu của cty tại TP. Tân An, Long An		Giá không đổi	42,000	42,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2476	Gỗ xây dựng	Cừ tràm D gốc (5-8)cm, D ngọn (3-4)cm; L=3m	cây		4)cm; L=3mm	Công ty TNHH MTV XD TM Kim Hằng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá trên được giao tại bãi vật liệu của cty tại TP. Tân An, Long An		Giá không đổi	30,000	30,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2477	Gỗ xây dựng	Cây chống	cây			Công ty TNHH MTV XD TM Kim Hằng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá trên được giao tại bãi vật liệu của cty tại TP. Tân An, Long An		Giá không đổi	37,000	37,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2478	Gỗ xây dựng	Cừ tràm D gốc (8-10)cm, D ngọn (4-5)cm; L=5m	cây		5)cm; L=5mm	Công ty TNHH XDTM Kiến Việt Quốc	Việt Nam	Không có thông tin	Giá chưa bao gồm vận chuyển và bốc xếp, giao tại kho cty		Giá không đổi	45,455	45,455	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2479	Gỗ xây dựng	Cừ tràm D gốc (8-10)cm, D ngọn (4-5)cm; L=4,5m	cây		4,5mm	Công ty TNHH XDTM Kiến Việt Quốc	Việt Nam	Không có thông tin	Giá chưa bao gồm vận chuyển và bốc xếp, giao tại kho cty		Giá không đổi	40,909	40,909	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2480	Gỗ xây dựng	Cừ tràm D gốc (7-8)cm, D ngọn (4-5)cm; L=4m	cây		5)cm; L=4mm	Công ty TNHH XDTM Kiến Việt Quốc	Việt Nam	Không có thông tin	Giá chưa bao gồm vận chuyển và bốc xếp, giao tại kho cty		Giá không đổi	33,636	33,636	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2481	Gỗ xây dựng	Cừ tràm D gốc (5-8)cm, D ngọn (3-4)cm; L=3m	cây		4)cm; L=3mm	Công ty TNHH XDTM Kiến Việt Quốc	Việt Nam	Không có thông tin	Giá chưa bao gồm vận chuyển và bốc xếp, giao tại kho cty		Giá không đổi	25,455	25,455	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2482	Gỗ xây dựng	Cừ dừa, L= 7m	cây		Đường kính gốc D>=20cm	Công ty TNHH TMDV Nguyễn Nhi Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá chưa bao gồm vận chuyển và bốc xếp, giao tại trong địa bàn TP Tân An cũ, H Châu Thành, Thủ Thừa, Tân Trụ cũ		Giá không đổi	600,000	600,000	600,000	600,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2483	Gỗ xây dựng	Cừ dừa, L= 6m	cây		Đường kính gốc D>=20cm	Công ty TNHH TMDV Nguyễn Nhi Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá chưa bao gồm vận chuyển và bốc xếp, giao tại trong địa bàn TP Tân An cũ, H Châu Thành, Thủ Thừa, Tân Trụ cũ		Giá không đổi	500,000	500,000	500,000	500,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2484	Gỗ xây dựng	Cừ Bạch Đàn, L= 7m	cây		Đường kính gốc D>=12cm	Công ty TNHH TMDV Nguyễn Nhi Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá chưa bao gồm vận chuyển và bốc xếp, giao tại trong địa bàn TP Tân An cũ, H Châu Thành, Thủ Thừa, Tân Trụ cũ		Giá không đổi	215,000	215,000	215,000	215,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2485	Gỗ xây dựng	Cừ Bạch Đàn, L= 6m	cây		Đường kính gốc D>=12cm	Công ty TNHH TMDV Nguyễn Nhi Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá chưa bao gồm vận chuyển và bốc xếp, giao tại trong địa bàn TP Tân An cũ, H Châu Thành, Thủ Thừa, Tân Trụ cũ		Giá không đổi	180,000	180,000	180,000	180,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2486	Gỗ xây dựng	Cừa tràm	cây		Đường kính gốc D>=12cm	Công ty TNHH TMDV Nguyễn Nhi Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá chưa bao gồm vận chuyển và bốc xếp, giao tại trong địa bàn TP Tân An cũ, H Châu Thành, Thủ Thừa, Tân Trụ cũ		Giá không đổi	160,000	160,000	160,000	160,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2487	Gỗ xây dựng	Cừa tràm	cây		Đường kính gốc D>=12cm	Công ty TNHH TMDV Nguyễn Nhi Long An	Việt Nam	Không có thông tin	Giá chưa bao gồm vận chuyển và bốc xếp, giao tại trong địa bàn TP Tân An cũ, H Châu Thành, Thủ Thừa, Tân Trụ cũ		Giá không đổi	140,000	140,000	140,000	140,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2488	Gỗ xây dựng	Cừ tràm D gốc (8-10)cm, D ngọn (4-5)cm; L=5m	cây		5)cm; L=5mm	Hộ kinh doanh Lưu Thị Thanh Thủy	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại bãi vật liệu của công ty 172 Nguyễn Thông, phường 3. TP.Tân An, Long An		Giá không đổi	50,000	50,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2489	Gỗ xây dựng	Cừ tràm D gốc (8-10)cm, D ngọn (4-5)cm; L=4,5m	cây		4,5mm	Hộ kinh doanh Lưu Thị Thanh Thủy	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại bãi vật liệu của công ty 172 Nguyễn Thông, phường 3. TP.Tân An, Long An		Giá không đổi	45,000	45,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2490	Gỗ xây dựng	Cừ tràm D gốc (7-8)cm, D ngọn (4-5)cm; L=4m	cây		5)cm; L=4mm	Hộ kinh doanh Lưu Thị Thanh Thủy	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại bãi vật liệu của công ty 172 Nguyễn Thông, phường 3. TP.Tân An, Long An		Giá không đổi	37,000	37,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2491	Gỗ xây dựng	Cừ tràm D gốc (5-8)cm, D ngọn (3-4)cm; L=3m	cây		4)cm; L=3mm	Hộ kinh doanh Lưu Thị Thanh Thủy	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại bãi vật liệu của công ty 172 Nguyễn Thông, phường 3. TP.Tân An, Long An		Giá không đổi	28,000	28,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2492	Gỗ xây dựng	Cây chống	cây			Hộ kinh doanh Lưu Thị Thanh Thủy	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại bãi vật liệu của công ty 172 Nguyễn Thông, phường 3. TP.Tân An, Long An		Giá không đổi	34,000	34,000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2493	Vật liệu khác	Xăng sinh học E10 RON 95-V	đồng/lít			Công ty Xăng Dầu Long An	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá mới có hiệu lực từ thời điểm 15 giờ 00 phút ngày 20 tháng 08 năm 2026 Thông cáo báo chí số 47/2026/PLX-TCBC	Giá bán giảm	24,060	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2494	Vật liệu khác	Xăng sinh học E10 RON 95-III	đồng/lít			Công ty Xăng Dầu Long An	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá mới có hiệu lực từ thời điểm 15 giờ 00 phút ngày 20 tháng 08 năm 2026 Thông cáo báo chí số 47/2026/PLX-TCBC	Giá bán giảm	22,660	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2495	Vật liệu khác	Xăng sinh học E5 RON 92-II	đồng/lít			Công ty Xăng Dầu Long An	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá mới có hiệu lực từ thời điểm 15 giờ 00 phút ngày 20 tháng 08 năm 2026 Thông cáo báo chí số 47/2026/PLX-TCBC	Giá bán giảm	21,830															
2496	Vật liệu khác	Điêzen 0,001S-V	đồng/lít		0,001mm	Công ty Xăng Dầu Long An	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá mới có hiệu lực từ thời điểm 15 giờ 00 phút ngày 20 tháng 08 năm 2026 Thông cáo báo chí số 47/2026/PLX-TCBC	Giá bán tăng	30,640	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2497	Vật liệu khác	Điêzen 0,05S-II	đồng/lít		0,05mm	Công ty Xăng Dầu Long An	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá mới có hiệu lực từ thời điểm 15 giờ 00 phút ngày 20 tháng 08 năm 2026 Thông cáo báo chí số 47/2026/PLX-TCBC	Giá bán tăng	28,540	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2498	Vật liệu khác	Dầu hỏa 2-K	đồng/lít			Công ty Xăng Dầu Long An	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá mới có hiệu lực từ thời điểm 15 giờ 00 phút ngày 20 tháng 08 năm 2026 Thông cáo báo chí số 47/2026/PLX-TCBC	Giá bán tăng	27,290	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2499	Vật liệu khác	Mazut N°2B (3,5S) - Giá bán buôn	đồng/kg			Công ty Xăng Dầu Long An	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá mới có hiệu lực từ thời điểm 15 giờ 00 phút ngày 20 tháng 08 năm 2026 Thông cáo báo chí số 47/2026/PLX-TCBC	Giá bán tăng	17,680	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2500	Vật liệu khác	Mazut 180cst - 0,5S (RMG)- Giá bán buôn	đồng/kg			Công ty Xăng Dầu Long An	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá mới có hiệu lực từ thời điểm 15 giờ 00 phút ngày 20 tháng 08 năm 2026 Thông cáo báo chí số 47/2026/PLX-TCBC	Giá bán tăng	22,980	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)															
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2501	Vật liệu khác	Ô ngăn hình mạng neoweb 330 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	Ô ngăn hình mạng neoweb 330-50 Khoảng cách mối hàn 330mm; Chiều cao ô ngăn 50mm; Kích thước ô ngăn 250mm.X 210mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	162,530	162,530	162,530	162,530	162,530	162,530	162,530	162,530	162,530	162,530	162,530	162,530	162,530	162,530	162,530
2502	Vật liệu khác	Ô ngăn hình mạng neoweb 330 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	Ô ngăn hình mạng neoweb 330-75 Khoảng cách mối hàn 330mm; Chiều cao ô ngăn 75mm; Kích thước ô ngăn 250mm X 210mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	230,778	230,778	230,778	230,778	230,778	230,778	230,778	230,778	230,778	230,778	230,778	230,778	230,778	230,778	230,778
2503	Vật liệu khác	Ô ngăn hình mạng neoweb 330 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	Ô ngăn hình mạng neoweb 330-100 Khoảng cách mối hàn 330mm; Chiều cao ô ngăn 100mm; Kích thước ô ngăn 250mm X 210mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	311,917	311,917	311,917	311,917	311,917	311,917	311,917	311,917	311,917	311,917	311,917	311,917	311,917	311,917	311,917
2504	Vật liệu khác	Ô ngăn hình mạng neoweb 330 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	ô ngăn hình mạng neoweb 330-120 Khoảng cách mối hàn 330mm; Chiều cao ô ngăn 120mm; Kích thước ô ngăn 250mm X 210mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	389,264	389,264	389,264	389,264	389,264	389,264	389,264	389,264	389,264	389,264	389,264	389,264	389,264	389,264	389,264
2505	Vật liệu khác	Ô ngăn hình mạng neoweb 330 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	Ô ngăn hình mạng neoweb 330-150 Khoảng cách mối hàn 330mm; Chiều cao ô ngăn 150mm; Kích thước ô ngăn 250mm X 210mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	451,951	451,951	451,951	451,951	451,951	451,951	451,951	451,951	451,951	451,951	451,951	451,951	451,951	451,951	451,951
2506	Vật liệu khác	ô ngăn hình mạng neoweb 330 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	Ô ngăn hình mạng neoweb 330-200 Khoảng cách mối hàn 330mm; Chiều cao ô ngăn 200mm; Kích thước ô ngăn 250mm X 210mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	641,023	641,023	641,023	641,023	641,023	641,023	641,023	641,023	641,023	641,023	641,023	641,023	641,023	641,023	641,023
2507	Vật liệu khác	Ô ngăn hình mạng neoweb 356 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	Ô ngăn hình mạng neoweb 356-50 Khoảng cách mối hàn 356mm; Chiều cao ô ngăn 50mm; Kích thước ô ngăn 260mm X 224mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	154,189	154,189	154,189	154,189	154,189	154,189	154,189	154,189	154,189	154,189	154,189	154,189	154,189	154,189	154,189
2508	Vật liệu khác	Ô ngăn hình mạng neoweb 356 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	ô ngăn hình mạng neoweb 356-75 Khoảng cách mối hàn 356mm; Chiều cao ô ngăn 75mm; Kích thước ô ngăn 260mm X 224mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	217,408	217,408	217,408	217,408	217,408	217,408	217,408	217,408	217,408	217,408	217,408	217,408	217,408	217,408	217,408
2509	Vật liệu khác	Ô ngăn hình mạng neoweb 356 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	Ô ngăn hình mạng neoweb 356-100 Khoảng cách mối hàn 356mm; Chiều cao ô ngăn 100mm; Kích thước ô ngăn 260mm X 224mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	297,257	297,257	297,257	297,257	297,257	297,257	297,257	297,257	297,257	297,257	297,257	297,257	297,257	297,257	297,257
2510	Vật liệu khác	Ô ngăn hình mạng neoweb 356 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	Ô ngăn hình mạng neoweb 356-120 Khoảng cách mối hàn 356mm; Chiều cao ô ngăn 120mm; Kích thước ô ngăn 260mm X 224mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	370,560	370,560	370,560	370,560	370,560	370,560	370,560	370,560	370,560	370,560	370,560	370,560	370,560	370,560	370,560
2511	Vật liệu khác	Ô ngăn hình mạng neoweb 356 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	Ô ngăn hình mạng neoweb 356-150 Khoảng cách mối hàn 356mm; Chiều cao ô ngăn 150mm; Kích thước ô ngăn 260mm X 224mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	430,466	430,466	430,466	430,466	430,466	430,466	430,466	430,466	430,466	430,466	430,466	430,466	430,466	430,466	430,466
2512	Vật liệu khác	Ô ngăn hình mạng neoweb 356 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	Ô ngăn hình mạng neoweb 356-200 Khoảng cách mối hàn 356mm; Chiều cao ô ngăn 200mm; Kích thước ô ngăn 260mm X 224mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	593,754	593,754	593,754	593,754	593,754	593,754	593,754	593,754	593,754	593,754	593,754	593,754	593,754	593,754	593,754
2513	Vật liệu khác	Ô ngăn hình mạng neoweb 445 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	Ô ngăn hình mạng neoweb 445-50 Khoảng cách mối hàn 445mm; Chiều cao ô ngăn 50mm; Kích thước Ô ngăn 340mm X 290mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	137,001	137,001	137,001	137,001	137,001	137,001	137,001	137,001	137,001	137,001	137,001	137,001	137,001	137,001	137,001
2514	Vật liệu khác	Ô ngăn hình mạng neoweb 445 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	Ô ngăn hình mạng neoweb 445-75 Khoảng cách mối hàn 445mm; Chiều cao ô ngăn 75mm; Kích thước ô ngăn 340mm X 290mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	212,051	212,051	212,051	212,051	212,051	212,051	212,051	212,051	212,051	212,051	212,051	212,051	212,051	212,051	212,051
2515	Vật liệu khác	ô ngăn hình mạng neoweb 445 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	Ô ngăn hình mạng neoweb 445-100 Khoảng cách mối hàn 445mm; Chiều cao ô ngăn 100mm; Kích thước ô ngăn 340mm X 290mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	263,133	263,133	263,133	263,133	263,133	263,133	263,133	263,133	263,133	263,133	263,133	263,133	263,133	263,133	263,133
2516	Vật liệu khác	ô ngăn hình mạng ncoweb 445 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	Ô ngăn hình mạng neoweb 445-120 Khoảng cách mối hàn 445mm; Chiều cao ô ngăn 120mm; Kích thước ô ngăn 340mm X 290mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	328,852	328,852	328,852	328,852	328,852	328,852	328,852	328,852	328,852	328,852	328,852	328,852	328,852	328,852	328,852
2517	Vật liệu khác	ô ngăn hình mạng ncoweb 445 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	Ô ngăn hình mạng neoweb 445-150 Khoảng cách mối hàn 445mm; Chiều cao ô ngăn 150mm; Kích thước ô ngăn 340mm X 290mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	381,682	381,682	381,682	381,682	381,682	381,682	381,682	381,682	381,682	381,682	381,682	381,682	381,682	381,682	381,682
2518	Vật liệu khác	ngăn hình mạng ncoweb 445 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	Ô ngăn hình mạng neoweb 445-200 Khoảng cách mối hàn 445mm; Chiều cao ô ngăn 200mm; Kích thước ô ngăn 340mm X 290mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	526,518	526,518	526,518	526,518	526,518	526,518	526,518	526,518	526,518	526,518	526,518	526,518	526,518	526,518	526,518

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2519	Vật liệu khác	ô ngăn hình mạng neoweb 660 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	Ô ngăn hình mạng neoweb 660-50 Khoảng cách mối hàn 660mm; Chiều cao ô ngăn 50mm; Kích thước ô ngăn 500mm X 420mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	96,811	96,811	96,811	96,811	96,811	96,811	96,811	96,811	96,811	96,811	96,811	96,811	96,811	96,811	96,811
2520	Vật liệu khác	ô ngăn hình mạng neoweb 660 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	Ô ngăn hình mạng neoweb 660-75 Khoảng cách mối hàn 660mm; Chiều cao ô ngăn 75mm; Kích thước ô ngăn 500mm X 420mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	138,012	138,012	138,012	138,012	138,012	138,012	138,012	138,012	138,012	138,012	138,012	138,012	138,012	138,012	138,012
2521	Vật liệu khác	ô ngăn hình mạng neoweb 660 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	Ô ngăn hình mạng neoweb 660-100 Khoảng cách mối hàn 660mm; Chiều cao ô ngăn 100mm; Kích thước ô ngăn 500mm X 420mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	186,291	186,291	186,291	186,291	186,291	186,291	186,291	186,291	186,291	186,291	186,291	186,291	186,291	186,291	186,291
2522	Vật liệu khác	ô ngăn hình mạng neoweb 660 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	Ô ngăn hình mạng neoweb 660-120 Khoảng cách mối hàn 660mm; Chiều cao ô ngăn 120mm; Kích thước ô ngăn 500mm X 420mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	233,053	233,053	233,053	233,053	233,053	233,053	233,053	233,053	233,053	233,053	233,053	233,053	233,053	233,053	233,053
2523	Vật liệu khác	ô ngăn hình mạng neoweb 660 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	Ô ngăn hình mạng neoweb 660-150 Khoảng cách mối hàn 660mm; Chiều cao ô ngăn 150mm; Kích thước ô ngăn 500mm X 420mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	270,968	270,968	270,968	270,968	270,968	270,968	270,968	270,968	270,968	270,968	270,968	270,968	270,968	270,968	270,968
2524	Vật liệu khác	ô ngăn hình mạng neoweb 660 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	Ô ngăn hình mạng neoweb 660-200 Khoảng cách mối hàn 660mm; Chiều cao ô ngăn 200mm; Kích thước ô ngăn 500mm X 420mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	388,757	388,757	388,757	388,757	388,757	388,757	388,757	388,757	388,757	388,757	388,757	388,757	388,757	388,757	388,757
2525	Vật liệu khác	Ô ngăn hình mạng neoweb 712 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	Ô ngăn hình mạng neoweb 712-50 Khoảng cách mối hàn 712mm; Chiều cao ô ngăn 50mm; Kích thước ô ngăn 520mm X 480mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	80,634	80,634	80,634	80,634	80,634	80,634	80,634	80,634	80,634	80,634	80,634	80,634	80,634	80,634	80,634
2526	Vật liệu khác	Ô ngăn hình mạng neoweb 712 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	Ô ngăn hình mạng neoweb 712-75 Khoảng cách moi hàn 712mm; Chiều cao ô ngăn 75mm; Kích thước ô ngăn 520mm X 480mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	114,758	114,758	114,758	114,758	114,758	114,758	114,758	114,758	114,758	114,758	114,758	114,758	114,758	114,758	114,758
2527	Vật liệu khác	Ô ngăn hình mạng neoweb 712 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	Ô ngăn hình mạng neoweb 712-100 Khoảng cách mối hàn 712mm; Chiều cao ô ngăn 100mm; Kích thước ô ngăn 520mm X 480mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	154,695	154,695	154,695	154,695	154,695	154,695	154,695	154,695	154,695	154,695	154,695	154,695	154,695	154,695	154,695
2528	Vật liệu khác	Ô ngăn hình mạng neoweb 712 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	Ô ngăn hình mạng neoweb 712-120 Khoảng cách mối hàn 712mm; Chiều cao ô ngăn 120mm; Kích thước ô ngăn 520mm X 480mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	193,368	193,368	193,368	193,368	193,368	193,368	193,368	193,368	193,368	193,368	193,368	193,368	193,368	193,368	193,368
2529	Vật liệu khác	Ô ngăn hình mạng neoweb 712 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	Ô ngăn hình mạng neoweb 712-150 Khoảng cách mối hàn 712mm; Chiều cao ô ngăn 150mm; Kích thước ô ngăn 520mm X 480mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	224,712	224,712	224,712	224,712	224,712	224,712	224,712	224,712	224,712	224,712	224,712	224,712	224,712	224,712	224,712
2530	Vật liệu khác	Ô ngăn hình mạng neoweb 712 đáp ứng theo yêu cầu trong TCVN 10544-1:2026	m2	TCVN 10544-1:2026	Ô ngăn hình mạng neoweb 712-200 Khoảng cách mối hàn 712mm; Chiều cao ô ngăn 200mm; Kích thước ô ngăn 520mm X 480mm;	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Nga	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	309,137	309,137	309,137	309,137	309,137	309,137	309,137	309,137	309,137	309,137	309,137	309,137	309,137	309,137	309,137
2531	Vật liệu khác	Đầu neo clip	cái	TCVN 10544-1:2026	Sản xuất từ HDPE nguyên sinh	Công ty TNHH PRESTORUS -399071, Liên bang Nga, Lipetskaya oblast, Gryazinskiy rayon, selo Kazinka, «Đặc khu Kinh tế «Lipetsk».	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại chân công trình	Đại diện tại Việt Nam: Công ty cổ phần Khoa học PYTAGO, Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà Ocean Park, Số 1 Đào Duy Anh, p. Kim Liên, Hà Nội	Giá không đổi	5,435	5,435	5,435	5,435	5,435	5,435	5,435	5,435	5,435	5,435	5,435	5,435	5,435	5,435	5,435
2532	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt APT 12 (kN/m)	m2	GRI-GM13	4x200	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	11,500	11,500	11,500	11,500	11,500	11,500	11,500	11,500	11,500	11,500	11,500	11,500	11,500	11,500	11,500
2533	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt APT 15 (kN/m)	m2	TCVN 9844:2013	4x150	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	15,000	15,000	15,000	15,000	15,000	15,000	15,000	15,000	15,000	15,000	15,000	15,000	15,000	15,000	15,000
2534	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt APT 17 (kN/m)	m2	TCVN 9844:2013	4x150	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	17,800	17,800	17,800	17,800	17,800	17,800	17,800	17,800	17,800	17,800	17,800	17,800	17,800	17,800	17,800
2535	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt APT 20 (kN/m)	m2	TCVN 9844:2013	4x125	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	20,000	20,000	20,000	20,000	20,000	20,000	20,000	20,000	20,000	20,000	20,000	20,000	20,000	20,000	20,000
2536	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt APT 25 (kN/m)	m2	TCVN 9844:2013	4x125	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	22,600	22,600	22,600	22,600	22,600	22,600	22,600	22,600	22,600	22,600	22,600	22,600	22,600	22,600	22,600

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2537	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt, sợi dài liên tục APT 7.5SD - Cường độ chịu kéo 7.5kN/m	m2	TCVN 9844:2013	4x250	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	13,400	13,400	13,400	13,400	13,400	13,400	13,400	13,400	13,400	13,400	13,400	13,400	13,400	13,400	13,400
2538	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt, sợi dài liên tục APT 9.5SD - Cường độ chịu kéo 9.5kN/m	m2	TCVN 9844:2013	4x250	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	13,900	13,900	13,900	13,900	13,900	13,900	13,900	13,900	13,900	13,900	13,900	13,900	13,900	13,900	13,900
2539	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt, sợi dài liên tục APT 11.5SD - Cường độ chịu kéo 11.5kN/m	m2	TCVN 9844:2013	4x200	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	14,900	14,900	14,900	14,900	14,900	14,900	14,900	14,900	14,900	14,900	14,900	14,900	14,900	14,900	14,900
2540	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt, sợi dài liên tục APT 13.5SD - Cường độ chịu kéo 13.5kN/m	m2	TCVN 9844:2013	4x150	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	17,600	17,600	17,600	17,600	17,600	17,600	17,600	17,600	17,600	17,600	17,600	17,600	17,600	17,600	17,600
2541	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt, sợi dài liên tục APT 15 SD - Cường độ chịu kéo 15kN/m	m2	TCVN 9844:2013	4x150	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	19,400	19,400	19,400	19,400	19,400	19,400	19,400	19,400	19,400	19,400	19,400	19,400	19,400	19,400	19,400
2542	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt, sợi dài liên tục APT 19 SD - Cường độ chịu kéo 19kN/m	m2	TCVN 9844:2013	4x125	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	25,000	25,000	25,000	25,000	25,000	25,000	25,000	25,000	25,000	25,000	25,000	25,000	25,000	25,000	25,000
2543	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt, sợi dài liên tục APT 21.5 SD - Cường độ chịu kéo 21.5kN/m	m2	TCVN 9844:2013	4x125	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	27,000	27,000	27,000	27,000	27,000	27,000	27,000	27,000	27,000	27,000	27,000	27,000	27,000	27,000	27,000
2544	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt, sợi dài liên tục APT 24 SD - Cường độ chịu kéo 24kN/m	m2	TCVN 9844:2013	4x125	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán giảm	28,200	28,200	28,200	28,200	28,200	28,200	28,200	28,200	28,200	28,200	28,200	28,200	28,200	28,200	28,200
2545	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt, sợi dài liên tục APT 28 SD - Cường độ chịu kéo 28kN/m	m2	TCVN 9844:2013	4x100	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	34,000	34,000	34,000	34,000	34,000	34,000	34,000	34,000	34,000	34,000	34,000	34,000	34,000	34,000	34,000
2546	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật dệt DML 10 (100/50 kN/m)	m2	TCVN 9844:2013	3,6x600 hoặc 5,3x800	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	17,800	17,800	17,800	17,800	17,800	17,800	17,800	17,800	17,800	17,800	17,800	17,800	17,800	17,800	17,800
2547	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật dệt DM 10 (100/100 kN/m)	m2	TCVN 9844:2013	3,6x600 hoặc 5,3x400	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	21,000	21,000	21,000	21,000	21,000	21,000	21,000	21,000	21,000	21,000	21,000	21,000	21,000	21,000	21,000
2548	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật dệt DML 20 (200/50 kN/m)	m2	TCVN 9844:2013	3,6x580 hoặc 5,3x450	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	25,200	25,200	25,200	25,200	25,200	25,200	25,200	25,200	25,200	25,200	25,200	25,200	25,200	25,200	25,200
2549	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật dệt DM 20 (200/200 kN/m)	m2	TCVN 9844:2013	3,6x300	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	40,000	40,000	40,000	40,000	40,000	40,000	40,000	40,000	40,000	40,000	40,000	40,000	40,000	40,000	40,000
2550	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật dệt DML 30 (300/50 kN/m)	m2	TCVN 9844:2013	3,6x400 hoặc 5,3x350	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	35,000	35,000	35,000	35,000	35,000	35,000	35,000	35,000	35,000	35,000	35,000	35,000	35,000	35,000	35,000
2551	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật dệt DM 30 (300/300 kN/m)	m2	TCVN 9844:2013	3,6x200	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	57,000	57,000	57,000	57,000	57,000	57,000	57,000	57,000	57,000	57,000	57,000	57,000	57,000	57,000	57,000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2552	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật dệt DM 40 (400/400 kN/m)	m2	TCVN 9844:2013	3,6x100 hoặc 5,3x150	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	84,000	84,000	84,000	84,000	84,000	84,000	84,000	84,000	84,000	84,000	84,000	84,000	84,000	84,000
2553	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật dệt DML 40 (400/50 kN/m)	m2	TCVN 9844:2013	3,6x300 hoặc 5,3x250	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	43,000	43,000	43,000	43,000	43,000	43,000	43,000	43,000	43,000	43,000	43,000	43,000	43,000	43,000
2554	Vật liệu khác	Lưới địa kỹ thuật PET cường độ 100/100 k N/m	m2	TCCS 01:2021	5x100	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	45,000	45,000	45,000	45,000	45,000	45,000	45,000	45,000	45,000	45,000	45,000	45,000	45,000	45,000
2555	Vật liệu khác	Lưới địa kỹ thuật PET cường độ 200/200 k N/m	m2	TCCS 01:2021	5x100	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	85,400	85,400	85,400	85,400	85,400	85,400	85,400	85,400	85,400	85,400	85,400	85,400	85,400	85,400
2556	Vật liệu khác	Lưới địa kỹ thuật PET cường độ 300/300 k N/m	m2	TCCS 01:2021	5x100	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	135,000	135,000	135,000	135,000	135,000	135,000	135,000	135,000	135,000	135,000	135,000	135,000	135,000	135,000
2557	Vật liệu khác	Lưới địa kỹ thuật PET cường độ 400/400 k N/m	m2	TCCS 01:2021	5x50	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	182,000	182,000	182,000	182,000	182,000	182,000	182,000	182,000	182,000	182,000	182,000	182,000	182,000	182,000
2558	Vật liệu khác	Lưới địa kỹ thuật PET cường độ 100/50 k N/m	m2	TCCS 01:2021	5x200	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	35,400	35,400	35,400	35,400	35,400	35,400	35,400	35,400	35,400	35,400	35,400	35,400	35,400	35,400
2559	Vật liệu khác	Lưới địa kỹ thuật PET cường độ 200/50 k N/m	m2	TCCS 01:2021	5x100	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	56,000	56,000	56,000	56,000	56,000	56,000	56,000	56,000	56,000	56,000	56,000	56,000	56,000	56,000
2560	Vật liệu khác	Lưới địa kỹ thuật PET cường độ 300/50 k N/m	m2	TCCS 01:2021	5x100	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	89,000	89,000	89,000	89,000	89,000	89,000	89,000	89,000	89,000	89,000	89,000	89,000	89,000	89,000
2561	Vật liệu khác	Lưới địa kỹ thuật PET cường độ 400/50 k N/m	m2	TCCS 01:2021	5x100	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000	110,000
2562	Vật liệu khác	Lưới địa cốt sợi thuỷ tinh cường độ 50/50 k N/m	m2	TCCS 38:2022	5x200	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	21,700	21,700	21,700	21,700	21,700	21,700	21,700	21,700	21,700	21,700	21,700	21,700	21,700	21,700
2563	Vật liệu khác	Lưới địa cốt sợi thuỷ tinh cường độ 100/100 k N/m	m2	TCCS 38:2022	5x100	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	32,200	32,200	32,200	32,200	32,200	32,200	32,200	32,200	32,200	32,200	32,200	32,200	32,200	32,200
2564	Vật liệu khác	Lưới địa cốt sợi thuỷ tinh cường độ 200/200 k N/m	m2	TCCS 38:2022	5x100	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	84,000	84,000	84,000	84,000	84,000	84,000	84,000	84,000	84,000	84,000	84,000	84,000	84,000	84,000
2565	Vật liệu khác	Bấc thấm đứng APT-T7A	m	TCVN 9844:2013	300m	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	3,600	3,600	3,600	3,600	3,600	3,600	3,600	3,600	3,600	3,600	3,600	3,600	3,600	3,600
2566	Vật liệu khác	Bấc thấm đứng APT-T7A	m	TCVN 9355:2013	300m	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	3,700	3,700	3,700	3,700	3,700	3,700	3,700	3,700	3,700	3,700	3,700	3,700	3,700	3,700
2567	Vật liệu khác	Bấc thấm ngang APT-T200	m	TCVN 9355:2013	50m	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	25,300	25,300	25,300	25,300	25,300	25,300	25,300	25,300	25,300	25,300	25,300	25,300	25,300	25,300
2568	Vật liệu khác	Bấc thấm ngang APT-T300	m	TCVN 9355:2013	50m	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	33,000	33,000	33,000	33,000	33,000	33,000	33,000	33,000	33,000	33,000	33,000	33,000	33,000	33,000
2569	Vật liệu khác	Ống địa kỹ thuật Geotube APT G135 chu vi 9,42m2	m	TCVN 9355:2013	chu vi 9,42m2	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	1,950,000	1,950,000	1,950,000	1,950,000	1,950,000	1,950,000	1,950,000	1,950,000	1,950,000	1,950,000	1,950,000	1,950,000	1,950,000	1,950,000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2570	Vật liệu khác	Ống địa kỹ thuật Geotube APT G135 chu vi 12,6m2	m	TCVN 13565:2022	chu vi 1,26m2	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	2,925,000	2,925,000	2,925,000	2,925,000	2,925,000	2,925,000	2,925,000	2,925,000	2,925,000	2,925,000	2,925,000	2,925,000	2,925,000	2,925,000	2,925,000
2571	Vật liệu khác	Ống địa kỹ thuật Geotube APT G200 chu vi 15,7m2	m	TCVN 13565:2022	chu vi 15,7m2	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	4,875,000	4,875,000	4,875,000	4,875,000	4,875,000	4,875,000	4,875,000	4,875,000	4,875,000	4,875,000	4,875,000	4,875,000	4,875,000	4,875,000	4,875,000
2572	Vật liệu khác	Bao địa kỹ thuật Geobag 300GR (0.8mx0.8m)	cái	TCVN 13565:2022	0,8m*0,8m	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	166,400	166,400	166,400	166,400	166,400	166,400	166,400	166,400	166,400	166,400	166,400	166,400	166,400	166,400	166,400
2573	Vật liệu khác	Bao địa kỹ thuật Geobag 600GR (1.5mx2.5m)	cái	TCVN 9844:2013	1,5m*2,5m	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	1,445,000	1,445,000	1,445,000	1,445,000	1,445,000	1,445,000	1,445,000	1,445,000	1,445,000	1,445,000	1,445,000	1,445,000	1,445,000	1,445,000	1,445,000
2574	Vật liệu khác	Ô địa kỹ thuật APT Geocell 330	m2	TCVN 9844:2013	H-100	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	105,300	105,300	105,300	105,300	105,300	105,300	105,300	105,300	105,300	105,300	105,300	105,300	105,300	105,300	105,300
2575	Vật liệu khác	Ô địa kỹ thuật APT Geocell 445	m2	TCVN 10544:2014	H-150	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	105,300	105,300	105,300	105,300	105,300	105,300	105,300	105,300	105,300	105,300	105,300	105,300	105,300	105,300	105,300
2576	Vật liệu khác	Ô địa kỹ thuật APT Geocell 660	m2	TCVN 10544:2014	H-100	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	52,000	52,000	52,000	52,000	52,000	52,000	52,000	52,000	52,000	52,000	52,000	52,000	52,000	52,000	52,000
2577	Vật liệu khác	Màng HDPE khổ 6x50m/8x50m(RxD) dày 0.3mm	m2	GRI-GCL3	0,3mm	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	18,000	18,000	18,000	18,000	18,000	18,000	18,000	18,000	18,000	18,000	18,000	18,000	18,000	18,000	18,000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2578	Vật liệu khác	Màng HDPE khổ 6x50m/8x50m(RxD) dày 0.4mm	m2	GRI-GM13	0,4mm	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	23,700	23,700	23,700	23,700	23,700	23,700	23,700	23,700	23,700	23,700	23,700	23,700	23,700	23,700	23,700
2579	Vật liệu khác	Màng HDPE khổ 6x50m/8x50m(RxD) dày 0.5mm	m2	GRI-GM13	0.5mm	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	30,000	30,000	30,000	30,000	30,000	30,000	30,000	30,000	30,000	30,000	30,000	30,000	30,000	30,000	30,000
2580	Vật liệu khác	Màng HDPE khổ 6x50m/8x50m(RxD) dày 0.75mm	m2	GRI-GM13	0.75mm	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	45,200	45,200	45,200	45,200	45,200	45,200	45,200	45,200	45,200	45,200	45,200	45,200	45,200	45,200	45,200
2581	Vật liệu khác	Màng HDPE khổ 7x210m/8x50m(RxD) dày 1.0mm	m2	GRI-GM13	1.0mm	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	61,200	61,200	61,200	61,200	61,200	61,200	61,200	61,200	61,200	61,200	61,200	61,200	61,200	61,200	61,200
2582	Vật liệu khác	Màng HDPE khổ 7x140m(RxD) dày 1.5mm	m2	GRI-GM13	1.5mm	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	92,000	92,000	92,000	92,000	92,000	92,000	92,000	92,000	92,000	92,000	92,000	92,000	92,000	92,000	92,000
2583	Vật liệu khác	Màng HDPE khổ 7x105(RxD) dày 2mm	m2	GRI-GM13	2mm	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	122,200	122,200	122,200	122,200	122,200	122,200	122,200	122,200	122,200	122,200	122,200	122,200	122,200	122,200	122,200
2584	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt sợi dài liên tục - Polyfelt TS 20 cường độ chịu kéo 9,5kN/m	m²	ISO/IEC 17025, TCVN 8871:2011	4m x 250m	Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Thương Mại Liên Phát. Địa chỉ nhà máy sản xuất: số 648 đường Thanh Niên, ấp 74 xã Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh - Đt: 0906 740 499 - 0962486010. (Công văn đề nghị công bố giá số 260601-02/LP-CV, ngày 01 tháng 06 năm 2026)	Malaysia	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển; chưa bao gồm và chi phí thí nghiệm, áp dụng cho số lượng nguyên cuộn, nếu cắt lẻ thì đơn giá trên được cộng thêm	Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển; chưa bao gồm chi phí thí nghiệm	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	21,542	21,542	21,542	21,542	21,542	21,542	21,542	21,542	21,542	21,542	21,542	21,542	21,542	21,542	21,542
2585	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt sợi dài liên tục - Polyfelt TS 30 cường độ chịu kéo 11,5kN/m	m²	ISO/IEC 17025, TCVN 8871:2011	4m x 225m	Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Thương Mại Liên Phát. Địa chỉ nhà máy sản xuất: số 648 đường Thanh Niên, ấp 74 xã Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh - Đt: 0906 740 499 - 0962486010. (Công văn đề nghị công bố giá số 260601-02/LP-CV, ngày 01 tháng 06 năm 2026)	Malaysia	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển; chưa bao gồm và chi phí thí nghiệm, áp dụng cho số lượng nguyên cuộn, nếu cắt lẻ thì đơn giá trên được cộng thêm 1.000đ/m²	Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển; chưa bao gồm chi phí thí nghiệm	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	24,434	24,434	24,434	24,434	24,434	24,434	24,434	24,434	24,434	24,434	24,434	24,434	24,434	24,434	24,434
2586	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt sợi dài liên tục - Polyfelt TS 40 cường độ chịu kéo 13,5kN/m	m²	ISO/IEC 17025, TCVN 8871:2011	4m x 200m	Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Thương Mại Liên Phát. Địa chỉ nhà máy sản xuất: số 648 đường Thanh Niên, ấp 74 xã Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh - Đt: 0906 740 499 - 0962486010. (Công văn đề nghị công bố giá số 260601-02/LP-CV, ngày 01 tháng 06 năm 2026)	Malaysia	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển; chưa bao gồm và chi phí thí nghiệm, áp dụng cho số lượng nguyên cuộn, nếu cắt lẻ thì đơn giá trên được cộng thêm 1.000đ/m²	Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển; chưa bao gồm chi phí thí nghiệm	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	27,183	27,183	27,183	27,183	27,183	27,183	27,183	27,183	27,183	27,183	27,183	27,183	27,183	27,183	27,183
2587	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt sợi dài liên tục - Polyfelt TS 50 cường độ chịu kéo 15,0kN/m	m²	ISO/IEC 17025, TCVN 8871:2011	4m x 175m	Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Thương Mại Liên Phát. Địa chỉ nhà máy sản xuất: số 648 đường Thanh Niên, ấp 74 xã Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh - Đt: 0906 740 499 - 0962486010. (Công văn đề nghị công bố giá số 260601-02/LP-CV, ngày 01 tháng 06 năm 2026)	Malaysia	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển; chưa bao gồm và chi phí thí nghiệm, áp dụng cho số lượng nguyên cuộn, nếu cắt lẻ thì đơn giá trên được cộng thêm 1.000đ/m²	Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển; chưa bao gồm chi phí thí nghiệm	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	30,658	30,658	30,658	30,658	30,658	30,658	30,658	30,658	30,658	30,658	30,658	30,658	30,658	30,658	30,658
2588	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt sợi dài liên tục - Polyfelt TS 60 cường độ chịu kéo 19,0kN/m	m²	ISO/IEC 17025, TCVN 8871:2011	4m x 135m	Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Thương Mại Liên Phát. Địa chỉ nhà máy sản xuất: số 648 đường Thanh Niên, ấp 74 xã Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh - Đt: 0906 740 499 - 0962486010. (Công văn đề nghị công bố giá số 260601-02/LP-CV, ngày 01 tháng 06 năm 2026)	Malaysia	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển; chưa bao gồm và chi phí thí nghiệm, áp dụng cho số lượng nguyên cuộn, nếu cắt lẻ thì đơn giá trên được cộng thêm 1.000đ/m²	Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển; chưa bao gồm chi phí thí nghiệm	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	38,954	38,954	38,954	38,954	38,954	38,954	38,954	38,954	38,954	38,954	38,954	38,954	38,954	38,954	38,954
2589	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt sợi dài liên tục - Polyfelt TS 65 cường độ chịu kéo 21,5kN/m	m²	ISO/IEC 17025, TCVN 8871:2011	4m x 125m	Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Thương Mại Liên Phát. Địa chỉ nhà máy sản xuất: số 648 đường Thanh Niên, ấp 74 xã Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh - Đt: 0906 740 499 - 0962486010. (Công văn đề nghị công bố giá số 260601-02/LP-CV, ngày 01 tháng 06 năm 2026)	Malaysia	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển; chưa bao gồm và chi phí thí nghiệm, áp dụng cho số lượng nguyên cuộn, nếu cắt lẻ thì đơn giá trên được cộng thêm 1.000đ/m²	Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển; chưa bao gồm chi phí thí nghiệm	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	40,862	40,862	40,862	40,862	40,862	40,862	40,862	40,862	40,862	40,862	40,862	40,862	40,862	40,862	40,862
2590	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt sợi dài liên tục - Polyfelt TS 70 cường độ chịu kéo 24,0kN/m	m²	ISO/IEC 17025, TCVN 8871:2011	4m x 100m	Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Thương Mại Liên Phát. Địa chỉ nhà máy sản xuất: số 648 đường Thanh Niên, ấp 74 xã Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh - Đt: 0906 740 499 - 0962486010. (Công văn đề nghị công bố giá số 260601-02/LP-CV, ngày 01 tháng 06 năm 2026)	Malaysia	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển; chưa bao gồm và chi phí thí nghiệm, áp dụng cho số lượng nguyên cuộn, nếu cắt lẻ thì đơn giá trên được cộng thêm 1.000đ/m²	Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển; chưa bao gồm chi phí thí nghiệm	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	47,261	47,261	47,261	47,261	47,261	47,261	47,261	47,261	47,261	47,261	47,261	47,261	47,261	47,261	47,261

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2591	Vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt sợi dài liên tục - Polyfelt TS 80 cường độ chịu kéo 28,0kN/m	m^2	ISO/IEC 17025, TCVN 8871:2011	4m x 90m	Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Thương Mại Liên Phát. Địa chỉ nhà máy sản xuất: số 648 đường Thanh Niên, ấp 74 xã Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh - Đt: 0906 740 499 - 0962486010. (Công văn đề nghị công bố giá số 260601-02/LP-CV, ngày 01 tháng 06 năm 2026)	Malaysia	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển; chưa bao gồm và chi phí thí nghiệm, áp dụng cho số lượng nguyên cuộn, nếu cắt lẻ thì đơn giá trên được cộng thêm 1.000đ/m^2	Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển; chưa bao gồm chi phí thí nghiệm	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	60,882	60,882	60,882	60,882	60,882	60,882	60,882	60,882	60,882	60,882	60,882	60,882	60,882	60,882	60,882
2592	Vật liệu khác	Rọ và thảm đá bọc nhựa PVC, loại P8(8x10)cm - Dây đan 2.2/3.2 mm-Dây viền 2.7/3.7 mm	m^2	TCVN 10335:2014 và TCVN 2053:1993		Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Thương Mại Liên Phát. Địa chỉ nhà máy sản xuất: số 648 đường Thanh Niên, ấp 74 xã Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh - Đt: 0906 740 499 - 0962486010. (Công văn đề nghị công bố giá số 260601-02/LP-CV, ngày 01 tháng 06 năm 2026)	Việt Nam	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển; chưa bao gồm và chi phí thí nghiệm, áp dụng cho số lượng nguyên cuộn, nếu cắt lẻ thì đơn giá trên được cộng thêm 1.000đ/m^2	Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển; chưa bao gồm chi phí thí nghiệm	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	50,317	50,317	50,317	50,317	50,317	50,317	50,317	50,317	50,317	50,317	50,317	50,317	50,317	50,317	50,317
2593	Vật liệu khác	Rọ và thảm đá bọc nhựa PVC, loại P8(8x10)cm- Dây đan 2.4/3.4 mm-Dây viền 3.0/4.0 mm	m^2	TCVN 10335:2014 và TCVN 2053:1993		Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Thương Mại Liên Phát. Địa chỉ nhà máy sản xuất: số 648 đường Thanh Niên, ấp 74 xã Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh - Đt: 0906 740 499 - 0962486010. (Công văn đề nghị công bố giá số 260601-02/LP-CV, ngày 01 tháng 06 năm 2026)	Việt Nam	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển; chưa bao gồm và chi phí thí nghiệm, áp dụng cho số lượng nguyên cuộn, nếu cắt lẻ thì đơn giá trên được cộng thêm 1.000đ/m^2	Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển; chưa bao gồm chi phí thí nghiệm	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	53,621	53,621	53,621	53,621	53,621	53,621	53,621	53,621	53,621	53,621	53,621	53,621	53,621	53,621	53,621
2594	Vật liệu khác	Rọ và thảm đá bọc nhựa PVC, loại P8(8x10)cm- Dây đan 2.7/3.7 mm-Dây viền 3.4/4.4 mm	m^2	TCVN 10335:2014 và TCVN 2053:1993		Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Thương Mại Liên Phát. Địa chỉ nhà máy sản xuất: số 648 đường Thanh Niên, ấp 74 xã Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh - Đt: 0906 740 499 - 0962486010. (Công văn đề nghị công bố giá số 260601-02/LP-CV, ngày 01 tháng 06 năm 2026)	Việt Nam	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển; chưa bao gồm và chi phí thí nghiệm, áp dụng cho số lượng nguyên cuộn, nếu cắt lẻ thì đơn giá trên được cộng thêm 1.000đ/m^2	Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển; chưa bao gồm chi phí thí nghiệm	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	63,019	63,019	63,019	63,019	63,019	63,019	63,019	63,019	63,019	63,019	63,019	63,019	63,019	63,019	63,019
2595	Vật liệu khác	Rọ và thảm đá bọc nhựa PVC, loại P10(10x12)cm - Dây đan 2.2/3.2 mm-Dây viền 2.7/3.7 mm	m^2	TCVN 10335:2014 và TCVN 2053:1993		Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Thương Mại Liên Phát. Địa chỉ nhà máy sản xuất: số 648 đường Thanh Niên, ấp 74 xã Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh - Đt: 0906 740 499 - 0962486010. (Công văn đề nghị công bố giá số 260601-02/LP-CV, ngày 01 tháng 06 năm 2026)	Việt Nam	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển; chưa bao gồm và chi phí thí nghiệm, áp dụng cho số lượng nguyên cuộn, nếu cắt lẻ thì đơn giá trên được cộng thêm 1.000đ/m^2	Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển; chưa bao gồm chi phí thí nghiệm	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	46,998	46,998	46,998	46,998	46,998	46,998	46,998	46,998	46,998	46,998	46,998	46,998	46,998	46,998	46,998
2596	Vật liệu khác	Rọ và thảm đá bọc nhựa PVC, loại P10(10x12)cm- Dây đan 2.4/3.4 mm-Dây viền 2.7/3.7 mm	m^2	TCVN 10335:2014 và TCVN 2053:1993		Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Thương Mại Liên Phát. Địa chỉ nhà máy sản xuất: số 648 đường Thanh Niên, ấp 74 xã Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh - Đt: 0906 740 499 - 0962486010. (Công văn đề nghị công bố giá số 260601-02/LP-CV, ngày 01 tháng 06 năm 2026)	Việt Nam	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển; chưa bao gồm và chi phí thí nghiệm, áp dụng cho số lượng nguyên cuộn, nếu cắt lẻ thì đơn giá trên được cộng thêm 1.000đ/m^2	Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển; chưa bao gồm chi phí thí nghiệm	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	50,414	50,414	50,414	50,414	50,414	50,414	50,414	50,414	50,414	50,414	50,414	50,414	50,414	50,414	50,414
2597	Vật liệu khác	Rọ và thảm đá bọc nhựa PVC, loại P10(10x12)cm- Dây đan 2.7/3.7 mm-Dây viền 3.4/4.4 mm	m^2	TCVN 10335:2014 và TCVN 2053:1993		Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Thương Mại Liên Phát. Địa chỉ nhà máy sản xuất: số 648 đường Thanh Niên, ấp 74 xã Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh - Đt: 0906 740 499 - 0962486010. (Công văn đề nghị công bố giá số 260601-02/LP-CV, ngày 01 tháng 06 năm 2026)	Việt Nam	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển; chưa bao gồm và chi phí thí nghiệm, áp dụng cho số lượng nguyên cuộn, nếu cắt lẻ thì đơn giá trên được cộng thêm 1.000đ/m^2	Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển; chưa bao gồm chi phí thí nghiệm	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	55,453	55,453	55,453	55,453	55,453	55,453	55,453	55,453	55,453	55,453	55,453	55,453	55,453	55,453	55,453
2598	Vật liệu khác	**CỬA ĐI, CỬA SỔ (NHÔM ĐẠI TÂN THÀNH).Phụ kiện DTTLUX. Kính cường lực 8ly**				Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2599	Vật liệu khác	Cửa đi 1 cánh mở quay trong/ngoài biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	độ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm. Màu sơn tính điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2,730,000	2,730,000	2,730,000	2,730,000	2,730,000	2,730,000	2,730,000	2,730,000	2,730,000	2,730,000	2,730,000	2,730,000	2,730,000	2,730,000	2,730,000
2600	Vật liệu khác	Cửa đi 1 cánh mở quay trong/ngoài biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	độ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm. Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3,120,000	3,120,000	3,120,000	3,120,000	3,120,000	3,120,000	3,120,000	3,120,000	3,120,000	3,120,000	3,120,000	3,120,000	3,120,000	3,120,000	3,120,000
2601	Vật liệu khác	Cửa đi 2 cánh mở quay trong/ngoài biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	độ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm. Màu sơn tính điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2,795,000	2,795,000	2,795,000	2,795,000	2,795,000	2,795,000	2,795,000	2,795,000	2,795,000	2,795,000	2,795,000	2,795,000	2,795,000	2,795,000	2,795,000
2602	Vật liệu khác	Cửa đi 2 cánh mở quay trong/ngoài biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	độ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm. Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3,185,000	3,185,000	3,185,000	3,185,000	3,185,000	3,185,000	3,185,000	3,185,000	3,185,000	3,185,000	3,185,000	3,185,000	3,185,000	3,185,000	3,185,000
2603	Vật liệu khác	Cửa đi 4 cánh mở quay trong/ngoài biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp, d	m2	TCVN 9366:2012	ộ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm. Màu sơn tính điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2,860,000	2,860,000	2,860,000	2,860,000	2,860,000	2,860,000	2,860,000	2,860,000	2,860,000	2,860,000	2,860,000	2,860,000	2,860,000	2,860,000	2,860,000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2604	Vật liệu khác	Cửa đi 4 cánh mở quay trong/ngoài biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	độ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm. Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3,250,000	3,250,000	3,250,000	3,250,000	3,250,000	3,250,000	3,250,000	3,250,000	3,250,000	3,250,000	3,250,000	3,250,000	3,250,000	3,250,000	3,250,000
2605	Vật liệu khác	Cửa sổ 1 cánh mở quay biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	độ dày trung bình cánh 1.4mm, khung bao 1.4mm. Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2,548,000	2,548,000	2,548,000	2,548,000	2,548,000	2,548,000	2,548,000	2,548,000	2,548,000	2,548,000	2,548,000	2,548,000	2,548,000	2,548,000	2,548,000
2606	Vật liệu khác	Cửa sổ 1 cánh mở quay biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	độ dày trung bình cánh 1.4mm, khung bao 1.4mm. Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2,938,000	2,938,000	2,938,000	2,938,000	2,938,000	2,938,000	2,938,000	2,938,000	2,938,000	2,938,000	2,938,000	2,938,000	2,938,000	2,938,000	2,938,000
2607	Vật liệu khác	Cửa sổ 2 cánh mở quay biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	độ dày trung bình cánh 1.4mm, khung bao 1.4mm. Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2,613,000	2,613,000	2,613,000	2,613,000	2,613,000	2,613,000	2,613,000	2,613,000	2,613,000	2,613,000	2,613,000	2,613,000	2,613,000	2,613,000	2,613,000
2608	Vật liệu khác	Cửa sổ 2 cánh mở quay biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	độ dày trung bình cánh 1.4mm, khung bao 1.4mm. Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3,003,000	3,003,000	3,003,000	3,003,000	3,003,000	3,003,000	3,003,000	3,003,000	3,003,000	3,003,000	3,003,000	3,003,000	3,003,000	3,003,000	3,003,000
2609	Vật liệu khác	Cửa sổ 4 cánh mở quay biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	độ dày trung bình cánh 1.4mm, khung bao 1.4mm. Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2,678,000	2,678,000	2,678,000	2,678,000	2,678,000	2,678,000	2,678,000	2,678,000	2,678,000	2,678,000	2,678,000	2,678,000	2,678,000	2,678,000	2,678,000
2610	Vật liệu khác	Cửa sổ 4 cánh mở quay biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	độ dày trung bình cánh 1.4mm, khung bao 1.4mm. Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3,068,000	3,068,000	3,068,000	3,068,000	3,068,000	3,068,000	3,068,000	3,068,000	3,068,000	3,068,000	3,068,000	3,068,000	3,068,000	3,068,000	3,068,000
2611	Vật liệu khác	Cửa sổ lùa 2 cánh biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	độ dày trung bình cánh 1.4mm, khung bao 1.4mm. Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2,366,000	2,366,000	2,366,000	2,366,000	2,366,000	2,366,000	2,366,000	2,366,000	2,366,000	2,366,000	2,366,000	2,366,000	2,366,000	2,366,000	2,366,000
2612	Vật liệu khác	Cửa sổ lùa 2 cánh biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	độ dày trung bình cánh 1.4mm, khung bao 1.4mm. Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2,756,000	2,756,000	2,756,000	2,756,000	2,756,000	2,756,000	2,756,000	2,756,000	2,756,000	2,756,000	2,756,000	2,756,000	2,756,000	2,756,000	2,756,000
2613	Vật liệu khác	Cửa sổ lùa 4 cánh biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	độ dày trung bình cánh 1.4mm, khung bao 1.4mm. Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2,431,000	2,431,000	2,431,000	2,431,000	2,431,000	2,431,000	2,431,000	2,431,000	2,431,000	2,431,000	2,431,000	2,431,000	2,431,000	2,431,000	2,431,000
2614	Vật liệu khác	Cửa sổ lùa 4 cánh biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	độ dày trung bình cánh 1.4mm, khung bao 1.4mm. Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2,821,000	2,821,000	2,821,000	2,821,000	2,821,000	2,821,000	2,821,000	2,821,000	2,821,000	2,821,000	2,821,000	2,821,000	2,821,000	2,821,000	2,821,000
2615	Vật liệu khác	**HỆ VÁCH KÍNH ĐTT - 55 VÀ HỆ MẶT DỰNG ĐTT - 65 (NHÔM ĐẠI TÂN THÀNH). Phụ kiện ĐTTI.UX. Kính cường lực 8ly**		TCVN 9366:2012		Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2616	Vật liệu khác	Vách kính ĐTT - 55, độ dày trung bình khung bao 1.4mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2,145,000	2,145,000	2,145,000	2,145,000	2,145,000	2,145,000	2,145,000	2,145,000	2,145,000	2,145,000	2,145,000	2,145,000	2,145,000	2,145,000	2,145,000
2617	Vật liệu khác	Vách kính ĐTT - 55, độ dày trung bình khung bao 1.4mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2,535,000	2,535,000	2,535,000	2,535,000	2,535,000	2,535,000	2,535,000	2,535,000	2,535,000	2,535,000	2,535,000	2,535,000	2,535,000	2,535,000	2,535,000
2618	Vật liệu khác	Mặt dựng ĐTT - 65 (65 x 77 mm), độ dày 2.5 mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3,484,000	3,484,000	3,484,000	3,484,000	3,484,000	3,484,000	3,484,000	3,484,000	3,484,000	3,484,000	3,484,000	3,484,000	3,484,000	3,484,000	3,484,000
2619	Vật liệu khác	Mặt dựng ĐTT - 65 (65 x 77 mm), độ dày 2.5 mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3,874,000	3,874,000	3,874,000	3,874,000	3,874,000	3,874,000	3,874,000	3,874,000	3,874,000	3,874,000	3,874,000	3,874,000	3,874,000	3,874,000	3,874,000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2620	Vật liệu khác	**CỬA LÙA ĐTT - 93. Phụ kiện DTTLUX. Kính cường lực 8ly**		TCVN 9366:2012		Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2621	Vật liệu khác	Cửa đi lùa 2 cánh biên dạng hệ DTT - 93 liền nẹp, độ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2,600,000	2,600,000	2,600,000	2,600,000	2,600,000	2,600,000	2,600,000	2,600,000	2,600,000	2,600,000	2,600,000	2,600,000	2,600,000	2,600,000	2,600,000
2622	Vật liệu khác	Cửa đi lùa 2 cánh biên dạng hệ DTT - 93 liền nẹp, độ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2,990,000	2,990,000	2,990,000	2,990,000	2,990,000	2,990,000	2,990,000	2,990,000	2,990,000	2,990,000	2,990,000	2,990,000	2,990,000	2,990,000	2,990,000
2623	Vật liệu khác	Cửa đi lùa 4 cánh biên dạng hệ DTT - 93 liền nẹp, độ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2,665,000	2,665,000	2,665,000	2,665,000	2,665,000	2,665,000	2,665,000	2,665,000	2,665,000	2,665,000	2,665,000	2,665,000	2,665,000	2,665,000	2,665,000
2624	Vật liệu khác	Cửa đi lùa 4 cánh biên dạng hệ DTT - 93 liền nẹp, độ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3,055,000	3,055,000	3,055,000	3,055,000	3,055,000	3,055,000	3,055,000	3,055,000	3,055,000	3,055,000	3,055,000	3,055,000	3,055,000	3,055,000	3,055,000
2625	Vật liệu khác	**CỬA ĐI, CỬA SỔ Hệ DTT - 55 tiêu chuẩn (NHÔM ĐẠI TÂN THÀNH).Phụ kiện DTTLUX. Kính cường lực 8ly**		TCVN 9366:2012		Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2626	Vật liệu khác	Cửa đi 1 cánh mở quay trong/ngoài biên dạng hệ DTT - 55, độ dày trung bình cánh 1.8mm, khung bao 1.8mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2,665,000	2,665,000	2,665,000	2,665,000	2,665,000	2,665,000	2,665,000	2,665,000	2,665,000	2,665,000	2,665,000	2,665,000	2,665,000	2,665,000	2,665,000
2627	Vật liệu khác	Cửa đi 1 cánh mở quay trong/ngoài biên dạng hệ DTT - 55, độ dày trung bình cánh 1.8mm, khung bao 1.8mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3,055,000	3,055,000	3,055,000	3,055,000	3,055,000	3,055,000	3,055,000	3,055,000	3,055,000	3,055,000	3,055,000	3,055,000	3,055,000	3,055,000	3,055,000
2628	Vật liệu khác	Cửa đi 2 cánh mở quay trong/ngoài biên dạng hệ DTT - 55, độ dày trung bình cánh 1.8mm, khung bao 1.8mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2,730,000	2,730,000	2,730,000	2,730,000	2,730,000	2,730,000	2,730,000	2,730,000	2,730,000	2,730,000	2,730,000	2,730,000	2,730,000	2,730,000	2,730,000
2629	Vật liệu khác	Cửa đi 2 cánh mở quay trong/ngoài biên dạng hệ DTT - 55, độ dày trung bình cánh 1.8mm, khung bao 1.8mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3,120,000	3,120,000	3,120,000	3,120,000	3,120,000	3,120,000	3,120,000	3,120,000	3,120,000	3,120,000	3,120,000	3,120,000	3,120,000	3,120,000	3,120,000
2630	Vật liệu khác	Cửa đi 4 cánh mở quay trong/ngoài biên dạng hệ DTT - 55, độ dày trung bình cánh 1.8mm, khung bao 1.8mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2,795,000	2,795,000	2,795,000	2,795,000	2,795,000	2,795,000	2,795,000	2,795,000	2,795,000	2,795,000	2,795,000	2,795,000	2,795,000	2,795,000	2,795,000
2631	Vật liệu khác	Cửa đi 4 cánh mở quay trong/ngoài biên dạng hệ DTT - 55, độ dày trung bình cánh 1.8mm, khung bao 1.8mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3,185,000	3,185,000	3,185,000	3,185,000	3,185,000	3,185,000	3,185,000	3,185,000	3,185,000	3,185,000	3,185,000	3,185,000	3,185,000	3,185,000	3,185,000
2632	Vật liệu khác	Cửa sổ 1 cánh mở quay biên dạng hệ DTT - 55, độ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2,730,000	2,730,000	2,730,000	2,730,000	2,730,000	2,730,000	2,730,000	2,730,000	2,730,000	2,730,000	2,730,000	2,730,000	2,730,000	2,730,000	2,730,000
2633	Vật liệu khác	Cửa sổ 1 cánh mở quay biên dạng hệ DTT - 55, độ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3,120,000	3,120,000	3,120,000	3,120,000	3,120,000	3,120,000	3,120,000	3,120,000	3,120,000	3,120,000	3,120,000	3,120,000	3,120,000	3,120,000	3,120,000
2634	Vật liệu khác	Cửa sổ 2 cánh mở quay biên dạng hệ DTT - 55, độ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2,795,000	2,795,000	2,795,000	2,795,000	2,795,000	2,795,000	2,795,000	2,795,000	2,795,000	2,795,000	2,795,000	2,795,000	2,795,000	2,795,000	2,795,000
2635	Vật liệu khác	Cửa sổ 2 cánh mở quay biên dạng hệ DTT - 55, độ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3,185,000	3,185,000	3,185,000	3,185,000	3,185,000	3,185,000	3,185,000	3,185,000	3,185,000	3,185,000	3,185,000	3,185,000	3,185,000	3,185,000	3,185,000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)															
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2636	Vật liệu khác	Cửa sổ 4 cánh mở quay biên dạng hệ ĐTT - 55, độ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2,860,000	2,860,000	2,860,000	2,860,000	2,860,000	2,860,000	2,860,000	2,860,000	2,860,000	2,860,000	2,860,000	2,860,000	2,860,000	2,860,000	2,860,000
2637	Vật liệu khác	Cửa sổ 4 cánh mở quay biên dạng hệ ĐTT - 55, độ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3,250,000	3,250,000	3,250,000	3,250,000	3,250,000	3,250,000	3,250,000	3,250,000	3,250,000	3,250,000	3,250,000	3,250,000	3,250,000	3,250,000	3,250,000
2638	Vật liệu khác	Lam nhôm hộp 200x500mm (bao gồm cả công lắp đựng và phụ kiện hoàn thiện)	m2	TCVN 9366:2012	Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	4,700,000	4,700,000	4,700,000	4,700,000	4,700,000	4,700,000	4,700,000	4,700,000	4,700,000	4,700,000	4,700,000	4,700,000	4,700,000	4,700,000	4,700,000
2639	Vật liệu khác	Lam nhôm hộp 200x600mm (bao gồm cả công lắp đựng và phụ kiện hoàn thiện)	m2	TCVN 9366:2012	Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	4,700,000	4,700,000	4,700,000	4,700,000	4,700,000	4,700,000	4,700,000	4,700,000	4,700,000	4,700,000	4,700,000	4,700,000	4,700,000	4,700,000	4,700,000
2640	Vật liệu khác	Khung trần nổi Vạn Phát Hưng Doxi Line	thanh	ASTM C635	Thanh T chính 3660: 3660 x 24 x 38 x 0,25	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	39,700	39,700	39,700	39,700	39,700	39,700	39,700	39,700	39,700	39,700	39,700	39,700	39,700	39,700	39,700
2641	Vật liệu khác	Khung trần nổi Vạn Phát Hưng Doxi Line	thanh	ASTM C635	Thanh T phụ 1220: 1220 x 24 x 28 x 0,25	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	11,700	11,700	11,700	11,700	11,700	11,700	11,700	11,700	11,700	11,700	11,700	11,700	11,700	11,700	11,700
2642	Vật liệu khác	Khung trần nổi Vạn Phát Hưng Doxi Line	thanh	ASTM C635	Thanh T phụ 610: 610 x 24 x 28 x 0,25	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	6,000	6,000	6,000	6,000	6,000	6,000	6,000	6,000	6,000	6,000	6,000	6,000	6,000	6,000	6,000
2643	Vật liệu khác	Khung trần nổi Vạn Phát Hưng Doxi Line	thanh	ASTM C635	Thanh V Sơn: 3600 x 20 x 20 x 0,30	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	17,200	17,200	17,200	17,200	17,200	17,200	17,200	17,200	17,200	17,200	17,200	17,200	17,200	17,200	17,200
2644	Vật liệu khác	Khung trần nổi Vạn Phát Hưng Groove Line	thanh	ASTM C635	Thanh T chính 3660: 3660 x 24 x 32 x 0,25	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	45,800	45,800	45,800	45,800	45,800	45,800	45,800	45,800	45,800	45,800	45,800	45,800	45,800	45,800	45,800
2645	Vật liệu khác	Khung trần nổi Vạn Phát Hưng Groove Line	thanh	ASTM C635	Thanh T phụ 1220: 1220 x 24 x 28 x 0,25	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	14,600	14,600	14,600	14,600	14,600	14,600	14,600	14,600	14,600	14,600	14,600	14,600	14,600	14,600	14,600
2646	Vật liệu khác	Khung trần nổi Vạn Phát Hưng Groove Line	thanh	ASTM C635	Thanh T phụ 610: 610 x 24 x 28 x 0,25	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	7,400	7,400	7,400	7,400	7,400	7,400	7,400	7,400	7,400	7,400	7,400	7,400	7,400	7,400	7,400
2647	Vật liệu khác	Khung trần nổi Vạn Phát Hưng Groove Line	thanh	ASTM C635	Thanh V Sơn: 3600 x 20 x 20 x 0,30	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	17,200	17,200	17,200	17,200	17,200	17,200	17,200	17,200	17,200	17,200	17,200	17,200	17,200	17,200	17,200
2648	Vật liệu khác	Khung trần nổi Vạn Phát Hưng FUT Line	thanh	ASTM C635	Thanh T chính 3660: 3660 x 24 x 32 x 0,28	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	46,800	46,800	46,800	46,800	46,800	46,800	46,800	46,800	46,800	46,800	46,800	46,800	46,800	46,800	46,800
2649	Vật liệu khác	Khung trần nổi Vạn Phát Hưng FUT Line	thanh	ASTM C635	Thanh T phụ 1220: 1220 x 24 x 32 x 0,28	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	14,400	14,400	14,400	14,400	14,400	14,400	14,400	14,400	14,400	14,400	14,400	14,400	14,400	14,400	14,400
2650	Vật liệu khác	Khung trần nổi Vạn Phát Hưng FUT Line	thanh	ASTM C635	Thanh T phụ 610: 610 x 24 x 32 x 0,28	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	7,600	7,600	7,600	7,600	7,600	7,600	7,600	7,600	7,600	7,600	7,600	7,600	7,600	7,600	7,600
2651	Vật liệu khác	Khung trần nổi Vạn Phát Hưng FUT Line	thanh	ASTM C635	Thanh V Sơn: 3600 x 20 x 20 x 0,30	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	18,100	18,100	18,100	18,100	18,100	18,100	18,100	18,100	18,100	18,100	18,100	18,100	18,100	18,100	18,100

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2652	Vật liệu khác	Khung trần nổi Vạn Phát Hưng Super Line	thanh	ASTM C635	Thanh T chính 3660: 3660 x 24 x 32 x 0,28	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	45,000	45,000	45,000	45,000	45,000	45,000	45,000	45,000	45,000	45,000	45,000	45,000	45,000	45,000	45,000
2653	Vật liệu khác	Khung trần nổi Vạn Phát Hưng Super Line	thanh	ASTM C635	Thanh T phụ 1220: 1220 x 24 x 32 x 0,28	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	12,500	12,500	12,500	12,500	12,500	12,500	12,500	12,500	12,500	12,500	12,500	12,500	12,500	12,500	12,500
2654	Vật liệu khác	Khung trần nổi Vạn Phát Hưng Super Line	thanh	ASTM C635	Thanh T phụ 610: 610 x 24 x 32 x 0,28	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	6,200	6,200	6,200	6,200	6,200	6,200	6,200	6,200	6,200	6,200	6,200	6,200	6,200	6,200	6,200
2655	Vật liệu khác	Khung trần nổi Vạn Phát Hưng Super Line	thanh	ASTM C635	Thanh V Sơn: 3600 x 20 x 20 x 0,30	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	18,100	18,100	18,100	18,100	18,100	18,100	18,100	18,100	18,100	18,100	18,100	18,100	18,100	18,100	18,100
2656	Vật liệu khác	Khung trần nổi Vạn Phát Hưng Apec Line	thanh	ASTM C635	Thanh T chính 3660: 3660 x 24 x 32 x 0,28	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	68,300	68,300	68,300	68,300	68,300	68,300	68,300	68,300	68,300	68,300	68,300	68,300	68,300	68,300	68,300
2657	Vật liệu khác	Khung trần nổi Vạn Phát Hưng Apec Line	thanh	ASTM C635	Thanh T phụ 1220: 1220 x 24 x 32 x 0,28	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	20,700	20,700	20,700	20,700	20,700	20,700	20,700	20,700	20,700	20,700	20,700	20,700	20,700	20,700	20,700
2658	Vật liệu khác	Khung trần nổi Vạn Phát Hưng Apec Line	thanh	ASTM C635	Thanh T phụ 610: 610 x 24 x 32 x 0,28	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	10,600	10,600	10,600	10,600	10,600	10,600	10,600	10,600	10,600	10,600	10,600	10,600	10,600	10,600	10,600
2659	Vật liệu khác	Khung trần nổi Vạn Phát Hưng Apec Line	thanh	ASTM C635	Thanh V Inox: 3600 x 20 x 20 x 0,27	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	41,500	41,500	41,500	41,500	41,500	41,500	41,500	41,500	41,500	41,500	41,500	41,500	41,500	41,500	41,500
2660	Vật liệu khác	Khung trần nổi Vạn Phát Hưng Apec Gold	thanh	ASTM C635	Thanh T chính 3660: 3660 x 24 x 32 x 0,28	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	84,500	84,500	84,500	84,500	84,500	84,500	84,500	84,500	84,500	84,500	84,500	84,500	84,500	84,500	84,500
2661	Vật liệu khác	Khung trần nổi Vạn Phát Hưng Apec Gold	thanh	ASTM C635	Thanh T phụ 1220: 1220 x 24 x 32 x 0,28	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	24,400	24,400	24,400	24,400	24,400	24,400	24,400	24,400	24,400	24,400	24,400	24,400	24,400	24,400	24,400
2662	Vật liệu khác	Khung trần nổi Vạn Phát Hưng Apec Gold	thanh	ASTM C635	Thanh T phụ 610: 610 x 24 x 32 x 0,28	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	12,600	12,600	12,600	12,600	12,600	12,600	12,600	12,600	12,600	12,600	12,600	12,600	12,600	12,600	12,600
2663	Vật liệu khác	Khung trần nổi Vạn Phát Hưng Apec Gold	thanh	ASTM C635	Thanh V Inox: 3600 x 20 x 20 x 0,27	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	48,000	48,000	48,000	48,000	48,000	48,000	48,000	48,000	48,000	48,000	48,000	48,000	48,000	48,000	48,000
2664	Vật liệu khác	Khung trần chìm Vạn Phát Hưng Seven Line M29	thanh	ASTM C635	Thanh C 35 x 14.5 x 4000 x 0.29	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	25,300	25,300	25,300	25,300	25,300	25,300	25,300	25,300	25,300	25,300	25,300	25,300	25,300	25,300	25,300
2665	Vật liệu khác	Khung trần chìm Vạn Phát Hưng Seven Line M29	thanh	ASTM C635	Thanh V 20 x 20 x 4000 x 0.29	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	17,700	17,700	17,700	17,700	17,700	17,700	17,700	17,700	17,700	17,700	17,700	17,700	17,700	17,700	17,700
2666	Vật liệu khác	Khung trần chìm Xương cá Vạn Phát Hưng M70	thanh	ASTM C635	Thanh Xương Cá 25 x 18 x 3660 x 0.7	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	66,100	66,100	66,100	66,100	66,100	66,100	66,100	66,100	66,100	66,100	66,100	66,100	66,100	66,100	66,100
2667	Vật liệu khác	Khung trần chìm Xương cá Vạn Phát Hưng M38	thanh	ASTM C635	Thanh U M38: 35 x 14.5 x 4000 x 0.38	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	33,000	33,000	33,000	33,000	33,000	33,000	33,000	33,000	33,000	33,000	33,000	33,000	33,000	33,000	33,000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (đồng)														
												Khu vực Tân An	Khu vực Tân Trụ	Khu vực Châu Thành	Khu vực Thủ Thừa	Khu vực Bến Lức	Khu vực Cần Giuộc	Khu vực Cần Đước	Khu vực Tân Thạnh	Khu vực Thạnh Hóa	Khu vực Tân Hưng	Khu vực Vĩnh Hưng	Khu vực Kiến Tường	Khu vực Mộc Hóa	Khu vực Đức Hòa	Khu vực Đức Huệ
2668	Vật liệu khác	Khung trần chìm INOX Vạn Phát Hưng X7	thanh	ASTM C635	Thanh U Inox: 35 x 14 x 4000 x 0.32	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	66,100	66,100	66,100	66,100	66,100	66,100	66,100	66,100	66,100	66,100	66,100	66,100	66,100	66,100	66,100
2669	Vật liệu khác	Khung trần chìm INOX Vạn Phát Hưng X7	thanh	ASTM C635	Thanh V Inox 20 x 20 x 3600 x 0.27	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	36,100	36,100	36,100	36,100	36,100	36,100	36,100	36,100	36,100	36,100	36,100	36,100	36,100	36,100	36,100
2670	Vật liệu khác	Tấm trần nhôm, Alu Master Lay-in 600x600 (mm)	tấm	ASTM C635	Không đục lỗ (600 x 600 x 0,6)	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	109,900	109,900	109,900	109,900	109,900	109,900	109,900	109,900	109,900	109,900	109,900	109,900	109,900	109,900	109,900
2671	Vật liệu khác	Tấm trần nhôm, Alu Master Clip-in 600x600 (mm)	tấm	ASTM C635	Không đục lỗ (600 x 600 x 0,6)	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	114,500	114,500	114,500	114,500	114,500	114,500	114,500	114,500	114,500	114,500	114,500	114,500	114,500	114,500	114,500
2672	Vật liệu khác	Tấm trần nhôm, Alu Master Lay-in 600x600 (mm)	tấm	ASTM C635	Đục lỗ (600 x 600 x 0,6)	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	112,200	112,200	112,200	112,200	112,200	112,200	112,200	112,200	112,200	112,200	112,200	112,200	112,200	112,200	112,200
2673	Vật liệu khác	Tấm trần nhôm, Alu Master Clip-in 600x600 (mm)	tấm	ASTM C635	Đục lỗ (600 x 600 x 0,6)	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	116,700	116,700	116,700	116,700	116,700	116,700	116,700	116,700	116,700	116,700	116,700	116,700	116,700	116,700	116,700
2674	Vật liệu khác	Khung trần chìm U TESLA Vạn Phát Hưng	thanh	ASTM C635	Thanh U Inox: 44 x 16.5 x 3000 x 0.36	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	51,600	51,600	51,600	51,600	51,600	51,600	51,600	51,600	51,600	51,600	51,600	51,600	51,600	51,600	51,600
2675	Vật liệu khác	Khung trần chìm U TESLA Vạn Phát Hưng	thanh	ASTM C635	Thanh V 20 x 20 x 4000 x 0.29	Công ty CP Vạn Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	17,700	17,700	17,700	17,700	17,700	17,700	17,700	17,700	17,700	17,700	17,700	17,700	17,700	17,700	17,700

*** Ghi chú: danh sách phường/xã tại các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Long An (cũ) trước sáp nhập tại Nghị quyết 1682/NQ-UBTVQH15 năm 2025 ngày 16/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội**

1 Khu vực Tân An (phường Long An, phường Tân An, phường Khánh Hậu)
2 Khu vực Tân Trụ (xã Vàm Cỏ, xã Tân Trụ, xã Nhựt Tảo)
3 Khu vực Châu Thành (xã An Lục Long, xã Tầm Vu, xã Vĩnh Công, xã Thuận Mỹ)
4 Khu vực Thủ Thừa (xã Mỹ An, xã Thủ Thừa,xã Mỹ Thạnh, xã Tân Long)
5 Khu vực Bến Lức (xã Thạnh Lợi, xã Bình Đức, xã Lương Hòa, xã Bến Lức,xã Mỹ Yên)
6 Khu vực Cần Giuộc (xã Phước Lý, xã Mỹ Lộc, xã Cần Giuộc, xã Phước Vĩnh Tây, xã Tân Lập)
7 Khu vực Cần Đước (xã Long Cang, xã Rạch Kiến, xã Mỹ Lệ, xã Tân Lân, xã Cần Đước, xã Long Hựu)
8 Khu vực Tân Thạnh (xã Hậu Thạnh, xã Nhơn Hòa Lập, xã Nhơn Ninh, xã Tân Thạnh)
9 Khu vực Thạnh Hóa (xã Thạnh Hóa, xã Tân Tây, xã Bình Thành, xã Thạnh Phước)
10 Khu vực Tân Hưng (xã Vĩnh Thạnh, xã Hưng Điền, xã Tân Hưng, xã Vĩnh Châu)
11 Khu vực Vĩnh Hưng (xã Tuyên Bình, xã Vĩnh Hưng, xã Khánh Hưng)
12 Khu vực Kiến Tường (xã Bình Hiệp, phường Kiến Tường, xã Tuyên Thạnh)
13 Khu vực Mộc Hóa (xã Bình Hòa, xã Mộc Hóa)
14 Khu vực Đức Hòa(xã Đức Hòa, xã Hòa Khánh, xã Hiệp Hòa, xã An Ninh, xã Hậu Nghĩa, xã Đức Lập, xã Mỹ Hạnh)
15 Khu vực Đức Huệ (xã Đức Huệ, xã Đông Thành,xã Mỹ Quý)

GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG CÔNG BỐ THÁNG 08/2026

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
1	Xi măng	Xi măng Hà Tiên Miền Đông PCB40	bao	QCVN 16:2019/BXD	bao 50 kg	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển trong KV Tây Ninh	Mức giá được thực hiện tư ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000
2	Xi măng	Xi măng Supreme Standard PCB40	bao	QCVN 16:2019/BXD	bao 50 kg	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển trong KV Tây Ninh	Mức giá được thực hiện tư ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	85.800	85.800	85.800	85.800	85.800	85.800	85.800	85.800	85.800
3	Xi măng	Xi măng Biceco	bao	QCVN 16:2019/BXD	bao 50 kg	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển trong KV Tây Ninh	Mức giá được thực hiện tư ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000
4	Xi măng	Xi măng Pooc lăng hỗn hợp bền sunfat PCB40-MS	bao	QCVN 16:2019/BXD	bao 50 kg	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển trong KV Tây Ninh	Mức giá được thực hiện tư ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500
5	Xi măng	Xi măng Phoenix	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	Mức giá được thực hiện tư ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	85.800	85.800	85.800	85.800	85.800	85.800	85.800	85.800	85.800
6	Xi măng	Xi măng Prernium Phoenix	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	Mức giá được thực hiện tư ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	88.600	88.600	88.600	88.600	88.600	88.600	88.600	88.600	88.600
7	Xi măng	Xi măng pooc lăng hỗn hợp bền sun phát PCB 40-MS	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	Mức giá được thực hiện tư ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500
8	Xi măng	Xi măng pooc lăng hỗn hợp bền sun phát PCB BFS40-HS xá	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	Mức giá được thực hiện tư ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000
9	Xi măng	Xi măng pooc lăng xi lò cao loại 1 (PCBBFS50)	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	Mức giá được thực hiện tư ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545
10	Xi măng	Xi măng pooc lăng xi lò cao loại 1 (PCBBFS40)	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	Mức giá được thực hiện tư ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545
11	Xi măng	Xi măng pooc lăng xi lò cao loại 2 (PCBBFS50)	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	Mức giá được thực hiện tư ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545
12	Xi măng	Xi măng pooc lăng xi lò cao loại 2 (PCBBFS40)	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	Mức giá được thực hiện tư ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545	91.545
13	Xi măng	Xi măng pooc lăng hỗn hợp PCB 50-MS dạng xá	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	Mức giá được thực hiện tư ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	90.045	90.045	90.045	90.045	90.045	90.045	90.045	90.045	90.045
14	Xi măng	Xi măng pooc lăng hỗn hợp PCB 40-MS dạng xá	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	Mức giá được thực hiện tư ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	90.045	90.045	90.045	90.045	90.045	90.045	90.045	90.045	90.045
15	Xi măng	Xi măng Fico PCB50 dạng xá	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	Mức giá được thực hiện tư ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	94.000	94.000	94.000	94.000	94.000	94.000	94.000	94.000	94.000
16	Xi măng	Xi măng pooc lăng hỗn hợp bền sun phát PCMSR 50	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	Mức giá được thực hiện tư ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	96.500	96.500	96.500	96.500	96.500	96.500	96.500	96.500	96.500
17	Xi măng	Xi măng pooc lăng hỗn hợp bền sun phát PCMSR 40	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	Mức giá được thực hiện tư ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	96.500	96.500	96.500	96.500	96.500	96.500	96.500	96.500	96.500
18	Xi măng	Xi măng pooc lăng hỗn hợp bền sun phát PCB40-MS	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	Mức giá được thực hiện tư ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	91.045	91.045	91.045	91.045	91.045	91.045	91.045	91.045	91.045
19	Xi măng	Xi măng pooc lăng hỗn hợp bền sun phát PCB50-MS	bao	QCVN 16:2019/BXD	dạng rời	Công ty TNHH kinh doanh tiếp thị XM FICO-YTL	Việt Nam	Không có thông tin	Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển, giao tại khu vực Long An	Mức giá được thực hiện tư ngày 01/01/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	91.045	91.045	91.045	91.045	91.045	91.045	91.045	91.045	91.045
20	Xi măng	Vicem Hà Tiên PCB40 (vỏ bao PP)	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Nhà máy Bình Phước	Mức giá được thực hiện tư ngày 10/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	74.769	-	-	70.046	76.389	-	76.389	-	70.046
21	Xi măng	Vicem Hà Tiên Đa dụng - PCB40 (vỏ bao PP)	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Nhà máy Bình Phước	Mức giá được thực hiện tư ngày 10/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	72.454	-	-	67.732	74.074	-	74.074	-	67.732
22	Xi măng	Vicem Hà Tiên PCB40 (vỏ bao PP)	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Trạm nghiền Long An (xuất thủy/bộ)	Mức giá được thực hiện tư ngày 10/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	58.796	-	-	-	-	58.796
23	Xi măng	PCB40 (vỏ bao PP)	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Trạm nghiền Long An (xuất thủy/bộ)	Mức giá được thực hiện tư ngày 10/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-
24	Xi măng	Vicem Hà Tiên Đa dụng - PCB40 (vỏ bao PP)	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Trạm nghiền Long An (xuất thủy/bộ)	Mức giá được thực hiện tư ngày 10/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	59.722	-	-	-	-	-
25	Xi măng	Vicem Hà Tiên Green PCB40 (vỏ bao PP)	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Trạm nghiền Long An (xuất thủy/bộ)	Mức giá được thực hiện tư ngày 10/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	70.833	-	-	-	-	-
26	Xi măng	Vicem Hà Tiên Green PCB40 (vỏ bao PP)	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Trạm nghiền Long An (xuất thủy/bộ)	Mức giá được thực hiện tư ngày 10/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	68.519	-	-	-	-	-
27	Xi măng	Vicem Hà Tiên PCB40 (vỏ bao PP)	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Trạm nghiền Long An (xuất bộ)	Mức giá được thực hiện tư ngày 10/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-
28	Xi măng	Vicem Hà Tiên PCB40 (vỏ bao PP)	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Trạm nghiền Long An (xuất thủy)	Mức giá được thực hiện tư ngày 10/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	70.046	-	-	-	-	-
29	Xi măng	Vicem Hà Tiên Đa dụng - PCB40 (vỏ bao PP)	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Trạm nghiền Long An (xuất thủy)	Mức giá được thực hiện tư ngày 10/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	69.213	-	-	-	-	-
30	Xi măng	Vicem Hà Tiên PCB40 (vỏ bao PP)	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Trạm nghiền Phú Hữu (xuất thủy)	Mức giá được thực hiện tư ngày 10/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	71.528	-	-	-	-	-
31	Xi măng	Vicem Hà Tiên PCB40 (vỏ bao KPK)	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Nhà máy Bình Phước (xuất bộ)	Mức giá được thực hiện tư ngày 10/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	75.463	-	-	70.741	77.037	-	77.037	-	70.741
32	Xi măng	Vicem Hà Tiên Đa dụng - PCB40 (vỏ bao KPK)	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Nhà máy Bình Phước (xuất bộ)	Mức giá được thực hiện tư ngày 10/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	73.148	-	-	68.426	74.722	-	74.722	-	68.426
33	Xi măng	Vicem Hà Tiên PCB40 (vỏ bao KPK)	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Trạm nghiền Long An (xuất thủy/bộ)	Mức giá được thực hiện tư ngày 10/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	60.417	-	-	59.491	-	-	-	-	59.491
34	Xi măng	Vicem Hà Tiên Green PCB40 (vỏ bao KPK)	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Trạm nghiền Long An (xuất thủy/bộ)	Mức giá được thực hiện tư ngày 10/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-
35	Xi măng	Vicem Hà Tiên PCB40 (vỏ bao KPK)	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Trạm nghiềnLong An (xuất thủy/bộ)	Mức giá được thực hiện tư ngày 10/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	71.528	-	-	-	-	-	-	-	-
36	Xi măng	Vicem Hà Tiên Đa dụng - PCB40 (vỏ bao KPK)	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Trạm nghiềnLong An (xuất thủy/bộ)	Mức giá được thực hiện tư ngày 10/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	69.213	-	-	-	-	-	-	-	-

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
37	Xi măng	Vicem Hà Tiên Green PCB40 (vỏ bao KPK)	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026.	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Trạm nghiềnLong An (xuất thùy/bộ)	Mức giá được thực hiện từ ngày 10/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-
38	Xi măng	Vicem Hà Tiên Đa dụng - PCB40 (vỏ bao KPK)	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026.	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Trạm nghiền Long An (xuất thùy/bộ)	Mức giá được thực hiện từ ngày 10/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	-
39	Xi măng	Vicem Hà Tiên PCB40 (vỏ bao KPK)	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026.	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Trạm nghiền Long An (xuất thùy)	Mức giá được thực hiện từ ngày 10/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	70.741	-	-	-	-	-
40	Xi măng	Vicem Hà Tiên Đa dụng - PCB40 (vỏ bao KPK)	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026.	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Trạm nghiền Long An (xuất thùy)	Mức giá được thực hiện từ ngày 10/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	69.907	-	-	-	-	-
41	Xi măng	Power Cement	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026.	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Nhà máy Bình Phước, Trạm nghiền Long An	Mức giá được thực hiện từ ngày 10/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	60.185	-	-	-	-	-
42	Xi măng	Hà Tiên 1	bao	TCVN 6260:2020	Bao 50kg	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026.	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Nhà máy Bình Phước	Mức giá được thực hiện từ ngày 10/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	75.463	-	-	67.130	67.130	-	67.130	-	73.611
43	Xi măng	Xi măng Vicem Hà Tiên công nghiệp PCB40	tấn	TCVN 6260:2020	dạng rời	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026.	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại nhà máy Bình Phước	Mức giá được thực hiện từ ngày 10/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.407.407	-	-	-	-	-	-	-	-
44	Xi măng	Xi măng Vicem Hà Tiên công nghiệp PCB40	tấn	TCVN 6260:2020	dạng rời	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026.	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Trạm nghiền Long An	Mức giá được thực hiện từ ngày 10/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.384.259	-	-	-	-	-	-	-	-
45	Xi măng	Xi măng Vicem Hà Tiên công nghiệp PCB40	tấn	TCVN 6260:2020	dạng rời	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026.	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Trạm nghiền Phú Hữu	Mức giá được thực hiện từ ngày 10/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.407.407	-	-	-	-	-	-	-	-
46	Xi măng	Xi măng Vicem gia cố nền	tấn	TCVN 4316:2007	dạng rời	Công ty CP Xi măng Vicem Hà Tiên. Đc: Lầu 3, số 9-19 Hồ Tùng Mậu, P.Sài Gòn, TP.HCM -Đt: 028.39151617. Công văn đề nghị công bố giá số 237/TTDV-PTT ngày 7/5/2026.	Việt Nam	Bên mua chịu chi phí vận chuyển	Giao trên phương tiện bên mua tại Trạm nghiền Phú Hữu	Mức giá được thực hiện từ ngày 10/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.324.074	-	-	-	-	-	-	-	-
47	Xi măng	Xi măng Fico	bao		bao 50 kg	phiếu khảo sát tại các cửa hàng khu vực Châu Thành, Tây Ninh (cũ): Cửa hàng VLXD Phú Thịnh, DNTN Toàn Tâm.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 25/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	98.500	-	-	-
48	Xi măng	Xi măng Thăng Long	bao		50kg	Công ty VLXD TTNT Phú Quý (.đc: ấp Tân Trung, Tân Phú, Tân Châu). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được áp dụng từ ngày 17/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	88.000	-	-	-	-	-
49	Xi măng	Xi măng Fico	bao		bao 50 kg	Phiếu khảo sát tại các cửa hàng khu vựcTân Biên, Tây Ninh (cũ): Cty TNHH MTV TM XD Tông Thành Đạt, Cửa hàng VLXD An Nguyện, Cty TNHH ĐT XD và VL Cường Thịnh	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá từ ngày 25/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	-	-	-	96.000	-	-	-	-	-
50	Xi măng	Xi măng Fico xanh lá	bao		bao 50 kg	Công ty TNHH ĐT XD và VL Cường Thịnh. (Đc: 573 Tân Tiến, Tân Lập, Tân Biên, Tây Ninh - Đt: 096602072O). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng	Mức giá từ ngày 25/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	95.000	-	-	-	-	-
51	Xi măng	Xi măng Fico xanh dương	bao		bao 50 kg	Công ty TNHH ĐT XD và VL Cường Thịnh. (Đc: 573 Tân Tiến, Tân Lập, Tân Biên, Tây Ninh - Đt: 096602072O). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng	Mức giá từ ngày 25/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	93.000	-	-	-	-	-
52	Xi măng	Xi măng Hà Tiên Miền Đông	bao		bao 50 kg	Công ty TNHH ĐT XD và VL Cường Thịnh. (Đc: 573 Tân Tiến, Tân Lập, Tân Biên, Tây Ninh - Đt: 096602072O). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng	Mức giá từ ngày 25/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	-	-	-	92.000	-	-	-	-	-
53	Xi măng	Xi măng đại bàng	bao		bao 50 kg	Công ty TNHH ĐT XD và VL Cường Thịnh. (Đc: 573 Tân Tiến, Tân Lập, Tân Biên, Tây Ninh - Đt: 096602072O). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng	Mức giá từ ngày 25/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	-	-	-	90.000	-	-	-	-	-
54	Xi măng	Xi măng Hà Tiên Vicem	bao		bao 50 kg	Công ty TNHH ĐT XD và VL Cường Thịnh. (Đc: 573 Tân Tiến, Tân Lập, Tân Biên, Tây Ninh - Đt: 096602072O). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng	Mức giá từ ngày 25/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	-	-	-	930.000	-	-	-	-	-
55	Xi măng	Xi măng Fico PCB40	bao		bao 50 kg	Công ty CPXD và VLXD Hồi Ngộ (Đc: Số 981, CMT8, P.Tân Ninh, Tây Ninh) - Phiếu khảo sát tại các cửa hàng	Việt Nam	Không bao gồm chi phí vận chuyển	Giá tại cửa hàng. Không bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được áp dụng từ ngày 14/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	95.000	-	-	-	-	-	-	-	-
56	Xi măng	Xi măng bao PCB 40	bao	Phù hợp QCVN 16:2019/BXD; TCVN 6260:2009	bao 50 kg	Chi nhánh CTCP Xi Măng Thăng Long. Đc: Lô A3, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP.HCM - Đt: 0915335821. Công văn đề nghị công bố giá số 17/2026/CV-CNTL-TT ngày 22/06/2026	Việt Nam	Giá bán tai khu vực TP Tây Ninh	Giá bao gồm vận chuyển trong tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000
57	Xi măng	Xi măng rời PCB50	tấn	Phù hợp QCVN 16:2019/BXD; TCVN 6260:2009	dạng xá rời	Chi nhánh CTCP Xi Măng Thăng Long. Đc: Lô A3, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP.HCM - Đt: 0915335821. Công văn đề nghị công bố giá số 17/2026/CV-CNTL-TT ngày 22/06/2026	Việt Nam	Giá bán tai khu vực TP Tây Ninh	Giá bao gồm vận chuyển trong tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	1.670.000	1.670.000	1.670.000	1.670.000	1.670.000	1.670.000	1.670.000	1.670.000	1.670.000
58	Xi măng	Xi măng Vicem Hạ Long PCB40	tấn	QCVN 16:2023/BXD; TCVN 6260:2020	dạng bao PP (50kg ±0,5kg)	Công ty TNHH MTV xi măng Hạ Long. Đc: Lô C25, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP.HCM - Đt: 0939.639.935. Công văn đề nghị công bố giá số 1609/TB-VCHL-KDTT ngày 13/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Nhận hàng tại nhà máy, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.259.259	1.259.259	1.259.259	1.259.259	1.259.259	1.259.259	1.259.259	1.259.259	1.259.259
59	Xi măng	Xi măng Vicem Hạ Long PCB40	tấn	QCVN 16:2023/BXD; TCVN 6260:2020	dạng bao KPK (50kg ±0,5kg)	Công ty TNHH MTV xi măng Hạ Long. Đc: Lô C25, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP.HCM - Đt: 0939.639.935. Công văn đề nghị công bố giá số 1609/TB-VCHL-KDTT ngày 13/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Nhận hàng tại nhà máy, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.277.778	1.277.778	1.277.778	1.277.778	1.277.778	1.277.778	1.277.778	1.277.778	1.277.778
60	Xi măng	Xi măng bền sunphat PCB40-MS (Vicem Hạ Long)	tấn	TCVN 7711:2013	dạng bao (50kg ±0,5kg)	Công ty TNHH MTV xi măng Hạ Long. Đc: Lô C25, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP.HCM - Đt: 0939.639.935. Công văn đề nghị công bố giá số 1609/TB-VCHL-KDTT ngày 13/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Nhận hàng tại nhà máy, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.259.259	1.259.259	1.259.259	1.259.259	1.259.259	1.259.259	1.259.259	1.259.259	1.259.259
61	Xi măng	Xi măng xây tô PCB40 (Vicem Hạ Long)	tấn	QCVN 16:2023/BXD; TCVN 6260:2020	dạng bao (40kg ±0,4kg)	Công ty TNHH MTV xi măng Hạ Long. Đc: Lô C25, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP.HCM - Đt: 0939.639.935. Công văn đề nghị công bố giá số 1609/TB-VCHL-KDTT ngày 13/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Nhận hàng tại nhà máy, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.259.259	1.259.259	1.259.259	1.259.259	1.259.259	1.259.259	1.259.259	1.259.259	1.259.259
62	Xi măng	Xi măng Vicem Hạ Long PCB50	tấn	QCVN 16:2023/BXD; TCVN 6260:2020	dạng bao (50kg ±0,5kg)	Công ty TNHH MTV xi măng Hạ Long. Đc: Lô C25, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP.HCM - Đt: 0939.639.935. Công văn đề nghị công bố giá số 1609/TB-VCHL-KDTT ngày 13/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Nhận hàng tại nhà máy, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.314.815	1.314.815	1.314.815	1.314.815	1.314.815	1.314.815	1.314.815	1.314.815	1.314.815
63	Xi măng	Xi măng PCB40 đa dụng (rời/xá) (Vicem Hạ Long)	tấn	QCVN 16:2023/BXD; TCVN 6260:2020	dạng rời/xá	Công ty TNHH MTV xi măng Hạ Long. Đc: Lô C25, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP.HCM - Đt: 0939.639.935. Công văn đề nghị công bố giá số 1609/TB-VCHL-KDTT ngày 13/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Nhận hàng tại nhà máy, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.175.926	1.175.926	1.175.926	1.175.926	1.175.926	1.175.926	1.175.926	1.175.926	1.175.926
64	Xi măng	Xi măng Vicem Hạ Long PCB50 (rời/xá)	tấn	QCVN 16:2023/BXD; TCVN 6260:2020	dạng rời/xá	Công ty TNHH MTV xi măng Hạ Long. Đc: Lô C25, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP.HCM - Đt: 0939.639.935. Công văn đề nghị công bố giá số 1609/TB-VCHL-KDTT ngày 13/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Nhận hàng tại nhà máy, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.268.519	1.268.519	1.268.519	1.268.519	1.268.519	1.268.519	1.268.519	1.268.519	1.268.519
65	Xi măng	Xi măng bền sunphat PCB40-MS (rời/xá) (Vicem Hạ Long)	tấn	TCVN 7711:2013	dạng rời/xá	Công ty TNHH MTV xi măng Hạ Long. Đc: Lô C25, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP.HCM - Đt: 0939.639.935. Công văn đề nghị công bố giá số 1609/TB-VCHL-KDTT ngày 13/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Nhận hàng tại nhà máy, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.175.926	1.175.926	1.175.926	1.175.926	1.175.926	1.175.926	1.175.926	1.175.926	1.175.926
66	Xi măng	Xi măng PCB40 công nghiệp (Vicem Hạ Long)	tấn	QCVN 16:2023/BXD; TCVN 6260:2020	dạng bao (50kg ±0,5kg)	Công ty TNHH MTV xi măng Hạ Long. Đc: Lô C25, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP.HCM - Đt: 0939.639.935. Công văn đề nghị công bố giá số 1609/TB-VCHL-KDTT ngày 13/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Nhận hàng tại nhà máy, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.314.815	1.314.815	1.314.815	1.314.815	1.314.815	1.314.815	1.314.815	1.314.815	1.314.815
67	Xi măng	Xi măng PCB40 công nghiệp (Vicem Hạ Long)	tấn	QCVN 16:2023/BXD; TCVN 6260:2020	dạng rời/xá	Công ty TNHH MTV xi măng Hạ Long. Đc: Lô C25, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, TP.HCM - Đt: 0939.639.935. Công văn đề nghị công bố giá số 1609/TB-VCHL-KDTT ngày 13/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Nhận hàng tại nhà máy, chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.268.519	1.268.519	1.268.519	1.268.519	1.268.519	1.268.519	1.268.519	1.268.519	1.268.519

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
68	Cát xây dựng	Cát xây	m3			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng khu vực Tân Châu, Tây Ninh: VLXD Quốc Toản, Cty TNHH Quang Vinh Tây Ninh	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng	Mức giá từ ngày 17/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	387.500	-	-	-	-
69	Cát xây dựng	Cát xây	m3			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng khu vực Châu Thành, Tây Ninh (cũ): Cửa hàng VLXD Phú Thịnh, DNTN Toàn Tâm.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 25/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	540.000	-	-	-
70	Cát xây dựng	Cát vàng				Phiếu khảo sát tại các cửa hàng khu vựcTân Biên, Tây Ninh (cũ): Cty TNHH MTV TM XD Tông Thành Đạt, Cửa hàng VLXD An Nguyên, Cty TNHH ĐT XD và VL Cường Thịnh	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá từ ngày 25/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	413.333	-	-	-	-	-
71	Cát xây dựng	Cát vàng	m3			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng khu vực Trảng Bàng, Tây Ninh (cũ): Cửa hàng VLXD TTNT Phát Đạt, DNTN Lê Thành Công.	Việt Nam	Không có thông tin	Vận chuyển đến chân công trình	Mức giá được áp dụng từ ngày 19/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	480.000	-	-	-	-	-	-	-
72	Cát xây dựng	Cát xây	m3			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng khu vực Dương Minh Châu, Tây Ninh (cũ): Cửa hàng VLXD Minh Hoài,Cty TNHH TM DV Phú Quân, Công ty TNHH Hiệp Thuận Tây Ninh	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại cửa hàng	Mức giá ngày 19/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	331.512	-	-
73	Cát xây dựng	Cát xây	m3			Công ty CPXD và VLXD Hội Ngộ (Đc: Số 981, CMT8, P.Tân Ninh, Tây Ninh) - Phiếu khảo sát tại các cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng. Không bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được áp dụng từ ngày 14/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	420.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-
74	Đá xây dựng	Đá 1x2	m3			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng khu vực Châu Thành, Tây Ninh (cũ): Cửa hàng VLXD Phú Thịnh, DNTN Toàn Tâm.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 25/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	765.000	-	-	-
75	Đá xây dựng	Đá 4x6	m3			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng khu vực Châu Thành, Tây Ninh (cũ): Cửa hàng VLXD Phú Thịnh, DNTN Toàn Tâm.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 25/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	790.000	-	-	-
76	Đá xây dựng	Đá 1x2	m3			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng khu vực Trảng Bàng, Tây Ninh (cũ): Cửa hàng VLXD Phát Đạt, DNTN Lê Thành Công.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá được áp dụng từ ngày 19/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	-	735.000	-	-	-	-	-	-	-
77	Đá xây dựng	Đá 1x2	m3			Công ty TNHH MTV VLXD Phi Châu (Gò Dầu, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 19/8/2026 đến khi có thông báo khác	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	800.000
78	Đá xây dựng	Đá 1x2	m3			Cửa hàng VLXD Minh Hoài. (Đc: xã Dương Minh Châu, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 19/08/2026 đến khi có thông báo khác	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	750.000	-	-
79	Đá xây dựng	Đá 1x2	m3			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng khu vực huyện Tân Biên, Tây Ninh: Cty TNHH MTV Tông Thành Đạt, Cửa hàng VLXD An Nguyên, Cty TNHH ĐT XD và VL Cường Thịnh	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 19/08/2026 đến khi có thông báo khác	Giá không đổi	-	-	-	803.333	-	-	-	-	-
80	Đá xây dựng	Đá 4x6	m3			Công ty TNHH MTV VLXD Phi Châu (Gò Dầu, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 19/08/2026 đến khi có thông báo khác	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	650.000
81	Đá xây dựng	Đá 0x4	m3			Công ty TNHH MTV VLXD Phi Châu (Gò Dầu, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 19/08/2026 đến khi có thông báo khác	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	650.000
82	Đá xây dựng	Đá 0x4	m3			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng khu vực Châu Thành, Tây Ninh (cũ): Cửa hàng VLXD Phú Thịnh, DNTN Toàn Tâm.	việt Nam	không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 25/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	725.000	-	-	-
83	Đá xây dựng	Đá 0x4	m3			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng khu vực Tân Biên, Tây Ninh cũ (Cty TNHH MTV TMXD Tông Thành Đạt, Cty TNHH ĐT XD và VL Cường Thịnh, Cửa hàng VLXD An Nguyên)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá từ ngày 25/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	-	-	-	650.000	-	-	-	-	-
84	Đá xây dựng	Đá 0x4	m3			Cửa hàng VLXD Minh Hoài. (Đc: xã Dương Minh Châu, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá từ ngày 19/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	600.000	-	-
85	Đá xây dựng	Đá 0x4	m3			Cửa hàng VLXD Quốc Toản.Đc: Tân Châu, Tây Ninh. Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	650.000	-	-	-	-
86	Đá xây dựng	Đá mi	m3			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng khu vực Tân Biên, Tây Ninh cũ (Cty TNHH MTV TMXD Tông Thành Đạt, Cty TNHH ĐT XD và VL Cường Thịnh, Cửa hàng VLXD An Nguyên)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá từ ngày 25/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	-	-	-	700.000	-	-	-	-	-
87	Đá xây dựng	Đá 4x6	m3			Cửa hàng VLXD Minh Hoài. (Đc: xã Dương Minh Châu, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng	Mức giá từ ngày 19/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	600.000	-	-
88	Đá xây dựng	Đá 1x2	m3			Công ty CPXD và VLXD Hội Ngộ (Đc: Số 981, CMT8, P.Tân Ninh, Tây Ninh) - Phiếu khảo sát tại các cửa hàng	Việt Nam	Không bao gồm chi phí vận chuyển	Giá tại cửa hàng. Không bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được áp dụng từ ngày 14/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	760.000	-	-	-	-	-	-	-	-
89	Đá xây dựng	Đá 4x6	m3			Công ty CPXD và VLXD Hội Ngộ (Đc: Số 981, CMT8, P.Tân Ninh, Tây Ninh) - Phiếu khảo sát tại các cửa hàng	Việt Nam	Không bao gồm chi phí vận chuyển	Giá tại cửa hàng. Không bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được áp dụng từ ngày 14/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	680.000	-	-	-	-	-	-	-	-
90	Đá xây dựng	Đá mi	m3			Công ty CPXD và VLXD Hội Ngộ (Đc: Số 981, CMT8, P.Tân Ninh, Tây Ninh) - Phiếu khảo sát tại các cửa hàng	Việt Nam	Không bao gồm chi phí vận chuyển	Giá tại cửa hàng. Không bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được áp dụng từ ngày 14/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	660.000	-	-	-	-	-	-	-	-
91	Vật liệu san lấp	Sỏi đỏ	m3			Phiếu khảo sát các cửa hàng tại khu vực Châu Thành, Tây Ninh: Cty TNHH MTV Như Mai, cty TNHH khoáng sản Ngọc Phát Tài, Cty TNHH Khoáng sản Tam Hiệp Phát	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại mỏ, chưa bao gồm chi phí nhân công bốc xếp và vận chuyển	Mức giá ngày 25/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	-	-	-	-	-	174.000	-	-	-
92	Vật liệu san lấp	Đất san lấp				Công ty TNHH KTKS Bảy Ngọc. Đc: xã Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh. Phiếu khảo sát tại đơn vị	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại mỏ, chưa bao gồm chi phí nhân công bốc xếp và vận chuyển	Mức giá ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	68.000	-	-	-	-
93	Vật liệu san lấp	Cát san lấp	m3			VLXD Quốc Toản. Đc: Khu phố 3, Tân Châu, Tây Ninh. Phiếu khảo sát tại cửa hàng.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng	Mức giá từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	350.000	-	-	-	-
94	Vật liệu san lấp	Cát san lấp	m3			Cửa hàng VLXD và TTNT Phát Đạt. Ấp Phước Đông, Xã Phước Chỉ, Trảng Bàng, Tây Ninh. (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được áp dụng từ ngày 19/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	350.000	-	-	-	-	-	-	-
95	Vật liệu san lấp	Đất sét gạch ngói	m3			Công ty TNHH TM XNK Tân Hưng Cường. (Đc: Tổ 6, ấp Tân Tiến, Xã Tân Lập, Huyện Tân Biên, Tỉnh Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại đơn vị	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại mỏ, chưa bao gồm chi phí nhân công bốc xếp và vận chuyển	Mức giá ngày 21/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	178.500	-	-	-	-	-
96	Vật liệu san lấp	Đất san lấp	m3			Công ty TNHH Thiện Phúc (Đc: Tổ 8, ấp B, Xã Bến Cầu, Tây Ninh - Đt: 0968.836.556)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại mỏ, bao gồm cuốc lên xe	Mức giá ngày 25/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	190.000	
97	Vật liệu san lấp	Cát san lấp	m3			Công ty TNHH MTV VLXD Phi Châu (Gò Dầu, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 16/07/2026 đến khi có thông báo khác	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	350.000
98	Vật liệu san lấp	Cát san lấp	m3			Cửa hàng VLXD Minh Hoài. (Đc: xã Dương Minh Châu, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng. Không bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá ngày 19/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	350.000	-	-
99	Đá xây dựng	Đá 4x6	m3			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng khu vựcTân Biên, Tây Ninh (cũ): Cty TNHH MTV TM XD Tông Thành Đạt, Cửa hàng VLXD An Nguyên, Cty TNHH ĐT XD và VL Cường Thịnh	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá từ ngày 25/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	733.333	-	-	-	-	-

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
100	Đá xây dựng	Đá 4x6	m3			Cửa hàng VLXD Minh Hoài. (Đc: xã Dương Minh Châu, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá từ ngày 19/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	600.000	-	-
101	Vật liệu san lấp	Đất san lấp	m3			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng khu vực Tân Biên, Tây Ninh: Cty TNHH KTKS Quốc Anh, Cty TNHH Tân Hưng Cường, Công ty TNHH MTV KTKS Phúc Phát Đạt	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại mỏ, chưa bao gồm chi phí nhân công bốc xếp và vận chuyển	Mức giá từ ngày 25/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	67.333	-	-	-	-	-
102	Vật liệu san lấp	Sỏi đỏ	m3			Công ty TNHH MTV Nguyễn Thanh Cảnh. Xã Tân Đông, Tây Ninh. (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại mỏ (ấp Tân Dũng, xã Tân Hà, huyện Tân Châu, Tây Ninh),Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 17/06/2026 đến khi có thông báo khác	Giá không đổi	-	-	-	-	168.000	-	-	-	-
103	Vật liệu san lấp	Sỏi đỏ	m3			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng khu vực Tân Biên, Tây Ninh: Cty TNHH KTKS Quốc Anh, Cty TNHH Tân Hưng Cường, Công ty TNHH MTV KTKS Phúc Phát Đạt	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại mỏ, chưa bao gồm chi phí nhân công bốc xếp và vận chuyển	Mức giá ngày 21/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	168.667	-	-	-	-	-
104	Vật liệu san lấp	Đất sét gạch ngói	m3			Phiếu khảo sát các cửa hàng tại khu vực Châu Thành, Tây Ninh: Cty TNHH MTV Như Mai, cty TNHH khoáng sản Ngọc Phát Tài, Cty TNHH Khoáng sản Tam Hiệp Phát	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại mỏ, chưa bao gồm chi phí nhân công bốc xếp và vận chuyển	Mức giá ngày 25/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	170.000	-	-	-
105	Vật liệu san lấp	Cát san lấp	m3			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng khu vực Tân Biên, Tây Ninh: Cty TNHH ĐT XD và VL Cường Thịnh, Cty TNHH MTV Đức Chi Tây Ninh	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại mỏ, chưa bao gồm chi phí nhân công bốc xếp và vận chuyển	Mức giá từ ngày 25/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	-	-	-	305.000	-	-	-	-	-
106	Vật liệu san lấp	Đất san lấp	m3			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng khu vực Châu Thành, Tây Ninh:Cty TNHH MTV Như Mai, Cty TNHH Khoáng sản Ngọc Phát Tài, Cty TNHH Khoáng sản Tam Hiệp Phát	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại mỏ	Mức giá ngày 25/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	66.333	-	-	-
107	Vật liệu san lấp	Sỏi đỏ	m3			Công ty TNHH Đồng Thuận Hà. (Đc: 124 đường Nguyễn Thái Học, Tân Ninh, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại đơn vị	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	271.000	-	-	-	-	-	-	-	-
108	Vật liệu san lấp	Đất san lấp	m3			Công ty TNHH Đồng Thuận Hà. (Đc: 124 đường Nguyễn Thái Học, Tân Ninh, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại đơn vị	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại mỏ, chưa bao gồm chi phí nhân công bốc xếp và vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	250.000	-	-	-	-	-	-	-	-
109	Vật liệu san lấp	Cát long nền	m3			Công ty CPXD và VLXD Hồi Ngô (Đc: Số 981, CMT8, P.Tân Ninh, Tây Ninh) - Phiếu khảo sát tại các cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng. Không bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được áp dụng từ ngày 14/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	340.000	-	-	-	-	-	-	-	-
110	Gạch xây	Gạch ống Hưng Thịnh	viên			Cửa hàng VLXD và TTNT Phát Đạt. Ấp Phước Đông, Xã Phước Chỉ, Trảng Bàng, Tây Ninh. (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được áp dụng từ ngày 19/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	1.600	-	-	-	-	-	-	-
111	Gạch xây	Gạch thẻ Lộc Giang	viên			Cửa hàng VLXD và TTNT Phát Đạt. Ấp Phước Đông, Xã Phước Chỉ, Trảng Bàng, Tây Ninh. (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được áp dụng từ ngày 19/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	1.600	-	-	-	-	-	-	-
112	Gạch xây	Gạch ống	viên			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng khu vực Châu Thành, Tây Ninh (cũ): Cửa hàng VLXD Phú Thịnh, DNTN Toàn Tâm.	Việt Nam	Giá bán ở khu vực huyện Châu Thành	Không bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 25/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	1.400	-	-	-
113	Gạch xây	Gạch thẻ	viên			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng khu vực Châu Thành, Tây Ninh (cũ): Cửa hàng VLXD Phú Thịnh, DNTN Toàn Tâm.	Việt Nam	Giá bán ở khu vực huyện Châu Thành	Không bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 25/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	1.300	-	-	-
114	Gạch xây	Gạch ống	viên			Công ty TNHH MTV VLXD Phi Châu (Gò Dầu, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại của hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 16/07/2026 đến khi có thông báo khác	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	1.500
115	Gạch xây	Gạch thẻ	viên			Công ty TNHH MTV VLXD Phi Châu (Gò Dầu, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại của hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 16/07/2026 đến khi có thông báo khác	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	1.500
116	Gạch xây	Gạch mi	viên			Công ty TNHH MTV VLXD Phi Châu (Gò Dầu, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại của hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 16/07/2026 đến khi có thông báo khác	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	750
117	Gạch xây	Gạch thẻ	viên			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng khu vựcTân Biên, Tây Ninh (cũ): Cty TNHH MTV TM XD Tông Thành Đạt, Cửa hàng VLXD An Nguyên, Cty TNHH ĐT XD và VL Cường Thịnh	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá từ ngày 25/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	1.400	-	-	-	-	-
118	Gạch xây	Gạch ống	viên			Phiếu khảo sát tại các cửa hàng khu vựcTân Biên, Tây Ninh (cũ): Cty TNHH MTV TM XD Tông Thành Đạt, Cửa hàng VLXD An Nguyên, Cty TNHH ĐT XD và VL Cường Thịnh	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá từ ngày 25/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	1.400	-	-	-	-	-
119	Gạch xây	Gạch Demi - Trung Dân	viên			Công ty TNHH ĐT XD và VL Cường Thịnh. (Đc: 573 Tân Tiến, Tân Lập, Tân Biên, Tây Ninh - Đt: 096602072O). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng	Mức giá từ ngày 25/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	700	-	-	-	-	-
120	Gạch xây	Gạch ống 4 lỗ SUNKO,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	180x80x80 mm - M7,5	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam	Không có thông tin	- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	2.580	2.580	2.580	2.580	2.580	2.580	2.580	2.580	2.580
121	Gạch xây	Gạch ống 4 lỗ SUNKO,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	180x80x80 mm - M7,5	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam	Không có thông tin	- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	2.627	2.627	2.627	2.627	2.627	2.627	2.627	2.627	2.627
122	Gạch xây	Gạch đinh SUNKO,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	180x80x40 mm - M10,0	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam	Không có thông tin	- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	2.325	2.325	2.325	2.325	2.325	2.325	2.325	2.325	2.325
123	Gạch xây	Gạch đinh SUNKO,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	190x80x40 mm - M10,0	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam	Không có thông tin	- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	2.399	2.399	2.399	2.399	2.399	2.399	2.399	2.399	2.399
124	Gạch xây	Gạch đặc SUNKO-5S2010,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	200x100x50 mm - M10,0	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam	Không có thông tin	- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	2.231	2.231	2.231	2.231	2.231	2.231	2.231	2.231	2.231
125	Gạch xây	Gạch block ngang 200,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	400x200x200 mm - M7,5	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam	Không có thông tin	- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	21.974	21.974	21.974	21.974	21.974	21.974	21.974	21.974	21.974
126	Gạch xây	Gạch block ngang 100,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	400x100x200 mm - M7,5	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam	Không có thông tin	- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	13.186	13.186	13.186	13.186	13.186	13.186	13.186	13.186	13.186
127	Gạch xây	Gạch block ngang 150,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	400x150x200 mm - M7,5	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam	Không có thông tin	- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	11.450	11.450	11.450	11.450	11.450	11.450	11.450	11.450	11.450

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
128	Gạch xây	Gạch block ngang 190,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	390x190x190 mm - M7,5	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam	Không có thông tin	- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	21.512	21.512	21.512	21.512	21.512	21.512	21.512	21.512	21.512
129	Gạch xây	Gạch block ngang 90,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	390x90x190 mm - M7,5	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam	Không có thông tin	- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	10.408	10.408	10.408	10.408	10.408	10.408	10.408	10.408	10.408
130	Gạch xây	Gạch block ngang 180,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	390x180x150 mm - M7,5	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam	Không có thông tin	- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	10.525	10.525	10.525	10.525	10.525	10.525	10.525	10.525	10.525
131	Gạch xây	Gạch Demi block ngang 180, đặc,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	195x180x150 mm - M10,0	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam	Không có thông tin	- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	14.387	14.387	14.387	14.387	14.387	14.387	14.387	14.387	14.387
132	Gạch xây	Gạch block demi bổ trụ ngang 180,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	390x180x150 mm - M7,5	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam	Không có thông tin	- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	21.367	21.367	21.367	21.367	21.367	21.367	21.367	21.367	21.367
133	Gạch xây	Gạch block ngang 80,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	390x80x150 mm - M7,5	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam	Không có thông tin	- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	8.021	8.021	8.021	8.021	8.021	8.021	8.021	8.021	8.021
134	Gạch xây	Gạch block ngang 80, đặc,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	390x80x150 mm - M10,0	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam	Không có thông tin	- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	8.730	8.730	8.730	8.730	8.730	8.730	8.730	8.730	8.730
135	Gạch xây	Gạch block ngang 250,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	390x250x150 mm - M7,5	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam	Không có thông tin	- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	18.836	18.836	18.836	18.836	18.836	18.836	18.836	18.836	18.836
136	Gạch xây	Gạch block ngang 190,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	390x190x150 mm - M7,5	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam	Không có thông tin	- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	19.085	19.085	19.085	19.085	19.085	19.085	19.085	19.085	19.085
137	Gạch xây	Gạch block ngang 120,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	390x120x150 mm - M7,5	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam	Không có thông tin	- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	15.101	15.101	15.101	15.101	15.101	15.101	15.101	15.101	15.101
138	Gạch xây	Gạch block ngang 90,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	390x90x150 mm - M7,5	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam	Không có thông tin	- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	10.640	10.640	10.640	10.640	10.640	10.640	10.640	10.640	10.640
139	Gạch xây	Gạch block ngang 100, đặc ,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	390x100x180 mm - M10,0	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam	Không có thông tin	- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	19.119	19.119	19.119	19.119	19.119	19.119	19.119	19.119	19.119
140	Gạch xây	Gạch tự chèn chữ nhật 80,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	200x100x80 mm - M45,0	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam	Không có thông tin	- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	7.854	7.854	7.854	7.854	7.854	7.854	7.854	7.854	7.854
141	Gạch xây	Gạch tự chèn chữ nhật 80,	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	200x100x80 mm - M60,0	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam	Không có thông tin	- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	8.181	8.181	8.181	8.181	8.181	8.181	8.181	8.181	8.181
142	Gạch xây	Gạch bông gió (trống cò),	viên	QCVN 16:2023/ BXD TCVN 6477:2016	390x260x80 mm - M20,0	Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Xanh Đại Dũng. Đc: Lô D7b-1, đường số 9, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số Q2,3-2026/CBG-SD.TN	Việt Nam	Không có thông tin	- Giá bán trên chưa bao gồm chi phí vận chuyển đến nơi giao hàng tương ứng với từng khu vực thuộc Tp.HCM	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/04/2026 đến ngày 30/09/2026	Giá không đổi	22.015	22.015	22.015	22.015	22.015	22.015	22.015	22.015	22.015
143	Thép xây dựng	Thép dây mạ kẽm Z08 phủ CR: 0.58mmx 1200mm TCT SGC 340	kg	JIS G3302.	340.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	24.350	24.350	24.350	24.350	24.350	24.350	24.350	24.350	24.350
144	Thép xây dựng	Thép dây mạ kẽm Z08 phủ CR: 0.75mmx1200mm TCT SGC 340	kg	JIS G3302.	340.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	23.850	23.850	23.850	23.850	23.850	23.850	23.850	23.850	23.850
145	Thép xây dựng	Thép dây mạ kẽm Z08 phủ CR: 0.95mmx 1200mm TCT SGC 340	kg	JIS G3302.	340.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	23.400	23.400	23.400	23.400	23.400	23.400	23.400	23.400	23.400
146	Thép xây dựng	Thép dây mạ kẽm Z08 phủ CR: 1 15mmx 1200mm TCT SGC 340	kg	JISG33O2.	340.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	23.050	23.050	23.050	23.050	23.050	23.050	23.050	23.050	23.050
147	Thép xây dựng	Thép dây mạ kẽm Z08 phủ CR: 0.58mmx 1200mm TCT SGC 340 (mạ không bông)	kg	JISG3302.	340.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.350	25.350	25.350	25.350	25.350	25.350	25.350	25.350	25.350
148	Thép xây dựng	Thép dây mạ kẽm Z08 phủ CR: 0.75mmx 1200mm TCT SGC 340 (mạ không bông)	kg	JISG3302.	340.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	24.850	24.850	24.850	24.850	24.850	24.850	24.850	24.850	24.850

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
149	Thép xây dựng	Thép dây mạ kẽm Z08 phủ CR: 0.95mmx 1200mm TCT SGC 340 (mạ không bông)	kg	JIS G3302.	340.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	24.400	24.400	24.400	24.400	24.400	24.400	24.400	24.400	24.400
150	Thép xây dựng	Thép dây mạ kẽm Z08 phủ CR: 1.15mmx 1200mm TCT SGC 340 (mạ không bông)	kg	JIS G3302.	340.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	24.050	24.050	24.050	24.050	24.050	24.050	24.050	24.050	24.050
151	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 21.2mmx 1.90mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	26.260	26.260	26.260	26.260	26.260	26.260	26.260	26.260	26.260
152	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 21.2mmx2.10mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460
153	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 21.2mmx2.30mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460
154	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 21.2mmx2.60mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160
155	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 26.65mmx1.60mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	27.160	27.160	27.160	27.160	27.160	27.160	27.160	27.160	27.160
156	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 26.65mmx1.90mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	26.260	26.260	26.260	26.260	26.260	26.260	26.260	26.260	26.260
157	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 26.65mmx2.10mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460
158	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 26.65mmx2.30mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460
159	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 26.65mmx2.60mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160
160	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 33.5mmx1.90mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	26.260	26.260	26.260	26.260	26.260	26.260	26.260	26.260	26.260
161	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm. 33.5mmx2. 10mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460
162	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 33.5mmx2.30mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460
163	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 33.5mmx2.60mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160
164	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 33.5mmx3.20mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160
165	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 33.5mmx4.00mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160
166	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 42.2mmx1 .90mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	26.260	26.260	26.260	26.260	26.260	26.260	26.260	26.260	26.260
167	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 42.2mmx2. 10mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460
168	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 42.2mmx2.30mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460
169	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 42.2mmx2.60mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
170	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 42.2mmx3.20mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160
171	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 42.2mmx3.60mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160
172	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 48.1mmxl.90mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	26.260	26.260	26.260	26.260	26.260	26.260	26.260	26.260	26.260
173	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 48.1mmx2.10mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460
174	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 48. 1mmx2.60mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160
175	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 48.1mmx2.90mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160
176	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 48.1mmx3.20mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160
177	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm. 48.1mmx3.60mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160
178	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 59.9mmx1.90mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	26.260	26.260	26.260	26.260	26.260	26.260	26.260	26.260	26.260
179	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 59.9mmx2. 10mmx6.0m	kg	TCCS HS03.2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460
180	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 59.9mmx2.30mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460
181	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 59.9mmx2.60mmx6.0m	kg	TCCS HS03.2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160
182	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 59.9mmx2.90mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160
183	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 59.9mmx3.20mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2O21	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160
184	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 59.9mmx3.60mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160
185	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 75.6mmx2. 10mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460
186	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 75.6mmx2.60mmx6.0m	kg	TCCS HS03 2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160
187	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 75.6mmx2.90mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160
188	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 75.6mmx3.20mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160
189	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 75.6mmx3.60mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160
190	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 88.3mmx2.10mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460	25.460

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
191	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 88.3mmx2.60mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160
192	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 88.3mm.x2.90mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160
193	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 88.3mmx3.20mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160
194	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 88.3mmx4.00mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160
195	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 113.5mmx2.60mmx6.0m	kg	TCCS HS03 2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160
196	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 113.5mmx2.90mmx6.0m	kg	TCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160
197	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 113.5mmx3.20mmx6.0m	kg	CCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160
198	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 113.5mmx3.60mmx6.0m	kg	CCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160
199	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 113.5mmx4.00mmx6.0m	kg	CCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160
200	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 113.5mmx4.50mmx6.0m	kg	CCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160
201	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 113.5mmx4.60mmx6.0m	kg	CCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160	25.160
202	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 141.3mmx3.96mmx6.0m	kg	CCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.360	25.360	25.360	25.360	25.360	25.360	25.360	25.360	25.360
203	Thép xây dựng	thép ống nhúng kẽm: 141.3mmx4.78mmx6.0m	kg	CCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.360	25.360	25.360	25.360	25.360	25.360	25.360	25.360	25.360
204	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 168.3mmx3.96mmx6.0m	kg	CCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.360	25.360	25.360	25.360	25.360	25.360	25.360	25.360	25.360
205	Thép xây dựng	Thép ống nhúng kẽm: 168.3mmx4.78mmx6.0m	kg	CCCS HS03:2021	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	25.360	25.360	25.360	25.360	25.360	25.360	25.360	25.360	25.360
206	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080: 13mmx26mmx0.80mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.190	22.190	22.190	22.190	22.190	22.190	22.190	22.190	22.190
207	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080: 13mmx26mmx0.90mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.190	22.190	22.190	22.190	22.190	22.190	22.190	22.190	22.190
208	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080: l3mmx26mmx1.00mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000
209	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 13mmx26mmx1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000
210	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 14mmx14mmx0.80mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.190	22.190	22.190	22.190	22.190	22.190	22.190	22.190	22.190
211	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 14mmx14mmx0.90mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.190	22.190	22.190	22.190	22.190	22.190	22.190	22.190	22.190

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
212	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 14mmx44mmx1.00mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000
213	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 14mmx44mmx1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000
214	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 20mmx20mmx0.90mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.190	22.190	22.190	22.190	22.190	22.190	22.190	22.190	22.190
215	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 20mmx20mmx1.00mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000
216	Thép xây dựng	Thép hộp mạkẽmZ080: 20mmx20mmx 1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000
217	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 20mmx20mmx1.20mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000
218	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 20mmx20mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000
219	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 25mmx25mmx0.80mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.190	22.190	22.190	22.190	22.190	22.190	22.190	22.190	22.190
220	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080. 25mmx25mmx1.00mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000
221	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 25mmx25mmx1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000
222	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 25mmx25mmx1.20mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000
223	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080; 25mmx25mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000
224	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 20mmx40mmx0.80mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.790	21.790	21.790	21.790	21.790	21.790	21.790	21.790	21.790
225	Thép xây dựng	Thcp hộp mạ kẽm Z080: 20mmx40mmx1.00mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
226	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 20mmx40mmx 1. 10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
227	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 20mmx40mmx1 .20mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
228	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080. 20mmx40mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
229	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080. 25mmx50mmx0.90mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.790	21.790	21.790	21.790	21.790	21.790	21.790	21.790	21.790
230	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080: 25mmx50mmx1.00mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
231	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080: 25mmx50mmx1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
232	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 25mmx50mmx1.20mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
233	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080: 25mmx50mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
234	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 30mmx30mmx0.90mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.790	21.790	21.790	21.790	21.790	21.790	21.790	21.790	21.790
235	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080; 30mmx30mmx1.00mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
236	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080: 30mmx30mmx1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
237	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080: 30mmx30mmx1.20mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
238	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 30mmx30mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
239	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080: 30mmx60mmx0.90mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.790	21.790	21.790	21.790	21.790	21.790	21.790	21.790	21.790
240	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080: 30mmx60mmx1.00mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
241	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080: 30mmx60mmx1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
242	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 30mmx60mmx1.20mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
243	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 30mmx60mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
244	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z120: 30mmx60mmx1.80mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400
245	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 30mmx90mmx 1.1 ommx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
246	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 30mmx90mmx1.20mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
247	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 30mmx90mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
248	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 40mmx40mmx100mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
249	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 40mmx40mmx1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
250	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 40mmx40mmx1.20mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
251	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 40mmx40mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
252	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 40mmx80mmx1.00mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
253	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm 7.080: 40mmx80mmx1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
254	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 40mmx80mmx1.20mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
255	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 40mmx80mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
256	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm z 120: 40mmx80mmx1.80mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400
257	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 50mmx50mmx1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
258	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 50mmx50mmx1.20mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
259	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 50mmx50mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
260	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z120: 50mmx50mmx1.80mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400
261	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 50mmx100mmx1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
262	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080: 50mmx100mmx1.20mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
263	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm ZC80: 50mmx100mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
264	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z120: 50mmx100mmx1.80mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400
265	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 60mmx120mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400
266	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z120: 60mmx120mmx1.80mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
267	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm z 120: 60mmx120mmx2.00mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
268	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z080: 75mmx75mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400
269	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z120: 75mmx75mmx1.80mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
270	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080: 90mmx90mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400
271	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z120: 90mmx90mmx1.80mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
272	Thép xây dựng	thép hộp mạ kẽm Z080: 100mmx100mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400
273	Thép xây dựng	Thép hộp mạ kẽm Z120: 100mmx100mmx1.80mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000
274	Thép xây dựng	thép ống mạ kẽm Z080: 21mmx 1. 10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
275	Thép xây dựng	thép ống mạ kẽm Z080: 21mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000
276	Thép xây dựng	thép ống mạ kẽm Z080: 27mmx 1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000
277	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm Z080: 27mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000
278	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm Z080: 34mmx1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000
279	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm Z080: 34mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
280	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm Z080: 42mmx1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
281	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm Z080: 42mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
282	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm Z080: 49mmx1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
283	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm Z080: 49mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
284	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm Z080: 60mmx1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
285	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm Z080: 60mmx1 ,40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
286	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm Z080: 76mmx1.10mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
287	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm Z080: 76mmx 1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
288	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm Z080: 90mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400
289	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm Z120: 90mmx1.80mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600	21.600
290	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm Z080: 1 14mmx1.40mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400
291	Thép xây dựng	Thép ống mạ kẽm z 120: 114mmx1.80mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	20.810	20.810	20.810	20.810	20.810	20.810	20.810	20.810	20.810
292	Thép xây dựng	thép ống đen: độ dày 1.60mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	19.710	19.710	19.710	19.710	19.710	19.710	19.710	19.710	19.710
293	Thép xây dựng	Thép ống đen: độ dày > 1.80 - < 2.00mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	19.110	19.110	19.110	19.110	19.110	19.110	19.110	19.110	19.110
294	Thép xây dựng	Thép ống đen. độ dày > 2.00mmx6.0m	kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	16.850	16.850	16.850	16.850	16.850	16.850	16.850	16.850	16.850
295	Thép xây dựng	Thép xây dựng dạng bẻ đai VAS 06 CB240-T	kg	JIS G3112	240.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	16.850	16.850	16.850	16.850	16.850	16.850	16.850	16.850	16.850

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
296	Thép xây dựng	Thép xây dựng dạng bẻ đai VAS 08 CB240-T	kg	JIS G3112	240.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	15.850	15.850	15.850	15.850	15.850	15.850	15.850	15.850	15.850
297	Thép xây dựng	Thép xây dựng dạng cuộn VAS 06 CB240-T	kg	JIS 03112	240.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	15.850	15.850	15.850	15.850	15.850	15.850	15.850	15.850	15.850
298	Thép xây dựng	Thép xây dựng dạng cuộn VAS 08 CB240-T	kg	JIS 03112	240.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	15.950	15.950	15.950	15.950	15.950	15.950	15.950	15.950	15.950
299	Thép xây dựng	Thép xây dựng dạng cuộn VAS 08 CB300	kg	JIS 03112	300.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	16.370	16.370	16.370	16.370	16.370	16.370	16.370	16.370	16.370
300	Thép xây dựng	Thép xây dựng dạng thanh vằn gập VAS D10 CB300, Grade 40	kg	JIS 03112	40.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	16.170	16.170	16.170	16.170	16.170	16.170	16.170	16.170	16.170
301	Thép xây dựng	Thép xây dựng dạng thanh vằn gập VKS D12 CB300 Grade 40	kg	JIS 03112	40.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	16.170	16.170	16.170	16.170	16.170	16.170	16.170	16.170	16.170
302	Thép xây dựng	Thép xây dựng dạng thanh vằn THS D14 CB300/Grade 40	kg	IS G3112	40.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	16.170	16.170	16.170	16.170	16.170	16.170	16.170	16.170	16.170
303	Thép xây dựng	Thép xây dựng dạng thanh vằn VAS D16 CB300/Grade 40	kg	ISG3112	40.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	24.600	24.600	24.600	24.600	24.600	24.600	24.600	24.600	24.600
304	Thép xây dựng	Thép dây Hoa Sen Mag Shield ZM080 phủ CR: .58mmx 1200mm G350 TC1	kg	TCCS 01:2015/HSG	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	24.000	24.000	24.000	24.000	24.000	24.000	24.000	24.000	24.000
305	Thép xây dựng	thép dây Hoa Sen Mag Shield ZM080 phủ CR: 0.75mmx 1200mm G350 TC1	kg	TCCS 01:2015/HSG	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	23.500	23.500	23.500	23.500	23.500	23.500	23.500	23.500	23.500
306	Thép xây dựng	Thép dây Hoa Sen Mag Shield ZM080 phủCR: 0.95mmx1200mm G350 TC1	kg	TCCS 01:2015/HSG	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	23.150	23.150	23.150	23.150	23.150	23.150	23.150	23.150	23.150
307	Thép xây dựng	thép dây Hoa Sen Mag Shield ZM080 phủ CR: 1.15mmx1200mm G350 TC1	kg	TCCS 01:2015/HSG	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
308	Thép xây dựng	thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 0mmx40mmx1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
309	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 30mmx60mmx1 .40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
310	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 0mmx80mmx1 ,40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
311	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 30mmx30mmx1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A5OO/A5OOM	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750
312	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 20mmx20mmx 1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750
313	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 21mmx1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750
314	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 13mmx26mmx 1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750
315	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 14mmx14mmx1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A5OO/A5OOM	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750
316	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 16mmx16mmx1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
317	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 25mmx25mmx1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
318	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 25mmx50mmx1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A5OO/A5OOM	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
319	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 40mmx40mmx1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
320	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 50mmx50mmx 1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A5OO/A5OOM	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
321	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 50mmx 100mmx 1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750
322	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 27mmx1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750
323	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 34mmx1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A5OO/A5OOM	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
324	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 42mm.x1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
325	Thép xây dựng	Thép ống hoa Sen Mag Shield ZM080: 49mmx 1,40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
326	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 60mmx1.40mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
327	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 76mmx 1,40mmmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
328	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 90mmx 1 40mm.x6.0m TC1	kg	ASTM A5OO/A5OOM	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
329	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 30mmx30mmx1.10mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
330	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 30mmx60mmx1.10mmx6.0mTC1	kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
331	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 40mmx80mmx 1.10mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
332	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 50mmx100mmx 1. 10mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
333	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 20mmx40mmx 1. 10mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
334	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 20mmx40mmx 1,20mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
335	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 30mmx30mx1.20mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
336	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080 30mmx60mmx1.20mmx6.0m TC1	kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
337	Thép xây dựng	thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 40mm.x80mmx 1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
338	Thép xây dựng	thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 50mmx 100mmx 1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
339	Thép xây dựng	thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 60mmx 120mmx 1.40mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	23.500	23.500	23.500	23.500	23.500	23.500	23.500	23.500	23.500
340	Thép xây dựng	thép hộp Hoa Sen Mag Shield Z1M080: 14mmx 14mmx0.80mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	23.500	23.500	23.500	23.500	23.500	23.500	23.500	23.500	23.500
341	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 16mmx16mmx0.80mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	23.500	23.500	23.500	23.500	23.500	23.500	23.500	23.500	23.500
342	Thép xây dựng	thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 20mmx20mmx0.80mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	23.500	23.500	23.500	23.500	23.500	23.500	23.500	23.500	23.500
343	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 25mmx25mmx0.80mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100
344	Thép xây dựng	thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 30mmx30mmx0.80mmx6.0mi TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100
345	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 40mmx40mmx0.80mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100
346	Thép xây dựng	thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 50mmx50mmx0.80mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100
347	Thép xây dựng	thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 13mmx26mmx0.80mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	23.500	23.500	23.500	23.500	23.500	23.500	23.500	23.500	23.500
348	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 20mmx40mmx0.80mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	23.500	23.500	23.500	23.500	23.500	23.500	23.500	23.500	23.500
349	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 25mmx50mmx0.80mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100
350	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 30mmx60mmx0.80mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100
351	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080. 14mmx 14mmx 1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750
352	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 16mmx16mmx1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	0.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750
353	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 20mmx20mmx1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750
354	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 25mmx25mmx 1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750
355	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 30mmx30mmx1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
356	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 40mmx40mmx 1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
357	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 50mmx50mmx 1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
358	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 13mmx26mmx 1.00mm.x6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
359	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 20mmx40mmx 1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
360	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 25mmx50mmx1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
361	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 30mmx60mmx 1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
362	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 40mmx80mmx 1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
363	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 50mmx100mmx1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
364	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 14mmx14mmx1.10mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750
365	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 16mmx 16mmx 1.10mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750
366	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 20mmx20mmx 1.1 0mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750
367	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 25mmx25mmx1.10mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750
368	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080. 40mmx40mmx 1.10mm.x6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
369	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 50mmx50mmx1.10mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
370	Thép xây dựng	thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 13mmx26mmx 1.10mx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750
371	Thép xây dựng	thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 25mmx50mmx1.10mmx6.0m TC1	Kg .	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
372	Thép xây dựng	thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080. 4mmx14mmx 1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750
373	Thép xây dựng	Thép hộp hoa Sen Mag Shield ZM080: 6mmx 16mmx 1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750
374	Thép xây dựng	thép hộp hoa Sen Mag Shield ZM080: 20mmx20mmx 1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750
375	Thép xây dựng	thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 5mmx25mmx 1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750
376	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 10mmx40mmx 1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
377	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 50mmx50mmx1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
378	Thép xây dựng	Thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 3mmx26mmx 1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750
379	Thép xây dựng	thép hộp Hoa Sen Mag Shield ZM080: 25mmx50mmx1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
380	Thép xây dựng	thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 21mmx1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750
381	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 27mmx1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750
382	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 34mmx1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750
383	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 42mmx1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
384	Thép xây dựng	Thép Ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 49mmx1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
385	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 60mmx1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
386	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 76mmx1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
387	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 90mmx1.00mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
388	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 21 mmx 1.10mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750
389	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 27mmx1.10mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750
390	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 34mmx1.10mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750
391	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 42mmx1.10mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
392	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080. 49mmx1.10mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
393	Thép xây dựng	Thép ống hoa Sen Mag Shield ZM080: 60mmx 1.10mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
394	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 76mmx 1.10mm.x6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
395	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 90mmx1.10mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
396	Thép xây dựng	Thép ống hoa Sen Mag Shield ZM080: 21mmx 1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750
397	Thép xây dựng	Thép ống hoa Sen Mag Shield ZM080: 27mmx1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A5OO/A5OOM	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750
398	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 34mmx1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750	22.750
399	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080. 42mmx 1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
400	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 49mmx1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A5OO/A5OOM	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
401	Thép xây dựng	Thép ống hoa Sen Mag Shield ZM080: 60mmx1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
402	Thép xây dựng	Thép ống Hoa Sen Mag Shield ZM080: 76mmx1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A5OO/A5OOM	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
403	Thép xây dựng	thép ống hoa Sen Mag Shield ZM080 90mmx 1.20mmx6.0m TC1	Kg	ASTM A500/A500M	1.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá bán đã bao gồm vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350	22.350
404	Thép xây dựng	Kẽm cột	kg		1.0mm	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Đt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 54/2026/CV-HD ngày 18/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 18/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	304.545	304.545	304.545	304.545	304.545	304.545	304.545	304.545	304.545
405	Thép xây dựng	Sắt Φ 6 Nhật Vina Kyoei	kg	TCVN 1651-1:2008	6.0 mm	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Đt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 54/2026/CV-HD ngày 18/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 18/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	385.364	385.364	385.364	385.364	385.364	385.364	385.364	385.364	385.364
406	Thép xây dựng	Sắt Φ 8 Nhật Vina Kyoei	kg	TCVN 1651-1:2008	8.0 mm	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Đt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 54/2026/CV-HD ngày 18/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 18/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	475.636	475.636	475.636	475.636	475.636	475.636	475.636	475.636	475.636
407	Thép xây dựng	Sắt Φ 10 gân Nhật Vina Kyoei CB3	cây	TCVN 1651-2:2018	11m70	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Đt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 54/2026/CV-HD ngày 18/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 18/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	575.364	575.364	575.364	575.364	575.364	575.364	575.364	575.364	575.364
408	Thép xây dựng	Sắt Φ 12 gân Nhật Vina Kyoei CB3	cây	TCVN 1651-2:2018	11m70	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Đt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 54/2026/CV-HD ngày 18/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 18/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	749.091	749.091	749.091	749.091	749.091	749.091	749.091	749.091	749.091
409	Thép xây dựng	Sắt Φ 14 gân Nhật Vina Kyoei CB3	cây	TCVN 1651-2:2018	11m70	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Đt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 54/2026/CV-HD ngày 18/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 18/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	108.091	108.091	108.091	108.091	108.091	108.091	108.091	108.091	108.091
410	Thép xây dựng	Sắt Φ 16 gân Nhật Vina Kyoei CB3	cây	TCVN 1651-2:2018	11m70	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Đt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 54/2026/CV-HD ngày 18/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 18/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	301.455	301.455	301.455	301.455	301.455	301.455	301.455	301.455	301.455
411	Thép xây dựng	Sắt Φ 18 gân Nhật Vina Kyoei CB3	cây	TCVN 1651-2:2018	11m70	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Đt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 54/2026/CV-HD ngày 18/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 18/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	263.455	263.455	263.455	263.455	263.455	263.455	263.455	263.455	263.455
412	Thép xây dựng	Sắt Φ 20 gân Nhật Vina Kyoei CB3	cây	TCVN 1651-2:2018	11m70	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Đt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 54/2026/CV-HD ngày 18/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 18/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	343.545	343.545	343.545	343.545	343.545	343.545	343.545	343.545	343.545
413	Thép xây dựng	Sắt Φ 22 gân Nhật Vina Kyoei CB3	cây	TCVN 1651-2:2018	11m70	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Đt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 54/2026/CV-HD ngày 18/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 18/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	434.636	434.636	434.636	434.636	434.636	434.636	434.636	434.636	434.636
414	Thép xây dựng	Sắt Φ 25 gân Nhật Vina Kyoei CB3	cây	TCVN 1651-2:2018	11m70	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Đt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 54/2026/CV-HD ngày 18/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 18/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	269.909	269.909	269.909	269.909	269.909	269.909	269.909	269.909	269.909
415	Thép xây dựng	Sắt Φ 10 gân Nhật SD295	cây	JIS G 3112:2020	11m70	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Đt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 54/2026/CV-HD ngày 18/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 18/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	326.182	326.182	326.182	326.182	326.182	326.182	326.182	326.182	326.182
416	Thép xây dựng	Sắt Φ 16 gân Nhật SD295	cây	JIS G 3112:2020	11m70	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Đt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 54/2026/CV-HD ngày 18/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 18/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	16.009	16.009	16.009	16.009	16.009	16.009	16.009	16.009	16.009
417	Thép xây dựng	Sắt Φ 14 tròn Nhật	cây	TCVN 1651-1:2018	12m00	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Đt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 54/2026/CV-HD ngày 18/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 18/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	15.964	15.964	15.964	15.964	15.964	15.964	15.964	15.964	15.964
418	Thép xây dựng	Sắt Φ 16 tròn Nhật	cây	TCVN 1651-1:2018	12m00	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Đt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 54/2026/CV-HD ngày 18/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 18/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	101.091	101.091	101.091	101.091	101.091	101.091	101.091	101.091	101.091
419	Thép xây dựng	Sắt Φ 18 tròn Nhật	cây	TCVN 1651-1:2018	12m00	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Đt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 54/2026/CV-HD ngày 18/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 18/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	156.909	156.909	156.909	156.909	156.909	156.909	156.909	156.909	156.909
420	Thép xây dựng	Sắt Φ 20 tròn Nhật	cây	TCVN 1651-1:2018	11m70	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Đt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 54/2026/CV-HD ngày 18/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 18/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	218.182	218.182	218.182	218.182	218.182	218.182	218.182	218.182	218.182
421	Thép xây dựng	Sắt Φ 22 tròn Nhật	cây	TCVN 1651-1:2018	11m70	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Đt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 54/2026/CV-HD ngày 18/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 18/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	284.818	284.818	284.818	284.818	284.818	284.818	284.818	284.818	284.818
422	Thép xây dựng	Thép cuộn 6 Pomina	kg	TCVN 1651-1:2018	6.0mm	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Đt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 54/2026/CV-HD ngày 18/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 18/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	360.545	360.545	360.545	360.545	360.545	360.545	360.545	360.545	360.545
423	Thép xây dựng	Thép cuộn 8 Pomina	kg	TCVN 1651-1:2018	8.0mm	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Đt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 54/2026/CV-HD ngày 18/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 18/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	445.182	445.182	445.182	445.182	445.182	445.182	445.182	445.182	445.182

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
424	Thép xây dựng	Thép gân 10 Pomina SD295	cây	TCVN 1651-2:2018	11m70	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Đt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 54/2026/CV-HD ngày 18/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 18/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	14.582	14.582	14.582	14.582	14.582	14.582	14.582	14.582	14.582
425	Thép xây dựng	Thép gân 12 Pomina CB3	cây	TCVN 1651-2:2018	11m70	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Đt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 54/2026/CV-HD ngày 18/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 18/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	14.582	14.582	14.582	14.582	14.582	14.582	14.582	14.582	14.582
426	Thép xây dựng	Thép gân 14 Pomina CB3	cây	TCVN 1651-2:2018	11m70	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Đt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 54/2026/CV-HD ngày 18/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 18/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	71.909	71.909	71.909	71.909	71.909	71.909	71.909	71.909	71.909
427	Thép xây dựng	Thép gân 16 Pomina CB3	cây	TCVN 1651-2:2018	11m70	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Đt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 54/2026/CV-HD ngày 18/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 18/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	101.545	101.545	101.545	101.545	101.545	101.545	101.545	101.545	101.545
428	Thép xây dựng	Thép gân 18 Pomina CB3	cây	TCVN 1651-2:2018	11m70	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Đt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 54/2026/CV-HD ngày 18/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 18/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	131.818	131.818	131.818	131.818	131.818	131.818	131.818	131.818	131.818
429	Thép xây dựng	Thép gân 20 Pomina CB3	cây	TCVN 1651-2:2018	11m70	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Đt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 54/2026/CV-HD ngày 18/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 18/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	181.818	181.818	181.818	181.818	181.818	181.818	181.818	181.818	181.818
430	Thép xây dựng	Sắt 6 Thiên thai	kg	TCVN 1651-1:2018	6.0mm	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Đt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 54/2026/CV-HD ngày 18/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 18/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	23.573	23.573	23.573	23.573	23.573	23.573	23.573	23.573	23.573
431	Thép xây dựng	Sắt 8 Thiên thai	kg	TCVN 1651-1:2018	8.0mm	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Đt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 54/2026/CV-HD ngày 18/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 18/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	23.718	23.718	23.718	23.718	23.718	23.718	23.718	23.718	23.718
432	Thép xây dựng	Sắt 10 gân	cây	TCVN 1651-2:2018	11m70	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Đt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 54/2026/CV-HD ngày 18/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 18/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	23.809	23.809	23.809	23.809	23.809	23.809	23.809	23.809	23.809
433	Thép xây dựng	Sắt 12 gân	cây	TCVN 1651-2:2018	11m70	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Đt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 54/2026/CV-HD ngày 18/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 18/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	101.636	101.636	101.636	101.636	101.636	101.636	101.636	101.636	101.636
434	Thép xây dựng	Sắt 14 gân	cây	TCVN 1651-2:2018	11m70	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Đt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 54/2026/CV-HD ngày 18/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 18/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	132.000	132.000	132.000	132.000	132.000	132.000	132.000	132.000	132.000
435	Thép xây dựng	Sắt 16 gân	cây	TCVN 1651-2:2018	11m70	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Đt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 54/2026/CV-HD ngày 18/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 18/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000
436	Thép xây dựng	Dây mạ 3 ly	kg	TCVN 2053-1993	2.7*3mm	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Đt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 54/2026/CV-HD ngày 18/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 18/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	23.573	23.573	23.573	23.573	23.573	23.573	23.573	23.573	23.573
437	Thép xây dựng	Kẽm gai	kg	JIS G 3533-1993	70*70mm	Công ty TNHH XNK TM CN DV Hùng Duy. Đc: KCN Phú Mỹ 1, P. Phú Mỹ, TP.HCM - Đt: 0977.679.564. (Nhà phân phối Vina Kyoei). Công văn đề nghị công bố giá số 54/2026/CV-HD ngày 18/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá được thực hiện từ ngày 18/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	23.718	23.718	23.718	23.718	23.718	23.718	23.718	23.718	23.718
438	Thép xây dựng	Sắt phi 6 Pomina	kg			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	16.091	-	-	-	-	-	-	-	-
439	Thép xây dựng	Sắt phi 8 Pomina	kg			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	16.091	-	-	-	-	-	-	-	-
440	Thép xây dựng	Sắt phi 10 Pomina SD295	cây			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	101.818	-	-	-	-	-	-	-	-
441	Thép xây dựng	Sắt phi 12 Pomina CB300	cây			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	158.182	-	-	-	-	-	-	-	-
442	Thép xây dựng	Sắt phi 14 Pomina CB300	cây			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	217.273	-	-	-	-	-	-	-	-
443	Thép xây dựng	Sắt phi 16 Pomina CB300	cây			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	283.636	-	-	-	-	-	-	-	-
444	Thép xây dựng	Sắt phi 18 Pomina CB300	cây			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	359.091	-	-	-	-	-	-	-	-
445	Thép xây dựng	Sắt phi 20 Pomina CB400	cây			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	444.545	-	-	-	-	-	-	-	-
446	Thép xây dựng	Sắt phi 22 Pomina CB400	cây			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	536.364	-	-	-	-	-	-	-	-
447	Thép xây dựng	Sắt phi 25 Pomina CB400	cây			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	701.818	-	-	-	-	-	-	-	-
448	Thép xây dựng	Sắt phi 6 Hoà Phát	kg			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	15.636	-	-	-	-	-	-	-	-
449	Thép xây dựng	Sắt phi 8 Hoà Phát	kg			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	15.636	-	-	-	-	-	-	-	-
450	Thép xây dựng	Sắt phi 10 Hoà Phát Gr40	cây			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	100.000	-	-	-	-	-	-	-	-

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
451	Thép xây dựng	Sắt phi 16 Hoà Phát Gr40	cây			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	277.273	-	-	-	-	-	-	-	-
452	Thép xây dựng	Sắt phi 12 Hoà Phát CB300	cây			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	158.182	-	-	-	-	-	-	-	-
453	Thép xây dựng	Sắt phi 14 Hoà Phát CB300	cây			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	216.364	-	-	-	-	-	-	-	-
454	Thép xây dựng	Sắt phi 18 Hoà Phát CB300	cây			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	357.273	-	-	-	-	-	-	-	-
455	Thép xây dựng	Sắt phi 20 Hoà Phát CB300	cây			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	441.818	-	-	-	-	-	-	-	-
456	Thép xây dựng	Sắt phi 6 Pomina (Ý)	kg			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	16.091	-	-	-	-	-	-	-	-
457	Thép xây dựng	Sắt phi 8 Pomina (Ý)	kg			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	16.091	-	-	-	-	-	-	-	-
458	Thép xây dựng	Sắt phi 10 Pomina (Ý) CB400	cây			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	111.818	-	-	-	-	-	-	-	-
459	Thép xây dựng	Sắt phi 12 Pomina (Ý) CB400	cây			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	160.000	-	-	-	-	-	-	-	-
460	Thép xây dựng	Sắt phi 14 Pomina (Ý) CB400	cây			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	218.182	-	-	-	-	-	-	-	-
461	Thép xây dựng	Sắt phi 16 Pomina (Ý) CB400	cây			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	284.545	-	-	-	-	-	-	-	-
462	Thép xây dựng	Sắt phi 18 Pomina (Ý) CB400	cây			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	360.000	-	-	-	-	-	-	-	-
463	Thép xây dựng	Sắt phi 20 Pomina (Ý) CB400	cây			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	444.545	-	-	-	-	-	-	-	-
464	Thép xây dựng	Sắt phi 22 Pomina (Ý) CB400	cây			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	536.364	-	-	-	-	-	-	-	-
465	Thép xây dựng	Sắt phi 25 Pomina (Ý) CB400	cây			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	701.818	-	-	-	-	-	-	-	-
466	Thép xây dựng	Sắt phi 6 Nhật	kg			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	17.000	-	-	-	-	-	-	-	-
467	Thép xây dựng	Sắt phi 8 Nhật	kg			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	17.000	-	-	-	-	-	-	-	-
468	Thép xây dựng	Sắt phi 10 Nhật	cây			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	119.091	-	-	-	-	-	-	-	-
469	Thép xây dựng	Sắt phi 12 Nhật	cây			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	170.000	-	-	-	-	-	-	-	-
470	Thép xây dựng	Sắt phi 14 Nhật	cây			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	230.909	-	-	-	-	-	-	-	-
471	Thép xây dựng	Sắt phi 16 Nhật	cây			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	299.091	-	-	-	-	-	-	-	-
472	Thép xây dựng	Sắt phi 18 Nhật	cây			Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	382.727	-	-	-	-	-	-	-	-
473	Thép xây dựng	Xà gồ kẽm	m	50*100	1.5 ly	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	46.364	-	-	-	-	-	-	-	-
474	Thép xây dựng	Xà gồ kẽm	m	50*100	1.8 ly	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	53.636	-	-	-	-	-	-	-	-
475	Thép xây dựng	Xà gồ kẽm	m	50*100	2.0 ly	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	59.091	-	-	-	-	-	-	-	-
476	Thép xây dựng	Xà gồ kẽm	m	50*120	1.5 ly	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	50.000	-	-	-	-	-	-	-	-
477	Thép xây dựng	Xà gồ kẽm	m	50*120	1.5 ly	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	58.182	-	-	-	-	-	-	-	-
478	Thép xây dựng	Xà gồ kẽm	m	50*120	1.8 ly	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	64.545	-	-	-	-	-	-	-	-
479	Thép xây dựng	Xà gồ kẽm	m	50*125	2.0 ly	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	52.727	-	-	-	-	-	-	-	-
480	Thép xây dựng	Xà gồ kẽm	m	50*125	1.5 ly	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	60.000	-	-	-	-	-	-	-	-
481	Thép xây dựng	Xà gồ kẽm	m	50*125	1.8 ly	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	66.364	-	-	-	-	-	-	-	-
482	Thép xây dựng	Xà gồ kẽm	m	50*150	2.0 ly	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	56.364	-	-	-	-	-	-	-	-

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
483	Thép xây dựng	Xà gồ kẽm	m	50*150	1.5 ly	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	65.455	-	-	-	-	-	-	-	-
484	Thép xây dựng	Xà gồ kẽm	m	50*150	1.8 ly	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	71.818	-	-	-	-	-	-	-	-
485	Thép xây dựng	Xà gồ kẽm	m	50*180	2.0 ly	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	72.727	-	-	-	-	-	-	-	-
486	Thép xây dựng	Xà gồ kẽm	m	50*180	1.8 ly	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	80.909	-	-	-	-	-	-	-	-
487	Thép xây dựng	Xà gồ kẽm	m	50*200	2.0 ly	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	77.273	-	-	-	-	-	-	-	-
488	Thép xây dựng	Xà gồ kẽm	m	50*200	1.8 ly	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	85.455	-	-	-	-	-	-	-	-
489	Thép xây dựng	Xà gồ kẽm	m	65*200	2.0 ly	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	86.364	-	-	-	-	-	-	-	-
490	Thép xây dựng	Xà gồ kẽm	m	65*200	1.8 ly	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	95.455	-	-	-	-	-	-	-	-
491	Thép xây dựng	Xà gồ kẽm	m	65*250	2.0 ly	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	97.273	-	-	-	-	-	-	-	-
492	Thép xây dựng	Xà gồ kẽm	m	65*250	1.8 ly	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi vận chuyển	Đã bao gồm vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	107.273	-	-	-	-	-	-	-	-
493	Thép xây dựng	Sắt tráng kẽm	cây		30x30x1.2	Hoa Sen Home - Cửa hàng Bình Minh.(Đc: Trần Văn Trà, Bình Minh, TP.Tây Ninh. Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán tại khu vực TP. Tây Ninh	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá ngày 25/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	145.000	-	-	-	-	-	-	-	-
494	Thép xây dựng	Sắt tráng kẽm	cây		30x30x1.4	Hoa Sen Home - Cửa hàng Bình Minh.(Đc: Trần Văn Trà, Bình Minh, TP.Tây Ninh. Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán tại khu vực TP. Tây Ninh	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá ngày 25/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	167.700	-	-	-	-	-	-	-	-
495	Thép xây dựng	Sắt tráng kẽm	cây		40x80x1.2	Hoa Sen Home - Cửa hàng Bình Minh.(Đc: Trần Văn Trà, Bình Minh, TP.Tây Ninh. Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán tại khu vực TP. Tây Ninh	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá ngày 25/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	297.200	-	-	-	-	-	-	-	-
496	Thép xây dựng	Sắt tráng kẽm	cây		40x80x1.4	Hoa Sen Home - Cửa hàng Bình Minh.(Đc: Trần Văn Trà, Bình Minh, TP.Tây Ninh. Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán tại khu vực TP. Tây Ninh	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá ngày 25/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	345.200	-	-	-	-	-	-	-	-
497	Thép xây dựng	Sắt tráng kẽm	cây		50x50x1.2	Hoa Sen Home - Cửa hàng Bình Minh.(Đc: Trần Văn Trà, Bình Minh, TP.Tây Ninh. Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán tại khu vực TP. Tây Ninh	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá ngày 25/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	245.000	-	-	-	-	-	-	-	-
498	Thép xây dựng	Sắt tráng kẽm	cây		50x50x1.4	Hoa Sen Home - Cửa hàng Bình Minh.(Đc: Trần Văn Trà, Bình Minh, TP.Tây Ninh. Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán tại khu vực TP. Tây Ninh	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá ngày 25/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	285.000	-	-	-	-	-	-	-	-
499	Thép xây dựng	Sắt tráng kẽm	cây		50x100x1.2	Hoa Sen Home - Cửa hàng Bình Minh.(Đc: Trần Văn Trà, Bình Minh, TP.Tây Ninh. Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán tại khu vực TP. Tây Ninh	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá ngày 25/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	373.000	-	-	-	-	-	-	-	-
500	Thép xây dựng	Sắt tráng kẽm	cây		50x100x1.4	Hoa Sen Home - Cửa hàng Bình Minh.(Đc: Trần Văn Trà, Bình Minh, TP.Tây Ninh. Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán tại khu vực TP. Tây Ninh	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá ngày 25/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	433.800	-	-	-	-	-	-	-	-
501	Thép xây dựng	Sắt tráng kẽm	cây		100x100x1.4	Hoa Sen Home - Cửa hàng Bình Minh.(Đc: Trần Văn Trà, Bình Minh, TP.Tây Ninh. Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán tại khu vực TP. Tây Ninh	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá ngày 25/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	573.000	-	-	-	-	-	-	-	-
502	Thép xây dựng	Thép cuộn 6mm (CB240T)	kg	TCVN 1651-1:2008		Công ty Cổ phần tập đoàn Nghi Sơn. Đc: Khu liên hợp gang thép Nghi Sơn - Khu kinh tế Nghi Sơn, P.Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hoá - Đt: 036.324.7375. Công văn đề nghị công bố giá số 021/CV.26/VASG-PKD ngày 24/06/2026)	Việt Nam	Giá bán tính từ trong lượng thực tế, điều kiện thanh toán 30 ngày	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 24/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	15.510	15.510	15.510	15.510	15.510	15.510	15.510	15.510	15.510
503	Thép xây dựng	Thép cuộn 8mm (CB240T)	kg	TCVN 1651-1:2008		Công ty Cổ phần tập đoàn Nghi Sơn. Đc: Khu liên hợp gang thép Nghi Sơn - Khu kinh tế Nghi Sơn, P.Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hoá - Đt: 036.324.7375. Công văn đề nghị công bố giá số 021/CV.26/VASG-PKD ngày 24/06/2026)	Việt Nam	Giá bán tính từ trong lượng thực tế, điều kiện thanh toán 30 ngày	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 24/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	15.510	15.510	15.510	15.510	15.510	15.510	15.510	15.510	15.510
504	Thép xây dựng	Thép thanh vằn 10mm (Gr40)	kg	TCVN 1651-2:2018 ASTM A615/A615M-20		Công ty Cổ phần tập đoàn Nghi Sơn. Đc: Khu liên hợp gang thép Nghi Sơn - Khu kinh tế Nghi Sơn, P.Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hoá - Đt: 036.324.7375. Công văn đề nghị công bố giá số 021/CV.26/VASG-PKD ngày 24/06/2026)	Việt Nam	Giá bán tính từ trong lượng thực tế, điều kiện thanh toán 30 ngày	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 24/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	16.030	16.030	16.030	16.030	16.030	16.030	16.030	16.030	16.030
505	Thép xây dựng	Thép thanh vằn 12-20mm (CB300V/Gr40)	kg	TCVN 1651-2:2018 ASTM A615/A615M-20		Công ty Cổ phần tập đoàn Nghi Sơn. Đc: Khu liên hợp gang thép Nghi Sơn - Khu kinh tế Nghi Sơn, P.Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hoá - Đt: 036.324.7375. Công văn đề nghị công bố giá số 021/CV.26/VASG-PKD ngày 24/06/2026)	Việt Nam	Giá bán tính từ trong lượng thực tế, điều kiện thanh toán 30 ngày	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 24/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	15.830	15.830	15.830	15.830	15.830	15.830	15.830	15.830	15.830
506	Thép xây dựng	Thép thanh vằn 10mm (CB400V/CB500)	kg	TCVN 1651-2:2018 ASTM A615/A615M-20		Công ty Cổ phần tập đoàn Nghi Sơn. Đc: Khu liên hợp gang thép Nghi Sơn - Khu kinh tế Nghi Sơn, P.Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hoá - Đt: 036.324.7375. Công văn đề nghị công bố giá số 021/CV.26/VASG-PKD ngày 24/06/2026)	Việt Nam	Giá bán tính từ trong lượng thực tế, điều kiện thanh toán 30 ngày	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 24/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	16.110	16.110	16.110	16.110	16.110	16.110	16.110	16.110	16.110
507	Thép xây dựng	Thép thanh vằn 12-32mm (CB400V/CB500)	kg	TCVN 1651-2:2018 ASTM A615/A615M-20		Công ty Cổ phần tập đoàn Nghi Sơn. Đc: Khu liên hợp gang thép Nghi Sơn - Khu kinh tế Nghi Sơn, P.Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hoá - Đt: 036.324.7375. Công văn đề nghị công bố giá số 021/CV.26/VASG-PKD ngày 24/06/2026)	Việt Nam	Giá bán tính từ trong lượng thực tế, điều kiện thanh toán 30 ngày	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 24/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	15.910	15.910	15.910	15.910	15.910	15.910	15.910	15.910	15.910
508	Thép xây dựng	Thép thanh vằn 36 - 40mm (CB400V/CB500)	kg	TCVN 1651-2:2018 ASTM A615/A615M-20		Công ty Cổ phần tập đoàn Nghi Sơn. Đc: Khu liên hợp gang thép Nghi Sơn - Khu kinh tế Nghi Sơn, P.Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hoá - Đt: 036.324.7375. Công văn đề nghị công bố giá số 021/CV.26/VASG-PKD ngày 24/06/2026)	Việt Nam	Giá bán tính từ trong lượng thực tế, điều kiện thanh toán 30 ngày	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ 24/06/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	16.210	16.210	16.210	16.210	16.210	16.210	16.210	16.210	16.210
509	Thép xây dựng	Sắt Việt Nhật 6-8	kg		8.0mm	Phiếu khảo sát tại các cửa hàng khu vực Châu Thành, Tây Ninh (cũ): Cửa hàng VLXD Phú Thịnh, DNTN Toàn Tâm.	Việt Nam	Giá bán tính từ trong lượng thực tế, điều kiện thanh toán 30 ngày	Không bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 25/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	17.780	-	-	-
510	Thép xây dựng	Sắt 10 Việt Nhật	cây		10.0mm	Phiếu khảo sát tại các cửa hàng khu vực Châu Thành, Tây Ninh (cũ): Cửa hàng VLXD Phú Thịnh, DNTN Toàn Tâm.	Việt Nam	Giá bán tính từ trong lượng thực tế, điều kiện thanh toán 30 ngày	Không bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 25/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	126.700	-	-	-
511	Thép xây dựng	Sắt 12 Việt Nhật	cây		12.0mm	Phiếu khảo sát tại các cửa hàng khu vực Châu Thành, Tây Ninh (cũ): Cửa hàng VLXD Phú Thịnh, DNTN Toàn Tâm.	Việt Nam	Giá bán tính từ trong lượng thực tế, điều kiện thanh toán 30 ngày	Không bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 25/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	180.200	-	-	-
512	Thép xây dựng	Sắt 14 Việt Nhật	cây		14.0mm	Phiếu khảo sát tại các cửa hàng khu vực Châu Thành, Tây Ninh (cũ): Cửa hàng VLXD Phú Thịnh, DNTN Toàn Tâm.	Việt Nam	Giá bán tính từ trong lượng thực tế, điều kiện thanh toán 30 ngày	Không bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 25/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	-	-	-	-	-	245.100	-	-	-
513	Thép xây dựng	Sắt Φ 6, 8 Nhật	kg		8.0mm	Công ty TNHH MTV TM XD Tông Thành Đạt (Đc: 168 Phạm Hùng, tổ 1, KP1, TT.Tân Biên, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại các cửa hàng	Việt Nam	Giá bán tại bãi Công Ty VLXD Tông Thành Đạt (168 Phạm Hùng (QL 22B), KP1, thị	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá từ ngày 25/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	15.455	-	-	-	-	-

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
514	Thép xây dựng	Sắt Φ 10 gân Nhật	cây		10.0mm	Công ty TNHH MTV TM XD Tông Thành Đạt (Đc: 168 Phạm Hùng, tổ 1, KP1, TT.Tân Biên, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại các cửa hàng	Việt Nam	Giá bán tại bãi Công Ty VLXD Tông Thành Đạt (168 Phạm Hùng (QL 22B) KP1, phi	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá từ ngày 25/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	106.677	-	-	-	-	-
515	Thép xây dựng	Sắt Φ 12 gân Nhật	cây		12.0mm	Công ty TNHH MTV TM XD Tông Thành Đạt (Đc: 168 Phạm Hùng, tổ 1, KP1, TT.Tân Biên, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại các cửa hàng	Việt Nam	Giá bán tại bãi Công Ty VLXD Tông Thành Đạt (168 Phạm Hùng (QL 22B) KP1, phi	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá từ ngày 25/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	153.336	-	-	-	-	-
516	Thép xây dựng	Sắt Φ 14 gân Nhật	cây		14.0mm	Công ty TNHH MTV TM XD Tông Thành Đạt (Đc: 168 Phạm Hùng, tổ 1, KP1, TT.Tân Biên, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại các cửa hàng	Việt Nam	Giá bán tại bãi Công Ty VLXD Tông Thành Đạt (168 Phạm Hùng (QL 22B) KP1, phi	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá từ ngày 25/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	208.095	-	-	-	-	-
517	Thép xây dựng	Sắt Φ 16 gân Nhật	cây		16.0mm	Công ty TNHH MTV TM XD Tông Thành Đạt (Đc: 168 Phạm Hùng, tổ 1, KP1, TT.Tân Biên, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại các cửa hàng	Việt Nam	Giá bán tại bãi Công Ty VLXD Tông Thành Đạt (168 Phạm Hùng (QL 22B) KP1, phi	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá từ ngày 25/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	271.555	-	-	-	-	-
518	Thép xây dựng	Sắt Φ 18 gân Nhật	cây		18.0mm	Công ty TNHH MTV TM XD Tông Thành Đạt (Đc: 168 Phạm Hùng, tổ 1, KP1, TT.Tân Biên, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại các cửa hàng	Việt Nam	Giá bán tại bãi Công Ty VLXD Tông Thành Đạt (168 Phạm Hùng (QL 22B) KP1, phi	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá từ ngày 25/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	344.023	-	-	-	-	-
519	Thép xây dựng	Sắt hộp kẽm 40x40x1.1	cây		6m/cây	Công ty TNHH Minh Phú Thịnh Phát. (Đc: 302 Lý Thường Kiệt, KP4, P.Long Hoa, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Mức giá ngày 24/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	170.000	-	-	-	-	-	-	-	-
520	Thép xây dựng	Sắt hộp kẽm 40x40x1.2	cây		6m/cây	Công ty TNHH Minh Phú Thịnh Phát. (Đc: 302 Lý Thường Kiệt, KP4, P.Long Hoa, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Mức giá ngày 24/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	187.000	-	-	-	-	-	-	-	-
521	Thép xây dựng	Sắt hộp kẽm 40x40x1.4	cây		6m/cây	Công ty TNHH Minh Phú Thịnh Phát. (Đc: 302 Lý Thường Kiệt, KP4, P.Long Hoa, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Mức giá ngày 24/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	220.000	-	-	-	-	-	-	-	-
522	Thép xây dựng	Sắt hộp kẽm 50x50x1.2	cây		6m/cây	Công ty TNHH Minh Phú Thịnh Phát. (Đc: 302 Lý Thường Kiệt, KP4, P.Long Hoa, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Mức giá ngày 24/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	235.000	-	-	-	-	-	-	-	-
523	Thép xây dựng	Sắt hộp kẽm 50x50x1.8	cây		6m/cây	Công ty TNHH Minh Phú Thịnh Phát. (Đc: 302 Lý Thường Kiệt, KP4, P.Long Hoa, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Mức giá ngày 24/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	276.000	-	-	-	-	-	-	-	-
524	Thép xây dựng	Sắt hộp kẽm 75x75x1.4	cây		6m/cây	Công ty TNHH Minh Phú Thịnh Phát. (Đc: 302 Lý Thường Kiệt, KP4, P.Long Hoa, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Mức giá ngày 24/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	416.000	-	-	-	-	-	-	-	-
525	Thép xây dựng	Sắt hộp kẽm 90x90x1.4	cây		6m/cây	Công ty TNHH Minh Phú Thịnh Phát. (Đc: 302 Lý Thường Kiệt, KP4, P.Long Hoa, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Mức giá ngày 24/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	501.000	-	-	-	-	-	-	-	-
526	Thép xây dựng	Sắt hộp k100x100x1.4	cây		6m/cây	Công ty TNHH Minh Phú Thịnh Phát. (Đc: 302 Lý Thường Kiệt, KP4, P.Long Hoa, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Mức giá ngày 24/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	557.000	-	-	-	-	-	-	-	-
527	Thép xây dựng	Sắt Φ 21x6x1.1	cây		6m/cây	Công ty TNHH Minh Phú Thịnh Phát. (Đc: 302 Lý Thường Kiệt, KP4, P.Long Hoa, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Mức giá ngày 24/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	62.000	-	-	-	-	-	-	-	-
528	Thép xây dựng	Sắt Φ 21x6x1.4	cây		6m/cây	Công ty TNHH Minh Phú Thịnh Phát. (Đc: 302 Lý Thường Kiệt, KP4, P.Long Hoa, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Mức giá ngày 24/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	87.000	-	-	-	-	-	-	-	-
529	Thép xây dựng	Sắt Φ 27x6x1.1	cây		6m/cây	Công ty TNHH Minh Phú Thịnh Phát. (Đc: 302 Lý Thường Kiệt, KP4, P.Long Hoa, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Mức giá ngày 24/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	117.000	-	-	-	-	-	-	-	-
530	Thép xây dựng	Sắt hộp kẽm 50x100x1.2	cây		6m/cây	Công ty TNHH Minh Phú Thịnh Phát. (Đc: 302 Lý Thường Kiệt, KP4, P.Long Hoa, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Mức giá ngày 24/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	354.000	-	-	-	-	-	-	-	-
531	Thép xây dựng	Sắt hộp kẽm 50x100x1.4	cây		6m/cây	Công ty TNHH Minh Phú Thịnh Phát. (Đc: 302 Lý Thường Kiệt, KP4, P.Long Hoa, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Mức giá ngày 24/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	416.000	-	-	-	-	-	-	-	-
532	Thép xây dựng	Sắt hộp kẽm 60x120x1.4	cây		6m/cây	Công ty TNHH Minh Phú Thịnh Phát. (Đc: 302 Lý Thường Kiệt, KP4, P.Long Hoa, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Mức giá ngày 24/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	501.000	-	-	-	-	-	-	-	-
533	Thép xây dựng	Sắt Φ 60x6x1.1	cây		6m/cây	Công ty TNHH Minh Phú Thịnh Phát. (Đc: 302 Lý Thường Kiệt, KP4, P.Long Hoa, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Mức giá ngày 24/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	203.000	-	-	-	-	-	-	-	-
534	Thép xây dựng	Sắt Φ 60x6x1.4	cây		6m/cây	Công ty TNHH Minh Phú Thịnh Phát. (Đc: 302 Lý Thường Kiệt, KP4, P.Long Hoa, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Mức giá ngày 24/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	262.000	-	-	-	-	-	-	-	-
535	Thép xây dựng	Sắt Φ 76x6x1.1	cây		6m/cây	Công ty TNHH Minh Phú Thịnh Phát. (Đc: 302 Lý Thường Kiệt, KP4, P.Long Hoa, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Mức giá ngày 24/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	333.000	-	-	-	-	-	-	-	-
536	Thép xây dựng	Sắt Φ 90x6x1.4	cây		6m/cây	Công ty TNHH Minh Phú Thịnh Phát. (Đc: 302 Lý Thường Kiệt, KP4, P.Long Hoa, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Mức giá ngày 24/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	394.000	-	-	-	-	-	-	-	-
537	Thép xây dựng	Sắt Φ 114x6x1.4	cây		6m/cây	Công ty TNHH Minh Phú Thịnh Phát. (Đc: 302 Lý Thường Kiệt, KP4, P.Long Hoa, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Giá bán chưa bao gồm vận chuyển	Mức giá ngày 24/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	501.000	-	-	-	-	-	-	-	-
538	Thép xây dựng	Sắt Φ 10 Việt Úc	cây		10.0mm	Công ty TNHH ĐT XD và VL Cường Thịnh. (Đc: 573 Tân Tiến, Tân Lập, Tân Biên, Tây Ninh - Đt: 0966020720). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng	Mức giá từ ngày 25/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	-	-	-	90.000	-	-	-	-	-
539	Thép xây dựng	Sắt Φ 12 Việt Úc	kg		12.0mm	Công ty TNHH ĐT XD và VL Cường Thịnh. (Đc: 573 Tân Tiến, Tân Lập, Tân Biên, Tây Ninh - Đt: 0966020720). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng	Mức giá từ ngày 25/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	-	-	-	135.000	-	-	-	-	-
540	Thép xây dựng	Sắt Φ 14 Việt Úc	kg		14.0mm	Công ty TNHH ĐT XD và VL Cường Thịnh. (Đc: 573 Tân Tiến, Tân Lập, Tân Biên, Tây Ninh - Đt: 0966020720). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng	Mức giá từ ngày 25/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	-	-	-	126.000	-	-	-	-	-
541	Thép xây dựng	Sắt Φ 16 Việt Úc	kg		16.0mm	Công ty TNHH ĐT XD và VL Cường Thịnh. (Đc: 573 Tân Tiến, Tân Lập, Tân Biên, Tây Ninh - Đt: 0966020720). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng	Mức giá từ ngày 25/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	-	-	-	120.000	-	-	-	-	-
542	Thép xây dựng	Thép Φ 6-8 Việt Úc CB300	kg		300.0mm	Công ty TNHH ĐT XD và VL Cường Thịnh. (Đc: 573 Tân Tiến, Tân Lập, Tân Biên, Tây Ninh - Đt: 0966020720). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng	Mức giá từ ngày 25/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	195.000	-	-	-	-	-
543	Thép xây dựng	Thép Φ 10 Việt Nhật CB300	cây		300.0mm	Công ty TNHH ĐT XD và VL Cường Thịnh. (Đc: 573 Tân Tiến, Tân Lập, Tân Biên, Tây Ninh - Đt: 0966020720). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng	Mức giá từ ngày 25/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	-	-	-	18.000	-	-	-	-	-
544	Thép xây dựng	Thép Φ 12 Việt Nhật CB300	cây		300.0mm	Công ty TNHH ĐT XD và VL Cường Thịnh. (Đc: 573 Tân Tiến, Tân Lập, Tân Biên, Tây Ninh - Đt: 0966020720). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng	Mức giá từ ngày 25/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	-	-	-	195.000	-	-	-	-	-
545	Thép xây dựng	Thép Φ 14 Việt Nhật CB300	cây		300.0mm	Công ty TNHH ĐT XD và VL Cường Thịnh. (Đc: 573 Tân Tiến, Tân Lập, Tân Biên, Tây Ninh - Đt: 0966020720). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng	Mức giá được áp dụng từ ngày 20/7/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	-	-	-	263.000	-	-	-	-	-
546	Thép xây dựng	Thép Φ 16 Việt Nhật CB300	cây		300.0mm	Công ty TNHH ĐT XD và VL Cường Thịnh. (Đc: 573 Tân Tiến, Tân Lập, Tân Biên, Tây Ninh - Đt: 0966020720). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng	Mức giá được áp dụng từ ngày 20/7/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	336.000	-	-	-	-	-

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
547	Thép xây dựng	Thép Φ 6-8 Việt Nhật CB300	cây		300.0mm	Công ty TNHH ĐT XD và VL Cường Thịnh. (Đc: 573 Tân Tiến, Tân Lập, Tân Biên, Tây Ninh - Đt: 0966820720). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Không có thông tin	Giá tại cửa hàng	Mức giá từ ngày 25/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	-	-	-	23.000	-	-	-	-	-
548	Thép xây dựng	Thép góc cạnh đều cán nóng logo /V/ mác AGS 400; SS400	kg	TCVN 7571-1:2019; JIS G3101-2015	25x25x(2,5+3)x6m	Công ty CP thép Nhà Bè -VNSTEEL. Đc:Lô số 2, đường số 3, KCN Nhơn Trạch 2, Nhơn Phú, Đồng Nai. Công văn đề nghị công bố giá số 35/TNB-KHKD ngày 27/07/2026	Việt Nam	Lô số II-3, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Phường Nhơn Trạch, TP. Đồng Nai (Nhận hàng tại kho nhà máy)	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá áp dụng từ 25/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Bổ sung mới	17.400	17.400	17.400	17.400	17.400	17.400	17.400	17.400	17.400
549	Thép xây dựng	Thép góc cạnh đều cán nóng logo /V/ mác AGS 400; SS400	kg	TCVN 7571-1:2019; JIS G3101-2015	30x30x(2,5+3)x6m	Công ty CP thép Nhà Bè -VNSTEEL. Đc:Lô số 2, đường số 3, KCN Nhơn Trạch 2, Nhơn Phú, Đồng Nai. Công văn đề nghị công bố giá số 35/TNB-KHKD ngày 27/07/2026	Việt Nam	Lô số II-3, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Phường Nhơn Trạch, TP. Đồng Nai (Nhận hàng tại kho nhà máy)	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá áp dụng từ 25/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Bổ sung mới	17.400	17.400	17.400	17.400	17.400	17.400	17.400	17.400	17.400
550	Thép xây dựng	Thép góc cạnh đều cán nóng logo /V/ mác AGS 400; SS400	kg	TCVN 7571-1:2019; JIS G3101-2015	40x40x(2,5+5)x6m	Công ty CP thép Nhà Bè -VNSTEEL. Đc:Lô số 2, đường số 3, KCN Nhơn Trạch 2, Nhơn Phú, Đồng Nai. Công văn đề nghị công bố giá số 35/TNB-KHKD ngày 27/07/2026	Việt Nam	Lô số II-3, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Phường Nhơn Trạch, TP. Đồng Nai (Nhận hàng tại kho nhà máy)	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá áp dụng từ 25/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Bổ sung mới	17.400	17.400	17.400	17.400	17.400	17.400	17.400	17.400	17.400
551	Thép xây dựng	Thép góc cạnh đều cán nóng logo /V/ mác AGS 400; SS400	kg	TCVN 7571-1:2019; JIS G3101-2015	50x50x(3+6)x6m	Công ty CP thép Nhà Bè -VNSTEEL. Đc:Lô số 2, đường số 3, KCN Nhơn Trạch 2, Nhơn Phú, Đồng Nai. Công văn đề nghị công bố giá số 35/TNB-KHKD ngày 27/07/2026	Việt Nam	Lô số II-3, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Phường Nhơn Trạch, TP. Đồng Nai (Nhận hàng tại kho nhà máy)	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá áp dụng từ 25/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Bổ sung mới	17.400	17.400	17.400	17.400	17.400	17.400	17.400	17.400	17.400
552	Thép xây dựng	Thép góc cạnh đều cán nóng logo /V/ mác AGS 400; SS400	kg	TCVN 7571-1:2019; JIS G3101-2015	60x60x(4+6)x6m	Công ty CP thép Nhà Bè -VNSTEEL. Đc:Lô số 2, đường số 3, KCN Nhơn Trạch 2, Nhơn Phú, Đồng Nai. Công văn đề nghị công bố giá số 35/TNB-KHKD ngày 27/07/2026	Việt Nam	Lô số II-3, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Phường Nhơn Trạch, TP. Đồng Nai (Nhận hàng tại kho nhà máy)	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá áp dụng từ 25/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Bổ sung mới	16.900	16.900	16.900	16.900	16.900	16.900	16.900	16.900	16.900
553	Thép xây dựng	Thép góc cạnh đều cán nóng logo /V/ mác AGS 400; SS400	kg	TCVN 7571-1:2019; JIS G3101-2015	65x65x(5+6)x6m	Công ty CP thép Nhà Bè -VNSTEEL. Đc:Lô số 2, đường số 3, KCN Nhơn Trạch 2, Nhơn Phú, Đồng Nai. Công văn đề nghị công bố giá số 35/TNB-KHKD ngày 27/07/2026	Việt Nam	Lô số II-3, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Phường Nhơn Trạch, TP. Đồng Nai (Nhận hàng tại kho nhà máy)	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá áp dụng từ 25/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Bổ sung mới	16.900	16.900	16.900	16.900	16.900	16.900	16.900	16.900	16.900
554	Thép xây dựng	Thép góc cạnh đều cán nóng logo /V/ mác AGS 400; SS400	kg	TCVN 7571-1:2019; JIS G3101-2015	70x70x(5+7)x6m	Công ty CP thép Nhà Bè -VNSTEEL. Đc:Lô số 2, đường số 3, KCN Nhơn Trạch 2, Nhơn Phú, Đồng Nai. Công văn đề nghị công bố giá số 35/TNB-KHKD ngày 27/07/2026	Việt Nam	Lô số II-3, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Phường Nhơn Trạch, TP. Đồng Nai (Nhận hàng tại kho nhà máy)	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá áp dụng từ 25/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Bổ sung mới	16.900	16.900	16.900	16.900	16.900	16.900	16.900	16.900	16.900
555	Thép xây dựng	Thép góc cạnh đều cán nóng logo /V/ mác AGS 400; SS400	kg	TCVN 7571-1:2019; JIS G3101-2015	75x75x(6+9)x6m	Công ty CP thép Nhà Bè -VNSTEEL. Đc:Lô số 2, đường số 3, KCN Nhơn Trạch 2, Nhơn Phú, Đồng Nai. Công văn đề nghị công bố giá số 35/TNB-KHKD ngày 27/07/2026	Việt Nam	Lô số II-3, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Phường Nhơn Trạch, TP. Đồng Nai (Nhận hàng tại kho nhà máy)	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá áp dụng từ 25/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Bổ sung mới	16.900	16.900	16.900	16.900	16.900	16.900	16.900	16.900	16.900
556	Thép xây dựng	Thép góc cạnh đều cán nóng logo /V/ mác AGS 400; SS400	kg	TCVN 7571-1:2019; JIS G3101-2015	25x25x(2,5+3)x12m	Công ty CP thép Nhà Bè -VNSTEEL. Đc:Lô số 2, đường số 3, KCN Nhơn Trạch 2, Nhơn Phú, Đồng Nai. Công văn đề nghị công bố giá số 35/TNB-KHKD ngày 27/07/2026	Việt Nam	Lô số II-3, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Phường Nhơn Trạch, TP. Đồng Nai (Nhận hàng tại kho nhà máy)	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá áp dụng từ 25/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Bổ sung mới	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500
557	Thép xây dựng	Thép góc cạnh đều cán nóng logo /V/ mác AGS 400; SS400	kg	TCVN 7571-1:2019; JIS G3101-2015	30x30x(2,5+3)x12m	Công ty CP thép Nhà Bè -VNSTEEL. Đc:Lô số 2, đường số 3, KCN Nhơn Trạch 2, Nhơn Phú, Đồng Nai. Công văn đề nghị công bố giá số 35/TNB-KHKD ngày 27/07/2026	Việt Nam	Lô số II-3, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Phường Nhơn Trạch, TP. Đồng Nai (Nhận hàng tại kho nhà máy)	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá áp dụng từ 25/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Bổ sung mới	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500
558	Thép xây dựng	Thép góc cạnh đều cán nóng logo /V/ mác AGS 400; SS400	kg	TCVN 7571-1:2019; JIS G3101-2015	40x40x(2,5+5)x12m	Công ty CP thép Nhà Bè -VNSTEEL. Đc:Lô số 2, đường số 3, KCN Nhơn Trạch 2, Nhơn Phú, Đồng Nai. Công văn đề nghị công bố giá số 35/TNB-KHKD ngày 27/07/2026	Việt Nam	Lô số II-3, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Phường Nhơn Trạch, TP. Đồng Nai (Nhận hàng tại kho nhà máy)	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá áp dụng từ 25/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Bổ sung mới	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500
559	Thép xây dựng	Thép góc cạnh đều cán nóng logo /V/ mác AGS 400; SS400	kg	TCVN 7571-1:2019; JIS G3101-2015	50x50x(3+6)x12m	Công ty CP thép Nhà Bè -VNSTEEL. Đc:Lô số 2, đường số 3, KCN Nhơn Trạch 2, Nhơn Phú, Đồng Nai. Công văn đề nghị công bố giá số 35/TNB-KHKD ngày 27/07/2026	Việt Nam	Lô số II-3, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Phường Nhơn Trạch, TP. Đồng Nai (Nhận hàng tại kho nhà máy)	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá áp dụng từ 25/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Bổ sung mới	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500
560	Thép xây dựng	Thép góc cạnh đều cán nóng logo /V/ mác AGS 400; SS400	kg	TCVN 7571-1:2019; JIS G3101-2015	60x60x(4+6)x12m	Công ty CP thép Nhà Bè -VNSTEEL. Đc:Lô số 2, đường số 3, KCN Nhơn Trạch 2, Nhơn Phú, Đồng Nai. Công văn đề nghị công bố giá số 35/TNB-KHKD ngày 27/07/2026	Việt Nam	Lô số II-3, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Phường Nhơn Trạch, TP. Đồng Nai (Nhận hàng tại kho nhà máy)	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá áp dụng từ 25/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Bổ sung mới	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000
561	Thép xây dựng	Thép góc cạnh đều cán nóng logo /V/ mác AGS 400; SS400	kg	TCVN 7571-1:2019; JIS G3101-2015	65x65x(5+6)x12m	Công ty CP thép Nhà Bè -VNSTEEL. Đc:Lô số 2, đường số 3, KCN Nhơn Trạch 2, Nhơn Phú, Đồng Nai. Công văn đề nghị công bố giá số 35/TNB-KHKD ngày 27/07/2026	Việt Nam	Lô số II-3, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Phường Nhơn Trạch, TP. Đồng Nai (Nhận hàng tại kho nhà máy)	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá áp dụng từ 25/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Bổ sung mới	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000
562	Thép xây dựng	Thép góc cạnh đều cán nóng logo /V/ mác AGS 400; SS400	kg	TCVN 7571-1:2019; JIS G3101-2015	70x70x(5+7)x12m	Công ty CP thép Nhà Bè -VNSTEEL. Đc:Lô số 2, đường số 3, KCN Nhơn Trạch 2, Nhơn Phú, Đồng Nai. Công văn đề nghị công bố giá số 35/TNB-KHKD ngày 27/07/2026	Việt Nam	Lô số II-3, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Phường Nhơn Trạch, TP. Đồng Nai (Nhận hàng tại kho nhà máy)	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá áp dụng từ 25/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Bổ sung mới	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000
563	Thép xây dựng	Thép góc cạnh đều cán nóng logo /V/ mác AGS 400; SS400	kg	TCVN 7571-1:2019; JIS G3101-2015	75x75x(6+9)x12m	Công ty CP thép Nhà Bè -VNSTEEL. Đc:Lô số 2, đường số 3, KCN Nhơn Trạch 2, Nhơn Phú, Đồng Nai. Công văn đề nghị công bố giá số 35/TNB-KHKD ngày 27/07/2026	Việt Nam	Lô số II-3, KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú, Phường Nhơn Trạch, TP. Đồng Nai (Nhận hàng tại kho nhà máy)	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá áp dụng từ 25/07/2026 đến khi có thông báo mới.	Bổ sung mới	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000
564	Gạch xây	Gạch ống 4 lỗ	viên	QCVN 16:2023/BXD	80x80x180 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 05/2026-CBG ngày 21 tháng 07 năm 2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Từ ngày 21/07/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi	Giá không đổi	-	-	1.545	-	-	-	-	-	-

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
565	Gạch xây	Gạch thẻ đặc	viên	QCVN 16:2023/BXD	40x80x180 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 05/2026-CBG ngày 21 tháng 07 năm 2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Từ ngày 21/07/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi	Giá không đổi	-	-	1.455	-	-	-	-	-	-
566	Gạch xây	Gạch xây dựng Block T10	viên	QCVN 16:2023/BXD	90x190x390 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 05/2026-CBG ngày 21 tháng 07 năm 2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Từ ngày 21/07/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi	Giá không đổi	-	-	7.273	-	-	-	-	-	-
567	Gạch xây	Gạch xây dựng Block T20	viên	QCVN 16:2023/BXD	190x190x390 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 05/2026-CBG ngày 21 tháng 07 năm 2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Từ ngày 21/07/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi	Giá không đổi	-	-	14.545	-	-	-	-	-	-
568	Gạch xây	Gạch 2 lỗ	viên	QCVN 16:2023/BXD	80x80x180 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 05/2026-CBG ngày 21 tháng 07 năm 2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Từ ngày 21/07/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi	Giá không đổi	-	-	1.364	-	-	-	-	-	-
569	Gạch ốp lát	Gạch Terrazzo ngoại thất, 2 lớp loại 1, màu xám và màu đỏ	m2	TCVN 7744:2013	400x400x30 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 05/2026-CBG ngày 21 tháng 07 năm 2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Từ ngày 21/07/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi	Giá không đổi	-	-	77.273	-	-	-	-	-	-
570	Gạch ốp lát	Gạch Terrazzo ngoại thất, 2 lớp loại 1, màu xanh và màu vàng	m2	TCVN 7744:2013	400x400x30 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 05/2026-CBG ngày 21 tháng 07 năm 2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Từ ngày 21/07/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi	Giá không đổi	-	-	81.818	-	-	-	-	-	-
571	Gạch ốp lát	Gạch Terrazzo ngoại thất, 2 lớp loại 1, màu xám và màu đỏ	m2	TCVN 7744:2013	600x300x30 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 05/2026-CBG ngày 21 tháng 07 năm 2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Từ ngày 21/07/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi	Giá không đổi	-	-	100.000	-	-	-	-	-	-
572	Gạch ốp lát	Gạch Terrazzo ngoại thất, 2 lớp loại 1, màu xanh và màu vàng	m2	TCVN 7744:2013	600x300x30 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 05/2026-CBG ngày 21 tháng 07 năm 2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Từ ngày 21/07/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi	Giá không đổi	-	-	104.545	-	-	-	-	-	-
573	Gạch ốp lát	Gạch Terrazzo ngoại thất, 2 lớp loại 1, màu xám và màu đỏ	m2	TCVN 7744:2013	500x500x30 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 05/2026-CBG ngày 21 tháng 07 năm 2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Từ ngày 21/07/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi	Giá không đổi	-	-	100.000	-	-	-	-	-	-
574	Gạch ốp lát	Gạch Terrazzo ngoại thất, 2 lớp loại 1, màu xanh và màu vàng	m2	TCVN 7744:2013	500x500x30 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 05/2026-CBG ngày 21 tháng 07 năm 2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Từ ngày 21/07/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi	Giá không đổi	-	-	104.545	-	-	-	-	-	-
575	Gạch ốp lát	Gạch Terrazzo ngoại thất, 2 lớp loại 1, màu xám và màu đỏ	m2	TCVN 7744:2013	300x300x30 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 05/2026-CBG ngày 21 tháng 07 năm 2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Từ ngày 21/07/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi	Giá không đổi	-	-	86.364	-	-	-	-	-	-
576	Gạch ốp lát	Gạch Terrazzo ngoại thất, 2 lớp loại 1, màu xanh và màu vàng	m2	TCVN 7744:2013	300x300x30 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 05/2026-CBG ngày 21 tháng 07 năm 2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Từ ngày 21/07/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi	Giá không đổi	-	-	90.909	-	-	-	-	-	-
577	Gạch ốp lát	Gạch đá mài ngoại thất cao cấp, 2 lớp loại 1, màu xám và màu đỏ	m2	TCVN 7744:2013	400x400x30 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 05/2026-CBG ngày 21 tháng 07 năm 2026 (Mức giá áp dụng từ ngày 21/07/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Bề mặt gạch được mài bóng sáng	Giá không đổi	-	-	127.273	-	-	-	-	-	-
578	Gạch ốp lát	Gạch đá mài ngoại thất cao cấp, 2 lớp loại 1, màu xanh và màu vàng	m2	TCVN 7744:2013	400x400x30 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 05/2026-CBG ngày 21 tháng 07 năm 2026 (Mức giá áp dụng từ ngày 21/07/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Bề mặt gạch được mài bóng sáng	Giá không đổi	-	-	136.364	-	-	-	-	-	-
579	Gạch ốp lát	Gạch đá mài ngoại thất cao cấp, 2 lớp loại 1, màu trắng	m2	TCVN 7744:2013	400x400x30 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 05/2026-CBG ngày 21 tháng 07 năm 2026 (Mức giá áp dụng từ ngày 21/07/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Bề mặt gạch được mài bóng sáng	Giá không đổi	-	-	163.636	-	-	-	-	-	-
580	Gạch ốp lát	Gạch đá mài ngoại thất cao cấp, 2 lớp loại 1, màu xám và màu đỏ	m2	TCVN 7744:2013	600x300x30 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 05/2026-CBG ngày 21 tháng 07 năm 2026 (Mức giá áp dụng từ ngày 21/07/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Bề mặt gạch được mài bóng sáng	Giá không đổi	-	-	145.455	-	-	-	-	-	-
581	Gạch ốp lát	Gạch đá mài ngoại thất cao cấp, 2 lớp loại 1, màu xanh và màu vàng	m2	TCVN 7744:2013	600x300x30 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 05/2026-CBG ngày 21 tháng 07 năm 2026 (Mức giá áp dụng từ ngày 21/07/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Bề mặt gạch được mài bóng sáng	Giá không đổi	-	-	154.545	-	-	-	-	-	-
582	Gạch ốp lát	Gạch đá mài ngoại thất cao cấp, 2 lớp loại 1, màu trắng	m2	TCVN 7744:2013	600x300x30 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 05/2026-CBG ngày 21 tháng 07 năm 2026 (Mức giá áp dụng từ ngày 21/07/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Bề mặt gạch được mài bóng sáng	Giá không đổi	-	-	172.727	-	-	-	-	-	-
583	Gạch ốp lát	Gạch đá mài ngoại thất cao cấp, 2 lớp loại 1, màu xám và màu đỏ	m2	TCVN 7744:2013	500x500x30 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 05/2026-CBG ngày 21 tháng 07 năm 2026 (Mức giá áp dụng từ ngày 21/07/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Bề mặt gạch được mài bóng sáng	Giá không đổi	-	-	145.455	-	-	-	-	-	-
584	Gạch ốp lát	Gạch đá mài ngoại thất cao cấp, 2 lớp loại 1, màu xanh và màu vàng	m2	TCVN 7744:2013	500x500x30 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 05/2026-CBG ngày 21 tháng 07 năm 2026 (Mức giá áp dụng từ ngày 21/07/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Bề mặt gạch được mài bóng sáng	Giá không đổi	-	-	154.545	-	-	-	-	-	-
585	Gạch ốp lát	Gạch đá mài ngoại thất cao cấp, 2 lớp loại 1, màu trắng	m2	TCVN 7744:2013	500x500x30 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 05/2026-CBG ngày 21 tháng 07 năm 2026 (Mức giá áp dụng từ ngày 21/07/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Bề mặt gạch được mài bóng sáng	Giá không đổi	-	-	181.818	-	-	-	-	-	-
586	Gạch ốp lát	Gạch đá mài nội thất cao cấp, 1 lớp loại 1, màu xám và màu đỏ	m2	TCVN 7744:2013	400x400x20 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 05/2026-CBG ngày 21 tháng 07 năm 2026 (Mức giá áp dụng từ ngày 21/07/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Có thể thay đổi màu sắc hạt đá và độ bóng nhám trên bề mặt gạch mài theo yêu cầu	Giá không đổi	-	-	254.545	-	-	-	-	-	-
587	Gạch ốp lát	Gạch đá mài nội thất cao cấp, 1 lớp loại 1, màu xanh và màu vàng	m2	TCVN 7744:2013	400x400x20 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 05/2026-CBG ngày 21 tháng 07 năm 2026 (Mức giá áp dụng từ ngày 21/07/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Có thể thay đổi màu sắc hạt đá và độ bóng nhám trên bề mặt gạch mài theo yêu cầu	Giá không đổi	-	-	272.727	-	-	-	-	-	-
588	Gạch ốp lát	Gạch đá mài nội thất cao cấp, 1 lớp loại 1, màu trắng	m2	TCVN 7744:2013	400x400x20 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 05/2026-CBG ngày 21 tháng 07 năm 2026 (Mức giá áp dụng từ ngày 21/07/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Có thể thay đổi màu sắc hạt đá và độ bóng nhám trên bề mặt gạch mài theo yêu cầu	Giá không đổi	-	-	290.909	-	-	-	-	-	-
589	Gạch ốp lát	Gạch đá mài nội thất cao cấp, 1 lớp loại 1, màu xám và màu đỏ	m2	TCVN 7744:2013	600x300x20 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 05/2026-CBG ngày 21 tháng 07 năm 2026 (Mức giá áp dụng từ ngày 21/07/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Có thể thay đổi màu sắc hạt đá và độ bóng nhám trên bề mặt gạch mài theo yêu cầu	Giá không đổi	-	-	263.636	-	-	-	-	-	-

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
590	Gạch ốp lát	Gạch đá mài nội thất cao cấp, 1 lớp loại 1, màu xanh và màu vàng	m2	TCVN 7744:2013	600x300x20 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 05/2026-CBG ngày 21 tháng 07 năm 2026 (Mức giá áp dụng từ ngày 21/07/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Có thể thay đổi màu sắc hạt đá và độ bóng nhằm trên bề mặt gạch mài theo yêu cầu	Giá không đổi	-	-	290.909	-	-	-	-	-	-
591	Gạch ốp lát	Gạch đá mài nội thất cao cấp, 1 lớp loại 1, màu trắng	m2	TCVN 7744:2013	600x300x20 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 05/2026-CBG ngày 21 tháng 07 năm 2026 (Mức giá áp dụng từ ngày 21/07/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Có thể thay đổi màu sắc hạt đá và độ bóng nhằm trên bề mặt gạch mài theo yêu cầu	Giá không đổi	-	-	318.182	-	-	-	-	-	-
592	Gạch ốp lát	Gạch đá mài nội thất cao cấp, 1 lớp loại 1, màu xám và màu đỏ	m2	TCVN 7744:2013	500x500x20 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 05/2026-CBG ngày 21 tháng 07 năm 2026 (Mức giá áp dụng từ ngày 21/07/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Có thể thay đổi màu sắc hạt đá và độ bóng nhằm trên bề mặt gạch mài theo yêu cầu	Giá không đổi	-	-	263.636	-	-	-	-	-	-
593	Gạch ốp lát	Gạch đá mài nội thất cao cấp, 1 lớp loại 1, màu xanh và màu vàng	m2	TCVN 7744:2013	500x500x20 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 05/2026-CBG ngày 21 tháng 07 năm 2026 (Mức giá áp dụng từ ngày 21/07/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Có thể thay đổi màu sắc hạt đá và độ bóng nhằm trên bề mặt gạch mài theo yêu cầu	Giá không đổi	-	-	290.909	-	-	-	-	-	-
594	Gạch ốp lát	Gạch đá mài nội thất cao cấp, 1 lớp loại 1, màu trắng	m2	TCVN 7744:2013	500x500x20 (mm)	Công ty TNHH SX VLXD Đại Thắng.Công văn đề nghị công bố giá số 05/2026-CBG ngày 21 tháng 07 năm 2026 (Mức giá áp dụng từ ngày 21/07/2026 cho đến khi có bảng đăng ký mới thay đổi)	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao gạch trong khu vực Phường Long Hoa	Có thể thay đổi màu sắc hạt đá và độ bóng nhằm trên bề mặt gạch mài theo yêu cầu	Giá không đổi	-	-	345.455	-	-	-	-	-	-
595	Gạch ốp lát	Gạch thạch anh (granite nhân tạo) 30x30cm_Màu nhạt	m2	TCVN 7745:2007	30x30	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ. Công văn đề nghị công bố giá số 006/2026/CV-TCR ngày 01/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trinh trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	197.000	197.000	197.000	197.000	197.000	197.000	197.000	197.000	197.000
596	Gạch ốp lát	Gạch thạch anh (granite nhân tạo) 40x40cm màu nhạt	m2	TCVN 7745:2007	40x40	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ. Công văn đề nghị công bố giá số 006/2026/CV-TCR ngày 01/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trinh trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	187.000	187.000	187.000	187.000	187.000	187.000	187.000	187.000	187.000
597	Gạch ốp lát	Gạch men (ceramic) 30x60cm	m2	TCVN 7745:2007	30x60	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ. Công văn đề nghị công bố giá số 006/2026/CV-TCR ngày 01/09/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trinh trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	187.000	187.000	187.000	187.000	187.000	187.000	187.000	187.000	187.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
598	Gạch ốp lát	Gạch thạch anh (granite nhân tạo) 60x30cm_Màu nhạt	m2	TCVN 7745:2007	30x60	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ. Công văn đề nghị công bố giá số 006/2026/CV-TCR ngày 01/09/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000
599	Gạch ốp lát	Gạch thạch anh (granite nhân tạo) 60x30cm_Màu đậm	m2	TCVN 7745:2007	30x60	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ. Công văn đề nghị công bố giá số 006/2026/CV-TCR ngày 01/09/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000
600	Gạch ốp lát	Gạch thạch anh (granite nhân tạo) 60x60cm_Màu nhạt	m2	TCVN 7745:2007	(4 viên /thùng/1,44 m2)	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ. Công văn đề nghị công bố giá số 006/2026/CV-TCR ngày 01/09/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000
601	Gạch ốp lát	Gạch thạch anh (granite nhân tạo) 80x80cm_Màu đậm	m2	TCVN 7745:2007	(3 viên /thùng/1,92 m2)	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ. Công văn đề nghị công bố giá số 006/2026/CV-TCR ngày 01/09/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000
602	Gạch ốp lát	Gạch thạch anh (granite nhân tạo) 60x60cm_Màu nhạt	m2	TCVN 7745:2007	(4 viên /thùng/1,44 m2)	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ. Công văn đề nghị công bố giá số 006/2026/CV-TCR ngày 01/09/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000
603	Gạch ốp lát	Gạch thạch anh (granite nhân tạo) 60x60cm_Màu đậm	m2	TCVN 7745:2007	(4 viên /thùng/1,44 m2)	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ. Công văn đề nghị công bố giá số 006/2026/CV-TCR ngày 01/09/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000	277.000
604	Gạch ốp lát	Gạch thạch anh (granite nhân tạo) 120x60cm_Màu nhạt	m2	TCVN 7745:2007	(2 viên /thùng/1,44 m2)	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ. Công văn đề nghị công bố giá số 006/2026/CV-TCR ngày 01/09/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	357.000	357.000	357.000	357.000	357.000	357.000	357.000	357.000	357.000
605	Gạch ốp lát	Gạch bóng toàn phần cao cấp 60x30cm màu nhạt	m2	TCVN 7745:2007	(8 viên /thùng/1,44 m^2)	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ. Công văn đề nghị công bố giá số 006/2026/CV-TCR ngày 01/09/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	237.000	237.000	237.000	237.000	237.000	237.000	237.000	237.000	237.000
606	Gạch ốp lát	Gạch bóng toàn phần cao cấp 60x30cm màu đậm	m2	TCVN 7745:2007	(8 viên /thùng/1,44 m^2)	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ. Công văn đề nghị công bố giá số 006/2026/CV-TCR ngày 01/09/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	287.000	287.000	287.000	287.000	287.000	287.000	287.000	287.000	287.000
607	Gạch ốp lát	Gạch bóng toàn phần cao cấp 60x60cm màu nhạt	m2	TCVN 7745:2007	(4 viên/ thùng/1,44 m^2)	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ. Công văn đề nghị công bố giá số 006/2026/CV-TCR ngày 01/09/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	237.000	237.000	237.000	237.000	237.000	237.000	237.000	237.000	237.000
608	Gạch ốp lát	Gạch bóng toàn phần cao cấp 60x60cm màu đậm	m2	TCVN 7745:2007	(4 viên/ thùng/1,44 m^2)	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ. Công văn đề nghị công bố giá số 006/2026/CV-TCR ngày 01/09/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	287.000	287.000	287.000	287.000	287.000	287.000	287.000	287.000	287.000
609	Gạch ốp lát	Gạch bóng toàn phần cao cấp 80x80cm _Màu nhạt	m2	TCVN 7745:2007	(3 viên /thùng/1,92 m2)	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ. Công văn đề nghị công bố giá số 006/2026/CV-TCR ngày 01/09/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	337.000	337.000	337.000	337.000	337.000	337.000	337.000	337.000	337.000
610	Gạch ốp lát	Gạch bóng toàn phần cao cấp 120x60cm _Màu nhạt	m2	TCVN 7745:2007	(2 viên /thùng/1,92 m2)	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ. Công văn đề nghị công bố giá số 006/2026/CV-TCR ngày 01/09/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	387.000	387.000	387.000	387.000	387.000	387.000	387.000	387.000	387.000
611	Gạch ốp lát	Gạch thạch anh bóng kinh P 60x60cm _Màu nhạt	m2	TCVN 7745:2007	60x60	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ. Công văn đề nghị công bố giá số 006/2026/CV-TCR ngày 01/09/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	267.000	267.000	267.000	267.000	267.000	267.000	267.000	267.000	267.000
612	Gạch ốp lát	Gạch thạch anh bóng kinh P 60x60cm _Màu đậm	m2	TCVN 7745:2007	60x60	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ. Công văn đề nghị công bố giá số 006/2026/CV-TCR ngày 01/09/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	297.000	297.000	297.000	297.000	297.000	297.000	297.000	297.000	297.000
613	Gạch ốp lát	Gạch thạch anh bóng kinh P 80x80cm _Màu nhạt	m2	TCVN 7745:2007	80x80	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ. Công văn đề nghị công bố giá số 006/2026/CV-TCR ngày 01/09/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	317.000	317.000	317.000	317.000	317.000	317.000	317.000	317.000	317.000
614	Gạch ốp lát	Gạch thạch anh bóng kinh P 80x80cm _Màu đậm	m2	TCVN 7745:2007	80x80	Chi nhánh công ty cổ phần công nghiệp gốm sứ Taicera tại Cần Thơ. Công văn đề nghị công bố giá số 006/2026/CV-TCR ngày 01/09/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm vận chuyển đến công trình trong khu vực tỉnh Long An	(Báo giá ngày 04/06/2026 đến khi có thông báo giá mới)	Giá không đổi	337.000	337.000	337.000	337.000	337.000	337.000	337.000	337.000	337.000
615	Gạch ốp lát	Gạch ốp đá bóng - mờ	m2		30x60	Công ty TNHH XD TM & DV Tây Âu. (Đc: 72 Lý Thường Kiệt, KP Hiệp Định, P.Thnah Đên, Tây Ninh - 027263631431). Khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán trên toàn tỉnh	Giá tại cửa hàng, chưa bao gồm vận chuyển	Từ ngày 19/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000
616	Gạch ốp lát	Gạch ốp đá bóng	m2		30x60	Công ty TNHH XD TM & DV Tây Âu. (Đc: 72 Lý Thường Kiệt, KP Hiệp Định, P.Thnah Đên, Tây Ninh - 027263631431). Khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán trên toàn tỉnh	Giá tại cửa hàng, chưa bao gồm vận chuyển	Từ ngày 19/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000
617	Gạch ốp lát	Gạch ốp men bóng	m2		40x80	Công ty TNHH XD TM & DV Tây Âu. (Đc: 72 Lý Thường Kiệt, KP Hiệp Định, P.Thnah Đên, Tây Ninh - 027263631431). Khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán trên toàn tỉnh	Giá tại cửa hàng, chưa bao gồm vận chuyển	Từ ngày 19/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	240.000	240.000	240.000	240.000	240.000	240.000	240.000	240.000	240.000
618	Gạch ốp lát	Gạch ốp men mờ	m2		60x60	Công ty TNHH XD TM & DV Tây Âu. (Đc: 72 Lý Thường Kiệt, KP Hiệp Định, P.Thnah Đên, Tây Ninh - 027263631431). Khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán trên toàn tỉnh	Giá tại cửa hàng, chưa bao gồm vận chuyển	Từ ngày 19/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	220.000	220.000	220.000	220.000	220.000	220.000	220.000	220.000	220.000
619	Gạch ốp lát	Gạch ốp men bóng	m2		60x60	Công ty TNHH XD TM & DV Tây Âu. (Đc: 72 Lý Thường Kiệt, KP Hiệp Định, P.Thnah Đên, Tây Ninh - 027263631431). Khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán trên toàn tỉnh	Giá tại cửa hàng, chưa bao gồm vận chuyển	Từ ngày 19/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	160.000	160.000	160.000	160.000	160.000	160.000	160.000	160.000	160.000
620	Gạch ốp lát	Gạch lát nền đá	m2		60x60	Công ty TNHH XD TM & DV Tây Âu. (Đc: 72 Lý Thường Kiệt, KP Hiệp Định, P.Thnah Đên, Tây Ninh - 027263631431). Khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán trên toàn tỉnh	Giá tại cửa hàng, chưa bao gồm vận chuyển	Từ ngày 19/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	240.000	240.000	240.000	240.000	240.000	240.000	240.000	240.000	240.000
621	Gạch ốp lát	Gạch lát nền đá	m2		80x80	Công ty TNHH XD TM & DV Tây Âu. (Đc: 72 Lý Thường Kiệt, KP Hiệp Định, P.Thnah Đên, Tây Ninh - 027263631431). Khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán trên toàn tỉnh	Giá tại cửa hàng, chưa bao gồm vận chuyển	Từ ngày 19/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000
622	Gạch ốp lát	Gạch men nhập khẩu Lustra thân: bề mặt Glossy	m2	300x600	9mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	198.000	198.000	198.000	198.000	198.000	198.000	198.000	198.000	198.000
623	Gạch ốp lát	Gạch men nhập khẩu Lustra thân: bề mặt Matt	m2	300x600	9mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	198.000	198.000	198.000	198.000	198.000	198.000	198.000	198.000	198.000
624	Gạch ốp lát	Gạch men nhập khẩu Lustra thân: bề mặt Glue	m2	300x600	9mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	270.000	270.000	270.000	270.000	270.000	270.000	270.000	270.000	270.000
625	Gạch ốp lát	Gạch men nhập khẩu Lustra thân: bề mặt Matt	m2	300x600	10mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	310.000	310.000	310.000	310.000	310.000	310.000	310.000	310.000	310.000
626	Gạch ốp lát	Gạch men nhập khẩu Lustra thân: bề mặt Glitter	m2	300x600	10mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	310.000	310.000	310.000	310.000	310.000	310.000	310.000	310.000	310.000
627	Gạch ốp lát	Gạch men nhập khẩu Lustra nền: bề mặt Satin	m2	200x1000	9mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	292.000	292.000	292.000	292.000	292.000	292.000	292.000	292.000	292.000
628	Gạch ốp lát	Gạch men nhập khẩu Lustra nền: bề mặt Rustic	m2	200x1000	9mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	292.000	292.000	292.000	292.000	292.000	292.000	292.000	292.000	292.000
629	Gạch ốp lát	Gạch men nhập khẩu Lustra nền: bề mặt Glossy	m2	600x1200	8,8mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	294.000	294.000	294.000	294.000	294.000	294.000	294.000	294.000	294.000
630	Gạch ốp lát	Gạch men nhập khẩu Lusha nền: bề mặt Matt	m2	600x1200	8,8mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	294.000	294.000	294.000	294.000	294.000	294.000	294.000	294.000	294.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
631	Gạch ốp lát	Gạch men nhập khẩu Lustra nền: bề mặt Carving	m2	600x1200	8,8mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	304.000	304.000	304.000	304.000	304.000	304.000	304.000	304.000	304.000
632	Gạch ốp lát	Gạch men nhập khẩu Lustra nền: bề mặt High Glossy	m2	600x1200	8,8mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	328.000	328.000	328.000	328.000	328.000	328.000	328.000	328.000	328.000
633	Gạch ốp lát	Gạch men nhập khẩu Lustra nền: bề mặt Special Glossy	m2	600x1200	8,8mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000
634	Gạch ốp lát	Gạch men nhập khẩu Lustra nền: bề mặt Glossy	m2	600x1200	8,5mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	294.000	294.000	294.000	294.000	294.000	294.000	294.000	294.000	294.000
635	Gạch ốp lát	Gạch men nhập khẩu Lustra nền: bề mặt Matt	m2	600x1200	8,5mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	294.000	294.000	294.000	294.000	294.000	294.000	294.000	294.000	294.000
636	Gạch ốp lát	Gạch men nhập khẩu Lustra nền: bề mặt Carving	m2	600x1200	8,5mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	304.000	304.000	304.000	304.000	304.000	304.000	304.000	304.000	304.000
637	Gạch ốp lát	Gạch men nhập khẩu Lustra nền: bề mặt Glossy	m2	600x1200	9,4mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	309.000	309.000	309.000	309.000	309.000	309.000	309.000	309.000	309.000
638	Gạch ốp lát	Gạch men nhập khẩu Lustra nền: bề mặt Matt	m2	600x1200	9,4mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	309.000	309.000	309.000	309.000	309.000	309.000	309.000	309.000	309.000
639	Gạch ốp lát	Gạch men nhập khẩu Lustra nền: bề mặt Satin	m2	600x1200	9,4mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	284.000	284.000	284.000	284.000	284.000	284.000	284.000	284.000	284.000
640	Gạch ốp lát	Gạch men nhập khẩu Lustra nền: bề mặt Carving	m2	600x1200	9,4mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	330.000	330.000	330.000	330.000	330.000	330.000	330.000	330.000	330.000
641	Gạch ốp lát	Gạch men nhập khẩu Lustra nền: bề mặt Glossy	m2	800x1600	9,4mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	423.000	423.000	423.000	423.000	423.000	423.000	423.000	423.000	423.000
642	Gạch ốp lát	Gạch men nhập khẩu Lustra nền: bề mặt Satin	m2	800x1600	9,4mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	423.000	423.000	423.000	423.000	423.000	423.000	423.000	423.000	423.000
643	Gạch ốp lát	Gạch men nhập khẩu Lustra nền: bề mặt High Glossy	m2	800x1600	9,4mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	4.710.000	4.710.000	4.710.000	4.710.000	4.710.000	4.710.000	4.710.000	4.710.000	4.710.000
644	Gạch ốp lát	Gạch men nhập khẩu Lustra nền: bề mặt Glossy	m2	1000x1000	9,4mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	380.000	380.000	380.000	380.000	380.000	380.000	380.000	380.000	380.000
645	Gạch ốp lát	Gạch men nhập khẩu Lustra nền: bề mặt Satin	m2	1000x1000	9,4mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	380.000	380.000	380.000	380.000	380.000	380.000	380.000	380.000	380.000
646	Gạch ốp lát	Gạch men nhập khẩu Lustra nền: bề mặt High Glossy	m2	1000x1000	9,4mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	455.000	455.000	455.000	455.000	455.000	455.000	455.000	455.000	455.000
647	Gạch ốp lát	Gạch men nhập khẩu Lustra nền: bề mặt Glossy	m2	1200x1200	9,4mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	423.000	423.000	423.000	423.000	423.000	423.000	423.000	423.000	423.000
648	Gạch ốp lát	Gạch men nhập khẩu Lustra nền: bề mặt Satin	m2	1200x1200	9,4mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	423.000	423.000	423.000	423.000	423.000	423.000	423.000	423.000	423.000
649	Gạch ốp lát	Gạch men nhập khẩu Lustra nền: bề mặt High Glossy	m2	1200x1200	9,4mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	480.000	480.000	480.000	480.000	480.000	480.000	480.000	480.000	480.000
650	Gạch ốp lát	Gạch men Lustile nền	m2	300x300	9,5mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	480.000	480.000	480.000	480.000	480.000	480.000	480.000	480.000	480.000
651	Gạch ốp lát	Gạch men Lustile nền	m2	300x300	8.9mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	186.000	186.000	186.000	186.000	186.000	186.000	186.000	186.000	186.000
652	Gạch ốp lát	Gạch men Lustile nền	m2	300x600	9,3mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	140.000	140.000	140.000	140.000	140.000	140.000	140.000	140.000	140.000
653	Gạch ốp lát	Gạch men Lustile thân	m2	300x600	8,7mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	143.000	143.000	143.000	143.000	143.000	143.000	143.000	143.000	143.000
654	Gạch ốp lát	Gạch men Lustile thân	m2	300x600	8mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
655	Gạch ốp lát	Gạch men Lustile thân	m2	400x800	10,3mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	175.000	175.000	175.000	175.000	175.000	175.000	175.000	175.000	175.000
656	Gạch ốp lát	Gạch men Lustile thân	m2	400x800	9,5mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000
657	Gạch ốp lát	Gạch men Lustile thân	m2	300x600	9mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	421.000	421.000	421.000	421.000	421.000	421.000	421.000	421.000	421.000
658	Gạch ốp lát	Gạch men Lustile thân	m2	300x600	8,8mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	185.000	185.000	185.000	185.000	185.000	185.000	185.000	185.000	185.000
659	Gạch ốp lát	Gạch men Lustile thân	m2	400x800	9,4mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	215.000	215.000	215.000	215.000	215.000	215.000	215.000	215.000	215.000
660	Gạch ốp lát	Gạch men Lustile thân	m2	400x800	9mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	214.000	214.000	214.000	214.000	214.000	214.000	214.000	214.000	214.000
661	Gạch ốp lát	Gạch men Lustile nền	m2	500x500	9mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	144.000	144.000	144.000	144.000	144.000	144.000	144.000	144.000	144.000
662	Gạch ốp lát	Gạch men Lustile nền	m2	500x500	10mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	153.000	153.000	153.000	153.000	153.000	153.000	153.000	153.000	153.000
663	Gạch ốp lát	Gạch men Lustile nền	m2	600x600	9mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	183.000	183.000	183.000	183.000	183.000	183.000	183.000	183.000	183.000
664	Gạch ốp lát	Gạch men Lustile nền .	m2	600x600	10mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	185.000	185.000	185.000	185.000	185.000	185.000	185.000	185.000	185.000
665	Gạch ốp lát	Gạch men Lustlie thân	m2	400x800	9,4mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	245.000	245.000	245.000	245.000	245.000	245.000	245.000	245.000	245.000
666	Gạch ốp lát	Gạch men Lustile thân	m2	400x800	10mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	230.000	230.000	230.000	230.000	230.000	230.000	230.000	230.000	230.000
667	Gạch ốp lát	Gạch men Lustile nền	m2	600x600	9mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	201.000	201.000	201.000	201.000	201.000	201.000	201.000	201.000	201.000
668	Gạch ốp lát	Gạch men Lustile nền	m2	800x800	9.4	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	239.000	239.000	239.000	239.000	239.000	239.000	239.000	239.000	239.000
669	Gạch ốp lát	Gạch men Lustile nền	m2	800x800	10	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	219.000	219.000	219.000	219.000	219.000	219.000	219.000	219.000	219.000
670	Gạch ốp lát	Gạch men Lustile nền	m2	600x1200	9.8	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	275.000	275.000	275.000	275.000	275.000	275.000	275.000	275.000	275.000
671	Gạch ốp lát	Gạch men Lustile nền	m2	198x900	9.5	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000	257.000
672	Gạch ốp lát	Gạch xi măng bông gió Lustile Không chắn mưa	viên	190x190		Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	24.600	24.600	24.600	24.600	24.600	24.600	24.600	24.600	24.600
673	Gạch ốp lát	Gạch xi măng bông gió Lustile Có chắn mưa	viên	190x190		Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	28.700	28.700	28.700	28.700	28.700	28.700	28.700	28.700	28.700
674	Gạch ốp lát	Bản sứ in KTS, dòng sản phẩm trang trí men matt, hiệu ứng Glugrit 200x200mm- Nhóm BIb	m2	QCVN 16:2023/BXD, TCVN 7745 2007	(Hộp =6 viên = 0.24m2)	Công ty cổ phần Prime Yên Bình	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	313.720	313.720	313.720	313.720	313.720	313.720	313.720	313.720	313.720
675	Gạch ốp lát	Bản sứ in KTS, men matt, mài cạnh 150x800mm- Nhóm BIb	m2	QCVN 16 2023/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp = 08 viên = 0,96m2)	Công ty cổ phần Prime Yên Bình	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	250.756	250.756	250.756	250.756	250.756	250.756	250.756	250.756	250.756
676	Gạch ốp lát	Bản sứ in KTS, khuôn mài cạnh men matt. 300x300mm- Nhóm BIb	m2	QCVN 162023/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp = 11 viên = 0 99m2)	Công ty cổ phần Prime Yên Bình	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000
677	Gạch ốp lát	Gạch lát Ceramic in KTS khuôn mài cạnh, men Matt, hiệu ứng Glugrit 400x400mm- Nhóm BIb	m2	QCVN 162023/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp = 6 viên = 0 96m2)	Công ty cổ phần Prime Yên Bình	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	155.190	155.190	155.190	155.190	155.190	155.190	155.190	155.190	155.190
678	Gạch ốp lát	Gạch lát Ceramic in KTS khuôn mài cạnh, men Matt, hiệu ứng Glugrit 400x800mm- Nhóm BIb	m2	QCVN 162023/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp = 6 viên = 0.96m2)	Công ty cổ phần Prime Yên Bình	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	190.741	190.741	190.741	190.741	190.741	190.741	190.741	190.741	190.741

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
679	Gạch ốp lát	Gạch ốp Ceramic in KTS, mài cạnh 300x600mm- Nhóm BIII	m2	QCVN 162023/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp = 8 viên = 1.44m2)	Công ty cổ phần Prime Đại việt	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	170.930	170.930	170.930	170.930	170.930	170.930	170.930	170.930	170.930
680	Gạch ốp lát	Gạch ốp Ceramic in KTS, Men bóng 500x860mm- Nhóm BIII	m2	QCVN 162023/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp = 4 viên = 1.08m2)	Công ty cổ phần Prime Đại việt	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	175.740	175.740	175.740	175.740	175.740	175.740	175.740	175.740	175.740
681	Gạch ốp lát	Gạch lát Ceramic in KTS, mài cạnh men bóng. Hiệu ứng Sinking 300x450mm- Nhóm BIII	m2	QCVN 16:2023/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp = 11 viên = 0.99m2)	Công ty cổ phần Prime Đại việt	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	153.526	153.526	153.526	153.526	153.526	153.526	153.526	153.526	153.526
682	Gạch ốp lát	Gạch lát Ceramic in KTS 500x500mm- Nhóm BIIb	m2	QCVN 162023/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp = 4 viên = 1m2)	Công ty cổ phần Prime Vĩnh Phúc	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	141.480	141.480	141.480	141.480	141.480	141.480	141.480	141.480	141.480
683	Gạch ốp lát	Gạch lát Ceramic in KTS 600x600mm- Nhóm BIIb	m2	QCVN 16:2023/BXD, TCVN 7745 2007	(Hộp = 4 viên = 1.44m2)	Công ty cổ phần Prime Vĩnh Phúc	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	147.222	147.222	147.222	147.222	147.222	147.222	147.222	147.222	147.222
684	Gạch ốp lát	Gạch bán sứ in KTS 500x500mm- Nhóm BIIb	m2	QCVN 162023/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp = 4 viên = 1. 44m2)	Công ty cổ phần Prime Phổ Yên	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000
685	Gạch ốp lát	Gạch Ceramic in KTS 500x800mm- Nhóm BIIb	m2	QCVN 162023/BXD, TCVN 7745:2007	(Hộp = 4 viên = 1 .44m2)	công ty cổ phần Prime Phổ Yên	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	189.446	189.446	189.446	189.446	189.446	189.446	189.446	189.446	189.446
686	Gạch ốp lát	Gạch Porcelain in KTS Men matt. 200x1200mm- Nhóm Bla	m2	QCVN 162023/BXD	(Hộp = 06 viên = 1.44m2)	Công ty cổ phần Prime Tiền Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	341.664	341.664	341.664	341.664	341.664	341.664	341.664	341.664	341.664
687	Gạch ốp lát	Gạch Porcelain in KTS 300x600mm- NHóm Bla	m2	QCVN 162023/BXD	(Hộp = 8 viên = 1.44m2)	Công ty cổ phần Prime Tiền Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	236.944	236.944	236.944	236.944	236.944	236.944	236.944	236.944	236.944
688	Gạch ốp lát	Gạch Bán sứ in KTS 75x300 (mm)- Nhóm Bla	m2	QCVN 162023/BXD	(Hộp = 08 viên = 1.08m2)	công ty cổ phần Prime Tiền Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	395.000	395.000	395.000	395.000	395.000	395.000	395.000	395.000	395.000
689	Gạch ốp lát	Gạch Porcelain in KTS, Anti-slip/ Chống trơn 600x600mm- Nhóm Bla Xương 10mm	m2	QCVN 162023/BXD	(Hộp = 4 viên = 1.44m2)	Công ty cổ phần Prime Tiền Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	244.720	244.720	244.720	244.720	244.720	244.720	244.720	244.720	244.720
690	Gạch ốp lát	Gạch Granite in KTS 600x600mm- Nhóm Bla	m2	QCVN 162023/BXD	(Hộp = 4 viên = 1.44m2)	Công ty cổ phần Prime Tiền Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	286.849	286.849	286.849	286.849	286.849	286.849	286.849	286.849	286.849
691	Gạch ốp lát	Gạch Porcelain in KTS 600x900mm- Nhóm Bla	m2	QCVN 162023/BXD	(Hộp = 3 viên = 1 .62m2)	Công ty cổ phần Prime Tiền Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	287.666	287.666	287.666	287.666	287.666	287.666	287.666	287.666	287.666
692	Gạch ốp lát	Gạch Porcelain in KTS 800x800mm- NHóm Bla xương 11mm	m2	QCVN 162023/BXD	(Hộp = 3 viên = 1. 92m2)	Công ty cổ phần Prime Tiền Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	385.417	385.417	385.417	385.417	385.417	385.417	385.417	385.417	385.417
693	Gạch ốp lát	Gạch Granite in KTS 800xx800mm- NHóm Bla	m2	QCVN 162023/BXD	(Hộp = 3 viên = 1.92m2)	Công ty cổ phần Prime Tiền Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	385.417	385.417	385.417	385.417	385.417	385.417	385.417	385.417	385.417
694	Gạch ốp lát	Gạch Porcelain in KTS, xương mỏng 9.5mm 600x1200mm- Nhóm Bla	m2	QCVN 162023/BXD	(Hộp = 2 viên = 1 .44m2)	Công ty cổ phần Prime Tiền Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	449.999	449.999	449.999	449.999	449.999	449.999	449.999	449.999	449.999
695	Gạch ốp lát	Gạch Porcelain in KTS 1000x1 OOOmm- Hiệu ứng Carving Nhóm Bla	m2	QCVN 162023/BXD	(Hộp-02viên-2m2)	Công ty cổ phần Prime Tiền Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	664.444	664.444	664.444	664.444	664.444	664.444	664.444	664.444	664.444
696	Gạch ốp lát	Gạch Porcelain in KTS 1200x1200mm- Nhóm Bla	m2	QCVN 162023/BXD	(Hộp - 02 viên = 2m2)	Công ty cổ phần Prime Tiền Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	791.250	791.250	791.250	791.250	791.250	791.250	791.250	791.250	791.250
697	Gạch ốp lát	Gạch Porcelain in KTS 800x1600mm- Nhóm Bla	m2	QCVN 162023/BXD	(Hộp - 02 viên =2m2)	Công ty cổ phần Prime Tiền Phong	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	802.575	802.575	802.575	802.575	802.575	802.575	802.575	802.575	802.575
698	Gạch ốp lát	Gạch ceramic Xương đỏ, máii cạnh 300x300mm	m2	QCVN 16:2019/BXD, TCVN 7745:2009	11 viên =0.99m2)	Công ty cổ phần Prime Đại Lộc	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	120.020	120.020	120.020	120.020	120.020	120.020	120.020	120.020	120.020
699	Gạch ốp lát	Gạch ceramic xương đỏ, mái cạnh 600x600mm	m2	QCVN 162019/BXD, TCVN 7745:2009	4 viên - 1.44m2)	Công ty cổ phần Prime Đại Lộc	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	155.400	155.400	155.400	155.400	155.400	155.400	155.400	155.400	155.400
700	Gạch ốp lát	Gạch ceramic xương đỏ, mái cạnh 300x600mm	m2	QCVN 16:2019/BXD, TCVN 7745:2009	8 viên- 1.44m2)	Công ty cổ phần Prime Đại Lộc	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	154.200	154.200	154.200	154.200	154.200	154.200	154.200	154.200	154.200
701	Gạch ốp lát	Gạch ceramic sân vườn, không mài cạnh 400x400mm	m2	QCVN 16:2019/BXD, TCVN 7745:2009	6 viên - 0.96m2)	Công ty cổ phần Prime Đại Lộc	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	125.200	125.200	125.200	125.200	125.200	125.200	125.200	125.200	125.200
702	Gạch ốp lát	Gạch ceramic in KTS.mái cạnh 400x400mm	m2	QCVN 16:2019/BXD, TCVN 7745 2009	6 viên = 0.96m2)	Công ty cổ phần Prime Đại Lộc	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	117.300	117.300	117.300	117.300	117.300	117.300	117.300	117.300	117.300

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
703	Gạch ốp lát	Gạch ceramic in KTS.mái cạnh 500x500mm	m2	QCVN 162019/BXD, TCVN 7745:2009	4 viên - 1.0m2)	Công ty cổ phần Prime Đại Lộc	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	128.000	128.000	128.000	128.000	128.000	128.000	128.000	128.000	128.000
704	Gạch ốp lát	Gạch bán sứ , nhóm Blb 800x800mm	m2	QCVN 16:2019/BXD, TCVN 7745:2008	3 viên-1.92m2)	Công ty cổ phần Prime Đại Lộc	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	198.800	198.800	198.800	198.800	198.800	198.800	198.800	198.800	198.800
705	Gạch ốp lát	Gạch bán sứ , nhóm Blb 600x600mm	m2	QCVN 16:2019/BXD, TCVN 7745:2009	4 viên - 1.44m2)	Công ty cổ phần Prime Đại Lộc	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	177.100	177.100	177.100	177.100	177.100	177.100	177.100	177.100	177.100
706	Gạch ốp lát	Gạch bán sứ , nhóm Bib 300x600mm	m2	QCVN 16:2019/BXD, TCVN 7745:2009	8 viên -1.44m2)	Công ty cổ phần Prime Đại Lộc	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	186.200	186.200	186.200	186.200	186.200	186.200	186.200	186.200	186.200
707	Gạch ốp lát	Gạch bán sứ , nhóm Bib 400x800mm	m2	QCVN 16:2019/BXD, TCVN 7745:2010	4 viên =1.28m2)	Công ty cổ phần Prime Đại Lộc	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	198.800	198.800	198.800	198.800	198.800	198.800	198.800	198.800	198.800
708	Gạch ốp lát	Gạch ceramic xương đỏ, mái cạnh 400x800mm	m2	QCVN 16:2019/BXD, TCVN 7745:2009	4 viên - 1.28m2)	Công ty cổ phần Prime Đại Lộc	Việt Nam	Không có thông tin	Giá bán tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	174.021	174.021	174.021	174.021	174.021	174.021	174.021	174.021	174.021
709	Gạch ốp lát	BIa, Dòng sản phẩm Gạch ốp lát nhóm granite: TS1, TS2, TS3, TS4, TS5, PG1, PG2: 600, 601,..., 12, 15, 17....	m2	TCVN 13113:2020, QCVN 16:2023/BXD	600x600 mm	Công ty CP Viglacera Tiên Sơn. Đc: KCN Tiên Sơn, xã Đại Đồng, tỉnh Bắc Ninh. Công văn số 724.1/VIT-DA ngày 14/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá bao gồm Vận chuyển đến chân Công trình.	Mức giá ngày 01/04/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	375.000	375.000	375.000	375.000	375.000	375.000	375.000	375.000	375.000
710	Gạch ốp lát	BIa, Dòng sản phẩm Gạch ốp lát nhóm granite: TSMT 601,602,... PTSMT 601,062,... PTSMT 601.602....	m2	TCVN 13113:2020, QCVN 16:2023/BXD	600x600 mm	Công ty CP Viglacera Tiên Sơn. Đc: KCN Tiên Sơn, xã Đại Đồng, tỉnh Bắc Ninh. Công văn số 724.1/VIT-DA ngày 14/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá bao gồm Vận chuyển đến chân Công trình.	Mức giá ngày 01/04/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	315.000	315.000	315.000	315.000	315.000	315.000	315.000	315.000	315.000
711	Gạch ốp lát	BIa, Dòng sản phẩm Gạch ốp lát nhóm granite: TS1, TS2, TS3, TS4, TS5, PG1, PG2: 800, 801,..., 12, 15, 17,...	m2	TCVN 13113:2020, QCVN 16:2023/BXD	800x800 mm	Công ty CP Viglacera Tiên Sơn. Đc: KCN Tiên Sơn, xã Đại Đồng, tỉnh Bắc Ninh. Công văn số 724.1/VIT-DA ngày 14/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá bao gồm Vận chuyển đến chân Công trình.	Mức giá ngày 01/04/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	395.000	395.000	395.000	395.000	395.000	395.000	395.000	395.000	395.000
712	Gạch ốp lát	BIII, Gạch ốp tường ceramic KTS: KQ, tron: UM, KS, SH, F, CL, AZ, SH 3600, KT, UM3601, 3602,.....	m2	TCVN 13113:2020, QCVN 16:2023/BXD	300x600 mm	Công ty CP Viglacera Tiên Sơn. Đc: KCN Tiên Sơn, xã Đại Đồng, tỉnh Bắc Ninh. Công văn số 724.1/VIT-DA ngày 14/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá bao gồm Vận chuyển đến chân Công trình.	Mức giá ngày 01/04/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	165.000	165.000	165.000	165.000	165.000	165.000	165.000	165.000	165.000
713	Gạch ốp lát	BIIa, Gạch lát chống T, PT 360, 367, PF, PCL, PAZ, PSH 3600, 3601, 3602,...	m2	TCVN 13113:2020, QCVN 16:2023/BXD	300x300 mm	Công ty CP Viglacera Tiên Sơn. Đc: KCN Tiên Sơn, xã Đại Đồng, tỉnh Bắc Ninh. Công văn số 724.1/VIT-DA ngày 14/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá bao gồm Vận chuyển đến chân Công trình.	Mức giá ngày 01/04/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	160.000	160.000	160.000	160.000	160.000	160.000	160.000	160.000	160.000
714	Gạch ốp lát	BIIa, Gạch lát nền mái cạnh: GM, KM, CL, NQ301, 04, H.KQ, SH CE, CL CE 501, 502, 503, 505.. 3642, 3648, PUM, PKS, PNO301,04.... 3601, 3602,... 3611...	m2	TCVN 13113:2020, QCVN 16:2023/BXD	500x500 mm	Công ty CP Viglacera Tiên Sơn. Đc: KCN Tiên Sơn, xã Đại Đồng, tỉnh Bắc Ninh. Công văn số 724.1/VIT-DA ngày 14/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá bao gồm Vận chuyển đến chân Công trình.	Mức giá ngày 01/04/2026 đến ngày 31/12/2026	Bổ sung mới	158.000	158.000	158.000	158.000	158.000	158.000	158.000	158.000	158.000
715	Bê tông đúc sẵn	Hệ thống hố ga của hệ thống thoát nước thải (Hệ thống hố ga thu nước ngăn mùi chong muỗi) -SIGEN-01B (lắp đặt cho hệ thống thoát nước có vỉa hè và không có vỉa hè)	Bộ	- TCVN 10333- 1:2014 - TCVN 10333- 2:2014 - TCVN 10333- 3:2014 - TCCS cập nhật 01:2025 TCCS.02:2020/Sig en	Hệ thống cấu thành gồm: - Hố ga cho hệ thống thoát nước 01B kích thước ngoài 840x440x670mm, kích thước trong 700x300x600mm; bê tông đá 1 X 2 M300 - Song chắn rác không khung (gang cầu, chống trộm) kích thước 760x360x45mm - Cơ cấu ngăn mùi cho hố ga SG-08 (vật liệu nhựa ABS) kích thước ngoài 330x600x85. Kích thước trong 230x465x80mm - Tấm lọc nước (nhựa PPR) SG-08 kích thước 694x294x100mm, chiều dày 5mm	Công ty TNHH SiGen. Đc: 106 Huyền Trân Công Chúa, P.Tam Thắng, TP.HCM - Đt: 0913687227. Công văn đề nghị công bố giá số 84-TN/2026/CBG ngày 19/06/2026	Việt Nam	Cung cấp và giao hàng theo khối lượng yêu cầu	Giao trên phương tiện bên bán, giao tại chân công trình, nếu đảm bảo xe chở hàng có thể vào được	Giá kê khai chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí lắp đặt, ống nhựa các co nối và đã bao gồm phí vận chuyển . Áp dụng từ 01/01/2026 đến 31/12/2026.	Giá không đổi	10.300.000	10.300.000	10.300.000	10.300.000	10.300.000	10.300.000	10.300.000	10.300.000	10.300.000
716	Bê tông đúc sẵn	Hệ thống hố ga của hệ thống thoát nước thải (Hệ thống hố ga thu nước ngăn mùi chống muỗi) SIGEN-02C	Bộ	- TCVN 10333-1:2014 -TCVN 10333-2:2014 - TCVN 10333-3:2014 -TCCS 02:2020/SIGEN (sửa đổi lần 2)	Hệ thống cấu thành gồm: - Hố ga cho hệ thống thoát nước 02C: KT ngoài 840x440x 1200mm, KT trong 700x300x1130mm; (BTCT M300) - Song chắn rác (gang cầu) KT 760x360x45mm - Cơ cấu ngăn mùi cho hố ga inox sus 316L hoặc nhựa ABS - Tấm lọc nước (nhựa PPR) SG-08 KT 694x294x100mm, chiều dày 5mm	Công ty TNHH SiGen. Đc: 106 Huyền Trân Công Chúa, P.Tam Thắng, TP.HCM - Đt: 0913687227. Công văn đề nghị công bố giá số 84-TN/2026/CBG ngày 19/06/2026	Việt Nam	Cung cấp và giao hàng theo khối lượng yêu cầu	Giao trên phương tiện bên bán, giao tại chân công trình, nếu đảm bảo xe chở hàng có thể vào được	**giá** chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí lắp đặt, ống nhựa các co nối và đã bao gồm phí vận chuyển	Giá không đổi	11.100.000	1.110.000	1.110.000	1.110.000	1.110.000	1.110.000	1.110.000	1.110.000	1.110.000
717	Bê tông đúc sẵn	Hệ thống hố ga của hệ thống thoát nước thải (Hệ thống hố ga thu nước ngăn mùi chống muỗi) -SIGEN-03B (lắp đặt cho hệ thống thoát nước có vỉa hè và không có vỉa hè)	Bộ	-TCVN 10333- 1:2014 -TCVN 10333- 2:2014 -TCVN 10333- 3:2014 - TCCS cập nhật 01:2025 TCCS.02:2020/Sig en	Hệ thống cấu thành gồm: - Hố ga cho hệ thống thoát nước 03B + kích thước ngoài 840x440x540mm; + kích thước trong 700x300x470mm; (bê tông đá 1 X 2 M300) - Song chắn rác không khung (gang cầu, chống trộm), kích thước 760x360x45mm - Cơ cấu ngăn mùi cho hố ga SG-08 (vật liệu nhựa ABS) kích thước ngoài 330x600x85. Kích thước trong 230x465x80mm	Công ty TNHH SiGen. Đc: 106 Huyền Trân Công Chúa, P.Tam Thắng, TP.HCM - Đt: 0913687227. Công văn đề nghị công bố giá số 84-TN/2026/CBG ngày 19/06/2026	Việt Nam	Cung cấp và giao hàng theo khối lượng yêu cầu	Giao trên phương tiện bên bán, giao tại chân công trình, nếu đảm bảo xe chở hàng có thể vào được	Giá kê khai chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí lắp đặt, ống nhựa các co nối và đã bao gồm phí vận chuyển . Áp dụng từ 01/01/2026 đến 31/12/2026.	Giá không đổi	7.800.000	7.800.000	7.800.000	7.800.000	7.800.000	7.800.000	7.800.000	7.800.000	7.800.000
718	Bê tông đúc sẵn	Hệ thống hố ga của hệ thống thoát nước thải (Hệ thống hố ga thu nước ngăn mùi chống muỗi) SIGEN-04A	Bộ	-TCVN 10333- 1:2014 - TCVN 10333-2:2014 - TCVN 10333-3:2014 -TCCS 02:2020/SIGEN (sửa đổi lần 2)	Hệ thống cấu thành gồm: - Hố ga cho hệ thống thoát nước 04A: KT ngoài 580x1000x670mm; KT trong 440x860x600mm; (BTCT M300) - Song chắn rác (gang cầu), KT 920x500x45mm - Cơ cấu ngăn mùi cho hố ga SG-09, vật liệu nhựa ABS - Tấm lọc nước (nhựa PPR) SG-09 kích thước 854x432x100mm, chiều dày 5mm - Logo: Đừng bỏ rác nơi đây, rác làm tắc cống gây ngập nước	Công ty TNHH SiGen. Đc: 106 Huyền Trân Công Chúa, P.Tam Thắng, TP.HCM - Đt: 0913687227. Công văn đề nghị công bố giá số 84-TN/2026/CBG ngày 19/06/2026	Việt Nam	Cung cấp và giao hàng theo khối lượng yêu cầu	Giao trên phương tiện bên bán, giao tại chân công trình, nếu đảm bảo xe chở hàng có thể vào được	Giá kê khai chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí lắp đặt, ống nhựa các co nối và đã bao gồm phí vận chuyển . Áp dụng từ 01/01/2026 đến 31/12/2026.	Giá không đổi	13.300.000	13.300.000	13.300.000	13.300.000	13.300.000	13.300.000	13.300.000	13.300.000	13.300.000
719	Bê tông đúc sẵn	Hệ thống hố ga của hệ thống thoát nước thải (Hệ thống hố ga thu nước ngăn mùi chong muỗi) SIGEN-04A-BVHD (bỏ vỉa hè đứng)	Bộ	- TCVN 10333-1:2014 -TCVN 10333- 2:2014 -TCVN 10333-3:2014 -TCCS 02:2020/SIGEN (sửa đổi lần 2)	Hệ thống cấu thành gồm: - Hố ga cho hệ thống thoát nước 04A: KT ngoài 580x1000x670mm; KT trong 440x860x600mm; (BTCT M300) - Song chắn rác (gang cầu), KT 920x360x45mm song chắn rác bỏ vỉa hè đứng KT: 1000x200x160mm - Cơ cấu ngăn mùi cho hố ga SG-09, vật liệu nhựa ABS - Tấm lọc nước (nhựa PPR) SG-09 kích thước 854x432x100mm. chiều dày 5mm - Logo: Đừng bỏ rác nơi đây, rác làm tắc cống gây ngập nước	Công ty TNHH SiGen. Đc: 106 Huyền Trân Công Chúa, P.Tam Thắng, TP.HCM - Đt: 0913687227. Công văn đề nghị công bố giá số 84-TN/2026/CBG ngày 19/06/2026	Việt Nam	Cung cấp và giao hàng theo khối lượng yêu cầu	Giao trên phương tiện bên bán, giao tại chân công trình, nếu đảm bảo xe chở hàng có thể vào được	Giá kê khai chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí lắp đặt, ống nhựa các co nối và đã bao gồm phí vận chuyển . Áp dụng từ 01/01/2026 đến 31/12/2026.	Giá không đổi	13.300.000	13.300.000	13.300.000	13.300.000	13.300.000	13.300.000	13.300.000	13.300.000	13.300.000
720	Bê tông đúc sẵn	Hệ thống hố ga của hệ thống thoát nước thải (Hệ thống hố ga thu nước ngăn mùi chống muỗi) SIGEN-04A-BVHX (bỏ vỉa hè xiên)	Bộ	- TCVN 10333- 1:2014 - TCVN 10333- 2:2014 - TCVN 10333-3:2014 -TCCS 02:2020/SIGEN (sửa đổi lần 2)	Hệ thống cấu thành gồm: - Hố ga cho hệ thống thoát nước 04A: KT ngoài 580x1000x670mm; KT trong 440x860x600mm; (BTCT M300) - Song chắn rác (gang cầu), KT 920x360x45mm song chắn rác bỏ vỉa hè xiên KT: 1000x300x160mm - Cơ cấu ngăn mùi cho hố ga SG-09, vật liệu nhựa ABS - Tấm lọc nước (nhựa PPR) SG-09 kích thước 854x432x100mm, chiều dày 5mm - Logo: Đừng bỏ rác nơi đây, rác làm tắc cống gây ngập nước	Công ty TNHH SiGen. Đc: 106 Huyền Trân Công Chúa, P.Tam Thắng, TP.HCM - Đt: 0913687227. Công văn đề nghị công bố giá số 84-TN/2026/CBG ngày 19/06/2026	Việt Nam	Cung cấp và giao hàng theo khối lượng yêu cầu	Giao trên phương tiện bên bán, giao tại chân công trình, nếu đảm bảo xe chở hàng có thể vào được	Giá kê khai chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí lắp đặt, ống nhựa các co nối và đã bao gồm phí vận chuyển . Áp dụng từ 01/01/2026 đến 31/12/2026.	Giá không đổi	13.300.000	13.300.000	13.300.000	13.300.000	13.300.000	13.300.000	13.300.000	13.300.000	13.300.000
721	Bê tông đúc sẵn	Hệ thống hố ga của hệ thống thoát nước thải (Hệ thống hố ga thu nước ngăn mùi chống muỗi) SIGEN-07A	Bộ	-TCVN 10333-1:2014 - TCVN 10333-2:2014 - TCVN 10333-3:2014 -TCCS 02:2020/SIGEN (sửa đổi lần 2)	Hệ thống cấu thành gồm: - Hố ga cho hệ thống thoát nước 07A: KT ngoài 440x1240x600mm, KT trong 300x1100x530mm; (BTCT M300) - Song chắn rác (gang cầu): KT 760x360x45mm - Tấm lọc nước (nhựa PPR) SG-08 kích thước 694x294x100mm - Cơ cấu ngăn mùi cho hố ga SG-09, nhựa ABS	Công ty TNHH SiGen. Đc: 106 Huyền Trân Công Chúa, P.Tam Thắng, TP.HCM - Đt: 0913687227. Công văn đề nghị công bố giá số 84-TN/2026/CBG ngày 19/06/2026	Việt Nam	Cung cấp và giao hàng theo khối lượng yêu cầu	Giao trên phương tiện bên bán, giao tại chân công trình, nếu đảm bảo xe chở hàng có thể vào được	Giá kê khai chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí lắp đặt, ống nhựa các co nối và đã bao gồm phí vận chuyển . Áp dụng từ 01/01/2026 đến 31/12/2026.	Giá không đổi	9.800.000	9.800.000	9.800.000	9.800.000	9.800.000	9.800.000	9.800.000	9.800.000	9.800.000
722	Bê tông đúc sẵn	Hệ thống hố ga của hệ thống thoát nước thải (Hệ thống hố ga thu nước ngăn mùi chống muỗi) SIGEN-07A (bỏ vỉa hè đứng)	Bộ	-TCVN 10333- 1:2014 -TCVN 10333-2:2014 - TCVN 10333-3:2014 -TCCS 02:2020/SIGEN (sửa đổi lần 2)	Hệ thống cấu thành gồm: - Hố ga cho hệ thống thoát nước 07A: KT ngoài 440x1240x600mm, KT trong 300x1100x530mm; (BTCT M300) - Song chắn rác (gang cau): KT 760x360x45mm - Tấm lọc nước (nhựa PPR) SG-08 kích thước 694x294x1mm - Cơ cấu ngăn mùi cho hố ga SG-09, nhựa ABS	Công ty TNHH SiGen. Đc: 106 Huyền Trân Công Chúa, P.Tam Thắng, TP.HCM - Đt: 0913687227. Công văn đề nghị công bố giá số 84-TN/2026/CBG ngày 19/06/2026	Việt Nam	Cung cấp và giao hàng theo khối lượng yêu cầu	Giao trên phương tiện bên bán, giao tại chân công trình, nếu đảm bảo xe chở hàng có thể vào được	Giá kê khai chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí lắp đặt, ống nhựa các co nối và đã bao gồm phí vận chuyển . Áp dụng từ 01/01/2026 đến 31/12/2026.	Giá không đổi	11.800.000	11.800.000	11.800.000	11.800.000	11.800.000	11.800.000	11.800.000	11.800.000	11.800.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
723	Bê tông đúc sẵn	Hệ thống hố ga của hệ thống thoát nước thải (Hệ thống hố ga thu nước ngăn mùi chống muỗi) SIGEN-07A (bó vỉa hè xiên)	Bộ	-TCVN 10333- 1:2014 -TCVN 10333- 2:2014 -TCVN 10333-3:2014 -TCCS 02:2020/SIGEN (sửa đổi lần 2)	Hệ thống cấu thành gồm: - Hố ga cho hệ thống thoát nước 07A: KT ngoài 440x1240x600mm, KT trong 300x1100x530mm; (BTCT M300) - Song chắn rác (gang cầu): KT 760x360x45mm - Tấm lọc nước (nhựa PPR) SG-08 kích thước 694x294x100mm - Cơ cấu ngăn mùi cho hố ga SG-09, nhựa ABS	Công ty TNHH SiGen. Đc: 106 Huyền Trân Công Chúa, P.Tam Thắng, TP.HCM - Đt: 0913687227. Công văn đề nghị công bố giá số 84-TN/2026/CBG ngày 19/06/2026	Việt Nam	Cung cấp và giao hàng theo khối lượng yêu cầu	Giao trên phương tiện bên bán, giao tại chân công trình, nếu đảm bảo xe chở hàng có thể vào được	Giá kê khai chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí lắp đặt, ống nhựa các co nối và đã bao gồm phí vận chuyển . Áp dụng từ 01/01/2026 đến 31/12/2026.	Giá không đổi	11.800.000	11.800.000	11.800.000	11.800.000	11.800.000	11.800.000	11.800.000	11.800.000	11.800.000
724	Bê tông đúc sẵn	Nắp hố ga gang cầu thu nước có van ngăn mùi SIGEN-04TNNM (NGT)	Bộ	- TCCS Cập nhật 01:2025 TCCS 01/2023/SIGEN - TC BS EN 124:2016 (sửa đổi lần 1)	- Kích thước: Ø00x 1200x75mm, nắp gang 0940 (thông thủy 880), tải trọng 40 tấn, chống ồn, chống trộm, chống ngập. - Cơ cấu ngăn mùi cho hố ga inox SUS 316L hoặc nhựa ABS	Công ty TNHH SiGen. Đc: 106 Huyền Trân Công Chúa, P.Tam Thắng, TP.HCM - Đt: 0913687227. Công văn đề nghị công bố giá số 84-TN/2026/CBG ngày 19/06/2026	Việt Nam	Cung cấp và giao hàng theo khối lượng yêu cầu	Giao trên phương tiện bên bán, giao tại chân công trình, nếu đảm bảo xe chở hàng có thể vào được	Giá kê khai chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí lắp đặt, ống nhựa các co nối và đã bao gồm phí vận chuyển . Áp dụng từ 01/01/2026 đến 31/12/2026.	Giá không đổi	12.800.000	12.800.000	12.800.000	12.800.000	12.800.000	12.800.000	12.800.000	12.800.000	12.800.000
725	Bê tông đúc sẵn	Nắp hố ga gang cầu thu nước có van ngăn mùi SIGEN-05TNNM (nắp gang vuông)	Bộ	- TCCS Cập nhật 01:2025 TCCS 01/2023/SIGEN - TC BS EN 124:2016 (sửa đổi lần 1)	- Kích thước: Ø00x 1200x75mm, nắp gang 0940 (thông thủy 880), tải trọng 40 tấn, chống ồn, chống trộm, chống ngập. - Cơ cấu ngăn mùi cho hố ga inox SUS 316L hoặc nhựa ABS	Công ty TNHH SiGen. Đc: 106 Huyền Trân Công Chúa, P.Tam Thắng, TP.HCM - Đt: 0913687227. Công văn đề nghị công bố giá số 84-TN/2026/CBG ngày 19/06/2026	Việt Nam	Cung cấp và giao hàng theo khối lượng yêu cầu	Giao trên phương tiện bên bán, giao tại chân công trình, nếu đảm bảo xe chở hàng có thể vào được	Giá kê khai chưa bao gồm thuế GTGT, chi phí lắp đặt, ống nhựa các co nối và đã bao gồm phí vận chuyển . Áp dụng từ 01/01/2026 đến 31/12/2026.	Giá không đổi	12.800.000	12.800.000	12.800.000	12.800.000	12.800.000	12.800.000	12.800.000	12.800.000	12.800.000
726	Bê tông đúc sẵn	Cống tròn liền khối **D1000mm**; Thép vòng fi 8, a=10cm; thép dọc fi 10, a=19cm dày 10cm; đá 1*2; M200, Cho phép xe có Tải trong 8 tấn lưu thông	*m*	TCVN 9113:2012 ISO 9001:2015	5m-11,5m	HTX XD-TM Đoàn Kết	Việt Nam	Vận chuyển đường thủy	Địa điểm sx: ấp 9 xã Tân Long , tỉnh Tây Ninh. Ngoài phạm vi 40km thương lượng thêm chi phí vận chuyển.	Mức giá được thực hiện từ ngày 03/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.148.148	3.148.148	3.148.148	3.148.148	3.148.148	3.148.148	3.148.148	3.148.148	3.148.148
727	Bê tông đúc sẵn	Cống tròn liền khối **D1000mm**; Thép vòng fi 8, a=10cm; thép dọc fi 12, a=19cm dày 10cm; đá 1*2; M200, Cho phép xe có tải trong 8 tấn lưu thông	*m*	TCVN 9113:2012 ISO 9001:2016	12m-17m	HTX XD-TM Đoàn Kết	Việt Nam	Vận chuyển đường thủy	Địa điểm sx: ấp 9 xã Tân Long , tỉnh Tây Ninh. Ngoài phạm vi 40km thương lượng thêm chi phí vận chuyển.	Mức giá được thực hiện từ ngày 03/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.240.741	3.240.741	3.240.741	3.240.741	3.240.741	3.240.741	3.240.741	3.240.741	3.240.741
728	Bê tông đúc sẵn	Cống tròn liền khối **D1000mm**; Thép vòng fi 8, a=10cm; thép dọc fi 12, a=19cm; có thép tăng cường chống gãy giữa cống; dày 10cm; đá 1*2; M200, Cho phép xe có tải trong 8 tấn lưu thông	*m*	TCVN 9113:2012 ISO 9001:2017	17,5m-19,5m	HTX XD-TM Đoàn Kết	Việt Nam	Vận chuyển đường thủy	Địa điểm sx: ấp 9 xã Tân Long , tỉnh Tây Ninh. Ngoài phạm vi 40km thương lượng thêm chi phí vận chuyển.	Mức giá được thực hiện từ ngày 03/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.333.333	3.333.333	3.333.333	3.333.333	3.333.333	3.333.333	3.333.333	3.333.333	3.333.333
729	Bê tông đúc sẵn	Cống tròn liền khối **D1500mm**; Thép vòng fi 8, 2 lớp trong và ngoài, mỗi lớp a=20cm; thép dọc fi 12, a=20cm; dày 14cm; đá 1*2; M200, Cho phép xe có tải trông 8 tấn lưu thông	*m*	TCVN 9113:2012 ISO 9001:2018	10m-16,5m	HTX XD-TM Đoàn Kết	Việt Nam	Vận chuyển đường thủy	Địa điểm sx: ấp 9 xã Tân Long , tỉnh Tây Ninh. Ngoài phạm vi 40km thương lượng thêm chi phí vận chuyển.	Mức giá được thực hiện từ ngày 03/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.064.815	6.064.815	6.064.815	6.064.815	6.064.815	6.064.815	6.064.815	6.064.815	6.064.815
730	Bê tông đúc sẵn	Cống tròn liền khối **D1500mm**; Thép vòng fi 8, 2 lớp trong và ngoài, mỗi lớp a=20cm; thép dọc fi 14, a=20cm; dày 14cm; đá 1*2; M200, Cho phép xe có tải trong 8 tấn lưu thông	*m*	TCVN 9113:2012 ISO 9001:2019	17m-21m	HTX XD-TM Đoàn Kết	Việt Nam	Vận chuyển đường thủy	Địa điểm sx: ấp 9 xã Tân Long , tỉnh Tây Ninh. Ngoài phạm vi 40km thương lượng thêm chi phí vận chuyển.	Mức giá được thực hiện từ ngày 03/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.203.704	6.203.704	6.203.704	6.203.704	6.203.704	6.203.704	6.203.704	6.203.704	6.203.704
731	Bê tông đúc sẵn	Cống tròn liền khối **D1500mm**; Thép vòng fi 8, 2 lớp trong và ngoài, mỗi lớp a=15cm; thép dọc fi 14, a=20cm; dày 14cm; đá 1*2; M250, Cho phép xe có tải trong 13 tấn lưu thông	*m*	TCVN 9113:2012 ISO 9001:2020	10m-16,5m	HTX XD-TM Đoàn Kết	Việt Nam	Vận chuyển đường thủy	Địa điểm sx: ấp 9 xã Tân Long , tỉnh Tây Ninh. Ngoài phạm vi 40km thương lượng thêm chi phí vận chuyển.	Mức giá được thực hiện từ ngày 03/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.509.259	6.509.259	6.509.259	6.509.259	6.509.259	6.509.259	6.509.259	6.509.259	6.509.259
732	Bê tông đúc sẵn	Cống tròn liền khối **D1500mm**; Thép vòng fi 8, 2 lớp trong và ngoài, mỗi lớp a=15cm; thép dọc fi 16, a=20cm; dày 14cm; đá 1*2; M250, Cho phép xe có tải trong 13 tấn lưu thông	*m*	TCVN 9113:2012 ISO 9001:2021	17m-21m	HTX XD-TM Đoàn Kết	Việt Nam	Vận chuyển đường thủy	Địa điểm sx: ấp 9 xã Tân Long , tỉnh Tây Ninh. Ngoài phạm vi 40km thương lượng thêm chi phí vận chuyển.	Mức giá được thực hiện từ ngày 03/02/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.694.444	6.694.444	6.694.444	6.694.444	6.694.444	6.694.444	6.694.444	6.694.444	6.694.444
733	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D300 (loại L = 2,5 và 3m) Vỉa hè, mác 300, dày 5cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	275.000	275.000	275.000	275.000	275.000	275.000	275.000	275.000	275.000
734	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D400 (loại L = 2,5m và 3m) vỉa hè, mác 300, dày 5,5 cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	343.000	343.000	343.000	343.000	343.000	343.000	343.000	343.000	343.000
735	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D500 (loại L = 2,5m và 3m) vỉa hè, mác 300, dày 6 cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	440.000	440.000	440.000	440.000	440.000	440.000	440.000	440.000	440.000
736	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D600 (loại L = 2,5m và 3m) vỉa hè, mác 300, dày 7 cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	539.000	539.000	539.000	539.000	539.000	539.000	539.000	539.000	539.000
737	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D800 (loại L = 2,5m và 3m) vỉa hè, mác 300, dày 8 cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	803.000	803.000	803.000	803.000	803.000	803.000	803.000	803.000	803.000
738	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D1.000 (loại L = 2,5m và 3m) vỉa hè, mác 300, dày 10 cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.232.000	1.232.000	1.232.000	1.232.000	1.232.000	1.232.000	1.232.000	1.232.000	1.232.000
739	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D1.200 (loại L = 2,5m và 3m) vỉa hè, mác 300, dày 12 cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.914.000	1.914.000	1.914.000	1.914.000	1.914.000	1.914.000	1.914.000	1.914.000	1.914.000
740	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D1.500 (loại L = 2,5m) vỉa hè, mác 300, dày 13 cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.695.000	2.695.000	2.695.000	2.695.000	2.695.000	2.695.000	2.695.000	2.695.000	2.695.000
741	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D2.000 (loại L = 2,5m) vỉa hè, mác 300, dày 16 cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.059.000	4.059.000	4.059.000	4.059.000	4.059.000	4.059.000	4.059.000	4.059.000	4.059.000
742	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D300 (loại L = 2,5m và 3m) H10-X60, mác 300, dày 5 cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	281.000	281.000	281.000	281.000	281.000	281.000	281.000	281.000	281.000
743	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D400 (loại L = 2,5m và 3m) H10-X60, mác 300, dày 5,5 cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000
744	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D500 (loại L = 2,5m và 3m) H10-X60, mác 300, dày 6 cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	473.000	473.000	473.000	473.000	473.000	473.000	473.000	473.000	473.000
745	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D600 (loại L = 2,5m và 3m) H10-X60, mác 300, dày 7 cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	578.000	578.000	578.000	578.000	578.000	578.000	578.000	578.000	578.000
746	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D800 (loại L = 2,5m và 3m) H10-X60, mác 300, dày 8 cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	955.000	955.000	955.000	955.000	955.000	955.000	955.000	955.000	955.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
747	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D1.000 (loại L = 2,5m và 3m) H10-X60, mác 300, dày 10 cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.375.000	1.375.000	1.375.000	1.375.000	1.375.000	1.375.000	1.375.000	1.375.000	1.375.000
748	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D1.200 (loại L = 2,5m và 3m) H10-X60, mác 300, dày 12 cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.222.000	2.222.000	2.222.000	2.222.000	2.222.000	2.222.000	2.222.000	2.222.000	2.222.000
749	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D1.500 (loại L = 2,5m) H10-XB60, mác 300, dày 13 cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.674.000	3.674.000	3.674.000	3.674.000	3.674.000	3.674.000	3.674.000	3.674.000	3.674.000
750	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D2.000 (loại L = 2,5m) H10-XB60, mác 300, dày 16 cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.566.000	5.566.000	5.566.000	5.566.000	5.566.000	5.566.000	5.566.000	5.566.000	5.566.000
751	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D300 (loại L = 2,5m và 3m) H30-XB 80, mác 300, dày 5 cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	286.000	286.000	286.000	286.000	286.000	286.000	286.000	286.000	286.000
752	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D400 (loại L = 2,5m và 3m) H30-XB 80, mác 300, dày 5,5 cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	369.000	369.000	369.000	369.000	369.000	369.000	369.000	369.000	369.000
753	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D500 (loại L = 2,5m và 3m) H30-XB 80, mác 300, dày 6 cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	495.000	495.000	495.000	495.000	495.000	495.000	495.000	495.000	495.000
754	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D600 (loại L = 2,5m và 3m) H30-XB 80, mác 300, via 7 cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	594.000	594.000	594.000	594.000	594.000	594.000	594.000	594.000	594.000
755	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D800 (loại L = 2,5m và 3m) H30-XB 80, mác 300, dày 8 cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	983.000	983.000	983.000	983.000	983.000	983.000	983.000	983.000	983.000
756	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D1.000 (loại L = 2,5m và 3m) H30-XB 80, mác 300, dày 10cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.401.000	1.401.000	1.401.000	1.401.000	1.401.000	1.401.000	1.401.000	1.401.000	1.401.000
757	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D1.200 (loại L = 2,5m và 3m) H30-XB80, mác 300, dày 12 cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.277.000	2.277.000	2.277.000	2.277.000	2.277.000	2.277.000	2.277.000	2.277.000	2.277.000
758	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D1.500 (loại L = 2,5m) H30-XB80, mác 300, dày 13 cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.773.000	3.773.000	3.773.000	3.773.000	3.773.000	3.773.000	3.773.000	3.773.000	3.773.000
759	Bê tông đúc sẵn	Cống thoát nước D2.000 (loại L = 2,5m) H30-XB80, mác 300, dày 16 cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.709.000	5.709.000	5.709.000	5.709.000	5.709.000	5.709.000	5.709.000	5.709.000	5.709.000
760	Bê tông đúc sẵn	Gối cống D300	cái	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	100.000	100.000	100.000	100.000	100.000	100.000	100.000	100.000	100.000
761	Bê tông đúc sẵn	Gối cống D400	cái	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	111.000	111.000	111.000	111.000	111.000	111.000	111.000	111.000	111.000
762	Bê tông đúc sẵn	Gối cống D500	cái	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	143.000	143.000	143.000	143.000	143.000	143.000	143.000	143.000	143.000
763	Bê tông đúc sẵn	Gối cống D600	cái	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	161.000	161.000	161.000	161.000	161.000	161.000	161.000	161.000	161.000
764	Bê tông đúc sẵn	Gối cống D800	cái	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	204.000	204.000	204.000	204.000	204.000	204.000	204.000	204.000	204.000
765	Bê tông đúc sẵn	Gối cống D1.000	cái	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	290.000	290.000	290.000	290.000	290.000	290.000	290.000	290.000	290.000
766	Bê tông đúc sẵn	Gối cống D1.200	cái	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	387.000	387.000	387.000	387.000	387.000	387.000	387.000	387.000	387.000
767	Bê tông đúc sẵn	Gối cống D1.500	cái	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	493.000	493.000	493.000	493.000	493.000	493.000	493.000	493.000	493.000
768	Bê tông đúc sẵn	Gối cống D2.000	cái	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	566.000	566.000	566.000	566.000	566.000	566.000	566.000	566.000	566.000
769	Bê tông đúc sẵn	Ron cống - D300	cái	-		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000
770	Bê tông đúc sẵn	Ron cống - D400	cái	-		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
771	Bê tông đúc sẵn	Ron cống - D500	cái	-		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	50.000	50.000	50.000	50.000	50.000	50.000	50.000	50.000	50.000
772	Bê tông đúc sẵn	Ron cống - D600	cái	-		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	60.000	60.000	60.000	60.000	60.000	60.000	60.000	60.000	60.000
773	Bê tông đúc sẵn	Ron cống - D800	cái	-		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000
774	Bê tông đúc sẵn	Ron cống - D1000	cái	-		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000
775	Bê tông đúc sẵn	Ron cống - D1200	cái	-		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000
776	Bê tông đúc sẵn	Ron cống - D1500	cái	-		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	130.000	130.000	130.000	130.000	130.000	130.000	130.000	130.000	130.000
777	Bê tông đúc sẵn	Ron cống - D2000	cái	-		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	190.000	190.000	190.000	190.000	190.000	190.000	190.000	190.000	190.000
778	Bê tông đúc sẵn	Cống hộp rung ép 1000x1000mm, L = 1,2m mác 300, thép cường độ AII	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.700.000	3.700.000	3.700.000	3.700.000	3.700.000	3.700.000	3.700.000	3.700.000	3.700.000
779	Bê tông đúc sẵn	Cống hộp rung ép 1200x1200mm, L = 1,2m mác 300, thép cường độ AII	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.300.000	4.300.000	4.300.000	4.300.000	4.300.000	4.300.000	4.300.000	4.300.000	4.300.000
780	Bê tông đúc sẵn	Cống hộp rung ép 1600x1600mm, L = 1,2m mác 300, thép cường độ AII	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7.200.000	7.200.000	7.200.000	7.200.000	7.200.000	7.200.000	7.200.000	7.200.000	7.200.000
781	Bê tông đúc sẵn	Cống hộp rung ép 2000x2000mm, L = 1,2m mác 300, thép cường độ AII	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10.700.000	10.700.000	10.700.000	10.700.000	10.700.000	10.700.000	10.700.000	10.700.000	10.700.000
782	Bê tông đúc sẵn	Cống hộp rung ép 2500x2500mm, L = 1,2m mác 300, thép cường độ AII	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	15.700.000	15.700.000	15.700.000	15.700.000	15.700.000	15.700.000	15.700.000	15.700.000	15.700.000
783	Bê tông đúc sẵn	Cống hộp rung ép 3000x3000mm, L = 1,2m mác 300, thép cường độ AII	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	23.200.000	23.200.000	23.200.000	23.200.000	23.200.000	23.200.000	23.200.000	23.200.000	23.200.000
784	Bê tông đúc sẵn	Ron cống hộp 1000x1000	cái	-		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000
785	Bê tông đúc sẵn	Ron cống hộp 1200x1200	cái	-		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	85.000	85.000	85.000	85.000	85.000	85.000	85.000	85.000	85.000
786	Bê tông đúc sẵn	Ron cống hộp 1600x1600	cái	-		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	100.000	100.000	100.000	100.000	100.000	100.000	100.000	100.000	100.000
787	Bê tông đúc sẵn	Ron cống hộp 2000x2000	cái	-		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000
788	Bê tông đúc sẵn	Ron cống hộp 2500x2500	cái	-		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000
789	Bê tông đúc sẵn	Ron cống hộp 3000x3000	cái	-		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000
790	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống D300 loại A: Thép cường độ cao, thép chủ: 6D7.1, thép đai: D3, Lcọc 12m; Bề dày thành: 60mm, Mặt bích: thép tấm dày 12mm, Manchon: cao 60mm, dày 1.5mm, Cường độ bê tông mác 60 Mpa	m	TCVN 7888:2014		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	270.000	270.000	270.000	270.000	270.000	270.000	270.000	270.000	270.000
791	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống D350 loại A: Thép cường độ cao, thép chủ: 7D7.1, thép đai: D3; Lcọc 12m; Bề dày thành: 65mm; Mặt bích thép tấm dày 12mm; Manchon: cao 60mm, dày 1.5mm, Cường độ bê tông mác 60 Mpa	m	TCVN 7888:2014		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	370.000	370.000	370.000	370.000	370.000	370.000	370.000	370.000	370.000
792	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống D400 loại A: Thép cường độ cao, thép chủ: 10D7.1, thép đai: D3, Lcọc 12m, Bề dày thành: 80mm, Mặt bích thép tấm dày 12mm, Manchon: cao 60mm, dày 1.5mm, Cường độ bê tông mác 60 Mpa	m	TCVN 7888:2014		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	470.000	470.000	470.000	470.000	470.000	470.000	470.000	470.000	470.000
793	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống D500 loại A: Thép cường độ cao, thép chủ: 14D7.1, thép đai: D4, Lcọc 12m, Bề dày thành: 90mm, Mặt bích: thép tấm dày 14mm; Manchon: cao 100mm, dày 2mm, Cường độ bê tông mác 60 Mpa	m	TCVN 7888:2014		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	780.000	780.000	780.000	780.000	780.000	780.000	780.000	780.000	780.000
794	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống D600 loại A: Thép cường độ cao, thép chủ: 18D7.1, thép đai: D4, Lcọc=12m; Bề dày thành: 100mm, Mặt bích: thép tấm dày 14mm, Manchon: cao 100mm, dày 2mm, Cường độ bê tông mác 60 Mpa	m	TCVN 7888:2014		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.000.000	1.000.000	1.000.000	1.000.000	1.000.000	1.000.000	1.000.000	1.000.000	1.000.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
795	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống D300 loại C: Thép cường độ cao, thép chủ: 10D9.0, thép đai: D3; Lcọc=12m; Bê dày thành: 60mm, Mặt bích: thép tấm dày 12mm; Manchon: cao 60mm, dày 6mm, Cường độ bê tông mác 80 Mpa	m	TCVN 7888:2014		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	400.000	400.000	400.000	400.000	400.000	400.000	400.000	400.000	400.000
796	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống D350 loại C: Thép cường độ cao, thép chủ: 12D9.0, thép đai: D3, Lcọc 12m, Bề dày thành: 65mm, Mặt bích thép tấm dày 14mm; Manchon: cao 60mm, dày 6mm, Cường độ bê tông mác 80 Mpa	m	TCVN 7888:2014		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	460.000	460.000	460.000	460.000	460.000	460.000	460.000	460.000	460.000
797	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống D400 loại C: Thép cường độ cao, thép chủ: 15D9.0, thép đai: D4; Lcọc=12m, Bề dày thành: 80mm, Mặt bích: thép tấm dày 14mm; Manchon: cao 60mm, dày 6mm, Cường độ bê tông mác 80 Mpa	m	TCVN 7888:2014		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	630.000	630.000	630.000	630.000	630.000	630.000	630.000	630.000	630.000
798	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống D500 loại C: Thép cường độ cao, thép chủ: 16D10.7, thép đai: D4, Lcọc 12m, Bề dày thành: 90mm, Mặt bích: thép tấm dày 16mm; Manchon: cao 150mm, dày 10mm, Cường độ bê tông mác 80 Mpa	m	TCVN 7888:2014		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	890.000	890.000	890.000	890.000	890.000	890.000	890.000	890.000	890.000
799	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống D600 loại C: Thép cường độ cao, thép chủ: 22D10.7, thép đai: D4; Lcọc=12m, Bề dày thành: 100mm, Mặt bích: thép tấm dày 18mm; Manchon: cao 150mm, dày 10mm, Cường độ bê tông mác 80 Mpa	m	TCVN 7888:2014		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.320.000	1.320.000	1.320.000	1.320.000	1.320.000	1.320.000	1.320.000	1.320.000	1.320.000
800	Bê tông đúc sẵn	Cọc vuông BTCT 200x200mm, Thép chủ: 4D14, thép đai: D6, Lcọc 8m, BT mác 300, thép tấm đầu cọc: (200x200x6)mm	m	TCCS 01:2025/TICCO TP		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	320.000	320.000	320.000	320.000	320.000	320.000	320.000	320.000	320.000
801	Bê tông đúc sẵn	Cọc vuông BTCT 250x250mm; Thép chủ: 4D16, thép đai: D6, Lcọc=8m; BT mác 300, Thép tấm đầu nối cọc: (250x250x6)mm	m	TCCS 01:2025/TICCO TP		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	460.000	460.000	460.000	460.000	460.000	460.000	460.000	460.000	460.000
802	Bê tông đúc sẵn	Cọc vuông BTCT 250x250mm, Thép chủ 4D18, thép đai: D6, Lcọc 11.8m, BT mác 300, Thép tấm đầu cọc: (250x250x6)mm	m	TCCS 01:2025/TICCO TP		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	490.000	490.000	490.000	490.000	490.000	490.000	490.000	490.000	490.000
803	Bê tông đúc sẵn	Cọc vuông BTCT 300x300mm, Thép chủ: 4D18, thép đai: D6, Lcọc=8m, BT mác 300, Thép tấm đầu cọc: (300x300x8)mm	m	TCCS 01:2025/TICCO TP		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	610.000	610.000	610.000	610.000	610.000	610.000	610.000	610.000	610.000
804	Bê tông đúc sẵn	Cọc vuông BTCT 300x300mm, Thép chủ: 4D20, thép đai: D6; Lcọc 11.8m; BT mác 300, Thép tấm đầu cọc: (300x300x8)mm	m	TCCS 01:2025/TICCO TP		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	670.000	670.000	670.000	670.000	670.000	670.000	670.000	670.000	670.000
805	Bê tông đúc sẵn	Cọc vuông BTCT 350x350mm, Thép chủ: 4D20, thép đai: D6, Lcọc=8m; BT mác 300, Thép tấm đầu cọc: (350x350x8)mm	m	TCCS 01:2025/TICCO TP		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	790.000	790.000	790.000	790.000	790.000	790.000	790.000	790.000	790.000
806	Bê tông đúc sẵn	Cọc vuông BTCT 350x350mm, Thép chủ: 4D22, thép đai: D6, Lcọc 11.8m; BT mác 300, Thép tấm đầu cọc: (350x350x8)mm	m	TCCS 01:2025/TICCO TP		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	810.000	810.000	810.000	810.000	810.000	810.000	810.000	810.000	810.000
807	Bê tông đúc sẵn	Cọc ván BTCT dự ứng lực W350-A, Cấp cường độ cao: 14D12.7; Lcọc=12m	m	JIS A 5373:2016		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.320.000	1.320.000	1.320.000	1.320.000	1.320.000	1.320.000	1.320.000	1.320.000	1.320.000
808	Bê tông đúc sẵn	Cọc ván BTCT dự ứng lực W400-A, Cấp cường độ cao: 16D12.7, Lcọc 14m	m	JIS A 5373:2016		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.560.000	1.560.000	1.560.000	1.560.000	1.560.000	1.560.000	1.560.000	1.560.000	1.560.000
809	Bê tông đúc sẵn	Cọc ván BTCT dự ứng lực W400-B, Cấp cường độ cao: 18D12.7, Lcọc 16m	m	JIS A 5373:2016		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.630.000	1.630.000	1.630.000	1.630.000	1.630.000	1.630.000	1.630.000	1.630.000	1.630.000
810	Bê tông đúc sẵn	Cọc ván BTCT dự ứng lực W500-A, Cấp cường độ cao: 16D15.2, Lcọc 16m	m	JIS A 5373:2016		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.740.000	1.740.000	1.740.000	1.740.000	1.740.000	1.740.000	1.740.000	1.740.000	1.740.000
811	Bê tông đúc sẵn	Cọc ván BTCT dự ứng lực W500-B, Cấp cường độ cao: 20D15.2, Lcọc 18m	m	JIS A 5373:2016		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.920.000	1.920.000	1.920.000	1.920.000	1.920.000	1.920.000	1.920.000	1.920.000	1.920.000
812	Bê tông đúc sẵn	Cọc ván BTCT dự ứng lực W600-A, Cấp cường độ cao: 20D15.2, Lcọc=18m	m	JIS A 5373:2016		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000
813	Bê tông đúc sẵn	Cọc ván BTCT dự ứng lực W600-B, Cấp cường độ cao: 24D15.2; Lcọc 20m	m	JIS A 5373:2016		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.170.000	2.170.000	2.170.000	2.170.000	2.170.000	2.170.000	2.170.000	2.170.000	2.170.000
814	Bê tông đúc sẵn	Cọc ván BTCT dự ứng lực W740-A, Cấp cường độ cao: 20D15.2, Lcọc 22m	m	JIS A 5373:2016		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.300.000	2.300.000	2.300.000	2.300.000	2.300.000	2.300.000	2.300.000	2.300.000	2.300.000
815	Bê tông đúc sẵn	Cọc ván BTCT dự ứng lực W740-B, Cấp cường độ cao: 26D15.2, Lcọc=24m	m	JIS A 5373:2016		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.470.000	2.470.000	2.470.000	2.470.000	2.470.000	2.470.000	2.470.000	2.470.000	2.470.000
816	Bê tông đúc sẵn	Cọc ván BTCT dự ứng lực W840-A, Cấp cường độ cao: 24D15.2, Lcọc 24m	m	JIS A 5373:2016		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.550.000	2.550.000	2.550.000	2.550.000	2.550.000	2.550.000	2.550.000	2.550.000	2.550.000
817	Bê tông đúc sẵn	Cọc ván BTCT dự ứng lực W840-B, Cấp cường độ cao: 30D15.2, Lcọc 24m	m	JIS A 5373:2016		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.800.000	2.800.000	2.800.000	2.800.000	2.800.000	2.800.000	2.800.000	2.800.000	2.800.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
818	Bê tông đúc sẵn	Dầm BTCT DƯL T280 TT H8; L=6m-9m	m	TCVN 9114:2019		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	650.000	650.000	650.000	650.000	650.000	650.000	650.000	650.000	650.000
819	Bê tông đúc sẵn	Dầm BTCT DƯL T400 TT H8; L=9-12m	m	TCVN 9114:2019		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	800.000	800.000	800.000	800.000	800.000	800.000	800.000	800.000	800.000
820	Bê tông đúc sẵn	Dầm BTCT DƯL T280 TT 0.5HL93; L=6m-9m	m	TCVN 9114:2019		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.380.000	1.380.000	1.380.000	1.380.000	1.380.000	1.380.000	1.380.000	1.380.000	1.380.000
821	Bê tông đúc sẵn	Dầm BTCT DƯL T400 TT 0.5HL93; L=9-12m	m	TCVN 9114:2019		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.440.000	1.440.000	1.440.000	1.440.000	1.440.000	1.440.000	1.440.000	1.440.000	1.440.000
822	Bê tông đúc sẵn	Dầm BTCT DƯL T500 TT 0.5HL93; L=15m	dầm	TCVN 9114:2019		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	25.000.000	25.000.000	25.000.000	25.000.000	25.000.000	25.000.000	25.000.000	25.000.000	25.000.000
823	Bê tông đúc sẵn	Dầm BTCT DƯL T650 TT 0.5HL93; L=18m	dầm	TCVN 9114:2019		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	30.000.000	30.000.000	30.000.000	30.000.000	30.000.000	30.000.000	30.000.000	30.000.000	30.000.000
824	Bê tông đúc sẵn	Gối cao su bản thép (100x300x28)mm	cái	-		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	230.000	230.000	230.000	230.000	230.000	230.000	230.000	230.000	230.000
825	Bê tông đúc sẵn	Gối cao su bản thép (150x300x39)mm	cái	-		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	470.000	470.000	470.000	470.000	470.000	470.000	470.000	470.000	470.000
826	Bê tông đúc sẵn	Gối cao su bản thép (150x300x42)mm	cái	-		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	490.000	490.000	490.000	490.000	490.000	490.000	490.000	490.000	490.000
827	Bê tông đúc sẵn	Gối cao su bản thép (150x300x44)mm	cái	-		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	505.000	505.000	505.000	505.000	505.000	505.000	505.000	505.000	505.000
828	Bê tông đúc sẵn	Dầm BTCT DƯL I550 TT HL93; L=12.5m	dầm	TCVN 9114:2019		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	30.000.000	30.000.000	30.000.000	30.000.000	30.000.000	30.000.000	30.000.000	30.000.000	30.000.000
829	Bê tông đúc sẵn	Dầm BTCT DƯL I700 TT HL93; L=18.6m	dầm	TCVN 9114:2019		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	60.000.000	60.000.000	60.000.000	60.000.000	60.000.000	60.000.000	60.000.000	60.000.000	60.000.000
830	Bê tông đúc sẵn	Dầm BTCT DƯL I24.54 TT HL93; L=24.54m	dầm	TCVN 9114:2019		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	90.000.000	90.000.000	90.000.000	90.000.000	90.000.000	90.000.000	90.000.000	90.000.000	90.000.000
831	Bê tông đúc sẵn	Dầm BTCT DƯL I33 TT HL93; L=33m	dầm	TCVN 9114:2019		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	150.000.000	150.000.000	150.000.000	150.000.000	150.000.000	150.000.000	150.000.000	150.000.000	150.000.000
832	Bê tông đúc sẵn	Dầm BTCT DƯL Super T L=38.2m	dầm	TCVN 9114:2019		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	340.000.000	340.000.000	340.000.000	340.000.000	340.000.000	340.000.000	340.000.000	340.000.000	340.000.000
833	Bê tông đúc sẵn	Dầm BTCT DƯL T Ngược TT HL93; L=15m	dầm	TCVN 9114:2019		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	50.000.000	50.000.000	50.000.000	50.000.000	50.000.000	50.000.000	50.000.000	50.000.000	50.000.000
834	Bê tông đúc sẵn	Dầm BTCT DƯL T Ngược TT HL93; L=20m	dầm	TCVN 9114:2019		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	70.000.000	70.000.000	70.000.000	70.000.000	70.000.000	70.000.000	70.000.000	70.000.000	70.000.000
835	Bê tông đúc sẵn	Dầm BTCT DƯL T Ngược TT HL93; L=25m	dầm	TCVN 9114:2019		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	90.000.000	90.000.000	90.000.000	90.000.000	90.000.000	90.000.000	90.000.000	90.000.000	90.000.000
836	Bê tông đúc sẵn	Dầm BTCT DƯL T Ngược TT HL93 L=33m	dầm	TCVN 9114:2019		Công ty TNHH MTV Bê tông TICCO Tân Phước. Địa chỉ: Ấp 4, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp - ĐT: 0399 122 506 (Mr. Văn). Công văn đề nghị công bố giá số 101/CV.TCCO.TP ngày 20/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá đã bao gồm chi phí cẩu bốc sản phẩm lên phương tiện của khách hàng tại nhà máy	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	150.000.000	150.000.000	150.000.000	150.000.000	150.000.000	150.000.000	150.000.000	150.000.000	150.000.000
837	Bê tông đúc sẵn	Cống rung ép Ø300 T (L=2.5-3.0m) d5cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	456.000	456.000	456.000	456.000	456.000	456.000	456.000	456.000	456.000
838	Bê tông đúc sẵn	Cống rung ép Ø400 T (L=2.5-3.0m) d5.5cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	555.000	555.000	555.000	555.000	555.000	555.000	555.000	555.000	555.000
839	Bê tông đúc sẵn	Cống rung ép Ø600 T (L=2.5-3.0m) d7cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	850.000	850.000	850.000	850.000	850.000	850.000	850.000	850.000	850.000
840	Bê tông đúc sẵn	Cống rung ép Ø800 T (L=2.5-3.0m) d8cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.368.000	1.368.000	1.368.000	1.368.000	1.368.000	1.368.000	1.368.000	1.368.000	1.368.000
841	Bê tông đúc sẵn	Cống rung ép Ø1000 T (L=2.5-3.0m) d 10cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.995.000	1.995.000	1.995.000	1.995.000	1.995.000	1.995.000	1.995.000	1.995.000	1.995.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
842	Bê tông đúc sẵn	Cống rung ép Ø1200 T (L=2.5-3.0m) d 12cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.290.000	3.290.000	3.290.000	3.290.000	3.290.000	3.290.000	3.290.000	3.290.000	3.290.000
843	Bê tông đúc sẵn	Cống rung ép Ø1500 T (L=2.5-3.0m) d14cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.942.000	4.942.000	4.942.000	4.942.000	4.942.000	4.942.000	4.942.000	4.942.000	4.942.000
844	Bê tông đúc sẵn	Cống rung ép Ø1800 T (L=2.5-3.0m) d155cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	6.122.000	6.122.000	6.122.000	6.122.000	6.122.000	6.122.000	6.122.000	6.122.000	6.122.000
845	Bê tông đúc sẵn	Cống rung ép Ø2000 T (L=2.5-3.0m) d16cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	7.376.000	7.376.000	7.376.000	7.376.000	7.376.000	7.376.000	7.376.000	7.376.000	7.376.000
846	Bê tông đúc sẵn	Cống rung ép Ø300 TC (L=2.5-3.0m) d5cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	462.000	462.000	462.000	462.000	462.000	462.000	462.000	462.000	462.000
847	Bê tông đúc sẵn	Cống rung ép Ø400 TC (L=2.5-3.0m) d5.5cm	m			Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	576.000	576.000	576.000	576.000	576.000	576.000	576.000	576.000	576.000
848	Bê tông đúc sẵn	Cống rung ép Ø600 TC (L=2.5-3.0m) d7cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	923.000	923.000	923.000	923.000	923.000	923.000	923.000	923.000	923.000
849	Bê tông đúc sẵn	Cống rung ép Ø800 TC (L=2.5-3.0m) d8cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.504.000	1.504.000	1.504.000	1.504.000	1.504.000	1.504.000	1.504.000	1.504.000	1.504.000
850	Bê tông đúc sẵn	Cống rung ép Ø1000 TC (L=2.5-3.0m) d10cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.323.000	2.323.000	2.323.000	2.323.000	2.323.000	2.323.000	2.323.000	2.323.000	2.323.000
851	Bê tông đúc sẵn	Cống rung ép Ø1200 TC (L=2.5-3.0m) d12cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.624.000	3.624.000	3.624.000	3.624.000	3.624.000	3.624.000	3.624.000	3.624.000	3.624.000
852	Bê tông đúc sẵn	Cống rung ép Ø1500 TC (L=2.5-3.0m) d14cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	5.422.000	5.422.000	5.422.000	5.422.000	5.422.000	5.422.000	5.422.000	5.422.000	5.422.000
853	Bê tông đúc sẵn	Cống rung ép Ø1800 TC (L=2.5-3.0m) d15cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	6.856.000	6.856.000	6.856.000	6.856.000	6.856.000	6.856.000	6.856.000	6.856.000	6.856.000
854	Bê tông đúc sẵn	Cống rung ép Ø2000 TC (L=2.5-3.0m) d16cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	8.771.000	8.771.000	8.771.000	8.771.000	8.771.000	8.771.000	8.771.000	8.771.000	8.771.000
855	Bê tông đúc sẵn	Cống rung ép Ø400 c (L=2.5-3.0m) d5.5cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	590.000	590.000	590.000	590.000	590.000	590.000	590.000	590.000	590.000
856	Bê tông đúc sẵn	Cống rung ép Ø600 c (L=2.5-3.0m) d7cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	963.000	963.000	963.000	963.000	963.000	963.000	963.000	963.000	963.000
857	Bê tông đúc sẵn	Cống rung ép Ø800 c (L=2.5-3.0m) d8cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.707.000	1.707.000	1.707.000	1.707.000	1.707.000	1.707.000	1.707.000	1.707.000	1.707.000
858	Bê tông đúc sẵn	Cống rung ép Ø1000 c (L=2.5-3.0m) d10cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.528.000	2.528.000	2.528.000	2.528.000	2.528.000	2.528.000	2.528.000	2.528.000	2.528.000
859	Bê tông đúc sẵn	Cống rung ép Ø1200 c (L=2.5-3.0m) d12cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.782.000	3.782.000	3.782.000	3.782.000	3.782.000	3.782.000	3.782.000	3.782.000	3.782.000
860	Bê tông đúc sẵn	Cống rung ép Ø1500 c (L=2.5-3.0m) d14cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	5.582.000	5.582.000	5.582.000	5.582.000	5.582.000	5.582.000	5.582.000	5.582.000	5.582.000
861	Bê tông đúc sẵn	Cống rung ép Ø1800 c (L=2.5-3.0m) d15cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	8.117.000	8.117.000	8.117.000	8.117.000	8.117.000	8.117.000	8.117.000	8.117.000	8.117.000
862	Bê tông đúc sẵn	Cống rung ép Ø2000 c (L=2.5-3.0m) d16cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	9.206.000	9.206.000	9.206.000	9.206.000	9.206.000	9.206.000	9.206.000	9.206.000	9.206.000
863	Bê tông đúc sẵn	Cống ly tâm Ø300 T (L=4.0m) d5cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	518.000	518.000	518.000	518.000	518.000	518.000	518.000	518.000	518.000
864	Bê tông đúc sẵn	Cống ly tâm Ø400 T (L=4.0m) d5cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	627.000	627.000	627.000	627.000	627.000	627.000	627.000	627.000	627.000
865	Bê tông đúc sẵn	Cống ly tâm Ø600 T (L=4.0m) d6cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	928.000	928.000	928.000	928.000	928.000	928.000	928.000	928.000	928.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
866	Bê tông đúc sẵn	Cống ly tâm Ø800 T (L=4.0m) d8cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.475.000	1.475.000	1.475.000	1.475.000	1.475.000	1.475.000	1.475.000	1.475.000	1.475.000
867	Bê tông đúc sẵn	Cống ly tâm Ø1000 T (L=4.0m) d9cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.245.000	2.245.000	2.245.000	2.245.000	2.245.000	2.245.000	2.245.000	2.245.000	2.245.000
868	Bê tông đúc sẵn	Cống ly tâm Ø1200 T (L=3.0m) d12cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.744.000	3.744.000	3.744.000	3.744.000	3.744.000	3.744.000	3.744.000	3.744.000	3.744.000
869	Bê tông đúc sẵn	Cống ly tâm Ø1500 T (L=3.0m) d14cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	5.526.000	5.526.000	5.526.000	5.526.000	5.526.000	5.526.000	5.526.000	5.526.000	5.526.000
870	Bê tông đúc sẵn	Cống ly tâm Ø1800 T (L=3.0m) d15cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	7.000.000	7.000.000	7.000.000	7.000.000	7.000.000	7.000.000	7.000.000	7.000.000	7.000.000
871	Bê tông đúc sẵn	Cống ly tâm Ø2000 T (L=3.0m) d16cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	8.429.000	8.429.000	8.429.000	8.429.000	8.429.000	8.429.000	8.429.000	8.429.000	8.429.000
872	Bê tông đúc sẵn	Cống ly tâm Ø300 TC (L=4.0m) d5cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	525.000	525.000	525.000	525.000	525.000	525.000	525.000	525.000	525.000
873	Bê tông đúc sẵn	Cống ly tâm Ø400 TC (L=4.0m) d5cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	653.000	653.000	653.000	653.000	653.000	653.000	653.000	653.000	653.000
874	Bê tông đúc sẵn	Cống ly tâm Ø600 TC (L=4.0m) d6cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.022.000	1.022.000	1.022.000	1.022.000	1.022.000	1.022.000	1.022.000	1.022.000	1.022.000
875	Bê tông đúc sẵn	Cống ly tâm Ø800 TC (L=4.0m) d8cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.618.000	1.618.000	1.618.000	1.618.000	1.618.000	1.618.000	1.618.000	1.618.000	1.618.000
876	Bê tông đúc sẵn	Cống ly tâm Ø1000 TC (L=4.0m)d9cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.605.000	2.605.000	2.605.000	2.605.000	2.605.000	2.605.000	2.605.000	2.605.000	2.605.000
877	Bê tông đúc sẵn	Cống ly tâm Ø1200 TC (L=3.0m) d12cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.093.000	4.093.000	4.093.000	4.093.000	4.093.000	4.093.000	4.093.000	4.093.000	4.093.000
878	Bê tông đúc sẵn	Cống ly tâm Ø1500 TC (L=3.0m) d14cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	6.086.000	6.086.000	6.086.000	6.086.000	6.086.000	6.086.000	6.086.000	6.086.000	6.086.000
879	Bê tông đúc sẵn	Cống ly tâm Ø1800 TC (L=3.0m) d15cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	8.531.000	8.531.000	8.531.000	8.531.000	8.531.000	8.531.000	8.531.000	8.531.000	8.531.000
880	Bê tông đúc sẵn	Cống ly tâm Ø2000 TC (L=3.0m) d16cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	9.717.000	9.717.000	9.717.000	9.717.000	9.717.000	9.717.000	9.717.000	9.717.000	9.717.000
881	Bê tông đúc sẵn	Cống ly tâm Ø400 c (L=4.0m) d5cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	670.000	670.000	670.000	670.000	670.000	670.000	670.000	670.000	670.000
882	Bê tông đúc sẵn	Cống ly tâm Ø600 c (L=4.0m) d6cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.117.000	1.117.000	1.117.000	1.117.000	1.117.000	1.117.000	1.117.000	1.117.000	1.117.000
883	Bê tông đúc sẵn	Cống ly tâm Ø800 c (L=4.0m) d8cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.832.000	1.832.000	1.832.000	1.832.000	1.832.000	1.832.000	1.832.000	1.832.000	1.832.000
884	Bê tông đúc sẵn	Cống ly tâm Ø1000 c (L=4.0m) d9cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.821.000	2.821.000	2.821.000	2.821.000	2.821.000	2.821.000	2.821.000	2.821.000	2.821.000
885	Bê tông đúc sẵn	Cống ly tâm Ø1200 c (L=3.0m) d12cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.258.000	4.258.000	4.258.000	4.258.000	4.258.000	4.258.000	4.258.000	4.258.000	4.258.000
886	Bê tông đúc sẵn	Cống ly tâm Ø1500 c (L=3.0m) d14cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	6.330.000	6.330.000	6.330.000	6.330.000	6.330.000	6.330.000	6.330.000	6.330.000	6.330.000
887	Bê tông đúc sẵn	Cống ly tâm Ø1800 c (L=3.0m) d15cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	8.850.000	8.850.000	8.850.000	8.850.000	8.850.000	8.850.000	8.850.000	8.850.000	8.850.000
888	Bê tông đúc sẵn	Cống ly tâm Ø2000 c (L=3.0m) d16cm	m	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	10.392.000	10.392.000	10.392.000	10.392.000	10.392.000	10.392.000	10.392.000	10.392.000	10.392.000
889	Bê tông đúc sẵn	Cống hộp TK 1/18 - 1.0 X 1.0 (L=1 .2m)	m	TCVN 9116:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	5.197.000	5.197.000	5.197.000	5.197.000	5.197.000	5.197.000	5.197.000	5.197.000	5.197.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
890	Bê tông đúc sẵn	Cống hộp TK 1/18 - 1.2 X 1.2 (L=1.2m)	m	TCVN 9116:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	5.957.000	5.957.000	5.957.000	5.957.000	5.957.000	5.957.000	5.957.000	5.957.000	5.957.000
891	Bê tông đúc sẵn	Cống hộp TK 1/18 - 1.6 X 1.6 (L=1.2m)	m	TCVN 9116:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	9.309.000	9.309.000	9.309.000	9.309.000	9.309.000	9.309.000	9.309.000	9.309.000	9.309.000
892	Bê tông đúc sẵn	Cống hộp TK 1/18 - 2.0 X 2.0 (L=1.2m)	m	TCVN 9116:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	13.843.000	13.843.000	13.843.000	13.843.000	13.843.000	13.843.000	13.843.000	13.843.000	13.843.000
893	Bê tông đúc sẵn	Cống hộp TK 1/18 - 2.5 X 2.5 (L=1.2m)	m	TCVN 9116:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	20.600.000	20.600.000	20.600.000	20.600.000	20.600.000	20.600.000	20.600.000	20.600.000	20.600.000
894	Bê tông đúc sẵn	Cống hộp TK 1/18 - 3.0 X 3.0 (L=1.2m)	m	TCVN 9116:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	29.499.000	29.499.000	29.499.000	29.499.000	29.499.000	29.499.000	29.499.000	29.499.000	29.499.000
895	Bê tông đúc sẵn	Cống hộp TK 1/18 - 2x(1.6 X 1.6) (L=1.2m)	m	TCVN 9116:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	16.234.000	16.234.000	16.234.000	16.234.000	16.234.000	16.234.000	16.234.000	16.234.000	16.234.000
896	Bê tông đúc sẵn	Cống hộp TK 1/18 - 2x(2.0 X 2.0) (L=1.2m)	m	TCVN 9116:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	24.595.000	24.595.000	24.595.000	24.595.000	24.595.000	24.595.000	24.595.000	24.595.000	24.595.000
897	Bê tông đúc sẵn	Cống hộp TK 1/18 - 2x(2.5 X 2.5) (L=1.2m)	m	TCVN 9116:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	34.938.000	34.938.000	34.938.000	34.938.000	34.938.000	34.938.000	34.938.000	34.938.000	34.938.000
898	Bê tông đúc sẵn	Cống hộp TK 1/18 - 2x(3.0 X 3.0) (L=1.2m)	m	TCVN 9116:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	48.654.000	48.654.000	48.654.000	48.654.000	48.654.000	48.654.000	48.654.000	48.654.000	48.654.000
899	Bê tông đúc sẵn	Cống hộp (theo TK Sở GTCC) -1.0 X 1.0 (L=1.2m)	m	TCVN 9116:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	5.957.000	5.957.000	5.957.000	5.957.000	5.957.000	5.957.000	5.957.000	5.957.000	5.957.000
900	Bê tông đúc sẵn	Cống hộp (theo TK Sở GTCC) - 1.2 X 1.2 (L=1.2m)	m	TCVN 9116:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	6.802.000	6.802.000	6.802.000	6.802.000	6.802.000	6.802.000	6.802.000	6.802.000	6.802.000
901	Bê tông đúc sẵn	Cống hộp (theo TK Sở GTCC) -1.6 X 1.6 (L=1.2m)	m	TCVN 9116:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	9.926.000	9.926.000	9.926.000	9.926.000	9.926.000	9.926.000	9.926.000	9.926.000	9.926.000
902	Bê tông đúc sẵn	Cống hộp (theo TK Sở GTCC) - 2.0 X 2.0 (L=1.2m)	m	TCVN 9116:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	15.795.000	15.795.000	15.795.000	15.795.000	15.795.000	15.795.000	15.795.000	15.795.000	15.795.000
903	Bê tông đúc sẵn	Cống hộp (theo TK Sở GTCC) - 2.5 X 2.5 (L=1.2m)	m	TCVN 9116:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	24.408.000	24.408.000	24.408.000	24.408.000	24.408.000	24.408.000	24.408.000	24.408.000	24.408.000
904	Bê tông đúc sẵn	Cống hộp (theo TK Sở GTCC) - 3.0 X 3.0 (L=1 ,2m)	m	TCVN 9116:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	31.534.000	31.534.000	31.534.000	31.534.000	31.534.000	31.534.000	31.534.000	31.534.000	31.534.000
905	Bê tông đúc sẵn	Cống hộp (theo TK Sở GTCC) - 2x(1.6 X 1.6) (L=1.2m)	m	TCVN 9116:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	18.651.000	18.651.000	18.651.000	18.651.000	18.651.000	18.651.000	18.651.000	18.651.000	18.651.000
906	Bê tông đúc sẵn	Cống hộp (theo TK Sở GTCC) - 2x(2.0 X 2.0) (L=1.2m)	m	TCVN 9116:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	29.146.000	29.146.000	29.146.000	29.146.000	29.146.000	29.146.000	29.146.000	29.146.000	29.146.000
907	Bê tông đúc sẵn	Cống hộp (theo TK Sở GTCC) - 2x(2.5 X 2.5) (L=1 ,2m)	m	TCVN 9116:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	44.315.000	44.315.000	44.315.000	44.315.000	44.315.000	44.315.000	44.315.000	44.315.000	44.315.000
908	Bê tông đúc sẵn	Cống hộp (theo TK Sở GTCC) - 2x(3.0 X 3.0) (L=1,2m)	m	TCVN 9116:2012		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	62.634.000	62.634.000	62.634.000	62.634.000	62.634.000	62.634.000	62.634.000	62.634.000	62.634.000
909	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PC A300	m	TCVN 7888:2014 (L=6-12m)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	363.000	363.000	363.000	363.000	363.000	363.000	363.000	363.000	363.000
910	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PC B300	m	TCVN 7888:2014 (L=6-12m)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	424.000	424.000	424.000	424.000	424.000	424.000	424.000	424.000	424.000
911	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PC C300	m	TCVN 7888:2014 (L=6-12m)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	486.000	486.000	486.000	486.000	486.000	486.000	486.000	486.000	486.000
912	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PC A350	m	TCVN 7888:2014 (L=6-12m)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	408.000	408.000	408.000	408.000	408.000	408.000	408.000	408.000	408.000
913	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PC B350	m	TCVN 7888:2014 (L=6-12m)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Điện Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	475.000	475.000	475.000	475.000	475.000	475.000	475.000	475.000	475.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
914	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PC C350	m	TCVN 7888:2014 (L=6-12m)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	554.000	554.000	554.000	554.000	554.000	554.000	554.000	554.000	554.000
915	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PC A400	m	TCVN 7888:2014 (L=6-14m)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	547.000	547.000	547.000	547.000	547.000	547.000	547.000	547.000	547.000
916	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PC B400	m	TCVN 7888:2014 (L=6-14m)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	670.000	670.000	670.000	670.000	670.000	670.000	670.000	670.000	670.000
917	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PC C400	m	TCVN 7888:2014 (L=6-14m)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	718.000	718.000	718.000	718.000	718.000	718.000	718.000	718.000	718.000
918	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PC A500	m	TCVN 7888:2014 (L=6-15m)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	811.000	811.000	811.000	811.000	811.000	811.000	811.000	811.000	811.000
919	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PC B500	m	TCVN 7888:2014 (L=6-15m)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	958.000	958.000	958.000	958.000	958.000	958.000	958.000	958.000	958.000
920	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PC C500	m	TCVN 7888:2014 (L=6-15m)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.085.000	1.085.000	1.085.000	1.085.000	1.085.000	1.085.000	1.085.000	1.085.000	1.085.000
921	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PC A600	m	TCVN 7888:2014 (L=6-15tn)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.054.000	1.054.000	1.054.000	1.054.000	1.054.000	1.054.000	1.054.000	1.054.000	1.054.000
922	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PC B600	m	TCVN 7888:2014 (L=6-15m)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.302.000	1.302.000	1.302.000	1.302.000	1.302.000	1.302.000	1.302.000	1.302.000	1.302.000
923	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PC C600	m	TCVN 7888:2014 (L=6-15m)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.469.000	1.469.000	1.469.000	1.469.000	1.469.000	1.469.000	1.469.000	1.469.000	1.469.000
924	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PHC A300	m	TCVN 7888:2014 (L=6-12m)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	373.000	373.000	373.000	373.000	373.000	373.000	373.000	373.000	373.000
925	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PHC B300	m	TCVN 7888:2014 (L=6-12m)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	432.000	432.000	432.000	432.000	432.000	432.000	432.000	432.000	432.000
926	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PHC C300	m	TCVN 7888:2014 (L=6-12m)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	494.000	494.000	494.000	494.000	494.000	494.000	494.000	494.000	494.000
927	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PHC A350	m	TCVN 7888:2014 (L=6-12m)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	429.000	429.000	429.000	429.000	429.000	429.000	429.000	429.000	429.000
928	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PHC B350	m	TCVN 7888:2014 (L=6-12m)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	496.000	496.000	496.000	496.000	496.000	496.000	496.000	496.000	496.000
929	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PHC C350	m	TCVN 7888:2014 (L=6-12m)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	573.000	573.000	573.000	573.000	573.000	573.000	573.000	573.000	573.000
930	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PHC A400	m	TCVN 7888:2014 (L=6-14tn)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	576.000	576.000	576.000	576.000	576.000	576.000	576.000	576.000	576.000
931	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PHC B400	m	TCVN 7888:2014 (L=6-14m)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	701.000	701.000	701.000	701.000	701.000	701.000	701.000	701.000	701.000
932	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PHC C400	m	TCVN 7888:2014 (L=6-14m)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	746.000	746.000	746.000	746.000	746.000	746.000	746.000	746.000	746.000
933	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PHC A500	m	TCVN 7888:2014 (L=6-15m)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	845.000	845.000	845.000	845.000	845.000	845.000	845.000	845.000	845.000
934	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PHC B500	m	TCVN 7888:2014 (L=6-15m)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	992.000	992.000	992.000	992.000	992.000	992.000	992.000	992.000	992.000
935	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PHC C500	m	TCVN 7888:2014 (L=6-15m)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.120.000	1.120.000	1.120.000	1.120.000	1.120.000	1.120.000	1.120.000	1.120.000	1.120.000
936	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PHC A600	m	TCVN 7888:2014 (L=6-15m)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.099.000	1.099.000	1.099.000	1.099.000	1.099.000	1.099.000	1.099.000	1.099.000	1.099.000
937	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PHC B600	m	TCVN 7888:2014 (L=6-15m)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.349.000	1.349.000	1.349.000	1.349.000	1.349.000	1.349.000	1.349.000	1.349.000	1.349.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
938	Bê tông đúc sẵn	Cọc ống Bê Tông - PHC C600	m	TCVN 7888:2014 (L=6-15m)		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.517.000	1.517.000	1.517.000	1.517.000	1.517.000	1.517.000	1.517.000	1.517.000	1.517.000
939	Bê tông đúc sẵn	Gối rung ép Ø300-460x250x100	cái	TCVN 10799:2015		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000
940	Bê tông đúc sẵn	Gối rung ép Ø 400 - 520x250x100	cái	TCVN 10799:2015		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	131.000	131.000	131.000	131.000	131.000	131.000	131.000	131.000	131.000
941	Bê tông đúc sẵn	Gối rung ép Ø600-680x300x150	cái	TCVN 10799:2015		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	266.000	266.000	266.000	266.000	266.000	266.000	266.000	266.000	266.000
942	Bê tông đúc sẵn	Gối rung ép Ø 800-880x300x150	cái	TCVN 10799:2015		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	362.000	362.000	362.000	362.000	362.000	362.000	362.000	362.000	362.000
943	Bê tông đúc sẵn	Gối rung ép Ø1000 - 1050x300x150	cái	TCVN 10799:2015		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	464.000	464.000	464.000	464.000	464.000	464.000	464.000	464.000	464.000
944	Bê tông đúc sẵn	Gối rung ép Ø 1200 - 1300x300x150	cái	TCVN 10799:2015		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	730.000	730.000	730.000	730.000	730.000	730.000	730.000	730.000	730.000
945	Bê tông đúc sẵn	Gốirungép Ø 1500-1540x300x180	cái	TCVN 10799:2015		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	984.000	984.000	984.000	984.000	984.000	984.000	984.000	984.000	984.000
946	Bê tông đúc sẵn	Gối rung ép Ø 1800- 1840x400x200	cái	TCVN 10799:2015		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.691.000	1.691.000	1.691.000	1.691.000	1.691.000	1.691.000	1.691.000	1.691.000	1.691.000
947	Bê tông đúc sẵn	Gối rung ép Ø 2000 - 2050x400x200	cái	TCVN 10799:2015		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.941.000	1.941.000	1.941.000	1.941.000	1.941.000	1.941.000	1.941.000	1.941.000	1.941.000
948	Bê tông đúc sẵn	Gối ly tâm Ø 300-460x400x100	cái	TCVN 10799:2015		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	179.000	179.000	179.000	179.000	179.000	179.000	179.000	179.000	179.000
949	Bê tông đúc sẵn	Gối ly tâm Ø 400 - 520x400x100	cái	TCVN 10799:2015		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	195.000	195.000	195.000	195.000	195.000	195.000	195.000	195.000	195.000
950	Bê tông đúc sẵn	Gối ly tâm Ø 600 - 680x400x150	cái	TCVN 10799:2015		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	349.000	349.000	349.000	349.000	349.000	349.000	349.000	349.000	349.000
951	Bê tông đúc sẵn	Gối ly tâm Ø 800-880x400x150	cái	TCVN 10799:2015		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	478.000	478.000	478.000	478.000	478.000	478.000	478.000	478.000	478.000
952	Bê tông đúc sẵn	Gối ly tâm Ø 1000 - 1050x400x150	cái	TCVN 10799:2015		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	610.000	610.000	610.000	610.000	610.000	610.000	610.000	610.000	610.000
953	Bê tông đúc sẵn	Gối ly tâm Ø 1200 - 1300x400x150	cái	TCVN 10799:2015		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	920.000	920.000	920.000	920.000	920.000	920.000	920.000	920.000	920.000
954	Bê tông đúc sẵn	Gối ly tâm Ø 1500 - 1540x400x180	cái	TCVN 10799:2015		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.256.000	1.256.000	1.256.000	1.256.000	1.256.000	1.256.000	1.256.000	1.256.000	1.256.000
955	Bê tông đúc sẵn	Gối ly tâm Ø 1800 - 1840x400x200	cái	TCVN 10799:2015		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.691.000	1.691.000	1.691.000	1.691.000	1.691.000	1.691.000	1.691.000	1.691.000	1.691.000
956	Bê tông đúc sẵn	Gối ly tâm Ø2000 - 2050x400x200	cái	TCVN 10799:2015		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.941.000	1.941.000	1.941.000	1.941.000	1.941.000	1.941.000	1.941.000	1.941.000	1.941.000
957	Bê tông đúc sẵn	Joint cao su Cống Tròn Ø300	cái	ASTM C443-2003		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	43.000	43.000	43.000	43.000	43.000	43.000	43.000	43.000	43.000
958	Bê tông đúc sẵn	Joint cao su Cống Tròn Ø400	cái	ASTM C443-2003		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	56.000	56.000	56.000	56.000	56.000	56.000	56.000	56.000	56.000
959	Bê tông đúc sẵn	Joint cao su Cống Tròn Ø600	cái	ASTM C443-2003		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	77.000	77.000	77.000	77.000	77.000	77.000	77.000	77.000	77.000
960	Bê tông đúc sẵn	Joint cao su cống Tròn Ø800	cái	ASTM C443-2003		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	99.000	99.000	99.000	99.000	99.000	99.000	99.000	99.000	99.000
961	Bê tông đúc sẵn	Joint cao su cống Tròn Ø1000	cái	ASTM C443-2003		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	211.000	211.000	211.000	211.000	211.000	211.000	211.000	211.000	211.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
962	Bê tông đúc sẵn	Joint cao su cống Tròn Ø1200	cái	ASTM C443-2003		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	256.000	256.000	256.000	256.000	256.000	256.000	256.000	256.000	256.000
963	Bê tông đúc sẵn	Joint cao su cống Tròn Ø1500	cái	ASTM C443-2003		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	307.000	307.000	307.000	307.000	307.000	307.000	307.000	307.000	307.000
964	Bê tông đúc sẵn	Joint cao su Cống Tròn Ø1800	cái	ASTM C443-2003		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	365.000	365.000	365.000	365.000	365.000	365.000	365.000	365.000	365.000
965	Bê tông đúc sẵn	Joint cao su Cống Tròn Ø2000	cái	ASTM C443-2003		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	403.000	403.000	403.000	403.000	403.000	403.000	403.000	403.000	403.000
966	Bê tông đúc sẵn	Joint cao su Cống Hộp -1.0 X 1.0 m	cái	ASTM C443-2003		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	246.000	246.000	246.000	246.000	246.000	246.000	246.000	246.000	246.000
967	Bê tông đúc sẵn	Joint cao su Cống Hộp -1.2 X 1.2 m	cái	ASTM C443-2003		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	288.000	288.000	288.000	288.000	288.000	288.000	288.000	288.000	288.000
968	Bê tông đúc sẵn	Joint cao su Cống Hộp -1.6 X 1.6 m	cái	ASTM C443-2003		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	382.000	382.000	382.000	382.000	382.000	382.000	382.000	382.000	382.000
969	Bê tông đúc sẵn	Joint cao su Cống Hộp - 2.0 X 2.0 m	cái	ASTM C443-2003		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	478.000	478.000	478.000	478.000	478.000	478.000	478.000	478.000	478.000
970	Bê tông đúc sẵn	Joint cao su cống Hộp - 2.5 X 2.5 m	cái	ASTM C443-2003		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	597.000	597.000	597.000	597.000	597.000	597.000	597.000	597.000	597.000
971	Bê tông đúc sẵn	Joint cao su cống Hộp - 3.0 X 3.0 m	cái	ASTM C443-2003		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	709.000	709.000	709.000	709.000	709.000	709.000	709.000	709.000	709.000
972	Bê tông đúc sẵn	Joint cao su cống Hộp - 2x(1.6 X 1.6) m	cái	ASTM C443-2003		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	571.000	571.000	571.000	571.000	571.000	571.000	571.000	571.000	571.000
973	Bê tông đúc sẵn	Joint cao su cống Hộp - 2x(2.0 x 2.0) m	cái	ASTM C443-2003		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	709.000	709.000	709.000	709.000	709.000	709.000	709.000	709.000	709.000
974	Bê tông đúc sẵn	Joint cao su cống Hộp - 2x(2.5 X 2.5) m	cái	ASTM C443-2003		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	842.000	842.000	842.000	842.000	842.000	842.000	842.000	842.000	842.000
975	Bê tông đúc sẵn	Joint cao su cống Hộp - 2x(3.0 X 3.0) m	cái	ASTM C443-2003		Công ty TNHH XDCT Hùng Vương. Đc: 670-672 Ba Tháng Hai, P.Diên Hồng, TP.HCM. Công văn đề nghị công bố giá số 34A CVHV.26 ngày 01/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.008.000	1.008.000	1.008.000	1.008.000	1.008.000	1.008.000	1.008.000	1.008.000	1.008.000
976	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn mạ cán nóng AZ070 0,4 mm	m		4.0mm	Hoa Sen Home - Cửa hàng Bình Minh.(Đc: Trần Văn Trà, Bình Minh, TP.Tây Ninh. Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán tại khu vực TP. Tây Ninh	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá ngày 25/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	105.600	-	-	-	-	-	-	-	-
977	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn mạ cán nóng AZ070 0,45mm	m		45.0mm	Hoa Sen Home - Cửa hàng Bình Minh.(Đc: Trần Văn Trà, Bình Minh, TP.Tây Ninh. Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán tại khu vực TP. Tây Ninh	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá ngày 25/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	116.600	-	-	-	-	-	-	-	-
978	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn mạ cán nóng AZ070 0,5 mm	m		5.0mm	Hoa Sen Home - Cửa hàng Bình Minh.(Đc: Trần Văn Trà, Bình Minh, TP.Tây Ninh. Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán tại khu vực TP. Tây Ninh	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá ngày 25/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	128.700	-	-	-	-	-	-	-	-
979	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn mạ cán nóng AZ100 0,4 mm	m		4.0mm	Hoa Sen Home - Cửa hàng Bình Minh.(Đc: Trần Văn Trà, Bình Minh, TP.Tây Ninh. Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán tại khu vực TP. Tây Ninh	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá ngày 25/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	108.900	-	-	-	-	-	-	-	-
980	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn mạ cán nóng AZ100 0,45 mm	m		45.0mm	Hoa Sen Home - Cửa hàng Bình Minh.(Đc: Trần Văn Trà, Bình Minh, TP.Tây Ninh. Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán tại khu vực TP. Tây Ninh	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá ngày 25/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	119.900	-	-	-	-	-	-	-	-
981	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn mạ cán nóng AZ100 0,5 mm	m		5.0mm	Hoa Sen Home - Cửa hàng Bình Minh.(Đc: Trần Văn Trà, Bình Minh, TP.Tây Ninh. Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán tại khu vực TP. Tây Ninh	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá ngày 25/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	132.000	-	-	-	-	-	-	-	-
982	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn mạ cán nóng AZ050 0,4 mm	m		4.0mm	Hoa Sen Home - Cửa hàng Bình Minh.(Đc: Trần Văn Trà, Bình Minh, TP.Tây Ninh. Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán tại khu vực TP. Tây Ninh	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá ngày 25/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	114.950	-	-	-	-	-	-	-	-
983	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn mạ cán nóng AZ050 0,45 mm	m		45.0mm	Hoa Sen Home - Cửa hàng Bình Minh.(Đc: Trần Văn Trà, Bình Minh, TP.Tây Ninh. Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán tại khu vực TP. Tây Ninh	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá ngày 25/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	127.600	-	-	-	-	-	-	-	-
984	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn mạ cán nóng AZ050 0,5 mm	m		5.0mm	Hoa Sen Home - Cửa hàng Bình Minh.(Đc: Trần Văn Trà, Bình Minh, TP.Tây Ninh. Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán tại khu vực TP. Tây Ninh	Giá bán tại cửa hàng	Mức giá ngày 25/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán giảm	141.350	-	-	-	-	-	-	-	-
985	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn màng xối xanh dương K598	m		598.0mm	Công ty TNHH Tôn Thép Phú Ích. (Đc: Phường Hoà Thành, Tây Ninh). Khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán khu vực thị xã Hòa Thành	Giá tại cửa hàng chưa bao gồm vận chuyển	Từ ngày 19/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	80.000	-	-	-	-	-	-
986	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh rộng 1.1x0.25 - Đại Thiên Lộc	m		25.0mm	Công ty TNHH Tôn Thép Phú Ích. (Đc: Phường Hoà Thành, Tây Ninh). Khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán khu vực thị xã Hòa Thành	Giá tại cửa hàng chưa bao gồm vận chuyển	Từ ngày 19/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	62.000	-	-	-	-	-	-
987	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh rộng 1.07x0.4 - Hoà Phat	m		4.0mm	Công ty TNHH Tôn Thép Phú Ích. (Đc: Phường Hoà Thành, Tây Ninh). Khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán khu vực thị xã Hòa Thành	Giá tại cửa hàng chưa bao gồm vận chuyển	Từ ngày 19/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	98.000	-	-	-	-	-	-
988	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn màu rộng 1.07x0.45 - Hoà Phát	m		45.0mm	Công ty TNHH Tôn Thép Phú Ích. (Đc: Phường Hoà Thành, Tây Ninh). Khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán khu vực thị xã Hòa Thành	Giá tại cửa hàng chưa bao gồm vận chuyển	Từ ngày 19/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	110.000	-	-	-	-	-	-
989	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn xanh ngọc 1.07x0.5 - Hoà Phát	m		5.0mm	Công ty TNHH Tôn Thép Phú Ích. (Đc: Phường Hoà Thành, Tây Ninh). Khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán khu vực thị xã Hòa Thành	Giá tại cửa hàng chưa bao gồm vận chuyển	Từ ngày 19/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	120.000	-	-	-	-	-	-

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
990	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn xanh ngọc 1.07x0.35 - Hoà Phát	m		35.0mm	Công ty TNHH Tôn Thép Phú Ích. (Đc: Phường Hoà Thành, Tây Ninh). Khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán khu vực thị xã Hòa Thành	Giá tại cửa hàng chưa bao gồm vận chuyển	Từ ngày 19/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	89.000	-	-	-	-	-	-
991	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn kẽm Phương Nam Việt Nhật 2.0 zem	m		1.8-1.9 kg/md	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi nhận	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	52.727	-	-	-	-	-	-	-	-
992	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn nhôm 6.3 zem	m		2.0-2.1 kg/md	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi nhận	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	237.273	-	-	-	-	-	-	-	-
993	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn nhôm 6.5 zem	m		2.1-2.2 kg/md	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi nhận	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	247.273	-	-	-	-	-	-	-	-
994	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh trắng đông á 4.5 zem	m		3.9-4.0 kg/md	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi nhận	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	90.909	-	-	-	-	-	-	-	-
995	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn xanh dương tím/nâu đất/xám lông chuột/trắng sữa Hoa Sen 4.5 zem	m		3.9-4.0 kg/md	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi nhận	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	101.818	-	-	-	-	-	-	-	-
996	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn trắng sữa Hoa Sen 4.0 zem	m		3.4-3.5 kg/md	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi nhận	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	90.909	-	-	-	-	-	-	-	-
997	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn xanh dương tím Nam Kim 3.0 zem	m		2.4-2.5 kg/md	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi nhận	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	66.364	-	-	-	-	-	-	-	-
998	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn xanh dương tươi/ xám khói Nam Kim 4.5 zem	m		3.8-3.9 kg/md	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi nhận	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	95.455	-	-	-	-	-	-	-	-
999	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn xanh dương tươi/ xám lông chuột Đông Á 5.0 zem	m		4.3-4.4 kg/md	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi nhận	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	106.364	-	-	-	-	-	-	-	-
1000	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn xanh dương đậm BLUE01 AZ100 Phương Nam 3.5 zem	m		2.9-3.0 kg/md	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi nhận	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	88.182	-	-	-	-	-	-	-	-
1001	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn xanh dương đậm BLUE01 AZ100 Phương Nam 4.5 zem	m		3.8-3.9 kg/md	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi nhận	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	102.727	-	-	-	-	-	-	-	-
1002	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn vàng kem/ xám sáng Đông Á 4.0 zem	m		3.3-3.4 kg/md	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi nhận	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	88.182	-	-	-	-	-	-	-	-
1003	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn đỏ đậm Hoa Sen 5.0 zem	m		4.3-4.4 kg/md	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi nhận	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	114.545	-	-	-	-	-	-	-	-
1004	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn đỏ đậm/vàng kem/xanh dương tím đông Á 4.5zem	m		3.8-3.9 kg/md	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi nhận	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	97.273	-	-	-	-	-	-	-	-
1005	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn đỏ đậm Nam Kim 3.5 zem	m		2.9-3.0 kg/md	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi nhận	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	77.273	-	-	-	-	-	-	-	-
1006	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn đỏ đậm Nam Kim 4.0 zem	m		3.3-3.4 kg/md	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi nhận hàng	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	86.364	-	-	-	-	-	-	-	-
1007	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn đỏ đậm Nam Kim 4.5 zem	m		3.8-3.9 kg/md	Công ty TNHH Tân Ngọc Lực.(đc: 304/4 đường 30/4 Bình Minh, Tây Ninh)	Việt Nam	Thanh toán 100% giá trị đơn hàng trước khi nhận hàng	Đã bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá được thực hiện từ ngày 02/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	95.455	-	-	-	-	-	-	-	-
1008	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh AZ070 phủ AF: 0.25mmxl200mm G550	m	TCCS 01:2015/HSG.	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	72.000	72.000	72.000	72.000	72.000	72.000	72.000	72.000	72.000
1009	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh AZ070 phủ AF: 0.30mmxl200mm G550	m	recs 01:2015/HSG.	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	81.000	81.000	81.000	81.000	81.000	81.000	81.000	81.000	81.000
1010	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh AZ070 phủ AF: 0.3 5 mm.x 1200mm G550	m	TCCS 01:2015/HSG.	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	90.500	90.500	90.500	90.500	90.500	90.500	90.500	90.500	90.500
1011	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh AZ070 phủ AF: 0.40mmxl200mm G550	m	TCCS 01:2015/HSG.	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	101.500	101.500	101.500	101.500	101.500	101.500	101.500	101.500	101.500
1012	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh AZ070 phủ AF: 0.4 5mmx 1200mm G55O	m	TCCS 01:2015/HSG.	55.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	112.000	112.000	112.000	112.000	112.000	112.000	112.000	112.000	112.000
1013	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh AZ070 phủ AF: 0.50mmxl200mm G55O	m	TCCS 01:2015/HSG.	55.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	123.000	123.000	123.000	123.000	123.000	123.000	123.000	123.000	123.000
1014	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ070 00/05: 0.2 5mmx 1200mm G55O	m	TCCS 01:2015/HSG.	55.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	72.000	72.000	72.000	72.000	72.000	72.000	72.000	72.000	72.000
1015	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ070 00/05: 0.30mmx 1200mm G55O	m	TCCS 01:2015/HSG.	55.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	81.000	81.000	81.000	81.000	81.000	81.000	81.000	81.000	81.000
1016	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ070 00/05: 0.35mmxl200mm G55O	m	TCCS 01:2015/HSG.	55.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	90.500	90.500	90.500	90.500	90.500	90.500	90.500	90.500	90.500
1017	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ070 00/05: 0.40mmx 1200mm G55O	m	TCCS O1:2O15/HSG.	55.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	101.500	101.500	101.500	101.500	101.500	101.500	101.500	101.500	101.500
1018	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ070 00/05: 0.45mmxl200mm G55O	m	TCCS 01:2015/HSG.	55.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	112.000	112.000	112.000	112.000	112.000	112.000	112.000	112.000	112.000
1019	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu uong AF CL AZ070 00/05: 0.50mmx 1200mm G550	m	TCCS 01:2015/HSG.	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	123.000	123.000	123.000	123.000	123.000	123.000	123.000	123.000	123.000
1020	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh AZ100 phủ AF: 0.30mmxl200mm G55O	m	TCCS 01:2015/HSG.	55.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000
1021	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh AZ100 phủ AF: 0.35mmxl200mm G55O	m	TCCS 01:2015/HSG.	55.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sông Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	93.500	93.500	93.500	93.500	93.500	93.500	93.500	93.500	93.500

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
1022	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh AZ100 phủ AF: 0.40mmx 1200mm G550	m	TCCS0112015/HSG.	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	104.500	104.500	104.500	104.500	104.500	104.500	104.500	104.500	104.500
1023	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh AZ100 phủ AF: 0.45mmxl200mm G55O	m	TCCS 01:2015/HSG.	55.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	115.000	115.000	115.000	115.000	115.000	115.000	115.000	115.000	115.000
1024	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh AZ100 phủ AF: 0.50mmxl200mm G550	m	TCCS 01:2015/HSG.	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	126.000	126.000	126.000	126.000	126.000	126.000	126.000	126.000	126.000
1025	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ100 00/05: 0.30mmx 1200mm G550	m	TCCSOL2015/HSG.	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000
1026	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ100 00/05: 0.35mmxl200mm G55O	m	TCCS 01:2015/HSG.	55.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	93.500	93.500	93.500	93.500	93.500	93.500	93.500	93.500	93.500
1027	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ100 00/05: 0.40mmxl200mm G55O	m	TCCS 01:2015/HSG.	55.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	104.500	104.500	104.500	104.500	104.500	104.500	104.500	104.500	104.500
1028	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ100 00/05: 0.45mmx 1200mm G550	m	TCCS 01:2015/HSG.	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	115.000	115.000	115.000	115.000	115.000	115.000	115.000	115.000	115.000
1029	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ100 00/05: 0.50mmx 1200mm G550	m	TCCS 01:2015/HSG.	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	126.000	126.000	126.000	126.000	126.000	126.000	126.000	126.000	126.000
1030	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05: 0.25mmx 1200mm G550	m	TCCS 02:2017/HSG	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	76.500	76.500	76.500	76.500	76.500	76.500	76.500	76.500	76.500
1031	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05: 0.30mmx 1200mm G550	m	TCCS 02:2017/HSG	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	88.000	88.000	88.000	88.000	88.000	88.000	88.000	88.000	88.000
1032	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05: 0.35mmx 1200mm G550	m	TCCS 02:2017/HSG	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	99.000	99.000	99.000	99.000	99.000	99.000	99.000	99.000	99.000
1033	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05: 0.40nunx 1200mm G550	m	TCCS 02.2017/HSG	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000
1034	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05: 0.45mmxl200mm G550	m	TCCS 02:2017/HSG	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	122.000	122.000	122.000	122.000	122.000	122.000	122.000	122.000	122.000
1035	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05: 0.50mmx 1200mm G550	m	TCCS 02:2017/HSG	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	134.500	134.500	134.500	134.500	134.500	134.500	134.500	134.500	134.500
1036	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn HOA SEN GOLD màu: 0.50mmx 1200mm	m	ASTM A755M	1200.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	142.000	142.000	142.000	142.000	142.000	142.000	142.000	142.000	142.000
1037	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ100 00/05 cách nhiệt PU 16mm: 0.30mmx 1070mm G550	m	TCCS 0L2015/HSG.	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	154.000	154.000	154.000	154.000	154.000	154.000	154.000	154.000	154.000
1038	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu uong AF CL AZ100 00/05 cách nhiệt PU 16mm: 0.35mmxl070mm G550	m	TCCS 01:2015/HSG.	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	164.000	164.000	164.000	164.000	164.000	164.000	164.000	164.000	164.000
1039	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu uong AF CL AZ100 00/05 cách nhiệt Pu 16mm: 0.40mmx 1070mm G55O	m	TCCS 01:2015/HSG.	55.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	174.000	174.000	174.000	174.000	174.000	174.000	174.000	174.000	174.000
1040	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ100 00/05 cách nhiệt PL" 16mm: 0.45mmx 1070mm G550	m	TCCS 01:2015/HSG.	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	184.000	184.000	184.000	184.000	184.000	184.000	184.000	184.000	184.000
1041	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ100 00/05 cách nhiệt PL" 16mm: 0.50mmx 1070mm G550	m	TCCS 01:2015/HSG.	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	194.000	194.000	194.000	194.000	194.000	194.000	194.000	194.000	194.000
1042	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ100 00/05 cách nhiệt Pl" ÎSmm. 0.30mmx 1070mm G55O	m	TCCS 01:2015/HSG.	55.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000
1043	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ100 00/05 cách nhiệt PU 18mm: .35mmxl070mm G55O	m	recs 01:2015/HSG.	55.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	166.000	166.000	166.000	166.000	166.000	166.000	166.000	166.000	166.000
1044	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu uong AF CL AZ100 00/05 cách nhiệt PU 18mm: ,40mmx 1070mm G550 .	m	recs 01:2015/HSG.	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	176.000	176.000	176.000	176.000	176.000	176.000	176.000	176.000	176.000
1045	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ100 00/05 cách nhiệt PLÎ 18mm: .45mmxl070mm G550	m	TCCS01:2015/HSG.	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	186.000	186.000	186.000	186.000	186.000	186.000	186.000	186.000	186.000
1046	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu trong AF CL AZ100 00/05 cách nhiệt PU 18mm: .50mmxl070mm G550	m	recs 01:2015/HSG.	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	196.000	196.000	196.000	196.000	196.000	196.000	196.000	196.000	196.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
1047	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05 cách nhiệt Pu 16mm: .30mmxl070mm G550	m	rccs 02:2017/HSG	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	161.000	161.000	161.000	161.000	161.000	161.000	161.000	161.000	161.000
1048	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05 cách nhiệt Pu 16mm:).35mmxl070mm G55O	m	rccs 02:2017/HSG	55.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	171.000	171.000	171.000	171.000	171.000	171.000	171.000	171.000	171.000
1049	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05 cách nhiệt PU 16mm:).40mmxl070mm G550	m	TCCS 02:2017/HSG	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	181.000	181.000	181.000	181.000	181.000	181.000	181.000	181.000	181.000
1050	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05 cách nhiệt PU 16mm:).45mmx 1070mm G550	m	TCCS 02:2017/HSG	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	191.000	191.000	191.000	191.000	191.000	191.000	191.000	191.000	191.000
1051	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05 cách nhiệt Pu 16mm: 3.50mmx 1070mm G550	m	TCCS 02:2017/HSG	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	201.000	201.000	201.000	201.000	201.000	201.000	201.000	201.000	201.000
1052	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05 cách nhiệt PU 18mm: D.30mmxl070mm G550	m	TCCS 02:2017/HSG	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	163.000	163.000	163.000	163.000	163.000	163.000	163.000	163.000	163.000
1053	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05 cách nhiệt Pu 18mm: 0.35mmx 1070mm G550	m	TCCS 02:2017/HSG	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	173.000	173.000	173.000	173.000	173.000	173.000	173.000	173.000	173.000
1054	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05 cách nhiệt PU 18mm: 0.40mmxl070mm G550	m	TCCS 02:2017/HSG	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	183.000	183.000	183.000	183.000	183.000	183.000	183.000	183.000	183.000
1055	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05 cách nhiệt PU 18mm: 0.45mmx 1070mm G550	m	TCCS 02:2017/HSG	550.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	193.000	193.000	193.000	193.000	193.000	193.000	193.000	193.000	193.000
1056	Vật liệu tấm lợp, bao che	Tôn lạnh màu AZ050 17/05 cách nhiệt Pu 18mm: 0.5()mmxl070mm G55O	m	TCCS 02:2017/HSG	55.0mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	203.000	203.000	203.000	203.000	203.000	203.000	203.000	203.000	203.000
1057	Vật liệu tấm lợp, bao che	Ngói chính Lustime màu thường sóng tròn	viên			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	25.500	25.500	25.500	25.500	25.500	25.500	25.500	25.500	25.500
1058	Vật liệu tấm lợp, bao che	Ngói chính Lustime màu coban sóng tròn	viên			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000
1059	Vật liệu tấm lợp, bao che	Ngói nóc Lustime sóng tròn	viên			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	37.300	37.300	37.300	37.300	37.300	37.300	37.300	37.300	37.300
1060	Vật liệu tấm lợp, bao che	Ngói cuối nóc Lustime sóng tròn	viên			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000
1061	Vật liệu tấm lợp, bao che	Ngói rìa Lustime sóng tròn	viên			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	32.700	32.700	32.700	32.700	32.700	32.700	32.700	32.700	32.700
1062	Vật liệu tấm lợp, bao che	Ngói cuối rìa Lustime sóng tròn	viên			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	68.700	68.700	68.700	68.700	68.700	68.700	68.700	68.700	68.700
1063	Vật liệu tấm lợp, bao che	Ngói chạc 3 Lustime sóng tròn	viên			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	162.400	162.400	162.400	162.400	162.400	162.400	162.400	162.400	162.400
1064	Vật liệu tấm lợp, bao che	Ngói cuối mái Lustime sóng tròn	viên			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	68.300	68.300	68.300	68.300	68.300	68.300	68.300	68.300	68.300
1065	Sơn	Bột trét nội thất mịn VETONIC	kg	TCCS 02:2020/DURA-BT	bao 40kg	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8.125	8.125	8.125	8.125	8.125	8.125	8.125	8.125	8.125
1066	Sơn	Bột trét ngoại thất chống thấm VETONIC	kg	TCCS 02:2020/DURA-BT	bao 40kg	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10.450	10.450	10.450	10.450	10.450	10.450	10.450	10.450	10.450
1067	Sơn	Bột trét cao cấp nội thất ZURIK CHỐNG NẤM MỐC TỐI ƯU	kg	TCCS 02:2020/DURA-BT	bao 40kg	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	9.500	9.500	9.500	9.500	9.500	9.500	9.500	9.500	9.500
1068	Sơn	Bột trét cao cấp ngoại thất ZURIK CHỐNG THẤM	kg	TCCS 02:2020/DURA-BT	bao 40kg	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10.650	10.650	10.650	10.650	10.650	10.650	10.650	10.650	10.650
1069	Sơn	Bột trét cao cấp ngoại và nội thất ENRIC ĐA NĂNG	kg	TCCS 02:2020/DURA-BT	bao 40kg	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	13.200	13.200	13.200	13.200	13.200	13.200	13.200	13.200	13.200
1070	Sơn	Sơn nội thất Lavender mịn Eco	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2016	thùng 15lít	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	47.600	47.600	47.600	47.600	47.600	47.600	47.600	47.600	47.600
1071	Sơn	Sơn nội thất Lavender đa dụng	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2019	thùng 15lít	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	64.333	64.333	64.333	64.333	64.333	64.333	64.333	64.333	64.333
1072	Sơn	Sơn nội thất Lavender đa dụng	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2020	thùng 18lít	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	64.278	64.278	64.278	64.278	64.278	64.278	64.278	64.278	64.278

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
1073	Sơn	Sơn nội thất Vego bóng mờ cổ điển	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2022	thùng 15lít	Công ty TNHH Son Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	96.333	96.333	96.333	96.333	96.333	96.333	96.333	96.333	96.333
1074	Sơn	Sơn nội thất Vego bóng mờ cổ điển	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2023	thùng 18lít	Công ty TNHH Son Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	96.333	96.333	96.333	96.333	96.333	96.333	96.333	96.333	96.333
1075	Sơn	Sơn nội thất Vego lau chùi vượt trội	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2025	thùng 15lít	Công ty TNHH Son Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	143.467	143.467	143.467	143.467	143.467	143.467	143.467	143.467	143.467
1076	Sơn	Sơn nội thất Vego lau chùi vượt trội	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2026	thùng 18lít	Công ty TNHH Son Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	143.444	143.444	143.444	143.444	143.444	143.444	143.444	143.444	143.444
1077	Sơn	Sơn nội thất Venic cao cấp sạch hoàn hảo	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2028	thùng 15lít	Công ty TNHH Son Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	148.667	148.667	148.667	148.667	148.667	148.667	148.667	148.667	148.667
1078	Sơn	Sơn nội thất ENRIC HOÀN HẢO SẠCH KHÔNG KHÍ	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2035	thùng 15lít	Công ty TNHH Son Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	171.000	171.000	171.000	171.000	171.000	171.000	171.000	171.000	171.000
1079	Sơn	Sơn nội thất ZURRIK DỄ LAU CHÙI	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2030	thùng 15lít	Công ty TNHH Son Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	191.600	191.600	191.600	191.600	191.600	191.600	191.600	191.600	191.600
1080	Sơn	Sơn nội thất ZURRIK DỄ LAU CHÙI	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2031	thùng 18lít	Công ty TNHH Son Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	191.611	191.611	191.611	191.611	191.611	191.611	191.611	191.611	191.611
1081	Sơn	Sơn nội thất cao cấp ENRIC CHỐNG BÁM BẨN	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2033	thùng 18lít	Công ty TNHH Son Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	217.167	217.167	217.167	217.167	217.167	217.167	217.167	217.167	217.167
1082	Sơn	Sơn nội thất siêu cao cấp ENRIC BÓNG NGỌC TRAI	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2033	thùng 18lít	Công ty TNHH Son Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	227.867	227.867	227.867	227.867	227.867	227.867	227.867	227.867	227.867
1083	Sơn	Sơn ngoại thất LAVENDER ĐA DỤNG	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2016	thùng 15lít	Công ty TNHH Son Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	113.200	113.200	113.200	113.200	113.200	113.200	113.200	113.200	113.200
1084	Sơn	Sơn ngoại thất LAVENDER ĐA DỤNG	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2017	thùng 18lít	Công ty TNHH Son Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	113.222	113.222	113.222	113.222	113.222	113.222	113.222	113.222	113.222
1085	Sơn	Sơn ngoại thất VEGO BÓNG MỜ CỔ ĐIỂN	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2019	thùng 15lít	Công ty TNHH Son Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	177.800	177.800	177.800	177.800	177.800	177.800	177.800	177.800	177.800
1086	Sơn	Sơn ngoại thất VEGO BÓNG MỜ CỔ ĐIỂN	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2020	thùng 18lít	Công ty TNHH Son Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	177.833	177.833	177.833	177.833	177.833	177.833	177.833	177.833	177.833
1087	Sơn	Sơn ngoại thất ZURIK NGOẠI THẤT BÓNG	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2022	thùng 15lít	Công ty TNHH Son Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	251.733	251.733	251.733	251.733	251.733	251.733	251.733	251.733	251.733
1088	Sơn	Sơn ngoại thất ZURIK NGOẠI THẤT BÓNG	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2023	thùng 18lít	Công ty TNHH Son Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	251.667	251.667	251.667	251.667	251.667	251.667	251.667	251.667	251.667
1089	Sơn	Sơn ngoại thất cao cấp VENIC MƯA LÀ MỜI	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2025	thùng 15lít	Công ty TNHH Son Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	282.067	282.067	282.067	282.067	282.067	282.067	282.067	282.067	282.067
1090	Sơn	Sơn ngoại thất cao cấp ENRIC MÁT LẠNH	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2026	lon 5lít	Công ty TNHH Son Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	310.800	310.800	310.800	310.800	310.800	310.800	310.800	310.800	310.800
1091	Sơn	Sơn ngoại thất siêu cao cấp ENRIC HOÀN HẢO	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2019	thùng 15lít	Công ty TNHH Son Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	322.800	322.800	322.800	322.800	322.800	322.800	322.800	322.800	322.800
1092	Sơn	Sơn lót nội và ngoại thất LAVENDER ĐA DỤNG	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2016	thùng 15lít	Công ty TNHH Son Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	129.933	129.933	129.933	129.933	129.933	129.933	129.933	129.933	129.933
1093	Sơn	Sơn lót nội và ngoại thất LAVENDER ĐA DỤNG	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2017	thùng 18lít	Công ty TNHH Son Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	129.944	129.944	129.944	129.944	129.944	129.944	129.944	129.944	129.944
1094	Sơn	Sơn lót nội thất cao cấp ENRIC NANO SEALER NỘI THẤT	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2019	thùng 15lít	Công ty TNHH Son Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	122.067	122.067	122.067	122.067	122.067	122.067	122.067	122.067	122.067
1095	Sơn	Sơn lót nội thất cao cấp ENRIC NANO SEALER NỘI THẤT	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2020	thùng 18lít	Công ty TNHH Son Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	122.056	122.056	122.056	122.056	122.056	122.056	122.056	122.056	122.056
1096	Sơn	Sơn lót nội ngoại thất ENRIC KHÁNG KIỀM ĐA NĂNG	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2022	thùng 15lít	Công ty TNHH Son Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	153.267	153.267	153.267	153.267	153.267	153.267	153.267	153.267	153.267
1097	Sơn	Sơn lót nội ngoại thất ENRIC KHÁNG KIỀM ĐA NĂNG	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2023	thùng 18lít	Công ty TNHH Son Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	153.278	153.278	153.278	153.278	153.278	153.278	153.278	153.278	153.278
1098	Sơn	Sơn lót ngoại thất cao cấp ENRIC NANO SEALER NGOẠI THẤT	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2025	thùng 15lít	Công ty TNHH Son Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	122.067	122.067	122.067	122.067	122.067	122.067	122.067	122.067	122.067
1099	Sơn	Sơn lót ngoại thất cao cấp ENRIC NANO SEALER NGOẠI THẤT	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2026	thùng 18lít	Công ty TNHH Son Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	122.056	122.056	122.056	122.056	122.056	122.056	122.056	122.056	122.056
1100	Sơn	Sơn lót cách nhiệt ngoại thất siêu cao cấp ENRIC HEAT INSULATION	lít	QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT TCVN ISO 9001:2015/9001:2028	thùng 18lít	Công ty TNHH Son Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	212.500	212.500	212.500	212.500	212.500	212.500	212.500	212.500	212.500
1101	Sơn	Chống thấm thẩm thấu cho tường đứng - ENRIC CHỐNG THẤM ĐA NĂNG	lít	TCCS 03:2020/CT-DR	thùng 15lít	Công ty TNHH Son Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	107.667	107.667	107.667	107.667	107.667	107.667	107.667	107.667	107.667
1102	Sơn	Chống thấm thẩm thấu cho tường đứng - ENRIC CHỐNG THẤM ĐA NĂNG	lít	TCCS 03:2020/CT-DR	thùng 18lít	Công ty TNHH Son Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	107.667	107.667	107.667	107.667	107.667	107.667	107.667	107.667	107.667
1103	Sơn	Chống thấm 2 thành phần - pha xi măng - ENRIC CHỐNG THẤM 2:1	lít	TCCS 03:2020/CT-DR	thùng 15lít	Công ty TNHH Son Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	133.133	133.133	133.133	133.133	133.133	133.133	133.133	133.133	133.133

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
1104	Sơn	Chống thấm 2 thành phần - pha xi măng - ENRIC CHỐNG THẤM 2:1	lít	TCCS 03:2020/CT-DR	thùng 18lít	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	133.111	133.111	133.111	133.111	133.111	133.111	133.111	133.111	133.111
1105	Sơn	ENRIC CHỐNG THẤM ĐA MÀU SẮC (Chống thấm pha màu - hiệu ứng lá sen)	lít	TCCS 03:2020/CT-DR	thùng 15lít	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	169.467	169.467	169.467	169.467	169.467	169.467	169.467	169.467	169.467
1106	Sơn	Chống thấm pha màu - hiệu ứng lá sen - ENRIC CHỐNG THẤM ĐA MÀU SẮC	lít	TCCS 03:2020/CT-DR	thùng 18lít	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	169.444	169.444	169.444	169.444	169.444	169.444	169.444	169.444	169.444
1107	Sơn	Chống thấm WC & sân thượng ENRIC CHUYÊN DỤNG 7117	kg	TCCS 03:2020/CT-DR	01bộ: 5lít & 15kg	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	41.550	41.550	41.550	41.550	41.550	41.550	41.550	41.550	41.550
1108	Sơn	Lớp lót chống nóng & chống thấm chuyên dụng Sân Thượng ENRIC PRIMER	kg	TCCS 03:2020/CT-DR	thùng 15kg	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	110.200	110.200	110.200	110.200	110.200	110.200	110.200	110.200	110.200
1109	Sơn	Lớp phủ sợi thuỷ tinh gia cường siêu bền, chống nóng & chống thấm chuyên dụng Sân Thượng ENRIC SEAL	kg	TCCS 03:2020/CT-DR	thùng 15kg	Công ty TNHH Sơn Dura Việt Nam. Đc: 72 Lê Thánh Tôn, P.Sài Gòn, TP.HCM - Đt: 0909 367 117. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONDURA/08_2026 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Giao hàng tới chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm vận chuyển tới chân công trình	Mức giá ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	297.067	297.067	297.067	297.067	297.067	297.067	297.067	297.067	297.067
1110	Sơn	Bột trét ngoại thất cao cấp KOVA CITY	Bao	TCVN 7239:2014	Bao 40kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026.	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	671.296	671.296	671.296	671.296	671.296	671.296	671.296	671.296	671.296
1111	Sơn	Bột trét nội thất cao cấp KOVA CITY	Bao	TCVN 7239:2014	Bao 40kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026.	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	507.407	507.407	507.407	507.407	507.407	507.407	507.407	507.407	507.407
1112	Sơn	Bột trét nội thất KOVA DX	Bao	TCVN 7239:2014	Bao 40kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026.	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	496.296	496.296	496.296	496.296	496.296	496.296	496.296	496.296	496.296
1113	Sơn	Chất chống thấm cao cấp KOVA CT-11A Plus Sâ	Thùng	TCVN 12692:2020	Thùng 22kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026.	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.842.593	3.842.593	3.842.593	3.842.593	3.842.593	3.842.593	3.842.593	3.842.593	3.842.593
1114	Sơn	Chất chống thấm cao cấp KOVA CT-11A Plus Tu	Thùng	TCVN 12692:2020	Thùng 22kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026.	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.655.556	3.655.556	3.655.556	3.655.556	3.655.556	3.655.556	3.655.556	3.655.556	3.655.556
1115	Sơn	Chất chống thấm KOVA CT-11A PU Sân mái	Thùng	TCCS262:2024/ KOVANANOPRO	Thùng 22kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026.	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.250.000	4.250.000	4.250.000	4.250.000	4.250.000	4.250.000	4.250.000	4.250.000	4.250.000
1116	Sơn	Chất chống thấm màu KOVA CT-11A Color	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 22kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026.	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.185.185	5.185.185	5.185.185	5.185.185	5.185.185	5.185.185	5.185.185	5.185.185	5.185.185
1117	Sơn	Chất phụ gia chống thấm KOVA CT11B	Thùng	TCCS 15:2018/ KOVANANOPRO	Thùng 4kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026.	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	678.704	678.704	678.704	678.704	678.704	678.704	678.704	678.704	678.704
1118	Sơn	Mastic dẻo KOVA Đa năng	Thùng	TCCS204:2023/ KOVANANOPRO	Thùng 25kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026.	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.144.444	1.144.444	1.144.444	1.144.444	1.144.444	1.144.444	1.144.444	1.144.444	1.144.444
1119	Sơn	Mastic Epoxy KOVA KL-5 sàn	Bộ	TCCS75:2018/ KOVANANOPRO	Bộ 5kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026.	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	867.593	867.593	867.593	867.593	867.593	867.593	867.593	867.593	867.593
1120	Sơn	Mastic chịu ẩm KOVA SK-6	Bộ	TCCS86:2018/ KOVANANOPRO	Bộ 10kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026.	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	990.741	990.741	990.741	990.741	990.741	990.741	990.741	990.741	990.741
1121	Sơn	Keo KOVA Clear Nano	Lon	TCCS221:2024/ KOVANANOPRO	Lon 1L	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026.	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	350.000	350.000	350.000	350.000	350.000	350.000	350.000	350.000	350.000
1122	Sơn	Keo KOVA Clear	Thùng	TCCS203:2023/ KOVANANOPRO	Thùng 5L	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026.	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.458.333	1.458.333	1.458.333	1.458.333	1.458.333	1.458.333	1.458.333	1.458.333	1.458.333
1123	Sơn	Sơn công nghiệp EPOXY KOVA KL-5Tường	Bộ	QCVN 08:2020/BCT TCCS72:2018/ KOVANANOPRO	Bộ 5kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026.	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.085.185	2.085.185	2.085.185	2.085.185	2.085.185	2.085.185	2.085.185	2.085.185	2.085.185
1124	Sơn	Sơn công nghiệp EPOXY KOVA KL-5Tường kháng khuẩn	Bộ	QCVN 08:2020/BCT TCCS74:2018/ KOVANANOPRO	Bộ 5kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026.	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.375.000	2.375.000	2.375.000	2.375.000	2.375.000	2.375.000	2.375.000	2.375.000	2.375.000
1125	Sơn	Sơn công nghiệp EPOXY KOVA KL-5 sàn	Bộ	QCVN 08:2020/BCT TCCS71:2018/ KOVANANOPRO	Bộ 5kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026.	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.085.185	2.085.185	2.085.185	2.085.185	2.085.185	2.085.185	2.085.185	2.085.185	2.085.185
1126	Sơn	Sơn công nghiệp EPOXY KOVA KL-5 sàn kháng khuẩn	Bộ	QCVN 08:2020/BCT TCCS73:2018/ KOVANANOPRO	Bộ 5kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026.	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.375.000	2.375.000	2.375.000	2.375.000	2.375.000	2.375.000	2.375.000	2.375.000	2.375.000
1127	Sơn	Sơn lót epoxy Tự làm phẳng KOVA Self-levelling - Màu nhạt	Bộ	QCVN 08:2020/BCT TCCS106:2018/ KOVANANOPRO	Bộ 5kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026.	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.198.148	1.198.148	1.198.148	1.198.148	1.198.148	1.198.148	1.198.148	1.198.148	1.198.148
1128	Sơn	Sơn ngoại thất cao cấp KOVA CT-04 Chống Nón	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 18 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026.	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7.770.370	7.770.370	7.770.370	7.770.370	7.770.370	7.770.370	7.770.370	7.770.370	7.770.370
1129	Sơn	sơn chống gỉ hệ nước KOVA KG-01	Thùng	QCVN 08:2020/BCT TCCS79:2018/ KOVANANOPRO	Thùng 5kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026.	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.770.370	1.770.370	1.770.370	1.770.370	1.770.370	1.770.370	1.770.370	1.770.370	1.770.370
1130	Sơn	Sơn Đá Nghệ Thuật KOVA Art stone	Thùng	QCVN 08:2020/BCT TCCS65:2018/ KOVANANOPRO	Thùng 20kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026.	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.018.519	5.018.519	5.018.519	5.018.519	5.018.519	5.018.519	5.018.519	5.018.519	5.018.519
1131	Sơn	Sơn lót ngoại thất kháng kiềm KOVA K-207	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026.	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.043.519	3.043.519	3.043.519	3.043.519	3.043.519	3.043.519	3.043.519	3.043.519	3.043.519
1132	Sơn	Sơn lót ngoại thất kháng kiềm KOVA K-209	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026.	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.937.963	3.937.963	3.937.963	3.937.963	3.937.963	3.937.963	3.937.963	3.937.963	3.937.963
1133	Sơn	Sơn lót nội thất kháng kiềm KOVA K-109	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026.	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.110.185	2.110.185	2.110.185	2.110.185	2.110.185	2.110.185	2.110.185	2.110.185	2.110.185
1134	Sơn	Sơn ngoại thất cao cấp KOVA CT-04 Bền Màu	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16.-2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 18 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026.	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8.724.074	8.724.074	8.724.074	8.724.074	8.724.074	8.724.074	8.724.074	8.724.074	8.724.074

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
1135	Sơn	Sơn ngoại thất cao cấp KOVA CT-04 Chống Thấm	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 18 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7.138.889	7.138.889	7.138.889	7.138.889	7.138.889	7.138.889	7.138.889	7.138.889	7.138.889
1136	Sơn	Sơn ngoại thất cao cấp KOVA K-5501 Plus	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.118.519	5.118.519	5.118.519	5.118.519	5.118.519	5.118.519	5.118.519	5.118.519	5.118.519
1137	Sơn	Sơn ngoại thất KOVA K-261 Plus	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.550.000	3.550.000	3.550.000	3.550.000	3.550.000	3.550.000	3.550.000	3.550.000	3.550.000
1138	Sơn	Sơn ngoại thất KOVA K-265 Plus	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.112.037	3.112.037	3.112.037	3.112.037	3.112.037	3.112.037	3.112.037	3.112.037	3.112.037
1139	Sơn	Sơn nghệ thuật KOVA Art Metallic	Lon	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Lon 1kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	600.000	600.000	600.000	600.000	600.000	600.000	600.000	600.000	600.000
1140	Sơn	Sơn nội thất cao cấp KOVA K-5500 Plus	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.782.407	4.782.407	4.782.407	4.782.407	4.782.407	4.782.407	4.782.407	4.782.407	4.782.407
1141	Sơn	sơn nội thất cao cấp KOVA K-871 Plus	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.060.185	5.060.185	5.060.185	5.060.185	5.060.185	5.060.185	5.060.185	5.060.185	5.060.185
1142	Sơn	Sơn nội thất KOVA FIT	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.171.296	1.171.296	1.171.296	1.171.296	1.171.296	1.171.296	1.171.296	1.171.296	1.171.296
1143	Sơn	Sơn nội thất KOVA Fix Up	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08.-2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.001.852	2.001.852	2.001.852	2.001.852	2.001.852	2.001.852	2.001.852	2.001.852	2.001.852
1144	Sơn	Sơn nội thất KOVA K-203 Plus	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.981.481	1.981.481	1.981.481	1.981.481	1.981.481	1.981.481	1.981.481	1.981.481	1.981.481
1145	Sơn	Sơn nội thất KOVA K-260 Plus	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.821.296	2.821.296	2.821.296	2.821.296	2.821.296	2.821.296	2.821.296	2.821.296	2.821.296
1146	Sơn	Sơn nội thất KOVA VISTA++	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.533.333	1.533.333	1.533.333	1.533.333	1.533.333	1.533.333	1.533.333	1.533.333	1.533.333
1147	Sơn	Sơn ngoại thất cao cấp KOVA CT-04 Che Lấp vết Nứt	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 4.5 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.387.963	2.387.963	2.387.963	2.387.963	2.387.963	2.387.963	2.387.963	2.387.963	2.387.963
1148	Sơn	Sơn ngoại thất cao cấp KOVA CT-04 Tự Làm Sạch	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 4.5 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.819.444	2.819.444	2.819.444	2.819.444	2.819.444	2.819.444	2.819.444	2.819.444	2.819.444
1149	Sơn	sơn nội thất cao cấp KOVA Home Love	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.287.037	5.287.037	5.287.037	5.287.037	5.287.037	5.287.037	5.287.037	5.287.037	5.287.037
1150	Sơn	Sơn nội thất KOVA Effective 2inl	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.273.148	3.273.148	3.273.148	3.273.148	3.273.148	3.273.148	3.273.148	3.273.148	3.273.148
1151	Sơn	Sơn nội thất KOVA Effective Siêu Dậm Phủ	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.245.370	2.245.370	2.245.370	2.245.370	2.245.370	2.245.370	2.245.370	2.245.370	2.245.370
1152	Sơn	Sơn nội thất KOVA Effective Mịn Màng	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.917.593	1.917.593	1.917.593	1.917.593	1.917.593	1.917.593	1.917.593	1.917.593	1.917.593
1153	Sơn	Sơn nội thất KOVA Effective Tiện Lợi	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.459.259	1.459.259	1.459.259	1.459.259	1.459.259	1.459.259	1.459.259	1.459.259	1.459.259
1154	Sơn	Sơn lót nội thất kháng kiềm KOVA Effective Ultra	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.800.926	2.800.926	2.800.926	2.800.926	2.800.926	2.800.926	2.800.926	2.800.926	2.800.926
1155	Sơn	Sơn ngoại thất cao cấp KOVA Home Safe	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.211.111	5.211.111	5.211.111	5.211.111	5.211.111	5.211.111	5.211.111	5.211.111	5.211.111
1156	Sơn	Sơn ngoại thất KOVA Effective Màu Lâu Phai	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.182.407	4.182.407	4.182.407	4.182.407	4.182.407	4.182.407	4.182.407	4.182.407	4.182.407
1157	Sơn	Sơn ngoại thất KOVA Effective Chuyên dụng	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.362.037	3.362.037	3.362.037	3.362.037	3.362.037	3.362.037	3.362.037	3.362.037	3.362.037
1158	Sơn	Sơn lót ngoại thất kháng kiềm KOVA Effective	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.339.815	3.339.815	3.339.815	3.339.815	3.339.815	3.339.815	3.339.815	3.339.815	3.339.815
1159	Sơn	Sơn lót ngoại thất kháng kiềm KOVA Effective Ultra	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2023/BXD QCVN 08:2020/BCT	Thùng 16 lít	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.498.148	4.498.148	4.498.148	4.498.148	4.498.148	4.498.148	4.498.148	4.498.148	4.498.148
1160	Sơn	Sơn công nghiệp đa năng KOVA CT-08 (nhám) - Màu Catalouge	Thùng	QCVN 08:2020/BCT TCCS84:2018/ KOVANANOPRO	Thùng 25kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7.380.556	7.380.556	7.380.556	7.380.556	7.380.556	7.380.556	7.380.556	7.380.556	7.380.556
1161	Sơn	Sơn công nghiệp đa năng KOVA CT-08 (nhám) - Màu tùy chỉnh ngoài Catalouge	Thùng	QCVN 08:2020/BCT TCCS84:2018/ KOVANANOPRO	Thùng 25kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8.680.556	8.680.556	8.680.556	8.680.556	8.680.556	8.680.556	8.680.556	8.680.556	8.680.556
1162	Sơn	Sơn công nghiệp đa năng KOVA CT-08 (không nhám) -Màu Catalouge	Thùng	QCVN 08:2020/BCT TCCS84:2018/ KOVANANOPRO	Thùng25kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10.340.741	10.340.741	10.340.741	10.340.741	10.340.741	10.340.741	10.340.741	10.340.741	10.340.741
1163	Sơn	Sơn công nghiệp đa năng KOVA CT-08 (không nhám) -Màu tùy chỉnh ngoài Catalouge	Thùng	QCVN 08:2020/BCT TCCS84:2018/ KOVANANOPRO	Thùng 25kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	11.415.741	11.415.741	11.415.741	11.415.741	11.415.741	11.415.741	11.415.741	11.415.741	11.415.741
1164	Sơn	Sơn giao thông hệ nước KOVA A9 - Trắng	Thùng	QCVN 08:2020/BCT TCCS80:2018/ KOVANANOPRO	Thùng 25kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.060.185	6.060.185	6.060.185	6.060.185	6.060.185	6.060.185	6.060.185	6.060.185	6.060.185

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
1165	Sơn	Sơn giao thông hệ nước KOVA A9 - Đen/Vàng/Đỏ	Thùng	QCVN 08:2020/BCT TCCS80:2018/ KOVANANOPRO	Thùng25kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7.316.667	7.316.667	7.316.667	7.316.667	7.316.667	7.316.667	7.316.667	7.316.667	7.316.667
1166	Sơn	Sơn giao thông hệ nước KOVA A9 (có phản quang) -Trắng/Đen/Vàng/Đỏ	Thùng	QCVN 08:2020/BCT TCCS80:2018/ KOVANANOPRO	Thùng 20kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10.145.370	10.145.370	10.145.370	10.145.370	10.145.370	10.145.370	10.145.370	10.145.370	10.145.370
1167	Sơn	Sơn giao thông hệ nước KOVA A10 (màu Đỏ; dùng để sơn bề mặt kết cấu BT, BTCT)	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 08:2020/BCT	Thùng 25 kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.270.313	3.270.313	3.270.313	3.270.313	3.270.313	3.270.313	3.270.313	3.270.313	3.270.313
1168	Sơn	Sơn giao thông hệ nước KOVA A10 (màu Trắng; dùng để sơn bề mặt kết cấu BT, BTCT)	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 08:2020/BCT	Thùng 25 kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.482.813	2.482.813	2.482.813	2.482.813	2.482.813	2.482.813	2.482.813	2.482.813	2.482.813
1169	Sơn	Sơn lót giao thông KOVA KL-M (dùng làm sơn lót cho sơn vạch kẻ đường)	Can	QCVN 08:2020/BCT TCCS83:2018/KOVANAN OPRO	Can 24 kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.335.500	2.335.500	2.335.500	2.335.500	2.335.500	2.335.500	2.335.500	2.335.500	2.335.500
1170	Sơn	Hạt phản quang	Bao	TCCS267:2025/KOVANA NOPRO	Bao 25 kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	597.813	597.813	597.813	597.813	597.813	597.813	597.813	597.813	597.813
1171	Sơn	Sơn giao thông KOVA Hotmelt Jis (màu Trắng; dùng để sơn vạch kẻ đường)	Bao	QCVN 08:2020/BCT TCCS82:2018/KOVANAN OPRO	Bao 25 kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	607.813	607.813	607.813	607.813	607.813	607.813	607.813	607.813	607.813
1172	Sơn	Sơn giao thông KOVA Hotmelt Jis (màu Vàng; dùng để sơn vạch kẻ đường)	Bao	QCVN 08:2020/BCT TCCS82:2018/KOVANAN OPRO	Bao 25 kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	632.813	632.813	632.813	632.813	632.813	632.813	632.813	632.813	632.813
1173	Sơn	Sơn giao thông KOVA Hotmelt TCVN (màu Trắng; dùng để sơn vạch kẻ đường)	Bao	QCVN 08:2020/BCT TCCS81:2018/KOVANAN OPRO	Bao 25 kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	917.813	917.813	917.813	917.813	917.813	917.813	917.813	917.813	917.813
1174	Sơn	Sơn giao thông KOVA Hotmelt TCVN (màu Vàng; dùng để sơn vạch kẻ đường)	Bao	QCVN 08:2020/BCT TCCS81:2018/KOVANAN OPRO	Bao 25 kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	955.313	955.313	955.313	955.313	955.313	955.313	955.313	955.313	955.313
1175	Sơn	Sơn giao thông KOVA Hotmelt AASHTO (màu Trắng; dùng để sơn vạch kẻ đường)	Bao	QCVN 08:2020/BCT TCCS103:2018/KOVANA NOPRO	Bao 25 kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2027	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.107.813	1.107.813	1.107.813	1.107.813	1.107.813	1.107.813	1.107.813	1.107.813	1.107.813
1176	Sơn	Sơn giao thông KOVA Hotmelt AASHTO (màu Vàng; dùng để sơn vạch kẻ đường)	Bao	QCVN 08:2020/BCT TCCS103:2018/KOVANA NOPRO	Bao 25 kg	Công ty TNHH Kova Nanopro. Đc: Nguyễn Hữu Cảnh, P.Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0985595254. Công văn đề nghị công bố giá số CV-KOVA/0526-05 ngày 15/05/2028	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	Mức giá ngày 01/05/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.145.313	1.145.313	1.145.313	1.145.313	1.145.313	1.145.313	1.145.313	1.145.313	1.145.313
1177	Sơn	Sơn giao thông lót	kg	TN các chỉ tiêu kỹ thuật theo công văn số 4718/GTVT-KHCN về tiêu chuẩn vạch kẻ Đường nhiệt dẻo của Bộ GTVT	04kg/lon 18kg/thùng	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	94.100	94.100	94.100	94.100	94.100	94.100	94.100	94.100	94.100
1178	Sơn	Sơn giao thông trắng 20% hạt phản quang tiêu chuẩn TCVN (JFPT25)	kg	TCVN 8791:2011	25kg/bao	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	31.100	31.100	31.100	31.100	31.100	31.100	31.100	31.100	31.100
1179	Sơn	Sơn giao thông vàng 20% hạt phản quang	kg	TCVN 8791:2011	25kg/bao	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	33.000	33.000	33.000	33.000	33.000	33.000	33.000	33.000	33.000
1180	Sơn	Sơn giao thông trắng 30% hạt phản quang	kg	AASHTO	25kg/bao	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	44.100	44.100	44.100	44.100	44.100	44.100	44.100	44.100	44.100
1181	Sơn	Sơn giao thông vàng 30% hạt phản quang	kg	AASHTO	25kg/bao	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	46.500	46.500	46.500	46.500	46.500	46.500	46.500	46.500	46.500
1182	Sơn	Sơn kẻ vạch đường, sơn lạnh (màu trắng, đen) (JOWAY)	kg	TCVN 8791:2011	05 kg/lon 25kg/thùng	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	153.000	153.000	153.000	153.000	153.000	153.000	153.000	153.000	153.000
1183	Sơn	Sơn kẻ vạch đường, sơn lạnh (màu vàng, đỏ) (JOWAY)	kg	TCVN 8791:2011	05 kg/lon 25kg/thùng	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	190.500	190.500	190.500	190.500	190.500	190.500	190.500	190.500	190.500
1184	Sơn	Sơn clear phản quang	kg	TCVN 8791:2011	25kg/bao	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	212.000	212.000	212.000	212.000	212.000	212.000	212.000	212.000	212.000
1185	Sơn	Hạt phản quang	kg	ASSHTOM247-13(2022)-Loại II	25kg/bao	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000
1186	Sơn	Jothiner Joway	kg	TCVN 8787:2011	05lít/lon 01 lít/lon	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	86.000	86.000	86.000	86.000	86.000	86.000	86.000	86.000	86.000
1187	Sơn	Sơn lót Expoxy gốc dầu	kg	QCVN 16:2019/BXD	04 kg/bộ	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	178.500	178.500	178.500	178.500	178.500	178.500	178.500	178.500	178.500
1188	Sơn	Sơn phủ Expoxy gốc dầu (trong nhà)	kg	QCVN 16:2019/BXD	04 kg/bộ	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	414.100	414.100	414.100	414.100	414.100	414.100	414.100	414.100	414.100
1189	Sơn	Sơn lót Expoxy gốc nước	kg	QCVN 16:2019/BXD	04 kg/bộ	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	185.000	185.000	185.000	185.000	185.000	185.000	185.000	185.000	185.000
1190	Sơn	Matis gốc nước	kg	QCVN 16:2019/BXD	20kg/bộ	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	74.000	74.000	74.000	74.000	74.000	74.000	74.000	74.000	74.000
1191	Sơn	Sơn phủ Expoxy gốc nước	kg	QCVN 16:2019/BXD	6,5kg/bộ	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	427.500	427.500	427.500	427.500	427.500	427.500	427.500	427.500	427.500
1192	Sơn	Sơn phủ (LOTUS)	thùng	QCVN 16:2019/BXD JIS K5663:2003	18 lít/thùng	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.755.300	5.755.300	5.755.300	5.755.300	5.755.300	5.755.300	5.755.300	5.755.300	5.755.300
1193	Sơn	Sơn lót (PROS Dự Án)	thùng	TCCS 06:2011/LQJT	18 lít/thùng	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.855.000	2.855.000	2.855.000	2.855.000	2.855.000	2.855.000	2.855.000	2.855.000	2.855.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
1194	Sơn	Bột trét Passion Ext	bao	TCVN 7239:2014	40kg/bao	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	597.000	597.000	597.000	597.000	597.000	597.000	597.000	597.000	597.000
1195	Sơn	Sơn phủ Peace	thùng	QCVN 16:2019/BXD	18 lít/thùng	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.792.800	2.792.800	2.792.800	2.792.800	2.792.800	2.792.800	2.792.800	2.792.800	2.792.800
1196	Sơn	Sơn lót (PROSIN Dự Án)	thùng	TCCS 06:2011/LQJT	18 lít/thùng	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.786.500	1.786.500	1.786.500	1.786.500	1.786.500	1.786.500	1.786.500	1.786.500	1.786.500
1197	Sơn	Bột trét (PASSION INT)	bao	TCVN 7239:2014	40 kg/bao	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	451.000	451.000	451.000	451.000	451.000	451.000	451.000	451.000	451.000
1198	Sơn	Bột trét nội thất SP. FILLER Siêu trắng	bao	TCVN 7239:2014	40 kg/bao	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	331.000	331.000	331.000	331.000	331.000	331.000	331.000	331.000	331.000
1199	Sơn	Bột trét ngoại thất JOTON trắng	bao	TCVN 7239:2014	40 kg/bao	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	414.000	414.000	414.000	414.000	414.000	414.000	414.000	414.000	414.000
1200	Sơn	Bột trét nội và ngoại thất JOTON BEST COAT	bao	TCVN 7239:2014	40 kg/bao	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	494.000	494.000	494.000	494.000	494.000	494.000	494.000	494.000	494.000
1201	Sơn	Keo dán gạch	bao	QCVN 16:2019/BXD J1S K5663:2003	25 kg/bao	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	285.500	285.500	285.500	285.500	285.500	285.500	285.500	285.500	285.500
1202	Sơn	Bột chà ron	hộp	QCVN 16:2019/BXD JIS K5663:2003	05 kg/hộp	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	75.500	75.500	75.500	75.500	75.500	75.500	75.500	75.500	75.500
1203	Sơn	Sơn nước nội thất SENIOR	thùng	QCVN 16:2019/BXD JIS K5663:2003	18 lít/thùng	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.782.000	1.782.000	1.782.000	1.782.000	1.782.000	1.782.000	1.782.000	1.782.000	1.782.000
1204	sơn	Sơn nước Nội Thất SENIOR	lon	QCVN 16:2019/BXD JIS K5663:2003	05 lít/lon	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	534.000	534.000	534.000	534.000	534.000	534.000	534.000	534.000	534.000
1205	sơn	Sơn nước Nội Thất EXFA	lon	QCVN 16:2019/BXD JIS K5663:2003	05 lít/lon	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	973.000	973.000	973.000	973.000	973.000	973.000	973.000	973.000	973.000
1206	sơn	SƠN nước ngoại thất FA NGOÀI CT	thùng	QCVN 16:2019/BXD JIS K5663:2003	18 lít/thùng	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.330.000	4.330.000	4.330.000	4.330.000	4.330.000	4.330.000	4.330.000	4.330.000	4.330.000
1207	sơn	SƠN nước ngoại thất FA NGOÀI CT	lon	QCVN 16:2019/BXD JIS K5663:2003	05 lít/lon	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.266.500	1.266.500	1.266.500	1.266.500	1.266.500	1.266.500	1.266.500	1.266.500	1.266.500
1208	sơn	SƠN nước ngoại thất FA NGOÀI CT	lon	QCVN 16:2019/BXD JIS K5663:2003	01 lít/lon	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	302.000	302.000	302.000	302.000	302.000	302.000	302.000	302.000	302.000
1209	Sơn	Sơn nước ngoại thất JONY	thùng	QCVN 16:2019/BXD JIS K5663:2003	18 lít/thùng	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.590.000	2.590.000	2.590.000	2.590.000	2.590.000	2.590.000	2.590.000	2.590.000	2.590.000
1210	sơn	Sơn nước thoại thất JONY	lon	QCVN 16:2019/BXD JIS K5663:2003	05 lít/lon	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	867.500	867.500	867.500	867.500	867.500	867.500	867.500	867.500	867.500
1211	sơn	Sơn chất thẩm gốc dầu	lon	TCVN 7239:2014	06 lít/lon	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.693.000	1.693.000	1.693.000	1.693.000	1.693.000	1.693.000	1.693.000	1.693.000	1.693.000
1212	sơn	Sơn chất thẩm gốc dầu	thùng	TCVN 7239:2014	18,5 kg/thùng	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.539.500	2.539.500	2.539.500	2.539.500	2.539.500	2.539.500	2.539.500	2.539.500	2.539.500
1213	sơn	Sơn sắt mạ kẽm	thùng	TCCS SD13- 14:2020/LQJT	20 kg/thùng	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.843.000	4.843.000	4.843.000	4.843.000	4.843.000	4.843.000	4.843.000	4.843.000	4.843.000
1214	sơn	Sơn sắt mạ kẽm	lon	TCCS SD13- 14:2020/LQJT	03 lít/lon	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	812.000	812.000	812.000	812.000	812.000	812.000	812.000	812.000	812.000
1215	sơn	Sơn sắt mạ kẽm	lon	TCCS SD13- 14:2020/LQJT	0,8 lít/lon	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	217.500	217.500	217.500	217.500	217.500	217.500	217.500	217.500	217.500
1216	sơn	Sơn sắt mạ kẽm	lon	TCCS SD13- 14:2020/LQJT	0,45 lít/lon	Công ty CP L.Q JOTON. Đc; 62/6 ấp 28, xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM - Đt: 028.38910224. (Công văn đề nghị công bố giá số 15_08_26/SXD-KTVL ngày 15/07/2026)	Việt Nam	Khối lượng cung cấp: theo yêu cầu của bên mua, giá bán toàn tỉnh	Phương tiện vận chuyển: xe tải. Đã bao gồm chi phí vận chuyển trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	131.000	131.000	131.000	131.000	131.000	131.000	131.000	131.000	131.000
1217	Sơn	Bột trét ngoại thất Nippon WeatherGard Skimcoat	kg	TCVN 7329:2014	40kg	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000
1218	Sơn	Bột trét ngoại thất Nippon Exterior Putty	kg	TCVN 7329:2014	40kg	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	12.700	12.700	12.700	12.700	12.700	12.700	12.700	12.700	12.700
1219	Sơn	Bột trét ngoại thất Nippon Weatherbond Skimcoat	kg	TCVN 7329:2014	40kg	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	11.000	11.000	11.000	11.000	11.000	11.000	11.000	11.000	11.000
1220	Sơn	Bột trét nội thất Nippon Interior Putty	kg	TCVN 7329:2014	40kg	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	9.700	9.700	9.700	9.700	9.700	9.700	9.700	9.700	9.700
1221	Sơn	Bột trét nội thất Nippon Interior Skimcoat	kg	TCVN 7329:2014	40kg	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
1222	Sơn	Sơn lót nội thất cao cấp Nippon Odour-less Sealer	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L, 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	218.400	218.400	218.400	218.400	218.400	218.400	218.400	218.400	218.400
1223	Sơn	Sơn lót nội thất Nippon Easy Wash Sealer	lít	QCVN 16:2023 BXD	15L, 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	205.800	205.800	205.800	205.800	205.800	205.800	205.800	205.800	205.800
1224	Sơn	Sơn lót nội thất cao cấp Nippon Interior Sealer	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	162.000	162.000	162.000	162.000	162.000	162.000	162.000	162.000	162.000
1225	Sơn	Sơn lót nội thất Nippon Matex Sealer	lít	QCVN 16:2023 BXD	17L. 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	125.800	125.800	125.800	125.800	125.800	125.800	125.800	125.800	125.800
1226	Sơn	Sơn lót ngoại thất cao cấp Nippon WeatherGard Sealer	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L, 17L, 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	316.200	316.200	316.200	316.200	316.200	316.200	316.200	316.200	316.200
1227	Sơn	Sơn lót ngoại thất chống nứt Nippon Weatherbond Flex Sealer	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	256.000	256.000	256.000	256.000	256.000	256.000	256.000	256.000	256.000
1228	Sơn	Sơn lót ngoại thất cao cấp Nippon Weatherbond Sealer	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	220.000	220.000	220.000	220.000	220.000	220.000	220.000	220.000	220.000
1229	Sơn	Sơn lót ngoại thất Nippon Super Matex Sealer	lít	QCVN 16:2023 BXD	17L. 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	208.600	208.600	208.600	208.600	208.600	208.600	208.600	208.600	208.600
1230	Sơn	Sơn phủ nội thất kinh tế Nippon Vatex	lít	QCVN 16:2023 BXD	17L. 4,8kg	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	74.200	74.200	74.200	74.200	74.200	74.200	74.200	74.200	74.200
1231	Sơn	Sơn phủ nội thất Nippon Matex	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L, 5kg	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	122.000	122.000	122.000	122.000	122.000	122.000	122.000	122.000	122.000
1232	Sơn	Sơn phủ nội thất Nippon Matex Sắc Màu Dịu Mát	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L, 5kg	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	112.200	112.200	112.200	112.200	112.200	112.200	112.200	112.200	112.200
1233	Sơn	Sơn phủ nội thất Nippon Easy Wash lau chùi dễ dàng	lít	QCVN 16:2023 BXD	15L, 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	217.800	217.800	217.800	217.800	217.800	217.800	217.800	217.800	217.800
1234	Sơn	Sơn phủ nội thất chống nấm mốc Nippon Trắng Trần Toàn Diện	lít	QCVN 16:2023 BXD	15L, 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	226.800	226.800	226.800	226.800	226.800	226.800	226.800	226.800	226.800
1235	Sơn	Sơn phủ nội thất cao cấp Nippon Odour-less Bóng sang trọng	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L, 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	257.200	257.200	257.200	257.200	257.200	257.200	257.200	257.200	257.200
1236	Sơn	Sơn phủ nội thất cao cấp Nippon Odour-less chùi rửa vượt trội & kháng khuẩn	lít	QCVN 16:2023 BXD	15L, 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	262.800	262.800	262.800	262.800	262.800	262.800	262.800	262.800	262.800
1237	Sơn	Sơn phủ nội thất cao cấp Nippon Spot-less Plus	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L, 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	399.400	399.400	399.400	399.400	399.400	399.400	399.400	399.400	399.400
1238	Sơn	Sơn phủ nội thất cao cấp Nippon Odour-less All in 1 bóng (không mùi)	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L, 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	431.800	431.800	431.800	431.800	431.800	431.800	431.800	431.800	431.800
1239	Sơn	Sơn phủ nội thất cao cấp Nippon Odour-less All in 1 bóng Siêu Bóng (không mùi)	lít	QCVN 16:2023 BXD	5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	477.200	477.200	477.200	477.200	477.200	477.200	477.200	477.200	477.200
1240	Sơn	Sơn phủ nội thất kinh tế Nippon Litex	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000
1241	Sơn	Sơn phủ nội thất chống nấm mốc Nippon Matex Light	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000
1242	Sơn	Sơn phủ nội thất cao cấp chịu chùi rửa vượt trội Nippon Super Easy Wash	lít	QCVN 16:2023 BXD	17L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	164.000	164.000	164.000	164.000	164.000	164.000	164.000	164.000	164.000
1243	Sơn	Sơn phủ nội thất cao cấp chống bám bẩn kháng khuẩn Nippon Spot-Less Perfect	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	211.000	211.000	211.000	211.000	211.000	211.000	211.000	211.000	211.000
1244	Sơn	Sơn phủ ngoại thất Nippon Super Matex	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L, 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	208.600	208.600	208.600	208.600	208.600	208.600	208.600	208.600	208.600

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
1245	Sơn	Sơn phủ ngoại thất Nippon Super Gard	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L, 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	318.400	318.400	318.400	318.400	318.400	318.400	318.400	318.400	318.400
1246	Sơn	Sơn phủ ngoại thất cao cấp Nippon WeatherGard Hitex	lít	QCVN 16:2023 BXD	15L, 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	433.800	433.800	433.800	433.800	433.800	433.800	433.800	433.800	433.800
1247	Sơn	Sơn phủ ngoại thất cao cấp Nippon WeatherGard Plux +	lít	QCVN 16:2023 BXD	15L, 5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	568.400	568.400	568.400	568.400	568.400	568.400	568.400	568.400	568.400
1248	Sơn	Sơn phủ ngoại thất cao cấp Nippon WeatherGard Siêu Bóng	lít	QCVN 16:2023 BXD	5L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	655.000	655.000	655.000	655.000	655.000	655.000	655.000	655.000	655.000
1249	Sơn	Sơn phủ ngoại thất kinh tế Nippon Super Litex	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	148.000	148.000	148.000	148.000	148.000	148.000	148.000	148.000	148.000
1250	Sơn	Sơn phủ ngoại thất chống rêu mốc, chống bong tróc Nippon Superbond	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	244.000	244.000	244.000	244.000	244.000	244.000	244.000	244.000	244.000
1251	Sơn	Sơn phủ ngoại thất cao cấp màng sơn bóng mờ, bền màu Nippon Weatherbond	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000
1252	Sơn	Sơn phủ ngoại thất cao cấp, che phủ vết nứt Nippon Weatherbond Flex	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	440.000	440.000	440.000	440.000	440.000	440.000	440.000	440.000	440.000
1253	Sơn	Sơn phủ ngoại thất cao cấp kháng kiềm và độ đàn hồi cao Nippon Weatherbond CoastPro	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	528.000	528.000	528.000	528.000	528.000	528.000	528.000	528.000	528.000
1254	Sơn	Sơn chống thấm Nippon WP 200 Expert	lít	QCVN 16:2023 BXD	18L	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá không đổi	193.000	193.000	193.000	193.000	193.000	193.000	193.000	193.000	193.000
1255	Sơn	Sơn chống thấm Nippon WP 200	kg	QCVN 16:2023 BXD	20kg	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	224.600	224.600	224.600	224.600	224.600	224.600	224.600	224.600	224.600
1256	Sơn	Sơn chống thấm Nippon WP 200 Plus	kg	QCVN 16:2023 BXD	18kg	Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam). Đc: số 14, đường 3A, KCN Biên Hoà II, P.Long Hưng, TP.Đồng Nai. Đt: 0251.383.6579 - 0915.736.945. Công văn đề nghị công bố giá số 03/2026/NPV ngày 01/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	không có thông tin	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến 31/12/2026	Giá bán tăng	250.000	250.000	250.000	250.000	250.000	250.000	250.000	250.000	250.000
1257	Sơn	Bột bả nội thất Eco Skimcoat For Interior	bao	TCVN 7239:2014	40KG	Công ty TNHH Son Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	374.074	374.074	374.074	374.074	374.074	374.074	374.074	374.074	374.074
1258	Sơn	Bột trét tường nội ngoại thất Eco Skimcoat for All	bao	TCVN 7239:2014	40KG	Công ty TNHH Son Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	471.296	471.296	471.296	471.296	471.296	471.296	471.296	471.296	471.296
1259	Sơn	Bột bả nội thất Smart Skimcoat	bao	TCVN 7239:2014	40KG	Công ty TNHH Son Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	374.074	374.074	374.074	374.074	374.074	374.074	374.074	374.074	374.074
1260	Sơn	Bột trét tường nội ngoại thất Extra Skimcoat	bao	TCVN 7239:2014	40KG	Công ty TNHH Son Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	471.296	471.296	471.296	471.296	471.296	471.296	471.296	471.296	471.296
1261	Sơn	Sơn lót chống kiềm nội thất Primer for Interior	lon	TCVN 8652:2012	5L	Công ty TNHH Son Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	1.000.000	1.000.000	1.000.000	1.000.000	1.000.000	1.000.000	1.000.000	1.000.000	1.000.000
1262	Sơn	Sơn lót chống kiềm nội thất Primer for Interior	lon	TCVN 8652:2012	15L	Công ty TNHH Son Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	2.833.333	2.833.333	2.833.333	2.833.333	2.833.333	2.833.333	2.833.333	2.833.333	2.833.333
1263	Sơn	Sơn lót chống kiềm nội thất Primer for Interior	thùng	TCVN 8652:2012	18L	Công ty TNHH Son Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	3.231.481	3.231.481	3.231.481	3.231.481	3.231.481	3.231.481	3.231.481	3.231.481	3.231.481
1264	Sơn	Sơn lót chống kiềm nội thất Sealer In	lon	TCVN 8652:2012	5L	Công ty TNHH Son Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	850.926	850.926	850.926	850.926	850.926	850.926	850.926	850.926	850.926
1265	Sơn	Sơn lót chống kiềm nội thất Sealer In	lon	TCVN 8652:2012	15L	Công ty TNHH Son Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	2.435.185	2.435.185	2.435.185	2.435.185	2.435.185	2.435.185	2.435.185	2.435.185	2.435.185
1266	Sơn	Sơn lót chống kiềm nội thất Sealer In	thùng	TCVN 8652:2012	18L	Công ty TNHH Son Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	2.768.519	2.768.519	2.768.519	2.768.519	2.768.519	2.768.519	2.768.519	2.768.519	2.768.519
1267	Sơn	Sơn lót chống kiềm nội thất siêu hạng Eco-Green Primer	lon	TCVN 8652:2012	5L	Công ty TNHH Son Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	1.203.704	1.203.704	1.203.704	1.203.704	1.203.704	1.203.704	1.203.704	1.203.704	1.203.704
1268	Sơn	Sơn lót chống kiềm nội thất siêu hạng Eco-Green Primer	thùng	TCVN 8652:2012	18L	Công ty TNHH Son Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	3.901.852	3.901.852	3.901.852	3.901.852	3.901.852	3.901.852	3.901.852	3.901.852	3.901.852
1269	Sơn	Sơn lót chống kiềm ngoại thất Sealer Ex	lon	TCVN 8652:2012	5L	Công ty TNHH Son Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	1.416.667	1.416.667	1.416.667	1.416.667	1.416.667	1.416.667	1.416.667	1.416.667	1.416.667
1270	Sơn	Sơn lót chống kiềm ngoại thất Sealer Ex	lon	TCVN 8652:2012	15L	Công ty TNHH Son Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	4.062.963	4.062.963	4.062.963	4.062.963	4.062.963	4.062.963	4.062.963	4.062.963	4.062.963

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
1271	Sơn	Sơn lót chống kiềm ngoại thất Sealer Ex	thùng	TCVN 8652:2012	18L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	4.451.852	4.451.852	4.451.852	4.451.852	4.451.852	4.451.852	4.451.852	4.451.852	4.451.852
1272	Sơn	Sơn lót chống kiềm siêu hạng Primer Sealer 1035	lon	TCVN 8652:2012	5L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	1.481.481	1.481.481	1.481.481	1.481.481	1.481.481	1.481.481	1.481.481	1.481.481	1.481.481
1273	Sơn	Sơn lót chăng kiềm siêu hạng Primer Sealer 1035	lon	TCVN 8652:2012	15L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	4.240.741	4.240.741	4.240.741	4.240.741	4.240.741	4.240.741	4.240.741	4.240.741	4.240.741
1274	Sơn	Sơn lót chống kiềm siêu hạng Primer Sealer 1035	thùng	TCVN 8652:2012	18L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	4.567.593	4.567.593	4.567.593	4.567.593	4.567.593	4.567.593	4.567.593	4.567.593	4.567.593
1275	Sơn	Sơn lót ngoại thất đặc biệt Nano Sealer	lon	TCVN 8652:2012	5L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	1.722.222	1.722.222	1.722.222	1.722.222	1.722.222	1.722.222	1.722.222	1.722.222	1.722.222
1276	Sơn	Sơn lót ngoại that đặc biệt Nano Sealer	thùng	TCVN 8652:2012	18L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	5.657.407	5.657.407	5.657.407	5.657.407	5.657.407	5.657.407	5.657.407	5.657.407	5.657.407
1277	Sơn	Sơn nội thất kinh tế Basic	lon	QCVN 16:2019/BXD	4L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	240.741	240.741	240.741	240.741	240.741	240.741	240.741	240.741	240.741
1278	Sơn	Sơn nội thất kinh tế Basic	lon	QCVN 16:2019/BXD	5L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	304.630	304.630	304.630	304.630	304.630	304.630	304.630	304.630	304.630
1279	Sơn	Sơn nội thất kinh tế Basic	lon	QCVN 16:2019/BXD	15L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	888.889	888.889	888.889	888.889	888.889	888.889	888.889	888.889	888.889
1280	Sơn	Sơn nội thất kinh tế Basic	thùng	QCVN 16:2019/BXD	17L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	916.667	916.667	916.667	916.667	916.667	916.667	916.667	916.667	916.667
1281	Sơn	Sơn siêu trắng chống ố vàng Idecor	lon	QCVN 16:2019/BXD	5L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	956.481	956.481	956.481	956.481	956.481	956.481	956.481	956.481	956.481
1282	Sơn	Sơn siêu trắng chống ố vàng Idecor	lon	QCVN 16:2019/BXD	15L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	2.801.852	2.801.852	2.801.852	2.801.852	2.801.852	2.801.852	2.801.852	2.801.852	2.801.852
1283	Sơn	Sơn siêu trắng chống ố vàng Idecor	thùng	QCVN 16:2O19/BXD	18L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	3.203.704	3.203.704	3.203.704	3.203.704	3.203.704	3.203.704	3.203.704	3.203.704	3.203.704
1284	Sơn	Sơn siêu trang chống ố vàng Smart White	lon	QCVN 16:2019/BXD	5L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	916.667	916.667	916.667	916.667	916.667	916.667	916.667	916.667	916.667
1285	Sơn	Sơn siêu trắng chống ố vàng Smart White	lon	QCVN 16:2019/BXD	15L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	2.601.852	2.601.852	2.601.852	2.601.852	2.601.852	2.601.852	2.601.852	2.601.852	2.601.852
1286	Sơn	Sơn siêu trắng chống 0 vàng Smart White	thùng	QCVN 16:2019/BXD	18L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	2.977.778	2.977.778	2.977.778	2.977.778	2.977.778	2.977.778	2.977.778	2.977.778	2.977.778
1287	Sơn	Sơn nội thất mờ Smart 2	lon	QCVN 16:2019/BXD	5L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	607.407	607.407	607.407	607.407	607.407	607.407	607.407	607.407	607.407
1288	Sơn	Sơn nội thất mờ Smart 2	lon	QCVN 16:2019/BXD	15L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	1.750.000	1.750.000	1.750.000	1.750.000	1.750.000	1.750.000	1.750.000	1.750.000	1.750.000
1289	Sơn	Sơn nội thất mờ Smart 2	thùng	QCVN 16:2019/BXD	18L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000
1290	Sơn	Sơn nội thất mờ Idecor 3	lon	QCVN 16:2019/BXD	5L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	656.481	656.481	656.481	656.481	656.481	656.481	656.481	656.481	656.481
1291	Sơn	Sơn nội thất mờ Idecor 3	lon	QCVN 16-.2019/BXD	15L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	1.937.963	1.937.963	1.937.963	1.937.963	1.937.963	1.937.963	1.937.963	1.937.963	1.937.963
1292	Sơn	Sơn nội thất mờ Idecor 3	thùng	QCVN 16:2019/BXD	18L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	2.166.667	2.166.667	2.166.667	2.166.667	2.166.667	2.166.667	2.166.667	2.166.667	2.166.667
1293	Sơn	Sơn nội thất bóng Smart 6	lon	QCVN 16:2OI9/BXD	5L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	1.762.037	1.762.037	1.762.037	1.762.037	1.762.037	1.762.037	1.762.037	1.762.037	1.762.037
1294	Sơn	Sơn nội thất bóng Smart 6	lon	QCVN 16:2019/BXD	15L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	4.922.222	4.922.222	4.922.222	4.922.222	4.922.222	4.922.222	4.922.222	4.922.222	4.922.222
1295	Sơn	Sơn nội thất bóng Smart 6	thùng	QCVN 16:2019/BXD	18L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	5.625.000	5.625.000	5.625.000	5.625.000	5.625.000	5.625.000	5.625.000	5.625.000	5.625.000
1296	Sơn	Sơn nội thất dễ lau chùi Idecor 5	lon	QCVN I6:2O19/BXD	5L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	1.324.074	1.324.074	1.324.074	1.324.074	1.324.074	1.324.074	1.324.074	1.324.074	1.324.074
1297	Sơn	Sơn nội thất dễ lau chùi Idecor 5	lon	QCVN 16:2OI9/BXD	I5L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	3.944.444	3.944.444	3.944.444	3.944.444	3.944.444	3.944.444	3.944.444	3.944.444	3.944.444
1298	Sơn	Sơn nội thất dễ lau chùi Idecor 5	thùng	QCVN 16:2019/BXD	18L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	4.287.037	4.287.037	4.287.037	4.287.037	4.287.037	4.287.037	4.287.037	4.287.037	4.287.037
1299	Sơn	Sơn nội thất siêu bóng Smart 8	lon	QCVN 16:2019/BXD	5L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	1.898.148	1.898.148	1.898.148	1.898.148	1.898.148	1.898.148	1.898.148	1.898.148	1.898.148

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
1300	Sơn	Sơn nội thất siêu chùi rửa Idecor 7	lon	QCVN 16:2019/BXD	5L	Công ty TNHH Son Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	1.805.556	1.805.556	1.805.556	1.805.556	1.805.556	1.805.556	1.805.556	1.805.556	1.805.556
1301	Sơn	Sơn nội thất siêu chùi rửa Idecor 7	lon	QCVN 1612019/BXD	15L	Công ty TNHH Son Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	5.370.370	5.370.370	5.370.370	5.370.370	5.370.370	5.370.370	5.370.370	5.370.370	5.370.370
1302	Sơn	Sơn nội thất siêu chùi rửa Idecor 7	thùng	QCVN 16:2019/BXD	18L	Công ty TNHH Son Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	6.148.148	6.148.148	6.148.148	6.148.148	6.148.148	6.148.148	6.148.148	6.148.148	6.148.148
1303	Sơn	Sơn nội thất Nano siêu chai cứng Idecor 8	lon	QCVN 16:2019/BXD	5L	Công ty TNHH Son Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	2.398.148	2.398.148	2.398.148	2.398.148	2.398.148	2.398.148	2.398.148	2.398.148	2.398.148
1304	Sơn	Sơn nội thất thanh lọc không khí Idecor 9	lon	QCVN I6:2O19/BXD	5L	Công ty TNHH Son Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	2.675.926	2.675.926	2.675.926	2.675.926	2.675.926	2.675.926	2.675.926	2.675.926	2.675.926
1305	Sơn	Sơn ngoại thất mờ Xshield	lon	QCVN 16:2019/BXD	5L	Công ty TNHH Son Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	1.370.370	1.370.370	1.370.370	1.370.370	1.370.370	1.370.370	1.370.370	1.370.370	1.370.370
1306	Sơn	Sơn ngoại thất mờ Xshield	lon	QCVN 16:2019/BXD	15L	Công ty TNHH Son Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	4.120.370	4.120.370	4.120.370	4.120.370	4.120.370	4.120.370	4.120.370	4.120.370	4.120.370
1307	Sơn	Sơn ngoại thất mờ Xshield	thùng	QCVN 16:2019/BXD	18L	Công ty TNHH Son Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	4.611.111	4.611.111	4.611.111	4.611.111	4.611.111	4.611.111	4.611.111	4.611.111	4.611.111
1308	Sơn	Sơn ngoại thất mờ Extra 3	lon	QCVN 16:2019/BXD	5L	Công ty TNHH Son Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	1.267.593	1.267.593	1.267.593	1.267.593	1.267.593	1.267.593	1.267.593	1.267.593	1.267.593
1309	Sơn	Sơn ngoại thất mờ Extra 3	lon	QCVN 16:2019/BXD	15L	Công ty TNHH Son Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	3.625.000	3.625.000	3.625.000	3.625.000	3.625.000	3.625.000	3.625.000	3.625.000	3.625.000
1310	Sơn	Sơn ngoại thất mờ Extra 3	thùng	QCVN 16:2019/BXD	18L	Công ty TNHH Son Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	4.148.148	4.148.148	4.148.148	4.148.148	4.148.148	4.148.148	4.148.148	4.148.148	4.148.148
1311	Sơn	Sơn ngoại thất bóng Extra 5	lon	QCVN 16:2019/BXD	5L	Công ty TNHH Son Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	2.527.778	2.527.778	2.527.778	2.527.778	2.527.778	2.527.778	2.527.778	2.527.778	2.527.778
1312	Sơn	Sơn ngoại thất bóng Extra 5	lon	QCVN 16:2019/BXD	15L	Công ty TNHH Son Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	6.527.778	6.527.778	6.527.778	6.527.778	6.527.778	6.527.778	6.527.778	6.527.778	6.527.778
1313	Sơn	Sơn ngoại thất bóng Extra 5	thùng	QCVN 16:2019/BXD	18L	Công ty TNHH Son Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	7.394.444	7.394.444	7.394.444	7.394.444	7.394.444	7.394.444	7.394.444	7.394.444	7.394.444
1314	Sơn	Sơn ngoại thất bóng Xshield 6	lon	QCVN 16:2019/BXD	5L	Công ty TNHH Son Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	2.250.000	2.250.000	2.250.000	2.250.000	2.250.000	2.250.000	2.250.000	2.250.000	2.250.000
1315	Sơn	Sơn ngoại thất bóng Xshicld 6	lon	QCVN I6:2O19/BXD	I5L	Công ty TNHH Son Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	6.740.741	6.740.741	6.740.741	6.740.741	6.740.741	6.740.741	6.740.741	6.740.741	6.740.741
1316	Sơn	Sơn ngoại thất bóng Xshield 6	thùng	QCVN 16:20I9/BXD	18L	Công ty TNHH Son Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	7.148.148	7.148.148	7.148.148	7.148.148	7.148.148	7.148.148	7.148.148	7.148.148	7.148.148
1317	Sơn	Sơn ngoại thất bóng cao cấp Extra 9	lon	QCVN 16:2019/8X0	5L	Công ty TNHH Son Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	2.950.000	2.950.000	2.950.000	2.950.000	2.950.000	2.950.000	2.950.000	2.950.000	2.950.000
1318	Sơn	Sơn ngoại that bảo vệ tối đa Xshield 8	lon	QCVN 16:2019/BXD	5L	Công ty TNHH Son Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	3.231.481	3.231.481	3.231.481	3.231.481	3.231.481	3.231.481	3.231.481	3.231.481	3.231.481
1319	Sơn	Sơn ngoại thất bảo vệ tối đa Xshield 8	thùng	QCVN 16:2019/BXD	18L	Công ty TNHH Son Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	8.564.815	8.564.815	8.564.815	8.564.815	8.564.815	8.564.815	8.564.815	8.564.815	8.564.815
1320	Sơn	Sơn ngoại thất siêu hạng Xshield 12	lon	QCVN 16:2019/BXD	5L	Công ty TNHH Son Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	3.694.444	3.694.444	3.694.444	3.694.444	3.694.444	3.694.444	3.694.444	3.694.444	3.694.444
1321	Sơn	Sơn chống thấm pha xi măng Water Proof	lon	QCVN 16:2019/BXD	4 KG	Công ty TNHH Son Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	1.157.407	1.157.407	1.157.407	1.157.407	1.157.407	1.157.407	1.157.407	1.157.407	1.157.407
1322	Sơn	Sơn chống thấm pha xi măng Water Proof	lon	QCVN 16:2019/BXD	I5KG	Công ty TNHH Son Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	4.083.333	4.083.333	4.083.333	4.083.333	4.083.333	4.083.333	4.083.333	4.083.333	4.083.333
1323	Sơn	Sơn chống thấm pha xi măng Water Proof	thùng	QCVN 16:2019/BXD	20KG	Công ty TNHH Son Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	4.805.556	4.805.556	4.805.556	4.805.556	4.805.556	4.805.556	4.805.556	4.805.556	4.805.556
1324	Sơn	Sơn chống thấm một thành phần Aqua Shield	lon	QCVN 16:2019/BXD	5L	Công ty TNHH Son Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	1.574.074	1.574.074	1.574.074	1.574.074	1.574.074	1.574.074	1.574.074	1.574.074	1.574.074
1325	Sơn	Sơn chống thấm một thành phần Aqua Shield	lon	QCVN 16:2019/BXD	15L	Công ty TNHH Son Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	4.500.000	4.500.000	4.500.000	4.500.000	4.500.000	4.500.000	4.500.000	4.500.000	4.500.000
1326	Sơn	Sơn chống thấm một thành phần Aqua Shield	thùng	QCVN I6:20I9/BXD	18L	Công ty TNHH Son Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	5.148.148	5.148.148	5.148.148	5.148.148	5.148.148	5.148.148	5.148.148	5.148.148	5.148.148
1327	Sơn	Sơn chống thấm pha xi măng Extra Proof	lon	QCVN 16:2019/BXD	5KG	Công ty TNHH Son Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	1.270.370	1.270.370	1.270.370	1.270.370	1.270.370	1.270.370	1.270.370	1.270.370	1.270.370
1328	Sơn	Sơn chống thấm pha xi măng Exira Proof	lon	QCVN 16:2019/BXD	15KG	Công ty TNHH Son Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	3.638.889	3.638.889	3.638.889	3.638.889	3.638.889	3.638.889	3.638.889	3.638.889	3.638.889

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
1329	Sơn	Sơn chống thâm pha xi măng Extra Proof	thùng	QCVN 16:2019/BXD	18KG	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	4.148.148	4.148.148	4.148.148	4.148.148	4.148.148	4.148.148	4.148.148	4.148.148	4.148.148
1330	Sơn	Sơn chống thấm một thành phần Extra Shield	lon	QCVN 16:2019/BXD	5L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	1.518.519	1.518.519	1.518.519	1.518.519	1.518.519	1.518.519	1.518.519	1.518.519	1.518.519
1331	Sơn	Sơn chống thấm một thành phần Extra Shield	lon	QCVN 16:2019/BXD	15L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	4.342.593	4.342.593	4.342.593	4.342.593	4.342.593	4.342.593	4.342.593	4.342.593	4.342.593
1332	Sơn	Sơn chong thấm một thành phần Extra Shield	thùng	QCVN 16:2019/BXD	18L	Công ty TNHH Sơn Kansai Việt Nam. Đc: KCN Phố Nối A, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên - Đt: 02213980456. Công văn đề nghị công bố giá số :2304/KPV-2026 ngày 24/04/2026	Việt Nam	Bán lẻ	Giao tại chân công trình	(Mức giá được thực hiện từ ngày 24/04/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	4.975.000	4.975.000	4.975.000	4.975.000	4.975.000	4.975.000	4.975.000	4.975.000	4.975.000
1333	Sơn	Sơn lót Nội Thất Matex Sealer	thùng		17 lít	Công ty TNHH TTNT Sơn Thiện Long. Khu phố 3 Xã Bến Cầu, Tây Ninh (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Giá bán toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá từ ngày 24/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.986.000	1.986.000	1.986.000	1.986.000	1.986.000	1.986.000	1.986.000	1.986.000	1.986.000
1334	Sơn	Sơn lót ngoài trời Super Latex Sealer	thùng		17 lít	Công ty TNHH TTNT Sơn Thiện Long. Khu phố 3 Xã Bến Cầu, Tây Ninh (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Giá bán toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá từ ngày 24/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.223.000	3.223.000	3.223.000	3.223.000	3.223.000	3.223.000	3.223.000	3.223.000	3.223.000
1335	Sơn	Sơn lót nội thất Odour-less Sealer	thùng		18 lít	Công ty TNHH TTNT Sơn Thiện Long. Khu phố 3 Xã Bến Cầu, Tây Ninh (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Giá bán toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá từ ngày 24/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.694.000	3.694.000	3.694.000	3.694.000	3.694.000	3.694.000	3.694.000	3.694.000	3.694.000
1336	Sơn	Sơn lót ngoại thất WeatherGard Sealer	thùng		18 lít	Công ty TNHH TTNT Sơn Thiện Long. Khu phố 3 Xã Bến Cầu, Tây Ninh (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Giá bán toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá từ ngày 24/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.887.000	4.887.000	4.887.000	4.887.000	4.887.000	4.887.000	4.887.000	4.887.000	4.887.000
1337	Sơn	Sơn nước Nippon weather grand plase	thùng		5 lít	Công ty TNHH TTNT Sơn Thiện Long. Khu phố 3 Xã Bến Cầu, Tây Ninh (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Giá bán toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá từ ngày 24/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.581.000	1.581.000	1.581.000	1.581.000	1.581.000	1.581.000	1.581.000	1.581.000	1.581.000
1338	Sơn	Bột trét Nippon Exterior Putty	bao		40 kg	Công ty TNHH TTNT Sơn Thiện Long. Khu phố 3 Xã Bến Cầu, Tây Ninh (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Giá bán toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá từ ngày 24/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	485.000	485.000	485.000	485.000	485.000	485.000	485.000	485.000	485.000
1339	Sơn	Bột trét Nippon Interior Putty	bao		40kg	Công ty TNHH TTNT Sơn Thiện Long. Khu phố 3 Xã Bến Cầu, Tây Ninh (Phiếu khảo sát tại cửa hàng)	Việt Nam	Giá bán toàn tỉnh Tây Ninh	Đã bao gồm chi phí vận chuyển toàn tỉnh	Mức giá từ ngày 24/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	369.000	369.000	369.000	369.000	369.000	369.000	369.000	369.000	369.000
1340	Sơn	Bột trét tường ngoại thất MORICHI	kg	TCVN 7239:2014	40kg	Công ty CP Sơn ICHI Việt Nam. Đc: Lô A6, đường số 5 (giai đoạn 3+4) KCN Hải Sơn, xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - 0913.849.006. Công văn đề nghị công bố giá số 06/2026/ICHI-SXD ngày 19/05/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại Tây Ninh	Mức giá từ ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	591.000	591.000	591.000	591.000	591.000	591.000	591.000	591.000	591.000
1341	Sơn	Bột trét tường nội thất MORICHI	kg	TCVN 7239:2014	40kg	Công ty CP Sơn ICHI Việt Nam. Đc: Lô A6, đường số 5 (giai đoạn 3+4) KCN Hải Sơn, xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - 0913.849.006. Công văn đề nghị công bố giá số 06/2026/ICHI-SXD ngày 19/05/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại Tây Ninh	Mức giá từ ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	453.000	453.000	453.000	453.000	453.000	453.000	453.000	453.000	453.000
1342	Sơn	Sơn ngoại thất MORICHI	lít	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ Số QC3216 từ ngày 14/09/2023 đến 13/09/2026	05 lít/ lon	Công ty CP Sơn ICHI Việt Nam. Đc: Lô A6, đường số 5 (giai đoạn 3+4) KCN Hải Sơn, xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - 0913.849.006. Công văn đề nghị công bố giá số 06/2026/ICHI-SXD ngày 19/05/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại Tây Ninh	Mức giá từ ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	494.000	494.000	494.000	494.000	494.000	494.000	494.000	494.000	494.000
1343	Sơn	Sơn nội thất MORICHI	lít	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ Số QC3216 từ ngày 14/09/2023 đến 13/09/2026	05 lít/ lon	Công ty CP Sơn ICHI Việt Nam. Đc: Lô A6, đường số 5 (giai đoạn 3+4) KCN Hải Sơn, xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - 0913.849.006. Công văn đề nghị công bố giá số 06/2026/ICHI-SXD ngày 19/05/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại Tây Ninh	Mức giá từ ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	376.000	376.000	376.000	376.000	376.000	376.000	376.000	376.000	376.000
1344	Sơn	Sơn phủ nội thất cao cấp MORICHI GARNET kháng khuẩn	lít	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ Số QC3216 từ ngày 14/09/2023 đến 13/09/2026	18 lít/ thùng	Công ty CP Sơn ICHI Việt Nam. Đc: Lô A6, đường số 5 (giai đoạn 3+4) KCN Hải Sơn, xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - 0913.849.006. Công văn đề nghị công bố giá số 06/2026/ICHI-SXD ngày 19/05/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại Tây Ninh	Mức giá từ ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	129.000	129.000	129.000	129.000	129.000	129.000	129.000	129.000	129.000
1345	Sơn	Sơn chống thấm đa năng MORICHI LOCK	kg	QCVN 16:2019/BXD GCN HQ Số QC3216 từ ngày 14/09/2023 đến 13/09/2026	20kg/ thùng	Công ty CP Sơn ICHI Việt Nam. Đc: Lô A6, đường số 5 (giai đoạn 3+4) KCN Hải Sơn, xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh - 0913.849.006. Công văn đề nghị công bố giá số 06/2026/ICHI-SXD ngày 19/05/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tại Tây Ninh	Mức giá từ ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	231.000	231.000	231.000	231.000	231.000	231.000	231.000	231.000	231.000
1346	Sơn	Sơn thép mạ kẽm LUSCOAT VNRON 1TP hệ màu thường	Lon/ Thùng	0.75L		Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000
1347	Sơn	Sơn thép mạ kẽm LUSCOAT VNRON 1TP hệ màu nhũ bạc	Lon/ Thùng	0.75L		Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	129.000	129.000	129.000	129.000	129.000	129.000	129.000	129.000	129.000
1348	Sơn	Sơn thép mạ kẽm LUSCOAT VNRON 1TP hệ màu nhũ vàng	Lon/ Thùng	0.75L		Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	166.000	166.000	166.000	166.000	166.000	166.000	166.000	166.000	166.000
1349	Sơn	Sơn thép mạ kẽm LUSCOAT VNHA1 1TP hệ màu thường (không bao gồm màu vàng chanh, vàng nghệ, nhũ vàng)	Lon/ Thùng	0.75L		Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	107.000	107.000	107.000	107.000	107.000	107.000	107.000	107.000	107.000
1350	Sơn	Sơn thép mạ kẽm LUSCOAT VNHA1 1TP màu nhũ vàng	Lon/ Thùng	0.75L		Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	161.000	161.000	161.000	161.000	161.000	161.000	161.000	161.000	161.000
1351	Sơn	Sơn thép mạ kẽm LUSCOAT VNRON 1TP hệ màu thường	Lon/ Thùng	2.6L		Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	381.000	381.000	381.000	381.000	381.000	381.000	381.000	381.000	381.000
1352	Sơn	Sơn thép mạ kẽm LUSCOAT VNRON 1TP hệ màu nhũ bạc	Lon/ Thùng	2.6L		Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	445.000	445.000	445.000	445.000	445.000	445.000	445.000	445.000	445.000
1353	Sơn	Sơn thép mạ kẽm LUSCOAT VNRON 1TP hệ màu nhũ vàng	Lon/ Thùng	2.6L		Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	564.000	564.000	564.000	564.000	564.000	564.000	564.000	564.000	564.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
1354	Sơn	Sơn thép mạ kẽm LUSCOAT VNHAI 1TP hệ màu thường (không bao gồm màu vàng chanh, vàng nghệ, nhũ vàng)	Lon/ Thùng	2.6L		Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	370.000	370.000	370.000	370.000	370.000	370.000	370.000	370.000	370.000
1355	Sơn	Sơn thép mạ kẽm LUSCOAT VNHAI ITP màu nhũ vàng	Lon/ Thùng	2.6L		Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	548.000	548.000	548.000	548.000	548.000	548.000	548.000	548.000	548.000
1356	Sơn	Sơn thép mạ kẽm LUSCOAT VNRON 1TP hệ màu thường	I-on/ Thùng	17.0L		Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	2.347.000	2.347.000	2.347.000	2.347.000	2.347.000	2.347.000	2.347.000	2.347.000	2.347.000
1357	Sơn	Sơn thép mạ kẽm LUSCOAT VNRON 1TP hệ màu nhũ bạc	Lon/ Thùng	17.0L		Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	2.735.000	2.735.000	2.735.000	2.735.000	2.735.000	2.735.000	2.735.000	2.735.000	2.735.000
1358	Sơn	Sơn thép mạ kẽm LUSCOAT VNRON 1TP hệ màu nhũ vàng	Lon/ Thùng	17.0L		Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	3.477.000	3.477.000	3.477.000	3.477.000	3.477.000	3.477.000	3.477.000	3.477.000	3.477.000
1359	Sơn	Sơn thép mạ kẽm LUSCOAT VNHAI 1TP hệ màu thường (không bao gồm màu vàng chanh, vàng nghệ, nhũ vàng)	Lon/ Thùng	17.0L		Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	2.279.000	2.279.000	2.279.000	2.279.000	2.279.000	2.279.000	2.279.000	2.279.000	2.279.000
1360	Sơn	Sơn thép mạ kẽm LUSCOAT VNHAI IIP màu nhũ vàng	Lon/ Thùng	17.0L		Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	3.376.000	3.376.000	3.376.000	3.376.000	3.376.000	3.376.000	3.376.000	3.376.000	3.376.000
1361	Sơn	Sơn xịt Acrylic LUSCOAT CNAER hệ nâu thường (không bao gồm màu bạc)	lon			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	32.000	32.000	32.000	32.000	32.000	32.000	32.000	32.000	32.000
1362	Sơn	Sơn xịt Acrylic LUSCOAT CNAER hệ màu bạc	lon	0.4L		Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	34.000	34.000	34.000	34.000	34.000	34.000	34.000	34.000	34.000
1363	Sơn	Chất chống thấm pha xi măng sàn LUSCOAT VNDON: 5Kg	thùng			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	500.000	500.000	500.000	500.000	500.000	500.000	500.000	500.000	500.000
1364	Sơn	Chất chống thấm pha xi măng tường LUSCOAT VNDON: 5Kg	thùng			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	500.000	500.000	500.000	500.000	500.000	500.000	500.000	500.000	500.000
1365	Sơn	Chất chống thấm pha xi măng sàn LUSCOAT VNDON: 20Kg	thùng			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	1.800.000	1.800.000	1.800.000	1.800.000	1.800.000	1.800.000	1.800.000	1.800.000	1.800.000
1366	Sơn	Chất chống thấm pha xi măng tường LUSCOAT VNDON: 20Kg	thùng			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	1.800.000	1.800.000	1.800.000	1.800.000	1.800.000	1.800.000	1.800.000	1.800.000	1.800.000
1367	Sơn	Chống thấm màu trắng sứ LUSCOAT CNYUH: 5Kg	lon			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	650.000	650.000	650.000	650.000	650.000	650.000	650.000	650.000	650.000
1368	Sơn	Chống thấm màu xám đậm LUSCOAT CNYUH: 5Kg	lon			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	650.000	650.000	650.000	650.000	650.000	650.000	650.000	650.000	650.000
1369	Sơn	Chống thấm màu xám nhạt LUSCOAT CNYUH: 5Kg	lon			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	650.000	650.000	650.000	650.000	650.000	650.000	650.000	650.000	650.000
1370	Sơn	Chống thấm màu trắng sứ LUSCOAT CNYUH: 20Kg	thùng			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000
1371	Sơn	Chống thấm màu xám đậm LUSCOAT CNYUH: 20Kg	thùng			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000
1372	Sơn	Chống thấm màu xám nhạt LUSCOAT CNYUH: 20Kg	thùng			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000	2.000.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
1373	Sơn	Sơn Nội Thất Ilka Mykolor Touch Ilka	Lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	15L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	117.980	117.980	117.980	117.980	117.980	117.980	117.980	117.980	117.980
1374	Sơn	Sơn Nội thất Lau Chùi Hiệu Quả Mykolor Touch Cleankot	Lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	187.424	187.424	187.424	187.424	187.424	187.424	187.424	187.424	187.424
1375	Sơn	Sơn Nội Thất Bóng Mờ Cao Cấp Mykolor Touch Neo Matte For Int	Lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	263.636	263.636	263.636	263.636	263.636	263.636	263.636	263.636	263.636
1376	Sơn	Sơn Nước Nội Thất Bóng Semi Mykolor Touch Semigloss For Int	Lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	15L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	250.202	250.202	250.202	250.202	250.202	250.202	250.202	250.202	250.202
1377	Sơn	Sơn Nước Ngoại Thất Cao Cấp Mykolor Touch Shiny	Lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	15L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	271.919	271.919	271.919	271.919	271.919	271.919	271.919	271.919	271.919
1378	Sơn	Sơn Nước Nội Thất Bóng Semi Mykolor Touch Semigloss For Ext	Lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	349.747	349.747	349.747	349.747	349.747	349.747	349.747	349.747	349.747
1379	Sơn	Sơn Chống Thấm Màng Dẻo Chuyên Dụng Trực Tiếp Tường Mykolor Touch Water Seal T1000	Lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	15L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	251.818	251.818	251.818	251.818	251.818	251.818	251.818	251.818	251.818
1380	Sơn	Sơn Chống Thấm Nhà Liền Kề Mâu Ghi Ngoại Thất Cao Cấp Mykolor Touch Terraced House Edition For Exterior	Lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	15L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	204.545	204.545	204.545	204.545	204.545	204.545	204.545	204.545	204.545
1381	Sơn	Sơn Lót Chống Kiềm Nội Thất Cao Cấp Mykolor Touch Alkali Seal For Int	Lít	QCVN 08:2020/BCT	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	175.657	175.657	175.657	175.657	175.657	175.657	175.657	175.657	175.657
1382	Sơn	Sơn Lót Chống Kiềm Ngoại Thất Cao Cấp Mykolor Touch Alkali Seal For Ext	Lít	QCVN 08:2020/BCT	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	245.404	245.404	245.404	245.404	245.404	245.404	245.404	245.404	245.404
1383	Sơn	Bột Trét Tường Nội Thất Cao Cấp Mykolor Touch Soft Putty For Int	Kg	QCVN 08:2020/BCT	40kg/bao	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8.864	8.864	8.864	8.864	8.864	8.864	8.864	8.864	8.864
1384	Sơn	Bột Trét Tường Nội Ngoại Thất Cao Cấp Mykolor Touch Powder Putty For Int & Ext	Kg	QCVN 08:2020/BCT	40kg/bao	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10.591	10.591	10.591	10.591	10.591	10.591	10.591	10.591	10.591
1385	Sơn	Sơn Nội Thất Cao Cấp Mờ Sang Trọng Mykolor Nana Bronze For Int	Lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	15L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	116.919	116.919	116.919	116.919	116.919	116.919	116.919	116.919	116.919
1386	Sơn	Sơn Nội Thất Cao Cấp Bền Đẹp Mykolor Nana Silver For Int	Lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	185.808	185.808	185.808	185.808	185.808	185.808	185.808	185.808	185.808
1387	Sơn	Sơn Nội Thất Cao Cấp Bóng, Lau Chùi Hiệu Quả Mykolor Nana Titan For Int	Lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	247.626	247.626	247.626	247.626	247.626	247.626	247.626	247.626	247.626
1388	Sơn	Sơn Nội Thất Siêu Trắng Trần Mykolor Nana Ceiling For Int	Lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	183.384	183.384	183.384	183.384	183.384	183.384	183.384	183.384	183.384
1389	Sơn	Sơn Ngoại Thất Cao Cấp Bền ĐẹpMykolor Nana Silver For Ext	Lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	15L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	269.192	269.192	269.192	269.192	269.192	269.192	269.192	269.192	269.192
1390	Sơn	Sơn Ngoại Thất Cao Cấp Bóng, Lau Chùi Hiệu Quả Mykolor Nana Titan For Exterior	Lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	346.313	346.313	346.313	346.313	346.313	346.313	346.313	346.313	346.313

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
1391	Sơn	Sơn Chống Thấm Trực Tiếp Tường Cao Cấp Mykolor Nana HardSeal N01	Lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	15L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	251.818	251.818	251.818	251.818	251.818	251.818	251.818	251.818	251.818
1392	Sơn	Sơn Chống Thấm Nhà Liền Kề Màu Ghi Ngoại Thất Cao Cấp Mykolor Nana TownHouse Element For Exterior	Lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	15L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	207.152	207.152	207.152	207.152	207.152	207.152	207.152	207.152	207.152
1393	Sơn	Sơn Lót Chống Kiềm Nội Thất Cao Cấp Mykolor Nana Sealer For Interior	Lít	QCVN 08:2020/BCT	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	179.343	179.343	179.343	179.343	179.343	179.343	179.343	179.343	179.343
1394	Sơn	Sơn Lót Chống Kiềm Ngoại Thất Cao Cấp Mykolor Nana Sealer For Exterior	Lít	QCVN 08:2020/BCT	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	250.404	250.404	250.404	250.404	250.404	250.404	250.404	250.404	250.404
1395	Sơn	Bột Trét Tường Nội Thất Cao Cấp Mykolor Nana FILLER For Int	Kg	QCVN 08:2020/BCT	40kg/bao	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	9.341	9.341	9.341	9.341	9.341	9.341	9.341	9.341	9.341
1396	Sơn	Bột Trét Tường Nội Ngoại Thất Cao Cấp Mykolor Nana FILLER For Int & Ext	Kg	QCVN 08:2020/BCT	40kg/bao	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10.841	10.841	10.841	10.841	10.841	10.841	10.841	10.841	10.841
1397	Sơn	Sơn Nội Thất Dự Án Bóng Mờ Sang Trọng Mykolor Walcare Matt For Interior	Lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	46.350	46.350	46.350	46.350	46.350	46.350	46.350	46.350	46.350
1398	Sơn	Sơn Nội Thất Bóng Nhẹ Cao Cấp Mykolor Walcare Low - Sheen For Interior	Lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	90.074	90.074	90.074	90.074	90.074	90.074	90.074	90.074	90.074
1399	Sơn	Sơn Ngoại Thất Dự Án Mịn Màng Mykolor Walcare Matt For Exterior	Lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	90.074	90.074	90.074	90.074	90.074	90.074	90.074	90.074	90.074
1400	Sơn	Sơn Ngoại Thất Dự Án Bóng Cao Cấp Mykolor Walcare Semigloss For Exterior	Lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	134.415	134.415	134.415	134.415	134.415	134.415	134.415	134.415	134.415
1401	Sơn	Sơn Lót Chống Kiềm Nội Thất Mykolor Walcare Alkali For Interior	Lít	QCVN 08:2020/BCT	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	53.148	53.148	53.148	53.148	53.148	53.148	53.148	53.148	53.148
1402	Sơn	Sơn Lót Chống Kiềm Ngoại Thất Mykolor Walcare Alkali For Exterior	Lít	QCVN 08:2020/BCT	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	91.232	91.232	91.232	91.232	91.232	91.232	91.232	91.232	91.232
1403	Sơn	Bột Trét Dự Án Nội Thất Mykolor Walcare Filler For Interior	Kg	QCVN 08:2020/BCT	40kg/bao	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.014	6.014	6.014	6.014	6.014	6.014	6.014	6.014	6.014
1404	Sơn	Bột Trét Dự Án Nội & Ngoại ThấtMykolor W e Filler For Int & Ext	Kg	QCVN 08:2020/BCT	40kg/bao	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7.231	7.231	7.231	7.231	7.231	7.231	7.231	7.231	7.231
1405	Sơn	Sơn Nước Nội Thất Láng Mờ Hoàn Hảo Mykolor Grand Quartz Feel	Lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	15L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	121.605	121.605	121.605	121.605	121.605	121.605	121.605	121.605	121.605
1406	Sơn	Sơn Nước Nội Thất Láng Mờ Hoàn Hảo Mykolor Grand Garnet Feel	Lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	185.905	185.905	185.905	185.905	185.905	185.905	185.905	185.905	185.905
1407	Sơn	Sơn Nước Nội Thất Bóng Cao Cấp Mykolor Grand Pearl Feel	Lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	257.922	257.922	257.922	257.922	257.922	257.922	257.922	257.922	257.922
1408	Sơn	Sơn Nước Ngoại Thất Bóng Mờ Cao Cấp Mykolor Grand Jade Feel	Lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	15L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	275.494	275.494	275.494	275.494	275.494	275.494	275.494	275.494	275.494

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
1409	Sơn	Sơn Nước Ngoại Thất Bóng Láng Cao Cấp Mykolor Grand Ruby Feel	Lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	15L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	378.025	378.025	378.025	378.025	378.025	378.025	378.025	378.025	378.025
1410	Sơn	Sơn Chống Thấm Cao Cấp Trực Tiếp tường Mykolor Grand Water Proofer G100	Lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	244.547	244.547	244.547	244.547	244.547	244.547	244.547	244.547	244.547
1411	Sơn	Sơn Chống Thấm Tuyệt Hảo, Pha Màu Tự Chọn Mykolor Grand Water Proofer G200	Lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	15L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	278.025	278.025	278.025	278.025	278.025	278.025	278.025	278.025	278.025
1412	Sơn	Sơn Chống Thấm Nhà Liền Kề Cao Cấp Mykolor Grand Terraced House Exclusive For Ext	Lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	15L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	195.247	195.247	195.247	195.247	195.247	195.247	195.247	195.247	195.247
1413	Sơn	Sơn Lót Chống Kiềm Nội Thất Hoàn Thiện Mykolor Grand Alkali Filter For Int	Lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	15L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	162.469	162.469	162.469	162.469	162.469	162.469	162.469	162.469	162.469
1414	Sơn	Sơn Lót Chống Kiềm Ngoại Thất Hoàn Thiện Mykolor Grand Alkali Filter For Ext	Lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	15L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	225.802	225.802	225.802	225.802	225.802	225.802	225.802	225.802	225.802
1415	Sơn	Bột Trét Nội Thất Hoàn Hảo, Dễ Thi Công Mykolor Grand Crystal Feel For Int	Kg	QCVN 08:2020/BCT	40kg/bao	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7.778	7.778	7.778	7.778	7.778	7.778	7.778	7.778	7.778
1416	Sơn	Bột Trét Tường Nội & Ngoại Thất Cao Cấp Mykolor Grand Marble Feel For Int & Ext	Kg	QCVN 08:2020/BCT	40kg/bao	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	11.042	11.042	11.042	11.042	11.042	11.042	11.042	11.042	11.042
1417	Sơn	Sơn Nước Nội Thất Láng Mờ Hoàn Hảo Mykolor Passion Softsilk	Lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	15L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	117.099	117.099	117.099	117.099	117.099	117.099	117.099	117.099	117.099
1418	Sơn	Sơn Nước Nội Thất Láng Mịn Hoàn Hảo Mykolor Passion Cashmere	Lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	181.893	181.893	181.893	181.893	181.893	181.893	181.893	181.893	181.893
1419	Sơn	Sơn Nước Nội Thất Bóng Cao Cấp, Lau Chùi Hoàn Hảo Mykolor Passion Silky For Interior	Lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	252.984	252.984	252.984	252.984	252.984	252.984	252.984	252.984	252.984
1420	Sơn	Sơn Nước Ngoại Thất Bóng Mờ Hoàn Hảo Mykolor Passion Chiffon	Lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	256.790	256.790	256.790	256.790	256.790	256.790	256.790	256.790	256.790
1421	Sơn	Sơn Ngoại Thất Bóng Mịn, Chùi Rửa Tuyệt Hảo Mykolor Passion Silky For Exterior	Lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	15L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	370.556	370.556	370.556	370.556	370.556	370.556	370.556	370.556	370.556
1422	Sơn	Sơn Chống Thấm Chuyên Dụng, Trực Tiếp Tường Mykolor Passion Water Lock P01	Lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	15L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	252.963	252.963	252.963	252.963	252.963	252.963	252.963	252.963	252.963
1423	Sơn	Sơn Chống Thấm Tuyệt Hảo, Pha Màu Tự Chọn Mykolor Passion Water Seal	Lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	15L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	285.247	285.247	285.247	285.247	285.247	285.247	285.247	285.247	285.247
1424	Sơn	Sơn Chống Thấm Nhà Liền Kề Cao Cấp Mykolor Passion Townhouse Dynamic For Ext	Lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	15L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	192.840	192.840	192.840	192.840	192.840	192.840	192.840	192.840	192.840
1425	Sơn	Sơn Lót Chống Kiềm Nội Thất Cao Cấp Mykolor Passion Alkali Primer For Interior	Lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	15L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	162.284	162.284	162.284	162.284	162.284	162.284	162.284	162.284	162.284
1426	Sơn	Sơn Lót Chống Kiềm Ngoại Thất Cao Cấp Mykolor Passion Alkali Primer For Exterior	Lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	261.790	261.790	261.790	261.790	261.790	261.790	261.790	261.790	261.790

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
1427	Sơn	Bột Trét Tường Nội Thất Hoàn Hảo Mykolor Passion Fast Filler For Interior	Kg	QCVN 08:2020/BCT	40kg/bao	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7.778	7.778	7.778	7.778	7.778	7.778	7.778	7.778	7.778
1428	Sơn	Bột Trét Tường Nội Và Ngoại Thất Mykolor Passion Putty For Interior & Exterior	Kg	QCVN 08:2020/BCT	40kg/bao	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10.255	10.255	10.255	10.255	10.255	10.255	10.255	10.255	10.255
1429	Sơn	Sơn Nội Thất Láng Mịn Bền Đẹp Mykolor Bisi Low-Satin For Interior	Lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	46.350	46.350	46.350	46.350	46.350	46.350	46.350	46.350	46.350
1430	Sơn	Sơn Nội Thất Cao Cấp Bảo Vệ Tối Đa Mykolor Bisi Mid-Satin Silk For Interior	Lít	QCVN 16:2019/BXD; QCVN 08:2020/BCT	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	90.074	90.074	90.074	90.074	90.074	90.074	90.074	90.074	90.074
1431	Sơn	Sơn Ngoại Thất Láng Mịn Bền Đẹp Mykolor Bisi Low-Satin For Exterior	Kg	TCCS 860.10:2018/4 Oranges	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	90.074	90.074	90.074	90.074	90.074	90.074	90.074	90.074	90.074
1432	Sơn	Sơn Ngoại Thất Cao Cấp Mykolor Bisi Hi-Satin For Exterior	Kg	TCCS 860.10:2018/4 Oranges	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	134.415	134.415	134.415	134.415	134.415	134.415	134.415	134.415	134.415
1433	Sơn	Sơn Lót Nội Thất Chống Kiềm Cao Cấp Mykolor Bisi Alkali Seal For Interior	Kg	TCCS 860.10:2018/4 Oranges	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	53.148	53.148	53.148	53.148	53.148	53.148	53.148	53.148	53.148
1434	Sơn	Sơn Lót Ngoại Thất Chống Kiềm Cao Cấp Mykolor Bisi Alkali Seal For Exterior	Kg	TCCS 860.10:2018/4 Oranges	18L/thùng	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	91.232	91.232	91.232	91.232	91.232	91.232	91.232	91.232	91.232
1435	Sơn	Bột Trét Dự Ân Nội Thất Mykolor Bisi Hi-Filler For Interior	Kg	QCVN 08:2020/BCT	40kg/bao	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.014	6.014	6.014	6.014	6.014	6.014	6.014	6.014	6.014
1436	Sơn	Bột Trét Dự Ân Ngoại Thất Mykolor Bisi Hi-Filler For Exterior	Kg	QCVN 08:2020/BCT	40kg/bao	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	CÔNG TY 4 ORANGES CO., LTD	Chưa trừ chiết khấu sản lượng.	Giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển. Địa điểm giao nhận hàng từ Công ty TNHH MTV Tường Thơ tới chân công trình trong khu vực tỉnh Tây Ninh.	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7.231	7.231	7.231	7.231	7.231	7.231	7.231	7.231	7.231
1437	Sơn	SOGUN: Sơn nội thất cao cấp	thùng	QCVN 16:2023	đóng thùng	Công ty TNHH SX & TM Sơn Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Đt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	972.981	972.981	972.981	972.981	972.981	972.981	972.981	972.981	972.981
1438	Sơn	SOGUN: Sơn mịn nội thất cao cấp	thùng	QCVN 16:2023	đóng thùng	Công ty TNHH SX & TM Sơn Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Đt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.648.933	1.648.933	1.648.933	1.648.933	1.648.933	1.648.933	1.648.933	1.648.933	1.648.933
1439	Sơn	SOGUN: Sơn nội thất lau chùi hiệu quả	thùng	QCVN 16:2023	đóng thùng	Công ty TNHH SX & TM Sơn Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Đt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.764.511	2.764.511	2.764.511	2.764.511	2.764.511	2.764.511	2.764.511	2.764.511	2.764.511
1440	Sơn	SOGUN: Sơn siêu trắng trần	thùng	QCVN 16:2023	đóng thùng	Công ty TNHH SX & TM Sơn Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Đt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.805.398	1.805.398	1.805.398	1.805.398	1.805.398	1.805.398	1.805.398	1.805.398	1.805.398
1441	Sơn	SOGUN: Sơn bóng nội thất cao cấp	thùng	QCVN 16:2023	đóng thùng	Công ty TNHH SX & TM Sơn Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Đt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.950.511	3.950.511	3.950.511	3.950.511	3.950.511	3.950.511	3.950.511	3.950.511	3.950.511
1442	Sơn	SOGUN: Sơn lót kháng kiềm nội thất	thùng	QCVN 16:2023	đóng thùng	Công ty TNHH SX & TM Sơn Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Đt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.272.456	2.272.456	2.272.456	2.272.456	2.272.456	2.272.456	2.272.456	2.272.456	2.272.456
1443	Sơn	SOGUN: Sơn mịn ngoại thất cao cấp	thùng	QCVN 16:2023	đóng thùng	Công ty TNHH SX & TM Sơn Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Đt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.497.056	2.497.056	2.497.056	2.497.056	2.497.056	2.497.056	2.497.056	2.497.056	2.497.056
1444	Sơn	SOGUN: Sơn bóng mờ ngoại thất cao cấp	thùng	QCVN 16:2023	đóng thùng	Công ty TNHH SX & TM Sơn Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Đt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.068.000	3.068.000	3.068.000	3.068.000	3.068.000	3.068.000	3.068.000	3.068.000	3.068.000
1445	Sơn	SOGUN: Sơn bóng ngoại thất cao cấp	thùng	QCVN 16:2023	đóng thùng	Công ty TNHH SX & TM Sơn Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Đt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	4.365.667	4.365.667	4.365.667	4.365.667	4.365.667	4.365.667	4.365.667	4.365.667	4.365.667
1446	Sơn	SOGUN: Sơn chống thấm trong suốt	thùng	QCVN 16:2023	đóng thùng	Công ty TNHH SX & TM Sơn Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Đt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	5.833.533	5.833.533	5.833.533	5.833.533	5.833.533	5.833.533	5.833.533	5.833.533	5.833.533
1447	Sơn	SOGUN: Sơn chống thấm hệ xi măng đa năng	thùng	QCVN 16:2023	đóng thùng	Công ty TNHH SX & TM Sơn Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Đt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.465.482	3.465.482	3.465.482	3.465.482	3.465.482	3.465.482	3.465.482	3.465.482	3.465.482

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
1448	Sơn	SOGUN: Sơn chống thấm màu hiệu quả	thùng	QCVN 16:2023	đóng thùng	Công ty TNHH SX & TM Sơn Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Đt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	4.865.511	4.865.511	4.865.511	4.865.511	4.865.511	4.865.511	4.865.511	4.865.511	4.865.511
1449	Sơn	SOGUN: Sơn lót kháng kiềm ngoại thất	thùng	QCVN 16:2023	đóng thùng	Công ty TNHH SX & TM Sơn Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Đt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.511.778	2.511.778	2.511.778	2.511.778	2.511.778	2.511.778	2.511.778	2.511.778	2.511.778
1450	Sơn	SOGUN: Sơn lót kháng kiềm ngoại thất nano	thùng	QCVN 16:2023	đóng thùng	Công ty TNHH SX & TM Sơn Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Đt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.455.222	3.455.222	3.455.222	3.455.222	3.455.222	3.455.222	3.455.222	3.455.222	3.455.222
1451	Sơn	Bột bả nội thất	bao	TCVN 7239:2014	đóng bao	Công ty TNHH SX & TM Sơn Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Đt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	538.867	538.867	538.867	538.867	538.867	538.867	538.867	538.867	538.867
1452	Sơn	Bột bả ngoại thất	bao	TCVN 7239:2014	đóng bao	Công ty TNHH SX & TM Sơn Miền Trung. Đc: 01 Lê Trọng Tấn, phường An Khê, Đà Nẵng - Đt: 0935.068.706. Công văn đề nghị công bố giá số 2604191/SMT ngày 19/04/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Giao tận nơi	Mức giá có hiệu lực từ ngày 19/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	646.378	646.378	646.378	646.378	646.378	646.378	646.378	646.378	646.378
1453	Sơn	Sơn phủ Nano đa năng bóng cao cấp KN S8-99A	thùng		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	6.362.000	6.362.000	6.362.000	6.362.000	6.362.000	6.362.000	6.362.000	6.362.000	6.362.000
1454	Sơn	Sơn phủ Nano đa năng Bóng KN S8-68B	thùng		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	5.738.000	5.738.000	5.738.000	5.738.000	5.738.000	5.738.000	5.738.000	5.738.000	5.738.000
1455	Sơn	tương Sơn phủ Nano đa năng Bóng mờ KN S8-68M	thùng		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	4.897.000	4.897.000	4.897.000	4.897.000	4.897.000	4.897.000	4.897.000	4.897.000	4.897.000
1456	Sơn	Sơn phủ Nano chống thấm pha màu KN S8-88N	thùng		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	4.145.000	4.145.000	4.145.000	4.145.000	4.145.000	4.145.000	4.145.000	4.145.000	4.145.000
1457	Sơn	Sơn phủ Nano kháng khuẩn Bóng mờ KN S8-26BM	thùng		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.791.000	1.791.000	1.791.000	1.791.000	1.791.000	1.791.000	1.791.000	1.791.000	1.791.000
1458	Sơn	Sơn phủ nano đa năng Bóng Nội thất KN S8-99B	thùng		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	5.421.000	5.421.000	5.421.000	5.421.000	5.421.000	5.421.000	5.421.000	5.421.000	5.421.000
1459	Sơn	Sơn phủ Nano lau chùi Nội thất KN S8-66E	thùng		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.474.000	2.474.000	2.474.000	2.474.000	2.474.000	2.474.000	2.474.000	2.474.000	2.474.000
1460	Sơn	Sơn phủ Nano Nội & Ngoại thất Tiêu chuẩn KN S8-22M	thùng		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.217.000	1.217.000	1.217.000	1.217.000	1.217.000	1.217.000	1.217.000	1.217.000	1.217.000
1461	Sơn	Bột bả tường gốc xi măng pooc lăng - Matit Nano Cao cấp Ngoại thất KN MT-01	bao		25kg/bao	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	446.000	446.000	446.000	446.000	446.000	446.000	446.000	446.000	446.000
1462	Sơn	Matit Nano Cao cấp Nội thất KN MT-02	bao		25kg/bao	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	406.000	406.000	406.000	406.000	406.000	406.000	406.000	406.000	406.000
1463	Sơn	Mastic dẻo Kova Nano Đa năng KN-D3	thùng		thùng 25 kg	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	840.000	840.000	840.000	840.000	840.000	840.000	840.000	840.000	840.000
1464	Sơn	Chống thấm Nano pha xi măng KN CT-16AXM-S				Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.116.000	3.116.000	3.116.000	3.116.000	3.116.000	3.116.000	3.116.000	3.116.000	3.116.000
1465	Sơn	Chống thấm Nano pha xi măng KN CT-16AXM-T	thùng		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.393.000	3.393.000	3.393.000	3.393.000	3.393.000	3.393.000	3.393.000	3.393.000	3.393.000
1466	Sơn	Chống thấm Nano trong suốt KN CT-16A CLEAR	thùng		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.275.000	3.275.000	3.275.000	3.275.000	3.275.000	3.275.000	3.275.000	3.275.000	3.275.000
1467	Sơn	Chống thấm Nano trong suốt Đặc biệt KN CT-16A CLEAR- DB	thùng		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.775.000	3.775.000	3.775.000	3.775.000	3.775.000	3.775.000	3.775.000	3.775.000	3.775.000
1468	Sơn	Sơn lót Nano đa năng KN- SIĐN	thùng		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	5.896.000	5.896.000	5.896.000	5.896.000	5.896.000	5.896.000	5.896.000	5.896.000	5.896.000
1469	Sơn	Sơn lót Nano chống kiềm đa năng KN S1-LCK	thùng		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.750.000	2.750.000	2.750.000	2.750.000	2.750.000	2.750.000	2.750.000	2.750.000	2.750.000
1470	Sơn	Sơn lót Nano Nội & Ngoại thất Tiêu chuẩn KN SI-TC	thùng		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000
1471	Sơn	Sơn phủ Nano chống nóng- Hệ nước 1 thành phần dùng cho mái tole & tường nhà xưởng KN S6	kg		bộ 5kg	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	5.692.000	5.692.000	5.692.000	5.692.000	5.692.000	5.692.000	5.692.000	5.692.000	5.692.000
1472	Sơn	Keo epoxy nano Mastic KL5-01	lít		bộ 5lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	653.000	653.000	653.000	653.000	653.000	653.000	653.000	653.000	653.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
1473	Sơn	Sơn lót Nano Epoxy tự dán trái KL5-02	lít		bộ 5lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	653.000	653.000	653.000	653.000	653.000	653.000	653.000	653.000	653.000
1474	Sơn	Sơn lót Nano chống gỉ Epoxy dành cho bề mặt Sắt, Thép Kim loại KL5-04	lít		bộ 5lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.639.000	1.639.000	1.639.000	1.639.000	1.639.000	1.639.000	1.639.000	1.639.000	1.639.000
1475	Sơn	Sơn phủ Nano Epoxy kim loại & tàu biển KL5-05	lít		bộ 5lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.787.000	1.787.000	1.787.000	1.787.000	1.787.000	1.787.000	1.787.000	1.787.000	1.787.000
1476	Sơn	Sơn Nano giao thông không phản quang KN-GT02 (vàng, đỏ)	lít		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	5.380.000	5.380.000	5.380.000	5.380.000	5.380.000	5.380.000	5.380.000	5.380.000	5.380.000
1477	Sơn	Sơn Nano viết bảng KN-WB	kg		Thùng 5kg	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.572.000	2.572.000	2.572.000	2.572.000	2.572.000	2.572.000	2.572.000	2.572.000	2.572.000
1478	Sơn	Sơn Phủ nano Kháng khuẩn KN DB-KK	lít		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	6.173.000	6.173.000	6.173.000	6.173.000	6.173.000	6.173.000	6.173.000	6.173.000	6.173.000
1479	Sơn	Sơn phủ Nano Tự làm sạch KN DB-TLS	lít		thùng 15 lít	Công ty TNHH Sơn Kova Nano Quốc Tế. Đc: số 91/22 đường Nguyễn Trung Trực, KP3, xã Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Đt: 090 7777 589. Công văn đề nghị công bố giá số 01/KNV	Việt Nam	Không có thông tin	Bao vận chuyển toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá có hiệu lực từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	6.173.000	6.173.000	6.173.000	6.173.000	6.173.000	6.173.000	6.173.000	6.173.000	6.173.000
1480	Sơn	Sơn giao thông phản quang nhiệt dẻo (nhãn hiệu SIC)- Màu trắng	kg	TCVN 8791:2011	bao 25kg	Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giá bán tại nhà máy, địa chỉ: 1488 Đồng Khởi, P.Trảng Dài, TP.Đồng Nai	Mức giá có hiệu lực từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	25.500	25.500	25.500	25.500	25.500	25.500	25.500	25.500	25.500
1481	Sơn	Sơn giao thông phản quang nhiệt dẻo (nhãn hiệu SIC)- Màu vàng	kg	TCVN 8791:2011	bao 25kg	Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giá bán tại nhà máy, địa chỉ: 1488 Đồng Khởi, P.Trảng Dài, TP.Đồng Nai	Mức giá có hiệu lực từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000
1482	Sơn	Sơn giao thông phản quang nhiệt dẻo làm gờ giảm tốc /sơn gỗ (nhãn hiệu SIC)- Màu trắng	kg	TCVN 8791:2011	bao 25kg	Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giá bán tại nhà máy, địa chỉ: 1488 Đồng Khởi, P.Trảng Dài, TP.Đồng Nai	Mức giá có hiệu lực từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	25.500	25.500	25.500	25.500	25.500	25.500	25.500	25.500	25.500
1483	Sơn	Sơn giao thông phản quang nhiệt dẻo làm gờ giảm tốc /sơn gỗ (nhãn hiệu SIC)- Màu vàng	kg	TCVN 8791:2011	bao 25kg	Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giá bán tại nhà máy, địa chỉ: 1488 Đồng Khởi, P.Trảng Dài, TP.Đồng Nai	Mức giá có hiệu lực từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000
1484	Sơn	Sơn giao thông hệ nước W02 (thần hiệu SIC)	kg	TCVN 8786:2011	thùng 5kg, 20kg	Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giá bán tại nhà máy, địa chỉ: 1488 Đồng Khởi, P.Trảng Dài, TP.Đồng Nai	Mức giá có hiệu lực từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	85.000	85.000	85.000	85.000	85.000	85.000	85.000	85.000	85.000
1485	Sơn	Keo lót cho sơn kẻ đường (nhãn hiệu SIC)	kg	TCVN 8787:2011	thùng 16 kg	Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giá bán tại nhà máy, địa chỉ: 1488 Đồng Khởi, P.Trảng Dài, TP.Đồng Nai	Mức giá có hiệu lực từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000
1486	Sơn	Bột trét tường nội thất cao cấp	kg	TCVN 7239:2014	bao 40kg	Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giá bán tại nhà máy, địa chỉ: 1488 Đồng Khởi, P.Trảng Dài, TP.Đồng Nai	Mức giá có hiệu lực từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700
1487	Sơn	Bột trét tường ngoại thất cao cấp	kg	TCVN 7239:2014	bao 40kg	Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giá bán tại nhà máy, địa chỉ: 1488 Đồng Khởi, P.Trảng Dài, TP.Đồng Nai	Mức giá có hiệu lực từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000
1488	Sơn	Sơn lót chống kiềm nội thất	lít	QCVN 16:2019/BXD	thùng 5L, 18L	Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giá bán tại nhà máy, địa chỉ: 1488 Đồng Khởi, P.Trảng Dài, TP.Đồng Nai	Mức giá có hiệu lực từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	44.000	44.000	44.000	44.000	44.000	44.000	44.000	44.000	44.000
1489	Sơn	Sơn lót chống kiềm ngoại thất	lít	QCVN 16:2019/BXD	thùng 5L, 18L	Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giá bán tại nhà máy, địa chỉ: 1488 Đồng Khởi, P.Trảng Dài, TP.Đồng Nai	Mức giá có hiệu lực từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	50.000	50.000	50.000	50.000	50.000	50.000	50.000	50.000	50.000
1490	Sơn	Sơn nước nội thất S-Light chống nấm mốc	lít	QCVN 16:2019/BXD	thùng 5L, 18L	Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giá bán tại nhà máy, địa chỉ: 1488 Đồng Khởi, P.Trảng Dài, TP.Đồng Nai	Mức giá có hiệu lực từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000
1491	Sơn	Sơn nước nội thất cao cấp SIC INTERIOR dễ lau chùi	lít	QCVN 16:2019/BXD	thùng 5L, 18L	Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giá bán tại nhà máy, địa chỉ: 1488 Đồng Khởi, P.Trảng Dài, TP.Đồng Nai	Mức giá có hiệu lực từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000
1492	Sơn	Sơn nước ngoại thất cao cấp SIC EXTERIOR che phủ vết nứt	lít	QCVN 16:2019/BXD	thùng 5L, 18L	Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giá bán tại nhà máy, địa chỉ: 1488 Đồng Khởi, P.Trảng Dài, TP.Đồng Nai	Mức giá có hiệu lực từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	117.000	117.000	117.000	117.000	117.000	117.000	117.000	117.000	117.000
1493	Sơn	Sơn nước ngoại thất cao cấp SIC SUPER EXTERIOR sạch vượt trội	lít	QCVN 16:2019/BXD	thùng 5L, 18L	Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giá bán tại nhà máy, địa chỉ: 1488 Đồng Khởi, P.Trảng Dài, TP.Đồng Nai	Mức giá có hiệu lực từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000
1494	Sơn	Sơn nước ngoại thất cao cấp SIC WEATHER SHIELD bền màu tối ưu	lít	QCVN 16:2019/BXD	thùng 5L, 18L	Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giá bán tại nhà máy, địa chỉ: 1488 Đồng Khởi, P.Trảng Dài, TP.Đồng Nai	Mức giá có hiệu lực từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	129.000	129.000	129.000	129.000	129.000	129.000	129.000	129.000	129.000
1495	Sơn	Bột bả nội thất cao cấp J01	kg	TCVN 7239:2019	bao 40kg	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	8.300	8.300	8.300	8.300	8.300	8.300	8.300	8.300	8.300
1496	Sơn	Bột bả ngoại thất cao cấp J02	kg	TCVN 7239:2019	bao 40kg	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	10.900	10.900	10.900	10.900	10.900	10.900	10.900	10.900	10.900
1497	Sơn	Sơn siêu mịn nội thất cao cấp N800	lít	QCVN 16:2023/BXD	thùng 18 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	55.400	55.400	55.400	55.400	55.400	55.400	55.400	55.400	55.400

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
1498	Sơn	Sơn siêu mịn nội thất lau chùi cao cấp J67	lít	QCVN 16:2023/BXD	thùng 18 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	138.500	138.500	138.500	138.500	138.500	138.500	138.500	138.500	138.500
1499	Sơn	Sơn bóng semi nội thất cao cấp J68	lít	QCVN 16:2023/BXD	thùng 18 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	199.200	199.200	199.200	199.200	199.200	199.200	199.200	199.200	199.200
1500	Sơn	Sơn siêu bóng nội thất cao cấp 7 in 1 men sứ J69	lít	QCVN 16:2023/BXD	thùng 18 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	265.000	265.000	265.000	265.000	265.000	265.000	265.000	265.000	265.000
1501	Sơn	Sơn siêu trắng trần nội thất cao cấp J66	lít	QCVN 16:2023/BXD	thùng 18 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	106.100	106.100	106.100	106.100	106.100	106.100	106.100	106.100	106.100
1502	Sơn	Sơn siêu mịn ngoại thất cao cấp N810	lít	QCVN 16:2023/BXD	thùng 18 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	123.800	123.800	123.800	123.800	123.800	123.800	123.800	123.800	123.800
1503	Sơn	Sơn bóng ngoại thất cao cấp J35	lít	QCVN 16:2023/BXD	thùng 18 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	258.900	258.900	258.900	258.900	258.900	258.900	258.900	258.900	258.900
1504	Sơn	Sơn siêu bóng ngoại thất cao cấp 8 in 1 men sứ J86	lít	QCVN 16:2023/BXD	thùng 18 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	304.800	304.800	304.800	304.800	304.800	304.800	304.800	304.800	304.800
1505	Sơn	Sơn lau chùi hiệu quả ngoại thất cao cấp J87	lít	QCVN 16:2023/BXD	thùng 15 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	206.200	206.200	206.200	206.200	206.200	206.200	206.200	206.200	206.200
1506	Sơn	Sơn chống thấm đa năng pha xi măng J11A	lít	QCVN 16:2023/BXD	thùng 18 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	174.700	174.700	174.700	174.700	174.700	174.700	174.700	174.700	174.700
1507	Sơn	Sơn chống thấm pha màu cao cấp J11M	lít	QCVN 16:2023/BXD	thùng 18 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	219.100	219.100	219.100	219.100	219.100	219.100	219.100	219.100	219.100
1508	Sơn	Sơn lót nội thất siêu mịn cao cấp N500	lít	TCVN 8652:2020	thùng 18 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	55.200	55.200	55.200	55.200	55.200	55.200	55.200	55.200	55.200
1509	Sơn	Sơn lót ngoại thất siêu mịn cao cấp N805	lít	TCVN 8652:2020	thùng 18 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	94.000	94.000	94.000	94.000	94.000	94.000	94.000	94.000	94.000
1510	Sơn	Sơn lót kháng kiềm nội thất cao cấp J65	lít	TCVN 8652:2020	thùng 18 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	113.700	113.700	113.700	113.700	113.700	113.700	113.700	113.700	113.700
1511	Sơn	Sơn lót kháng kiềm ngoại thất cao cấp J85	lít	TCVN 8652:2020	thùng 18 lít	Công ty CP Công nghệ xanh JINI Việt Nam. Đc nhà máy sản xuất ấp Bình Tiền 2, xã Đức Hoà, Tây Ninh -Đt: 0965413319. Công văn đề nghị công bố giá số 107/TPHCM-JINI ngày 10/07/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đơn giá tại nhà máy	Từ ngày 10/07/2026 đến 10/01/2027	Bổ sung mới	189.400	189.400	189.400	189.400	189.400	189.400	189.400	189.400	189.400
1512	Sơn	Bột trét ngoại thất cao cấp TAKA	bao	TCVN 7239:2014, ISO 9001:2015	40 kg	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bảy Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	458.333	458.333	458.333	458.333	458.333	458.333	458.333	458.333	458.333
1513	Sơn	Bột trét nội thất cao cấp TAKA	bao	TCVN 7239:2014, ISO 9001:2015	40 kg	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bảy Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	398.148	398.148	398.148	398.148	398.148	398.148	398.148	398.148	398.148
1514	Sơn	Bột trét ngoại thất cao cấp HIGO	bao	TCVN 7239:2014, ISO 9001:2015	40 kg	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bảy Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	407.407	407.407	407.407	407.407	407.407	407.407	407.407	407.407	407.407
1515	Sơn	Bột trét nội thất cao cấp HIGO	bao	TCVN 7239:2014, ISO 9001:2015	40 kg	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bảy Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	351.852	351.852	351.852	351.852	351.852	351.852	351.852	351.852	351.852
1516	Sơn	Bột trét ngoại thất KIYO	bao	TCVN 7239:2014, ISO 9001:2015	40 kg	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bảy Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	305.556	305.556	305.556	305.556	305.556	305.556	305.556	305.556	305.556
1517	Sơn	Bột trét nội thất KIYO	bao	TCVN 7239:2014, ISO 9001:2015	40 kg	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bảy Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	268.519	268.519	268.519	268.519	268.519	268.519	268.519	268.519	268.519
1518	Sơn	Ngoại thất NAGA Chống thấm tối ưu (Bóng sáng)	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	01 lít	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bảy Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	398.148	398.148	398.148	398.148	398.148	398.148	398.148	398.148	398.148
1519	Sơn	Ngoại thất NAGA Chống thấm tối ưu (Bóng sáng)	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	05 lít	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bảy Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.800.000	1.800.000	1.800.000	1.800.000	1.800.000	1.800.000	1.800.000	1.800.000	1.800.000
1520	Sơn	Ngoại thất NAGA chống nấm mốc, rong rêu (Bóng mờ)	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	01 lít	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bảy Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	328.704	328.704	328.704	328.704	328.704	328.704	328.704	328.704	328.704
1521	Sơn	Ngoại thất NAGA chống nấm mốc, rong rêu (Bóng mờ)	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	05 lít	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bảy Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.431.481	1.431.481	1.431.481	1.431.481	1.431.481	1.431.481	1.431.481	1.431.481	1.431.481
1522	Sơn	Ngoại thất LANITI _ Siêu Đàn Hồi 5in1 SƠN CO DÃN 300%	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	01 lít	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bảy Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	387.963	387.963	387.963	387.963	387.963	387.963	387.963	387.963	387.963

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
1523	Sơn	Ngoại thất LANITI _ Siêu Đàn Hồi 5in1 SƠN CO DÃN 300%	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	05 lít	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bây Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.750.000	1.750.000	1.750.000	1.750.000	1.750.000	1.750.000	1.750.000	1.750.000	1.750.000
1524	Sơn	Ngoại thất LANITI _ Siêu Đàn Hồi 5in1 SƠN CO DÃN 300%	thùng	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	18 lít	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bây Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	6.021.296	6.021.296	6.021.296	6.021.296	6.021.296	6.021.296	6.021.296	6.021.296	6.021.296
1525	Sơn	Ngoại thất NAGA Che Lấp Khe Nứt Hoàn Hảo NEW	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	01 lít	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bây Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	314.815	314.815	314.815	314.815	314.815	314.815	314.815	314.815	314.815
1526	Sơn	Ngoại thất NAGA Che Lấp Khe Nứt Hoàn Hảo NEW	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	05 lít	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bây Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.385.185	1.385.185	1.385.185	1.385.185	1.385.185	1.385.185	1.385.185	1.385.185	1.385.185
1527	Sơn	Ngoại thất NAGA Che Lấp Khe Nứt Hoàn Hảo NEW	thùng	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	18 lít	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bây Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	4.683.333	4.683.333	4.683.333	4.683.333	4.683.333	4.683.333	4.683.333	4.683.333	4.683.333
1528	Sơn	Ngoại thất KAREN _ Màng sơn Bóng mờ	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	05 lít	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bây Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	803.704	803.704	803.704	803.704	803.704	803.704	803.704	803.704	803.704
1529	Sơn	Ngoại thất KAREN _ Màng sơn Bóng mờ	thùng	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	18 lít	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bây Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.602.778	2.602.778	2.602.778	2.602.778	2.602.778	2.602.778	2.602.778	2.602.778	2.602.778
1530	Sơn	Nội thất KONGO ngọc trai (Bóng sáng)	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	01 lít	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bây Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	319.444	319.444	319.444	319.444	319.444	319.444	319.444	319.444	319.444
1531	Sơn	Nội thất KONGO ngọc trai (Bóng sáng)	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	05 lít	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bây Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.385.185	1.385.185	1.385.185	1.385.185	1.385.185	1.385.185	1.385.185	1.385.185	1.385.185
1532	Sơn	Nội thất KONGO Chống Bám Bẩn (Bóng mờ)	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	01 lít	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bây Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	291.667	291.667	291.667	291.667	291.667	291.667	291.667	291.667	291.667
1533	Sơn	Nội thất KONGO Chống Bám Bẩn (Bóng mờ)	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	05 lít	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bây Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.246.296	1.246.296	1.246.296	1.246.296	1.246.296	1.246.296	1.246.296	1.246.296	1.246.296
1534	Sơn	Nội thất TAGO _ Không Cần Sơn Lót	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	01 lít	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bây Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	204.630	204.630	204.630	204.630	204.630	204.630	204.630	204.630	204.630
1535	Sơn	Nội thất TAGO _ Không Cần Sơn Lót	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	05 lít	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bây Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	845.370	845.370	845.370	845.370	845.370	845.370	845.370	845.370	845.370
1536	Sơn	Nội thất TAGO _ Không Cần Sơn Lót	thùng	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	18 lít	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bây Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.764.815	2.764.815	2.764.815	2.764.815	2.764.815	2.764.815	2.764.815	2.764.815	2.764.815
1537	Sơn	Nội thất FLORA (Màng sơn mờ)	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	01 lít	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bây Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	171.296	171.296	171.296	171.296	171.296	171.296	171.296	171.296	171.296
1538	Sơn	Nội thất FLORA (Màng sơn mờ)	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	05 lít	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bây Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	646.296	646.296	646.296	646.296	646.296	646.296	646.296	646.296	646.296
1539	Sơn	Nội thất FLORA (Màng sơn mờ)	thùng	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	18 lít	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bây Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.062.963	2.062.963	2.062.963	2.062.963	2.062.963	2.062.963	2.062.963	2.062.963	2.062.963
1540	Sơn	Nội thất KONGO Bám Dính Tuyệt Hảo	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	05 lít	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bây Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	406.481	406.481	406.481	406.481	406.481	406.481	406.481	406.481	406.481
1541	Sơn	Nội thất KONGO Bám Dính Tuyệt Hảo	thùng	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	18 lít	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bây Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.223.148	1.223.148	1.223.148	1.223.148	1.223.148	1.223.148	1.223.148	1.223.148	1.223.148
1542	Sơn	Sơn Lót kiềm ngoại thất cao cấp SANDY	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	05 lít	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bây Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	816.667	816.667	816.667	816.667	816.667	816.667	816.667	816.667	816.667
1543	Sơn	Sơn Lót kiềm ngoại thất cao cấp SANDY	thùng	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	18 lít	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bây Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.700.000	2.700.000	2.700.000	2.700.000	2.700.000	2.700.000	2.700.000	2.700.000	2.700.000
1544	Sơn	Sơn Lót kiềm ngoại thất NAGA Nano Sealer	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	05 lít	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bây Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	762.963	762.963	762.963	762.963	762.963	762.963	762.963	762.963	762.963
1545	Sơn	Sơn Lót kiềm ngoại thất NAGA Nano Sealer	thùng	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	18 lít	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bây Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.483.333	2.483.333	2.483.333	2.483.333	2.483.333	2.483.333	2.483.333	2.483.333	2.483.333
1546	Sơn	Sơn Lót kiềm nội thất cao cấp NOLAN	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	05 lít	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bây Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	600.000	600.000	600.000	600.000	600.000	600.000	600.000	600.000	600.000
1547	Sơn	Sơn Lót kiềm nội thất cao cấp NOLAN	thùng	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	18 lít	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bây Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.878.704	1.878.704	1.878.704	1.878.704	1.878.704	1.878.704	1.878.704	1.878.704	1.878.704

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
1548	Sơn	Sơn Lót kiềm nội thất KONGO Nano Sealer	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	05 lít	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bảy Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	568.519	568.519	568.519	568.519	568.519	568.519	568.519	568.519	568.519
1549	Sơn	Sơn Lót kiềm nội thất KONGO Nano Sealer	thùng	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	18 lít	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bảy Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.754.630	1.754.630	1.754.630	1.754.630	1.754.630	1.754.630	1.754.630	1.754.630	1.754.630
1550	Sơn	Chống thấm đa năng siêu đàn hồi	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	05 kg	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bảy Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	946.296	946.296	946.296	946.296	946.296	946.296	946.296	946.296	946.296
1551	Sơn	Chống thấm đa năng siêu đàn hồi	thùng	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	18 kg	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bảy Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.137.963	3.137.963	3.137.963	3.137.963	3.137.963	3.137.963	3.137.963	3.137.963	3.137.963
1552	Sơn	Chống thấm màu RINGO	lon	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	05 lít	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bảy Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	969.444	969.444	969.444	969.444	969.444	969.444	969.444	969.444	969.444
1553	Sơn	Chống thấm màu RINGO	thùng	QCVN 16:2023/BXD, ISO 9001:2015	18 lít	Công ty Sơn Ringo Việt Nam. Đc: 86/54 Trường Chinh, P.Bảy Hiền, TP.HCM - Đt: 0933 676638. Công văn đề nghị công bố giá số CV-SONRINGO/09-2026 ngày 26/08/2026	Việt Nam	Bao gồm vận chuyển	Đến chân công trình toàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/09/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.206.481	3.206.481	3.206.481	3.206.481	3.206.481	3.206.481	3.206.481	3.206.481	3.206.481
1554	Vật tư ngành điện	Trụ đèn cao 6m dày 3mm Đường kính đáy: D150, đường kính đỉnh: D60	cột	BS5649:1995/BS EN 40-5:2002		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	4.950.000	4.950.000	4.950.000	4.950.000	4.950.000	4.950.000	4.950.000	4.950.000	4.950.000
1555	Vật tư ngành điện	Trụ đèn cao 7m dày 3mm Đường kính đáy: D160, đường kính đỉnh: D60	cột	BS5649:1995/BS EN 40-5:2002		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	5.450.000	5.450.000	5.450.000	5.450.000	5.450.000	5.450.000	5.450.000	5.450.000	5.450.000
1556	Vật tư ngành điện	Trụ đèn cao 8m dày 4mm Đường kính đáy: D170, đường kính đỉnh: D60	cột	BS5649:1995/BS EN 40-5:2002		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	5.590.000	5.590.000	5.590.000	5.590.000	5.590.000	5.590.000	5.590.000	5.590.000	5.590.000
1557	Vật tư ngành điện	Trụ đèn cao 9m dày 4mm Đường kính đáy: D180, đường kính đỉnh: D60	cột	BS5649:1995/BS EN 40-5:2002		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	6.750.000	6.750.000	6.750.000	6.750.000	6.750.000	6.750.000	6.750.000	6.750.000	6.750.000
1558	Vật tư ngành điện	Trụ đèn cao 10m dày 4mmĐường kính đáy: D190, đường kính đỉnh: D60	cột	BS5649:1995/BS EN 40-5:2002		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	8.350.000	8.350.000	8.350.000	8.350.000	8.350.000	8.350.000	8.350.000	8.350.000	8.350.000
1559	Vật tư ngành điện	Cần đèn đơn cao 2m vươn xa 1.5mx3mm	cái	BS5649:1995/BS EN 40-5:2002		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	1.750.000	1.750.000	1.750.000	1.750.000	1.750.000	1.750.000	1.750.000	1.750.000	1.750.000
1560	Vật tư ngành điện	Cần đèn đôi cao 2m vươn xa 1.5mx3mm	cái	BS5649:1995/BS EN 40-5:2002		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	2.550.000	2.550.000	2.550.000	2.550.000	2.550.000	2.550.000	2.550.000	2.550.000	2.550.000
1561	Vật tư ngành điện	Cần đèn ba cao 2m vươn xa 1.5mx3mm	cái	BS5649:1995/BS EN 40-5:2002		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000
1562	Vật tư ngành điện	Cột 14m: Cột đa giác xà bắt đèn pha	cột	BS5649:1995/BS EN 40-5:2002		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	22.500.000	22.500.000	22.500.000	22.500.000	22.500.000	22.500.000	22.500.000	22.500.000	22.500.000
1563	Vật tư ngành điện	Cột 17m: Cột đa giác + giàn di động nâng hạ	cột	BS5649:1995/BS EN 40-5:2002		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	115.000.000	115.000.000	115.000.000	115.000.000	115.000.000	115.000.000	115.000.000	115.000.000	115.000.000
1564	Vật tư ngành điện	Cột 20m: Cột đa giác động nâng hạ (20m dày 5mm + giàn di động nâng hạ)	cột	BS5649:1995/BS EN 40-5:2003		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	160.000.000	160.000.000	160.000.000	160.000.000	160.000.000	160.000.000	160.000.000	160.000.000	160.000.000
1565	Vật tư ngành điện	Cột 30m: Cột đa giác động nâng hạ (30m dày 5mm + giàn di động nâng hạ)	cột	BS5649:1995/BS EN 40-5:2004		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	225.050.000	225.050.000	225.050.000	225.050.000	225.050.000	225.050.000	225.050.000	225.050.000	225.050.000
1566	Vật tư ngành điện	ĐÈN LED MDC LACHONG 80W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 667x290x128mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	9.330.000	9.330.000	9.330.000	9.330.000	9.330.000	9.330.000	9.330.000	9.330.000	9.330.000
1567	Vật tư ngành điện	Đèn MDC LACHONG 100W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 667x290x128mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	10.150.000	10.150.000	10.150.000	10.150.000	10.150.000	10.150.000	10.150.000	10.150.000	10.150.000
1568	Vật tư ngành điện	Đèn MDC LACHONG 120W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 667x290x128mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	11.268.000	11.268.000	11.268.000	11.268.000	11.268.000	11.268.000	11.268.000	11.268.000	11.268.000
1569	Vật tư ngành điện	Đèn MDC LACHONG 150W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 667x290x128mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	12.465.000	12.465.000	12.465.000	12.465.000	12.465.000	12.465.000	12.465.000	12.465.000	12.465.000
1570	Vật tư ngành điện	Đèn MDC THANGLONG 80W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 591x222x92mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	8.150.000	8.150.000	8.150.000	8.150.000	8.150.000	8.150.000	8.150.000	8.150.000	8.150.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
1571	Vật tư ngành điện	Đèn MDC THANGLONG 100W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 591x222x92mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	8.200.000	8.200.000	8.200.000	8.200.000	8.200.000	8.200.000	8.200.000	8.200.000	8.200.000
1572	Vật tư ngành điện	Đèn MDC THANGLONG 120W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 712x300x97mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	9.150.000	9.150.000	9.150.000	9.150.000	9.150.000	9.150.000	9.150.000	9.150.000	9.150.000
1573	Vật tư ngành điện	Đèn MDC THANGLONG 150W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 712x300x97mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	10.550.000	10.550.000	10.550.000	10.550.000	10.550.000	10.550.000	10.550.000	10.550.000	10.550.000
1574	Vật tư ngành điện	Đèn MDC SAIGON 80W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 594x260x93mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	7.550.000	7.550.000	7.550.000	7.550.000	7.550.000	7.550.000	7.550.000	7.550.000	7.550.000
1575	Vật tư ngành điện	Đèn MDC SAIGON 100W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 594x260x93mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	7.630.000	7.630.000	7.630.000	7.630.000	7.630.000	7.630.000	7.630.000	7.630.000	7.630.000
1576	Vật tư ngành điện	Đèn MDC SAIGON 120W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 594x260x93mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	8.050.000	8.050.000	8.050.000	8.050.000	8.050.000	8.050.000	8.050.000	8.050.000	8.050.000
1577	Vật tư ngành điện	Đèn MDC SAIGON 150W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 806x320x106mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	8.560.000	8.560.000	8.560.000	8.560.000	8.560.000	8.560.000	8.560.000	8.560.000	8.560.000
1578	Vật tư ngành điện	Đèn MDC DRACO 80W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 616x259x186mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	6.250.000	6.250.000	6.250.000	6.250.000	6.250.000	6.250.000	6.250.000	6.250.000	6.250.000
1579	Vật tư ngành điện	Đèn MDC DRACO 100W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 616x259x186mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	6.350.000	6.350.000	6.350.000	6.350.000	6.350.000	6.350.000	6.350.000	6.350.000	6.350.000
1580	Vật tư ngành điện	Đèn MDC DRACO 120W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 676x305x187mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	6.500.000	6.500.000	6.500.000	6.500.000	6.500.000	6.500.000	6.500.000	6.500.000	6.500.000
1581	Vật tư ngành điện	Đèn MDC DRACO 150W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 676x305x187mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	7.550.000	7.550.000	7.550.000	7.550.000	7.550.000	7.550.000	7.550.000	7.550.000	7.550.000
1582	Vật tư ngành điện	Đèn MDC TITAN công suất 80W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 422x320x140mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	5.250.000	5.250.000	5.250.000	5.250.000	5.250.000	5.250.000	5.250.000	5.250.000	5.250.000
1583	Vật tư ngành điện	Đèn MDC TITAN công suất 100W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 422x320x140mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	5.370.000	5.370.000	5.370.000	5.370.000	5.370.000	5.370.000	5.370.000	5.370.000	5.370.000
1584	Vật tư ngành điện	Đèn MDC TITAN công suất 120W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 422x320x140mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	5.860.000	5.860.000	5.860.000	5.860.000	5.860.000	5.860.000	5.860.000	5.860.000	5.860.000
1585	Vật tư ngành điện	Đèn MDC TITAN công suất 150W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015	Kích thước: 422x320x140mm	Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	6.550.000	6.550.000	6.550.000	6.550.000	6.550.000	6.550.000	6.550.000	6.550.000	6.550.000
1586	Vật tư ngành điện	Đèn MDC - S01	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	10.500.000	10.500.000	10.500.000	10.500.000	10.500.000	10.500.000	10.500.000	10.500.000	10.500.000
1587	Vật tư ngành điện	Đèn MDC - S03	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	9.300.000	9.300.000	9.300.000	9.300.000	9.300.000	9.300.000	9.300.000	9.300.000	9.300.000
1588	Vật tư ngành điện	Đèn MDC NLMT - 80W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	11.500.000	11.500.000	11.500.000	11.500.000	11.500.000	11.500.000	11.500.000	11.500.000	11.500.000
1589	Vật tư ngành điện	Đèn MDC NLMT liền thể 60W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	11.650.000	11.650.000	11.650.000	11.650.000	11.650.000	11.650.000	11.650.000	11.650.000	11.650.000
1590	Vật tư ngành điện	Đèn MDC NLMT liền thể 80W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	12.050.000	12.050.000	12.050.000	12.050.000	12.050.000	12.050.000	12.050.000	12.050.000	12.050.000
1591	Vật tư ngành điện	Đèn MDC NLMT liền thể 120W	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	15.150.000	15.150.000	15.150.000	15.150.000	15.150.000	15.150.000	15.150.000	15.150.000	15.150.000
1592	Vật tư ngành điện	Đèn MDC BLUECACBON 2.0 NLMT 36W-70AH	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000
1593	Vật tư ngành điện	Đèn MDC BLUECACBON 2.0 NLMT 50W-70AH	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	7.150.000	7.150.000	7.150.000	7.150.000	7.150.000	7.150.000	7.150.000	7.150.000	7.150.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
1594	Vật tư ngành điện	Đèn MDC BLUECACBON 2.0 NLMT 56W-90AH	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	7.200.000	7.200.000	7.200.000	7.200.000	7.200.000	7.200.000	7.200.000	7.200.000	7.200.000
1595	Vật tư ngành điện	Đèn MDC BLUECACBON 2.0 NLMT 70W-140AH	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	9.150.000	9.150.000	9.150.000	9.150.000	9.150.000	9.150.000	9.150.000	9.150.000	9.150.000
1596	Vật tư ngành điện	Đèn MDC BLUECACBON 3.0 NLMT 80W-160AH	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	11.700.000	11.700.000	11.700.000	11.700.000	11.700.000	11.700.000	11.700.000	11.700.000	11.700.000
1597	Vật tư ngành điện	Đèn MDC BLUECACBON 2.0 NLMT 100W-200AH	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	10.950.000	10.950.000	10.950.000	10.950.000	10.950.000	10.950.000	10.950.000	10.950.000	10.950.000
1598	Vật tư ngành điện	Đèn MDC BLUECACBON 3.0 NLMT 120W-200AH	cái	TCVN 7722-2-3:2019 TCVN ISO 9001-2015 ISO 14001:2015		Công ty CP Tập đoàn MDC GROUP.Đc: Phòng 411, Tầng 4, Tòa nhà văn phòng Detech, số 8, Tôn Thất Thuyết, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam - Đt: 0987 898 605. Công văn Số: 01.180526/CVLS-MDC ngày 18/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Tại chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Áp dụng từ ngày 18/05/2026 đến khi có bảng báo giá mới	Bổ sung mới	13.000.000	13.000.000	13.000.000	13.000.000	13.000.000	13.000.000	13.000.000	13.000.000	13.000.000
1599	Vật tư ngành điện	Led Panel Âm trần- Tròn 7W ánh sáng trắng (T)/ trung tính (N)/ vàng (V) RPL3-7T/N/V	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 60 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	99.630	99.630	99.630	99.630	99.630	99.630	99.630	99.630	99.630
1600	Vật tư ngành điện	Led Panel Âm trần- Tròn 12W ánh sáng trắng (T)/ trung tính (N)/ vàng (V) RPL3-12T/N/V	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 40 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	142.870	142.870	142.870	142.870	142.870	142.870	142.870	142.870	142.870
1601	Vật tư ngành điện	Led Panel ốp trần- Tròn (DOB) 12W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) SRPL2-12T/V	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 30 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	112.963	112.963	112.963	112.963	112.963	112.963	112.963	112.963	112.963
1602	Vật tư ngành điện	Led Panel ốp trần- Tròn (DOB) 18W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) SRPL2-18T/V	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 20 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	154.722	154.722	154.722	154.722	154.722	154.722	154.722	154.722	154.722
1603	Vật tư ngành điện	Đèn led tube thủy tinh 1x28W 1m2,ánh sáng trắng (T) GT3-120T	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	12 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	90.741	90.741	90.741	90.741	90.741	90.741	90.741	90.741	90.741
1604	Vật tư ngành điện	Led Panel Âm trần- Vuông 6W ánh sáng trắng (T)/ trung tính (N)/ vàng (V) SPL-6T/V	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 60 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	117.222	117.222	117.222	117.222	117.222	117.222	117.222	117.222	117.222
1605	Vật tư ngành điện	Led Panel Âm trần- Vuông 9W ánh sáng trắng (T)/ trung tính (N)/ vàng (V) SPL-9T/V	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 40 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	151.852	151.852	151.852	151.852	151.852	151.852	151.852	151.852	151.852
1606	Vật tư ngành điện	Led tấm 36W 600x600x35mm ánh sáng trắng (T)/ trung tính (N) FPD3-6060T/N	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 5 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	744.630	744.630	744.630	744.630	744.630	744.630	744.630	744.630	744.630
1607	Vật tư ngành điện	Led tấm 36W 120x300x35mm ánh sáng trắng (T)/ trung tính (N) FPD3-12030T/N	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 5 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	864.352	97.407	97.407	97.407	97.407	97.407	97.407	97.407	97.407
1608	Vật tư ngành điện	Led chiếu sáng đường phố 100W ánh sáng trung tính (N)/ vàng (V) LST2-100N/V	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 50.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.154.630	2.154.630	2.154.630	2.154.630	2.154.630	2.154.630	2.154.630	2.154.630	2.154.630
1609	Vật tư ngành điện	Led chiếu sáng đường phố 150W ánh sáng trung tính (N)/ vàng (V) LST2-150N/V	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 50.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.766.019	2.766.019	2.766.019	2.766.019	2.766.019	2.766.019	2.766.019	2.766.019	2.766.019
1610	Vật tư ngành điện	Led chiếu sáng đường phố 200W ánh sáng trung tính (N)/ vàng (V) LST2-200N/V	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 50.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.688.148	3.688.148	3.688.148	3.688.148	3.688.148	3.688.148	3.688.148	3.688.148	3.688.148
1611	Vật tư ngành điện	Led Downlight âm trần 18W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) DLE-18T/V	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 10 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	190.926	190.926	190.926	190.926	190.926	190.926	190.926	190.926	190.926
1612	Vật tư ngành điện	Đèn led tube thủy tinh 1x18W 1m2,ánh sáng trắng (T)/ánh sáng vàng (V),ánh sáng trung tính (N) GT8-120T/V/N	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 25 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	67.685	67.685	67.685	67.685	67.685	67.685	67.685	67.685	67.685
1613	Vật tư ngành điện	Đèn led tube thủy tinh 1x9W 1m2,ánh sáng trắng (T)/ánh sáng vàng (V),ánh sáng trung tính (N) GT8-60T/V/N	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 25 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	57.037	57.037	57.037	57.037	57.037	57.037	57.037	57.037	57.037
1614	Vật tư ngành điện	Đèn downlight ốp trần 1x16W Ø120 x 38, ánh sáng trắng (T)/ánh sáng vàng (V),ánh sáng trung tính (N) SRDL-16T/V/N	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 40 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	219.259	219.259	219.259	219.259	219.259	219.259	219.259	219.259	219.259
1615	Vật tư ngành điện	Đèn downlight ốp trần 1x24W Ø173x38, ánh sáng trắng (T)/ánh sáng vàng (V),ánh sáng trung tính (N) SRDL-24T/V/N	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 20 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	305.093	305.093	305.093	305.093	305.093	305.093	305.093	305.093	305.093
1616	Vật tư ngành điện	Led Panel ốp trần- Vuông (DOB) 12W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) SSPL2-12T/V	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 30 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	126.019	126.019	126.019	126.019	126.019	126.019	126.019	126.019	126.019
1617	Vật tư ngành điện	Led Panel ốp trần- Vuông (DOB) 18W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) SSPL2-18T/V	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 20 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	168.426	168.426	168.426	168.426	168.426	168.426	168.426	168.426	168.426

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
1618	Vật tư ngành điện	Led bán nguyệt 48W thân nhựa BN2-48T	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 12 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	268.148	268.148	268.148	268.148	268.148	268.148	268.148	268.148	268.148
1619	Vật tư ngành điện	Led chiếu điểm (Gắn ray) 8W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) / trung tính (N) TSL2-8T/V/N	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: COB	1 cái/hộp 10 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	254.167	254.167	254.167	254.167	254.167	254.167	254.167	254.167	254.167
1620	Vật tư ngành điện	Led chiếu điểm (Gắn ray) 12W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) / trung tính (N) TSL2-12T/V/N	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: COB	1 cái/hộp 10 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	303.519	303.519	303.519	303.519	303.519	303.519	303.519	303.519	303.519
1621	Vật tư ngành điện	Led ống bơ 18W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) SDL-18T/V	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: COB	1 cái/hộp 12 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	804.907	804.907	804.907	804.907	804.907	804.907	804.907	804.907	804.907
1622	Vật tư ngành điện	Led Downlight âm trần (Dạng hộp, vuông) 2x7W ánh sáng trắng (T)/ trung tính (N)/ vàng (V) DLS-207T/N/V	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: COB	1 cái/hộp 12 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	714.630	714.630	714.630	714.630	714.630	714.630	714.630	714.630	714.630
1623	Vật tư ngành điện	Led pha 100W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) FLD5-100T/V	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 4 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.207.222	1.207.222	1.207.222	1.207.222	1.207.222	1.207.222	1.207.222	1.207.222	1.207.222
1624	Vật tư ngành điện	Led pha 150W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) FLD5-150T/V	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 4 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.245.370	2.245.370	2.245.370	2.245.370	2.245.370	2.245.370	2.245.370	2.245.370	2.245.370
1625	Vật tư ngành điện	Led pha 200W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) FLD5-200T/V	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 3 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.639.630	2.639.630	2.639.630	2.639.630	2.639.630	2.639.630	2.639.630	2.639.630	2.639.630
1626	Vật tư ngành điện	Led highbay Nhà xưởng 100W HBE2-100T	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 50.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.860.833	1.860.833	1.860.833	1.860.833	1.860.833	1.860.833	1.860.833	1.860.833	1.860.833
1627	Vật tư ngành điện	Led highbay Nhà xưởng 150W HBE2-150T	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 50.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.007.870	3.007.870	3.007.870	3.007.870	3.007.870	3.007.870	3.007.870	3.007.870	3.007.870
1628	Vật tư ngành điện	Led highbay Nhà xưởng 200W HBE2-200T	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 50.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.009.907	4.009.907	4.009.907	4.009.907	4.009.907	4.009.907	4.009.907	4.009.907	4.009.907
1629	Vật tư ngành điện	Led chiếu điểm (Gắn nổi) 12W SSL-12V	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: COB	1 cái/hộp 40 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	413.333	413.333	413.333	413.333	413.333	413.333	413.333	413.333	413.333
1630	Vật tư ngành điện	Led ống bơ 12W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) SDL-12T/V	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: COB	1 cái/hộp 40 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	478.148	478.148	478.148	478.148	478.148	478.148	478.148	478.148	478.148
1631	Vật tư ngành điện	Led ống bơ 25W ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) SDL-25T/V	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: COB	1 cái/hộp 12 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	895.278	895.278	895.278	895.278	895.278	895.278	895.278	895.278	895.278
1632	Vật tư ngành điện	Led tấm 40W 600x600x35mm ánh sáng trắng (T)/ trung tính (N) FPD-6060T/N	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.9 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 5 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	744.630	744.630	744.630	744.630	744.630	744.630	744.630	744.630	744.630
1633	Vật tư ngành điện	Led bán nguyệt 18W thân nhựa ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) BN2-18T/V	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 12 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	116.111	116.111	116.111	116.111	116.111	116.111	116.111	116.111	116.111
1634	Vật tư ngành điện	Led bán nguyệt 36W thân nhựa ánh sáng trắng (T)/ vàng (V) BN2-36T/V	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/hộp 12 cái/thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	182.130	182.130	182.130	182.130	182.130	182.130	182.130	182.130	182.130
1635	Vật tư ngành điện	Led hightbay Nhà xưởng 100W HBV2-100T	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/ Hộp 2 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.618.056	1.618.056	1.618.056	1.618.056	1.618.056	1.618.056	1.618.056	1.618.056	1.618.056
1636	Vật tư ngành điện	Led highbay Nhà xưởng 150W HBV2-150T	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN RA > 80; PF > 0.5 Tuổi thọ: 30.000 giờ Chip Led: SMD 2835	1 cái/ Hộp 2 Cái/ Thùng	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.971.574	1.971.574	1.971.574	1.971.574	1.971.574	1.971.574	1.971.574	1.971.574	1.971.574
1637	Vật tư ngành điện	Ống PVC D16 320N A9016L	Ống	QCVN 16:2023/BXD Đường kính 16mm Lực nén 320N	2.92m/ống	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	16.574	16.574	16.574	16.574	16.574	16.574	16.574	16.574	16.574
1638	Vật tư ngành điện	Ống PVC D20 320N A9020L	Ống	QCVN 16:2023/BXD Đường kính 20mm Lực nén 320N	2.92m/ống	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	21.296	21.296	21.296	21.296	21.296	21.296	21.296	21.296	21.296
1639	Vật tư ngành điện	Ống PVC D25 320N A9025L	Ống	QCVN 16:2023/BXD Đường kính 25mm Lực nén 320N	2.92m/ống	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	35.185	35.185	35.185	35.185	35.185	35.185	35.185	35.185	35.185
1640	Vật tư ngành điện	Ống PVC D32 320N A9032L	Ống	QCVN 16:2023/BXD Đường kính 32mm Lực nén 320N	2.92m/ống	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	56.481	56.481	56.481	56.481	56.481	56.481	56.481	56.481	56.481
1641	Vật tư ngành điện	Ống PVC D16 750N A9016	Ống	QCVN 16:2023/BXD Đường kính 16mm Lực nén 750N	2.92m/ống	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	19.815	19.815	19.815	19.815	19.815	19.815	19.815	19.815	19.815

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
1642	Vật tư ngành điện	Ống PVC D20 750N A9020	Ống	QCVN 16:2023/BXD Đường kính 20mm Lực nén 750N	2.92m/ống	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	28.148	28.148	28.148	28.148	28.148	28.148	28.148	28.148	28.148
1643	Vật tư ngành điện	Ống PVC D25 750N A9025	Ống	QCVN 16:2023/BXD Đường kính 25mm Lực nén 750N	2.92m/ống	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	40.556	40.556	40.556	40.556	40.556	40.556	40.556	40.556	40.556
1644	Vật tư ngành điện	Ống PVC D32 750N A9032	Ống	QCVN 16:2023/BXD Đường kính 32mm Lực nén 750N	2.92m/ống	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	71.204	71.204	71.204	71.204	71.204	71.204	71.204	71.204	71.204
1645	Vật tư ngành điện	Ống ruột gà D16 màu trắng A9016CT	Cuộn	QCVN 16:2023/BXD Ống luồn dây điện hồi màu trắng Ø16	50m/cuộn	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	138.056	138.056	138.056	138.056	138.056	138.056	138.056	138.056	138.056
1646	Vật tư ngành điện	Ống ruột gà D20 màu trắng A9020CT	Cuộn	QCVN 16:2023/BXD Ống luồn dây điện hồi màu trắng Ø20	50m/cuộn	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	178.241	178.241	178.241	178.241	178.241	178.241	178.241	178.241	178.241
1647	Vật tư ngành điện	Ống ruột gà D25 màu trắng A9025CT	Cuộn	QCVN 16:2023/BXD Ống luồn dây điện hồi màu trắng Ø25	40m/cuộn	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	191.944	191.944	191.944	191.944	191.944	191.944	191.944	191.944	191.944
1648	Vật tư ngành điện	Ống ruột gà D32 màu trắng A9032CT	Cuộn	QCVN 16:2023/BXD Ống luồn dây điện hồi màu trắng Ø32	25m/cuộn	Công Ty TNHH TM - DV Điện Mạnh Phương - MPE. Nhà máy sản xuất thiết bị điện: Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh. (Công văn đề nghị công bố giá số 311/MPE-SXD ngày 01/07/2026)	China	Không có thông tin	Trong phạm vi tỉnh Tây Ninh	CHỨNG NHẬN HỢP QUY SỐ: VIC/23.HQ/18.01.1123 Mức giá được thực hiện từ ngày 01/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	239.444	239.444	239.444	239.444	239.444	239.444	239.444	239.444	239.444
1649	Vật tư ngành điện	Cáp Cadivi CV 1.0	m			Cửa hàng Nguyên Vũ. (Đc: Khu phố 7, P3, TP.Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ	Việt Nam	Giá bán ở TP. Tây Ninh	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Từ ngày 19/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7.301	-	-	-	-	-	-	-	-
1650	Vật tư ngành điện	Cáp Cadivi CV 1.5	m			Cửa hàng Nguyên Vũ. (Đc: Khu phố 7, P3, TP.Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ	Việt Nam	Giá bán ở TP. Tây Ninh	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Từ ngày 19/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10.002	-	-	-	-	-	-	-	-
1651	Vật tư ngành điện	Cáp Cadivi CV 2.0	m			Cửa hàng Nguyên Vũ. (Đc: Khu phố 7, P3, TP.Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ	Việt Nam	Giá bán ở TP. Tây Ninh	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Từ ngày 19/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	12.971	-	-	-	-	-	-	-	-
1652	Vật tư ngành điện	Cáp Cadivi CV 2.5	m			Cửa hàng Nguyên Vũ. (Đc: Khu phố 7, P3, TP.Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ	Việt Nam	Giá bán ở TP. Tây Ninh	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Từ ngày 19/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	16.300	-	-	-	-	-	-	-	-
1653	Vật tư ngành điện	Cáp Cadivi CV 3.5	m			Cửa hàng Nguyên Vũ. (Đc: Khu phố 7, P3, TP.Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ	Việt Nam	Giá bán ở TP. Tây Ninh	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Từ ngày 19/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	21.956	-	-	-	-	-	-	-	-
1654	Vật tư ngành điện	Cáp Cadivi CV 4.0	m			Cửa hàng Nguyên Vũ. (Đc: Khu phố 7, P3, TP.Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ	Việt Nam	Giá bán ở TP. Tây Ninh	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Từ ngày 19/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	24.700	-	-	-	-	-	-	-	-
1655	Vật tư ngành điện	Cáp Cadivi CV 6.0	m			Cửa hàng Nguyên Vũ. (Đc: Khu phố 7, P3, TP.Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ	Việt Nam	Giá bán ở TP. Tây Ninh	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Từ ngày 19/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	36.266	-	-	-	-	-	-	-	-
1656	Vật tư ngành điện	Cáp Cadivi CV 8.0	m			Cửa hàng Nguyên Vũ. (Đc: Khu phố 7, P3, TP.Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ	Việt Nam	Giá bán ở TP. Tây Ninh	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Từ ngày 19/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	48.708	-	-	-	-	-	-	-	-
1657	Vật tư ngành điện	Cáp Cadivi CV 10.0	m			Cửa hàng Nguyên Vũ. (Đc: Khu phố 7, P3, TP.Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ	Việt Nam	Giá bán ở TP. Tây Ninh	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Từ ngày 19/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	60.080	-	-	-	-	-	-	-	-
1658	Vật tư ngành điện	Dây điện bọc nhựa PVC - 450/750V	m	TCVN 6610-3	VCm-1.5 (1x30/0.25)- 450/750V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8.200	8.200	8.200	8.200	8.200	8.200	8.200	8.200	8.200
1659	Vật tư ngành điện	Dây điện bọc nhựa PVC - 450/750V	m	TCVN 6610-3	VCm-2.5 (1x50/0,25)- 450/750V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	13.000	13.000	13.000	13.000	13.000	13.000	13.000	13.000	13.000
1660	Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC -300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmo-2xO,75 (2x24/0,2) - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10.300	10.300	10.300	10.300	10.300	10.300	10.300	10.300	10.300
1661	Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC -300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmo-2xLO (2x32/0,2)/ 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	12.900	12.900	12.900	12.900	12.900	12.900	12.900	12.900	12.900
1662	Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC -300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmo-2xL5 (2x30/0.25) - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100
1663	Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC -300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmo-2x2,5 (2x50/0,25) - 3OO/5OOV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	29.100	29.100	29.100	29.100	29.100	29.100	29.100	29.100	29.100
1664	Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC -300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmo-2x4,0 (2x56/0,3) 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	44.100	44.100	44.100	44.100	44.100	44.100	44.100	44.100	44.100
1665	Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC -300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmo-2x6,0 (2x84/0,3) 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	65.800	65.800	65.800	65.800	65.800	65.800	65.800	65.800	65.800
1666	Vật tư ngành điện	Dây đôi mềm bọc nhựa pvc - VCmd 0,6/1 kV	m	AS/NZS 5000.1	VCmd-2x0.5 (2x16/0.2) 0,6/1 kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.200	6.200	6.200	6.200	6.200	6.200	6.200	6.200	6.200
1667	Vật tư ngành điện	Dây đôi mềm bọc nhựa PVC - VCmd 0,6/1 kV	m	AS/NZS 5000.1	VCmd-2x0.75 (2x24/0,2)-0,6/1 kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8.700	8.700	8.700	8.700	8.700	8.700	8.700	8.700	8.700
1668	Vật tư ngành điện	Dây đôi mềm bọc nhựa pvc - VCmd 0,6/1 kV	m	AS/NZS 5000.1	VCmd-2x1 (2x32/0,2)- 0,6/ikV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	11.200	11.200	11.200	11.200	11.200	11.200	11.200	11.200	11.200
1669	Vật tư ngành điện	Dây đôi mềm bọc nhựa pvc - VCmd 0,6/1 kV	m	AS/NZS 5000.1	VCmd-2x1,5 (2x30/0,25)-0,6/IkV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000
1670	Vật tư ngành điện	Dây đôi mềm bọc nhựa pvc - VCmd 0,6/1 kV	m	AS/NZS 5000.1	VCmd-2x2,5 (2x50/0,25)-0,6/IkV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900
1671	Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - VCmt 2 lõi - 300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmt-2xO,75 (2x24/0,2) - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10.800	10.800	10.800	10.800	10.800	10.800	10.800	10.800	10.800
1672	Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - VCmt 2 lõi - 300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmt-2xl (2x32/0,2)- 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	13.400	13.400	13.400	13.400	13.400	13.400	13.400	13.400	13.400
1673	Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - VCmt 2 lõi - 300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmt-2xL5 (2x30/0,25) - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	18.700	18.700	18.700	18.700	18.700	18.700	18.700	18.700	18.700
1674	Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - VCmt 2 lõi - 300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmt-2x2,5 (2x50/0,25) - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	29.900	29.900	29.900	29.900	29.900	29.900	29.900	29.900	29.900
1675	Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - VCmt 2 lõi - 300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmt-2x4 (2x56/0,3) - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	43.700	43.700	43.700	43.700	43.700	43.700	43.700	43.700	43.700

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
1676	Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - VCmt 2 lõi - 300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmt-2x6 (2x84/0,3) - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	64.700	64.700	64.700	64.700	64.700	64.700	64.700	64.700	64.700
1677	Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - VCmt 3 lõi - 300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmt-3x0,75 (2x24/0,2) - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	14.600	14.600	14.600	14.600	14.600	14.600	14.600	14.600	14.600
1678	Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - VCmt 3 lõi - 300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmt-3x1 (2x32/0,2) - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100
1679	Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - VCmt 3 lõi - 300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmt-3x1,5 (2x30/0.25) - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900
1680	Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - VCmt 3 lõi - 300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmt-3x2.5 (2x50/0,25) - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	40.800	40.800	40.800	40.800	40.800	40.800	40.800	40.800	40.800
1681	Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - VCmt 3 lõi - 300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmt-3x4 (2x56/0,3) - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	61.100	61.100	61.100	61.100	61.100	61.100	61.100	61.100	61.100
1682	Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - VCmt 3 lõi - 300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmt-3x6 (2x84/0,3) - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700
1683	Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - VCmt 4 lõi - 300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmt-4xO,75 (2x24/0,2) - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	18.700	18.700	18.700	18.700	18.700	18.700	18.700	18.700	18.700
1684	Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - VCmt 4 lõi - 300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmt-4x1 (2x32/0,2) - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	23.700	23.700	23.700	23.700	23.700	23.700	23.700	23.700	23.700
1685	Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - VCmt 4 lõi - 300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmt-4x1,5 (2x30/0.25) - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	33.500	33.500	33.500	33.500	33.500	33.500	33.500	33.500	33.500
1686	Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựaPVC-VCmt 4 lõi - 300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmt-4x2,5 (2x50/0,25) - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	52.800	52.800	52.800	52.800	52.800	52.800	52.800	52.800	52.800
1687	Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - VCmt 4 lõi - 300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmt-4x4 (2x56/0,3) - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000
1688	Vật tư ngành điện	Dây điện mềm bọc nhựa PVC - VCmt 4 lõi - 300/500V	m	TCVN 6610-5	VCmt-4x6 (2x84/0,3) - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	120.600	120.600	120.600	120.600	120.600	120.600	120.600	120.600	120.600
1689	Vật tư ngành điện	Dây điện lực ha thế-0,6/lkV	m	Tiêu chuẩn AS/NZS 5000.1	CV-1,5 - 0,6/1 kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8.300	8.300	8.300	8.300	8.300	8.300	8.300	8.300	8.300
1690	Vật tư ngành điện	Dây điện lực ha the-0,6/ikV	m	Tiêu chuẩn AS/NZS 5000.1	CV-2,5 -0,6/1 kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	13.500	13.500	13.500	13.500	13.500	13.500	13.500	13.500	13.500
1691	Vật tư ngành điện	Dây điện lực ha thế-06/lkV	m	Tiêu chuẩn AS/NZS 5000.1	CV-4-0.6/lkV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	20.400	20.400	20.400	20.400	20.400	20.400	20.400	20.400	20.400
1692	Vật tư ngành điện	Dây điện lực ha thế-0,6/1 kV	m	Tiêu chuẩn AS/NZS 5000.1	CV-6-0.6/lkV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000
1693	Vật tư ngành điện	Dây điện lực ha thế - 0,6/1 kv	m	Tiêu chuẩn AS/NZS 5000.1	CV-10 - 0,6/lkV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	49.700	49.700	49.700	49.700	49.700	49.700	49.700	49.700	49.700
1694	Vật tư ngành điện	Dây điện lực ha thế - 0,6/1 kv	m	Tiêu chuẩn AS/NZS 5000.1	CV-16 - 0,6/lkV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	75.700	75.700	75.700	75.700	75.700	75.700	75.700	75.700	75.700
1695	Vật tư ngành điện	Dây điện lực ha thế - 0,6/1 kV	m	Tiêu chuẩn AS/NZS 5000.1	CV-25 - 0,6/lkV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	115.700	115.700	115.700	115.700	115.700	115.700	115.700	115.700	115.700
1696	Vật tư ngành điện	Dây điện lực ha thế-0,6/1 kv	m	Tiêu chuẩn AS/NZS 5000.1	CV-35 - 0,6/lkV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	160.000	160.000	160.000	160.000	160.000	160.000	160.000	160.000	160.000
1697	Vật tư ngành điện	Dây điện lực ha thế-Ó,6/ikV	m	Tiêu chuẩn AS/NZS 5000.1	CV-50 - 0,6/1 kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	219.100	219.100	219.100	219.100	219.100	219.100	219.100	219.100	219.100
1698	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế - 300/500V (2 lõi. ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m	TCVN 6610-4	cvv-2x 1,5 - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900
1699	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế - 300/500V (2 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m	TCVN 6610-4	CVV-2x2,5 - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	38.700	38.700	38.700	38.700	38.700	38.700	38.700	38.700	38.700
1700	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế - 300/500V (2 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m	TCVN 6610-4	CW-2x4 - 3OO/5OOV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	56.200	56.200	56.200	56.200	56.200	56.200	56.200	56.200	56.200
1701	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế - 300/500V (2 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m	TCVN 6610-4	CVV-2x6 - 3OO/5OOV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	77.500	77.500	77.500	77.500	77.500	77.500	77.500	77.500	77.500
1702	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế - 300/500V (2 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m	TCVN 6610-4	CW-2X10 - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	125.200	125.200	125.200	125.200	125.200	125.200	125.200	125.200	125.200
1703	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế - 300/500V(3 lõi. ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m	TCVN 6610-4	CVV-3X1.5 - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	34.200	34.200	34.200	34.200	34.200	34.200	34.200	34.200	34.200
1704	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế - 300/500V(3 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m	TCVN 6610-4	CVV-3x2.5 - 3OO/5OOV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	51.600	51.600	51.600	51.600	51.600	51.600	51.600	51.600	51.600
1705	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế - 300/500V(3 lõi. ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m	TCVN 6610-4	CW-3x4 - 3OO/5OOV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	74.200	74.200	74.200	74.200	74.200	74.200	74.200	74.200	74.200
1706	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế - 300/500V(3 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m	TCVN 6610-4	CVV-3x6 - 3OO/5OOV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	105.700	105.700	105.700	105.700	105.700	105.700	105.700	105.700	105.700
1707	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế - 300/500V(3 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m	TCVN 6610-4	CW-3.X10 - 3OO/5OOV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	174.100	174.100	174.100	174.100	174.100	174.100	174.100	174.100	174.100
1708	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế - 300/500V (4 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m	TCVN 6610-4	CW-4x1,5 - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	43.600	43.600	43.600	43.600	43.600	43.600	43.600	43.600	43.600
1709	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế - 300/500V (4 lõi. ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m	TCVN 6610-4	CW-4x2,5 - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	65.800	65.800	65.800	65.800	65.800	65.800	65.800	65.800	65.800
1710	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế - 300/500V (4 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m	TCVN 6610-4	CVV-4x4 - 3OO/5OOV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	96.900	96.900	96.900	96.900	96.900	96.900	96.900	96.900	96.900
1711	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế - 3OO/5OOV (4 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vo PVC)	m	TCVN 6610-4	CVV-4XÓ - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	138.800	138.800	138.800	138.800	138.800	138.800	138.800	138.800	138.800
1712	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế - 300/500V (4 lõi, ruột đồng, cách điện PVC, vỏ PVC)	m	TCVN 6610-4	CVV-4X10 - 300/500V	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	226.600	226.600	226.600	226.600	226.600	226.600	226.600	226.600	226.600
1713	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế - 0,6/1 kV(1 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, vo PVC)	m	TCVN 5935-1	CXV-1.5 - 0,6/lkV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	11.200	11.200	11.200	11.200	11.200	11.200	11.200	11.200	11.200
1714	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực ha thế - 0,6/1 kV (1 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE. Vỏ PVC)	m	TCVN 5935-1	CXV-2,5 - 0.6/1 kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	16.800	16.800	16.800	16.800	16.800	16.800	16.800	16.800	16.800

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
1715	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1 kV (1 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ PVC)	m	TCVN 5935-1	CXV-4 - 0,6/lkV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	23.900	23.900	23.900	23.900	23.900	23.900	23.900	23.900	23.900
1716	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/lkV (1 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE. Vỏ PVC)	m	TCVN 5935-1	CXV-6 - 0,6/1 kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	33.700	33.700	33.700	33.700	33.700	33.700	33.700	33.700	33.700
1717	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế -0,6/lkV(1 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ PVC)	m	TCVN 5935-1	CXV-10 - 0,6/lkV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	53.300	53.300	53.300	53.300	53.300	53.300	53.300	53.300	53.300
1718	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/lkV (1 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ PVC)	m	TCVN 5935-1	CXV-16 - 0,6/lkV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	79.800	79.800	79.800	79.800	79.800	79.800	79.800	79.800	79.800
1719	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/-1 kV(1 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ PVC)	m	TCVN 5935-1	CXV-25 - 0,6/lkV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	123.900	123.900	123.900	123.900	123.900	123.900	123.900	123.900	123.900
1720	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/lkV (1 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ PVC)	m	TCVN 5935-1	CXV-35 -0,6/1 kv	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	169.700	169.700	169.700	169.700	169.700	169.700	169.700	169.700	169.700
1721	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/1 kV(1 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ PVC)	m	TCVN 5935-1	CXV-50 - 0,6/1 kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	230.400	230.400	230.400	230.400	230.400	230.400	230.400	230.400	230.400
1722	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/lkV (2 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ PVC)	m	TCVN 5935-1	CXV-2x50 - 0,6/lkV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	492.400	492.400	492.400	492.400	492.400	492.400	492.400	492.400	492.400
1723	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0.6/lkV (3 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ PVC)	m	TCVN 5935-1	CXV-3x50 - 0,6/1 kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	714.200	714.200	714.200	714.200	714.200	714.200	714.200	714.200	714.200
1724	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế - 0,6/lkV (4 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, vỏ PVC)	m	TCVN 5935-1	CXV-4x50 - 0,6/1 kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	941.600	941.600	941.600	941.600	941.600	941.600	941.600	941.600	941.600
1725	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế có giáp bảo vệ -0,6/lkV (2 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, giáp băng thép bảo vệ, vỏ PVC)	m	TCVN 5935-1	CXV/DSTA-2xl6- 0,6/lkV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	212.000	212.000	212.000	212.000	212.000	212.000	212.000	212.000	212.000
1726	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế có giáp bảo vệ -0,6/lkV (3 lõi, ruột đồng, cách điện XLPE, giáp băng thép bảo vệ, vỏ PVC)	m	TCVN 5935-1	CXV/DSTA-3X16 - 0,6/lkV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	290.200	290.200	290.200	290.200	290.200	290.200	290.200	290.200	290.200
1727	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế có giáp bảo vệ - 0,6/lkV (4 lõi. ruột đồng, cách điện XLPE, giáp băng thép bảo vệ, vỏ PVC)	m	TCVN 5935-1	CXV/DSTA-4X16- 0,6/lkV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	369.700	369.700	369.700	369.700	369.700	369.700	369.700	369.700	369.700
1728	Vật tư ngành điện	Dây điện lực (AV) 0.6/lkV	m	Tiêu chuẩn AS/NZS 5000.1	AV-16 - 0,6/lkV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500
1729	Vật tư ngành điện	Dây điện lực (AV) 0.6/lkV	m	Tiêu chuẩn AS/NZS 5000.1	AV-50 - 0,6/1 kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	27.000	27.000	27.000	27.000	27.000	27.000	27.000	27.000	27.000
1730	Vật tư ngành điện	Dây điện lực (AV) 0,6/lkV	m	Tiêu chuẩn AS/NZS 5000.1	AV-70 - 0,6/lkV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	36.500	36.500	36.500	36.500	36.500	36.500	36.500	36.500	36.500
1731	Vật tư ngành điện	Cáp vặn xoắn hạ thế - 0.6/lkV (2 lõi. ruột nhôm, cách điện XLPE)	m	TCVN 6447/AS 3560-1	LV-ABC-2X16- 0,6/lkV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	22.100	22.100	22.100	22.100	22.100	22.100	22.100	22.100	22.100
1732	Vật tư ngành điện	Cáp vặn xoắn hạ thế - 0,6/1 kv (3 lõi, ruột nhôm, cách điện XLPE)	m	TCVN 6447/AS 3560-1	LV-ABC-3X16- 0,6/lkV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	32.000	32.000	32.000	32.000	32.000	32.000	32.000	32.000	32.000
1733	Vật tư ngành điện	Cáp vặn xoắn hạ thế-0,6/-1 kV (4 lõi, ruột nhôm, cách điện XLPE)	m	TCVN 6447/AS 3560-1	LV-ABC-4x50 - 0,6/1 kv	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	97.400	97.400	97.400	97.400	97.400	97.400	97.400	97.400	97.400
1734	Vật tư ngành điện	Cáp vặn xoắn hạ thế - 0,6/lkV (4 lõi, ruột nhôm, cách điện XLPE)	m	TCVN 6447/AS 3560-1	LV-ABC-4x95 - 0.6/lkV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	179.700	179.700	179.700	179.700	179.700	179.700	179.700	179.700	179.700
1735	Vật tư ngành điện	Cáp trung thế treo - 12/20 (24)kV hoặc 12,7/22 (24)kV (1 lõi, ruột nhôm, lõi thép, có chống thấm, bán dẫn ruột dẫn, cách điện XLPE.vỏ HDPE)	m	TCVN 5935-2/IEC 60502-1995	ACXH/WBC-50/8 - 12.7/22 (24)kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	101.800	101.800	101.800	101.800	101.800	101.800	101.800	101.800	101.800
1736	Vật tư ngành điện	Cáp trung thế treo - 12/20 (24)kV hoặc 12,7/22 (24)kV (1 lõi, ruột nhôm, lõi thép, có chống thấm, bán dẫn ruột dẫn. cách điện XLPE, vỏ HDPE)	m	TCVN 5935-2/IEC 60502-1995	ACXH/WBC-70/11 -12,7/22 (24)kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	114.100	114.100	114.100	114.100	114.100	114.100	114.100	114.100	114.100
1737	Vật tư ngành điện	Cáp trung thế treo - 12/20 (24)kV hoặc 12,7/22 (24)kV (1 lõi, ruột nhôm, lõi thép, có chống thấm, bán dẫn ruột dẫn. cách điện XLPE, vỏ HDPE)	m	TCVN 5935-2/IEC 60502-1995	ACXH/WBC-95/16 -12,7/22 (24)kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	139.900	139.900	139.900	139.900	139.900	139.900	139.900	139.900	139.900
1738	Vật tư ngành điện	Cáp trung thế treo • 12/20 (24)kV hoặc 12,7/22 (24)kV (1 lõi, ruột nhôm, lõi thép, có chống thấm, bán dẫn ruột dẫn. cách điện XLPE.VỎ HDPE)	m	TCVN 5935-2/IEC 60502-1995	ACXH/WBC-240/32 - 12,7/22 (24)kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	260.700	260.700	260.700	260.700	260.700	260.700	260.700	260.700	260.700
1739	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế chống cháy - 0.6/lkV (1 lõi. ruột đồng, Băng Mica, cách điện FR- PVC)	m	ASNZS 5000.1/IEC 60331-21, IEC 60332-3 CAT c, BS 6387 CAT c	CV/FR-1,5 - 0,6/1 kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	12.700	12.700	12.700	12.700	12.700	12.700	12.700	12.700	12.700
1740	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế chống cháy -0,6/lkV (1 lõi, ruột đồng, Băng Mica, cách điện FR-PVC)	m	ASNZS 5000.1/IEC 60331-21, IEC 60332-3 CAT c, BS 6387 CAT c	CV/FR-2.5 - 0,6/lkV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	17.200	17.200	17.200	17.200	17.200	17.200	17.200	17.200	17.200
1741	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế chống cháy - 0.6/1 kV (1 lõi, ruột đồng, Băng Mica, cách điện FR-PVC)	m	ASNZS 5000.1/IEC 60331-21, IEC 60332-3 CAT c, BS 6387 CAT c	CV/FR-4 - 0,6/1 kv	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000
1742	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế chống cháy - 0,6/lkV (1 lõi. ruột đồng, Băng Mica, cách điện FR-PVC)	m	ASNZS 5000.1/IEC 60331-21, IEC 60332-3 CAT c, BS 6387 CAT c	CV/FR-6 - 0,6/lkV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	35.200	35.200	35.200	35.200	35.200	35.200	35.200	35.200	35.200
1743	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế chống cháy - 0,6/1 kV (2 lõi. ruột đồng, Băng Mica, cách điện XLPE, vỏ FR-PVC)	m	TCVN 5935-1/IEC 60502-1 /IEC 60332 3 CAT c. BS6387 CATC	CXV/FR-2X1.5 - 0,6/1 kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	46.300	46.300	46.300	46.300	46.300	46.300	46.300	46.300	46.300
1744	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế chống cháy - 0,6/1 kV (2 lõi, ruột đồng, Băng Mica, cách điện XLPE, vỏ FR-PVC)	m	TCVN 5935-1/IEC 60502-1, IEC 60332 3 CAT c, BS 6387 CATC	CXV/FR-2x2.5 - 0.6/1 kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	57.500	57.500	57.500	57.500	57.500	57.500	57.500	57.500	57.500
1745	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế chống cháy - 0,6/1 kV (2 lõi, ruột đồng, Băng Mica, cách điện XLPE, vỏ FR-PVC)	m	TCVN 5935-1/IEC 60502-1, IEC 60332 3 CAT c, BS 6387 CATC	CXV/FR-2x4 - 0,6/1 kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	77.700	77.700	77.700	77.700	77.700	77.700	77.700	77.700	77.700
1746	Vật tư ngành điện	Cáp điện lực hạ thế chống cháy - 0,6/1 kV (2 lõi. ruột đồng, Băng Mica, cách điện XLPE, voFR-PVC)	m	TCVN 5935-1/IEC 60502-1, IEC 60332 3 CAT c, BS 6387 CAT c	CXV/FR-2x6 - 0,6/1 kV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	98.900	98.900	98.900	98.900	98.900	98.900	98.900	98.900	98.900
1747	Vật tư ngành điện	Dây nhôm lõi thép As hoặc ACSR	m	TCVN 5064	ACSR-50/8	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	23.800	23.800	23.800	23.800	23.800	23.800	23.800	23.800	23.800
1748	Vật tư ngành điện	Dây nhôm lõi thép As hoặc ACSR	m	TCVN 5064	ACSR-70/11	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	33.300	33.300	33.300	33.300	33.300	33.300	33.300	33.300	33.300
1749	Vật tư ngành điện	Dây nhôm lõi thép As hoặc ACSR	m	TCVN 5064	ACSR-95/16	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	46.200	46.200	46.200	46.200	46.200	46.200	46.200	46.200	46.200

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
1750	Vật tư ngành điện	Dây nhôm lõi thép As hoặc ACSR	m	TCVN 5064	ACSR-120/19	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	61.000	61.000	61.000	61.000	61.000	61.000	61.000	61.000	61.000
1751	Vật tư ngành điện	Dây đồng trần xoắn:c	m		C-25	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	111.000	111.000	111.000	111.000	111.000	111.000	111.000	111.000	111.000
1752	Vật tư ngành điện	Dây đồng trần xoắn:c	m		C-50	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	224.900	224.900	224.900	224.900	224.900	224.900	224.900	224.900	224.900
1753	Vật tư ngành điện	Cáp năng lượng mặt trời (DC Solar cable): H1Z2Z2-K-1,5kV	m	TC EN 50168	H1Z2Z2-K-4- 1.5kV DC	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	29.000	29.000	29.000	29.000	29.000	29.000	29.000	29.000	29.000
1754	Vật tư ngành điện	Cáp năng lượng mặt trời (DC Solar cable): H1Z2Z2-K-1,5kV	m	TC EN 50168	H1Z2Z2-K-6- 1.5kV DC	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	41.300	41.300	41.300	41.300	41.300	41.300	41.300	41.300	41.300
1755	Vật tư ngành điện	Cáp Duplex: DuCV-2R-0,6/lkV (2 lõi. ruột đồng, cách điện PVC)	m	TCVN 5935	Du-CV-2x4 - 0.6/lkV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	41.600	41.600	41.600	41.600	41.600	41.600	41.600	41.600	41.600
1756	Vật tư ngành điện	Cáp Duplex: DuCV-2R-0,6/lkV (2 lõi. ruột đồng, cách điện PVC)	m	TCVN 5935	Du-CV-2x6 - 0.6/lkV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	60.600	60.600	60.600	60.600	60.600	60.600	60.600	60.600	60.600
1757	Vật tư ngành điện	Cáp Duplex: DuCV-2R-0,6/lkV (2 lõi, ruột đồng, cách điện PVC)	m	TCVN 5935	Du-CV-2x10 - 0.6/lkV	Công ty CP Dây Cáp Điện Việt Thái. Công văn đề nghị công bố giá số số 1082026TN/CV-VT ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Hàng giao tại kho người mua	Mức giá ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	98.500	98.500	98.500	98.500	98.500	98.500	98.500	98.500	98.500
1758	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led Nikkon Mura (M) 80W dimming 5 cấp, điều khiển chiếu sáng thông minh không dây ILCS - Malaysia	*bộ*	*TCVN 7722-1.2009 (IEC 60598-1:2008) TCVN7722-2:2009 (IEC 60598-2- 3:2002)*	*IP 66, Chống sét 20KA 10KV, Chip LED 5050 chuẩn LM80, bộ đèn chuẩn LM79*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	8.100.000	8.100.000	8.100.000	8.100.000	8.100.000	8.100.000	8.100.000	8.100.000	8.100.000
1759	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led Nikkon Mura (M) 85W - IO5W dimming 5 cấp, điều khiển chiếu sáng thông minh không dây ILCS -Malaysia	*bộ*	*TCVN7722-1:2009 (IEC 60598-1:2008) TCVN7722-2:2009 (IEC 60598-2- 3:2002)*	*IP 66, Chống sét 20KA 10KV, Chip LED 5050 chuẩn LM80, bộ đèn chuẩn LM79*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	8.625.000	8.625.000	8.625.000	8.625.000	8.625.000	8.625.000	8.625.000	8.625.000	8.625.000
1760	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led Nikkon Mura (L) HOW - 125W dimming 5 cấp, điều khiển chiếu sáng thông minh không dây ILCS - Malaysia	*bộ*	*TCVN7722-1:2009 (IEC 60598-1:2008) TCVN 7722-2:2009 (IEC 60598-2-3:2002)*	*IP 66, Chống sét 20KA 10KV, Chip LED 5050 chuẩn LM80, bộ đèn chuẩn LM79*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	10.350.000	10.350.000	10.350.000	10.350.000	10.350.000	10.350.000	10.350.000	10.350.000	10.350.000
1761	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led Nikkon Mura (L) 130W-155W dimming 5 cấp, điều khiển chiếu sáng thông minh không dây ILCS - Malaysia	*bộ*	*TCVN7722-1:2009 (IEC 60598-1:2008)TCVN 7722-2:2009 (IEC 60598-2- 3:2002)*	*IP 66, Chống sét 20KA 10KV, Chip LED 5050chuẩn LM80, bộ đèn chuẩn LM79*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	11.850.000	11.850.000	11.850.000	11.850.000	11.850.000	11.850.000	11.850.000	11.850.000	11.850.000
1762	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led Nikkon Mura (L) 160W-185W dimming 5 cấp, điều khiển chiếu sáng thông minh không dây ILCS - Malaysia	*bộ*	*TCVN7722-1:2009 (IEC 60598-1:2008) TCVN7722-2:2009 (IEC 60598-2-3:2002)*	*IP 66, Chống sét 20KA 10KV Chip LED 5050 chuẩn LM80, bộ đèn chuẩn LM79*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	14.250.000	14.250.000	14.250.000	14.250.000	14.250.000	14.250.000	14.250.000	14.250.000	14.250.000
1763	Vật tư ngành điện	Đèn pha Led Nikkon Cervelli 100W-250W dimming 5 cấp, điều khiển chiếu sáng thông minh không dây ILCS - Malaysia	*bộ*	*Độ kín IP 66*	*IP 66, Chống sét 20KA 10KV, Chip LED 5050 chuẩn LM80, bộ đèn chuẩn LM79*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	20.250.000	20.250.000	20.250.000	20.250.000	20.250.000	20.250.000	20.250.000	20.250.000	20.250.000
1764	Vật tư ngành điện	Đèn pha Led Nikkon Cervelli 300W -350W dimming 5 cấp, điều khiển chiếu sáng thông minh không dây ILCS - Malaysia	*bộ*	*Độ kín IP 66*	*IP 66, Chống sét 20KA 10KV Chip LED 5050 chuẩn LM8O, bộ đèn chuẩn LM79*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	25.575.000	25.575.000	25.575.000	25.575.000	25.575.000	25.575.000	25.575.000	25.575.000	25.575.000
1765	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led năng lượng mặt uời Nikkon RA365 30W -Malaysia	*bộ*	*Độ kín IP 66*	*TÍCH HỢP PIN LiFeP 04 SẠC ĐẦY VỚI 6H NĂNG/ NLMT*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	14.625.000	14.625.000	14.625.000	14.625.000	14.625.000	14.625.000	14.625.000	14.625.000	14.625.000
1766	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led năng lượng mặt trời Nikkon RA365 60W - Malaysia	*bộ*	*Độ kín IP 66*	*TÍCH HỢP PIN LiFePO4 SẠC ĐẦY VỚI 6 H NĂNG/ NLMT*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	23.250.000	23.250.000	23.250.000	23.250.000	23.250.000	23.250.000	23.250.000	23.250.000	23.250.000
1767	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led năng lượng mặt trời Nikkon RA365 80 w - Malaysia	*bộ*	*Độ kín IP 66*	*TÍCH HỢP PIN LiFePO4 SẠC ĐẦY VỚI 6 H NĂNG/ NLMT*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	28.425.000	28.425.000	28.425.000	28.425.000	28.425.000	28.425.000	28.425.000	28.425.000	28.425.000
1768	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led năng lượng mặt trời Nikkon RA365 120W - Malaysia	*bộ*	*Độ kín IP 66*	*TÍCH HỢP PIN LiFePO4 SẠC ĐẦY VỚI 6 H NĂNG/ NLMT*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	59.250.000	59.250.000	59.250.000	59.250.000	59.250.000	59.250.000	59.250.000	59.250.000	59.250.000
1769	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led Nikkon Sigma (M) 60W dimming 5 cấp, điều khiển chiếu sáng thông minh không dây ILCS - Malaysia	*bộ*	*Độ kín IP 66*	*IP 66. Chống sét 20KA 10KV Chip LED 5050 chuẩn LM80, bộ đèn chuẩn LM79*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	7.575.000	7.575.000	7.575.000	7.575.000	7.575.000	7.575.000	7.575.000	7.575.000	7.575.000
1770	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led Nikkon Sigma (M) 90W dimming 5 cấp, điều khiển chiếu sáng thông minh không dây ILCS - Malaysia	*bộ*	*Độ kín IP 66*	*IP 66, Chống sét 20KA 10KV, Chip LED 5050 chuẩn LM80, bộ đèn chuẩn LM79*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	8.400.000	8.400.000	8.400.000	8.400.000	8.400.000	8.400.000	8.400.000	8.400.000	8.400.000
1771	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led Nikkon Sigma (M) 120W dimming 5 cấp, điều khiển chiếu sáng thông minh không dây ILCS - Malaysia	*bộ*	*Độ kín IP 66*	*IP 66, Chống sét 20KA I0KV, Chip LED 5050 chuẩn LM80, bộ đèn chuẩn LM79*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	9.825.000	9.825.000	9.825.000	9.825.000	9.825.000	9.825.000	9.825.000	9.825.000	9.825.000
1772	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led Nikkon Sigma (M) 150W dimming 5 cấp, điều khiển chiếu sáng thông minh không dây ILCS - Malaysia	*bộ*	*Độ kín IP 66*	*IP 66, Chống sét 20KA I0KV, Chip LED 5050 chuẩn LM80, bộ đèn chuẩn LM79*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	11.475.000	11.475.000	11.475.000	11.475.000	11.475.000	11.475.000	11.475.000	11.475.000	11.475.000
1773	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led Nikkon Sigma (L) 180W dimming 5 cấp, điều khiển chiếu sáng thông minh không dây ILCS - Malaysia	*bộ*	*Độ kín IP 66*	*IP 66, Chống sét 20KA 10KV Chip LED 5050 chuẩn LM80, bộ đèn chuẩn LM79*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	13.125.000	13.125.000	13.125.000	13.125.000	13.125.000	13.125.000	13.125.000	13.125.000	13.125.000
1774	Vật tư ngành điện	Đèn đường Led Nikkon Sigma (L)200W dimming 5 cấp, điều khiển chiếu sáng thông minh không dây ILCS - Malaysia	*bộ*	*Độ kín IP 66*	*IP 66, Chống sét 20KA 10KV, Chip LED 5050 chuẩn LM80, bộ đèn chuẩn LM79*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	13.875.000	13.875.000	13.875.000	13.875.000	13.875.000	13.875.000	13.875.000	13.875.000	13.875.000
1775	Vật tư ngành điện	Bộ điều khiển chiếu sáng LCU	*cái*	*EN55015, EN60598-1, EN61000-3-2, EN61000-3-3, EN61547, EN61347-1, EN61347-2-11, MCMC MTSFB TC T007-2014, ETSI*	*Bảo vệ sự xâm nhập IP66 Bảo vệ tác động IK09*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	9.204.000	9.204.000	9.204.000	9.204.000	9.204.000	9.204.000	9.204.000	9.204.000	9.204.000
1776	Vật tư ngành điện	Tủ điều khiển chiếu sáng thông minh DCU	*tủ*	*EN55022, EN55024, EN61326-1, EN61000-3-2, EN61000-3-3, MCMC MTSFB TC T007:2014, ETSI 300328*	*Bảo vệ sự xâm nhập IP66 Bảo vệ tác động IK08 Lắp đặt tùy chọn Tủ điều khiển IP54*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	165.600.000	165.600.000	165.600.000	165.600.000	165.600.000	165.600.000	165.600.000	165.600.000	165.600.000
1777	Vật tư ngành điện	Bộ cảm biến thời tiết	*bộ*	*ETSI EN 303413 V1. 1.1 ETSÍ EN 300328 V2.1.1 ETSI EN 301489-1 V2.1.1*	*Bảo vệ sự xâm nhập IP65 Bảo vệ tác động IK08*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	226.200.000	226.200.000	226.200.000	226.200.000	226.200.000	226.200.000	226.200.000	226.200.000	226.200.000
1778	Vật tư ngành điện	Bộ cảm biến phân tích giao thông	*bộ*	*UNI11248*	#NAME?	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	49.920.000	49.920.000	49.920.000	49.920.000	49.920.000	49.920.000	49.920.000	49.920.000	49.920.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
1779	Vật tư ngành điện	Tủ điều khiển chiếu sáng thông minh 3 pha	*tủ*	*EN55022, EN55024,EN61326-1, EN61000-3-2, EN61000-3-3, MCMC MTSFB TC T007-.2014, ETSI 300328*	*Nguồn điện 100-305 VAC50760Hz Dòng cắt ngắn mạch 6kA -50 kA Dòng điện tối đa 10A - 630 A , Cấp bảo vệ IP43 - IP55 Dải tăng nhiệt tối đa: 50 độ c. Công suất tiêu thụ < 12W*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	174.000.000	174.000.000	174.000.000	174.000.000	174.000.000	174.000.000	174.000.000	174.000.000	174.000.000
1780	Vật tư ngành điện	Bộ đèn THGT Xanh Đỏ Vàng D200 - Taiwan	bộ	*Độ kín IP55*	*Độ kín IP55*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	12.225.000	12.225.000	12.225.000	12.225.000	12.225.000	12.225.000	12.225.000	12.225.000	12.225.000
1781	Vật tư ngành điện	Bộ đèn THGT Xanh Đỏ Vàng D300 -Taiwan	bộ	*Độ kín IP55*	*Độ kín IP55*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	14.850.000	14.850.000	14.850.000	14.850.000	14.850.000	14.850.000	14.850.000	14.850.000	14.850.000
1782	Vật tư ngành điện	Bộ đèn THGT chữ thập Đỏ D200 -Taiwan	bộ	*Độ kín IP 55*	*Độ kín IP55*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	4.125.000	4.125.000	4.125.000	4.125.000	4.125.000	4.125.000	4.125.000	4.125.000	4.125.000
1783	Vật tư ngành điện	Bộ đèn THGT chữ thập Đỏ D300 -Taiwan	bộ	*Độ kín IP55*	*Độ kín IP55*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	4.425.000	4.425.000	4.425.000	4.425.000	4.425.000	4.425.000	4.425.000	4.425.000	4.425.000
1784	Vật tư ngành điện	Bộ đèn THGT nhắc lại DB00 - Taiwan	bộ	*Độ kín IP55*	*Độ kín IP55*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	6.975.000	6.975.000	6.975.000	6.975.000	6.975.000	6.975.000	6.975.000	6.975.000	6.975.000
1785	Vật tư ngành điện	Bộ đèn THGT đi bộ Xanh Đỏ D200 - Taiwan	bộ	*Độ kín IP55*	*Độ kín IP55*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	9.000.000	9.000.000	9.000.000	9.000.000	9.000.000	9.000.000	9.000.000	9.000.000	9.000.000
1786	Vật tư ngành điện	Bộ đèn THGT đếm lùi Xanh Đỏ Vàng D300 - Taiwan	bộ	*Độ kín IP55*	*Độ kín IP55*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	14.025.000	14.025.000	14.025.000	14.025.000	14.025.000	14.025.000	14.025.000	14.025.000	14.025.000
1787	Vật tư ngành điện	Bộ đèn THGT đếm lùi vuông 500x600 -Taiwan	bộ	*Độ kín IP55*	*Độ kín IP55*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	14.700.000	14.700.000	14.700.000	14.700.000	14.700.000	14.700.000	14.700.000	14.700.000	14.700.000
1788	Vật tư ngành điện	Tủ điều khiển THGT 2pha	*tủ*	*Độ kín IP55*	*Độ kín IP55*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	33.825.000	33.825.000	33.825.000	33.825.000	33.825.000	33.825.000	33.825.000	33.825.000	33.825.000
1789	Vật tư ngành điện	Tủ điều khiển THGT Thông minh	*tủ*	*Độ kín IP55*	*Độ kín IP55*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	142.500.000	142.500.000	142.500.000	142.500.000	142.500.000	142.500.000	142.500.000	142.500.000	142.500.000
1790	Vật tư ngành điện	Dù che tủ điều khiển	*bộ*	*Độ kín IP55*	*Độ kín IP55*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	9.675.000	9.675.000	9.675.000	9.675.000	9.675.000	9.675.000	9.675.000	9.675.000	9.675.000
1791	Vật tư ngành điện	Trụ đỡ tủ điều khiển + cần dù	*bộ*	*Độ kín IP55*	*Độ kín IP55*	Công ty TNHH SX TM và DV Đại Quang Phát. Đc: 17 đường số 11, KP4, P.Linh Xuân, TP.HCM - Đt: 0964.111.278. Công văn đề nghị công bố giá số 07/ĐQP ngày 15/08/2026	MALAYSIA	Không có thông tin	Tại chân công trình Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/08/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	4.050.000	4.050.000	4.050.000	4.050.000	4.050.000	4.050.000	4.050.000	4.050.000	4.050.000
1792	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường phố MFUHAI LIGHT KMC 30W	*bộ*	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 50001:2018.	- vỏ đèn hợp kim nhôm đúc ADC1 áp lực cao; - vỏ đèn được đúc nguyên khối; - Vỏ đèn đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - Vỏ đèn có chức năng chỉnh góc; - Vỏ đèn đúc nổi vị trí để khoan gắn Nema 7 Bits; - Độ kín ngăn quang học : >= IP67; - Độ kín ngăn linh kiện : >=IP67; - Bảo vệ chống va đập kinh điển: >= IK09; - Bảo vệ chống va đập thân đèn: >= IK09; - Tuổi thọ bộ đèn: >= 100.000 giờ; - Hệ số duy trì quang thông bộ đèn: >= 0.95; - Hiệu suất phát quang của đèn: > =160 lm/W; - Nhiệt độ màu: 3000K - 6000K, - Chỉ số hoàn màu CRI: > 70; - Chip LED: SMD - LM80, tuổi thọ > 100.000 giờ; - Chống xung: >= 20kV thương hiệu EU; - Bộ nguồn: Thương hiệu EU; - Điện áp định danh: 220VAC, 50/60 Hz; - Hệ số công suất > 0.95; - An toàn điện: Cách điện cấp 1; - Bộ Đèn tích hợp Dali/1-10V/0-10V; - Đèn được đăng ký nhãn hiệu; - Chế độ bảo hành: 5 năm	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 17/08/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/06/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	4.600.000	4.600.000	4.600.000	4.600.000	4.600.000	4.600.000	4.600.000	4.600.000	4.600.000
1793	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường phố MFUHAIL1GHT KMC 40W	*bộ*	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 50001:2018.	- vỏ đèn hợp kim nhôm đúc ADC1 áp lực cao; - vỏ đèn được đúc nguyên khối; - Vỏ đèn đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - Vỏ đèn có chức năng chỉnh góc; - Vỏ đèn đúc nổi vị trí để khoan gắn Nema 7 Bits; - Độ kín ngăn quang học : >= IP67; - Độ kín ngăn linh kiện : >=IP67; - Bảo vệ chống va đập kinh điển: >= IK09; - Bảo vệ chống va đập thân đèn: >= IK09; - Tuổi thọ bộ đèn: >= 100.000 giờ; - Hệ số duy trì quang thông bộ đèn: >= 0.95; - Hiệu suất phát quang của đèn: > =160 lm/W; - Nhiệt độ màu: 3000K - 6000K, - Chỉ số hoàn màu CRI: > 70; - Chip LED: SMD - LM80, tuổi thọ > 100.000 giờ; - Chống xung: >= 20kV thương hiệu EU; - Bộ nguồn: Thương hiệu EU; - Điện áp định danh: 220VAC, 50/60 Hz; - Hệ số công suất > 0.95; - An toàn điện: Cách điện cấp 1; - Bộ Đèn tích hợp Dali/1-10V/0-10V; - Đèn được đăng ký nhãn hiệu; - Chế độ bảo hành: 5 năm	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 17/08/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 20/06/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	4.800.000	4.800.000	4.800.000	4.800.000	4.800.000	4.800.000	4.800.000	4.800.000	4.800.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
1794	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường phố MFUHAILIGHT KMC 50W	*bộ*	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 50001:2018.	- vỏ đèn hợp kim nhôm đúc ADC1 áp lực cao; - vỏ đèn được đúc nguyên khối; - Vỏ đèn đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - Vỏ đèn có chức năng chỉnh góc; - Vỏ đèn đúc nổi vị trí để khoan gắn Nema 7 Bìn; - Độ kín ngăn quang học : >= IP67; - Độ kín ngăn linh kiện : > =IP67; - Bảo vệ chống va đập kính đèn: >= IK09; - Bảo vệ chống va đập thân đèn: >= IK09; - Tuổi thọ bộ đèn: >= 100.000 giờ; - Hệ số duy trì quang thông bộ đèn: >= 0.95; - Hiệu suất phát quang của đèn: > =160 lm/W; - Nhiệt độ màu: 3000K - 6000K; - Chỉ số hoàn màu CRI: > 70; - Chip LED: SMD - LM80, tuổi thọ > 100.000 giờ; - Chống xung: >= 20kV thương hiệu EU; - Bộ nguồn: Thương hiệu EU; - Điện áp định danh: 220VAC, 50/60 Hz; - Hệ số công suất > 0.95; - An toàn điện: Cách điện cấp 1; - Bộ Đèn tích hợp Dali/1-10V/0-10V; - Đèn được đăng ký nhãn hiệu; - Chế độ bảo hành: 5 năm	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 17/08/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	4.909.091	4.909.091	4.909.091	4.909.091	4.909.091	4.909.091	4.909.091	4.909.091	4.909.091
1795	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường phố MFUHAILIGHT KMC 60W	*bộ*	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 50001:2018.	- vỏ đèn hợp kim nhôm đúc ADC1 áp lực cao; - vỏ đèn được đúc nguyên khối; - Vỏ đèn đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - Vỏ đèn có chức năng chỉnh góc; - Vỏ đèn đúc nổi vị trí để khoan gắn Nema 7 Bìn; - Độ kín ngăn quang học : >= IP67; - Độ kín ngăn linh kiện : > =IP67; - Bảo vệ chống va đập kính đèn: >= IK09; - Bảo vệ chống va đập thân đèn: >= IK09; - Tuổi thọ bộ đèn: >= 100.000 giờ; - Hệ số duy trì quang thông bộ đèn: >= 0.95; - Hiệu suất phát quang của đèn: > =160 lm/W; - Nhiệt độ màu: 3000K - 6000K; - Chỉ số hoàn màu CRI: > 70; - Chip LED: SMD - LM80, tuổi thọ > 100.000 giờ; - Chống xung: >= 20kV thương hiệu EU; - Bộ nguồn: Thương hiệu EU; - Điện áp định danh: 220VAC, 50/60 Hz; - Hệ số công suất > 0.95; - An toàn điện: Cách điện cấp 1; - Bộ Đèn tích hợp Dali/1-10V/0-10V; - Đèn được đăng ký nhãn hiệu; - Chế độ bảo hành: 5 năm	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 17/08/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	5.600.000	5.600.000	5.600.000	5.600.000	5.600.000	5.600.000	5.600.000	5.600.000	5.600.000
1796	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường phố MFUHAILIGHT KMC 70W	*bộ*	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 50001:2018.	- vỏ đèn hợp kim nhôm đúc ADC1 áp lực cao; - vỏ đèn được đúc nguyên khối; - Vỏ đèn đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - Vỏ đèn có chức năng chỉnh góc; - Vỏ đèn đúc nổi vị trí để khoan gắn Nema 7 Bìn; - Độ kín ngăn quang học : >= IP67; - Độ kín ngăn linh kiện : > =IP67; - Bảo vệ chống va đập kính đèn: >= IK09; - Bảo vệ chống va đập thân đèn: >= IK09; - Tuổi thọ bộ đèn: >= 100.000 giờ; - Hệ số duy trì quang thông bộ đèn: >= 0.95; - Hiệu suất phát quang của đèn: > =160 lm/W; - Nhiệt độ màu: 3000K - 6000K; - Chỉ số hoàn màu CRI: > 70; - Chip LED: SMD - LM80, tuổi thọ > 100.000 giờ; - Chống xung: >= 20kV thương hiệu EU; - Bộ nguồn: Thương hiệu EU; - Điện áp định danh: 220VAC, 50/60 Hz; - Hệ số công suất > 0.95; - An toàn điện: Cách điện cấp 1; - Bộ Đèn tích hợp Dali/1-10V/0-10V; - Đèn được đăng ký nhãn hiệu; - Chế độ bảo hành: 5 năm	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 17/08/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	5.909.091	5.909.091	5.909.091	5.909.091	5.909.091	5.909.091	5.909.091	5.909.091	5.909.091
1797	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường phố MFUHA1LIGHT KMC 80W	*bộ*	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 50001:2018.	- vỏ đèn hợp kim nhôm đúc ADC1 áp lực cao; - vỏ đèn được đúc nguyên khối; - Vỏ đèn đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - Vỏ đèn có chức năng chỉnh góc; - Vỏ đèn đúc nổi vị trí để khoan gắn Nema 7 Bìn; - Độ kín ngăn quang học : >= IP67; - Độ kín ngăn linh kiện : > =IP67; - Bảo vệ chống va đập kính đèn: >= IK09; - Bảo vệ chống va đập thân đèn: >= IK09; - Tuổi thọ bộ đèn: >= 100.000 giờ; - Hệ số duy trì quang thông bộ đèn: >= 0.95; - Hiệu suất phát quang của đèn: > =160 lm/W; - Nhiệt độ màu: 3000K - 6000K; - Chỉ số hoàn màu CRI: > 70; - Chip LED: SMD - LM80, tuổi thọ > 100.000 giờ; - Chống xung: >= 20kV thương hiệu EU; - Bộ nguồn: Thương hiệu EU; - Điện áp định danh: 220VAC, 50/60 Hz; - Hệ số công suất > 0.95; - An toàn điện: Cách điện cấp 1; - Bộ Đèn tích hợp Dali/1-10V/0-10V; - Đèn được đăng ký nhãn hiệu; - Chế độ bảo hành: 5 năm	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 17/08/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	6.200.000	6.200.000	6.200.000	6.200.000	6.200.000	6.200.000	6.200.000	6.200.000	6.200.000
1798	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường phố MFUHAILIGHT KMC 90W	*bộ*	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 50001:2018.	- vỏ đèn hợp kim nhôm đúc ADC1 áp lực cao; - vỏ đèn được đúc nguyên khối; - Vỏ đèn đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - Vỏ đèn có chức năng chỉnh góc; - Vỏ đèn đúc nổi vị trí để khoan gắn Nema 7 Bìn; - Độ kín ngăn quang học : >= IP67; - Độ kín ngăn linh kiện : > =IP67; - Bảo vệ chống va đập kính đèn: >= IK09; - Bảo vệ chống va đập thân đèn: >= IK09; - Tuổi thọ bộ đèn: >= 100.000 giờ; - Hệ số duy trì quang thông bộ đèn: >= 0.95; - Hiệu suất phát quang của đèn: > =160 lm/W; - Nhiệt độ màu: 3000K - 6000K; - Chỉ số hoàn màu CRI: > 70; - Chip LED: SMD - LM80, tuổi thọ > 100.000 giờ; - Chống xung: >= 20kV thương hiệu EU; - Bộ nguồn: Thương hiệu EU; - Điện áp định danh: 220VAC, 50/60 Hz; - Hệ số công suất > 0.95; - An toàn điện: Cách điện cấp 1; - Bộ Đèn tích hợp Dali/1-10V/0-10V; - Đèn được đăng ký nhãn hiệu; - Chế độ bảo hành: 5 năm	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 17/08/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	6.300.000	6.300.000	6.300.000	6.300.000	6.300.000	6.300.000	6.300.000	6.300.000	6.300.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
1799	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường phố MFUHAILIGHT KMC 100W	bộ	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 50001:2018.	- vỏ đèn hợp kim nhôm đúc ADC1 áp lực cao; - vỏ đèn được đúc nguyên khối; - Vỏ đèn đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - Vỏ đèn có chức năng chỉnh góc; - Vỏ đèn đúc nổi vị trí để khoan gắn Nema 7 Bits; - Độ kín ngăn quang học : >= IP67; - Độ kín ngăn linh kiện : > =IP67; - Bảo vệ chống va đập kính đèn: >= IK09; - Bảo vệ chống va đập thân đèn: >= IK09; - Tuổi thọ bộ đèn: >= 100.000 giờ; - Hệ số duy trì quang thông bộ đèn: >= 0.95; - Hiệu suất phát quang của đèn: > =160 lm/W; - Nhiệt độ màu: 3000K - 6000K; - Chỉ số hoàn màu CRI: > 70; - Chip LED: SMD - LM80, tuổi thọ > 100.000 giờ; - Chống xung: >= 20kV thương hiệu EU; - Bộ nguồn: Thương hiệu EU; - Điện áp định danh: 220VAC, 50/60 Hz; - Hệ số công suất > 0.95; - An toàn điện: Cách điện cấp 1; - Bộ Đèn tích hợp Dali/1-10V/0-10V; - Đèn được đăng ký nhãn hiệu; - Chế độ bảo hành: 5 năm	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 17/08/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	7.000.000	7.000.000	7.000.000	7.000.000	7.000.000	7.000.000	7.000.000	7.000.000	7.000.000
1800	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường phố MFUHA1LIGHT KMC 120W	bộ	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 50001:2018.	- vỏ đèn hợp kim nhôm đúc ADC1 áp lực cao; - vỏ đèn được đúc nguyên khối; - Vỏ đèn đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - Vỏ đèn có chức năng chỉnh góc; - Vỏ đèn đúc nổi vị trí để khoan gắn Nema 7 Bits; - Độ kín ngăn quang học : >= IP67; - Độ kín ngăn linh kiện : > =IP67; - Bảo vệ chống va đập kính đèn: >= IK09; - Bảo vệ chống va đập thân đèn: >= IK09; - Tuổi thọ bộ đèn: >= 100.000 giờ; - Hệ số duy trì quang thông bộ đèn: >= 0.95; - Hiệu suất phát quang của đèn: > =160 lm/W; - Nhiệt độ màu: 3000K - 6000K; - Chỉ số hoàn màu CRI: > 70; - Chip LED: SMD - LM80, tuổi thọ > 100.000 giờ; - Chống xung: >= 20kV thương hiệu EU; - Bộ nguồn: Thương hiệu EU; - Điện áp định danh: 220VAC, 50/60 Hz; - Hệ số công suất > 0.95; - An toàn điện: Cách điện cấp 1; - Bộ Đèn tích hợp Dali/1-10V/0-10V; - Đèn được đăng ký nhãn hiệu; - Chế độ bảo hành: 5 năm	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 17/08/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	7.500.000	7.500.000	7.500.000	7.500.000	7.500.000	7.500.000	7.500.000	7.500.000	7.500.000
1801	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường phố MFUHA1LIGHT KMC 140W	bộ	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 50001:2018.	- vỏ đèn hợp kim nhôm đúc ADC1 áp lực cao; - vỏ đèn được đúc nguyên khối; - Vỏ đèn đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - Vỏ đèn có chức năng chỉnh góc; - Vỏ đèn đúc nổi vị trí để khoan gắn Nema 7 Bits; - Độ kín ngăn quang học : >= IP67; - Độ kín ngăn linh kiện : > =IP67; - Bảo vệ chống va đập kính đèn: >= IK09; - Bảo vệ chống va đập thân đèn: >= IK09; - Tuổi thọ bộ đèn: >= 100.000 giờ; - Hệ số duy trì quang thông bộ đèn: >= 0.95; - Hiệu suất phát quang của đèn: > =160 lm/W; - Nhiệt độ màu: 3000K - 6000K; - Chỉ số hoàn màu CRI: > 70; - Chip LED: SMD - LM80, tuổi thọ > 100.000 giờ; - Chống xung: >= 20kV thương hiệu EU; - Bộ nguồn: Thương hiệu EU; - Điện áp định danh: 220VAC, 50/60 Hz; - Hệ số công suất > 0.95; - An toàn điện: Cách điện cấp 1; - Bộ Đèn tích hợp Dali/1-10V/0-10V; - Đèn được đăng ký nhãn hiệu; - Chế độ bảo hành: 5 năm	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 17/08/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	9.000.000	9.000.000	9.000.000	9.000.000	9.000.000	9.000.000	9.000.000	9.000.000	9.000.000
1802	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường phố MFUH AI LIGHT KMC 150W	bộ	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 50001:2018.	- vỏ đèn hợp kim nhôm đúc ADC1 áp lực cao; - vỏ đèn được đúc nguyên khối; - Vỏ đèn đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - Vỏ đèn có chức năng chỉnh góc; - Vỏ đèn đúc nổi vị trí để khoan gắn Nema 7 Bits; - Độ kín ngăn quang học : >= IP67; - Độ kín ngăn linh kiện : > =IP67; - Bảo vệ chống va đập kính đèn: >= IK09; - Bảo vệ chống va đập thân đèn: >= IK09; - Tuổi thọ bộ đèn: >= 100.000 giờ; - Hệ số duy trì quang thông bộ đèn: >= 0.95; - Hiệu suất phát quang của đèn: > =160 lm/W; - Nhiệt độ màu: 3000K - 6000K; - Chỉ số hoàn màu CRI: > 70; - Chip LED: SMD - LM80, tuổi thọ > 100.000 giờ; - Chống xung: >= 20kV thương hiệu EU; - Bộ nguồn: Thương hiệu EU; - Điện áp định danh: 220VAC, 50/60 Hz; - Hệ số công suất > 0.95; - An toàn điện: Cách điện cấp 1; - Bộ Đèn tích hợp Dali/1-10V/0-10V; - Đèn được đăng ký nhãn hiệu; - Chế độ bảo hành: 5 năm	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 17/08/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	9.090.909	9.090.909	9.090.909	9.090.909	9.090.909	9.090.909	9.090.909	9.090.909	9.090.909
1803	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường phố MFUHAILIGHT KMC 180W	bộ	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 50001:2018.	- vỏ đèn hợp kim nhôm đúc ADC1 áp lực cao; - vỏ đèn được đúc nguyên khối; - Vỏ đèn đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - Vỏ đèn có chức năng chỉnh góc; - Vỏ đèn đúc nổi vị trí để khoan gắn Nema 7 Bits; - Độ kín ngăn quang học : >= IP67; - Độ kín ngăn linh kiện : > =IP67; - Bảo vệ chống va đập kính đèn: >= IK09; - Bảo vệ chống va đập thân đèn: >= IK09; - Tuổi thọ bộ đèn: >= 100.000 giờ; - Hệ số duy trì quang thông bộ đèn: >= 0.95; - Hiệu suất phát quang của đèn: > =160 lm/W; - Nhiệt độ màu: 3000K - 6000K; - Chỉ số hoàn màu CRI: > 70; - Chip LED: SMD - LM80, tuổi thọ > 100.000 giờ; - Chống xung: >= 20kV thương hiệu EU; - Bộ nguồn: Thương hiệu EU; - Điện áp định danh: 220VAC, 50/60 Hz; - Hệ số công suất > 0.95; - An toàn điện: Cách điện cấp 1; - Bộ Đèn tích hợp Dali/1-10V/0-10V; - Đèn được đăng ký nhãn hiệu; - Chế độ bảo hành: 5 năm	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 17/08/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000	10.000.000
1804	Vật tư ngành điện	Đèn LED chiếu sáng đường phố MFUHAILIGHT KMC 200VV	bộ	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 50001:2018.	- vỏ đèn hợp kim nhôm đúc ADC1 áp lực cao; - vỏ đèn được đúc nguyên khối; - Vỏ đèn đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - Vỏ đèn có chức năng chỉnh góc; - Vỏ đèn đúc nổi vị trí để khoan gắn Nema 7 Bits; - Độ kín ngăn quang học : >= IP67; - Độ kín ngăn linh kiện : > =IP67; - Bảo vệ chống va đập kính đèn: >= IK09; - Bảo vệ chống va đập thân đèn: >= IK09; - Tuổi thọ bộ đèn: >= 100.000 giờ; - Hệ số duy trì quang thông bộ đèn: >= 0.95; - Hiệu suất phát quang của đèn: > =160 lm/W; - Nhiệt độ màu: 3000K - 6000K; - Chỉ số hoàn màu CRI: > 70; - Chip LED: SMD - LM80, tuổi thọ > 100.000 giờ; - Chống xung: >= 20kV thương hiệu EU; - Bộ nguồn: Thương hiệu EU; - Điện áp định danh: 220VAC, 50/60 Hz; - Hệ số công suất > 0.95; - An toàn điện: Cách điện cấp 1; - Bộ Đèn tích hợp Dali/1-10V/0-10V; - Đèn được đăng ký nhãn hiệu; - Chế độ bảo hành: 5 năm	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 17/08/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	10.909.091	10.909.091	10.909.091	10.909.091	10.909.091	10.909.091	10.909.091	10.909.091	10.909.091

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
1805	Vật tư ngành điện	MFUHAILIGHT SOLAR E-KMC 40W; MPPT charge controllers 12V, 80W 18V solar panel, 45AH 12,8V Pin Lithium	bộ	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO	- Bộ đèn kết cấu rời, có chỉnh góc lắp đặt ; - Vỏ đèn bằng hợp kim nhôm ADC1 đúc áp lực cao, đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - IP67 bộ đèn, IK09 bộ đèn; - Tuổi thọ bộ đèn >=100.000 giờ - Hệ số duy trì quang thông >=0,95; - Bộ điều khiển sạc MPPT IP67; - Hiệu suất phát quang: >= 150 1m/W;- CRI >=70, CCT: 3000K-5000K; - Hệ số xả sâu DOD: >=95% tại điện áp 10.8V(40W-80Wy 21.6V (100W-150W), dòng 10A; - Tính năng bảo vệ: quá áp, quá nhiệt, ngắn mạch…	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 17/08/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	11.200.000	11.200.000	11.200.000	11.200.000	11.200.000	11.200.000	11.200.000	11.200.000	11.200.000
1806	Vật tư ngành điện	MFUHA1L1GHT SOLAR E-KMC 60W; MPPT charge controllers 12V, 120W 18V solar panel, 75AH 12.8 V Pin Lithium	bộ	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO	- Bộ đèn kết cấu rời, có chỉnh góc lắp đặt ; - Vỏ đèn bằng hợp kim nhôm ADC1 đúc áp lực cao, đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - IP67 bộ đèn, IK09 bộ đèn; - Tuổi thọ bộ đèn >=100.000 giờ - Hệ số duy trì quang thông >=0,95; - Bộ điều khiển sạc MPPT IP67; - Hiệu suất phát quang: >= 150 1m/W;- CRI >=70, CCT: 3000K-5000K; - Hệ số xả sâu DOD: >=95% tại điện áp 10.8V(40W-80Wy 21.6V (100W-150W), dòng 10A; - Tính năng bảo vệ: quá áp, quá nhiệt, ngắn mạch…	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 17/08/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	14.200.000	14.200.000	14.200.000	14.200.000	14.200.000	14.200.000	14.200.000	14.200.000	14.200.000
1807	Vật tư ngành điện	MFUHAILIGHT SOLAR E-KMC SOW; MPPT charge controllers I2V, 160W 18V solar panel, 90AH 12.8V Pin Lithium	bộ	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO	- Bộ đèn kết cấu rời, có chỉnh góc lắp đặt ; - Vỏ đèn bằng hợp kim nhôm ADC1 đúc áp lực cao, đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - IP67 bộ đèn, IK09 bộ đèn; - Tuổi thọ bộ đèn >=100.000 giờ - Hệ số duy trì quang thông >=0,95; - Bộ điều khiển sạc MPPT IP67; - Hiệu suất phát quang: >= 150 1m/W;- CRI >=70, CCT: 3000K-5000K; - Hệ số xả sâu DOD: >=95% tại điện áp 10.8V(40W-80Wy 21.6V (100W-150W), dòng 10A; - Tính năng bảo vệ: quá áp, quá nhiệt, ngắn mạch…	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 17/08/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	18.600.000	18.600.000	18.600.000	18.600.000	18.600.000	18.600.000	18.600.000	18.600.000	18.600.000
1808	Vật tư ngành điện	MFUHAILIGHT SOLAR E-KMC IOOW, MPPT charge controllers 24V, 200W 36V solar panel, 60AH 25.6V Pin Lithium	bộ	TCVN 77221:2017, TCVN 77222-3:2019, ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO	- Bộ đèn kết cấu rời, có chỉnh góc lắp đặt ; - Vỏ đèn bằng hợp kim nhôm ADC1 đúc áp lực cao, đúc nổi LOGO nhà sản xuất; - IP67 bộ đèn, IK09 bộ đèn; - Tuổi thọ bộ đèn >=100.000 giờ - Hệ số duy trì quang thông >=0,95; - Bộ điều khiển sạc MPPT IP67; - Hiệu suất phát quang: >= 150 1m/W;- CRI >=70, CCT: 3000K-5000K; - Hệ số xả sâu DOD: >=95% tại điện áp 10.8V(40W-80Wy 21.6V (100W-150W), dòng 10A; - Tính năng bảo vệ: quá áp, quá nhiệt, ngắn mạch…	Cty TNHH SX- TM Hưng Phú Hải .Đc: 139 Trần Hưng Đạo, P.Tuy Hòa, Tỉnh Đắk Lắk - ĐT: 02573.88.6868. Công văn đề nghị công bố giá số 05CV/2026 ngày 17/08/2026	Việt Nam	Thanh toán trước khi nhận hàng	Đến tận nơi công trình	Mức giá được thực hiện từ ngày 14/07/2026 đến khi có thông báo giá mới	Giá không đổi	20.500.000	20.500.000	20.500.000	20.500.000	20.500.000	20.500.000	20.500.000	20.500.000	20.500.000
1809	Vật tư ngành điện	Đèn Led Bulb (trụ nhựa, đuôi E27) LBP-3T LUSCOM CNYAN: 3W ánh sáng trắng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000
1810	Vật tư ngành điện	Đèn Led Bulb (trụ nhựa, đuôi E27) LBP-3V LUSCOM CNYAN: 3W ánh sáng vàng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000
1811	Vật tư ngành điện	Đèn Led Bulb (trụ nhựa, đuôi E27) LBP-5T LUSCOM CNYAN: 5W ánh sáng trắng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000
1812	Vật tư ngành điện	Đèn Led Bulb (trụ nhựa, đuôi E27) LBP-5V LUSCOM CNYAN: 5W ánh sáng vàng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000
1813	Vật tư ngành điện	Đèn Led Bulb (trụ nhựa, đuôi E27) LBP-7T LUSCOM CNYAN: 7W ánh sáng trắng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	27.000	27.000	27.000	27.000	27.000	27.000	27.000	27.000	27.000
1814	Vật tư ngành điện	Đèn Led Bulb (trụ nhựa, đuôi E27) LBP-7V LUSCOM CNYAN: 7W ánh sáng vàng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	27.000	27.000	27.000	27.000	27.000	27.000	27.000	27.000	27.000
1815	Vật tư ngành điện	Đèn Led Bulb (trụ nhựa, đuôi E27) LBP-9T LUSCOM CNYAN: 9W ánh sáng trắng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	32.000	32.000	32.000	32.000	32.000	32.000	32.000	32.000	32.000
1816	Vật tư ngành điện	Đèn Led Bulb (trụ nhựa, đuôi E27) LBP-9V LUSCOM CNYAN: 9W ánh sáng vàng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	32.000	32.000	32.000	32.000	32.000	32.000	32.000	32.000	32.000
1817	Vật tư ngành điện	Đèn Led Bulb (trụ nhựa, đuôi E27) LBP-12T LUSCOM CNYAN: 12W ánh sáng trắng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	39.000	39.000	39.000	39.000	39.000	39.000	39.000	39.000	39.000
1818	Vật tư ngành điện	Đèn Led Bulb (trụ nhựa, đuôi E27) LBP-12V LUSCOM CNYAN: 12W ánh sáng vàng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	39.000	39.000	39.000	39.000	39.000	39.000	39.000	39.000	39.000
1819	Vật tư ngành điện	Đèn Led Bulb (trụ nhựa, đuôi E27) LBP-15T LUSCOM CNYAN: 15W ánh sáng trắng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000
1820	Vật tư ngành điện	Đèn Led Bulb (trụ nhựa, đuôi E27) LBP-15V LUSCOM CNYAN: 15W ánh sáng vàng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000
1821	Vật tư ngành điện	Đèn Led Bulb (trụ nhựa, đuôi E27) LBP-20T LUSCOM CNYAN: 20W ánh sáng trắng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	63.000	63.000	63.000	63.000	63.000	63.000	63.000	63.000	63.000
1822	Vật tư ngành điện	Đèn Led Bulb (trụ nhựa, đuôi E27) LBP-20V LUSCOM CNYAN: 20W ánh sáng vàng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	63.000	63.000	63.000	63.000	63.000	63.000	63.000	63.000	63.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
1823	Vật tư ngành điện	Đèn Led Bulb (trụ nhựa, đuôi E27) LBP-30T LUSCOM CNYAN: 30W ánh sáng trắng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	94.000	94.000	94.000	94.000	94.000	94.000	94.000	94.000	94.000
1824	Vật tư ngành điện	Đèn Led Bulb (trụ nhựa, đuôi E27) LBP-30V LUSCOM CNYAN: 30W ánh sáng vàng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	94.000	94.000	94.000	94.000	94.000	94.000	94.000	94.000	94.000
1825	Vật tư ngành điện	Đèn Led Bulb (trụ nhựa, đuôi E27) LBP-40T LUSCOM CNYAN: 40W ánh sáng trắng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000
1826	Vật tư ngành điện	Đèn Led Bulb (trụ nhựa, đuôi E27) LBP-40V LUSCOM CNYAN: 40W ánh sáng vàng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000
1827	Vật tư ngành điện	Đèn Led Bulb (trụ nhựa, đuôi E27) LBP-50T LUSCOM CNYAN: 50W ánh sáng trắng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000
1828	Vật tư ngành điện	Đèn Led Bulb (trụ nhựa, đuôi E27) LBP-50V LUSCOM CNYAN: 50W ánh sáng vàng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000
1829	Vật tư ngành điện	Đèn Led Bulb (trụ nhôm, đuôi E27) LBN-30T LUSCOM CNYAN: 30W ánh sáng trắng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000
1830	Vật tư ngành điện	Đèn Led Bulb (trụ nhôm, đuôi E27) LBN-30V LUSCOM CNYAN: 30W ánh sáng vàng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000
1831	Vật tư ngành điện	Đèn Led Bulb (trụ nhôm, đuôi E27) LBN-40T LUSCOM CNYAN: 40W ánh sáng trắng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	152.000	152.000	152.000	152.000	152.000	152.000	152.000	152.000	152.000
1832	Vật tư ngành điện	Đèn Led Bulb (trụ nhôm, đuôi E27) LBN-40V LUSCOM CNYAN: 40W ánh sáng vàng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	152.000	152.000	152.000	152.000	152.000	152.000	152.000	152.000	152.000
1833	Vật tư ngành điện	Đèn Led Bulb (trụ nhôm, đuôi E27) LBN-50T LUSCOM CNYAN: 50W ánh sáng trắng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000
1834	Vật tư ngành điện	Đèn Led Bulb (trụ nhôm, đuôi E27) LBN-50V LUSCOM CNYAN: 50W ánh sáng vàng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000
1835	Vật tư ngành điện	Đèn Led Bulb (trụ nhôm, đuôi E27) LBN-60T LUSCOM CNYAN: 60W ánh sáng trắng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	270.000	270.000	270.000	270.000	270.000	270.000	270.000	270.000	270.000
1836	Vật tư ngành điện	Đèn Led Bulb (trụ nhôm, đuôi E27) LBN-80T LUSCOM CNYAN: 80W ánh sáng trắng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	366.000	366.000	366.000	366.000	366.000	366.000	366.000	366.000	366.000
1837	Vật tư ngành điện	Đèn Led Panel âm trần (đổi màu) RP-7CC LUSCOM CNTWI: 7W/3CCT	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	100.000	100.000	100.000	100.000	100.000	100.000	100.000	100.000	100.000
1838	Vật tư ngành điện	Đèn Led Panel âm trần (đổi màu) RP-9CC LUSCOM CNTWI: 9W/3CCT	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000
1839	Vật tư ngành điện	Đèn Led Panel âm trần (đổi màu) RP-12CC LUSCOM CNTWI: 12W/3CCT	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000
1840	Vật tư ngành điện	Đèn Led Panel âm trần (đổi màu, viền vàng) RP-7CC/G LUSCOM CNTWI: 7W/3CCT	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000
1841	Vật tư ngành điện	Đèn Led Panel âm trần (đổi màu, viền vàng) RP-9CC/G LUSCOM CNTWI: 9W/3CCT	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000
1842	Vật tư ngành điện	Đèn Led Panel âm trần (đổi màu, viền vàng) RP-12CC/G LUSCOM CNTWI: 12W/3CCT	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000
1843	Vật tư ngành điện	Đèn Led Panel âm trần (đổi màu, viền bạc) RP-7CC/S LUSCOM CNTWI: 7W/3CCT	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500
1844	Vật tư ngành điện	Đèn Led Panel âm trần (đổi màu, viền bạc) RP-9CC/S LUSCOM CNTWI: 9W/3CCT	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000
1845	Vật tư ngành điện	Đèn Led Panel âm trần (đổi màu, viền bạc) RP-12CC/S LUSCOM CNTWI: 12W/3CCT	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
1846	Vật tư ngành điện	Đèn Led Panel âm trần RP-7V LUSCOM CNTWI: 7W ánh sáng vàng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000
1847	Vật tư ngành điện	Đèn Led Panel âm trần RP-7T LUSCOM CNTWI: 7W ánh sáng trắng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000
1848	Vật tư ngành điện	Đèn Led Panel âm trần RP-9V LUSCOM CNTWI: 9W ánh sáng vàng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	85.000	85.000	85.000	85.000	85.000	85.000	85.000	85.000	85.000
1849	Vật tư ngành điện	Đèn Led Panel âm trần RP-9T LUSCOM CNTWI: 9W ánh sáng trắng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	85.000	85.000	85.000	85.000	85.000	85.000	85.000	85.000	85.000
1850	Vật tư ngành điện	Đèn Led Panel âm trần RP-12V LUSCOM CNTWI: 12W ánh sáng vàng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	115.000	115.000	115.000	115.000	115.000	115.000	115.000	115.000	115.000
1851	Vật tư ngành điện	Đèn Led Panel âm trần RP-12T LUSCOM CNTWI: 12W ánh sáng trắng	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	115.000	115.000	115.000	115.000	115.000	115.000	115.000	115.000	115.000
1852	Vật tư ngành điện	Mặt 1 công tắc 1 chiều (nút lớn) MCTV11 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	49.000	49.000	49.000	49.000	49.000	49.000	49.000	49.000	49.000
1853	Vật tư ngành điện	Mặt 1 công tắc 2 chiều (nút lớn) MCTV12 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000
1854	Vật tư ngành điện	Mặt 2 công tắc 1 chiều (nút lớn, 1 vào, 2 ra) MCTV2112 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	63.000	63.000	63.000	63.000	63.000	63.000	63.000	63.000	63.000
1855	Vật tư ngành điện	Mặt 2 công tắc 2 chiều (nút lớn) MCTV22 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	65.000	65.000	65.000	65.000	65.000	65.000	65.000	65.000	65.000
1856	Vật tư ngành điện	Mặt 2 công tắc 1 chiều (nút lớn, 2 vào, 2 ra) MCTV2122 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	63.000	63.000	63.000	63.000	63.000	63.000	63.000	63.000	63.000
1857	Vật tư ngành điện	Mặt 3 công tắc 1 chiều (nút lớn) MCTV31 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000
1858	Vật tư ngành điện	Mặt 3 công tắc 2 chiều (nút lớn) MCTV32 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	73.000	73.000	73.000	73.000	73.000	73.000	73.000	73.000	73.000
1859	Vật tư ngành điện	Mặt công tắc chuông cửa MVCC LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	76.000	76.000	76.000	76.000	76.000	76.000	76.000	76.000	76.000
1860	Vật tư ngành điện	Mặt 1 ổ cắm 3 chấu, 1 công tắc MF (đen) MOC3CTN LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	62.000	62.000	62.000	62.000	62.000	62.000	62.000	62.000	62.000
1861	Vật tư ngành điện	Mặt 2 ổ cắm 3 chấu 2 chấu, 1 công tắc MF (đen) MOC3-2CTN LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	185.000	185.000	185.000	185.000	185.000	185.000	185.000	185.000	185.000
1862	Vật tư ngành điện	Ổ cắm TV MVTV LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	56.000	56.000	56.000	56.000	56.000	56.000	56.000	56.000	56.000
1863	Vật tư ngành điện	Ổ cắm mạng MVOI LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	79.000	79.000	79.000	79.000	79.000	79.000	79.000	79.000	79.000
1864	Vật tư ngành điện	Nút điều chỉnh quạt (cao cấp) MVDF LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	203.000	203.000	203.000	203.000	203.000	203.000	203.000	203.000	203.000
1865	Vật tư ngành điện	Nút điều chỉnh đèn led MVDL LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	203.000	203.000	203.000	203.000	203.000	203.000	203.000	203.000	203.000
1866	Vật tư ngành điện	Mặt 1 công tắc 1 chiều ACT11 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000
1867	Vật tư ngành điện	Mặt 1 công tắc 2 chiều ACT12 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000
1868	Vật tư ngành điện	Mặt 2 công tắc 1 chiều ACT21 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	37.000	37.000	37.000	37.000	37.000	37.000	37.000	37.000	37.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
1869	Vật tư ngành điện	Mặt 1 công tắc 1 chiều, 1 công tắc 2 chiều ACT1112 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000
1870	Vật tư ngành điện	Mặt 2 công tắc 2 chiều ACT22 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	59.000	59.000	59.000	59.000	59.000	59.000	59.000	59.000	59.000
1871	Vật tư ngành điện	Mặt 3 công tắc 1 chiều ACT31 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	48.000	48.000	48.000	48.000	48.000	48.000	48.000	48.000	48.000
1872	Vật tư ngành điện	Mặt 2 công tắc 1 chiều, 1 công tắc 2 chiều ACT2112 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	58.000	58.000	58.000	58.000	58.000	58.000	58.000	58.000	58.000
1873	Vật tư ngành điện	Mặt 2 công tắc 2 chiều, 1 công tắc 1 chiều ACT2211 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000
1874	Vật tư ngành điện	Mặt 2 ổ cắm 2 chấu AOC22 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	55.000	55.000	55.000	55.000	55.000	55.000	55.000	55.000	55.000
1875	Vật tư ngành điện	Mặt 2 ổ cắm 3 chấu AOC23 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	61.000	61.000	61.000	61.000	61.000	61.000	61.000	61.000	61.000
1876	Vật tư ngành điện	Mặt 1 ổ cắm 2 chấu, 1 ổ cắm 3 chấu đa năng AOC1213 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	65.000	65.000	65.000	65.000	65.000	65.000	65.000	65.000	65.000
1877	Vật tư ngành điện	Mặt 2 ổ cắm 2 chấu, 1 công tắc 1 chiều AOC22CT11 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	65.000	65.000	65.000	65.000	65.000	65.000	65.000	65.000	65.000
1878	Vật tư ngành điện	Mặt 1 ổ cắm 2 chấu, 1 ổ cắm TV AOC121TV LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	78.000	78.000	78.000	78.000	78.000	78.000	78.000	78.000	78.000
1879	Vật tư ngành điện	Mặt 1 ổ cắm 2 chấu, 1 công tắc 1 chiều AOC12CT11 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000
1880	Vật tư ngành điện	Mặt 1 ổ cắm 2 chấu, 1 công tắc 2 chiều AOC12CT12 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	58.000	58.000	58.000	58.000	58.000	58.000	58.000	58.000	58.000
1881	Vật tư ngành điện	Mặt 1 ổ cắm 3 chấu, 1 công tắc 1 chiều AOC13CT11 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	58.000	58.000	58.000	58.000	58.000	58.000	58.000	58.000	58.000
1882	Vật tư ngành điện	Mặt 1 ổ cắm 3 chấu, 1 công tắc 2 chiều AOC13CT12 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000
1883	Vật tư ngành điện	Mặt 1 ổ cắm 2 chấu, 2 công tắc 1 chiều AOC12CT21 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000
1884	Vật tư ngành điện	Mặt 1 ổ cắm 2 chấu, 2 công tắc 2 chiều AOC12CT22 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000
1885	Vật tư ngành điện	Công tắc đơn 1 chiều CT11 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000
1886	Vật tư ngành điện	Công tắc đơn 2 chiều CT12 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000
1887	Vật tư ngành điện	Công tắc đảo chiều CT13 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000
1888	Vật tư ngành điện	Chuông cửa DB LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000
1889	Vật tư ngành điện	Ổ cắm 2 chấu nhỏ OC2 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	23.000	23.000	23.000	23.000	23.000	23.000	23.000	23.000	23.000
1890	Vật tư ngành điện	Ổ cắm 3 chấu nhỏ OC3 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	39.000	39.000	39.000	39.000	39.000	39.000	39.000	39.000	39.000
1891	Vật tư ngành điện	Ổ cắm 3 chấu đa năng nhỏ OC3ĐN LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	33.000	33.000	33.000	33.000	33.000	33.000	33.000	33.000	33.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
1892	Vật tư ngành điện	Ổ cắm đôi 3 chấu OC23 LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	58.000	58.000	58.000	58.000	58.000	58.000	58.000	58.000	58.000
1893	Vật tư ngành điện	Mặt 1 thiết bị vừa MCN1TB LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	14.000	14.000	14.000	14.000	14.000	14.000	14.000	14.000	14.000
1894	Vật tư ngành điện	Mặt 1 thiết bị nhỏ MCN1TBN LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	14.000	14.000	14.000	14.000	14.000	14.000	14.000	14.000	14.000
1895	Vật tư ngành điện	Mặt 2 thiết bị nhỏ MCN2TB LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	14.000	14.000	14.000	14.000	14.000	14.000	14.000	14.000	14.000
1896	Vật tư ngành điện	Mặt 3 thiết bị nhỏ MCN3TB LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	14.000	14.000	14.000	14.000	14.000	14.000	14.000	14.000	14.000
1897	Vật tư ngành điện	Đế âm vuông DAV LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000
1898	Vật tư ngành điện	Đế nổi vuông DNV LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000
1899	Vật tư ngành điện	Đế âm chữ nhật DACN LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000
1900	Vật tư ngành điện	Đế nổi chữ nhật DNCN LUSCOM CNGOG	cái			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	11.000	11.000	11.000	11.000	11.000	11.000	11.000	11.000	11.000
1901	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố EPSILON-100W	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.929.000	4.929.000	4.929.000	4.929.000	4.929.000	4.929.000	4.929.000	4.929.000	4.929.000
1902	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố NUY-100W DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.650.000	4.650.000	4.650.000	4.650.000	4.650.000	4.650.000	4.650.000	4.650.000	4.650.000
1903	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố NUY-150W DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.480.000	6.480.000	6.480.000	6.480.000	6.480.000	6.480.000	6.480.000	6.480.000	6.480.000
1904	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố UPSILON-150W, DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8.985.000	8.985.000	8.985.000	8.985.000	8.985.000	8.985.000	8.985.000	8.985.000	8.985.000
1905	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố IOTA-100W, DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.412.000	5.412.000	5.412.000	5.412.000	5.412.000	5.412.000	5.412.000	5.412.000	5.412.000
1906	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố IOTA-120W, DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.661.000	5.661.000	5.661.000	5.661.000	5.661.000	5.661.000	5.661.000	5.661.000	5.661.000
1907	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố IOTA-150W	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.202.500	6.202.500	6.202.500	6.202.500	6.202.500	6.202.500	6.202.500	6.202.500	6.202.500
1908	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố IOTA-150W, DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7.081.500	7.081.500	7.081.500	7.081.500	7.081.500	7.081.500	7.081.500	7.081.500	7.081.500
1909	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố IOTA-180W, DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7.473.000	7.473.000	7.473.000	7.473.000	7.473.000	7.473.000	7.473.000	7.473.000	7.473.000
1910	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố A-WIN MINI-50W	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.375.000	6.375.000	6.375.000	6.375.000	6.375.000	6.375.000	6.375.000	6.375.000	6.375.000
1911	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố A-WIN MINI-60W DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8.970.000	8.970.000	8.970.000	8.970.000	8.970.000	8.970.000	8.970.000	8.970.000	8.970.000
1912	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố A-WIN MINI-80W DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	9.726.000	9.726.000	9.726.000	9.726.000	9.726.000	9.726.000	9.726.000	9.726.000	9.726.000
1913	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố A-WIN MINI-100W DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	11.065.500	11.065.500	11.065.500	11.065.500	11.065.500	11.065.500	11.065.500	11.065.500	11.065.500
1914	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố A-WIN MAX -100W DIM DALI	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	12.577.500	12.577.500	12.577.500	12.577.500	12.577.500	12.577.500	12.577.500	12.577.500	12.577.500

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
1915	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố A-WIN MAX-120W DIM DALI	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	13.428.000	13.428.000	13.428.000	13.428.000	13.428.000	13.428.000	13.428.000	13.428.000	13.428.000
1916	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố A-WIN MAX-150W DIM DALI	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	14.077.500	14.077.500	14.077.500	14.077.500	14.077.500	14.077.500	14.077.500	14.077.500	14.077.500
1917	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố A-WIN MAX-160W DIM DALI	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	16.195.500	16.195.500	16.195.500	16.195.500	16.195.500	16.195.500	16.195.500	16.195.500	16.195.500
1918	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố B-WIN-100W DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10.065.000	10.065.000	10.065.000	10.065.000	10.065.000	10.065.000	10.065.000	10.065.000	10.065.000
1919	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố B-WIN-120W DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10.740.000	10.740.000	10.740.000	10.740.000	10.740.000	10.740.000	10.740.000	10.740.000	10.740.000
1920	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố C-WIN -150W DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	11.265.000	11.265.000	11.265.000	11.265.000	11.265.000	11.265.000	11.265.000	11.265.000	11.265.000
1921	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố D-WIN -150W DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	9.015.000	9.015.000	9.015.000	9.015.000	9.015.000	9.015.000	9.015.000	9.015.000	9.015.000
1922	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố KAPPA-50W	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.522.500	1.522.500	1.522.500	1.522.500	1.522.500	1.522.500	1.522.500	1.522.500	1.522.500
1923	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố KAPPA-80W DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.932.500	5.932.500	5.932.500	5.932.500	5.932.500	5.932.500	5.932.500	5.932.500	5.932.500
1924	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố KAPPA-100W	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.461.500	2.461.500	2.461.500	2.461.500	2.461.500	2.461.500	2.461.500	2.461.500	2.461.500
1925	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố KAPPA-100W, DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.517.500	6.517.500	6.517.500	6.517.500	6.517.500	6.517.500	6.517.500	6.517.500	6.517.500
1926	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố KAPPA-120W	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.904.000	2.904.000	2.904.000	2.904.000	2.904.000	2.904.000	2.904.000	2.904.000	2.904.000
1927	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố KAPPA-120W, DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.765.000	6.765.000	6.765.000	6.765.000	6.765.000	6.765.000	6.765.000	6.765.000	6.765.000
1928	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố KAPPA-150W, DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7.858.500	7.858.500	7.858.500	7.858.500	7.858.500	7.858.500	7.858.500	7.858.500	7.858.500
1929	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố PI-50W	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.725.800	2.725.800	2.725.800	2.725.800	2.725.800	2.725.800	2.725.800	2.725.800	2.725.800
1930	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố PI-70W	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.970.000	2.970.000	2.970.000	2.970.000	2.970.000	2.970.000	2.970.000	2.970.000	2.970.000
1931	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố PI-75W, DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.585.000	3.585.000	3.585.000	3.585.000	3.585.000	3.585.000	3.585.000	3.585.000	3.585.000
1932	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố PI-90W	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.181.500	3.181.500	3.181.500	3.181.500	3.181.500	3.181.500	3.181.500	3.181.500	3.181.500
1933	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố PI-100W	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.265.500	3.265.500	3.265.500	3.265.500	3.265.500	3.265.500	3.265.500	3.265.500	3.265.500
1934	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố PI-100W, DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.877.500	3.877.500	3.877.500	3.877.500	3.877.500	3.877.500	3.877.500	3.877.500	3.877.500
1935	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố PI-120W	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.161.000	4.161.000	4.161.000	4.161.000	4.161.000	4.161.000	4.161.000	4.161.000	4.161.000
1936	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố PI-120W, DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015) (QCVN 19/2019/BKHCN)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.887.000	4.887.000	4.887.000	4.887.000	4.887.000	4.887.000	4.887.000	4.887.000	4.887.000
1937	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố PI-150W	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.852.500	4.852.500	4.852.500	4.852.500	4.852.500	4.852.500	4.852.500	4.852.500	4.852.500

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
1938	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố PI-150W, DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015) (QCVN 19/2019/BKHCN)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.581.500	5.581.500	5.581.500	5.581.500	5.581.500	5.581.500	5.581.500	5.581.500	5.581.500
1939	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố PI-160W, DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.695.500	5.695.500	5.695.500	5.695.500	5.695.500	5.695.500	5.695.500	5.695.500	5.695.500
1940	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố PHI-100W DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.492.000	6.492.000	6.492.000	6.492.000	6.492.000	6.492.000	6.492.000	6.492.000	6.492.000
1941	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố PHI-120W DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7.275.000	7.275.000	7.275.000	7.275.000	7.275.000	7.275.000	7.275.000	7.275.000	7.275.000
1942	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố PHI-150W, DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7.527.000	7.527.000	7.527.000	7.527.000	7.527.000	7.527.000	7.527.000	7.527.000	7.527.000
1943	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố CHI-80W, DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.105.000	6.105.000	6.105.000	6.105.000	6.105.000	6.105.000	6.105.000	6.105.000	6.105.000
1944	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố CHI-100W, DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	9.804.000	9.804.000	9.804.000	9.804.000	9.804.000	9.804.000	9.804.000	9.804.000	9.804.000
1945	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố CHI-120W, DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10.575.000	10.575.000	10.575.000	10.575.000	10.575.000	10.575.000	10.575.000	10.575.000	10.575.000
1946	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố CHI-150W, DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	11.821.500	11.821.500	11.821.500	11.821.500	11.821.500	11.821.500	11.821.500	11.821.500	11.821.500
1947	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố CHI-180W, DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	12.420.000	12.420.000	12.420.000	12.420.000	12.420.000	12.420.000	12.420.000	12.420.000	12.420.000
1948	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố CHI-200W, DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	12.720.000	12.720.000	12.720.000	12.720.000	12.720.000	12.720.000	12.720.000	12.720.000	12.720.000
1949	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố ALUMOS-150W DIM	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	9.285.000	9.285.000	9.285.000	9.285.000	9.285.000	9.285.000	9.285.000	9.285.000	9.285.000
1950	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố, năng lượng mặt trời ALPHA-100W NLMT	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	12.810.000	12.810.000	12.810.000	12.810.000	12.810.000	12.810.000	12.810.000	12.810.000	12.810.000
1951	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố, năng lượng mặt trời BETA-50W NLMT	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8.790.000	8.790.000	8.790.000	8.790.000	8.790.000	8.790.000	8.790.000	8.790.000	8.790.000
1952	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố, năng lượng mặt trời BETA-60W NLMT	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	9.225.000	9.225.000	9.225.000	9.225.000	9.225.000	9.225.000	9.225.000	9.225.000	9.225.000
1953	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố, năng lượng mặt trời GAMMA-75W NLMT	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	9.660.000	9.660.000	9.660.000	9.660.000	9.660.000	9.660.000	9.660.000	9.660.000	9.660.000
1954	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố, năng lượng mặt trời SIGMA-80W NLMT	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	11.820.000	11.820.000	11.820.000	11.820.000	11.820.000	11.820.000	11.820.000	11.820.000	11.820.000
1955	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố, năng lượng mặt trời DELTA-160W NLMT	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	18.645.000	18.645.000	18.645.000	18.645.000	18.645.000	18.645.000	18.645.000	18.645.000	18.645.000
1956	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố, năng lượng mặt trời DELTA-180W NLMT	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	21.975.000	21.975.000	21.975.000	21.975.000	21.975.000	21.975.000	21.975.000	21.975.000	21.975.000
1957	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố, năng lượng mặt trời MOMO-120W NLMT	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	13.680.000	13.680.000	13.680.000	13.680.000	13.680.000	13.680.000	13.680.000	13.680.000	13.680.000
1958	Vật tư ngành điện	Đèn Led đường phố, năng lượng mặt trời NANO-150W NLMT	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	15.345.000	15.345.000	15.345.000	15.345.000	15.345.000	15.345.000	15.345.000	15.345.000	15.345.000
1959	Vật tư ngành điện	Đèn pha LED MB05-200w	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.168.250	5.168.250	5.168.250	5.168.250	5.168.250	5.168.250	5.168.250	5.168.250	5.168.250
1960	Vật tư ngành điện	Đèn pha LED MB02-250w	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.516.000	6.516.000	6.516.000	6.516.000	6.516.000	6.516.000	6.516.000	6.516.000	6.516.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
1961	Vật tư ngành điện	Đèn pha LED MB02-300w	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8.539.200	8.539.200	8.539.200	8.539.200	8.539.200	8.539.200	8.539.200	8.539.200	8.539.200
1962	Vật tư ngành điện	Đèn pha LED MB02- 400w	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	9.349.650	9.349.650	9.349.650	9.349.650	9.349.650	9.349.650	9.349.650	9.349.650	9.349.650
1963	Vật tư ngành điện	Đèn pha LED MB02-500w	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	13.489.650	13.489.650	13.489.650	13.489.650	13.489.650	13.489.650	13.489.650	13.489.650	13.489.650
1964	Vật tư ngành điện	Đèn pha LED MB03-600w	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	17.892.000	17.892.000	17.892.000	17.892.000	17.892.000	17.892.000	17.892.000	17.892.000	17.892.000
1965	Vật tư ngành điện	Đèn pha LED MB04-800w	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	31.877.550	31.877.550	31.877.550	31.877.550	31.877.550	31.877.550	31.877.550	31.877.550	31.877.550
1966	Vật tư ngành điện	Đèn pha LED MB07-1000w	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	37.277.550	37.277.550	37.277.550	37.277.550	37.277.550	37.277.550	37.277.550	37.277.550	37.277.550
1967	Vật tư ngành điện	Khung móng cột thép CT3, 4 Bulông M16, KT: (240x240x500)mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	570.000	570.000	570.000	570.000	570.000	570.000	570.000	570.000	570.000
1968	Vật tư ngành điện	Khung móng cột thép CT3, 4 Bulông M16, KT: (260x260x500)mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	617.500	617.500	617.500	617.500	617.500	617.500	617.500	617.500	617.500
1969	Vật tư ngành điện	Khung móng cột thép CT3, 4 Bulông M16, KT: (340x340x500)mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	651.700	651.700	651.700	651.700	651.700	651.700	651.700	651.700	651.700
1970	Vật tư ngành điện	Khung móng cột thép CT3, 4 Bulông M24, KT: (300x300x675)mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	950.000	950.000	950.000	950.000	950.000	950.000	950.000	950.000	950.000
1971	Vật tư ngành điện	Khung móng cột thép C45, 8 Bulông M24, KT: Ø400mm, cao 1350mm (Lắp cho cột cao 13-16m)	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.771.500	3.771.500	3.771.500	3.771.500	3.771.500	3.771.500	3.771.500	3.771.500	3.771.500
1972	Vật tư ngành điện	Khung móng cột thép C45, 8 Bulông M24, KT: Ø450mm, cao 1500mm (Lắp cho cột cao 17-18m không nâng hạ)	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.712.000	4.712.000	4.712.000	4.712.000	4.712.000	4.712.000	4.712.000	4.712.000	4.712.000
1973	Vật tư ngành điện	Khung móng cột thép C45, 18 Bulông M30, KT: Ø800mm, cao 1750mm (2 tầng đĩa định vị, lắp cho cột nâng hạ 17-25m)	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	18.734.000	18.734.000	18.734.000	18.734.000	18.734.000	18.734.000	18.734.000	18.734.000	18.734.000
1974	Vật tư ngành điện	Khung móng cột thép C45, 20 Bulông M30, KT: Ø900mm, cao 2000mm (2 tầng đĩa định vị, lắp cho cột nâng hạ 30-35m)	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	24.415.000	24.415.000	24.415.000	24.415.000	24.415.000	24.415.000	24.415.000	24.415.000	24.415.000
1975	Vật tư ngành điện	Cột trang trí SV35, thân thép D141, đèn LED 40W-50W-100W, cao 3,5m	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7.161.000	7.161.000	7.161.000	7.161.000	7.161.000	7.161.000	7.161.000	7.161.000	7.161.000
1976	Vật tư ngành điện	Cột trang trí SV35, thân thép D114, đèn LED 40W-50W-100W, cao 3,5m	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.159.000	5.159.000	5.159.000	5.159.000	5.159.000	5.159.000	5.159.000	5.159.000	5.159.000
1977	Vật tư ngành điện	Cột trang trí SV35, thân thép D168, đèn LED 40W-50W-100W, cao 3,5m	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8.568.000	8.568.000	8.568.000	8.568.000	8.568.000	8.568.000	8.568.000	8.568.000	8.568.000
1978	Vật tư ngành điện	Để gang DP03 cho cột thép	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8.562.400	8.562.400	8.562.400	8.562.400	8.562.400	8.562.400	8.562.400	8.562.400	8.562.400
1979	Vật tư ngành điện	Để DP01 (lắp cho cột sân vườn ống nhôm D108, cao 2,3m	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.805.800	5.805.800	5.805.800	5.805.800	5.805.800	5.805.800	5.805.800	5.805.800	5.805.800
1980	Vật tư ngành điện	Để trang trí gang cú tòi DP04 cho cột thép	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.467.000	5.467.000	5.467.000	5.467.000	5.467.000	5.467.000	5.467.000	5.467.000	5.467.000
1981	Vật tư ngành điện	Để trang trí gang DP02 cho cột thép	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10.778.600	10.778.600	10.778.600	10.778.600	10.778.600	10.778.600	10.778.600	10.778.600	10.778.600
1982	Vật tư ngành điện	Để trang trí gang PINE cho cột sân vườn ống nhôm D108, cao 2,3m	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.460.000	5.460.000	5.460.000	5.460.000	5.460.000	5.460.000	5.460.000	5.460.000	5.460.000
1983	Vật tư ngành điện	Để trang trí gang DC06 cho cột sân vườn ống nhôm D76, cao 2,3m	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.532.800	5.532.800	5.532.800	5.532.800	5.532.800	5.532.800	5.532.800	5.532.800	5.532.800

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
1984	Vật tư ngành điện	Đế trang trí gang DC05 cho cột sân vườn ống nhôm D108, cao 2,3m	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10.911.600	10.911.600	10.911.600	10.911.600	10.911.600	10.911.600	10.911.600	10.911.600	10.911.600
1985	Vật tư ngành điện	Đế trang trí gang DC01 cho cột thép	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.503.000	6.503.000	6.503.000	6.503.000	6.503.000	6.503.000	6.503.000	6.503.000	6.503.000
1986	Vật tư ngành điện	Đế trang trí gang BANIAN cho cột sân vườn ống nhôm D108, cao 2,3m	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.347.600	6.347.600	6.347.600	6.347.600	6.347.600	6.347.600	6.347.600	6.347.600	6.347.600
1987	Vật tư ngành điện	Đế trang trí gang NOUVO cho cột sân vườn ống nhôm D108, cao 2,3m	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7.964.600	7.964.600	7.964.600	7.964.600	7.964.600	7.964.600	7.964.600	7.964.600	7.964.600
1988	Vật tư ngành điện	Đế trang trí gang DC02 cho cột sân vườn ống nhôm D76, cao 2,3m	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.918.200	4.918.200	4.918.200	4.918.200	4.918.200	4.918.200	4.918.200	4.918.200	4.918.200
1989	Vật tư ngành điện	Chùm trang trí CH02 (4+1) cho cột sân vườn.	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.649.200	1.649.200	1.649.200	1.649.200	1.649.200	1.649.200	1.649.200	1.649.200	1.649.200
1990	Vật tư ngành điện	Chùm trang trí CH02 (3+1) cho cột sân vườn.	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.436.400	1.436.400	1.436.400	1.436.400	1.436.400	1.436.400	1.436.400	1.436.400	1.436.400
1991	Vật tư ngành điện	Chùm trang trí CH04 (4+1) cho cột sân vườn.	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.461.200	2.461.200	2.461.200	2.461.200	2.461.200	2.461.200	2.461.200	2.461.200	2.461.200
1992	Vật tư ngành điện	Chùm trang trí CH04 (3+1) cho cột sân vườn.	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.133.600	2.133.600	2.133.600	2.133.600	2.133.600	2.133.600	2.133.600	2.133.600	2.133.600
1993	Vật tư ngành điện	Chùm trang trí CH06 (4+1) cho cột sân vườn.	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.360.800	1.360.800	1.360.800	1.360.800	1.360.800	1.360.800	1.360.800	1.360.800	1.360.800
1994	Vật tư ngành điện	Chùm trang trí CH06 (3+1) cho cột sân vườn.	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.167.600	1.167.600	1.167.600	1.167.600	1.167.600	1.167.600	1.167.600	1.167.600	1.167.600
1995	Vật tư ngành điện	Chùm trang trí CH07 (4+1) cho cột sân vườn.	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.403.800	2.403.800	2.403.800	2.403.800	2.403.800	2.403.800	2.403.800	2.403.800	2.403.800
1996	Vật tư ngành điện	Chùm trang trí CH07 (3+1) cho cột sân vườn.	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.940.400	1.940.400	1.940.400	1.940.400	1.940.400	1.940.400	1.940.400	1.940.400	1.940.400
1997	Vật tư ngành điện	Chùm trang trí CH08 (3+1) cho cột sân vườn.	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.901.200	1.901.200	1.901.200	1.901.200	1.901.200	1.901.200	1.901.200	1.901.200	1.901.200
1998	Vật tư ngành điện	Chùm trang trí CH11 (3+1) cho cột sân vườn.	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.403.800	2.403.800	2.403.800	2.403.800	2.403.800	2.403.800	2.403.800	2.403.800	2.403.800
1999	Vật tư ngành điện	Chùm trang trí CH11 (4+1) cho cột sân vườn.	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.790.200	2.790.200	2.790.200	2.790.200	2.790.200	2.790.200	2.790.200	2.790.200	2.790.200
2000	Vật tư ngành điện	Chùm trang trí CH12 cho cột sân vườn.	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.231.460	2.231.460	2.231.460	2.231.460	2.231.460	2.231.460	2.231.460	2.231.460	2.231.460
2001	Vật tư ngành điện	Đèn Jupiter	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.423.400	2.423.400	2.423.400	2.423.400	2.423.400	2.423.400	2.423.400	2.423.400	2.423.400
2002	Vật tư ngành điện	Cột Alequyn+Chùm Alequyn (3+1)	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.272.400	5.272.400	5.272.400	5.272.400	5.272.400	5.272.400	5.272.400	5.272.400	5.272.400
2003	Vật tư ngành điện	Cần đơn MB01-D (lắp vào thân cột thép)	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.619.800	1.619.800	1.619.800	1.619.800	1.619.800	1.619.800	1.619.800	1.619.800	1.619.800
2004	Vật tư ngành điện	Cần kép MB01-K (lắp vào thân cột thép)	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.233.000	2.233.000	2.233.000	2.233.000	2.233.000	2.233.000	2.233.000	2.233.000	2.233.000
2005	Vật tư ngành điện	Cần đơn MB02-D (lắp vào thân cột thép)	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.345.400	1.345.400	1.345.400	1.345.400	1.345.400	1.345.400	1.345.400	1.345.400	1.345.400
2006	Vật tư ngành điện	Cần kép MB02-K (lắp vào thân cột thép)	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.876.000	1.876.000	1.876.000	1.876.000	1.876.000	1.876.000	1.876.000	1.876.000	1.876.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
2007	Vật tư ngành điện	Cần đơn MB06-D (lắp vào thân cột thép)	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	960.400	960.400	960.400	960.400	960.400	960.400	960.400	960.400	960.400
2008	Vật tư ngành điện	Cần kép MB06-K (lắp vào thân cột thép)	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.418.200	1.418.200	1.418.200	1.418.200	1.418.200	1.418.200	1.418.200	1.418.200	1.418.200
2009	Vật tư ngành điện	Cần đơn MB03-D (lắp vào thân cột thép)	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.510.600	1.510.600	1.510.600	1.510.600	1.510.600	1.510.600	1.510.600	1.510.600	1.510.600
2010	Vật tư ngành điện	Cần kép MB03-K (lắp vào thân cột thép)	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.378.600	2.378.600	2.378.600	2.378.600	2.378.600	2.378.600	2.378.600	2.378.600	2.378.600
2011	Vật tư ngành điện	Cần đơn MB04-D (lắp vào thân cột thép)	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.929.200	1.929.200	1.929.200	1.929.200	1.929.200	1.929.200	1.929.200	1.929.200	1.929.200
2012	Vật tư ngành điện	Cần kép MB04-K (lắp vào thân cột thép)	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.263.800	2.263.800	2.263.800	2.263.800	2.263.800	2.263.800	2.263.800	2.263.800	2.263.800
2013	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, bát giác, tròn côn cao 3m, ngon D78-D86, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, bích 300x300mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.170.000	2.170.000	2.170.000	2.170.000	2.170.000	2.170.000	2.170.000	2.170.000	2.170.000
2014	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, bát giác, tròn côn cao 4m, ngon D78-D86, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, bích 300x300mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.380.000	2.380.000	2.380.000	2.380.000	2.380.000	2.380.000	2.380.000	2.380.000	2.380.000
2015	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, bát giác, tròn côn cao 5m, ngon D78-D86, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, bích 300x300mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.175.200	3.175.200	3.175.200	3.175.200	3.175.200	3.175.200	3.175.200	3.175.200	3.175.200
2016	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, bát giác, tròn côn cao 6m, ngon D78-D86, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, bích 400x400mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.264.400	4.264.400	4.264.400	4.264.400	4.264.400	4.264.400	4.264.400	4.264.400	4.264.400
2017	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, bát giác, tròn côn cao 7m, ngon D78-D86, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, bích 400x400	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.960.200	4.960.200	4.960.200	4.960.200	4.960.200	4.960.200	4.960.200	4.960.200	4.960.200
2018	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, bát giác, tròn côn cao 7m, ngon D78-D86, thép SS400 dày 3.5mm, mạ kẽm, bích 400x400	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.427.400	6.427.400	6.427.400	6.427.400	6.427.400	6.427.400	6.427.400	6.427.400	6.427.400
2019	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, bát giác, tròn côn cao 8m, ngon D78-D86, thép SS400 dày 3.5mm, mạ kẽm, bích 400x400	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.514.200	6.514.200	6.514.200	6.514.200	6.514.200	6.514.200	6.514.200	6.514.200	6.514.200
2020	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, bát giác, tròn côn cao 8m, ngon D78-D86, thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, bích 400x400	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7.278.600	7.278.600	7.278.600	7.278.600	7.278.600	7.278.600	7.278.600	7.278.600	7.278.600
2021	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, bát giác, tròn côn cao 9m, ngon D78-D86, thép SS400 dày 3.5mm, mạ kẽm, bích 400x400mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8.400.000	8.400.000	8.400.000	8.400.000	8.400.000	8.400.000	8.400.000	8.400.000	8.400.000
2022	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, bát giác, tròn côn cao 9m, ngon D78-D86, thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, bích 400x400mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	9.237.200	9.237.200	9.237.200	9.237.200	9.237.200	9.237.200	9.237.200	9.237.200	9.237.200
2023	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, bát giác, tròn côn cao 10m, ngon D78-D86, thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, bích 400x400mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	9.480.800	9.480.800	9.480.800	9.480.800	9.480.800	9.480.800	9.480.800	9.480.800	9.480.800
2024	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, bát giác, tròn côn cao 11m, ngon D78-D86, thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, bích 400x400mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10.663.800	10.663.800	10.663.800	10.663.800	10.663.800	10.663.800	10.663.800	10.663.800	10.663.800
2025	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, bát giác, tròn côn cao 12m, ngon D78-D86, thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, bích 400x400mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	12.850.600	12.850.600	12.850.600	12.850.600	12.850.600	12.850.600	12.850.600	12.850.600	12.850.600
2026	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn liền cần đơn cao 4m, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, bích 300x300mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.310.000	2.310.000	2.310.000	2.310.000	2.310.000	2.310.000	2.310.000	2.310.000	2.310.000
2027	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn liền cần đơn cao 5, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, bích 300x300mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000
2028	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn liền cần đơn cao 6m, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, bích 300x300mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.500.000	3.500.000	3.500.000	3.500.000	3.500.000	3.500.000	3.500.000	3.500.000	3.500.000
2029	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn liền cần đơn cao 7m, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, bích 300x300mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.055.800	4.055.800	4.055.800	4.055.800	4.055.800	4.055.800	4.055.800	4.055.800	4.055.800

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
2030	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn liền cần đơn cao 7m, thép SS400 dày 3.5mm, mạ kẽm, bích 300x300mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.566.800	4.566.800	4.566.800	4.566.800	4.566.800	4.566.800	4.566.800	4.566.800	4.566.800
2031	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn liền cần đơn cao 8m, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, bích 300x300mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.659.200	4.659.200	4.659.200	4.659.200	4.659.200	4.659.200	4.659.200	4.659.200	4.659.200
2032	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn liền cần đơn cao 8m, thép SS400 dày 3.5mm, mạ kẽm, bích 400x400mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.818.400	5.818.400	5.818.400	5.818.400	5.818.400	5.818.400	5.818.400	5.818.400	5.818.400
2033	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn liền cần đơn cao 9m, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, bích 300x300mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.401.200	5.401.200	5.401.200	5.401.200	5.401.200	5.401.200	5.401.200	5.401.200	5.401.200
2034	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn liền cần đơn cao 9m, thép SS400 dày 3.5mm, mạ kẽm, bích 400x400mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.629.000	6.629.000	6.629.000	6.629.000	6.629.000	6.629.000	6.629.000	6.629.000	6.629.000
2035	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn liền cần đơn cao 10m, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, bích 400x400mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.165.600	6.165.600	6.165.600	6.165.600	6.165.600	6.165.600	6.165.600	6.165.600	6.165.600
2036	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn liền cần đơn cao 10m, thép SS400 dày 3.5mm, mạ kẽm, bích 400x400mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7.046.200	7.046.200	7.046.200	7.046.200	7.046.200	7.046.200	7.046.200	7.046.200	7.046.200
2037	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn liền cần đơn cao11m, thép SS400 dày 3.5mm, mạ kẽm, bích 400x400mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7.511.000	7.511.000	7.511.000	7.511.000	7.511.000	7.511.000	7.511.000	7.511.000	7.511.000
2038	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn liền cần đơn cao 11m, thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, bích 400x400mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8.460.200	8.460.200	8.460.200	8.460.200	8.460.200	8.460.200	8.460.200	8.460.200	8.460.200
2039	Vật tư ngành điện	Cột bát giác, tròn côn liền cần đơn cao 12m, thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, bích 400x400mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10.157.000	10.157.000	10.157.000	10.157.000	10.157.000	10.157.000	10.157.000	10.157.000	10.157.000
2040	Vật tư ngành điện	Cột đèn nâng hạ 17m, thép SS400, dày 4mm, mạ kẽm (có bộ điện nâng hạ, long bát 8-12 đèn)	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	136.360.000	136.360.000	136.360.000	136.360.000	136.360.000	136.360.000	136.360.000	136.360.000	136.360.000
2041	Vật tư ngành điện	Cột đèn nâng hạ 20m, thép SS400, dày 4mm, mạ kẽm (có bộ điện nâng hạ, long bát 8-12 đèn)	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	153.160.000	153.160.000	153.160.000	153.160.000	153.160.000	153.160.000	153.160.000	153.160.000	153.160.000
2042	Vật tư ngành điện	Cột đèn nâng hạ 25m, thép SS400, dày 4mm, mạ kẽm (có bộ điện nâng hạ, long bát 8-12 đèn)	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	167.160.000	167.160.000	167.160.000	167.160.000	167.160.000	167.160.000	167.160.000	167.160.000	167.160.000
2043	Vật tư ngành điện	Cột đèn nâng hạ 30m, thép SS400, dày 4mm, mạ kẽm (có bộ điện nâng hạ, long bát 8-12 đèn)	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	187.600.000	187.600.000	187.600.000	187.600.000	187.600.000	187.600.000	187.600.000	187.600.000	187.600.000
2044	Vật tư ngành điện	Cột đèn nâng hạ 35m, thép SS400, dày 4mm, mạ kẽm (có bộ điện nâng hạ, long bát 8-12 đèn)	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	221.200.000	221.200.000	221.200.000	221.200.000	221.200.000	221.200.000	221.200.000	221.200.000	221.200.000
2045	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, bát giác, tròn côn cao 13m, thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, bắt 2-8 đèn pha.	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	23.100.000	23.100.000	23.100.000	23.100.000	23.100.000	23.100.000	23.100.000	23.100.000	23.100.000
2046	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, bát giác, tròn côn cao 14m, thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, bắt 2-8 đèn pha.	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	25.928.000	25.928.000	25.928.000	25.928.000	25.928.000	25.928.000	25.928.000	25.928.000	25.928.000
2047	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, bát giác, tròn côn cao 15m, thép SS400 dày 4/5mm, mạ kẽm, bắt 2-8 đèn pha.	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	32.942.000	32.942.000	32.942.000	32.942.000	32.942.000	32.942.000	32.942.000	32.942.000	32.942.000
2048	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, bát giác, tròn côn 16m thép SS400 dày 4/5mm, mạ kẽm, bắt 2-8 đèn pha.	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	34.329.400	34.329.400	34.329.400	34.329.400	34.329.400	34.329.400	34.329.400	34.329.400	34.329.400
2049	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, bát giác, tròn côn 17m thép SS400 dày 5/6mm, mạ kẽm, bắt 2-8 đèn pha.	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	38.528.000	38.528.000	38.528.000	38.528.000	38.528.000	38.528.000	38.528.000	38.528.000	38.528.000
2050	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, bát giác, tròn côn cao 18m, thép SS400 dày 5/6mm, mạ kẽm, bắt 2-8 đèn pha.	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	41.538.000	41.538.000	41.538.000	41.538.000	41.538.000	41.538.000	41.538.000	41.538.000	41.538.000
2051	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, bát giác, tròn côn cao 19m, thép SS400 dày 5/6mm, mạ kẽm, bắt 2-8 đèn pha.	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	46.900.000	46.900.000	46.900.000	46.900.000	46.900.000	46.900.000	46.900.000	46.900.000	46.900.000
2052	Vật tư ngành điện	Song chắn rác Composite, Gang, KT (860x430)mm, Khung KT: (960x530)mm, tải trọng 12.5 tấn	cái	BS EN 124-2:2015 ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.800.000	2.800.000	2.800.000	2.800.000	2.800.000	2.800.000	2.800.000	2.800.000	2.800.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
2053	Vật tư ngành điện	Song chắn rác Composite, Gang, KT: (860x430)mm, Khung KT: (960x530)mm, tải trọng 25 tấn	cái	BS EN 124-2:2015 ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.550.000	4.550.000	4.550.000	4.550.000	4.550.000	4.550.000	4.550.000	4.550.000	4.550.000
2054	Vật tư ngành điện	Song chắn rác Composite, Gang, KT: (860x430)mm, Khung KT: (960x530)mm, tải trọng 40 tấn	cái	BS EN 124-2:2015 ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.572.000	5.572.000	5.572.000	5.572.000	5.572.000	5.572.000	5.572.000	5.572.000	5.572.000
2055	Vật tư ngành điện	Song chắn rác Composite, Gang, KT: (860x430)mm, tải trọng 12.5 tấn	cái	BS EN 124-2:2015 ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.960.000	1.960.000	1.960.000	1.960.000	1.960.000	1.960.000	1.960.000	1.960.000	1.960.000
2056	Vật tư ngành điện	Song chắn rác Composite, Gang, KT: (860x430)mm, tải trọng 25 tấn	cái	BS EN 124-2:2015 ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.870.000	2.870.000	2.870.000	2.870.000	2.870.000	2.870.000	2.870.000	2.870.000	2.870.000
2057	Vật tư ngành điện	Song chắn rác Composite, Gang, KT: (860x430)mm, tải trọng 40 tấn	cái	BS EN 124-2:2015 ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.430.000	3.430.000	3.430.000	3.430.000	3.430.000	3.430.000	3.430.000	3.430.000	3.430.000
2058	Vật tư ngành điện	Song chắn rác Composite, Gang, KT: (960x530)mm, tải trọng 12.5 tấn	cái	BS EN 124-2:2015 ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.352.000	2.352.000	2.352.000	2.352.000	2.352.000	2.352.000	2.352.000	2.352.000	2.352.000
2059	Vật tư ngành điện	Song chắn rác Composite, Gang, KT: (960x530)mm, tải trọng 25 tấn	cái	BS EN 124-2:2015 ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.590.000	2.590.000	2.590.000	2.590.000	2.590.000	2.590.000	2.590.000	2.590.000	2.590.000
2060	Vật tư ngành điện	Song chắn rác Composite, Gang, KT: (960x530)mm, tải trọng 40 tấn	cái	BS EN 124-2:2015 ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.150.000	3.150.000	3.150.000	3.150.000	3.150.000	3.150.000	3.150.000	3.150.000	3.150.000
2061	Vật tư ngành điện	Nắp hố ga Composite, Gang, KT: (850x850)mm, tải trọng 12.5 tấn	cái	BS EN 124-2:2015 ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.940.000	2.940.000	2.940.000	2.940.000	2.940.000	2.940.000	2.940.000	2.940.000	2.940.000
2062	Vật tư ngành điện	Nắp hố ga Composite, Gang, KT: (850x850)mm, tải trọng 25 tấn	cái	BS EN 124-2:2015 ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.522.000	4.522.000	4.522.000	4.522.000	4.522.000	4.522.000	4.522.000	4.522.000	4.522.000
2063	Vật tư ngành điện	Nắp hố ga Composite, Gang, KT: (850x850)mm, tải trọng 40 tấn	cái	BS EN 124-2:2015 ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.572.000	5.572.000	5.572.000	5.572.000	5.572.000	5.572.000	5.572.000	5.572.000	5.572.000
2064	Vật tư ngành điện	Nắp hố ga Composite, Gang, KT: (900x900)mm D700 tải trọng 12.5 tấn	cái	BS EN 124-2:2015 ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.780.000	3.780.000	3.780.000	3.780.000	3.780.000	3.780.000	3.780.000	3.780.000	3.780.000
2065	Vật tư ngành điện	Nắp hố ga Composite, Gang, KT: (900x900)mm D700 tải trọng 25 tấn	cái	BS EN 124-2:2015 ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.250.000	5.250.000	5.250.000	5.250.000	5.250.000	5.250.000	5.250.000	5.250.000	5.250.000
2066	Vật tư ngành điện	Nắp hố ga Composite, Gang KT: (900x900)mm, D700 tải trọng 40 tấn	cái	BS EN 124-2:2015 ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.950.000	5.950.000	5.950.000	5.950.000	5.950.000	5.950.000	5.950.000	5.950.000	5.950.000
2067	Vật tư ngành điện	Nắp thăm thu kết hợp CPS, KT: (1050x745)mm, Tải trọng 12,5 tấn	cái	BS EN 124-2:2015 ISO 9001:2015 ISO 14001-2015		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.040.000	5.040.000	5.040.000	5.040.000	5.040.000	5.040.000	5.040.000	5.040.000	5.040.000
2068	Vật tư ngành điện	Cột đa giác, bát giác, tròn côn bằng thép SS400, mạ kẽm (Tiêu chuẩn ASTM A123), H= 6,2m dày 6mm, tay vươn đơn 6m, dày 5mm	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	18.060.000	18.060.000	18.060.000	18.060.000	18.060.000	18.060.000	18.060.000	18.060.000	18.060.000
2069	Vật tư ngành điện	Cột tín hiệu giao thông đa giác, bát giác, tròn côn cao 6.2m, dày 6mm, tay vươn đơn 4m, dày 5mm, thép SS400, mạ kẽm (Tiêu chuẩn ASTM A123).	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	17.220.000	17.220.000	17.220.000	17.220.000	17.220.000	17.220.000	17.220.000	17.220.000	17.220.000
2070	Vật tư ngành điện	Cột tín hiệu giao thông đa giác, bát giác, tròn côn cao 3.3m, dày 4mm, tay vươn đơn 4m, dày 5mm, thép SS400, mạ kẽm (Tiêu chuẩn ASTM A123).	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	14.840.000	14.840.000	14.840.000	14.840.000	14.840.000	14.840.000	14.840.000	14.840.000	14.840.000
2071	Vật tư ngành điện	Cột tín hiệu giao thông đa giác, bát giác, tròn côn cao 6.2m, dày 6mm, tay vươn vuông góc 5m + 2m, dày 4mm, thép SS400, mạ kẽm (Tiêu chuẩn ASTM A123).	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	18.200.000	18.200.000	18.200.000	18.200.000	18.200.000	18.200.000	18.200.000	18.200.000	18.200.000
2072	Vật tư ngành điện	Cột tín hiệu giao thông đa giác, bát giác, tròn côn cao 5.6m, tay vươn đơn 4m, dày 5mm, thép SS400, mạ kẽm (Tiêu chuẩn ASTM A123)	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	14.840.000	14.840.000	14.840.000	14.840.000	14.840.000	14.840.000	14.840.000	14.840.000	14.840.000
2073	Vật tư ngành điện	Cột tín hiệu giao thông đa giác, bát giác, tròn côn cao 4m, tay vươn đơn 4m, dày 5mm, thép SS400, mạ kẽm (Tiêu chuẩn ASTM A123).	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.738.000	3.738.000	3.738.000	3.738.000	3.738.000	3.738.000	3.738.000	3.738.000	3.738.000
2074	Vật tư ngành điện	Thanh giá treo đèn D60, thép SS400, dày 3mm, mạ kẽm (Tiêu chuẩn ASTM A123)	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	630.000	630.000	630.000	630.000	630.000	630.000	630.000	630.000	630.000
2075	Vật tư ngành điện	Cột tín hiệu giao thông đa giác, bát giác, tròn côn cao 2.5m, dày 3mm, thép SS400, mạ kẽm (Tiêu chuẩn ASTM A123)	cái	ISO 9001:2015 ISO 14001-2015 TCCS 01:2025/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.996.000	2.996.000	2.996.000	2.996.000	2.996.000	2.996.000	2.996.000	2.996.000	2.996.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
2076	Vật tư ngành điện	Đèn LED cảnh báo tín hiệu giao thông màu vàng D300mm sử dụng năng lượng mặt trời (đã bao gồm pin năng lượng mặt trời, tủ điều khiển)	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10.220.000	10.220.000	10.220.000	10.220.000	10.220.000	10.220.000	10.220.000	10.220.000	10.220.000
2077	Vật tư ngành điện	Đèn LED 3 màu xanh, đỏ, vàng (Led), vỏ hộp và tay đỡ bóng nhựa ABS	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	11.278.400	11.278.400	11.278.400	11.278.400	11.278.400	11.278.400	11.278.400	11.278.400	11.278.400
2078	Vật tư ngành điện	Đèn LED THGT 3 x D100, 3 màu xanh, đỏ, vàng D100 (Led), vỏ hộp và tay đỡ bóng nhựa ABS	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7.784.000	7.784.000	7.784.000	7.784.000	7.784.000	7.784.000	7.784.000	7.784.000	7.784.000
2079	Vật tư ngành điện	Đèn LED THGT 3 x D200, 3 màu xanh, đỏ, vàng D200 (Led), vỏ hộp và tay đỡ bóng nhựa ABS	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	9.484.000	9.484.000	9.484.000	9.484.000	9.484.000	9.484.000	9.484.000	9.484.000	9.484.000
2080	Vật tư ngành điện	Đèn LED THGT 3 x D300, 3 màu xanh, đỏ, vàng, D300 (Led), vỏ hộp và tay đỡ bóng nhựa ABS	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	11.158.000	11.158.000	11.158.000	11.158.000	11.158.000	11.158.000	11.158.000	11.158.000	11.158.000
2081	Vật tư ngành điện	Đèn LED mũi tên chỉ hướng D300 (Led)	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.060.000	4.060.000	4.060.000	4.060.000	4.060.000	4.060.000	4.060.000	4.060.000	4.060.000
2082	Vật tư ngành điện	Đèn LED chữ thập D200 (Led), vỏ hộp và tay đỡ bóng nhựa ABS	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.452.000	4.452.000	4.452.000	4.452.000	4.452.000	4.452.000	4.452.000	4.452.000	4.452.000
2083	Vật tư ngành điện	Đèn LED Chữ thập D300 (Led), vỏ hộp và tay đỡ bóng nhựa ABS	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.068.000	5.068.000	5.068.000	5.068.000	5.068.000	5.068.000	5.068.000	5.068.000	5.068.000
2084	Vật tư ngành điện	Đèn LED Đếm ngược D300 (Led) vỏ hộp và tay đỡ bóng nhựa ABS	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.752.000	4.752.000	4.752.000	4.752.000	4.752.000	4.752.000	4.752.000	4.752.000	4.752.000
2085	Vật tư ngành điện	Đèn LED Đếm ngược D400 (Led) vỏ hộp và tay đỡ bóng nhựa ABS	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.180.000	6.180.000	6.180.000	6.180.000	6.180.000	6.180.000	6.180.000	6.180.000	6.180.000
2086	Vật tư ngành điện	Đèn LED Đếm ngược D600 (Led) vỏ hộp và tay đỡ thép sơn tĩnh điện	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8.400.000	8.400.000	8.400.000	8.400.000	8.400.000	8.400.000	8.400.000	8.400.000	8.400.000
2087	Vật tư ngành điện	Đèn LED Đi bộ 2 x D200 (Led hình người đỏ, xanh), vỏ hộp và tay nhựa ABS	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.860.000	6.860.000	6.860.000	6.860.000	6.860.000	6.860.000	6.860.000	6.860.000	6.860.000
2088	Vật tư ngành điện	Đèn LED Đi bộ D300 (Led hình người đỏ, xanh), vỏ hộp và tay nhựa ABS	cái	(TCVN 7722-1:2017), (TCVN 7722-2-3:2019), (ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.130.000	4.130.000	4.130.000	4.130.000	4.130.000	4.130.000	4.130.000	4.130.000	4.130.000
2089	Vật tư ngành điện	Trụ tủ điều khiển tín hiệu giao thông 03 pha, ổn áp 2000VA, UPS 1400VA, KT: (1000x800x450)mm	cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	73.500.000	73.500.000	73.500.000	73.500.000	73.500.000	73.500.000	73.500.000	73.500.000	73.500.000
2090	Vật tư ngành điện	Tủ điều khiển tín hiệu giao thông 02 pha, ổn áp 2000VA, KT: (1000x800x450)mm	cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	45.500.000	45.500.000	45.500.000	45.500.000	45.500.000	45.500.000	45.500.000	45.500.000	45.500.000
2091	Vật tư ngành điện	Tủ điện điều khiển chiếu sáng trọn bộ 30A-32A-40A-50A (vỏ tủ tôn dày 1,2-1,5-2mm)	cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	16.590.000	16.590.000	16.590.000	16.590.000	16.590.000	16.590.000	16.590.000	16.590.000	16.590.000
2092	Vật tư ngành điện	Tủ điện điều khiển chiếu sáng trọn bộ có ngăn chống tôn thất 60A-63A-75A-80A (vỏ tủ tôn dày 1,2-1,5-2mm)	cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	17.430.000	17.430.000	17.430.000	17.430.000	17.430.000	17.430.000	17.430.000	17.430.000	17.430.000
2093	Vật tư ngành điện	Tủ điện điều khiển chiếu sáng trọn bộ có ngăn chống tôn thất 100A-150A (vỏ tủ tôn dày 1,2-1,5-2mm)	cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	19.530.000	19.530.000	19.530.000	19.530.000	19.530.000	19.530.000	19.530.000	19.530.000	19.530.000
2094	Vật tư ngành điện	Tủ điện phân phối 3-12 công tơ trọn bộ 100A-150A-200A (vỏ tủ tôn dày 1,2-1,5mm)	cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	17.990.000	17.990.000	17.990.000	17.990.000	17.990.000	17.990.000	17.990.000	17.990.000	17.990.000
2095	Vật tư ngành điện	Tủ điện phân phối 3-12 công tơ trọn bộ 100A-150A-200A (vỏ tủ tôn dày 2mm)	cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	20.930.000	20.930.000	20.930.000	20.930.000	20.930.000	20.930.000	20.930.000	20.930.000	20.930.000
2096	Vật tư ngành điện	Tủ điện phân phối 3-12 công tơ trọn bộ 250A-300A (vỏ tủ tôn dày 2mm)	cái	(ISO 14001:2015), (ISO 9001:2015)		Công ty TNHH Thiết bị điện và chiếu sáng Miền Bắc (SĐT: 0868.496.188). Công văn đề nghị công bố giá số 260801TN/CV-MB ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	26.530.000	26.530.000	26.530.000	26.530.000	26.530.000	26.530.000	26.530.000	26.530.000	26.530.000
2097	Vật tư ngành nước	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 220 x 5.6mm PN6 - 4m	m	AS/NZS 1477:2006/QCVN 16:2019/BXD/BS EN ISO 1452-2:2009	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 220 x 5.6mm PN6 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	388.300	388.300	388.300	388.300	388.300	388.300	388.300	388.300	388.300
2098	Vật tư ngành nước	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 168 x 4.5mm PN6 - 4m	m	AS/NZS 1477:2006/QCVN 16:2019/BXD/BS EN ISO 1452-2:2009	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 168 x 4.5mm PN6 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	243.600	243.600	243.600	243.600	243.600	243.600	243.600	243.600	243.600

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
2099	Vật tư ngành nước	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 114 x 3.1mm PN6 - 4m	m	AS/NZS 1477:2006/QCVN 16:2019/BXD/BS EN ISO 1452-2:2009	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 114 x 3.1mm PN6 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	114.400	114.400	114.400	114.400	114.400	114.400	114.400	114.400	114.400
2100	Vật tư ngành nước	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 90 x 2.6mm PN6 - 4m	m	AS/NZS 1477:2006/QCVN 16:2019/BXD/BS EN ISO 1452-2:2009	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 90 x 2.6mm PN6 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	76.000	76.000	76.000	76.000	76.000	76.000	76.000	76.000	76.000
2101	Vật tư ngành nước	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 60 x 2.5mm PN9 - 4m	m	AS/NZS 1477:2006/QCVN 16:2019/BXD/BS EN ISO 1452-2:2009	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 60 x 2.5mm PN9 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	48.700	48.700	48.700	48.700	48.700	48.700	48.700	48.700	48.700
2102	Vật tư ngành nước	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 49 x 2.1mm PN9 - 4m	m	AS/NZS 1477:2006/QCVN 16:2019/BXD/BS EN ISO 1452-2:2009	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 49 x 2.1mm PN9 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	32.400	32.400	32.400	32.400	32.400	32.400	32.400	32.400	32.400
2103	Vật tư ngành nước	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 42 x 1.9mm PN9 - 4m	m	AS/NZS 1477:2006/QCVN 16:2019/BXD/BS EN ISO 1452-2:2009	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 42 x 1.9mm PN9 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900
2104	Vật tư ngành nước	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 34 x 1.6mm PN10 - 4m	m	AS/NZS 1477:2006/QCVN 16:2019/BXD/BS EN ISO 1452-2:2009	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 34 x 1.6mm PN10 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000
2105	Vật tư ngành nước	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 27 x 1.6mm PN12 - 4m	m	AS/NZS 1477:2006/QCVN 16:2019/BXD/BS EN ISO 1452-2:2009	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 27 x 1.6mm PN12 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	13.700	13.700	13.700	13.700	13.700	13.700	13.700	13.700	13.700
2106	Vật tư ngành nước	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 21 x 1.3mm PN12 - 4m	m	AS/NZS 1477:2006/QCVN 16:2019/BXD/BS EN ISO 1452-2:2009	Ống PVC-U hệ inch(BS) DN 21 x 1.3mm PN12 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	9.500	9.500	9.500	9.500	9.500	9.500	9.500	9.500	9.500
2107	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 25 x 2.8mm PN10 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 25 x 2.8mm PN10 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	29.000	29.000	29.000	29.000	29.000	29.000	29.000	29.000	29.000
2108	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 32 x 2.9mm PN10 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 32 x 2.9mm PN10 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	37.600	37.600	37.600	37.600	37.600	37.600	37.600	37.600	37.600
2109	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 50 x 4.6mm PN10 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 50 x 4.6mm PN10 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	73.900	73.900	73.900	73.900	73.900	73.900	73.900	73.900	73.900
2110	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 20 x 3.4mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 20 x 3.4mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	20.100	20.100	20.100	20.100	20.100	20.100	20.100	20.100	20.100
2111	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 25 x 4.2mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 25 x 4.2mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	35.200	35.200	35.200	35.200	35.200	35.200	35.200	35.200	35.200
2112	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 40 x 6.7mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 40 x 6.7mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300	80.300
2113	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 50 x 8.3mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 50 x 8.3mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	124.700	124.700	124.700	124.700	124.700	124.700	124.700	124.700	124.700
2114	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 63 x 10.5mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 63 x 10.5mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	196.600	196.600	196.600	196.600	196.600	196.600	196.600	196.600	196.600
2115	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 75 x 12.5mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 75 x 12.5mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	272.300	272.300	272.300	272.300	272.300	272.300	272.300	272.300	272.300
2116	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 90 x 15mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 90 x 15mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	407.100	407.100	407.100	407.100	407.100	407.100	407.100	407.100	407.100
2117	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 110 x 18.3mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 110 x 18.3mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	573.100	573.100	573.100	573.100	573.100	573.100	573.100	573.100	573.100
2118	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 125 x 20.8mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 125 x 20.8mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	771.200	771.200	771.200	771.200	771.200	771.200	771.200	771.200	771.200
2119	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 140 x 23.3mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 140 x 23.3mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	979.500	979.500	979.500	979.500	979.500	979.500	979.500	979.500	979.500
2120	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 160 x 26.6mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 160 x 26.6mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.302.600	1.302.600	1.302.600	1.302.600	1.302.600	1.302.600	1.302.600	1.302.600	1.302.600
2121	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 180 x 24.6mm PN16 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 180 x 24.6mm PN16 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.742.300	1.742.300	1.742.300	1.742.300	1.742.300	1.742.300	1.742.300	1.742.300	1.742.300

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
2122	Vật tư ngành nước	Ống PP-R DN 200 x 33.2mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R DN 200 x 33.2mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.521.800	2.521.800	2.521.800	2.521.800	2.521.800	2.521.800	2.521.800	2.521.800	2.521.800
2123	Vật tư ngành nước	Ống PP-R-UV DN 25 x 4.2mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R-UV DN 25 x 4.2mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	42.300	42.300	42.300	42.300	42.300	42.300	42.300	42.300	42.300
2124	Vật tư ngành nước	Ống PP-R-UV DN 32 x 5.4mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R-UV DN 32 x 5.4mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	62.200	62.200	62.200	62.200	62.200	62.200	62.200	62.200	62.200
2125	Vật tư ngành nước	Ống PP-R-UV DN 40 x 6.7mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R-UV DN 40 x 6.7mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	96.300	96.300	96.300	96.300	96.300	96.300	96.300	96.300	96.300
2126	Vật tư ngành nước	Ống PP-R-UV DN 50 x 8.3mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R-UV DN 50 x 8.3mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	149.600	149.600	149.600	149.600	149.600	149.600	149.600	149.600	149.600
2127	Vật tư ngành nước	Ống PP-R-UV DN 63 x 10.5mm PN20 - 4m	m	QCVN 16:2019/BXD/DIN 16962-5:2000-04/DIN 8077:2008 & DIN 8078:2008/DIN 8077:2008-09 & DIN 9078:2008-09	Ống PP-R-UV DN 63 x 10.5mm PN20 - 4m	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 29/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	235.900	235.900	235.900	235.900	235.900	235.900	235.900	235.900	235.900
2128	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 25 x 2.3mm PN16	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-13 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 25 x 2.3mm PN16	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	13.200	13.200	13.200	13.200	13.200	13.200	13.200	13.200	13.200
2129	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 50 x 3.0mm PN10	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-13 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 50 x 3.0mm PN10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	34.700	34.700	34.700	34.700	34.700	34.700	34.700	34.700	34.700
2130	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 63 x 3.0mm PN8	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-13 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 63 x 3.0mm PN8	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	45.100	45.100	45.100	45.100	45.100	45.100	45.100	45.100	45.100
2131	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 90 x 5.4mm PN10	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-13 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 90 x 5.4mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	112.200	112.200	112.200	112.200	112.200	112.200	112.200	112.200	112.200
2132	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 110 x 6.6mm PN10	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-13 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 110 x 6.6mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000
2133	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 125 x 7.4mm PN10	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-13 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 125 x 7.4mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	214.600	214.600	214.600	214.600	214.600	214.600	214.600	214.600	214.600
2134	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 140 x 8.3mm PN10	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-13 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 140 x 8.3mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	267.900	267.900	267.900	267.900	267.900	267.900	267.900	267.900	267.900
2135	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 160 x 9.5mm PN10	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-13 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 160 x 9.5mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000
2136	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 180 x 10.7mm PN10 - 6m	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-	Ống HDPE (PE100) DN 180 x 10.7mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	443.100	443.100	443.100	443.100	443.100	443.100	443.100	443.100	443.100
2137	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 200 x 11.9mm PN10	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-	Ống HDPE (PE100) DN 200 x 11.9mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	555.300	555.300	555.300	555.300	555.300	555.300	555.300	555.300	555.300
2138	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 225 x 13.4mm PN10	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-	Ống HDPE (PE100) DN 225 x 13.4mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	682.600	682.600	682.600	682.600	682.600	682.600	682.600	682.600	682.600
2139	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 250 x 14.8mm PN10	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-	Ống HDPE (PE100) DN 250 x 14.8mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	845.700	845.700	845.700	845.700	845.700	845.700	845.700	845.700	845.700
2140	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 280 x 16.6mm PN10 - 6m	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-	Ống HDPE (PE100) DN 280 x 16.6mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.053.800	1.053.800	1.053.800	1.053.800	1.053.800	1.053.800	1.053.800	1.053.800	1.053.800
2141	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 315 x 18.7mm PN10	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-	Ống HDPE (PE100) DN 315 x 18.7mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.341.800	1.341.800	1.341.800	1.341.800	1.341.800	1.341.800	1.341.800	1.341.800	1.341.800
2142	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 355 x 21.1mm PN10	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-	Ống HDPE (PE100) DN 355 x 21.1mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.705.200	1.705.200	1.705.200	1.705.200	1.705.200	1.705.200	1.705.200	1.705.200	1.705.200
2143	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 400 x 23.7mm PN10	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-	Ống HDPE (PE100) DN 400 x 23.7mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.166.800	2.166.800	2.166.800	2.166.800	2.166.800	2.166.800	2.166.800	2.166.800	2.166.800
2144	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 450 x 26.7mm PN10 - 6m	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-	Ống HDPE (PE100) DN 450 x 26.7mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.373.900	2.373.900	2.373.900	2.373.900	2.373.900	2.373.900	2.373.900	2.373.900	2.373.900
2145	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 500 x 29.7mm PN10 - 6m	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-	Ống HDPE (PE100) DN 500 x 29.7mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.404.800	3.404.800	3.404.800	3.404.800	3.404.800	3.404.800	3.404.800	3.404.800	3.404.800

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
2146	Vật tư ngành nước	Ống HDPE (PE100) DN 1000 x 59.3mm PN10 - 6m	m	ASTM F714-13/ISO 1452-2:2009/ISO 4427-2:2019/AS/NZS 4130:2018/QCVN 16:2019/BXD/DIN 8074:2011-12 & DIN 8075:2011-12	Ống HDPE (PE100) DN 1000 x 59.3mm PN 10	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	14.688.400	14.688.400	14.688.400	14.688.400	14.688.400	14.688.400	14.688.400	14.688.400	14.688.400
2147	Vật tư ngành nước	Ống gân sóng HDPE 2 lớp DN 200 SN 4 - 6m	m	QCVN 16:2019/BXD/TCVN 11821-3:2017 / ISO 21138-3:2007	Ống HDPE gân sóng 2 lớp Ø200 SN4	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	511.900	511.900	511.900	511.900	511.900	511.900	511.900	511.900	511.900
2148	Vật tư ngành nước	Ống gân sóng HDPE 2 lớp DN 300 SN 4 - 6m	m	QCVN 16:2019/BXD/TCVN 11821-3:2017 / ISO 21138-3:2007	Ống HDPE gân sóng 2 lớp Ø300 SN4	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 17/07/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	725.700	725.700	725.700	725.700	725.700	725.700	725.700	725.700	725.700
2149	Vật tư ngành nước	Hộp kiểm soát kỹ thuật hai nhánh PVC-U ST 110-160	cái	TCVN 12755:2020	Hộp kiểm soát kỹ thuật hai nhánh PVC-U ST 110-160	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	598.300	598.300	598.300	598.300	598.300	598.300	598.300	598.300	598.300
2150	Vật tư ngành nước	Hộp kiểm soát kỹ thuật hai nhánh PVC-U SE DN 110x110P-225	cái	TCVN 12755:2020	Hộp kiểm soát kỹ thuật hai nhánh PVC-U SE DN 110x110P-225	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	800.900	800.900	800.900	800.900	800.900	800.900	800.900	800.900	800.900
2151	Vật tư ngành nước	Hộp kiểm soát kỹ thuật bốn nhánh PVC-U (ISO-JIS) 90WY 110x160-200	cái	TCVN 12755:2020	Hộp kiểm soát kỹ thuật bốn nhánh PVC-U (ISO-JIS) 90WY 110x160-200	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.444.000	1.444.000	1.444.000	1.444.000	1.444.000	1.444.000	1.444.000	1.444.000	1.444.000
2152	Vật tư ngành nước	Hộp kiểm soát kỹ thuật bốn nhánh PVC-U (ISO-JIS) 90WY 160x160-200	cái	TCVN 12755:2020	Hộp kiểm soát kỹ thuật bốn nhánh PVC-U (ISO-JIS) 90WY 160x160-200	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.723.300	1.723.300	1.723.300	1.723.300	1.723.300	1.723.300	1.723.300	1.723.300	1.723.300
2153	Vật tư ngành nước	Nắp hố ga (hộp kiểm soát) nhựa màu xám AO 200G	cái	TCVN 12755:2020	Nắp hố ga (hộp kiểm soát) nhựa màu xám AO 200G	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.026.300	1.026.300	1.026.300	1.026.300	1.026.300	1.026.300	1.026.300	1.026.300	1.026.300
2154	Vật tư ngành nước	Keo dán PVC-U 500gr(có chổi)	cái	QCVN 16:2019/BXD	Keo dán uPVC 500gr(có chổi)	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	86.400	86.400	86.400	86.400	86.400	86.400	86.400	86.400	86.400
2155	Vật tư ngành nước	Keo dán PVC-U 1000gr(có chổi)	cái	QCVN 16:2019/BXD	Keo dán uPVC 1000gr(có chổi)	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	173.000	173.000	173.000	173.000	173.000	173.000	173.000	173.000	173.000
2156	Vật tư ngành nước	Van cầu nhựa PVC-U BS DN 21	cái	QCVN 16:2019/BXD/BS EN ISO 1452-3:2009	Van cầu nhựa uPVC BS DN 21	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	22.500	22.500	22.500	22.500	22.500	22.500	22.500	22.500	22.500
2157	Vật tư ngành nước	Van cầu nhựa PVC-U BS DN 27	cái	QCVN 16:2019/BXD/BS EN ISO 1452-3:2009	Van cầu nhựa uPVC BS DN 27	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	26.200	26.200	26.200	26.200	26.200	26.200	26.200	26.200	26.200
2158	Vật tư ngành nước	Van cầu nhựa PVC-U BS DN 34	cái	QCVN 16:2019/BXD/BS EN ISO 1452-3:2009	Van cầu nhựa uPVC BS DN 34	Công ty CP Nhựa Thiếu Niên Tiền Phong phía Nam. Địa chỉ nhà máy sản xuất: Lô C2, Khu CN Đồng An 2, P. Bình Dương, TP.HCM - Sđt: 0933 170 171. (Công văn số 03/CV/TPN-26 ngày 17 tháng 07 năm 2026)	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Giá áp dụng từ ngày 18/06/2026 tới khi có thông báo mới	Giá không đổi	44.700	44.700	44.700	44.700	44.700	44.700	44.700	44.700	44.700
2159	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN10 (Ống hàn nhiệt) Φ20mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 2,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn toàn tỉnh Tây Ninh	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000
2160	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN10 (Ống hàn nhiệt) Φ25mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 2,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	64.200	64.200	64.200	64.200	64.200	64.200	64.200	64.200	64.200
2161	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN10 (Ống hàn nhiệt)Φ32mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 2,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	83.500	83.500	83.500	83.500	83.500	83.500	83.500	83.500	83.500
2162	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN10 (Ống hàn nhiệt)Φ40mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 3,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	111.900	111.900	111.900	111.900	111.900	111.900	111.900	111.900	111.900
2163	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN10 (Ống hàn nhiệt)Φ50mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 4,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	164.200	164.200	164.200	164.200	164.200	164.200	164.200	164.200	164.200
2164	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN10 (Ống hàn nhiệt)Φ63mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 5,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	261.800	261.800	261.800	261.800	261.800	261.800	261.800	261.800	261.800
2165	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN10 (Ống hàn nhiệt)Φ75mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 6,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	365.400	365.400	365.400	365.400	365.400	365.400	365.400	365.400	365.400
2166	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN10 (Ống hàn nhiệt)Φ90mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 8,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	530.000	530.000	530.000	530.000	530.000	530.000	530.000	530.000	530.000
2167	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN10 (Ống hàn nhiệt)Φ110mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 10mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	847.900	847.900	847.900	847.900	847.900	847.900	847.900	847.900	847.900
2168	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN10 (Ống hàn nhiệt)Φ125mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 11,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.049.800	1.049.800	1.049.800	1.049.800	1.049.800	1.049.800	1.049.800	1.049.800	1.049.800

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
2169	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN10 (Ống hàn nhiệt)Φ140mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 12,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.296.000	1.296.000	1.296.000	1.296.000	1.296.000	1.296.000	1.296.000	1.296.000	1.296.000
2170	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN10 (Ống hàn nhiệt)Φ160mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 14,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.761.400	1.761.400	1.761.400	1.761.400	1.761.400	1.761.400	1.761.400	1.761.400	1.761.400
2171	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN10 (Ống hàn nhiệt)Φ180mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 16,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.785.000	2.785.000	2.785.000	2.785.000	2.785.000	2.785.000	2.785.000	2.785.000	2.785.000
2172	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN10 (Ống hàn nhiệt)Φ200mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 18,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.379.200	3.379.200	3.379.200	3.379.200	3.379.200	3.379.200	3.379.200	3.379.200	3.379.200
2173	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN16 (Ống hàn nhiệt)Φ20mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 2,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	40.200	40.200	40.200	40.200	40.200	40.200	40.200	40.200	40.200
2174	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN16 (Ống hàn nhiệt)Φ25mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 4,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	74.100	74.100	74.100	74.100	74.100	74.100	74.100	74.100	74.100
2175	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN16 (Ống hàn nhiệt)Φ32mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 4,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	100.400	100.400	100.400	100.400	100.400	100.400	100.400	100.400	100.400
2176	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN16 (Ống hàn nhiệt)Φ40mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 5,5mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	135.900	135.900	135.900	135.900	135.900	135.900	135.900	135.900	135.900
2177	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN16 (Ống hàn nhiệt)Φ50mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 6,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	216.200	216.200	216.200	216.200	216.200	216.200	216.200	216.200	216.200
2178	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN16 (Ống hàn nhiệt)Φ63mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 8,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	339.700	339.700	339.700	339.700	339.700	339.700	339.700	339.700	339.700
2179	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN16 (Ống hàn nhiệt)Φ75mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 10,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	463.200	463.200	463.200	463.200	463.200	463.200	463.200	463.200	463.200
2180	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN16 (Ống hàn nhiệt)Φ90mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 12,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	648.400	648.400	648.400	648.400	648.400	648.400	648.400	648.400	648.400
2181	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN16 (Ống hàn nhiệt)Φ110mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 15,1mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	988.000	988.000	988.000	988.000	988.000	988.000	988.000	988.000	988.000
2182	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN16 (Ống hàn nhiệt)Φ125mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 17,1mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.281.400	1.281.400	1.281.400	1.281.400	1.281.400	1.281.400	1.281.400	1.281.400	1.281.400
2183	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN16 (Ống hàn nhiệt)Φ140mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 19,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.559.200	1.559.200	1.559.200	1.559.200	1.559.200	1.559.200	1.559.200	1.559.200	1.559.200
2184	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN16 (Ống hàn nhiệt)Φ160mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 21,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.161.300	2.161.300	2.161.300	2.161.300	2.161.300	2.161.300	2.161.300	2.161.300	2.161.300
2185	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN16 (Ống hàn nhiệt)Φ180mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 24,5mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.871.800	3.871.800	3.871.800	3.871.800	3.871.800	3.871.800	3.871.800	3.871.800	3.871.800
2186	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR-PN16 (Ống hàn nhiệt)Φ200mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 27,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.788.700	4.788.700	4.788.700	4.788.700	4.788.700	4.788.700	4.788.700	4.788.700	4.788.700
2187	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR -PN20(Ống hàn nhiệt)Φ20mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 3,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	44.600	44.600	44.600	44.600	44.600	44.600	44.600	44.600	44.600
2188	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR -PN20(Ống hàn nhiệt)Φ25mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 4,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	78.900	78.900	78.900	78.900	78.900	78.900	78.900	78.900	78.900
2189	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR -PN20(Ống hàn nhiệt)Φ32mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 5,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	115.200	115.200	115.200	115.200	115.200	115.200	115.200	115.200	115.200
2190	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR -PN20(Ống hàn nhiệt)Φ40mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 6,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	178.400	178.400	178.400	178.400	178.400	178.400	178.400	178.400	178.400
2191	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR -PN20(Ống hàn nhiệt)Φ50mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 8,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	277.300	277.300	277.300	277.300	277.300	277.300	277.300	277.300	277.300

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
2192	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR -PN20(Ống hàn nhiệt)Φ63mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 10,5mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	437.700	437.700	437.700	437.700	437.700	437.700	437.700	437.700	437.700
2193	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR -PN20(Ống hàn nhiệt)Φ75mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 12,5mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	620.600	620.600	620.600	620.600	620.600	620.600	620.600	620.600	620.600
2194	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR -PN20(Ống hàn nhiệt)Φ90mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 15,0mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	904.400	904.400	904.400	904.400	904.400	904.400	904.400	904.400	904.400
2195	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR -PN20(Ống hàn nhiệt)Φ110mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 18,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.338.900	1.338.900	1.338.900	1.338.900	1.338.900	1.338.900	1.338.900	1.338.900	1.338.900
2196	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR -PN20(Ống hàn nhiệt)Φ125mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 20,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.726.500	1.726.500	1.726.500	1.726.500	1.726.500	1.726.500	1.726.500	1.726.500	1.726.500
2197	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR -PN20(Ống hàn nhiệt)Φ140mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 23,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.177.600	2.177.600	2.177.600	2.177.600	2.177.600	2.177.600	2.177.600	2.177.600	2.177.600
2198	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR -PN20(Ống hàn nhiệt)Φ160mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 26,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.891.200	2.891.200	2.891.200	2.891.200	2.891.200	2.891.200	2.891.200	2.891.200	2.891.200
2199	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR -PN20(Ống hàn nhiệt)Φ180mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 29,0mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.736.600	4.736.600	4.736.600	4.736.600	4.736.600	4.736.600	4.736.600	4.736.600	4.736.600
2200	Vật tư ngành nước	Ống nhựa PPR -PN20(Ống hàn nhiệt)Φ200mm	m	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874	dày 33,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	5.884.200	5.884.200	5.884.200	5.884.200	5.884.200	5.884.200	5.884.200	5.884.200	5.884.200
2201	Vật tư ngành nước	ống tránh Φ20mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100	23.100
2202	Vật tư ngành nước	ống tránh Φ25mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	38.600	38.600	38.600	38.600	38.600	38.600	38.600	38.600	38.600
2203	Vật tư ngành nước	Cút 90° Φ20mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000
2204	Vật tư ngành nước	Cút 90° Φ25mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000
2205	Vật tư ngành nước	Cút 90° Φ32mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700
2206	Vật tư ngành nước	Cút 90° Φ40mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	34.300	34.300	34.300	34.300	34.300	34.300	34.300	34.300	34.300
2207	Vật tư ngành nước	Cút 90° Φ50mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	59.700	59.700	59.700	59.700	59.700	59.700	59.700	59.700	59.700
2208	Vật tư ngành nước	Cút 90° Φ63mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	182.700	182.700	182.700	182.700	182.700	182.700	182.700	182.700	182.700
2209	Vật tư ngành nước	Cút 90° Φ75mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	237.600	237.600	237.600	237.600	237.600	237.600	237.600	237.600	237.600
2210	Vật tư ngành nước	Cút 90° Φ90mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	373.900	373.900	373.900	373.900	373.900	373.900	373.900	373.900	373.900
2211	Vật tư ngành nước	Cút 90° Φ110mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	675.100	675.100	675.100	675.100	675.100	675.100	675.100	675.100	675.100
2212	Vật tư ngành nước	Măng sông Φ20mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700
2213	Vật tư ngành nước	Măng sông Φ25mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	7.900	7.900	7.900	7.900	7.900	7.900	7.900	7.900	7.900
2214	Vật tư ngành nước	Măng sông Φ32mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	12.400	12.400	12.400	12.400	12.400	12.400	12.400	12.400	12.400

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
2215	Vật tư ngành nước	Măng sông Φ40mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	19.800	19.800	19.800	19.800	19.800	19.800	19.800	19.800	19.800
2216	Vật tư ngành nước	Măng sông Φ50mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	35.900	35.900	35.900	35.900	35.900	35.900	35.900	35.900	35.900
2217	Vật tư ngành nước	Măng sông Φ63mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	75.100	75.100	75.100	75.100	75.100	75.100	75.100	75.100	75.100
2218	Vật tư ngành nước	Măng sông Φ75mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	119.100	119.100	119.100	119.100	119.100	119.100	119.100	119.100	119.100
2219	Vật tư ngành nước	Măng sông Φ90mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	201.500	201.500	201.500	201.500	201.500	201.500	201.500	201.500	201.500
2220	Vật tư ngành nước	Măng sông Φ110mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	326.800	326.800	326.800	326.800	326.800	326.800	326.800	326.800	326.800
2221	Vật tư ngành nước	Chếch 45° Φ20mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400
2222	Vật tư ngành nước	Chếch 45° Φ25mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000
2223	Vật tư ngành nước	Chếch 45° Φ32mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100
2224	Vật tư ngành nước	Chếch 45° Φ40mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	35.600	35.600	35.600	35.600	35.600	35.600	35.600	35.600	35.600
2225	Vật tư ngành nước	Chếch 45° Φ50mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	68.100	68.100	68.100	68.100	68.100	68.100	68.100	68.100	68.100
2226	Vật tư ngành nước	Chếch 45° Φ63mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	158.000	158.000	158.000	158.000	158.000	158.000	158.000	158.000	158.000
2227	Vật tư ngành nước	Chếch 45° Φ750mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	239.700	239.700	239.700	239.700	239.700	239.700	239.700	239.700	239.700
2228	Vật tư ngành nước	Chếch 45° Φ90mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	299.000	299.000	299.000	299.000	299.000	299.000	299.000	299.000	299.000
2229	Vật tư ngành nước	Chếch 45° Φ110mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	497.300	497.300	497.300	497.300	497.300	497.300	497.300	497.300	497.300
2230	Vật tư ngành nước	Tê Φ20mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500
2231	Vật tư ngành nước	Tê Φ25mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300
2232	Vật tư ngành nước	Tê Φ32mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	26.800	26.800	26.800	26.800	26.800	26.800	26.800	26.800	26.800
2233	Vật tư ngành nước	Tê Φ40mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	42.900	42.900	42.900	42.900	42.900	42.900	42.900	42.900	42.900
2234	Vật tư ngành nước	Tê Φ50mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	85.500	85.500	85.500	85.500	85.500	85.500	85.500	85.500	85.500
2235	Vật tư ngành nước	Tê Φ63mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	205.400	205.400	205.400	205.400	205.400	205.400	205.400	205.400	205.400
2236	Vật tư ngành nước	Tê Φ75mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	256.900	256.900	256.900	256.900	256.900	256.900	256.900	256.900	256.900
2237	Vật tư ngành nước	Tê Φ90mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	406.000	406.000	406.000	406.000	406.000	406.000	406.000	406.000	406.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
2238	Vật tư ngành nước	Tê Φ110mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	717.900	717.900	717.900	717.900	717.900	717.900	717.900	717.900	717.900
2239	Vật tư ngành nước	Côn thu Φ25mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400
2240	Vật tư ngành nước	Côn thu Φ32mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500
2241	Vật tư ngành nước	Côn thu Φ40mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300
2242	Vật tư ngành nước	Côn thu Φ50mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	29.300	29.300	29.300	29.300	29.300	29.300	29.300	29.300	29.300
2243	Vật tư ngành nước	Côn thu Φ63mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600
2244	Vật tư ngành nước	Côn thu Φ75mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	98.700	98.700	98.700	98.700	98.700	98.700	98.700	98.700	98.700
2245	Vật tư ngành nước	Côn thu Φ90mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	160.200	160.200	160.200	160.200	160.200	160.200	160.200	160.200	160.200
2246	Vật tư ngành nước	Côn thu Φ110mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	283.500	283.500	283.500	283.500	283.500	283.500	283.500	283.500	283.500
2247	Vật tư ngành nước	Tê thu Φ25mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300
2248	Vật tư ngành nước	Tê thu Φ32mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600
2249	Vật tư ngành nước	Tê thu Φ40mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	62.900	62.900	62.900	62.900	62.900	62.900	62.900	62.900	62.900
2250	Vật tư ngành nước	Tê thu Φ50mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	111.500	111.500	111.500	111.500	111.500	111.500	111.500	111.500	111.500
2251	Vật tư ngành nước	Tê thu Φ63mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	194.100	194.100	194.100	194.100	194.100	194.100	194.100	194.100	194.100
2252	Vật tư ngành nước	Tê thu Φ75mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	265.600	265.600	265.600	265.600	265.600	265.600	265.600	265.600	265.600
2253	Vật tư ngành nước	Tê thu Φ90mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	414.100	414.100	414.100	414.100	414.100	414.100	414.100	414.100	414.100
2254	Vật tư ngành nước	Tê thu Φ110mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	699.100	699.100	699.100	699.100	699.100	699.100	699.100	699.100	699.100
2255	Vật tư ngành nước	Bịt Φ20mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400
2256	Vật tư ngành nước	Bịt Φ25mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	7.700	7.700	7.700	7.700	7.700	7.700	7.700	7.700	7.700
2257	Vật tư ngành nước	Bịt Φ32mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500
2258	Vật tư ngành nước	Bịt Φ40mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	15.200	15.200	15.200	15.200	15.200	15.200	15.200	15.200	15.200
2259	Vật tư ngành nước	Bịt Φ50mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600
2260	Vật tư ngành nước	Mặt Bích Φ50mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	46.400	46.400	46.400	46.400	46.400	46.400	46.400	46.400	46.400

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
2261	Vật tư ngành nước	Mặt Bích Φ63mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	59.200	59.200	59.200	59.200	59.200	59.200	59.200	59.200	59.200
2262	Vật tư ngành nước	Mặt Bích Φ75mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500
2263	Vật tư ngành nước	Mặt Bích Φ90mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	152.600	152.600	152.600	152.600	152.600	152.600	152.600	152.600	152.600
2264	Vật tư ngành nước	Mặt Bích Φ110mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	226.200	226.200	226.200	226.200	226.200	226.200	226.200	226.200	226.200
2265	Vật tư ngành nước	Cút ren trong 90° Φ20*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	74.600	74.600	74.600	74.600	74.600	74.600	74.600	74.600	74.600
2266	Vật tư ngành nước	Cút ren trong 90° Φ25*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	84.800	84.800	84.800	84.800	84.800	84.800	84.800	84.800	84.800
2267	Vật tư ngành nước	Cút ren trong 90° Φ25*3/4mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	114.100	114.100	114.100	114.100	114.100	114.100	114.100	114.100	114.100
2268	Vật tư ngành nước	Cút ren trong 90° Φ32*1mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900
2269	Vật tư ngành nước	Cút ren ngoài 90° Φ20*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000
2270	Vật tư ngành nước	Cút ren ngoài 90° Φ25*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	118.700	118.700	118.700	118.700	118.700	118.700	118.700	118.700	118.700
2271	Vật tư ngành nước	Cút ren ngoài 90° Φ25*3/4mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	140.300	140.300	140.300	140.300	140.300	140.300	140.300	140.300	140.300
2272	Vật tư ngành nước	Cút ren ngoài 90° Φ32*1mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	223.300	223.300	223.300	223.300	223.300	223.300	223.300	223.300	223.300
2273	Vật tư ngành nước	Măng sông ren trong Φ20*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	67.100	67.100	67.100	67.100	67.100	67.100	67.100	67.100	67.100
2274	Vật tư ngành nước	Măng sông ren trong Φ25*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	82.000	82.000	82.000	82.000	82.000	82.000	82.000	82.000	82.000
2275	Vật tư ngành nước	Măng sông ren trong Φ25*3/4mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	91.500	91.500	91.500	91.500	91.500	91.500	91.500	91.500	91.500
2276	Vật tư ngành nước	Măng sông ren trong Φ32*1mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	149.200	149.200	149.200	149.200	149.200	149.200	149.200	149.200	149.200
2277	Vật tư ngành nước	Măng sông ren trong Φ40*11/4mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	369.700	369.700	369.700	369.700	369.700	369.700	369.700	369.700	369.700
2278	Vật tư ngành nước	Măng sông ren trong Φ50*11/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	490.500	490.500	490.500	490.500	490.500	490.500	490.500	490.500	490.500
2279	Vật tư ngành nước	Măng sông ren trong Φ63*2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	992.600	992.600	992.600	992.600	992.600	992.600	992.600	992.600	992.600
2280	Vật tư ngành nước	Măng sông ren ngoài Φ20*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	84.900	84.900	84.900	84.900	84.900	84.900	84.900	84.900	84.900
2281	Vật tư ngành nước	Măng sông ren ngoài Φ20*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	97.900	97.900	97.900	97.900	97.900	97.900	97.900	97.900	97.900
2282	Vật tư ngành nước	Măng sông ren ngoài Φ25*3/4mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	118.200	118.200	118.200	118.200	118.200	118.200	118.200	118.200	118.200
2283	Vật tư ngành nước	Măng sông ren ngoài Φ32*1mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	174.700	174.700	174.700	174.700	174.700	174.700	174.700	174.700	174.700

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
2284	Vật tư ngành nước	Măng sông re ngoài Φ40*11/4mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	508.200	508.200	508.200	508.200	508.200	508.200	508.200	508.200	508.200
2285	Vật tư ngành nước	Măng sông ren ngoài Φ50*11/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	635.200	635.200	635.200	635.200	635.200	635.200	635.200	635.200	635.200
2286	Vật tư ngành nước	Măng sông ren ngoài Φ63*2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.076.300	1.076.300	1.076.300	1.076.300	1.076.300	1.076.300	1.076.300	1.076.300	1.076.300
2287	Vật tư ngành nước	Tê ren trong Φ20*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	75.300	75.300	75.300	75.300	75.300	75.300	75.300	75.300	75.300
2288	Vật tư ngành nước	Tê ren trong Φ25*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	80.500	80.500	80.500	80.500	80.500	80.500	80.500	80.500	80.500
2289	Vật tư ngành nước	Tê ren trong Φ25*3/4mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	117.400	117.400	117.400	117.400	117.400	117.400	117.400	117.400	117.400
2290	Vật tư ngành nước	Tê ren ngoài Φ20*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700
2291	Vật tư ngành nước	Tê ren ngoài Φ25*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	100.600	100.600	100.600	100.600	100.600	100.600	100.600	100.600	100.600
2292	Vật tư ngành nước	Tê ren ngoài Φ25*3/4mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	121.700	121.700	121.700	121.700	121.700	121.700	121.700	121.700	121.700
2293	Vật tư ngành nước	Rắc co ren ngoài Φ20*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	179.000	179.000	179.000	179.000	179.000	179.000	179.000	179.000	179.000
2294	Vật tư ngành nước	Rắc co ren ngoài Φ25*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	277.900	277.900	277.900	277.900	277.900	277.900	277.900	277.900	277.900
2295	Vật tư ngành nước	Rắc co ren ngoài Φ25*3/4mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	384.200	384.200	384.200	384.200	384.200	384.200	384.200	384.200	384.200
2296	Vật tư ngành nước	Rắc co ren ngoài Φ32*1mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	438.200	438.200	438.200	438.200	438.200	438.200	438.200	438.200	438.200
2297	Vật tư ngành nước	Rắc co ren ngoài Φ40*11/4mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	650.300	650.300	650.300	650.300	650.300	650.300	650.300	650.300	650.300
2298	Vật tư ngành nước	Rắc co ren ngoài Φ50*11/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.147.600	1.147.600	1.147.600	1.147.600	1.147.600	1.147.600	1.147.600	1.147.600	1.147.600
2299	Vật tư ngành nước	Rắc co ren trong Φ20*1/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	167.800	167.800	167.800	167.800	167.800	167.800	167.800	167.800	167.800
2300	Vật tư ngành nước	Rắc co ren trong Φ25*3/4mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	268.600	268.600	268.600	268.600	268.600	268.600	268.600	268.600	268.600
2301	Vật tư ngành nước	Rắc co ren trong Φ32*1mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	393.800	393.800	393.800	393.800	393.800	393.800	393.800	393.800	393.800
2302	Vật tư ngành nước	Rắc co ren trong Φ40*11/4mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	616.900	616.900	616.900	616.900	616.900	616.900	616.900	616.900	616.900
2303	Vật tư ngành nước	Rắc co ren trong Φ50*11/2mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.074.500	1.074.500	1.074.500	1.074.500	1.074.500	1.074.500	1.074.500	1.074.500	1.074.500
2304	Vật tư ngành nước	Van cửa hàm ếch tay nhựa Φ20mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	262.900	262.900	262.900	262.900	262.900	262.900	262.900	262.900	262.900
2305	Vật tư ngành nước	Van cửa hàm ếch tay nhựa Φ25mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	356.500	356.500	356.500	356.500	356.500	356.500	356.500	356.500	356.500
2306	Vật tư ngành nước	Van cửa hàm ếch tay nhựa Φ32mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	411.100	411.100	411.100	411.100	411.100	411.100	411.100	411.100	411.100

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
2307	Vật tư ngành nước	Van cửa hàm ếch tay nhựa Φ40mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	636.900	636.900	636.900	636.900	636.900	636.900	636.900	636.900	636.900
2308	Vật tư ngành nước	Van cửa hàm ếch tay nhựa Φ50mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.085.100	1.085.100	1.085.100	1.085.100	1.085.100	1.085.100	1.085.100	1.085.100	1.085.100
2309	Vật tư ngành nước	Van cửa đồng tay nhựa Φ20mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	352.800	352.800	352.800	352.800	352.800	352.800	352.800	352.800	352.800
2310	Vật tư ngành nước	Van cửa đồng tay nhựa Φ25mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	405.900	405.900	405.900	405.900	405.900	405.900	405.900	405.900	405.900
2311	Vật tư ngành nước	**Van bi tay ba cạnh**		TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2312	Vật tư ngành nước	Ø20 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	701.400	701.400	701.400	701.400	701.400	701.400	701.400	701.400	701.400
2313	Vật tư ngành nước	Ø25 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	740.600	740.600	740.600	740.600	740.600	740.600	740.600	740.600	740.600
2314	Vật tư ngành nước	**Van bi nhựa**		TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2315	Vật tư ngành nước	Ø20 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	329.700	329.700	329.700	329.700	329.700	329.700	329.700	329.700	329.700
2316	Vật tư ngành nước	Ø25 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	405.900	405.900	405.900	405.900	405.900	405.900	405.900	405.900	405.900
2317	Vật tư ngành nước	**Rắc co**		TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2318	Vật tư ngành nước	Ø20 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	58.800	58.800	58.800	58.800	58.800	58.800	58.800	58.800	58.800
2319	Vật tư ngành nước	Ø25 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	86.500	86.500	86.500	86.500	86.500	86.500	86.500	86.500	86.500
2320	Vật tư ngành nước	Ø32 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	124.400	124.400	124.400	124.400	124.400	124.400	124.400	124.400	124.400
2321	Vật tư ngành nước	Ø40 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	142.900	142.900	142.900	142.900	142.900	142.900	142.900	142.900	142.900
2322	Vật tư ngành nước	Ø50 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	214.600	214.600	214.600	214.600	214.600	214.600	214.600	214.600	214.600
2323	Vật tư ngành nước	**Bộ máy hàn**		TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2324	Vật tư ngành nước	Ø20 mm - Ø50 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.200.000	1.200.000	1.200.000	1.200.000	1.200.000	1.200.000	1.200.000	1.200.000	1.200.000
2325	Vật tư ngành nước	Ø63 mm - Ø110 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.200.000	2.200.000	2.200.000	2.200.000	2.200.000	2.200.000	2.200.000	2.200.000	2.200.000
2326	Vật tư ngành nước	**Đầu hàn**		TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2327	Vật tư ngành nước	Ø20 mm - Ø25 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000
2328	Vật tư ngành nước	Ø32 mm - Ø40 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000
2329	Vật tư ngành nước	Ø50 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	65.000	65.000	65.000	65.000	65.000	65.000	65.000	65.000	65.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
2330	Vật tư ngành nước	Ø63 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	104.000	104.000	104.000	104.000	104.000	104.000	104.000	104.000	104.000
2331	Vật tư ngành nước	Ø75 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000
2332	Vật tư ngành nước	Ø90 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	195.000	195.000	195.000	195.000	195.000	195.000	195.000	195.000	195.000
2333	Vật tư ngành nước	Ø110 mm	cái	TC DIN 8077 - 8078, ISO 15874		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	221.000	221.000	221.000	221.000	221.000	221.000	221.000	221.000	221.000
2334	Vật tư ngành nước	**Ống nhựa HDPE PN8**				Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2335	Vật tư ngành nước	Ø 40	m	T/C DIN 8074-8075	dày 1,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	27.100	27.100	27.100	27.100	27.100	27.100	27.100	27.100	27.100
2336	Vật tư ngành nước	Ø 50	m	T/C DIN 8074-8075	dày 2,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	42.000	42.000	42.000	42.000	42.000	42.000	42.000	42.000	42.000
2337	Vật tư ngành nước	Ø 63	m	T/C DIN 8074-8075	dày 3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	65.100	65.100	65.100	65.100	65.100	65.100	65.100	65.100	65.100
2338	Vật tư ngành nước	Ø 75	m	T/C DIN 8074-8075	dày 3,5mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700
2339	Vật tư ngành nước	Ø 90	m	T/C DIN 8074-8075	dày 4,5mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	146.300	146.300	146.300	146.300	146.300	146.300	146.300	146.300	146.300
2340	Vật tư ngành nước	Ø 110	m	T/C DIN 8074-8075	dày 5,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	196.300	196.300	196.300	196.300	196.300	196.300	196.300	196.300	196.300
2341	Vật tư ngành nước	Ø 125	m	T/C DIN 8074-8075	dày 6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	253.500	253.500	253.500	253.500	253.500	253.500	253.500	253.500	253.500
2342	Vật tư ngành nước	Ø 140	m	T/C DIN 8074-8075	dày 6,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	315.700	315.700	315.700	315.700	315.700	315.700	315.700	315.700	315.700
2343	Vật tư ngành nước	Ø 160	m	T/C DIN 8074-8075	dày 7,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	414.600	414.600	414.600	414.600	414.600	414.600	414.600	414.600	414.600
2344	Vật tư ngành nước	Ø 180	m	T/C DIN 8074-8075	dày 8,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	521.900	521.900	521.900	521.900	521.900	521.900	521.900	521.900	521.900
2345	Vật tư ngành nước	Ø 200	m	T/C DIN 8074-8075	dày 9,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	650.100	650.100	650.100	650.100	650.100	650.100	650.100	650.100	650.100
2346	Vật tư ngành nước	Ø 225	m	T/C DIN 8074-8075	dày 10,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	818.800	818.800	818.800	818.800	818.800	818.800	818.800	818.800	818.800
2347	Vật tư ngành nước	Ø 250	m	T/C DIN 8074-8075	dày 11,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	999.100	999.100	999.100	999.100	999.100	999.100	999.100	999.100	999.100
2348	Vật tư ngành nước	Ø 280	m	T/C DIN 8074-8075	dày 13,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.274.500	1.274.500	1.274.500	1.274.500	1.274.500	1.274.500	1.274.500	1.274.500	1.274.500
2349	Vật tư ngành nước	Ø 315	m	T/C DIN 8074-8075	dày 15mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.596.500	1.596.500	1.596.500	1.596.500	1.596.500	1.596.500	1.596.500	1.596.500	1.596.500
2350	Vật tư ngành nước	Ø 355	m	T/C DIN 8074-8075	dày 16,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.007.700	2.007.700	2.007.700	2.007.700	2.007.700	2.007.700	2.007.700	2.007.700	2.007.700
2351	Vật tư ngành nước	Ø 400	m	T/C DIN 8074-8075	dày 19,1mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.574.600	2.574.600	2.574.600	2.574.600	2.574.600	2.574.600	2.574.600	2.574.600	2.574.600
2352	Vật tư ngành nước	Ø 450	m	T/C DIN 8074-8075	dày 21,5mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.231.700	3.231.700	3.231.700	3.231.700	3.231.700	3.231.700	3.231.700	3.231.700	3.231.700

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
2353	Vật tư ngành nước	Ø 500	m	T/C DIN 8074-8075	dày 23,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.009.100	4.009.100	4.009.100	4.009.100	4.009.100	4.009.100	4.009.100	4.009.100	4.009.100
2354	Vật tư ngành nước	Ø 560	m	T/C DIN 8074-8075	dày 26,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	5.415.700	5.415.700	5.415.700	5.415.700	5.415.700	5.415.700	5.415.700	5.415.700	5.415.700
2355	Vật tư ngành nước	Ø 630	m	T/C DIN 8074-8075	dày 30,0mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	6.842.700	6.842.700	6.842.700	6.842.700	6.842.700	6.842.700	6.842.700	6.842.700	6.842.700
2356	Vật tư ngành nước	Ø 710	m	T/C DIN 8074-8075	dày 33,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	8.724.800	8.724.800	8.724.800	8.724.800	8.724.800	8.724.800	8.724.800	8.724.800	8.724.800
2357	Vật tư ngành nước	Ø 800	m	T/C DIN 8074-8075	dày 38,1mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	11.058.900	11.058.900	11.058.900	11.058.900	11.058.900	11.058.900	11.058.900	11.058.900	11.058.900
2358	Vật tư ngành nước	Ø 900	m	T/C DIN 8074-8075	dày 42,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	13.992.700	13.992.700	13.992.700	13.992.700	13.992.700	13.992.700	13.992.700	13.992.700	13.992.700
2359	Vật tư ngành nước	Ø 1000	m	T/C DIN 8074-8075	dày 47,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	21.216.600	21.216.600	21.216.600	21.216.600	21.216.600	21.216.600	21.216.600	21.216.600	21.216.600
2360	Vật tư ngành nước	Ø 1200	m	T/C DIN 8074-8075	dày 57,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	24.883.200	24.883.200	24.883.200	24.883.200	24.883.200	24.883.200	24.883.200	24.883.200	24.883.200
2361	Vật tư ngành nước	**Ống nhựa HDPE PN10**		T/C DIN 8074-8075		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2362	Vật tư ngành nước	Ø 32	m	T/C DIN 8074-8075	dày 1,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	16.480	16.480	16.480	16.480	16.480	16.480	16.480	16.480	16.480
2363	Vật tư ngành nước	Ø 40	m	T/C DIN 8074-8075	dày 2,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	25.090	25.090	25.090	25.090	25.090	25.090	25.090	25.090	25.090
2364	Vật tư ngành nước	Ø 50	m	T/C DIN 8074-8075	dày 3,0mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	38.520	38.520	38.520	38.520	38.520	38.520	38.520	38.520	38.520
2365	Vật tư ngành nước	Ø 63	m	T/C DIN 8074-8075	dày 3,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	61.570	61.570	61.570	61.570	61.570	61.570	61.570	61.570	61.570
2366	Vật tư ngành nước	Ø 75	m	T/C DIN 8074-8075	dày 4,5mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	87.870	87.870	87.870	87.870	87.870	87.870	87.870	87.870	87.870
2367	Vật tư ngành nước	Ø 90	m	T/C DIN 8074-8075	dày 5,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	124.630	124.630	124.630	124.630	124.630	124.630	124.630	124.630	124.630
2368	Vật tư ngành nước	Ø 110	m	T/C DIN 8074-8075	dày 6,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	188.890	188.890	188.890	188.890	188.890	188.890	188.890	188.890	188.890
2369	Vật tư ngành nước	Ø 125	m	T/C DIN 8074-8075	dày 7,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	238.430	238.430	238.430	238.430	238.430	238.430	238.430	238.430	238.430
2370	Vật tư ngành nước	Ø 140	m	T/C DIN 8074-8075	dày 8,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	297.590	297.590	297.590	297.590	297.590	297.590	297.590	297.590	297.590
2371	Vật tư ngành nước	Ø 160	m	T/C DIN 8074-8075	dày 9,5mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	391.110	391.110	391.110	391.110	391.110	391.110	391.110	391.110	391.110
2372	Vật tư ngành nước	Ø 180	m	T/C DIN 8074-8075	dày 10,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	492.410	492.410	492.410	492.410	492.410	492.410	492.410	492.410	492.410
2373	Vật tư ngành nước	Ø 200	m	T/C DIN 8074-8075	dày 11,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	617.040	617.040	617.040	617.040	617.040	617.040	617.040	617.040	617.040
2374	Vật tư ngành nước	Ø 225	m	T/C DIN 8074-8075	dày 13,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	758.430	758.430	758.430	758.430	758.430	758.430	758.430	758.430	758.430
2375	Vật tư ngành nước	Ø 250	m	T/C DIN 8074-8075	dày 14,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	939.630	939.630	939.630	939.630	939.630	939.630	939.630	939.630	939.630

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
2376	Vật tư ngành nước	Ø 280	m	T/C DIN 8074-8075	dày 16,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.170.830	1.170.830	1.170.830	1.170.830	1.170.830	1.170.830	1.170.830	1.170.830	1.170.830
2377	Vật tư ngành nước	Ø 315	m	T/C DIN 8074-8075	dày 18,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.490.930	1.490.930	1.490.930	1.490.930	1.490.930	1.490.930	1.490.930	1.490.930	1.490.930
2378	Vật tư ngành nước	Ø 355	m	T/C DIN 8074-8075	dày 21,1mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.894.630	1.894.630	1.894.630	1.894.630	1.894.630	1.894.630	1.894.630	1.894.630	1.894.630
2379	Vật tư ngành nước	Ø 400	m	T/C DIN 8074-8075	dày 23,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.407.500	2.407.500	2.407.500	2.407.500	2.407.500	2.407.500	2.407.500	2.407.500	2.407.500
2380	Vật tư ngành nước	Ø 450	m	T/C DIN 8074-8075	dày 26,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.042.130	3.042.130	3.042.130	3.042.130	3.042.130	3.042.130	3.042.130	3.042.130	3.042.130
2381	Vật tư ngành nước	Ø 500	m	T/C DIN 8074-8075	dày 29,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.783.060	3.783.060	3.783.060	3.783.060	3.783.060	3.783.060	3.783.060	3.783.060	3.783.060
2382	Vật tư ngành nước	Ø 560	m	T/C DIN 8074-8075	dày 33,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	5.114.820	5.114.820	5.114.820	5.114.820	5.114.820	5.114.820	5.114.820	5.114.820	5.114.820
2383	Vật tư ngành nước	Ø 630	m	T/C DIN 8074-8075	dày 37,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	6.478.430	6.478.430	6.478.430	6.478.430	6.478.430	6.478.430	6.478.430	6.478.430	6.478.430
2384	Vật tư ngành nước	Ø 710	m	T/C DIN 8074-8075	dày 42.1mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	8.232.960	8.232.960	8.232.960	8.232.960	8.232.960	8.232.960	8.232.960	8.232.960	8.232.960
2385	Vật tư ngành nước	Ø 800	m	T/C DIN 8074-8075	dày 47,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	10.439.820	10.439.820	10.439.820	10.439.820	10.439.820	10.439.820	10.439.820	10.439.820	10.439.820
2386	Vật tư ngành nước	Ø 900	m	T/C DIN 8074-8075	dày 53,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	13.205.650	13.205.650	13.205.650	13.205.650	13.205.650	13.205.650	13.205.650	13.205.650	13.205.650
2387	Vật tư ngành nước	Ø 1000	m	T/C DIN 8074-8075	dày 59,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	16.320.460	16.320.460	16.320.460	16.320.460	16.320.460	16.320.460	16.320.460	16.320.460	16.320.460
2388	Vật tư ngành nước	Ø 1200	m	T/C DIN 8074-8075	dày 67,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	22.481.850	22.481.850	22.481.850	22.481.850	22.481.850	22.481.850	22.481.850	22.481.850	22.481.850
2389	Vật tư ngành nước	**Ống nhựa HDPE PN12,5**		T/C DIN 8074-8075		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2390	Vật tư ngành nước	Ø 25	m	T/C DIN 8074-8075	dày 1,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000
2391	Vật tư ngành nước	Ø 32	m	T/C DIN 8074-8075	dày 2,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	26.100	26.100	26.100	26.100	26.100	26.100	26.100	26.100	26.100
2392	Vật tư ngành nước	Ø 40	m	T/C DIN 8074-8075	dày 3,0mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	39.500	39.500	39.500	39.500	39.500	39.500	39.500	39.500	39.500
2393	Vật tư ngành nước	Ø 50	m	T/C DIN 8074-8075	dày 3,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	60.300	60.300	60.300	60.300	60.300	60.300	60.300	60.300	60.300
2394	Vật tư ngành nước	Ø 63	m	T/C DIN 8074-8075	dày 4,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	97.000	97.000	97.000	97.000	97.000	97.000	97.000	97.000	97.000
2395	Vật tư ngành nước	Ø 75	m	T/C DIN 8074-8075	dày 5,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	137.700	137.700	137.700	137.700	137.700	137.700	137.700	137.700	137.700
2396	Vật tư ngành nước	Ø 90	m	T/C DIN 8074-8075	dày 6,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	195.800	195.800	195.800	195.800	195.800	195.800	195.800	195.800	195.800
2397	Vật tư ngành nước	Ø 110	m	T/C DIN 8074-8075	dày 8,1mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	293.300	293.300	293.300	293.300	293.300	293.300	293.300	293.300	293.300
2398	Vật tư ngành nước	Ø 125	m	T/C DIN 8074-8075	dày 9,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	377.700	377.700	377.700	377.700	377.700	377.700	377.700	377.700	377.700

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
2399	Vật tư ngành nước	Ø 140	m	T/C DIN 8074-8075	dày 10,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	468.600	468.600	468.600	468.600	468.600	468.600	468.600	468.600	468.600
2400	Vật tư ngành nước	Ø 160	m	T/C DIN 8074-8075	dày 11,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	611.500	611.500	611.500	611.500	611.500	611.500	611.500	611.500	611.500
2401	Vật tư ngành nước	Ø 180	m	T/C DIN 8074-8075	dày 13,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	779.500	779.500	779.500	779.500	779.500	779.500	779.500	779.500	779.500
2402	Vật tư ngành nước	Ø 200	m	T/C DIN 8074-8075	dày 14,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	955.300	955.300	955.300	955.300	955.300	955.300	955.300	955.300	955.300
2403	Vật tư ngành nước	Ø 225	m	T/C DIN 8074-8075	dày 16,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.207.600	1.207.600	1.207.600	1.207.600	1.207.600	1.207.600	1.207.600	1.207.600	1.207.600
2404	Vật tư ngành nước	Ø 250	m	T/C DIN 8074-8075	dày 18,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.501.400	1.501.400	1.501.400	1.501.400	1.501.400	1.501.400	1.501.400	1.501.400	1.501.400
2405	Vật tư ngành nước	Ø 280	m	T/C DIN 8074-8075	dày 20,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.882.300	1.882.300	1.882.300	1.882.300	1.882.300	1.882.300	1.882.300	1.882.300	1.882.300
2406	Vật tư ngành nước	Ø 315	m	T/C DIN 8074-8075	dày 23,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.354.300	2.354.300	2.354.300	2.354.300	2.354.300	2.354.300	2.354.300	2.354.300	2.354.300
2407	Vật tư ngành nước	Ø 355	m	T/C DIN 8074-8075	dày 26,1mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.986.000	2.986.000	2.986.000	2.986.000	2.986.000	2.986.000	2.986.000	2.986.000	2.986.000
2408	Vật tư ngành nước	Ø 400	m	T/C DIN 8074-8075	dày 29,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.780.300	3.780.300	3.780.300	3.780.300	3.780.300	3.780.300	3.780.300	3.780.300	3.780.300
2409	Vật tư ngành nước	Ø 450	m	T/C DIN 8074-8075	dày 33,1mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.779.700	4.779.700	4.779.700	4.779.700	4.779.700	4.779.700	4.779.700	4.779.700	4.779.700
2410	Vật tư ngành nước	Ø 500	m	T/C DIN 8074-8075	dày 36,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	5.948.300	5.948.300	5.948.300	5.948.300	5.948.300	5.948.300	5.948.300	5.948.300	5.948.300
2411	Vật tư ngành nước	Ø 560	m	T/C DIN 8074-8075	dày 41,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	8.116.100	8.116.100	8.116.100	8.116.100	8.116.100	8.116.100	8.116.100	8.116.100	8.116.100
2412	Vật tư ngành nước	Ø 630	m	T/C DIN 8074-8075	dày 46,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	10.258.200	10.258.200	10.258.200	10.258.200	10.258.200	10.258.200	10.258.200	10.258.200	10.258.200
2413	Vật tư ngành nước	Ø 710	m	T/C DIN 8074-8075	dày 52,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	13.051.800	13.051.800	13.051.800	13.051.800	13.051.800	13.051.800	13.051.800	13.051.800	13.051.800
2414	Vật tư ngành nước	Ø 800	m	T/C DIN 8074-8075	dày 58,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	13.939.500	13.939.500	13.939.500	13.939.500	13.939.500	13.939.500	13.939.500	13.939.500	13.939.500
2415	Vật tư ngành nước	Ø 900	m	T/C DIN 8074-8075	dày 66,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	20.974.300	20.974.300	20.974.300	20.974.300	20.974.300	20.974.300	20.974.300	20.974.300	20.974.300
2416	Vật tư ngành nước	Ø 1000	m	T/C DIN 8074-8075	dày 72,5mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	25.546.400	25.546.400	25.546.400	25.546.400	25.546.400	25.546.400	25.546.400	25.546.400	25.546.400
2417	Vật tư ngành nước	Ø 1200	m	T/C DIN 8074-8075	dày 88,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	37.252.500	37.252.500	37.252.500	37.252.500	37.252.500	37.252.500	37.252.500	37.252.500	37.252.500
2418	Vật tư ngành nước	**Ống nhựa HDPE PN16**		T/C DIN 8074-8075		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2419	Vật tư ngành nước	Ø 20	m	T/C DIN 8074-8075	dày 1,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500
2420	Vật tư ngành nước	Ø 25	m	T/C DIN 8074-8075	dày 2,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000
2421	Vật tư ngành nước	Ø 32	m	T/C DIN 8074-8075	dày 3,0mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	30.600	30.600	30.600	30.600	30.600	30.600	30.600	30.600	30.600

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
2422	Vật tư ngành nước	Ø 40	m	T/C DIN 8074-8075	dày 3,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	47.400	47.400	47.400	47.400	47.400	47.400	47.400	47.400	47.400
2423	Vật tư ngành nước	Ø 50	m	T/C DIN 8074-8075	dày 4,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	73.500	73.500	73.500	73.500	73.500	73.500	73.500	73.500	73.500
2424	Vật tư ngành nước	Ø 63	m	T/C DIN 8074-8075	dày 5,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	115.700	115.700	115.700	115.700	115.700	115.700	115.700	115.700	115.700
2425	Vật tư ngành nước	Ø 75	m	T/C DIN 8074-8075	dày 6,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	164.300	164.300	164.300	164.300	164.300	164.300	164.300	164.300	164.300
2426	Vật tư ngành nước	Ø 90	m	T/C DIN 8074-8075	dày 8,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	235.200	235.200	235.200	235.200	235.200	235.200	235.200	235.200	235.200
2427	Vật tư ngành nước	Ø 110	m	T/C DIN 8074-8075	dày 10,0mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	354.300	354.300	354.300	354.300	354.300	354.300	354.300	354.300	354.300
2428	Vật tư ngành nước	Ø 125	m	T/C DIN 8074-8075	dày 11,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	458.300	458.300	458.300	458.300	458.300	458.300	458.300	458.300	458.300
2429	Vật tư ngành nước	Ø 140	m	T/C DIN 8074-8075	dày 12,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	568.200	568.200	568.200	568.200	568.200	568.200	568.200	568.200	568.200
2430	Vật tư ngành nước	Ø 160	m	T/C DIN 8074-8075	dày 14,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	751.300	751.300	751.300	751.300	751.300	751.300	751.300	751.300	751.300
2431	Vật tư ngành nước	Ø 180	m	T/C DIN 8074-8075	dày 16,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	945.200	945.200	945.200	945.200	945.200	945.200	945.200	945.200	945.200
2432	Vật tư ngành nước	Ø 200	m	T/C DIN 8074-8075	dày 18,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.182.500	1.182.500	1.182.500	1.182.500	1.182.500	1.182.500	1.182.500	1.182.500	1.182.500
2433	Vật tư ngành nước	Ø 225	m	T/C DIN 8074-8075	dày 20,5mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.445.800	1.445.800	1.445.800	1.445.800	1.445.800	1.445.800	1.445.800	1.445.800	1.445.800
2434	Vật tư ngành nước	Ø 250	m	T/C DIN 8074-8075	dày 22,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.798.700	1.798.700	1.798.700	1.798.700	1.798.700	1.798.700	1.798.700	1.798.700	1.798.700
2435	Vật tư ngành nước	Ø 280	m	T/C DIN 8074-8075	dày 25,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.254.300	2.254.300	2.254.300	2.254.300	2.254.300	2.254.300	2.254.300	2.254.300	2.254.300
2436	Vật tư ngành nước	Ø 315	m	T/C DIN 8074-8075	dày 28,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.853.500	2.853.500	2.853.500	2.853.500	2.853.500	2.853.500	2.853.500	2.853.500	2.853.500
2437	Vật tư ngành nước	Ø 355	m	T/C DIN 8074-8075	dày 32,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.622.500	3.622.500	3.622.500	3.622.500	3.622.500	3.622.500	3.622.500	3.622.500	3.622.500
2438	Vật tư ngành nước	Ø 400	m	T/C DIN 8074-8075	dày 36,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.616.700	4.616.700	4.616.700	4.616.700	4.616.700	4.616.700	4.616.700	4.616.700	4.616.700
2439	Vật tư ngành nước	Ø 450	m	T/C DIN 8074-8075	dày 40,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	5.843.400	5.843.400	5.843.400	5.843.400	5.843.400	5.843.400	5.843.400	5.843.400	5.843.400
2440	Vật tư ngành nước	Ø 500	m	T/C DIN 8074-8075	dày 45,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	7.243.500	7.243.500	7.243.500	7.243.500	7.243.500	7.243.500	7.243.500	7.243.500	7.243.500
2441	Vật tư ngành nước	Ø 560	m	T/C DIN 8074-8075	dày 50,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	9.803.200	9.803.200	9.803.200	9.803.200	9.803.200	9.803.200	9.803.200	9.803.200	9.803.200
2442	Vật tư ngành nước	Ø 630	m	T/C DIN 8074-8075	dày 57,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	11.646.800	11.646.800	11.646.800	11.646.800	11.646.800	11.646.800	11.646.800	11.646.800	11.646.800
2443	Vật tư ngành nước	Ø 710	m	T/C DIN 8074-8075	dày 64,5mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	15.800.900	15.800.900	15.800.900	15.800.900	15.800.900	15.800.900	15.800.900	15.800.900	15.800.900
2444	Vật tư ngành nước	Ø 800	m	T/C DIN 8074-8075	dày 72,0mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	20.161.800	20.161.800	20.161.800	20.161.800	20.161.800	20.161.800	20.161.800	20.161.800	20.161.800

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
2445	Vật tư ngành nước	**Ống nhựa HDPE PN20**		T/C DIN 8074-8075		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2446	Vật tư ngành nước	Ø 20	m	T/C DIN 8074-8075	dày 2,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800
2447	Vật tư ngành nước	Ø 25	m	T/C DIN 8074-8075	dày 2,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	22.300	22.300	22.300	22.300	22.300	22.300	22.300	22.300	22.300
2448	Vật tư ngành nước	Ø 32	m	T/C DIN 8074-8075	dày 3,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	36.800	36.800	36.800	36.800	36.800	36.800	36.800	36.800	36.800
2449	Vật tư ngành nước	Ø 40	m	T/C DIN 8074-8075	dày 4,5mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	56.300	56.300	56.300	56.300	56.300	56.300	56.300	56.300	56.300
2450	Vật tư ngành nước	Ø 50	m	T/C DIN 8074-8075	dày 5,6mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	87.000	87.000	87.000	87.000	87.000	87.000	87.000	87.000	87.000
2451	Vật tư ngành nước	Ø 63	m	T/C DIN 8074-8075	dày 7,1mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	138.500	138.500	138.500	138.500	138.500	138.500	138.500	138.500	138.500
2452	Vật tư ngành nước	Ø 75	m	T/C DIN 8074-8075	dày 8,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	196.200	196.200	196.200	196.200	196.200	196.200	196.200	196.200	196.200
2453	Vật tư ngành nước	Ø 90	m	T/C DIN 8074-8075	dày 10,1mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	281.500	281.500	281.500	281.500	281.500	281.500	281.500	281.500	281.500
2454	Vật tư ngành nước	Ø 110	m	T/C DIN 8074-8075	dày 12,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	426.300	426.300	426.300	426.300	426.300	426.300	426.300	426.300	426.300
2455	Vật tư ngành nước	Ø 125	m	T/C DIN 8074-8075	dày 14,0mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	546.500	546.500	546.500	546.500	546.500	546.500	546.500	546.500	546.500
2456	Vật tư ngành nước	Ø 140	m	T/C DIN 8074-8075	dày 15,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	683.300	683.300	683.300	683.300	683.300	683.300	683.300	683.300	683.300
2457	Vật tư ngành nước	Ø 160	m	T/C DIN 8074-8075	dày 17,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	896.400	896.400	896.400	896.400	896.400	896.400	896.400	896.400	896.400
2458	Vật tư ngành nước	Ø 180	m	T/C DIN 8074-8075	dày 20,1mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.133.400	1.133.400	1.133.400	1.133.400	1.133.400	1.133.400	1.133.400	1.133.400	1.133.400
2459	Vật tư ngành nước	Ø 200	m	T/C DIN 8074-8075	dày 22,4mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.410.000	1.410.000	1.410.000	1.410.000	1.410.000	1.410.000	1.410.000	1.410.000	1.410.000
2460	Vật tư ngành nước	Ø 225	m	T/C DIN 8074-8075	dày 25,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.743.900	1.743.900	1.743.900	1.743.900	1.743.900	1.743.900	1.743.900	1.743.900	1.743.900
2461	Vật tư ngành nước	Ø 250	m	T/C DIN 8074-8075	dày 27,9mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.152.100	2.152.100	2.152.100	2.152.100	2.152.100	2.152.100	2.152.100	2.152.100	2.152.100
2462	Vật tư ngành nước	Ø 280	m	T/C DIN 8074-8075	dày 31,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.695.600	2.695.600	2.695.600	2.695.600	2.695.600	2.695.600	2.695.600	2.695.600	2.695.600
2463	Vật tư ngành nước	Ø 315	m	T/C DIN 8074-8075	dày 35,2mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.433.900	3.433.900	3.433.900	3.433.900	3.433.900	3.433.900	3.433.900	3.433.900	3.433.900
2464	Vật tư ngành nước	Ø 355	m	T/C DIN 8074-8075	dày 39,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.356.200	4.356.200	4.356.200	4.356.200	4.356.200	4.356.200	4.356.200	4.356.200	4.356.200
2465	Vật tư ngành nước	Ø 400	m	T/C DIN 8074-8075	dày 44,7mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	5.545.000	5.545.000	5.545.000	5.545.000	5.545.000	5.545.000	5.545.000	5.545.000	5.545.000
2466	Vật tư ngành nước	Ø 450	m	T/C DIN 8074-8075	dày 50,3mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	7.012.600	7.012.600	7.012.600	7.012.600	7.012.600	7.012.600	7.012.600	7.012.600	7.012.600
2467	Vật tư ngành nước	Ø 500	m	T/C DIN 8074-8075	dày 55,8mm	Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	8.675.100	8.675.100	8.675.100	8.675.100	8.675.100	8.675.100	8.675.100	8.675.100	8.675.100

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
2468	Vật tư ngành nước	**Ống nhựa PVC dán keo**		TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2469	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 21 dầy 1.0	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	7.900	7.900	7.900	7.900	7.900	7.900	7.900	7.900	7.900
2470	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 21 dầy 1.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	9.600	9.600	9.600	9.600	9.600	9.600	9.600	9.600	9.600
2471	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 21 dầy 1.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500	10.500
2472	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 21 dầy 1.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600
2473	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 21 dầy 2.4	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800
2474	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 27 dầy 1.0	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	9.800	9.800	9.800	9.800	9.800	9.800	9.800	9.800	9.800
2475	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 27 dầy 1.3	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	12.300	12.300	12.300	12.300	12.300	12.300	12.300	12.300	12.300
2476	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 27 dầy 1.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400
2477	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 27 dầy 2.0	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000
2478	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 27 dầy 3.0	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	22.600	22.600	22.600	22.600	22.600	22.600	22.600	22.600	22.600
2479	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 34 dầy 1.0	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600
2480	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 34 dầy 1.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800
2481	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 34 dầy 1.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100
2482	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 34 dầy 2.0	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	22.100	22.100	22.100	22.100	22.100	22.100	22.100	22.100	22.100
2483	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 34 dầy 2.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	25.100	25.100	25.100	25.100	25.100	25.100	25.100	25.100	25.100
2484	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 34 dầy 3.8	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	37.300	37.300	37.300	37.300	37.300	37.300	37.300	37.300	37.300
2485	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 42 dầy 1.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	18.900	18.900	18.900	18.900	18.900	18.900	18.900	18.900	18.900
2486	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 42 dầy 1.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	21.100	21.100	21.100	21.100	21.100	21.100	21.100	21.100	21.100
2487	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 42 dầy 1.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	24.900	24.900	24.900	24.900	24.900	24.900	24.900	24.900	24.900
2488	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 42 dầy 2.0	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	28.300	28.300	28.300	28.300	28.300	28.300	28.300	28.300	28.300
2489	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 42 dầy 2.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	33.300	33.300	33.300	33.300	33.300	33.300	33.300	33.300	33.300
2490	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 42 dầy 3.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	41.100	41.100	41.100	41.100	41.100	41.100	41.100	41.100	41.100

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
2491	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 42 dầy 4.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	55.400	55.400	55.400	55.400	55.400	55.400	55.400	55.400	55.400
2492	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 48 dầy 1.4	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	22.100	22.100	22.100	22.100	22.100	22.100	22.100	22.100	22.100
2493	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 48 dầy 1.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900	25.900
2494	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 48 dầy 1.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	29.600	29.600	29.600	29.600	29.600	29.600	29.600	29.600	29.600
2495	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 48 dầy 2.3	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	34.100	34.100	34.100	34.100	34.100	34.100	34.100	34.100	34.100
2496	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 48 dầy 2.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	41.300	41.300	41.300	41.300	41.300	41.300	41.300	41.300	41.300
2497	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 48 dầy 3.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	51.800	51.800	51.800	51.800	51.800	51.800	51.800	51.800	51.800
2498	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 48 dầy 5.4	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	74.300	74.300	74.300	74.300	74.300	74.300	74.300	74.300	74.300
2499	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 60 dầy 1.4	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	28.800	28.800	28.800	28.800	28.800	28.800	28.800	28.800	28.800
2500	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 60 dầy 1.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	34.400	34.400	34.400	34.400	34.400	34.400	34.400	34.400	34.400
2501	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 60 dầy 1.8	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	41.900	41.900	41.900	41.900	41.900	41.900	41.900	41.900	41.900
2502	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 60 dầy 2.3	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	48.800	48.800	48.800	48.800	48.800	48.800	48.800	48.800	48.800
2503	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 60 dầy 2.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	59.000	59.000	59.000	59.000	59.000	59.000	59.000	59.000	59.000
2504	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 60 dầy 3.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	74.000	74.000	74.000	74.000	74.000	74.000	74.000	74.000	74.000
2505	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 60 dầy 4.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	88.900	88.900	88.900	88.900	88.900	88.900	88.900	88.900	88.900
2506	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 75 dầy 1.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	40.300	40.300	40.300	40.300	40.300	40.300	40.300	40.300	40.300
2507	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 75 dầy 1.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000
2508	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 75 dầy 2.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	53.300	53.300	53.300	53.300	53.300	53.300	53.300	53.300	53.300
2509	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 75 dầy 2.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	69.400	69.400	69.400	69.400	69.400	69.400	69.400	69.400	69.400
2510	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 75 dầy 3.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	86.000	86.000	86.000	86.000	86.000	86.000	86.000	86.000	86.000
2511	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 75 dầy 4.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	108.100	108.100	108.100	108.100	108.100	108.100	108.100	108.100	108.100
2512	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 75 dầy 5.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	130.500	130.500	130.500	130.500	130.500	130.500	130.500	130.500	130.500
2513	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 90 dầy 1.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	49.100	49.100	49.100	49.100	49.100	49.100	49.100	49.100	49.100

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
2514	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 90 dầy 1.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	56.100	56.100	56.100	56.100	56.100	56.100	56.100	56.100	56.100
2515	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 90 dầy 2.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	65.800	65.800	65.800	65.800	65.800	65.800	65.800	65.800	65.800
2516	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 90 dầy 2.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	76.000	76.000	76.000	76.000	76.000	76.000	76.000	76.000	76.000
2517	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 90 dầy 3.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	99.600	99.600	99.600	99.600	99.600	99.600	99.600	99.600	99.600
2518	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 90 dầy 4.3	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	123.800	123.800	123.800	123.800	123.800	123.800	123.800	123.800	123.800
2519	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 90 dầy 5.4	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	153.800	153.800	153.800	153.800	153.800	153.800	153.800	153.800	153.800
2520	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 110 dầy 1.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	74.300	74.300	74.300	74.300	74.300	74.300	74.300	74.300	74.300
2521	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 110 dầy 2.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000
2522	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 110 dầy 2.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	97.900	97.900	97.900	97.900	97.900	97.900	97.900	97.900	97.900
2523	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 110 dầy 3.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	111.400	111.400	111.400	111.400	111.400	111.400	111.400	111.400	111.400
2524	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 110 dầy 4.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000
2525	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 110 dầy 5.3	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	186.800	186.800	186.800	186.800	186.800	186.800	186.800	186.800	186.800
2526	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 110 dầy 6.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	230.500	230.500	230.500	230.500	230.500	230.500	230.500	230.500	230.500
2527	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 125 dầy 2.0	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	82.000	82.000	82.000	82.000	82.000	82.000	82.000	82.000	82.000
2528	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 125 dầy 2.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	103.400	103.400	103.400	103.400	103.400	103.400	103.400	103.400	103.400
2529	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 125 dầy 3.1	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	121.000	121.000	121.000	121.000	121.000	121.000	121.000	121.000	121.000
2530	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 125 dầy 3.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	143.400	143.400	143.400	143.400	143.400	143.400	143.400	143.400	143.400
2531	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 125 dầy 4.8	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	181.900	181.900	181.900	181.900	181.900	181.900	181.900	181.900	181.900
2532	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 125 dầy 6.0	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	229.100	229.100	229.100	229.100	229.100	229.100	229.100	229.100	229.100
2533	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 125 dầy 7.4	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	280.900	280.900	280.900	280.900	280.900	280.900	280.900	280.900	280.900
2534	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 140 dầy 2.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000
2535	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 140 dầy 2.8	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	128.500	128.500	128.500	128.500	128.500	128.500	128.500	128.500	128.500
2536	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 140 dầy 3.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	151.300	151.300	151.300	151.300	151.300	151.300	151.300	151.300	151.300

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
2537	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 140 dầy 4.1	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	178.300	178.300	178.300	178.300	178.300	178.300	178.300	178.300	178.300
2538	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 140 dầy 5.4	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	238.500	238.500	238.500	238.500	238.500	238.500	238.500	238.500	238.500
2539	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 140 dầy 6.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	291.900	291.900	291.900	291.900	291.900	291.900	291.900	291.900	291.900
2540	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 140 dầy 8.3	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	359.000	359.000	359.000	359.000	359.000	359.000	359.000	359.000	359.000
2541	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 160 dầy 2.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	131.100	131.100	131.100	131.100	131.100	131.100	131.100	131.100	131.100
2542	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 160 dầy 3.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	171.600	171.600	171.600	171.600	171.600	171.600	171.600	171.600	171.600
2543	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 160 dầy 4.0	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000
2544	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 160 dầy 4.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	230.900	230.900	230.900	230.900	230.900	230.900	230.900	230.900	230.900
2545	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 160 dầy 6.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	298.600	298.600	298.600	298.600	298.600	298.600	298.600	298.600	298.600
2546	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 160 dầy 7.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	378.900	378.900	378.900	378.900	378.900	378.900	378.900	378.900	378.900
2547	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 160 dầy 9.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	465.100	465.100	465.100	465.100	465.100	465.100	465.100	465.100	465.100
2548	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 200 dầy 3.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	245.900	245.900	245.900	245.900	245.900	245.900	245.900	245.900	245.900
2549	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 200 dầy 3.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	257.800	257.800	257.800	257.800	257.800	257.800	257.800	257.800	257.800
2550	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 200 dầy 4.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	311.500	311.500	311.500	311.500	311.500	311.500	311.500	311.500	311.500
2551	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 200 dầy 5.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	362.300	362.300	362.300	362.300	362.300	362.300	362.300	362.300	362.300
2552	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 200 dầy 7.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	462.300	462.300	462.300	462.300	462.300	462.300	462.300	462.300	462.300
2553	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 200 dầy 9.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	592.400	592.400	592.400	592.400	592.400	592.400	592.400	592.400	592.400
2554	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 200 dầy 11.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	730.100	730.100	730.100	730.100	730.100	730.100	730.100	730.100	730.100
2555	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 225 dầy 3.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	255.400	255.400	255.400	255.400	255.400	255.400	255.400	255.400	255.400
2556	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 225 dầy 4.4	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	316.000	316.000	316.000	316.000	316.000	316.000	316.000	316.000	316.000
2557	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 225 dầy 5.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	379.800	379.800	379.800	379.800	379.800	379.800	379.800	379.800	379.800
2558	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 225 dầy 6.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	450.100	450.100	450.100	450.100	450.100	450.100	450.100	450.100	450.100
2559	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 225 dầy 8.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	584.600	584.600	584.600	584.600	584.600	584.600	584.600	584.600	584.600

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
2560	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 225 dầy 10.8	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	749.800	749.800	749.800	749.800	749.800	749.800	749.800	749.800	749.800
2561	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 225 dầy 13.4	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	926.800	926.800	926.800	926.800	926.800	926.800	926.800	926.800	926.800
2562	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 250 dầy 3.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	332.300	332.300	332.300	332.300	332.300	332.300	332.300	332.300	332.300
2563	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 250 dầy 4.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	414.300	414.300	414.300	414.300	414.300	414.300	414.300	414.300	414.300
2564	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 250 dầy 6.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	799.500	799.500	799.500	799.500	799.500	799.500	799.500	799.500	799.500
2565	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 250 dầy 7.3	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	582.900	582.900	582.900	582.900	582.900	582.900	582.900	582.900	582.900
2566	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 250 dầy 9.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	753.400	753.400	753.400	753.400	753.400	753.400	753.400	753.400	753.400
2567	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 250 dầy 11.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	952.400	952.400	952.400	952.400	952.400	952.400	952.400	952.400	952.400
2568	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 250 dầy 14.8	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.179.500	1.179.500	1.179.500	1.179.500	1.179.500	1.179.500	1.179.500	1.179.500	1.179.500
2569	Vật tư ngành nước	Ống thoát Ø 315 dầy 5.3	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	541.900	541.900	541.900	541.900	541.900	541.900	541.900	541.900	541.900
2570	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 315 dầy 6.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	627.900	627.900	627.900	627.900	627.900	627.900	627.900	627.900	627.900
2571	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 315 dầy 7.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	745.400	745.400	745.400	745.400	745.400	745.400	745.400	745.400	745.400
2572	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 315 dầy 9.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	894.300	894.300	894.300	894.300	894.300	894.300	894.300	894.300	894.300
2573	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 315 dầy 12.1	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.123.600	1.123.600	1.123.600	1.123.600	1.123.600	1.123.600	1.123.600	1.123.600	1.123.600
2574	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 315 dầy 15.0	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.555.600	1.555.600	1.555.600	1.555.600	1.555.600	1.555.600	1.555.600	1.555.600	1.555.600
2575	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 315 dầy 18.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.792.500	1.792.500	1.792.500	1.792.500	1.792.500	1.792.500	1.792.500	1.792.500	1.792.500
2576	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 355 dầy 7.0	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	793.100	793.100	793.100	793.100	793.100	793.100	793.100	793.100	793.100
2577	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 355 dầy 8.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	973.900	973.900	973.900	973.900	973.900	973.900	973.900	973.900	973.900
2578	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 355 dầy 10.4	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.158.600	1.158.600	1.158.600	1.158.600	1.158.600	1.158.600	1.158.600	1.158.600	1.158.600
2579	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 355 dầy 13.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.503.500	1.503.500	1.503.500	1.503.500	1.503.500	1.503.500	1.503.500	1.503.500	1.503.500
2580	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 355 dầy 16.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.848.800	1.848.800	1.848.800	1.848.800	1.848.800	1.848.800	1.848.800	1.848.800	1.848.800
2581	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 355 dầy 21.1	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.281.500	2.281.500	2.281.500	2.281.500	2.281.500	2.281.500	2.281.500	2.281.500	2.281.500
2582	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 400 dầy 7.8	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	995.400	995.400	995.400	995.400	995.400	995.400	995.400	995.400	995.400

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
2583	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 400 dầy 9.8	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.237.600	1.237.600	1.237.600	1.237.600	1.237.600	1.237.600	1.237.600	1.237.600	1.237.600
2584	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 400 dầy 11.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.471.800	1.471.800	1.471.800	1.471.800	1.471.800	1.471.800	1.471.800	1.471.800	1.471.800
2585	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 400 dầy 15.3	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.905.500	1.905.500	1.905.500	1.905.500	1.905.500	1.905.500	1.905.500	1.905.500	1.905.500
2586	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 400 dầy 19.1	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.352.900	2.352.900	2.352.900	2.352.900	2.352.900	2.352.900	2.352.900	2.352.900	2.352.900
2587	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 400 dầy 23.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.886.000	2.886.000	2.886.000	2.886.000	2.886.000	2.886.000	2.886.000	2.886.000	2.886.000
2588	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 450 dầy 8.8	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.263.100	1.263.100	1.263.100	1.263.100	1.263.100	1.263.100	1.263.100	1.263.100	1.263.100
2589	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 450 dầy 11.0	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.565.400	1.565.400	1.565.400	1.565.400	1.565.400	1.565.400	1.565.400	1.565.400	1.565.400
2590	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 450 dầy 13.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.866.400	1.866.400	1.866.400	1.866.400	1.866.400	1.866.400	1.866.400	1.866.400	1.866.400
2591	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 450 dầy 17.2	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.410.000	2.410.000	2.410.000	2.410.000	2.410.000	2.410.000	2.410.000	2.410.000	2.410.000
2592	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 450 dầy 21.5	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.985.500	2.985.500	2.985.500	2.985.500	2.985.500	2.985.500	2.985.500	2.985.500	2.985.500
2593	Vật tư ngành nước	Class 0 Ø 500 dầy 9.8	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.656.600	1.656.600	1.656.600	1.656.600	1.656.600	1.656.600	1.656.600	1.656.600	1.656.600
2594	Vật tư ngành nước	Class 1 Ø 500 dầy 12.3	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.975.400	1.975.400	1.975.400	1.975.400	1.975.400	1.975.400	1.975.400	1.975.400	1.975.400
2595	Vật tư ngành nước	Class 2 Ø 500 dầy 14.6	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.285.800	2.285.800	2.285.800	2.285.800	2.285.800	2.285.800	2.285.800	2.285.800	2.285.800
2596	Vật tư ngành nước	Class 3 Ø 500 dầy 19.1	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.955.300	2.955.300	2.955.300	2.955.300	2.955.300	2.955.300	2.955.300	2.955.300	2.955.300
2597	Vật tư ngành nước	Class 4 Ø 500 dầy 23.9	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.502.800	3.502.800	3.502.800	3.502.800	3.502.800	3.502.800	3.502.800	3.502.800	3.502.800
2598	Vật tư ngành nước	Class 5 Ø 500 dầy 29.7	m	TCVN 8491-2:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.453.500	4.453.500	4.453.500	4.453.500	4.453.500	4.453.500	4.453.500	4.453.500	4.453.500
2599	Vật tư ngành nước	**Phụ kiện nhựa dán keo**		TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2600	Vật tư ngành nước	**Cút nhựa 90^0**		TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2601	Vật tư ngành nước	Ø 21 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.600	1.600	1.600	1.600	1.600	1.600	1.600	1.600	1.600
2602	Vật tư ngành nước	Ø 27 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600
2603	Vật tư ngành nước	Ø 34 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900
2604	Vật tư ngành nước	Ø 42 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	6.400	6.400	6.400	6.400	6.400	6.400	6.400	6.400	6.400
2605	Vật tư ngành nước	Ø 48 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
2606	Vật tư ngành nước	Ø 60 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800
2607	Vật tư ngành nước	Ø 60 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	20.400	20.400	20.400	20.400	20.400	20.400	20.400	20.400	20.400
2608	Vật tư ngành nước	Ø 75 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	26.500	26.500	26.500	26.500	26.500	26.500	26.500	26.500	26.500
2609	Vật tư ngành nước	Ø 75 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	47.800	47.800	47.800	47.800	47.800	47.800	47.800	47.800	47.800
2610	Vật tư ngành nước	Ø 90 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	34.800	34.800	34.800	34.800	34.800	34.800	34.800	34.800	34.800
2611	Vật tư ngành nước	Ø 90 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	55.900	55.900	55.900	55.900	55.900	55.900	55.900	55.900	55.900
2612	Vật tư ngành nước	Ø 110 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	55.600	55.600	55.600	55.600	55.600	55.600	55.600	55.600	55.600
2613	Vật tư ngành nước	Ø 110 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	86.600	86.600	86.600	86.600	86.600	86.600	86.600	86.600	86.600
2614	Vật tư ngành nước	Ø 125 PN6	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500	97.500
2615	Vật tư ngành nước	Ø 125 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	147.100	147.100	147.100	147.100	147.100	147.100	147.100	147.100	147.100
2616	Vật tư ngành nước	Ø 140 PN6	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	141.400	141.400	141.400	141.400	141.400	141.400	141.400	141.400	141.400
2617	Vật tư ngành nước	Ø 140 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	182.300	182.300	182.300	182.300	182.300	182.300	182.300	182.300	182.300
2618	Vật tư ngành nước	Ø 160 PN6	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	170.500	170.500	170.500	170.500	170.500	170.500	170.500	170.500	170.500
2619	Vật tư ngành nước	Ø 160 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	342.500	342.500	342.500	342.500	342.500	342.500	342.500	342.500	342.500
2620	Vật tư ngành nước	Ø 200 PN6	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	349.300	349.300	349.300	349.300	349.300	349.300	349.300	349.300	349.300
2621	Vật tư ngành nước	Ø 200 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	469.000	469.000	469.000	469.000	469.000	469.000	469.000	469.000	469.000
2622	Vật tư ngành nước	Ø 225 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	812.000	812.000	812.000	812.000	812.000	812.000	812.000	812.000	812.000
2623	Vật tư ngành nước	Ø 250 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.307.500	1.307.500	1.307.500	1.307.500	1.307.500	1.307.500	1.307.500	1.307.500	1.307.500
2624	Vật tư ngành nước	Ø 315 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.644.500	3.644.500	3.644.500	3.644.500	3.644.500	3.644.500	3.644.500	3.644.500	3.644.500
2625	Vật tư ngành nước	**Tê nhựa 90^0**	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2626	Vật tư ngành nước	Ø 21 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600
2627	Vật tư ngành nước	Ø 27 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400
2628	Vật tư ngành nước	Ø 34 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	5.900	5.900	5.900	5.900	5.900	5.900	5.900	5.900	5.900

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
2629	Vật tư ngành nước	Ø 42 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	8.400	8.400	8.400	8.400	8.400	8.400	8.400	8.400	8.400
2630	Vật tư ngành nước	Ø 48 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500
2631	Vật tư ngành nước	Ø 60 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	19.800	19.800	19.800	19.800	19.800	19.800	19.800	19.800	19.800
2632	Vật tư ngành nước	Ø 60 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	29.800	29.800	29.800	29.800	29.800	29.800	29.800	29.800	29.800
2633	Vật tư ngành nước	Ø 75 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	33.600	33.600	33.600	33.600	33.600	33.600	33.600	33.600	33.600
2634	Vật tư ngành nước	Ø 75 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	50.600	50.600	50.600	50.600	50.600	50.600	50.600	50.600	50.600
2635	Vật tư ngành nước	Ø 90 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	46.400	46.400	46.400	46.400	46.400	46.400	46.400	46.400	46.400
2636	Vật tư ngành nước	Ø 90 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000
2637	Vật tư ngành nước	Ø 110 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	78.600	78.600	78.600	78.600	78.600	78.600	78.600	78.600	78.600
2638	Vật tư ngành nước	Ø 110 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	109.300	109.300	109.300	109.300	109.300	109.300	109.300	109.300	109.300
2639	Vật tư ngành nước	Ø 125 PN6	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	129.900	129.900	129.900	129.900	129.900	129.900	129.900	129.900	129.900
2640	Vật tư ngành nước	Ø 125 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	163.900	163.900	163.900	163.900	163.900	163.900	163.900	163.900	163.900
2641	Vật tư ngành nước	Ø 140 PN6	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	210.500	210.500	210.500	210.500	210.500	210.500	210.500	210.500	210.500
2642	Vật tư ngành nước	Ø 140 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	243.800	243.800	243.800	243.800	243.800	243.800	243.800	243.800	243.800
2643	Vật tư ngành nước	Ø 160 PN6	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	223.900	223.900	223.900	223.900	223.900	223.900	223.900	223.900	223.900
2644	Vật tư ngành nước	Ø 160 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	360.100	360.100	360.100	360.100	360.100	360.100	360.100	360.100	360.100
2645	Vật tư ngành nước	Ø 200 PN6	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	526.400	526.400	526.400	526.400	526.400	526.400	526.400	526.400	526.400
2646	Vật tư ngành nước	Ø 200 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	822.100	822.100	822.100	822.100	822.100	822.100	822.100	822.100	822.100
2647	Vật tư ngành nước	Ø 225 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.008.600	1.008.600	1.008.600	1.008.600	1.008.600	1.008.600	1.008.600	1.008.600	1.008.600
2648	Vật tư ngành nước	Ø 250 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.906.800	1.906.800	1.906.800	1.906.800	1.906.800	1.906.800	1.906.800	1.906.800	1.906.800
2649	Vật tư ngành nước	Ø 315 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.656.400	3.656.400	3.656.400	3.656.400	3.656.400	3.656.400	3.656.400	3.656.400	3.656.400
2650	Vật tư ngành nước	**Măng sông nhựa**		TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2651	Vật tư ngành nước	Ø 21 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
2652	Vật tư ngành nước	Ø 27 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000	2.000
2653	Vật tư ngành nước	Ø 34 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300
2654	Vật tư ngành nước	Ø 42 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900
2655	Vật tư ngành nước	Ø 48 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000
2656	Vật tư ngành nước	Ø 60 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	8.600	8.600	8.600	8.600	8.600	8.600	8.600	8.600	8.600
2657	Vật tư ngành nước	Ø 75 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	11.800	11.800	11.800	11.800	11.800	11.800	11.800	11.800	11.800
2658	Vật tư ngành nước	Ø 75 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	12.100	12.100	12.100	12.100	12.100	12.100	12.100	12.100	12.100
2659	Vật tư ngành nước	Ø 90 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	16.400	16.400	16.400	16.400	16.400	16.400	16.400	16.400	16.400
2660	Vật tư ngành nước	Ø 90 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	38.100	38.100	38.100	38.100	38.100	38.100	38.100	38.100	38.100
2661	Vật tư ngành nước	Ø 110 PN6	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	20.300	20.300	20.300	20.300	20.300	20.300	20.300	20.300	20.300
2662	Vật tư ngành nước	Ø 110 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	56.400	56.400	56.400	56.400	56.400	56.400	56.400	56.400	56.400
2663	Vật tư ngành nước	Ø 125 PN6	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	45.500	45.500	45.500	45.500	45.500	45.500	45.500	45.500	45.500
2664	Vật tư ngành nước	Ø 125 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	80.900	80.900	80.900	80.900	80.900	80.900	80.900	80.900	80.900
2665	Vật tư ngành nước	Ø 140 PN6	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	65.400	65.400	65.400	65.400	65.400	65.400	65.400	65.400	65.400
2666	Vật tư ngành nước	Ø 140 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	93.500	93.500	93.500	93.500	93.500	93.500	93.500	93.500	93.500
2667	Vật tư ngành nước	Ø 160 PN6	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	93.100	93.100	93.100	93.100	93.100	93.100	93.100	93.100	93.100
2668	Vật tư ngành nước	Ø 160 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	147.500	147.500	147.500	147.500	147.500	147.500	147.500	147.500	147.500
2669	Vật tư ngành nước	Ø 200 PN6	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	205.900	205.900	205.900	205.900	205.900	205.900	205.900	205.900	205.900
2670	Vật tư ngành nước	Ø 200 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	247.100	247.100	247.100	247.100	247.100	247.100	247.100	247.100	247.100
2671	Vật tư ngành nước	Ø 225 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	339.400	339.400	339.400	339.400	339.400	339.400	339.400	339.400	339.400
2672	Vật tư ngành nước	Ø 250 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	453.100	453.100	453.100	453.100	453.100	453.100	453.100	453.100	453.100
2673	Vật tư ngành nước	**Cút nhựa 45^{0}**		TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2674	Vật tư ngành nước	Ø 21 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.600	1.600	1.600	1.600	1.600	1.600	1.600	1.600	1.600

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
2675	Vật tư ngành nước	Ø 27 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.100	2.100	2.100	2.100	2.100	2.100	2.100	2.100	2.100
2676	Vật tư ngành nước	Ø 34 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.300	3.300	3.300	3.300	3.300	3.300	3.300	3.300	3.300
2677	Vật tư ngành nước	Ø 42 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.900	4.900	4.900	4.900	4.900	4.900	4.900	4.900	4.900
2678	Vật tư ngành nước	Ø 48 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	7.800	7.800	7.800	7.800	7.800	7.800	7.800	7.800	7.800
2679	Vật tư ngành nước	Ø 60 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600
2680	Vật tư ngành nước	Ø 60 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800
2681	Vật tư ngành nước	Ø 75 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900
2682	Vật tư ngành nước	Ø 75 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	29.000	29.000	29.000	29.000	29.000	29.000	29.000	29.000	29.000
2683	Vật tư ngành nước	Ø 90 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600
2684	Vật tư ngành nước	Ø 90 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	39.800	39.800	39.800	39.800	39.800	39.800	39.800	39.800	39.800
2685	Vật tư ngành nước	Ø 110 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	43.800	43.800	43.800	43.800	43.800	43.800	43.800	43.800	43.800
2686	Vật tư ngành nước	Ø 110 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	74.800	74.800	74.800	74.800	74.800	74.800	74.800	74.800	74.800
2687	Vật tư ngành nước	Ø 125 PN6	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	77.300	77.300	77.300	77.300	77.300	77.300	77.300	77.300	77.300
2688	Vật tư ngành nước	Ø 125 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	98.300	98.300	98.300	98.300	98.300	98.300	98.300	98.300	98.300
2689	Vật tư ngành nước	Ø 140 PN6	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	84.300	84.300	84.300	84.300	84.300	84.300	84.300	84.300	84.300
2690	Vật tư ngành nước	Ø 140 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	119.900	119.900	119.900	119.900	119.900	119.900	119.900	119.900	119.900
2691	Vật tư ngành nước	Ø 160 PN6	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	127.500	127.500	127.500	127.500	127.500	127.500	127.500	127.500	127.500
2692	Vật tư ngành nước	Ø 160 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	186.300	186.300	186.300	186.300	186.300	186.300	186.300	186.300	186.300
2693	Vật tư ngành nước	Ø 200 PN6	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	244.400	244.400	244.400	244.400	244.400	244.400	244.400	244.400	244.400
2694	Vật tư ngành nước	Ø 200 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	353.100	353.100	353.100	353.100	353.100	353.100	353.100	353.100	353.100
2695	Vật tư ngành nước	Ø 225 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	654.500	654.500	654.500	654.500	654.500	654.500	654.500	654.500	654.500
2696	Vật tư ngành nước	Ø 250 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	997.300	997.300	997.300	997.300	997.300	997.300	997.300	997.300	997.300
2697	Vật tư ngành nước	Ø 315 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.051.600	2.051.600	2.051.600	2.051.600	2.051.600	2.051.600	2.051.600	2.051.600	2.051.600

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
2698	Vật tư ngành nước	**Tê nhựa 45^{0}**		TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới				-	-	-	-	-	-	-
2699	Vật tư ngành nước	Ø 60 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	24.400	24.400	24.400	24.400	24.400	24.400	24.400	24.400	24.400
2700	Vật tư ngành nước	Ø 60 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	32.300	32.300	32.300	32.300	32.300	32.300	32.300	32.300	32.300
2701	Vật tư ngành nước	Ø 75 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	46.900	46.900	46.900	46.900	46.900	46.900	46.900	46.900	46.900
2702	Vật tư ngành nước	Ø 75 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	58.800	58.800	58.800	58.800	58.800	58.800	58.800	58.800	58.800
2703	Vật tư ngành nước	Ø 90 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	57.400	57.400	57.400	57.400	57.400	57.400	57.400	57.400	57.400
2704	Vật tư ngành nước	Ø 90 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	85.300	85.300	85.300	85.300	85.300	85.300	85.300	85.300	85.300
2705	Vật tư ngành nước	Ø 110 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	86.600	86.600	86.600	86.600	86.600	86.600	86.600	86.600	86.600
2706	Vật tư ngành nước	Ø 110 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	130.500	130.500	130.500	130.500	130.500	130.500	130.500	130.500	130.500
2707	Vật tư ngành nước	Ø 125 PN6	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	170.800	170.800	170.800	170.800	170.800	170.800	170.800	170.800	170.800
2708	Vật tư ngành nước	Ø 125 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	266.500	266.500	266.500	266.500	266.500	266.500	266.500	266.500	266.500
2709	Vật tư ngành nước	Ø 140 PN6	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	277.100	277.100	277.100	277.100	277.100	277.100	277.100	277.100	277.100
2710	Vật tư ngành nước	Ø 140 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	419.900	419.900	419.900	419.900	419.900	419.900	419.900	419.900	419.900
2711	Vật tư ngành nước	Ø 160 PN6	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	393.100	393.100	393.100	393.100	393.100	393.100	393.100	393.100	393.100
2712	Vật tư ngành nước	Ø 160 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	591.500	591.500	591.500	591.500	591.500	591.500	591.500	591.500	591.500
2713	Vật tư ngành nước	Ø 200 PN6	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	733.000	733.000	733.000	733.000	733.000	733.000	733.000	733.000	733.000
2714	Vật tư ngành nước	Ø 200 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.119.100	1.119.100	1.119.100	1.119.100	1.119.100	1.119.100	1.119.100	1.119.100	1.119.100
2715	Vật tư ngành nước	**Nút bịt nhựa**	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2716	Vật tư ngành nước	Ø 42 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600	2.600
2717	Vật tư ngành nước	Ø 48 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900	3.900
2718	Vật tư ngành nước	Ø 60 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	12.100	12.100	12.100	12.100	12.100	12.100	12.100	12.100	12.100
2719	Vật tư ngành nước	Ø 75 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000
2720	Vật tư ngành nước	Ø 90 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	26.800	26.800	26.800	26.800	26.800	26.800	26.800	26.800	26.800

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
2721	Vật tư ngành nước	Ø 110 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000
2722	Vật tư ngành nước	Ø 125 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	46.100	46.100	46.100	46.100	46.100	46.100	46.100	46.100	46.100
2723	Vật tư ngành nước	Ø 140 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	74.900	74.900	74.900	74.900	74.900	74.900	74.900	74.900	74.900
2724	Vật tư ngành nước	Ø 160 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	91.500	91.500	91.500	91.500	91.500	91.500	91.500	91.500	91.500
2725	Vật tư ngành nước	Ø 200 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	282.900	282.900	282.900	282.900	282.900	282.900	282.900	282.900	282.900
2726	Vật tư ngành nước	Ø 225 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	379.300	379.300	379.300	379.300	379.300	379.300	379.300	379.300	379.300
2727	Vật tư ngành nước	Ø 250 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	514.300	514.300	514.300	514.300	514.300	514.300	514.300	514.300	514.300
2728	Vật tư ngành nước	Ø 315 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.089.800	1.089.800	1.089.800	1.089.800	1.089.800	1.089.800	1.089.800	1.089.800	1.089.800
2729	Vật tư ngành nước	**Tê cong nhựa**		TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2730	Vật tư ngành nước	Ø 90 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	88.100	88.100	88.100	88.100	88.100	88.100	88.100	88.100	88.100
2731	Vật tư ngành nước	Ø 110 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	174.100	174.100	174.100	174.100	174.100	174.100	174.100	174.100	174.100
2732	Vật tư ngành nước	**Ren trong nhựa**		TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2733	Vật tư ngành nước	Ø 21 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500
2734	Vật tư ngành nước	Ø 27 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.900	1.900	1.900	1.900	1.900	1.900	1.900	1.900	1.900
2735	Vật tư ngành nước	Ø 34 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400
2736	Vật tư ngành nước	Ø 42 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600
2737	Vật tư ngành nước	Ø 48 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	6.800	6.800	6.800	6.800	6.800	6.800	6.800	6.800	6.800
2738	Vật tư ngành nước	Ø 60 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	10.600	10.600	10.600	10.600	10.600	10.600	10.600	10.600	10.600
2739	Vật tư ngành nước	**Ren ngoài nhựa**		TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2740	Vật tư ngành nước	Ø 21 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500
2741	Vật tư ngành nước	Ø 27 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.900	1.900	1.900	1.900	1.900	1.900	1.900	1.900	1.900
2742	Vật tư ngành nước	Ø 34 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400
2743	Vật tư ngành nước	Ø 42 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.800	4.800	4.800	4.800	4.800	4.800	4.800	4.800	4.800

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
2744	Vật tư ngành nước	Ø 48 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	6.800	6.800	6.800	6.800	6.800	6.800	6.800	6.800	6.800
2745	Vật tư ngành nước	Ø 60 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	10.800	10.800	10.800	10.800	10.800	10.800	10.800	10.800	10.800
2746	Vật tư ngành nước	**Tê giảm nhựa**		TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2747	Vật tư ngành nước	Ø 27/21 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400
2748	Vật tư ngành nước	Ø 34/21 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400
2749	Vật tư ngành nước	Ø 34/27 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600
2750	Vật tư ngành nước	Ø 42/21 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	5.800	5.800	5.800	5.800	5.800	5.800	5.800	5.800	5.800
2751	Vật tư ngành nước	Ø 42/27 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	6.400	6.400	6.400	6.400	6.400	6.400	6.400	6.400	6.400
2752	Vật tư ngành nước	Ø 42/34 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	7.800	7.800	7.800	7.800	7.800	7.800	7.800	7.800	7.800
2753	Vật tư ngành nước	Ø 48/21 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	9.400	9.400	9.400	9.400	9.400	9.400	9.400	9.400	9.400
2754	Vật tư ngành nước	Ø 48/27 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	9.500	9.500	9.500	9.500	9.500	9.500	9.500	9.500	9.500
2755	Vật tư ngành nước	Ø 48/34 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000
2756	Vật tư ngành nước	Ø 48/42 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	12.900	12.900	12.900	12.900	12.900	12.900	12.900	12.900	12.900
2757	Vật tư ngành nước	Ø 60/21 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	11.600	11.600	11.600	11.600	11.600	11.600	11.600	11.600	11.600
2758	Vật tư ngành nước	Ø 60/27 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	13.100	13.100	13.100	13.100	13.100	13.100	13.100	13.100	13.100
2759	Vật tư ngành nước	Ø 60/34 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400
2760	Vật tư ngành nước	Ø 60/42 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	15.900	15.900	15.900	15.900	15.900	15.900	15.900	15.900	15.900
2761	Vật tư ngành nước	Ø 60/48 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	16.600	16.600	16.600	16.600	16.600	16.600	16.600	16.600	16.600
2762	Vật tư ngành nước	Ø 75/34 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900	21.900
2763	Vật tư ngành nước	Ø 75/42 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	23.400	23.400	23.400	23.400	23.400	23.400	23.400	23.400	23.400
2764	Vật tư ngành nước	Ø 75/48 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	26.500	26.500	26.500	26.500	26.500	26.500	26.500	26.500	26.500
2765	Vật tư ngành nước	Ø 75/60 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	29.600	29.600	29.600	29.600	29.600	29.600	29.600	29.600	29.600
2766	Vật tư ngành nước	Ø 90/34 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	37.800	37.800	37.800	37.800	37.800	37.800	37.800	37.800	37.800

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
2767	Vật tư ngành nước	Ø 90/42 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	30.800	30.800	30.800	30.800	30.800	30.800	30.800	30.800	30.800
2768	Vật tư ngành nước	Ø 90/48 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	35.500	35.500	35.500	35.500	35.500	35.500	35.500	35.500	35.500
2769	Vật tư ngành nước	Ø 90/60 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	45.600	45.600	45.600	45.600	45.600	45.600	45.600	45.600	45.600
2770	Vật tư ngành nước	Ø 90/75 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	52.600	52.600	52.600	52.600	52.600	52.600	52.600	52.600	52.600
2771	Vật tư ngành nước	Ø 110/34 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	55.600	55.600	55.600	55.600	55.600	55.600	55.600	55.600	55.600
2772	Vật tư ngành nước	Ø 110/42 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	56.500	56.500	56.500	56.500	56.500	56.500	56.500	56.500	56.500
2773	Vật tư ngành nước	Ø 110/48 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	50.100	50.100	50.100	50.100	50.100	50.100	50.100	50.100	50.100
2774	Vật tư ngành nước	Ø 110/60 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	52.900	52.900	52.900	52.900	52.900	52.900	52.900	52.900	52.900
2775	Vật tư ngành nước	Ø 110/75 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	58.300	58.300	58.300	58.300	58.300	58.300	58.300	58.300	58.300
2776	Vật tư ngành nước	Ø 110/90 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	67.000	67.000	67.000	67.000	67.000	67.000	67.000	67.000	67.000
2777	Vật tư ngành nước	Ø 125/75 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	205.800	205.800	205.800	205.800	205.800	205.800	205.800	205.800	205.800
2778	Vật tư ngành nước	Ø 125/90 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	205.000	205.000	205.000	205.000	205.000	205.000	205.000	205.000	205.000
2779	Vật tư ngành nước	Ø 125/110 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	234.400	234.400	234.400	234.400	234.400	234.400	234.400	234.400	234.400
2780	Vật tư ngành nước	Ø 140/90 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	249.000	249.000	249.000	249.000	249.000	249.000	249.000	249.000	249.000
2781	Vật tư ngành nước	Ø 140/110 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	293.600	293.600	293.600	293.600	293.600	293.600	293.600	293.600	293.600
2782	Vật tư ngành nước	Ø 160/75 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000
2783	Vật tư ngành nước	Ø 160/90 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000
2784	Vật tư ngành nước	Ø 160/110 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000
2785	Vật tư ngành nước	Ø 160/125 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	428.600	428.600	428.600	428.600	428.600	428.600	428.600	428.600	428.600
2786	Vật tư ngành nước	Ø 160/140 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	447.600	447.600	447.600	447.600	447.600	447.600	447.600	447.600	447.600
2787	Vật tư ngành nước	Ø 200/110 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	580.300	580.300	580.300	580.300	580.300	580.300	580.300	580.300	580.300
2788	Vật tư ngành nước	**Côn giảm nhựa**		TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới		0	-	-	-	-	-	-	-
2789	Vật tư ngành nước	Ø 27/21 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
2790	Vật tư ngành nước	Ø 34/21 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.100	2.100	2.100	2.100	2.100	2.100	2.100	2.100	2.100
2791	Vật tư ngành nước	Ø 34/27 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.800	2.800	2.800	2.800	2.800	2.800	2.800	2.800	2.800
2792	Vật tư ngành nước	Ø 42/21 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.300	3.300	3.300	3.300	3.300	3.300	3.300	3.300	3.300
2793	Vật tư ngành nước	Ø 42/27 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400
2794	Vật tư ngành nước	Ø 42/34 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	3.600	3.600	3.600	3.600	3.600	3.600	3.600	3.600	3.600
2795	Vật tư ngành nước	Ø 48/21 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400
2796	Vật tư ngành nước	Ø 48/27 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.500	4.500	4.500	4.500	4.500	4.500	4.500	4.500	4.500
2797	Vật tư ngành nước	Ø 48/34 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600	4.600
2798	Vật tư ngành nước	Ø 48/42 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.800	4.800	4.800	4.800	4.800	4.800	4.800	4.800	4.800
2799	Vật tư ngành nước	Ø 60/21 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000
2800	Vật tư ngành nước	Ø 60/27 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300
2801	Vật tư ngành nước	Ø 60/34 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300
2802	Vật tư ngành nước	Ø 60/42 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300	7.300
2803	Vật tư ngành nước	Ø 60/48 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	7.600	7.600	7.600	7.600	7.600	7.600	7.600	7.600	7.600
2804	Vật tư ngành nước	Ø 75/34 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500
2805	Vật tư ngành nước	Ø 75/42 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500
2806	Vật tư ngành nước	Ø 75/48 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500
2807	Vật tư ngành nước	Ø 75/60 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000
2808	Vật tư ngành nước	Ø 90/34 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	15.400	15.400	15.400	15.400	15.400	15.400	15.400	15.400	15.400
2809	Vật tư ngành nước	Ø 90/42 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	16.600	16.600	16.600	16.600	16.600	16.600	16.600	16.600	16.600
2810	Vật tư ngành nước	Ø 90/48 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	16.800	16.800	16.800	16.800	16.800	16.800	16.800	16.800	16.800
2811	Vật tư ngành nước	Ø 90/60 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	17.900	17.900	17.900	17.900	17.900	17.900	17.900	17.900	17.900
2812	Vật tư ngành nước	Ø 90/75 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	18.600	18.600	18.600	18.600	18.600	18.600	18.600	18.600	18.600

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
2813	Vật tư ngành nước	Ø 110/34 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	25.100	25.100	25.100	25.100	25.100	25.100	25.100	25.100	25.100
2814	Vật tư ngành nước	Ø 110/42 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	24.100	24.100	24.100	24.100	24.100	24.100	24.100	24.100	24.100
2815	Vật tư ngành nước	Ø 110/48 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	24.100	24.100	24.100	24.100	24.100	24.100	24.100	24.100	24.100
2816	Vật tư ngành nước	Ø 110/60 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	25.300	25.300	25.300	25.300	25.300	25.300	25.300	25.300	25.300
2817	Vật tư ngành nước	Ø 110/75 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	25.500	25.500	25.500	25.500	25.500	25.500	25.500	25.500	25.500
2818	Vật tư ngành nước	Ø 110/90 PN8	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	26.300	26.300	26.300	26.300	26.300	26.300	26.300	26.300	26.300
2819	Vật tư ngành nước	Ø 125/75 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	74.100	74.100	74.100	74.100	74.100	74.100	74.100	74.100	74.100
2820	Vật tư ngành nước	Ø 125/90 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	82.900	82.900	82.900	82.900	82.900	82.900	82.900	82.900	82.900
2821	Vật tư ngành nước	Ø 125/110 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	116.100	116.100	116.100	116.100	116.100	116.100	116.100	116.100	116.100
2822	Vật tư ngành nước	Ø 140/90 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	123.300	123.300	123.300	123.300	123.300	123.300	123.300	123.300	123.300
2823	Vật tư ngành nước	Ø 140/110 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	126.400	126.400	126.400	126.400	126.400	126.400	126.400	126.400	126.400
2824	Vật tư ngành nước	Ø 160/90 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	133.800	133.800	133.800	133.800	133.800	133.800	133.800	133.800	133.800
2825	Vật tư ngành nước	Ø 160/110 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	151.900	151.900	151.900	151.900	151.900	151.900	151.900	151.900	151.900
2826	Vật tư ngành nước	Ø 160/125 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	184.600	184.600	184.600	184.600	184.600	184.600	184.600	184.600	184.600
2827	Vật tư ngành nước	Ø 160/140 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	228.300	228.300	228.300	228.300	228.300	228.300	228.300	228.300	228.300
2828	Vật tư ngành nước	Ø 200/110 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	286.100	286.100	286.100	286.100	286.100	286.100	286.100	286.100	286.100
2829	Vật tư ngành nước	Ø 200/160 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	324.400	324.400	324.400	324.400	324.400	324.400	324.400	324.400	324.400
2830	Vật tư ngành nước	Ø 225/160 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	445.400	445.400	445.400	445.400	445.400	445.400	445.400	445.400	445.400
2831	Vật tư ngành nước	Ø 225/200 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	385.600	385.600	385.600	385.600	385.600	385.600	385.600	385.600	385.600
2832	Vật tư ngành nước	Ø 250/110 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	444.100	444.100	444.100	444.100	444.100	444.100	444.100	444.100	444.100
2833	Vật tư ngành nước	Ø 250/160 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	468.900	468.900	468.900	468.900	468.900	468.900	468.900	468.900	468.900
2834	Vật tư ngành nước	Ø 250/200 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	541.600	541.600	541.600	541.600	541.600	541.600	541.600	541.600	541.600
2835	Vật tư ngành nước	Ø 315/160 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	990.400	990.400	990.400	990.400	990.400	990.400	990.400	990.400	990.400

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
2836	Vật tư ngành nước	Ø 315/200 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.027.100	1.027.100	1.027.100	1.027.100	1.027.100	1.027.100	1.027.100	1.027.100	1.027.100
2837	Vật tư ngành nước	Ø 315/250 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.057.600	1.057.600	1.057.600	1.057.600	1.057.600	1.057.600	1.057.600	1.057.600	1.057.600
2838	Vật tư ngành nước	**Bạc chuyển bậc**		TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2839	Vật tư ngành nước	Ø 75/34 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100
2840	Vật tư ngành nước	Ø 75/42 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100
2841	Vật tư ngành nước	Ø 75/48 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100
2842	Vật tư ngành nước	Ø 75/60 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100	11.100
2843	Vật tư ngành nước	Ø 90/34 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000	17.000
2844	Vật tư ngành nước	Ø 90/42 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	17.100	17.100	17.100	17.100	17.100	17.100	17.100	17.100	17.100
2845	Vật tư ngành nước	Ø 90/48 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000
2846	Vật tư ngành nước	Ø 90/60 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	19.400	19.400	19.400	19.400	19.400	19.400	19.400	19.400	19.400
2847	Vật tư ngành nước	Ø 90/75 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	17.300	17.300	17.300	17.300	17.300	17.300	17.300	17.300	17.300
2848	Vật tư ngành nước	Ø 110/42 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	30.400	30.400	30.400	30.400	30.400	30.400	30.400	30.400	30.400
2849	Vật tư ngành nước	Ø 110/48 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	33.900	33.900	33.900	33.900	33.900	33.900	33.900	33.900	33.900
2850	Vật tư ngành nước	Ø 110/60 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	35.300	35.300	35.300	35.300	35.300	35.300	35.300	35.300	35.300
2851	Vật tư ngành nước	Ø 110/75 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	37.600	37.600	37.600	37.600	37.600	37.600	37.600	37.600	37.600
2852	Vật tư ngành nước	Ø 110/90 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	39.800	39.800	39.800	39.800	39.800	39.800	39.800	39.800	39.800
2853	Vật tư ngành nước	Ø 125/75 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300
2854	Vật tư ngành nước	Ø 125/90 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300
2855	Vật tư ngành nước	Ø 125/110 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300	54.300
2856	Vật tư ngành nước	Ø 140/75 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000
2857	Vật tư ngành nước	Ø 140/90 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300
2858	Vật tư ngành nước	Ø 140/110 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
2859	Vật tư ngành nước	Ø 140/125 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300	62.300
2860	Vật tư ngành nước	Ø 160/90 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	93.300	93.300	93.300	93.300	93.300	93.300	93.300	93.300	93.300
2861	Vật tư ngành nước	Ø 160/110 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500
2862	Vật tư ngành nước	Ø 160/125 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500
2863	Vật tư ngành nước	Ø 160/140 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500	102.500
2864	Vật tư ngành nước	Ø 200/110 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000
2865	Vật tư ngành nước	Ø 200/125 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000
2866	Vật tư ngành nước	Ø 200/140 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000
2867	Vật tư ngành nước	Ø 200/160 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000
2868	Vật tư ngành nước	Ø 225/200 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	688.100	688.100	688.100	688.100	688.100	688.100	688.100	688.100	688.100
2869	Vật tư ngành nước	**Tê giảm nhựa 45^0**		TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2870	Vật tư ngành nước	Ø 75/60 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	53.600	53.600	53.600	53.600	53.600	53.600	53.600	53.600	53.600
2871	Vật tư ngành nước	Ø 90/60 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	74.900	74.900	74.900	74.900	74.900	74.900	74.900	74.900	74.900
2872	Vật tư ngành nước	Ø 90/75 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	89.300	89.300	89.300	89.300	89.300	89.300	89.300	89.300	89.300
2873	Vật tư ngành nước	Ø 110/60 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	102.400	102.400	102.400	102.400	102.400	102.400	102.400	102.400	102.400
2874	Vật tư ngành nước	Ø 110/75 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	115.400	115.400	115.400	115.400	115.400	115.400	115.400	115.400	115.400
2875	Vật tư ngành nước	Ø 110/90 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	121.600	121.600	121.600	121.600	121.600	121.600	121.600	121.600	121.600
2876	Vật tư ngành nước	Ø 125/75 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	173.300	173.300	173.300	173.300	173.300	173.300	173.300	173.300	173.300
2877	Vật tư ngành nước	Ø 125/90 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	171.500	171.500	171.500	171.500	171.500	171.500	171.500	171.500	171.500
2878	Vật tư ngành nước	Ø 125/110 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	226.600	226.600	226.600	226.600	226.600	226.600	226.600	226.600	226.600
2879	Vật tư ngành nước	Ø 140/75 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	198.000	198.000	198.000	198.000	198.000	198.000	198.000	198.000	198.000
2880	Vật tư ngành nước	Ø 140/90 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	270.000	270.000	270.000	270.000	270.000	270.000	270.000	270.000	270.000
2881	Vật tư ngành nước	Ø 140/110 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	290.600	290.600	290.600	290.600	290.600	290.600	290.600	290.600	290.600

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
2882	Vật tư ngành nước	Ø 160/90 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	315.300	315.300	315.300	315.300	315.300	315.300	315.300	315.300	315.300
2883	Vật tư ngành nước	Ø 160/110 PN10	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000	352.000
2884	Vật tư ngành nước	**Bít xả thông tắc**		TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới		0	-	-	-	-	-	-	-
2885	Vật tư ngành nước	Ø60	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	13.300	13.300	13.300	13.300	13.300	13.300	13.300	13.300	13.300
2886	Vật tư ngành nước	Ø75	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	19.300	19.300	19.300	19.300	19.300	19.300	19.300	19.300	19.300
2887	Vật tư ngành nước	Ø90	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	28.000	28.000	28.000	28.000	28.000	28.000	28.000	28.000	28.000
2888	Vật tư ngành nước	Ø110	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	37.300	37.300	37.300	37.300	37.300	37.300	37.300	37.300	37.300
2889	Vật tư ngành nước	Ø125	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	53.400	53.400	53.400	53.400	53.400	53.400	53.400	53.400	53.400
2890	Vật tư ngành nước	Ø140	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	70.600	70.600	70.600	70.600	70.600	70.600	70.600	70.600	70.600
2891	Vật tư ngành nước	Ø160	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	94.600	94.600	94.600	94.600	94.600	94.600	94.600	94.600	94.600
2892	Vật tư ngành nước	Ø200	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	332.300	332.300	332.300	332.300	332.300	332.300	332.300	332.300	332.300
2893	Vật tư ngành nước	**Xi phông (con thỏ)**	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2894	Vật tư ngành nước	Ø60	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000
2895	Vật tư ngành nước	Ø75	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	66.900	66.900	66.900	66.900	66.900	66.900	66.900	66.900	66.900
2896	Vật tư ngành nước	Ø90	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	88.400	88.400	88.400	88.400	88.400	88.400	88.400	88.400	88.400
2897	Vật tư ngành nước	Ø110	cái	TCVN 8491- 3:2011		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	147.100	147.100	147.100	147.100	147.100	147.100	147.100	147.100	147.100
2898	Vật tư ngành nước	**Keo dán**				Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2899	Vật tư ngành nước	15g	hộp			Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000
2900	Vật tư ngành nước	30g	hộp			Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	9.600	9.600	9.600	9.600	9.600	9.600	9.600	9.600	9.600
2901	Vật tư ngành nước	50g	hộp			Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	86.400	86.400	86.400	86.400	86.400	86.400	86.400	86.400	86.400
2902	Vật tư ngành nước	1000g	hộp			Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	173.000	173.000	173.000	173.000	173.000	173.000	173.000	173.000	173.000
2903	Vật tư ngành nước	**Hố ga**				Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2904	Vật tư ngành nước	Hố ga 2 đầu ngang thân 225/MS lệch 110	đ/cái	TCVN 12755:2020		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	861.800	861.800	861.800	861.800	861.800	861.800	861.800	861.800	861.800

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
2905	Vật tư ngành nước	Hố ga 2 đầu ngang thân 225/MS lệch 110	đ/cái	TCVN 12755:2020		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	861.800	861.800	861.800	861.800	861.800	861.800	861.800	861.800	861.800
2906	Vật tư ngành nước	Hố ga 2 đầu đứng tê cong 160/110	đ/cái	TCVN 12755:2020		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	280.200	280.200	280.200	280.200	280.200	280.200	280.200	280.200	280.200
2907	Vật tư ngành nước	Hố ga 2 đầu ngang thân 200/cút 160	đ/cái	TCVN 12755:2020		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	978.100	978.100	978.100	978.100	978.100	978.100	978.100	978.100	978.100
2908	Vật tư ngành nước	Hố ga 4 đầu thân 200/thập lệch 160/110	đ/cái	TCVN 12755:2020		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.566.900	1.566.900	1.566.900	1.566.900	1.566.900	1.566.900	1.566.900	1.566.900	1.566.900
2909	Vật tư ngành nước	Hố ga 4 đầu thân 200/thập lệch 160/110	đ/cái	TCVN 12755:2020		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	2.290.800	2.290.800	2.290.800	2.290.800	2.290.800	2.290.800	2.290.800	2.290.800	2.290.800
2910	Vật tư ngành nước	Nắp đậy hố ga 200 Composite (tải trọng 1.5 tấn)	đ/cái	TCVN 12755:2020		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.346.300	1.346.300	1.346.300	1.346.300	1.346.300	1.346.300	1.346.300	1.346.300	1.346.300
2911	Vật tư ngành nước	Nắp đậy hố ga 225 Composite (tải trọng 1.5 tấn)	đ/cái	TCVN 12755:2020		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	1.346.300	1.346.300	1.346.300	1.346.300	1.346.300	1.346.300	1.346.300	1.346.300	1.346.300
2912	Vật tư ngành nước	Nắp đậy hố ga 160 nhựa	đ/cái	TCVN 12755:2020		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	887.300	887.300	887.300	887.300	887.300	887.300	887.300	887.300	887.300
2913	Vật tư ngành nước	Nút bịt hố ga 110 nhựa	đ/cái	TCVN 12755:2020		Công ty TNHH Thiết bị điện nước Phúc Hà. Đc: Thôn Chi Trung, Xã Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên - đt: 02437522640. Công văn đề nghị công bố giá số 0401/CV-PH26 ngày 12/05/2026	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 01/05/2026 đến 31/12/2026	Bổ sung mới	44.500	44.500	44.500	44.500	44.500	44.500	44.500	44.500	44.500
2914	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 21 x 1.7mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	21 x 1.7mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	11.000	11.000	11.000	11.000	11.000	11.000	11.000	11.000	11.000
2915	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 21 x 3.0mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	21 x 3.0mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	18.400	18.400	18.400	18.400	18.400	18.400	18.400	18.400	18.400
2916	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 27 x 1.9mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	27 x 1.9mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	15.500	15.500	15.500	15.500	15.500	15.500	15.500	15.500	15.500
2917	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 27 x 3.0mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	27 x 3.0mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	24.300	24.300	24.300	24.300	24.300	24.300	24.300	24.300	24.300
2918	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 34 x 2.1mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	34 x 2.1mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800	21.800
2919	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 34 x 3.0mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	34 x 3.0mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	30.800	30.800	30.800	30.800	30.800	30.800	30.800	30.800	30.800
2920	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 42 x 2.1mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	42 x 2.1mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	28.800	28.800	28.800	28.800	28.800	28.800	28.800	28.800	28.800
2921	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 42 x 3.5mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	42 x 3.5mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	47.700	47.700	47.700	47.700	47.700	47.700	47.700	47.700	47.700
2922	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 49 x 2.5mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	49 x 2.5mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	37.700	37.700	37.700	37.700	37.700	37.700	37.700	37.700	37.700
2923	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 49 x 3.5mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	49 x 3.5mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000
2924	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 60 x 2.0mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60 x 2.0mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	39.900	39.900	39.900	39.900	39.900	39.900	39.900	39.900	39.900
2925	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 60 x 2.5mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60 x 2.5mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	47.200	47.200	47.200	47.200	47.200	47.200	47.200	47.200	47.200
2926	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 60 x 3.0mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60 x 3.0mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	58.000	58.000	58.000	58.000	58.000	58.000	58.000	58.000	58.000
2927	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 60 x 4.0mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60 x 4.0mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	73.000	73.000	73.000	73.000	73.000	73.000	73.000	73.000	73.000
2928	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 60 x 4.5mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60 x 4.5mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	85.700	85.700	85.700	85.700	85.700	85.700	85.700	85.700	85.700
2929	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 76 x 3.0mm *	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	76 x 3.0mm *	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	72.400	72.400	72.400	72.400	72.400	72.400	72.400	72.400	72.400
2930	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 76 x 4.5mm *	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	76 x 4.5mm *	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	122.300	122.300	122.300	122.300	122.300	122.300	122.300	122.300	122.300

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
2931	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 90 x 3.0mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 x 3.0mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	87.000	87.000	87.000	87.000	87.000	87.000	87.000	87.000	87.000
2932	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 90 x 3.8mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 x 3.8mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	111.400	111.400	111.400	111.400	111.400	111.400	111.400	111.400	111.400
2933	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 90 x 4.0mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 x 4.0mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	111.400	111.400	111.400	111.400	111.400	111.400	111.400	111.400	111.400
2934	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 90 x 5.5mm *	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 x 5.5mm *	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	169.300	169.300	169.300	169.300	169.300	169.300	169.300	169.300	169.300
2935	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 114 x 3.5mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 x 3.5mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	124.500	124.500	124.500	124.500	124.500	124.500	124.500	124.500	124.500
2936	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 114 x 5.0mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 x 5.0mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	183.000	183.000	183.000	183.000	183.000	183.000	183.000	183.000	183.000
2937	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 114 x 7.0mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 x 7.0mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	268.400	268.400	268.400	268.400	268.400	268.400	268.400	268.400	268.400
2938	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 140 x 3.5mm *	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 x 3.5mm *	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	162.300	162.300	162.300	162.300	162.300	162.300	162.300	162.300	162.300
2939	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 140 x 5.0mm *	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 x 5.0mm *	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	248.900	248.900	248.900	248.900	248.900	248.900	248.900	248.900	248.900
2940	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 140 x 7.5mm *	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 x 7.5mm *	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	367.300	367.300	367.300	367.300	367.300	367.300	367.300	367.300	367.300
2941	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 168 x 4.5mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168 x 4.5mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	239.500	239.500	239.500	239.500	239.500	239.500	239.500	239.500	239.500
2942	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 168 x 7.0mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168 x 7.0mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	385.400	385.400	385.400	385.400	385.400	385.400	385.400	385.400	385.400
2943	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 168 x 9.0mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168 x 9.0mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	538.800	538.800	538.800	538.800	538.800	538.800	538.800	538.800	538.800
2944	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 220 x 6.6mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	220 x 6.6mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	476.300	476.300	476.300	476.300	476.300	476.300	476.300	476.300	476.300
2945	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 220 x 8.7mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	220 x 8.7mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	621.700	621.700	621.700	621.700	621.700	621.700	621.700	621.700	621.700
2946	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 121 x 6.7mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	121 x 6.7mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	266.700	266.700	266.700	266.700	266.700	266.700	266.700	266.700	266.700
2947	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 177 x 9.7mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	177 x 9.7mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	563.200	563.200	563.200	563.200	563.200	563.200	563.200	563.200	563.200
2948	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 222 x 9.7mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	222 x 9.7mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	719.500	719.500	719.500	719.500	719.500	719.500	719.500	719.500	719.500
2949	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 222 x 11.4mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	222 x 11.4mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	838.800	838.800	838.800	838.800	838.800	838.800	838.800	838.800	838.800
2950	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 75 x 2.2mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	75 x 2.2mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	53.300	53.300	53.300	53.300	53.300	53.300	53.300	53.300	53.300
2951	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 75 x 3.6mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	75 x 3.6mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	86.000	86.000	86.000	86.000	86.000	86.000	86.000	86.000	86.000
2952	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 90 x 2.2mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 x 2.2mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	65.800	65.800	65.800	65.800	65.800	65.800	65.800	65.800	65.800
2953	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 90 x 2.7mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 x 2.7mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	76.000	76.000	76.000	76.000	76.000	76.000	76.000	76.000	76.000
2954	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 90 x 3.5mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 x 3.5mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	99.600	99.600	99.600	99.600	99.600	99.600	99.600	99.600	99.600
2955	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 90 x 4.3mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 x 4.3mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	123.800	123.800	123.800	123.800	123.800	123.800	123.800	123.800	123.800
2956	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 90 x 5.4mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 x 5.4mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	153.800	153.800	153.800	153.800	153.800	153.800	153.800	153.800	153.800
2957	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 110 x 2.7mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110 x 2.7mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	97.900	97.900	97.900	97.900	97.900	97.900	97.900	97.900	97.900

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
2958	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 110 x 3.2mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110 x 3.2mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	111.400	111.400	111.400	111.400	111.400	111.400	111.400	111.400	111.400
2959	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 110 x 4.2mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110 x 4.2mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000
2960	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 110 x 5.3mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110 x 5.3mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	186.800	186.800	186.800	186.800	186.800	186.800	186.800	186.800	186.800
2961	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 110 x 6.6mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110 x 6.6mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	230.500	230.500	230.500	230.500	230.500	230.500	230.500	230.500	230.500
2962	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 140 x 3.5mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 x 3.5mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	151.300	151.300	151.300	151.300	151.300	151.300	151.300	151.300	151.300
2963	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 140 x 4.1mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 x 4.1mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	178.300	178.300	178.300	178.300	178.300	178.300	178.300	178.300	178.300
2964	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 140 x 5.4mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 x 5.4mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	238.500	238.500	238.500	238.500	238.500	238.500	238.500	238.500	238.500
2965	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 140 x 6.7mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 x 6.7mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	291.900	291.900	291.900	291.900	291.900	291.900	291.900	291.900	291.900
2966	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 140 x 8.3mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 x 8.3mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	359.000	359.000	359.000	359.000	359.000	359.000	359.000	359.000	359.000
2967	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 160 x 4.0mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160 x 4.0mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000
2968	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 160 x 4.7mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160 x 4.7mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	230.900	230.900	230.900	230.900	230.900	230.900	230.900	230.900	230.900
2969	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 160 x 6.2mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160 x 6.2mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	298.600	298.600	298.600	298.600	298.600	298.600	298.600	298.600	298.600
2970	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 160 x 7.7mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160 x 7.7mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	378.900	378.900	378.900	378.900	378.900	378.900	378.900	378.900	378.900
2971	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 160 x 9.5mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160 x 9.5mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	465.100	465.100	465.100	465.100	465.100	465.100	465.100	465.100	465.100
2972	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 200 x 4.9mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200 x 4.9mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	311.500	311.500	311.500	311.500	311.500	311.500	311.500	311.500	311.500
2973	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 200 x 5.9mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200 x 5.9mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	362.300	362.300	362.300	362.300	362.300	362.300	362.300	362.300	362.300
2974	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 200 x 7.7mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200 x 7.7mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	462.300	462.300	462.300	462.300	462.300	462.300	462.300	462.300	462.300
2975	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 200 x 9.6mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200 x 9.6mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	592.400	592.400	592.400	592.400	592.400	592.400	592.400	592.400	592.400
2976	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 200 x 11.9mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200 x 11.9mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	730.100	730.100	730.100	730.100	730.100	730.100	730.100	730.100	730.100
2977	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 225 x 5.5mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	225 x 5.5mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	379.800	379.800	379.800	379.800	379.800	379.800	379.800	379.800	379.800
2978	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 225 x 6.6mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	225 x 6.6mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	450.100	450.100	450.100	450.100	450.100	450.100	450.100	450.100	450.100
2979	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 225 x 8.6mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	225 x 8.6mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	584.600	584.600	584.600	584.600	584.600	584.600	584.600	584.600	584.600
2980	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 225 x 10.8mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	225 x 10.8mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	749.800	749.800	749.800	749.800	749.800	749.800	749.800	749.800	749.800
2981	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 225 x 13.4mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	225 x 13.4mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	926.800	926.800	926.800	926.800	926.800	926.800	926.800	926.800	926.800
2982	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 250 x 6.2mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	250 x 6.2mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	499.500	499.500	499.500	499.500	499.500	499.500	499.500	499.500	499.500
2983	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 250 x 7.3mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	250 x 7.3mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	582.900	582.900	582.900	582.900	582.900	582.900	582.900	582.900	582.900
2984	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 250 x 9.6mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	250 x 9.6mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	753.400	753.400	753.400	753.400	753.400	753.400	753.400	753.400	753.400

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
2985	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 250 x 11.9mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	250 x 11.9mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	952.400	952.400	952.400	952.400	952.400	952.400	952.400	952.400	952.400
2986	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 250 x 14.8mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	250 x 14.8mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.179.500	1.179.500	1.179.500	1.179.500	1.179.500	1.179.500	1.179.500	1.179.500	1.179.500
2987	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 280 x 6.9mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	280 x 6.9mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	594.000	594.000	594.000	594.000	594.000	594.000	594.000	594.000	594.000
2988	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 280 x 8.2mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	280 x 8.2mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	699.800	699.800	699.800	699.800	699.800	699.800	699.800	699.800	699.800
2989	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 280 x 10.7mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	280 x 10.7mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	899.000	899.000	899.000	899.000	899.000	899.000	899.000	899.000	899.000
2990	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 280 x 13.4mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	280 x 13.4mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.233.000	1.233.000	1.233.000	1.233.000	1.233.000	1.233.000	1.233.000	1.233.000	1.233.000
2991	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 280 x 16.6mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	280 x 16.6mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.415.400	1.415.400	1.415.400	1.415.400	1.415.400	1.415.400	1.415.400	1.415.400	1.415.400
2992	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 315 x 7.7mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	315 x 7.7mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	745.400	745.400	745.400	745.400	745.400	745.400	745.400	745.400	745.400
2993	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 315 x 9.2mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	315 x 9.2mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	894.300	894.300	894.300	894.300	894.300	894.300	894.300	894.300	894.300
2994	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 315 x 12.1mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	315 x 12.1mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.123.600	1.123.600	1.123.600	1.123.600	1.123.600	1.123.600	1.123.600	1.123.600	1.123.600
2995	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 315 x 15.0mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	315 x 15.0mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.555.600	1.555.600	1.555.600	1.555.600	1.555.600	1.555.600	1.555.600	1.555.600	1.555.600
2996	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 315 x 18.7mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	315 x 18.7mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.792.500	1.792.500	1.792.500	1.792.500	1.792.500	1.792.500	1.792.500	1.792.500	1.792.500
2997	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 355 x 8.7mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	355 x 8.7mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	973.900	973.900	973.900	973.900	973.900	973.900	973.900	973.900	973.900
2998	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 355 x 10.4mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	355 x 10.4mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.158.600	1.158.600	1.158.600	1.158.600	1.158.600	1.158.600	1.158.600	1.158.600	1.158.600
2999	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 355 x 13.6mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	355 x 13.6mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.503.500	1.503.500	1.503.500	1.503.500	1.503.500	1.503.500	1.503.500	1.503.500	1.503.500
3000	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 355 x 16.9mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	355 x 16.9mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.848.800	1.848.800	1.848.800	1.848.800	1.848.800	1.848.800	1.848.800	1.848.800	1.848.800
3001	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 400 x 9.8mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	400 x 9.8mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.237.600	1.237.600	1.237.600	1.237.600	1.237.600	1.237.600	1.237.600	1.237.600	1.237.600
3002	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 400 x 11.7mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	400 x 11.7mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.471.800	1.471.800	1.471.800	1.471.800	1.471.800	1.471.800	1.471.800	1.471.800	1.471.800
3003	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 400 x 15.3mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	400 x 15.3mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.905.500	1.905.500	1.905.500	1.905.500	1.905.500	1.905.500	1.905.500	1.905.500	1.905.500
3004	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 400 x 19.1mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	400 x 19.1mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.353.900	2.353.900	2.353.900	2.353.900	2.353.900	2.353.900	2.353.900	2.353.900	2.353.900
3005	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 450 x 11.0mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	450 x 11.0mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.564.300	1.564.300	1.564.300	1.564.300	1.564.300	1.564.300	1.564.300	1.564.300	1.564.300
3006	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 450 x 13.2mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	450 x 13.2mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.866.400	1.866.400	1.866.400	1.866.400	1.866.400	1.866.400	1.866.400	1.866.400	1.866.400
3007	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 450 x 17.2mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	450 x 17.2mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.410.000	2.410.000	2.410.000	2.410.000	2.410.000	2.410.000	2.410.000	2.410.000	2.410.000
3008	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 450 x 21.5mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	450 x 21.5mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.985.500	2.985.500	2.985.500	2.985.500	2.985.500	2.985.500	2.985.500	2.985.500	2.985.500
3009	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 500 x 12.3mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	500 x 12.3mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.975.400	1.975.400	1.975.400	1.975.400	1.975.400	1.975.400	1.975.400	1.975.400	1.975.400
3010	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 500 x 14.6mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	500 x 14.6mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.270.000	2.270.000	2.270.000	2.270.000	2.270.000	2.270.000	2.270.000	2.270.000	2.270.000
3011	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 500 x 23.9mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	500 x 23.9mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.646.000	3.646.000	3.646.000	3.646.000	3.646.000	3.646.000	3.646.000	3.646.000	3.646.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
3012	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 560 x 17.2mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	560 x 17.2mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.102.200	3.102.200	3.102.200	3.102.200	3.102.200	3.102.200	3.102.200	3.102.200	3.102.200
3013	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 560 x 26.7mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	560 x 26.7mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.729.600	4.729.600	4.729.600	4.729.600	4.729.600	4.729.600	4.729.600	4.729.600	4.729.600
3014	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 630 x 18.4mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	630 x 18.4mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.664.000	3.664.000	3.664.000	3.664.000	3.664.000	3.664.000	3.664.000	3.664.000	3.664.000
3015	Vật tư ngành nước	Ống uPVC 630 x 30.0mm	m	ASTM D2241/TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	630 x 30.0mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.792.000	5.792.000	5.792.000	5.792.000	5.792.000	5.792.000	5.792.000	5.792.000	5.792.000
3016	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 20 x 1.8mm	m	ISO 4427:2007	20 x 1.8mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	12.100	12.100	12.100	12.100	12.100	12.100	12.100	12.100	12.100
3017	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 20 x 2.0mm	m	ISO 4427:2007	20 x 2.0mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500
3018	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 20 x 2.3mm	m	ISO 4427:2007	20 x 2.3mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800	14.800
3019	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 25 x 2.0mm	m	ISO 4427:2007	25 x 2.0mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000
3020	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 25 x 2.3mm	m	ISO 4427:2007	25 x 2.3mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000	19.000
3021	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 25 x 3.0mm	m	ISO 4427:2007	25 x 3.0mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	22.300	22.300	22.300	22.300	22.300	22.300	22.300	22.300	22.300
3022	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 32 x 2.0mm	m	ISO 4427:2007	32 x 2.0mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400	21.400
3023	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 32 x 2.4mm	m	ISO 4427:2007	32 x 2.4mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	26.100	26.100	26.100	26.100	26.100	26.100	26.100	26.100	26.100
3024	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 32 x 3.0mm	m	ISO 4427:2007	32 x 3.0mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	30.600	30.600	30.600	30.600	30.600	30.600	30.600	30.600	30.600
3025	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 32 x 3.6mm	m	ISO 4427:2007	32 x 3.6mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	36.800	36.800	36.800	36.800	36.800	36.800	36.800	36.800	36.800
3026	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 40 x 2.0mm	m	ISO 4427:2007	40 x 2.0mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	27.100	27.100	27.100	27.100	27.100	27.100	27.100	27.100	27.100
3027	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 40 x 2.4mm	m	ISO 4427:2007	40 x 2.4mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	32.600	32.600	32.600	32.600	32.600	32.600	32.600	32.600	32.600
3028	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 40 x 3.0mm	m	ISO 4427:2007	40 x 3.0mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	39.500	39.500	39.500	39.500	39.500	39.500	39.500	39.500	39.500
3029	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 40 x 3.7mm	m	ISO 4427:2007	40 x 3.7mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	47.400	47.400	47.400	47.400	47.400	47.400	47.400	47.400	47.400
3030	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 40 x 4.5mm	m	ISO 4427:2007	40 x 4.5mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	56.300	56.300	56.300	56.300	56.300	56.300	56.300	56.300	56.300
3031	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 50 x 2.4mm	m	ISO 4427:2007	50 x 2.4mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	42.000	42.000	42.000	42.000	42.000	42.000	42.000	42.000	42.000
3032	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 50 x 3.0mm	m	ISO 4427:2007	50 x 3.0mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	50.100	50.100	50.100	50.100	50.100	50.100	50.100	50.100	50.100
3033	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 50 x 3.7mm	m	ISO 4427:2007	50 x 3.7mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	60.300	60.300	60.300	60.300	60.300	60.300	60.300	60.300	60.300
3034	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 50 x 4.6mm	m	ISO 4427:2007	50 x 4.6mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	73.500	73.500	73.500	73.500	73.500	73.500	73.500	73.500	73.500
3035	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 50 x 5.6mm	m	ISO 4427:2007	50 x 5.6mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	87.000	87.000	87.000	87.000	87.000	87.000	87.000	87.000	87.000
3036	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 63 x 3.0mm	m	ISO 4427:2007	63 x 3.0mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	65.100	65.100	65.100	65.100	65.100	65.100	65.100	65.100	65.100
3037	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 63 x 3.8mm	m	ISO 4427:2007	63 x 3.8mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000
3038	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 63 x 4.7mm	m	ISO 4427:2007	63 x 4.7mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	97.000	97.000	97.000	97.000	97.000	97.000	97.000	97.000	97.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
3039	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 63 x 5.8mm	m	ISO 4427:2007	63 x 5.8mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	115.700	115.700	115.700	115.700	115.700	115.700	115.700	115.700	115.700
3040	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 63 x 7.1mm	m	ISO 4427:2007	63 x 7.1mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	138.500	138.500	138.500	138.500	138.500	138.500	138.500	138.500	138.500
3041	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 75 x 3.6mm	m	ISO 4427:2007	75 x 3.6mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700
3042	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 75 x 4.5mm	m	ISO 4427:2007	75 x 4.5mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	114.200	114.200	114.200	114.200	114.200	114.200	114.200	114.200	114.200
3043	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 75 x 5.6mm	m	ISO 4427:2007	75 x 5.6mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	137.700	137.700	137.700	137.700	137.700	137.700	137.700	137.700	137.700
3044	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 75 x 6.8mm	m	ISO 4427:2007	75 x 6.8mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	164.300	164.300	164.300	164.300	164.300	164.300	164.300	164.300	164.300
3045	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 75 x 8.4mm	m	ISO 4427:2007	75 x 8.4mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	196.200	196.200	196.200	196.200	196.200	196.200	196.200	196.200	196.200
3046	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 90 x 4.3mm	m	ISO 4427:2007	90 x 4.3mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	146.300	146.300	146.300	146.300	146.300	146.300	146.300	146.300	146.300
3047	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 90 x 5.4mm	m	ISO 4427:2007	90 x 5.4mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	162.000	162.000	162.000	162.000	162.000	162.000	162.000	162.000	162.000
3048	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 90 x 6.7mm	m	ISO 4427:2007	90 x 6.7mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	195.800	195.800	195.800	195.800	195.800	195.800	195.800	195.800	195.800
3049	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 90 x 8.2mm	m	ISO 4427:2007	90 x 8.2mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	235.200	235.200	235.200	235.200	235.200	235.200	235.200	235.200	235.200
3050	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 90 x 10.1mm	m	ISO 4427:2007	90 x 10.1mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	281.500	281.500	281.500	281.500	281.500	281.500	281.500	281.500	281.500
3051	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 110 x 4.2mm	m	ISO 4427:2007	110 x 4.2mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	158.000	158.000	158.000	158.000	158.000	158.000	158.000	158.000	158.000
3052	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 110 x 5.3mm	m	ISO 4427:2007	110 x 5.3mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	196.300	196.300	196.300	196.300	196.300	196.300	196.300	196.300	196.300
3053	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 110 x 6.6mm	m	ISO 4427:2007	110 x 6.6mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	245.600	245.600	245.600	245.600	245.600	245.600	245.600	245.600	245.600
3054	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 110 x 8.1mm	m	ISO 4427:2007	110 x 8.1mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	293.300	293.300	293.300	293.300	293.300	293.300	293.300	293.300	293.300
3055	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 110 x 10.0mm	m	ISO 4427:2007	110 x 10.0mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	354.300	354.300	354.300	354.300	354.300	354.300	354.300	354.300	354.300
3056	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 110 x 12.3mm	m	ISO 4427:2007	110 x 12.3mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	426.400	426.400	426.400	426.400	426.400	426.400	426.400	426.400	426.400
3057	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 125 x 4.8mm	m	ISO 4427:2007	125 x 4.8mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	204.500	204.500	204.500	204.500	204.500	204.500	204.500	204.500	204.500
3058	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 125 x 6.0mm	m	ISO 4427:2007	125 x 6.0mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	253.500	253.500	253.500	253.500	253.500	253.500	253.500	253.500	253.500
3059	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 125 x 7.4mm	m	ISO 4427:2007	125 x 7.4mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	310.000	310.000	310.000	310.000	310.000	310.000	310.000	310.000	310.000
3060	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 125 x 9.2mm	m	ISO 4427:2007	125 x 9.2mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	377.700	377.700	377.700	377.700	377.700	377.700	377.700	377.700	377.700
3061	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 125 x 11.4mm	m	ISO 4427:2007	125 x 11.4mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	458.300	458.300	458.300	458.300	458.300	458.300	458.300	458.300	458.300
3062	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 125 x 14.0mm	m	ISO 4427:2007	125 x 14.0mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	546.500	546.500	546.500	546.500	546.500	546.500	546.500	546.500	546.500
3063	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 140 x 5.4mm	m	ISO 4427:2007	140 x 5.4mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	256.600	256.600	256.600	256.600	256.600	256.600	256.600	256.600	256.600
3064	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 140 x 6.7mm	m	ISO 4427:2007	140 x 6.7mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	315.700	315.700	315.700	315.700	315.700	315.700	315.700	315.700	315.700
3065	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 140 x 8.3mm	m	ISO 4427:2007	140 x 8.3mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	386.900	386.900	386.900	386.900	386.900	386.900	386.900	386.900	386.900

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
3066	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 140 x 10.3mm	m	ISO 4427:2007	140 x 10.3mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	468.600	468.600	468.600	468.600	468.600	468.600	468.600	468.600	468.600
3067	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 140 x 12.7mm	m	ISO 4427:2007	140 x 12.7mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	568.100	568.100	568.100	568.100	568.100	568.100	568.100	568.100	568.100
3068	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 140 x 15.7mm	m	ISO 4427:2007	140 x 15.7mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	683.300	683.300	683.300	683.300	683.300	683.300	683.300	683.300	683.300
3069	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 160 x 6.2mm	m	ISO 4427:2007	160 x 6.2mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	336.200	336.200	336.200	336.200	336.200	336.200	336.200	336.200	336.200
3070	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 160 x 7.7mm	m	ISO 4427:2007	160 x 7.7mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	414.600	414.600	414.600	414.600	414.600	414.600	414.600	414.600	414.600
3071	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 160 x 9.5mm	m	ISO 4427:2007	160 x 9.5mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	508.400	508.400	508.400	508.400	508.400	508.400	508.400	508.400	508.400
3072	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 160 x 11.8mm	m	ISO 4427:2007	160 x 11.8mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	611.500	611.500	611.500	611.500	611.500	611.500	611.500	611.500	611.500
3073	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 160 x 14.6mm	m	ISO 4427:2007	160 x 14.6mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	751.400	751.400	751.400	751.400	751.400	751.400	751.400	751.400	751.400
3074	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 160 x 17.9mm	m	ISO 4427:2007	160 x 17.9mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	896.400	896.400	896.400	896.400	896.400	896.400	896.400	896.400	896.400
3075	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 180 x 6.9mm	m	ISO 4427:2007	180 x 6.9mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	420.100	420.100	420.100	420.100	420.100	420.100	420.100	420.100	420.100
3076	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 180 x 8.6mm	m	ISO 4427:2007	180 x 8.6mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	521.900	521.900	521.900	521.900	521.900	521.900	521.900	521.900	521.900
3077	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 180 x 10.7mm	m	ISO 4427:2007	180 x 10.7mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	640.100	640.100	640.100	640.100	640.100	640.100	640.100	640.100	640.100
3078	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 180 x 13.3mm	m	ISO 4427:2007	180 x 13.3mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	779.500	779.500	779.500	779.500	779.500	779.500	779.500	779.500	779.500
3079	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 180 x 16.4mm	m	ISO 4427:2007	180 x 16.4mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	945.100	945.100	945.100	945.100	945.100	945.100	945.100	945.100	945.100
3080	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 200 x 7.7mm	m	ISO 4427:2007	200 x 7.7mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	521.800	521.800	521.800	521.800	521.800	521.800	521.800	521.800	521.800
3081	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 200 x 9.6mm	m	ISO 4427:2007	200 x 9.6mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	650.100	650.100	650.100	650.100	650.100	650.100	650.100	650.100	650.100
3082	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 200 x 11.9mm	m	ISO 4427:2007	200 x 11.9mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	802.100	802.100	802.100	802.100	802.100	802.100	802.100	802.100	802.100
3083	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 200 x 14.7mm	m	ISO 4427:2007	200 x 14.7mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	955.300	955.300	955.300	955.300	955.300	955.300	955.300	955.300	955.300
3084	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 200 x 18.2mm	m	ISO 4427:2007	200 x 18.2mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.182.500	1.182.500	1.182.500	1.182.500	1.182.500	1.182.500	1.182.500	1.182.500	1.182.500
3085	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 200 x 22.4mm	m	ISO 4427:2007	200 x 22.4mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.410.000	1.410.000	1.410.000	1.410.000	1.410.000	1.410.000	1.410.000	1.410.000	1.410.000
3086	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 225 x 8.6mm	m	ISO 4427:2007	225 x 8.6mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	654.600	654.600	654.600	654.600	654.600	654.600	654.600	654.600	654.600
3087	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 225 x 10.8mm	m	ISO 4427:2007	225 x 10.8mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	818.800	818.800	818.800	818.800	818.800	818.800	818.800	818.800	818.800
3088	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 225 x 13.4mm	m	ISO 4427:2007	225 x 13.4mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	986.000	986.000	986.000	986.000	986.000	986.000	986.000	986.000	986.000
3089	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 225 x 16.6mm	m	ISO 4427:2007	225 x 16.6mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.207.600	1.207.600	1.207.600	1.207.600	1.207.600	1.207.600	1.207.600	1.207.600	1.207.600
3090	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 225 x 20.5mm	m	ISO 4427:2007	225 x 20.5mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.445.800	1.445.800	1.445.800	1.445.800	1.445.800	1.445.800	1.445.800	1.445.800	1.445.800
3091	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 250 x 9.6mm	m	ISO 4427:2007	250 x 9.6mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	810.900	810.900	810.900	810.900	810.900	810.900	810.900	810.900	810.900
3092	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 250 x 11.9mm	m	ISO 4427:2007	250 x 11.9mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	999.100	999.100	999.100	999.100	999.100	999.100	999.100	999.100	999.100

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
3093	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 250 x 14.8mm	m	ISO 4427:2007	250 x 14.8mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.221.500	1.221.500	1.221.500	1.221.500	1.221.500	1.221.500	1.221.500	1.221.500	1.221.500
3094	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 250 x 18.4mm	m	ISO 4427:2007	250 x 18.4mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.501.400	1.501.400	1.501.400	1.501.400	1.501.400	1.501.400	1.501.400	1.501.400	1.501.400
3095	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 250 x 22.7mm	m	ISO 4427:2007	250 x 22.7mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.798.700	1.798.700	1.798.700	1.798.700	1.798.700	1.798.700	1.798.700	1.798.700	1.798.700
3096	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 280 x 10.7mm	m	ISO 4427:2007	280 x 10.7mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.005.600	1.005.600	1.005.600	1.005.600	1.005.600	1.005.600	1.005.600	1.005.600	1.005.600
3097	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 280 x 13.4mm	m	ISO 4427:2007	280 x 13.4mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.274.500	1.274.500	1.274.500	1.274.500	1.274.500	1.274.500	1.274.500	1.274.500	1.274.500
3098	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 280 x 16.6mm	m	ISO 4427:2007	280 x 16.6mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.522.100	1.522.100	1.522.100	1.522.100	1.522.100	1.522.100	1.522.100	1.522.100	1.522.100
3099	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 280 x 20.6mm	m	ISO 4427:2007	280 x 20.6mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.882.400	1.882.400	1.882.400	1.882.400	1.882.400	1.882.400	1.882.400	1.882.400	1.882.400
3100	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 280 x 25.4mm	m	ISO 4427:2007	280 x 25.4mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.254.300	2.254.300	2.254.300	2.254.300	2.254.300	2.254.300	2.254.300	2.254.300	2.254.300
3101	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 315 x 12.1mm	m	ISO 4427:2007	315 x 12.1mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.282.300	1.282.300	1.282.300	1.282.300	1.282.300	1.282.300	1.282.300	1.282.300	1.282.300
3102	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 315 x 15.0mm	m	ISO 4427:2007	315 x 15.0mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.596.500	1.596.500	1.596.500	1.596.500	1.596.500	1.596.500	1.596.500	1.596.500	1.596.500
3103	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 315 x 18.7mm	m	ISO 4427:2007	315 x 18.7mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.938.200	1.938.200	1.938.200	1.938.200	1.938.200	1.938.200	1.938.200	1.938.200	1.938.200
3104	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 315 x 23.2mm	m	ISO 4427:2007	315 x 23.2mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.354.300	2.354.300	2.354.300	2.354.300	2.354.300	2.354.300	2.354.300	2.354.300	2.354.300
3105	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 315 x 28.6mm	m	ISO 4427:2007	315 x 28.6mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.853.500	2.853.500	2.853.500	2.853.500	2.853.500	2.853.500	2.853.500	2.853.500	2.853.500
3106	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 355 x 13.6mm	m	ISO 4427:2007	355 x 13.6mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.628.700	1.628.700	1.628.700	1.628.700	1.628.700	1.628.700	1.628.700	1.628.700	1.628.700
3107	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 355 x 16.9mm	m	ISO 4427:2007	355 x 16.9mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.007.700	2.007.700	2.007.700	2.007.700	2.007.700	2.007.700	2.007.700	2.007.700	2.007.700
3108	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 355 x 21.1mm	m	ISO 4427:2007	355 x 21.1mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.463.000	2.463.000	2.463.000	2.463.000	2.463.000	2.463.000	2.463.000	2.463.000	2.463.000
3109	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 355 x 26.1mm	m	ISO 4427:2007	355 x 26.1mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.986.000	2.986.000	2.986.000	2.986.000	2.986.000	2.986.000	2.986.000	2.986.000	2.986.000
3110	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 355 x 32.2mm	m	ISO 4427:2007	355 x 32.2mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.622.500	3.622.500	3.622.500	3.622.500	3.622.500	3.622.500	3.622.500	3.622.500	3.622.500
3111	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 400 x 15.3mm	m	ISO 4427:2007	400 x 15.3mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.054.700	2.054.700	2.054.700	2.054.700	2.054.700	2.054.700	2.054.700	2.054.700	2.054.700
3112	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 400 x 19.1mm	m	ISO 4427:2007	400 x 19.1mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.574.600	2.574.600	2.574.600	2.574.600	2.574.600	2.574.600	2.574.600	2.574.600	2.574.600
3113	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 400 x 23.7mm	m	ISO 4427:2007	400 x 23.7mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.129.800	3.129.800	3.129.800	3.129.800	3.129.800	3.129.800	3.129.800	3.129.800	3.129.800
3114	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 400 x 29.4mm	m	ISO 4427:2007	400 x 29.4mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.780.400	3.780.400	3.780.400	3.780.400	3.780.400	3.780.400	3.780.400	3.780.400	3.780.400
3115	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 400 x 36.3mm	m	ISO 4427:2007	400 x 36.3mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.616.700	4.616.700	4.616.700	4.616.700	4.616.700	4.616.700	4.616.700	4.616.700	4.616.700
3116	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 450 x 17.2mm	m	ISO 4427:2007	450 x 17.2mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.625.900	2.625.900	2.625.900	2.625.900	2.625.900	2.625.900	2.625.900	2.625.900	2.625.900
3117	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 450 x 21.5mm	m	ISO 4427:2007	450 x 21.5mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.231.700	3.231.700	3.231.700	3.231.700	3.231.700	3.231.700	3.231.700	3.231.700	3.231.700
3118	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 450 x 26.7mm	m	ISO 4427:2007	450 x 26.7mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.954.800	3.954.800	3.954.800	3.954.800	3.954.800	3.954.800	3.954.800	3.954.800	3.954.800
3119	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 450 x 33.1mm	m	ISO 4427:2007	450 x 33.1mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.779.700	4.779.700	4.779.700	4.779.700	4.779.700	4.779.700	4.779.700	4.779.700	4.779.700

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
3120	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 450 x 40.9mm	m	ISO 4427:2007	450 x 40.9mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.843.400	5.843.400	5.843.400	5.843.400	5.843.400	5.843.400	5.843.400	5.843.400	5.843.400
3121	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 500 x 19.1mm	m	ISO 4427:2007	500 x 19.1mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.197.900	3.197.900	3.197.900	3.197.900	3.197.900	3.197.900	3.197.900	3.197.900	3.197.900
3122	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 500 x 23.9mm	m	ISO 4427:2007	500 x 23.9mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.009.100	4.009.100	4.009.100	4.009.100	4.009.100	4.009.100	4.009.100	4.009.100	4.009.100
3123	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 500 x 29.7mm	m	ISO 4427:2007	500 x 29.7mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.918.000	4.918.000	4.918.000	4.918.000	4.918.000	4.918.000	4.918.000	4.918.000	4.918.000
3124	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 500 x 36.8mm	m	ISO 4427:2007	500 x 36.8mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.948.300	5.948.300	5.948.300	5.948.300	5.948.300	5.948.300	5.948.300	5.948.300	5.948.300
3125	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 500 x 45.4mm	m	ISO 4427:2007	500 x 45.4mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7.243.500	7.243.500	7.243.500	7.243.500	7.243.500	7.243.500	7.243.500	7.243.500	7.243.500
3126	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 560 x 21.4mm	m	ISO 4427:2007	560 x 21.4mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.392.000	4.392.000	4.392.000	4.392.000	4.392.000	4.392.000	4.392.000	4.392.000	4.392.000
3127	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 560 x 26.7mm	m	ISO 4427:2007	560 x 26.7mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.415.700	5.415.700	5.415.700	5.415.700	5.415.700	5.415.700	5.415.700	5.415.700	5.415.700
3128	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 560 x 33.2mm	m	ISO 4427:2007	560 x 33.2mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.649.300	6.649.300	6.649.300	6.649.300	6.649.300	6.649.300	6.649.300	6.649.300	6.649.300
3129	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 560 x 41.2mm	m	ISO 4427:2007	560 x 41.2mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8.116.100	8.116.100	8.116.100	8.116.100	8.116.100	8.116.100	8.116.100	8.116.100	8.116.100
3130	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 560 x 50.8mm	m	ISO 4427:2007	560 x 50.8mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	9.803.200	9.803.200	9.803.200	9.803.200	9.803.200	9.803.200	9.803.200	9.803.200	9.803.200
3131	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 630 x 24.1mm	m	ISO 4427:2007	630 x 24.1mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.564.800	5.564.800	5.564.800	5.564.800	5.564.800	5.564.800	5.564.800	5.564.800	5.564.800
3132	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 630 x 30.0mm	m	ISO 4427:2007	630 x 30.0mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.842.700	6.842.700	6.842.700	6.842.700	6.842.700	6.842.700	6.842.700	6.842.700	6.842.700
3133	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 630 x 37.4mm	m	ISO 4427:2007	630 x 37.4mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8.422.000	8.422.000	8.422.000	8.422.000	8.422.000	8.422.000	8.422.000	8.422.000	8.422.000
3134	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 630 x 46.3mm	m	ISO 4427:2007	630 x 46.3mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10.258.200	10.258.200	10.258.200	10.258.200	10.258.200	10.258.200	10.258.200	10.258.200	10.258.200
3135	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 630 x 57.2mm	m	ISO 4427:2007	630 x 57.2mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	12.443.800	12.443.800	12.443.800	12.443.800	12.443.800	12.443.800	12.443.800	12.443.800	12.443.800
3136	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 710 x 27.2mm	m	ISO 4427:2007	710 x 27.2mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7.085.000	7.085.000	7.085.000	7.085.000	7.085.000	7.085.000	7.085.000	7.085.000	7.085.000
3137	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 710 x 33.9mm	m	ISO 4427:2007	710 x 33.9mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8.724.800	8.724.800	8.724.800	8.724.800	8.724.800	8.724.800	8.724.800	8.724.800	8.724.800
3138	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 710 x 42.1mm	m	ISO 4427:2007	710 x 42.1mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10.702.900	10.702.900	10.702.900	10.702.900	10.702.900	10.702.900	10.702.900	10.702.900	10.702.900
3139	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 710 x 52.2mm	m	ISO 4427:2007	710 x 52.2mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	13.051.800	13.051.800	13.051.800	13.051.800	13.051.800	13.051.800	13.051.800	13.051.800	13.051.800
3140	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 800 x 30.6mm	m	ISO 4427:2007	800 x 30.6mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8.973.000	8.973.000	8.973.000	8.973.000	8.973.000	8.973.000	8.973.000	8.973.000	8.973.000
3141	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 800 x 38.1mm	m	ISO 4427:2007	800 x 38.1mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	11.058.900	11.058.900	11.058.900	11.058.900	11.058.900	11.058.900	11.058.900	11.058.900	11.058.900
3142	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 800 x 47.4mm	m	ISO 4427:2007	800 x 47.4mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	13.571.800	13.571.800	13.571.800	13.571.800	13.571.800	13.571.800	13.571.800	13.571.800	13.571.800
3143	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 800 x 58.8mm	m	ISO 4427:2007	800 x 58.8mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	16.543.800	16.543.800	16.543.800	16.543.800	16.543.800	16.543.800	16.543.800	16.543.800	16.543.800
3144	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 900 x 34.4mm	m	ISO 4427:2007	900 x 34.4mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	11.348.400	11.348.400	11.348.400	11.348.400	11.348.400	11.348.400	11.348.400	11.348.400	11.348.400
3145	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 900 x 42.9mm	m	ISO 4427:2007	900 x 42.9mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	13.992.700	13.992.700	13.992.700	13.992.700	13.992.700	13.992.700	13.992.700	13.992.700	13.992.700
3146	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 900 x 53.3mm	m	ISO 4427:2007	900 x 53.3mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	17.167.300	17.167.300	17.167.300	17.167.300	17.167.300	17.167.300	17.167.300	17.167.300	17.167.300

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
3147	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 1000 x 38.2mm	m	ISO 4427:2007	1000 x 38.2mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	14.003.000	14.003.000	14.003.000	14.003.000	14.003.000	14.003.000	14.003.000	14.003.000	14.003.000
3148	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 1000 x 47.7mm	m	ISO 4427:2007	1000 x 47.7mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	17.288.600	17.288.600	17.288.600	17.288.600	17.288.600	17.288.600	17.288.600	17.288.600	17.288.600
3149	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 1000 x 59.3mm	m	ISO 4427:2007	1000 x 59.3mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	21.216.600	21.216.600	21.216.600	21.216.600	21.216.600	21.216.600	21.216.600	21.216.600	21.216.600
3150	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 1200 x 45.9mm	m	ISO 4427:2007	1200 x 45.9mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	20.169.300	20.169.300	20.169.300	20.169.300	20.169.300	20.169.300	20.169.300	20.169.300	20.169.300
3151	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 1200 x 57.2mm	m	ISO 4427:2007	1200 x 57.2mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	24.883.200	24.883.200	24.883.200	24.883.200	24.883.200	24.883.200	24.883.200	24.883.200	24.883.200
3152	Vật tư ngành nước	Ống HDPE 1200 x 67.9mm	m	ISO 4427:2007	1200 x 67.9mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	29.226.400	29.226.400	29.226.400	29.226.400	29.226.400	29.226.400	29.226.400	29.226.400	29.226.400
3153	Vật tư ngành nước	Ống PPR 20 x 2.3mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	20 x 2.3mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000
3154	Vật tư ngành nước	Ống PPR 20 x 2.8mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	20 x 2.8mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000
3155	Vật tư ngành nước	Ống PPR 20 x 3.4mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	20 x 3.4mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	44.400	44.400	44.400	44.400	44.400	44.400	44.400	44.400	44.400
3156	Vật tư ngành nước	Ống PPR 25 x 2.8mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	25 x 2.8mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	64.100	64.100	64.100	64.100	64.100	64.100	64.100	64.100	64.100
3157	Vật tư ngành nước	Ống PPR 25 x 3.5mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	25 x 3.5mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	73.800	73.800	73.800	73.800	73.800	73.800	73.800	73.800	73.800
3158	Vật tư ngành nước	Ống PPR 25 x 4.2mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	25 x 4.2mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	77.800	77.800	77.800	77.800	77.800	77.800	77.800	77.800	77.800
3159	Vật tư ngành nước	Ống PPR 32 x 2.9mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	32 x 2.9mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	83.100	83.100	83.100	83.100	83.100	83.100	83.100	83.100	83.100
3160	Vật tư ngành nước	Ống PPR 32 x 4.4mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	32 x 4.4mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	99.800	99.800	99.800	99.800	99.800	99.800	99.800	99.800	99.800
3161	Vật tư ngành nước	Ống PPR 32 x 5.4mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	32 x 5.4mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	114.700	114.700	114.700	114.700	114.700	114.700	114.700	114.700	114.700
3162	Vật tư ngành nước	Ống PPR 40 x 3.7mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	40 x 3.7mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	111.500	111.500	111.500	111.500	111.500	111.500	111.500	111.500	111.500
3163	Vật tư ngành nước	Ống PPR 40 x 5.5mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	40 x 5.5mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	135.200	135.200	135.200	135.200	135.200	135.200	135.200	135.200	135.200
3164	Vật tư ngành nước	Ống PPR 40 x 6.7mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	40 x 6.7mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	177.500	177.500	177.500	177.500	177.500	177.500	177.500	177.500	177.500
3165	Vật tư ngành nước	Ống PPR 50 x 4.6mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	50 x 4.6mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	163.300	163.300	163.300	163.300	163.300	163.300	163.300	163.300	163.300
3166	Vật tư ngành nước	Ống PPR 50 x 6.9mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	50 x 6.9mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	215.100	215.100	215.100	215.100	215.100	215.100	215.100	215.100	215.100
3167	Vật tư ngành nước	Ống PPR 50 x 8.3mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	50 x 8.3mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	275.800	275.800	275.800	275.800	275.800	275.800	275.800	275.800	275.800
3168	Vật tư ngành nước	Ống PPR 63 x 5.8mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	63 x 5.8mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	259.700	259.700	259.700	259.700	259.700	259.700	259.700	259.700	259.700
3169	Vật tư ngành nước	Ống PPR 63 x 8.6mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	63 x 8.6mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	338.000	338.000	338.000	338.000	338.000	338.000	338.000	338.000	338.000
3170	Vật tư ngành nước	Ống PPR 63 x 10.5mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	63 x 10.5mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	434.800	434.800	434.800	434.800	434.800	434.800	434.800	434.800	434.800
3171	Vật tư ngành nước	Ống PPR 75 x 6.8mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	75 x 6.8mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	361.100	361.100	361.100	361.100	361.100	361.100	361.100	361.100	361.100
3172	Vật tư ngành nước	Ống PPR 75 x 10.3mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	75 x 10.3mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	461.000	461.000	461.000	461.000	461.000	461.000	461.000	461.000	461.000
3173	Vật tư ngành nước	Ống PPR 75 x 12.5mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	75 x 12.5mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	602.200	602.200	602.200	602.200	602.200	602.200	602.200	602.200	602.200

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
3174	Vật tư ngành nước	Ống PPR 90 x 8.2mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	90 x 8.2mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	527.100	527.100	527.100	527.100	527.100	527.100	527.100	527.100	527.100
3175	Vật tư ngành nước	Ống PPR 90 x 12.3mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	90 x 12.3mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	645.400	645.400	645.400	645.400	645.400	645.400	645.400	645.400	645.400
3176	Vật tư ngành nước	Ống PPR 90 x 15.0mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	90 x 15.0mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	900.400	900.400	900.400	900.400	900.400	900.400	900.400	900.400	900.400
3177	Vật tư ngành nước	Ống PPR 110 x 10.0mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	110 x 10.0mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	843.400	843.400	843.400	843.400	843.400	843.400	843.400	843.400	843.400
3178	Vật tư ngành nước	Ống PPR 110 x 15.1mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	110 x 15.1mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	983.400	983.400	983.400	983.400	983.400	983.400	983.400	983.400	983.400
3179	Vật tư ngành nước	Ống PPR 110 x 18.3mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	110 x 18.3mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.267.500	1.267.500	1.267.500	1.267.500	1.267.500	1.267.500	1.267.500	1.267.500	1.267.500
3180	Vật tư ngành nước	Ống PPR 125 x 11.4mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	125 x 11.4mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.044.700	1.044.700	1.044.700	1.044.700	1.044.700	1.044.700	1.044.700	1.044.700	1.044.700
3181	Vật tư ngành nước	Ống PPR 125 x 17.1mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	125 x 17.1mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.275.200	1.275.200	1.275.200	1.275.200	1.275.200	1.275.200	1.275.200	1.275.200	1.275.200
3182	Vật tư ngành nước	Ống PPR 125 x 20.8mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	125 x 20.8mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.705.300	1.705.300	1.705.300	1.705.300	1.705.300	1.705.300	1.705.300	1.705.300	1.705.300
3183	Vật tư ngành nước	Ống PPR 140 x 12.7mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	140 x 12.7mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.289.100	1.289.100	1.289.100	1.289.100	1.289.100	1.289.100	1.289.100	1.289.100	1.289.100
3184	Vật tư ngành nước	Ống PPR 140 x 19.2mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	140 x 19.2mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.551.700	1.551.700	1.551.700	1.551.700	1.551.700	1.551.700	1.551.700	1.551.700	1.551.700
3185	Vật tư ngành nước	Ống PPR 140 x 23.3mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	140 x 23.3mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.166.400	2.166.400	2.166.400	2.166.400	2.166.400	2.166.400	2.166.400	2.166.400	2.166.400
3186	Vật tư ngành nước	Ống PPR 160 x 14.6mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	160 x 14.6mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.759.200	1.759.200	1.759.200	1.759.200	1.759.200	1.759.200	1.759.200	1.759.200	1.759.200
3187	Vật tư ngành nước	Ống PPR 160 x 21.9mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	160 x 21.9mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.151.000	2.151.000	2.151.000	2.151.000	2.151.000	2.151.000	2.151.000	2.151.000	2.151.000
3188	Vật tư ngành nước	Ống PPR 160 x 26.6mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	160 x 26.6mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.880.700	2.880.700	2.880.700	2.880.700	2.880.700	2.880.700	2.880.700	2.880.700	2.880.700
3189	Vật tư ngành nước	Ống PPR 200 x 18.2mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	200 x 18.2mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.379.200	3.379.200	3.379.200	3.379.200	3.379.200	3.379.200	3.379.200	3.379.200	3.379.200
3190	Vật tư ngành nước	Ống PPR 200 x 27.4mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	200 x 27.4mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.788.700	4.788.700	4.788.700	4.788.700	4.788.700	4.788.700	4.788.700	4.788.700	4.788.700
3191	Vật tư ngành nước	Ống PPR 200 x 33.2mm	m	DIN 8077:2008-09 & DIN 8078:2008-09	200 x 33.2mm	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.603.900	5.603.900	5.603.900	5.603.900	5.603.900	5.603.900	5.603.900	5.603.900	5.603.900
3192	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 21 D	cái	TCVN 8491-2011/ISO 1452:2009	21 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.800	2.800	2.800	2.800	2.800	2.800	2.800	2.800	2.800
3193	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 27 D	cái	TCVN 8491-2011/ISO 1452:2009	27 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000
3194	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 34 D	cái	TCVN 8491-2011/ISO 1452:2009	34 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.700	6.700	6.700	6.700	6.700	6.700	6.700	6.700	6.700
3195	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 42 D	cái	TCVN 8491-2011/ISO 1452:2009	42 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	9.200	9.200	9.200	9.200	9.200	9.200	9.200	9.200	9.200
3196	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 42 M	cái	TCVN 8491-2011/ISO 1452:2009	42 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000
3197	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 49 D	cái	TCVN 8491-2011/ISO 1452:2009	49 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	14.000	14.000	14.000	14.000	14.000	14.000	14.000	14.000	14.000
3198	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 49 M	cái	TCVN 8491-2011/ISO 1452:2009	49 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.300	5.300	5.300	5.300	5.300	5.300	5.300	5.300	5.300
3199	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 60 D	cái	TCVN 8491-2011/ISO 1452:2009	60 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	21.700	21.700	21.700	21.700	21.700	21.700	21.700	21.700	21.700
3200	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 60 M	cái	TCVN 8491-2011/ISO 1452:2009	60 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7.200	7.200	7.200	7.200	7.200	7.200	7.200	7.200	7.200

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
3201	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 76 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	76 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	42.800	42.800	42.800	42.800	42.800	42.800	42.800	42.800	42.800
3202	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 76 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	76 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	15.900	15.900	15.900	15.900	15.900	15.900	15.900	15.900	15.900
3203	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 90 D *	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000	47.000
3204	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 90 M *	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	18.500	18.500	18.500	18.500	18.500	18.500	18.500	18.500	18.500
3205	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 114 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	93.300	93.300	93.300	93.300	93.300	93.300	93.300	93.300	93.300
3206	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 114 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	28.900	28.900	28.900	28.900	28.900	28.900	28.900	28.900	28.900
3207	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 168 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	358.700	358.700	358.700	358.700	358.700	358.700	358.700	358.700	358.700
3208	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 168 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	112.500	112.500	112.500	112.500	112.500	112.500	112.500	112.500	112.500
3209	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 220 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	220 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	785.700	785.700	785.700	785.700	785.700	785.700	785.700	785.700	785.700
3210	Vật tư ngành nước	Nối tron uPVC 220 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	220 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	299.800	299.800	299.800	299.800	299.800	299.800	299.800	299.800	299.800
3211	Vật tư ngành nước	Nối ren trong uPVC 21 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	21 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.800	2.800	2.800	2.800	2.800	2.800	2.800	2.800	2.800
3212	Vật tư ngành nước	Nối ren trong uPVC 27 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	27 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.300	4.300	4.300	4.300	4.300	4.300	4.300	4.300	4.300
3213	Vật tư ngành nước	Nối ren trong uPVC 34 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	34 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.700	6.700	6.700	6.700	6.700	6.700	6.700	6.700	6.700
3214	Vật tư ngành nước	Nối ren trong uPVC 42 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	42 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000
3215	Vật tư ngành nước	Nối ren trong uPVC 49 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	49 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	13.200	13.200	13.200	13.200	13.200	13.200	13.200	13.200	13.200
3216	Vật tư ngành nước	Nối ren trong uPVC 60 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	20.500	20.500	20.500	20.500	20.500	20.500	20.500	20.500	20.500
3217	Vật tư ngành nước	Nối ren trong uPVC 76 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	76 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	35.200	35.200	35.200	35.200	35.200	35.200	35.200	35.200	35.200
3218	Vật tư ngành nước	Nối ren trong uPVC 90 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	45.400	45.400	45.400	45.400	45.400	45.400	45.400	45.400	45.400
3219	Vật tư ngành nước	Nối ren trong uPVC 114 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	75.900	75.900	75.900	75.900	75.900	75.900	75.900	75.900	75.900
3220	Vật tư ngành nước	Nối ren ngoài uPVC 21 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	21 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500
3221	Vật tư ngành nước	Nối ren ngoài uPVC 27 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	27 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.800	3.800	3.800	3.800	3.800	3.800	3.800	3.800	3.800
3222	Vật tư ngành nước	Nối ren ngoài uPVC 34 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	34 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.500	6.500	6.500	6.500	6.500	6.500	6.500	6.500	6.500
3223	Vật tư ngành nước	Nối ren ngoài uPVC 42 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	42 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	9.300	9.300	9.300	9.300	9.300	9.300	9.300	9.300	9.300
3224	Vật tư ngành nước	Nối ren ngoài uPVC 49 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	49 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	11.400	11.400	11.400	11.400	11.400	11.400	11.400	11.400	11.400
3225	Vật tư ngành nước	Nối ren ngoài uPVC 60 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	16.700	16.700	16.700	16.700	16.700	16.700	16.700	16.700	16.700
3226	Vật tư ngành nước	Nối ren ngoài uPVC 76 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	76 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	32.700	32.700	32.700	32.700	32.700	32.700	32.700	32.700	32.700
3227	Vật tư ngành nước	Nối ren ngoài uPVC 90 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	38.000	38.000	38.000	38.000	38.000	38.000	38.000	38.000	38.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
3228	Vật tư ngành nước	Nối ren ngoài uPVC 114 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	73.800	73.800	73.800	73.800	73.800	73.800	73.800	73.800	73.800
3229	Vật tư ngành nước	Nối giảm ren trong uPVC 21 x RT 27 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	21 x RT 27 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.800	3.800	3.800	3.800	3.800	3.800	3.800	3.800	3.800
3230	Vật tư ngành nước	Nối giảm ren trong uPVC 27 x RT 21 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	27 x RT 21 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.500	3.500	3.500	3.500	3.500	3.500	3.500	3.500	3.500
3231	Vật tư ngành nước	Nối giảm ren trong uPVC 34 x RT 27 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	34 x RT 27 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.300	5.300	5.300	5.300	5.300	5.300	5.300	5.300	5.300
3232	Vật tư ngành nước	Nối giảm ren ngoài uPVC 21 x RN 27 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	21 x RN 27 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.700	2.700	2.700	2.700	2.700	2.700	2.700	2.700	2.700
3233	Vật tư ngành nước	Nối giảm ren ngoài uPVC 21 x RN 34 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	21 x RN 34 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000
3234	Vật tư ngành nước	Nối giảm ren ngoài uPVC 27 x RN 21 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	27 x RN 21 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.900	2.900	2.900	2.900	2.900	2.900	2.900	2.900	2.900
3235	Vật tư ngành nước	Nối giảm ren ngoài uPVC 27 x RN 34 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	27 x RN 34 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000	4.000
3236	Vật tư ngành nước	Nối giảm ren ngoài uPVC 34 x RN 27 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	34 x RN 27 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.500	5.500	5.500	5.500	5.500	5.500	5.500	5.500	5.500
3237	Vật tư ngành nước	Nối giảm ren ngoài uPVC 42 x RN 34 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	42 x RN 34 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8.500	8.500	8.500	8.500	8.500	8.500	8.500	8.500	8.500
3238	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 27 x 21 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	27 x 21 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.800	3.800	3.800	3.800	3.800	3.800	3.800	3.800	3.800
3239	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 34 x 21 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	34 x 21 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700
3240	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 34 x 27 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	34 x 27 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.300	5.300	5.300	5.300	5.300	5.300	5.300	5.300	5.300
3241	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 42 x 21 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	42 x 21 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.800	6.800	6.800	6.800	6.800	6.800	6.800	6.800	6.800
3242	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 42 x 27 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	42 x 27 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7.200	7.200	7.200	7.200	7.200	7.200	7.200	7.200	7.200
3243	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 42 x 34 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	42 x 34 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000
3244	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 42 x 34 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	42 x 34 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.200	5.200	5.200	5.200	5.200	5.200	5.200	5.200	5.200
3245	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 49 x 21 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	49 x 21 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	9.500	9.500	9.500	9.500	9.500	9.500	9.500	9.500	9.500
3246	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 49 x 27 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	49 x 27 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000
3247	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 49 x 34 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	49 x 34 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	11.200	11.200	11.200	11.200	11.200	11.200	11.200	11.200	11.200
3248	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 49 x 34 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	49 x 34 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.200	6.200	6.200	6.200	6.200	6.200	6.200	6.200	6.200
3249	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 49 x 42 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	49 x 42 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	11.900	11.900	11.900	11.900	11.900	11.900	11.900	11.900	11.900
3250	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 60 x 21 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60 x 21 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	14.300	14.300	14.300	14.300	14.300	14.300	14.300	14.300	14.300
3251	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 60 x 27 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60 x 27 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000
3252	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 60 x 34 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60 x 34 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	16.500	16.500	16.500	16.500	16.500	16.500	16.500	16.500	16.500
3253	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 60 x 34 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60 x 34 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400
3254	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 60 x 42 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60 x 42 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	17.300	17.300	17.300	17.300	17.300	17.300	17.300	17.300	17.300

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
3255	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 60 x 42 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60 x 42 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400
3256	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 60 x 49 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60 x 49 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	17.900	17.900	17.900	17.900	17.900	17.900	17.900	17.900	17.900
3257	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 60 x 49 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60 x 49 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400
3258	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 76 x 60 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	76 x 60 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	37.000	37.000	37.000	37.000	37.000	37.000	37.000	37.000	37.000
3259	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 76 x 60 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	76 x 60 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	9.800	9.800	9.800	9.800	9.800	9.800	9.800	9.800	9.800
3260	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 90 x 27 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 x 27 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	35.200	35.200	35.200	35.200	35.200	35.200	35.200	35.200	35.200
3261	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 90 x 34 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 x 34 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	35.300	35.300	35.300	35.300	35.300	35.300	35.300	35.300	35.300
3262	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 90 x 42 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 x 42 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	35.800	35.800	35.800	35.800	35.800	35.800	35.800	35.800	35.800
3263	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 90 x 49 D *	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 x 49 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	35.500	35.500	35.500	35.500	35.500	35.500	35.500	35.500	35.500
3264	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 90 x 60 D *	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 x 60 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000
3265	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 90 x 60 M *	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 x 60 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300
3266	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 90 x 76 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 x 76 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	44.400	44.400	44.400	44.400	44.400	44.400	44.400	44.400	44.400
3267	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 90 x 76 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 x 76 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300
3268	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 114 x 49 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 x 49 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	70.300	70.300	70.300	70.300	70.300	70.300	70.300	70.300	70.300
3269	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 114 x 60 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 x 60 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	71.300	71.300	71.300	71.300	71.300	71.300	71.300	71.300	71.300
3270	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 114 x 60 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 x 60 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	24.300	24.300	24.300	24.300	24.300	24.300	24.300	24.300	24.300
3271	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 114 x 90 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 x 90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	79.700	79.700	79.700	79.700	79.700	79.700	79.700	79.700	79.700
3272	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 114 x 90 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 x 90 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	28.800	28.800	28.800	28.800	28.800	28.800	28.800	28.800	28.800
3273	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 140 x 90 D *	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 x 90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	203.900	203.900	203.900	203.900	203.900	203.900	203.900	203.900	203.900
3274	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 140 x 114 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 x 114 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	181.700	181.700	181.700	181.700	181.700	181.700	181.700	181.700	181.700
3275	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 168 x 90 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168 x 90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	273.400	273.400	273.400	273.400	273.400	273.400	273.400	273.400	273.400
3276	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 168 x 114 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168 x 114 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	273.000	273.000	273.000	273.000	273.000	273.000	273.000	273.000	273.000
3277	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 168 x 114 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168 x 114 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	112.900	112.900	112.900	112.900	112.900	112.900	112.900	112.900	112.900
3278	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 168 x 140 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168 x 140 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	330.400	330.400	330.400	330.400	330.400	330.400	330.400	330.400	330.400
3279	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 220 x 114 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	220 x 114 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	601.700	601.700	601.700	601.700	601.700	601.700	601.700	601.700	601.700
3280	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 220 x 168 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	220 x 168 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	733.900	733.900	733.900	733.900	733.900	733.900	733.900	733.900	733.900
3281	Vật tư ngành nước	Co 90^{0} uPVC 21 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	21 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.800	3.800	3.800	3.800	3.800	3.800	3.800	3.800	3.800

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
3282	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ uPVC 27 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	27 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000
3283	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ uPVC 34 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	34 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8.500	8.500	8.500	8.500	8.500	8.500	8.500	8.500	8.500
3284	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ uPVC 34 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	34 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.300	4.300	4.300	4.300	4.300	4.300	4.300	4.300	4.300
3285	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ uPVC 42 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	42 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	12.800	12.800	12.800	12.800	12.800	12.800	12.800	12.800	12.800
3286	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ uPVC 42 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	42 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400
3287	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ uPVC 49 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	49 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	20.300	20.300	20.300	20.300	20.300	20.300	20.300	20.300	20.300
3288	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ uPVC 49 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	49 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.800	6.800	6.800	6.800	6.800	6.800	6.800	6.800	6.800
3289	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ uPVC 60 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	32.200	32.200	32.200	32.200	32.200	32.200	32.200	32.200	32.200
3290	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ uPVC 60 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	11.700	11.700	11.700	11.700	11.700	11.700	11.700	11.700	11.700
3291	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ uPVC 76 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	76 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	61.900	61.900	61.900	61.900	61.900	61.900	61.900	61.900	61.900
3292	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ uPVC 76 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	76 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000
3293	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ uPVC 90 D *	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000	80.000
3294	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ uPVC 90 M *	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	33.000	33.000	33.000	33.000	33.000	33.000	33.000	33.000	33.000
3295	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ uPVC 114 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	184.700	184.700	184.700	184.700	184.700	184.700	184.700	184.700	184.700
3296	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ uPVC 114 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	63.400	63.400	63.400	63.400	63.400	63.400	63.400	63.400	63.400
3297	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ uPVC 168 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	602.200	602.200	602.200	602.200	602.200	602.200	602.200	602.200	602.200
3298	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ uPVC 168 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	192.800	192.800	192.800	192.800	192.800	192.800	192.800	192.800	192.800
3299	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ uPVC 220 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	220 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.040.400	1.040.400	1.040.400	1.040.400	1.040.400	1.040.400	1.040.400	1.040.400	1.040.400
3300	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ uPVC 220 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	220 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	599.400	599.400	599.400	599.400	599.400	599.400	599.400	599.400	599.400
3301	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ giảm uPVC 27 x 21 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	27 x 21 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.300	4.300	4.300	4.300	4.300	4.300	4.300	4.300	4.300
3302	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ giảm uPVC 34 x 21 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	34 x 21 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.700	5.700	5.700	5.700	5.700	5.700	5.700	5.700	5.700
3303	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ giảm uPVC 34 x 27 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	34 x 27 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.700	6.700	6.700	6.700	6.700	6.700	6.700	6.700	6.700
3304	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ ren ngoài uPVC 21 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	21 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.500	5.500	5.500	5.500	5.500	5.500	5.500	5.500	5.500
3305	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ ren ngoài uPVC 27 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	27 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7.200	7.200	7.200	7.200	7.200	7.200	7.200	7.200	7.200
3306	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ ren ngoài uPVC 34 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	34 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500
3307	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ ren ngoài uPVC 27 x RN 21 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	27 x RN 21 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400
3308	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ ren ngoài uPVC 27 x RN 34 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	27 x RN 34 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	11.300	11.300	11.300	11.300	11.300	11.300	11.300	11.300	11.300

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
3309	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ ren trong uPVC 21 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	21 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400
3310	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ ren trong uPVC 27 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	27 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000
3311	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ ren trong uPVC 34 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	34 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000
3312	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ ren trong uPVC 21 x RT 27 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	21 x RT 27 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.400	5.400	5.400	5.400	5.400	5.400	5.400	5.400	5.400
3313	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ ren trong uPVC 27 x RT 21 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	27 x RT 21 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.400	5.400	5.400	5.400	5.400	5.400	5.400	5.400	5.400
3314	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ ren trong uPVC 27 x RT 34 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	27 x RT 34 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000
3315	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ uPVC 21 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	21 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.300	3.300	3.300	3.300	3.300	3.300	3.300	3.300	3.300
3316	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ uPVC 27 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	27 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000
3317	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ uPVC 34 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	34 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7.900	7.900	7.900	7.900	7.900	7.900	7.900	7.900	7.900
3318	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ uPVC 34 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	34 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400
3319	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ uPVC 42 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	42 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	11.200	11.200	11.200	11.200	11.200	11.200	11.200	11.200	11.200
3320	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ uPVC 42 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	42 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.300	4.300	4.300	4.300	4.300	4.300	4.300	4.300	4.300
3321	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ uPVC 49 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	49 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	16.900	16.900	16.900	16.900	16.900	16.900	16.900	16.900	16.900
3322	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ uPVC 49 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	49 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.400	5.400	5.400	5.400	5.400	5.400	5.400	5.400	5.400
3323	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ uPVC 60 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000
3324	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ uPVC 60 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000
3325	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ uPVC 76 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	76 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	52.800	52.800	52.800	52.800	52.800	52.800	52.800	52.800	52.800
3326	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ uPVC 76 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	76 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	16.700	16.700	16.700	16.700	16.700	16.700	16.700	16.700	16.700
3327	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ uPVC 90 D *	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	61.400	61.400	61.400	61.400	61.400	61.400	61.400	61.400	61.400
3328	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ uPVC 90 M *	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	25.400	25.400	25.400	25.400	25.400	25.400	25.400	25.400	25.400
3329	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ uPVC 114 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	124.900	124.900	124.900	124.900	124.900	124.900	124.900	124.900	124.900
3330	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ uPVC 114 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	48.500	48.500	48.500	48.500	48.500	48.500	48.500	48.500	48.500
3331	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ uPVC 168 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	423.300	423.300	423.300	423.300	423.300	423.300	423.300	423.300	423.300
3332	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ uPVC 168 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	167.700	167.700	167.700	167.700	167.700	167.700	167.700	167.700	167.700
3333	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ uPVC 220 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	220 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	764.700	764.700	764.700	764.700	764.700	764.700	764.700	764.700	764.700
3334	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ uPVC 220 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	220 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	446.700	446.700	446.700	446.700	446.700	446.700	446.700	446.700	446.700
3335	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 27 x 21 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	27 x 21 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
3336	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 34 x 21 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	34 x 21 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	9.300	9.300	9.300	9.300	9.300	9.300	9.300	9.300	9.300
3337	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 34 x 27 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	34 x 27 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10.800	10.800	10.800	10.800	10.800	10.800	10.800	10.800	10.800
3338	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 42 x 21 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	42 x 21 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	13.200	13.200	13.200	13.200	13.200	13.200	13.200	13.200	13.200
3339	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 42 x 27 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	42 x 27 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	13.200	13.200	13.200	13.200	13.200	13.200	13.200	13.200	13.200
3340	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 42 x 34 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	42 x 34 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	14.700	14.700	14.700	14.700	14.700	14.700	14.700	14.700	14.700
3341	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 49 x 21 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	49 x 21 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	17.300	17.300	17.300	17.300	17.300	17.300	17.300	17.300	17.300
3342	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 49 x 27 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	49 x 27 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	18.800	18.800	18.800	18.800	18.800	18.800	18.800	18.800	18.800
3343	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 49 x 34 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	49 x 34 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700
3344	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 49 x 42 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	49 x 42 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	23.200	23.200	23.200	23.200	23.200	23.200	23.200	23.200	23.200
3345	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 49 x 42 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	49 x 42 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000
3346	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 60 x 21 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60 x 21 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	27.500	27.500	27.500	27.500	27.500	27.500	27.500	27.500	27.500
3347	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 60 x 27 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60 x 27 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	30.500	30.500	30.500	30.500	30.500	30.500	30.500	30.500	30.500
3348	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 60 x 34 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60 x 34 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	28.400	28.400	28.400	28.400	28.400	28.400	28.400	28.400	28.400
3349	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 60 x 42 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60 x 42 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	31.900	31.900	31.900	31.900	31.900	31.900	31.900	31.900	31.900
3350	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 60 x 49 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60 x 49 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000
3351	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 60 x 49 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60 x 49 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	15.900	15.900	15.900	15.900	15.900	15.900	15.900	15.900	15.900
3352	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 76 x 60 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	76 x 60 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	79.800	79.800	79.800	79.800	79.800	79.800	79.800	79.800	79.800
3353	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 90 x 27 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 x 27 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	79.200	79.200	79.200	79.200	79.200	79.200	79.200	79.200	79.200
3354	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 90 x 34 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 x 34 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	79.200	79.200	79.200	79.200	79.200	79.200	79.200	79.200	79.200
3355	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 90 x 42 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 x 42 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	79.500	79.500	79.500	79.500	79.500	79.500	79.500	79.500	79.500
3356	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 90 x 49 D *	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 x 49 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	79.700	79.700	79.700	79.700	79.700	79.700	79.700	79.700	79.700
3357	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 90 x 60 D *	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 x 60 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	81.300	81.300	81.300	81.300	81.300	81.300	81.300	81.300	81.300
3358	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 90 x 60 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 x 60 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	30.300	30.300	30.300	30.300	30.300	30.300	30.300	30.300	30.300
3359	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 90 x 76 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 x 76 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	44.400	44.400	44.400	44.400	44.400	44.400	44.400	44.400	44.400
3360	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 114 x 49 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 x 49 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	123.000	123.000	123.000	123.000	123.000	123.000	123.000	123.000	123.000
3361	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 114 x 60 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 x 60 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	148.900	148.900	148.900	148.900	148.900	148.900	148.900	148.900	148.900
3362	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 114 x 60 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 x 60 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	47.700	47.700	47.700	47.700	47.700	47.700	47.700	47.700	47.700

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
3363	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 114 x 90 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 x 90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	171.500	171.500	171.500	171.500	171.500	171.500	171.500	171.500	171.500
3364	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 114 x 90 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 x 90 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	61.200	61.200	61.200	61.200	61.200	61.200	61.200	61.200	61.200
3365	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 140 x 90 D *	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 x 90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	299.800	299.800	299.800	299.800	299.800	299.800	299.800	299.800	299.800
3366	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 140 x 114 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 x 114 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	306.500	306.500	306.500	306.500	306.500	306.500	306.500	306.500	306.500
3367	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 168 x 90 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168 x 90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	555.500	555.500	555.500	555.500	555.500	555.500	555.500	555.500	555.500
3368	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 168 x 90 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168 x 90 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	182.200	182.200	182.200	182.200	182.200	182.200	182.200	182.200	182.200
3369	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 168 x 114 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168 x 114 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	574.300	574.300	574.300	574.300	574.300	574.300	574.300	574.300	574.300
3370	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 168 x 114 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168 x 114 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	247.900	247.900	247.900	247.900	247.900	247.900	247.900	247.900	247.900
3371	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 220 x 114 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	220 x 114 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	978.700	978.700	978.700	978.700	978.700	978.700	978.700	978.700	978.700
3372	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 220 x 168 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	220 x 168 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.491.900	1.491.900	1.491.900	1.491.900	1.491.900	1.491.900	1.491.900	1.491.900	1.491.900
3373	Vật tư ngành nước	Y uPVC 21 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	21 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400	3.400
3374	Vật tư ngành nước	Y uPVC 27 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	27 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.700	6.700	6.700	6.700	6.700	6.700	6.700	6.700	6.700
3375	Vật tư ngành nước	Y uPVC 34 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	34 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	14.700	14.700	14.700	14.700	14.700	14.700	14.700	14.700	14.700
3376	Vật tư ngành nước	Y uPVC 42 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	42 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	37.300	37.300	37.300	37.300	37.300	37.300	37.300	37.300	37.300
3377	Vật tư ngành nước	Y uPVC 42 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	42 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10.800	10.800	10.800	10.800	10.800	10.800	10.800	10.800	10.800
3378	Vật tư ngành nước	Y uPVC 49 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	49 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	66.700	66.700	66.700	66.700	66.700	66.700	66.700	66.700	66.700
3379	Vật tư ngành nước	Y uPVC 49 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	49 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	13.500	13.500	13.500	13.500	13.500	13.500	13.500	13.500	13.500
3380	Vật tư ngành nước	Y uPVC 60 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	82.800	82.800	82.800	82.800	82.800	82.800	82.800	82.800	82.800
3381	Vật tư ngành nước	Y uPVC 60 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500
3382	Vật tư ngành nước	Y uPVC 76 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	76 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	110.200	110.200	110.200	110.200	110.200	110.200	110.200	110.200	110.200
3383	Vật tư ngành nước	Y uPVC 76 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	76 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	37.800	37.800	37.800	37.800	37.800	37.800	37.800	37.800	37.800
3384	Vật tư ngành nước	Y uPVC 90 D *	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	171.700	171.700	171.700	171.700	171.700	171.700	171.700	171.700	171.700
3385	Vật tư ngành nước	Y uPVC 90 M *	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	61.400	61.400	61.400	61.400	61.400	61.400	61.400	61.400	61.400
3386	Vật tư ngành nước	Y uPVC 114 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	284.000	284.000	284.000	284.000	284.000	284.000	284.000	284.000	284.000
3387	Vật tư ngành nước	Y uPVC 114 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	118.700	118.700	118.700	118.700	118.700	118.700	118.700	118.700	118.700
3388	Vật tư ngành nước	Y uPVC 168 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	829.200	829.200	829.200	829.200	829.200	829.200	829.200	829.200	829.200
3389	Vật tư ngành nước	Y uPVC 168 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	362.000	362.000	362.000	362.000	362.000	362.000	362.000	362.000	362.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
3390	Vật tư ngành nước	Y uPVC 220 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	220 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.191.800	2.191.800	2.191.800	2.191.800	2.191.800	2.191.800	2.191.800	2.191.800	2.191.800
3391	Vật tư ngành nước	Y uPVC 220 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	220 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.114.000	1.114.000	1.114.000	1.114.000	1.114.000	1.114.000	1.114.000	1.114.000	1.114.000
3392	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 60 x 42 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60 x 42 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	72.400	72.400	72.400	72.400	72.400	72.400	72.400	72.400	72.400
3393	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 60 x 49 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60 x 49 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	81.000	81.000	81.000	81.000	81.000	81.000	81.000	81.000	81.000
3394	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 60 x 49 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60 x 49 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	12.200	12.200	12.200	12.200	12.200	12.200	12.200	12.200	12.200
3395	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 76 x 60 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	76 x 60 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	91.200	91.200	91.200	91.200	91.200	91.200	91.200	91.200	91.200
3396	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 76 x 60 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	76 x 60 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	26.700	26.700	26.700	26.700	26.700	26.700	26.700	26.700	26.700
3397	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 90 x 49 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 x 49 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	34.900	34.900	34.900	34.900	34.900	34.900	34.900	34.900	34.900
3398	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 90 x 60 D *	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 x 60 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	132.500	132.500	132.500	132.500	132.500	132.500	132.500	132.500	132.500
3399	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 90 x 60 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 x 60 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000
3400	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 90 x 76 D *	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 x 76 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	153.500	153.500	153.500	153.500	153.500	153.500	153.500	153.500	153.500
3401	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 114 x 60 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 x 60 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	222.700	222.700	222.700	222.700	222.700	222.700	222.700	222.700	222.700
3402	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 114 x 60 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 x 60 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	60.500	60.500	60.500	60.500	60.500	60.500	60.500	60.500	60.500
3403	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 114 x 90 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 x 90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	262.200	262.200	262.200	262.200	262.200	262.200	262.200	262.200	262.200
3404	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 114 x 90 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 x 90 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	85.400	85.400	85.400	85.400	85.400	85.400	85.400	85.400	85.400
3405	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 140 x 90 D *	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 x 90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	294.800	294.800	294.800	294.800	294.800	294.800	294.800	294.800	294.800
3406	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 140 x 114 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 x 114 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	437.800	437.800	437.800	437.800	437.800	437.800	437.800	437.800	437.800
3407	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 140 x 114 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 x 114 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	170.500	170.500	170.500	170.500	170.500	170.500	170.500	170.500	170.500
3408	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 168 x 90 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168 x 90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	506.700	506.700	506.700	506.700	506.700	506.700	506.700	506.700	506.700
3409	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 168 x 90 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168 x 90 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	219.200	219.200	219.200	219.200	219.200	219.200	219.200	219.200	219.200
3410	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 168 x 114 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168 x 114 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	714.000	714.000	714.000	714.000	714.000	714.000	714.000	714.000	714.000
3411	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 168 x 114 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168 x 114 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	278.800	278.800	278.800	278.800	278.800	278.800	278.800	278.800	278.800
3412	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 168 x 140 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168 x 140 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	793.500	793.500	793.500	793.500	793.500	793.500	793.500	793.500	793.500
3413	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 220 x 114 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	220 x 114 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.334.800	1.334.800	1.334.800	1.334.800	1.334.800	1.334.800	1.334.800	1.334.800	1.334.800
3414	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 220 x 168 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	220 x 168 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.669.400	1.669.400	1.669.400	1.669.400	1.669.400	1.669.400	1.669.400	1.669.400	1.669.400
3415	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 21 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	21 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000
3416	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 27 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	27 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
3417	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 34 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	34 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	13.200	13.200	13.200	13.200	13.200	13.200	13.200	13.200	13.200
3418	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 34 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	34 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.900	4.900	4.900	4.900	4.900	4.900	4.900	4.900	4.900
3419	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 42 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	42 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	17.300	17.300	17.300	17.300	17.300	17.300	17.300	17.300	17.300
3420	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 42 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	42 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.200	5.200	5.200	5.200	5.200	5.200	5.200	5.200	5.200
3421	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 49 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	49 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	25.700	25.700	25.700	25.700	25.700	25.700	25.700	25.700	25.700
3422	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 49 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	49 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.700	6.700	6.700	6.700	6.700	6.700	6.700	6.700	6.700
3423	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 60 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	43.900	43.900	43.900	43.900	43.900	43.900	43.900	43.900	43.900
3424	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 60 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	14.300	14.300	14.300	14.300	14.300	14.300	14.300	14.300	14.300
3425	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 76 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	76 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	82.900	82.900	82.900	82.900	82.900	82.900	82.900	82.900	82.900
3426	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 76 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	76 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	29.900	29.900	29.900	29.900	29.900	29.900	29.900	29.900	29.900
3427	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 90 D *	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	110.500	110.500	110.500	110.500	110.500	110.500	110.500	110.500	110.500
3428	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 90 M *	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	49.300	49.300	49.300	49.300	49.300	49.300	49.300	49.300	49.300
3429	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 114 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	225.700	225.700	225.700	225.700	225.700	225.700	225.700	225.700	225.700
3430	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 114 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	80.900	80.900	80.900	80.900	80.900	80.900	80.900	80.900	80.900
3431	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 168 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	809.500	809.500	809.500	809.500	809.500	809.500	809.500	809.500	809.500
3432	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 168 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	278.700	278.700	278.700	278.700	278.700	278.700	278.700	278.700	278.700
3433	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 220 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	220 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.371.800	1.371.800	1.371.800	1.371.800	1.371.800	1.371.800	1.371.800	1.371.800	1.371.800
3434	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 220 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	220 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	834.400	834.400	834.400	834.400	834.400	834.400	834.400	834.400	834.400
3435	Vật tư ngành nước	Mặt bích uPVC 49 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	49 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	56.800	56.800	56.800	56.800	56.800	56.800	56.800	56.800	56.800
3436	Vật tư ngành nước	Mặt bích uPVC 60 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000
3437	Vật tư ngành nước	Mặt bích uPVC 76 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	76 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	85.300	85.300	85.300	85.300	85.300	85.300	85.300	85.300	85.300
3438	Vật tư ngành nước	Mặt bích uPVC 90 D *	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	118.800	118.800	118.800	118.800	118.800	118.800	118.800	118.800	118.800
3439	Vật tư ngành nước	Mặt bích uPVC 114 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	183.800	183.800	183.800	183.800	183.800	183.800	183.800	183.800	183.800
3440	Vật tư ngành nước	Mặt bích uPVC 168 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	472.500	472.500	472.500	472.500	472.500	472.500	472.500	472.500	472.500
3441	Vật tư ngành nước	Mặt bích uPVC 220 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	220 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	483.300	483.300	483.300	483.300	483.300	483.300	483.300	483.300	483.300
3442	Vật tư ngành nước	Tứ thông uPVC 90	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	78.900	78.900	78.900	78.900	78.900	78.900	78.900	78.900	78.900
3443	Vật tư ngành nước	Tứ thông uPVC 114	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	166.200	166.200	166.200	166.200	166.200	166.200	166.200	166.200	166.200

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
3444	Vật tư ngành nước	Tê cong uPVC 60 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	73.000	73.000	73.000	73.000	73.000	73.000	73.000	73.000	73.000
3445	Vật tư ngành nước	Tê cong uPVC 60 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	35.800	35.800	35.800	35.800	35.800	35.800	35.800	35.800	35.800
3446	Vật tư ngành nước	Tê cong uPVC 90 D *	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	145.500	145.500	145.500	145.500	145.500	145.500	145.500	145.500	145.500
3447	Vật tư ngành nước	Tê cong uPVC 90 M *	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	60.500	60.500	60.500	60.500	60.500	60.500	60.500	60.500	60.500
3448	Vật tư ngành nước	Tê cong uPVC 114 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	350.900	350.900	350.900	350.900	350.900	350.900	350.900	350.900	350.900
3449	Vật tư ngành nước	Tê cong uPVC 114 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000	101.000
3450	Vật tư ngành nước	Tê cong uPVC 168 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.195.700	1.195.700	1.195.700	1.195.700	1.195.700	1.195.700	1.195.700	1.195.700	1.195.700
3451	Vật tư ngành nước	Tê cong uPVC 168 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	425.000	425.000	425.000	425.000	425.000	425.000	425.000	425.000	425.000
3452	Vật tư ngành nước	Tê cong giảm uPVC 76 x 60 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	76 x 60 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	90.500	90.500	90.500	90.500	90.500	90.500	90.500	90.500	90.500
3453	Vật tư ngành nước	Tê cong giảm uPVC 90 x 60 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 x 60 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	129.400	129.400	129.400	129.400	129.400	129.400	129.400	129.400	129.400
3454	Vật tư ngành nước	Tê cong giảm uPVC 90 x 60 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 x 60 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	38.500	38.500	38.500	38.500	38.500	38.500	38.500	38.500	38.500
3455	Vật tư ngành nước	Tê cong giảm uPVC 114 x 60 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 x 60 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	182.200	182.200	182.200	182.200	182.200	182.200	182.200	182.200	182.200
3456	Vật tư ngành nước	Tê cong giảm uPVC 114 x 60 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 x 60 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	83.500	83.500	83.500	83.500	83.500	83.500	83.500	83.500	83.500
3457	Vật tư ngành nước	Tê cong giảm uPVC 114 x 90 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 x 90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	282.700	282.700	282.700	282.700	282.700	282.700	282.700	282.700	282.700
3458	Vật tư ngành nước	Tê cong giảm uPVC 114 x 90 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 x 90 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	92.300	92.300	92.300	92.300	92.300	92.300	92.300	92.300	92.300
3459	Vật tư ngành nước	Tê cong giảm uPVC 140 x 90 D *	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 x 90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	445.700	445.700	445.700	445.700	445.700	445.700	445.700	445.700	445.700
3460	Vật tư ngành nước	Tê cong giảm uPVC 140 x 114 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 x 114 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	583.000	583.000	583.000	583.000	583.000	583.000	583.000	583.000	583.000
3461	Vật tư ngành nước	Tê cong giảm uPVC 140 x 114 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 x 114 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	206.400	206.400	206.400	206.400	206.400	206.400	206.400	206.400	206.400
3462	Vật tư ngành nước	Tê cong giảm uPVC 168 x 90 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168 x 90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	723.500	723.500	723.500	723.500	723.500	723.500	723.500	723.500	723.500
3463	Vật tư ngành nước	Tê cong giảm uPVC 168 x 90 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168 x 90 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	217.800	217.800	217.800	217.800	217.800	217.800	217.800	217.800	217.800
3464	Vật tư ngành nước	Tê cong giảm uPVC 168 x 114 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168 x 114 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	885.200	885.200	885.200	885.200	885.200	885.200	885.200	885.200	885.200
3465	Vật tư ngành nước	Tê cong giảm uPVC 168 x 114 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168 x 114 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	256.900	256.900	256.900	256.900	256.900	256.900	256.900	256.900	256.900
3466	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 21 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	21 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300
3467	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 21 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	21 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.400	1.400	1.400	1.400	1.400	1.400	1.400	1.400	1.400
3468	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 27 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	27 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500
3469	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 27 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	27 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.800	1.800	1.800	1.800	1.800	1.800	1.800	1.800	1.800
3470	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 34 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	34 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
3471	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 34 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	34 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500
3472	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 42 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	42 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000
3473	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 42 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	42 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000
3474	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 49 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	49 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	9.200	9.200	9.200	9.200	9.200	9.200	9.200	9.200	9.200
3475	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 49 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	49 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400	4.400
3476	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 60 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	15.400	15.400	15.400	15.400	15.400	15.400	15.400	15.400	15.400
3477	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 60 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	13.400	13.400	13.400	13.400	13.400	13.400	13.400	13.400	13.400
3478	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 76 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	76 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000
3479	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 90 D *	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	36.200	36.200	36.200	36.200	36.200	36.200	36.200	36.200	36.200
3480	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 90 M *	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	29.500	29.500	29.500	29.500	29.500	29.500	29.500	29.500	29.500
3481	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 114 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	77.400	77.400	77.400	77.400	77.400	77.400	77.400	77.400	77.400
3482	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 114 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000
3483	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 168 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	308.000	308.000	308.000	308.000	308.000	308.000	308.000	308.000	308.000
3484	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 168 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	87.500	87.500	87.500	87.500	87.500	87.500	87.500	87.500	87.500
3485	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 220 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	220 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	564.500	564.500	564.500	564.500	564.500	564.500	564.500	564.500	564.500
3486	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 220 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	220 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	225.000	225.000	225.000	225.000	225.000	225.000	225.000	225.000	225.000
3487	Vật tư ngành nước	Nút bít ren ngoài uPVC 21 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	21 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500	1.500
3488	Vật tư ngành nước	Nút bít ren ngoài uPVC 27 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	27 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300
3489	Vật tư ngành nước	Nút bít ren ngoài uPVC 34 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	34 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500
3490	Vật tư ngành nước	Nút bít ren ngoài uPVC 42 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	42 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.800	3.800	3.800	3.800	3.800	3.800	3.800	3.800	3.800
3491	Vật tư ngành nước	Nút bít ren ngoài uPVC 49 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	49 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.400	5.400	5.400	5.400	5.400	5.400	5.400	5.400	5.400
3492	Vật tư ngành nước	Nút bít ren trong uPVC 21 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	21 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.300	1.300	1.300	1.300	1.300	1.300	1.300	1.300	1.300
3493	Vật tư ngành nước	Nút bít ren trong uPVC 27 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	27 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500	2.500
3494	Vật tư ngành nước	Nút bít ren trong uPVC 34 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	34 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700
3495	Vật tư ngành nước	Bít xả uPVC 60 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	35.800	35.800	35.800	35.800	35.800	35.800	35.800	35.800	35.800
3496	Vật tư ngành nước	Bít xả uPVC 76 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	76 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	54.800	54.800	54.800	54.800	54.800	54.800	54.800	54.800	54.800
3497	Vật tư ngành nước	Bít xả uPVC 90 D*	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	89.400	89.400	89.400	89.400	89.400	89.400	89.400	89.400	89.400

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
3498	Vật tư ngành nước	Bít xả uPVC 114 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	142.200	142.200	142.200	142.200	142.200	142.200	142.200	142.200	142.200
3499	Vật tư ngành nước	Bít xả uPVC 168 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000	418.000
3500	Vật tư ngành nước	Bít xả uPVC 220 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	220 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	802.400	802.400	802.400	802.400	802.400	802.400	802.400	802.400	802.400
3501	Vật tư ngành nước	Con thỏ uPVC 49	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	49	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000	69.000
3502	Vật tư ngành nước	Con thỏ uPVC 60	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	83.700	83.700	83.700	83.700	83.700	83.700	83.700	83.700	83.700
3503	Vật tư ngành nước	Con thỏ uPVC 90	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	134.400	134.400	134.400	134.400	134.400	134.400	134.400	134.400	134.400
3504	Vật tư ngành nước	Con thỏ uPVC 114	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	211.000	211.000	211.000	211.000	211.000	211.000	211.000	211.000	211.000
3505	Vật tư ngành nước	Bạc chuyển bậc uPVC 90 x 60	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 x 60	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	27.300	27.300	27.300	27.300	27.300	27.300	27.300	27.300	27.300
3506	Vật tư ngành nước	Bạc chuyển bậc uPVC 90 x 76	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 x 76	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	42.500	42.500	42.500	42.500	42.500	42.500	42.500	42.500	42.500
3507	Vật tư ngành nước	Bạc chuyển bậc uPVC 114 x 60	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 x 60	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	50.000	50.000	50.000	50.000	50.000	50.000	50.000	50.000	50.000
3508	Vật tư ngành nước	Bạc chuyển bậc uPVC 114 x 76	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 x 76	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	52.400	52.400	52.400	52.400	52.400	52.400	52.400	52.400	52.400
3509	Vật tư ngành nước	Bạc chuyển bậc uPVC 114 x 90	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 x 90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	53.800	53.800	53.800	53.800	53.800	53.800	53.800	53.800	53.800
3510	Vật tư ngành nước	Đai khởi thuỷ uPVC 60 x 27	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60 x 27	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	157.400	157.400	157.400	157.400	157.400	157.400	157.400	157.400	157.400
3511	Vật tư ngành nước	Đai khởi thuỷ uPVC 60 x 34	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60 x 34	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	164.700	164.700	164.700	164.700	164.700	164.700	164.700	164.700	164.700
3512	Vật tư ngành nước	Đai khởi thuỷ uPVC 90 x 27	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 x 27	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	179.400	179.400	179.400	179.400	179.400	179.400	179.400	179.400	179.400
3513	Vật tư ngành nước	Đai khởi thuỷ uPVC 90 x 34	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 x 34	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	183.300	183.300	183.300	183.300	183.300	183.300	183.300	183.300	183.300
3514	Vật tư ngành nước	Đai khởi thuỷ uPVC 114 x 27	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 x 27	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	193.300	193.300	193.300	193.300	193.300	193.300	193.300	193.300	193.300
3515	Vật tư ngành nước	Đai khởi thuỷ uPVC 114 x 34	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 x 34	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	202.900	202.900	202.900	202.900	202.900	202.900	202.900	202.900	202.900
3516	Vật tư ngành nước	Thông sàn uPVC 49 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	49 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	22.200	22.200	22.200	22.200	22.200	22.200	22.200	22.200	22.200
3517	Vật tư ngành nước	Thông sàn uPVC 60 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	60 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	30.500	30.500	30.500	30.500	30.500	30.500	30.500	30.500	30.500
3518	Vật tư ngành nước	Thông sàn uPVC 90 D *	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	52.300	52.300	52.300	52.300	52.300	52.300	52.300	52.300	52.300
3519	Vật tư ngành nước	Thông sàn uPVC 114 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	60.900	60.900	60.900	60.900	60.900	60.900	60.900	60.900	60.900
3520	Vật tư ngành nước	Gioăng cao su uPVC 90	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 (3")	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	19.700	19.700	19.700	19.700	19.700	19.700	19.700	19.700	19.700
3521	Vật tư ngành nước	Gioăng cao su uPVC 114	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	114 (4")	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	25.400	25.400	25.400	25.400	25.400	25.400	25.400	25.400	25.400
3522	Vật tư ngành nước	Gioăng cao su uPVC 140	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 (5")	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	32.200	32.200	32.200	32.200	32.200	32.200	32.200	32.200	32.200
3523	Vật tư ngành nước	Gioăng cao su uPVC 165	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	165 (6")	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	48.900	48.900	48.900	48.900	48.900	48.900	48.900	48.900	48.900
3524	Vật tư ngành nước	Gioăng cao su uPVC 168	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	168 (6")	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	48.900	48.900	48.900	48.900	48.900	48.900	48.900	48.900	48.900

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
3525	Vật tư ngành nước	Gioăng cao su uPVC 216	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	216 (8")	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	56.400	56.400	56.400	56.400	56.400	56.400	56.400	56.400	56.400
3526	Vật tư ngành nước	Gioăng cao su uPVC 220	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	220 (8")	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	60.900	60.900	60.900	60.900	60.900	60.900	60.900	60.900	60.900
3527	Vật tư ngành nước	Gioăng cao su uPVC 267	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	267 (10")	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300
3528	Vật tư ngành nước	Gioăng cao su uPVC 318	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	318 (12")	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	137.900	137.900	137.900	137.900	137.900	137.900	137.900	137.900	137.900
3529	Vật tư ngành nước	Keo dán uPVC Đệ Nhất 1Kg/Lon	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	1Kg/Lon	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	173.000	173.000	173.000	173.000	173.000	173.000	173.000	173.000	173.000
3530	Vật tư ngành nước	Nối trơn uPVC 75 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	75 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	40.700	40.700	40.700	40.700	40.700	40.700	40.700	40.700	40.700
3531	Vật tư ngành nước	Nối trơn uPVC 75 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	75 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	13.800	13.800	13.800	13.800	13.800	13.800	13.800	13.800	13.800
3532	Vật tư ngành nước	Nối trơn uPVC 90 D #'	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	43.900	43.900	43.900	43.900	43.900	43.900	43.900	43.900	43.900
3533	Vật tư ngành nước	Nối trơn uPVC 90 M #'	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	21.000	21.000	21.000	21.000	21.000	21.000	21.000	21.000	21.000
3534	Vật tư ngành nước	Nối trơn uPVC 110 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	72.000	72.000	72.000	72.000	72.000	72.000	72.000	72.000	72.000
3535	Vật tư ngành nước	Nối trơn uPVC 110 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	33.200	33.200	33.200	33.200	33.200	33.200	33.200	33.200	33.200
3536	Vật tư ngành nước	Nối trơn uPVC 140 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000
3537	Vật tư ngành nước	Nối trơn uPVC 140 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000
3538	Vật tư ngành nước	Nối trơn uPVC 160 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	178.800	178.800	178.800	178.800	178.800	178.800	178.800	178.800	178.800
3539	Vật tư ngành nước	Nối trơn uPVC 160 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000
3540	Vật tư ngành nước	Nối trơn uPVC 200 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	301.900	301.900	301.900	301.900	301.900	301.900	301.900	301.900	301.900
3541	Vật tư ngành nước	Nối trơn uPVC 200 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	227.500	227.500	227.500	227.500	227.500	227.500	227.500	227.500	227.500
3542	Vật tư ngành nước	Nối trơn uPVC 225 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	225 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	577.500	577.500	577.500	577.500	577.500	577.500	577.500	577.500	577.500
3543	Vật tư ngành nước	Nối trơn uPVC 250 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	250 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	850.000	850.000	850.000	850.000	850.000	850.000	850.000	850.000	850.000
3544	Vật tư ngành nước	Nối trơn uPVC 280 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	280 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.126.300	1.126.300	1.126.300	1.126.300	1.126.300	1.126.300	1.126.300	1.126.300	1.126.300
3545	Vật tư ngành nước	Nối trơn uPVC 315 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	315 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.572.500	1.572.500	1.572.500	1.572.500	1.572.500	1.572.500	1.572.500	1.572.500	1.572.500
3546	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 63 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	63 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	59.200	59.200	59.200	59.200	59.200	59.200	59.200	59.200	59.200
3547	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 75 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	75 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	70.400	70.400	70.400	70.400	70.400	70.400	70.400	70.400	70.400
3548	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 75 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	75 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	29.200	29.200	29.200	29.200	29.200	29.200	29.200	29.200	29.200
3549	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 90 D #'	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	90.700	90.700	90.700	90.700	90.700	90.700	90.700	90.700	90.700
3550	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 90 M #'	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	49.900	49.900	49.900	49.900	49.900	49.900	49.900	49.900	49.900
3551	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 110 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	135.000	135.000	135.000	135.000	135.000	135.000	135.000	135.000	135.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
3552	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 110 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000
3553	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 140 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	285.800	285.800	285.800	285.800	285.800	285.800	285.800	285.800	285.800
3554	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 140 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	215.700	215.700	215.700	215.700	215.700	215.700	215.700	215.700	215.700
3555	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 160 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	398.300	398.300	398.300	398.300	398.300	398.300	398.300	398.300	398.300
3556	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 160 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	261.300	261.300	261.300	261.300	261.300	261.300	261.300	261.300	261.300
3557	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 200 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	906.300	906.300	906.300	906.300	906.300	906.300	906.300	906.300	906.300
3558	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 200 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	599.400	599.400	599.400	599.400	599.400	599.400	599.400	599.400	599.400
3559	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 225 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	225 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.186.300	1.186.300	1.186.300	1.186.300	1.186.300	1.186.300	1.186.300	1.186.300	1.186.300
3560	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 250 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	250 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.182.500	2.182.500	2.182.500	2.182.500	2.182.500	2.182.500	2.182.500	2.182.500	2.182.500
3561	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 280 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	280 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.812.500	2.812.500	2.812.500	2.812.500	2.812.500	2.812.500	2.812.500	2.812.500	2.812.500
3562	Vật tư ngành nước	Tê uPVC 315 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	315 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.050.000	4.050.000	4.050.000	4.050.000	4.050.000	4.050.000	4.050.000	4.050.000	4.050.000
3563	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 75 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	75 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	30.700	30.700	30.700	30.700	30.700	30.700	30.700	30.700	30.700
3564	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 75 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	75 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500	17.500
3565	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 90 D *'	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	34.500	34.500	34.500	34.500	34.500	34.500	34.500	34.500	34.500
3566	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 90 M *'	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	29.500	29.500	29.500	29.500	29.500	29.500	29.500	29.500	29.500
3567	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 110 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	49.500	49.500	49.500	49.500	49.500	49.500	49.500	49.500	49.500
3568	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 110 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	30.500	30.500	30.500	30.500	30.500	30.500	30.500	30.500	30.500
3569	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 140 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	110.700	110.700	110.700	110.700	110.700	110.700	110.700	110.700	110.700
3570	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 140 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000
3571	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 160 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	149.700	149.700	149.700	149.700	149.700	149.700	149.700	149.700	149.700
3572	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 160 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	77.900	77.900	77.900	77.900	77.900	77.900	77.900	77.900	77.900
3573	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 200 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	427.500	427.500	427.500	427.500	427.500	427.500	427.500	427.500	427.500
3574	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 200 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	156.800	156.800	156.800	156.800	156.800	156.800	156.800	156.800	156.800
3575	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 225 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	225 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	595.300	595.300	595.300	595.300	595.300	595.300	595.300	595.300	595.300
3576	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 225 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	225 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	261.300	261.300	261.300	261.300	261.300	261.300	261.300	261.300	261.300
3577	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 250 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	250 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	635.200	635.200	635.200	635.200	635.200	635.200	635.200	635.200	635.200
3578	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 280 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	280 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	973.800	973.800	973.800	973.800	973.800	973.800	973.800	973.800	973.800

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
3579	Vật tư ngành nước	Nút bít uPVC 315 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	315 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.425.000	1.425.000	1.425.000	1.425.000	1.425.000	1.425.000	1.425.000	1.425.000	1.425.000
3580	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ uPVC 63 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	63 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	49.300	49.300	49.300	49.300	49.300	49.300	49.300	49.300	49.300
3581	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ uPVC 75 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	75 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	52.700	52.700	52.700	52.700	52.700	52.700	52.700	52.700	52.700
3582	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ uPVC 75 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	75 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	23.000	23.000	23.000	23.000	23.000	23.000	23.000	23.000	23.000
3583	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ uPVC 90 D *'	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	79.700	79.700	79.700	79.700	79.700	79.700	79.700	79.700	79.700
3584	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ uPVC 90 M *'	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	35.900	35.900	35.900	35.900	35.900	35.900	35.900	35.900	35.900
3585	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ uPVC 110 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	128.500	128.500	128.500	128.500	128.500	128.500	128.500	128.500	128.500
3586	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ uPVC 110 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	73.400	73.400	73.400	73.400	73.400	73.400	73.400	73.400	73.400
3587	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ uPVC 140 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	240.000	240.000	240.000	240.000	240.000	240.000	240.000	240.000	240.000
3588	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ uPVC 140 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	157.000	157.000	157.000	157.000	157.000	157.000	157.000	157.000	157.000
3589	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ uPVC 160 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	420.000	420.000	420.000	420.000	420.000	420.000	420.000	420.000	420.000
3590	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ uPVC 160 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	206.300	206.300	206.300	206.300	206.300	206.300	206.300	206.300	206.300
3591	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ uPVC 200 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	563.800	563.800	563.800	563.800	563.800	563.800	563.800	563.800	563.800
3592	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ uPVC 200 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	402.500	402.500	402.500	402.500	402.500	402.500	402.500	402.500	402.500
3593	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ uPVC 225 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	225 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	833.800	833.800	833.800	833.800	833.800	833.800	833.800	833.800	833.800
3594	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ uPVC 225 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	225 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	484.400	484.400	484.400	484.400	484.400	484.400	484.400	484.400	484.400
3595	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ uPVC 250 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	250 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.825.000	1.825.000	1.825.000	1.825.000	1.825.000	1.825.000	1.825.000	1.825.000	1.825.000
3596	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ uPVC 250 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	250 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	806.300	806.300	806.300	806.300	806.300	806.300	806.300	806.300	806.300
3597	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ uPVC 280 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	280 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.205.000	2.205.000	2.205.000	2.205.000	2.205.000	2.205.000	2.205.000	2.205.000	2.205.000
3598	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ uPVC 280 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	280 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.087.500	1.087.500	1.087.500	1.087.500	1.087.500	1.087.500	1.087.500	1.087.500	1.087.500
3599	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ uPVC 315 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	315 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.277.500	3.277.500	3.277.500	3.277.500	3.277.500	3.277.500	3.277.500	3.277.500	3.277.500
3600	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ uPVC 315 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	315 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.852.500	1.852.500	1.852.500	1.852.500	1.852.500	1.852.500	1.852.500	1.852.500	1.852.500
3601	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ uPVC 63 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	63 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	42.500	42.500	42.500	42.500	42.500	42.500	42.500	42.500	42.500
3602	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ uPVC 75 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	75 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	51.000	51.000	51.000	51.000	51.000	51.000	51.000	51.000	51.000
3603	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ uPVC 75 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	75 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000
3604	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ uPVC 90 D *'	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	54.700	54.700	54.700	54.700	54.700	54.700	54.700	54.700	54.700
3605	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ uPVC 90 M *'	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	33.900	33.900	33.900	33.900	33.900	33.900	33.900	33.900	33.900

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
3606	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ uPVC 110 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000	95.000
3607	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ uPVC 110 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	54.800	54.800	54.800	54.800	54.800	54.800	54.800	54.800	54.800
3608	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ uPVC 140 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	178.200	178.200	178.200	178.200	178.200	178.200	178.200	178.200	178.200
3609	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ uPVC 140 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	107.900	107.900	107.900	107.900	107.900	107.900	107.900	107.900	107.900
3610	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ uPVC 160 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	236.300	236.300	236.300	236.300	236.300	236.300	236.300	236.300	236.300
3611	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ uPVC 160 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	174.300	174.300	174.300	174.300	174.300	174.300	174.300	174.300	174.300
3612	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ uPVC 200 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	426.300	426.300	426.300	426.300	426.300	426.300	426.300	426.300	426.300
3613	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ uPVC 200 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	275.000	275.000	275.000	275.000	275.000	275.000	275.000	275.000	275.000
3614	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ uPVC 225 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	225 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	618.200	618.200	618.200	618.200	618.200	618.200	618.200	618.200	618.200
3615	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ uPVC 225 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	225 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	375.000	375.000	375.000	375.000	375.000	375.000	375.000	375.000	375.000
3616	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ uPVC 250 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	250 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	900.000	900.000	900.000	900.000	900.000	900.000	900.000	900.000	900.000
3617	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ uPVC 250 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	250 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	570.000	570.000	570.000	570.000	570.000	570.000	570.000	570.000	570.000
3618	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ uPVC 280 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	280 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.755.000	1.755.000	1.755.000	1.755.000	1.755.000	1.755.000	1.755.000	1.755.000	1.755.000
3619	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ uPVC 280 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	280 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	786.500	786.500	786.500	786.500	786.500	786.500	786.500	786.500	786.500
3620	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ uPVC 315 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	315 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.525.000	2.525.000	2.525.000	2.525.000	2.525.000	2.525.000	2.525.000	2.525.000	2.525.000
3621	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ uPVC 315 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	315 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.155.000	1.155.000	1.155.000	1.155.000	1.155.000	1.155.000	1.155.000	1.155.000	1.155.000
3622	Vật tư ngành nước	Y uPVC 63 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	63 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	74.400	74.400	74.400	74.400	74.400	74.400	74.400	74.400	74.400
3623	Vật tư ngành nước	Y uPVC 75 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	75 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	102.300	102.300	102.300	102.300	102.300	102.300	102.300	102.300	102.300
3624	Vật tư ngành nước	Y uPVC 75 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	75 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	42.900	42.900	42.900	42.900	42.900	42.900	42.900	42.900	42.900
3625	Vật tư ngành nước	Y uPVC 90 D *'	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	145.500	145.500	145.500	145.500	145.500	145.500	145.500	145.500	145.500
3626	Vật tư ngành nước	Y uPVC 90 M *'	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	67.000	67.000	67.000	67.000	67.000	67.000	67.000	67.000	67.000
3627	Vật tư ngành nước	Y uPVC 110 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	247.500	247.500	247.500	247.500	247.500	247.500	247.500	247.500	247.500
3628	Vật tư ngành nước	Y uPVC 110 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	123.000	123.000	123.000	123.000	123.000	123.000	123.000	123.000	123.000
3629	Vật tư ngành nước	Y uPVC 140 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	472.500	472.500	472.500	472.500	472.500	472.500	472.500	472.500	472.500
3630	Vật tư ngành nước	Y uPVC 140 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	287.200	287.200	287.200	287.200	287.200	287.200	287.200	287.200	287.200
3631	Vật tư ngành nước	Y uPVC 160 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	665.000	665.000	665.000	665.000	665.000	665.000	665.000	665.000	665.000
3632	Vật tư ngành nước	Y uPVC 160 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	388.200	388.200	388.200	388.200	388.200	388.200	388.200	388.200	388.200

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
3633	Vật tư ngành nước	Y uPVC 200 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.233.800	1.233.800	1.233.800	1.233.800	1.233.800	1.233.800	1.233.800	1.233.800	1.233.800
3634	Vật tư ngành nước	Y uPVC 200 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	890.500	890.500	890.500	890.500	890.500	890.500	890.500	890.500	890.500
3635	Vật tư ngành nước	Y uPVC 225 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	225 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.732.500	1.732.500	1.732.500	1.732.500	1.732.500	1.732.500	1.732.500	1.732.500	1.732.500
3636	Vật tư ngành nước	Y uPVC 225 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	225 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	964.800	964.800	964.800	964.800	964.800	964.800	964.800	964.800	964.800
3637	Vật tư ngành nước	Y uPVC 250 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	250 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.660.000	2.660.000	2.660.000	2.660.000	2.660.000	2.660.000	2.660.000	2.660.000	2.660.000
3638	Vật tư ngành nước	Y uPVC 250 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	250 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.530.000	1.530.000	1.530.000	1.530.000	1.530.000	1.530.000	1.530.000	1.530.000	1.530.000
3639	Vật tư ngành nước	Y uPVC 280 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	280 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.062.500	3.062.500	3.062.500	3.062.500	3.062.500	3.062.500	3.062.500	3.062.500	3.062.500
3640	Vật tư ngành nước	Y uPVC 315 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	315 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000
3641	Vật tư ngành nước	Bít xả uPVC 63 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	63 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	36.200	36.200	36.200	36.200	36.200	36.200	36.200	36.200	36.200
3642	Vật tư ngành nước	Bít xả uPVC 75 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	75 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	47.400	47.400	47.400	47.400	47.400	47.400	47.400	47.400	47.400
3643	Vật tư ngành nước	Bít xả uPVC 90 D*'	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	77.300	77.300	77.300	77.300	77.300	77.300	77.300	77.300	77.300
3644	Vật tư ngành nước	Bít xả uPVC 110 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	121.800	121.800	121.800	121.800	121.800	121.800	121.800	121.800	121.800
3645	Vật tư ngành nước	Bít xả uPVC 140 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	222.400	222.400	222.400	222.400	222.400	222.400	222.400	222.400	222.400
3646	Vật tư ngành nước	Bít xả uPVC 160 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	356.900	356.900	356.900	356.900	356.900	356.900	356.900	356.900	356.900
3647	Vật tư ngành nước	Bít xả uPVC 200 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	637.300	637.300	637.300	637.300	637.300	637.300	637.300	637.300	637.300
3648	Vật tư ngành nước	Mặt bích uPVC 75 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	75 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	146.300	146.300	146.300	146.300	146.300	146.300	146.300	146.300	146.300
3649	Vật tư ngành nước	Mặt bích uPVC 90 D *'	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	161.300	161.300	161.300	161.300	161.300	161.300	161.300	161.300	161.300
3650	Vật tư ngành nước	Mặt bích uPVC 110 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	227.500	227.500	227.500	227.500	227.500	227.500	227.500	227.500	227.500
3651	Vật tư ngành nước	Mặt bích uPVC 140 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	360.000	360.000	360.000	360.000	360.000	360.000	360.000	360.000	360.000
3652	Vật tư ngành nước	Mặt bích uPVC 160 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	495.000	495.000	495.000	495.000	495.000	495.000	495.000	495.000	495.000
3653	Vật tư ngành nước	Mặt bích uPVC 200 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	875.000	875.000	875.000	875.000	875.000	875.000	875.000	875.000	875.000
3654	Vật tư ngành nước	Mặt bích uPVC 225 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	225 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	922.500	922.500	922.500	922.500	922.500	922.500	922.500	922.500	922.500
3655	Vật tư ngành nước	Mặt bích uPVC 250 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	250 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.206.200	1.206.200	1.206.200	1.206.200	1.206.200	1.206.200	1.206.200	1.206.200	1.206.200
3656	Vật tư ngành nước	Mặt bích uPVC 280 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	280 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.350.000	1.350.000	1.350.000	1.350.000	1.350.000	1.350.000	1.350.000	1.350.000	1.350.000
3657	Vật tư ngành nước	Mặt bích uPVC 315 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	315 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.912.500	1.912.500	1.912.500	1.912.500	1.912.500	1.912.500	1.912.500	1.912.500	1.912.500
3658	Vật tư ngành nước	Tê cong uPVC 90 D *'	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000
3659	Vật tư ngành nước	Tê cong uPVC 110 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	178.800	178.800	178.800	178.800	178.800	178.800	178.800	178.800	178.800

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
3660	Vật tư ngành nước	Tê cong uPVC 110 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	102.000	102.000	102.000	102.000	102.000	102.000	102.000	102.000	102.000
3661	Vật tư ngành nước	Tê cong uPVC 140 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	503.800	503.800	503.800	503.800	503.800	503.800	503.800	503.800	503.800
3662	Vật tư ngành nước	Tê cong uPVC 140 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	202.900	202.900	202.900	202.900	202.900	202.900	202.900	202.900	202.900
3663	Vật tư ngành nước	Tê cong uPVC 160 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	435.000	435.000	435.000	435.000	435.000	435.000	435.000	435.000	435.000
3664	Vật tư ngành nước	Tê cong uPVC 160 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	302.500	302.500	302.500	302.500	302.500	302.500	302.500	302.500	302.500
3665	Vật tư ngành nước	Tê cong uPVC 200 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	540.000	540.000	540.000	540.000	540.000	540.000	540.000	540.000	540.000
3666	Vật tư ngành nước	Tê cong uPVC 225 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	225 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	892.500	892.500	892.500	892.500	892.500	892.500	892.500	892.500	892.500
3667	Vật tư ngành nước	Tê cong uPVC 250 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	250 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.170.000	1.170.000	1.170.000	1.170.000	1.170.000	1.170.000	1.170.000	1.170.000	1.170.000
3668	Vật tư ngành nước	Tê cong giảm uPVC 110 x 90 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110 x 90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	173.700	173.700	173.700	173.700	173.700	173.700	173.700	173.700	173.700
3669	Vật tư ngành nước	Tê cong giảm uPVC 110 x 90 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110 x 90 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	83.300	83.300	83.300	83.300	83.300	83.300	83.300	83.300	83.300
3670	Vật tư ngành nước	Tê cong giảm uPVC 140 x 90 D *'	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 x 90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	206.300	206.300	206.300	206.300	206.300	206.300	206.300	206.300	206.300
3671	Vật tư ngành nước	Tê cong giảm uPVC 140 x 110 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 x 110 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	206.300	206.300	206.300	206.300	206.300	206.300	206.300	206.300	206.300
3672	Vật tư ngành nước	Tê cong giảm uPVC 160 x 90 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160 x 90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	300.700	300.700	300.700	300.700	300.700	300.700	300.700	300.700	300.700
3673	Vật tư ngành nước	Tê cong giảm uPVC 160 x 110 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160 x 110 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	357.500	357.500	357.500	357.500	357.500	357.500	357.500	357.500	357.500
3674	Vật tư ngành nước	Tê cong giảm uPVC 160 x 110 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160 x 110 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	204.400	204.400	204.400	204.400	204.400	204.400	204.400	204.400	204.400
3675	Vật tư ngành nước	Tê cong giảm uPVC 160 x 140 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160 x 140 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	402.500	402.500	402.500	402.500	402.500	402.500	402.500	402.500	402.500
3676	Vật tư ngành nước	Tê cong giảm uPVC 160 x 140 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160 x 140 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	222.700	222.700	222.700	222.700	222.700	222.700	222.700	222.700	222.700
3677	Vật tư ngành nước	Tê cong giảm uPVC 200 x 160 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200 x 160 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	581.300	581.300	581.300	581.300	581.300	581.300	581.300	581.300	581.300
3678	Vật tư ngành nước	Tê cong giảm uPVC 225 x 110 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	225 x 110 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	552.500	552.500	552.500	552.500	552.500	552.500	552.500	552.500	552.500
3679	Vật tư ngành nước	Tê cong giảm uPVC 225 x 200 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	225 x 200 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	743.800	743.800	743.800	743.800	743.800	743.800	743.800	743.800	743.800
3680	Vật tư ngành nước	Tê cong giảm uPVC 250 x 225 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	250 x 225 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	637.500	637.500	637.500	637.500	637.500	637.500	637.500	637.500	637.500
3681	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 75 x 49 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	75 x 49 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000
3682	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 75 x 60 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	75 x 60 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	24.000	24.000	24.000	24.000	24.000	24.000	24.000	24.000	24.000
3683	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 90 x 49 D *'	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 x 49 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000
3684	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 90 x 60 D *'	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 x 60 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	43.800	43.800	43.800	43.800	43.800	43.800	43.800	43.800	43.800
3685	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 90 x 75 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 x 75 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	37.000	37.000	37.000	37.000	37.000	37.000	37.000	37.000	37.000
3686	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 110 x 60 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110 x 60 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	55.500	55.500	55.500	55.500	55.500	55.500	55.500	55.500	55.500

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
3687	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 110 x 63 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110 x 63 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	73.700	73.700	73.700	73.700	73.700	73.700	73.700	73.700	73.700
3688	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 110 x 75 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110 x 75 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	57.800	57.800	57.800	57.800	57.800	57.800	57.800	57.800	57.800
3689	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 110 x 90 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110 x 90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	73.700	73.700	73.700	73.700	73.700	73.700	73.700	73.700	73.700
3690	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 110 x 90 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110 x 90 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	31.700	31.700	31.700	31.700	31.700	31.700	31.700	31.700	31.700
3691	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 140 x 90 D *'	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 x 90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	127.500	127.500	127.500	127.500	127.500	127.500	127.500	127.500	127.500
3692	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 140 x 90 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 x 90 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	58.500	58.500	58.500	58.500	58.500	58.500	58.500	58.500	58.500
3693	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 140 x 110 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 x 110 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	131.300	131.300	131.300	131.300	131.300	131.300	131.300	131.300	131.300
3694	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 140 x 110 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 x 110 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	65.000	65.000	65.000	65.000	65.000	65.000	65.000	65.000	65.000
3695	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 160 x 90 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160 x 90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	147.900	147.900	147.900	147.900	147.900	147.900	147.900	147.900	147.900
3696	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 160 x 90 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160 x 90 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	79.500	79.500	79.500	79.500	79.500	79.500	79.500	79.500	79.500
3697	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 160 x 110 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160 x 110 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	175.000	175.000	175.000	175.000	175.000	175.000	175.000	175.000	175.000
3698	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 160 x 110 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160 x 110 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	85.900	85.900	85.900	85.900	85.900	85.900	85.900	85.900	85.900
3699	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 160 x 140 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160 x 140 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	212.500	212.500	212.500	212.500	212.500	212.500	212.500	212.500	212.500
3700	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 160 x 140 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160 x 140 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	90.700	90.700	90.700	90.700	90.700	90.700	90.700	90.700	90.700
3701	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 200 x 110 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200 x 110 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	258.800	258.800	258.800	258.800	258.800	258.800	258.800	258.800	258.800
3702	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 200 x 110 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200 x 110 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	178.200	178.200	178.200	178.200	178.200	178.200	178.200	178.200	178.200
3703	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 200 x 140 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200 x 140 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	315.000	315.000	315.000	315.000	315.000	315.000	315.000	315.000	315.000
3704	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 200 x 140 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200 x 140 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	195.000	195.000	195.000	195.000	195.000	195.000	195.000	195.000	195.000
3705	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 200 x 160 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200 x 160 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	275.000	275.000	275.000	275.000	275.000	275.000	275.000	275.000	275.000
3706	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 200 x 160 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200 x 160 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	206.300	206.300	206.300	206.300	206.300	206.300	206.300	206.300	206.300
3707	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 225 x 200 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	225 x 200 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	675.000	675.000	675.000	675.000	675.000	675.000	675.000	675.000	675.000
3708	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 250 x 200 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	250 x 200 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	787.500	787.500	787.500	787.500	787.500	787.500	787.500	787.500	787.500
3709	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 250 x 220 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	250 x 220 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	832.500	832.500	832.500	832.500	832.500	832.500	832.500	832.500	832.500
3710	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 250 x 225 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	250 x 225 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	855.000	855.000	855.000	855.000	855.000	855.000	855.000	855.000	855.000
3711	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 280 x 250 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	280 x 250 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.187.500	1.187.500	1.187.500	1.187.500	1.187.500	1.187.500	1.187.500	1.187.500	1.187.500
3712	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 315 x 250 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	315 x 250 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.496.300	1.496.300	1.496.300	1.496.300	1.496.300	1.496.300	1.496.300	1.496.300	1.496.300
3713	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC 315 x 280 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	315 x 280 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.543.800	1.543.800	1.543.800	1.543.800	1.543.800	1.543.800	1.543.800	1.543.800	1.543.800

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
3714	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 75 x 49 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	75 x 49 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	48.900	48.900	48.900	48.900	48.900	48.900	48.900	48.900	48.900
3715	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 75 x 60 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	75 x 60 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	60.000	60.000	60.000	60.000	60.000	60.000	60.000	60.000	60.000
3716	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 90 x 49 D *'	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 x 49 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	70.500	70.500	70.500	70.500	70.500	70.500	70.500	70.500	70.500
3717	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 90 x 60 D *'	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 x 60 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	80.800	80.800	80.800	80.800	80.800	80.800	80.800	80.800	80.800
3718	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 90 x 75 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 x 75 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	79.800	79.800	79.800	79.800	79.800	79.800	79.800	79.800	79.800
3719	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 110 x 49 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110 x 49 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	103.500	103.500	103.500	103.500	103.500	103.500	103.500	103.500	103.500
3720	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 110 x 60 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110 x 60 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	126.800	126.800	126.800	126.800	126.800	126.800	126.800	126.800	126.800
3721	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 110 x 75 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110 x 75 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	143.000	143.000	143.000	143.000	143.000	143.000	143.000	143.000	143.000
3722	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 110 x 90 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110 x 90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	143.000	143.000	143.000	143.000	143.000	143.000	143.000	143.000	143.000
3723	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 110 x 90 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110 x 90 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	60.800	60.800	60.800	60.800	60.800	60.800	60.800	60.800	60.800
3724	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 140 x 90 D *'	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 x 90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	281.300	281.300	281.300	281.300	281.300	281.300	281.300	281.300	281.300
3725	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 140 x 110 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 x 110 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	340.000	340.000	340.000	340.000	340.000	340.000	340.000	340.000	340.000
3726	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 140 x 110 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 x 110 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	157.500	157.500	157.500	157.500	157.500	157.500	157.500	157.500	157.500
3727	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 160 x 90 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160 x 90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	400.000	400.000	400.000	400.000	400.000	400.000	400.000	400.000	400.000
3728	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 160 x 110 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160 x 110 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	460.000	460.000	460.000	460.000	460.000	460.000	460.000	460.000	460.000
3729	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 160 x 110 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160 x 110 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	211.300	211.300	211.300	211.300	211.300	211.300	211.300	211.300	211.300
3730	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 160 x 140 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160 x 140 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	500.000	500.000	500.000	500.000	500.000	500.000	500.000	500.000	500.000
3731	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 200 x 110 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200 x 110 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	807.400	807.400	807.400	807.400	807.400	807.400	807.400	807.400	807.400
3732	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 200 x 110 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200 x 110 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	393.800	393.800	393.800	393.800	393.800	393.800	393.800	393.800	393.800
3733	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 200 x 140 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200 x 140 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	877.500	877.500	877.500	877.500	877.500	877.500	877.500	877.500	877.500
3734	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 200 x 160 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200 x 160 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	945.000	945.000	945.000	945.000	945.000	945.000	945.000	945.000	945.000
3735	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 200 x 160 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200 x 160 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	472.500	472.500	472.500	472.500	472.500	472.500	472.500	472.500	472.500
3736	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 225 x 110 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	225 x 110 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.140.000	1.140.000	1.140.000	1.140.000	1.140.000	1.140.000	1.140.000	1.140.000	1.140.000
3737	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 225 x 140 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	225 x 140 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.187.500	1.187.500	1.187.500	1.187.500	1.187.500	1.187.500	1.187.500	1.187.500	1.187.500
3738	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 225 x 160 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	225 x 160 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.306.300	1.306.300	1.306.300	1.306.300	1.306.300	1.306.300	1.306.300	1.306.300	1.306.300
3739	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 225 x 200 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	225 x 200 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.543.800	1.543.800	1.543.800	1.543.800	1.543.800	1.543.800	1.543.800	1.543.800	1.543.800
3740	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 250 x 200 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	250 x 200 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.900.000	1.900.000	1.900.000	1.900.000	1.900.000	1.900.000	1.900.000	1.900.000	1.900.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
3741	Vật tư ngành nước	Tê giảm uPVC 250 x 225 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	250 x 225 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.125.000	2.125.000	2.125.000	2.125.000	2.125.000	2.125.000	2.125.000	2.125.000	2.125.000
3742	Vật tư ngành nước	Con thỏ uPVC 75	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	133.500	133.500	133.500	133.500	133.500	133.500	133.500	133.500	133.500
3743	Vật tư ngành nước	Con thỏ uPVC 90 hệ mét *	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	143.800	143.800	143.800	143.800	143.800	143.800	143.800	143.800	143.800
3744	Vật tư ngành nước	Con thỏ uPVC 110	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	193.800	193.800	193.800	193.800	193.800	193.800	193.800	193.800	193.800
3745	Vật tư ngành nước	Thông sản mét uPVC 90 *	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	43.800	43.800	43.800	43.800	43.800	43.800	43.800	43.800	43.800
3746	Vật tư ngành nước	Thông sản uPVC 110	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	52.500	52.500	52.500	52.500	52.500	52.500	52.500	52.500	52.500
3747	Vật tư ngành nước	Gioăng cao su uPVC 63	cái		63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400
3748	Vật tư ngành nước	Gioăng cao su uPVC 90	cái		90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	19.700	19.700	19.700	19.700	19.700	19.700	19.700	19.700	19.700
3749	Vật tư ngành nước	Gioăng cao su uPVC 110	cái		110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	25.400	25.400	25.400	25.400	25.400	25.400	25.400	25.400	25.400
3750	Vật tư ngành nước	Gioăng cao su uPVC 121	cái		121	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000
3751	Vật tư ngành nước	Gioăng cao su uPVC 140	cái		140	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	32.200	32.200	32.200	32.200	32.200	32.200	32.200	32.200	32.200
3752	Vật tư ngành nước	Gioăng cao su uPVC 160	cái		160	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	40.800	40.800	40.800	40.800	40.800	40.800	40.800	40.800	40.800
3753	Vật tư ngành nước	Gioăng cao su uPVC 177	cái		177	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	47.800	47.800	47.800	47.800	47.800	47.800	47.800	47.800	47.800
3754	Vật tư ngành nước	Gioăng cao su uPVC 200	cái		200	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	56.400	56.400	56.400	56.400	56.400	56.400	56.400	56.400	56.400
3755	Vật tư ngành nước	Gioăng cao su uPVC 220	cái		220	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	60.900	60.900	60.900	60.900	60.900	60.900	60.900	60.900	60.900
3756	Vật tư ngành nước	Gioăng cao su uPVC 222	cái		222	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	60.800	60.800	60.800	60.800	60.800	60.800	60.800	60.800	60.800
3757	Vật tư ngành nước	Gioăng cao su uPVC 225	cái		225	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000
3758	Vật tư ngành nước	Gioăng cao su uPVC 250	cái		250	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	101.800	101.800	101.800	101.800	101.800	101.800	101.800	101.800	101.800
3759	Vật tư ngành nước	Gioăng cao su uPVC 280	cái		280	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	123.400	123.400	123.400	123.400	123.400	123.400	123.400	123.400	123.400
3760	Vật tư ngành nước	Gioăng cao su uPVC 315	cái		315	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	138.200	138.200	138.200	138.200	138.200	138.200	138.200	138.200	138.200
3761	Vật tư ngành nước	Gioăng cao su uPVC 355	cái		355	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	220.300	220.300	220.300	220.300	220.300	220.300	220.300	220.300	220.300
3762	Vật tư ngành nước	Gioăng cao su uPVC 400	cái		400	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	267.300	267.300	267.300	267.300	267.300	267.300	267.300	267.300	267.300
3763	Vật tư ngành nước	Gioăng cao su uPVC 450	cái		450	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	361.200	361.200	361.200	361.200	361.200	361.200	361.200	361.200	361.200
3764	Vật tư ngành nước	Gioăng cao su uPVC 500	cái		500	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	488.000	488.000	488.000	488.000	488.000	488.000	488.000	488.000	488.000
3765	Vật tư ngành nước	Gioăng cao su uPVC 630	cái		630	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	817.000	817.000	817.000	817.000	817.000	817.000	817.000	817.000	817.000
3766	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 75 x 60 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	75 x 60 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	82.900	82.900	82.900	82.900	82.900	82.900	82.900	82.900	82.900
3767	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 90 x 49 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 x 49 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	89.400	89.400	89.400	89.400	89.400	89.400	89.400	89.400	89.400

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
3768	Vật tư ngành nước	Y giám uPVC 90 x 60 D *'	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 x 60 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	124.500	124.500	124.500	124.500	124.500	124.500	124.500	124.500	124.500
3769	Vật tư ngành nước	Y giám uPVC 90 x 76 D *'	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 x 76 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	153.500	153.500	153.500	153.500	153.500	153.500	153.500	153.500	153.500
3770	Vật tư ngành nước	Y giám uPVC 90 x 75 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	90 x 75 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	120.300	120.300	120.300	120.300	120.300	120.300	120.300	120.300	120.300
3771	Vật tư ngành nước	Y giám uPVC 110 x 49 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110 x 49 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	116.900	116.900	116.900	116.900	116.900	116.900	116.900	116.900	116.900
3772	Vật tư ngành nước	Y giám uPVC 110 x 60 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110 x 60 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	169.000	169.000	169.000	169.000	169.000	169.000	169.000	169.000	169.000
3773	Vật tư ngành nước	Y giám uPVC 110 x 63 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110 x 63 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	195.000	195.000	195.000	195.000	195.000	195.000	195.000	195.000	195.000
3774	Vật tư ngành nước	Y giám uPVC 110 x 75 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110 x 75 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	162.500	162.500	162.500	162.500	162.500	162.500	162.500	162.500	162.500
3775	Vật tư ngành nước	Y giám uPVC 110 x 90 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110 x 90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	211.300	211.300	211.300	211.300	211.300	211.300	211.300	211.300	211.300
3776	Vật tư ngành nước	Y giám uPVC 110 x 90 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	110 x 90 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	93.300	93.300	93.300	93.300	93.300	93.300	93.300	93.300	93.300
3777	Vật tư ngành nước	Y giám uPVC 140 x 90 D *'	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 x 90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	300.000	300.000	300.000	300.000	300.000	300.000	300.000	300.000	300.000
3778	Vật tư ngành nước	Y giám uPVC 140 x 90 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 x 90 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	195.000	195.000	195.000	195.000	195.000	195.000	195.000	195.000	195.000
3779	Vật tư ngành nước	Y giám uPVC 140 x 110 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 x 110 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	360.000	360.000	360.000	360.000	360.000	360.000	360.000	360.000	360.000
3780	Vật tư ngành nước	Y giám uPVC 140 x 110 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	140 x 110 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	203.500	203.500	203.500	203.500	203.500	203.500	203.500	203.500	203.500
3781	Vật tư ngành nước	Y giám uPVC 160 x 90 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160 x 90 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	390.000	390.000	390.000	390.000	390.000	390.000	390.000	390.000	390.000
3782	Vật tư ngành nước	Y giám uPVC 160 x 90 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160 x 90 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	220.000	220.000	220.000	220.000	220.000	220.000	220.000	220.000	220.000
3783	Vật tư ngành nước	Y giám uPVC 160 x 110 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160 x 110 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	438.800	438.800	438.800	438.800	438.800	438.800	438.800	438.800	438.800
3784	Vật tư ngành nước	Y giám uPVC 160 x 110 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160 x 110 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	276.300	276.300	276.300	276.300	276.300	276.300	276.300	276.300	276.300
3785	Vật tư ngành nước	Y giám uPVC 160 x 140 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160 x 140 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	637.500	637.500	637.500	637.500	637.500	637.500	637.500	637.500	637.500
3786	Vật tư ngành nước	Y giám uPVC 160 x 140 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	160 x 140 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	345.000	345.000	345.000	345.000	345.000	345.000	345.000	345.000	345.000
3787	Vật tư ngành nước	Y giám uPVC 200 x 110 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200 x 110 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	843.800	843.800	843.800	843.800	843.800	843.800	843.800	843.800	843.800
3788	Vật tư ngành nước	Y giám uPVC 200 x 110 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200 x 110 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	476.300	476.300	476.300	476.300	476.300	476.300	476.300	476.300	476.300
3789	Vật tư ngành nước	Y giám uPVC 200 x 140 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200 x 140 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.083.800	1.083.800	1.083.800	1.083.800	1.083.800	1.083.800	1.083.800	1.083.800	1.083.800
3790	Vật tư ngành nước	Y giám uPVC 200 x 140 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200 x 140 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	562.500	562.500	562.500	562.500	562.500	562.500	562.500	562.500	562.500
3791	Vật tư ngành nước	Y giám uPVC 200 x 160 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200 x 160 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.113.800	1.113.800	1.113.800	1.113.800	1.113.800	1.113.800	1.113.800	1.113.800	1.113.800
3792	Vật tư ngành nước	Y giám uPVC 200 x 160 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	200 x 160 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	650.000	650.000	650.000	650.000	650.000	650.000	650.000	650.000	650.000
3793	Vật tư ngành nước	Y giám uPVC 225 x 110 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	225 x 110 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.160.000	1.160.000	1.160.000	1.160.000	1.160.000	1.160.000	1.160.000	1.160.000	1.160.000
3794	Vật tư ngành nước	Y giám uPVC 225 x 140 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	225 x 140 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.320.000	1.320.000	1.320.000	1.320.000	1.320.000	1.320.000	1.320.000	1.320.000	1.320.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
3795	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 225 x 160 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	225 x 160 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.460.000	1.460.000	1.460.000	1.460.000	1.460.000	1.460.000	1.460.000	1.460.000	1.460.000
3796	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 225 x 200 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	225 x 200 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.846.000	1.846.000	1.846.000	1.846.000	1.846.000	1.846.000	1.846.000	1.846.000	1.846.000
3797	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 225 x 200 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	225 x 200 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	990.000	990.000	990.000	990.000	990.000	990.000	990.000	990.000	990.000
3798	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 250 x 160 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	250 x 160 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.867.500	1.867.500	1.867.500	1.867.500	1.867.500	1.867.500	1.867.500	1.867.500	1.867.500
3799	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 250 x 200 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	250 x 200 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.272.500	2.272.500	2.272.500	2.272.500	2.272.500	2.272.500	2.272.500	2.272.500	2.272.500
3800	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 250 x 225 M	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	250 x 225 M	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.350.000	1.350.000	1.350.000	1.350.000	1.350.000	1.350.000	1.350.000	1.350.000	1.350.000
3801	Vật tư ngành nước	Y giảm uPVC 280 x 225 D	cái	TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009	280 x 225 D	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.462.500	4.462.500	4.462.500	4.462.500	4.462.500	4.462.500	4.462.500	4.462.500	4.462.500
3802	Vật tư ngành nước	Nối tron HDPE 20	cái	ISO 4427:2007	20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.200	4.200	4.200	4.200	4.200	4.200	4.200	4.200	4.200
3803	Vật tư ngành nước	Nối tron HDPE 25	cái	ISO 4427:2007	25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.400	6.400	6.400	6.400	6.400	6.400	6.400	6.400	6.400
3804	Vật tư ngành nước	Nối tron HDPE 32	cái	ISO 4427:2007	32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10.400	10.400	10.400	10.400	10.400	10.400	10.400	10.400	10.400
3805	Vật tư ngành nước	Nối tron HDPE 40	cái	ISO 4427:2007	40	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000
3806	Vật tư ngành nước	Nối tron HDPE 50	cái	ISO 4427:2007	50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	26.600	26.600	26.600	26.600	26.600	26.600	26.600	26.600	26.600
3807	Vật tư ngành nước	Nối tron HDPE 63	cái	ISO 4427:2007	63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	40.300	40.300	40.300	40.300	40.300	40.300	40.300	40.300	40.300
3808	Vật tư ngành nước	Tê HDPE 20	cái	ISO 4427:2007	20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8.100	8.100	8.100	8.100	8.100	8.100	8.100	8.100	8.100
3809	Vật tư ngành nước	Tê HDPE 25	cái	ISO 4427:2007	25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	12.900	12.900	12.900	12.900	12.900	12.900	12.900	12.900	12.900
3810	Vật tư ngành nước	Tê HDPE 32	cái	ISO 4427:2007	32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000	22.000
3811	Vật tư ngành nước	Tê HDPE 40	cái	ISO 4427:2007	40	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	32.900	32.900	32.900	32.900	32.900	32.900	32.900	32.900	32.900
3812	Vật tư ngành nước	Tê HDPE 50	cái	ISO 4427:2007	50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	55.000	55.000	55.000	55.000	55.000	55.000	55.000	55.000	55.000
3813	Vật tư ngành nước	Tê HDPE 63	cái	ISO 4427:2007	63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	103.700	103.700	103.700	103.700	103.700	103.700	103.700	103.700	103.700
3814	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 25 x 20	cái	ISO 4427:2007	25 x 20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.500	5.500	5.500	5.500	5.500	5.500	5.500	5.500	5.500
3815	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 32 x 25	cái	ISO 4427:2007	32 x 25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8.800	8.800	8.800	8.800	8.800	8.800	8.800	8.800	8.800
3816	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 40 x 32	cái	ISO 4427:2007	40 x 32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	12.900	12.900	12.900	12.900	12.900	12.900	12.900	12.900	12.900
3817	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 50 x 25	cái	ISO 4427:2007	50 x 25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	17.900	17.900	17.900	17.900	17.900	17.900	17.900	17.900	17.900
3818	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 50 x 32	cái	ISO 4427:2007	50 x 32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	18.800	18.800	18.800	18.800	18.800	18.800	18.800	18.800	18.800
3819	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 50 x 40	cái	ISO 4427:2007	50 x 40	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	18.800	18.800	18.800	18.800	18.800	18.800	18.800	18.800	18.800
3820	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 63 x 25	cái	ISO 4427:2007	63 x 25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	29.900	29.900	29.900	29.900	29.900	29.900	29.900	29.900	29.900
3821	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 63 x 32	cái	ISO 4427:2007	63 x 32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	32.200	32.200	32.200	32.200	32.200	32.200	32.200	32.200	32.200

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
3822	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 63 x 40	cái	ISO 4427:2007	63 x 40	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	32.900	32.900	32.900	32.900	32.900	32.900	32.900	32.900	32.900
3823	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 63 x 50	cái	ISO 4427:2007	63 x 50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	32.900	32.900	32.900	32.900	32.900	32.900	32.900	32.900	32.900
3824	Vật tư ngành nước	Nối ren trong HDPE 20 x 1/2"	cái	ISO 4427:2007	20 x 1/2"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	55.200	55.200	55.200	55.200	55.200	55.200	55.200	55.200	55.200
3825	Vật tư ngành nước	Nối ren trong HDPE 20 x 3/4"	cái	ISO 4427:2007	20 x 3/4"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	68.600	68.600	68.600	68.600	68.600	68.600	68.600	68.600	68.600
3826	Vật tư ngành nước	Nối ren trong HDPE 25 x 1/2"	cái	ISO 4427:2007	25 x 1/2"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600
3827	Vật tư ngành nước	Nối ren trong HDPE 25 x 3/4"	cái	ISO 4427:2007	25 x 3/4"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	69.700	69.700	69.700	69.700	69.700	69.700	69.700	69.700	69.700
3828	Vật tư ngành nước	Nối ren trong HDPE 32 x 3/4"	cái	ISO 4427:2007	32 x 3/4"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	82.500	82.500	82.500	82.500	82.500	82.500	82.500	82.500	82.500
3829	Vật tư ngành nước	Nối ren trong HDPE 32 x 1"	cái	ISO 4427:2007	32 x 1"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	210.400	210.400	210.400	210.400	210.400	210.400	210.400	210.400	210.400
3830	Vật tư ngành nước	Tê ren trong HDPE 20 x 1/2"	cái	ISO 4427:2007	20 x 1/2"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	70.200	70.200	70.200	70.200	70.200	70.200	70.200	70.200	70.200
3831	Vật tư ngành nước	Tê ren trong HDPE 20 x 3/4"	cái	ISO 4427:2007	20 x 3/4"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	87.300	87.300	87.300	87.300	87.300	87.300	87.300	87.300	87.300
3832	Vật tư ngành nước	Tê ren trong HDPE 25 x 1/2"	cái	ISO 4427:2007	25 x 1/2"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	79.600	79.600	79.600	79.600	79.600	79.600	79.600	79.600	79.600
3833	Vật tư ngành nước	Tê ren trong HDPE 25 x 3/4"	cái	ISO 4427:2007	25 x 3/4"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	99.100	99.100	99.100	99.100	99.100	99.100	99.100	99.100	99.100
3834	Vật tư ngành nước	Tê ren trong HDPE 32 x 3/4"	cái	ISO 4427:2007	32 x 3/4"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	121.600	121.600	121.600	121.600	121.600	121.600	121.600	121.600	121.600
3835	Vật tư ngành nước	Tê ren trong HDPE 32 x 1"	cái	ISO 4427:2007	32 x 1"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	270.300	270.300	270.300	270.300	270.300	270.300	270.300	270.300	270.300
3836	Vật tư ngành nước	Co 90^0 ren trong HDPE 20 x 1/2"	cái	ISO 4427:2007	20 x 1/2"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	56.200	56.200	56.200	56.200	56.200	56.200	56.200	56.200	56.200
3837	Vật tư ngành nước	Co 90^0 ren trong HDPE 20 x 3/4"	cái	ISO 4427:2007	20 x 3/4"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	69.700	69.700	69.700	69.700	69.700	69.700	69.700	69.700	69.700
3838	Vật tư ngành nước	Co 90^0 ren trong HDPE 25 x 1/2"	cái	ISO 4427:2007	25 x 1/2"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	61.000	61.000	61.000	61.000	61.000	61.000	61.000	61.000	61.000
3839	Vật tư ngành nước	Co 90^0 ren trong HDPE 25 x 3/4"	cái	ISO 4427:2007	25 x 3/4"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	81.200	81.200	81.200	81.200	81.200	81.200	81.200	81.200	81.200
3840	Vật tư ngành nước	Co 90^0 ren trong HDPE 32 x 3/4"	cái	ISO 4427:2007	32 x 3/4"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	93.600	93.600	93.600	93.600	93.600	93.600	93.600	93.600	93.600
3841	Vật tư ngành nước	Co 90^0 ren trong HDPE 32 x 1"	cái	ISO 4427:2007	32 x 1"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	247.200	247.200	247.200	247.200	247.200	247.200	247.200	247.200	247.200
3842	Vật tư ngành nước	Co 90^0 HDPE 20	cái	ISO 4427:2007	20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7.200	7.200	7.200	7.200	7.200	7.200	7.200	7.200	7.200
3843	Vật tư ngành nước	Co 90^0 HDPE 25	cái	ISO 4427:2007	25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	9.800	9.800	9.800	9.800	9.800	9.800	9.800	9.800	9.800
3844	Vật tư ngành nước	Co 90^0 HDPE 32	cái	ISO 4427:2007	32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	17.600	17.600	17.600	17.600	17.600	17.600	17.600	17.600	17.600
3845	Vật tư ngành nước	Co 90^0 HDPE 40	cái	ISO 4427:2007	40	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000	26.000
3846	Vật tư ngành nước	Co 90^0 HDPE 50	cái	ISO 4427:2007	50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	41.000	41.000	41.000	41.000	41.000	41.000	41.000	41.000	41.000
3847	Vật tư ngành nước	Co 90^0 HDPE 63 hàn lắp ngoài	cái	ISO 4427:2007	63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	78.000	78.000	78.000	78.000	78.000	78.000	78.000	78.000	78.000
3848	Vật tư ngành nước	Co 45^0 HDPE 20	cái	ISO 4427:2007	20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.900	6.900	6.900	6.900	6.900	6.900	6.900	6.900	6.900

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
3849	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ HDPE 25	cái	ISO 4427:2007	25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000
3850	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ HDPE 32	cái	ISO 4427:2007	32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	14.700	14.700	14.700	14.700	14.700	14.700	14.700	14.700	14.700
3851	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ HDPE 40	cái	ISO 4427:2007	40	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	18.800	18.800	18.800	18.800	18.800	18.800	18.800	18.800	18.800
3852	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ HDPE 50	cái	ISO 4427:2007	50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	31.600	31.600	31.600	31.600	31.600	31.600	31.600	31.600	31.600
3853	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ HDPE 63 hàn lắp ngoài	cái	ISO 4427:2007	63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	53.600	53.600	53.600	53.600	53.600	53.600	53.600	53.600	53.600
3854	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 25 x 20	cái	ISO 4427:2007	25 x 20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	11.400	11.400	11.400	11.400	11.400	11.400	11.400	11.400	11.400
3855	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 32 x 25	cái	ISO 4427:2007	32 x 25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700
3856	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 40 x 32	cái	ISO 4427:2007	40 x 32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	24.500	24.500	24.500	24.500	24.500	24.500	24.500	24.500	24.500
3857	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 50 x 20	cái	ISO 4427:2007	50 x 20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	35.400	35.400	35.400	35.400	35.400	35.400	35.400	35.400	35.400
3858	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 50 x 25	cái	ISO 4427:2007	50 x 25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	37.700	37.700	37.700	37.700	37.700	37.700	37.700	37.700	37.700
3859	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 50 x 32	cái	ISO 4427:2007	50 x 32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	41.000	41.000	41.000	41.000	41.000	41.000	41.000	41.000	41.000
3860	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 50 x 40	cái	ISO 4427:2007	50 x 40	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	46.500	46.500	46.500	46.500	46.500	46.500	46.500	46.500	46.500
3861	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 63 x 25	cái	ISO 4427:2007	63 x 25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	64.800	64.800	64.800	64.800	64.800	64.800	64.800	64.800	64.800
3862	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 63 x 32	cái	ISO 4427:2007	63 x 32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	68.200	68.200	68.200	68.200	68.200	68.200	68.200	68.200	68.200
3863	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 63 x 40	cái	ISO 4427:2007	63 x 40	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	74.000	74.000	74.000	74.000	74.000	74.000	74.000	74.000	74.000
3864	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 63 x 50	cái	ISO 4427:2007	63 x 50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	87.000	87.000	87.000	87.000	87.000	87.000	87.000	87.000	87.000
3865	Vật tư ngành nước	Nối ren ngoài HDPE 20 x 1/2"	cái	ISO 4427:2007	20 x 1/2"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	66.200	66.200	66.200	66.200	66.200	66.200	66.200	66.200	66.200
3866	Vật tư ngành nước	Nối ren ngoài HDPE 20 x 3/4"	cái	ISO 4427:2007	20 x 3/4"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	82.100	82.100	82.100	82.100	82.100	82.100	82.100	82.100	82.100
3867	Vật tư ngành nước	Nối ren ngoài HDPE 25 x 1/2"	cái	ISO 4427:2007	25 x 1/2"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	68.200	68.200	68.200	68.200	68.200	68.200	68.200	68.200	68.200
3868	Vật tư ngành nước	Nối ren ngoài HDPE 25 x 3/4"	cái	ISO 4427:2007	25 x 3/4"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000
3869	Vật tư ngành nước	Nối ren ngoài HDPE 32 x 3/4"	cái	ISO 4427:2007	32 x 3/4"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	98.300	98.300	98.300	98.300	98.300	98.300	98.300	98.300	98.300
3870	Vật tư ngành nước	Nối ren ngoài HDPE 32 x 1"	cái	ISO 4427:2007	32 x 1"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	252.000	252.000	252.000	252.000	252.000	252.000	252.000	252.000	252.000
3871	Vật tư ngành nước	Tê ren ngoài HDPE 20 x 1/2"	cái	ISO 4427:2007	20 x 1/2"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	76.700	76.700	76.700	76.700	76.700	76.700	76.700	76.700	76.700
3872	Vật tư ngành nước	Tê ren ngoài HDPE 20 x 3/4"	cái	ISO 4427:2007	20 x 3/4"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	95.200	95.200	95.200	95.200	95.200	95.200	95.200	95.200	95.200
3873	Vật tư ngành nước	Tê ren ngoài HDPE 25 x 1/2"	cái	ISO 4427:2007	25 x 1/2"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000
3874	Vật tư ngành nước	Tê ren ngoài HDPE 25 x 3/4"	cái	ISO 4427:2007	25 x 3/4"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	101.300	101.300	101.300	101.300	101.300	101.300	101.300	101.300	101.300
3875	Vật tư ngành nước	Tê ren ngoài HDPE 32 x 3/4"	cái	ISO 4427:2007	32 x 3/4"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	138.600	138.600	138.600	138.600	138.600	138.600	138.600	138.600	138.600

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
3876	Vật tư ngành nước	Tê ren ngoài HDPE 32 x 1"	cái	ISO 4427:2007	32 x 1"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	304.200	304.200	304.200	304.200	304.200	304.200	304.200	304.200	304.200
3877	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ ren ngoài HDPE 20 x 1/2"	cái	ISO 4427:2007	20 x 1/2"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	68.900	68.900	68.900	68.900	68.900	68.900	68.900	68.900	68.900
3878	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ ren ngoài HDPE 20 x 3/4"	cái	ISO 4427:2007	20 x 3/4"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	85.200	85.200	85.200	85.200	85.200	85.200	85.200	85.200	85.200
3879	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ ren ngoài HDPE 25 x 1/2"	cái	ISO 4427:2007	25 x 1/2"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	70.900	70.900	70.900	70.900	70.900	70.900	70.900	70.900	70.900
3880	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ ren ngoài HDPE 25 x 3/4"	cái	ISO 4427:2007	25 x 3/4"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	94.300	94.300	94.300	94.300	94.300	94.300	94.300	94.300	94.300
3881	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ ren ngoài HDPE 32 x 3/4"	cái	ISO 4427:2007	32 x 3/4"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	127.300	127.300	127.300	127.300	127.300	127.300	127.300	127.300	127.300
3882	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ ren ngoài HDPE 32 x 1"	cái	ISO 4427:2007	32 x 1"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	266.300	266.300	266.300	266.300	266.300	266.300	266.300	266.300	266.300
3883	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ HDPE 63 hàn đối đầu	cái	ISO 4427:2007	63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	67.600	67.600	67.600	67.600	67.600	67.600	67.600	67.600	67.600
3884	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ HDPE 75	cái	ISO 4427:2007	75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	114.800	114.800	114.800	114.800	114.800	114.800	114.800	114.800	114.800
3885	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ HDPE 90	cái	ISO 4427:2007	90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	177.900	177.900	177.900	177.900	177.900	177.900	177.900	177.900	177.900
3886	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ HDPE 110	cái	ISO 4427:2007	110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	258.700	258.700	258.700	258.700	258.700	258.700	258.700	258.700	258.700
3887	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ HDPE 125	cái	ISO 4427:2007	125	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	370.500	370.500	370.500	370.500	370.500	370.500	370.500	370.500	370.500
3888	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ HDPE 140	cái	ISO 4427:2007	140	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	543.400	543.400	543.400	543.400	543.400	543.400	543.400	543.400	543.400
3889	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ HDPE 160	cái	ISO 4427:2007	160	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	647.100	647.100	647.100	647.100	647.100	647.100	647.100	647.100	647.100
3890	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ HDPE 180	cái	ISO 4427:2007	180	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	933.300	933.300	933.300	933.300	933.300	933.300	933.300	933.300	933.300
3891	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ HDPE 200	cái	ISO 4427:2007	200	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.176.300	1.176.300	1.176.300	1.176.300	1.176.300	1.176.300	1.176.300	1.176.300	1.176.300
3892	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ HDPE 225	cái	ISO 4427:2007	225	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.633.800	1.633.800	1.633.800	1.633.800	1.633.800	1.633.800	1.633.800	1.633.800	1.633.800
3893	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ HDPE 250	cái	ISO 4427:2007	250	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.711.400	1.711.400	1.711.400	1.711.400	1.711.400	1.711.400	1.711.400	1.711.400	1.711.400
3894	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ HDPE 280	cái	ISO 4427:2007	280	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.763.600	2.763.600	2.763.600	2.763.600	2.763.600	2.763.600	2.763.600	2.763.600	2.763.600
3895	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ HDPE 315	cái	ISO 4427:2007	315	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.972.400	2.972.400	2.972.400	2.972.400	2.972.400	2.972.400	2.972.400	2.972.400	2.972.400
3896	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ HDPE 355	cái	ISO 4427:2007	355	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.083.000	4.083.000	4.083.000	4.083.000	4.083.000	4.083.000	4.083.000	4.083.000	4.083.000
3897	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ HDPE 400	cái	ISO 4427:2007	400	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.025.500	6.025.500	6.025.500	6.025.500	6.025.500	6.025.500	6.025.500	6.025.500	6.025.500
3898	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ HDPE 450	cái	ISO 4427:2007	450	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	9.787.500	9.787.500	9.787.500	9.787.500	9.787.500	9.787.500	9.787.500	9.787.500	9.787.500
3899	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ HDPE 500	cái	ISO 4427:2007	500	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	12.512.400	12.512.400	12.512.400	12.512.400	12.512.400	12.512.400	12.512.400	12.512.400	12.512.400
3900	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ HDPE 560	cái	ISO 4427:2007	560	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	18.351.500	18.351.500	18.351.500	18.351.500	18.351.500	18.351.500	18.351.500	18.351.500	18.351.500
3901	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ HDPE 630	cái	ISO 4427:2007	630	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	26.470.600	26.470.600	26.470.600	26.470.600	26.470.600	26.470.600	26.470.600	26.470.600	26.470.600
3902	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ HDPE 63 hàn đối đầu	cái	ISO 4427:2007	63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	63.400	63.400	63.400	63.400	63.400	63.400	63.400	63.400	63.400

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
3903	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ HDPE 75	cái	ISO 4427:2007	75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	98.600	98.600	98.600	98.600	98.600	98.600	98.600	98.600	98.600
3904	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ HDPE 90	cái	ISO 4427:2007	90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	138.500	138.500	138.500	138.500	138.500	138.500	138.500	138.500	138.500
3905	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ HDPE 110	cái	ISO 4427:2007	110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	194.000	194.000	194.000	194.000	194.000	194.000	194.000	194.000	194.000
3906	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ HDPE 125	cái	ISO 4427:2007	125	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	304.000	304.000	304.000	304.000	304.000	304.000	304.000	304.000	304.000
3907	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ HDPE 140	cái	ISO 4427:2007	140	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	454.100	454.100	454.100	454.100	454.100	454.100	454.100	454.100	454.100
3908	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ HDPE 160	cái	ISO 4427:2007	160	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	517.700	517.700	517.700	517.700	517.700	517.700	517.700	517.700	517.700
3909	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ HDPE 180	cái	ISO 4427:2007	180	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	870.400	870.400	870.400	870.400	870.400	870.400	870.400	870.400	870.400
3910	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ HDPE 200	cái	ISO 4427:2007	200	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	929.800	929.800	929.800	929.800	929.800	929.800	929.800	929.800	929.800
3911	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ HDPE 225	cái	ISO 4427:2007	225	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.239.600	1.239.600	1.239.600	1.239.600	1.239.600	1.239.600	1.239.600	1.239.600	1.239.600
3912	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ HDPE 250	cái	ISO 4427:2007	250	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.283.100	1.283.100	1.283.100	1.283.100	1.283.100	1.283.100	1.283.100	1.283.100	1.283.100
3913	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ HDPE 280	cái	ISO 4427:2007	280	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.047.500	2.047.500	2.047.500	2.047.500	2.047.500	2.047.500	2.047.500	2.047.500	2.047.500
3914	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ HDPE 315	cái	ISO 4427:2007	315	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.117.400	2.117.400	2.117.400	2.117.400	2.117.400	2.117.400	2.117.400	2.117.400	2.117.400
3915	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ HDPE 355	cái	ISO 4427:2007	355	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.848.300	2.848.300	2.848.300	2.848.300	2.848.300	2.848.300	2.848.300	2.848.300	2.848.300
3916	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ HDPE 400	cái	ISO 4427:2007	400	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.251.000	4.251.000	4.251.000	4.251.000	4.251.000	4.251.000	4.251.000	4.251.000	4.251.000
3917	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ HDPE 450	cái	ISO 4427:2007	450	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.554.300	6.554.300	6.554.300	6.554.300	6.554.300	6.554.300	6.554.300	6.554.300	6.554.300
3918	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ HDPE 500	cái	ISO 4427:2007	500	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8.242.400	8.242.400	8.242.400	8.242.400	8.242.400	8.242.400	8.242.400	8.242.400	8.242.400
3919	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ HDPE 560	cái	ISO 4427:2007	560	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	11.344.800	11.344.800	11.344.800	11.344.800	11.344.800	11.344.800	11.344.800	11.344.800	11.344.800
3920	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ HDPE 630	cái	ISO 4427:2007	630	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	16.683.300	16.683.300	16.683.300	16.683.300	16.683.300	16.683.300	16.683.300	16.683.300	16.683.300
3921	Vật tư ngành nước	Tê HDPE 75	cái	ISO 4427:2007	75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	162.500	162.500	162.500	162.500	162.500	162.500	162.500	162.500	162.500
3922	Vật tư ngành nước	Tê HDPE 90	cái	ISO 4427:2007	90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	233.000	233.000	233.000	233.000	233.000	233.000	233.000	233.000	233.000
3923	Vật tư ngành nước	Tê HDPE 110	cái	ISO 4427:2007	110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	335.300	335.300	335.300	335.300	335.300	335.300	335.300	335.300	335.300
3924	Vật tư ngành nước	Tê HDPE 125	cái	ISO 4427:2007	125	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	491.700	491.700	491.700	491.700	491.700	491.700	491.700	491.700	491.700
3925	Vật tư ngành nước	Tê HDPE 140	cái	ISO 4427:2007	140	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	752.700	752.700	752.700	752.700	752.700	752.700	752.700	752.700	752.700
3926	Vật tư ngành nước	Tê HDPE 160	cái	ISO 4427:2007	160	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	917.600	917.600	917.600	917.600	917.600	917.600	917.600	917.600	917.600
3927	Vật tư ngành nước	Tê HDPE 180	cái	ISO 4427:2007	180	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.223.300	1.223.300	1.223.300	1.223.300	1.223.300	1.223.300	1.223.300	1.223.300	1.223.300
3928	Vật tư ngành nước	Tê HDPE 200	cái	ISO 4427:2007	200	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.587.900	1.587.900	1.587.900	1.587.900	1.587.900	1.587.900	1.587.900	1.587.900	1.587.900
3929	Vật tư ngành nước	Tê HDPE 225	cái	ISO 4427:2007	225	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.136.300	2.136.300	2.136.300	2.136.300	2.136.300	2.136.300	2.136.300	2.136.300	2.136.300

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
3930	Vật tư ngành nước	Tê HDPE 250	cái	ISO 4427:2007	250	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.180.000	2.180.000	2.180.000	2.180.000	2.180.000	2.180.000	2.180.000	2.180.000	2.180.000
3931	Vật tư ngành nước	Tê HDPE 280	cái	ISO 4427:2007	280	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.636.100	3.636.100	3.636.100	3.636.100	3.636.100	3.636.100	3.636.100	3.636.100	3.636.100
3932	Vật tư ngành nước	Tê HDPE 315	cái	ISO 4427:2007	315	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.848.700	3.848.700	3.848.700	3.848.700	3.848.700	3.848.700	3.848.700	3.848.700	3.848.700
3933	Vật tư ngành nước	Tê HDPE 355	cái	ISO 4427:2007	355	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.550.100	5.550.100	5.550.100	5.550.100	5.550.100	5.550.100	5.550.100	5.550.100	5.550.100
3934	Vật tư ngành nước	Tê HDPE 400	cái	ISO 4427:2007	400	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7.438.500	7.438.500	7.438.500	7.438.500	7.438.500	7.438.500	7.438.500	7.438.500	7.438.500
3935	Vật tư ngành nước	Tê HDPE 450	cái	ISO 4427:2007	450	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	15.963.700	15.963.700	15.963.700	15.963.700	15.963.700	15.963.700	15.963.700	15.963.700	15.963.700
3936	Vật tư ngành nước	Tê HDPE 630	cái	ISO 4427:2007	630	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	39.592.100	39.592.100	39.592.100	39.592.100	39.592.100	39.592.100	39.592.100	39.592.100	39.592.100
3937	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 75 x 40	cái	ISO 4427:2007	75 x 40	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	112.500	112.500	112.500	112.500	112.500	112.500	112.500	112.500	112.500
3938	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 75 x 50	cái	ISO 4427:2007	75 x 50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	124.700	124.700	124.700	124.700	124.700	124.700	124.700	124.700	124.700
3939	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 75 x 63	cái	ISO 4427:2007	75 x 63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	144.100	144.100	144.100	144.100	144.100	144.100	144.100	144.100	144.100
3940	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 90 x 40	cái	ISO 4427:2007	90 x 40	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000	156.000
3941	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 90 x 50	cái	ISO 4427:2007	90 x 50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	173.300	173.300	173.300	173.300	173.300	173.300	173.300	173.300	173.300
3942	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 90 x 63	cái	ISO 4427:2007	90 x 63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	181.100	181.100	181.100	181.100	181.100	181.100	181.100	181.100	181.100
3943	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 90 x 75	cái	ISO 4427:2007	90 x 75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	213.600	213.600	213.600	213.600	213.600	213.600	213.600	213.600	213.600
3944	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 110 x 50	cái	ISO 4427:2007	110 x 50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	224.200	224.200	224.200	224.200	224.200	224.200	224.200	224.200	224.200
3945	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 110 x 63	cái	ISO 4427:2007	110 x 63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	225.200	225.200	225.200	225.200	225.200	225.200	225.200	225.200	225.200
3946	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 110 x 75	cái	ISO 4427:2007	110 x 75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	266.500	266.500	266.500	266.500	266.500	266.500	266.500	266.500	266.500
3947	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 110 x 90	cái	ISO 4427:2007	110 x 90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	279.800	279.800	279.800	279.800	279.800	279.800	279.800	279.800	279.800
3948	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 140 x 110	cái	ISO 4427:2007	140 x 110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	705.800	705.800	705.800	705.800	705.800	705.800	705.800	705.800	705.800
3949	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 160 x 63	cái	ISO 4427:2007	160 x 63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	605.700	605.700	605.700	605.700	605.700	605.700	605.700	605.700	605.700
3950	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 160 x 75	cái	ISO 4427:2007	160 x 75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	611.700	611.700	611.700	611.700	611.700	611.700	611.700	611.700	611.700
3951	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 160 x 90	cái	ISO 4427:2007	160 x 90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	635.100	635.100	635.100	635.100	635.100	635.100	635.100	635.100	635.100
3952	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 160 x 110	cái	ISO 4427:2007	160 x 110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	729.900	729.900	729.900	729.900	729.900	729.900	729.900	729.900	729.900
3953	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 160 x 125	cái	ISO 4427:2007	160 x 125	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.045.900	1.045.900	1.045.900	1.045.900	1.045.900	1.045.900	1.045.900	1.045.900	1.045.900
3954	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 180 x 125	cái	ISO 4427:2007	180 x 125	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.583.800	1.583.800	1.583.800	1.583.800	1.583.800	1.583.800	1.583.800	1.583.800	1.583.800
3955	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 200 x 63	cái	ISO 4427:2007	200 x 63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	999.700	999.700	999.700	999.700	999.700	999.700	999.700	999.700	999.700
3956	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 200 x 75	cái	ISO 4427:2007	200 x 75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.011.700	1.011.700	1.011.700	1.011.700	1.011.700	1.011.700	1.011.700	1.011.700	1.011.700

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
3957	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 200 x 90	cái	ISO 4427:2007	200 x 90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.164.500	1.164.500	1.164.500	1.164.500	1.164.500	1.164.500	1.164.500	1.164.500	1.164.500
3958	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 200 x 110	cái	ISO 4427:2007	200 x 110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.176.300	1.176.300	1.176.300	1.176.300	1.176.300	1.176.300	1.176.300	1.176.300	1.176.300
3959	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 200 x 125	cái	ISO 4427:2007	200 x 125	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.778.200	1.778.200	1.778.200	1.778.200	1.778.200	1.778.200	1.778.200	1.778.200	1.778.200
3960	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 200 x 160	cái	ISO 4427:2007	200 x 160	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.662.400	1.662.400	1.662.400	1.662.400	1.662.400	1.662.400	1.662.400	1.662.400	1.662.400
3961	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 225 x 125	cái	ISO 4427:2007	225 x 125	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.018.300	2.018.300	2.018.300	2.018.300	2.018.300	2.018.300	2.018.300	2.018.300	2.018.300
3962	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 225 x 160	cái	ISO 4427:2007	225 x 160	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.458.600	1.458.600	1.458.600	1.458.600	1.458.600	1.458.600	1.458.600	1.458.600	1.458.600
3963	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 250 x 160	cái	ISO 4427:2007	225 x 180	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.457.000	2.457.000	2.457.000	2.457.000	2.457.000	2.457.000	2.457.000	2.457.000	2.457.000
3964	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 250 x 110	cái	ISO 4427:2007	225 x 110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.189.400	1.189.400	1.189.400	1.189.400	1.189.400	1.189.400	1.189.400	1.189.400	1.189.400
3965	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 280 x 225	cái	ISO 4427:2007	250 x 160	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.661.400	1.661.400	1.661.400	1.661.400	1.661.400	1.661.400	1.661.400	1.661.400	1.661.400
3966	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 280 x 160	cái	ISO 4427:2007	250 x 110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.384.800	1.384.800	1.384.800	1.384.800	1.384.800	1.384.800	1.384.800	1.384.800	1.384.800
3967	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 280 x 110	cái	ISO 4427:2007	280 x 225	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.926.700	3.926.700	3.926.700	3.926.700	3.926.700	3.926.700	3.926.700	3.926.700	3.926.700
3968	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 225 x 180	cái	ISO 4427:2007	280 x 160	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.898.700	2.898.700	2.898.700	2.898.700	2.898.700	2.898.700	2.898.700	2.898.700	2.898.700
3969	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 225 x 110	cái	ISO 4427:2007	280 x 110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.187.900	2.187.900	2.187.900	2.187.900	2.187.900	2.187.900	2.187.900	2.187.900	2.187.900
3970	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 315 x 160	cái	ISO 4427:2007	315 x 160	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.387.500	2.387.500	2.387.500	2.387.500	2.387.500	2.387.500	2.387.500	2.387.500	2.387.500
3971	Vật tư ngành nước	Tê giảm HDPE 315 x 110	cái	ISO 4427:2007	315 x 110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.014.700	2.014.700	2.014.700	2.014.700	2.014.700	2.014.700	2.014.700	2.014.700	2.014.700
3972	Vật tư ngành nước	Mặt bích HDPE 63	cái	ISO 4427:2007	63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	47.400	47.400	47.400	47.400	47.400	47.400	47.400	47.400	47.400
3973	Vật tư ngành nước	Mặt bích HDPE 75	cái	ISO 4427:2007	75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	80.500	80.500	80.500	80.500	80.500	80.500	80.500	80.500	80.500
3974	Vật tư ngành nước	Mặt bích HDPE 90	cái	ISO 4427:2007	90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	106.000	106.000	106.000	106.000	106.000	106.000	106.000	106.000	106.000
3975	Vật tư ngành nước	Mặt bích HDPE 110	cái	ISO 4427:2007	110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	181.400	181.400	181.400	181.400	181.400	181.400	181.400	181.400	181.400
3976	Vật tư ngành nước	Mặt bích HDPE 125	cái	ISO 4427:2007	125	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	217.800	217.800	217.800	217.800	217.800	217.800	217.800	217.800	217.800
3977	Vật tư ngành nước	Mặt bích HDPE 140	cái	ISO 4427:2007	140	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	314.300	314.300	314.300	314.300	314.300	314.300	314.300	314.300	314.300
3978	Vật tư ngành nước	Mặt bích HDPE 160	cái	ISO 4427:2007	160	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	444.600	444.600	444.600	444.600	444.600	444.600	444.600	444.600	444.600
3979	Vật tư ngành nước	Mặt bích HDPE 180	cái	ISO 4427:2007	180	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	421.200	421.200	421.200	421.200	421.200	421.200	421.200	421.200	421.200
3980	Vật tư ngành nước	Mặt bích HDPE 200	cái	ISO 4427:2007	200	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	760.500	760.500	760.500	760.500	760.500	760.500	760.500	760.500	760.500
3981	Vật tư ngành nước	Mặt bích HDPE 225	cái	ISO 4427:2007	225	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	673.200	673.200	673.200	673.200	673.200	673.200	673.200	673.200	673.200
3982	Vật tư ngành nước	Mặt bích HDPE 250	cái	ISO 4427:2007	250	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	697.800	697.800	697.800	697.800	697.800	697.800	697.800	697.800	697.800
3983	Vật tư ngành nước	Mặt bích HDPE 280	cái	ISO 4427:2007	280	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.140.400	1.140.400	1.140.400	1.140.400	1.140.400	1.140.400	1.140.400	1.140.400	1.140.400

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
3984	Vật tư ngành nước	Mặt bích HDPE 315	cái	ISO 4427:2007	315	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.089.100	1.089.100	1.089.100	1.089.100	1.089.100	1.089.100	1.089.100	1.089.100	1.089.100
3985	Vật tư ngành nước	Mặt bích HDPE 355	cái	ISO 4427:2007	355	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.493.000	1.493.000	1.493.000	1.493.000	1.493.000	1.493.000	1.493.000	1.493.000	1.493.000
3986	Vật tư ngành nước	Mặt bích HDPE 400	cái	ISO 4427:2007	400	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.169.400	2.169.400	2.169.400	2.169.400	2.169.400	2.169.400	2.169.400	2.169.400	2.169.400
3987	Vật tư ngành nước	Mặt bích HDPE 450	cái	ISO 4427:2007	450	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.813.900	2.813.900	2.813.900	2.813.900	2.813.900	2.813.900	2.813.900	2.813.900	2.813.900
3988	Vật tư ngành nước	Mặt bích HDPE 500	cái	ISO 4427:2007	500	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.226.600	4.226.600	4.226.600	4.226.600	4.226.600	4.226.600	4.226.600	4.226.600	4.226.600
3989	Vật tư ngành nước	Mặt bích HDPE 560	cái	ISO 4427:2007	560	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.227.600	5.227.600	5.227.600	5.227.600	5.227.600	5.227.600	5.227.600	5.227.600	5.227.600
3990	Vật tư ngành nước	Mặt bích HDPE 630	cái	ISO 4427:2007	630	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.228.300	6.228.300	6.228.300	6.228.300	6.228.300	6.228.300	6.228.300	6.228.300	6.228.300
3991	Vật tư ngành nước	Mặt bích HDPE 710	cái	ISO 4427:2007	710	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10.677.300	10.677.300	10.677.300	10.677.300	10.677.300	10.677.300	10.677.300	10.677.300	10.677.300
3992	Vật tư ngành nước	Mặt bích HDPE 800	cái	ISO 4427:2007	800	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	13.791.500	13.791.500	13.791.500	13.791.500	13.791.500	13.791.500	13.791.500	13.791.500	13.791.500
3993	Vật tư ngành nước	Mặt bích HDPE 900	cái	ISO 4427:2007	900	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	20.967.100	20.967.100	20.967.100	20.967.100	20.967.100	20.967.100	20.967.100	20.967.100	20.967.100
3994	Vật tư ngành nước	Mặt bích HDPE 1000	cái	ISO 4427:2007	1000	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	29.443.100	29.443.100	29.443.100	29.443.100	29.443.100	29.443.100	29.443.100	29.443.100	29.443.100
3995	Vật tư ngành nước	Mặt bích HDPE 1200	cái	ISO 4427:2007	1200	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	57.815.500	57.815.500	57.815.500	57.815.500	57.815.500	57.815.500	57.815.500	57.815.500	57.815.500
3996	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 90 x 40	cái	ISO 4427:2007	90 x 40	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	60.500	60.500	60.500	60.500	60.500	60.500	60.500	60.500	60.500
3997	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 90 x 50	cái	ISO 4427:2007	90 x 50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	67.300	67.300	67.300	67.300	67.300	67.300	67.300	67.300	67.300
3998	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 90 x 63	cái	ISO 4427:2007	90 x 63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	77.800	77.800	77.800	77.800	77.800	77.800	77.800	77.800	77.800
3999	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 90 x 75	cái	ISO 4427:2007	90 x 75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	82.500	82.500	82.500	82.500	82.500	82.500	82.500	82.500	82.500
4000	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 110 x 50	cái	ISO 4427:2007	110 x 50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	105.900	105.900	105.900	105.900	105.900	105.900	105.900	105.900	105.900
4001	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 110 x 63	cái	ISO 4427:2007	110 x 63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	111.800	111.800	111.800	111.800	111.800	111.800	111.800	111.800	111.800
4002	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 110 x 75	cái	ISO 4427:2007	110 x 75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	117.700	117.700	117.700	117.700	117.700	117.700	117.700	117.700	117.700
4003	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 110 x 90	cái	ISO 4427:2007	110 x 90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	129.400	129.400	129.400	129.400	129.400	129.400	129.400	129.400	129.400
4004	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 140 x 110	cái	ISO 4427:2007	140 x 110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	329.500	329.500	329.500	329.500	329.500	329.500	329.500	329.500	329.500
4005	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 160 x 63	cái	ISO 4427:2007	160 x 63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	298.900	298.900	298.900	298.900	298.900	298.900	298.900	298.900	298.900
4006	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 160 x 75	cái	ISO 4427:2007	160 x 75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	305.900	305.900	305.900	305.900	305.900	305.900	305.900	305.900	305.900
4007	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 160 x 90	cái	ISO 4427:2007	160 x 90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	333.500	333.500	333.500	333.500	333.500	333.500	333.500	333.500	333.500
4008	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 160 x 110	cái	ISO 4427:2007	160 x 110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	366.000	366.000	366.000	366.000	366.000	366.000	366.000	366.000	366.000
4009	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 160 x 125	cái	ISO 4427:2007	160 x 125	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	394.200	394.200	394.200	394.200	394.200	394.200	394.200	394.200	394.200
4010	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 160 x 140	cái	ISO 4427:2007	160 x 140	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	498.200	498.200	498.200	498.200	498.200	498.200	498.200	498.200	498.200

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
4011	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 200 x 63	cái	ISO 4427:2007	200 x 63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	466.400	466.400	466.400	466.400	466.400	466.400	466.400	466.400	466.400
4012	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 200 x 75	cái	ISO 4427:2007	200 x 75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	503.000	503.000	503.000	503.000	503.000	503.000	503.000	503.000	503.000
4013	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 200 x 90	cái	ISO 4427:2007	200 x 90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	514.700	514.700	514.700	514.700	514.700	514.700	514.700	514.700	514.700
4014	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 200 x 110	cái	ISO 4427:2007	200 x 110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	529.100	529.100	529.100	529.100	529.100	529.100	529.100	529.100	529.100
4015	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 200 x 160	cái	ISO 4427:2007	200 x 160	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	635.700	635.700	635.700	635.700	635.700	635.700	635.700	635.700	635.700
4016	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 180 x 125	cái	ISO 4427:2007	180 x 125	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	520.000	520.000	520.000	520.000	520.000	520.000	520.000	520.000	520.000
4017	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 225 x 125	cái	ISO 4427:2007	225 x 125	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	867.400	867.400	867.400	867.400	867.400	867.400	867.400	867.400	867.400
4018	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 225 x 180	cái	ISO 4427:2007	225 x 180	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	935.400	935.400	935.400	935.400	935.400	935.400	935.400	935.400	935.400
4019	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 450 x 315	cái	ISO 4427:2007	450 x 315	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.398.000	3.398.000	3.398.000	3.398.000	3.398.000	3.398.000	3.398.000	3.398.000	3.398.000
4020	Vật tư ngành nước	Nối giảm HDPE 630 x 315	cái	ISO 4427:2007	630 x 315	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.607.800	6.607.800	6.607.800	6.607.800	6.607.800	6.607.800	6.607.800	6.607.800	6.607.800
4021	Vật tư ngành nước	Tứ thông HDPE 125	cái	ISO 4427:2007	125	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	887.300	887.300	887.300	887.300	887.300	887.300	887.300	887.300	887.300
4022	Vật tư ngành nước	Tứ thông HDPE 180	cái	ISO 4427:2007	180	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.604.000	1.604.000	1.604.000	1.604.000	1.604.000	1.604.000	1.604.000	1.604.000	1.604.000
4023	Vật tư ngành nước	Nối tron PPR 20	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700	4.700
4024	Vật tư ngành nước	Nối tron PPR 25	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000
4025	Vật tư ngành nước	Nối tron PPR 32	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	12.400	12.400	12.400	12.400	12.400	12.400	12.400	12.400	12.400
4026	Vật tư ngành nước	Nối tron PPR 40	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	40	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	19.800	19.800	19.800	19.800	19.800	19.800	19.800	19.800	19.800
4027	Vật tư ngành nước	Nối tron PPR 50	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	35.500	35.500	35.500	35.500	35.500	35.500	35.500	35.500	35.500
4028	Vật tư ngành nước	Nối tron PPR 63	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	71.200	71.200	71.200	71.200	71.200	71.200	71.200	71.200	71.200
4029	Vật tư ngành nước	Nối tron PPR 75	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	119.100	119.100	119.100	119.100	119.100	119.100	119.100	119.100	119.100
4030	Vật tư ngành nước	Nối tron PPR 90	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	201.500	201.500	201.500	201.500	201.500	201.500	201.500	201.500	201.500
4031	Vật tư ngành nước	Nối tron PPR 110	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	326.300	326.300	326.300	326.300	326.300	326.300	326.300	326.300	326.300
4032	Vật tư ngành nước	Nối tron PPR 125	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	125	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	628.600	628.600	628.600	628.600	628.600	628.600	628.600	628.600	628.600
4033	Vật tư ngành nước	Nối tron PPR 140	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	140	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	897.400	897.400	897.400	897.400	897.400	897.400	897.400	897.400	897.400
4034	Vật tư ngành nước	Nối tron PPR 160	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	160	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.257.100	1.257.100	1.257.100	1.257.100	1.257.100	1.257.100	1.257.100	1.257.100	1.257.100
4035	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 25 x 20	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	25 x 20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7.500	7.500	7.500	7.500	7.500	7.500	7.500	7.500	7.500
4036	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 32 x 20	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	32 x 20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10.600	10.600	10.600	10.600	10.600	10.600	10.600	10.600	10.600
4037	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 32 x 25	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	32 x 25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10.600	10.600	10.600	10.600	10.600	10.600	10.600	10.600	10.600

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
4038	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 40 x 20	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	40x 20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300
4039	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 40 x 25	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	40 x 25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300
4040	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 40 x 32	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	40 x 32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300
4041	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 50 x 20	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	50 x 20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	29.300	29.300	29.300	29.300	29.300	29.300	29.300	29.300	29.300
4042	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 50 x 25	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	50 x 25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	29.300	29.300	29.300	29.300	29.300	29.300	29.300	29.300	29.300
4043	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 50 x 32	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	50 x 32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	29.300	29.300	29.300	29.300	29.300	29.300	29.300	29.300	29.300
4044	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 50 x 40	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	50 x 40	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	29.300	29.300	29.300	29.300	29.300	29.300	29.300	29.300	29.300
4045	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 63 x 20	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	63 x 20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600
4046	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 63 x 25	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	63 x 25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600
4047	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 63 x 32	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	63 x 32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600
4048	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 63 x 40	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	63 x 40	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600
4049	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 63 x 50	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	63 x 50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600	56.600
4050	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 75 x 32	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	75 x 32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	98.700	98.700	98.700	98.700	98.700	98.700	98.700	98.700	98.700
4051	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 75 x 40	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	75 x 40	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	116.300	116.300	116.300	116.300	116.300	116.300	116.300	116.300	116.300
4052	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 75 x 50	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	75 x 50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300
4053	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 75 x 63	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	75 x 63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300
4054	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 90 x 40	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	90 x 40	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	142.100	142.100	142.100	142.100	142.100	142.100	142.100	142.100	142.100
4055	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 90 x 50	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	90 x 50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	146.000	146.000	146.000	146.000	146.000	146.000	146.000	146.000	146.000
4056	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 90 x 63	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	90 x 63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	185.900	185.900	185.900	185.900	185.900	185.900	185.900	185.900	185.900
4057	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 90 x 75	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	90 x 75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	185.900	185.900	185.900	185.900	185.900	185.900	185.900	185.900	185.900
4058	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 110 x 50	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	110 x 50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	282.100	282.100	282.100	282.100	282.100	282.100	282.100	282.100	282.100
4059	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 110 x 63	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	110 x 63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	282.100	282.100	282.100	282.100	282.100	282.100	282.100	282.100	282.100
4060	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 110 x 75	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	110 x 75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	282.100	282.100	282.100	282.100	282.100	282.100	282.100	282.100	282.100
4061	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 110 x 90	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	110 x 90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	282.100	282.100	282.100	282.100	282.100	282.100	282.100	282.100	282.100
4062	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 125 x 110 *	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	125 x 110 *	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	434.400	434.400	434.400	434.400	434.400	434.400	434.400	434.400	434.400
4063	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 140 x 110 *	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	140 x 110 *	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	642.200	642.200	642.200	642.200	642.200	642.200	642.200	642.200	642.200
4064	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 140 x 125 *	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	140 x 125 *	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	709.800	709.800	709.800	709.800	709.800	709.800	709.800	709.800	709.800

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
4065	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 160 x 110 *	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	160 x 110 *	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	861.900	861.900	861.900	861.900	861.900	861.900	861.900	861.900	861.900
4066	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 160 x 125 *	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	160 x 125 *	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	912.600	912.600	912.600	912.600	912.600	912.600	912.600	912.600	912.600
4067	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 160 x 140 *	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	160 x 140 *	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	980.200	980.200	980.200	980.200	980.200	980.200	980.200	980.200	980.200
4068	Vật tư ngành nước	Nối giảm PPR 200 x 160 *	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	200 x 160 *	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.845.500	1.845.500	1.845.500	1.845.500	1.845.500	1.845.500	1.845.500	1.845.500	1.845.500
4069	Vật tư ngành nước	Tê PPR 20	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10.600	10.600	10.600	10.600	10.600	10.600	10.600	10.600	10.600
4070	Vật tư ngành nước	Tê PPR 25	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300
4071	Vật tư ngành nước	Tê PPR 32	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	26.800	26.800	26.800	26.800	26.800	26.800	26.800	26.800	26.800
4072	Vật tư ngành nước	Tê PPR 40	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	40	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	41.600	41.600	41.600	41.600	41.600	41.600	41.600	41.600	41.600
4073	Vật tư ngành nước	Tê PPR 50	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	81.900	81.900	81.900	81.900	81.900	81.900	81.900	81.900	81.900
4074	Vật tư ngành nước	Tê PPR 63	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	205.400	205.400	205.400	205.400	205.400	205.400	205.400	205.400	205.400
4075	Vật tư ngành nước	Tê PPR 75	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	308.400	308.400	308.400	308.400	308.400	308.400	308.400	308.400	308.400
4076	Vật tư ngành nước	Tê PPR 90	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	478.700	478.700	478.700	478.700	478.700	478.700	478.700	478.700	478.700
4077	Vật tư ngành nước	Tê PPR 110	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	741.000	741.000	741.000	741.000	741.000	741.000	741.000	741.000	741.000
4078	Vật tư ngành nước	Tê PPR 125 *	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	125 *	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.397.700	1.397.700	1.397.700	1.397.700	1.397.700	1.397.700	1.397.700	1.397.700	1.397.700
4079	Vật tư ngành nước	Tê PPR 140 *	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	140 *	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.639.300	1.639.300	1.639.300	1.639.300	1.639.300	1.639.300	1.639.300	1.639.300	1.639.300
4080	Vật tư ngành nước	Tê PPR 160 *	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	160 *	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.602.600	2.602.600	2.602.600	2.602.600	2.602.600	2.602.600	2.602.600	2.602.600	2.602.600
4081	Vật tư ngành nước	Tê PPR 200 *	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	200 *	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.968.600	4.968.600	4.968.600	4.968.600	4.968.600	4.968.600	4.968.600	4.968.600	4.968.600
4082	Vật tư ngành nước	Mặt bích PPR 50	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	46.500	46.500	46.500	46.500	46.500	46.500	46.500	46.500	46.500
4083	Vật tư ngành nước	Mặt bích PPR 63	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	58.900	58.900	58.900	58.900	58.900	58.900	58.900	58.900	58.900
4084	Vật tư ngành nước	Mặt bích PPR 75	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	97.200	97.200	97.200	97.200	97.200	97.200	97.200	97.200	97.200
4085	Vật tư ngành nước	Mặt bích PPR 90	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	151.900	151.900	151.900	151.900	151.900	151.900	151.900	151.900	151.900
4086	Vật tư ngành nước	Mặt bích PPR 110	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	225.100	225.100	225.100	225.100	225.100	225.100	225.100	225.100	225.100
4087	Vật tư ngành nước	Mặt bích PPR 125 *	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	125 *	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	473.200	473.200	473.200	473.200	473.200	473.200	473.200	473.200	473.200
4088	Vật tư ngành nước	Mặt bích PPR 140 *	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	140 *	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	659.100	659.100	659.100	659.100	659.100	659.100	659.100	659.100	659.100
4089	Vật tư ngành nước	Mặt bích PPR 160 *	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	160 *	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	980.200	980.200	980.200	980.200	980.200	980.200	980.200	980.200	980.200
4090	Vật tư ngành nước	Mặt bích PPR 200 *	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	200 *	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.129.400	2.129.400	2.129.400	2.129.400	2.129.400	2.129.400	2.129.400	2.129.400	2.129.400
4091	Vật tư ngành nước	Rắc co nhựa PPR 20	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	58.700	58.700	58.700	58.700	58.700	58.700	58.700	58.700	58.700

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
4092	Vật tư ngành nước	Rắc co nhựa PPR 25	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	86.500	86.500	86.500	86.500	86.500	86.500	86.500	86.500	86.500
4093	Vật tư ngành nước	Rắc co nhựa PPR 32	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	124.500	124.500	124.500	124.500	124.500	124.500	124.500	124.500	124.500
4094	Vật tư ngành nước	Rắc co nhựa PPR 40	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	40	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	142.900	142.900	142.900	142.900	142.900	142.900	142.900	142.900	142.900
4095	Vật tư ngành nước	Rắc co nhựa PPR 50	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	214.700	214.700	214.700	214.700	214.700	214.700	214.700	214.700	214.700
4096	Vật tư ngành nước	Rắc co nhựa PPR 63	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	497.200	497.200	497.200	497.200	497.200	497.200	497.200	497.200	497.200
4097	Vật tư ngành nước	Ống tránh PPR 20	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	23.200	23.200	23.200	23.200	23.200	23.200	23.200	23.200	23.200
4098	Vật tư ngành nước	Ống tránh PPR 25	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	43.300	43.300	43.300	43.300	43.300	43.300	43.300	43.300	43.300
4099	Vật tư ngành nước	Ống tránh PPR 32	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	81.200	81.200	81.200	81.200	81.200	81.200	81.200	81.200	81.200
4100	Vật tư ngành nước	Nối ren ngoài PPR 20 x 1/2"	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	20 x 1/2"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	84.800	84.800	84.800	84.800	84.800	84.800	84.800	84.800	84.800
4101	Vật tư ngành nước	Nối ren ngoài PPR 25 x 1/2"	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	25 x 1/2"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	97.900	97.900	97.900	97.900	97.900	97.900	97.900	97.900	97.900
4102	Vật tư ngành nước	Nối ren ngoài PPR 25 x 3/4"	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	25 x 3/4"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	118.200	118.200	118.200	118.200	118.200	118.200	118.200	118.200	118.200
4103	Vật tư ngành nước	Nối ren ngoài PPR 32 x 1"	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	32 x 1"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	174.800	174.800	174.800	174.800	174.800	174.800	174.800	174.800	174.800
4104	Vật tư ngành nước	Nối ren ngoài PPR 40 x 1 1/4"	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	40 x 1 1/4"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	508.200	508.200	508.200	508.200	508.200	508.200	508.200	508.200	508.200
4105	Vật tư ngành nước	Nối ren ngoài PPR 50 x 1 1/2"	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	50 x 1 1/2"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	635.200	635.200	635.200	635.200	635.200	635.200	635.200	635.200	635.200
4106	Vật tư ngành nước	Nối ren ngoài PPR 63 x 2"	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	63 x 2"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.076.300	1.076.300	1.076.300	1.076.300	1.076.300	1.076.300	1.076.300	1.076.300	1.076.300
4107	Vật tư ngành nước	Nối ren trong PPR 20 x 1/2"	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	20 x 1/2"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	67.100	67.100	67.100	67.100	67.100	67.100	67.100	67.100	67.100
4108	Vật tư ngành nước	Nối ren trong PPR 25 x 1/2"	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	25 x 1/2"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	82.100	82.100	82.100	82.100	82.100	82.100	82.100	82.100	82.100
4109	Vật tư ngành nước	Nối ren trong PPR 25 x 3/4"	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	25 x 3/4"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	91.600	91.600	91.600	91.600	91.600	91.600	91.600	91.600	91.600
4110	Vật tư ngành nước	Nối ren trong PPR 32 x 1"	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	32 x 1"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	149.300	149.300	149.300	149.300	149.300	149.300	149.300	149.300	149.300
4111	Vật tư ngành nước	Nối ren trong PPR 40 x 1 1/4"	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	40 x 1 1/4"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	369.800	369.800	369.800	369.800	369.800	369.800	369.800	369.800	369.800
4112	Vật tư ngành nước	Nối ren trong PPR 50 x 1 1/2"	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	50 x 1 1/2"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	490.500	490.500	490.500	490.500	490.500	490.500	490.500	490.500	490.500
4113	Vật tư ngành nước	Nối ren trong PPR 63 x 2"	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	63 x 2"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	992.600	992.600	992.600	992.600	992.600	992.600	992.600	992.600	992.600
4114	Vật tư ngành nước	Co 90^0 ren ngoài PPR 20 x 1/2"	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	20 x 1/2"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	105.100	105.100	105.100	105.100	105.100	105.100	105.100	105.100	105.100
4115	Vật tư ngành nước	Co 90^0 ren ngoài PPR 25 x 1/2"	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	25 x 1/2"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	118.700	118.700	118.700	118.700	118.700	118.700	118.700	118.700	118.700
4116	Vật tư ngành nước	Co 90^0 ren ngoài PPR 25 x 3/4"	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	25 x 3/4"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	140.300	140.300	140.300	140.300	140.300	140.300	140.300	140.300	140.300
4117	Vật tư ngành nước	Co 90^0 ren ngoài PPR 32 x 1"	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	32 x 1"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	223.400	223.400	223.400	223.400	223.400	223.400	223.400	223.400	223.400
4118	Vật tư ngành nước	Co 90^0 ren trong PPR 20 x 1/2"	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	20 x 1/2"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	74.700	74.700	74.700	74.700	74.700	74.700	74.700	74.700	74.700

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
4119	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ ren trong PPR 25 x 1/2"	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	25 x 1/2"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	84.800	84.800	84.800	84.800	84.800	84.800	84.800	84.800	84.800
4120	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ ren trong PPR 25 x 3/4"	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	25 x 3/4"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	114.200	114.200	114.200	114.200	114.200	114.200	114.200	114.200	114.200
4121	Vật tư ngành nước	Co 90⁰ ren trong PPR 32 x 1"	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	32 x 1"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	210.900	210.900	210.900	210.900	210.900	210.900	210.900	210.900	210.900
4122	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ PPR 20	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7.500	7.500	7.500	7.500	7.500	7.500	7.500	7.500	7.500
4123	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ PPR 25	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000
4124	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ PPR 32	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100
4125	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ PPR 40	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	40	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	35.700	35.700	35.700	35.700	35.700	35.700	35.700	35.700	35.700
4126	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ PPR 50	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	68.200	68.200	68.200	68.200	68.200	68.200	68.200	68.200	68.200
4127	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ PPR 63	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	155.900	155.900	155.900	155.900	155.900	155.900	155.900	155.900	155.900
4128	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ PPR 75	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	239.800	239.800	239.800	239.800	239.800	239.800	239.800	239.800	239.800
4129	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ PPR 90	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	285.700	285.700	285.700	285.700	285.700	285.700	285.700	285.700	285.700
4130	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ PPR 110	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	497.300	497.300	497.300	497.300	497.300	497.300	497.300	497.300	497.300
4131	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ PPR 125 *	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	125 *	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	889.000	889.000	889.000	889.000	889.000	889.000	889.000	889.000	889.000
4132	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ PPR 140 *	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	140 *	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.193.200	1.193.200	1.193.200	1.193.200	1.193.200	1.193.200	1.193.200	1.193.200	1.193.200
4133	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ PPR 160 *	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	160 *	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.385.800	1.385.800	1.385.800	1.385.800	1.385.800	1.385.800	1.385.800	1.385.800	1.385.800
4134	Vật tư ngành nước	Co 45⁰ PPR 200 *	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	200 *	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.143.400	3.143.400	3.143.400	3.143.400	3.143.400	3.143.400	3.143.400	3.143.400	3.143.400
4135	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 25 x 20	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	25 x 20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300	16.300
4136	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 32 x 20	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	32 x 20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600
4137	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 32 x 25	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	32 x 25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600
4138	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 40x 20	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	40x 20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	63.000	63.000	63.000	63.000	63.000	63.000	63.000	63.000	63.000
4139	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 40 x 25	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	40 x 25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	63.000	63.000	63.000	63.000	63.000	63.000	63.000	63.000	63.000
4140	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 40 x 32	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	40 x 32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	63.000	63.000	63.000	63.000	63.000	63.000	63.000	63.000	63.000
4141	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 50 x 20	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	50 x 20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	110.500	110.500	110.500	110.500	110.500	110.500	110.500	110.500	110.500
4142	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 50 x 25	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	50 x 25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	110.500	110.500	110.500	110.500	110.500	110.500	110.500	110.500	110.500
4143	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 50 x 32	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	50 x 32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	110.500	110.500	110.500	110.500	110.500	110.500	110.500	110.500	110.500
4144	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 50 x 40	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	50 x 40	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	110.500	110.500	110.500	110.500	110.500	110.500	110.500	110.500	110.500
4145	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 63 x 20	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	63 x 20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	194.100	194.100	194.100	194.100	194.100	194.100	194.100	194.100	194.100

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
4146	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 63 x 25	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	63 x 25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	194.100	194.100	194.100	194.100	194.100	194.100	194.100	194.100	194.100
4147	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 63 x 32	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	63 x 32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	194.100	194.100	194.100	194.100	194.100	194.100	194.100	194.100	194.100
4148	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 63 x 40	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	63 x 40	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	194.100	194.100	194.100	194.100	194.100	194.100	194.100	194.100	194.100
4149	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 63 x 50	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	63 x 50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	194.100	194.100	194.100	194.100	194.100	194.100	194.100	194.100	194.100
4150	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 75 x 32	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	75 x 32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	265.600	265.600	265.600	265.600	265.600	265.600	265.600	265.600	265.600
4151	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 75 x 40	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	75 x 40	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	265.600	265.600	265.600	265.600	265.600	265.600	265.600	265.600	265.600
4152	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 75 x 50	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	75 x 50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	285.700	285.700	285.700	285.700	285.700	285.700	285.700	285.700	285.700
4153	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 75 x 63	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	75 x 63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	265.600	265.600	265.600	265.600	265.600	265.600	265.600	265.600	265.600
4154	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 90 x 40	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	90 x 40	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	412.100	412.100	412.100	412.100	412.100	412.100	412.100	412.100	412.100
4155	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 90 x 50	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	90 x 50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	417.000	417.000	417.000	417.000	417.000	417.000	417.000	417.000	417.000
4156	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 90 x 63	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	90 x 63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	447.800	447.800	447.800	447.800	447.800	447.800	447.800	447.800	447.800
4157	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 90 x 75	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	90 x 75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	492.600	492.600	492.600	492.600	492.600	492.600	492.600	492.600	492.600
4158	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 110 x 50	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	110 x 50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	283.500	283.500	283.500	283.500	283.500	283.500	283.500	283.500	283.500
4159	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 110 x 63	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	110 x 63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	710.200	710.200	710.200	710.200	710.200	710.200	710.200	710.200	710.200
4160	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 110 x 75	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	110 x 75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	710.200	710.200	710.200	710.200	710.200	710.200	710.200	710.200	710.200
4161	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 110 x 90	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	110 x 90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	710.200	710.200	710.200	710.200	710.200	710.200	710.200	710.200	710.200
4162	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 140 x 110 *	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	140 x 110 *	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.331.000	1.331.000	1.331.000	1.331.000	1.331.000	1.331.000	1.331.000	1.331.000	1.331.000
4163	Vật tư ngành nước	Tê giảm PPR 160 x 110 *	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	160 x 110 *	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.777.900	1.777.900	1.777.900	1.777.900	1.777.900	1.777.900	1.777.900	1.777.900	1.777.900
4164	Vật tư ngành nước	Co 90^0 PPR 20	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000	9.000
4165	Vật tư ngành nước	Co 90^0 PPR 25	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000
4166	Vật tư ngành nước	Co 90^0 PPR 32	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	21.000	21.000	21.000	21.000	21.000	21.000	21.000	21.000	21.000
4167	Vật tư ngành nước	Co 90^0 PPR 40	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	40	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	34.000	34.000	34.000	34.000	34.000	34.000	34.000	34.000	34.000
4168	Vật tư ngành nước	Co 90^0 PPR 50	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	59.700	59.700	59.700	59.700	59.700	59.700	59.700	59.700	59.700
4169	Vật tư ngành nước	Co 90^0 PPR 63	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	182.400	182.400	182.400	182.400	182.400	182.400	182.400	182.400	182.400
4170	Vật tư ngành nước	Co 90^0 PPR 75	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	238.200	238.200	238.200	238.200	238.200	238.200	238.200	238.200	238.200
4171	Vật tư ngành nước	Co 90^0 PPR 90	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	367.400	367.400	367.400	367.400	367.400	367.400	367.400	367.400	367.400
4172	Vật tư ngành nước	Co 90^0 PPR 110	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	748.700	748.700	748.700	748.700	748.700	748.700	748.700	748.700	748.700

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
4173	Vật tư ngành nước	Co 90º PPR 125 *	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	125 *	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.037.700	1.037.700	1.037.700	1.037.700	1.037.700	1.037.700	1.037.700	1.037.700	1.037.700
4174	Vật tư ngành nước	Co 90º PPR 140 *	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	140 *	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.355.400	1.355.400	1.355.400	1.355.400	1.355.400	1.355.400	1.355.400	1.355.400	1.355.400
4175	Vật tư ngành nước	Co 90º PPR 160 *	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	160 *	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.926.600	1.926.600	1.926.600	1.926.600	1.926.600	1.926.600	1.926.600	1.926.600	1.926.600
4176	Vật tư ngành nước	Co 90º PPR 200 *	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	200 *	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.086.500	4.086.500	4.086.500	4.086.500	4.086.500	4.086.500	4.086.500	4.086.500	4.086.500
4177	Vật tư ngành nước	Nút bịt PPR 20	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.500	4.500	4.500	4.500	4.500	4.500	4.500	4.500	4.500
4178	Vật tư ngành nước	Nút bịt PPR 25	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7.700	7.700	7.700	7.700	7.700	7.700	7.700	7.700	7.700
4179	Vật tư ngành nước	Nút bịt PPR 32	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10.100	10.100	10.100	10.100	10.100	10.100	10.100	10.100	10.100
4180	Vật tư ngành nước	Nút bịt PPR 40	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	40	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	15.300	15.300	15.300	15.300	15.300	15.300	15.300	15.300	15.300
4181	Vật tư ngành nước	Nút bịt PPR 50	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600	28.600
4182	Vật tư ngành nước	Nút bịt PPR 63	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	139.000	139.000	139.000	139.000	139.000	139.000	139.000	139.000	139.000
4183	Vật tư ngành nước	Nút bịt PPR 75	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	75	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	247.000	247.000	247.000	247.000	247.000	247.000	247.000	247.000	247.000
4184	Vật tư ngành nước	Nút bịt PPR 90	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	278.000	278.000	278.000	278.000	278.000	278.000	278.000	278.000	278.000
4185	Vật tư ngành nước	Nút bịt PPR 110	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	110	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	305.700	305.700	305.700	305.700	305.700	305.700	305.700	305.700	305.700
4186	Vật tư ngành nước	Van xoay chặn PPR 20	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	262.900	262.900	262.900	262.900	262.900	262.900	262.900	262.900	262.900
4187	Vật tư ngành nước	Van xoay chặn PPR 25	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	356.500	356.500	356.500	356.500	356.500	356.500	356.500	356.500	356.500
4188	Vật tư ngành nước	Van xoay chặn PPR 32	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	411.100	411.100	411.100	411.100	411.100	411.100	411.100	411.100	411.100
4189	Vật tư ngành nước	Van xoay chặn PPR 40	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	40	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	636.900	636.900	636.900	636.900	636.900	636.900	636.900	636.900	636.900
4190	Vật tư ngành nước	Van xoay chặn PPR 50	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.085.200	1.085.200	1.085.200	1.085.200	1.085.200	1.085.200	1.085.200	1.085.200	1.085.200
4191	Vật tư ngành nước	Van xoay chặn PPR 63	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	63	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.336.100	1.336.100	1.336.100	1.336.100	1.336.100	1.336.100	1.336.100	1.336.100	1.336.100
4192	Vật tư ngành nước	Van xoay cửa PPR 20	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	352.900	352.900	352.900	352.900	352.900	352.900	352.900	352.900	352.900
4193	Vật tư ngành nước	Van xoay cửa PPR 25	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	405.900	405.900	405.900	405.900	405.900	405.900	405.900	405.900	405.900
4194	Vật tư ngành nước	Van xoay cửa PPR 32	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	582.300	582.300	582.300	582.300	582.300	582.300	582.300	582.300	582.300
4195	Vật tư ngành nước	Van xoay cửa PPR 40	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	40	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	980.000	980.000	980.000	980.000	980.000	980.000	980.000	980.000	980.000
4196	Vật tư ngành nước	Van xoay cửa PPR 50	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.528.400	1.528.400	1.528.400	1.528.400	1.528.400	1.528.400	1.528.400	1.528.400	1.528.400
4197	Vật tư ngành nước	Rắc co ren ngoài PPR 20 x 1/2"	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	20 x 1/2"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	238.600	238.600	238.600	238.600	238.600	238.600	238.600	238.600	238.600
4198	Vật tư ngành nước	Rắc co ren ngoài PPR 25 x 3/4"	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	25 x 3/4"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	371.800	371.800	371.800	371.800	371.800	371.800	371.800	371.800	371.800
4199	Vật tư ngành nước	Rắc co ren ngoài PPR 32 x 1"	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	32 x 1"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	584.400	584.400	584.400	584.400	584.400	584.400	584.400	584.400	584.400

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
4200	Vật tư ngành nước	Rắc co ren ngoài PPR 40 x 1 1/4"	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	40 x 1 1/4"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	867.000	867.000	867.000	867.000	867.000	867.000	867.000	867.000	867.000
4201	Vật tư ngành nước	Rắc co ren ngoài PPR 50 x 1 1/2"	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	50 x 1 1/2"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.530.300	1.530.300	1.530.300	1.530.300	1.530.300	1.530.300	1.530.300	1.530.300	1.530.300
4202	Vật tư ngành nước	Rắc co ren ngoài PPR 63 x 2"	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	63 x 2"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.069.900	2.069.900	2.069.900	2.069.900	2.069.900	2.069.900	2.069.900	2.069.900	2.069.900
4203	Vật tư ngành nước	Rắc co ren trong PPR 20 x 1/2"	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	20 x 1/2"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	223.600	223.600	223.600	223.600	223.600	223.600	223.600	223.600	223.600
4204	Vật tư ngành nước	Rắc co ren trong PPR 25 x 3/4"	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	25 x 3/4"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	358.200	358.200	358.200	358.200	358.200	358.200	358.200	358.200	358.200
4205	Vật tư ngành nước	Rắc co ren trong PPR 32 x 1"	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	32 x 1"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	525.000	525.000	525.000	525.000	525.000	525.000	525.000	525.000	525.000
4206	Vật tư ngành nước	Rắc co ren trong PPR 40 x 1 1/4"	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	40 x 1 1/4"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	822.600	822.600	822.600	822.600	822.600	822.600	822.600	822.600	822.600
4207	Vật tư ngành nước	Rắc co ren trong PPR 50 x 1 1/2"	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	50 x 1 1/2"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.432.600	1.432.600	1.432.600	1.432.600	1.432.600	1.432.600	1.432.600	1.432.600	1.432.600
4208	Vật tư ngành nước	Rắc co ren trong PPR 63 x 2"	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	63 x 2"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.909.400	1.909.400	1.909.400	1.909.400	1.909.400	1.909.400	1.909.400	1.909.400	1.909.400
4209	Vật tư ngành nước	Tê ren ngoài PPR 20 x 1/2"	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	20 x 1/2"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700	92.700
4210	Vật tư ngành nước	Tê ren ngoài PPR 25 x 1/2"	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	25 x 1/2"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	100.700	100.700	100.700	100.700	100.700	100.700	100.700	100.700	100.700
4211	Vật tư ngành nước	Tê ren ngoài PPR 25 x 3/4"	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	25 x 3/4"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	121.700	121.700	121.700	121.700	121.700	121.700	121.700	121.700	121.700
4212	Vật tư ngành nước	Tê ren ngoài PPR 32 x 1"	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	32 x 1"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	255.900	255.900	255.900	255.900	255.900	255.900	255.900	255.900	255.900
4213	Vật tư ngành nước	Tê ren trong PPR 20 x 1/2"	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	20 x 1/2"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	75.300	75.300	75.300	75.300	75.300	75.300	75.300	75.300	75.300
4214	Vật tư ngành nước	Tê ren trong PPR 25 x 1/2"	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	25 x 1/2"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	80.500	80.500	80.500	80.500	80.500	80.500	80.500	80.500	80.500
4215	Vật tư ngành nước	Tê ren trong PPR 25 x 3/4"	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	25 x 3/4"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	117.400	117.400	117.400	117.400	117.400	117.400	117.400	117.400	117.400
4216	Vật tư ngành nước	Tê ren trong PPR 32 x 1"	cái	TCVN 10097-3:2013/ISO 15874-3:2013	32 x 1"	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	256.100	256.100	256.100	256.100	256.100	256.100	256.100	256.100	256.100
4217	Vật tư ngành nước	Ống HDPE gân xoắn 32 x 25	cái	TCVN 7979:2009	32x25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	20.800	20.800	20.800	20.800	20.800	20.800	20.800	20.800	20.800
4218	Vật tư ngành nước	Ống HDPE gân xoắn 40 x 30	cái	TCVN 7979:2009	40x30	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	24.400	24.400	24.400	24.400	24.400	24.400	24.400	24.400	24.400
4219	Vật tư ngành nước	Ống HDPE gân xoắn 50 x 40	cái	TCVN 7979:2009	50x40	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	34.900	34.900	34.900	34.900	34.900	34.900	34.900	34.900	34.900
4220	Vật tư ngành nước	Ống HDPE gân xoắn 65 x 50	cái	TCVN 7979:2009	65x50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	47.800	47.800	47.800	47.800	47.800	47.800	47.800	47.800	47.800
4221	Vật tư ngành nước	Ống HDPE gân xoắn 85 x 65	cái	TCVN 7979:2009	85x65	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	69.200	69.200	69.200	69.200	69.200	69.200	69.200	69.200	69.200
4222	Vật tư ngành nước	Ống HDPE gân xoắn 90 x 70	cái	TCVN 7979:2009	90x70	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	78.000	78.000	78.000	78.000	78.000	78.000	78.000	78.000	78.000
4223	Vật tư ngành nước	Ống HDPE gân xoắn 105 x 80	cái	TCVN 7979:2009	105x80	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000	90.000
4224	Vật tư ngành nước	Ống HDPE gân xoắn 110 x 90	cái	TCVN 7979:2009	110x90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	95.200	95.200	95.200	95.200	95.200	95.200	95.200	95.200	95.200
4225	Vật tư ngành nước	Ống HDPE gân xoắn 130 x 100	cái	TCVN 7979:2009	130x100	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	127.100	127.100	127.100	127.100	127.100	127.100	127.100	127.100	127.100
4226	Vật tư ngành nước	Ống HDPE gân xoắn 160 x 125	cái	TCVN 7979:2009	160x125	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	197.400	197.400	197.400	197.400	197.400	197.400	197.400	197.400	197.400

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
4227	Vật tư ngành nước	Ống HDPE gân xoắn 195 x 150	cái	TCVN 7979:2009	195x150	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	269.500	269.500	269.500	269.500	269.500	269.500	269.500	269.500	269.500
4228	Vật tư ngành nước	Ống HDPE gân xoắn 210 x 160	cái	TCVN 7979:2009	210x160	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	300.700	300.700	300.700	300.700	300.700	300.700	300.700	300.700	300.700
4229	Vật tư ngành nước	Ống HDPE gân xoắn 230 x 175	cái	TCVN 7979:2009	230x175	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	401.700	401.700	401.700	401.700	401.700	401.700	401.700	401.700	401.700
4230	Vật tư ngành nước	Ống HDPE gân xoắn 260 x 200	cái	TCVN 7979:2009	260x200	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	480.300	480.300	480.300	480.300	480.300	480.300	480.300	480.300	480.300
4231	Vật tư ngành nước	Ống HDPE gân xoắn 320 x 250	cái	TCVN 7979:2009	320x250	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	950.700	950.700	950.700	950.700	950.700	950.700	950.700	950.700	950.700
4232	Vật tư ngành nước	Măng sông HDPE gân xoắn 32 x 25	cái	TCVN 7979:2009	32 x 25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	11.000	11.000	11.000	11.000	11.000	11.000	11.000	11.000	11.000
4233	Vật tư ngành nước	Măng sông HDPE gân xoắn 40 x 30	cái	TCVN 7979:2009	40 x 30	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	14.300	14.300	14.300	14.300	14.300	14.300	14.300	14.300	14.300
4234	Vật tư ngành nước	Măng sông HDPE gân xoắn 50 x 40	cái	TCVN 7979:2009	50 x 40	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	16.800	16.800	16.800	16.800	16.800	16.800	16.800	16.800	16.800
4235	Vật tư ngành nước	Măng sông HDPE gân xoắn 65 x 50	cái	TCVN 7979:2009	65 x 50	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	22.800	22.800	22.800	22.800	22.800	22.800	22.800	22.800	22.800
4236	Vật tư ngành nước	Măng sông HDPE gân xoắn 85 x 65	cái	TCVN 7979:2009	85 x 65	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	34.800	34.800	34.800	34.800	34.800	34.800	34.800	34.800	34.800
4237	Vật tư ngành nước	Măng sông HDPE gân xoắn 105 x 80	cái	TCVN 7979:2009	105 x 80	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	46.700	46.700	46.700	46.700	46.700	46.700	46.700	46.700	46.700
4238	Vật tư ngành nước	Măng sông HDPE gân xoắn 110 x 90	cái	TCVN 7979:2009	110 x 90	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	53.300	53.300	53.300	53.300	53.300	53.300	53.300	53.300	53.300
4239	Vật tư ngành nước	Măng sông HDPE gân xoắn 130 x 100	cái	TCVN 7979:2009	130 x 100	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	57.000	57.000	57.000	57.000	57.000	57.000	57.000	57.000	57.000
4240	Vật tư ngành nước	Măng sông HDPE gân xoắn 160 x 125	cái	TCVN 7979:2009	160 x 125	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	72.100	72.100	72.100	72.100	72.100	72.100	72.100	72.100	72.100
4241	Vật tư ngành nước	Măng sông HDPE gân xoắn 195 x 150	cái	TCVN 7979:2009	195 x 150	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	103.000	103.000	103.000	103.000	103.000	103.000	103.000	103.000	103.000
4242	Vật tư ngành nước	Măng sông HDPE gân xoắn 210 x 160	cái	TCVN 7979:2009	210 x 160	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	114.200	114.200	114.200	114.200	114.200	114.200	114.200	114.200	114.200
4243	Vật tư ngành nước	Măng sông HDPE gân xoắn 230 x 175	cái	TCVN 7979:2009	230 x 175	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	131.700	131.700	131.700	131.700	131.700	131.700	131.700	131.700	131.700
4244	Vật tư ngành nước	Măng sông HDPE gân xoắn 260 x 200	cái	TCVN 7979:2009	260 x 200	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	149.300	149.300	149.300	149.300	149.300	149.300	149.300	149.300	149.300
4245	Vật tư ngành nước	Măng sông HDPE gân xoắn 320 x 250	cái	TCVN 7979:2009	320 x 250	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	172.300	172.300	172.300	172.300	172.300	172.300	172.300	172.300	172.300
4246	Vật tư ngành nước	Ống uPVC luồn điện 16 x 1.1 x 2.92	cây	IEC 61386 & BS EN 61386	16 x 1.1 x 2.92	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	21.500	21.500	21.500	21.500	21.500	21.500	21.500	21.500	21.500
4247	Vật tư ngành nước	Ống uPVC luồn điện 20 x 1.2 x 2.92	cây	IEC 61386 & BS EN 61386	20 x 1.2 x 2.92	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	30.300	30.300	30.300	30.300	30.300	30.300	30.300	30.300	30.300
4248	Vật tư ngành nước	Ống uPVC luồn điện 25 x 1.3 x 2.92	cây	IEC 61386 & BS EN 61386	25 x 1.3 x 2.92	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	41.300	41.300	41.300	41.300	41.300	41.300	41.300	41.300	41.300
4249	Vật tư ngành nước	Ống uPVC luồn điện 32 x 1.6 x 2.92	cây	IEC 61386 & BS EN 61386	32 x 1.6 x 2.92	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000
4250	Vật tư ngành nước	Ống uPVC luồn điện 16 x 1.3 x 2.92	cây	IEC 61386 & BS EN 61386	16 x 1.3 x 2.92	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	24.800	24.800	24.800	24.800	24.800	24.800	24.800	24.800	24.800
4251	Vật tư ngành nước	Ống uPVC luồn điện 20 x 1.5 x 2.92	cây	IEC 61386 & BS EN 61386	20 x 1.5 x 2.92	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	34.400	34.400	34.400	34.400	34.400	34.400	34.400	34.400	34.400
4252	Vật tư ngành nước	Ống uPVC luồn điện 25 x 1.7 x 2.92	cây	IEC 61386 & BS EN 61386	25 x 1.7 x 2.92	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	49.400	49.400	49.400	49.400	49.400	49.400	49.400	49.400	49.400
4253	Vật tư ngành nước	Ống uPVC luồn điện 32 x 2.0 x 2.92	cây	IEC 61386 & BS EN 61386	32 x 2.0 x 2.92	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	83.800	83.800	83.800	83.800	83.800	83.800	83.800	83.800	83.800

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
4254	Vật tư ngành nước	Ống uPVC luồn điện 16 x 1.6 x 2.92	cây	IEC 61386 & BS EN 61386	16 x 1.6 x 2.92	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	31.300	31.300	31.300	31.300	31.300	31.300	31.300	31.300	31.300
4255	Vật tư ngành nước	Ống uPVC luồn điện 20 x 1.8 x 2.92	cây	IEC 61386 & BS EN 61386	20 x 1.8 x 2.92	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	42.500	42.500	42.500	42.500	42.500	42.500	42.500	42.500	42.500
4256	Vật tư ngành nước	Ống uPVC luồn điện 25 x 2.0 x 2.92	cây	IEC 61386 & BS EN 61386	25 x 2.0 x 2.92	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	60.700	60.700	60.700	60.700	60.700	60.700	60.700	60.700	60.700
4257	Vật tư ngành nước	Ống uPVC luồn điện 32 x 2.2 x 2.92	cây	IEC 61386 & BS EN 61386	32 x 2.2 x 2.92	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	93.800	93.800	93.800	93.800	93.800	93.800	93.800	93.800	93.800
4258	Vật tư ngành nước	Nối trơn uPVC luồn điện 16	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	16	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.296	1.296	1.296	1.296	1.296	1.296	1.296	1.296	1.296
4259	Vật tư ngành nước	Nối trơn uPVC luồn điện 20	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.404	1.404	1.404	1.404	1.404	1.404	1.404	1.404	1.404
4260	Vật tư ngành nước	Nối trơn uPVC luồn điện 25	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.160	2.160	2.160	2.160	2.160	2.160	2.160	2.160	2.160
4261	Vật tư ngành nước	Nối trơn uPVC luồn điện 32	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.024	3.024	3.024	3.024	3.024	3.024	3.024	3.024	3.024
4262	Vật tư ngành nước	Nối ren uPVC luồn điện 16	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	16	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.024	3.024	3.024	3.024	3.024	3.024	3.024	3.024	3.024
4263	Vật tư ngành nước	Nối ren uPVC luồn điện 20	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.132	3.132	3.132	3.132	3.132	3.132	3.132	3.132	3.132
4264	Vật tư ngành nước	Nối ren uPVC luồn điện 25	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.104	4.104	4.104	4.104	4.104	4.104	4.104	4.104	4.104
4265	Vật tư ngành nước	Nối ren uPVC luồn điện 32	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.696	6.696	6.696	6.696	6.696	6.696	6.696	6.696	6.696
4266	Vật tư ngành nước	Tê uPVC luồn điện 16	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	16	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.832	5.832	5.832	5.832	5.832	5.832	5.832	5.832	5.832
4267	Vật tư ngành nước	Tê uPVC luồn điện 20	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7.776	7.776	7.776	7.776	7.776	7.776	7.776	7.776	7.776
4268	Vật tư ngành nước	Tê uPVC luồn điện 25	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10.476	10.476	10.476	10.476	10.476	10.476	10.476	10.476	10.476
4269	Vật tư ngành nước	Tê uPVC luồn điện 32	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	12.960	12.960	12.960	12.960	12.960	12.960	12.960	12.960	12.960
4270	Vật tư ngành nước	Tê có nắp uPVC luồn điện 16	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	16	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.696	6.696	6.696	6.696	6.696	6.696	6.696	6.696	6.696
4271	Vật tư ngành nước	Tê có nắp uPVC luồn điện 20	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	9.396	9.396	9.396	9.396	9.396	9.396	9.396	9.396	9.396
4272	Vật tư ngành nước	Tê có nắp uPVC luồn điện 25	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	11.880	11.880	11.880	11.880	11.880	11.880	11.880	11.880	11.880
4273	Vật tư ngành nước	Tê có nắp uPVC luồn điện 32	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	15.120	15.120	15.120	15.120	15.120	15.120	15.120	15.120	15.120
4274	Vật tư ngành nước	L uPVC luồn điện 16	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	16	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.104	4.104	4.104	4.104	4.104	4.104	4.104	4.104	4.104
4275	Vật tư ngành nước	L uPVC luồn điện 20	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.724	5.724	5.724	5.724	5.724	5.724	5.724	5.724	5.724
4276	Vật tư ngành nước	L uPVC luồn điện 25	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	9.504	9.504	9.504	9.504	9.504	9.504	9.504	9.504	9.504
4277	Vật tư ngành nước	L uPVC luồn điện 32	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	13.824	13.824	13.824	13.824	13.824	13.824	13.824	13.824	13.824
4278	Vật tư ngành nước	L có nắp uPVC luồn điện 16	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	16	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.644	4.644	4.644	4.644	4.644	4.644	4.644	4.644	4.644
4279	Vật tư ngành nước	L có nắp uPVC luồn điện 20	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	6.696	6.696	6.696	6.696	6.696	6.696	6.696	6.696	6.696
4280	Vật tư ngành nước	L có nắp uPVC luồn điện 25	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	10.800	10.800	10.800	10.800	10.800	10.800	10.800	10.800	10.800

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
4281	Vật tư ngành nước	L cò nắp uPVC luồn điện 32	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	15.660	15.660	15.660	15.660	15.660	15.660	15.660	15.660	15.660
4282	Vật tư ngành nước	Kẹp đỡ uPVC luồn điện 16	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	16	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.620	1.620	1.620	1.620	1.620	1.620	1.620	1.620	1.620
4283	Vật tư ngành nước	Kẹp đỡ uPVC luồn điện 20	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.836	1.836	1.836	1.836	1.836	1.836	1.836	1.836	1.836
4284	Vật tư ngành nước	Kẹp đỡ uPVC luồn điện 25	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.024	3.024	3.024	3.024	3.024	3.024	3.024	3.024	3.024
4285	Vật tư ngành nước	Kẹp đỡ uPVC luồn điện 32	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.564	3.564	3.564	3.564	3.564	3.564	3.564	3.564	3.564
4286	Vật tư ngành nước	Hộp nối 2 đầu uPVC luồn điện 16	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	16	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7.992	7.992	7.992	7.992	7.992	7.992	7.992	7.992	7.992
4287	Vật tư ngành nước	Hộp nối 2 đầu uPVC luồn điện 20	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8.316	8.316	8.316	8.316	8.316	8.316	8.316	8.316	8.316
4288	Vật tư ngành nước	Hộp nối 2 đầu uPVC luồn điện 25	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	9.396	9.396	9.396	9.396	9.396	9.396	9.396	9.396	9.396
4289	Vật tư ngành nước	Hộp nối 2 đầu uPVC luồn điện 32	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	13.284	13.284	13.284	13.284	13.284	13.284	13.284	13.284	13.284
4290	Vật tư ngành nước	Hộp nối 3 đầu uPVC luồn điện 16	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	16	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7.992	7.992	7.992	7.992	7.992	7.992	7.992	7.992	7.992
4291	Vật tư ngành nước	Hộp nối 3 đầu uPVC luồn điện 20	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8.316	8.316	8.316	8.316	8.316	8.316	8.316	8.316	8.316
4292	Vật tư ngành nước	Hộp nối 3 đầu uPVC luồn điện 25	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	9.396	9.396	9.396	9.396	9.396	9.396	9.396	9.396	9.396
4293	Vật tư ngành nước	Hộp nối 3 đầu uPVC luồn điện 32	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	13.284	13.284	13.284	13.284	13.284	13.284	13.284	13.284	13.284
4294	Vật tư ngành nước	Hộp nối 4 đầu uPVC luồn điện 16	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	16	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	7.992	7.992	7.992	7.992	7.992	7.992	7.992	7.992	7.992
4295	Vật tư ngành nước	Hộp nối 4 đầu uPVC luồn điện 20	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8.316	8.316	8.316	8.316	8.316	8.316	8.316	8.316	8.316
4296	Vật tư ngành nước	Hộp nối 4 đầu uPVC luồn điện 25	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	9.396	9.396	9.396	9.396	9.396	9.396	9.396	9.396	9.396
4297	Vật tư ngành nước	Hộp nối 4 đầu uPVC luồn điện 32	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	13.284	13.284	13.284	13.284	13.284	13.284	13.284	13.284	13.284
4298	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC luồn điện 20 x 16	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	20 x 16	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.024	3.024	3.024	3.024	3.024	3.024	3.024	3.024	3.024
4299	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC luồn điện 25 x 20	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	25 x 20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	3.996	3.996	3.996	3.996	3.996	3.996	3.996	3.996	3.996
4300	Vật tư ngành nước	Nối giảm uPVC luồn điện 32 x 25	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	32 x 25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	4.644	4.644	4.644	4.644	4.644	4.644	4.644	4.644	4.644
4301	Vật tư ngành nước	Hộp nối 2 đường vuông góc uPVC luồn điện 20	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8.316	8.316	8.316	8.316	8.316	8.316	8.316	8.316	8.316
4302	Vật tư ngành nước	Hộp nối 2 đường vuông góc uPVC luồn điện 25	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	9.396	9.396	9.396	9.396	9.396	9.396	9.396	9.396	9.396
4303	Vật tư ngành nước	Hộp nối 2 đường vuông góc uPVC luồn điện 32	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	13.284	13.284	13.284	13.284	13.284	13.284	13.284	13.284	13.284
4304	Vật tư ngành nước	Hộp nối 1 đầu uPVC luồn điện 20	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	20	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	8.316	8.316	8.316	8.316	8.316	8.316	8.316	8.316	8.316
4305	Vật tư ngành nước	Hộp nối 1 đầu uPVC luồn điện 25	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	25	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	9.396	9.396	9.396	9.396	9.396	9.396	9.396	9.396	9.396
4306	Vật tư ngành nước	Hộp nối 1 đầu uPVC luồn điện 32	cái	IEC 61386 & BS EN 61386	32	Công Ty TNHH Hóa Nhựa Đệ Nhất. Đc :Lô B02 đường số 3, KCN Đức Hoà 1, ấp 5, xã Mỹ Hạnh, Tây Ninh - Đt: 0989191365. (Công văn đề nghị công bố giá số: DN280726CBG ngày 27/07/2026)	Việt Nam	Không có thông tin	Giao hàng tới chân công trình	Mức giá ngày 27/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	13.284	13.284	13.284	13.284	13.284	13.284	13.284	13.284	13.284
4307	Vật tư ngành nước	Bồn nước nhựa LUSWELL, VNMIN đứng: 5000L-1700mm	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thanh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	11.471.000	11.471.000	11.471.000	11.471.000	11.471.000	11.471.000	11.471.000	11.471.000	11.471.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
4308	Vật tư ngành nước	Bồn nước nhựa LUSWELL, VNVIE đứng: 500L-775mm	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	1.605.000	1.605.000	1.605.000	1.605.000	1.605.000	1.605.000	1.605.000	1.605.000	1.605.000
4309	Vật tư ngành nước	Bồn nước nhựa LUSWELL, VNVIE đứng: 1000L-1010mm	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	2.210.000	2.210.000	2.210.000	2.210.000	2.210.000	2.210.000	2.210.000	2.210.000	2.210.000
4310	Vật tư ngành nước	Bồn nước nhựa LUSWELL, VNVIE đứng: 1500L-1215mm	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	3.255.000	3.255.000	3.255.000	3.255.000	3.255.000	3.255.000	3.255.000	3.255.000	3.255.000
4311	Vật tư ngành nước	Bồn nước nhựa LUSWELL, VNVIE đứng: 2000L-1310mm	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	4.330.000	4.330.000	4.330.000	4.330.000	4.330.000	4.330.000	4.330.000	4.330.000	4.330.000
4312	Vật tư ngành nước	Bồn nước nhựa LUSWELL, VNVIE đứng: 3000L-1490mm	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	6.410.000	6.410.000	6.410.000	6.410.000	6.410.000	6.410.000	6.410.000	6.410.000	6.410.000
4313	Vật tư ngành nước	Bồn nước nhựa LUSWELL, VNVIE đứng: 5000L-1750mm	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	11.890.000	11.890.000	11.890.000	11.890.000	11.890.000	11.890.000	11.890.000	11.890.000	11.890.000
4314	Vật tư ngành nước	Bồn nước nhựa LUSWELL, VNMIN ngang: 500L-790mm	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	1.997.000	1.997.000	1.997.000	1.997.000	1.997.000	1.997.000	1.997.000	1.997.000	1.997.000
4315	Vật tư ngành nước	Bồn nước nhựa LUSWELL, VNMIN ngang: 1000L-960mm	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	3.520.000	3.520.000	3.520.000	3.520.000	3.520.000	3.520.000	3.520.000	3.520.000	3.520.000
4316	Vật tư ngành nước	Bồn nước nhựa LUSWELL, VNMIN ngang: 2000L-1280mm	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	7.492.000	7.492.000	7.492.000	7.492.000	7.492.000	7.492.000	7.492.000	7.492.000	7.492.000
4317	Vật tư ngành nước	Bồn nước nhựa LUSWELL, VNVIE ngang: 500L-780mm	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	1.945.000	1.945.000	1.945.000	1.945.000	1.945.000	1.945.000	1.945.000	1.945.000	1.945.000
4318	Vật tư ngành nước	Bồn nước nhựa LUSWELL, VNVIE ngang: 1000L-960mm	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	3.200.000	3.200.000	3.200.000	3.200.000	3.200.000	3.200.000	3.200.000	3.200.000	3.200.000
4319	Vật tư ngành nước	Bộ máy nước nóng NLMT LUSWELL VNDAI 1304 12 ống: 130L	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	5.060.000	5.060.000	5.060.000	5.060.000	5.060.000	5.060.000	5.060.000	5.060.000	5.060.000
4320	Vật tư ngành nước	Bộ máy nước nóng NLMT LUSWELL VNDAI 1304 15 ống: 160L	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	6.220.000	6.220.000	6.220.000	6.220.000	6.220.000	6.220.000	6.220.000	6.220.000	6.220.000
4321	Vật tư ngành nước	Bộ máy nước nóng NLMT LUSWELL VNDAI 1304 18 ống: 180L	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	7.380.000	7.380.000	7.380.000	7.380.000	7.380.000	7.380.000	7.380.000	7.380.000	7.380.000
4322	Vật tư ngành nước	Bộ máy nước nóng NLMT LUSWELL VNDAI 1304 20 ống: 200L	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	8.160.000	8.160.000	8.160.000	8.160.000	8.160.000	8.160.000	8.160.000	8.160.000	8.160.000
4323	Vật tư ngành nước	Bộ máy nước nóng NLMT LUSWELL VNDAI 1304 24 ống: 240L	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	9.760.000	9.760.000	9.760.000	9.760.000	9.760.000	9.760.000	9.760.000	9.760.000	9.760.000
4324	Vật tư ngành nước	Bộ máy nước nóng NLMT LUSWELL VNDAI 1304 30 ống: 300L	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	12.100.000	12.100.000	12.100.000	12.100.000	12.100.000	12.100.000	12.100.000	12.100.000	12.100.000
4325	Vật tư ngành nước	Bộ máy nước nóng NLMT LUSWELL VNDAI PPR 12 ống: 130L	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	5.380.000	5.380.000	5.380.000	5.380.000	5.380.000	5.380.000	5.380.000	5.380.000	5.380.000
4326	Vật tư ngành nước	Bộ máy nước nóng NLMT LUSWELL VNDAI PPR 15 ống: 160L	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	6.610.000	6.610.000	6.610.000	6.610.000	6.610.000	6.610.000	6.610.000	6.610.000	6.610.000
4327	Vật tư ngành nước	Bộ máy nước nóng NLMT LUSWELL VNDAI PPR 18 ống: 180L	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	7.790.000	7.790.000	7.790.000	7.790.000	7.790.000	7.790.000	7.790.000	7.790.000	7.790.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
4328	Vật tư ngành nước	Bộ máy nước nóng NLMT LUSWELL VNDAI PPR 20 ống: 200L	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	8.660.000	8.660.000	8.660.000	8.660.000	8.660.000	8.660.000	8.660.000	8.660.000	8.660.000
4329	Vật tư ngành nước	Bộ máy nước nóng NLMT LUSWELL VNVIE ống tron 12 ống: 120L	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	4.672.000	4.672.000	4.672.000	4.672.000	4.672.000	4.672.000	4.672.000	4.672.000	4.672.000
4330	Vật tư ngành nước	Bộ máy nước nóng NLMT LUSWELL VNVIE ống tron 14 ống: 140L	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	5.239.000	5.239.000	5.239.000	5.239.000	5.239.000	5.239.000	5.239.000	5.239.000	5.239.000
4331	Vật tư ngành nước	Bộ máy nước nóng NLMT LUSWELL VNVIE ống tron 16 ống: 160L	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	5.982.000	5.982.000	5.982.000	5.982.000	5.982.000	5.982.000	5.982.000	5.982.000	5.982.000
4332	Vật tư ngành nước	Bộ máy nước nóng NLMT LUSWELL VNVIE ống tron 18 ống: 180L	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	6.735.000	6.735.000	6.735.000	6.735.000	6.735.000	6.735.000	6.735.000	6.735.000	6.735.000
4333	Vật tư ngành nước	Bộ máy nước nóng NLMT LUSWELL VNVIE ống tron 20 ống: 200L	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	7.477.000	7.477.000	7.477.000	7.477.000	7.477.000	7.477.000	7.477.000	7.477.000	7.477.000
4334	Vật tư ngành nước	Bộ máy nước nóng NLMT LUSWELL VNVIE ống tron 24 ống: 240L	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	8.972.000	8.972.000	8.972.000	8.972.000	8.972.000	8.972.000	8.972.000	8.972.000	8.972.000
4335	Vật tư ngành nước	Bộ máy nước nóng NLMT LUSWELL VNVIE ống tron 30 ống: 300L	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	11.210.000	11.210.000	11.210.000	11.210.000	11.210.000	11.210.000	11.210.000	11.210.000	11.210.000
4336	Vật tư ngành nước	Bộ máy nước nóng NLMT LUSWELL VNVIE ống dầu 12 ống: 120L	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	4.815.000	4.815.000	4.815.000	4.815.000	4.815.000	4.815.000	4.815.000	4.815.000	4.815.000
4337	Vật tư ngành nước	Bộ máy nước nóng NLMT LUSWELL VNVIE ống dầu 14 ống: 140L	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	5.618.000	5.618.000	5.618.000	5.618.000	5.618.000	5.618.000	5.618.000	5.618.000	5.618.000
4338	Vật tư ngành nước	Bộ máy nước nóng NLMT LUSWELL VNVIE ống dầu 16 ống: 160L	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	6.420.000	6.420.000	6.420.000	6.420.000	6.420.000	6.420.000	6.420.000	6.420.000	6.420.000
4339	Vật tư ngành nước	Bộ máy nước nóng NLMT LUSWELL VNVIE ống dầu 18 ống: 180L	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	7.223.000	7.223.000	7.223.000	7.223.000	7.223.000	7.223.000	7.223.000	7.223.000	7.223.000
4340	Vật tư ngành nước	Bộ máy nước nóng NLMT LUSWELL VNVIE ống dầu 20 ống: 200L	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	8.025.000	8.025.000	8.025.000	8.025.000	8.025.000	8.025.000	8.025.000	8.025.000	8.025.000
4341	Vật tư ngành nước	Bộ máy nước nóng NLMT LUSWELL VNVIE ống dầu 24 ống: 240L	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	9.630.000	9.630.000	9.630.000	9.630.000	9.630.000	9.630.000	9.630.000	9.630.000	9.630.000
4342	Vật tư ngành nước	Bộ máy nước nóng NLMT LUSWELL VNVIE ống dầu 30 ống: 300L	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	12.038.000	12.038.000	12.038.000	12.038.000	12.038.000	12.038.000	12.038.000	12.038.000	12.038.000
4343	Vật tư ngành nước	Ống năng lượng máy nước nóng NLMT LUSWELL VNDAI: Ø58	bộ			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000	180.000
4344	Vật tư ngành nước	Keo silicone Acid màu trắng LUSCOAT CNSYI: 0.3L	chai			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	48.000	48.000	48.000	48.000	48.000	48.000	48.000	48.000	48.000
4345	Vật tư ngành nước	Keo silicone Acid màu trắng trong LUSCOAT CNSYI: 0.3L	chai			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	48.000	48.000	48.000	48.000	48.000	48.000	48.000	48.000	48.000
4346	Vật tư ngành nước	Keo silicone Acid màu đen LUSCOAT CNSYI: 0.3L	chai			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	48.000	48.000	48.000	48.000	48.000	48.000	48.000	48.000	48.000
4347	Vật tư ngành nước	Keo silicone Acid màu xám xingfa LUSCOAT CNSYI: 0.3L	chai			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	48.000	48.000	48.000	48.000	48.000	48.000	48.000	48.000	48.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
4348	Vật tư ngành nước	Keo silicone Oxime màu trắng LUSCOAT CNSYI: 0.3L	chai			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000
4349	Vật tư ngành nước	Keo silicone Oxime màu trắng trong LUSCOAT CNSYI: 0.3L	chai			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000
4350	Vật tư ngành nước	Keo silicone Oxime màu đen LUSCOAT CNSYI: 0.3L	chai			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000
4351	Vật tư ngành nước	Keo silicone Oxime màu xám xingfa LUSCOAT CNSYI: 0.3L	chai			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Giao tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Long An ấp Bình Cang 1, Bình Thạnh, Thủ Thừa,Long An	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000
4352	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø21	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	21 x 1.3mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	8.082	8.082	8.082	8.082	8.082	8.082	8.082	8.082	8.082
4353	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø21	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	21 x 1.7mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	9.439	9.439	9.439	9.439	9.439	9.439	9.439	9.439	9.439
4354	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø21	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	21 x 3.0mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	14.763	14.763	14.763	14.763	14.763	14.763	14.763	14.763	14.763
4355	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø27	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	27 x 1.3mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	9.595	9.595	9.595	9.595	9.595	9.595	9.595	9.595	9.595
4356	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø27	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	27 x 1.6mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	11.515	11.515	11.515	11.515	11.515	11.515	11.515	11.515	11.515
4357	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø27	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	27 x 1.9mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	13.286	13.286	13.286	13.286	13.286	13.286	13.286	13.286	13.286
4358	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø27	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	27 x 3.0mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	20.328	20.328	20.328	20.328	20.328	20.328	20.328	20.328	20.328
4359	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø34	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	34 x 1.4mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	13.139	13.139	13.139	13.139	13.139	13.139	13.139	13.139	13.139
4360	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø34	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	34 x 1.9mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	17.425	17.425	17.425	17.425	17.425	17.425	17.425	17.425	17.425
4361	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø34	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	34 x 2.2mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	19.929	19.929	19.929	19.929	19.929	19.929	19.929	19.929	19.929
4362	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø34	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	34 x 3.0mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	25.096	25.096	25.096	25.096	25.096	25.096	25.096	25.096	25.096
4363	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø42	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	42 x 1.4mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	16.829	16.829	16.829	16.829	16.829	16.829	16.829	16.829	16.829
4364	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø42	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	42 x 1.9mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	22.144	22.144	22.144	22.144	22.144	22.144	22.144	22.144	22.144
4365	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø42	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	42 x 2.2mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	25.096	25.096	25.096	25.096	25.096	25.096	25.096	25.096	25.096
4366	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø42	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	42 x 3.0mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	32.477	32.477	32.477	32.477	32.477	32.477	32.477	32.477	32.477
4367	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø49	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	49 x 1.5mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GD 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	21.006	21.006	21.006	21.006	21.006	21.006	21.006	21.006	21.006

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
4368	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø49	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	49 x 1.8mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	24.607	24.607	24.607	24.607	24.607	24.607	24.607	24.607	24.607
4369	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø49	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	49 x 2.1mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	28.048	28.048	28.048	28.048	28.048	28.048	28.048	28.048	28.048
4370	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø49	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	49 x 2.5mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	33.009	33.009	33.009	33.009	33.009	33.009	33.009	33.009	33.009
4371	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø49	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	49 x 3.0mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	38.561	38.561	38.561	38.561	38.561	38.561	38.561	38.561	38.561
4372	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø60	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	60 x 1.6mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	28.508	28.508	28.508	28.508	28.508	28.508	28.508	28.508	28.508
4373	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø60	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	60 x 1.8mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	31.739	31.739	31.739	31.739	31.739	31.739	31.739	31.739	31.739
4374	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø60	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	60 x 2.0mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	34.510	34.510	34.510	34.510	34.510	34.510	34.510	34.510	34.510
4375	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø60	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	60 x 2.3mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	39.120	39.120	39.120	39.120	39.120	39.120	39.120	39.120	39.120
4376	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø60	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	60 x 2.5mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	42.663	42.663	42.663	42.663	42.663	42.663	42.663	42.663	42.663
4377	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø60	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	60 x 3.0mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	49.369	49.369	49.369	49.369	49.369	49.369	49.369	49.369	49.369
4378	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø76	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	76 x 1.8mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	39.461	39.461	39.461	39.461	39.461	39.461	39.461	39.461	39.461
4379	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø76	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	76 x 2.2mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	47.563	47.563	47.563	47.563	47.563	47.563	47.563	47.563	47.563
4380	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø76	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	76 x 3.6mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	75.022	75.022	75.022	75.022	75.022	75.022	75.022	75.022	75.022
4381	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø90	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	90 x 1.7mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	42.463	42.463	42.463	42.463	42.463	42.463	42.463	42.463	42.463
4382	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø90	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	90 x 2.0mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	51.014	51.014	51.014	51.014	51.014	51.014	51.014	51.014	51.014
4383	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø90	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	90 x 2.6mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	65.269	65.269	65.269	65.269	65.269	65.269	65.269	65.269	65.269
4384	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø90	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	90 x 3.0mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	75.022	75.022	75.022	75.022	75.022	75.022	75.022	75.022	75.022
4385	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø90	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	90 x 3.5mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	84.774	84.774	84.774	84.774	84.774	84.774	84.774	84.774	84.774
4386	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø114	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	114 x 2.0mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	65.871	65.871	65.871	65.871	65.871	65.871	65.871	65.871	65.871
4387	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø114	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	114 x 2.2mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	74.271	74.271	74.271	74.271	74.271	74.271	74.271	74.271	74.271

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
4388	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø114	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	114 x 2.6mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	86.274	86.274	86.274	86.274	86.274	86.274	86.274	86.274	86.274
4389	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø114	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	114 x 3.1mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	101.279	101.279	101.279	101.279	101.279	101.279	101.279	101.279	101.279
4390	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø114	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	114 x 3.8mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	120.485	120.485	120.485	120.485	120.485	120.485	120.485	120.485	120.485
4391	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø114	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	114 x 4.5mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	141.791	141.791	141.791	141.791	141.791	141.791	141.791	141.791	141.791
4392	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø130	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	130 x 4.0mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	144.491	144.491	144.491	144.491	144.491	144.491	144.491	144.491	144.491
4393	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø130	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	130 x 5.0mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	178.551	178.551	178.551	178.551	178.551	178.551	178.551	178.551	178.551
4394	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø130	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	140 x 3.5mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	141.483	141.483	141.483	141.483	141.483	141.483	141.483	141.483	141.483
4395	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø130	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	140 x 4.1mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	164.657	164.657	164.657	164.657	164.657	164.657	164.657	164.657	164.657
4396	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø130	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	140 x 5.1mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	201.248	201.248	201.248	201.248	201.248	201.248	201.248	201.248	201.248
4397	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø130	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	140 x 6.7mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	263.756	263.756	263.756	263.756	263.756	263.756	263.756	263.756	263.756
4398	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø130	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	168 x 3.2mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	159.473	159.473	159.473	159.473	159.473	159.473	159.473	159.473	159.473
4399	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø130	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	168 x 4.5mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	214.359	214.359	214.359	214.359	214.359	214.359	214.359	214.359	214.359
4400	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø130	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	168 x 5.0mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	239.057	239.057	239.057	239.057	239.057	239.057	239.057	239.057	239.057
4401	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø130	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	168 x 6.6mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	309.799	309.799	309.799	309.799	309.799	309.799	309.799	309.799	309.799
4402	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø200	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	200 x 5.1mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	291.351	291.351	291.351	291.351	291.351	291.351	291.351	291.351	291.351
4403	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø200	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	200 x 5.9mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	334.345	334.345	334.345	334.345	334.345	334.345	334.345	334.345	334.345
4404	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø200	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	200 x 9.6mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	526.292	526.292	526.292	526.292	526.292	526.292	526.292	526.292	526.292
4405	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U -Ø220	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	220 x 4.2mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	265.951	265.951	265.951	265.951	265.951	265.951	265.951	265.951	265.951
4406	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U -Ø220	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	220 x 5.6mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	348.829	348.829	348.829	348.829	348.829	348.829	348.829	348.829	348.829
4407	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø220	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	220 x 6.5mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	401.732	401.732	401.732	401.732	401.732	401.732	401.732	401.732	401.732

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
4408	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø220	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	220 x 8.3mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	503.119	503.119	503.119	503.119	503.119	503.119	503.119	503.119	503.119
4409	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø250	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	250 x 6.5mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	468.210	468.210	468.210	468.210	468.210	468.210	468.210	468.210	468.210
4410	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø250	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	250 x 7.3mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	523.503	523.503	523.503	523.503	523.503	523.503	523.503	523.503	523.503
4411	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø250	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	250 x 9.6mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	678.076	678.076	678.076	678.076	678.076	678.076	678.076	678.076	678.076
4412	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø250	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	250 x 11.9mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	828.622	828.622	828.622	828.622	828.622	828.622	828.622	828.622	828.622
4413	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø280	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	280 x 8.2mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	657.168	657.168	657.168	657.168	657.168	657.168	657.168	657.168	657.168
4414	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø280	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	280 x 13.4mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.046.697	1.046.697	1.046.697	1.046.697	1.046.697	1.046.697	1.046.697	1.046.697	1.046.697
4415	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø315	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	315 x 7.7mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	702.392	702.392	702.392	702.392	702.392	702.392	702.392	702.392	702.392
4416	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø315	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	315 x 9.2mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	832.495	832.495	832.495	832.495	832.495	832.495	832.495	832.495	832.495
4417	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø315	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	315 x 12.1mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.079.532	1.079.532	1.079.532	1.079.532	1.079.532	1.079.532	1.079.532	1.079.532	1.079.532
4418	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø315	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	315 x 15.0mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.324.246	1.324.246	1.324.246	1.324.246	1.324.246	1.324.246	1.324.246	1.324.246	1.324.246
4419	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø400	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	400 x 9.8mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.130.644	1.130.644	1.130.644	1.130.644	1.130.644	1.130.644	1.130.644	1.130.644	1.130.644
4420	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø400	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	400 x 11.7mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.338.186	1.338.186	1.338.186	1.338.186	1.338.186	1.338.186	1.338.186	1.338.186	1.338.186
4421	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø400	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	400 x 15.3mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.726.941	1.726.941	1.726.941	1.726.941	1.726.941	1.726.941	1.726.941	1.726.941	1.726.941
4422	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø400	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	400 x 19.1mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.129.636	2.129.636	2.129.636	2.129.636	2.129.636	2.129.636	2.129.636	2.129.636	2.129.636
4423	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø500	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	500 x 12.3mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.892.522	1.892.522	1.892.522	1.892.522	1.892.522	1.892.522	1.892.522	1.892.522	1.892.522
4424	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø500	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	500 x 15.3mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.331.916	2.331.916	2.331.916	2.331.916	2.331.916	2.331.916	2.331.916	2.331.916	2.331.916
4425	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø500	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	500 x 19.1mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.879.925	2.879.925	2.879.925	2.879.925	2.879.925	2.879.925	2.879.925	2.879.925	2.879.925
4426	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø630	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	630 x 15.4mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.062.970	3.062.970	3.062.970	3.062.970	3.062.970	3.062.970	3.062.970	3.062.970	3.062.970
4427	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø630	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	630 x 19.3mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.799.912	3.799.912	3.799.912	3.799.912	3.799.912	3.799.912	3.799.912	3.799.912	3.799.912

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
4428	Vật tư ngành nước	Ống PVC - U - Ø630	m	QCVN 16:2023/BXD ISO 9001:2015	630 x 24.1mm	Công ty TNHH SX TM Nhựa Bình Minh Phát. Đc: Lô E1-E2 đường số 2, KCN Hải Sơn, GĐ 3+4, ấp Bình Tiền 2, Đức Hoà, Tây Ninh - Đt: 0867 763192	Việt Nam	Không có thông tin	thoả thuận	Giá áp dụng từ ngày 20/04/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	4.692.713	4.692.713	4.692.713	4.692.713	4.692.713	4.692.713	4.692.713	4.692.713	4.692.713
4429	Nhựa đường	CarboncorAsphalt-CA 9.5, CA 12.5	tấn	TCCS 09:2024/CĐBVN	bao 25kg	Công ty Cổ phần Carbon Việt Nam - chi nhánh Đồng Nai. Đc nhà máy sản xuất: số 2, đường số 1 KCN Thanh Phú, P.Tân Triều, tỉnh Đồng Nai. Công văn đề nghị công bố giá số 1702/2026/CV-TGĐ ngày 20/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm vận chuyển đến các khu vực	Mức giá ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Giá không đổi	4.379.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4430	Nhựa đường	CarboncorAsphalt-CA 6.7	tấn	TCCS 09:2024/CĐBVN	bao 25kg	Công ty Cổ phần Carbon Việt Nam - chi nhánh Đồng Nai. Đc nhà máy sản xuất: số 2, đường số 1 KCN Thanh Phú, P.Tân Triều, tỉnh Đồng Nai. Công văn đề nghị công bố giá số 1702/2026/CV-TGĐ ngày 20/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm vận chuyển đến các khu vực	Mức giá ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Giá không đổi	4.419.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4431	Nhựa đường	CarboncorAsphalt-CA 19 (bê tông nhựa rỗng Carbon)	tấn	TCCS 09:2024/CĐBVN	bao 25kg	Công ty Cổ phần Carbon Việt Nam - chi nhánh Đồng Nai. Đc nhà máy sản xuất: số 2, đường số 1 KCN Thanh Phú, P.Tân Triều, tỉnh Đồng Nai. Công văn đề nghị công bố giá số 1702/2026/CV-TGĐ ngày 20/06/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm vận chuyển đến các khu vực	Mức giá ngày 01/01/2026 đến ngày 31/12/2026	Giá không đổi	3.524.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4432	Nhựa đường	Bê tông nhựa nóng C19	tấn	TCVN 13567-1		Công ty TNHH Đồng Thuận Hà. (Đc: 124 đường Nguyễn Thái Học, Tân Ninh, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại đơn vị	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao tại trạm bê tông xã Bến Cầu	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.705.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4433	Nhựa đường	Bê tông nhựa nóng C12.5	tấn	TCVN 13567-1		Công ty TNHH Đồng Thuận Hà. (Đc: 124 đường Nguyễn Thái Học, Tân Ninh, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại đơn vị	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao tại trạm bê tông xã Bến Cầu	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.755.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4434	Nhựa đường	Bê tông nhựa nóng C9.5	tấn	TCVN 13567-1		Công ty TNHH Đồng Thuận Hà. (Đc: 124 đường Nguyễn Thái Học, Tân Ninh, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại đơn vị	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao tại trạm bê tông xã Bến Cầu	Mức giá được thực hiện từ ngày 15/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.810.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4435	Nhựa đường	Bê tông nhựa nóng C9.5	tấn			Công ty TNHH Hải Đăng Khoa (Đc: tổ 3,ấp B, xã Bến Cầu, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao tại trạm bê tông xã Bến Cầu, Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 10/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	1.663.889	-
4436	Nhựa đường	Bê tông nhựa nóng C12.5	tấn			Công ty TNHH Hải Đăng Khoa (Đc: tổ 3,ấp B, xã Bến Cầu, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao tại trạm bê tông xã Bến Cầu, Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 10/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	1.635.185	-
4437	Nhựa đường	Bê tông nhựa nóng C19	tấn			Công ty TNHH Hải Đăng Khoa (Đc: tổ 3,ấp B, xã Bến Cầu, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá giao tại trạm bê tông xã Bến Cầu, Tây Ninh	Mức giá được thực hiện từ ngày 10/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	-	-	-	-	-	-	-	1.605.556	-
4438	Thiết bị PCCC	Bình chữa cháy 4kg	bình			Cửa hàng Nguyên Vũ. (Đc: Khu phố 7, P3, TP.Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ		Giá bán ở TP. Tây Ninh. Mặt hàng nhập khẩu quốc tế, có cung cấp đầy đủ thông tin tiếp nhận hợp chuẩn hợp quy khi mua hàng.	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Từ ngày 19/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	400.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4439	Thiết bị PCCC	Bình chữa cháy 8kg	bình			Cửa hàng Nguyên Vũ. (Đc: Khu phố 7, P3, TP.Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ		Giá bán ở TP. Tây Ninh. Mặt hàng nhập khẩu quốc tế, có cung cấp đầy đủ thông tin tiếp nhận hợp chuẩn hợp quy khi mua hàng.	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Từ ngày 19/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	650.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4440	Thiết bị PCCC	Kệ đựng bình chữa cháy	bộ			Cửa hàng Nguyên Vũ. (Đc: Khu phố 7, P3, TP.Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ		Giá bán ở TP. Tây Ninh. Mặt hàng nhập khẩu quốc tế, có cung cấp đầy đủ thông tin tiếp nhận hợp chuẩn hợp quy khi mua hàng.	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Từ ngày 19/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	150.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4441	Thiết bị PCCC	Tủ PCCC nhỏ	cái			Cửa hàng Nguyên Vũ. (Đc: Khu phố 7, P3, TP.Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ		Giá bán ở TP. Tây Ninh. Mặt hàng nhập khẩu quốc tế, có cung cấp đầy đủ thông tin tiếp nhận hợp chuẩn hợp quy khi mua hàng.	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Từ ngày 19/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	400.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4442	Thiết bị PCCC	Rìu cứu nạn	cái		Trọng lượng 2kg, cán dài 90cm, chất liệu thép cacbon cường độ cao	Cửa hàng Nguyên Vũ. (Đc: Khu phố 7, P3, TP.Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ		Giá bán ở TP. Tây Ninh. Mặt hàng nhập khẩu quốc tế, có cung cấp đầy đủ thông tin tiếp nhận hợp chuẩn hợp quy khi mua hàng.	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Từ ngày 19/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	315.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4443	Thiết bị PCCC	Xà ben	cái		Một đầu nhọn, một đầu dẹt, dài 100cm	Cửa hàng Nguyên Vũ. (Đc: Khu phố 7, P3, TP.Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ		Giá bán ở TP. Tây Ninh. Mặt hàng nhập khẩu quốc tế, có cung cấp đầy đủ thông tin tiếp nhận hợp chuẩn hợp quy khi mua hàng.	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Từ ngày 19/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	215.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4444	Thiết bị PCCC	Xà cầy 60cm	cái		Một đầu nhọn, một đầu móc nhổ đinh	Cửa hàng Nguyên Vũ. (Đc: Khu phố 7, P3, TP.Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ		Giá bán ở TP. Tây Ninh. Mặt hàng nhập khẩu quốc tế, có cung cấp đầy đủ thông tin tiếp nhận hợp chuẩn hợp quy khi mua hàng.	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Từ ngày 19/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	190.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4445	Thiết bị PCCC	Búa tạ	cái		Thép cacbon cường độ cao, nặng 5kg, cán dài 50cm	Cửa hàng Nguyên Vũ. (Đc: Khu phố 7, P3, TP.Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ		Giá bán ở TP. Tây Ninh. Mặt hàng nhập khẩu quốc tế, có cung cấp đầy đủ thông tin tiếp nhận hợp chuẩn hợp quy khi mua hàng.	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Từ ngày 19/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	325.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
4446	Thiết bị PCCC	Kìm cộng lực	cái		Dài 60cm, tải cắt 60kg	Cửa hàng Nguyên Vũ. (Đc: Khu phố 7, P3, TP.Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ		Giá bán ở TP. Tây Ninh. Mặt hàng nhập khẩu quốc tế, có cung cấp đầy đủ thông tin tiếp nhận hợp chuẩn hợp quy khi mua hàng.	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Từ ngày 19/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	325.000	-	-	-	-	-	-	-	-
4447	Thiết bị PCCC	Càng cứu thương màu cam	cái		Model: KTVN-TT150 gấp 2 khúc, có túi quai xách in TT150	Cửa hàng Nguyên Vũ. (Đc: Khu phố 7, P3, TP.Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ		Giá bán ở TP. Tây Ninh. Mặt hàng nhập khẩu quốc tế, có cung cấp đầy đủ thông tin tiếp nhận hợp chuẩn hợp quy khi mua hàng.	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Từ ngày 19/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	1.500.000	-	-	-	-	-	-	-	-
4448	Thiết bị PCCC	Mặt na lọc độc 40p	cái	QCVN 10:2012/BLĐTBXH	Mã KT-40	Cửa hàng Nguyên Vũ. (Đc: Khu phố 7, P3, TP.Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ		Giá bán ở TP. Tây Ninh. Mặt hàng nhập khẩu quốc tế, có cung cấp đầy đủ thông tin tiếp nhận hợp chuẩn hợp quy khi mua hàng.	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Từ ngày 19/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	550.000	-	-	-	-	-	-	-	-
4449	Thiết bị PCCC	Lăng phun chữa cháy Tomoken D50	cái		50.0mm	Cửa hàng Nguyên Vũ. (Đc: Khu phố 7, P3, TP.Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ		Giá bán ở TP. Tây Ninh. Mặt hàng nhập khẩu quốc tế, có cung cấp đầy đủ thông tin tiếp nhận hợp chuẩn hợp quy khi mua hàng.	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Từ ngày 19/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	75.000	-	-	-	-	-	-	-	-
4450	Thiết bị PCCC	Trang phục chữa cháy TT150	bộ		150.0mm	Cửa hàng Nguyên Vũ. (Đc: Khu phố 7, P3, TP.Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại các cửa hàng bán lẻ		Giá bán ở TP. Tây Ninh. Mặt hàng nhập khẩu quốc tế, có cung cấp đầy đủ thông tin tiếp nhận hợp chuẩn hợp quy khi mua hàng.	Giá bán tại cửa hàng chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Từ ngày 19/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	950.000	-	-	-	-	-	-	-	-
4451	Bê tông thương phẩm	Bê tông M100	m3		Độ sụt 10+-2	DNTN Lê Thành Công. Đc: ổ 148, KHP.Hoà Hội, P.Trảng Bàng, Tây Ninh. (Phiếu khảo sát)	Việt Nam	Giá bán tại khu vực huyện Trảng Bàng. Mỗi cấp độ sụt tăng thêm 20.000đ/m³. Khối lượng thấp ≤ 4m³ sẽ tính cước vận chuyển từ 300.000 đến 500.000 đồng.	Vận chuyển đến chân công trình	Mức giá được áp dụng từ ngày 16/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	1.220.000	-	-	-	-	-	-	-
4452	Bê tông thương phẩm	Bê tông M150	m3		Độ sụt 10+-2	DNTN Lê Thành Công. Đc: ổ 148, KHP.Hoà Hội, P.Trảng Bàng, Tây Ninh. (Phiếu khảo sát)	Việt Nam	Giá bán tại khu vực huyện Trảng Bàng. Mỗi cấp độ sụt tăng thêm 20.000đ/m³. Khối lượng thấp ≤ 4m³ sẽ tính cước vận chuyển từ 300.000 đến 500.000 đồng.	Vận chuyển đến chân công trình	Mức giá được áp dụng từ ngày 16/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	1.270.000	-	-	-	-	-	-	-
4453	Bê tông thương phẩm	Bê tông M200	m3		Độ sụt 10+-2	DNTN Lê Thành Công. Đc: ổ 148, KHP.Hoà Hội, P.Trảng Bàng, Tây Ninh. (Phiếu khảo sát)	Việt Nam	Giá bán tại khu vực huyện Trảng Bàng. Mỗi cấp độ sụt tăng thêm 20.000đ/m³. Khối lượng thấp ≤ 4m³ sẽ tính cước vận chuyển từ 300.000 đến 500.000 đồng.	Vận chuyển đến chân công trình	Mức giá được áp dụng từ ngày 16/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	1.320.000	-	-	-	-	-	-	-
4454	Bê tông thương phẩm	Bê tông M250	m3		Độ sụt 10+-2	DNTN Lê Thành Công. Đc: ổ 148, KHP.Hoà Hội, P.Trảng Bàng, Tây Ninh. (Phiếu khảo sát)	Việt Nam	Giá bán tại khu vực huyện Trảng Bàng. Mỗi cấp độ sụt tăng thêm 20.000đ/m³. Khối lượng thấp ≤ 4m³ sẽ tính cước vận chuyển từ 300.000 đến 500.000 đồng.	Vận chuyển đến chân công trình	Mức giá được áp dụng từ ngày 16/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	1.370.000	-	-	-	-	-	-	-
4455	Bê tông thương phẩm	Bê tông M300	m3		Độ sụt 10+-2	DNTN Lê Thành Công. Đc: ổ 148, KHP.Hoà Hội, P.Trảng Bàng, Tây Ninh. (Phiếu khảo sát)	Việt Nam	Giá bán tại khu vực huyện Trảng Bàng. Mỗi cấp độ sụt tăng thêm 20.000đ/m³. Khối lượng thấp ≤ 4m³ sẽ tính cước vận chuyển từ 300.000 đến 500.000 đồng.	Vận chuyển đến chân công trình	Mức giá được áp dụng từ ngày 16/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	1.420.000	-	-	-	-	-	-	-
4456	Bê tông thương phẩm	Bê tông M350	m3		Độ sụt 10+-2	DNTN Lê Thành Công. Đc: ổ 148, KHP.Hoà Hội, P.Trảng Bàng, Tây Ninh. (Phiếu khảo sát)	Việt Nam	Giá bán tại khu vực huyện Trảng Bàng. Mỗi cấp độ sụt tăng thêm 20.000đ/m³. Khối lượng thấp ≤ 4m³ sẽ tính cước vận chuyển từ 300.000 đến 500.000 đồng.	Vận chuyển đến chân công trình	Mức giá được áp dụng từ ngày 16/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	1.470.000	-	-	-	-	-	-	-
4457	Bê tông thương phẩm	Bê tông M400	m3		Độ sụt 10+-2	DNTN Lê Thành Công. Đc: ổ 148, KHP.Hoà Hội, P.Trảng Bàng, Tây Ninh. (Phiếu khảo sát)	Việt Nam	Giá bán tại khu vực huyện Trảng Bàng. Mỗi cấp độ sụt tăng thêm 20.000đ/m³. Khối lượng thấp ≤ 4m³ sẽ tính cước vận chuyển từ 300.000 đến 500.000 đồng.	Vận chuyển đến chân công trình	Mức giá được áp dụng từ ngày 16/07/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	-	1.520.000	-	-	-	-	-	-	-
4458	Bê tông nhựa	Bê tông nhựa nóng C9,5	tấn	TCVN 13567-1:2022		Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giao tại trạm trộn. Tổ 18, Khu phố Tân Lập, P.Phước Tân, TP.Đồng Nai	Mức giá được áp dụng từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.442.000	1.442.000	1.442.000	1.442.000	1.442.000	1.442.000	1.442.000	1.442.000	1.442.000
4459	Bê tông nhựa	Bê tông nhựa nóng C12,5	tấn	TCVN 13567-1:2022		Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giao tại trạm trộn. Tổ 18, Khu phố Tân Lập, P.Phước Tân, TP.Đồng Nai	Mức giá được áp dụng từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.420.000	1.420.000	1.420.000	1.420.000	1.420.000	1.420.000	1.420.000	1.420.000	1.420.000
4460	Bê tông nhựa	Bê tông nhựa nóng C16	tấn	TCVN 13567-1:2022		Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007.2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giao tại trạm trộn. Tổ 18, Khu phố Tân Lập, P.Phước Tân, TP.Đồng Nai	Mức giá được áp dụng từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.404.000	1.404.000	1.404.000	1.404.000	1.404.000	1.404.000	1.404.000	1.404.000	1.404.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
4461	Bê tông nhựa	Bê tông nhựa nóng C19	tấn	TCVN 13567-1-2022		Công ty CP ĐT XD TM SIC. Đc: Thanh Mỹ Tây, TP.HCM - Đt: 0911 026 996. Công văn đề nghị công bố giá số 1007 2/2026/SIC-SXD ngày 10/07/2026	Việt Nam	Theo thoả thuận	Giao tại trạm trộn. Tổ 18, Khu phố Tân Lập, P.Phước Tân, TP.Đồng Nai	Mức giá được áp dụng từ ngày 10/07/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.387.000	1.387.000	1.387.000	1.387.000	1.387.000	1.387.000	1.387.000	1.387.000	1.387.000
4462	Nhôm kính	Cửa sổ nhôm kính: - Khung nhôm Xingfa hệ 55 VN - 1,4 li - Kính cường lực 8li - Đã bao gồm phụ kiện: Tay nắm cửa, ổ khóa, bản lề, chốt,..)	m2		Cơ sở Cửa sắt Hậu Phương (Phiếu khảo sát)		Việt Nam	Giá gia công tại xưởng - Tx. Trảng Bàng. Sản xuất, gia công và lắp đặt tại Việt Nam, cung cấp đầy đủ giấy kiểm định, hợp chuẩn	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Từ ngày 19/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.550.000	2.550.000	2.550.000	2.550.000	2.550.000	2.550.000	2.550.000	2.550.000	2.550.000
4463	Nhôm kính	Cửa đi nhôm kính: - Khung nhôm Xingfa hệ 55 VN - 2 li - Kính cường lực 8li - Đã bao gồm phụ kiện: Tay nắm cửa, ổ khóa, bản lề, chốt,..)	m2		Cơ sở Cửa sắt Hậu Phương (Phiếu khảo sát)		Việt Nam	Giá gia công tại xưởng - Tx. Trảng Bàng. Sản xuất, gia công và lắp đặt tại Việt Nam, cung cấp đầy đủ giấy kiểm định, hợp chuẩn	Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Từ ngày 19/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.750.000	2.750.000	2.750.000	2.750.000	2.750.000	2.750.000	2.750.000	2.750.000	2.750.000
4464	Nhôm kính	**CỬA ĐI, CỬA SỔ (NHÔM ĐẠI TÂN THÀNH).Phụ kiện ĐTTLUX. Kính cường lực 8ly**				Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4465	Nhôm kính	Cửa đi 1 cánh mở quay trong/ngoài biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	độ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm. Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000
4466	Nhôm kính	Cửa đi 1 cánh mở quay trong/ngoài biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	độ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm. Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000
4467	Nhôm kính	Cửa đi 2 cánh mở quay trong/ngoài biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	độ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm. Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000
4468	Nhôm kính	Cửa đi 2 cánh mở quay trong/ngoài biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	độ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm. Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000
4469	Nhôm kính	Cửa đi 4 cánh mở quay trong/ngoài biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp, đ	m2	TCVN 9366:2012	ộ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm. Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.860.000	2.860.000	2.860.000	2.860.000	2.860.000	2.860.000	2.860.000	2.860.000	2.860.000
4470	Nhôm kính	Cửa đi 4 cánh mở quay trong/ngoài biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	độ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm. Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000
4471	Nhôm kính	Cửa sổ 1 cánh mở quay biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	độ dày trung bình cánh 1.4mm, khung bao 1.4mm. Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.548.000	2.548.000	2.548.000	2.548.000	2.548.000	2.548.000	2.548.000	2.548.000	2.548.000
4472	Nhôm kính	Cửa sổ 1 cánh mở quay biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	độ dày trung bình cánh 1.4mm, khung bao 1.4mm. Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.938.000	2.938.000	2.938.000	2.938.000	2.938.000	2.938.000	2.938.000	2.938.000	2.938.000
4473	Nhôm kính	Cửa sổ 2 cánh mở quay biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	độ dày trung bình cánh 1.4mm, khung bao 1.4mm. Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.613.000	2.613.000	2.613.000	2.613.000	2.613.000	2.613.000	2.613.000	2.613.000	2.613.000
4474	Nhôm kính	Cửa sổ 2 cánh mở quay biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	độ dày trung bình cánh 1.4mm, khung bao 1.4mm. Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.003.000	3.003.000	3.003.000	3.003.000	3.003.000	3.003.000	3.003.000	3.003.000	3.003.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
4475	Nhôm kính	Cửa sổ 4 cánh mở quay biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	độ dày trung bình cánh 1.4mm, khung bao 1.4mm. Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.678.000	2.678.000	2.678.000	2.678.000	2.678.000	2.678.000	2.678.000	2.678.000	2.678.000
4476	Nhôm kính	Cửa sổ 4 cánh mở quay biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	độ dày trung bình cánh 1.4mm, khung bao 1.4mm. Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.068.000	3.068.000	3.068.000	3.068.000	3.068.000	3.068.000	3.068.000	3.068.000	3.068.000
4477	Nhôm kính	Cửa sổ lùa 2 cánh biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	độ dày trung bình cánh 1.4mm, khung bao 1.4mm. Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.366.000	2.366.000	2.366.000	2.366.000	2.366.000	2.366.000	2.366.000	2.366.000	2.366.000
4478	Nhôm kính	Cửa sổ lùa 2 cánh biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	độ dày trung bình cánh 1.4mm, khung bao 1.4mm. Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.756.000	2.756.000	2.756.000	2.756.000	2.756.000	2.756.000	2.756.000	2.756.000	2.756.000
4479	Nhôm kính	Cửa sổ lùa 4 cánh biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	độ dày trung bình cánh 1.4mm, khung bao 1.4mm. Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.431.000	2.431.000	2.431.000	2.431.000	2.431.000	2.431.000	2.431.000	2.431.000	2.431.000
4480	Nhôm kính	Cửa sổ lùa 4 cánh biên dạng hệ ĐTT - 55 liền nẹp,	m2	TCVN 9366:2012	độ dày trung bình cánh 1.4mm, khung bao 1.4mm. Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.821.000	2.821.000	2.821.000	2.821.000	2.821.000	2.821.000	2.821.000	2.821.000	2.821.000
4481	Nhôm kính	**HỆ VÁCH KÍNH ĐTT - 55 VÀ HỆ MẶT ĐỨNG ĐTT - 65 (NHÔM ĐẠI TÂN THÀNH). Phụ kiện ĐTTLUX. Kính cường lực 8ly**		TCVN 9366:2012		Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4482	Nhôm kính	Vách kính ĐTT - 55, độ dày trung bình khung bao 1.4mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.145.000	2.145.000	2.145.000	2.145.000	2.145.000	2.145.000	2.145.000	2.145.000	2.145.000
4483	Nhôm kính	Vách kính ĐTT - 55, độ dày trung bình khung bao 1.4mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.535.000	2.535.000	2.535.000	2.535.000	2.535.000	2.535.000	2.535.000	2.535.000	2.535.000
4484	Nhôm kính	Mặt dựng ĐTT - 65 (65 x 77 mm), độ dày 2.5 mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.484.000	3.484.000	3.484.000	3.484.000	3.484.000	3.484.000	3.484.000	3.484.000	3.484.000
4485	Nhôm kính	Mặt dựng ĐTT - 65 (65 x 77 mm), độ dày 2.5 mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.874.000	3.874.000	3.874.000	3.874.000	3.874.000	3.874.000	3.874.000	3.874.000	3.874.000
4486	Nhôm kính	**CỬA LÙA ĐTT - 93. Phụ kiện ĐTTLUX. Kính cường lực 8ly**		TCVN 9366:2012		Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4487	Nhôm kính	Cửa đi lùa 2 cánh biên dạng hệ ĐTT - 93 liền nẹp, độ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.600.000	2.600.000	2.600.000	2.600.000	2.600.000	2.600.000	2.600.000	2.600.000	2.600.000
4488	Nhôm kính	Cửa đi lùa 2 cánh biên dạng hệ ĐTT - 93 liền nẹp, độ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.990.000	2.990.000	2.990.000	2.990.000	2.990.000	2.990.000	2.990.000	2.990.000	2.990.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
4489	Nhôm kính	Cửa đi lùa 4 cánh biên dạng hệ ĐTT - 93 liền nẹp, độ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.665.000	2.665.000	2.665.000	2.665.000	2.665.000	2.665.000	2.665.000	2.665.000	2.665.000
4490	Nhôm kính	Cửa đi lùa 4 cánh biên dạng hệ ĐTT - 93 liền nẹp, độ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.055.000	3.055.000	3.055.000	3.055.000	3.055.000	3.055.000	3.055.000	3.055.000	3.055.000
4491	Nhôm kính	**CỬA ĐI, CỬA SỔ Hệ ĐTT - 55 tiêu chuẩn (NHÔM ĐẠI TÂN THÀNH).Phụ kiện ĐTTLUX. Kính cường lực 8ly**		TCVN 9366:2012		Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4492	Nhôm kính	Cửa đi 1 cánh mở quay trong/ngoài biên dạng hệ ĐTT - 55, độ dày trung bình cánh 1.8mm, khung bao 1.8mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.665.000	2.665.000	2.665.000	2.665.000	2.665.000	2.665.000	2.665.000	2.665.000	2.665.000
4493	Nhôm kính	Cửa đi 1 cánh mở quay trong/ngoài biên dạng hệ ĐTT - 55, độ dày trung bình cánh 1.8mm, khung bao 1.8mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.055.000	3.055.000	3.055.000	3.055.000	3.055.000	3.055.000	3.055.000	3.055.000	3.055.000
4494	Nhôm kính	Cửa đi 2 cánh mở quay trong/ngoài biên dạng hệ ĐTT - 55, độ dày trung bình cánh 1.8mm, khung bao 1.8mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000
4495	Nhôm kính	Cửa đi 2 cánh mở quay trong/ngoài biên dạng hệ ĐTT - 55, độ dày trung bình cánh 1.8mm, khung bao 1.8mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000
4496	Nhôm kính	Cửa đi 4 cánh mở quay trong/ngoài biên dạng hệ ĐTT - 55, độ dày trung bình cánh 1.8mm, khung bao 1.8mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000
4497	Nhôm kính	Cửa đi 4 cánh mở quay trong/ngoài biên dạng hệ ĐTT - 55, độ dày trung bình cánh 1.8mm, khung bao 1.8mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000
4498	Nhôm kính	Cửa sổ 1 cánh mở quay biên dạng hệ ĐTT - 55, độ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000	2.730.000
4499	Nhôm kính	Cửa sổ 1 cánh mở quay biên dạng hệ ĐTT - 55, độ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000	3.120.000
4500	Nhôm kính	Cửa sổ 2 cánh mở quay biên dạng hệ ĐTT - 55, độ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000	2.795.000
4501	Nhôm kính	Cửa sổ 2 cánh mở quay biên dạng hệ ĐTT - 55, độ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000	3.185.000
4502	Nhôm kính	Cửa sổ 4 cánh mở quay biên dạng hệ ĐTT - 55, độ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu sơn tĩnh điện (Nâu cà phê, xám, trắng sữa, đen,….)	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GD 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.860.000	2.860.000	2.860.000	2.860.000	2.860.000	2.860.000	2.860.000	2.860.000	2.860.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
4503	Nhôm kính	Cửa sổ 4 cánh mở quay biên dạng hệ ĐTT - 55, độ dày trung bình cánh 2mm, khung bao 2mm.	m2	TCVN 9366:2012	Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000	3.250.000
4504	Nhôm kính	Lam nhôm hộp 200x500mm (bao gồm cả công lắp đựng và phụ kiện hoàn thiện)	m2	TCVN 9366:2012	Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000
4505	Nhôm kính	Lam nhôm hộp 200x600mm (bao gồm cả công lắp đựng và phụ kiện hoàn thiện)	m2	TCVN 9366:2012	Màu Sơn Vân Gỗ	Công ty TNHH SX TM Xuất nhập khẩu Đại Tân Thành. địa chỉ: Lô R1-R2-R41 Đường số 7, KCN Hải Sơn (GĐ 3+4) mở rộng, xã Đức Hòa , tỉnh Tây Ninh Công văn đề nghị công bố giá số 01/2026/SXDTN/DTT ngày 25 tháng 6 năm 2026	Việt Nam	(Giá áp dụng đối với kính cường lực 8mm; độ dày tăng thêm 2mm cộng thêm 120.000đ/m2. Giá chưa bao gồm chi phí thi công lắp đặt)	Chân công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 25 / 6 / 2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000
4506	Gỗ xây dựng	Ván coppha gỗ ép 20x4m	tấm		4.0mm	Công ty TNHH Minh Phú Thịnh Phát. (Đc: 302 Lý Thường Kiệt, KP4, P.Long Hoa, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Đơn giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá ngày 24/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	100.000	-	-	-	-	-	-	-	-
4507	Gỗ xây dựng	Ván coppha gỗ ép 25x4m	tấm		4.0mm	Công ty TNHH Minh Phú Thịnh Phát. (Đc: 302 Lý Thường Kiệt, KP4, P.Long Hoa, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Đơn giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá ngày 24/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	125.000	-	-	-	-	-	-	-	-
4508	Gỗ xây dựng	Ván coppha gỗ ép 30x4m	tấm		4.0mm	Công ty TNHH Minh Phú Thịnh Phát. (Đc: 302 Lý Thường Kiệt, KP4, P.Long Hoa, Tây Ninh). Phiếu khảo sát tại cửa hàng	Việt Nam	Giá bán trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Đơn giá chưa bao gồm chi phí vận chuyển	Mức giá ngày 24/08/2026 đến khi có thông báo mới	Giá bán tăng	150.000	-	-	-	-	-	-	-	-
4509	vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt APT 12 (kN/m)	m2	GRI-GM13	4x200	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500	11.500
4510	vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt APT 15 (kN/m)	m2	TCVN 9844:2013	4x150	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000
4511	vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt APT 17 (kN/m)	m2	TCVN 9844:2013	4x150	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800
4512	vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt APT 20 (kN/m)	m2	TCVN 9844:2013	4x125	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	20.000
4513	vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt APT 25 (kN/m)	m2	TCVN 9844:2013	4x125	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	22.600	22.600	22.600	22.600	22.600	22.600	22.600	22.600	22.600
4514	vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt, sợi dài liên tục APT 7.5SD - Cường độ chịu kéo 7.5kN/m	m2	TCVN 9844:2013	4x250	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	13.400	13.400	13.400	13.400	13.400	13.400	13.400	13.400	13.400
4515	vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt, sợi dài liên tục APT 9.5SD - Cường độ chịu kéo 9.5kN/m	m2	TCVN 9844:2013	4x250	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	13.900	13.900	13.900	13.900	13.900	13.900	13.900	13.900	13.900
4516	vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt, sợi dài liên tục APT 11.5SD - Cường độ chịu kéo 11.5kN/m	m2	TCVN 9844:2013	4x200	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	14.900	14.900	14.900	14.900	14.900	14.900	14.900	14.900	14.900
4517	vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt, sợi dài liên tục APT 13.5SD - Cường độ chịu kéo 13.5kN/m	m2	TCVN 9844:2013	4x150	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	17.600	17.600	17.600	17.600	17.600	17.600	17.600	17.600	17.600
4518	vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt, sợi dài liên tục APT 15 SD - Cường độ chịu kéo 15kN/m	m2	TCVN 9844:2013	4x150	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	19.400	19.400	19.400	19.400	19.400	19.400	19.400	19.400	19.400
4519	vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt, sợi dài liên tục APT 19 SD - Cường độ chịu kéo 19kN/m	m2	TCVN 9844:2013	4x125	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000
4520	vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt, sợi dài liên tục APT 21.5 SD - Cường độ chịu kéo 21.5kN/m	m2	TCVN 9844:2013	4x125	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	27.000	27.000	27.000	27.000	27.000	27.000	27.000	27.000	27.000
4521	vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt, sợi dài liên tục APT 24 SD - Cường độ chịu kéo 24kN/m	m2	TCVN 9844:2013	4x125	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán giảm	28.200	28.200	28.200	28.200	28.200	28.200	28.200	28.200	28.200
4522	vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật không dệt, sợi dài liên tục APT 28 SD - Cường độ chịu kéo 28kN/m	m2	TCVN 9844:2013	4x100	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	34.000	34.000	34.000	34.000	34.000	34.000	34.000	34.000	34.000
4523	vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật dệt DML 10 (100/50 kN/m)	m2	TCVN 9844:2013	3,6x600 hoặc 5,3x800	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800	17.800

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
4524	vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật dệt DM 10 (100/100 kN/m)	m2	TCVN 9844:2013	3,6x600 hoặc 5,3x400	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	21.000	21.000	21.000	21.000	21.000	21.000	21.000	21.000	21.000
4525	vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật dệt DML 20 (200/50 kN/m)	m2	TCVN 9844:2013	3,6x580 hoặc 5,3x450	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	25.200	25.200	25.200	25.200	25.200	25.200	25.200	25.200	25.200
4526	vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật dệt DM 20 (200/200 kN/m)	m2	TCVN 9844:2013	3,6x300	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	40.000
4527	vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật dệt DML 30 (300/50 kN/m)	m2	TCVN 9844:2013	3,6x400 hoặc 5,3x350	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000	35.000
4528	vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật dệt DM 30 (300/300 kN/m)	m2	TCVN 9844:2013	3,6x200	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	57.000	57.000	57.000	57.000	57.000	57.000	57.000	57.000	57.000
4529	vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật dệt DM 40 (400/400 kN/m)	m2	TCVN 9844:2013	3,6x100 hoặc 5,3x150	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000
4530	vật liệu khác	Vải địa kỹ thuật dệt DML 40 (400/50 kN/m)	m2	TCVN 9844:2013	3,6x300 hoặc 5,3x250	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	43.000	43.000	43.000	43.000	43.000	43.000	43.000	43.000	43.000
4531	vật liệu khác	Lưới địa kỹ thuật PET cường độ 100/100 k N/m	m2	TCCS 01:2021	5x100	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000
4532	vật liệu khác	Lưới địa kỹ thuật PET cường độ 200/200 k N/m	m2	TCCS 01:2021	5x100	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	85.400	85.400	85.400	85.400	85.400	85.400	85.400	85.400	85.400
4533	vật liệu khác	Lưới địa kỹ thuật PET cường độ 300/300 k N/m	m2	TCCS 01:2021	5x100	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	135.000	135.000	135.000	135.000	135.000	135.000	135.000	135.000	135.000
4534	vật liệu khác	Lưới địa kỹ thuật PET cường độ 400/400 k N/m	m2	TCCS 01:2021	5x50	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000	182.000
4535	vật liệu khác	Lưới địa kỹ thuật PET cường độ 100/50 k N/m	m2	TCCS 01:2021	5x200	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	35.400	35.400	35.400	35.400	35.400	35.400	35.400	35.400	35.400
4536	vật liệu khác	Lưới địa kỹ thuật PET cường độ 200/50 k N/m	m2	TCCS 01:2021	5x100	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	56.000	56.000	56.000	56.000	56.000	56.000	56.000	56.000	56.000
4537	vật liệu khác	Lưới địa kỹ thuật PET cường độ 300/50 k N/m	m2	TCCS 01:2021	5x100	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	89.000	89.000	89.000	89.000	89.000	89.000	89.000	89.000	89.000
4538	vật liệu khác	Lưới địa kỹ thuật PET cường độ 400/50 k N/m	m2	TCCS 01:2021	5x100	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000
4539	vật liệu khác	Lưới địa cốt sợi thuỷ tinh cường độ 50/50 k N/m	m2	TCCS 38:2022	5x200	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	21.700	21.700	21.700	21.700	21.700	21.700	21.700	21.700	21.700
4540	vật liệu khác	Lưới địa cốt sợi thuỷ tinh cường độ 100/100 k N/m	m2	TCCS 38:2022	5x100	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	32.200	32.200	32.200	32.200	32.200	32.200	32.200	32.200	32.200
4541	vật liệu khác	Lưới địa cốt sợi thuỷ tinh cường độ 200/200 k N/m	m2	TCCS 38:2022	5x100	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000	84.000
4542	vật liệu khác	Bấc thấm đứng APT-T7A	m	TCVN 9844:2013	300m	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	3.600	3.600	3.600	3.600	3.600	3.600	3.600	3.600	3.600
4543	vật liệu khác	Bấc thấm đứng APT-T7A	m	TCVN 9355:2013	300m	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	3.700	3.700	3.700	3.700	3.700	3.700	3.700	3.700	3.700
4544	vật liệu khác	Bấc thấm ngang APT-T200	m	TCVN 9355:2013	50m	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	25.300	25.300	25.300	25.300	25.300	25.300	25.300	25.300	25.300
4545	vật liệu khác	Bấc thấm ngang APT-T300	m	TCVN 9355:2013	50m	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	33.000	33.000	33.000	33.000	33.000	33.000	33.000	33.000	33.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
4546	vật liệu khác	Ống địa kỹ thuật Geotube APT G135 chu vi 9,42m2	m	TCVN 9355:2013	chu vi 9,42m2	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000	1.950.000
4547	vật liệu khác	Ống địa kỹ thuật Geotube APT G135 chu vi 12,6m2	m	TCVN 13565:2022	chu vi 1,26m2	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	2.925.000	2.925.000	2.925.000	2.925.000	2.925.000	2.925.000	2.925.000	2.925.000	2.925.000
4548	vật liệu khác	Ống địa kỹ thuật Geotube APT G200 chu vi 15,7m2	m	TCVN 13565:2022	chu vi 15,7m2	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	4.875.000	4.875.000	4.875.000	4.875.000	4.875.000	4.875.000	4.875.000	4.875.000	4.875.000
4549	vật liệu khác	Bao địa kỹ thuật Geobag 300GR (0.8mx0.8m)	cái	TCVN 13565:2022	0,8m*0,8m	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	166.400	166.400	166.400	166.400	166.400	166.400	166.400	166.400	166.400
4550	vật liệu khác	Bao địa kỹ thuật Geobag 600GR (1.5mx2.5m)	cái	TCVN 9844:2013	1,5m*2,5m	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	1.445.000	1.445.000	1.445.000	1.445.000	1.445.000	1.445.000	1.445.000	1.445.000	1.445.000
4551	vật liệu khác	Ô địa kỹ thuật APT Geocell 330	m2	TCVN 9844:2013	H-100	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300
4552	vật liệu khác	Ô địa kỹ thuật APT Geocell 445	m2	TCVN 10544:2014	H-150	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300	105.300
4553	vật liệu khác	Ô địa kỹ thuật APT Geocell 660	m2	TCVN 10544:2014	H-100	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000
4554	vật liệu khác	Màng HDPE khổ 6x50m/8x50m(RxD) dày 0.3mm	m2	GRI-GCL3	0,3mm	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000	18.000
4555	vật liệu khác	Màng HDPE khổ 6x50m/8x50m(RxD) dày 0.4mm	m2	GRI-GM13	0,4mm	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	23.700	23.700	23.700	23.700	23.700	23.700	23.700	23.700	23.700
4556	vật liệu khác	Màng HDPE khổ 6x50m/8x50m(RxD) dày 0.5mm	m2	GRI-GM13	0.5mm	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000
4557	vật liệu khác	Màng HDPE khổ 6x50m/8x50m(RxD) dày 0.75mm	m2	GRI-GM13	0.75mm	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá bán tăng	45.200	45.200	45.200	45.200	45.200	45.200	45.200	45.200	45.200
4558	vật liệu khác	Màng HDPE khổ 7x210m/8x50m(RxD) dày 1.0mm	m2	GRI-GM13	1.0mm	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	61.200	61.200	61.200	61.200	61.200	61.200	61.200	61.200	61.200
4559	vật liệu khác	Màng HDPE khổ 7x140m(RxD) dày 1.5mm	m2	GRI-GM13	1.5mm	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	92.000	92.000	92.000	92.000	92.000	92.000	92.000	92.000	92.000
4560	vật liệu khác	Màng HDPE khổ 7x105(RxD) dày 2mm	m2	GRI-GM13	2mm	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Châu (đc: Lô F7, đường số 1, KCN Hải Sơn, xã Đức Hoà, tỉnh Tây Ninh - 0939 595 299). Công văn đề nghị công bố giá số 082026/CV -TC ngày 01/08/2026	Việt Nam	Không có thông tin	Đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình	(Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Giá không đổi	122.200	122.200	122.200	122.200	122.200	122.200	122.200	122.200	122.200
4561	vật liệu khác	Vật liệu ô ngăn hình mạng NEOWEB-xuất xứ ISRAEL- sản xuất từ nguyên liệu NANO POLYMERIC ALLOY(NEOLOY): **Neoweb 330**: khoảng cách mối hàn 330mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 250mm*210mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026 - **Neoweb 330-50**	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	160.783	160.783	160.783	160.783	160.783	160.783	160.783	160.783	160.783
4562	vật liệu khác	Vật liệu ô ngăn hình mạng NEOWEB-xuất xứ ISRAEL- sản xuất từ nguyên liệu NANO POLYMERIC ALLOY(NEOLOY): **Neoweb 330**: khoảng cách mối hàn 330mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 250mm*210mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026 - **Neoweb 330-75**	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	228.297	228.297	228.297	228.297	228.297	228.297	228.297	228.297	228.297
4563	vật liệu khác	Vật liệu ô ngăn hình mạng NEOWEB-xuất xứ ISRAEL- sản xuất từ nguyên liệu NANO POLYMERIC ALLOY(NEOLOY): **Neoweb 330**: khoảng cách mối hàn 330mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 250mm*210mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026 - **Neoweb 330-100**	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	308.563	308.563	308.563	308.563	308.563	308.563	308.563	308.563	308.563
4564	vật liệu khác	**Vật liệu ô ngăn hình mạng NEOWEB-xuất xứ ISRAE**L- sản xuất từ nguyên liệu NANO POLYMERIC ALLOY(NEOLOY): Neoweb 330: khoảng cách mối hàn 330mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 250mm*210mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026 - **Neoweb 330-120**	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	385.078	385.078	385.078	385.078	385.078	385.078	385.078	385.078	385.078

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
4565	vật liệu khác	Vật liệu ô ngăn hình mạng NEOWEB-xuất xứ ISRAEL- sản xuất từ nguyên liệu NANO POLYMERIC ALLOY(NEOLOY): Neoweb 330: khoảng cách mối hàn 330mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 250mm*210mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026 - Neoweb 330-150	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	447.091	447.091	447.091	447.091	447.091	447.091	447.091	447.091	447.091
4566	vật liệu khác	**Vật liệu ô ngăn hình mạng NEOWEB**-xuất xứ ISRAEL- sản xuất từ nguyên liệu NANO POLYMERIC ALLOY(NEOLOY): Neoweb 330: khoảng cách mối hàn 330mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 250mm*210mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026 - **Neoweb 330-200**	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	634.130	634.130	634.130	634.130	634.130	634.130	634.130	634.130	634.130
4567	vật liệu khác	**Neoweb 356:** khoảng cách mối hàn 356mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 260mm*224mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026 - **Neoweb 356-50**	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	152.531	152.531	152.531	152.531	152.531	152.531	152.531	152.531	152.531
4568	vật liệu khác	**Neoweb 356:** khoảng cách mối hàn 356mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 260mm*224mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026- **Neoweb 356-75**	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	215.070	215.070	215.070	215.070	215.070	215.070	215.070	215.070	215.070
4569	vật liệu khác	**Neoweb 356:** khoảng cách mối hàn 356mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 260mm*224mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026 - **Neoweb 356-100**	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	294.060	294.060	294.060	294.060	294.060	294.060	294.060	294.060	294.060
4570	vật liệu khác	**Neoweb 356**: khoảng cách mối hàn 356mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 260mm*224mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026 - **Neoweb 356-120**	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	366.575	366.575	366.575	366.575	366.575	366.575	366.575	366.575	366.575
4571	vật liệu khác	**Neoweb 356:** khoảng cách mối hàn 356mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 260mm*224mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026 - **Neoweb 356-150**	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	425.838	425.838	425.838	425.838	425.838	425.838	425.838	425.838	425.838
4572	vật liệu khác	**Neoweb 356:** khoảng cách mối hàn 356mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 260mm*224mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026 - **Neoweb 356-200**	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	587.370	587.370	587.370	587.370	587.370	587.370	587.370	587.370	587.370
4573	vật liệu khác	**Neoweb 445:** khoảng cách mối hàn 445mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 340mm*290mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026 - **Neoweb 445-50**	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	135.528	135.528	135.528	135.528	135.528	135.528	135.528	135.528	135.528
4574	vật liệu khác	**Neoweb 445:** khoảng cách mối hàn 445mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 340mm*290mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026 - **Neoweb 445-75**	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	209.771	209.771	209.771	209.771	209.771	209.771	209.771	209.771	209.771
4575	vật liệu khác	**Neoweb 445:** khoảng cách mối hàn 445mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 340mm*290mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026 - **Neoweb 445-100**	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	2.603.036	2.603.036	2.603.036	2.603.036	2.603.036	2.603.036	2.603.036	2.603.036	2.603.036
4576	vật liệu khác	**Neoweb 445:** khoảng cách mối hàn 445mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 340mm*290mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026 - **Neoweb 445-120**	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	325.316	325.316	325.316	325.316	325.316	325.316	325.316	325.316	325.316
4577	vật liệu khác	**Neoweb 445:** khoảng cách mối hàn 445mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 340mm*290mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026 - **Neoweb 445-150**	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	377.577	377.577	377.577	377.577	377.577	377.577	377.577	377.577	377.577
4578	vật liệu khác	**Neoweb 445:** khoảng cách mối hàn 445mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 340mm*290mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026 - **Neoweb 445-200**	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	520.857	520.857	520.857	520.857	520.857	520.857	520.857	520.857	520.857
4579	vật liệu khác	**Neoweb 660**: khoảng cách mối hàn 660mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 500mm*420mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026 - **Neoweb 660-50**	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	95.770	95.770	95.770	95.770	95.770	95.770	95.770	95.770	95.770
4580	vật liệu khác	**Neoweb 660:** khoảng cách mối hàn 660mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 500mm*420mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026 - **Neoweb 660-75**	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	136.528	136.528	136.528	136.528	136.528	136.528	136.528	136.528	136.528
4581	vật liệu khác	**Neoweb 660:** khoảng cách mối hàn 660mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 500mm*420mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026 - **Neoweb 660-100**	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	184.288	184.288	184.288	184.288	184.288	184.288	184.288	184.288	184.288
4582	vật liệu khác	**Neoweb 660:** khoảng cách mối hàn 660mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 500mm*420mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026 - **Neoweb 660-120**	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	230.547	230.547	230.547	230.547	230.547	230.547	230.547	230.547	230.547

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
4583	vật liệu khác	**Neoweb 660:** khoảng cách mối hàn 660mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 500mm*420mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026 - **Neoweb 660-150**	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	268.055	268.055	268.055	268.055	268.055	268.055	268.055	268.055	268.055
4584	vật liệu khác	**Neoweb 660:** khoảng cách mối hàn 660mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 500mm*420mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026 - **Neoweb 660-200**	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	384.576	384.576	384.576	384.576	384.576	384.576	384.576	384.576	384.576
4585	vật liệu khác	**Neoweb 712:** khoảng cách mối hàn 712mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 520mm*448mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026 - **Neoweb 712-50**	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	79.767	79.767	79.767	79.767	79.767	79.767	79.767	79.767	79.767
4586	vật liệu khác	**Neoweb 712:** khoảng cách mối hàn 712mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 520mm*448mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026 - **Neoweb 712-75**	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	113.524	113.524	113.524	113.524	113.524	113.524	113.524	113.524	113.524
4587	vật liệu khác	**Neoweb 712:** khoảng cách mối hàn 712mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 520mm*448mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026 - **Neoweb 712-100**	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	153.031	153.031	153.031	153.031	153.031	153.031	153.031	153.031	153.031
4588	vật liệu khác	**Neoweb 712:** khoảng cách mối hàn 712mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 520mm*448mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026 - **Neoweb 712-120**	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	191.289	191.289	191.289	191.289	191.289	191.289	191.289	191.289	191.289
4589	vật liệu khác	**Neoweb 712:** khoảng cách mối hàn 712mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 520mm*448mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026 - **Neoweb 712-150**	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	222.296	222.296	222.296	222.296	222.296	222.296	222.296	222.296	222.296
4590	vật liệu khác	**Neoweb 712:** khoảng cách mối hàn 712mm; chiều cao ô ngăn từ 50mm đến 200mm; Kích thước ô ngăn 520mm*448mm; Có chứng nhận chất lượng phù hợp theo TCVN 10544-1:2026 - **Neoweb 712-200**	m2	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	305.813	305.813	305.813	305.813	305.813	305.813	305.813	305.813	305.813
4591	vật liệu khác	Đầu neo clip sử dụng với cọc neo để định vị hệ thống neoweb trên mái (sản xuất từ HDPE nguyên sinh)	cái	TCVN 10544-1:2026		Công ty cổ phần JIVC (đc: 508 Trường Chinh, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội 024 3564 1639 Email: INFO@JIVC.VN)	Việt Nam	Không có thông tin	giá tại chân công trình	Mức giá ngày 01/04/2026 đến khi có thông báo mới	Giá không đổi	5.376	5.376	5.376	5.376	5.376	5.376	5.376	5.376	5.376
4592	vật liệu khác	Tường chống ồn hấp thụ âm bao gồm: - Tấm chống ồn: Tấm mặt trước hợp kim nhôm, tấm mặt sau thép mạ kẽm. Vật liệu hấp thụ âm: polyester. - Cột thép hình H125x125x6,5x9 bao gồm tấm đế và sườn tăng cứng chân cột (mạ kẽm nhúng nóng). - Dây cáp an toàn cho tấm và cột D5.5 (bọc PVC). - Phụ kiện khóa cáp, tấm chèn, bulon M10, bulon M20 (SUS304, cấp 5.6).	m2	TCCS45:2022/TCĐBVN - Hợp kim nhôm theo tiêu chuẩn: 3003-H24-GB/T 3880-2012 hoặc tương đương - Thép mạ kẽm: DX51D-Z275-BS EN10346:2015 hoặc tương đương - Thép hình: SS400-JIS G3101; ASTM A123; Q355GB/T 1591	Hiệu quả giảm độ ồn, theo tiêu chuẩn ISO 10140 hoặc tương đương: Tại 500 Hz: 25 dB hoặc hơn Tại 1000 Hz: 30dB hoặc hơn Tỉ lệ hấp thụ âm của các tấm Panel ở trạng thái sản phẩm hoàn thiện, tỉ lệ hấp thụ âm trung bình là trên 70% đối với các âm tần 250 Hz, 500 Hz, 1000 Hz, 2000 Hz. Hệ số hấp thụ âm thanh aw>= 0.9 G3289phân loại mức độ hấp thụ loại A theo tiêu chuẩn EN ISO 11654.	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vinh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Đường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	6.920.000	6.920.000	6.920.000	6.920.000	6.920.000	6.920.000	6.920.000	6.920.000	6.920.000
4593	vật liệu khác	Cọc vít có cánh (mạ kẽm nhúng nóng)	cọc	SS400-JIS G3101; Q355-GB/T 1591	D75,6x3,2mm, L=2,1m, cánh xoắn D200 bao gồm bích cột	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vinh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Đường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	892.500	892.500	892.500	892.500	892.500	892.500	892.500	892.500	892.500
4594	vật liệu khác	Cọc vít có cánh (mạ kẽm nhúng nóng)	cọc	SS400-JIS G3101; Q355-GB/T 1591	D113.5x3,5-L-2,1m, cánh xoắn D300 bao gồm bích cột	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vinh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Đường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.505.000	1.505.000	1.505.000	1.505.000	1.505.000	1.505.000	1.505.000	1.505.000	1.505.000
4595	vật liệu khác	Gối chậu cố định VHB-1.2FX	chiếc	Gối được thiết kế phù hợp với tiêu chuẩn TCVN 10268-2014, TCVN118-23:2017, AASHTO LRFD.	Tải trọng thiết kế ở TTGHSD: 1200KN	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vinh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Đường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	22.000.000	22.000.000	22.000.000	22.000.000	22.000.000	22.000.000	22.000.000	22.000.000	22.000.000
4596	vật liệu khác	Gối chậu di động đơn hướng VHB-1.2GS	chiếc	Gối được thiết kế phù hợp với tiêu chuẩn TCVN 10268-2014, TCVN118-23:2017, AASHTO LRFD.	Tải trọng thiết kế ở TTGHSD: 1200KN	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vinh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Đường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	25.000.000	25.000.000	25.000.000	25.000.000	25.000.000	25.000.000	25.000.000	25.000.000	25.000.000
4597	vật liệu khác	Gối chậu di động song hướng VHB-1.2FS	chiếc	Gối được thiết kế phù hợp với tiêu chuẩn TCVN 10268-2014, TCVN118-23:2017, AASHTO LRFD.	Tải trọng thiết kế ở TTGHSD: 1200KN	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vinh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Đường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	23.000.000	23.000.000	23.000.000	23.000.000	23.000.000	23.000.000	23.000.000	23.000.000	23.000.000
4598	vật liệu khác	Khe co giãn răng lược VHF-C50	m	Các vật liệu chế tạo khe co giãn phải phù hợp với Tiêu chuẩn thiết kế cầu TCVN11823-2017 và các tiêu chuẩn ASTM tương ứng.	Khe co giãn răng lược chuyển vị 50mm.	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vinh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Đường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	12.500.000	12.500.000	12.500.000	12.500.000	12.500.000	12.500.000	12.500.000	12.500.000	12.500.000
4599	vật liệu khác	Khe co giãn răng lược VHF-C60	m	Các vật liệu chế tạo khe co giãn phải phù hợp với Tiêu chuẩn thiết kế cầu TCVN11823-2017 và các tiêu chuẩn ASTM tương ứng.	Khe co giãn răng lược chuyển vị 60mm.	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vinh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Đường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	13.000.000	13.000.000	13.000.000	13.000.000	13.000.000	13.000.000	13.000.000	13.000.000	13.000.000
4600	vật liệu khác	Khe co giãn răng lược VHF-C80	m	Các vật liệu chế tạo khe co giãn phải phù hợp với Tiêu chuẩn thiết kế cầu TCVN11823-2017 và các tiêu chuẩn ASTM tương ứng.	Khe co giãn răng lược chuyển vị 80mm.	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vinh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Đường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	14.000.000	14.000.000	14.000.000	14.000.000	14.000.000	14.000.000	14.000.000	14.000.000	14.000.000
4601	vật liệu khác	Khe co giãn răng lược VHF-C100	m	Các vật liệu chế tạo khe co giãn phải phù hợp với Tiêu chuẩn thiết kế cầu TCVN11823-2017 và các tiêu chuẩn ASTM tương ứng, bề mặt khe co giãn được phun nhũ bảng cách phun nhiệt	Khe co giãn răng lược chuyển vị 100mm.	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vinh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Đường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	15.500.000	15.500.000	15.500.000	15.500.000	15.500.000	15.500.000	15.500.000	15.500.000	15.500.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
4602	vật liệu khác	Neo thép D25 bao gồm đai ốc	m	ASTM A615, A706	Mạ kẽm nhúng nóng; bao gồm đai ốc	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Dc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Đường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	124.000	124.000	124.000	124.000	124.000	124.000	124.000	124.000	124.000
4603	vật liệu khác	Neo thép D32 bao gồm đai ốc	m	ASTM A615, A706	Mạ kẽm nhúng nóng; bao gồm đai ốc	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Dc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Đường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	206.000	206.000	206.000	206.000	206.000	206.000	206.000	206.000	206.000
4604	vật liệu khác	Lưới sức kháng cao, khoảng cách cáp 30cm	m2	TCCS 35:2021/TCĐBVN	Mạ hợp kim nhôm kẽm Zn90% - Al10%	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Dc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Đường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.205.000	1.205.000	1.205.000	1.205.000	1.205.000	1.205.000	1.205.000	1.205.000	1.205.000
4605	vật liệu khác	Lưới thép sức kháng cao bọc Polyme, khoảng cách giữa các sợi cáp 30cm	m2	TCCS 35:2021/TCDBVN	Mạ hợp kim nhôm kẽm Zn90% - Al10%	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Dc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Đường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.462.800	1.462.800	1.462.800	1.462.800	1.462.800	1.462.800	1.462.800	1.462.800	1.462.800
4606	vật liệu khác	Lưới thép xoắn kép khoảng cách cáp 100cm kết hợp lưới địa 3 trục gốc polyme	m2	TCCS 35:2021/TCĐBVN	Mạ hợp kim nhôm kẽm Zn90% - Al10%	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Dc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Đường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	876.830	876.830	876.830	876.830	876.830	876.830	876.830	876.830	876.830
4607	vật liệu khác	Lưới thép xoắn kép khoảng cách cáp 200cm kết hợp lưới địa 3 trục gốc polyme	m2	TCCS 35:2021/TCĐBVN	Mạ hợp kim nhôm kẽm Zn90% - Al10%	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Dc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Đường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	752.000	752.000	752.000	752.000	752.000	752.000	752.000	752.000	752.000
4608	vật liệu khác	Tấm đế neo	cái	EN 10025	Bảo vệ chống ăn mòn bằng mạ kẽm nhúng nóng, chiều dày tối thiểu 85µm	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Dc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Đường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	384.000	384.000	384.000	384.000	384.000	384.000	384.000	384.000	384.000
4609	vật liệu khác	Sản phẩm hệ lưới gia cố taluy dương - Khóa chữ U cho cáp D8	cái	EN 13411-5	Lớp mạ chống ăn mòn dày 40µm. Cấp thép của thân khóa chữ U 5.8, đầu khóa và ecu là 235 Mpa	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Dc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Đường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	54.000	54.000	54.000	54.000	54.000	54.000	54.000	54.000	54.000
4610	vật liệu khác	Sản phẩm hệ lưới gia cố taluy dương - Khóa chữ U cho cáp D12	cái	EN 13411-5	Lớp mạ chống ăn mòn dày 40µm. Cấp thép của thân khóa chữ U 5.8, đầu khóa và ecu là 235 Mpa	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Dc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Đường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	195.000	195.000	195.000	195.000	195.000	195.000	195.000	195.000	195.000
4611	vật liệu khác	Sản phẩm hệ lưới gia cố taluy dương - Khóa chữ U cho cáp D16	cái	EN 13411-5	Lớp mạ chống ăn mòn dày 40µm. Cấp thép của thân khóa chữ U 5.8, đầu khóa và ecu là 235 Mpa	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Dc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Đường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	259.000	259.000	259.000	259.000	259.000	259.000	259.000	259.000	259.000
4612	vật liệu khác	Sản phẩm hệ lưới gia cố taluy dương - Thiết bị liên kết các tấm lưới	cái	EN 13411-5	Cấu tạo từ sợi thép cường độ cao cấp 1770 MPa, D=4mm. Kích thước danh định: 50x20mm.	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Dc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Đường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000	16.000
4613	vật liệu khác	Sản phẩm hệ lưới gia cố taluy dương - Cáp biên D12 cấp 1770Mpa	m	EN 12385-4	Cáp thép cường độ cao cấp 1770 Mpa. Cáp thép được bảo vệ chống ăn mòn bằng lớp phủ Zn90%-Al10%, đường kính D12	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Dc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Đường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	112.000	112.000	112.000	112.000	112.000	112.000	112.000	112.000	112.000
4614	vật liệu khác	Sản phẩm hệ lưới gia cố taluy dương - Cáp biên D16 cấp 1770Mpa	m	EN 12385-4	Cáp thép cường độ cao cấp 1770 Mpa. Cáp thép được bảo vệ chống ăn mòn bằng lớp phủ Zn90%-Al10%, đường kính D16	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Dc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Đường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	128.000	128.000	128.000	128.000	128.000	128.000	128.000	128.000	128.000
4615	vật liệu khác	Sản phẩm hệ lưới gia cố taluy dương - Lưới địa kỹ thuật 3 trục gốc Polyme	m2	Vật liệu Polypropylene, có cấu trúc đa chiều... khối lượng riêng 490g/m2, điểm cháy 160 độ C, kháng tia UV, bền trong đất tự nhiên, tuổi thọ cao	Cáp thép cường độ cao cấp 1770 Mpa. Cáp thép được bảo vệ chống ăn mòn bằng lớp phủ Zn90%-Al10%, đường kính D16	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Dc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Đường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	249.000	249.000	249.000	249.000	249.000	249.000	249.000	249.000	249.000
4616	vật liệu khác	Vật tư hệ hàng rào mềm 1000 KJ (gồm lưới thép, cột, thiết bị tiêu năng và các phụ kiện)	m2	- Cột thép tròn ø 114.3 mm, dày 5 mm, thép S235JRH (EN 10219-1)	- Hệ lưới chính: các vòng thép ø350mm, sợi tạo vòng 3mm, lực kéo Min 1380Mpa, mạ Zn hoặc Zn95/Al5 (EN10244-2)	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Dc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Đường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	9.490.000	9.490.000	9.490.000	9.490.000	9.490.000	9.490.000	9.490.000	9.490.000	9.490.000
4617	vật liệu khác	Vật tư hệ hàng rào mềm 1500 KJ	m2	- Thiết bị tiêu năng lượng: Ống nhôm ø130 mm, dài 1000mm, dày 1.5 mm	- Khóa chữ U: Dùng cho cáp thép ø16mm và ø18mm (EN 13411-5)	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Dc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Đường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	10.500.840	10.500.840	10.500.840	10.500.840	10.500.840	10.500.840	10.500.840	10.500.840	10.500.840
4618	vật liệu khác	Vật tư hệ hàng rào mềm 2000 KJ	m2	- Thiết bị tiêu năng lượng: Ống nhôm ø130 mm, dài 1000mm, dày 1.5 mm	- Khóa chữ U: Dùng cho cáp thép ø16mm và ø18mm (EN 13411-5)	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Dc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Đường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	11.957.000	11.957.000	11.957.000	11.957.000	11.957.000	11.957.000	11.957.000	11.957.000	11.957.000
4619	vật liệu khác	Vật tư hệ hàng rào mềm 3000 KJ	m2	- Thiết bị tiêu năng lượng: Ống nhôm ø130 mm, dài 1000mm, dày 1.5 mm	- Khóa chữ U: Dùng cho cáp thép ø16mm và ø18mm (EN 13411-5)	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Dc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Đường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	13.652.000	13.652.000	13.652.000	13.652.000	13.652.000	13.652.000	13.652.000	13.652.000	13.652.000
4620	vật liệu khác	Mũi khoan D51	cái	- Thiết bị tiêu năng lượng: Ống nhôm ø130 mm, dài 1000mm, dày 1.5 mm	- Khóa chữ U: Dùng cho cáp thép ø16mm và ø18mm (EN 13411-5)	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Dc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Đường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	850.000	850.000	850.000	850.000	850.000	850.000	850.000	850.000	850.000
4621	vật liệu khác	Mũi khoan D76	cái	- Thiết bị tiêu năng lượng: Ống nhôm ø130 mm, dài 1000mm, dày 1.5 mm	- Khóa chữ U: Dùng cho cáp thép ø16mm và ø18mm (EN 13411-5)	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Dc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Đường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	800.000	800.000	800.000	800.000	800.000	800.000	800.000	800.000	800.000
4622	vật liệu khác	Mũi khoan D91	cái	- Thiết bị tiêu năng lượng: Ống nhôm ø130 mm, dài 1000mm, dày 1.5 mm	- Khóa chữ U: Dùng cho cáp thép ø16mm và ø18mm (EN 13411-5)	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Dc nhà máy sản xuất: KCN Dệt may Phố Nối, P.Đường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	1.100.000	1.100.000	1.100.000	1.100.000	1.100.000	1.100.000	1.100.000	1.100.000	1.100.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
4623	vật liệu khác	Quả đập khí nén D51	cái	- Thiết bị tiêu năng lượng: Ống nhôm ø130 mm, dài 1000mm, dày 1.5 mm	- Khóa chữ U: Dùng cho cáp thép ø16mm và ø18mm (EN 13411-5)	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Đệt may Phố Nối, P.Đường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.800.000	2.800.000	2.800.000	2.800.000	2.800.000	2.800.000	2.800.000	2.800.000	2.800.000
4624	vật liệu khác	Quả đập khí nén D76	cái	- Thiết bị tiêu năng lượng: Ống nhôm ø130 mm, dài 1000mm, dày 1.5 mm	- Khóa chữ U: Dùng cho cáp thép ø16mm và ø18mm (EN 13411-5)	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Đệt may Phố Nối, P.Đường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	2.800.000	2.800.000	2.800.000	2.800.000	2.800.000	2.800.000	2.800.000	2.800.000	2.800.000
4625	vật liệu khác	Cần khoan L=1m	cái	- Thiết bị tiêu năng lượng: Ống nhôm ø130 mm, dài 1000mm, dày 1.5 mm	- Khóa chữ U: Dùng cho cáp thép ø16mm và ø18mm (EN 13411-5)	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Đệt may Phố Nối, P.Đường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	350.000	350.000	350.000	350.000	350.000	350.000	350.000	350.000	350.000
4626	vật liệu khác	Vật liệu Tường chắn có cốt - Dải Polymer cấp 30	m	Các dải gia cường Polymeric bao gồm các bó sợi polyester bọc trong một màng bao polyethylene (LLDPE). Các bề mặt bên ngoài có khía cạnh. Cấp 30: Lực kéo đứt 30 kN - Bề rộng	TCVN 11823-2017	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Đệt may Phố Nối, P.Đường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000
4627	vật liệu khác	Vật liệu Tường chắn có cốt - Dải Polymer cấp 40	m	Cấp 40: Lực kéo đứt 40 kN - Bề rộng dải 83mm	Như trên	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Đệt may Phố Nối, P.Đường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000	125.000
4628	vật liệu khác	Vật liệu Tường chắn có cốt - Dải Polymer cấp 50	m	Cấp 50: Lực kéo đứt 50 kN - Bề rộng dải 87mm	Như trên	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Đệt may Phố Nối, P.Đường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	140.000	140.000	140.000	140.000	140.000	140.000	140.000	140.000	140.000
4629	vật liệu khác	Vật liệu Tường chắn có cốt - Dải Polymer cấp 75	m	Cấp 75: Lực kéo đứt 75 kN - Bề rộng dải 90mm	Như trên	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Đệt may Phố Nối, P.Đường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000
4630	vật liệu khác	Vật liệu Tường chắn có cốt - Dải Polymer cấp 85	m	Cấp 85: Lực kéo đứt 85 kN - Bề rộng dải 90mm	Như trên	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Đệt may Phố Nối, P.Đường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	160.000	160.000	160.000	160.000	160.000	160.000	160.000	160.000	160.000
4631	vật liệu khác	Vật liệu Tường chắn có cốt - Dải Polymer cấp 100	m	Cấp 100: Lực kéo đứt 100 kN - Bề rộng dải 90mm	Như trên	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Đệt may Phố Nối, P.Đường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000	170.000
4632	vật liệu khác	Vật liệu Tường chắn có cốt- Móc câu	cái	D10mm	Như trên	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Đệt may Phố Nối, P.Đường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	60.000	60.000	60.000	60.000	60.000	60.000	60.000	60.000	60.000
4633	vật liệu khác	Vật liệu Tường chắn có cốt - Tấm đệm EPDM	cái	EPDM 150x70x22mm	Như trên	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Đệt may Phố Nối, P.Đường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000
4634	vật liệu khác	Vật liệu Tường chắn có cốt - Hốc neo nhẹ	cái	Vật liệu HDPE	Như trên	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Đệt may Phố Nối, P.Đường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000
4635	vật liệu khác	Vật liệu Tường chắn có cốt - Hốc neo nặng	cái	Vật liệu HDPE	Như trên	Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất Vĩnh Hưng.Đc nhà máy sản xuất: KCN Đệt may Phố Nối, P.Đường Hào, tỉnh Hưng Yên - Đt: 84243540.1770/0913721698. Công văn đề nghị công bố giá số 402/2026/CV_VHJSC ngày 01/06/2026	Việt Nam	Đã bao gồm vận chuyển	Giao hàng đến chân công trình	Mức giá ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới	Bổ sung mới	135.000	135.000	135.000	135.000	135.000	135.000	135.000	135.000	135.000
4636	vật liệu khác	Thảm cỏ sân vườn LUSGREEN BLTL0001: 1 mx3m	m2			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000
4637	vật liệu khác	Thảm cỏ sân vườn LUSGREEN BLTL0002: 2mx5m	m2			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000
4638	vật liệu khác	Thảm cỏ sân vườn LUSGREEN BLTL0003: 1 mx3m	m2			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000
4639	vật liệu khác	Thảm cỏ sân vườn LUSGREEN BLTL0004:2mx5m	m2			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000	105.000
4640	vật liệu khác	Thảm cỏ sân vườn LUSGREEN BLTL0005: 1mx3m	m2			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	185.000	185.000	185.000	185.000	185.000	185.000	185.000	185.000	185.000
4641	vật liệu khác	Thảm cỏ sân vườn LUSGREEN BLTL0006: 2mx5m	m2			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	190.000	190.000	190.000	190.000	190.000	190.000	190.000	190.000	190.000
4642	vật liệu khác	Thảm cỏ sân vườn LUSGREEN CCGL0007: 1mx3m	m2			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000	75.000
4643	vật liệu khác	Thảm cỏ sân vườn LUSGREEN CCGL0008:2mx5m	m2			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000	70.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
4644	vật liệu khác	Thảm cỏ sân vườn LUSGREEN CCGL0009: 1mx3m	m2			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000
4645	vật liệu khác	Thảm cỏ sân vườn LUSGREEN CCGL0010: 2mx5m	m2			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000
4646	vật liệu khác	Ván sàn	m2	182mmx 1220mm	5mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	286.000	286.000	286.000	286.000	286.000	286.000	286.000	286.000	286.000
4647	vật liệu khác	Phào chân tường	thanh	80mmx2400mm	12mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000	200.000
4648	vật liệu khác	NẹpT	thanh	45mmx2400mm	7mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000
4649	vật liệu khác	Nẹp kết thúc	thanh	35mmx2400mm	9mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000
4650	vật liệu khác	Phào góc âm	thanh	28mmx2400mm	15mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	130.000	130.000	130.000	130.000	130.000	130.000	130.000	130.000	130.000
4651	vật liệu khác	Tấm ốp tường Nano	m2	400mmx3000mm	8mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000
4652	vật liệu khác	Tấm ốp lam 3 sóng	m2	210mmx3000mm	12mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	214.000	214.000	214.000	214.000	214.000	214.000	214.000	214.000	214.000
4653	vật liệu khác	Tấm ốp lam 4 sóng	m2	160mmx3000mm	9mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	224.000	224.000	224.000	224.000	224.000	224.000	224.000	224.000	224.000
4654	vật liệu khác	Nẹp cổ trần ốp tường	thanh	100mmx3000mm	8mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	107.000	107.000	107.000	107.000	107.000	107.000	107.000	107.000	107.000
4655	vật liệu khác	Nẹp góc ngoài ốp tường	thanh	30mmx3000mm	30mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	34.000	34.000	34.000	34.000	34.000	34.000	34.000	34.000	34.000
4656	vật liệu khác	Nẹp góc trong ốp tường	thanh	33mmx3000mm	14mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000
4657	vật liệu khác	Nẹp kết thúc ốp tường	thanh	25mmx3000mm	12mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	32.000	32.000	32.000	32.000	32.000	32.000	32.000	32.000	32.000
4658	vật liệu khác	Nẹp nối chữ H ốp tường	thanh	25mmx3000mm	12mm	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	32.000	32.000	32.000	32.000	32.000	32.000	32.000	32.000	32.000
4659	vật liệu khác	Pass inox ốp tường	cái	3mmx45mm		Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000
4660	vật liệu khác	Tấm xi măng Cemboard LUSWELL THDIA: 2440mmxl220mmx6.00mm	tấm			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	278.000	278.000	278.000	278.000	278.000	278.000	278.000	278.000	278.000
4661	vật liệu khác	Tấm xi măng Cemboard LUSWELL THDIA: 2440mmxl220mmx8.00mm	tấm			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	371.000	371.000	371.000	371.000	371.000	371.000	371.000	371.000	371.000
4662	vật liệu khác	Tấm xi măng Cemboard LUSWELL THDIA: 2440mmxl220mmx4.00mm	tấm			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	630.000	630.000	630.000	630.000	630.000	630.000	630.000	630.000	630.000
4663	vật liệu khác	Tấm xi măng Cemboard LUSWELL THDIA: 2440mmx 1220mmx 16.00mm	tấm			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	708.000	708.000	708.000	708.000	708.000	708.000	708.000	708.000	708.000
4664	vật liệu khác	Tấm xi măng Cemboard LUSWELL THDIA: 2440mmxl220mmxl 8.00mm	tấm			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	825.000	825.000	825.000	825.000	825.000	825.000	825.000	825.000	825.000

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
4665	vật liệu khác	Tấm xi măng Cemboard LUSWELL CNSAN: 2440mmx 1220mmx6.00mm	tấm			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	280.000	280.000	280.000	280.000	280.000	280.000	280.000	280.000	280.000
4666	vật liệu khác	Tấm xi măng Cemboard LUSWELL CNSAN: 2440mmx1220mmx8. OOmm	tấm			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	371.000	371.000	371.000	371.000	371.000	371.000	371.000	371.000	371.000
4667	vật liệu khác	Tấm xi măng Cemboard LUSWELL CNSAN: 2440mmx1220mmx 10. OOmm	tấm			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	451.000	451.000	451.000	451.000	451.000	451.000	451.000	451.000	451.000
4668	vật liệu khác	Tấm xi măng Cemboard LUSVVELL CNSAN: 2440mmx 1220mmx 12.00 mm	tấm			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	541.000	541.000	541.000	541.000	541.000	541.000	541.000	541.000	541.000
4669	vật liệu khác	Tấm xi măng Cemboard LUSWELL CNSAN: 2440mmx 1220mmx 14.00mm	tấm			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	640.000	640.000	640.000	640.000	640.000	640.000	640.000	640.000	640.000
4670	vật liệu khác	Tấm xi măng Cemboard LUSWELL CNSAN: 2440mmxl220mmxl 6.00mm	tấm			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	725.000	725.000	725.000	725.000	725.000	725.000	725.000	725.000	725.000
4671	vật liệu khác	Tấm xi măng Cemboard LUSWELL CNSAN: 2440mmxl 220mmxl 8.00mm	tấm			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	820.000	820.000	820.000	820.000	820.000	820.000	820.000	820.000	820.000
4672	vật liệu khác	Tấm xi măng Cemboard LUSWELL CNSAN: 2440mmx 1220mmx20.00mm	tấm			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	950.000	950.000	950.000	950.000	950.000	950.000	950.000	950.000	950.000
4673	vật liệu khác	Tấm xi măng Cemboard Lr SWELL IDTRI: 2440mmxl 220mmx6.00mm	tấm			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	280.000	280.000	280.000	280.000	280.000	280.000	280.000	280.000	280.000
4674	vật liệu khác	Tấm xi măng Cemboard LUSWELLIDTRI: 2440mmxl 220mmx8.00mm	tấm			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	371.000	371.000	371.000	371.000	371.000	371.000	371.000	371.000	371.000
4675	vật liệu khác	Tấm xi măng Cemboard LUSWELL IDTRI: 2440mmx 1220mmx 10.00mm	tấm			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	451.000	451.000	451.000	451.000	451.000	451.000	451.000	451.000	451.000
4676	vật liệu khác	Tấm xi măng Cemboard LUSWELL IDTRÌ: 2440mmxl220mmxl2.00mm	tấm			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	541.000	541.000	541.000	541.000	541.000	541.000	541.000	541.000	541.000
4677	vật liệu khác	Tấm xi măng Cemboard LUSWELLIDTRI: 2440mmx 1220mmx 14.00mm	tấm			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	640.000	640.000	640.000	640.000	640.000	640.000	640.000	640.000	640.000
4678	vật liệu khác	Tấm xi măng Cemboard LUSWELLIDTRI: 2440mmx 1220mmx 16.00mm	tấm			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	725.000	725.000	725.000	725.000	725.000	725.000	725.000	725.000	725.000
4679	vật liệu khác	Tấm xi măng Cemboard LUSWELLIDTR1: 2440mmx 1220mmx 18.00mm	tấm			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	820.000	820.000	820.000	820.000	820.000	820.000	820.000	820.000	820.000
4680	vật liệu khác	Vít tôn cao cấp Luswell max: 45mm	con			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	1.800	1.800	1.800	1.800	1.800	1.800	1.800	1.800	1.800
4681	vật liệu khác	Vít tôn cao cấp Luswell max: 50mm	con			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	1.900	1.900	1.900	1.900	1.900	1.900	1.900	1.900	1.900
4682	vật liệu khác	Vít tôn cao cấp Luswell max: 68mm	con			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300
4683	vật liệu khác	Vít tôn LUSWELL CNHEB: 45mm	con			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	1.150	1.150	1.150	1.150	1.150	1.150	1.150	1.150	1.150
4684	vật liệu khác	Vít tôn LUSWELL CNHEB: 50mm	con			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	1.250	1.250	1.250	1.250	1.250	1.250	1.250	1.250	1.250
4685	vật liệu khác	Vít tôn LUSWELL CNHEB: 68mm	con			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	1.450	1.450	1.450	1.450	1.450	1.450	1.450	1.450	1.450

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
4686	vật liệu khác	Vít ngòi LUSWELL CNHEB: 65mm	con			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	460	460	460	460	460	460	460	460	460
4687	vật liệu khác	Vít bắn tấm xi măng LUSWELL CNHEB: 30mm	con			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	260	260	260	260	260	260	260	260	260
4688	vật liệu khác	Vít bắn tấm xi măng l.USWELL CNHEB: 40mm	con			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	310	310	310	310	310	310	310	310	310
4689	vật liệu khác	Tấm nhựa lấy sáng LUSWELL VNTHA CPS: 0.60mmx 1070mm	m		0.6	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	103.000	103.000	103.000	103.000	103.000	103.000	103.000	103.000	103.000
4690	vật liệu khác	Tấm nhựa lấy sáng LUSWELL VNTHA CPS: 0.80mmxl070mm	m		0.8	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	129.000	129.000	129.000	129.000	129.000	129.000	129.000	129.000	129.000
4691	vật liệu khác	Tấm nhựa lấy sáng LUSWELL VNTHA CPS: 1.00mmx 1070mm	m		1	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	159.000	159.000	159.000	159.000	159.000	159.000	159.000	159.000	159.000
4692	vật liệu khác	Tấm nhựa lấy sáng LUSWELL VNTHA CPS: 1.20mmx1070mm	m		1.2	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	225.000	225.000	225.000	225.000	225.000	225.000	225.000	225.000	225.000
4693	vật liệu khác	Tấm nhựa lấy sáng LUSWELL VNTHA CPS: 1.50mmx1070mm	m		1.5	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	280.000	280.000	280.000	280.000	280.000	280.000	280.000	280.000	280.000
4694	vật liệu khác	Tấm nhựa lấy sáng LUSWELL VNTHA CPS: 2.00mmx 1070mm	m		2	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	358.000	358.000	358.000	358.000	358.000	358.000	358.000	358.000	358.000
4695	vật liệu khác	Tấm nhựa lấy sáng LUSWELL VNTHA CPS: 2.50mmx 1070mm	m		2.5	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	4.450.000	4.450.000	4.450.000	4.450.000	4.450.000	4.450.000	4.450.000	4.450.000	4.450.000
4696	vật liệu khác	Tấm nhựa lấy sáng LUSWELL VNTHA CPS: 3.00mmx 1070mm	m		3	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	557.000	557.000	557.000	557.000	557.000	557.000	557.000	557.000	557.000
4697	vật liệu khác	Tấm nhựa lấy sáng LUSWELL VNVIN Poly: 0.60mmx1080mm	m		0.6	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	88.000	88.000	88.000	88.000	88.000	88.000	88.000	88.000	88.000
4698	vật liệu khác	Tấm nhựa lấy sáng LUSWELL VNV1N Poly: 0.80mmx 1080mm	m		0,8	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	115.000	115.000	115.000	115.000	115.000	115.000	115.000	115.000	115.000
4699	vật liệu khác	tấm nhựa lấy sáng LUSWELL VNVIN Poly: 1.00mmx1080mm	m		0,8	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	147.000	147.000	147.000	147.000	147.000	147.000	147.000	147.000	147.000
4700	vật liệu khác	Tấm nhựa lấy sáng LUSWELL VNV1N Poly: 1.50mmx 1080mm	m		1.5	Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	222.000	222.000	222.000	222.000	222.000	222.000	222.000	222.000	222.000
4701	vật liệu khác	Tấm cách nhiệt LU SWELL VNW1N P2:4mmx!.55m	m2			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	26.500	26.500	26.500	26.500	26.500	26.500	26.500	26.500	26.500
4702	vật liệu khác	Tấm cách nhiệt LUSWELL VNWIN P2:4mmx1.10m	m2			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	26.700	26.700	26.700	26.700	26.700	26.700	26.700	26.700	26.700
4703	vật liệu khác	Tấm cách nhiệt LUSWELL VNWIN AP: 4mmxl.55m	m2			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	30.600	30.600	30.600	30.600	30.600	30.600	30.600	30.600	30.600
4704	vật liệu khác	Tấm cách nhiệt LUSWELL VNWIN A2:4mmxl.55m	m2			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	37.700	37.700	37.700	37.700	37.700	37.700	37.700	37.700	37.700
4705	vật liệu khác	Đá mài đa năng màu xanh lá LUSFIX CNSEN: 100mm x 6mm x 16mm	viên			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000
4706	vật liệu khác	Đá cắt đa năng màu xanh lá LUSFIX CNSEN: 107mm x 1.2mm x 16mm	viên			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	3.800	3.800	3.800	3.800	3.800	3.800	3.800	3.800	3.800

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
4707	vật liệu khác	Đá cắt đa năng màu xanh lá LUSFIX CNSEN: 355mm x 2.5mm x 25.4mm	viên			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	38.700	38.700	38.700	38.700	38.700	38.700	38.700	38.700	38.700
4708	vật liệu khác	Xe rùa bánh hơi WB6400A LUSFIX CNYIC: 150kg x 67 lít	chiếc			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	870.000	870.000	870.000	870.000	870.000	870.000	870.000	870.000	870.000
4709	vật liệu khác	Xe rùa bánh đặc WB6400PU LUSFIX CNYIC: 150kg x 67 lít	chiếc			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	960.000	960.000	960.000	960.000	960.000	960.000	960.000	960.000	960.000
4710	vật liệu khác	Xe rùa bánh hơi WB6418A LUSFIX CNYIC: 150kg x 85 lít	chiếc			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	1.175.000	1.175.000	1.175.000	1.175.000	1.175.000	1.175.000	1.175.000	1.175.000	1.175.000
4711	vật liệu khác	Xe rùa bánh đặc WB6418PU LUSFIX CNYIC: 150kg x 85 lít	chiếc			Công ty Cổ phần Hoa Sen Home - chi nhánh tỉnh Tây Ninh. Đc: số 9 Đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần II, P.Dĩ An, TP.HCM - Đt: 0976281464. Công văn đề nghị công bố giá số 01-CV/HSHTN ngày 03/06/2026.	Việt Nam	Không có thông tin	Giá vận chuyển đến KH	(Mức giá được thực hiện từ ngày 01/06/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	1.290.000	1.290.000	1.290.000	1.290.000	1.290.000	1.290.000	1.290.000	1.290.000	1.290.000
4712	vật liệu khác	Khung trần nổi Van Phát Hưng Doxi Line	thanh	ASTM C635	Thanh T chính 3660: 3660 x 24 x 38 x 0,25	Công ty CP Van Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	39.700	39.700	39.700	39.700	39.700	39.700	39.700	39.700	39.700
4713	vật liệu khác	Khung trần nổi Van Phát Hưng Doxi Line	thanh	ASTM C635	Thanh T phụ 1220: 1220 x 24 x 28 x 0,25	Công ty CP Van Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	11.700	11.700	11.700	11.700	11.700	11.700	11.700	11.700	11.700
4714	vật liệu khác	Khung trần nổi Van Phát Hưng Doxi Line	thanh	ASTM C635	Thanh T phụ 610: 610 x 24 x 28 x 0,25	Công ty CP Van Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000	6.000
4715	vật liệu khác	Khung trần nổi Van Phát Hưng Doxi Line	thanh	ASTM C635	Thanh V Sơn: 3600 x 20 x 20 x 0,30	Công ty CP Van Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	17.200	17.200	17.200	17.200	17.200	17.200	17.200	17.200	17.200
4716	vật liệu khác	Khung trần nổi Van Phát Hưng Groove Line	thanh	ASTM C635	Thanh T chính 3660: 3660 x 24 x 32 x 0,25	Công ty CP Van Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	45.800	45.800	45.800	45.800	45.800	45.800	45.800	45.800	45.800
4717	vật liệu khác	Khung trần nổi Van Phát Hưng Groove Line	thanh	ASTM C635	Thanh T phụ 1220: 1220 x 24 x 28 x 0,25	Công ty CP Van Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	14.600	14.600	14.600	14.600	14.600	14.600	14.600	14.600	14.600
4718	vật liệu khác	Khung trần nổi Van Phát Hưng Groove Line	thanh	ASTM C635	Thanh T phụ 610: 610 x 24 x 28 x 0,25	Công ty CP Van Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400	7.400
4719	vật liệu khác	Khung trần nổi Van Phát Hưng Groove Line	thanh	ASTM C635	Thanh V Sơn: 3600 x 20 x 20 x 0,30	Công ty CP Van Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	17.200	17.200	17.200	17.200	17.200	17.200	17.200	17.200	17.200
4720	vật liệu khác	Khung trần nổi Van Phát Hưng FUT Line	thanh	ASTM C635	Thanh T chính 3660: 3660 x 24 x 32 x 0,28	Công ty CP Van Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	46.800	46.800	46.800	46.800	46.800	46.800	46.800	46.800	46.800
4721	vật liệu khác	Khung trần nổi Van Phát Hưng FUT Line	thanh	ASTM C635	Thanh T phụ 1220: 1220 x 24 x 32 x 0,28	Công ty CP Van Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400	14.400
4722	vật liệu khác	Khung trần nổi Van Phát Hưng FUT Line	thanh	ASTM C635	Thanh T phụ 610: 610 x 24 x 32 x 0,28	Công ty CP Van Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	7.600	7.600	7.600	7.600	7.600	7.600	7.600	7.600	7.600
4723	vật liệu khác	Khung trần nổi Van Phát Hưng FUT Line	thanh	ASTM C635	Thanh V Sơn: 3600 x 20 x 20 x 0,30	Công ty CP Van Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100
4724	vật liệu khác	Khung trần nổi Van Phát Hưng Super Line	thanh	ASTM C635	Thanh T chính 3660: 3660 x 24 x 32 x 0,28	Công ty CP Van Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000	45.000
4725	vật liệu khác	Khung trần nổi Van Phát Hưng Super Line	thanh	ASTM C635	Thanh T phụ 1220: 1220 x 24 x 32 x 0,28	Công ty CP Van Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500	12.500
4726	vật liệu khác	Khung trần nổi Van Phát Hưng Super Line	thanh	ASTM C635	Thanh T phụ 610: 610 x 24 x 32 x 0,28	Công ty CP Van Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	6.200	6.200	6.200	6.200	6.200	6.200	6.200	6.200	6.200
4727	vật liệu khác	Khung trần nổi Van Phát Hưng Super Line	thanh	ASTM C635	Thanh V Sơn: 3600 x 20 x 20 x 0,30	Công ty CP Van Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100	18.100

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu
4728	vật liệu khác	Khung trần nổi Van Phát Hưng Apec Line	thanh	ASTM C635	Thanh T chính 3660: 3660 x 24 x 32 x 0,28	Công ty CP Van Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	68.300	68.300	68.300	68.300	68.300	68.300	68.300	68.300	68.300
4729	vật liệu khác	Khung trần nổi Van Phát Hưng Apec Line	thanh	ASTM C635	Thanh T phụ 1220: 1220 x 24 x 32 x 0,28	Công ty CP Van Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700
4730	vật liệu khác	Khung trần nổi Van Phát Hưng Apec Line	thanh	ASTM C635	Thanh T phụ 610: 610 x 24 x 32 x 0,28	Công ty CP Van Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	10.600	10.600	10.600	10.600	10.600	10.600	10.600	10.600	10.600
4731	vật liệu khác	Khung trần nổi Van Phát Hưng Apec Line	thanh	ASTM C635	Thanh V Inox: 3600 x 20 x 20 x 0,27	Công ty CP Van Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	41.500	41.500	41.500	41.500	41.500	41.500	41.500	41.500	41.500
4732	vật liệu khác	Khung trần nổi Van Phát Hưng Apec Gold	thanh	ASTM C635	Thanh T chính 3660: 3660 x 24 x 32 x 0,28	Công ty CP Van Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	84.500	84.500	84.500	84.500	84.500	84.500	84.500	84.500	84.500
4733	vật liệu khác	Khung trần nổi Van Phát Hưng Apec Gold	thanh	ASTM C635	Thanh T phụ 1220: 1220 x 24 x 32 x 0,28	Công ty CP Van Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	24.400	24.400	24.400	24.400	24.400	24.400	24.400	24.400	24.400
4734	vật liệu khác	Khung trần nổi Van Phát Hưng Apec Gold	thanh	ASTM C635	Thanh T phụ 610: 610 x 24 x 32 x 0,28	Công ty CP Van Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600	12.600
4735	vật liệu khác	Khung trần nổi Van Phát Hưng Apec Gold	thanh	ASTM C635	Thanh V Inox: 3600 x 20 x 20 x 0,27	Công ty CP Van Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	48.000	48.000	48.000	48.000	48.000	48.000	48.000	48.000	48.000
4736	vật liệu khác	Khung trần chìm Van Phát Hưng Seven Line M29	thanh	ASTM C635	Thanh C 35 x 14.5 x 4000 x 0.29	Công ty CP Van Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	25.300	25.300	25.300	25.300	25.300	25.300	25.300	25.300	25.300
4737	vật liệu khác	Khung trần chìm Van Phát Hưng Seven Line M29	thanh	ASTM C635	Thanh V 20 x 20 x 4000 x 0.29	Công ty CP Van Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	17.700	17.700	17.700	17.700	17.700	17.700	17.700	17.700	17.700
4738	vật liệu khác	Khung trần chìm Xương cá Van Phát Hưng M70	thanh	ASTM C635	Thanh Xương Cá 25 x 18 x 3660 x 0.7	Công ty CP Van Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	66.100	66.100	66.100	66.100	66.100	66.100	66.100	66.100	66.100
4739	vật liệu khác	Khung trần chìm Xương cá Van Phát Hưng M38	thanh	ASTM C635	Thanh U M38: 35 x 14.5 x 4000 x 0.38	Công ty CP Van Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	33.000	33.000	33.000	33.000	33.000	33.000	33.000	33.000	33.000
4740	vật liệu khác	Khung trần chìm INOX Van Phát Hưng X7	thanh	ASTM C635	Thanh U Inox: 35 x 14 x 4000 x 0.32	Công ty CP Van Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	66.100	66.100	66.100	66.100	66.100	66.100	66.100	66.100	66.100
4741	vật liệu khác	Khung trần chìm INOX Van Phát Hưng X7	thanh	ASTM C635	Thanh V Inox 20 x 20 x 3600 x 0.27	Công ty CP Van Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	36.100	36.100	36.100	36.100	36.100	36.100	36.100	36.100	36.100
4742	vật liệu khác	Tấm trần nhôm, Alu Master Lay-in 600x600 (mm)	tấm	ASTM C635	Không đục lỗ (600 x 600 x 0,6)	Công ty CP Van Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	109.900	109.900	109.900	109.900	109.900	109.900	109.900	109.900	109.900
4743	vật liệu khác	Tấm trần nhôm, Alu Master Clip-in 600x600 (mm)	tấm	ASTM C635	Không đục lỗ (600 x 600 x 0,6)	Công ty CP Van Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	114.500	114.500	114.500	114.500	114.500	114.500	114.500	114.500	114.500
4744	vật liệu khác	Tấm trần nhôm, Alu Master Lay-in 600x600 (mm)	tấm	ASTM C635	Đục lỗ (600 x 600 x 0,6)	Công ty CP Van Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	112.200	112.200	112.200	112.200	112.200	112.200	112.200	112.200	112.200
4745	vật liệu khác	Tấm trần nhôm, Alu Master Clip-in 600x600 (mm)	tấm	ASTM C635	Đục lỗ (600 x 600 x 0,6)	Công ty CP Van Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	116.700	116.700	116.700	116.700	116.700	116.700	116.700	116.700	116.700
4746	vật liệu khác	Khung trần chìm U TESLA Van Phát Hưng	thanh	ASTM C635	Thanh U Inox: 44 x 16.5 x 3000 x 0.36	Công ty CP Van Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	51.600	51.600	51.600	51.600	51.600	51.600	51.600	51.600	51.600
4747	vật liệu khác	Khung trần chìm U TESLA Van Phát Hưng	thanh	ASTM C635	Thanh V 20 x 20 x 4000 x 0.29	Công ty CP Van Phát Hưng. Đc: Lô M4, đường Trung tâm, KCN Long Hậu, xã Cần Giuộc, Long An. Công văn số ĐK CBG/VPH01 ngày 03/08/2026	Việt Nam	Thoả thuận	Thoả thuận	(Mức giá được thực hiện từ ngày 03/08/2026 đến khi có thông báo mới)	Bổ sung mới	17.700	17.700	17.700	17.700	17.700	17.700	17.700	17.700	17.700

*** Ghi chú: danh sách phường/xã tại các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (cũ) trước sáp nhập tại Nghị quyết 1682/NQ-UBTVQH15 năm 2025 ngày 16/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội**

Tp. Tây Ninh (cũ): phường Tây Ninh, phường Bình Minh, phường Ninh Thạnh (gồm xã Bàu Năng, xã Chà Là thuộc huyện Dương Minh Châu cũ).

Tx. Trảng Bàng (cũ): phường Trảng Bàng, phường An Tịnh, xã Hưng Thuận, xã Phước Chỉ.

Tx. Hòa Thành (cũ): phường Long Hoa, phường Hòa Thành.

H. Tân Biên (cũ): xã Tân Lập, xã Tân Biên, xã Thạnh Bình, xã Trà Vong.

H. Tân Châu (cũ): xã Tân Đông, xã Tân Hòa, xã Tân Châu, xã Tân Phú, xã Tân Hội, xã Tân Thành.

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

H. Châu Thành (cũ): phường Thanh Điền (gồm phường Hiệp Tân thuộc TX. Hòa Thành cũ); xã Phước Vinh, xã Hòa Hội, xã Ninh Điền, xã Châu Thành, xã Hảo Đước.
H. Dương Minh Châu (cũ): xã Lộc Ninh, xã Cầu Khởi, xã Dương Minh Châu.
H. Bến Cầu (cũ): xã Long Chữ, xã Long Thuận, xã Bến Cầu.
H. Gò Dầu (cũ): phường Gò Dầu, phường Gia Lộc, xã Thạnh Đức, xã Phước Thạnh, xã Truông Mít.

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu

Stt	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu (*)	Đơn vị tính (*)	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Tăng/giảm so với tháng trước	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)(đồng)								
												Khu vực TP. Tây Ninh	Khu vực TX.Trảng Bàng	Khu vực TX. Hoà Thành	Khu vực H.Tân Biên	Khu vực H.Tân Châu	Khu vực H. Châu Thành	Khu vực H.Dương Minh Châu	Khu vực H. Bến Cầu	Khu vực H. Gò Dầu